TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 2 - *Quyển 1*

Văn học các dân tộc thiểu số

Nhà thơ NÔNG QUỐC CHẤN
(chủ biên)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



NÔNG QUỐC CHẤN

Nhà thơ, Nhà nghiên cứu Dân tộc học

- Sinh năm 1928
- Quê quán Tây Bắc
- Năm 1945-1956: Công tác Văn hóa Thông tin Tây Bắc.
  Năm 1956 đến lúc nghỉ hưu: Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.
- Là nhà thơ, nhà nghiên cứu Dân tộc ít người.

Tinh tuyển
Văn học Việt Nam

TẬP 2 - QUYỂN 1

Văn học các dân tộc thiểu số

Anthology of
VIETNAMESE LITERATURE

VOLUME 2 - Book 1

Literature of Minority Ethnics

Biên soạn:

Nhà thơ NÔNG QUỐC CHẤN

NÔNG QUỐC THẮNG

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

Tinh tuyển
Văn học Việt Nam

TẬP 2 - QUYỂN 1

Văn học các dân tộc thiểu số

Nhà thơ NÔNG QUỐC CHẤN *(chủ biên)*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Văn học Việt Nam như một tấm gương, ở đó con người Việt Nam hiện lên với những vẻ đẹp về tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh; hiện lên với những trạng thái buồn vui, khổ đau, hạnh phúc... Bức tranh chân thực nhất, sinh động nhất về bản tính Việt Nam không thể tìm từ đâu khác ngoài văn học Việt Nam. Hơn nữa, qua tác phẩm văn học, người đọc thấy được trình độ tư duy thẩm mỹ, tài hoa nghệ thuật ngôn từ của một dân tộc. Vì thế, từ trước đến nay, các nhà nghiên cứu luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công việc sưu tầm, tuyển chọn các tác phẩm văn học với khát vọng không chỉ gìn giữ di sản của ông cha để lại, mà còn, qua các công trình sưu tập của mình, giới thiệu gương mặt Việt Nam.

Từ thời trung đại, chúng ta đã có các công trình sưu tập văn học nổi tiếng như *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên (thế kỷ XV), *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương (thế kỷ XV), *Tinh tuyển chư gia thi tập* của Dương Đức Nhan (thế kỷ XV), *Toàn Việt thi lục* và *Toàn Việt văn hải* của Lê Quý Đôn (1726–1784), *Hoàng Việt thi tuyển* và *Hoàng Việt văn tuyển* của Bùi Huy Bích (1744–1818)...

Ngày nay, do tự thân cuộc sống của mỗi dân tộc đòi hỏi, do nhu cầu giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế..., sự ra đời các Biệt tập, Tinh tuyển, Hợp tuyển, Toàn tập, Tổng tập... về từng tác gia, tác phẩm, từng thể tài, thể loại văn học, từng giai đoạn, từng thời kỳ, hoặc của toàn bộ văn học Việt Nam... càng trở nên cấp thiết. Các biệt tập: *Quốc âm thi tập, Truyền kỳ mạn lục, Đoạn trường tân thanh, Hoàng Lê nhất thống chí*...; toàn tập: *Nguyễn Trãi, Nguyễn Du*...; hợp tuyển *Thơ văn Việt Nam* hoặc tổng tập *Văn học Việt Nam*... đã đáp ứng được nguyện vọng của nhiều người.

Tuy nhiên, để có trọn vẹn tác phẩm văn học Việt Nam trong khuôn khổ một bộ sách vừa đủ và gọn, chúng tôi cho ra mắt bạn đọc TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM. Với khái niệm tinh tuyển, chúng tôi chỉ chọn những gì gọi là tinh túy nhất, tiêu biểu nhất cho từng tác gia, từng thể tài, thể loại..., hoặc đại diện cho mỗi xu hướng, mỗi trào lưu, mỗi giai đoạn... phát triển văn học.

Đội ngũ chủ biên của từng tập trong TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM gồm các nhà khoa học có uy tín như GS. Nguyễn Đăng Mạnh, GS. TS. Kiều Thu Hoạch, GS. TS. Trần Đình Sử, PGS. Hoàng Hữu Yên, PGS. Nguyễn Thạch Giang, PGS. TS. Trần Thị Băng Thanh, PGS. TS. Nguyễn Đăng Na, nhà thơ Nông Quốc Chấn.

Nền văn học của bất cứ dân tộc nào bao giờ cũng gồm hai bộ phận: *văn học dân gian* và *văn học thành văn*. Việt Nam lại là quốc gia đa dân tộc, vì thế, trong văn học dân gian và văn học thành văn có cả tác phẩm của dân tộc ít người và có cả tác phẩm của dân tộc nhiều người. Vào thời trung đại, khi chức năng của các thể loại chưa phân hóa rõ ràng như ngày nay thì, khái niệm văn học hàm chứa cả văn học chức năng và văn học nghệ thuật. Bộ TINH TUYỂN đã thể hiện được đầy đủ những đặc điểm nói trên.

Văn học Việt Nam (thành văn) chính thức ra đời từ thế kỷ X. Tính đến nay, chúng đã trải qua hơn một ngàn năm lịch sử và được chia làm hai thời kỳ: thời kỳ thứ nhất từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX, gọi là *văn học trung đại*; thời kỳ thứ hai từ đầu thế kỷ XX đến nay, gọi là *văn học cận – hiện đại*.

Dựa vào đặc điểm văn học trung đại và cận – hiện đại, trên cơ sở tính toán tỷ lệ giữa các bộ phận văn học, giữa các thời kỳ và các giai đoạn, giữa văn học dân tộc ít người và dân tộc nhiều người..., bộ TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM được cấu tạo như sau: *Văn học dân gian, Văn học các dân tộc thiểu số, Văn học thế kỷ X–XIV, Văn học thế kỷ XV–XVII, Văn học thế kỷ XVIII, Văn học thế kỷ XIX, Văn học giai đoạn 1900–1945, Văn học giai đoạn 1945–2000.*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Văn học Việt Nam là một di sản quý báu của nhân dân Việt Nam được lưu truyền từ thượng cổ tới nay. Đó là một tài sản hết sức phong phú, bao gồm từ những sáng tác dân gian truyền khẩu đến những công trình mang tính bác học được xuất bản không chỉ bằng ngôn ngữ dân tộc (bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ), mà còn cả bằng một thứ văn tự một thời được coi như chuyển ngữ chung cho cả vùng Đông Á – chữ Hán.

Từ lâu, các nhà nghiên cứu – trong cũng như ngoài nước – và các độc giả trông chờ một công trình có tính chất tổng hợp giúp cho người đọc khi cần có thể tra cứu nhanh và tìm thấy những tư liệu, chi tiết cụ thể trong cái đại dương mênh mông là nền văn học Việt Nam ấy. Một vài công trình như *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* và *Tổng tập văn học Việt Nam* ra mắt độc giả vào những năm 60 và 90 của thế kỷ trước, một phần đã đáp ứng được yêu cầu này, đã hoàn thành được cơ bản sứ mạng lịch sử của chúng và đang mong chờ những công trình mới tiếp theo.

Bộ TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM ra mắt bạn đọc lần này chính là sự tiếp bước có nâng cao của những công trình đi trước ở hai mặt: tiện dụng hơn và kiến thức cập nhật hơn.

Ngoài hai tập đầu dành cho văn học dân gian và văn học các dân tộc thiểu số, các tập còn lại là dành cho toàn bộ nền văn học viết được phân chia theo thời gian, từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XX, bao gồm cả các tác phẩm văn học bằng chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Tôi vui mừng giới thiệu với độc giả gần xa một bộ sách không thể thiếu trong các tủ sách gia đình, cơ quan do

một số nhà văn, nhà giáo có uy tín biên soạn trong nhiều năm. Tôi tin chắc rằng bộ TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM sẽ đáp ứng được phần lớn nhu cầu tìm hiểu, học hỏi và thưởng thức văn học Việt Nam của đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2003

GS. VS. NGUYỄN DUY QUÝ

Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

CÙNG BẠN ĐỌC

Bộ TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM được biên soạn nhằm cung cấp cho đông đảo bạn đọc và các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam trong và ngoài nước một cái nhìn tương đối toàn diện và có hệ thống về nền văn học Việt Nam trong quá trình phát triển từ khởi thủy đến ngày nay, thông qua những gì là tinh hoa nhất của nó trên các chặng đường lịch sử.

Chúng tôi quan niệm tinh tuyển là sự chọn lựa những áng văn có giá trị nhất và tiêu biểu nhất về tư tưởng cũng như nghệ thuật của các giai đoạn văn học, đồng thời có vị trí quan trọng trong tiến trình lịch sử của nền văn học dân tộc. *(Điều này thực ra còn phụ thuộc vào tình hình tư liệu sưu tập được có đầy đủ hay không, có trường hợp chúng tôi không thực hiện được ý muốn nói trên chính là vì lý do đó).*

Lịch sử văn học mỗi thời đại, mỗi xu hướng, trường phái lại có những đặc trưng riêng về tư tưởng mỹ học, quan niệm về văn chương, về thi pháp, về hệ thống thể loại, về ngôn ngữ nghệ thuật và văn tự chuyển tải... Nguyên tắc tinh tuyển của chúng tôi được thể hiện trong bộ sách là quan tâm tới những đặc trưng ấy để phản ánh được bộ mặt riêng của văn học mỗi thời đại (trung đại hay hiện đại), mỗi bộ phận (văn học dân gian hay văn học viết), mỗi xu hướng (chủ nghĩa lãng mạn hay chủ nghĩa hiện thực, v.v.).

Về văn bản các tác phẩm được tuyển chọn, có khi chúng tôi in lại toàn văn (như *Hoàng Lê nhất thống chí, Hoa Tiên nhuận chính, Chinh phụ ngâm khúc, Cung oán ngâm khúc, Kim Vân Kiều truyện*...), có khi chỉ trích in một chương, một đoạn nào đấy. Điều này không liên quan đến chất lượng hay vị trí lịch sử có thể hơn kém nhau của các tác phẩm, mà chủ yếu do tình hình văn

học mỗi thời kỳ lịch sử có khối lượng tác phẩm không đồng đều. Thời trung đại, sáng tác văn học không có khối lượng lớn như ở thời hiện đại, đã thế lại bị mất mát nhiều, do thời gian làm cho hư nát, do không giữ gìn, bảo tồn được. Từ đầu thế kỉ XX về sau, tốc độ phát triển của văn học hết sức mau lẹ – Vũ Ngọc Phan đánh giá *"một năm đã có thể kể như 30 năm của đời người" (Nhà văn hiện đại)*. Vì khối lượng lớn như thế, nên đối với văn học hiện đại, những tác phẩm có số trang lớn, chúng tôi không thể in toàn văn, dù là những kiệt tác.

Bộ TINHTUYỂN lấy chữ Quốc ngữ làm văn tự ghi chép các văn bản dù nguyên gốc là chữ Hán hay chữ Nôm. Tất cả đều được phiên âm bằng chữ Quốc ngữ, kèm theo các bản dịch ra tiếng Việt. (Về sáng tác thơ, chúng tôi chú trọng bản dịch xuôi hơn là bản dịch thơ vì quan niệm bản dịch xuôi mới chuyển tải đúng và đủ nội dung của nguyên tác). Còn tác phẩm viết bằng tiếng Pháp thì chỉ giới thiệu bản dịch ra chữ Quốc ngữ mà thôi.

Biên soạn bộ TINHTUYỂN này, chúng tôi đã kế thừa được nguồn tài liệu trong nhiều công trình sưu tập của người đi trước, đặc biệt là các bộ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* của Nhà xuất bản Văn hóa năm 1963, của Nhà xuất bản Văn học những năm 1980–1987, và bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành năm 1993 và tái bản năm 2000–2001. Chúng tôi đã rà soát lại cẩn thận các văn bản ở những bộ sách này trên các mặt: phiên âm, dịch, chú thích. Chúng tôi bỏ đi những tác phẩm không phù hợp với nguyên tắc tinh tuyển và bổ sung nhiều sáng tác khác, mà vì lý do nào đấy chưa được đưa vào những bộ sách kể trên. Tóm lại, bộ TINHTUYỂN này đã trân trọng khai thác và phát huy thành tựu của người đi trước, đồng thời cố gắng tiếp thu tinh thần và thành tựu khoa học của ngày hôm nay về tư liệu cũng như về nguyên tắc tuyển chọn. Chúng tôi không nghĩ rằng, làm như thế bộ TINHTUYỂN đã tránh được mọi thiếu sót, bởi vì ước muốn và năng lực của con người thường không mấy khi tương xứng với nhau.

Bộ TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM được biên soạn thành 8 tập (gồm 10 quyển):

Tập một: **Văn học dân gian**
(GS. TS. Kiều Thu Hoạch chủ biên).

Tập hai: **Văn học các dân tộc thiểu số**
(Nhà thơ Nông Quốc Chấn chủ biên).

Tập ba: **Văn học thế kỷ X–XIV**
(PGS. TS. Nguyễn Đăng Na chủ biên).

Tập bốn: **Văn học thế kỷ XV–XVII**
(PGS. TS. Trần Thị Băng Thanh chủ biên).

Tập năm: **Văn học thế kỷ XVIII**
(PGS. Nguyễn Thạch Giang chủ biên).

Tập sáu: **Văn học thế kỷ XIX**
(PGS. Hoàng Hữu Yên chủ biên).

Tập bảy: **Văn học giai đoạn 1900–1945**
(GS. Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên).

Tập tám: **Văn học giai đoạn 1945–2000**
(GS. TS. Trần Đình Sử chủ biên).

Nhân dịp bộ sách ra mắt bạn đọc, Ban biên soạn xin trân trọng cảm ơn các cộng tác viên và mong được sự chỉ giáo của các bạn đọc xa gần.

Hà Nội ngày 2 tháng 9 năm 2003
Thay mặt Ban biên soạn
PGS. Nguyễn Thạch Giang – GS. Nguyễn Đăng Mạnh

LỜI DẪN

VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Đất nước Việt Nam là một Quốc gia nhiều dân tộc, trong truyền thống dựng nước và giữ nước, các dân tộc anh em đã đoàn kết, sát cánh bên nhau tạo nên một cộng đồng chặt chẽ, thù trong, giặc ngoài không phá vỡ nổi.

Nền văn hóa Việt Nam nói chung và văn học nghệ thuật nói riêng cũng phản ánh rõ thực tế đó. Mỗi một dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng, tạo nên một nền văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng như một vườn hoa đầy hương sắc. Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam, từ văn học dân gian đến văn học hiện đại giống như nhiều dòng suối nhỏ hòa vào dòng sông lớn tạo nên một nền văn học Việt Nam.

Văn học dân gian các dân tộc thiểu số vô cùng phong phú về nội dung, nhiều thể loại và hình thức biểu hiện. Kho tàng thành ngữ, tục ngữ, những lời nói vần đúc kết kinh nghiệm về lao động, sản xuất, về đạo đức, lối sống của mỗi dân tộc được thể hiện qua từng giai đoạn lịch sử. Song, việc sưu tầm và xuất bản loại hình này chưa có hệ thống, chỉ mới có một phần trong các tập sách in về văn học dân gian các dân tộc và một vài cuốn in riêng như: *Thành ngữ tục ngữ Tày, Thành ngữ tục ngữ Giáy, Thái...* Đặc biệt phong phú là các thể loại truyện thơ và trường ca của các dân tộc ở vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Tây Nam Bộ... Đó là những truyện thơ nổi tiếng *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu), *Khun Lú* – Nàng Ủa của dân tộc Thái; *Hùy Nga – Hai Mối, Chàng Ờm – Nàng Bồng Hương* của dân tộc Mường; của dân tộc Tày như *Nam Kim – Thị Đan, Đính Quân, Lương Quân – Bjoóc Lạ.*

Nhiều trường ca của các dân tộc Mường, Ê Đê, Gia Rai, Chăm... mang tính sử thi: *Đam San, Khinh Dú, Đăm Noi, Ummurúp,... Đẻ đất đẻ nước...* Những tác phẩm sử thi dân gian đó phản ánh một

khát vọng của con người: chinh phục thiên nhiên, tiêu diệt cái ác và khát vọng hòa bình. Loại hình dân ca của các dân tộc có thể kể đến các loại dân ca phong tục như hát đám cưới, hát *Then* của dân tộc Tày, Nùng, *Mo* của người Mường, Tiếng hát mồ côi của dân tộc Mông. Ngoài ra, trên một tỷ lệ lớn là dân ca giao duyên gồm *Sli* của dân tộc Nùng, *Lượn* của dân tộc Tày, *Khắp* của dân tộc Thái, *Vươn* của dân tộc Giáy, *Páo Dung* của dân tộc Dao và của nhiều dân tộc khác ở Tây Nguyên, của dân tộc Chăm, Kh'mer... Mỗi hình thức hát giao duyên của các dân tộc đều được thể hiện bằng nhiều làn điệu khác nhau, song tựu trung lại, đó là những lời tỏ tình, ngợi ca tình yêu, sự chung thủy và ước muốn hạnh phúc lứa đôi. Truyện thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích các dân tộc chiếm một mảng lớn trong văn học dân gian các dân tộc, và cũng là thể loại được sưu tầm và xuất bản nhiều nhất. Hầu hết các dân tộc thiểu số đều có truyện cổ dân gian. Nội dung của thể loại này tập trung đến sự tích muôn loài: từ khái niệm, sự hình thành con người và các loài vật đến các hiện tượng tự nhiên đều được thần thoại hóa trong các truyện cổ tích. Cũng như truyện cổ tích các dân tộc khác trên thế giới, truyện cổ các dân tộc thiểu số Việt Nam tập trung vào các mô típ: Người khỏe, dì ghẻ con chồng, người đội lốt thú hay thú đội lốt người, người xấu xí tài giỏi và truyện về các loài vật... Tất cả những truyện cổ này phản ánh một nhân sinh quan và thế giới quan dân gian của các dân tộc thiểu số, mơ ước một xã hội công bằng, thiện thắng ác và chế ngự thiên nhiên.

Văn học hiện đại của các dân tộc thiểu số đã phần nào kế thừa và phát huy được truyền thống văn học dân gian phong phú đó. Mặc dầu còn nhiều hạn chế về bút pháp và nội dung phản ánh, nhưng văn học hiện đại của các dân tộc thiểu số đã thật sự góp vào cho nền văn học Việt Nam một nét mới với đầy đủ bản sắc của mình, điều mà dưới các triều đại phong kiến và chế độ thực dân cũ không có được.

Văn học hiện đại của các dân tộc thiểu số Việt Nam được khởi đầu từ những bài thơ ca cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ, tiêu biểu là bài *Nhắn bạn* nổi tiếng được sáng tác trong nhà tù thực dân. Sau này ở các vùng Tây Bắc, Đông Bắc xuất hiện những bài thơ ca cách mạng của Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Cầm Biêu, Hoàng Nó... Trong kháng chiến, thơ ca càng được nảy nở và phát

huy vai trò động viên, cổ vũ đồng bào các dân tộc, dốc toàn tâm, toàn lực cho công cuộc giải phóng đất nước. Vị trí của văn học các dân tộc thiểu số thật sự được khẳng định trên văn đàn khi xuất hiện những tác phẩm của các nhà thơ dân tộc thiểu số lớp trước như Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Hoàng Nó, Cầm Biêu, Lò Văn Cậy, ... Từ ngày hòa bình lập lại có thêm những cây bút mới như Nông Viết Toại, Mã Thế Vinh, Nông Minh Châu, Hoàng Hạc, Y Điêng... Trong đó, Nông Minh Châu và Hoàng Hạc (với hai truyện ngắn *Ché mèn được đi họp* và *Ké Nàm*) là hai nhà văn đặt nền móng cho văn xuôi các dân tộc thiểu số. Những tác phẩm văn xuôi của các nhà văn dân tộc thiểu số ngày càng dày dặn hơn như Nông Viết Toại, các tác giả thuộc thế hệ tiếp nối: Vi Hồng, Triều Ân, Lâm Ngọc Thụ, Vi Thị Kim Bình (dân tộc Tày) Y Điêng (Ê Đê), Mã A Lềnh (Mông), Vương Trung, Sa Phong Ba (Thái), Kim Nhất (Ba Na), H'Linh Niê (Ê Đê), Lý Lan (Hoa)... Cuốn tiểu thuyết *Muối lên rừng* của nhà văn Nông Minh Châu đánh dấu sự ra đời của tiểu thuyết do các nhà văn dân tộc thiểu số sáng tác. Một loạt các tiểu thuyết: *Hơ Giang, Bên bờ sông Hinh* của Y Điêng; *Đất Bằng, Núi cỏ yêu thương, Thung lũng đá rơi, Người trong ống, Gã ngược đời, Vào hang, Lòng dạ đàn bà, Dòng sông nước mắt...* của Vi Hồng; *Làm dâu, Cướp chồng* của Hoàng Thị Cành; *Người lang thang* của Cao Duy Sơn; *Chân dung người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh* của Lý Lan; *Ngôi đình bản Chang* của Địch Ngọc Lân; *Mũi tên ám khói, Rễ người dài, Mùa hoa hải đường* của Ma Trường Nguyên... lần lượt ra đời. Những tác giả đó cùng nhiều cây bút trẻ khác như: Đoàn Lư, La Quán Miên đã sáng tác các truyện ngắn, ký sự gây được tiếng vang. Có tác giả đã in thành sách, có tác giả mới chỉ được in rải rác trên các báo chí địa phương và Trung ương. Song tựu trung lại, những sáng tác của họ đã góp thêm một mảng sắc màu cho nền văn học hiện đại Việt Nam phong phú và đa dạng.

Bộ sách này (Tinh tuyển Văn học các dân tộc thiểu số), gồm hai quyển:

Quyển 1:

- Lời dẫn
- Bài khái quát về Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam
- Văn học dân gian

Quyển 2: Văn học hiện đại

Vì vậy, với một khối lượng văn học dân gian đồ sộ gồm nhiều loại hình như tục ngữ – thành ngữ, dân ca, trường ca, truyện cổ tích... và các tác phẩm của các cây bút dân tộc thiểu số đương đại, trong tập tinh tuyển này chúng tôi khó có thể lựa chọn một cách đầy đủ các tác phẩm của từng dân tộc. Với số trang có hạn,những người biên soạn chọn lọc dựa trên thành quả của các tuyển tập văn học dân tộc thiểu số và những tác phẩm mới được công bố để giới thiệu cùng bạn đọc. Là một tập sách tinh tuyển, cho nên chúng tôi cố gắng lựa chọn những tác phẩm và trích đoạn có ý nghĩa cả về nội dung và chất lượng nghệ thuật của các dân tộc thiểu số.

Không thể tránh được những khiếm khuyết trong tập sách này, nhưng bằng tấm lòng yêu mến và trân trọng những giá trị văn học của các dân tộc thiểu số, chúng tôi rất mong sự góp ý, chỉ bảo của bạn đọc gần xa để hy vọng những tập sách sau về văn học các dân tộc thiểu số sẽ hoàn chỉnh hơn.

Thay mặt Ban biên soạn

Nông Quốc Chấn

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

Nông Quốc Chấn

Trong nền văn hóa đa dân tộc Việt Nam, văn học các dân tộc thiểu số chiếm vị trí không nhỏ. Quá trình hình thành và phát triển của mỗi dân tộc, ngôn ngữ văn học là một trong các yếu tố khẳng định sự tồn tại dân tộc và thúc đẩy sự phát triển của mỗi dân tộc. Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc không chỉ là tiếng nói bình thường trong đời sống hàng ngày, mà còn là lời châm ngôn, tục ngữ, hát giao duyên, lời nói đối đáp, lời kể chuyện... trong sinh hoạt nghệ thuật. Các hình tượng trong thiên nhiên, trong đời sống xã hội, và trong ý nghĩ, tình cảm, tính cách... con người các dân tộc khi được thể hiện trong thơ, văn... thì đó là sự hình thành nền văn học của mỗi dân tộc.

I. Quá trình sáng tạo và phát triển văn học các dân tộc

1. Ngôn ngữ trong cuộc sống xã hội

"Ngôn ngữ – tiếng nói là một phương tiện, một công cụ để mọi người giao tiếp với nhau, trao đổi tư tưởng và đi đến hiểu nhau".[1]

Ngôn ngữ của loài người là một hệ thống gồm những phương tiện vật chất: thanh âm, từ, hình thức từ, sự phối hợp tạo quy luật các từ thành câu.

Là hiện tượng xã hội, ngôn ngữ phát sinh từ nhu cầu của con người cần truyền đạt tư tưởng với nhau trong quá trình lao động. Không có ngôn ngữ, thì sẽ không có sản xuất xã hội, không thể có bản thân xã hội.

Liên hệ chặt chẽ với tư duy, ngôn ngữ ghi và gắn vào trong từ và câu những thành quả của hoạt động tinh thần, những tiến bộ

---

1. *Xtalin: Chủ nghĩa Mác và những vấn đề ngôn ngữ học* – Từ điển triết học – Bản tiếng Việt, trang 623.

của loài người trong lĩnh vực nhận thức và do đó tạo khả năng trao đổi tư tưởng trong xã hội loài người.

Mác và Ăngghen định nghĩa ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, là ý thức hiện thực, thực tiễn. Nó đã có một tác dụng quan trọng bậc nhất trong sự tiến hóa của con người và của tư duy. Một trong những đặc tính quan trọng về nhận thức của loài người, làm cho nhận thức đó khác hoạt động tâm lý của loài động vật, là ngôn ngữ làm cho loài người có thể sáng tạo ra những khái niệm, những phạm trù khoa học, những tác phẩm văn học, nêu lên những quy luật của sự vật và đi sâu vào bản chất của hiện tượng. Nếu không có ngôn ngữ thì tư tưởng loài người không thể tồn tại, cũng như không thể phát triển được.

Ngôn ngữ không có tính giai cấp nhưng gắn với dân tộc, nó phục vụ toàn thể xã hội, nó là một phương tiện giao tiếp giữa mọi người, bất cứ họ thuộc về giai cấp nào; nhưng, chủ yếu mỗi dân tộc dùng ngôn ngữ của dân tộc mình; tuy nhiên, một số dân tộc phải dùng ngôn ngữ của dân tộc khác do nguyên nhân riêng biệt nào đó. Tuy không mang tính giai cấp, nhưng các giai cấp cố lợi dụng ngôn ngữ để phục vụ lợi ích của mình, đem từ vựng của riêng mình, những thuật ngữ đặc biệt và những thành ngữ đặc biệt của mình ghép vào ngôn ngữ. Do đó, nẩy ra tập quán ngữ và "tiếng lóng" "của giai cấp". Người ta không xem những tiếng lóng đó là ngôn ngữ, vì nó không có từ vựng cơ bản và ngữ pháp riêng.

Trong mỗi ngôn ngữ dân tộc cần phân biệt từ vựng cơ bản và ngữ pháp hợp thành cơ sở của ngôn ngữ. Tất cả những từ vốn có của ngôn ngữ hợp lại thành từ vựng của ngôn ngữ. Bộ phận chủ yếu của từ vựng là từ vựng cơ bản, trong đó tất cả những tiếng, những chữ gốc hợp thành cái nhân của từ vựng cơ bản. Từ vựng cơ bản rất ổn định và duy trì rất lâu. Trình độ phát triển của một ngôn ngữ khi đã thành ngôn ngữ văn học là do tính chất nhiều vẻ của từ vựng của nó quyết định.

2. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số – quá trình hình thành và phát triển

a) Từ ngôn ngữ thị tộc, bộ lạc, bộ tộc đến ngôn ngữ dân tộc là cả quá trình hình thành, phát triển.

Từ tình trạng ngôn ngữ nghèo nàn về vốn từ hội và kết cấu ngữ pháp, ngôn ngữ của một số dân tộc ở nước ta đã phát triển lên

thành ngôn ngữ có hệ thống ngữ pháp và vốn từ hội phong phú với chữ viết riêng. Tuy nhiên, do sự phát triển chậm về mặt chính trị, kinh tế – xã hội, về sự cách biệt chỗ ở, bởi địa lý, bởi thiếu đường giao thông đi lại... cho nên trình độ phát triển về ngôn ngữ đã không đồng đều giữa các dân tộc.

Nghiên cứu quá trình hình thành dân tộc và ngôn ngữ dân tộc ở một số quốc gia trên thế giới, ta biết mỗi dân tộc có sự phát triển cùng sự khác nhau về tốc độ. Mác và Ăngghen đã viết trong *Hệ tư tưởng Đức*, rằng: "Trong bất cứ một ngôn ngữ hiện đại nào đã phát triển, lời nói phát sinh một cách tự phát cũng đã được nâng lên đến trình độ ngôn ngữ dân tộc, một phần là nhờ sự phát triển của lịch sử, của ngôn ngữ từ một chất liệu đã có sẵn như trong các ngữ ngôn Rôman và Giécman, một phần do sự pha trộn của các dân tộc trong tiếng Anh, một phần do sự tập trung các phương ngôn lại thành một ngữ ngôn dân tộc thống nhất. Sự tập trung này do sự quy định của nền chính trị và kinh tế."

b) Ngữ ngôn văn học các dân tộc thiểu số:

Ngữ ngôn văn học các dân tộc thiểu số bao gồm các thể loại: từ tục ngữ, ca dao, nói ví, kể chuyện, "phong slư" thơ tình trong dân gian đến thơ, lời hát, ký, truyện, kịch bản, văn, nghiên cứu khoa học, lý luận, phê bình... chủ yếu qua tiếng Việt và tiếng nói chữ viết, một số dân tộc có chữ riêng trong hơn nửa thế kỷ phát triển thời hiện đại – cách mạng, kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

Ngữ ngôn văn học được những người sáng tác, nghiên cứu trao đổi, gọt rũa từ kho ngôn ngữ của quần chúng nhân dân các dân tộc. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong sinh hoạt văn hóa dân gian các dân tộc, như "Mo" của người Mường, "Lượn" của người Tày, "Sli" của người Nùng, "Khan" của người Ê Đê, "Páo Dung" của người Dao... các hình thức dân ca ấy không chỉ biểu hiện tình cảm trong nghệ thuật làn điệu âm nhạc mà còn là ý tứ trong lời hát.

Ví dụ: Một buổi chiều, đôi trai gái Tày từ chợ về bản, khi đến đoạn đường rẽ, tiếng "Lượn" của chàng trai cất lên:

Thai lẻ thai, slà bấu tả
Khả lẻ khả, slà bấu lìa
Kết căn pền phua mìa, noọng ơi!

Dịch:

Chết thì chết, ta không bỏ
Giết thì giết, ta không rời
Kết nhau nên vợ chồng, em ơi!

Cô nàng hát đáp:

Pỉ mừa, noọng mừa đuổi
Noọng mừa chắp co cuổi lăng slườn
Noọng mừa chắp ăn sluôn nả táng
Pỉ khửn rườn lồng lảng đảy hăn

Dịch:

Anh về, em về với
Em về đậu cây chuối sau nhà
Em về đậu cái vườn trước cửa
Anh lên nhà xuống ngõ được thấy

Những lời hát biểu lộ mối tình đằm thắm như thế, thường do người có tâm hồn, có năng khiếu và biết chữ viết ra, cũng có trường hợp do người mù chữ mà vốn sáng trí từ nhỏ, nghĩ ra. Về sau, mỗi bản mỗi vùng có một số người, rồi nhiều người biết chữ, từ chữ Nho, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ đến khi có chữ dân tộc dần dần hình thành lớp người sáng tác. Có thể coi những người ấy là giới trí thức nhỏ của dân tộc ở một bản, một vùng. Họ dạy học, họ viết câu đối, bài thơ mừng năm mới cho cả làng, viết văn tế, viết trướng cho các đám tang. Họ làm thư ký – giữ sổ ghi tên, nhận tiền mừng đám cưới, hay phúng đám ma giúp bà con. Và, họ tham gia các đoàn tế lễ, hoạt động cúng vái...

Khi có phong trào chống bắt phu, bắt lính, chống sưu cao, thuế nặng để tiến hành cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc thì những người có văn hóa ấy đã dùng vốn hiểu biết phục vụ việc viết đơn kiện quan và kỳ hào tham nhũng áp bức quần chúng, tuyên truyền cổ động tinh thần quần chúng, trước hết là thanh niên đứng dậy đấu tranh.

Trải qua hai cuộc kháng chiến và xây dựng hòa bình, văn học các dân tộc phát triển lên những bước mới.

Ngôn ngữ văn học của các dân tộc thiểu số được hình thành trên cơ sở tiếng nói của các dân tộc ở các địa phương đến các trung tâm của mỗi vùng. Các vùng văn hóa, vùng văn học hiện đại được

hình thành và phát triển trong quá trình đấu tranh và xây dựng căn cứ địa cách mạng kháng chiến của toàn dân tộc.

Văn học các dân tộc Tày, Nùng, Dao... ở Việt Bắc, nền văn hóa Bắc Sơn, văn hóa đồ đá mới là những nền tiêu biểu cho vùng Đông Nam Á. Những di vật khảo cổ tìm thấy ở Bắc Sơn (thuộc tỉnh Lạng Sơn) chứng tỏ rằng từ 8000 năm trước, các dân tộc ở vùng Việt Bắc đã chuyển từ kinh tế hái lượm săn bắn sang kinh tế nông nghiệp. Những di vật của nền văn hóa Đông Sơn ở đây tiêu biểu cho văn hóa đồ đồng trong thời kỳ Âu Lạc đã đạt tới trình độ phát triển cao hơn. Theo Giáo sư Đinh Gia Khánh viết trong *Các vùng văn hóa Việt Nam*, thì "người Âu Việt (mà một chi nhánh hậu duệ là người Tày hiện nay) đã cùng người Lạc Việt (mà một nhánh hậu duệ là người Mường hiện nay) xây dựng nên quốc gia Âu Lạc, quốc gia xuất hiện sớm nhất ở Đông Nam Á"[1].

Tầng lớp trí thức Nho học gồm nhiều người Việt (người Kinh) đã Tày hóa và người Tày, người Nùng đã truyền bá Nho học, chế tác ra chữ Nôm Tày, ghi chép các truyện cổ, các truyền thuyết của người Tày, người Nùng, viết những tác phẩm văn học bằng chữ Nôm Tày và phiên dịch từ một số truyện tiếng Kinh sang chữ Nôm Tày. Nổi tiếng nhất trong các tầng lớp trí thức người miền núi thời trước là Tư Thiên Quản Nhạc Bế Văn Phùng với tác phẩm *Tam Nguyên luận*, và Nông Quỳnh Văn với tác phẩm *Bốn mùa – mười hai tháng*, Hoàng Đức Hậu với những bài thơ Nôm Tày, thơ chữ Hán đã được Nxb Văn hóa in từ năm 1960, Nxb Việt Bắc in năm 1976, Nxb Hội Nhà văn in (có bổ sung) năm 1995.

Tiếng Nùng có gốc từ Austro – Thái cổ đại, người Nùng có chữ Nôm Nùng. Tiếng Nùng và tiếng Tày có quan hệ với nhau. Chữ Tày – Nùng hiện nay đang được dùng chung cho việc dạy học, ghi chép sáng tác văn học.

Người Dao dùng chữ Nôm của mình chép truyện Bàn Vương, tức sự tích Bàn Hồ, vị thủy tổ thần thoại của người Dao.

Người Cao Lan, người Sán Chấy và người các dân tộc khác ở Việt Bắc cũng đều có vốn văn học riêng.

---

1. *Các vùng văn hóa Việt Nam:* GS Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận... chủ biên Nxb Văn học 1995, trang 89.

Các dân tộc Thái, Mường, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Mảng, Xinh Mul, Mông... có thể kể từ Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu đến Lào Cai, Yên Bái. Ở đây, cũng như ở các vùng khác, dân tộc nào cũng đều có ngôn ngữ riêng và có văn học riêng. Trong đó, văn học Thái, Mường, Dáy, Mông đều có điều kiện phát triển hơn. Người Thái có bản tình ca nổi tiếng mang tên *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu), có *Khun Lú – Nàng Ủa*, có *Ắm Ệt Luông*, có *Khăm Phanh*... Người Mường có sử thi *Tẻ tất tẻ rác* (Đẻ đất đẻ nước); *Mo lên trời*; *Lời hát Thường Rang – Bọ Mẹng* và các bản trường ca *Hùy Nga – Hai Mối*, *Ứt Lót – Hồ Liêu*, *Đang Vần Va*, *Tráng Đồng*, và trường ca *Út Thêm*... Bên các bản trường ca là một loạt truyện cổ tích và tục ngữ, dân ca đặc sắc của các dân tộc trong vùng.

Trên dãy Trường Sơn, mặc dầu trình độ kinh tế – xã hội chưa phát triển đồng đều, song các dân tộc sống ở đây đã và đang giữ vốn văn học đặc sắc của mình. Đến nay, với số vốn văn học truyền thống được sưu tầm, dịch, xuất bản, người đọc trong cả nước cũng đã được tiếp xúc với những mảng văn học đa dạng mới. Các tập truyện cổ của người Vân Kiều, người Kơ Tu, người Gia Rai... đã bổ sung thêm giá trị nghệ thuật của các bản trường ca thần thoại nổi tiếng của người Ê Đê, người M'Nông, như Bài ca *Chàng Đam San, Xinh Nhã*...

Văn học các dân tộc ở miền Trung phản ánh khí phách quật cường của những con người sống giữa Chân núi và Bờ biển, nổi lên những vẻ Đẹp – Hùng – Cao Thượng, trong *các bài ca nghi lễ nông nghiệp*, người hát gọi các vị thần: thần núi, thần sông, thần rừng, thần cây, thần đá:

Hỡi linh Pây dưa dưới nước!
Hỡi linh Calorur trên rừng!
Các Người đói máu, ta đã cho rồi
Các Người phải cho ta mùa màng thật tốt[1]

Bài ca *Cầm chài tôi rủi xuống sông*, người Chăm hát theo điệu Quăng chài (mutchal) theo điệu trống baranung:

---

1. Dân ca Kơ Tu, ở miền Tây Bình Trị Thiên, Võ Quang Nhơn VHDGDTTS, trang 214.

Vai bên hữu, tôi mang cái chài
Vai bên tả, tôi mang gùi bẹ chuối
Bà con ơi! Tôi lội suối băng sông
Tui bắt con cá lớn không có
Tui bắt lòng tong tui mang về

Văn học dân tộc Chăm cũng như nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc âm nhạc, vũ đạo Chăm đã sáng tạo ra những công trình đặc sắc. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc vừa in hai cuốn sách của nhà thơ Chăm Inrasara – Phú Trạm có tầm cỡ: *Văn học Chăm* tập 1 và tập 2. Trong hai cuốn sách này, tác giả đã chọn, giới thiệu những ca dao, đồng dao, Ariya Bini – Cam, Ariya Cam Bini, Ariya – Sah Pakei, Ariya Nam Ikak, và trường ca Akayet, Đammuy, một cách có hệ thống. Giáo sư Nguyễn Tấn Đắc coi "Việc nghiên cứu để tạo dựng lại toàn bộ đời sống văn học của một nền văn hóa chưa trải qua kỹ thuật in, xuất bản như của dân tộc Chăm là một điều cực kỳ khó khăn. Tác giả đã phải bỏ ra gần hai mươi năm để thu thập tư liệu và hơn tám năm để làm việc biên soạn. Trong hơn 100 văn phẩm tác giả tiếp cận được (không kể văn học dân gian) chỉ có 6 là dưới dạng in, còn lại 12 bản ghi âm và 86 bản là viết tay. Tác giả đã làm việc như thế nào và phải có một tấm lòng như thế nào mới có thể đi đến được kết quả đáng khích lệ hôm nay"[1].

Văn học dân tộc Khomer đồng bằng sông Cửu Long cũng có những vẻ đặc sắc như những ngôi chùa, và điệu múa, tiếng hát.

Khi đôi trai gái cùng trông chờ nhau thì cả hai đều cầu mong ở thần linh phù hộ. Khi yêu nhau không trở nên vợ chồng thì người ta than thân trách phận, trách ông trời. Khi mong ước hạnh phúc, thì người ta cũng cầu thần khấn phật. Lời hát chèo thuyền *Un Tuk* của chàng trai và cô gái Khomer vùng đồng bằng sông Cửu Long, đã biểu hiện tình cảm ấy:

Nếu em còn nhớ đến anh
Thì hãy cúng cây đèn cầy
Lên thần Neak Ta Mê chas Xrok
Đặng anh sớm trở về

---

1. Nguyễn Tấn Đắc – *Lời giới thiệu Văn học Chăm*, Nxb Văn hóa Dân tộc 1994, trang 1.

Hỡi người em yêu mến
Đặng anh sớm trở về

Lời ca, lời nói ví, lời thư tỏ tình, bài thơ câu đối mừng ngày xuân, và cả lời văn tế khóc than trước vong linh người thân... tất cả tiếng nói văn học ấy của mỗi dân tộc đều miêu tả ý nghĩ, tình cảm trong hoàn cảnh cuộc sống của mình. Vì số trang có hạn, cho nên chúng tôi không thể điểm hết những nét đẹp trong văn học của từng dân tộc ở nước ta.

c) Văn học đương đại của các dân tộc thiểu số đang được phát triển

Trải qua nửa thế kỷ sống trong chế độ mới, các dân tộc thiểu số đã xây dựng từng bước nền văn học hiện đại của mình. Mặc dầu cuộc sống của mỗi dân tộc chưa vượt qua khó khăn về kinh tế – xã hội, nhưng Đảng, Nhà nước đã áp dụng nhiều biện pháp để thực hiện chính sách dân tộc. Trong đó, sự nghiệp giáo dục, văn hóa, đào tạo nhân tài đã thu được kết quả đáng khích lệ ở vùng các dân tộc có điều kiện phát triển, mặc dầu một số dân tộc ít người nhất ở vùng cao, vùng hẻo lánh hãy còn sống xa ánh sáng văn minh.

Văn học nghệ thuật là một trong các hình thái ý thức của xã hội.

Sự phát triển kinh tế – xã hội của toàn đất nước không những tác động tới văn học, nghệ thuật mà ngược lại, kinh tế – xã hội cũng được phản ánh, cổ vũ của văn học, nghệ thuật. Ở các vùng dân tộc, các hoạt động văn học nghệ thuật, phần lớn là lực lượng không chuyên, nó có thể coi là một lực lượng trong loại sinh hoạt tinh thần phổ biến nhất, dễ dàng tập hợp quần chúng đông đảo nhất. Các nhà trường phổ thông cơ sở, trường dân tộc nội trú, các nông trường, lâm trường, các ngày chợ... những nơi đó thường là trung tâm sinh hoạt văn hóa, trong đó, văn nghệ và thông tin là hoạt động chính.

Từ trong phong trào văn nghệ quần chúng trong các thời kỳ vận động cách mạng, kháng chiến và sản xuất, xây dựng, một số người có năng khiếu được bồi dưỡng kiến thức văn hóa, văn nghệ, dần dần trở thành hạt nhân của đội ngũ văn học các dân tộc. Họ viết lời cho người có giọng hát. Họ viết vở kịch ngắn cho người có năng khiếu diễn. Họ viết tin, viết bài ngắn cho người cầm loa đọc

giữa đông người. Đó là đội văn nghệ quần chúng. Đội thông tin lưu động trong những năm kháng chiến. Và, hiện nay trong khi cuộc sống xã hội ở đô thị và nơi tập trung đông người đang được điện tử hóa thông tin, các đội văn hóa thông tin lưu động vẫn thường xuyên đi về các xã, các ngày chợ để đọc tin, đọc thơ, hát, kể chuyện... cho đồng bào nghe.

Như vậy, đội ngũ văn học các dân tộc hình thành trước hết là người làm thơ, đến nay xuất hiện nhiều cây bút văn xuôi là từ phong trào văn hóa quần chúng, đội ngũ này được bổ sung qua sự phát triển những người có năng khiếu từ các nhà giáo, học sinh các trường phổ thông đến sinh viên các trường đại học, từ các cơ quan báo chí, xuất bản, họ được đào tạo qua các lớp học chuyên về sáng tác ở địa phương, ở các trại sáng tác của Hội Nhà văn, ở trường viết văn mang tên thi hào Nguyễn Du; họ đi về thực tế để hiểu sâu về cuộc sống xã hội và con người các dân tộc... Quá trình đó, những người có trí có tâm thì thực sự bước vào nghề văn. Cũng có người bỏ dở nửa chừng vì nhiều lẽ, hoặc do đời sống khó khăn, hoặc thiếu môi trường hoạt động để phát huy tài năng. Mỗi người hoạt động trong lĩnh vực sáng tác văn học đều trải qua những thử thách. Một số tác phẩm đầu tay do được người đọc hoan nghênh thì tiếp đó, tác giả hào hứng, vội vã viết không ít những trang sơ lược, lặp lại... những trang đó dù có được in ra cũng không có tiếng vang. Trước tình trạng đó, nếu người nào kiên trì rèn luyện, lao động nghệ thuật thực sự thì có thể theo đuổi sự nghiệp văn chương, nếu ai nhụt ý chí buông bút ngay thì chẳng có sức mạnh nào ép buộc được!

II. Mấy vấn đề văn học các dân tộc thiểu số

1. Việt Nam – Tổ quốc của nhân dân các dân tộc – đó là cái gốc tư tưởng, chủ đề sáng tác văn học nghệ thuật của nhà văn và nghệ sĩ các dân tộc ở nước ta.

Cùng chung một Tổ quốc, chung một Đảng lãnh đạo, chung một chế độ xã hội chủ nghĩa, văn nghệ sĩ các dân tộc với ý thức một công dân Việt Nam, tiếp tục thể hiện ý nghĩ, tình cảm của mình trong mỗi trang viết, cũng như mỗi nét vẽ, mỗi điệu nhạc... Niềm vui, nỗi lo của đồng bào cả nước cũng là niềm vui, nỗi lo của mỗi dân tộc sống ở các vùng. Mỗi nhà thơ, nhà văn, mỗi nghệ sĩ dân tộc rất cần hiểu biết toàn diện, sâu sắc về con người, cuộc sống

xã hội ở địa phương mình, đồng thời, cũng cần tìm hiểu lịch sử, địa lý, tài nguyên, nếp sống và tính cách con người các dân tộc anh em trong cả nước. Sự gắn bó chặt chẽ giữa các dân tộc, giữa các vùng trong một Tổ quốc thống nhất là sức mạnh để đứng vững và phát triển vươn lên của toàn thể nhân dân các dân tộc Việt Nam.

Trong mỗi tác phẩm, người viết cần luôn luôn gửi thông điệp để bạn đọc biết những gì quê hương đất nước mình đã đạt được, đang diễn biến, và có thể dự báo về thời cơ, về thách thức mới để mọi người có cách nghĩ, cách hành động biện chứng. Đồng bào ta hiện nay tuy có khác nhau về bản sắc văn hóa, về mức sống và lối sống, song giống nhau về lý tưởng sống theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh".

2. Truyền thống và hiện đại trong văn học các dân tộc thiểu số là một vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu để có sự kết hợp nhuần nhuyễn trong sáng tác. Mỗi dân tộc có những nét riêng trong truyền thống văn hóa, văn học, nghệ thuật. Trong những nét riêng ấy thường không mang tính giá trị nghệ thuật như nhau. Cuộc sống chắt lọc từng nét để giữ lại những gì thực sự có giá trị tư tưởng và thẩm mỹ. Công việc của những sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học cần có thái độ nghiêm túc, làm việc với tinh thần khoa học, mới có thể sàng lọc từ cát ra vàng!

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, văn học các dân tộc Việt Nam làm thế nào vừa tiếp thu những yếu tố hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc đậm đà? Thực ra, từ năm 1945 do yêu cầu của cách mạng và kháng chiến, văn học các dân tộc đã từng bước chuyển biến mới. Sự xuất hiện thể loại *văn xuôi* trong một số dân tộc như Tày, Nùng, Thái, Dáy, Mông, Ê Đê... đã chứng tỏ trình độ tiếp thu và sáng tạo cái mới của các dân tộc. Tất nhiên tính hiện đại trong văn học không hoàn toàn giống với công cuộc hiện đại hóa trong khoa học kỹ thuật và công nghệ. Các dân tộc nước ta rất cần học nâng cao nhiều kiến thức mới để nắm vững và sử dụng có hiệu quả các loại thiết bị công nghệ tối tân trong lao động sản xuất và xây dựng. Song, trong khi phát triển văn học, mỗi dân tộc không thể sao chép nguyên si văn học các nước. Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc cần được giữ gìn, phát huy. Đạo lý Việt Nam, nếp sống Việt Nam, tính cách Việt Nam, ngôn

ngữ các dân tộc Việt Nam là những điều mà mỗi công dân Việt Nam, dân tộc nào cũng cần được nâng cao ý thức bảo vệ.

3. Chính sách song ngữ trong sáng tác thơ, văn, kịch nói, kịch bản phim... cần được thực hiện đối với nhà thơ, nhà văn các dân tộc thiểu số. Tiếng Việt (còn gọi tiếng Kinh) và chữ Quốc ngữ là phương tiện chung để giao tiếp giữa các dân tộc. Đồng bào các dân tộc ở gần thị trấn, gần đường giao thông, ở vùng thấp đã nghe và nói được tiếng Việt. Trí thức, viên chức, công nhân, học sinh người dân tộc nói sõi tiếng Việt. Một số nhà thơ, nhà văn dân tộc đã tự dịch tác phẩm của mình ra tiếng Việt, hoặc khi cần, có người viết văn làm thơ bằng tiếng Việt. Khi in trên báo chí và in thành sách, phổ biến bằng tiếng Việt bởi lẽ thuận tiện trong khi in và phát hành; thẳng hoặc, tác phẩm tiếng dân tộc thiểu số mới được in bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

Tình trạng đó đã hạn chế việc trau dồi tiếng mẹ đẻ của các nhà văn dân tộc, và hạn chế việc phổ cập các tác phẩm của các tác giả dân tộc thiểu số đến với đồng bào mình.

Cần thực hiện chính sách song ngữ để giải quyết tình trạng xa rời tiếng mẹ đẻ của các nhà thơ, nhà văn dân tộc thiểu số.

Trước hết, có sự khuyến khích viết, in, phổ biến tác phẩm bằng tiếng mẹ đẻ, nhất là các dân tộc đã có chữ viết riêng. Từ nguyên văn bản thảo tiếng mẹ đẻ, tác giả tự dịch ra tiếng Việt.

Thứ nữa, nếu tác giả nào thông thạo cả tiếng, chữ dân tộc mình, và tiếng Việt, chữ Quốc ngữ thì có thể sáng tác bằng hai thứ tiếng cùng một tác phẩm.

Chính sách song ngữ phù hợp với nguyên tắc: đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau trong chính sách dân tộc, và cũng thích hợp với tình hình thực tế cuộc sống của các dân tộc ở nước ta.

Thái độ cực đoan chỉ nhấn mạnh một chiều là không đúng.

Có ý kiến cho rằng: vì tiếng dân tộc thiểu số nghèo nàn, nên tôi viết thẳng tiếng Việt! Đấy là cách biện hộ cho tư tưởng coi nhẹ tiếng mẹ đẻ.

Lại có ý kiến cho rằng: tiếng dân tộc thiểu số hoàn toàn đủ từ ngữ, không chỉ làm thơ mà có thể viết cả văn xuôi! Thực tế,

tiếng dân tộc thiểu số vẫn đang được phát triển. Chúng ta vừa viết văn, làm thơ, vừa hoàn chỉnh dần ngữ ngôn văn học các dân tộc.

4. Đôi nét về thi pháp trong văn học các dân tộc thiểu số

Thi pháp học "bàn về nghệ thuật thơ ca nói chung,về các thể loại nói riêng, cũng như về ý nghĩa nghệ thuật mỗi thể loại, về cốt truyện của tác phẩm..."[1]

Đến nay, qua một số công trình bước đầu tìm hiểu văn học các dân tộc thiểu số, chúng ta mới chỉ có thể nhận thức khái quát về nghệ thuật trong văn học dân gian truyền miệng đã được sưu tầm, dịch, in và văn học thành văn: thơ, văn xuôi hiện đại... kế thừa, phát huy cách nói truyền thống và tiếp thu, sáng tạo cách nói mới.

Cách thể hiện tư tưởng, tình cảm trong những lời nói giao duyên (người Tày gọi là *"Phuối pác"* – nói ứng khẩu; *"Phuối sọi"* – nói thành vần, thành cặp, các dân tộc khác cũng có những thể loại tương tự) trong tục ngữ, thành ngữ đến *"Thơ lẩu"* (Thơ đọc trong lễ ruớc dâu), trong *"Khan"* của người Ê Đê, trong *"Khắp"* của người Thái... trong truyện thơ, trường ca... mỗi dân tộc có cách nói riêng.

Nói có vần điệu, dùng hình ảnh để ví von, nói điệp khúc và kể chuyện... là các hình thức văn học quen thuộc của các dân tộc. Nỗi nhớ của chàng trai với cô gái Chăm:

Kơu bbơng lisei phik ia plak
Mưlơm harei jang dahak taten halen bơu angan
(Cơm thì đắng mà nước thì chát
Ngày đêm ngủ vùi mơ gọi tên em[2]
Nhớ người yêu như nhớ trăng rằm.)

Chứ noọng bặng chứ Hai–Síp hả
Chứ Hai, nhằng hăn nả bươn pày
Chứ noọng, noọng dú quây, Slừ đảy!
(Nhớ em như nhớ trăng rằm
Nhớ trăng, còn thấy mặt mỗi tháng một lần
Nhớ em, em ở xa, làm sao thấy được!)

(dân ca Tày)

---

1. Aristôt – *Nghệ thuật thi ca*, Nxb Văn hóa, 1959, tiếng Việt – trang 58.
2. Inrasara: *Văn học Chăm*, Nxb VHDT, Hà Nội 1993, trang 195.

Trong dân ca người Tống, một dân tộc ít người nhất ở Tuyên Quang, vẫn giữ được những câu thơ hay:

Trên trời có ngôi sao mai
Đi sang Ngọc Hoàng xem số
Xem ra số ở một mình
Trời bảo: trời ở một mình còn có mây theo
Đất bảo: đất ở một mình còn có đá với
Tôi ở một mình, thật một mình...[1]

Thơ *Sáng Thế Ký* của người Mông, mọi vật được tạo ra bằng hành động cụ thể:

Ngày xửa ngày xưa, bà Tràу sinh ra mặt đất
Ông Tràу tạo ra bầu trời...
Ông Tràу bảo bà Tràу rằng:
– Mình làm được mặt đất rộng
Ta làm được bầu trời hẹp
Mình dồn đất cho khớp với bầu trời của ta...[2]

Một đoạn kể chuyện Út Lót – Hồ Liêu của người Mường:

... Một buổi nọ, nắng lâu
Hai **Cun** *rủ nhau đi gội đầu*
Nắng cạn hết giếng ngọc
Hai **Cun** *phải đi tắm sông*
Út Lót, dặn:
– Ai tắm bến dưới, mặc dưới
Ai tắm bến trên, mặc trên
Chớ ngó lên mà Trời đánh xuống![3]

Trong tác phẩm *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu) truyện thơ không có tên tác giả, cũng không có tên nhân vật, chỉ có tiếng nói của người con gái, người con trai và bố mẹ... Nhưng sức sống của những câu thơ thu hút mãnh liệt đối với người đọc. Thi pháp của *Xống chụ xon xao*[4] là vừa miêu tả theo *trục dọc*, vừa theo *trục*

---

1. *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang* – Ban Dân tộc Tuyên Quang xuất bản 1972 – Trang 161.
2. *Dân ca Mông*, Nxb Văn hóa 1984, trang 19.
3. *Họp tuyển thơ văn Việt Nam – VH DTTS* – Quyển 2 – Nxb Văn học.
4. *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu) – Nxb Văn học 1973. Mạc Phi dịch và giới thiệu, trang 90,91.

ngang, với nhiều đoạn điệp khúc để nhấn mạnh nỗi lòng mong đợi giữa cô gái với chàng trai:

... Mùa hoa bưởi, ngắt hoa bưởi ngồi mong,
Mùa hoa vông, ngắt hoa vông ngồi đợi,
Mùa hoa mạ, ngắt hoa mạ ngồi chờ
Hoa sắp héo, sương mai em nhúng
Hoa sắp tàn, nước rượu em ngâm
Hoa sắp úa, khăn đào em gói...

Các tác giả thơ văn dân tộc thiểu số tuy chưa có điều kiện nghiên cứu lý luận về thi pháp, song thực tế, mỗi người mỗi vẻ, họ đang tìm tòi cho mình một phương pháp riêng, phong cách riêng. Vẫn biết, xây dựng phong cách riêng trong sáng tác không phải công việc đơn giản đối với mỗi người cầm bút.

5. Xây dựng một đội ngũ hoạt động văn học các dân tộc ở nước ta, là một trong các yêu cầu thúc đẩy quá trình phát triển các dân tộc.

Chỉ có những người có tâm huyết với văn hóa dân tộc thì mới chịu khó sưu tầm và nghiên cứu di sản văn học dân tộc, di sản đó không những làm giàu kho tàng văn hóa các dân tộc mà còn làm vốn cho những người sáng tác mới. Trong lĩnh vực sáng tác, văn nghệ sĩ dân tộc được tự do chọn đề tài từ dân tộc khác. Và khi hoàn thành, tác phẩm đó mang tên tác giả. *Ví dụ*: Truyện *Tây Bắc* là của tác giả Tô Hoài, mặc dầu nhân vật trong tác phẩm đó là người Thái, người Mông. Bởi vậy, mỗi dân tộc cần có tác giả và tác phẩm văn học của mình.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các vùng dân tộc sẽ từng bước xóa đói giảm nghèo, xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa. Các thế hệ trẻ trong mỗi dân tộc sẽ có điều kiện được giáo dục và đào tạo. Họ sẽ là những người làm chủ thực sự trong cuộc sống chính trị, kinh tế, văn hóa. Họ có sẵn năng khiếu văn học nghệ thuật. Từ trong quần chúng các dân tộc, từ các trường phổ thông, các trường học sinh dân tộc nội trú, nếu được tổ chức phát hiện, bồi dưỡng, giúp đỡ thì dân tộc nào cũng có thể hình thành được đội ngũ hoạt động văn học.

Qua các lớp bồi dưỡng kiến thức sơ giải về văn học do các Hội văn nghệ tổ chức, những người có triển vọng phát triển tài năng sẽ tiếp tục được chọn đi dự các lớp bồi dưỡng, và học theo chương trình

đại học ở Trung ương. Có kế hoạch đào tạo như vậy, các thế hệ làm thơ, viết văn của các dân tộc thiểu số sẽ được hình thành, phát triển.

Có như vậy, những người sáng tác văn học nghệ thuật, những người làm công tác sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam sẽ thực hiện được đường lối của Đảng về văn học nghệ thuật văn học dân tộc thiểu số như Nghị quyết 5 (khóa VIII) đã khẳng định:

"Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói chữ viết của dân tộc mình. Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức, sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học nghệ thuật là người dân tộc thiểu số".

Thực tế nhiều chục năm qua đã chứng minh được điều đó mà thành quả là những tác phẩm văn học, những di sản được sưu tầm, nghiên cứu được chọn lọc trong tập TINH TUYỂN VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM lần này.

Hà Nội – Tháng 2 năm 2002

VĂN HỌC DÂN GIAN

I. THÀNH NGỮ - TỤC NGỮ - LỜI NÓI VẦN - DÂN CA

1/ THÀNH NGỮ – TỤC NGỮ

DÂN TỘC BA NA

Ông bà Xơ–gơr ngày xưa
Một đốt một cành
Cành cây một gốc
Tấu lá một cộng
Ăn cơm một mâm
Uống nước một bầu

*

Ngủ trưa mơ mơ
Ngủ chiều nhơ nhớ
Thỏ thẻ còn truyền
Nối tiếp câu chuyện...

*

Đạp trúc chưa cong
Đạp lồ–ô chưa queo[1]
Đạp môn chưa héo
Đeo còng chưa vừa[2]
Xếp chưa được chuyện.

*

Lũ tôi còn trẻ
Con chuột con dế

---

1. *Lồ–ô*: một loại nứa trên rừng Tây Nguyên.
2. *Còng*: chiếc vòng bằng đồng hoặc thau, vật trang sức và trao duyên của các chàng trai và cô gái Tây Nguyên.

Rốn còn chưa đứt
Thóp còn chưa cứng
Cuốc nương chưa nên
Hái chuyện chưa đến

*

Tìm bác, con cọp chúa
Tìm chú, ba ba tổ
Ngực rộng bằng khiên[1]
Mình liền ba sải
Đầu dài ba đạp[2]
Giọng nói sấm vang
Sức mạnh sét đánh
Núi cũng rung rinh
Lá xanh cũng rộng
Lá vàng cũng rơi
Trái đất cũng rã!

*

Đừng cat trái đỗ mèo làm rựa
Đừng chặt cây *pơm*, cứa người ta đau![3]
Tôi đây, người trong sạch
Xanh trong, trong suốt
Thẳng đuột đẹp xinh

DÂN TỘC CHĂM

1. Ăn no nói ra chuyện hay
2. Nói duyên kiếm may mắn (nói duyên, tìm điều may)
3. Chiếu rách (thì) vụn ra
4. Thẳng cong lưng (nói thẳng thì cong lưng)

---

1. *Khiên*: vũ khí che mình bằng gỗ, bằng mây đan của các chàng trai Tây Nguyên khi ra trận.
2. *Đạp*: bước chân; ở đây có nghĩa: dài ba bước chân.
3. *Pơm*: cây có nhiều gai, nhân dân Ba Na thường dùng để suốt cá dưới suối, sông.

5. Rửa mặt chạm mắt
6. Lỳ gan bị thiệt
7. Thương người gầy thân mình
8. Núi cao cọp thấp
9. Rút dây động rừng (bụi cây)
10. Những cái tốt người ta bọc mang theo
    Cây đâm lá sau mới thành trâm
11. Không dám hái e rằng héo.
    Không dám chặt e rằng mất
12. Để xem cho đã, hãy xem tận mắt
13. Đánh chó xấu chủ
14. Nghèo rộng rãi, giàu keo kiệt
15. Đào gò, trốc rễ
16. Đổ (tưới) nước trông cây
17. Đánh chó đau gà (thấy đánh chó, gà đã sợ)
18. Mòn mỏi (vì) mang gùi (nghèo nàn, lao động nhọc nhằn)
19. Vòng đeo chuỗi mang (tay đeo vòng, cổ mang chuỗi hạt)
20. Làm ruộng có lúa
21. Cha bác máu thịt (của) cháu
22. Nặng ở lưng, sưng ở bụng
23. Cưu mang đùm bọc (công lao cha mẹ khó nhọc)
24. Thầy cả sai thầy phụ dạy
25. Nước có nguồn, cây có cội
26. Mắt để nhìn, tai để nghe
27. Gạo trong lúa, gan trong bụng
28. Rắn nâng cao, cọp nâng thấp
29. Nước tuôn từ núi, cỏ mọc từ rừng
30. Thấy không cất mất khó tìm
31. Ở gần trẻ mệt người già
32. Thân nó xấu, xương nó tốt
33. Đi một đường ăn cả một vũng
34. Nét bút làm sao hàng chữ vậy
35. Ngày không hở, buổi không dứt (lao động gian nan suốt ngày)
36. Nói một tiếng dứt một việc
37. Ngồi cho thẳng ăn cho ngay ngắn (ăn xem nồi ngồi xem hướng)
38. Ăn không hết ngủ không đã
39. Đầu bằng sắt hình bằng đồng
40. Ăn không vơi múc không cạn (giàu có lắm)

41. Chạy như chó phóng như ngựa
42. Cây không mặn chất làm sao ngọt
43. Đầu ở rừng chân ở sân
44. Ăn không tính, giàu cũng (thành) nghèo
45. Nhiều làm ít cá khô làm mắm (của ít biết làm mà dùng cho lâu)
46. Sần sùi bên trong, trơn bóng bên ngoài
47. Trẻ không kính già bỏ không
48. Muỗi không cắn kiến không đốt (người gan dạ)
49. Anh lên núi em ăn cỏ (ăn) rau (không ai giúp đỡ)
50. Bắn không trúng đâm không thủng
51. Nước cháo sắp đổ, nồi sắp nghiêng (lợi dụng cơ hội để sinh lợi)
52. Ăn như máy liếm (nghiến) cuốc như chuột gặm
53. Cá sấu ở sông cọp ở rừng
54. Nói với người khôn như chặt rìu bén
    Nói với người dại như chặt rựa cùn
55. Cọp lắc xắc bắt chó
    Cọp giấu móng bắt người (biết giả dối)
56. Vụng do lười, lanh do siêng
57. Rựa không mài ngó tuy sáng, chặt không đứt
58. Thương đấy mình không có gì cho cũng như không thương
59. Ăn mặc tùy thân mình (tuỳ giai cấp)
60. Ngày chủ nhật đi hướng đông gặp may
61. Làm quen với người gian hóa (lây) gian
62. Làm quen với người tốt hóa tốt
63. Dùng mắt dọa (người)
64. Thấy nước thấy (vội) tắm, thấy gái thấy (vội) cưới
65. Giấu đầu hở đuôi
66. Thò thụt như rùa
67. Thương cháu hơn con
68. Chùi mỏ như gà
69. Đàn bà đi thõa thường vẽ lông mày
70. Ăn no thẳng bụng
71. Lời nói nặng làm giận trong lòng
72. Cuốc sút chớ cuốc
73. Vui (thì) cười, buồn (thì) thôi
74. Đối xử như muối với ớt (khục khắc như chó với mèo)
75. Gà tục tác chó sủa (làm ồn ào)

76. Con đi lâu ngày mẹ cha mệt trong lòng (áy náy)
77. Gió cao đánh mạnh
78. Việc làm bằng núi bằng non
79. Năm hạn nước khô
80. Vấp ngón chân đau tim trái (đau trái tim)
81. Một sống một chết
82. Ăn thịt hút máu (chỉ kẻ cho vay nặng lãi)
83. Người đàn bà Chăm không hề ăn quả chuối dính đôi
84. Ngủ ngày có thói (ngủ ngày quen thói)
85. Cá sẩy cá lớn (con cá sẩy là con cá lớn)
86. Còn vỏn vẹn một bữa nấu
87. Làm nhí nhoẻn như khỉ thấy cứt gà
88. Gối con quỳ, miệng con thưa
89. Đàn bà đẹp hay bội bạc chồng
90. Nói xen chết như không
91. Có học rồi mới biết
92. Có mây đen rồi mới có mưa
93. Uống như người đổ nước vô lu
94. Mỡ (dính) mồm (chỉ người giàu có ăn thức ăn ngon)
95. Phần ai nấy hưởng
96. Làm ơn không mong trả
97. Đau lòng xé gan (bầm gan tím ruột)
98. Gò mối mọc trong nhà đó (là) điềm xấu
99. Lấy chua át tanh
100. Ước may tìm vui
101. Đầy mắt đầy mũi
102. Đầy nhà đầy cửa
103. Đầy sân đầy suối
104. Càng uống càng khát càng ghét càng gặp
105. Bắc tiến tới, Nam tiến đến (bạn bè rủ nhau đến nhà)
106. Bất cứ việc gì cũng làm được
107. Nhịn điều hung để được lành
108. Chợt thấy chợt mất
109. Lấy này đổi kia
110. Lấy hồn đổi (thế) hồn
111. Nó dữ tợn như hung thần
112. Ăn lúc còn răng lấy vợ lúc còn thanh niên
113. Ổ lên ổ xuống (không ở yên một chỗ)
114. Nói xấu mau lây

115. Nhà rách hàng rào xiêu
116. Đi trong nước coi chừng nước sâu
117. Phơi ván ở (ngoài) nắng cho chết rệp
118. Nằm tại chỗ đổ tại nơi
119. Không hay dại cũng chết
120. Nếu muốn nhìn đời đừng hung dữ
121. Đuổi chim vào rừng đuổi lúa vào ruộng
122. Một cây một gáo một đấm một xe
123. Một cây một gáo một đám một nghìn
124. Mưu sự tại người thành sự tại thiên
125. Nói dối mù mắt
126. Sấm chẻm sét chẻ
127. Chó nhảy trẹn đầu cọp
128. Rìu bén nhờ mài, người khôn nhờ học
129. Giếng sâu có người Chăm buông dây múc
130. Nghe người già có muối để liếm
131. Nhà to rương rỗng tuếch
132. Chín đầu ăn đầu, chín đuôi ăn đuôi
133. Súc miệng đánh răng (phong tục khi làm lễ thần linh)
134. Mặc váy đến gối xin ăn khắp xứ
135. Ai vào nước người ấy ướt
136. Ở gần như ớt với muối
137. Ở xa như gạo với lúa
138. Được việc cho người dạy khôn cho ta
(Lợi cho người khôn cho ta)
139. Bỏ thịt nhai xương, cứng hàm kêu giúp nhau
140. Thật thà hóa dại
141. Voi lớn bốn chân hãy giữ mình kẻo trượt ngã
142. Rìu bén nhờ mài, giỏi bùa phép nhờ học
143. Thương cháu nhiều hơn con
144. Cỏ dại đạp chủ làng
145. Một người hét hét cả đám
146. Củi mục trong nhà không hơ cũng ấm
147. Lúng túng như chó trúng lưới
148. Nói lúc lắc như dao sút cán
149. Trôi bồng bềnh như bèo trôi
150. Bối rối như cây rì rì biển
151. Thùy mỵ như công chúa đẹp gái
152. Ồn ào như Việt ngoài chợ

153. Người nóng tính như đổ dầu vào lửa
154. Nát như người ta đâm ở cối
155. Nhỏ như người ta sàn bằng sàn
156. Có mặt mắt (mày) nhờ tiền lúa
157. Nghèo không ai đến, có tiền lúa lắm người thăm
158. Ruộng thẳng bờ trâu lớn vạc sừng
159. (Dù) họ hàng (cũng phải) lòn lõi mới có cái ăn
160. Thà ăn cứt chồng còn hơn ăn đường của họ hàng
161. Có làm cho cô, cô mừng
162. Khóc thảm náo nhớ tiếc họ hàng
163. Mặc áo cho vừa dáng
164. Đừng theo lòng người cười chê (đam mê không tự chủ)
165. Hàng rào chắc nhờ dây, đàn bà đẹp hay phản chồng
166. Nếu đẹp xinh như tiên, không có chồng (cũng) như cỏ dại
167. Nói tốt mới có phúc đức
Nói dã man (ác) chỉ toàn tội ác
168. Nhà sáng do đèn, tránh được tội lỗi do lòng thật
169. Đất nghiêng trượt chân
170. Bỏ họ hàng thương người ta, ra khỏi nhà người ta nói xấu
171. Bão (ở) làng người, cột (buộc) nhà làng mình
172. Hái rau trên rừng ăn trước, rau ở vườn để hôm sau
173. Chưa ăn đã nói ít, chưa trèo đã nói cao
174. Chưa gánh đã nói nặng
175. Không biết đầu biết đuôi, không biết gò biết vực
176. Đã sâu còn đào, đã thành gò còn chất đống
177. Nói sau nhà, dưới bàn (nói lén lút)
178. Không biết phải – trái, chờ gai đâm mới biết trái – phải
179. Trâu đen đẻ con trắng nâng làm giống
* Trâu trắng đẻ con đen để cúng lên thần. (phong tục Chàm Phan Rang)

Lưu Văn Đảo
sưu tầm, phiên âm và dịch

DÂN TỘC DAO

1. *Tình thương đoàn kết*
Sống chung làng xóm phải thuận hòa
Đừng có cãi nhau người trách cười

Làng trên xóm dưới cùng đi lại
Chén rượu chia đôi kết bạn đời
Kẻ Tây người Đông thành đơn độc
Hoạn nạn có nhau đạo muôn đời.

2. *Nỗi khổ cha mẹ*

Bố nuôi con ba năm cực khổ
Mẹ nuôi ba năm mẹ yếu già
Bên trái ướt rồi nằm bên phải
Hai bên ướt nằm lên bụng mẹ
Cả người đau nhức chỉ vì con
Ngồi dậy ôm con ngồi thâu đêm
Bế con đến nỗi người tê tái
Dạy con dạy đến héo hon lòng.

3. *Mong con làm nên người*

Con khôn lớn nhớ lời cha mẹ
Nối gót ông cha giữ nước nhà
Mỗi ngày ba bữa dòng sữa mẹ
Sữa mẹ nuôi con trở thành người
Giọt sữa là giọt máu của mẹ
Nuôi con đến nỗi héo vàng da.
Đạo người khôn lớn phải lễ độ
Không được mở mồm mắng mẹ cha.
Anh em một nhà phải hòa thuận
Vui buồn có nhau sống thuận hòa.
Có vợ có chồng xây nhà cửa
Lao động tối về bình văn chương.

4. *Dạy người con gái*

Gà đến kinh thành nghe tiếng trống
Gà về nông thôn nghe tiếng gà
Trống kêu, gà gáy con mau dậy
Đừng để mẹ già gọi tên con.
Bố mẹ gọi con nhè nhẹ đáp
Đừng có tiếng to người trách cười.
Rửa mặt rửa nơi nước trong sạch
Nước bẩn rửa vào nhơ nhuốc người.
Bắc nồi soi đèn cho ngay ngắn
Nồi nghiêng lòng người cũng nghiêng theo.
Vo gạo xuống nồi xem cho kỹ

Đừng để tóc rơi vào giữa nồi.
Nhóm bếp đừng đặt củi to tiếng
Bếp lửa nhà người có ma thiêng.
Đêm ngủ xuống giường cho nhè nhẹ
Đừng để giường kêu người trách cười.
Đừng ngồi giữa cửa để hóng mát
Chải đầu xa chỗ có nồi cơm.
Mở cửa đừng để kêu thành tiếng
Mọi điều nhớ bụng: nhẹ chân tay.

5. *Không tin ma quỷ*

Thiên hạ người ốm đau liên miên
Nhà nọ nhà kia lan khắp miền
Ngày đêm mời thầy bói tới cúng
Không ma mất tiền uổng phí công
Gà lợn chết oan không khỏi bệnh
Không ma, mất tiền, bệnh khỏi không?
Ai nói có ma lời nhảm nhí
Nói dối lừa nhau chết uổng không
Ma quỷ có đâu mà cúng bái
Giết phí lợn gà đốt phí hương
Giết hết lợn gà, hết sạch của
Chưa ai khỏi bệnh nhờ cúng ma!
Ốm đau tại người không tại quỷ
Tin ma, tin quỷ, thì chết oan!
Đừng trách trời oan, đừng trách đất
Chỉ trách người đời không giữ thân.

6. *Không nên hút thuốc phiện*

Thuốc phiện vào thân nhà chẳng còn
Chớ trách lời thơ chê thuốc phiện
Đọc kỹ từng câu truyền cả con.
Nghìn vạn lời khuyên: đừng hút thuốc
Nuôi dưỡng mẹ cha dạy con khôn
Thông minh đọc thơ thời nhớ lấy
Truyền khắp thế gian khắp mọi nhà.
Người truyền, người chép huyện qua huyện
Nghìn người đọc biết, vạn người theo
Người khôn đôi lời tự suy ngẫm
Thuốc phiện vào thân hại cả đời

Ước được gia đình có hạnh phúc
Hết gạo ba ngày chân rã rời
Có gạo ăn no qua ngày tháng
Không gạo ba hôm đời héo hon
Có tiền để dành mua quần áo
Cả nhà có ăn, mặc ấm no
Người nào biết nghe người xưa dạy
Cuộc đời no ấm hết điều lo.
Kể chuyện thuốc phiện không sao hết
Giấy ngắn lời dài hàng mấy kho
Giấy ít chuyện nhiều nói sao xiết
Một chữ nghìn vàng nhớ lấy cho.

7. *Không nên đánh bạc*

Ngồi bàn viết vài lời chân thật
Gửi xuống mọi người khắp các nơi
Thiên phủ gửi thư đường mây đến
Trần thế gửi thư đi theo người
Dương giới gửi thư theo đường ngựa
Thủy giới gửi thư theo nước trôi
Người đi tới làng, thơ tới xóm
Nghĩ tới chồng cô mà ngán lòng
Nghe lời gần xa thật hay giả
Chồng cô sóc đĩa tháng qua ngày
Nghĩ đi nghĩ lại cùng làng xóm
Giấy bút đôi lời nhắn tới anh
Khuyên anh không nên đánh cờ bạc
Đánh cờ bạc – đánh tan cửa nhà!
Học nghề, học chữ có tăm tiếng
Học cờ bạc – phạm tội đeo xiềng!
Đánh cờ đánh bạc chẳng nên giầu
Được tiền thời ít, mất tiền nhiều
Chưa ai đánh bạc nên phú quý
Chỉ thấy thua tiền, nước mắt rơi
Chưa ai đánh bạc mua trâu mộng
Chỉ thấy đánh bạc bán vợ con
Được tiền vui vẻ, mất tiền lo
Thường thấy những người mất tiền to
Thấy người đánh bạc nên tai nạn

Người ta phá cửa lấy nồi niêu[1]
Đánh cờ đánh bạc lòng gian ác
Tay cùm chân xích vào nhà lao
Ai tham tiền tài chỉ thiệt mạng
Hổ báo tham ăn sa bẫy người
Tên người đánh bạc trở nên xấu
Người cười, người trách, chẳng nên người
Chăm lo nhà cửa mới là tốt
Khác nào quân tử quản giang sơn
Ai mà nghe lời người xưa dạy
Lao động phú quý được vinh hoa.

DÂN TỘC Ê ĐÊ

Ban đêm nói một đường
Ban ngày nói một nẻo
Thay lời như trở mặt

*

Những kẻ quay quắt
Như quả cà lật
Như quả ớt xoay
Quay lưng trở bụng

*

Đi rừng, quên mang nước
Đi nương, quên mang cuốc rựa
Đã hứa làm việc này việc nọ
Nhưng bỏ bễ, chẳng thèm làm.

*

Ngựa sức mà lờ đờ
Người khờ mà lắm chuyện
Sáng như chim *phí trống*
Chiều như chim *phí mái*

---

1. Ý nói thua bạc mất hết cả, phải gán nồi niêu để trả nợ.

Đi vào rừng vào rú
Hết chuyện cũ lại trồi chuyện mới.

*

Như tiếng chiêng vang
Như mang đuôi cụt
Người lụt lịt lắm điều.

*

Cỏ tranh cao hơn lách
Gianh tranh cao hơn tre
Loài thú khoe mẽ nhảy vượt ngọn cây.

*

Không theo dấu, giẫm phải bẫy
Không theo cây, giẫm phải giò
Không nghe thầy cò, mắc phải tội.

*

Người đói canh thì cho
Người đói cơm thì gửi
Người không biết nghĩ thì dạy

*

Con gái biết rõ thân họ
Con trai biết rõ thân ta
Bò trâu biết ai là chủ.

*

Đã bắt được chân
Đã nhận tận mắt
Đã bắt được gùi
Đã giữ được tay.

*

Kẻ nói ầm ầm
Như tiếng tre nổ
Như tiếng chim ó

Bên tây giỏ nồi
Bên đông giỏ bát
Chỉ độc vợ với chồng
Nhà nhìn lên thấy sao
Nhìn xuống thấy phân lợn
Vợ chồng phải ẩn náu bên trong.
Lười, chòi chẳng xây
Rẫy chẳng làm
Rừng chẳng phát.

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

DÂN TỘC MẠ

1

Tìm nơi rừng lầy, mới lấy được cây cả
Tìm nơi rừng già, mới được cây cao
Tìm cây nào cây *Ko–lông*[1] nên dáng nên hình.

2

Ruột dính liền với dạ dày
Chạch ở rày những chốn bùn ao
Cơm đào sâu đáy nồi đích là cơm cháy.

3

Con đỉa *bơlu*, cắn khắp cả mình
Con vắt *pơlôm*, chực rình cắn chân
Lao cầm, phải đâm đúng ngực!

4

Nhà em lợp lá *trio*[2]
Em chớ lợp lá *xra*[3]

---

1. Loại gỗ to, mọc ở rừng già, vùng hạ lưu sông Đa Đơng, nơi người Mạ cư trú.
2. Trio: loại cọ, cây cao từ 25 đến 30 mét, ở vùng rừng lầy, lá cọ *trio* bóng, đẹp mượt mà.
3. Xra: một loại cọ khác, phổ biến ở vùng Mạ.

Nhà em lợp rạ
Em chớ lợp lá *rxôi*[1]
Em đã mặc váy *ôi pang*[2]
Chớ quàng váy vỏ *ôi yar*[3]!

5

Chẳng còn ai gợi lại chuyện cũ
Với lũ dưới khe
Với trẻ trên rừng
Với đứa mấy làng bốn bên...

6

Lợn ăn chung một máng
Trâu gặm cỏ một đồng
Con trẻ cùng chơi chung
Trai gái thành vợ chồng
Canh chia chung vui vẻ
Cơm sẻ chung càng vui
Tới lui con đường cũ
Đi lại đủ ngày trọn năm
Thăm nhau thường ngày qua lại
Theo con đường ân ái đã quen
Tạo nên nghĩa vợ, nghĩa chồng
Đường ông bà, đường đã thuộc.

7

Chẳng còn nghiến răng như lũ chuột
Chẳng còn lội nước như loài rái cá!

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

---

1. Rxôi: một loại cọ thấp, lá bền, nõn ăn được.
2. Ôi pang: váy dệt bằng bông vải, người phụ nữ Mạ thường mặc.
3. *Ôi yar*: váy thô, dệt bằng sợi cây, phụ nữ Mạ thường mặc trong khi lao động.

DÂN TỘC MÔNG

1

Ăn cay đắng không tủi thân
Bị chửi cay đắng thì tủi đời.

2

Mình đến nhà người thì mình ăn nhiều
Người đến nhà mình thì mình ngồi gãi

3

Có nước tất cả cùng đổ
Có tiền tất cả cùng tiêu

4

Chim hoa đẻ trứng, chim đỏ ấp trứng[1].

5

Thấy thuồng luồng thì nghèo,
Thấy hổ thì chết.

6

Gặp hổ nhất định chết,
Gặp quan nhất định đói.

7

Một chân đứng không vững,
Một tay vỗ không vang.

8

Bạc vàng ở đỉnh núi, không làm nó không về.

9

Muốn ăn đủ thì hỏi hai tay.

---

1. Giống câu *lợn làm ruộng, chó ăn com* của người Tày, và tương tự câu *thằng còng làm, thằng ngay ăn* của người Kinh.

10

Vòng gần (thì) chóng mưa,
Vòng xa (thì) lâu mưa[1].

11

Trời nắng rau chết,
Trời mưa rau xanh.

DÂN TỘC TÀY

Dự đoán thời tiết:

Tháng ba u ám nắng
Tháng tư u ám mưa

Vằn diều thì mưa
Vằn chim thì hạn

Quầng sắt lũ
Quầng đồng hạn

Vằn cá thì mưa
Vằn cáo thì nắng

Lửa bén kiềng thì nắng
Lửa bén chảo thì mưa

Hoẵng cười thì nắng
Hoẵng giác trời mưa

Trời sấm tháng giêng
Nước ngập khắp nơi
Trời sấm tháng hai
Em đi nhà chị về không

Tháng chạp thiếu
Rau xanh ăn không hết

---

1. Câu này nói về hiện tượng thời tiết; quầng gần mặt trời chóng mưa, quầng xa mặt trời lâu mưa.

Tháng ba đắp chăn
Mạ không đủ cấy ruộng

Đông ráo tết ướt
Mùng ba bằng con dao
Mùng năm bằng cái "bai"[1]

Sản suất:

Quả nhót đỏ tròn
Phai mương phải sửa

Lá xau xau xanh
Con gái chớ đi chơi

Ruộng cày tháng chạp
Thóc gánh gãy đòn

Ruộng cày tháng chạp
Phân không gánh cũng tốt

Ruộng dài ăn bạc
Ruộng tròn ăn mạ

Rẫy ăn sải
Ruộng ăn gang

Đất tốt trồng bông
Đất xấu gieo đỗ nho nhe

Ruộng guồng khó làm ăn
Ruộng máng khó lấy nước

Ba pung ruộng bờ sông
Đừng khoe khoang gì lắm

Cha cho ruộng dưới mương
Tốt hơn lạng vàng cha cho

Quả dâu da đút lỗ mũi, gieo mạ
Quả dâu da tím dái ngựa, cấy lúa

Mười nước ngâm gốc
Không bằng nước rơi ngọn

---

1. Như cuốc lưỡi tròn.

Ruộng chờ mạ mới nên
Mạ chờ ruộng đeo nải đến nhà người

Cấy lúa theo hạ chí
Bốn gánh chẳng được quẩy
Cấy lúa đến ve kêu
Thóc không qua bữa tết

Khoai sọ không qua thanh minh
Gừng không qua cốc vũ
Sương giáng rông trâu bò

Rẫy được một tháng thì làm cỏ
Ruộng được một tháng thì sục bùn

Người đi câu đứng một chỗ cũng được
Kẻ quăng chài phải theo vực mà đi

Lúa rìa ruộng gặt khó
Cơm rìa nồi ăn ngon

Đi mua đi trưa
Đi bán đi sớm

Lao động:

Chết đất chôn
Sống đất nuôi

Tiền bạc ở dưới đất vô số
Chăm làm không sợ nghèo bao giờ

Của bàn tay nước nguồn
Của bố mẹ nước lũ

Thêm chén rượu hóa cuồng
Thêm bó mạ được ăn

Ra đồng làm tớ
Về nhà được ăn
Ra đồng làm quan
Về nhà ngưng mồm

Ăn cắp không đủ
Ăn xin không no

Càng có càng chăm
Không thấy thì ngồi không vậy

Ba lần ăn cơm
Chín lần chải đầu

Sớm sợ sương
Trưa sợ nắng
Chiều thấm thoắt gần tối

Trâu đực không chuồng
Trai lười không nhà

Chồng khôn vợ cắm hoa
Chồng lười vợ đeo cày

Đàn bà lười trồng bông thành cáo
Đàn ông lười làm việc thành hoẵng

Đàn ông không biết cày, biết bừa là ngu
Đàn bà không biết biến báo, không biết mặc cả là tối

Biết ăn chẳng biết lo
Của đầy kho cũng hết

Gỗ trôi lũ không gẫy cũng mục
Người lang thang không vụng cũng tối

Con người và xã hội:

Quan chẳng biết nghèo
Nồi không biết đói
Dễ dãi mấy khi có
Keo kiệt mấy khi khó

Kẻ nghèo gồng gánh lại khỏe mạnh
Kẻ giàu vung tay đi mệt mỏi

Gà đẹp mã với lông
Người dễ trông với của

Nhiều người nuôi nhiều người thì sống
Độc thân nuôi độc thân thì chết

Anh em đường xa
Không bằng đầu thang sáng lửa

Đập nước đau đầu cá
Đánh chó đau mình chủ

Mái gianh ở đâu
Anh em ở đó

Rễ cây ngắn
Rễ người dài

Mười nước dồn nên vực

Tiền bạc như đất cỏ
Mặt mũi tựa ngàn vàng

Cái bát trong chạn còn chạm nhau
Lời dở vứt đi
Lời hay nhớ mãi

Lượng cả mới nên rồng
Lòng cả mới nên thầy

Ngựa phục roi
Người phục lý

Bạn tiễn bạn qua phai
Bạn chết, bạn ăn thịt

Lúc đầu mọc mụn ghẻ
Bấu vào thành cái nhọt

Bên ngoại mong cho lớn
Bên nội mong cho chết

Không có con thì thua
Không có chồng thì hèn

Đàn bà yêu con út
Đàn ông yêu vợ lẽ

Yêu con yêu trong lòng
Thương chồng thương trong dạ

Hoa có xuân
Người có thì

Làm ruộng cấy sớm
Làm dâu đi nhanh

Trai trẻ kể với mẹ
Trai già kể với vợ

Ngắm gái ngắm tháng chạp
Ngắm trai ngắm sá bừa

Mắt nhỏ hăng gái
Mắt trắng hăng trai

Má lún đẹp gái
Răng trắng đẹp trai

Ăn quả chua không mời
Về nhà chồng không chào

Lấy chồng lấy con út
Lấy vợ lấy con cả

Mưa rơi có vùng
Phải lòng có người

Mẻ chua vì muối
Dâu hư vì mẹ chồng

Chồng già lấy vợ trẻ
Có bạc trắng thì được
Chồng trẻ lấy vợ già
Tham rẻ thì lấy

Có mỡ xào lá tre còn ngon
Có tiền lấy con quan còn được

Ngày không thấy thì hỏi
Tối không thấy thì lửa

Lấy tai làm mắt
Bảo quạ là gà

Khiến rái cá thăm đó
Nhờ lợn đi trực rẫy

Thấy nước chớ tắm quàng
Thấy gánh chớ liều mang

Dại chẳng dại bao nhiêu
Khôn chẳng khôn được hết

Đói chớ ăn thóc giống
Không con, chớ nuôi con người ta

Người khôn, khôn ra vẻ mặt
Người dại, dại ra chân tay

Gần lửa rát mặt
Gần sông sạch mình

Ăn ít mới có mãi
Ăn nhiều không biết ngon

Khôn ăn bên ngoài
Vụng ăn trong nhà

Nghe lời chim rơi bụi đùm đũm
Nghe lời nhân ngãi không thành vợ chồng

Nói nhiều bị lắm lỡ
Miệng tham bụng đầy

Gói được miệng kim
Không gói được miệng người

Ngay thẳng ăn không hết
Còng queo ăn không đủ

Ăn trước mắt
Bảo trước mặt

Mặt mũi xem chẳng đẹp bao nhiêu
Nhưng tấm lòng có lửa ai biết

Lấy tai làm mặt chẳng hay mấy
Bênh trẻ hay mất lòng hàng xóm

Mồm ngậm vàng hay ngậm bạc
Vào nhà không biết chào người hóa thộn

Trẻ con được áo thì mừng
Người già được lời đắng thì khóc

Ấm không bằng đống lửa
Tốt không bằng bố mẹ

Kính bố mẹ mới được ăn
Kính trời đất mới được ở

Biết nói, nói ba ngày chưa mếch lòng ai
Không biết nói, mồm chưa há người ta đã lườm

Tốt không bằng con ta có
Ngon không bằng bánh ta giã

Nên thì nên lần đầu
Không nên thì hụt trên hụt dưới

Gạo ban đêm thấy trắng
Gái ban đêm thấy đẹp

Chủ nhà thấy gần vỡ (no căng)
Ông khách mới thấy vừa

Dữ trước lành sau
Cười mừng suốt đời

Chịu đẻ con phá gia
Không chịu đẻ con mất nết

Không đi thì đắt
Thoắt đi thì rẻ

Chạy hổ gặp chó sói
Chạy lửa gặp trời nắng

Của người thì há miệng ếch
Của mình thì khép mỏ gà

Dạy khỉ trèo quả
Dạy rái cá lặn cá
Dạy chó săn thịt

Mồm chê lưỡi liếm

Thuyền xuống thác mới tìm mái chèo

Mèo nào mèo chẳng ăn cá
Chó nào chó chẳng gặm xương

Ngựa phởn bò cũng phởn
Ngựa phởn ngựa có yên
Bò phởn bò chổng đuôi đứ đừ

Nhiều mắt tị nhau
Một mắt tinh hơn

Chó không quen ngồi ghế
Ngắm lên ngắm xuống

Mõm lợn dũi đi trước được ăn
Mồm người nói trước không được ăn

Con chết mới bắt rận

Người làm không có
Kẻ chê vô số

Người trên ngọn không sợ rơi
Kẻ dưới gốc sợ chết
Cưỡi ngựa sợ ngựa chết
Đi giầy sợ giầy rách

Tháng năm mặc áo kép
Không ốm cũng dở
Tháng chạp mặc áo đơn
Chẳng lẳng cũng đi

Chim chích bao nhiêu mỡ
Cá diếc bao nhiêu ruột

Đường kim chỉ chẳng thông
Đường gió trăng thì tỏ

Lợn chê chó có bọ
Sồn sột như nhau

Rét không chê áo rách tổ rận
Đói chẳng chê cơm nguội ba buổi

Mồ mả chẳng lạy
Lạy đống mối

Không dưng lợn chẳng vào rọ
Không dưng thông gia chẳng vào làng

Rào làng hơn rào nhà
Rào nhà hơn rào buồng

Rau cải chẳng chết sương
Làm rể chẳng chết rét

Cây sắp đổ sợ gặp gió

Phơi với sương, ngửa với nắng

Ong dữ, tổ mới mẩy

Xuống bến nước thì tắm nhân thể

Tháo cá, ăn cơm nhiều

Mổ trâu, ăn cơm ít

Ngày cưới xin, ngày tiệc tùng
Không bằng ngày chờ cấy gặt của bà con

Nồi đồng dối thông gia chết đói

Gạo vào túi hóa ít
Cá vào xâu hóa nhiều
Kẻ cắp một mắt
Người bên ngoài nhiều mắt

Mười cơn ốm
Không bằng một cơn sầu

Đêm ốm dài
Đêm sli ngắn

Gà vỗ cánh ba lần mới gáy
Người cân nhắc ba lần hãy nói.

Lấy tai làm mắt chẳng hay
Bệnh con mất lòng hàng xóm[1].

Ngồi thẳng không sợ bóng lệch
Người ngay chẳng sợ lỗi lầm.

Làm người chớ miệng ngọt bụng chua
Làm người chớ bụng gian ruột ngắn.

Muốn ăn quả chớ ngắt lá
Muốn thành thông gia chớ chửi nhau.

Bạo cây (dễ thành) cứt quạ
Bạo nước (dễ thành) phân cá[2].

Con không nghe lời cha mẹ con hư
Lợn không vào chuồng sẽ thành phân hổ.

---

1. Nguyên văn: bệnh trẻ con hay làm hỏng bản làng nhà cửa.
2. Những chữ trong ngoặc đơn là do người dịch thêm vào cho rõ nghĩa. Ý nói: Giỏi gì mà chủ quan thì cũng dễ gặp tai nạn, thất bại.

Chăn trâu không mõ khó tìm
Nuôi con không địu khó công.

Có hổ mới có lốt
Có ốc mới có bùn[1].

Nhờ người khóc ma, không ra nước mắt.

Ếch có chuyện ếch lo
Đầu có chấy đầu ngứa.

Rào bản hơn rào nhà
Rào vườn hơn rào buồng[2].
Chó không quên lối, ong không quên tổ.

Một con ươn thối cả giỏ.

Một ách cày hai trâu sao được
Một ổ ấp hai gà sao nên.

Dâu lười mẹ chồng mắng nên lời
Mẹ chồng lười, dâu kể lể với người nên chuyện.

DÂN TỘC THÁI

Của không bằng người ta
Còn người còn của.

Quý kẻ xốc vác
Chuộng kẻ ham làm.

Chăm làm, người mới chuộng
Xốc vác, người mới quý.

Chiều chồng không dệt được cửi
Chiều con không làm được ăn.

Lành tốt ở tại mình, mình có làm mới thành.

Hạt thóc dưới đất
Miếng ăn trên rừng
Ai khéo cuốc, thành ruộng

---

1. Nguyên văn: Bơn *(bùn trong miệng ốc đùn ra).*
2. Ý nói: nên nhìn xa trông rộng từ trước.

Ai khéo bàn, thành bản
Ai chẳng chịu làm, cả đời dúm dó.

Hết gạo, hết mọi thức
Có lúa, có mọi đường.

Nương rợp mắt không bằng ruộng một thửa.

Làm nhà liệu gianh
Làm ruộng lo mạ.

Vàng bạc ngồi dưới
Thóc lúa ngồi trên.
Tìm người hiểu biết thì hiếm
Kiếm kẻ ba hoa đầy mường.

Thiếu trâu bò đến già vẫn thiếu
Hết thóc gạo ba tháng mà thôi.
Tiền sắp hết tậu trâu
Tiền có nhiều tậu ngựa.

Lấy vợ, xem bà vãi
Tậu trâu, xem con cái đầu đàn.

Sinh mường nào lấy cây mường ấy làm lạt.

Ở mường nào lấy cây mường ấy lam cơm[1].

Ăn khắc hết
Làm khắc xong.

Gạo mua không đủ, gạo xin chẳng no.

Làm ăn có tháng, làm nhà có ngày.

Đời người như ngựa chạy
Làm ăn như én bay.

Làm ruộng tận tháng Ba[2], được ruộng không được lúa
Uống rượu tận gà gáy, được rượu không được ngủ.

---

1. *Lam cơm*: nấu cơm bằng ống nứa hoặc ống dang. Cho gạo ngâm sẵn vào ống, đổ nước xăm xắp, đậy nút kín rồi đem đốt; chừng nào cháy hết lượt vỏ xanh ngoài ống thì cơm chín. Theo tục cũ, phụ nữ khi ở cữ phải ăn cơm lam thay cơm nấu. Ý nói: nơi sinh quán và trú quán đều là quê hương yêu quý như nhau.
2. *Tháng Ba*: lịch Thái tương đương khoảng tháng Chín âm lịch.

Hỏi đường, hỏi người già
Xin cơm, xin cô gái.

Một mình nghĩ không tròn
Một thân lo không xong.

Có bạn có đàn mới nổi
Có phường hội đông người mới tốt.

Giỏi một người không được
Chăm một người không xong.

Vỗ tay phải nhiều ngón
Bàn đúng cần nhiều người.

Hợp nhau người nể, lìa nhau người khinh.

Lắm miệng thắng rái cá, già mồm thắng hùm beo.

Cây chống chuối, chuối tựa cây
Hổ cậy rừng, rừng cậy hổ.

Đóng thuyền buộc nhiều bến
Gạo sẵn ngâm trong chậu nhiều mường[1].

Đầu mường ta là cuối mường bạn
Thuyền bè đứt trôi xuôi, người dưới buộc lại
Voi ngựa xổng chạy ngược, người trên buộc lại
Lợn chó ăn chung, gà vịt ăn cùng.

Anh em cùng cha như ong cùng tổ
Chị em cùng mẹ như quế cùng rừng.

Nhiều chống thì nhẹ
Nhiều cột thì bền.

Trâu lìa đàn nó kêu
Em lìa anh đau lòng.

Gà ngủ, cáo không ngủ.

Ăn phải dành, có phải kiệm.

Ăn lắm thì nghèo, ngủ nhiều thì khó.

---

1. Ý nói: biết giao du đoàn kết với mọi người thì đi đâu cũng có thuyền chờ sẵn, đến đâu cũng có cơm mời ăn.

Đừng ăn quá miệng, đừng diện quá sức[1].

Mười sắp có không bằng năm cầm tay.

Cá sấy không trở lại đẻ
Gà sấy không trở lại ấp.

Nhiều người đắp bồi thành vũng
Nhiều người ghét bỏ thành thác.

Anh em lên nhà, đừng đập chó
Chú bác lên nhà, đừng đánh con.

Yêu nhau nói thẳng, không yêu nhau nhắn lời.

Người mở tráp, đừng nhòm
Người mổ lợn, phải giúp.

Mong người khổ, ta khổ
Mong người giàu, ta giàu.

Nhổ bọt nhìn khe sàn, ngồi xổm nhìn bẹn.

Người đã van xin, đừng giết
Ngựa đã van xin, đừng cưỡi.

Ở núi này hóa thấp, ngắm núi nọ hóa cao.

Tắm rửa nơi này, cọ chân nơi kia, không nên.
Làm ruộng nơi này, khoe tốt nơi kia, không nên.

Bạn cùng mâm rượu đắng, khác
Bạn cùng ngửi mùi hôi, khác[2].

Có ăn có những chín bà bác
Không có ăn một chàng em vợ cũng không.

Không bịt nổi nước nguồn, không gói nổi khói bay.

Đan rào không lấp nổi hang thuồng luồng
Đan phên không chắn được mặt trời.

Đừng chui vụng vườn rau
Chớ ăn trộm vườn dưa.

---

1. Ý nói: làm việc gì đều tính xem có thỏa đáng, phù hợp với điều kiện của mình không. Nguyên văn: ăn phải nghĩ đến bụng, diện phải nghĩ đến thân.
2. Ý nói: cần biết phân biệt bạn bè, bạn rượu chè khác bạn đồng cam cộng khổ.

Than không hồng, đuôi cá không cong.

Đầu bằng chiếc đũa, đuôi bằng chiếc quạt.

Trâu mộng húc nhau, nát rừng cỏ cằn.

Cáo bắt trúng gà nhà khó
Lửa cháy trúng áo kẻ không có vợ.

Trâu trắng đi đến đâu cũng trắng
Trâu đen đi đến đâu cũng đen.
Không gặp gấu, không biết sợ gấu
Không gặp hổ, không biết sợ hổ

Ở bản mình là trâu đực
Tới mường người thành trâu cái[1].

Gần lửa thì nóng, gần roi thì đau.

Chín đất người không bằng ương đất mình.

Đừng ăn ong của nàng, đừng ăn nai của *tạo*[2].

Con quan biết chữ làm quan
Con dân biết chữ vác đòn càn xin ăn.

Ghẹo ma ngủ mả, trêu *phìa tạo* ngủ gông ngủ cùm.

Quan khéo phán, tớ khéo nịnh.

Muốn sẹo thì trêu gấu
Muốn béo húp trêu ong
Muốn khốn khổ trêu *phìa* trêu *tạo*.

Kẻ nói ngọt có hổ trong ruột
Kẻ nói khéo có gấu trong lòng.

Cá quả ăn con, ốc nào lại không xơi bùn.

Tớ nhà quan như gà đậu chuồng
Đã bắt con nào chẳng kêu xin được.

Thịt không đứt, đừng để rơi khỏi thớt
Lời không hòa, đừng để đến *tạo* đến quan.

---

1. Ý nói: ở làng thì hăng, ra ngoài thì nhát.
2. *Nàng*: *(cô nàng)* con gái nhà quan. Tạo, phìa: chức quan phong kiến Thái.

Khôn ngồi đầu nhà quan không bằng kẻ lang thang khắp mường[1]

*

Bố mẹ dạy không bằng thầy dạy
Thầy dạy không bằng suy nghĩ.
Học khôn học đến chết
Học khéo học đến già.

Tuổi mười hỏi tuổi hai mươi.

Đừng nuôi con cọp
Chớ chứa con dâi
Đừng dại nuôi rắn.

Chơi dao đứt tay.

Trêu gà, gà mổ mắt
Trêu chó, chó liếm môi
Trêu chày, chày đánh vào đầu.

Đánh bạc, mất trâu
Đánh bài, mất vợ.

Sừng trâu cong khó uốn
Người ương ngạnh khó dạy.

Đừng đánh người tốt
Đừng giết người hiền.

Khéo dạy con, được ăn thịt ăn da
Vụng dạy con, chịu tình chịu tội.

Mất của dễ tìm
Mất lòng khó kiếm.

Nuôi con không biết bụng
Nuôi em không biết lòng.

---

1. Phần tục ngữ từ đây trở lên là của dân tộc Thái, ở trên các tỉnh vùng Tây Bắc, do Hà Văn Năm, Cầm Cầu, Quàng Thị Ún sưu tầm, Mạc Phi dịch. Phần tục ngữ từ đây trở xuống là của đồng bào Thái vùng Yên Thượng (Thanh Hóa) do Đào Văn Tiến sưu tầm, dịch (BBS).

Hổ vằn ngoài da
Người vằn trong bụng.

Người khôn trông vết chân đi
Người khéo trông dáng điệu cử chỉ.

Không có của đừng đi buôn
Không có vườn đừng nuôi tằm.

Người đẹp, đẹp đủ mọi đường
Người xấu, xấu hết chỗ nói.

Cây nào lá ấy
Cây mềm lá mềm, cây gai lá gai.

Quen voi, chớ sờ ngà
Quen chó, chớ mó răng.

Quen nhà, đừng quen phép
Ép người, đừng ép rượu.

Voi có ngà, trâu có sừng.

Gần lửa thì nóng, gần men thì say.

Nước dâng, cá ăn kiến
Nước cạn, kiến ăn cá.

Của chân tay như nước suối rỏ giọt
Của bố mẹ như nước lụt dâng.

Làm rẫy đừng bỏ ruộng
Nuôi lợn chớ quên gà.

Có nước có cá, có ruộng có lúa.

Nhiều người lắm miệng
Nhiều miệng lắm điều.

Nói dối thành thầy *mo*
Biết lo hỏi được vợ.

Mọi giống người nói dối đều chết
Mọi thứ vải kẻ sọc đều phai.

Chim đẹp nhờ bộ lông, người đẹp nhờ bộ cánh.

Trâu béo nhờ cỏ
Trẻ mồ côi khôn lớn nhờ họ hàng.

Đi đường rậm về đường quang.

Đi bộ, không mang nỏ, thấy chim đậu
Đi thuyền, không mang chài, cá đến gần.

Đường đi ở miệng.

Nhiều cây làm nhà mới đẹp
Nhiều cột chống vững sàn
Đông anh em nhà vui vẻ.

*

Một cây chẳng thành rừng
Một cành không thành bụi[1]

Đoàn tụ, tốt cho cha mẹ
Chia rẽ, lợi cho *tạo* quan.

Lửa cháy, cùng nhau dập lửa
Giặc đến cùng nhau diệt giặc.

Một cây rào vườn chẳng kín
Dân không đồng lòng dựng bản chẳng nên.

Lòng bàn tay là da
Mu bàn tay là thịt
Cấu chỗ nào cũng đau.

Rắn lên nhà
Tạo vào nhà.

Làm thầy người dốt
Thà dắt ngựa cho kẻ khôn.

Con dân cầm đòn
Con quan cưỡi ngựa.

Mồm nói thương, tay móc túi.

Đời cha cưỡi ngựa vào cổng
Đời con cưỡi ngựa vào chuồng.

---

1. Phần tục ngữ từ đây trở xuống là của dân tộc Thái Tây Bắc, do Hoàng Trần Nghịch sưu tầm, dịch (BBS).

Ở núi heo hút nên người
Ở mường đông vui thành tôi tớ người.

Trái phép ít, mất trâu
Trái phép nhiều, hóa thành tôi tớ.

Kẻ giàu tìm chỗ để của, không thấy
Người nghèo tìm miếng mụn vá, không ra.

Ngựa không ăn cỏ đêm không béo
Người không ăn của người khác không giàu.

Đeo mõ vào cổ, con nào cũng kêu loong coong.

Ăn lắm cũng hết thóc.

Gà có lông, người có giá.

Chị dâu với em chồng
Như con mắt với quả ớt.

Gái kể trai
Như trâu kể mạ
Như ngựa kể yên, chẳng tốt.

Kim đi thì chỉ lọt.

Đầu vụ, cấy vào bãi cỏ cũng được ăn
Cuối vụ, cấy vào vũng trâu đằm cũng không được ăn.

Đất đen trồng dưa
Đất đỏ trồng bầu.

Đất người có bịch gạo trắng cũng đừng cầm đòn qua lại
Bản mình rậm nên chăm chỉ phát quang.

Muốn ăn cơm phải làm ruộng
Muốn ăn cá phải đào ao đan rọ.

Trăng đội nón sắt, nước lũ
Trăng đội nón đồng, nước cạn[1].

Một hạt thóc, chín hạt mồ hôi.

---

1. *Trăng có tán rộng, mầu xanh xám*: trời nhiều mưa và mưa to; trăng có quầng màu úa đục: trời ít mưa, hạn hán (BBS).

Đầu mùa, ve kêu thì đói
Cuối mùa, ve kêu thì no.

Trời sấm trước, không mưa.

Trời sắp nắng, sao tỏ
Trời sắp mưa, sao mờ.

Đào mương không hoài công
Đắp đập không phí sức.

Nước ngập ruộng (thì) bịch thóc đầy
Nước ngập lúa (thì) người cày chết đói.

Lười ruộng nương, phải đói
Lười uống rượu, được ăn uống nhiều hơn.
Mưa nắng mặc trời
Việc ta làm chưa thành chưa nói.

Không mến nhau, mặt trắng bảo mặt đỏ
Không quý nhau, người tốt bảo người xấu.

Nhường nhau, đường cái để trống
Không nhường nhau, đầu gối đập nhau.

Thù nhau bởi tranh mạ
Giết nhau bởi tranh ruộng.

Bạc nặng vai không bằng chứa khôn trong lòng.

Rời khỏi miệng mình, lọt vào tai người.

Thịt ngon chẳng lọt rổ
Ngựa quý chẳng lọt tàu.

Ở chung nhà kẻ lười hóa lười
Ở chung bản kẻ chăm hóa chăm.

Già gọi bằng mẹ
Có tuổi gọi thím
Người có chồng phải gọi bằng chị, bằng bác.

Uốn cây khi còn non
Dạy con thuở còn nhỏ.

Cây đâm vào mắt, nước mũi chảy
Con gặp hoạn nạn, bố mẹ lo.

Không có mèo, chuột gặm khung cửi
Không con cái, người ta coi thường.

Khôn quá, không có chỗ mà ngủ
Khéo quá, không có chỗ mà ở.

Gần nồi thì đen, gần lửa thì sáng.

Thuận vợ chồng, chém núi đá cũng được
Không thuận vợ chồng, chém sợi dây rừng không đứt.

Đeo gạo no cơm
Đeo chăn thì ngủ ấm.

Hà Văn Năm, Đào Văn Tiến,
Hoàng Trần Nghịch *sưu tầm*
Mạc Phi, Đào Văn Tiến,
Hoàng Trần Nghịch *dịch*

DÂN TỘC VÂN KIỀU

VỀ ĐẤU TRANH CHỐNG THIÊN NHIÊN, ĐẤU TRANH XÃ HỘI, VỀ KINH NGHIỆM XỬ THẾ, VỀ KINH NGHIỆM SẢN XUẤT

Những câu dân ca sau đây xét về nội dung và cấu trúc là những câu tục ngữ, nhưng ở vùng Vân Kiều người ta cũng hát lên khi lao động, lúc đi đường, trong các buổi hội hè và cả trong khi tỏ tình yêu trai gái.

Mỗi câu hát mang nhiều ý, nghĩa khác nhau tùy theo môi trường và tâm trạng của người hát. Có câu hát người nghe phải hiểu ngược lại những lời đang diễn đạt mới đúng ý, đúng nghĩa được. (Ý nghĩa này phụ thuộc vào giọng hát và dáng bộ diễn đạt).

I. ĐẤU TRANH CHỐNG THIÊN NHIÊN, KINH NGHIỆM SẢN XUẤT

1. Sương dày dày báo cơn mưa sắp đến
   Tối đồi, tối núi báo cơn mưa đến.

2. Tối đồi, tối núi (tất) cơn mưa sắp đến
   Ống tre, ống nứa, dơi nhỏ, dơi to chen chúc nhau ở.

Tối đổi, tối bãi (ăn) cả con trâu rừng, con takeng
Tối hang, tối vực con cá sấu, con thuồng luồng.

3. Mưa lâm thâm nấm *bét* ló ra
Mưa lất phất nấm dai nở rộ.

4. Rạng sáng nấm *bét* bắt đầu nhú
Lúc giữa trưa nấm dai xòe tán.

5. Mưa phùn dày hạt làm thối gốc rạ
Mưa phùn làm rét con cào cào non.

6. Đã lỡ mưa phải có nước tràn
Đã lỡ tạnh phải có nắng, gió hanh.

7. Trời mưa, tưới cho cây ngô trổ bắp
Trời mưa, tưới cho cây lúa nở xanh như bụi sả.

8. Mới tới đám đất này,
Ước được cây ngô lên bắp
Ước cây lúa xanh màu lá sả
Cây bí sai quả
Dây dưa chuột bò lan kín đất.

9. Làm mùa cho sớm kẻo con dế ăn hết hạt giống
Làm mùa muộn con chim cu nhặt hết thóc

10. Làm nhà một ngày (bằng)
Làm rẫy một buổi.

11. Ăn cơm mau chết!
Ăn sắn sống lâu!
Ăn rùa càng chết mau!

12. Làm nhà cho thành một hướng
Tạo đất nước cho thành một dải
Làm nhà cho rộng sao duỗi được cái chân,
Tạo đất nước có chỗ cho cái chân đi lại được
Làm sao cho buồng lớn, ngăn bé,
Để đứng ngồi đều được thoải mái.

13. Không đi làm thì nhặng xanh bâu vào tay
Không đi làm thì ruồi trâu cắn đục vào chân.

14. Không đi làm, việc đã bày ra cũng phải làm
Không (tự nguyện) đi làm việc (rồi) để người ta sai bảo,
buộc phải gắng mà làm.

15. Lửa nhom nhem nướng sắn xương làm sao chín?
Lửa nhom nhem thui con chim *giang* làm sao chết?
Chiếc nồi nho nhỏ làm sao nấu được cơm cho cả bản ăn.

16. Chặt cây phải chặt (nhát dao) trùng vào một chỗ
Đẽo cây phải vát cho liền mặt phẳng
Leo cây phải buộc cho chắc dây nài.

17. Người ốm yếu (mà) biết chịu khó làm gì cũng được
Người to béo (mà) nhác chẳng làm được việc gì.

18. Cây *đoác* mọc trên bờ đá, tôi muốn đến nhưng sợ gai
Cây lá nón mọc trên bậc lở, tôi muốn chặt nhưng sợ (nhầm) của ma quỷ
Nhìn cây thấy thích nhưng sợ nguy hiểm.

19. (Sao) mày chặt cây lim bằng chiếc riu long cán?
(Sao) mày chặt cây *radâng* bằng chiếc riu long cán?

II. SINH HOẠT

20. Tiếng kèn tiếng vui
Tiếng *khlui* tiếng buồn.

21. Tiếng chày hai thời khác tiếng vọng
Lời ví thuở xưa khác lời nói ngày nay.

22. Xách bầu phải xem quai
Địu con phải xem vải buộc
Làm cỏ phải xem cán nắm.

23. Đi khỏi nhà vấp phải rễ cây
Nên quay lại.
Vừa nhổm dậy
Nghe con gà cục tác
Nên ở nhà.
Ông bà ngày trước bảo thế.

24. Chưa tốt mày bày
Chưa trắng mày giã.
Mày đừng có nản chí
Mày đừng để nó dẫm lên dấu chân
Mày đừng cho nó khinh nhờn mặt.

25. Cùng ăn chung một rá
Cùng bốc (ăn) chung một thúng
Một miếng vải cùng đắp (vấn) chung
Con gái út muốn lấy ai phải chọn.

26. Trầu cau, bật lửa chỉ nằm trong bao dải.

27. Ngủ nhện giăng đầy mặt.

28. Người không thật, nói năng lắm lời
Câu ngược, câu xuôi như nắm tóc rối
Chuyện đến, chuyện đi ngổn ngang, rối bời như những mạng gân
Nhìn đi, ngó lại chẳng chịt những thói hư, tật xấu.

29. Nằm co quắp, ăn cơm cúng người chết
Nằm ngủ mê, ăn cơm nửa sống, nửa chín.

30. Thả voi thì nó đi xa
Thả trâu thì nó đi thẳng.

31. Nhiều việc làm không hết
Ăn bậy bạ nhiều thứ không béo, không khỏe
Nhiều người yêu, không ra gì cả.

32. Lửa gặp gươm (như)
Chàng gặp nàng.

33. Người tốt nết đi qua
Đẹp mắt muốn liếc
Mũi thoảng mùi thơm, muốn vớ.

34. Gặp lười chớ hóa anh lười
Gặp hủi chớ lây bệnh hủi
Hãy biết giữ lấy cái mồm, cái lưỡi
Ăn ở cho nhiều người thương
Đừng mau phai như hoa *toongarát*
Đừng chóng bạc như vôi
Ăn ở với nhau cho trọn một đời
Lúc khổ cùng khổ
Khi vui cùng vui
Đừng ăn cơm với cá một mình
Để mặc người ăn củ gừng với muối

Khi nghèo ta đừng kêu van
Lúc có của ta chớ vỗ ngực

35. Mày đã sinh ra núi, đừng cho núi lở
Mày đã sinh ra nước, đừng để nước cạn
Làm bạn đừng có nửa chừng
Chớ bỏ nhau giữa rừng chôn người chết (rừng nghĩa địa).

36. Ơ con chim *prongluông*
Mày làm tổ nơi cây cao
Mày đừng kiếm ăn quả ớt trên nương tao nhé!
Ơi con chim chơrao
Mày làm tổ trên bộng cây cao
Mày đừng bới hạt đậu trên rẫy tao trồng.

37. Con chim *caetới*
Mày kêu *"tới-tới"*!
Mày cưỡi trên lưng con lợn rừng
Mày dẫn đường nó vào phá rẫy lúa
Rẫy tao đã rào kỹ
Còn lại chỉ một lối đi
Ở đó tao đã đơm cái bẫy.

38. Trời kéo cơn giông, mày đừng đem thêm sấm sét
Sông tối, vực sâu mày đừng nuôi cá sấu
Và cơn gió, mày đừng hóa thành cơn bão

39. Mày đã làm thần Núi
Trong hang mày đừng nuôi hổ dữ
Hãy giúp ta chắn những cơn gió mạnh
Mày là thần Nước
Mày đừng đem con nước lũ
Cuốn đi bản làng của ta.

40. Nếu mày là thần Trời
Ta muốn lúc nào cũng trong xanh
Đừng kéo đến mây đen
Làm tối sầm mặt đất.

41. Mày đã sinh ra trời
Đừng gọi gió mạnh làm rụng lúa của ta
Mày đã sinh ra đất,
Đừng gọi thú dữ đến dẫm phá rẫy của người.

42. Đừng làm bạn với con nhà gấu
Chớ làm quen với cháu nhà hùm
Chơi với chúng có ngày chúng moi gan.

43. Nước trong đừng có ném đất bùn xuống
Trời trong chớ kéo mây đen tới
Nước ta uống, trời ta nhìn
Ta muốn mãi cứ trong xanh.

44. Nhà rộng, lòng chật ta đừng thèm đến
Nhà chật, lòng rộng ta muốn lại chơi.

45. Hoa đang nở chim muốn đến đậu
Hoa đã tàn rụng thì chim đâu có đến.

46. Anh có ra mồ hôi, hãy đi tắm nước suối
Da anh có đen, hãy đi tắm nước mạch trên đồi
Anh có nóng nực, hãy đi tắm nước chảy trong máng tre.

47. Mày (anh) đến nơi đây, mày (anh) phải phát cho rộng đường
Mày (anh) đến nơi đây, mày (anh) phải làm cho đường sạch như sân nhà.

48. Cay mắt buồn ngủ, lấy quả *taranh* bờ khe mà xát
Mắt sắp buồn ngủ, lấy nước cây *cùvã* bờ khe mà tắm.

III. ĐẠO ĐỨC, THÂN PHẬN

49. Trâu một chuồng, đừng bạng nhau!
Bò một chuồng, đừng nhìn gằm nhau!
Ước gì trâu khác bầy được họp thành một đàn!
Ước gì dao khác vỏ được bỏ chung một bao!
Ước gì nước khác khe chảy về một cửa!
Ước gì trâu khác đàn được cùng buộc một cột!

50. Cây khác bờ khe mong sao kéo chụm được ngọn vào nhau!
Cây khác đồi mong sao liền thành một cánh rừng!
Bụi cây ở cách xa nhau mong sao nối lại thành một bờ cây!

51. Thương nhau, quấn quít như sợi dây xe
Mười người lôi không đứt
Mười người bứt không rời.

52. Thân cây đã to, một người không dẫm nát được
Gốc cây đã lớn một người khó chặt hạ nổi.

53. Con voi muốn đi thoát, hãy ném nhiều dây thừng ra giữ nó lại
Con voi muốn chạy trốn, hãy nhảy lên đầu lấy kèo tài giữ nó lại.

54. Trâu không muốn ăn cỏ, cần chi phải đè sừng xuống đất?
Khách không muốn lên nhà, cần chi phải cầm tay kéo?

IV. ĐẤU TRANH XÃ HỘI

55. Có đúc rèn gì cũng là nồi đất
Giống lúa *rêxon* (lúa *cucu*) có cúng bái gì cũng là loại lúa xấu
Loại củ ráy dù ninh lâu mấy ăn vào vẫn ngứa.

56. Loại khoai sọ đời nào mọc cành?
Cây sắn làm sao ra củ giữa thân?

57. Mắt liếc ngang liếc dọc
Ngồi thì *làm thối* ra!
Sờ gì không có
Mó gì cũng không
Cả nhà trống rỗng.

58. Đi trong rừng, trong rú thích gặp được cây gỗ *chền khô*.
Đi vào rẫy mới, qua rẫy cũ, thích gặp hoa dưa chuột.

59. Đừng lùi bước trước khó khăn
Đừng sầu muộn khi cùng đường (gặp hiểm trở).

60. Gặp nhau giữa rẫy mày đừng lướt qua
Gặp nhau giữa rú non mày đừng tránh lối.

61. Hỡi con chim diều hâu
Mày kêu gì thảm thiết giữa mấy tầng mây
Mày kêu ai trên khoảng trời nắng chói chang
Ngày xưa có phải mày ác quá
Mày đã làm mưa làm gió
Thả xuống đầu người nghèo khổ
Mày đã cướp đi người vợ của anh mồ côi?
Ngày trước mày là *"tiều Kalang"*
Bây giờ mày không còn là con trai vua trời nữa,
Lưỡi gươm thần anh mồ côi đã chém mày,

Mày gãy cả hai cánh bay
Từ đấy mày không bay được nữa,
Mày đã hóa kiếp
Ở lại dưới trần gian này
Mặc cho mày cứ kêu cứ khóc,
Chẳng có ai thương mày đâu nhé!
Mày không biết thương người nghèo khổ
Người nghèo khổ cũng không biết thương lại mày.
Mày cứ kêu mỏi mồm: *Kalia, Kalia*!
Mày cứ kêu mỏi cả cổ: *Kalang, Kalang*!

62. Thương kèn *khlui*
Số phận đập vùi
Từ thuở măng tơ
Có người hái bẻ
Khi thành cây tre
Mưa dập gió vùi
Con voi đi ngang
Xéo lên cành lá
Con chim bay xa
Ngọn tre làm tổ
Chưa khổ hay sao?
Ai ngồi kia đó
Lại đốn tre về
Dùi tre thành lỗ
Xương thịt quặn đau
Lòng săn rét gió
Ta cất tiếng kêu
Trong ngoài đều rõ...

63. Tới chỗ có lúa, có gạo vẫn phải ăn khoai mài.
Tới vùng người Lào vẫn phải mặc vỏ cây sui
Phát rừng, phát rú ra chỉ để cỏ mọc loán hết
Chặt tre, phát nứa, chỉ lấy được tí nước trong ruột cây.
Đâu vì *chỉ bàn tay* đã định?
Đâu phải số phận éo le?
Hỏi mình thử vì sao?

64. Ước sao số phận khỏi bị chà xát dưới đất
Mong sao có người vực được số phận này lên.

65. Anh đan lát không khít thì đóng tong vào cho khít
Nếu đã đóng tong vẫn không khít tại tay anh không khéo.
Không phải có *ma Xipiên* đã định thế mãi.

66. Người bị đuổi khỏi bản, tại đã làm việc không tốt
Người bị *ném* khỏi cửa tại không lo tròn việc nhà.

Mai Văn Tấn
sưu tầm và biên soạn

DÂN TỘC XRÊ

1. Dao dài hay chặt
Dao sắc hay đâm
Giỏi mồm hay kiếm chuyện!

2. Ông vẽ chuyện, mong làm giàu
Ông đặt điều, hòng lấy của
Ông nói quấy nói quá
Hòng đoạt của nả người ta.

3. – Nợ gì mà bắt
Như chặt dây non
Món gì nên nợ?

4. Muộn cơm, trẻ tìm
Muộn canh, trẻ kiếm
Nhịn lắm tức bụng
Nổ đùng sấm vang?

5. Gây tức, ta phá
Gây bực, ta đá đổ chòi
Gây ức, ta dời chỗ thôi
Muối, ta chẳng thèm nếm
Cá, ta chẳng thèm ăn!

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

2/ LỜI NÓI VẦN

DÂN TỘC CHĂM

Ngước nhìn đỉnh núi Djôi
Lòng nhớ thương sinh bệnh hóa điên.
Vì nhớ chàng mà tôi sinh bệnh
Thân tôi gầy bằng cây quay
Người ta vừa kết bạn liền thành.
Mình như cua gãy càng.
Người ta vừa kết bạn liền hợp.
Mình dựa vào làng gọi đặt tên
Mình tìm bạn như người lội nước đuối sức
Biết chừng nào đến bờ để vịn
Vịn lên trời không đặng
Vịn vào xứ sở xóm làng lại càng cách chia
Mình kết bạn như người ta lấy cây gạt
Vì sao cách biệt ức quá trời.

*

Mưa đen!
Em xòe váy bọc
E rằng người yêu Ribung
Trúng phải giọt mưa.
Mưa đến!
Em lấy cây gạt
E rằng văng
Trúng chàng Ribung.

*

Nắm tay em, lòng như cối xay đưa
Nhớ nghe em, những ngày đau khổ
Nào ai khổ bằng anh?
Ăn trái cây, liếm sương mù.

*

Về thôi em, cho đùi gác lên
Tay em nâng

Đầu kề đầu
Tóc em rối như cỏ
Tay em vuốt
Mượt như lược chải đầu
Người ta ăn cơm chan nước
Em ăn, nước mắt trộn với cơm.

*

Chó sủa đêm tìm đuổi
Anh nằm ven bờ rào
Về đi cho em yêu thương
Ven theo bóng rào
Khăn em che.

*

Rừng cao cọp rền vang
Tối cùng đêm nào sợ cọp
Vì mẹ đánh đập
Đi cho cọp bắt cả hai người
Vì mẹ ngăn cấm
Để cọp bắt cả hai cho xong
Lòng anh cũng thuận.

*

Một cái trét (giỏ) một cái kavan (ly) chung
Bỏ họ hàng theo chàng trai
Nào nhớ ai khổ bằng nhớ anh
Ăn rễ cây
Liếm sương mù.

*

Lấy thang định trèo
Hỏi trời:
Thần nào sinh ra con
Người ta như lúa chắc, con như lúa lép
Lép của người ta còn có chắc
Riêng thân con:
Toàn lép.

Lưu Văn Đảo
sưu tầm – dịch

DÂN TỘC DAO

1

Kèn nhỏ không dám thổi nơi phố lớn
Sáo con không dám thổi sợ lạc giọng
Một cây trúc bắc cầu, chẳng dám sang
Không có thuyền bè, khó qua sông[1]

2

Một thân lạc đến nơi quan lớn
Không có tiền, chẳng dám xuống chợ
Không có tiền, chẳng dám xem trò
Kém văn chương, ngại hát đáp bạn.

3

Vừa ra cửa đã phải phơi nắng
Đi đường xa, cần có quần áo thay
Trong tay không có chèo, có chống
Cho thuyền xuống sông, chẳng dám bơi.

4

Tay vừa thả cỏ xuống sông hồ
Thấy chim bói cá ở bờ ao
Muốn bay lên trời, không có cánh
Không có thuyền, vượt nước làm sao.

5

Ra cửa, đi chơi làng này sang làng khác
Giờ mới tới đây, tự xưa này
Nghe nói chốn này đầy náo nhiệt
Gặp chim, chúc xuân vui thú thay

6

Giương cánh thưởng thức luồng gió mát
Gió quạt cành, rung rinh lá cây

---

1. Chúng tôi giới thiệu ở đây những câu ca của người Dao đỏ (Dao tả pan) vùng Quản Bạ (Hà Giang). Đoạn này có ý khiêm tốn, trước đối tượng hát đối đáp.

Đón luồng gió mát thời khoan khoái
Song cánh non, ngại cùng bạn tung bay.

7

Chim non, không lông, cánh còn nhỏ
Thấy cây cao, chim không dám bay lên
Không có tiền, e chẳng được vào học
Kém thông minh, chẳng dám nhận lời chúc khen.

8

Mở cửa ra, chân qua cánh "long môn"
Ngàn xa, phượng hoàng cũng mang thư đến
Nơi kia, dù nhiều hoa không mơ tưởng
Thư chỉ đến nơi đằm thắm nhân duyên.

9

Trăm điều, nghìn điều rối mắc trong lòng
Em không dám để một ai hay rõ
Bên trái suy, bên phải nghĩ mông lung
Em đành nhờ ông thầy viết thư hộ.

10

Thư em không có gì gửi kèm theo[1]
Gửi anh chỉ một manh giấy trắng
Bởi chưng nhà em quá khổ nghèo
Mong anh đừng đem lòng oán giận.

11

Trong lòng em ngổn ngang trăm mối
Bởi nhà em nghèo, chẳng còn một chén dầu[2]
Chỉ có thư, không tặng vật gì gửi tới
Giấy trắng thay lời gửi đến nhau.

12

Em chỉ là kẻ nhỏ mọn, kém hèn
Chẳng biết lối nào là lối tình duyên

---

1. Thường dân tộc Dao khi gửi thư cho nhau, thì gửi kèm nhẫn hay vòng tay hoặc áo, xà cạp, chỉ thêu, chỉ màu. Lời cô gái ở đây là cách nói khiêm tốn.
2. Dân tộc Dao từ xưa hay đong dầu lanh, dầu vừng... bằng chén.

Em như một kẻ ăn mày, ăn xin
Vậy mà anh lưu tâm, không kén chọn.

13

Anh hãy làm ơn bớt chút tình
Dắt em lên đến cõi cầu duyên
Em như con cá nơi ao cạn
Vất vả qua năm tháng triền miên.

14

Anh như ngôi sao tỏ trong đêm
Bớt phần ánh sáng dọi phận hèn
Em như được bạc vàng, châu báu
Sớm chiều giữ chặt ở trong tim.

15

Em chẳng khác nào kẻ ăn xin
Có thể nào anh ở cùng em
Thân em hèn mọn, đâu đáng giá
Hẳn anh chỉ đùa cợt với tình.

16

Xin anh giữ lại một phần tình
Dành đường lối nhỏ để em đi
Quê anh có biết bao người đẹp
Mà anh chẳng để mắt làm chi.

17

Phận em xấu số, nghĩ bản thân
Có mẹ không cha, lệ chảy tràn
Mặt trăng khi sớm đà khuất núi
Mặt trời còn canh gác trần gian[1]

18

Còn mẹ, không còn bố nuôi con
Không bố, lòng buồn đau như cắt

1. Ví bố như mặt trăng, ví mẹ như mặt trời. Ý nói bố đã chết từ lâu, chỉ còn mẹ nuôi con.

Thân em sống như kiếp gà non
Không bố, gà chỉ bới mặt đất.

19

Dân vùng Chế Quá[1] áo rách tả tơi
Dân vùng Na Pô[2] áo thời tơi tả
Dân vùng Phí Áng Cha[3] áo như giẻ lót nồi
Dân vùng Vòm Bui[4] áo như chảo vá

20

Vua quan thu thuế chẳng là bao?
Bởi chưng hào lý quá tham giầu
Tài sản gia đình ta bán hết
Vợ con đói rét, cậy nhờ đâu?

DÂN TỘC DÁY

1

Rau cải chưa nên tỉa, cũng tỉa
Con vịt chưa nên giết, cũng giết
Con gái chưa đủ lớn, cũng gả
Bố mẹ sợ hết trai thiên hạ.

2

Có ăn hay không có ăn cũng được
Chỉ cần luôn luôn gặp người yêu
Thế mới thực là tình ta nặng.

3

Cô bảo rằng cô sống thủy chung[5]
Đậu phụ không có xương khó ăn
Hòn đá biến thành bạc cũng vỡ.

---

1. *Chế Quá*: thuộc xã Yên Minh.
2. *Na Pô*: thuộc xã Bạch Đích.
3. *Phí Áng Cha*: đất Trung Quốc, giáp Quản Bạ.
4. *Vòm Bui*: đất Trung Quốc, giáp Yên Minh.
5. Nguyên văn: con gái bảo con gái lòng đầy.

4

Mặt trời đi nửa trời, không về
Cô nàng đi theo người (khác), khó lại

5

Anh khổ sở biết bao nhiêu
Làm người không bằng người, khó tính toán.

6

Lâu ngày vắng ai, tưởng người về âm phủ
May thay, anh đây không ăn giỗ cô em.

7

Xưa kia chúng ta ở giáp bên nhau
Giờ đây anh đến nhà, em chẳng hỏi một câu.

8

Hút thuốc, điếu tiếp điếu mới ngon
Yêu em ngày qua ngày mới say.

DÂN TỘC TÀY

PHUỐI PÁC[1]

1. Chàng ơi, nón cọ hay nón bạc
   Nón chàng đội hai người được không
   Đội được, em xin đi cùng đường.

2. Anh cũng mong trồng chuối đầy vườn
   Để dễ dàng lấy lá ngày tết.

3. Chớ lừa nhau đặt lờ trên cây
   Biết bao giờ mới được gặp cá.

---

1. Một thể dân ca, hát đối đáp, có làn điệu nhưng không ngân nga như lượn..., thường được dùng nhiều nhất trong hai trường hợp: khi mới gặp và lúc tạm biệt nhau (BBS).

4. Anh xa em, anh ăn cơm với cá
Em xa anh, em chan nước mắt thay canh.

5. Thương nhau, nước đựng sàng không chảy
Không thương nhau, nước đựng chậu còn trôi.

6. Trời ơi, sao không loạn
Để đôi ta dồn bản lại với nhau!

7. Bắc thang sao lên tới trời
Lấy sào vặt mặt trời sao được?

8. Rau cải trong vườn không tỉa
Sao lại nhặt lá dấp ngoài đồng
Lá dấp lẫn cỏ gianh với rác.

9. Thân anh như hoa mẫu đơn trước chùa
Em như quả đậu leo cành cây khô
Quả đậu còn người xin làm giống
Hoa mẫu đơn chỉ để già bỏ không.

10. Lá trầu bằng cái ô
Nửa ăn nửa đem bán
Cho anh xin ăn không một miếng
Coi như vứt lên núi cho khỉ
Coi như vứt xuống đất cho gà.

11. Trầu em, trầu rừng già
Nhá[1] em, *nhá* rừng to
Chấm em, *chấm khau thương*[2] leo cây
Thiên hạ không nuốt nổi mới còn
Làm sao lại để anh ăn được!

12. Chớ lừa chuột lên gác cất thang
Chớ lừa em đun bếp bắc nồi không
Chớ lừa em dựng bếp để không
Sông cạn rồi bỏ cát nắng xói
Trời hạn để ếch nhái than thân
Kêu khản cổ không mưa mới khốn.

---

1. Nhá: một loài trầu mọc hoang trong rừng.
2. *Chấm*: một loài vỏ để ăn trầu. Khau thương: một loài vỏ độc dùng để ruốc cá.

13. Đã ai lấy nứa tép đóng bè
Cá vông đâu mắc chài dây sắn
Ai đã thấy khỉ ăn quả *hẻo phia*[1]
Đi làm nương bỏ ruộng, ai thấy!

14. Phượng hoàng bạn phượng hoàng mới xứng
Phượng hoàng bạn với quạ mấy khi
Phượng hoàng tung cánh trời xanh
Chim chích muốn bay theo sao được?

15. Con rồng sánh con rồng mới đáng
Chim nhạn sánh chim nhạn mới xinh
Rồng trời sánh rồng đất sao bằng
Phượng ăn thóc lẫn gà mất duyên
Cà chua ước đào tiên không đáng
Phượng với gà làm bạn sao bằng!

16. Quạ khoang với quạ khoang một giống
Thóc rẫy với thóc ruộng một nhà
Người đẹp với người xấu cũng là người
Làm sao giờ đây lại chê nhau
Nhà em có ngựa voi yên vàng
Ngày chết cũng chôn đất như người ta.

17. Phát rẫy gì "xì xòa"[2]
Về với anh ăn ruộng lúa nếp
Thửa ruộng ba nghìn tư không ăn
Sao để khổ cái thân đi phát nương trên đá?

18. Nhát mai, hai ba củ khoai sọ
Nhát cuốc, năm sáu quả dưa
Em không tham ăn lúa nếp với anh
Làm rẫy còn được ngồi nghỉ trên cây
Làm ruộng không nằm được trên nước
Làm ruộng thì áo ướt tận vai
Ruộng này em đây em không thèm.

19. Bìm bịp chê sáo mỏ đen
Vịt già chê ruộng lầy không kiếm

---

1. Hẻo phia: thứ quả mọc trên núi đá, loài khỉ không bao giờ ăn quả này.
2. *Xì xòa*: từ tượng thanh, như ta nói "rì rào, rào rào..."

Ai chê thóc già không ngon
Có ngày còn ăn *mon*[1] chấm mè.

20. Ngày trước sương tỏa xuống đồng không lấy
Ngày nay sương lên núi mới tìm.

21. Làm người chớ coi nhau hèn quá
Trời sinh ra trai gái tại số
Thiên hạ còn người giàu người khó
Đàn ông dở dại dở khôn
Đeo tay nải đàn bà.

22. Đàn bà dở khôn dở dại
Thấy đàn ông đeo tay nải cũng cười
Mai sau em về nhà chồng mới biết
Có ngày còn đeo nặng hơn cả đàn ông.

23. Trên trời thiếu gì mây
Thiên hạ thiếu gì người
Mặt đất thiếu gì hoa
Ngoài đó, hoa không thiếu gì hoa
Mà tới đây kén tôi làm bạn.

24. Trên trời thật thiếu mây
Thiên hạ thật thiếu người
Mặt đất thật thiếu hoa
Thật thiếu hoa ngoài đó
Mới chọn đến đường xa kết bạn.

25. Phát nương gì xao xác
Cho anh xin cùng phát xem sao
Gọi là để học tài công lao em vậy.

26. Hoa *lồm*[2] nở bờ ao non nhi
Nước quật rễ thi rung
Phận em là gái tơ vừa lớn
Lời nói còn lăn lộn gió bay
Làm sao dám kết anh thành bạn!

---

1. *Mon*: một loài khoai giống khoai sọ.
2. Hoa lồm: một loài hoa thơm nhưng không bao giờ kết quả.

27. Người lìa hồn không lìa
Hồn anh về theo trên trán
Hồn anh đậu ngọn khăn về cùng
Về đậu ở cây chuối ngoài vườn
Về đậu ở đầu nhà, chái bếp
Bữa ăn, em chia đũa trên mâm
Nhớ thêm một đôi cho hồn anh với.

28. Yêu nhau, yêu cho nặng
Đố nhau đố cho lâu
Ngày nào hươu lìa rừng mới thôi
Khi nào trâu lìa cỏ mới bỏ
Khi nào nước múc đầy sọt mới lìa
Ngày nào khỉ lìa quả rừng xanh
Thì anh mới bỏ em ngày ấy.

29. Nón cọ hay nón mây
Còn con gái hay đã có con
Có con rồi thì thôi
Còn con gái, muốn *lượn*[1].

30. Bên chiếu anh còn rộng hay không rộng
Bên chăn anh còn thừa hay không thừa
Để em xin ngủ cạnh một giấc
Gà gáy em sẽ về trước gà.

31. Trai gái chơi có mùa
Văn thơ chơi có tháng
Nhớ nhà nhớ có ngày
Nhớ người yêu nhớ suốt đời.

32. Hoa *mạ*[2] nở, cành *mạ* trắng hồng
Hoa đào nở, cành đào thắm đỏ
Yêu nhau thật, hãy ngó tận nhà
Để thành đôi thông gia đi lại.

33. Hoa muốn nở trong ao trắng đẹp
Bởi lâu ngày đã lên cành cao

---

1. Muốn hát lượn.
2. *Mạ*: một loài hoa rừng vừa thơm vừa đẹp.

Hoa ra quả cau nhiều cành
Càng ngắt càng ra ngọn ra lá.

34. Hoa *lồm* cùng hoa *lạ*
Hẹn nhau đến ngày rằm cùng nở
Hoa *lồm* bất nhân lại nở trước
Hoa *lạ* mặt khôi ngô nở sau
Hoa *lồm* không có quả cũng đáng!

35. Dây bí dây bầu bao nhiêu giống
Con trâu kéo hai ông khó mang.

36. Ngày xưa là *dậu*[1] tốt đựng đồ
Bây giờ hóa *dậu* rách đựng cám.

37. Thân anh như hoa đào trong vườn
Thân em như *ỏi ưởng*[2] bờ ruộng
Ỏi ưởng không vừa mắt, trâu giẫm
Cỏ gianh không vừa ý, trâu chê.

Nông Viết Toại, Nông Minh Châu,
Hoàng Hạc *sưu tầm*
Nông Viết Toại, Nông Minh Châu *dịch*

3/ CÁC HÌNH THỨC DÂN CA

a. DÂN CA NGHI LỄ – SINH HOẠT

DÂN TỘC MƯỜNG

Mo Woái là một hình thức dân ca nghi lễ tín ngưỡng của dân tộc Mường, về ý nghĩa tín ngưỡng là gọi hồn, gọi vía với mục đích chữa bệnh và trừ tà ma, mong mỏi những điều tốt lành cho cuộc sống. Nội dung của Mo Woái rất phong phú, phản ánh cuộc sống tinh thần và sinh hoạt lao động sản xuất của dân tộc Mường. Đây là một đoạn trích của Ca Mo vía – nói về sự tích hạt gạo...

---

1. *Dậu*: một loại sọt nhỏ đựng được chừng hai mươi cân thóc.
2. *Ỏi ưởng*: cây mía voi.

CA MO VÍA

sự tích *hạt gạo và nhờ hạt gạo đi mời vía*

1. A dớ nong, dớ nong[1]
   Vía khôn vía đẹp.

2. Đẹp hơn chuỗi cườm cườm
   Sắc hơn cật dang cật nứa
   Trong mát hơn nước giếng sâu
   Đẹp hơn những chàng trai cô gái đẹp
   Vía ai ngồi trên chiếu trên giường.

3. Chang chò mo tôi
   Mời vía trần gian lại
   Vái vía mường trời về
   Cho thật đông thật đủ.
   Nay nhờ ai

4. Đị mời vía lại
   Vái vía về?
   Nhờ ông Thông Cảo[2]
   Bảo ông giúp không dám quên công
   Xin kể tổ tông dòng dõi

5. Nói điều hết điều còn
   Điều non điều nớt
   Từ thuở sơ sinh
   Thuở bình minh mới nở
   Đời Theng Ré[3] gieo bông

6. Đời Theng Rôông[1] trồng choóc[4]
   Chưa có.
   Đời Đá Dịt – Đá Dêng
   Chưa có chưa nên
   Có gạo từ kềnh kềnh cái nón

---

1. *Dớ nong*!.., câu đưa đẩy lấy đà để hát trổ đầu.
2. *Ông Thông Cảo*: hạt gạo.
3. Tên người.
4. *Choóc*: là một loại bon, mỗi cây có một củ, củ nhỏ bằng đầu ngón trỏ – luộc ăn bùi như khoai, chúng mọc ở ruộng hay bãi chằm. Có củ vào tháng năm, tháng sáu âm lịch.

7. Từ ngọn răng bừa lưỡi cày
Nhờ tay con ngài đắp phai vờn vợn
Đắp phai vờn nước
Rước nước vào đồng
Vua Dịt Dàng:

8. Thấy đất phăng phẳng
Bãi rộng, bãi bằng
Có nơi náu nắng
Có đất vỡ ruộng đào đầm
Có nơi làm ăn làm uống

9. Bèn đào mương, đắp phai
Chặt cành nhội làm ky
Lấy cọng mỷ[1] làm xà dọc
Róc cây bương làm xà ngang
Lấy nứa đan nống đôi nống ba
Người già cặm cụi đào đất
Trai trẻ tất bật khiêng đất đắp phai

10. Bốn mươi khiêng đổ phía dưới
Chín mươi khiêng đắp bên trên
Bên phai đã cao đã trường
Lòng mương đã thông đã thấp
Nước chảy vào rừng lau rào rào

11. Chảy vào rừng nứa lếnh láng
Thấm vào rễ cỏ, gốc cây.
Vua Dịt Dàng:
Gọi dân mường đi chặt cây, bới gốc
Người đi trước đào gốc lau

12. Người theo sau trốc cây nẳng
Đào đất, lật gốc hết ngày lại đêm
Vỡ nên tràn ruộng rộc
Có đồng Ốc, đồng Khoang
Từ nay, lên rừng chớ về tay không

13. Chọn cây cong cong làm cày
Cây thẳng – cây ngay làm bừa

---

1. *Cây mỷ*: cây cọ rừng, cọng lá rất cứng.

Cành đung đưa lấy làm ách
Lột vỏ dướng làm đai
Lấy dây nhưỡng làm chão

14. Bảo người
Lấy bò vàng đi cày ruộng cạn
Sồm sộp mặt ruộng phủ bèo
Móc mách kêu nước lay động
Ý ơi lời Dịt Dàng

15. Rao gọi binh mường chia ruộng:
Thửa lớn phần nhà Cun
Thửa tốt dành nhà chúa
Thửa đẹp dành nhà lang
Mảng thừa miếng thẹo cho chị em mồ côi.

16. Phần ruộng Dịt Dàng
Lấy từ Đông Pôi sang Cảo Pạc
Có ruộng có đầm ao
Dịt Dàng tính:
Thử trồng cỏ giác,

17. Xem có tốt mẫu chăng?
Trồng lau xem có tốt bông, chăng?
Trồng cây, liệu có xanh lộc tươi lá, chăng?
Cấy lúa xem có nên bông chắc hạt chăng?
Trong bản có người hay lường

18. Trong mường có người nghĩ khôn nghĩ khéo,
Rằng: Chớ trồng những thứ ấy
Nó hoang mất ruộng cùng ao
Nhưng để ai đi mời hồn cơm vía nác
Rước vong cơm vía lúa từ Chu từ Lội?

19. Nhờ trống chim bịp,
Bịp rằng: Mải đi nhuộm đỏ
Nhờ trống chim cỏ,
Rằng mải đi nhuộm nâu.
Nhờ chim Va làng[1]

---

1. *Va làng*: con chim bạc đầu.

20. Rằng còn đi nhuộm bạc
Nhờ chim khát nác,
Rằng mải đi nhuộm đen
Nhờ con nèn nèn – gõ kiến
Rằng mải rèn đục rèn trạm

21. Nhờ chuột đen trong kho
Chuột bo trong ống
Giống chuột đen trên ngọn dang
Chuột vàng trên ngọn nứa
Bay đi rước vong cơm vía nác

22. Trác vong cơm vía lúa
Ở trong Chu, trong Lội
Giúp ta hỡi chuột!
Chuột thưa rằng:
– Ngài cho ta thứ chi

23. Là tiền thưởng – của nâm
Tiền cầm của cược là bao?
– Vậy tiền cầm của cược
Công trước của năng là thứ chi?
Cho chuột ao sâu ruộng cả

24. Chuột có chịu chăng?
Chuột đáp:
Không có ngực ta không lấy xống
Không có vai ta không lấy áo
Không biết ăn cơm uống rượu

25. Ao ruộng ta lấy làm gì?
Hết năm cuối mùa
Tháng hai, tháng ba
Ta về ta khoét bịch.
Tháng chín, tháng mười

26. Ra đồng khoét bờ làm ổ
Bới lỗ đào hang
Lúa vàng bông nào
Ta cắt bông ấy
Đem vào hang nuôi vợ nuôi con

27. Ấy là của năng trả công
Nếu ngài bằng lòng tôi xin đi lấy!

– Muốn thứ nào chuột nói
Đòi thứ gì ta cho thứ ấy!
Dậy sớm cái buổi ban mai

28. Chuột đong cơm vào túi bổ
Sắm gạo lộ vào túi gai
Ra đường cái làng làng
Ra đàng thông thống
Một đêm mịt mù đi qua

29. Ba đêm đen đặc đi khỏi
Bảy đêm đến mường Tả Bốt[1] làm nương
Đến mường Tả Bông[1] làm ruộng
Chuột đen vào khoét đụn
Chuột vàng vào cắt bổ

30. Lấy được bốn mươi thứ lúa chăm
Năm mươi thứ lúa nếp
Lúa lốc cấy trên nương
Chuột quay lại
Đoái trở về

31. Tới cửa tới nhà
Dâng lúa cho vua Dịt Dàng
Ngày lành, sáng tinh mơ
Vua Dịt Dàng sai
Lấy dao chuôi ngà đắt bên trong

32. Chặt nứa đan sọt bác rác
Đan khác – đan sọt ngâm mạ
Ba đêm vớt lên
Bảy đêm đem gieo
Gieo mạ xuống đất

33. Như ném, vứt đi
Một đêm đơm rễ
Ba đêm mầm xanh
Sáu đêm mọc lút lưng chim cù
Đủ tháng nhổ mạ

---

1. *Tả Bốt, Tả Bông*: tên người cai quản vùng làm rẫy, làm ruộng.

34. Ta nhổ ban chiều
Sớm mai đem cấy
Thửa trũng cấy mạ chăm ốc
Ruộng rộc cấy lúa tên pang
Thửa ngang cấy lúa vàng nhuối

35. Cuối năm – đến mùa
Đồng vàng ươm lúa chín
Cô nàng Dịt
Lấy dao đi cắt xào xạo
Cô nàng Dào

36. Lấy dao đi cắt khoát khoát
Dao cắt không đứt không vào
Chị em mồ côi
Thân cùng phận khó
Xống áo tả tơi

37. Chập tối đi xin thợ nhà Dịt
Được một mảnh gang
Sáng mai xin thợ nhà Dàng
Được một mảnh sắt
Đem về đặt lên đe

38. Đập mỏng dèn dẹt
Trộn thép cạnh bên
Lấy dóng dang làm néo
Đẽo cây thực mực
Hình ức chim cù

39. Hình đầu con vàng anh
Lưỡi thép kẹp cạnh bên[1]
Đem đi gặt lúa
Gặt hăm hăm hở hở
Gặt ít được nhiều

40. Nhiều cum lúa nặng
Gánh chất đầy bịch
Bịch gẫy xà ngang

---

1. *Lưỡi thép kẹp cạnh bên*: thân chiếc hái – hái nhất. Một bên cắt đoạn cây dang làm néo để cầm, cạnh đối kẹp mảnh thép để hái lúa.

Chất đầy đụn, gẫy xà dọc
Thấy nắng vàng ươm

41. Vua Dịt Dàng
Sai lấy lúa ten pang phơi nắng
Lấy thóc cũ – thóc nặng xuống đâm
Đâm trong cối cây ngay
Giã bằng chày cây clành cây clạ

42. Tra vào mẹt nan bương
Cho vào sàng nan nứa
Cô gái cô nàng sẩy sẩy sàng sàng
Mỗi buổi sớm ban mai
Giã nên gạo đen tựa cánh chim ác

43. Gạo bạc óng ánh như cánh chim công...

(Trích từ *"Mo Woái"* – Đinh Ân –
Nxb Văn hóa dân tộc – 1999)

DÂN TỘC TÀY

Then – Pụt của dân tộc Tày là một hình thức dân ca nghi lễ, tín ngưỡng nhằm mục đích cầu cúng như kỳ yên, giải hạn, lễ hội... Bằng nội dung vô cùng phong phú mang tính hiện thực khá sâu sắc, Then hoặc Pụt đóng vai trò khá quan trọng trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Tày – Nùng: Đoạn trích trong chương "Vỉnh mồ côi", kể lại công ơn sinh thành của người mẹ với con cái và nghĩa vụ, trách nhiệm của con cái đối với mẹ khi lâm chung. Đoạn trích khẳm hải (vượt biển) phản ánh phần nào hiện thực cuộc sống cơ khổ của nhân dân lao động ngày xưa.

VỈNH MỒ CÔI

1. Lên tới đồng đất rộng
Lên đến mường Tống Vỉnh[1].

---

1. *Tống Vỉnh*: truyện kể về hiếu tử Vỉnh tang mẹ, về sau này thành lệ làm ma và con trai cầm gươm canh giữ. Truyện này có thể liên quan tới Đổng Vỉnh thời hậu Hán đi vay tiền làm ma cho bố. Nhưng cốt truyện ở đây đã khác xa, hầu như không còn tìm thấy mối quan hệ nào với truyện trên nữa.

2. Vinh vừa tuổi mười ba đang lớn
Tuổi trăng rằm đang đẹp
Lo việc nhà mọi thức
Hôm qua mới đi thử làm đồng
Hôm trước mới tập đi làm ruộng.

3. Vinh hôm qua chăn bò ruộng đồi
Đuổi trâu nơi ruộng thấp
Vinh ăn cơm sườn đồi
Ăn cơm lèng đỉnh núi[1]
Thấy bò cái sinh con

4. Thấy mẹ trâu sinh nở
Bò sinh con tốn sức
Trâu đẻ con khó nhọc lắm thay:
Bật đứng dậy thấy đau lại nằm
Cứ phải bước chạy quanh liên tiếp

5. Đầu gối lên bờ ruộng
Bụi rau dớn gác chân[2]
Bụi rau như người cô
Bờ ruộng tày mẹ đẻ
Trâu mẹ giãy như là sắp chết

6. Bỗng nghe như ống nước đổ rào
Con nghé liền ra theo với nước
Trâu chẳng có nước rửa
Mẹ quay lại liếm con
Lưỡi liếm trên liếm dưới

7. Nghé con liền đứng dậy bước đi.
Đón lấy trâu về làng
Rước lấy trâu về nhà
Về mới thưa cùng mẹ:
Mẹ ơi! Hỡi mẹ ơi!

---

1. *Lèng*: bữa ăn phụ giữa hai bữa chính của người Tày.
2. *Rau dớn*: to hút (Phjắc Cút) tức cây rau dớn, một thứ rau thân thảo, cao khoảng một mét, thuộc họ dương xỉ, có thể làm thực phẩm.

8. Sáng nay con chăn bò ruộng cao
Chiều nay con chăn trâu ruộng thụt
Thấy bò cái đẻ con
Thấy mẹ trâu sinh nở
Trâu đẻ con mất sức.

9. Trâu đẻ con khó nhọc lắm thay!
Con hỡi, Vĩnh con ơi!
Trâu đẻ con còn vừa
Ngày trước mẹ chửa con mới khó:
Mới chửa tháng thứ nhất

10. Đã mỏi mệt khắp người
Chửa đến tháng thứ hai, ngày đêm lo trong dạ
Buột miệng rên ra lời.
Chửa đến tháng thứ ba, xuống sàn mẹ vịn thang
Đi xa phải mang gậy.

11. Chửa đến tháng thứ tư, thấy chiếu mẹ muốn nằm
Trông gối chăn muốn dựa.
Chửa đến tháng thứ năm, thấy bố mẹ lười chào[1]
Thấy đàn ông buồn nói
Chửa đến tháng thứ sáu, thấy rục rịch trong người

12. Thấy bồi hồi ngang dạ.
Chửa đến tháng thứ bảy, có người chồng khôn giỏi
Chồng biết nghĩ biết suy, rước tào về cúng hồn
Mẹ thấy người đỡ hơn đôi chút.
Chửa đến tháng thứ tám, gặp nắng mẹ muốn phơi

13. Nắng vàng mẹ muốn hóng
Chửa đến tháng thứ chín, giống như vác khúc gỗ trong người.
Hồn mẹ đi khắp nơi du ngoạn còn về được chăng?
Chửa đến tháng thứ mười, đến thời lùm thì lùm
Đến tuần đẻ thì đẻ

14. Đến lúc chửa quí hóa, đến thì đẻ thành mừng
Khi đẻ được con ra, chồng của ta khôn giỏi
Chồng biết nghĩ mà khôn, bắc nước nóng lên kiềng

---

1. *Bố mẹ*: đây là đoạn mẹ kể cho Vĩnh nghe về mình. Nên nói bố mẹ ở đây, tức là nói ông bà nội của Vĩnh.

Bắt lấy gà đem mổ, cho ăn bát canh gừng
Mẹ mới thấy trong người dễ chịu

15. Bốn khúc xương bớt căng
Bốn đường gân đỡ mỏi, đỡ mệt.
Chồng chẳng khôn, chẳng biết, chẳng nghĩ được điều khôn
Khi mẹ đẻ con ra, cho uống bát nước lã
Bốn khúc xương lại căng, bốn sợi gân lại mỏi.

16. Vĩnh lại tập đi làm như trước
Lại tập đi làm ruộng như xưa
Mới bỏ mẹ ở nhà
Mẹ mới sinh ra ốm
Vĩnh đi ruộng vừa về

17. Vĩnh đi làm vừa lại
Thấy mẹ nằm trên giường, nằm ba chăn đẻ, sáu chăn đắp.
Vĩnh mới bước vào xem, hai tay nâng mẹ dậy
Vĩnh liền mở miệng nói, con Vĩnh mở miệng hỏi
Dậy ăn cơm vài bát, ăn cơm trưa cùng con mẹ nhé!

18. Ôi! Mẹ Vĩnh đã ngậm miệng hết rên
Mũi hết thở và tim ngừng đập.
Vừa ngã xuống là chết
Chết rồi thì thối ngay
Thằng Vĩnh chẳng biết làm thế nào!

19. Chẳng biết tính ra sao
Trông lên trời thấy cao, nhìn xuống đất thấy cứng
Làng dưới kéo ồ lên, làng trên cùng kéo xuống
Mười người mười con dao, năm người năm cái xỏng[1].
Đến lấy thịt bà Vĩnh!

20. Vĩnh lấy vai mà hứng, Vĩnh lấy cổ vái lạy.
Ôi! Ngày trước mẹ sinh tôi vất vả
Mẹ ngã tôi còn kiêng, mẹ chết tôi còn tang
Tôi sẽ thịt lợn bé đền làng, thịt lợn con trả lễ.
Mọi người thấy vừa lòng, ai cũng đành chấp nhận

---

1. *Xỏng* (có khi dịch là cái u thạ): dụng cụ đan bằng lạt tre, nứa dùng đựng rau thịt, tương tự như rổ rá.

21. Người làng dưới kéo đi
Người làng trên kéo về...
Vinh đi đón thầy tào, mời thầy về làm lễ
Đi mời tào Nùng Inh, ông này đi đọc kinh vắng nhà[1]
Đi mời tào Nùng Chu, thầy lại đi buôn lợn nên vắng

22. Đi đón tào Chẩn An, đi cúng làng nên bận
Đi đón tào Dinh Phụ, ông này mới ở nhà
May ông này có mặt
Vinh mới lên nhà mời:
Tào ơi! Hỡi ông tào!

23. Mẹ Vinh ngã hôm qua
Mẹ con chết ngày trước
Mẹ con ngã còn kiêng, mẹ chết con còn tang
Đón tào đến dẫn đường, mời thầy đi dẫn lối
Vinh ơi! Này hỡi Vinh

24. Vinh có vải trừ tà, con có tiền thưởng công không đấy?
– Này tào hỡi này tào, con có vải trừ tà
Cháu có tiền thưởng công.
Trượng hai vải trừ tà, tiền thưởng công lạng hai[2].
Ông tào thịt con gà mời thầy sư phụ

25. Chốc lát sẽ đi đưa bà Vinh đấy thôi.
– Ông tào về theo Vinh tới nhà
Mới làm ma bẩy ngày.
Dựng bàn to, bàn nhỏ
Làm đàn thấp đàn cao

26. Lập đàn cao cho thầy tào
Chiêng trống đánh động vang.
Báo anh em làng dưới đến tang
Gọi cháu con làng trên phục hiếu
Cùng tế lễ tối ngày

27. Đến ăn chay thanh khiết
Họ hàng đến chịu tang

---

1. *Nùng Ing, Nùng Chu...*: tên một vài ngành Nùng ở nước ta có nguồn gốc chuyển cư từ một số địa phương từ Trung Quốc sang.
2. *Trượng*: đơn vị đo độ dài trước đây, bằng mười thước ta.

Thầy làm lễ đội khăn phục hiếu
Kiêng ba mùa hoa mận
Kiêng ba năm hoa đào

28. Ba năm bỏ khăn trắng hết tang
Vong linh về tổ tiên trên trời
Cùng tông tổ về miền tiên giới
Lên cửa pụt ăn tết tháng giêng
Lên cửa trời ăn hương hoa quả

29. Lên chung nhà tổ tiên ông bà.
Ôi, con mẹ thương mẹ lắm
Tháng ba ngày mùng ba
Gà vỗ cánh vừa gáy
Nếp xanh đỏ lên đồ

30. Xuống lấy nước đầu phai, ra lấy cát bờ ngòi
Xôi và nước cùng cúng
Vôi và cát lên rải
Để sửa mồ tổ tiên, đền công ơn cha mẹ.
Mười con mười gói cơm bày cúng

31. Năm con năm nắm cơm lên mời[1].
Mười con mười túi cơm
Chín con chín túi bạc
Để trả công đền ơn bố mẹ
Tiền lên treo trên gò trên đồi[2].

32. Biến thành bạc thành tiền bố mẹ
Bố mẹ thấy vui mừng, tổ tông sẽ phù hộ
Sinh con được làm quan, sinh cháu được thành thầy.
Có con để nối dòng, có cháu để nối dõi
Không gì bằng giống ta đẻ, không gì bằng mẹ ta sinh

33. Giống ta đẻ quý nhiều
Nòi ta sinh quý lắm đấy thôi.
Làm cái gì cũng hay, trồng cái gì cũng tốt
Ước gì thì được nấy, mơ thấy gì cũng đạt
Năm nay hơn năm trước, vụ này hơn vụ xưa

---

1. Cả đoạn này tả về tục tảo mộ trong dân gian.
2. *Treo tiền*: tiền cắt bằng giấy tượng trưng dùng để cúng.

34. Tách cái xấu ra khỏi, bỏ cái tồi vứt đi
Lấy cái hay thay thế
Vui vẻ đến với ta, phiền hà đi kẻ khác...

(trích từ *"Pựt Tày"* – Lục Văn Pảo –
Nxb Khoa học xã hội – 1992)

VƯỢT BIỂN
(Khảm hải)

Vượt biển – tiếng Tày Nùng gọi khảm hải – vốn là áng thơ dài hàng mấy ngàn câu, thường được các ông pựt dùng trong các lễ cúng cầu phúc, cầu may nhân dịp đầu xuân. Kiểu như "ngồi đồng", trong lễ cúng, ông ***pựt*** *nhiều lúc "nhập vai" những nhân vật "xa dạ xa dồng" trong truyện, vừa đọc thơ vừa biểu diễn bằng hành động, các tình huống được miêu tả khá sinh động. Các tình huống này phản ánh những nghịch cảnh, những nỗi bất công, những điều đau khổ của con người lao động trong xã hội ngày xưa. Cho nên, dưới hình thức diễn xướng một bài hát có tính chất tôn giáo, nhưng bản thân Vượt biển lại mang nội dung rất hiện thực và thái độ phê phán khá tích cực. Đoạn trích dưới đây là đoạn tả cảnh "xa dạ xa dồng" phải chèo thuyền vượt biển mang lễ vật cống hiến lên quan trên – chúa tể "xứ ma" – sưu tầm ở Tuyên Quang và Yên Bái.*

Ôi chao! Trời đất ơi!
Cay đắng lắm, cực nhục thay
Thân phận nỗi này, sống chết làm sao
Đời hóa thành *xa dạ* sang sông
Kiếp người làm *xa dồng*[1] qua biển
Tôi thấy cay cho phận tôi lắm
Tôi thấy đắng cho thân tôi nhiều.
Trời đất ơi, cha mẹ hỡi
Sinh con về nỗi khổ con mang
Lấy nước mắt rửa mặt
Đêm ngày chảy hai hàng

---

1. Danh từ *xa dạ xa dồng* dùng để chỉ những người nghèo khổ, bị áp bức khi còn sống, tới lúc chết về "xứ ma" cũng vẫn vậy. Đó là những nhân vật chính trong *Vượt biển*.

Ngày ngày đi chèo thuyền qua biển cho quan
Ngày ngày khuân của sang lò than cho *slay*[1]
Mỗi ngày bước chân đi
Được trở về, may họa
Không mong quay về gặp anh em
Không tưởng được nom mặt anh cả
Quần áo nát lá đao
Đêm ngày bụng cồn cào đói lả
Ngày ngày, quan tìm về
Bắt chèo thuyền qua biển
Bắt khuân của đi cống quan trên
Nghèo không chết mới còn
Khổ không chết mới sống
Cha mẹ sinh ta ra làm gì
Hôm nay, quan lại tìm
Gọi tôi về chèo thuyền qua biển
Không nói, chẳng ai biết
Không tỏ, chẳng ai rõ thân tôi
Ngày nọ, tôi có hai anh em
Như đôi chim tha mồi
Cùng kiếm củi lần hồi nuôi nhau
Rồi anh lấy được vợ
Vun quén ngày càng giàu
Ngày ngày, anh sung sướng
Em khổ tưởng chết đi
Anh không hề nhòm ngó
Bỏ mặc em đói nghèo
Đi chèo thuyền đến tối
Em về tới cổng nhà
Tưởng xót em đi xa lâu lại
Tưởng thương em, mong mỏi gặp nhau quý nhau
Chị dâu quấy cong chàm[2]
Bên góc vườn, tay đen
Nom thấy em rách nát
Chị thương em nước mắt ứa ra

---

1. *Slay*: một chức vị như "chúa tể" một vùng khi sống, lúc chết về "xứ ma" vẫn được tiếp tục cai trị người khác...
2. Vại đựng nước chàm dùng nhuộm vải.

Chị lại gần, khẽ bảo
Vừa nói, tay chỉ lưng áo em
– "Rách hết rồi
Lên nhà, chị lấy kim khâu lại, mau em!"
Không ngờ tay nhuộm chàm
Lưng em in dấu bàn tay chị vỗ thương
Ai ngờ dấu chàm đen
Anh làm em nên tội
Anh thấy bàn tay chàm
In trên lưng em chú
Anh giận dữ hằm hằm
Xa nhau nay gặp, chẳng chút lòng thương em
Rằng: – "Chim sẻ nay ăn gạo nếp[1]
Em chú tằng tịu với chị dâu!"
Hằm hằm, anh vác dao đi mài
Hằm hằm, anh mang gươm đến chém
Chém đầu em đem treo ngọn cọ
Chặt chân em treo ở ngọn vông
Hồn em bay lên không
Mới hóa thành *xa dạ* sang sông
Mới biến làm *xa dồng* qua biển
Ngày đi chẳng tấm chiếu bó thân
Ngày chết mang mình trần em đi
Đầu còn treo ngọn cọ
Chân còn ở ngọn vông
Trời đất ơi, cha mẹ hỡi
Cay đắng lắm, cực nhục thay
Ngờ chết đi là đời được yên
Lại bị quan bắt về làm tớ
Ngày ngày đi chèo thuyền sang biển cho quan
Ngày ngày khuân của sang lò than cho *slay*
Mang pẻng đéc[2] cỗ đẹp

---

1. Ý nói: chơi trèo, làm việc hỗn, bậy bạ quá đáng.
2. Bánh pẻng đéc làm bằng xôi nếp giã mịn, như bánh dày dưới xuôi. Loại này nhỏ, xếp quanh thành mâm, còn pẻng mooc thì mỏng nhưng to đầy lòng mâm. Mỗi cỗ bánh gồm nhiều lượt xếp chồng lên nhau hàng mấy chục chiếc, không thể thiếu trong mỗi lễ cúng. Xa dạ xa dồng phải "chèo thuyền vượt biển" mang cỗ tới cống quan slay.

Mang bánh giã tròn xinh
Đun đẩy thuyền đầy hoa
Thuyền vàng bạc, vịt gà... bắt phải chèo đi
Đi chầu chúa bên trên
Cống quan *slay* Mường Trời
Cay đắng lắm, làm người chèo thuyền qua biển
Chao ôi, đất hỡi, trời ơi
Hôm nay đi có còn trở lại hay không
Xin chào nhắn anh em ở lại mát mẻ
Tôi xin nhắn trong nhà trở ra
Tôi xin chào từ ngoài trở đi
Chuyến này có được về cũng là họa may
Nhắn trước mặt, nhắn cả sau lưng
Hãy ở nhé, bốn cột bảy kèo
Hãy ở nhé, cái nhà bốn góc[1]
Ở lại nhé, cây củi đương hồng
Ở lại nhé, cây buông bốn thành[2]
Ở lại nhé, cái nồi miệng bằng
Ở lại nhé, cái kiềng ba lưới
Ta bước chân ra cửa
Nhắn mọi thứ đằng sau hãy ở cho yên
Hãy ở nhé, mái cọ bên ngoài che dột
Ở lại nhé, sợi lạt buộc chắc bên trong
Ở lại nhé, sàn ghép gỗ bay
Ở lại nhé, thang cây gỗ hiển[3]
Ở lại nhé, gà vịt dưới sàn
Ở lại nhé, trâu bò dưới bãi
Thân tôi khổ đến chết
Dưới bãi chẳng sợi rơm
Cổng vườn chẳng vỏ trấu
Nhắn nhà người mát mẻ đằng sau
Ta bước khỏi mái nhà
Ta chuyển qua cổng lớn

---

1. Toàn bộ của cải, nhà của tả tiếp sau đều là của quan slay hoặc của nhà chủ giàu có lễ đem dâng cúng "bề trên".
2. Bốn thanh gỗ ghép thành bếp ở trên nhà sàn.
3. *Bay, hiển*: tên hai loại gỗ tốt.

Xuống cuối đồng dùng dằng
Ra cửa biển mênh mông
Ơi hỡi trời đất ơi
Nước biển đỏ như máu
Nước biển nóng như lửa
Làm sao được bây giờ
Các quan đứng cửa biển chói hồng
Binh mã đứng theo hàng sửng sốt
– "Thuyền ơi, thuyền đi đâu
Để tôi đợi ruột rầu nát tan"
Ôi thôi! Đất thấp hỡi trời cao
Thuyền *slay* đi buôn hoa chưa về
Thuyền quan đi buôn quả chưa lại
Biển rộng lắc rộng lơ
Nước xô xoáy sôi trời
Nước động lao nhiều luồng
Bao giờ thuyền trở lại, thuyền ơi
Ối chao, nước hỡi biển trời
Nước "bì bời" giằng đi
Nước gầm xô vật lại
Nước đừng kéo lấy tôi, nước nhé
A! Thuyền kia, đã về rồi
Thuyền *slay* đi buôn hoa đã về
Thuyền quan đi buôn quả đã lại
Về, ta xuống cửa biển đập dờn
Về, ta khiêng của *slay* xuống *tảng*[1]
Đừng sợ gì, ta hỡi
Đừng lo gì nước xoáy nước lật, đừng sợ
Ở cạn, ta không ăn *nguộn*[2] bỏ thân
Ta đã không ăn *nguộn* cả cành bỏ xác
Nước dậy thác chớ lo
Nước phong ba "nàng hương[3]" đừng sợ

---

1. *Tảng*: mảng lớn, rất chắc chắn, dùng đi biển được.
2. *Nguộn*: (lá ngón) loại lá độc, ăn chết người.
3. *Nàng hương*: nàng hầu của quan slay. Trên thực tế, đây là hai cô gái chưa chồng có nhan sắc đến phục dịch cho ông pụt cúng bái. Theo quan niệm mê tín cũ, các cô này khi chết linh hồn vẫn phải về làm "nàng hầu" cho slay ở "xứ ma".

Về, ta kéo đầu thuyền khỏi cạn
Dắt con thuyền ra bến
Xuống thôi, hai "nàng hương"
Xuống thôi, hai cô nàng hầu *slay*
Mời em ngồi thuyền hoa cho yên
Mời em ngồi *tảng bioóc*[1] cho vững
Chèo đi thôi, chèo đi
Ra cửa biển, nước xô đuổi lại
Hãy thương tôi, đất hỡi trời ơi
Phù hộ cho thuyền đi bình yên
Đừng để thuyền lật ngang chìm người
Đừng để thuyền chòng chành ngả nghiêng
Phù hộ cho thuyền tôi sang bên kia bờ
Chèo ra *rán*[2] thứ nhất
Thấy cá *tất*[3] vẩy mỏng
Đuôi quật búng nước sôi
Nước bắn lên lưng trời
Chèo đi *rán* thứ hai
Thấy cá *miang*[4] vẩy nhỏ
Cá từng lũ kéo đi
Nước ầm ì lắc lư
Nước sôi to phùn phụt
Mọi người ngồi cho vững đừng run
Chèo đi *rán* thứ ba
Thuồng luồng nổi phong ba ăn người
Nước trồi lên như máu
Ta chèo mau vượt khỏi nơi này
Chèo đi *rán* thứ tư
Nghe tiếng gà dương thế gáy ran
Nghe tiếng gà dương gian gáy rộn
Nước biển vỗ ầm ỳ

---

1. *Tảng bioóc*: mảng kết đầy hoa trang trí rất đẹp, cũng có nghĩa là "mảng quý".
2. *Rán*: đơn vị đo lường mặt nước của người xưa. Theo khái niệm chung, mỗi rán đều có nhiều thác ghềnh, vũng xoáy, nhiều sự nguy hiểm khác nhau đe dọa người chèo mảng vượt biển.
3. Tất: tên một loài cá biển.
4. *Miang*: tên một loài cá biển.

Chèo đi *rán* thứ năm
Nghe tiếng gà Mường Trời gáy cao
Gà Mường Bân[1] hỗn độn
Chèo đi, đừng nấn ná nơi này
Chèo đi *rán* thứ sáu
Thấy nước vần mông mốc
Xé nhau đục vật vờ
Chèo đi thôi, chèo đi
Mọi người cầm cán giầm cho vững
Nước cuộn thác chớ lo
Biển nổi bão phong ba đừng run đừng rợn
Chèo đi *rán* thứ bảy
Nước ác kéo ầm ầm
Nơi đây có quỷ dữ chặn đường
Nơi đây có *ngọ lồm*[2] bủa vây
Chực ăn người đi biển
Chực nuốt mảng nuốt thuyền
Mau mau lên, lấy tiền ra thế
Đem bạc vàng ra lễ chuộc thân
Có bạc mới được qua.
Chèo đi *rán* thứ tám
Nước đổ xuống ầm ầm
To hơn bịch đựng lúa
Nước xoáy dữ ào ào
Nước thét gào kéo xuống Long Vương
Nhanh nhanh tay chèo qua vượt khỏi.
Chèo đi *rán* thứ chín
Trông thấy nước dựng đứng chấm trời
Khắp mặt biển nước sôi gầm réo
Biển ơi, đừng giết tôi
Nước hỡi, nước đừng lôi lấy thuyền
Đừng cho thuyền lật ngang
Đừng cho tôi bỏ thân chốn này, biển hỡi
Qua rồi, ta chèo đi.
Chèo đi *rán* thứ mười

---

1. *Mường Bân*: cũng có nghĩa là Mường Trời.
2. *Ngọ lồm*: quỷ vô hình.

Thuyền lướt theo nước trời băng băng
Cán giầm tung bốn góc
Rán lại *rán* bay đi.
Chèo đến *rán* mười một
Sóng đuổi sóng xô đi
Nước đuổi về sau lưng
Chèo mau lên, chèo cố
Cho thuyền đến cửa biển ta dừng
Cho thuyền đến bãi cát vàng bình an.
Chèo đi *rán* mười hai
– A! Bờ biển kia rồi
Ta chèo mau lên thôi
Chèo mau lên, hỡi người trai trẻ
Trai trẻ hãy lắng tai
Trai trẻ nghe tôi bảo
Lại đây nghe tôi dạy
– "Mau lên, ta kéo thuyền vào cạn
Cùng lôi *tảng* vào bến
Kéo thuyền vào bãi cát chói hồng
Kéo thuyền vào bãi bướm vàng vờn bay"
– "Mời "nàng hương" hai cô
Mời em hãy ôm hoa lên bến
Mời nàng hãy ôm hương hầu *slay*"
Quân quan lên bời bời
Đàn bà cầm nón ra thuyền
Đàn ông cầm ô lên bến
Tay trái xách giày hoa ra *tảng*
Tay phải xách giày đẹp lên bờ
Gánh gồng lên rầm rập theo *slay*
Bao của quý khiêng đi lễ người.
Mười hai *rán* nay đã qua rồi
Bây giờ mới biết tôi sống sót
Binh mã *slay* rầm rập
Kéo vào chợ Đường Chu[1]
Sau lưng trơ lại tôi
Ngồi bên bờ biển đất trời mênh mông

---

1. Có lẽ là tên một chợ dưới "xứ ma" âm phủ.

Tự than thân trách phận
Cay đắng lắm lời *xa dạ xa dồng*
Chèo thuyền qua lò than, qua biển
Nhìn đường về, nước cuốn ầm rung...

Hoàng Hạc
sưu tầm, dịch

DÂN TỘC Ê ĐÊ

BÀI CA LỄ TẾT

Đã trọn mùa rét
Đã hết mùa lúa
Theo tục lệ xưa
Chủ làng lễ cúng
Ăn mừng năm mới
Uống tháng ăn năm
Trâu đâm lợn mổ
Bà con làng họ
Ai nấy đều lo
Mủng gùi sắp sẵn.
Anh em chim *tơ lang*[1]
Thần linh *buôn* làng
Nội ngoại, gái trai
Dân làng trong ngoài
Rủ nhau kéo tới
Ai có cháu con
Dạy dỗ cho tròn
Giữ gìn tục lệ
Kẻ nào chân đi không nhanh
Gót bén chẳng nhạy
Chạy lễ trễ tràng
Khắp làng bắt vạ.

---

1. *Chim tơ lang*: chim diều hâu, ở đây tượng trưng cho trai trẻ trong làng.

BÀI CA CHỌN CHỦ LÀNG

Nhóm lửa dân làng hội họp
Gọi hết anh em chim *tơ lang*
Thần linh *buôn* làng
Anh em nội ngoại
Về hết mẹ kia
Về hết cha này
Về hết ông bà
Về hết gái góa
Về hết con côi
Về hết rể dâu
Hội họp giữa làng
Hãy bàn bên dưới
Hãy cãi bên trên!
Nào bàn bên anh
Nào tranh bên chị
Có gì cứ nói!
Hãy chọn người ưa
Sao vừa cây đa ngọn nước
Sao đúng cây sung trước làng
Chọn nên người coi sóc anh em
Coi khắp cả dân làng.
Người người bày tỏ
Chớ bỏ thìa con
Chớ còn một ý

BÀI CA CẦU MÙA

Hỡi Yàng[1] Tơ lua!
Hỡi Chúa Khua Lan!
Nước uống người tạo
Cây trồng người gây
Con cái ta đây
Người ban cho nối dây giống giòng
Này đây hai chiếc gùi ta dâng

1. Yàng: thần

Thần Bà, thần Ông hãy nhận
Cho nhà ta ở lành
Cho *buôn* ta ăn yên...

*

Này đây ba bánh sáp trong xanh
Cùng chỉ trắng tinh ba cuộn
Lại có cả sừng tê của hiếm
Lại có cả ngà voi của đẹp
Ta mang lễ các *Yàng*...
Mong cho *buôn* làng mạnh khỏe
Mong cho những chàng trai trẻ
Mong cho nội, ngoại anh em
Mong cho con gái đàn bà
Mong cho kẻ lên rừng rậm hái quả
Mong cho người lên non nhặt cành
Mong kẻ kiến vàng đi bắt
Mong người đặt đó đơm lờ...
Thảy thảy thỏa dạ ước mơ.

*

Này đây ché *bổ*[1] rượu ngọt
Này đây lợn thiến béo vàng...
Gió giông chớ nổi
Chớp giật hãy tan!
Khiên đao chẳng chạm *buôn* làng
Tê giác hoang dữ, tìm đường mà xéo
Cọp hung ác, lánh xa khuất nẻo
Voi ngà chéo, cũng phải đi xuôi
Buôn đằng Đông, mày lui nhanh xuống
Buôn đằng Tây, mày cuốn nhanh lên
Hãy tránh xa một bên cho rảnh!
Ước sao được trận mưa sa
Ước sao được cả mưa rào
Cho bầu sây quả, ngô vào đỏ tươi...

*

1. *Ché bổ*: một loại chum đựng rượu xưa, quý của người Ê Đê.

Hỡi *Yàng* Tơ lua!
Hỡi chúa Khua Lan!
Nước uống người tạo
Cây cao người trồng
Hỡi ông Ai Điê!
Hỡi bà Hơ Đu!
Cho ta thu được bông lúa tốt
Cho ta suốt được hạt thóc vàng
Cho ta cây cuốc mới tinh
Ta đào được củ *ênin*g[1]
Ta bới được củ khoai lang
Khóm gai mát rợi, ta càng sướng vui
Khóm bông trắng xóa khắp nơi.
Ta được bụi ớt chín già
Ta được bụi cà chín đỏ
Dựng được chòi rẫy thật to
Đựng bao nhiêu lúa đầy bồ đó đây...

*

Cầu cho hạt thóc thêm sây
Mưa thuận gió hòa, nương rẫy tốt tươi
Cầu cho no nước cùng trời
Lời ta vang vọng khắp nơi núi rừng...

BÀI CA BẮT ONG

Ta bắt con ong
Ta mong biếu người
Ước như được lúa trĩu bông
Mong sao bắt được ong đàn.
Dập dồn tổ lớn, tổ to
Cây cao cũng dò lên cao
Chân tay lòng dạ ta nào ngại chi!...
Ong ơi! Hãy đậu cho sây
Cho ta bắt được tổ đầy bốn... năm...
Sao ong như thóc vãi dầm

---

1. *Củ ênin*g: một loại củ rừng, dưới xuôi gọi là củ năng.

Ong giòng, ong giống rủ nằm cho đông.
Leo lên tận tổ *kơ tưng*[1]
Lấy cho kỳ hết mật rừng mật cây
Nhớ tổ, ong lại về gây...

BÀI CA KẾT NGHĨA

Bày ra một ché rượu vàng
Để cho nên nghĩa nên đàng anh em
Mổ gà cho đẹp cho nên
Mổ lợn cho lớn cho bền thành đôi.
Một mâm ta bạn cùng ngồi
Bạn ngồi xích lại gần ta
Ta ngồi liền kề sát bạn
Bạn ta qua lại hòa nhau
Tận mặt, tận mũi nhìn nhau mới là
Đã kết bạn có chi mà xấu hổ!

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

DÂN TỘC MẠ

BÀI CA PHÁT RẪY

Bùi nhùi bẹ móc
Bọc lấy đá *ngao*
Ong nơ đu gọi gỗ
Ong iut gõ đá
Ban truyền điều lạ cho người!
Lửa đói ăn, ông Kơ Bông trồng lau...
Mau mau ta dọn rừng
Ta đốt sạch từng cây đã phát
Trước tiên ta hãy bạt ngàn
Hàng hàng cây ăn lửa

---

1. Kơ tưng: một loại cây rừng, ong thường về làm tổ.

Lửa ăn rừng, lốp bốp nổ bụi cây thấp
Lửa ăn đồi, lốp bốp nổ bụi lau cao
Lửa đốt, lao nhao bầy mối
Lửa nổi, ché trong nhà cũng nổ
Lửa đổ, đá ngoài rừng phải tan...

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và *biên dịch*

DÂN TỘC M'NÔNG

HỚI LÚA NÊN CÂY

Hới lúa nên cây!
Về đây thóc sớm
Hãy ở cho tốt, cho lành
Ta nhặt lúa từ hòn đất ải
Từ bãi đồng hoang.
Ta nhặt lúa từ cây lau, bụi lách
Ta nhặt lúa từ bãi sẻ, gò chim.
Ta nhặt lúa từ hòn đất ải
Từ bãi đồng hoang.
Ta nhặt lúa từ giây giật bù nhìn động
Ta nhặt lúa từ giây động bù nhìn kêu
Lúa về ở hẳn trong *buôn*
Ta nhổ lúa y như ông Xiêng Nôr đã nhổ
Ta lấy lúa như ông Xiêng Nung đã lấy.
Ta gùi người trên vai
Từ trên đỉnh non cao.

*

Hới lúa trên trời rơi xuống!
Ta lệnh cho ngươi bén rễ
Hới lúa dưới đất trồi lên!
Ta lệnh cho ngươi đâm chồi
Con lợn trong chuồng
Ngươi hãy vỗ béo!
Bông lúa trong chòi
Ngươi hãy chắc hạt!

TA ƯỚC ĐƯỢC NO

Ta ước được no
Lệnh cho hồn lúa
Đưa về của nả:
Lúa người Ê Đê đến
Lúa người Rơ Lam về[1]
Trâu bò chiêng ché
Ở kẻ Kut du[2]
Mau mau tụ về!

*

Lúa ở lâu cùng ta
Lúa ở bền kết bạn
Gắn bó trăm năm!
Chân lúa ta nâng
Cổ lúa ta niu
Mặt yêu ta xoa
Tai hoa ta xỏ
Bên phải ta nắm
Bên trái ta cầm!

*

Lúa chớ mê bên đèo
Chớ mải theo bên ngoài ngã ba
Chớ chơi làng xa
Chớ nhởi làng lạ!
Về đây hưởng cháo hoa "đầu nồi"
Cháo dẻo hơn xôi
Về đây hưởng cơm mặt nồi
Cơm ngon như nếp
Thết lúa giải khát
Có ché rượu ngon!

*

---

1. Một ngành người M'nông ở vùng thung lũng hồ Lắc, ở Tây nam Buôn Mê Thuột.
2. Một tộc người ở vùng Phi An tỉnh Lâm Đồng.

Lúa ở ông *Quang*[1], *lúa mỏi*
Hãy về với ta, lúa hỡi!
Ta chỉ là chú bé thôi!
Lúa bị ông *Quang* giữ, lúa mệt
Hãy về với ta, lúa hỡi
Ta chỉ là chú bé thôi!
Lúa nhảy với ông *Quang*, lúa mỏi
Hãy về với ta, lúa hỡi
Ta chỉ là chú bé mồ côi!

*

Họ là những ông *Quang*
Họ là hạng nhà giàu
Lúa bỏ họ cho sớm cho mau
Lúa hãy về với ta, lúa hỡi!
Ta chỉ là đứa mồ côi!
Họ ve vãn lúa, rồi hòng lấy lúa
Họ tìm đặng cả con lợn,
Ta chỉ mỗi con gà.
Họ tìm đặng con gà,
Ta chỉ mỗi quả trứng.
Họ tìm đặng quả trứng
Ta chỉ có lời khấn suông!

BÀI CA THẦN ĐẤT

Tôi dắt dẫn gia đình
Tôi dắt dẫn làng *buôn*
Tôi dắt dẫn các cô gái
Tôi đắt dẫn các chàng trai
Tôi mang ánh sáng ở đằng sau
Tôi mang ánh sáng ở phía trước
Mở thiếc ở vòng tai
Cũng như ông Một Đơ lơng
Cũng như ông Một Đơ lang
Ông Giơt cúng lễ bắt chước theo

---

1. Quang: tức là người giàu có, quyền thế ở vùng người M'nông.

Cúng lễ như ông Giơt, ông Giu
Như ông Nđu, ông Nđơng
Cầu thần chớ nói lời giận dữ
Cầu thần chớ mắng mỏ thân tôi!

BÀI CA SĂN VOI

Hỡi thần Nguêc!
Hỡi thần Ngoan!
Hỡi thần Núi, thần Suối, thần Rừng!
Mời các thần hãy cùng nghe đây:
Đất nước các *Yàng* trông coi
Được thấy dấu vết con voi
Ở nơi bến nước nó uống
Ở nơi bãi phẳng nó nằm...
Mời về đây, dự lễ các thần!
Mời về đây, uống rượu cần chung ché
Các người hãy trông nom con voi đi lẻ
Sao cho chân nó khỏe, nó mạnh
Sao cho cây rừng phải tránh, phải né
Sao cho đừng vướng dây mẹ, dây con
Sao cho vuông tròn, chẳng sầy tí xíu!

*

Ta mời hồn những chàng đi săn thuở trước
Chàng Bơ Nang, thợ săn giỏi đã mất
Chàng Rơ Jao, thợ săn tài đã khuất
Những tay thợ săn kỳ cựu nhất xưa kia
Những bậc thầy dạy lũ đi săn
Những bậc thầy dạy dân săn voi rừng
Chớ để chúng tôi về làng tay không!
Voi đi bên Đông
Mong cho nó khỏe.
Voi đi bên Tây
Cầu cho nó mạnh.
Đừng cho cái ngà nó gẫy
Đừng cho cái móng nó trầy
Sao cho nó chẳng ốm chẳng gầy.

*

Giờ đây tôi những cầu mong
Sao cho thành thợ giỏi trong, giỏi ngoài
Bắt được voi nghìn, voi trăm
Như những chàng thợ săn thuở trước
Như những bậc săn tài thuở xưa
Như chàng Bơ Nang, thợ săn giỏi đã mất
Như chàng Rơ Jao, thợ săn tài đã khuất
Như những chàng Mơ Yang, Mơ Tang thuở trước.

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

DÂN TỘC NÙNG

SLI MỪNG NHÀ MỚI

1. Nói một đôi lời với cháu đây
Cháu làm một ngôi nhà mới đẹp thay
Cháu làm được nhà để mà ở
Làm xong nhà che nắng che mưa
Thông gia cũng là người sáng suốt:
Mua vài lít rượu đến nhà thăm
Đến nhà mời cơm và nói chuyện
Thông gia mới ngỏ ý và nói rằng:
Hai tám tháng chạp là ngày đẹp
Nhà ta làm lễ vào nhà mới
Thông gia không tiếc tiền gạo nước
Liền cất công đi tận Đồng Đăng
Đi chợ để mua cái gương đẹp
Mua cả đồng hồ cùng cái gương
Mua mấy phong pháo cùng quà tặng
Mua pháo nhiều nhiều hơn chục phong.
Thông gia mới về nhà chuẩn bị
Nhắm với họ mạc lập thành đoàn
Lợn quay bánh bỏng thời đi trước
Thông gia ôm gương liền đi theo
Mới đến đầu làng châm pháo đốt
Pháo to pháo nhỏ nổ rền vang

Cháu con trong nhà nổ pháo đáp
Mới đón quà tặng đặt lên bàn.
Khách đến nhà thời không có ghế
Rải chiếu giữa nhà tiếp thông gia
Lợn quay, bánh bỏng bày mâm giữa
Thông gia ngồi ngay ngắn hai bên
Thầy mo liền báo lên tiên tổ
Báo về tiên tổ biết ngày vui
Ngắm nhìn lợn quay thật oai vệ
Xem ra tựa như đầu sư tử
Đồng hồ được treo ngay trên vách
Đến giờ nó tự gõ ngân vang
Bà con tới dự đều vui vẻ

Hôm nay thông gia tới góp vui
Lợn quay đặt trang trọng bàn thờ
Cơm rồi ngồi lại cùng trò chuyện
Cùng vui trò chuyện đến chiều hôm
Đi chợ phiên chúng ta gặp gỡ
Thông gia ơi, chả có thời gian mà hàn huyên.

2. Nói chuyện đôi lời với ông đây
Lâu rồi ta không được gặp nhau
Hôm nay ngày đẹp ngoại mới tới
Ông vừa làm nhà mới đẹp sao
Bác bá bên ngoại cũng có mặt
Chú bác bên ngoại cũng cùng sang
Đầu tiên là được thăm cháu nhỏ
Sau là mừng nhà mới huy hoàng
Đến nhà ông bà cùng ra tiếp
Đem rượu đem trà tiếp thông gia
Anh em thông gia cùng đông đủ
Hai bên thông gia ngồi cùng vui
Câu chuyện nhà mới thật vui mừng
Thông gia đến chúc mừng nhà mới
Tương lai tiền tài sẽ gia tăng
Ông bà yên tâm nhiều phúc lộc
Mai này sản xuất được nhiều hơn
Sớm tối trông coi vườn hoa đẹp
Nghìn năm vạn đại hoa nở tươi

3. Thấy đây nhà mới dựng đàng hoàng
Thầy địa lý nơi đâu tới giúp
Hướng nhà theo đúng hướng hổ chầu
Thầy địa lý bấm đốt thật hợp lý
Phía trước nhà lại còn dòng suối
Rồng chầu hổ phục tụ nơi này
Các ông bà bên ngoại tới chúc
Các con được ở giữa hai nhà
Hai con làm nhà mới to đẹp
Bà đến hôm nay chúc mấy lời
Đầu tiên chúc cho ngôi nhà mới
Thứ là chúc sức khỏe nhà ta
Thứ ba là chúc tới ông bà
Ông bà thời phù hộ con cháu
Con cháu mà đi học chữ Hán
Học được chữ rồi sẽ vinh quang
Mả tổ phát sinh, cháu con tài giỏi
Đời nào cũng có người làm quan
Sớm tối ông bà thời phù hộ
Nuôi gà nuôi lợn được thành đàn
Sớm tối ông bà nhiều phúc lộc
Sớm tối chỉ trông coi vườn hoa
Vừa trông vườn hoa vừa trông nhà
Hai con đã làm nhà to rộng
Làm ăn phía trước được cao sang.

SLI SINH NHẬT

1. Tháng chín thật đúng là tốt đẹp
Của cải thu hoạch được gia tăng
Bà cụ trong nhà nói rằng yếu
Đi đứng mỏi chân mỏi khắp người
Đêm ngủ không ngon hay ác mộng
Đêm ngủ không ngon mộng mị luôn
Công lớn công nhỏ không làm được
Việc nhỏ trong nhà cũng ngại làm
Con cái sớm hôm thương bà quá
Mới gặp gỡ nhau để họp bàn
Liền đi tìm ngay thầy mo giỏi

Tìm được mo giỏi làm sinh nhật
Thầy mo vừa đến liền bẩm báo
Bẩm báo lên ngay chỗ tổ tiên
Đi kiếm khắp núi lại khắp rừng
Tìm kiếm cả bốn biển vực sâu
Bốn phương tám hướng sao mà rộng
Chả thiếu chỗ nào bị khuất che
Hồn về như kiến bò đầy lối
Hồn về tựa ong bám đầy tổ
Hồn lớn hồn nhỏ về tụ lại
Da dẻ bà bỗng chốc hồng tươi
Sớm tối bà không còn nhức mỏi
Bà đi đến dốc không giật lùi
Thầy mo đến đắp cho kho thóc
Cho cây tùng vững cùng tháng năm
Cho cây tùng ngày càng vững chắc
Nghìn năm vạn đại vẫn ung dung

2. Năm, sáu mươi tuổi thật rầy rà
Ngày nào cũng kêu chân tay mỏi
Cả chân cũng mỏi nhức rã rời
Rồi lại phàn nàn cùng con cái
Đêm ngày bà ngủ cứ mơ màng
Các em biết vậy cùng bàn bạc
Làm lễ sinh nhật cho mẹ già
Mỗi năm mẹ lại thêm một tuổi
Già rồi chưa buổi sinh nhật nào
Đêm qua anh em cùng đến chúc
Nhân ngày sinh nhật khỏe cả năm
Đến đây không mang theo gì cả
Chỉ có rau xanh cùng nhau ăn

3. Nói một đôi lời với bà mình
Anh em quý mến đến lễ tết
Anh em quý mến mới đến chơi
Đâu phải đến nhà ngồi gốc cây
Anh em con cháu đưa tiền biếu
Bà nhận lấy tiền mặt đỏ gay

SLI THĂM TRẺ ĐẦY THÁNG

NỮ:

Hôm nay ngày đẹp đến thăm cháu
Ngoại đến không có quà cáp gì
Ngoại đến không có quà cho cháu
Không có quà gì cho cháu thơ
Ngoại đến không có quà gì cả
Chỉ có cái nôi cho cháu yêu
Đem tới cho cháu được ngủ ngon
Cháu ngủ nôi này không khóc nhè
Con cháu trong nhà mong chóng lớn
Ngoại đến thăm lại chả có quà
Ngoại đến chẳng có quà gì cả
Chả có quà cho cháu con mình

NAM:

Khay rượu đặt đây tám chén đầy
Đặt đây là để mời bên ngoại
Khay rượu đặt đây xin bản mệnh
Nhận được ngay cho kịp giờ lành
Đưa về làm ăn trọn cuộc đời
Không phải chỉ làm ăn vài bữa
Thực ra nói chuyện là vô tận
Cất bước là phải đi phăm phăm

NỮ:

Gia chủ là con người đứng đắn
Tìm được người tốt ông mới nhờ
Mới rồi đem tiền đến nhà gái
Để nhà gái sắm của hồi môn
Tiền bạc chưa sang dùng đã hết
Mà chưa sắm được gánh được khiêng
Ông mới đưa tay lại mà đón
Bản mệnh trao tay đặt trên bàn
Ông mối cũng có người gánh giúp
Mời vào sửa gánh với sửa khiêng
Ông mối nhận con nhận cho chắc
Chớ có bỏ quên ở dọc đường

Có công có việc mời con lại
Xin chớ để con bị nhỡ nhàng.

trích từ
"*Dân ca dân tộc Tày* – Nùng Lạng Sơn"

DÂN TỘC RƠ NGAO

GỌI CHIM

Hát lên! hỡi chim *bơ lang*!
Ta đây đi vỡ rừng hoang
Mong sao vững vàng mạnh khỏe!
Chim hót bên trái
Chim kêu bên phải
Cho ta biết trước
Tránh được ốm đau
Chim hãy hót đằng sau
Chim hãy kêu trước mặt!

BÀI CA GIEO HẠT

Ta bắt đầu gieo
Hãy cho đêm mưa ngày nắng
Bao ngày nó đặng nứt vỏ
Bao đêm nó đặng nẩy mầm
Nó nở lời đâm lãi
Lợn rừng không dám lại gần
Mang nai không lần đến phá
Để được nuôi được cả cải ăn
Được lúa, được thóc
Được rẫy, được nhà!
Hỡi ông Núi, bà Non
Hỡi ông Cồn, bà Khe
Hãy nghe, ông Đất bà Đai
Hỡi ông *boring cây hara*
Cho rẫy tươi tốt mãi!

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

DÂN TỘC XÊ ĐĂNG

LỄ ĂN TRÂU

– Hỡi thần núi Ngọc Kơ Ang[1]!
Hỡi giàng nước Krông poxai[2]!
Rẫy ta rộng mà bụng chưa no
Ruộng đã to mà làng chưa sướng.
Hồn bắp, quỷ Gió đã cướp,
Hồn lúa, thần Nước đã mang.
Hỡi dân làng!
Ta hãy hội làng làm lễ ăn trâu!
Nào các chàng trai!
Ta lên rừng chặt cây.
Nào các cô gái!
Ta lên núi bứt dây
Cả làng góp sức chung tay
Ra công ta dựng cây *cang*[3] tuyệt vời
Dựng cho thẳng, đến trời phải thấy!
Dựng cho đẹp, đến quỷ phải hay!
– Chiêng ơi!
Trống hỡi!
Hãy vang lên đến chín tầng mây biếc
Hãy rền xa đến chân trời xanh
Cho ông trăng xuống nhanh cùng dân làng uống rượu
Cho nàng biển tới cùng tề tựu ăn trâu
Tiết trâu đã xoa lên đầu
Cầu cho dân làng sống lâu mạnh khỏe
Hồn trâu đã ghé khắp nơi
Cầu cho đầy chòi lúa ngô!

Võ Quang Nhơn và Dúi Reng *dịch*

---

1. *Ngọc Kơ Ang*: tức núi Ngọc Lĩnh, một ngọn núi cao ở phía bắc tỉnh Gia Lai – Kon Tum, thuộc vùng bắc Đắc Tô.
2. *Krông po xai*: tức sông Đăc Bla, chảy qua tỉnh Kon Tum.
3. *Cang*: cây nêu làm lễ ăn trâu.

DÂN TỘC XRÊ

BÀI CA GỌI LÚA

Hỡi Thần!
Con dâng rượu ngày Tết
Mời hết các Thần đến uống với con!
Rượu ngon men bốc
Lộc cúng con dâng!
Gỗ thần cây đa đã giả[1]
Cún cả bà Mẹ, con dâng![2]

*

Ta vay thóc nhà Bơ li
Chỉ được cơm khô!
Ta vay gạo bồ Kơc la
Chỉ được bã cơm nguội!
Ta vay người Kôn pang
Họ chẳng thèm mở cửa!
Họ coi ta là đứa tồi tệ
Còn thua con sóc trộm lúa sớm ghê
Họ thí cho ta cơm thừa canh cặn
Bằng của vứt cho chó!
Dao nhỏ của ta đã đổi lấy gạo
Lao to của ta, thành lao của người!
Ná trên vai, thành ná của họ
Sáo ta thổi, thành sáo miệng người!

*

Hỡi chân ruộng thấp!
Búi rơm cho to tựa rạ lợp nhà!
Hỡi hạt thóc to!
Hỡi hạt thóc bé!

---

1. Gỗ cây đa giả lấy nước, thoa vào lúa và đồ vật trong nhà cầu may trong năm mới.
2. Mẹ đây là mẹ thóc, được coi như một nữ thần.

Xưa đến kẻ nhà giàu
Nay mau về với ta!

CHUYỆN ĐÃ XẾP RỒI

Chim bơc–ling[1] không ngừng rỉa cánh
Chim bơc–lang[2] không rảnh rỉa đuôi
Con ếch trong hang kêu "ộp ộp"
Con cá dưới hố quẫy "bum bum"
Con trâu đã trả, chuyện đã xếp rồi
Con trâu đền tội, chuyện đã đặt yên
Cháu chẳng muốn phiền về câu chuyện cũ
Lờ cũ đã rách, rái về mò cá
Ná xưa đã gẫy, khỉ lại phá nương.

Võ Quang Nhơn
sưu tầm và dịch

b. DÂN CA GIAO DUYÊN

Sịnh Ca
(*hát giao duyên*)

DÂN TỘC CAO LAN

NHỮNG BÀI CA GÀ GÁY

Đồng bào Cao Lan gọi đây là các bài ca Cay Tăy (tức gà gáy).

Những bài ca này không thuộc nội dung có sẵn của các quyển sịnh ca. Nhưng nó lại là phần tất yếu không thể thiếu được của các đêm hát. Cho nên chúng tôi chọn dịch một số đoạn để bạn đọc có thể hình dung đêm sịnh ca đầy đủ hơn.

Thường đêm hát cứ tiếp tục từ đầu đêm đến khuya, khi tiếng gà gáy lần đầu vang lên thì dù người hát đang hát ở đoạn nào

---

1. *Bơc–ling*: sáo sậu, sáo sành.
2. *Bơc–lang*: le le, vịt nước.

cũng sẽ dừng lại. Lúc đó bên trai sẽ hát các bài ca gà gáy. Người con trai phải thuộc lấy để mà hỏi, bên gái thì chủ động hơn, có thể chỉ cần nghe bên trai hỏi mà lựa ý trả lời. Cho nên trong lúc sưu tầm chúng tôi không có được đầy đủ các câu trả lời của bên nữ.

Hát xong các bài ca gà gáy thì đám hát có thể lại tiếp tục từ chỗ đã dừng lại, cũng có thể tạm nghỉ để đợi hát tiếp vào đêm khác.

BÀI HÁT GÀ GÁY
(Cay Tăy)

1. NAM Con gì hót ở vệ đường xanh
Vọng tới Pô Tô đỉnh núi thần
Con gì làm âm vang theo sóng
Con gì lại gáy ở giữa thôn.

NỮ Chim cu gáy ở vệ đường xanh
Vọng đến Pô Tô đỉnh núi thần
Con cá làm âm vang theo sóng
Con gà trống gáy ở giữa thôn

2. NAM Vật gì đã chết lại sinh ra
Cùng sao Bắc đẩu đêm đi qua
Nửa đêm nghe cánh vỗ rầm rầm
Chẳng biết dế mèn hay là gà?

NỮ Ông trăng đã lặn lại sinh ra
Trăng cùng Bắc đẩu đêm lướt qua
Nửa đêm gà rầm rầm vỗ cánh
Chẳng phải dế mèn chính là gà

3. NAM Gà đã gáy rồi báo em hay
Thần sấm trên trời sinh mấy trai
Long vương dưới đất đẻ bao gái
Gà gáy lần đầu lúc mấy giờ

NỮ Gà đã gáy sáng em bảo anh
Thần sấm trên trời sinh chín trai
Long vương dưới đất đẻ chín gái
Gà gáy lần đầu vào giờ sửu

4. NAM Ca chúc con gà trống giỏi giang
Thân hình đã đẹp, đuôi lại sang

Đuôi đã sang, thân hình lại đẹp
Gáy hay, lông đẹp quý nhất làng

NỮ Em chúc con gà trống giỏi giang
Cái lưng đã đẹp, đuôi càng đẹp
Cái đuôi đã đẹp, lưng càng đẹp
Gáy hay, lông đẹp quý nhất làng.

5. NAM Giáp tý, sắp xếp việc trước sau
Canh một nằm xuống nghĩ canh thâu
Canh hai trằn trọc, canh hai hết
Canh ba nhớ lời em từng câu.

6. NAM Nghĩ lại lời em hát, hai hàng lệ rơi
Lần thứ hai nhìn sao Bắc đẩu, gà giục sáng
Bắc đẩu cùng sao bạn đi về tây
Nửa đêm gà vỗ cánh phành phạch anh sầu não
Buồn nỗi chưa thể thành nghĩa phu thê
Canh ba Bắc đẩu gà gọi sáng
Bắc đẩu và sao bạn về hướng đông
Trời sáng sao thưa em ra về
Nhớ những lời em nước mắt tràn trề.

7. NAM Canh tư Bắc đẩu dọi đường phía tây
Bắc đẩu cùng trăng đi sóng nhau
Ngưu Lang, Chức Nữ cách sông cùng nhìn
Canh tư qua rồi, tới canh năm
Anh nhớ lời em, mà em không biết
Trăm ý ngàn lời đã cùng em nói
Về nhà ngẫm lại bao giờ hết.

8. NAM Gà gáy một tiếng trăng sao mất
Mây đen theo trăng về hướng tây
Đêm nay cùng em nói chuyện tâm tình
Lòng anh nghĩ mãi mà không thông.

9. NAM Gà gáy đã qua, trời chưa sáng
Con ngỗng trong chuồng gọi canh năm
Ngỗng kêu thảm thiết đòi ngô thóc
Anh người đi đường, chỉ tính đường đi

10. NAM Ngủ đã say
Nửa đêm canh ba ai cũng ngủ say

Nửa đêm canh ba ai cũng ngủ kỹ
Cùng em tâm tình buồn lắm thay
Ngủ say rồi
Nửa đêm canh ba người ngủ khắp chốn
Nửa đêm canh ba người ngủ sâu
Cùng em giao kết, có kết chăng

11. NAM Mời em về
Khi có sơn ca mời em về
Bài ca bốn mùa anh chưa thuộc
Chữ không biết đọc hát làm sao.

12. NAM Trời sáng rồi
Chúc em một lời mời em về
Tiễn em một quãng anh ra về
Tiễn em về thôi, anh không dám phiền em mãi

13. NAM Trời sáng rồi
Mở cửa xuống sàn mời em về
Tiễn em về, anh về nhà anh
Tiễn em đi, anh không dám giữ

14. NAM Trời sáng rồi
Mở chuồng vịt ra cho vịt bơi
Gặp vịt xuống ao bơi tung tăng
Nay anh không dám cùng em hát tiếp

15. NAM Trời sáng rồi
Nhìn xuống vườn chuối lá xanh xanh
Lá chuối vườn người ta xanh ngăn ngắt
Lá đẹp xem không chán, nhưng của vườn người ta

16. NAM Trời sáng rồi
Nhìn thấy vườn chuối của chủ nhà
Lá chuối vàng tươi ở vườn người ta
Sợ em tươi đẹp đã là đôi của người khác.

17. NAM Trời sáng rồi
Nhìn thấy núi non là bạn tình
Cây tre cùng xanh, trời đã sáng
Khó được cùng em kết giao tình

18. NAM Trời sáng rồi
Mặt trời từ từ nhá đằng đông

Đêm nay cùng em sánh đôi lứa
Sáng mai ra đi chớ bỏ anh!

19. NAM Trời sáng rồi
Gõ cửa mở ra xem bốn phía
Núi rừng bằng vàng bạc như hai đôi rồng phượng
Trông duyên dáng lắm muốn hỏi ướm lòng

20. NAM Trời sáng rồi
Mở cửa đi ra bước xuống thang
Muốn em thành người vợ trăm năm
Đậu đỏ trồng ở đồi dốc đỏ
Ra cửa vội bước đi tìm mình

21. NAM Có lòng với nhau chẳng ngại xa
Nhìn đáy nước đục vẫn trong veo
Trời sai phải xếp cả thế gian
Vườn đào đôi ta kết tình nghĩa.

TỀNH SÀ CA

(Hát Ghẹo Cao Lan)

Phần này chỉ có nam hát, không có lời nữ đáp

1. Hoa đỉnh núi
Núi cao mỗi kẽ đá một đóa hoa
Anh ở đường xa không được biết
Chỉ sợ chưa chồng nhưng đã ăn hỏi
Cành nêu đã cắm gió đùa qua[1]
Gió lay mầm non cành nêu cắm
Đã ăn hỏi rồi là vợ người ta
Mẹ đâu mong em về được nữa

2. Ngày cưới đã định
Ngày cưới đã định anh khó tranh
Ngày cưới định rồi em có chủ
Như đường gặp sông khó lội quanh

---

1. *Cành nêu*: người Cao Lan khi làm nương, thường đi thăm trước, cắm nêu đánh dấu. Người đến sau sẽ không có quyền sử dụng mảnh đất đó nữa. Ý nói cô gái đã ăn cưới cheo rồi, cũng như đám nương đã cắm nêu vậy.

3. Ngày cưới đã định
Ngày cưới định rồi em thành người khác bản
Ngày cưới định rồi em thành người có chủ
Dòng nước đứt đoạn anh không bơi

4. Ngày cưới đã định
Đã định ngày cưới người khác thôn
Ngày cưới định rồi vợ chủ mới
Đường nước đã cản em hết khôn.

5. Ngày cưới định rồi
Ngày cưới định rồi, anh khó cướp lại
Chỉ khổ anh tương tư vì mất em
Còn em vui vì lấy được chồng vừa ý

6. Ngày cưới đã định
Ngày cưới định rồi lòng em mê say
Ngày cưới định rồi em thành vợ người khác
Em lấy được chồng trẻ, quan sang, sướng thỏa thuê.

7. Bảy ngôi sao theo trăng lặn về núi tây[1]
Tình cũ với anh thật uổng phí như cửa đóng sập lại khi em đi rồi
Người yêu mười tám tuổi đã xuất giá
Mười tám tuổi đi lấy chồng bỏ mình anh nghèo

8. Đã dạm hỏi rồi
Đã ăn dạm rồi coi như vợ người ta
Đã ăn dạm rồi coi như người có chủ
Đừng giống chim cu hót dối ở bên đường

9. Đi lấy được chồng tốt
Chớ nghe người ta mà vứt bỏ mẹ
Dù được sống chung với người chồng tốt
Bố không mong em trở lại nhà, nhưng đừng quên

10. Người ta ăn hỏi rồi là gái có chủ
Anh đâu còn dám kết giao tình với em
Ngày nào em cưới thì báo anh biết
Chúc em lấy được chồng xứng đôi

---

1. Ý nói sao Bắc đẩu.

11. Xuất giá tốt
Chớ nghe người ta mà vứt bỏ anh mình
Dù xuất giá được sống với người chồng tốt
Đừng để anh trai thất vọng mỗi khi mong em về

12. Đi lấy chồng tốt
Bước chân ra cửa em chúc mẹ
Chúc rồi em đi về nhà chồng
Biết lấy ai giúp việc cha mẹ

13. Cách sông cách núi anh đâu biết được
Ai ai cũng bảo em là người vợ người khác
Còn anh chưa vợ chỉ mong em
Không được kết đôi với em nghĩ thật buồn

14. Anh mới lấy bát gạo thắp hương cầu khấn
Hợp lòng nhưng sợ lời nói không chân thật
Bởi em nhiều tình nhiều bạn cũ
Nên mặc anh năm này sang năm khác bơ vơ.

15. Đêm nay có nêu cắm xung quanh
Mai mối đến lấy tháng năm sinh[1]
Giờ lành, ngày tốt, người đến đợi
Dòng nước đã đứt nối sao đành

16. Anh muốn nói câu chuyện tâm tình
Dẫu nói hết lời cũng vô nghĩa
Anh ước được cùng em kết tình nghĩa
Dù chỉ một đêm cũng bằng vạn năm

17. Đã nhận bạc trắng nhà người như đinh đóng cột
Anh yêu được em như được ngàn vàng.

DÂN TỘC DAO

1. NAM Mặt trời lặn về nơi đất cũ
Lúc này ánh sáng lại hiện ra
Trăng ló phương đông vầng tỏa rực

---

1. *Lấy năm sinh*: nhà trai đến lấy ngày sinh tháng đẻ của cô gái về so tuổi, theo tục lệ cũ.

Sao theo trăng cũng mọc sáng lòa[1]
Quanh năm giá lạnh tối mù mịt
Bây giờ được gặp, ấm lòng sao
Đêm nay trời đổi, sấm xuân động
Người người đều đổi buồn thành vui
Mong đấy thực lòng chưa có chốn
Đây cũng thực lòng chưa có nơi
Gặp nhau mọi việc yên lành cả
Chuyện trò tình tứ ta cùng chơi
Cỏ gà bãi phẳng mong ánh sáng
Mong mưa mong nắng để nở hoa
Rừng lạnh gặp xuân thêm ấm áp
Sấm động mưa về ruộng hạn tươi
Mong động loan phòng ai thức tỉnh[2]
Đêm nay cất giọng một đôi bài.

NỮ Bản ta sấm động vui thiên hạ
Như gặp mưa, già trẻ hả hê
Như đất cằn cây héo lá rụng
Như gió lùa lòng mát thỏa thuê
Bản làng xấu đẹp xin về hát
Trái phải, hai bên xin ngồi kề
Giơ tay xin chào mừng tất cả
Để cho trai gái vui hát chơi
Sấm động đã yên, rồng thay nước
Gió mưa liên tiếp ngập đất trời[3]
Lá vàng khô héo non trở lại
Đêm nay ta hát cho thực vui
Hương đốt từ xưa, nay mới gặp
Đêm nay chẳng hát, khi nào gặp
Sương tuyết lạnh lùng, trời đất im
Năm mới, xuân tươi, cùng vui hát

---

1. Ý nói: các cô gái tới bản chơi làm bản làng sáng sủa đẹp hẳn lên, do đó các chàng trai mới được dịp tới cùng nhau trò chuyện, ca hát.
2. Các cô gái tới bản thường tránh mặt ngồi vào trong buồng nhà người quen khi các chàng trai mới tới. Họ ngồi kín trong buồng mà hát đối đáp, khi đã quen và thích nhau rồi mới chịu ra dàn mặt hát với nhau
3. Nguyên văn: ngập thiên hạ. Ý nói: đã hát phải hát nhiều, hát liên tục (BBS).

Bấy lâu trong bụng hằng ước mong
Còn ngại không hát, bao giờ hát
Nghe bạn cất lời, lời lời hay
Nghe bạn mở bài câu câu đẹp
Em đối không nổi, lòng phân vân
Mỗi câu bạn hát đẹp lòng cả
Bốn bên các bạn đều hát hay
Thua được cần gì, ta cứ say...

2. NAM Trên mặt đất có nhiều hoa đẹp
Lòng ta mơ ước hái không xong
Dưới sông loài cá cũng lắm thứ
Ta chỉ một chài rách khôn quăng
Đồi gianh khô nỏ, muốn đốt cháy
Đánh lửa không ra, sao cháy bùng
Ngựa trong tàu, yên bán ngoài huyện
Trâu trong chuồng, dây bán đất người[1]
Tràn ruộng tốt cấy chắc thành vụ
Mà không được cấy, khổ lòng sao
Mía trồng ba năm mía tất ngọt
Đã ba năm rồi, có ngọt đâu
Nàng như con gà nhốt trong rọ
Ta như con cáo tiếc quẩn quanh
Chân bước xuống thuyền còn chịu khát
Bước chân lên cạn bụng đành suông.

NỮ Trên mặt đất thật nhiều thứ hoa
Nhưng hoa không đẹp, lòng khó nghĩ
Dưới sông quả thực lắm thứ cá
Sợ chài quăng trúng chết hoài thân.
Nếu chàng có lòng thì chớ ngại
Đánh lửa ra khói, cứ đốt tràn
Ngựa đẹp không lo yên ở xa
Trâu tốt chẳng sợ dây không gần
Xứ này xưa nay ruộng vẫn sẵn
Lo chàng không làm được, đành thôi
Xứ này xưa nay ruộng chẳng hiếm

1. Nguyên văn: bán ở các nơi khác trong nước.

Sợ chàng vác cày cày khác nơi
Mía trồng ba năm mía tất ngọt
Nhưng ba năm rồi mía chưa ngọt
Tại chàng thấy lau tưởng là mía
Chàng ăn không ngọt uổng công sao
Thân gà bị nhốt nằm trong rọ
Trông thấy cáo, sợ chết thiệt đời
Thuyền đậu trên sông thuyền phải động
Người ngồi thuyền không chịu khát rồi
Đứng trên cạn cũng không chịu đói[1]
Kể sông kể rừng không kể hết
Sông không thể cạn, rừng không già
Nói tốt nói hay không biết lẽ
Vì chàng lòng vững như núi sông
Thì đôi ta giao hòa kết nghĩa.

3. NAM Trần thế sao có người xinh đẹp
Như mây che rợp cả vùng trời
Ước chi ta được cùng người đẹp
Sướng gì hơn chung sống một nơi.

Nghĩ tới người yêu, lòng tơ tưởng
Mong mỏi thành duyên, sướng mãn đời
Đêm ngày vương vấn quên công việc
Cầu sao se kết nhà một nơi

Cách núi, cách rừng, lại cách suối
Đêm ngày thờ thẫn xem nước trôi
Tổ tiên nàng táng nơi đất quý
Nàng sinh ra khôn đẹp hơn người.

Chim bay trời rộng qua nhiều ngả
Qua núi, qua rừng, qua tỉnh thành
Suối chảy nước suối không hề nghỉ
Biết về đâu, dòng suối quẩn quanh[2]?

Ta đến đây gặp nàng xinh đẹp
Ta muốn cùng nàng được sống chung

---

1. Nguyên văn: không nhịn cơm (BBS).
2. Nguyên văn: dòng suối luồn lách qua lau cỏ biết chảy về đâu (BBS).

Lòng nàng nếu cũng như ta nghĩ
Thì chung nhà đôi ta vợ chồng

4. NAM Đôi ta quen biết từ thuở trước
Nhớ lời hẹn ước từ năm nao
Vì ở nơi xa, người mỗi ngả
Nay nhớ buổi hẹn hò năm nào
Vội viết tờ hoa gửi bạn cũ
Đôi lời nhắn nhủ mối duyên đào
Mình với ta quen nhau từ sớm
Riêng ta suốt đời không hết đau[1]

HÁT TIỄN ĐƯA

1. – *Hát tiễn*
Một tiễn quý tiên về quý quốc
Trời năm khoảnh khắc đã thành rừng
Cây cao bóng mát trời xanh thắm
Vắng bóng em thương lòng bâng khuâng.
Hai tiễn quý hoa trời u ám
Ước ao trời nắng tiễn hoa về
Quý hoa trở về vui xóm bản
Đơn thân ở lại lòng nhớ thương.
Ba đưa quý khách vội lên đường
Trăm thương nghìn tiếc tiễn hoa về
Vừa thương vừa mến kiều nga đẹp
Đầu óc rối bời nỗi nhớ thương.
Bốn đưa quý khách ra tới bến
Suối bao khúc nhớ thương mấy lần
Suối nước trôi đi không lại bến
Đưa người về bản, biết còn duyên?
Năm đưa người đẹp đến nửa đường.
Nhìn thấy hoa nở gắn tình thương
Hoa nở hoa đẹp lòng mong ước
Ước được thành đôi đi cùng đường
Sáu đưa kim hoa đến bờ sông

---

1. Nguyên văn: suốt đời không được hài lòng.

Người về đến bến kết duyên hồng
Để lại đơn thân lòng thương nhớ
Lời nguyện với nhau hóa thành suông.
Bảy đưa người đẹp đến đường bằng
Bãi rộng mênh mông nở đầy hoa
Dặn người về quê không nên vội
Vững lòng chờ đợi ngày hái hoa.
Tám đưa người thân tới bờ rộng
Sợ ruộng bùn sâu không dám vào
Ruộng sâu nhờ người cày cấy lúa
Yêu hoa tự tay vun tưới hoa.
Chín đưa quý hoa tới bờ biển
Đầu thuyền sóng nước, đua hò reo
Trong sách mở ra chưa kịp viết
Hỏi rằng người đẹp yêu anh không?
Mười đưa quý khách đi bờ suối
Nước chảy theo dòng lòng nhớ thương
Rời bến ba năm trở lại bến
Hai thuyền trở lại một thuyền xuôi
Mười một tiễn đưa quý hoa về
Nước mắt tràn rơi phút chia tay
Nghìn lời vạn lời lòng thương nhớ
Vàng bạc khó mua người đẹp về
Mười hai tiễn đưa phương xa khách
Số trời đã định chung trọn đời
Trời đất đã định chung chăn gối
Cùng sống bên nhau khỏi nhớ thương
Không dám ngỏ lời với hoa đẹp
Nhìn gió heo may lòng nhớ thương
Gió thổi hiu hiu trời ửng đỏ
Mở sách ra xem hàng đối hàng
Sáng sớm đương cơm có thư đến
Đặt bát xuống bàn đón nhận thư
Cầm thư trong tay lòng lưu luyến
Đưa khách lên đường về quê hương
Xác định đến đây cùng chặt trúc
Không trúc kết bè để sang sông
Anh định tiễn đưa bày tỏ ý
Không trả lời thơ theo nước trôi

– Hát đáp

Chỉ còn vài bước em đi khuất
Qua rừng qua bản em đến nơi
Xa nhà đã lâu bỏ hết việc
Làm phiền già trẻ khắp nhiều nơi
Mặt trời mọc sớm nên xe vội
Chào biệt chủ nhà được bình yên
Chúc phúc chủ nhà thêm phú quý
Hàn thân chào biệt trở về quê
Mặt trời giục giã, xe đến đón
Chào biệt chủ nhà về bản làng
Chia tay chủ nhà lòng lưu luyến
Ngậm ngùi cất bước trở về làng.
Mặt trời mọc sớm từ biệt chủ
Đến phút chia tay xa bản làng
Bao ngày sống chung với nhà chủ
Bỗng chốc chia tay tình dở dang
Mặt trời mọc sớm lòng quyến luyến
Từ biệt chị em cùng xóm làng
Mọi điều sơ sót mong bỏ quá
Chớ có truyền nhau làng đến làng
Mặt trời mọc sớm xa người già
Chúc phúc người già mãi mãi vui
Khi đi chân bước nhẹ như gió
Khi về chân bước nhẹ như bông
Mặt trời thúc giục xa bè bạn
Đôi lời chào biệt bạn gần xa
Cá mong ao sâu có nhiều nước
Chớ để ao khô cá mất nhà
Mặt trời thúc giục lên đường sớm
Từ biệt thổ thần với tổ tiên
Bao ngày phù hộ người khỏe mạnh
Che chở xóm làng được bình yên
Mặt trời mọc sớm sắp xa cách
Hàn thân vội vã để về quê
Hàn thân ở lâu làm phiền chủ
Có điều sơ xuất xin bỏ qua
Mặt trời mọc sớm lòng rộn rã
Từ biệt người thân kết bạn nồng

Hàn thân tới đây lâu năm tháng
Quấy rầy làng xóm biết bao điều
Giờ phút chia tay lòng áy náy
Đường cái thênh thang về xóm hoang.
Buổi sớm nghe tin sông phẳng lặng
Trưa nghe nước sông ngập khắp bờ
Nước sâu đóng thuyền đưa qua suối
Vững tay chèo thuyền em tới bờ
Mặt trời thôi thúc về quê sớm
Đơn thân một mình nẻo đường xa
Có lòng đưa nhau thêm vài bước
Lời hẹn đừng quên như bướm bay
Có lòng đưa nhau cùng đi tới
Đi tới nhà em bố mẹ xem
Bố mẹ thấy anh lòng thương mến
Ước được sống chung qua tháng dài
Em đã xa quê bao năm tháng
Nỗi lòng thôi thúc trở về quê
Sớm sớm tiễn đưa anh cùng đến
Vững tâm giữ thuyền chớ bỏ trôi
Xa cách quê hương lâu ngày tháng
Muốn sống ở đây chẳng muốn rời
Địa bàn cầm tay chỉ phương hướng
Thuyền rời xa bến khó quay về
Làm phiền biết bao người đưa tiễn
Miệng cười mà thấy xót xa lòng
Thuyền đã ra khơi xa dần bến
Nhìn thấy bờ bên nước mắt rơi.

2. – *Hát tiễn*
Xa nhau rồi
Xa rời rừng xanh, xa hoa núi
Họa mi xa bạn buồn biệt ly
Đơn thân không bạn cô đơn quá
Nhìn thấy em yêu về Đông Hải
Không còn kế cách được gặp nhau
Nhắn em: có lòng chờ ngày tháng
Quả đất xoay tròn lại gặp nhau
Nhà hoang thôn quạnh chỉ ước thấy

Ước có em thương đến chốn này
Vội vã lên xe lưu không lại
Cầm tay từ biệt chớ vội vàng
Đường đi nhiều ngả xuyên ngang dọc
Chỉ sợ vội vàng sai bước đường
Lời thành thưa với quý tiên nương
Nước xiết đầu ghềnh vội trở về
Hàn thân lang thang lâu năm tháng
Ngã ba đầu đường vồi vội về
Ba hồn bẩy vía ở với bạn
Chỉ còn thể xác trở về làng
Nhắm người thương ở nơi náo nhiệt
Mối tình sâu đậm ngày tháng lâu
Có ngày hàn thân đến quý quốc
Rộng lòng che chở giúp cho nhau
Giờ đây đơn thân lên xe ngựa
Chia tay mọi người về cố hương
Một bên đẩy xe, một bên nhớ
Nửa đường chia tay lại nhớ thương
Người về cung tiên nơi náo nhiệt
Mình anh buồn tủi chốn hoang châu
Nơi nghèo cạn nước người không đến
Vội vội lên đường về cố hương
Tiễn hoa lên xe về quý quốc
Tựa như mặt trời lặn xuống tây.

– Hát đáp
Đừng lưu lại
Lưu lại người hèn phiền quý châu
Hàn thân không đáng làm phiền bạn
Làm phiền biết bao các xóm làng
Bày tỏ chân tình với chúng bạn
Báo với nguyệt tiên chốn nguyệt cung
Xin gạo tha phương muốn về sớm
Nhiều điều dồn lại hết thời chơi
Lang thang khắp nơi dài năm tháng
Đi khắp thế gian hết mấy thời
Sa vào kinh thành nơi hoa lệ
Phiền đến người thân khắp bản làng
Vạn dặm đường trường đi chơi phố

Như cát nước đưa châu đến châu
Lần mò khắp nơi vào kinh phủ
Không còn giờ phút để dừng lưu
Cầm tay phút chốc lại chia ly
Mỗi người một chốn cách xa nhau
Nghĩ tình hoa bướm càng đằm thắm
Không tiếc thời gian đưa nhau về
Đưa tiễn đơn thân đoạn đường vắng
Không có vật gì để trả ơn
Vất vả biết bao người đưa tiễn
Phiền toái chúng bạn biết bao làng.

3. – *Hát tiễn*
Lưu gấm lại
Thác nước đầu ghềnh níu giữ thuyền
Níu được đầu thuyền quay lại bến
Lưu lại bóng hồng vui xóm làng.

– *Hát đáp*
Lời thành bày tỏ với chúng bạn
Nghĩ tới đường xa sớm trở về
Lưu lạc phố phường dài ngày tháng
Đường trường nhiều dốc vội lên đường

– *Hát tiễn*
Vạn dặm đến gần xin hỏi bạn
Người về còn nhớ bản làng không?
Chân tình lưu luyến ở với bạn
Giờ phút chia tay vội vội về
Ngày tháng còn dài trời đất rộng
Cớ sao vội vã trở về làng?

– *Hát đáp*:
Xa nhà phiêu bạt nhiều thành phố
Thấy được biết bao mỹ miều hoa
Lòng thấy bâng khuâng nhớ quê vắng
Nghĩ tới bạn tình lòng thấy thương

– *Hát tiễn*:
Chỉ vì nước cạn thuyền không ở
Lấy gì làm tin lưu quý hoà

Hai bên mạn thuyền nước xô đẩy
Đưa tiễn bóng hồng về bản nhà.

– *Hát đáp*
Cảm ơn người hiền đã đưa tiễn
Cùng với hàn thân đoạn đường trường
Đưa được đơn thân đến cửa khẩu
Chỉ trọng nghĩa nặng với tình sâu

– *Hát tiễn*
Tiễn về đến quê nơi đầm ấm
Hàn thân ở lại chốn đường hoang
Nghĩ tới tình sâu đời buồn tủi
Ước được có duyên lại gặp nhau

– *Hát đáp*
Ân hận quá nghèo không đền đáp
Để người yêu quý trở về không

– *Hát tiễn*
Giá như có lòng em lại đến
Dịp nào đi chợ ghé vào chơi
Thật có lòng thương nhớ tới bạn
Rồng phi hổ nhảy đến nhà chơi
Thế gian nhiều tình nói sao hết
Chia tay mỗi người về khác châu
Ngày nào trời ban cho phúc tới
Được gặp bóng hồng trở lại thăm?

4. – *Hát tiễn*
Lưu gấm lại
Thác nước đầu ghềnh níu giữ thuyền
Níu được thuyền về trở lại bến
Lưu được quý hoa vui xóm làng
Lưu gấm lại

DÂN TỘC ÊĐÊ

1. – Ơ em!
Đã từ lâu, anh thấy cây đa nở hoa

Cây sung đang ra trái, năm tháng vừa rồi
Lá thuốc hút, anh muốn chia đôi
Lá trầu tươi, anh muốn chia hai
Máy mắt động tai, anh nhớ em đó

Hiện giờ là vậy đó
Anh cầm nỏ muốn đi săn
Anh cầm cung muốn đi bắn
Muốn tìm thấy thú, anh phải vào rừng
Nó nấp nơi nào đây
Nó ẩn nơi nào đây
Có một con trâu rừng đang tơ
Làm anh ưng ruợt...

Ngủ đêm anh nằm mơ tốt
Ngủ ngày, anh chiêm bao hay
Hồn anh như bổng như bay
Tới tận trời mây biếc
Rựa cầm tay, sao cho anh nói được
Áo vắt vai, biết bao giờ tới chơi
Hành tỏi kia, năm tháng nào mới nở hoa tươi
Gừng có củ, gái trai bao giờ đây mới gặp
Ba tháng ấy, anh tới thăm em tại vườn gừng thấp
Muốn giữ gìn bến nước của chị Hơ–bia
Anh và em, chỉ sợ đấy sẽ thành nơi đất mặn[1].

Hẹn với em ba năm
Em đừng đánh rơi đôi hoa tai vàng
Hẹn với em ba tháng
Em chớ bỏ quên đôi hoa tai bạc
Làm sao em đừng quên
Mùa bắp chuối nở hoa kết trái
Em hãy cố lắng nghe anh gọi
Giọng vang vang như chim gọi mùa xuân
Để cho chim sáo mỏ ngà ăn trái cây
Để cho chim cu cổ cườm ăn quả rừng
Bụng anh, anh chỉ muốn được gần em mãi mãi...

---

1. Ý nói: chỉ lo nơi ấy sẽ thành chỗ không tốt lành (BBS)

2. – Ơ em!
Đời mẹ ta ăn chuối mật một trái
Đời cha ta ăn chuối tiêu một quả
Còn đời em và anh
Ta từng ăn cơm chung lá
Từng uống nước chung bầu
Khi lớn lên ta thành người
Chân gác chân, vai kề vai
Anh muốn hỏi em nhiều
Lòng anh, em có thấu

Ơ em!
Anh đi vùng người Bih
Em nhớ gửi theo ống cơm nếp nướng
Anh ở vùng người M'nông
Em nhớ gửi theo ống cơm lúa kê
Anh tới vùng đất người ÊĐê
Em hãy tới ở cùng anh, em hỡi!

3. – Ơ em!
Búi tóc mượt, em gài trâm đúc
Cổ tay em mang còng *kơviêng*[1]
Ngón tay em lồng trong nhẫn bạc
Thân hình em như chuốt bằng vàng
Bắp chân em mềm mại dẻo dang

DÂN TỘC DÁY

Ở dân tộc Dáy, Vươn là một loại hình hát đối đáp của nam nữ thanh niên trong các dịp hội hè, lễ tết. Nội dung phản ánh những khát khao về tình yêu đôi lứa. Đây là một vài đoạn trong lối hát giao duyên của dân tộc Dáy.

1. – Anh vẫn chưa được lời đáp lời
Chưa được câu đáp câu
Này em hỡi, này em

---

1. Kơ-viêng: một loại vòng tay quý, đẹp làm bằng hợp kim đồng và bạc (BBS).

Anh e bẹ mo mai[1] không sánh được dạ quý
Chài rách không so được dạ đỏ
Hạt kê không bì được gạo trắng
Chỉ e anh không xứng với em
Chỉ e trồng nghệ nghệ chẳng vàng
Đồng cũng vàng nhưng không như vàng
Anh e rằng anh chẳng bằng em
Miệng không khéo bằng nhau
Nên sợi căng sợi chùng
Sợi căng là em đó
Sợi chùng là phận anh

Em hỡi!
Cái yêu, đợi ở em
Cái thương, cũng ở em

2. – Thương như thương cái nón
Yêu như yêu cái ô
Thương như đôi quả mua[2]
Yêu như chồng bát sứ[2]
Thương em dài như suối
Suối có lúc quanh co
Yêu em dài như sông
Sông có lúc uốn khúc
Yêu không lúc nào nguôi

Em hỡi!
Cái yêu là cái thương
Cái thương là cái nhớ
Cái nhớ? Chính là yêu.

Thèn Sèn
sưu tầm, dịch

3. NAM Lời tiếp lời bảo thương
Giờ tiếp giờ bảo nhớ

---

1. Bẹ mo nang của cây mai.
2. Quả mua là một thứ quả dại giống quả sim, thường mọc thành chùm; bát sứ thường vẽ hoa là của quý. Ý cả hai câu thơ muốn nói: tình yêu thương đằm thắm đáng quý, gắn bó, làm hai người không bao giờ xa rời nhau (BBS).

Luôn miệng nói rằng yêu
Chỉ e rằng quanh quéo
Biết đâu không khéo lừa
Lừa anh ngã từ ngọn
Lừa anh bám cành mục
Lừa con một trễ mùa làm ăn
Để mẹ cha trách mắng
Lừa tựa lưỡi câu lừa cá
Lừa anh trượt ngã dốc cao
Lừa qua Chạp tới Chạp
Lừa Giêng rồi lại Giêng
Lừa cá *riếng* trôi thác
Lừa vịt góa chẳng chăn
Lừa thân anh dang dở.

NỮ Lời tiếp lời rằng em chẳng thương
Giờ tiếp giờ bảo em chẳng nhớ
Anh ơi! Ra đi mà hỏi đá
Rời nhà mà hỏi thác
Thác nào nước chẳng xiết
Cọn nào guồng chẳng quay
Guồng *cọn* mười hai ống
Ống nào ống chẳng múc
Quanh năm mười hai tháng
Tháng nào em chẳng yêu
Yêu tựa nước đựng vợt
Yêu như nước đựng ấm
Hơi nghiêng đã sợ đổ
Nếu đổ một hai giọt
Em múc đầy bù ngay
Bao người khác, lòng không đoái
Em yêu anh chỉ một người.

NAM Nàng rằng
Lời tiếp lời bảo thương
Khắc tiếp khắc bảo nhớ
Cái thương như thế nào
Cái nhớ ra làm sao
Thành hoa hay thành lá
Là lá, anh xin ngắt

Là hoa, anh xin hái
Thành cửa nhà, anh xin chung.

NỮ Anh cứ nói rằng em chẳng thương
Khác nào cũng bảo em chẳng nhớ
Yêu anh, em để trong lồng ngực
Nhớ anh, em giấu tận trong tim
Nhớ thương đâu phải chuyện hở lời
Lời ra cửa miệng e gió cuốn
Lời ra đầu lưỡi sợ gió tạt
Yêu anh tựa nước tràn xuống bậc
Yêu anh như nước xô xuống thác
Xoáy hơn nước đổ vực
Mạnh hơn nước vượt ghềnh
Tràn hơn nước xuống ruộng bậc thang
Xa vắng tấc gang là khổ.

4. – Yêu anh đến tháng Bảy
Cơm chẳng ăn tháng Bảy
Yêu anh đến tháng Tám
Cơm chẳng ăn tháng Tám
Mặt xanh xám tựa rêu
Mặt xanh xao tựa bèo
Trắng hơn cả hoa mận
Gương mặt như trăng sao
Trắng hơn cả vỏ trứng
Vỏ trứng nặng vài phân
Thân em chẳng ly nào
Yêu anh
Cơm chẳng ăn mấy hạt
Nửa hạt nuốt chẳng trôi
Đôi đũa nặng vài phân
Chiếc bát bảy đồng cân
Tay nâng lên không nổi
Rụng rời rơi giữa mâm
Thưa rằng: Con mắc bệnh
Mẹ cha tưởng bị thuốc[1]

---

1. Nguyên văn: tưởng bị đánh thuốc độc.

Lây bệnh từ xứ lạ
Mắc bệnh từ phương xa
Vội cầm áo tìm *mo*
Gấp ra đi tìm *tào*[1]
Bói ma nào đâu có
Thầy bảo rằng:
– "Bệnh hai đứa yêu nhau".

Yêu anh những tưởng chết
Mê ngất đi hàng ngày
Cha bày đóng ván chôn
Mẹ nức nở khóc, kể
Vừa kể đến tên anh
Em anh liền hồi tỉnh.

5. – Nằm mơ tay nắm tay
Ngờ đâu nắm phải giát[2]
Nằm mơ cùng đối đáp
Hóa miệng ta áp gối
Giấc ngủ cứ chập chờn
Nghe giọng em văng vẳng
Ta mơ em đội nón
Đội nón mới qua phai
Ta mơ vượt dốc đá
Tới bên em cùng ngồi

Nằm mơ tay nắm tay
Hai tay ta cùng vịn
Vịn vai em dạo chơi.
Nằm mơ tay nắm tay
Ta mơ tay vin vai
Tựa cửa sổ chuyện trò
Đứng trên sàn đối đáp
Chuyện xoắn như dây *mẹng*[3]
Chuyện với em chưa hết

---

1. Thầy cúng: theo tục mê tín cũ, khi đi bói phải mang áo của người ốm tới để thầy bói xem mà đoán.
2. Nguyên văn: không ngờ nắm phải giát giường (BBS).
3. Mẹng: một loài dây leo xoắn xuýt lấy nhau rất khó gỡ rời.

Em đã vội đứng lên
Tay ta với chỗ trống
Vùng dậy ngồi giữa giường
Tưởng như em vẫn cạnh
Hai tay nắm... tay không
Bàng hoàng tỉnh mà mộng.

6. – Ước ta được yêu ta
Ruộng bờ cao hóa thấp
Không thăm nước khắc đầy
Mắt nhìn nhau càng đắm.

Ước ta được yêu ta
Ngắt lúa không cần *rẹp*[1]
Ốm đau chẳng cần thầy[2]
Ôm cổ nhau là tỉnh.

Ước gì ta được em
Không có cơm, ăn cám
Không có củi, đun trấu
Mảnh nương mảnh rực lên
Tối không đèn vẫn sáng.

Ước gì ta được em
Nếu như
Ba ngày chung hạt bầu
Chín ngày chung hạt dưa
Hai tết, ba tết... chung lạng thịt
Bấy giờ
Dù đói, phận đôi ta
Dù nghèo, duyên hai đứa
Vất vả tại mệnh người
Đắng cay chung một số.

Lù Dín Xiểng
sưu tầm, dịch

*

1. *Rẹp*: một kiểu hái nhỏ dùng cắt lúa.
2. Nguyên văn: ốm đau không cần thầy cúng (BBS).

7. – Ước gì ta được ta
Bờ ruộng hai lần đắp
Bờ ruộng ba lần cạp
Em dệt, em quay xa[1].

Có con, anh ẵm địu
Anh ẵm địu rong chơi
Con không ngoan đôi lúc
Cứ anh mà mắng thôi.

Ta yêu nhau thực sự
Duyên ta sẽ hợp nhau
Không con, nuôi trẻ khác
Ta yêu nhau lấy nhau
Sống một ngày cũng được.

Ta yêu nhau thực sự
Số ta sẽ hợp nhau
Nhất định tròn hẹn ước
Thương yêu đến bạc đầu.

8. – Nếu như ta biết biến
Nếu như ta biết hóa
Biến thành diều cánh nhạt
Hóa thành chim cánh đen
Lượn trên mây theo gió
Vòng chân trời theo em
Theo tới phương em ở.

Em rỗi, em ra sân xem diều
Em nhàn em ra sân ngắm chim
Xem diều, chim bay lượn
Ngắm hồn ta thăm em.

Nếu như ta biết biến
Nếu như ta biết hóa
Ta sẽ biến thành chỉ
Ta sẽ hóa thành kim
Trong tay em thêu thùa
Thêu hoa, bông hoa nở

---

1. Nguyên văn: em dệt cửi anh xe chỉ (BBS).

Thêu hoa, chỉ mầu hồng
Thêu chỉ hồng thành đóa
Hai tay em nâng niu
Mắt em ngắm không rời
Lòng em mến không bỏ.

Nếu như ta biết biến
Nếu như ta biết hóa
Ta hóa đôi *niềng niễng*[1]
Bay tới đậu khung cửi
Dịch trước, em vướng go
Dịch sau, em vướng thoi
Mẹ dạy em dệt lụa
Dệt xấu, xin chớ mắng
Xin đừng mắng vía ta
Xin đừng trách vía ta
Kẻo vía ta xấu hổ
Kẻo vía ta tủi thân.

Nếu như ta biết biến
Nếu như ta biết hóa
Biến thành chim hai con
Hóa thành người hai thân
Một thân ở nhà nuôi bố mẹ
Một thân ta đành theo dõi nàng
Dõi theo nàng khắp bản
Dõi theo nàng mọi phương.

Chắc em mừng với ta
Hẳn em vui với ta?

Thèn Sèn
sưu tầm, dịch

DÂN TỘC HƠ RÊ

1. – Ơ bạn gái mình ơi!
Chúng mình đi kiếm củi

---

1. Niềng niễng: loài côn trùng cánh mầu đen nhánh sống ở ruộng nước, có thể dùng làm thức ăn được (BBS).

Kiếm xong rồi mình ra tắm suối
Chúng mình lội tắm bến nước giữa dòng
Bến nước giữa dòng có cây đa mọc.

Bạn ơi! Tôi thấy con trai đẹp như trái *po-li-kô*[1]
Màu da nó tựa gan nai
Người con trai chẳng có cánh tay
Người con trai giống gốc đa chằng chịt[2].

Chị em mình không thương sao được
Chị em mình chẳng nhớ sao đây
Tôi ăn cơm chẳng được rồi
Tôi ăn cốm cũng chẳng trôi vào cổ

Nước mắt tôi rơi lã chã
Nước mũi tôi chảy ròng ròng
Nước miệng tôi cứ chảy hoài.
Tôi chẳng biết làm sao!

Tôi không biết thế nào
Tôi trở về sao nổi
Nhờ ông Tơ trên đầu xe duyên chắp mối
Nhờ bà Nguyệt trên cao buộc hộ duyên này.

2. – Con gái có một người
Giống bông hoa *pa đê*[3]
Giống mặt trăng vừa mọc
Giống như trăng lưỡi liềm mồng một
Trăng mồng hai ra tựa con dao
Trăng nhú qua đồi ra cái gương soi
Không thể nào quên được nỗi nhớ
Không thể nào bỏ được nỗi thương...

Con gái có một người
Giống bông hoa *đa vai*[4]
Giống quả dưa vừa mọc
Giống như trái dưa leo

---

1. *Po-li-kô*: một loài trái cây rừng, vỏ màu nâu bóng rất đẹp.
2. Ý nói: người con trai lực lưỡng khỏe mạnh (BBS).
3. *Pa đê*: loài hoa cánh to, mầu đỏ, hay mọc ven suối.
4. *Đa vai*: loài hoa cũng cánh to, nhưng mầu vàng.

Giống như con cá *linh*
Con cá *linh* giữa dòng Kơ lốt,
Con cá *hơ mốt* giữa suối Chi reng
Con cá *hàm leng* suối người qua lại
Cây tre rũ ngọn giữa ngã ba sông.

Con gái có một người
Không cho ra khỏi chòm
Con gái mẹ một đứa
Không cho ra khỏi *buôn*
Cất kỹ bỏ trong hòm
Gói dành cho vào giấy
Không cho nó bị cháy
Không cho nó bị nhơ.

Đinh Út, Trúc Cương
sưu tầm, dịch

DÂN TỘC LÔ LÔ

Như nhiều dân tộc anh em khác, người Lô Lô rất thích múa hát. Đặc biệt lứa tuổi trẻ, trai gái tìm hiểu và yêu nhau, nên vợ chồng sau này thường cũng nhờ vào hát làm nhịp cầu liên kết. Hát về tình yêu của người Lô Lô khá phong phú, nhưng điểm đặc biệt nổi rõ là người ta hay hát ở trong nhà, vì hát trong nhà được ấm áp, dễ kéo dài cuộc hát hơn[1]*, và khi hát thường là nam nữ đối đáp, mỗi bên một đôi. "Khách" tới hát (bên nam giới thường chủ động tới nhà các cô gái), thoạt đầu phải đứng ngoài nhà mà "đánh tiếng", kế đó "chủ" (nữ giới) có mời đón thì "khách" mới được vào, và từ khi vào nhà coi như cuộc hát bắt đầu.*

Về nội dung, loại hát tình yêu trai gái của người LôLô cũng rất phong phú, nhưng điều đặc biệt là người ta thường dùng một bài hát đối đáp dài tới trên 1.400 câu thơ 5 chữ. Bài này mô tả

1. Các nhóm Lô Lô (Lô Lô đen, Lô Lô trắng, Lô Lô hoa) là những tộc người tới khai phá ở vùng rừng núi phía bắc Việt Nam từ sớm (khoảng từ thế kỷ thứ VIII–X) và cư trú tập trung thành một vài xã, bản khá lớn trên vùng cao miền Hà Giang, Cao Bằng ngày nay. Nơi người Lô Lô ở thường rét quanh năm.

khá đầy đủ quá trình tìm hiểu, yêu đương, xây dựng hạnh phúc và nghĩa vụ của mọi cặp vợ chồng. Trong khuôn khổ cuốn sách này, chúng tôi chỉ trích giới thiệu một số đoạn trong bài "đón khách" và trong hai chương chính của bản "trường ca về tình yêu" đó (BBS).

ĐÓN KHÁCH
(trích)

KHÁCH – Tối nay là tối gì
Mà thoang thoảng hương bay
Đêm nay là đêm gì
Mà ấm áp cỏ cây
Gốc thảo quả[1] trên trời
Hương tỏa thơm mặt đất
Quả *dù piăng*[2] trên cao
Hương quả lan ngây ngất
Chưa thấy lá gừng đâu
Mà đã thoáng thơm cay
Quả *dù xó*[2] nơi nào
Mà hương bay qua đây
Biết vị gừng từ lâu
Củ mãi nay mới thấy
Biết hương quả thuở nào
Quả tới giờ thơm cay
Đất dầy, không đào nổi
Hương quả thoang thoảng bay
Nhưng quả cao, đành vậy
Nghe giọng, biết hát hay
Mặt một lần chưa gặp
Mắt nhìn rõ thân cây
Tay làm sao vít ngọn
Chúng ta là người quen
Chúng ta là anh em...

CHỦ – Chúng ta là người quen
Chúng ta là anh em

---

1. *Thảo quả, dù piăng, dù xó*: tên các loại quả có hương thơm. Cả đoạn thơ có ý ca ngợi chủ nhà (các cô gái, là những người tài hoa, đáng quý, đáng yêu).

Nhà anh tận trên trời
Nhà em ngay mặt đất
Khách tới chủ phải hỏi
Đuổi ngay gà ra sân
Rồi nhốt ngay chó lại[1]
Khách tới, chủ không chào
Khách nào ngồi yên dạ
Khách đến, chủ không đón
Khách đứng, lòng sao yên
Bạn trai về tới đây
Bạn gái sao hớn hở
Chủ vui, khách vui lây
Nếu buồn, khách không ở
Khách tới, không chào hỏi
Khách chê mình kém cỏi
Lại phiền lòng người già
Chuốc điều tiếng xấu xa[2]
Khách tới cửa, cửa vui
Khách vào nhà, nhà sáng
Nhà có tang mới buồn
Nhà chết hết mới tẻ
Mới âm thầm lặng lẽ
Khách đã về tới cửa
Chủ đón mừng niềm nở
Khách bước vào trong nhà
Chủ ngồi, lòng như đứng
Chân đứng mà lòng bay[3]
Đến chơi, đừng xấu hổ
Vào nhà, chớ thẹn thò
Rồi ta quen nhau hết.

CHỦ – Tới đây, đừng e thẹn
Coi nhau như người thân
Gặp nhau để ca hát
Cất tiếng giữa đêm xuân
Tối nay, nghỉ không nên

---

1. Ý nói: phải thu dọn ngay nhà cửa cho sạch sẽ, gọn gàng (BBS).
2. Ý nói: cha mẹ phải mang tiếng là có con gái vụng dại bất nhã.
3. Ý nói: tuy vẫn đứng đây nhưng lòng thì vui sướng vô cùng.

Tuy xóm này tẻ nhạt
Không sánh nổi xóm trên[1]
Nhà em đây xấu xí
So sao với nhà anh
Nhưng cứ hát, cứ hát
Hát lên, cảnh mới đẹp
Hát lên, nhà mới vui
Bài hát vẫn còn nữa
Bài hát hãy còn dài
Ăn quả, ngắm hoa thơm
Quả ngọt đậu trên cành
Hoa thơm nở trên cao
Hát đi, hát lên nào
Tâm tình anh cứ kể
Em nghe, mọi người nghe
Tâm sự chị giãi tỏ
Thao thức suốt canh khuya
Hát lên, cảnh mới đẹp
Hát lên, nhà mới vui
Anh cất tiếng bay bổng
Chị cao giọng ngân lời
Cứ hát, ta cứ hát
Tối nay là tối vui
Đêm nay là đêm hội
Đừng tiếc giọng tiếc tài
Không nên ngừng giữa buổi
Không thể nghỉ nửa vời
Đêm nay ta không nghỉ
Hát đi, anh chị ơi!

TỎ TÌNH

(trích)

NAM – Đẹp như em, như anh[2]
Cớ sao em không yêu

---

1. *Xóm trên*: là ám chỉ xóm bản của khách, tức là của chàng trai (BBS).
2. Câu mở đầu từng đoạn hát đối đáp, vị trí 2 chữ "em, anh" thay đổi tùy theo người hát, bao giờ cũng nêu "đối tượng" lên trước để tỏ ý quý trọng (BBS).

Không cùng anh chung sống
Vật gì em muốn tặng
Của tin nào em ưa
Thuốc lá ngon anh đưa
Thuốc thơm mười hai điếu
Mười hai điếu thuốc vàng[1]
Mười hai lần quý yêu
Yêu em, yêu thực bụng
Quý em, quý hết lòng
Không thể rời xa em
Tình yêu nếu chẳng nên
Em đi, anh kéo áo
Em chạy, anh kéo khăn
Nếu tình vẫn chẳng thành
Anh ra đi, ra đi
Tìm cô nàng nhanh nhảu
Còn nhanh nhảu hơn em
Tìm cô nàng tươi xinh
Đẹp hơn em bội phần
Anh đi tìm người tốt
Tìm cô gái dịu hiền
Tình yêu em đã dứt
Đẹp như em, như anh.

NỮ – Đẹp như anh, như em
Mối tình anh, em rõ
Lời anh ngỏ, em hay
Quà anh tặng còn đây
Biết lấy gì đáp lại
Thuốc thơm mười hai điếu
Mười hai điếu thuốc vàng
Mười hai lần quý yêu
Thuốc thơm, em cũng sẵn
Thuốc vàng, em còn nhiều
Tìm yêu, tìm người khác
Chớ tìm em, anh ơi
Tìm thương, tìm nơi khác

1. Thuốc sợi vàng, đồng thời cũng có ý nghĩa là thuốc ngon, thuốc quý như vàng.

Đừng tìm nơi cách vời[1]
Tìm yêu, xin vào nhà
Tìm thương, mời vào cửa
Còn ai? Em không đi[2]
Không theo anh làm gì
Em đi, sợ mẹ đánh
Theo anh, sợ bố mắng
Mẹ đánh, em đau thịt
Bố mắng, em đau lòng
Đẹp như anh, như em

Em hãy ngủ ngon
Em hãy ngủ say
Để bố đi lấy củi
Củi khô đã bị mọt ăn
Chỉ còn một cây;
Khách đến nhà không đủ lửa sưởi
Cả chủ nhà cũng thiếu củi dùng
Để mẹ đi gánh nước
Nước đã bị rồng uống cạn
Chỉ còn một gáo
Khách đến nhà không đủ nước uống
Cả chủ nhà cũng thiếu nước dùng

Ngày hôm nay
Tối hôm nay
Anh đo đúng
Em đo đúng[3]
Không gặp nhau thời thôi
Gặp nhau nói hết lời
Không thấy nhau thời thôi
Thấy nhau kể hết lời
Mai mốt anh đi xa
Anh trở về quê cũ

---

1. Ý nói: đừng tìm ở nơi này, vì em đây có thể là người anh chưa hiểu biết kỹ càng.
2. Ý nói: còn phải tìm ai ở đâu nữa? Mời anh vào đây thôi, chứ đi ra khỏi nhà chơi với anh thì em không đi (BBS).
3. Hai người gặp nhau.

Để em ở lại nhà
Em chớ buồn ủ rũ

Tối nay là tối gì
Đêm nay là đêm nào
Gốc thảo quả ở trên trời
Hương thảo quả bay đến đây
Quả *dủ pàng*[1] ở trên trời
Hương *dủ pàng* bay đến đây
Gừng ở đâu, không thấy
Nhưng mùi gừng bay tới.
Quả ở đâu, không thấy
Nhưng hương quả bay tới
Trước đã thấy mùi gừng
Tối nay mới thấy gừng
Trước đã thấy hương quả
Tối nay mới thấy quả
Đã ngửi thấy mùi gừng
Muốn ăn, nhổ không được
Đã ngửi thấy hương quả
Ngọn cao, hái không xong.
Nghe tiếng hát bay cao
Song chẳng thấy mặt đâu
Mặt trông thấy cây quả
Mà không vít được ngọn.
Chúng ta anh em cả, chớ xấu hổ cùng nhau,

NAM Đẹp như em, đẹp như anh
Chỗ này em không ở, em muốn ở chỗ nào
Anh muốn ở Đồng Văn, em muốn ở Đồng Văn,
Anh ở Đồng Văn được, em ở Đồng Văn được
Anh ở đó là phải, em ở đó là đúng
Tìm nơi nọ nơi kia, nơi này mới là tốt
Đẹp như em, đẹp như anh

NỮ Đẹp như anh, đẹp như em
Anh ở chỗ nào, em ở chỗ ấy
Anh mà ở Đồng Văn, em cũng ở Đồng Văn
Nếu anh ở không được, em ở cũng không được

---

1. Một thứ quả có thể dùng làm thuốc súng.

Không muốn ở nơi này, ta tìm nơi đất tốt
Không muốn ở nơi đây, ta tìm nơi đất đẹp
Đẹp như anh, đẹp như em.

NAM Đẹp như em, đẹp như anh
Chỗ này em không ở, em muốn ở chỗ nào
Anh ở Má Lú, em cũng ở Má Lú
Anh ở được, em cũng ở được
Đừng làm khổ cho anh, đừng làm khổ cho em
Đẹp như em, đẹp như anh

NỮ Đẹp như anh, đẹp như em
Anh ở chỗ nào, em ở chỗ ấy
Anh ở Má Pắng, em cũng ở Má Pắng
Chỗ này anh không ở, chỗ này em không ở
Không muốn ở nơi này, tìm nơi tốt mà ở
Không muốn ở nơi này, tìm nơi đẹp mà ở
Không làm khổ cho anh, không làm khổ cho em
Đẹp như anh, đẹp như em.

Dù bố mẹ có đồng ý hay không, ta vẫn thành chồng thành vợ.
Dù gặp khó khăn trở ngại, không để ai ngăn cản hạnh phúc của ta.
Dù bọn gấu[1] độc ác đến đâu, ta cũng không sợ.
Dù lá gianh rậm bao nhiêu, cũng dập nát dưới chân ta.

DÂN TỘC MẠ

1. NAM Chân tay em như khuôn như đúc
Mặt mũi em sắc sảo như chim diều
Miệng em cười ra chiều tủm tỉm
Tóc em trang em điểm
Da em tươi mát bởi em nặng tình.

NỮ Ơ này chàng Yai!
Lược nạm sáng ngời chàng gài mái tóc
Cán dao *vion gian*[2] chàng khảm thiếc trắng bong

1. Ám chỉ kẻ giấu, bóc lột.
2. *Vion gian*: một loại dao thường dùng đi rừng hoặc làm nương rẫy.

Mũi dao chàng cong tựa hình vẩy cá
Chàng mang cung cầm ná[1] cánh cong như đuôi bò cạp
Khiêng chàng áp về bên quỷ dữ[2]
Em quay về vẫn còn tư lự
Năm canh trằn trọc chẳng bén chiếu bén sàn!

Ơ này chàng Yai!
Tóc chàng điểm chàng trang
Tóc ngấn vòng ở nơi trước trán
Tóc cuộn ngấn ở đằng sau lưng
Búi tóc chàng quấn dải vải màu
Em muốn ôm chàng vào trước ngực.
Như được đắp bức chăn êm.

2. NỮ Ơ anh ơi!
Chiếu ta nằm
Em sợ lên mốc
Tay ta ôm
Sợ mọc hắc lào
Ống sáo *mơ buốt*
Em sợ gián chui vào làm tổ!

NAM Ơ em!
Ta nằm bên nhau
Cho tới lúc hạt lúa sớm chín đỏ
Cho tới khi hạt lúa muộn nảy mầm
Cho tới khi tay ta mài mòn chiếc nhẫn
Cho tới khi sàn nhà mục gẫy, em ơi
Ta ngủ bên nhau
Từ rừng non cho tới lúc rừng già
Cho tới khi rẫy hóa thành núi
Cho đến khi con ta thuộc đường thuộc lối
Đi múc nước về dùng!

Võ Quang Nhơn
sưu tầm, dịch

---

1. Cung nỏ cánh cứng và cong đẹp như đuôi con bò cạp.
2. Ý nói: dù chàng trai có ở vào nơi khó khăn, nguy hiểm đến đâu, cô gái vẫn nghĩ tới, vẫn thương yêu (BBS).

DÂN TỘC MÔNG

Tiếng hát tình yêu (Gầu Plềnh) của dân tộc Mông là những bài hát trao duyên, đối đáp nam nữ, qua đó họ tìm hiểu nhau để đi đến hạnh phúc trăm năm. Trong kho tàng dân ca Mông còn nhiều hình thức như: Tiếng hát làm dâu, tiếng hát mồ côi, mỗi loại đều phản ánh tâm trạng, tình cảm vui buồn của đồng bào dân tộc Mông.

Dưới đây là một trích đoạn trong tiếng hát tình yêu – những đối đáp của nam nữ thanh niên người Mông.

TIẾNG HÁT TÌNH YÊU

Gầu plềnh – Gâux plênhx

1. Kể rằng ngày xửa ngày xưa đã lâu đời
Trần gian xuất hiện chín mươi chín tấm bia vàng
Thượng giới xuất hiện chín mươi chín mặt trời sáng
Trần gian xuất hiện chín mươi chín tấm bia bạc
Thượng giới xuất hiện chín mươi chín mặt trăng tỏ
Thuở ấy, mặt trời đứng lên ghẹo mặt trăng
Từ đấy, đường tình duyên trai gái lan tận chín mươi chín khe núi
Trần gian mới khô khốc
Cỏ cây tuyệt hết giống
Thuở ấy, mặt trời đứng dậy trêu mặt trăng
Từ đấy, đường tình duyên trai gái lan tới chín mươi chín thung lũng
Trần gian mới khô cạn
Cỏ cây chết sạch mầm

Kể rằng thuở ấy có một người to sức lớn
Là cô Rồng Nước giậm chân xuống đất
Nước vàng mới phụt lên
Cô Rồng Nước giậm cẳng xuống đất
Nước vàng mới vọt lên
Nước dâng ngập lưng núi
Trần gian muôn loài chết tuyệt giống
Nước dâng tràn thung lũng
Trần gian vạn vật chết sạch nòi.

Thuở ấy, Chừ Sào hai anh em: anh trai, em gái
Nhảy vào ngồi trong thuyền máng
Theo làn nước trôi nổi lênh đênh
Chừ Sào hai anh em: em gái, anh trai
Nhảy vào ngồi trong thuyền gỗ
Theo làn nước nổi trôi dập dềnh
Thuyền trôi lênh đênh, nổi dập dềnh lên tận lưng trời
Thế là cõi trần gian trở thành tăm tối
Muôn loài vật chết sạch sành sanh
Ngọc Hoàng mở cửa trời nhìn xuống
Thấy hai người ngồi trong thuyền, sóng đánh nhấp nhô
Ngọc Hoàng mới hỏi:
– "Tại sao cõi trần tăm tối?
Nước ở đâu dâng đưa hai đứa dạt tận cửa trời?"
Chừ Sào bèn kể rằng:
– "Vì trần gian thuở trước
Xuất hiện chín mươi chín tấm bia vàng
Thượng giới xuất hiện chín mươi chín mặt trời sáng
Vì trần gian thuở trước
Xuất hiện chín mươi chín tấm bia bạc
Thượng giới xuất hiện chín mươi chín mặt trăng tỏ
Mặt trời đứng dậy trêu ghẹo mặt trăng
Đường tình duyên trai gái sinh ra
Lan xa chín mươi chín núi khe cùng thung lũng
Trần gian mới khô hoảnh
Cây cỏ sạch giống nòi
Cô Rồng Nước giậm chân xuống đất
Nước vàng phụt tóe lên
Nước dâng ngập lưng núi
Nước ùn dâng ngập trời
Dưới cõi trần gian muôn loài tuyệt giống".
Ngọc Hoàng bèn nghĩ ngay phương kế
Gậy đồng, dùi sắt lấy ra
Chọc ba gậy đồng xuống trần gian: nước cạn
Hai anh em Chừ Sào trở lại được trần gian
Thấy cỏ cây thảy đều tuyệt giống
Thấy thú vật thảy đều tuyệt nòi
Họ bèn đem giống má cỏ cây, thú vật lập lại trần gian
Cõi trần gian lại muôn loài đầy đủ.

Kể rằng thuở ấy cây mọc bên núi đá
Biết chắp, biết nối thành cây bương cây tre mọc ở giữa rừng
Người Mông lấy cây tre cây bương trồng làm cây nêu
Ấy là chỗ gái trai ngày xuân mở hội múa hát.
Kể rằng thuở ấy cây mọc ngay giữa rừng
Biết chắp, biết nối thành cây bương cây tre mọc bên núi đá
Người Mông lấy cây bương cây tre dựng thành cây nêu
Ấy là chỗ gái trai ngày xuân vui chơi[1].

2. Người Hán ăn Tết, đốt dầu thông cùng bia đá
Người Mông ăn Tết, đốt hương, đốt giấy cúng cột nêu tre
Người Hán ăn Tết, đốt dầu thông cúng bia gỗ
Người Mông ăn Tết, đốt hương, đốt giấy cúng cột nêu bương

Cây tre biết sinh, sinh ở quê mình
Ta ở nơi xa cất chân về theo mình *hát hội*
Cây bương biết sinh, sinh ở quê mình
Ta ở nơi xa cất bước về theo mình hát đám
Cây tre biết sinh, sinh ở bãi phẳng
Đôi ta không biết hát thì thôi
Biết hát, ta hát như cây tre cây bương thi nhau sinh
Cây bương biết mọc, mọc ở bãi bằng
Đôi ta không biết hát thì thôi
Biết hát, ta hát như cây tre cây bương đua nhau mọc.

Đôi ta hát ba ngày chưa chán
Các bô lão đã hạ cây nêu
Mình có nhà mình trở về nhà
Ta không có nhà, ta như con khoái, con ong thẩn thơ bên lối
Đôi ta hát ba ngày chưa thỏa
Các bô lão đã hạ cây nêu
Mình có nhà mình trở về nhà
Ta không có nhà
Ta như con ong, con khoái thơ thẩn bên đường.

3. Mùa đông dây leo không đâm chồi
Mùa xuân dây leo mới mọc
Dây leo mọc không có lối vươn

---

1. Toàn bài này giải thích về sự tích cây nêu và tục chơi xuân của trai gái Mông.

Vươn luẩn quẩn bên hốc đá
Ta bảo mình trao cho ta lời tâm tình mình không trao
Mình ơi! Con đường trẻ không lâu
Con đường già mau tới
Đời người như bóng râm từ từ ngả bên núi
Mùa đông dây leo không nẩy chồi
Mùa xuân dây leo mới mọc
Dây leo mọc không có đường vươn
Vươn quanh quất bên bụi cây
Ta bảo mình hát với ta lời tâm sự mình không hát;
Mình ạ! Con đường trẻ không dài
Con đường già chóng đến
Đời người như bóng râm từ từ ngả bên đồi.

Lời không hết, có lời sắp hết
Như sợi dây bện, vặn qua sang sợi dây quấn
Mình ơi! Sống là khổ đấy,
Chết là nát tan!

4. Nơi đây đều là người một nhà
Tất cả đều con cái anh em trong đất nước
Như con tằm nhả tơ ngay giữa sá[1]
Như con tằm giăng tơ ngay giữa đường
Ta hát tâm tình trai gái đôi bên.
Hát không hát lời nặng
Hát không hát lời đau
Bài hát không nguyền anh rủa chị
Đã cưỡi ngựa không sợ sấm[2]
Hát không để người già ghét
Đã cưỡi ngựa không sợ gió[2]
Hát không để người già mắng
Đã hát thì hát đến nơi không bỏ dở
Hát theo đường vui, không hát để người cười.

Bài hát sắp hết lại không hết,
Hết như đuôi chỉ đen[3]

---

1. Đây là một bài hát ống, giống như hát ống của người miền xuôi. Bởi thế mới ví sợi chỉ dăng từ ống này sang ống kia như con tằm dăng tơ.
2. Ý nói: đã hát thì cứ mạnh bạo, không có gì phải e ngại, sợ sệt.
3. Ý nói: hát liên tục như sợi chỉ hết lại nối, mãi không hết.

Bài hát sắp hết lại không hết
Hết như bầy trẻ trai
Bài hát sắp hết lại không hết
Hết như đuôi chỉ tơ
Bài hát sắp hết lại không hết
Hết như bầy trẻ gái[1].

Mình là ai vậy, hỡi mình
Giọng lưỡi mình giỏi như chim ca
Mình là ai đó, hỡi mình
Giọng lưỡi mình khéo như chim hót!

5. Người Hán ăn Tết, người Hán thắp hương đốt giấy cúng cột bia đá
Người Mông ăn Tết, người Mông thắp hương đốt giấy cúng cột nêu bương
Người Mông trồng cây nêu trên núi
Làm nơi cho gái trai về múa hát
Người Hán ăn Tết, người Hán thắp hương đốt giấy cúng cột bia gỗ
Người Mông ăn Tết, người Mông thắp hương đốt giấy cúng cột nêu tre
Người Mông trồng cây nêu trên đồi
Làm nơi cho gái trai về vui hội.

Nàng hỡi! Ta mời nàng hát nàng không hát
Trên cột nêu treo ba sải lụa đỏ
Bè bạn mọi người đều hát ca vui vẻ
Bài ca du dương thấm tận từng thớ gan người
Nàng hỡi, sao nàng không hát
Nàng không hát, mai kia các bô lão hạ cây nêu chất thành đống đốt cháy
Bè bạn mọi người đều hát ca vui vẻ
Bài hát du dương thấm tận từng thớ tim người
Nàng hỡi, sao nàng không hát
Mai kia các bô lão làng hạ cây nêu trên núi
Hẳn nàng phải trở về nhà
Cầm cuốc của mẹ cha theo chồng đi làm nương rẫy

---

1. Hát liên tục, ví như bầy trẻ trai gái, lứa này lớn lên, già đi đã có lứa khác kế tiếp.

Nàng hỡi, sao nàng không hát
Mai kia các bô lão làng hạ cây nêu trên đồi
Chắc nàng phải trở lại nhà
Cầm cuốc của mẹ cha theo chồng đi làm nương[1].

Nàng hỡi! Mẹ nàng làm bữa cơm sáng, sớm thật sớm
Nàng ăn đoạn, mặc váy áo đẹp đẽ
Đến đám hội, hội vẫn đông vui
Nàng hỡi! Mẹ nàng làm bữa cơm chiều, muộn thật muộn.
Nàng ăn xong, mặc váy áo giòn xinh
Tới buổi hội, hội vẫn ca hát[2].

6. Đêm nay, hai ta ngồi chuyện trò đã muộn
Gà gáy giục năm lần bảy lượt
Đôi ta không có lòng với nhau thì thôi
Có lòng thì hãy cất tiếng lên giọng,
Giờ này hai ta ngồi trò chuyện đã muộn
Ta hãy cất lời, lên giọng, mình ơi
Lúc này trời đã về khuya
Sao đã lượn vòng đổi chỗ, sương đã phủ trắng
Ta mới nghe miệng mình, nhưng chưa biết lòng mình
Giờ này, trời đã muốn sáng
Sao đã lượn vòng đổi chỗ, sương đã tỏa mờ
Ta mới biết mồm mình, nhưng chửa biết ý mình.

Lúc này, ta bảo mình hát, mình không hát
Ngày mai, sáng, bánh nếp dính lời mình
Lúc này, ta nhủ mình ca, mình chẳng ca
Ngày mai, sáng, bánh nếp dính giọng mình[3].

7. Ruộng muộn cấy mạ muộn
Lúa chín trĩu bông vàng
Con đường yêu nhau nên yêu từ khi còn trẻ
Ruộng muộn cấy mạ muộn
Lúa chín trĩu bông vàng
Con đường yêu nhau nên yêu từ thuở đang xuân.

---

1. Đoạn này có ý dò xem cô gái đã có chồng hay chưa.
2. Đoạn này có ý mỉa và khuyên cô gái chớ làm cao, cô có đến sớm hay muộn thì hội vẫn cứ đông vui.
3. Người hát cho biết đây là bài hát trêu chọc, khích nhau cho vui.

Cào cào chưa mọc cánh, giọt sành chưa mọc đuôi[1]
Mình còn chưa có chủ
Ta thì chưa ở riêng
Ta thấy mặt mũi mình xinh tươi
Muốn yêu mình, e mình có chồng rồi
Mình ơi! Lá thông nhỏ li ti dễ lẫn thân cỏ rác[2]
Ta muốn yêu mình, sợ chồng mình biết
Lá thông nhỏ lăn tăn, dễ lầm thân cỏ tơ
Ta muốn yêu mình, sợ chồng mình ghen.
Chim *nồng chay* ăn quả cây sơn dính mỏ đỏ chót[3]
Ta muốn yêu mình, ngại chồng mình cầm gươm
Đón ta trên đường bản.
Chim *nồng chay* ăn quả cây sơn dính mỏ đỏ tía
Ta muốn yêu mình, ngại chồng mình cầm kiếm
Đợi ta nơi cổng nhà.

Mình ơi, đất này *xèo* chín, *pa* không chín
Ta không sợ lưỡi kiếm mà chỉ sợ lưỡi dao
Đất này *xèo* chín, kê không chín[4]
Ta không sợ lưỡi gươm mà chỉ sợ mũi dùi.

8. Trong vườn của mẹ cha em có cây kiệu lòa xòa xanh thắm
Ta yêu em đến nát cả thớ gan.
Trong vườn của mẹ cha em có cây hành lòa xòa xanh biếc
Ta yêu em đến đứt cả thớ tim.
Em ơi! Hoa *đồng thín* nở trên núi cao[5]
Yêu em, ta không còn bụng trở về
Hoa *đồng thín* nở trên núi đá
Yêu em, ta chỉ muốn ở lại

---

1. Ý nói: cả hai đều còn trẻ.
2. Ý nói: không rõ em đã có chồng chưa?
3. *Nồng chay*: loài chim mầu xanh, cổ vàng, mỏ dài, thường hay ăn quả sơn. Ý nói: đã yêu nhau thì không giấu được ai.
4. *Xèo*: một loại hạt có chất bột; *Pa*: một giống hạt kê. Cả hai đều dùng làm lương thực. Ý đoạn thơ nói: Ta yêu mình rồi nhưng mình chưa tỏ rõ có yêu ta hay không; đã yêu mình, ta không sợ gì hết mà chỉ sợ mình không đáp lại tình ta, làm ta đau khổ âm thầm đến chết được.
5. *Đồng thín*: tiếng nói lái của từ *dín thồng*, là cái điếu hút thuốc. Chàng trai thấy cô gái đẹp, ví như cái điếu hút thuốc làm cho anh say mê say mệt.

Em có gì tặng ta để ghi nhớ tình ta
Em hãy tặng ta chiếc dây lưng lanh làm vật ghi nhớ
Chiếc dây lưng lanh thêu hoa hình con ốc
Sợi to sợi nhỏ đều do bàn tay em xe
Chiếc dây lưng lanh thêu hoa hình con hến
Sợi nhỏ sợi to đều do bàn tay em viền.

Em ơi! Tình duyên không bén
Ta đành đi nơi khác tìm vợ hiền đây
Tình duyên không nên
Ta cam đi chốn khác tìm vợ thảo vậy.

9. Anh vuốt ve em, không lấy được em
Em vuốt ve anh, không lấy được anh

Anh hãy trở về vuốt tàu lá làm ô che
Anh hãy trở về ve vuốt vợ con anh
Anh mới là người chồng tốt
Anh hãy trở về vuốt tàu lá làm ô đội
Anh hãy trở về ve vuốt vợ con anh
Anh mới là người chồng ngoan.

Anh hãy trở về chung vui cửa nhà
Một ngày nào đó em có gia đình
Anh sinh con trai đặt tên là Tài
Em đẻ con gái đặt tên là Tình
Con trai anh lấy con gái em, em không thu lễ
Con gái em lấy con trai anh, anh không nộp cheo
Đôi ta làm bà thông gia, làm ông thông gia
Mời bà con cùng bô lão về nhà
Ăn thịt ăn cơm vui vẻ
Để bà con không biết thuở sớm trước kia
Anh và em từng chắp nối con đường bè bạn.

Lời hát biết hát, không biết kết thúc
Như khóm ngải tàn lại tiếp khóm xanh
Anh có vợ con một nhà chung sống
Anh phải nghĩ cách nào
Cho em có gia đình[1].

---

1. Cô gái hát bài này có ý dò xem chàng trai có vợ chưa, đồng thời cũng giới thiệu khéo rằng mình chưa có chồng.

10. Anh muốn hai ta kết nên đôi lứa
Tình anh như bướm bay không nơi đỗ
Đỗ vật vờ trên ngọn gianh
Anh thấy em đẹp xinh hợp với lòng anh
Anh muốn đôi ta kết thành duyên phận
Tình anh như bướm lượn không nơi đậu
Đậu chập chờn trên tàu lau
Anh thấy em xinh đẹp thuận với ý anh.

Đôi ta thức suốt đêm thâu
Ngẩng nhìn sao trên trời lấp lánh
Anh muốn em là vợ anh
Lo cho anh cơm mai cơm tối
Đôi ta thức suốt đêm dài
Ngẩng nhìn sao trên trời lung linh
Anh muốn em ở cùng anh
Lo giúp anh việc cửa việc nhà
Vậy mà anh nói, em chẳng nghe, bảo em chẳng tin
Hàng xóm bảo em nghe, nói em tin
Em như con ốc bò quẩn quanh nơi đầu bờ
Biết đường đi mà không biết lối lại
Em như con ốc bò rờ rẫm trên mỏm đá
Biết đường đi mà chẳng biết lối về.

11. Cô có sẵn yên thắng lên lưng ngựa
Cô sẵn dây cương đóng vào mõm ngựa
Cô vững ngồi trên yên quất ngựa chạy ung dung
Qua đường thẳng, vượt đường cong
Nên cô thích kén chọn lấy chồng người xứng đáng
Xứng đáng có chân tay nõn trắng
Vạch cổ áo quạt mát cho thân.

Ta chẳng có yên thắng lên lưng ngựa
Chẳng có dây cương đóng vào mõm ngựa
Nên chẳng vững ngồi trên yên quất ngựa chạy ung dung
Chẳng qua đường thẳng, chẳng vượt đường cong
Ta chỉ dám chọn vợ chân tay không nõn trắng.
Cô quấn xà cạp gọn xinh như trôn ốc vặn
Cô lấy chồng lo toan được việc cửa việc nhà
Cô quấn xà cạp gọn đẹp như trôn ốc xoáy
Cô lấy chồng cáng đáng được gia đình

Ta quấn xà cạp chẳng gọn xinh như trôn ốc vặn
Nên đi tìm vợ chẳng ra phận ra duyên
Ta quấn xà cạp chẳng gọn đẹp như trôn ốc xoáy
Nên đi kiếm vợ chẳng thành lứa đôi.

12. Mẹ em biết sinh, cha em biết nuôi
Nuôi tấm thân em ở nơi bịch lúa
Lớn lên, em ra ngoài, nét mặt hoa tươi xinh như con nhện trong tổ
Mẹ em biết sinh, cha em biết nuôi
Nuôi tấm thân em ở nơi bồ thóc
Lớn lên, em ra ngoài, nét mặt hoa đẹp giòn như con nhện dăng tơ.

Nhện dăng tơ, dăng nơi đất phẳng
Dăng mạng, dăng qua bãi dài
Em đầu thai được mẹ tốt cha tốt, chẳng làm cũng được mặc
Nhện dăng tơ, dăng nơi đất rộng
Dăng mạng, dăng qua đồi cao
Em đầu thai được cha tốt mẹ tốt, không làm cũng được ăn

Mẹ ta biết sinh, cha ta không biết nuôi
Nuôi không nổi tấm thân ta ở nơi bịch lúa
Lớn lên, ta ra ngoài, nét mặt không được tươi xinh như con nhện trong tổ
Mẹ ta biết sinh, cha ta không biết nuôi
Nuôi không nổi tấm thân ta ở nơi bồ thóc
Lớn lên, ta ra ngoài, nét mặt không được đẹp giòn như con nhện dăng tơ

Ta chẳng được như nhện dăng tơ, dăng nơi đất phẳng
Ta chẳng được như nhện dăng mạng, dăng qua bãi dài
Ta đầu thai không được mẹ tốt cha tốt, phải làm mới có ăn
Ta chẳng được như nhện dăng tơ, dăng nơi đất rộng
Ta chẳng được như nhện dăng mạng, dăng qua đồi cao
Ta đầu thai không được cha tốt mẹ tốt, phải làm mới có mặc.

13. Gà sống mổ gà thiến
Con ong non đập cánh vào con ong đang lột xác[1]

---

1. Ý nói: con vật nọ làm khổ con vật kia, giống như trong bài hát này người con gái đã lừa dối làm khổ người con trai.

Cõi trần gian còn nhiều đau khổ
Ta đã nói chuyện với nhiều người
Nhưng mình ơi, không ai như mình biết trò chuyện
Ong non đập cánh vào con ong lột xác
Cõi trần gian còn nhiều sầu tủi
Ta từng nói chuyện với nhiều nơi
Nhưng mình ơi, không ai biết trò chuyện như mình.

Ta cân bạc mà không biết cái cân
Ta tính mặt cân, mà không rõ phân, lạng
Ta than thở với mình, nhưng không hiểu gì về mình
Ta cân tiền mà không biết mặt cân
Ta tính mặt cân mà không biết phân lạng
Ta tâm sự cùng mình nhưng chẳng biết gì về mình.

Con tôm không chân dám theo dòng nước
Trôi đến vùng nước xoáy
Mình vui chồng vui con, đầm ấm gia đình
Như chim chìa vôi uống nước, lắc mỏ
Vẫy nước bắn khắp bãi
Mình khéo lừa dối, ta như bướm nở chờ mưa
Chim chìa vôi uống nước, lắc mỏ
Vung nước tóe khắp bờ
Mình khéo dối lừa, ta như bướm nở đợi nắng[1]

14. Lúa lại héo vì nước
Cỏ lại lụi vì bờ[2]
Tôi bảo anh hát anh không hát
Tôi bước chân đi rồi
Anh có muốn tôi hát, giọng tôi còn đâu đây mà hát
Lúa lại héo vì nước
Cỏ lại lụi vì bờ.
Tôi khuyên anh ca anh chẳng ca
Tôi bước chân đi khỏi
Anh có mong tôi ca, giọng tôi còn đâu nữa mà ca!

---

1. Ý nói: có thể vì không biết cô gái đã có chồng nên theo đuổi là nguy hiểm. Đã có chồng thì chuyện trò chỉ là để đùa cợt, trêu chơi (giống như con chim chìa vôi vừa uống nước vừa nghịch, lấy mỏ vẩy nước vung vãi).
2. Ý nói: sao lại ngược đời, tôi đã chẳng chê anh mà anh lại làm cao với tôi.

Này anh!
Núi cao sinh khóm sậy
Đồng thấp mọc ba trăm thứ cỏ thơm[1]
Tôi khuyên anh hát, anh không cất lời
Tôi đi rồi
Gan phổi anh lại như trâu buộc cẳng
Núi cao sinh khóm trúc
Đồng thấp mọc ba trăm loại cỏ quý
Tôi nhủ anh ca, anh không lên tiếng
Tôi đi khỏi
Tim gan anh lại như trâu buộc chân.

Tôi đi, dù anh có đưa tôi tới tận ven suối
Chỉ thấy nước trôi mà không thấy nước đứng
Nước trôi, không hề biết cùng anh ca
Tôi đi dù anh có tiễn tôi đến tận bờ khe
Chỉ thấy nước chảy mà không thấy nước dừng
Nước chảy, không hề biết cùng anh hát.

15. Chim họa mi ăn quả nho rừng
Mỏ nhuốm màu đỏ thắm
Ta không nói, không nát tim
Ta càng nói, càng nát tim
Chim họa mi ăn quả nho rừng
Mỏ nhuộm màu đỏ tía

Ta chẳng nói, chẳng nát gan
Ta càng nói, càng nát gan
Trâu có húc nhau, dây sẹo mới đứt
Bây giờ ta nói, mình không ăn lời ta
Có ngày mình đi lấy chồng
Mình sẽ gặp con đường nước mắt
Trâu có chọi nhau, dây sẹo mới tuột
Bây giờ ta nói, mình không ăn lời ta
Có ngày mình đi làm dâu
Mình sẽ gặp con đường thở than!

---

1. Ý nói: không phải chỉ mình anh, trong thiên hạ còn có nhiều người tài giỏi hơn anh.

Mình ơi! Dưới đường mọc cây mơ leo
Vệ đường mọc cây dây rớ[1]
Con đường già cứ già thêm mãi
Con đường trẻ chẳng được là mấy,
Dưới đường mọc cây mơ leo
Vệ đường mọc cây dây rớ
Con đường già cứ đi chẳng đợi
Con đường trẻ không được là bao.

Đời người như củ cải phơi nắng[2]
Già cứ già dần, trẻ lại mau qua
Đường bằng dễ đi giầy
Bãi phẳng dễ phơi vải
Ta theo mình tình tự mình chẳng đoái
Con đường trẻ dần dần qua
Con đường già dần dần đến
Con đường già lẽo đẽo theo sau
Đường bằng dễ đi giầy
Đường phẳng dễ phơi vải
Ta theo mình tâm tình mình không thương
Con đường trẻ hết ngay
Con đường già mau tới
Buồn lòng ta nói không hết lời...

16. Đôi ta muốn kết nghĩa bạn tình
Vì cách đất người nên không thuận đường
Đôi ta muốn kết nghĩa bạn tình
Vì cách đất người nên chẳng thuận nẻo
Ta mua gói thuốc muốn gửi tới ai mà chưa dám gửi
Đành để gói thuốc hả hơi
Ta mua gói thuốc muốn chuyển tới ai mà chưa dám chuyển
Đành để gói thuốc nhạt khói.

Giao gói thuốc cho con ve, ve gửi không tới nơi
Giao gói thuốc cho con ve, ve gửi không tới nhà
Giao gói thuốc cho chim *cử*, chim *cử* chuyển tới nơi

---

1. *Dây rớ, mơ leo*: các loài dây leo chóng héo tàn.
2. Củ cải phơi nắng thì héo quắt lại, tình yêu cũng như tuổi trẻ, không nên để lỡ dịp.

Giao gói thuốc cho chim *cử*, chim *cử* chuyển tới nhà
Tới nhà, chim *cử* đậu trong lòng bàn tay người yêu
Chim *cử* vỗ cánh vung rơi gói thuốc
Rơi tung tờ thư đẹp đề tên người yêu.
Người yêu xem tỏ mọi điều
Chim *cử* vỗ cánh vung rơi gói thuốc
Rơi tung tờ thư đẹp đề tên người thương
Người thương xem rõ mọi ý.

Bài hát hết lại không hết
Hết như hết một nửa
Đôi ta đẹp duyên phải lứa tình nghĩa đời đời.
Câu hát hết lại không hết
Hết như hết một phần
Đôi ta đẹp duyên phải lứa ân tình dài lâu.

17. Trên vòm trời mây quang
Dưới vòm trời mây sáng
Trên vòm trời có con chim nhẩy nhót
Dưới vòm trời có con chim hót ca
Con chim hót véo von trên cây chít bên đồi
Có ngày mình có chồng, ta có vợ
Đôi ta chẳng còn được lấy tay che mắt nhìn nhau
Dưới vòm trời mây quang
Trên vòm trời mây sáng
Dưới vòm trời có con chim nhẩy nhót
Trên vòm trời có con chim hót ca
Con chim hót ca trên cây cỏi ven núi
Có ngày mình có chồng, ta có vợ
Đôi ta chẳng còn được lấy tay che mắt nhìn nhau.

Mình ơi!
Em như con gà mái bới khắp nơi, không có chuồng
Em còn chưa có bạn
Em như con gà mái bới khắp nơi không có ổ
Em còn chưa có chồng
Mình như con gà sống bới khắp nơi, lại có chuồng
Mình đã có vợ lại có con
Mình như con gà sống bới khắp nơi, lại có chuồng
Mình đã có bạn lại có bè.

Chim én đánh chim nhạn
Chim nhạn chỉ vẫy đuôi[1]
Đêm nay, mình theo em hát vui vẻ thế này
Sớm mai mình về, mình sống cuộc đời với vợ
Chim én đánh chim nhạn
Chim nhạn chỉ vỗ cánh
Đêm nay, mình theo em hát vui vẻ dường này
Sớm mai mình về, mình sống cuộc đời cùng con.

Em thì chim én không đánh chim nhạn[1]
Em theo mình hát vui thế này
Sớm mai về em sống cuộc đời chưa có chồng
Em thì chim én không đánh chim nhạn
Em theo mình hát vui thế này
Sớm mai về em sống cuộc đời chưa có chủ.

DÂN TỘC MƯỜNG

Thường rang – Bọ mẹng là một tập quán, một phong tục đẹp của dân tộc Mường. Ngày tết, ngày hội, mừng nhà mới, cưới hỏi... các nam thanh, nữ tú và cả những người lớn tuổi thường tổ chức hát. Đây là một hình thức hát đối đáp, thể hiện sự tài hoa, nhạy bén của mỗi người, mỗi tập thể. Dưới đây là một số trích đoạn của thể loại Thường rang, Bọ mẹng của dân tộc Mường.

Giữa năm yên cun lành lang[2],
Yên dân trên lại lành xã dưới,
Nhà lang mở cờ dóng trống,
Mở rộng cho mường làm vui,
Anh em phường bừa chúng tôi
Đi chực ngồi chờ đến chốn đến nơi đây
Nghe anh trong cửa chị trong nhà

---

1. Hai câu thơ ngụ ý: mình (chàng trai) ve vãn ta (cô gái) ta ưng chịu không phản đối. Sự ve vãn này có thể làm ta đau khổ vì mình đã có gia đình. (Cũng có thể đây chỉ là cách cô gái thăm dò chàng trai là người thế nào).
2. *Cun lang*: chế độ nhà lang dân tộc Mường.

Bảo thì *thường* thì *rang* dưới cạnh cối[1].
Dưới sân trông lên nhà
Mừng cho bố kín mế già,
Gian ngoài có dãy lưới muông,
Gian trong có dãy lưới cá,
Thấy có giá ươm tơ để tằm
Thấy tằm ăn ba chín lưng.
Có thợ bưng trống đúc chiêng
Thấy chặt cây kiêng làm ngưỡng cửa,
Ngưỡng cửa thẳng đường dây chỉ mực,
Thấy nhà vui, vững, đẹp, lành,
Bên dưới vui những dãy gươm vàng,
Bên cạnh có những hàng gươm bạc,
Chậu nước chậu bạc có lá chữ thong dong,
Phía trong tốt những xống lĩnh áo nẹp,
Tốt những xống kép áo đơn,
Vui hết giường cao lan[2] cạnh cửa,
Cửa liếp cửa ván nhà ông,
Tiếng trống cái rập rình
Vui hơn đình quân quan ngoài kẻ chợ.
Mừng ấy đã qua
Mừng ấy đã rồi,
Anh em chúng tôi trông lên nhà
Thấy có cân vỏ tre[3]
Thấy có chỗ treo thuốc nhựa[4],
Đôi năm đến mùa
Ông đi buôn được trăm đồng ván[5] vạn đồng xu.

Năm cũ đã qua
Bước chân ra mùa năm mới
Bố kín với mế già
Tha hồ đi giày vào động[6],

---

1. *Cạnh cối*: cối giã gạo ở chân cầu thang.
2. *Giường cao lan*: giường đẹp, gỗ quý.
3. *Cân vỏ tre*: cân tiểu ly,
4. *Thuốc nhựa*: thuốc phiện.
5. *Đồng ván*: tiền ngày xưa bằng bạc.
6. *Vào động*: sân đình, sân nhà quan lang...

Đi chơi vào tòa,
Chơi quan ta và thống sứ[1],
Đi cầm những ô lục soạn,
Ô cán xương nan ngà,
Kết bạn cùng người Mường họ đã ưa,
Ngồi cùng người Kinh họ đã khen,
Chúng tôi xin bát gạo trắng, rặng gạo vàng.

. . . . . .

NỮ Thương ơi những lời dà dà
Ba mươi ngày tốt
Mồng một ngày lành
Anh em *phường bùa* đi chơi,
Đến chỗ đến chốn nơi đây
Nghe thi *thường* thi *rang* dưới hàng cạnh cối
Xin anh đừng ngồi dưới sân
Anh đừng đứng ở dưới xướng,
Sân xướng lắm cứt lợn, cứt gà,
Bước chân lên cửa lên nhà
Ăn miếng trầu vàng cau hoa cho mát miệng
Rằng đều *thường* đắng cay cho bạn cùng biết.

NAM . . . . . .
Chúng tôi đi *sắc bùa* đến chốn nơi đây,
Em có tấm lòng thỏa
Em có dạ tình thương
Không cho ở dưới sân lắm cứt lợn, cứt gà,
Lên cửa lên nhà
Rằng thường đắng cay cho bạn đều biết,
Anh ở dưới sân trông lên nhà
Thấy đầu chó nhà em bằng chiếc dành,
Nanh chó bằng bánh sừng bò
Em có chửi có mắng không dám lên nhà
Chỉ cho xin bát gạo trắng
Xin rặng gạo vàng
Về đàng xa xăm kẻo trời tối lại.

---

1. *Thống sứ*: quan người Pháp cai trị một xứ.

NỮ Em đang dệt cửi cửa trái,
Đang dệt vải cửa trong,
Nghe tiếng ai *rằng thường*
Rằng ở chốn bên đông đằng nào?
Anh *rằng thường* lao xao dưới xướng,
Dưới thang giã gạo làm ăn,
Chớ ở dưới sân làm chi,
Xin bạn cách đất xa làng,
Xin bạn đàng xa xăm mới lại,
Lên chơi cửa nhà em một buổi,
Chơi nhà em một lúc một lần hôm nay,
Anh rằng đầu chó bằng chiếc dành,
Nanh chó bằng bánh sừng bò,
Không có đâu điều tiếng ấy.
Chó đen nhà em mải đi đuổi[1]
Chó bạch nhà em mải đi săn,
Còn chó vỉ vỉ vằn vằn
Quẫy đuôi không biết cắn.
Anh lên cửa lên nhà
Ăn miếng trầu vàng cau hoa,
Rằng thường đắng cay cho bạn cùng biết.

NAM . . . . . .
Em bảo lên chơi cửa một buổi,
Chơi nhà một lúc một lần,
Ở dưới sân trông lên nhà,
Thấy dăm ba chiếc nôi trẻ,
Nghe sợ lắm hãi nhiều,
Cho xin bát gạo trắng, gạo vàng,
Về đàng xa xăm kẻo trời tối lại.

NỮ . . . . . .
Anh rằng trông lên nhà
Thấy dăm ba chiếc nôi trẻ,
Nôi bên dưới, chiếc nôi chú nó,
Nôi bên trong, nôi họ đấy thôi,

---

1. *Đi đuổi*: cũng là đi săn.

Em còn ăn không ở rời
Tìm đàng chơi nơi nhởi.
Anh ở dưới xướng làm gì
Dưới sân bên trước anh nhìn ao cá
Bên sau anh nhìn lá hoa sen
Nhìn chi cho chật cùng hẹp.
. . . . . .

NAM . . . . . .
Anh em phường bùa ở dưới sân trông lên nhà
Thấy rể cả ngồi cửa cánh,
Thấy rể hai ngồi cửa chấn song,
Nghe sợ lắm hãi nhiều,
Không dám lên chơi cửa chơi nhà.
. . . . . .

NỮ: . . . . . .
Anh *rằng thường* bên đông đằng nào?
Rằng thường bên chốn đằng này,
Rằng rể cả ngồi cửa cánh,
Anh hai ngồi cửa chấn song,
Không có lời tiếng ấy,
Anh thấy anh cả mà rể họ.
Anh lên chơi cửa nhởi nhà
Ăn miếng trầu vàng, cau hoa,
Rằng thường đắng cay cho bạn cùng biết.

NAM . . . . . .
Rằng thường tại chốn chỗ nơi đây,
Lúc nào em cũng bảo lên chơi cửa,
Khi nào em cũng dặn lên chơi nhà,
Một lúc lẫn buổi hôm nay,
Ăn miếng trầu vàng, cau hoa,
Rằng thường đắng cay cho bạn cùng biết,
Anh đố thì em phải nói,
Anh thách thì em phải rằng,
Đố em dưới nước mấy trăm hòn đá,
Trên núi trên đồi mấy trăm lá cây,
Đố biết lá nào đổ, lá nào lành,
Cành nào cao hơn chồi ngọn.

Em đoán thông điều tiếng ấy,
Anh lên chơi cửa chơi nhà,
Một lúc lẫn buổi hôm nay,
Không thông lời tiếng ấy,
Cho anh xin bát gạo trắng, gạo vàng,
Về đàng xa xăm kẻo trời sắp tối.

NỮ . . . . . .
Anh đã đố em lại nói.
Anh thách em phải rằng:
Hòn đá là mẻ quả đất,
Lá cây là mật con cá,
Lá nào cũng đổ, lá nào cũng lành
Cành nào cũng cao như chồi ngọn,
Anh chỉ lên chơi cửa nhởi nhà,
Lúc lẫn buổi hôm nay.
. . . . . .

NAM . . . . . .
Anh đố em đã nói,
Anh thách em đã rằng.
Anh lại đố em:
Tuổi vua chúa là tuổi chi,
Ruộng cun Bi là mấy trăm nậm,
Ruộng cun Khấm[1] mấy trăm nhát mai,
Ruộng cun Ai[2] mấy trăm bó lúa,
Hoa chuối mấy trăm tầng,
Mầm cây lau mấy trăm ngọn,
Nón là mấy trăm lớp,
Tiền là mấy trăm đồng.
Em nói thông điều tiếng ấy,
Anh lên chơi cửa một lần,
Lên chơi nhà một buổi.
Nói không thông điều tiếng ấy

---

1. *Cun Khấm*: thuộc Thạch Thành, Thanh Hóa.
2. *Cun Ai*: Thạch Thành, Thanh Hóa.

Cho anh xin bát gạo trắng, gạo vàng,
Về đàng xa xăm kẻo trời tối lại.

THƯỜNG ĐỒN

(Ca ngợi)

Dậy từ nhà dậy xuống,
Dậy từ xướng bước chân đi,
Đi đến đất mường này nghe lạc,
Đi đến đất mường này nghe lạ,
Bẻ cành lá đem ra lại ngồi
Ngồi lâu lại ngó,
Ngó lâu lại nhìn,
Anh trong cửa chị trong nhà,
Bảo đến chơi cửa một lần,
Đến nhởi nhà một buổi,
Tới cửa cùng nhà,
Anh chị mang gạo cẩm ra ngâm nước,
Lấy gạo bạc đi ngâm thêm,
Em út à mềm tay đun củi bếp,
Bảo người bắt lợn cạnh nhà
Người đi bắt gà dưới xướng,
Xuống đánh cá đầm lào[1],
Tháo nước bắt cá đầm lộ[3]
Cá to bằng bẹ chuối!
Cá lớn bằng bẹ cau,
Bỏ vào nồi xanh gang sắt miếng,
Em sầu thương anh nhớ lặng,
Tháng năm anh còn bận lúc nước cấu[2]
Tháng sáu bận nước cấu đuôi đồng[3]
Tháng bảy nhàn rỗi chân tay không,
Đi chơi chúng đàng quán,
Bạn đàng xa khác mường.

---

1. Đầm lào, đầm lộ: đặt cho vần.
2. Nước cấu: nước đục, ý bận ngày mùa nhộn nhịp.
3. Nước cấu đuôi đồng: cấy lứa lúa muộn cuối vụ mùa.

MỘT SỐ BÀI BỌ MẸNG XA LẠ
(dụng những trường hợp khác nhau)

Đang ăn lại đang ở,
Vẳng nghe tiếng chim cót trèo cây de,
Không biết kêu khoe mưa hay khoe nắng,
Khoe mưa chớ có lặng,
Khoe nắng chớ có ngừng,
Không hỏi thăm nên người vô dáng,
Đăng tính vô duyên người mất nết,
Em chớ thử lòng con cá,
Đừng thử dạ lá môn,
Ướm lòng kẻ khôn để được hãi,
Thử lòng kẻ dại để truyền tin.

*

Ước mong chi lại biến,
Biến nên con chim và[1]
Chân ta đạp núi miệng đều hót,
Không biết có đáng rằng chăng;
Em thấy đáng rằng đáng, đáng không rằng không
Không đáng vãi ra búi cây bệ,
Để ra đồi bái cỏ gianh ngoài đồng.
Đến rằm trăng non nó về chúa nó.
Em chiều lấy anh là lộc tháng ba,
Chiều lấy anh là hoa tháng chín,
Bông mâm cơm kín gọi đến anh là lá,
Ăn thịt cá gọi đến anh là vái
Kẻo lời thương tiếng đôi chúng ta

*

Em bán trầu chớ bán lá vàng,
Bán trái nang chớ bán quả lấm,
Túi gấm đường đời bán ai mua,
Mua đi làm cống vua cho đủ mười hai tháng,
Làm tôi tớ họ hàng cho đủ mười hai năm.

---

1. *Chim và*: Họa mi.

Con tằm ăn no đã sắp chín,
Cành cây măng thấy lắm ngọn,
Nón nào em cũng muốn buông,
Buồng cau nào cũng muốn mến,
Bến nước nào cũng muốn vùng;
Không trông đến anh là bát cơm vớn,
Không động đến anh là bát cơm nâu,
Đợi khi nào được mâm đĩa sứ bát tàu em mới nhá.

*

Ăn cơm xong đi trồng mát,
Trồng lên núi cheo leo,
Cho nên nẹp quặc xống áo.
Mong trời ào ào thổi cơn gió cả,
Gió đánh lấp đánh đổ,
Lẫn lộn xống áo trong dằng mây non,
Cho đở cơn nhớ lòng thương về sau anh hỡi!

*

Đẹp lòng bố mẹ không gả,
Đẹp dạ bố mẹ không cho,
Bên trước thấy có dãy nêu lau,
Bên sau thấy có dãy nêu nứa,
Người Kinh dậy cắm chợ nêu hàng,
Như đám sương mù, sương móc,
Sương lấp ngọn lá thong dong,
Đẹp lòng với miếng trầu là hai là ba,
Anh ở như con đa đa[1]
Đa đa ấp bóng nước lạnh,
Gió đánh tròng tành về núi Hang Hao,
Sáng mai em đeo đôi vòng trúc[2],
Vòng trúc xen với vòng ngà,
Tra trong tay thon thon đẹp đẹp.
Em là con nhà cun,

---

1. *Con đa đa*: con cà kêm, có nơi gọi là ta ta hay ra ra, do phát âm.
2. *Vòng trúc*: vòng bạc chạm hình lá cây trúc.

Em là con nhà quan,
Ra đồng mặc lồng đôi áo kép.

*

Tham ăn lại mải ở,
Thấy mặt trời mọc lên rạng rạng,
Thấy mặt sáng mọc lên tà tà,
Mọc phía cành cây đa thui thủi,
Anh cúi đầu luồn qua,
Thấy họ ăn bỏ anh hỡi cá
Ngày râm ăn ở núi đá trắng,
Ngày nắng ăn ở núi đá xanh,
Ăn theo lối con sao mặt sáng,
Nghe cà rầm sấm động mường ngoài,
Vui tai hẳn không gọi lại được.

*

Nhìn về phía chợ,
Thấy đỏ đỏ cành nứa cam,
Một cây nàm nàm rũ về mường Đóng,
Một cành rũ về mường Mằng,
Đẹp lòng người Kinh dậy hát,
Miệng hát tay đánh trống cơm,
Bạn đem những lời tiếng đau tiếng nặng,
Chước chi nghề nào
Anh vác súng trắng, dáo gươm dài,
Đi vào rừng dâu non nhà em lúng liếng.
Ước chi trống chim bái bái,
Nên mái chim bương bương,
Bay vào buồng gian trong nhìn trộm.

*

Nhìn về phía mường Rậm,
Trái vải thẫm đuôi gà,
Tay cầm mà không được với,
Họ đánh trống bên dưới cà rầm,
Tay cầm dùi không được đánh,
Công anh chơi lặn nhởi lộn,
Như con chim khoeo hút cành hoa quế,

Lời anh nói đi, tiếng em trả lại,
Như nương cày rải, ruộng cấy mau,
Họ nói dèm bên sau,
Em chớ vội sắp đặt bên sau,
Anh còn trồng mí trồng đầu lẫn bông,
Để rạng đông về chiều nhớ lặng,
Chết sầu nên ốm yếu
Anh gập chiếu lại nằm
Bố thấy nằm bố rằng anh ốm.
Bố cặp áo đi bói;
Mẹ thấy anh nằm,
Rằng anh đói mang ớp đi xin,
Xin được nắm cơm đùm vạt áo,
Xin được nắm gạo đùm vạt khăn,
Mang về đến cửa đến nhà,
Bố mẹ đâm xay tràу giã,
Cơm tốt lúc nào cũng không buồn nhá,
Cá tốt cũng chẳng buồn ăn.
Anh rằng:
Mất đôi vòng trúc, vòng vàng trong tay không thấy đỡ.

*

Trông thấy cây rì nên gắp cá,
Lá rì nên lá gói cơm,
Bố mẹ tìm cửa lấy nhà,
Đến nay không phải chốn,
Thân anh như con rù rù rặng rặng,
Nấp nắng bên dưới cạnh mương,
Nấp được bên ngực thiếu bên lưng.
Cây gạo cả gạo to tốt bông,
Anh không dậy nấp
Nấp vào gốc mèn ten
Thưa bông lại vừa hèn trái,
Quay mặt thương thầm nhớ đến em.
Nước mắt chảy ra lối lối,
Như trời ra mưa tháng năm, sáu,
Được chín chậu cái, mười hai ang.

DÂN TỘC PU-PIÉO[1]

1

Một cái bàn có bốn góc đều nhau
Tối nay tập trung những người biết hát
Mỗi người hát chơi vui vài câu
Đừng ai buông một lời đả kích

2

Một cái bàn có bốn góc nhọn
Tối nay xin những người già rộng lượng,
Đừng mắng, cho lứa tuổi thanh niên
Theo thời nay, được chơi vui nhộn

3

Một cái bàn có bốn góc nhọn
Tám bát to đặt ở giữa
Tám chén hoa đặt xung quanh
Tám đôi đũa đặt đối diện

4

Một ống điếu hai đầu bằng nhau
Điếu hút thuốc, trong thời đựng nước
Tay trái ta nâng chiếc điếu hoa
Tay phải đưa thuốc vàng[2] mời khách.

5

Trên trời, mưa rơi thành từng hàng
Mưa lan đến núi, không đi nữa
Mưa xuống rừng, nuôi dưỡng cây cỏ
Mưa xuống ruộng, muôn hoa đua nở

6

Một cái quạt giấy có ba góc
Bố mẹ nuôi, con khổ từ thuở nhỏ

---

1. Người Pu-piéo cư trú ở huyện Đồng Văn, Hà Giang.
2. Thứ thuốc lào của Trung Quốc, rất thơm, rất quý.

Đứng ngoài cửa, ăn cơm thừa thiên hạ
Một chân bước vào cửa, nước mắt rỏ

7

Anh có tình, em thời có ý
Không trao khăn nhiều, phải đổi khăn mặt
Khăn mặt này không phải bố mẹ vừa cho
Từ bé ta chơi với nhau, em đã có

8

Gà gáy rồi, gà đã gáy rồi
Gà gáy ba lần, phải chia tay
Ý em bộc lộ: nên ly biệt
Anh vẫn lần khân phút đắm say

9

Trời tối thay, trời tối lắm thay
Trời tối, con chim ngủ dưới gốc cây
Trời tối, con chim ngủ trên cành lá
Anh còn cất bước chốn đường dài

DÂN TỘC TÀY

Sli – Lượn là một hình thức hát trao duyên, trao tình của đồng bào dân tộc Tày Nùng ở Việt Bắc. Sự khác biệt giữa Sli Nùng và Lượn Tày là ở không gian diễn xướng – Nếu như Sli Nùng được tổ chức ở ngoài trời, tại các phiên chợ, đi đường, lễ hội... thì ngược lại Lượn Tày đặc trưng là ở tính công khai, không diễn xướng giấu giếm mà bao giờ cũng tiến hành ngay trong nhà, hấp dẫn cả già trẻ đến nghe. Nếu cần thể hiện trao đổi tình cảm ở ngoài đường, ngoài chợ thì người Tày dùng hình thức Phuối pác hay còn gọi là Phuối rọi một lối nói vần cũng rất hấp dẫn. Lượn Tày có ba hình thức chính là Lượn Slương, Lượn Cọi và Lượn Nàng ới. Qua tổ chức các đám lượn cũng phần nào thể hiện sự khác biệt giữa lượn Cọi và lượn Slương. Trong Lượn Cọi bên "chủ bản" phải tìm được người dẫn lượn. Còn lượn Slương tuy cũng có sách Nôm nhưng thường làm cơ sở cho các chàng trai học thuộc nhập tâm, khi lượn người con trai lượn trước, người con gái cũng nhờ thuộc lòng mà đáp lại vì thế mới

có chuyện bên thắng bên thua. Trong sách Nôm Tày Lượn Cọi bản nhiều nhất có tới 43 chương mục và chủ yếu là các câu lượn hỏi, ít có loại sách đáp. Lượn Slương dùng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, còn Lượn Cọi sử dụng thể thơ thất ngôn gieo vần chân triệt để.

Đây là hai đoạn trích của hai hình thức Lượn Cọi và Lượn Slương của dân tộc Tày.

LƯỢN CỌI

MỞ ĐẦU

Giờ tuất người thổi nấu,
Đặt mâm xuống gian dưới ta làm
Giờ dậu xắp ghế bàn
Cất mâm vào giữa gian ta lượn

Dẫu có lời giấu kín chớ lo
Hãy chơi với em hoa một đỗi[1].
– Đầu hôm mây mù tỏa ruộng đồng
Phượng hoàng vượt núi rừng ban đến
Bướm ong vượt mây trắng tới nơi[2].

Thấy hồng hạnh vườn người đậu lại
Đậu đúng ngay vườn hạnh xanh tươi
Cho phép thì chúng tôi xin hỏi
Bảo cho người khác chốn hãy thương.
– Đầu hôm mây che bản,

Đồn rằng có con nhạn qua đêm
Có khách trọ đây xin được hỏi
Em khác bản mới tới hãy thương
Xin mời em khác mường chơi đã.
– Đầu hôm mây mù tỏa khắp mường[3].

---

1. *Cười chua, chùa tai noọng nguộc*: chỉ người con gái còn trinh tiết, dịch em hoa.
2. *Xử diệp, một mèng...*: chỉ người yêu, bạn tình, ... tạm dịch "bướm ong".
3. *Mọc, mây móc*: Tiếng Tày gọi sương mù là "móc", gọi mây trên trời là "phả". Ở đây tạm dịch là mây hoặc có khi là mây mù tùy văn cảnh.

Tin đồn có con rồng đến trọ
Tối nay anh chột dạ lòng đau
Khách lạ vào làng ta, xin lượn
Dẫu có chuyện giấu kín chớ lo
Cùng anh chơi một mùa em nhé.

Em thấy không vừa ý hãy thôi
Xin người ngọc khác nơi nghĩ kỹ.
– Đầu hôm trống giục bữa cơm chiều
Ong ve kêu thảm sầu ngoài ngõ
Chủ nhà đã sắp sửa đi nằm.

Ngoài cửa tiếng bướm ong chưa dứt
Hay có quân nhà vua tập ngựa
Đau lòng kẻ khác xã buồn thay
Tối nằm giường không say đã định

Tiếng khảm khắc cứ vọng đêm trường[1].
Cớ sao kêu thảm thương đêm vắng.
– Nơi cửa bể lặng gió đêm nay
Đầu hôm thấy trời mây êm ắng
Trời mưa hay trời nắng?

Nghe được tiếng sấm sét rầm trời.
– Đầu hôm trống một, trời tối rồi
Cửa nhà khắp mọi nơi chưa đóng
Cơm tối chưa kịp chín mà ăn
Gà sao đã gáy rầm dưới đất?

Gà rừng hay gà bản?
Gà thiến hay gà mái nuôi con lại gáy
Không vào ổ đẻ trứng hẳn hoi
Cứ cục tác làm người tai điếc.
Hôm nay ở nhà viết thư đây

Chiếc bút cầm trong tay mơ màng
Thấy sứ của khác mường đi tới
Trước làng chân bước vội vườn hoa

---

1. *Khảm khắc*: giống chim kêu đêm hè, được dùng để ví với người yêu sầu thảm vì xa nhau mà than thở.

Tối nay anh thật thà bối rối
Khách vào làng xin được vui chơi.

Hôm nay em ở nhà phơi thóc
Được thấy đôi chim két bay về
Bay tới đậu vườn hoa phía trước
Đêm nay em không biết tính sao
Không để nó bay về chốn cũ

Hãy chơi cùng chốn mới lúc này
Nam nhi xét đủ đầy cho kỹ.
– Hôm nay anh làm văn thơ phú
Được thấy người khác xứ vào đây
Xin bảo em đường xa hãy liệu

Xin bảo em niên thiếu tính toan
Vui cùng người khác đường một đỗi
Chẳng đẹp lòng vừa ý sẽ thôi
Hãy đáp lại một lời lấy tiếng.
– Bữa nay làm bên phải cánh đồng

Thấy sứ giả khác vùng đi đến
Thấy khách lạ xứ khác đến nơi
Xin mời nàng đẹp tươi chơi đã.
– Hôm nay anh viết chữ trên giường
Được thấy sứ bản khác vào mường

Vồi vội vào trọ nhà trong bản
Thân tôi lo đứt ruột xót lòng
Bướm ong mong gặp hoa một đỗi
Xin mời nàng khác chốn hãy thưa
Mời nói với người xa một tiếng.

– Hôm nay anh đọc sách ở nhà
Được thấy người cao xa đi tới
Rười rượi buồn đứt ruột mà lo
Xin người đẹp thương cho anh với
Mong cho người mới tới sá cho.

Trẻ già hãy nín lặng mà nghe
Thứ gì kêu rầm rì tai chối
Tiếng vịt hay tiếng ngỗng ngan

Tiếng gì mà kêu ran ngoài ngõ
Hay là tiếng than thở tứ qui[1]

Hay ngoài ngõ đánh cờ rộn rã
Hay người đẹp vừa rã cuộc chơi.
– Canh đêm đang giữa bữa giấc nồng
Nghe thấy con pụt ông đánh trống
Cứ thấy tiếng vang động tới nơi

Thân anh nằm trên giường mê mệt
Không nghe được tiếng trống ra sao
Dẫu hối tiếc thế nào cũng lỡ
Bạn còn đến hỏi thử mà chi
Chúng tôi đến tối rồi không rõ.

– Nửa đêm lúc giờ tý canh ba
Bạn khắp chốn gần xa vào ngủ
Ong ve kêu rền rĩ lạ thay[2]
Tôi là người khác xã tới nơi
Hay tôi trọ nhà người thất lễ

Vô duyên không xin với bạn người
Mời sắc mục nhà người trình lễ
Chắp tay trình bác bá trong nhà
Có việc bảo ban cho được biết
Làm phúc tha kẻ dại lần này

Từ xa xôi đến đây bất nghĩa
Người mới sai gái bé hỏi tra
Lòng dạ tôi thành ra sầu tủi.
– Tiếng gió hay nắng to,
Sấm sét hay hổ gầm,

Đất vỡ tung hay sụt?
Hay lửa cháy thiêu chùa Quan Âm
Thứ gì kêu trên không vang động

---

1. *Tứ qui*: cũng gọi tử qui, giống chim kêu về đêm, rất thảm thiết; tương truyền là để tìm bạn bị lạc mất.
2. Mèng, một mèng: các côn trùng có cánh đều quan niệm là mèng; là kiến nhưng cũng thường dùng chung. Những trường hợp này tạm dịch bướm, ong, ong bướm.

Xót tới lòng khác chốn quá buồn
Sĩ tử tôi nằm giường mê mệt.

Tiếng gió hay tiếng nước rì rào
Tiếng gió vang sau đồi
Tiếng nước lại bời bời bến sông
Tiếng gì kêu trên không vang động
Xót tới lòng khác chốn mà buồn.

– Tiếng gió từ đâu ra?
Tiếng sương mù đâu đến?
Gió táp vào mắt mặt liền cằm
Hay lại gió qua không theo hướng
Gió Long Vương tìm bạn hay sao?[1]

Gió lên ngàn ước ao kết bạn?
Hay gió đến thổi tàn trăm hoa?
Đau lòng kẻ bản xa mà buồn.
– Chủ nhà hãy vun vào,
Vun cho trúc cùng mai đẹp bạn

Hãy mời khách khác bản trao lời
Không nhiều thì ít thôi hai tiếng
Công khó nhọc tôi đến tối trời
Không thương cũng lạy người cho thương
– Chủ nhà hãy ngỏ lời,

Bảo cho trầu với cau nên bạn
Bảo cho khách khác bản trả lời
Trả lời người khác nơi một tiếng.
– Chủ nhà hãy mở cửa gỗ vác[2]
Bảo cho duyên người đẹp trình thưa

Hãy đáp người đường xa một đỗi,
Tới khi không vừa ý sẽ thôi
Trả lời anh khác nơi một tiếng.
– Chủ nhà hãy mở cửa gỗ sơn ván vàng
Xin mời khách khác mường hãy đáp

---

1. *Long Vương*: quan niệm dưới đất có vua, tức Long Vương.
2. *Vác*: là thứ gỗ quí, cũng có nơi cho là cây trầm hương ở vùng Tày.

Chẳng nhiều thì cũng ít đôi lời
Bảo với nàng mĩ miều hãy nghĩ[1]
Bảo cho em niên thiếu hãy thưa
Trả lời cho người xa một tiếng.
– Gió thổi vào sà nhà gỗ giẻ

Thứ nhất lạy ông cả trong nhà
Hãy mời các nàng xa lên tiếng
Chẳng nhiều cũng xin nói đôi lời
Công khó nhọc tối trời tôi đến
– Gió thổi sà cây quế làm hương

Thứ nhất xin tạ ơn các cụ
Dạy cho khách khác xứ trả lời
Chẳng nhiều cũng được đôi ba tiếng
Bõ công tôi trời tối về đây.
– Xin chủ nhà hãy trồng,

Cho mai trúc được cùng nên đôi
Dạy cho khách nhà người hãy đáp
Chẳng nhiều thì cũng ít đôi lời
Khó nhọc lúc tối trời tôi đến.
– Chủ nhà hãy dạy lời,

Để cho trầu với cau nên bạn
Dạy cho người khác bản hãy thưa
Thưa với người đàng xa một tiếng
Nói cho bạn khác miền một lời.
– Chủ nhà hãy mở cửa gỗ dâu then nặng[2]

Bảo cho bạn niên thiếu trả lời
Trả lời cho khác nơi một tiếng
Giục cho nàng xa lắn trình thưa.
– Xin thưa cùng với nàng Dương Nga[3]
Người đời được sinh ra mấy lượt

Ong tìm hoa vào tiết tháng hai
Khuyên cho bạn khác nơi vui đã.

---

1. *Á kình châm*: tạm dịch là nàng mĩ miều. Vì kình châm là chỉ người con gái tuyệt đẹp trong văn học Tây.
2. *Mạy mòn*: cây dâu dại, gỗ vàng chắc, lá dùng chăn tằm.
3. *Dương Nga*: nhân vật truyện cổ đã thành từ chỉ người con gái đẹp.

– Vào rừng gặp hổ thật khốn thay
Bán gạo cho người đời không thật
Thế mới làm chua xót cho người

Chim tham ăn làm đời lâm nguy
Người quá lứa hết thì khó nói
Sống thất lễ mang tội người cười
Ba lần nghĩ ngược xuôi vô sự
Lời nói bằng ngôn ngữ khó thay

Nghìn lần trách anh đây xin nhận.
– Vào rừng gặp hổ thật khốn thay
Lời nói làm người ngay thấy khó
Hỡi ôi không biết lỗi chớ cười
Suy trước sau ba lời bỏ quá

Lời nói biết ý tứ ra sao
Dẫu có trách thế nào cũng chịu.
– Tôi là người thiên triều ngoại quốc[1]

CUNG KHUYÊN

– Xin khuyên em đẹp Dương Nga
Con người được sinh ra mấy bận
Gặp hoa thơm khác chốn ong tìm
Xin khuyên nàng Ngô Bươn chơi đã[2]

Dẫu có lời theo gió đừng nghe
Chơi cho trọn một mùa đỡ tủi.
– Xin khuyên người em đẹp nữ nhi
Hãy vui chơi với người khác xã
Chia tay về quê cũ đành thôi

Chẳng nhiều cũng vài lời bày tỏ
Trời tối anh vượt khó đến đây.
– Xin khuyên hỡi người em khác đường

---

1. *Thiên tiều*: dịch là thiên triều thường thường chỉ kinh đô Trung Quốc xưa. Thực ra chỉ là người Tày địa phương, nhưng người lượn cố tình nói là khách xa.
2. *Ngô Bươn*: một nhân vật truyện cổ Tày, nay dùng với ý cô gái.

Người ta như mẫu đơn đang nở
Bảo cùng người khác chốn hãy thương

Bướm gặp hoa lâm sơn quyến luyến
Em ngoài xã khác chốn thương cho
Nói cùng người khác mường một tiếng
Chẳng lo gì động đến trong nhà
Thưa cùng người phương xa em nhé!

Xin khuyên em người lạ khác quê
Người đời chơi quá thì già đến
Bảo cùng em khác chốn hãy thưa
Ong lại gặp hoa phù sa ong lượn
Bảo cùng em xa vắng hãy thương

Thưa cùng người khác mường một tiếng.
– Xin khuyên em các ả nơi xa
Dù khác xã chúng ta chơi đã
Nói cùng em còn để em suy
Đừng để anh nằn nì thêm nữa

Hãy lượn cho một tiếng thỏa lòng.
– Xin khuyên người em gái nữ nhi
Mấy chốc anh được về tận chốn
Bướm ong hội thời vận có mùa
Hoa tàn ong bay về không ở

Xin hỏi em khác xứ hãy thưa
Xin bảo em nơi xa hãy đáp.
– Xin khuyên em cô gái phương xa
Có thương đáp lại qua một tiếng
Đừng có chối nên chuyện dài lâu

Vứt bỏ vàng bạc đâu mà khó
Nói cho quân tử rõ một lời[1].
– Xin khuyên hỡi nàng ngọc Dương Nga
Đời người như mây mù đỉnh núi
Nắng lên rồi gió tới là tan

---

1. *Quân tử, lương quân*: những từ để chỉ chàng trai trong cuộc lượn.

Làm người hãy vui lên với đời
Hãy lượn trả cho người nam nhi
Lượn trả người cách lìa một đỗi.
– Xin khuyên hỡi đường xa tốt số
Lập xuân ong vật vờ cùng hoa

Hay anh chê em là người xấu
Mới chẳng được lời nói cùng ta
Xin khuyên người phương xa hãy ngẫm
– Xin hát trả khác chốn đôi lời
Hãy hát trả lương quân một tiếng[1].

– Xin khuyên hỡi dáng người xinh đẹp
Những ai trồng hoa quả trong vườn
Mắt thấy hoa tháng giêng trên cành
Chúa Đông Hoàng một mình ra lệnh[1]
Trăm hoa liền nơi rụng quả sai

Anh xin thưa cùng người xinh đẹp
Trăm hoa lại lần lượt lìa cành
Đêm qua lại sang thêm ngày mới
Nhật nguyệt cứ tiến tới không dừng[2]
Hãy thương người khác vùng đi đã

Người hỡi hãy lượn trả đôi lời.
– Khuyên người chớ cạy số tốt sang
Trời đất đặt nữ nam có thì
Một mai hoa rời nhị hết thời
Số ta tự trên trời bà mụ

Chết có được lột xác đâu mà
Như cầm bút viết thư là dứt
Đời người nào mấy cuộc nhân duyên
Có người chưa đủ năm về mụ
Hạt nắng chói cơm thờ trên đầu[3]

---

1. *Đông hoàng*: để chỉ một đối tượng là vua các loài hoa; vua ra lệnh hoa mới được phép nở.
2. *Nhật nguyệt*: chỉ mặt trăng, mặt trời; cũng chỉ đêm ngày.
3. *Cơm thờ (Pát khẩu kế)*: là chỉ khi người chết, gia chủ lập tức nấu cơm, cơm chín xới ra bát đặt trước vong linh, làm cơm tùy táng nghĩa là chết.

Tiếng cười đùa yêu nhau là hết,
Ai chẳng thấy cây thốc gẫy ngọn[1]
Duyên trúc mai đến chốn thân hèn
Ai chẳng thấy bóng đèn cạn dầu
Hết bấc còn lấy đâu mà cháy

Dẫu mười con khóc đấy chẳng rên
Lời anh dặn xin em hãy nghĩ.
– Xin khuyên em giọng nói ngọt hơn
Anh xin khuyên cô nàng miệng dẻo
Lời nói mới thật khéo thở than

Lời nói quả thật ngon như nước
Khi nói ra chau chuốt chỉ thêu
Làm anh mắc bùa yêu với nàng
Lòng dại anh mơ màng ước ao
Nhốt gà để ngoài trời chờ quạ[2].

Xin khuyên em bạn gái khác quê
Người ta chẳng mấy khi rồi già
Xin mời nàng nơi xa hãy lượn
Ong gặp hoa khác chốn sầu kêu
Xin mời nàng xa xôi thương với

Hãy trả lời khác chốn một lời.
– Xin khuyên em bạn gái phương xa
Có thương trả lời ta một tiếng,
Chớ để nói lên xuống khó khăn
Chẳng mất gì kim ngân tiền của

Thưa cùng người khác chỗ một lời.
– Xin khuyên hỡi khách lạ Dương Nga
Đời người như mây sa đỉnh núi
Nắng lên gió thổi tới là tan
Làm người hãy vui lên vì bạn

Mai em về hết hạn là thôi.
– Xin khuyên bạn nơi xa viễn cách
Làm người mấy khi gặp hãy chơi

---

1. *Cây thốc*: một thứ cây tương tự như cây mai.
2. *Chờ quạ*: nguyên nói "thả lẳm" tức chờ diều hâu.

Hay em chê anh người xấu kém
Mới không đáng lời nói cùng anh

Xin bảo bạn xa xăm hãy nghĩ
Hãy lượn trả khác chốn đôi điều
Hãy lượn trả lương quân một tiếng.
– Xin khuyên đến người bạn là nàng
Người đời sinh thế gian mấy lượt

Bướm hoa vui bạn nghĩa theo mùa
Một mai về nhà chồng hết bạn
Hãy lượn cùng trăng sáng đôi điều[1]
Bảo với bạn khác nơi vui đáp
– Xin khuyên cùng cô gái là nàng[2]

Ta hãy chơi một đỗi cầu mùa[3]
Mai đây về nhà chồng khó ước
Xin mời người cách chốn hãy thưa
Hãy lượn đáp người xa một tiếng
Nàng chẳng yêu lúc đó hãy thôi.

– Xin khuyên cùng bạn gái thần xinh[4]
Hay em chê nước lìn không tắm[5]
Người đẹp khôn còn lắm mối manh
Đất đẹp đất Tràng An, Kẻ Chợ
Người chẳng đến vật vờ cùng ta

Ăn củ nâu cùng nhà một bữa.
– Xin khuyên cùng cô nàng khác mường
Người sinh ra thế gian vui bạn
Vui chơi lúc còn nhỏ đang thì
Một mai già còn chi chơi nữa

Xin bảo em khác chốn hãy lo
Hãy lượn trả người xa một lời.

---

1. *Bổng nguyệt*: ý song quan vừa chỉ ánh trăng vừa chỉ cô gái.
2. *Nhỉ, noọng nhỉ, mỉnh nhỉ*: đều chỉ đối phương là nữ, cô gái.
3. *Au mùa*: quan niệm rằng ngày xuân có trai gái lượn mới được mùa màng, nên lượn được các cụ rất trọng và cho là may.
4. *Thần xinh, thần thanh*: chỉ người con gái đẹp như tiên.
5. *Lìn*: máng dẫn nước vào nhà hoặc ruộng.

– Xin khuyên người đàng xa khác chốn
Đừng để anh mời lắm hỡi nàng
Hãy lượn trả khác mường một chốc

Chẳng lo chi mất của tốn tiền
Bảo thật em khác mường khác xã.
– Xin khuyên em lạ chốn nơi đây
Trời sinh cho được ngày xuống thế
Chơi thì chơi xuân hè theo mùa

Cất tiếng bảo người hoa được rõ
Xin mời nàng khác chốn trả lời
Lời anh chẳng vừa người hãy nghĩ
Lời nói khó bắt bí được nhau
Hãy đáp trả khúc mười một tiếng

Xin khuyên hỡi em gái khác vùng
Bà mụ đẻ xuống trần hạ giới
Chơi thì chơi khi bé thiếu niên
Xin bảo nàng bạn hiền hãy tính
Em đừng có chối mãi thêm lâu

Hãy trả lời cho nhau một tiếng.
– Xin khuyên hỡi em gái diễm kiều
Người ta sinh mấy ai không bạn
Dẫu có lời thầm kín chớ lo
Xin bảo nàng hoa nô đừng chối

Đừng chối đi chối lại thêm dài
Hãy lượn với nam giai một lúc.
– Khuyên về hỡi hoa mạ đỏ hồng[1]
Khuyên về hỡi hoa lồm đang nở[2]
Bướm ong vượt ngàn đã từng đàn

Xin khuyên em bạc vàng đừng chối
Đừng để anh nài mãi chi nhiều
Xin hãy hát đối lời một tiếng.
– Giơ tay đón lời đẹp, nắm tay lấy lời hay
Lời hay không rơi xuống sàn, lời đẹp không rơi xuống đất

---

1. *Hoa mạ*: giống hoa bằng lăng, nở tháng giêng rất nhiều màu.
2. *Hoa lồm*: thứ hoa chùm, thường dùng cúng trong kỳ yêu đầu năm.

Mang về cất khóa trong hòm bạc
Khi nào em bị gả mở coi
Giờ hãy cùng vui chơi đi đã.
Đầu hôm trống canh một vừa xong
Thiên đạo sẽ hành binh đi xứ[1]

Sở Vương đến thi phú Hồng môn[1]
Cá rời bến theo luồng về biển
Nơi hẻo lánh tôi cố đến đây
Xin chối nàng đường xa miễn lượn.
– Xin khuyên hỡi tấm giát gỗ khuông[2]

Xin khuyên hỡi chỉ vàng giữ mệnh[3]
Xin khuyên bỏ chuyện kín từng người
Lời nói, bạc nén người khó sánh
Hình dong người sáng bóng dường tiên
Thoáng trông đã thấy duyên quá đẹp.

Giờ dậu người đóng cửa im lìm
Thứ gì ở ngay bên giọng ngọt
Tiếng gì kêu chua xót phòng loan
Lòng khác xã thêm buồn thêm thảm
Lòng khác mường sầu ngán lắm thay.

Hôm sau nghe được tiếng người ra
Xin khuyên tấm lụa hoa sáng chói[4]
Khuyên cho người khác chốn sá đi
Đừng chối mãi làm gì thêm bận
Hãy lượn vui cùng người một đỗi.

Giờ tuất người thổi cơm,
Tiếng đàn sắc ấm êm vẳng tới.
Đêm đến sắp mâm bàn,
Thứ gì kêu tiếng vang thảm thiết
Xót lòng kẻ cách biệt thêm buồn.

---

1. *Thiên đạo*: quân nhà trời; Hồng môn: cửa khuyết vua Sở. Cả hai đều chỉ những hiện tượng của sao trên trời, không chỉ hiện thực dưới trần.
2. *Khuông*: thứ cây như thân móc, bổ thân trải làm giát nhà sàn.
3. *Chỉ vàng*: thứ chỉ ruộm vàng, dùng buộc cổ tay khi cúng để giữ hồn.
4. *Lụa luộc*: tấm lụa xanh sặc sỡ, ý lụa đẹp.

Đêm khuya ngủ chẳng say,
Tiếng khảm khắc đâu đây kêu thảm
Một thân nằm giường đến sầu lòng
Nỗi tương tư xa xăm mà chán
Tiếng khảm khắc xa vắng càng lo
Đơn chiếc từ nơi xa mới đến
Một mình đến làm khách mà đau
Xin người đẹp cho nhau đi ngủ.
– Nửa đêm ngủ chẳng say,
Đàn bầu mời đâu đây vẳng đến
Nằm giường hoa anh khốn nói thay
Hỏi đàn tranh đâu đây lắm nỗi
Đàn hồ khéo vẳng tới rừng xanh
Như bướm ong trên rừng tìm nhị
Là sĩ tử khác chốn sầu lòng.
Tiếng nước hay gió gào,
Mưa rào hay nắng gắt,
Sét đánh hay đá rơi,
Hổ gầm trời đất sụt,
Hay lửa cháy chùa bụt Quan Âm?
Làm tôi người sống gần sầu dạ.
– Con gì kêu trên cầu tiếng đanh
Hay là tiếng hoàng anh kết bạn
Sĩ tử tôi mơ màng sầu than
Gió qua đèo tiếng ồn phảng phất.
Xin chối cùng niên thiếu mà thôi.
– Gió thổi vào vườn chuối,
Hỏi tôi hay hỏi ai?
Nắng chói lọt vườn hoa,
Biết hỏi ta hay hỏi bạn
Hay là én cùng nhạn kết đôi
Hay ong điệp chân trời tìm nhị.
– Xin khuyên hỡi cô nàng đường xa
Chỉ bạc xâu chỉ bạc mới xứng
Chỉ bạc xâu với bấc nên chăng

Nghìn vạn em đường xa đừng chối
Xin đừng cố lặn lội chối từ
Cùng bạn trai chúng ta chơi đã.
– Gió thổi vào vườn cảnh hoa đào
Nghe nói hỏi tên ta là thật.

Trong lòng ngẫm ngợi biết được tin
Anh là người biệt phương mới hiểu
Mới hay em niên thiếu một lòng
Xưa ví như lời phàm anh nói
Thời loạn có lắm thói giả danh

Đổi nữ dạng thành anh nam tử.
– Xin khuyên hỡi người em thục nữ
Bữa nay chơi một tối cùng anh
Bướm ong hội yến anh có mùa
Nghìn lần nàng nghĩ cho đừng chối.

Vợ người ngẫm câu nói ý hay
Lòng vợ ngẫm sầu tây có lý
Đau lòng kẻ buồn bã tương tư
Buồn bực lòng rối mù chẳng kể
Vợ người nghĩ kết nghĩa quê nhà

Có kết nghĩa nơi xa không nhỉ?
– Xin khuyên hỡi bạn gái khác mường
Anh là kẻ ru phương qua lại
Chớ vất vả tìm mãi làm chi
Con người như mặt trời đi lại

Mặt trời chếch sau núi về tây
Xin khuyên bạn đường xa đừng chối.
– Sĩ tử đi ru phương qua lại
Đến sông Ngận, trời tối sầm sầm
Tay áo vẫy mặt trời không lại

Mặt trời đã vội vã về tây
Ta bước chân đến đây vồi vội
Thân tôi người khác lối hỏi han
Nhà nhà có khách quan trọ kín
Thân tôi tự lo khốn dưới thang

LƯỢN SLƯƠNG

LƯỢN MỜI

1. Hôm nay về đây trời tối rồi
Khắp làng hỏi trọ mãi không thôi
Chủ nhà thương tình mới cho trọ
Giờ này chủ bản hỏi gì tôi?

2. Gặp nhau quen mặt tự vườn hoa
Phúc nhà thật lớn mới gặp ta
Phận may đôi ta mới được gặp
Dáng như tiên nữ mới vừa sa

3. Thân anh được gặp chốn vườn xanh
Có phúc thì nay ta gặp mình
Có phúc thì anh mới được gặp
Cũng tày Tư Mã gặp Đài Linh[1]

4. Gặp nhau vẫn cảnh chốn lưng đèo
Cát trắng thuyền sluông ra đón theo[2]
Mượn được thuyền rồng đi trảy hội
Khi đi đã khó, về khó chèo

5. Gặp nhau vẫn cảnh chốn vườn xuân
Bến gặp thuyền sluông đón vui chung
Mượn được thuyền sluông đi trảy hội
Thuyền đi trắc trở khốn người không

6. Đất rộng trời cao mấy trượng cao
Ai biết trời cao mấy cây sào
Ai biết trời cao, cao mấy trượng
Mắt hoa run rẩy sợ biết bao

7. Cùng chèo, chèo cho được
Chèo đi thẳng một mạch em trông
Cùng chèo, chèo cho đẹp
Chèo tới nơi kim chỉ em dùng

---

1. Xem Đài Linh cổ truyện, II.
2. *Sluông*: người làm nghề chèo thuyền đò.

8. Trúc quí lâu đài cảnh liễu tiên
Lượn chèo dứt đoạn vượt theo duyên
Lời ví lưu truyền để muôn thủa
Dùng bút chép lại để lưu truyền

9. Lời khuyên em lượn, mình em thôi
Ngồi giường cao cao khó bước rồi
Khuyên dẫu cả mường, mình em lượn
Ngồi giữa giường cao biết sao đây

10. Lẳng lặng khuyên em lượn cùng ta
Để còn đi dạo suốt vụ hoa
Mùa hoa bóng quế đời xưa đặt
Thục Đế thương lòng những xót xa[1]

11. Cơm tối dùng rồi nghỉ đêm thôi
Giường cao tiếng ai vọng thảnh thơi
Thức giấc ngồi dậy trên giường mát
Tự nghĩ không ra câu chào người

12. Anh là khách lạ chốn kinh đô
Sắc chỉ vua sai đi cống Hồ
Chẳng ngờ duyên người đến tìm khách
Tựa trâu thấy ách ngó sững sờ

13. Lên tận núi cao chẳng thấy trời
Mấy ai hổ dễ đến tới nơi
Ba mươi năm mong trời vận đến
Mở hội ăn mừng tuyển trạng nguyên

14. Đêm nay đôi ta họp yến anh
Nghe thấy trống giục lúc sang canh
Em hỡi đêm ngày nghe tiếng trống
Hãy lượn ngay lên cùng học hành

15. Giờ tuất trống một lúc đầu canh
Chức Nữ đêm thanh vẻ tốt lành[2]

---

1. *Thục Đế*: vua Thục. Tương truyền yêu không lấy được Hằng Nga, nên biến thành Đỗ Quyên (con cuốc) gọi hè.
2. *Chức Nữ*: tích Ngưu Lang - Chức Nữ vợ chồng bị trời phạt hàng năm tới 7/7 mới được loài quạ làm cầu cho gặp nhau một lần.

Bạn hỡi đêm ngày phong thư kín
Đêm chẳng được chơi để tung hoành

16. Thấm thoát đã đến lúc trống hai
Số sinh quyền quí cửa then cài
Vua ngự ngai vàng màn cẩm trướng
Mỹ nữ độc thân gảy đàn hoài

17. Thấm thoát đã đến giờ trống ba
Đêm thanh vắng vẻ lúc nguyệt tà
Ả Hằng chói lọi nơi Thục Đế[1]
Thục Đế xót thương tìm trời xa

18. Thấm thoát đã đến giờ trống tư
Trường lớp nơi anh học văn thơ
Bốn bên bạn văn người có cả
Riêng anh đơn chiếc một chữ chờ

19. Thấm thoát đã đến trống canh năm
Từng giờ đèn sách người có bạn
Có gửi tới anh đôi lời chăng?

20. Canh tàn tiếng trống giục thì thùng
Phương đông trời sáng ánh dương hồng
Trăm chim rừng xanh thi nhau gọi
Thương anh đòi đoạn hãy để lòng

21. Cất lời xin hát đón chào xuân
Đồn rằng nhà người đầy ái ân
Tiếng rằng nhà người đầy xuân sắc
Sao nỡ để đêm tiếng vắng tênh

22. Biết đường én nhạn mới tới thăm
Nghe nói rằng người trẩy chợ xuân
Nghe tiếng rằng người vui trẩy hội
Sỹ tử xin chào kết cố nhân[2]

23. Nhị đơm trước gió cảnh sắc đào
Hoa nở ong bướm lượn lao xao

---

1. Xem chú thích khổ 10.
2. *Cố nhân*: nguyên nghĩa là bạn cũ, nhưng trong các thơ nôm Tày thường được hiểu là "bạn đời, bạn tình, người yêu"...

Cá ở vực sâu mong nước mới
Người thế gặp nhau được hỏi chào

24. Vào rừng thấy cây muốn chặt thử
Vào bản thấy người em vừa ý
Vào rừng gặp cây là muốn đốn
Đồng canh cùng bản khó tìm ghê

25. Lên nhà thắp đèn ngắm mặt nhau
Khách lạ tới bản tự nơi đâu
Lên nhà ta thắp đèn ngắm đã
Được thấy khách lạ khỏi nghĩ sầu

26. Dạ hương thơm ngát tỏa sơn hà
Ong bướm dập dìu đi tìm hoa[1]
Ong bướm thi nhau đi tìm nhị
Bạn đời còn tiếc nỗi gì mà

27. Phong cảnh đầy hoa bốn vụ tràn
Trăm thứ hoa lạ nở trên ngàn
Trăm thứ hoa tươi nở vui cảnh
Bạn sao còn tiếc lời hỏi han

28. Nước chảy qua ghềnh thành sóng dồi
Ví bằng miếng trầu xé thành đôi
Ví như quả cau bổ năm miếng
Dẫu chẳng yêu nhau hãy ngỏ lời

29. Trăng sáng vào tháng tư năm
Quảng Hàn cao rộng áo bằng dải[2]
Quảng Hàn rộng rải dải bằng áo
Hãy lượn lên thôi chớ đợi mời

30. Bạn hỡi mau mau cất tiếng ca
Lượn cao thánh thót già nghe nhờ
Cho kẻ độc thân tôi biết giọng
Nghe mất giọng thôi, người trả về

---

1. *Hoa*: trong văn thơ Tày thường xuyên đồng thời dùng hai từ Bjoóc (từ gốc Tày) và từ Va (hoa: từ gốc Hán). Nên khi dịch đành phải tùy hoàn cảnh dịch thành "hoa" hay "hoa lá"...
2. Quảng Hàn, cung quế, thường để phiếm chỉ "mặt trăng", cung trăng.

31. Bạn hỡi đáp lời chớ thẫn thờ
Mắt thấy măng mọc trút bỏ mo
Người đời quá lứa chỉ một lo

32. Bạn hỡi vì sao chẳng đối lời
Tơ trúc đàn sắc rộn không thôi
Chim loan cùng chơi cùng hương quế
Quế hương thơm ngát ngóng giọng đời

33. Công sinh xuống thế ở dưới trần
Lòng thật mời bạn nói mấy phân
Thật bạn có lòng tạm chơi đã
Vạn tiếng ong điệp cuối tiết than[1]

34. Xuân hạ thu đông chuyển tứ thì
Người thế sinh ra đã mấy khi
Mười hai tháng, đêm ngày đi theo tiết
Vạn hoa xuân quá lụi tàn đi

35. Hoa bưởi dưới nước bóng hoa đào
Liếc xem vừa ý được bông nào
Lựa xem người nào ta vừa ý
Xem ai vừa ý hãy nói vào

36. Cây trúc trồng mọc dưới đầu bờ
Xóm nhỏ, nhà ít người xấu xa
Nhà ít, xóm nhỏ toàn người xấu
Người xấu thời thôi chẳng dám thưa

37. Gió thổi qua ngọn tre
Con trai của hoàng đế cũng phải nói
Gió thổi qua cuối sàn
Khi lượn không kể con gái quan

38. Bạn hỡi làm sao chẳng đáp lời
Nam Tào xóa sổ đời hết thôi
Chết rồi làm sao còn trăng trối
Gà tơ đặt ván thế là rồi[2]

---

1. *Mèng*: trong tiếng Tày gồm toàn bộ côn trùng. Có khi còn dùng kép thành "mật mèng" (kiến côn trùng). Ý đều không hoàn toàn như ong bướm ở tiếng Kinh.

2. *Gà tơ*: khi chết thịt con gà tơ đặt trên quan tài.

LƯỢN ĐI ĐƯỜNG

39. Đường về hôm nay anh ngắm đường
Sư tử vác côn đứng hai hàng
Sư tử mang côn hai bên đứng
Chàng đi ngoài đường phải lượn làng

40. Hôm nay qua đồng anh ngắm đồng
Ngắm xem phong cảnh khắp tây đông
Lúa má xanh tươi bội thu lớn
Sang giàu bậc nhất làng xa gần

41. Hôm nay qua ruộng anh mừng ruộng
Mừng nam tới bắc ruộng mường ta
Lúa gạo thu về đầy bồ vách
Có ăn bậc nhất châu huyện nhà

42. Bước chân tới đây mừng ruộng to
Một sá cày dấu chưa cày qua
Bước chân tới đây mừng ruộng lớn
Ruộng người chưa cày đến bước nào.

43. Bước chân tới đây anh mừng mỏ[1]
Mường trên đồng dưới lúa được mùa
Gốc bằng bụi bầu cao tày xá[2]
Nhà người cấy ít mà bội thu

44. Bước tới mỏ nước hàng ngày múc
Hai bên có đôi cọc rồng
Bước tới mỏ nước hàng ngày ăn
Hai bên đặt đá tròn đuôi hạc

45. Chân bước tới cây đa đầu bản
Đêm đêm có én nhạn trọ qua
Cất chân đến cây đa đầu mường
Đêm đêm có uyên ương đến trọ

---

1. *Bó*: nghĩa là mỏ, nhưng tiếng Tày mỏ gồm cả mỏ khoáng sản và chỗ nước mạch ở lòng đất chảy ra.
2. *Xá*: gác bếp trong nhà sàn cao bằng trên dưới đầu người, dùng để hong phơi những thứ cần thiết.

46. Cất chân tới thổ công đầu bản
Tết giêng, bảy có cỗ dọn mâm bày
Cất chân tới thổ công đầu mường
Tết giêng, bảy có hương tiến cống

47. Cất chân tới cổng ngõ lạ xa
Hai bên toàn tiên nữ đánh cờ
Chào nhau và vội vã tìm bạn
Trên cổng có đối, dưới có thơ

48. Trúc quí người trồng dậy bờ mương
Tôi đây trộm đến chúc bản mường
Phú quí giàu sang thì đây nhất
Tằm đầy nong kén, lúa đầy nhà

49. Nhà người chọn chốn dựng thật hay
Nhà người dựng nơi xem đẹp nhất
Cửa sổ người mở ra theo hướng
Nong tằm đặt xuống, mười kén đầy

50. Nhà người ở đây dựng giữa sân
Vào tận rừng sâu kén vàng tâm
Vào mãi rừng sâu kén gỗ lì[1]
Tiền bạc chất cao ai đã từng

GÀ GÁY

51. Từ đời Ngũ Đế bày đặt ra[2]
Đêm tối ngày sáng có tiếng gà
Khắc lậu canh tàn vì gà cả
Mặt trời chân biển chiếu sáng lòa

52. Gà gáy đi dạo gà gáy ran
Sợ trời cao rạng sáng mênh mang
Bạn có lòng thương thời chơi đã
Kẻo nữa hai ta lại nhớ than

---

1. *Lì*: loài cây thuộc họ táu, dùng để xây dựng rất tốt.
2. *Ngũ Đế*: dùng chỉ các đời vua từ thời Nghiêu, Thuấn... Ở người Tày hay dùng, Ngũ Đế, Slam tởi (ba đời) thường chỉ có nghĩa là từ thuở xa xưa nói chung.

53. Gà gáy đi dạo khắp bản làng
Sinh ra bị lạc cả đôi đàng
Đi nữa thì đi nói chi nữa
Mặc gà gáy vượt giấc ngủ ngon

54. Gà gáy đi dạo trống canh dồn
Tiếng gà gáy gở mất giấc ngon
Én nhạn bay về nơi tổ cũ[1]
Thương nhớ đêm ngày cơm nhạt luôn

55. Gà gáy trống giục lúc canh tư
Chẳng biết chọn lời để trình thưa
Phượng hạc trúc mai còn có tiếng[2]
Thương nhớ nhân tình từ mấy thu

56. Gà gáy dạo chơi gà gáy tràn
Đau xót đôi ta ruột xót thương
Nuốt miếng cơm vào đắng lá ngón
Cảnh rơi nước mắt khổ trăm đường

57. Gà gáy dạo chơi đông chí tây
Thương gà giục giã nước mắt đầy
Bây giờ còn cùng nhau trước mặt
Ngày mai xa rồi cách trời mây

58. Gà gáy đi dạo mới thấy sầu
Giống câu gãy ngọn còn lấy đâu
Trần thế hai duyên ta là vậy
Chẳng mong ngày sau lấy được nhau

59. Gà gáy dạo chơi cùng với hoa
Giống như buộc nước đánh đầu cá
Giàu nghèo hãy than cùng hoa vậy
Chẳng ai gian bạc bằng đôi ta

60. Gà gáy dạo chơi khắp đông nam
Xiết hai đôi ta sống cách phương

---

1. *Vương tập*: trong nguyên văn có nghĩa là nơi trăm loài chim phải tuân lệnh vua chim mà tụ họp lại (các huyền thoại Tày).
2. *Phượng, hạc, trúc, mai, loan, yến, én, nhạn*... trong lượn không hiểu nguyên nghĩa mà tùy văn cảnh được hiểu là "người yêu", "chàng trai, cô gái", "người mình đến tìm kết bạn"...

Chẳng ngờ gặp nhau nên tình nghĩa
Mai về trước bạn nước mắt vương

61. Gà gáy dạo chơi ta kết giao
Trông lên trời thẳm sáng đầy sao
Trăng lên sáng trời trăng phải lặn
Giờ này đôi ta biết làm sao?

62. Gà gáy dạo chơi anh giục liền
Nam nữ cùng nhau trộm kết duyên
Tình nghĩa hai ta lửa mặt nước
Chẳng ai mối lái để thề nguyền

63. Gà gáy dạo chơi đã hai lần
Ngay ngáy trong lòng tự buồn thân
Giờ đây còn thấy người trước mặt
Mai về nỡ để chẳng cho gần

64. Gà gáy dạo chơi chốn Giang Lăng[1]
Tự mình than thở đứng lại nằm
Ngồi tựa giữa giường xem trăng tỏa
Hồn còn chua xót nỗi độc thân

65. Gà gáy dạo chơi chốn ao hồ
Ve kêu thảm thiết tiếng sầu bi
Đêm thanh vắng vẻ nào thấy bạn
Sợ chẳng còn thương vương vấn gì

66. Gà gáy giờ tý lúc rạng đông
Nhắn nhủ đôi lời xin cất chân
Giữa lúc thương nhau đang vui thú
Cách nhau giữ mãi mối tình chung

67. Gà gáy giờ sửu trời sáng mờ
Nhắn bạn đôi câu kết xe tơ
Thương nhau đang giữa lúc vui thú
Nhớ bạn suông thôi, mai bạn về

68. Gà gáy giờ dần đã đi qua
Về nhà giã gạo nuôi mẹ cha

---

1. *Giang Lăng, Tô Châu, Bắc Kinh, Động Đình...* là những tên địa lý Trung Quốc thường được đưa vào thơ, lượn nhằm gieo vần và cho thêm vẻ văn nhã, chứ không liên hệ trực tiếp trong thực tế với người sử dụng.

Biệt ly về nhà để giã gạo
Bố mẹ mắng bạn như mắng ta

69. Gà gáy giờ mão trời đầy sao
Nhắn bạn đôi lời vượt đèo cao
Thương nhau đang giữa lúc vui thú
Đến giờ ly biệt dạ nao nao

70. Gà gáy giục giã trời sáng trong
Mồ gà xin ngừng gáy được không
Hai ta xin mặt trời chớ mọc
Chưa kịp yêu nhau gà gáy ầm

71. Sáng ngày rạng rỡ giữa giờ thìn
Ly biệt ra về ở chẳng yên
Biệt ly ra về lòng bứt rứt
Giá được gần gũi vui liền liền

72. Gà gáy sáng trời, trời sáng liền
Bạn về đường bộ hay đường thuyền
Bạn về đường thuyền hay đường bộ
Cắt én thành đôi tiễn bạn tiên

73. Gà gáy trời sáng, trời sáng bừng
Đi theo đường bộ sợ hổ rừng
Đi theo đường thuyền sợ luồng dữ
Anh có lòng thương đưa em không

ĐỦNG THUYỀN HÁI HOA

74. Hai ta sinh hạ chốn trời đông
Kể thì đôi ta cũng có công
Em hãy trở về quê làng khác
Kể tình đôi ta có xót không?

75. Hai ta cố kết cho thành duyên
Để cùng đi dạo chốn Đào nguyên[1]
Bốn bề mênh mông lai láng nước
Đi thuyền chơi dạo hồ nước xanh

---

1. Văn thơ Tày thường nhắc tới tích Đào Nguyên, nơi Lưu Thần và Nguyễn Triệu đời Tấn lạc đến động tiên, cảnh giàu sang, tươi đẹp.

76. Ta chèo thuyền chơi bãi phù sa
Gió đưa lay động nước phong ba
Ghé mắt trông xem trong đáy nước
Lạc mất phương hướng chốn gần xa

77. Thuyền ta dạo tới chốn vô bờ
Gió đưa thuyền lạc chốn vực xa
Gió thổi qua đi còn ngấn nước
Gió đưa thuyền tới hồ Hải Lăng[1]

78. Thuyền đưa đến chốn nước đầy
Gió đưa thuyền dạo về tây
Đưa thuyền dạo đến hồ nhà Hán[1]
Mắt dõi ngấn nước, nước lòa mây

79. Thuyền chơi đến chỗ lâu đài
Nước chảy qua rồi, bãi cát soi
Thuyền lại rẽ qua hồ Tây Hải[2]
Gió đưa thuyền tới chốn bồng lai

80. Bên hồ, gió xoáy nước mênh mông
Gió xoáy đưa phật rẽ sang sông
Bát ngát mênh mông toàn những nước
Dẫu muốn ra về chẳng biết chừng

81. Địa bàn đặt ra mở hướng nam
Lên thuyền dạo chơi bến hải giang
Nhìn thấy hoa đông sơn đang rộ
Nào ta hãy chơi chỗ tầng không

82. Vào thuyền lại chơi chốn phù sa
Bạn hỡi ta cùng đi hái hoa
Ngọc diện, vườn xuân xem cho khắp
Để cho đôi lứa được giao hòa

83. Lên đường để chơi chốn Đông Quân[3]
Bạn hỡi ta cùng đi vãn xuân

---

1. Như chú thích khổ 64.
2. Như chú thích khổ 64.
3. *Đông Quân, Đông Hoàng*: cùng chỉ một ông vua chuyên cai quản trăm hoa ở vùng trời.

Hái lấy hoa bông về trần thế
Khi về sẽ xin chúa xuống trần

84. Hai ta lọt đến chốn ngàn san
Thuyền còn đứng đợi chốn sông quan
Thiếu nữ phù sinh đi hái quế
May gặp nàng tiên được hỏi han

85. Lên tới rừng lạ chốn ngàn xanh
Rủ nhau lạy tạ chúa sơn thần
Xin cho bông hoa và làng khác
Bẩy tôi mang về chốn dương dân

86. Hai ta lọt đến chốn gió tiên
Tới vùng thâm sơn trăm hoa nở
Ngọc điện vườn xuân trông rực rỡ
Bướm ong tìm nhau luống ngẩn ngơ

87. Chắp tay vào lạy chúa nàng tiên
Bẩy tôi đi đến xin mẫu đơn
Nam thanh nữ tú cùng nhau đến
Xin hái hoa về cúng thế gian

88. Hoa nở rừng sâu ngàn dặm dài
Hoa nở ong điệp gọi liên hồi
Khó nhọc có lòng lên tận núi
Hái về dương thế được để đời

89. Vườn xuân hoa qui nở trắng ngàn
Ong bướm tìm hoa kêu nỉ non
Xin hái lấy hoa người chẳng thuận
Đau lòng hai ta cơm chẳng ngon

90. Em hỡi lại đây ta lên trời
Hai ta cố đi lọt tới nơi
Xin chúa Đông Hoàng người mới thuận
Đến tiết tháng hai ta tiến người

91. Đôi ta tới lọt chốn vườn hoa
Rừng xanh ong bướm kêu thiết tha
Khó nhọc đôi ta tới đây được
Ngọc Hoàng mới tặng hoa mẫu đơn

92. Từ đó lệ truyền người trần thế
Đến tiết đúng mùa lên hái hoa

Cứ tiết tháng hai mới nở nhị
Truyền cho thiên hạ hái về nhà

93. Quay xuống rừng rậm chốn hoang sơ
Hoa nở ong điệp kêu ngẩn ngơ
Vào điện, lâu đài xem cho khắp
Hai ta được kết nối duyên tơ

94. Trở xuống trần thế chốn lâu đài
Thuyền còn đứng đợi bên bãi dài
Em hỡi cùng ta lên thuyền đã
Bụt cho sinh thế em tái hồi

95. Chèo thuyền xuống tới chỗ đào nguyên
Nho sinh tố nữ đôi bạn hiền
Giờ này hai ta thành khác lạ
Em hỡi về nhà chớ phụ duyên

96. Đôi ta khó nhọc lên tận trời
Lúc này mỗi đứa ở một nơi
Ngày vắng hãy thương tình anh nhé
Lòng ước nhớ bạn anh chẳng rời

HẢI NHỊ XUÂN

97. Cất lời thưa với bạn chung tình
Lúc này đang tiết độ xuân xanh
Kết nghĩa nên đôi anh xin bảo
Về đây đón ngắm cảnh đâm bông

98. Nhớ ai da diết cảnh ao hồ
Phật chúa cai mường mừng vương phi
Đến mùa pụt, then mang hoa cống
Họa nở xuân sắc khắp tứ chi

99. Xuân về hoa lá nở rừng xanh
Được lệnh Đông Quân cấp rõ rành
Cho phép nở hoa thơm sực nức
Ta cùng chơi dạo cho nổi danh

100. Hoa nở thanh tao nhị trắng ngần
Thương duyên nhớ bạn cơm chẳng ăn

Ong điệp vờn bay tìm hái nhị
Một thân đêm vắng ngủ chẳng thành

101. Ong bướm rừng xanh tiếng nỉ non
Đêm ngày than thở bởi lòng buồn
Khảm khắc khắc khoải kêu đến sáng
Ngày thì ong bướm vọng sầu thương

102. Ve kêu bay lẫn cùng cỏ hoa
Ong bướm tấp nập gọi gần xa
Những ai một thân thì đi dạo
Đợi đến hoa tàn đành bỏ qua

103. Bướm lượn tìm hoa lẫn lá cành
Ta hãy chơi dạo tuổi còn xanh
Sinh thế đang thì ta chơi đã
Quá tiết thì thôi nhị bỏ cành

104. Ong bướm tìm hoa giữa đỉnh đồi
Người sinh xuống thế một lần thôi
Năm đoạn tháng tròn ngày mới lại
Đến tiết hoa tàn nhị héo rồi

105. Xuân về hoa nở khắp sơn lâm
Chốn chốn hoa nở, chốn chốn xuân
Em hỡi cùng anh đi trẩy hội
Ong bướm còn chơi nữa là người

106. Em hãy cùng ta đi hái hoa
Tháng trọn lại năm hỡi em ta
Tuổi còn hoa niên ta chơi đã
Tiết đã qua rồi chẳng lại mà

107. Hoa nở rực rỡ chốn đồi gò
Ve kêu rừng thẳm tiếng buồn lo
Em hãy cùng ta đi hái đa
Quá tiết nhị tàn bỏ cành khô

108. Hoa niên tuổi trẻ hãy vui cười
Mùa xuân vui hội lọ ai mời
Thời vui và chơi cả thiên hạ
Quá lứa xuân tàn xuân hết thời

109. Quanh năm tứ quí đã có mùa
Xuân qua hè đến Thu lại Đông
Hết tiết vụ xuân hoa nhị rữa
Chờ tiết tháng hai hoa đâm bông

NĂM CANH CHỜ MONG

110. Cỏ cây giá lạnh đầu trống canh
Chức Nữ trong phòng giữ phận mình
Duyên em thành gia ai biết được
Sợ em có chồng lại dối anh

111. Đêm dài trôi về trống canh hai
Xin lấy số người về không thôi[1]
Muốn lấy số em về làm bạn
Chẳng biết có chồng hay còn không.

112. Vắng vẻ đêm trường trống canh ba
Mong gửi tình anh tới em ta
Mong ghép số ta cùng số bạn
Sợ người có chốn chẳng chờ ta

113. Gà gáy réo rắt lúc canh tư
Thấy nhạn bay qua mong gửi thư
Thấy nhạn bay qua mong kết bạn
Nặng chi tờ giấy nhạn chối từ

114. Ve kêu canh tàn trời rạng đông
Trai thanh gái lịch vẻ bồi hồi
Đêm khuya sầu lòng vì khảm khắc
Ban ngày dạ sót tiếng ve kêu

*

1. NỮ – Hôm nay gặp chàng gần gốc *xâu*[2]
Làm cao giả ý không thấy nhau
Làm cao giả ý không chào hỏi

---

1. Lấy số người con gái về để so (ngày tháng năm sinh) xem hai bên duyên số có hợp không (quan niệm cũ).
2. *Gốc xâu*: gốc cây xâu (*còn gọi là cây* xau xau). Thường mọc ở vùng Việt Bắc.

Sợ em níu áo phiền bữa sao
Hỏi đường ra chợ chàng không bảo
Hỏi đường vào *bản* chàng không thưa
May mắn ở đây có nhà bạn
Không thì chiều nhỡ bữa chực nhờ
Đàn ông lắm bụng rõ đúng quá
Đêm nay đâu dám cất lời ca.

NAM – Gần gốc *xâu*, chiều có gặp nàng
Đến đón đây đóng ngựa hai yên
Đóng ngựa hai yên quyết đến đón
Thực bụng mời nhau ăn bữa *lèng*[1]
Mười phần rõ đây không bè bạn
Lo gì chiều cơm nước không yên
Phải chăng lòng nàng thiếu đầy đặn
Đất này không xứng nghe lời tiên!

*

2. – Em cất chân tới nhà tới cửa
Em lấy khăn vắt vai
Miệng nói: Em đi chơi dăm bữa
Bố ở cửa sau đón dạy
Mẹ ở cửa trước đợi răn
Dạy rằng: Thấy khác chốn thì tránh
Răn rằng: Thấy khác đường thì né[2]
Em mở miệng nói xuôi như nước
Em cúi đầu như bước gẫy thang
Ba bậc một, chân em như nhảy
Vượt thang bước một bước xuống sàn
Em rằng: Đúng anh người khác làng
Chó sủa nơi chân thang hốt hoảng
Con lợn ở dưới *loỏng*[3] lật rơm
Hùm beo ở cửa trước ra vào

---

1. *Lèng*: bữa ăn phụ.
2. Hai câu ý nói: gặp người ta khác ý thì chớ bắt chuyện, nên tìm cách thoái thác.
3. *Loỏng:* cây gỗ lớn đục rỗng như cái máng, thường dùng để đập lúa.

Thổ công ở chuồng trâu đi lại
Đầu mường có cây *khắc*[1] *dáng lớn*
Cuối mường có cây móc thân cao
Em bèn lấy khăn đào tạ móc
Em bèn lấy khăn vàng lạy *khắc*
Lạy *khắc*, em mới qua
Lạy móc, em mới vượt
Chạy về lọt với anh đẹp xinh
Đường đầy mây gai đinh vuốt vọ
Mắc búi tóc lúc vừa bỏ khăn
Đường đầy cỏ may đâm kín áo
Đường có cây dây *hủ*[2] lá gai
Đường có cây han dài lá nhỏ
Đường có cỏ *vảy*[3] *cứa đứt chân*
Dao em phát mấy lần mới lọt
Dao em quơ mấy lượt mới qua
Đường sáng nay thật là tốt đẹp
Đường bộ thì trùng điệp núi non
Đường thủy đủ mười dòng dồn lại
Em lo anh bải hoải bồi hồi
Dù thấy khỉ làm ma ngọn cây
Con khóc thêm con bồng vòm lá
Dù thấy hạc đánh chồng ầm ã
Dù thấy cá dưới vực làm *mo*[4]
Thấy gì cũng bỏ qua hết thảy
Đường sông thay thuyền cưỡi thuồng luồng
Đường bộ cưỡi beo hùm thay ngựa
Tới gặp anh đẹp xinh.

*

---

1. Cây khắc: loài cây cùng họ với giống móc.
2. *Hủ*: một loài cây leo, lá có gai sắc.
3. Vảy: một loài cỏ dây leo, thân đầy gai sắc.
4. Làm thầy cúng.
   Toàn bộ bài hát nói lên quyết tâm của cô gái với người yêu, bất chấp mọi lời khuyên bảo của cha mẹ, mọi khó khăn gian khổ, mọi sự lạ lùng quái gở gặp trên đường đi.

3. – Đêm qua được giấc mơ lành
Thấy anh ngủ đỗ trên cành tre mai[1]
Thấy anh gửi rể nhà ai
Đàn ông gửi rể thật hoài, thật đau
Đàn bà đành nhẽ làm dâu!

*

4. – Có tiền xin chuộc thân em
Chuộc làm tôi tớ đền ơn lâu dài
Thuê đầy tớ mất tiền tài
Chuộc em, em ở cả đời, mất chi!

*

5. – Thuyền xuống thác phải ngó phong ba
Cá mắc đó thực thà khó tuột
Cựa càng nhiều vẩy bật càng đau
Chim mắc bẫy "đuôi trâu"[2] khó gỡ
Làm người đừng nói quá cho nhau
Còn để chỗ mai sau chào hỏi.

Hoàng Triều Ân - Hoàng Quyết
sưu tầm, phỏng dịch

LƯỢN NÀNG ƠI

6. – Hôm nay anh chơi chợ về tối
Nghe thì thầm tiếng nói nhà dưới
Nghe thủ thỉ tiếng nói nhà trên
Nghe tiếng cười nhà bên
Nghe tiếng nói ngoài sàn
Anh liền đặt bát cơm xuống trước
Mắt ngước ra cửa sổ
Chân bổ bước xuống thang
Không có lửa mà sáng

---

1. *Mai*: một loài tre, thân rất to nhưng cành yếu và gai sắc. Ý mỉa mai và thương hại.
2. *Bẫy* làm bằng lông đuôi trâu dùng bắt các loài chim.

Cứ ngỡ là sáng trăng
Hóa ra có gái ngoan về làng.

*

7. – Chết thì chết, em không buông anh
Buông anh như buông muối xuống nước
Buông muối còn lắng được lấy cặn
Buông anh như thể buông trăng rằm
Buông trăng tháng một lần còn thấy
Buông anh đi cách mấy đường xa
Thành chim em tới nhà bay lẫn
Bay đậu trong vườn lớn trước nhà
Để được thấy anh qua anh lại.

*

8. – Ve sầu kêu gốc *thốc*[1] sắp tối
Sắp biệt không thể nói hết lời
Về nhà dạ bồi hồi quên đói
Ăn cơm như nuốt gói trầu cau[2]
Chan nuốt đâu hai lưng đành bỏ
Dối cha: không rau cỏ khó ăn
Dối mẹ: cơm nóng em biếng nuốt
Chính ra vì nhớ nghĩa đôi ta.

*

9. – Được đôi không hợp ý
Ngại như nước ngập trời
Được như em làm đôi
Nước ngập trời chẳng ngại
Được đôi không hợp ý
Ngại như nước ngập non
Được đôi mà như em
Nước ngập non chẳng ngại.

---

1. *Thốc*: một loài cây to.
2. Nguyên văn: ăn cơm như ăn trầu nuốt cả bã.

DÂN TỘC VÂN KIỀU

HÁT VỀ TÌNH YÊU TRAI GÁI

Loại này khá phong phú và được trình bày dưới nhiều dạng linh hoạt: khi thì người ta hát đối đáp qua kèn a-mam (được gọi là oát). Lúc thì người ta hát đối đáp trực tiếp, không qua kèn, gọi là Ta-oai; lắm khi người ta hát đơn (thường hát chào, hát ghẹo, nhắn đưa, tỏ tình ban đầu) hoặc hát theo điệu kèn tarial hoặc kèn Khlui làm nhạc nền, đệm.

Để tiện cho việc nghiên cứu và thích hợp với tình cảm chung, chúng tôi trình bày theo tuyến dọc, gồm: Hát chào, hát tỏ tình, giao duyên đến hát chê nhau, không lấy được nhau.

I. HÁT CHÀO, HÁT TỎ TÌNH, GIAO DUYÊN

1. – Ngủ hay thức hỡi em! Có nghe tiếng con voi lạc vào bãi bông em đó?
Ngủ hay thức hỡi em! Có nghe tiếng chân con tê giác dẫm nát nương gai em đó?

*

2. – Làng bản anh xa, anh gửi lời anh theo chim *goang*
Bản làng anh cách, anh gửi lời anh theo chim *ma-leng*.
Em đi làm rẫy
Gan mật bồn chồn,
Bữa ăn lòng dạ em sôi lên,
Ngủ ban đêm không yên giấc
Ngủ mà lòng vẫn giày vò từng khúc.

Bóng em in xuống suối nước trong
Như giọt nước đọng trên lá môn
Dạ ưng nhau hung, anh đi tìm đến
Lòng ưng nhau quá, anh đến chỗ hẹn hò,
Lòng nhớ em nhiều, anh đến nơi đây,
Anh bước lên cái chòi, anh thương anh nhớ.

Nửa đêm tỉnh giấc em đi tìm anh,
Khuya khoắt em nằm trằn trọc;

Thương nhau, ta thổ lộ mối tình khi gặp
Ưng nhau rồi ta chẳng kể ngày đêm...

Dù đi đã mấy miền, mấy núi
Vẫn đến gặp mình để hỏi, để han.

*

3. – Tìm em khó hơn tìm ông trăng tròn
Ông trăng tròn dẫu ở xa
Một tháng ta còn thấy được một lần.
Em ở gần
Tìm mãi mà chẳng thấy đâu
Vắng em, cơm ăn chẳng đặng
Thuốc hút chẳng cháy
Nước uống chẳng vào!

Tìm em như thể voi nhà phá *róng*
Đi luông tuông khắp núi cùng non
Đi khắp núi non lâu ngày
Lâu ngày thành con voi điên!

*

4. – Đến nơi đây muốn khẻ một miếng đá mang về.
Đến nơi này muốn nắm một nắm đất về theo
Cây, lá ở đây cũng muốn hái mang về
Qua đây muốn đào củ mài về làm giống.

*

5. – Sừng sững như cây đa sum sê
Ước chi được chặt gốc, dọn cành.
Sừng sững bóng cây lớn tươi xanh
Ước sao được dọn cành, chặt gốc,
Cây ngã xuống, thân cây ta làm khung, làm khuôn
Cành cây ta lựa làm cán rựa
Lá cây ta đem về đùm gói cơm.

*

6. – Cột kia đứng chơ vơ, cột của thiên hạ.
Cột kia đứng cô đơn, cột của bản làng
Mọi người tùy sức nhìn, tùy con mắt chọn

Tôi dọn lối cho anh, tôi phát đường cho anh.
Tôi đoán cây tre, anh đừng dè biu
Tôi đoán cây nứa, anh đừng vơ vội vàng.

*

7. – Nhìn lên trời sao nhấp nhánh, anh muốn chọn ngôi sao sáng nhất
Vào giữa vườn đậu sum sê, anh muốn chọn quả nào hạt chắc
Xen vào giữa đám rau xanh, anh muốn ngắt ngọn rau nào thơm ngọt hơn.

*

8. – Em như con cá lách tung tăng giữa vực sâu
Anh muốn thành tấm chài dày để buông vây bắt lấy
Em như con cá lấp lánh giữa dòng thác chảy
Anh muốn thành tấm chài to bủa ra đón bắt cho kỳ được.

*

9. – Mười đêm trăng, trăng đêm nay sáng nhất.
Mười lưỡi dao, lưỡi dao này trắng (sắc) nhất
Anh đã chọn người yêu phải cho bằng tay (xứng đôi)
Anh đã chọn người yêu phải cho ngang vai (vừa lứa).

*

10. – Anh ra khỏi nhà gặp con rắn đen nằm ngang
Anh ra khỏi nhà gặp con chim bìm bịp thở dài
Anh ra khỏi nhà gặp núi cao chặn đứng trước mặt
Trong lòng không ưng, trong bụng không muốn, em ơi!
Vào cuộc vui chỉ biết cười theo
Nơi đẹp chỉ biết mừng lây.
Nơi bãi cát bờ sông, em ơi!
Nơi đồng cỏ bao la, em ơi!
Anh chỉ qua cho mòn đường đất
Anh chỉ kêu to cho núi rừng vọng lại, em ơi!

*

11. – Anh thấy em như đêm trăng mười sáu.
Lòng anh rạo rực muốn yêu
Em ngủ chòi đối, anh muốn đi cùng

Em nghỉ chòi sông, anh muốn sang chơi
Em ở dưới nước, anh muốn soi bóng hình mình xuống
Em đứng giữa bãi tranh, anh muốn cắt cuốn cả bãi tranh
mang về.

*

12. – Anh thấy mềm mại anh muốn đưa tay vịn
Anh thấy dai bền anh muốn cắt về
Gặp rừng đây ta có rìu chặt
Bụng đã đói, gạo gây cũng muốn ăn.

*

13. – Nghe tiếng con ve ngô kêu trên đường đi chợ Thạch Hãn
Làm lòng nhớ cồn cào ngẩn ngơ,
Nghe tiếng con ve rừng kêu trên đường đi chợ Cam Lộ
Lòng bồi hồi xao xuyến, tưởng máu đổi sang màutrắng, anh ơi!
Thấy anh, anh ơi! Em muốn xin lá thuốc to và ngon do anh
chọn cuốn.

*

14. – Anh có đi chợ Cam Lộ, anh ơi! Cho em nhắn mua giùm cái
yếm lụa.
Anh có đi chợ Thạch Hãn, anh mua hộ em chiếc khăn vàng
nhiều tua
Mua cho em vòng cườm nhỏ đeo cổ
Mua cho em vòng bạc lớn đeo tay.

*

15. – Muốn lấy em, anh chỉ tương tư mòn mỏi
Muốn lấy em, anh buồn bực rũ rượi
Nửa đêm đi đi lại lại
Rạng sáng vẫn lại lại đi đi
Mặt trời sắp lặn, anh muốn đến ngay với em
Gà bắt đầu vào chuồng, anh muốn đến vui cùng em.

*

16. NAM Khi đi đường xa
Gặp em đây hay lời hay lẽ,
Hỏi em làm vợ, em có ưng không?

NỮ Em xa anh
Quả tim em rắn thành hòn đá,
Giọt máu em thành giọt sương;
Chừ đây gặp gỡ bên đường
Mật gan em quyện lấy anh, anh ơi!

*

17. – Khi gan mật đã ưng nhau
Bởi cho nhau ăn miếng cơm trong *típ*
Khi lòng dạ đã thương
Cởi áo đưa cho nhau mặc.

Vì sao ta chưa thấy mặt nhau?
Suối to ta cũng lội
Mưa lớn ta cũng tìm
Dù lội lầy, ướt át, mưa tuôn;
Lòng đã ưng, ruột gan mình càng muốn
Ta tìm nhau cho thỏa nỗi lòng.

Dù nằm trên cát ướt
Dù ngã giữa cát lầy,
Phải tới gặp được nhau
Phải nhìn cho tường mặt.

*

18. – Mưa hoài làm chòi anh dột
Chòi dột anh phải lợp mái
Em có thương anh
Cắt cho anh tàu lá chuối
Giúp anh lợp lại mái chòi
Không thương nhau chòi lành cũng dột
Thương nhau rồi, chòi dột cũng lành.

*

19. – Tôi bước lên cái chòi của em;
Muốn lắm quả dừa, dừa ở cành cây
Ưng quả mít, mít còn xanh trên ngọn
Bưởi vẫn lửng lơ trên bản
Lúa gạo ở trên sàn,
Tôi hoảng hốt lòng, dù muốn ưng em...

Nếu em hóa ra đá, tôi đập đá mang về,
Nếu em hóa ra đất này, tôi quyết đem về một nắm.
Nếu em hóa thành hoa và cây cối, tôi quyết lấy đem về trồng.

Thương em đến nỗi sầu
Nhớ em đến đâm ốm
Ước gì gan mật em trở về anh mãi mãi.

*

20. – Khi nhớ
Anh muốn sang từ đầu hôm
Lúc buồn
Anh đến từ khi mặt trời gác núi
Ta hẹn gặp nhau nơi bãi cát rộng
Ta hẹn gặp nhau dưới ánh trăng vàng
Để rồi, anh muốn nói:
Nếu em là một tảng đá đẹp
Anh xin lấy một mảnh về làm tin,
Nếu em là một vùng đất tốt
Anh muốn xúc một gùi về gieo hạt giống.
Em có cho không?
Nếu thật em nhớ anh
Em hãy làm một cơn gió bay qua núi.
Anh thương em
Anh sẽ làm một cơn gió thổi qua dòng sông.
Nếu anh làm được con chim khướu
Anh sẽ hót gọi em cùng đi chơi,
Nếu anh là con chim khướu
Và em là con chim *chao–rao*
Anh muốn cùng em bay trong nắng trời chiều.

*

21. – Tắc kè! Tắc kè!
Con tắc–kè kêu đêm đã khuya
Nàng Ra–đie đã tới gần chòm núi
– "Anh ơi! Sao anh vẫn chưa ngủ?"
Anh cứ *oát* hoài
Trên cái chòi lúa rẫy?
Anh có biết không?

Em ở chòi bên này cũng chưa ngủ
Muốn thổi kèn *amam* nhưng lại thiếu một người
Kèn *amam* thổi một mình đâu có được
Em biết làm bạn cùng ai?
– Em ơi!
Anh muốn bỏ cái chòi sang với em
Nhưng anh sợ con lợn rừng vào ăn mất lúa
Mai về nhà bố mẹ mắng, xấu hổ
Hay là:
Em sang chòi này cùng với anh!

*

22. – Em muốn lấy chồng mà miệng không nói được lời
lòng muốn
Em muốn sum vầy cùng anh không biết làm sao được
Anh muốn yêu em nhưng sợ bản làng nói
Anh muốn yêu em lại sợ tiếng tăm bản làng đồn đại.

*

23. – Anh yêu em lắm, em ơi! Tình yêu dẻo, thơm như cơm nếp
qua nhà em
Đặc sánh, thơm tho như sáp ong mùa nắng
Anh quyến luyến nhà em, em ơi, gắn bó nhau như nếp dẻo
nhà em
Tình quện chặt như nhựa cây sui
Anh có yêu được em như lòng anh mong ước không?

*

24. – Con đò đang trôi, hãy lấy mái chèo vàng mà đưa đẩy nó
Con đò đang trôi, hãy lấy mái chèo bạc mà lái theo chiều.
Mình yêu em, em ơi! Mình chống bè vàng vượt qua nước lũ
đưa em về bên này bờ.
Mình yêu em, em ơi! Mình lấy con thuyền bằng bạc đưa em
về bờ bên này sông Khoóng.
Có chiếu đẹp, em ơi! Mình trải cho em ngồi.
Mình có chiếu hoa, mình có ghế đệm đón em, em ơi!

*

25. – Chặt cây ở dốc khe, anh đừng chặt xong rồi bỏ nghe anh!
Đốn cây ở trên đồi, anh đừng bỏ dở mà đi nghe anh!
Nếu là chim *pur* anh đừng giấu móng
Nếu là chim *bre* anh đừng giấu nơi thường đến kiếm ăn.

*

26. – Em yêu anh, anh ơi! Anh lên núi cao dựng đứng, em một mực ngước mắt trông theo
Em yêu anh, anh ơi! Anh vượt động tranh em vói mắt nhìn theo
Anh đi khuất sau đèo cao, lòng em chỉ muốn cuốn chạy theo
Ước mong hai người cùng đi một đường
Ngồi chung vui trên một cành cây
Mong hai trái tim cùng một nhịp đập
Tim mật cùng chung
Yêu anh (em) lắm anh (em) ơi!
Ruột gan để cả vào tình yêu
Dù máu có đổi sang màu trắng
Lòng một yêu anh (em) thôi.

*

27. – Yêu anh lắm anh ơi! Thấy người anh cân đối đẹp đẽ
Yêu anh lắm anh ơi! Thấy dáng bộ anh dễ thương
Thấy anh, anh ơi! Muốn lấy cơm trong *tip* ra mời anh
Thấy được anh, em muốn cởi tấm áo đang mặc ra tặng anh
Ước ao sao hai đứa mình được đi mãi bên nhau
Dù có đi đâu em cũng ước hai đứa mình được ăn nằm chung, anh ơi!

*

28. – Yêu em, em ơi!
Nước sông to anh cũng vượt
Trời mưa lớn cũng dầm lũi mà đi
Kể chi ướt át
Rừng dù nhiều sên vắt cũng vuốt mà đi
Đồi cao dốc trơn thì leo trèo mà vượt
Gặp rừng nứa rậm rì cũng băng mà qua
Gặp thung, khe gai mây chằng chịt
Cũng đạp phăng bước tới.

*

29. – Yêu em (anh) lắm (yêu đến mức)
Nuốt cơm không vào
Thắp thuốc không đỏ
Thao thức nhớ nhung
Băn khoăn bồi hồi
Ăn cơm như ngồi chao võng
Hút thuốc tưởng buộc chân vào ghế

*

30. – Lòng dạ em yêu anh say mê anh ơi!
Như lúc mặt trời lên chiếu vào hoa cải vàng.
Em yêu anh anh ơi!
Như mặt trời giữa ban ngày với hoa hướng dương.

*

31. – Nơi lòng đã quyết yêu, ta mở cửa nhìn vẫn chưa thỏa
Nơi lòng đã quyết yêu, ta chỉ biết chống cao cửa nhìn theo
Nơi ta quyết yêu, chỉ biết đi theo để nhìn
Nơi ta quyết yêu, nhìn mãi nhau qua cửa sổ không biết chán
Nơi ta biết yêu, mở hết cửa lớn mà nhìn vẫn chưa no lòng, đầy dạ.

*

32. – Nếu vắng em, anh mở cửa trông em chứ chẳng nhìn ai
Nếu không thấy em, anh cài cửa chờ một em thôi
Soạn thuốc ra chờ em đến
Têm trầu đợi em
Cô gái út, em yêu ơi!

*

33. – Lườn lượt người đi em hé cửa trông ra
Lũ lượt người qua em đóng cửa nhìn qua khe hở
Em thấy bóng anh em mở cửa muốn trông
Nhác thấy bóng anh em ghé mắt nhìn qua kẽ hở

*

34. – Nhai với trầu phải có vỏ cây *đòng*
Nhai với trầu phải có rễ cây chay
Mình làm không ra

Mình mua không có
Mình kiếm không thấy
Cho mình xin lỗi, em ơi!
Mình yêu tha thiết
Sớm muốn đi cho sớm
Tối muốn ở đến khuya, em ơi!
Cây điếu để hút chung
Anh kiếm chưa được
Bến nước tắm mát
Anh chưa dọn kịp, em ơi!...
Cái sân để vui chơi
Anh quét chưa sạch, em ơi!
Vài em thứ lỗi, em ơi!
Anh đã đến đây
Cho anh ghé ngồi cùng hát.

*

35. – Anh thấy em, như thấy con *cá xao* lượn dưới vực sâu
Anh thấy em, như thấy con cá trầu lướt mình giữa dòng chảy.

*

36. – Tiếng em nói sao nghe mềm mại như tơ
Tiếng em nói nghe sao dẻo quánh như cháo
Tiếng em hát anh nghe vui như tiếng ve mùa hạ
Tiếng em dội vào lòng anh như tiếng cồng từ bên suối
Kha Lang vọng sang.

*

37. – Thấy em ăn trầu môi đỏ thắm như ý mong chờ
Răng em rõi đen lay láy
Anh muốn tỏ tình

(*Dân ca Vân Kiều* – Nxb Văn hóa 1979)

DÂN TỘC XƠ RÊ

Tiếng cồng
Tiếng chiêng
Mừng em ra suối

Tiếng đàn
Tiếng sáo
Mừng em ra nương
Em leo núi thấp
Em trèo rừng cao
Mặt em đằng trước
Như mặt trời mới mọc
Chân em đến đâu
Cỏ cười chim hót
Gót chân em bước
Vang khắp núi rừng
Thơm mùi hoa *triu*[1]
Thơm mùi hoa *kông*[1]
Thơm mùi sữa trắng
Của người lội suối
Của người trèo nương
Em đi trên cao
Bóng em nhỏ lại
Nắng đem hình em
Đặt lên nương anh
Gùi[2] em trên vai
Đựng những vật chi
Váy em vải gì
Mà thơm mùi sữa
Em cười với suối
Em vui với rừng
Em hát với nương
Em đùa với rẫy
Thế rồi
Bóng em lên cao
Gió thổi về nương
Thơm mùi hoa *kông*
Thơm mùi sữa trắng

---

1. Tên hai loài hoa rừng màu sắc rất đẹp.
2. Sọt đan bằng tre, nứa, người Tây Nguyên thường đựng các đồ vật và cõng trên lưng để đi đường (BBS).

Của người lội suối
Của người trèo nương...

Tạ Minh Hội
sưu tầm, dịch

DÂN TỘC XÊ-ĐĂNG

NAM – Nghe tiếng *ro-gôi*[1] tim anh muốn rụng
Nghe tiếng *ro-gôi*, chân anh muốn nhảy
Nhảy đến nơi nào cũng sợ tối
Đi đến lối nào cũng sợ lấp
Biết làm thế nào đây
Tính sao bây giờ đây?

NỮ – Nghe tiếng *ko-lông ho-lum*[2] vọng từ mái nhà xuống
Véo von tiếng *ko-lông ho-lum* từ cửa sổ bay ra
Ô ê ơi!...
Tiếng *ko-lông ho-lum*
Làm cho con quay của em ngã đổ lúc nào không hay
Làm cho cuộn chỉ của em rối bời lúc nào không biết
Tiếng *ro-gôi* của em sao vọng được tới nhà *rông*[3]
Tiếng *ro-gôi* của em sao lọt được tới tai người khác!

NAM – Mẹ anh, em đã tưởng
Cha anh, em đã biết
Nhà anh chỉ bằng một tấc cỏ gianh
Ruộng rẫy anh chỉ bằng một gang đất cằn!

NỮ – Anh chớ buông lời hạ mình
Anh đừng lấp lời nhường nhún
Dù ruộng rẫy anh chỉ bằng bắp tay
Dù nhà cửa anh chỉ bằng bắp chân
Anh cũng đã vượt qua em rồi
Anh làm việc nào cũng giỏi hơn em

---

1. *Ro-gôi*: đàn môi, nhạc cụ làm bằng lá đồng, giống đàn môi của một vài dân tộc ít người ở miền núi phía Bắc.
2. *Ko-lông ho-lum*: khèn bè 12 ống của dân tộc Xê-đăng (BBS).
3. *Nhà rông*: nhà làng, nơi mọi người thường tới hội họp vui chơi (BBS).

Chỉ có em mới cuốc ruộng như gà bới
Chỉ riêng em mới phát rẫy như chuột gặm
Một mảnh gùi em chẳng biết đan
Một đoạn chỉ em chẳng biết nối
Em chỉ lớn xác như cây *ho-lia*[1]
Người em chỉ sống theo ngọn gió thổi.

NAM – Ơ nàng đánh đàn *ro-gôi*!
Đêm ngủ, anh mơ thấy chồi măng mọc
Anh chỉ ngắm độc một bụi tre tua tủa nhiều măng
Không rõ mẹ cha nhà em có ưng không nhỉ?

NỮ – Măng đó chạm vào ngứa, chẳng ai dám gần
Tre đó nhiều gai đau, chẳng ai muốn đến
Anh hãy chăm gốc khác có nhiều măng non
Anh hãy kiếm măng khác đẹp hơn!

NAM – Dù cá quả có ăn mặt trăng
Dù thỏ đế có ăn mặt trời
Không ai tách nổi tim đôi vợ chồng!

Dúi Rèng, Võ Quang Nhơn
sưu tầm, dịch

1. *Ho-lia*: loài cây mọc và lớn nhanh nhưng cũng chóng tàn cỗi, chẳng dùng được việc gì có ích.

II. TRUYỆN THƠ

DÂN TỘC CHĂM

HOÀNG TỬ UM-RÚP VÀ CÔ GÁI CHĂN DÊ[1]

Trong triều, hoàng tử là người được nuông chiều
Chàng ở trong nhà hay ra ngoài đều có quân canh
Bước chân chàng uyển chuyển như con thuyền dập dờn trên sóng nước
Khuôn mặt như trái xoan
Da trắng hồng như quả bông non
Mắt đen như trái say của núi.
Vua rất quý hoàng tử
Ngày ngày hoàng tử và hoàng hậu ngồi trên xe để vua đưa đi chơi đây đó.
Vua thường nói:
– Hoàng tử là do trời sai xuống để nối ngôi.
Khắp nơi, dân chúng góp vàng góp bạc
Để vua làm đồ chơi thứ này thứ khác
Lớn lên, hoàng tử ham xem, mê đọc
Đọc một biết mười
Hoàng tử đọc được truyện Pô-pì, Pô-li
Từng trang sách như sáng rõ trước mắt
Sách nói: Pô-pì, Pô-li tài giỏi không ai bằng
Đạp đằng đông, rung đằng tây
Đạp đằng nam, chuyển đằng bắc...
Hoàng tử muốn thoát khỏi cảnh người hầu kẻ hạ
Thoát khỏi cảnh quân canh lính gác
Một hôm, hoàng tử lên lầu cao ngắm cảnh
Cảnh đồng bát ngát không có chân trời
Những mương phai chằng chịt đan chéo vào nhau
Hai hàng cây dọc triền sông chạy dài tít tắp

---

1. Ở *Truyện cổ Chàm* (Nxb VH – 1978) cũng đã có truyện này song ở đây chúng tôi xin giới thiệu truyện ở thể thơ và có thêm những chi tiết đặc sắc.

Cơn gió thoảng hàng cây dìu dặt
Như hình con rồng uốn lượn sắp cất cánh bay
Khắp cánh đồng: chỗ cày
chỗ gặt
chỗ thổ...
Chỗ lúa xanh, chỗ chín vàng, chỗ lúa mới gieo
Chiều chiều dòng người nối đuôi nhau trở về làng
Từ khi mặt trời nghiêng trên cao
Cho đến lúc mặt trời vào núi
Người đi không dứt
Trâu, bò, dê, ngựa sáng sáng tuôn ra khắp núi khắp đồi
Như mối trong ổ bò ra
Đàn dê, đàn bò chiều chiều đủng đỉnh về chuồng
Như kiến đen kiến đỏ bò về tổ
Gà đầy sân
Vịt đầy ao
Những tiếng gà gáy chạy đi chạy lại không dứt trong vách núi
Khắp làng tiếng đục tiếng cưa rộn ràng
Nơi dệt lụa mắt gà
Nơi dệt vải da cọp
Màu vải xanh, đỏ, tím căng ra
Như cánh đồng xen lẫn các màu hoa.
Ngắm nhìn non sông xinh đẹp, hoàng tử đi thăm chơi
Một hôm hoàng tử đi câu bên sông,
Chàng nghe hai người giặt vải bàn nhau
– "Vua thì giàu còn dân thì đói khổ
Vua bắt dệt nhiều vải lụa nhưng dân thì chẳng có một manh
áo lành"
Hoàng tử thương dân
Bỏ triều đi theo người chăn dê
Hôm sau, quân lính báo hoàng tử đã đi mất
Vua bèn cho người đi khắp mọi nơi tìm hoàng tử.
Tưởng người chăn dê dụ dỗ
Vua định giết người chăn dê
Hoàng tử cúi đầu xin chịu thay và nói:
– Cha đừng giết người chăn dê, con có tội
Việc này tại con, không phải tại người chăn dê
Vua tha cho người chăn dê
Đưa hoàng tử vào trong cung điện

Hôm sau hoàng tử lại bỏ triều ra đi
Người chăn dê quỳ tâu:
"– Xin hoàng tử hãy trở về.
Nếu hoàng tử không về, tôi lại có tội với vua
Người chăn dê vừa nói vừa đưa cho hoàng tử một con chim vàng.
Hoàng tử đón lấy chim và nói:
"– Người cho ta cùng chăn đàn dê này.
Người cho ta cùng ở đây.
Có gì ta lo, các người không sợ"
Cây thị mọc bên dòng suối.
Quả thị tỏa hương thơm khắp núi rừng.
Bỗng một quả thị rơi bên lưng.
Nơi hoàng tử nằm làm thơ, đọc sách
Dòng suối xa róc rách.
Nhạc suối dịu dàng.
Cùng tiếng ca vọng vang.
Đó là tiếng ca của một cô gái.
Hoàng tử men theo bờ suối.
Trông thấy nàng
Trên phiến đá giữa dòng suối trong.
Như đóa bạch sen lồ lộ.
Làn tóc nàng xòe trước gió.
Như đuôi con công múa lượn.
Như cụm cỏ kim xanh phất phơ.
Như thác nước từ sườn cao uốn lượn.
Nước dưới chân nàng buông dòng lụa trắng
Cá lội tung tăng.
Mặt trời chiều nghiêng nghiêng.
Khắc chạm thân hình nàng trên mặt suối.
Dòng suối chảy, bóng nàng như múa.
Dòng suối muốn mời bóng nàng trôi theo bóng mây.
Tay nàng vịn vào cây, cây lại muốn níu nàng trở lại.
Cây cỏ ngỡ chừng yên lặng.
Bỗng chuyển gió ngàn
Nàng bất chợt bàng hoàng.
Vội thả mình xuống suối trong.
Và hỏi:
– "Chàng là ai? Từ đâu tới?

Sao lại nhìn ta tắm thế này?"
Hoàng tử: – Ta không đến để xem nàng tắm
Chỉ đến để nghe tiếng hát hay
Ta là hoàng tử đã bỏ triều ra đây
Để cùng nàng chăn dê trăm năm kết nghĩa".
Cô gái: – "Lời chàng nói như gió thổi trên cành tre xào xạc
Xưa nay hoàng tử có bao giờ kết nghĩa cùng người chăn dê!"
Hoàng tử – "Ta là hoàng tử đã bỏ triều ra đi tìm người chăn dê
Nàng ơi! Lời ta nói chẳng hề đơn sai"
Cô gái: – "Hoàng tử hãy về triều tìm công nương mỹ nữ
Nơi ấy có lầu vàng điện ngọc
Ở đây chỉ là chốn của những người chăn dê nghèo khổ thương yêu nhau"
Hoàng tử: – "Nàng không tin lời ta nói sao
Ta đã bỏ triều đến đây để tìm nàng chăn dê
Nếu nàng tin lời ta, ta thề sẽ mãi mãi giữ lời"
Nghe chàng nói thực lòng
Nàng bắc cây qua dòng nước trong
Cho chàng vượt suối
Giữa dòng nước chảy
Hoàng tử ngâm thơ
Bỗng từ trên bờ
Quân lính triều đình kéo đông như kiến
Hoàng tử bị đưa về triều, vua trông thấy lòng càng tức giận
Hoàng hậu hết khóc than, cầu khẩn
Ôm con vào lòng nói, cười:
– "Con ơi!
Con đừng theo người chăn dê
Hãy trở về, lòng mẹ xiết bao lo lắng"
Hoàng tử: – "Cha mẹ ơi! Không! Con xin được làm người chăn dê"
Nhà vua: – "Nếu con ra đi, cha sẽ bỏ đói hai ngày!".
Hoàng tử: – "Mười ngày con cũng không cần
Miễn sao con được làm người chăn dê."
Vua nổi giận, truyền nhốt hoàng tử vào trong cũi sắt
Hoàng hậu thương con lại mở cũi.
Hoàng tử lại đi ra dòng suối tìm người chăn dê.
Gần gốc thị nơi chàng thường ngồi đọc sách có một bụi tre.
Trận lụt đêm qua cát đã phủ kín.

Nhưng măng tre đã nứt đất trồi lên.
Dòng suối, nước duềnh.
Đẩy hòn đá đi xa không còn thấy nữa
Con chim không ca.
Con công không múa.
Nàng chăn dê đi về đâu?
Hoàng tử ngồi dưới cây thị lòng buồn rầu.
Bỗng trước mặt cát bay.
Như báo hiệu một cơn giông tố.
Có hai người mang gươm bước lại.
Gặp chàng dưới gốc cây thị, liền hỏi:
– Chàng là ai mà dám một mình đến giữa cánh rừng hoang?
Hoàng tử: "– Ta là con vua Cu–ri–ma.
Ta muốn tìm Pô–pì, Pô–li.
Xin phép lạ để lấy được nàng chăn dê.
Ta sẽ sống với nàng..."
Hai người mang gươm chính là Pô–pì, Pô–li.
Pô–li thấy chàng trẻ tuổi.
Dám bỏ triều ra đi.
Để tìm Pô–pì, Pô–li chống lại ý vua lấy người chăn dê.
Pô–li phật ý nên hóa chàng méo miệng.
Pô–pì thấy chàng là người khôi ngô có chí
Xin Pô–li cho chàng khỏi méo mồm.
Nàng chăn dê bỗng từ đâu bước đến.
Hoàng tử nói: "– Đây là người ta yêu ta mến..."
Pô–pì lấy từ trong người ra một chiếc nậm vàng.
Pô–pì hóa phép cho chiếc nậm có hai vòi.
Vòi này uống.
Vòi kia nhìn vào sẽ thấy cô gái chăn dê.
Cho hoàng tử mang về
Cô gái chăn dê mãi mãi ngồi trong chiếc nậm của chàng.
Nậm vừa cầm tay
Chàng bị quân lính bắt về
Vua cha giận con như điên như dại
Vua nhìn chiếc nậm thấy hình người con gái
Truyền đem đập nậm vỡ tan tành
Nhưng nậm không vỡ, vua truyền đem đốt lửa
Cô gái chăn dê ngồi trong chiếc nậm nói với hoàng tử:
– Chàng ơi! hãy nghe lời nhà vua trở lại triều

Chàng đừng làm khổ thân chàng, và ai cũng đều đau khổ"
Hoàng tử nói:
"– Ta sẽ cứu nàng ra khỏi khổ đau!"
Cô gái nói với nhà vua:
– Hỡi nhà vua, người nên dùng tài trí để giết giặc thù
Còn với tôi.
Chỉ là một người con gái!
Vua nổi giận rút gươm ra chém nậm
Nậm vẫn trơ trơ
Hoàng hậu thân hình như chiếc cối xay
Nhìn chiếc nậm văng lời mắng mỏ.
"– Con ta như bông hoa điệp đỏ
Hoa điệp để thờ không thể để cho ai chơi!
Hoàng tử là con nhà trời
Ơi lửa, hãy bùng to cho tiêu tan chiếc nậm"
Hoàng tử lao vào lửa nóng
Lệnh của nhà vua:
"– Hãy nhốt hoàng tử vào cũi sắt cho ta
Chiếc nậm vàng cũng nhốt vào buồng kín..."
Để hoàng tử quên nàng chăn dê, đỡ tâm bịn rịn
Đưa đến một công chúa tuyệt trần cho hoàng tử vui
Công chúa đẹp khác người
Nhiều cái đẹp của thế gian cộng lại
Cái mắt đẹp nhất của người con gái đẹp nhất
Cái mũi đẹp nhất của người con gái đẹp nhất
Làn môi đẹp nhất của người con gái đẹp nhất
Gái đẹp nhất của bàn tay, khuôn mặt, thân hình
Nhưng hoàng tử ngoảnh mặt lặng thinh
Trong suy nghĩ của chàng là hình ảnh cô gái chăn dê bên suối
Hàng ngày công chúa mang cơm đến bên cũi
Hiểu rõ mối tình của chàng, công chúa động lòng thương
Chuyện thực hư công chúa không lường.
Nàng mở cũi cho chàng trốn thoát
Hoàng tử lại đi.
Hoàng tử tìm đến Pô–pì
Như trong sách chàng đà được đọc.
Đã đến một hòn núi cao chót vót,
Chàng đục chàng đào.
Chàng đào sâu xuống đất tìm Pô–pì ở nơi đâu.

Mỗi ngày hoàng tử chỉ ăn một hột ngô rang trừ bữa.
Con chim công bay đến giúp chàng đào bới.
Đất sập lấp chàng.
Chàng đội đất ngoi lên.
Chàng đào mãi đào hoài, hố sâu thêm.
Hố thăm thẳm, nhìn lên không thấy ông trời đâu nữa
Đào gần đến nơi, đá ngầm chặn lại.
Hỏng hố này hố khác lại thay.
Mỏi mệt, trên mặt đất chàng nằm.
Nghĩ đến nàng chăn dê đang bị giam ở triều, càng thêm nỗi nhớ.
Chim công hái quả cho chàng ăn đỡ đói.
Chàng lại chui xuống hố sâu tiếp tục cuốc đào
Bỗng trước lưỡi đục lưỡi choòng lóe sáng vì sao.
Một ngôi nhà vàng hiện ra trước mặt.
Xung quanh là những con rắn lớn bò ngang bò dọc.
Trên nóc nhà con rồng con phượng bay lại bay đi.
Quân lính nghe tiếng động.
Chạy vào báo với Pô–pì.
Pô–pì đã hiểu ra điều gì.
"Chàng trai đến tìm ta hẳn là người tài giỏi".
Người lính hầu vòng hai tay chạy lại
Pô–pì cho mời hoàng tử vào nhà.
Trước cửa hai con rắn thè lưỡi ra.
Chàng bình tĩnh đi vào lầu ngọc.
Pô–pì nhớ ra ở chốn rừng sâu, chàng trai này đã gặp.
Pô–pì hỏi:
"Đã phá núi đào hang đến để gặp ta
Có việc gì chàng hãy nói ra?"
Hoàng tử:
– "Xin Pô–pì hãy thứ lỗi cho tôi
Tôi đến xin phép lạ để lấy được nàng chăn dê
Người mà Pô–pì đã cho phép ngồi trong chiếc nậm
Nhưng vua cha ngăn cấm
Tôi với nàng đã mang nặng yêu thương".
Thấy chàng thật thà, có chí có gan
Pô–pì cũng muốn gả con gái mình cho chàng
Pô–pì đưa nhiều người con gái đẹp nhất đến
Để cho chàng quên cô gái chăn dê

Hoàng tử:
"Pô–pì ơi! Lòng tôi đã mang nặng lời thề
Với người con gái chăn dê mất rồi
Biết Pô–pì là người tài giỏi nhất trên đời
Nên tôi đào hang, xẻ núi đến xin người giúp cho
Để về cứu nàng chăn dê ra khỏi cảnh đọa đày."
Pô–pì giơ cao bàn tay
Bảo chàng trai dũng cảm
Khi cần làm một việc gì hãy gọi lớn
"Hỡi Pô–pì! Hỡi Pô–pì!"
Thì việc gì, ở đâu cũng sẽ đạt được ngay
Tùy theo ý muốn của chàng như vượt suối trèo non
Hay chàng muốn chống lại một sức mạnh siêu hình nào đó...
Nhận được phép lạ, trở về
Hoàng tử vào triều phá cũi sắt cứu nàng chăn dê
Quân lính báo tin.
Vua ra lệnh bắt trói ngay hoàng tử
Hoàng tử gọi: "Hỡi Pô–pì cho dây cắn chúng nó".
Tức thì quân lính bị dây cắn vào tay
Quân lính ngã quay, kêu la thảm thiết
Nhà vua nổi giận đùng đùng đem dây ra trói buộc
Hoàng tử liền gọi: – "Hỡi Pô–pì!"
Tức thì dây cắn nhà vua
Hoàng hậu:
"Tha cho cha, con ơi!
Tha cho cha, con ơi!"
Hoàng tử nghe lời, xin Pô–pì tha thứ
Nhà vua lại cầm roi ra đánh
Hoàng tử lại kêu "Hỡi Pô–pì"
Tức thì roi cắn nhà vua
Nhà vua kêu la, hoàng tử vẫn không tha
Hoàng hậu: "Con ơi! Con hãy tha cho cha"
Hoàng tử nhìn mẹ đang khóc
Chàng ngồi nhắm mắt lặng yên
Khi mẹ khóc, hoàng tử mất phép thiêng
Vua truyền lính bắt trói ngay hoàng tử
Nhà vua lại khuyên can dụ dỗ
Hoàng hậu thương con cởi trói
Nhưng hoàng tử quyết không ở lại

Đợi đến đêm xách chiếc nậm ra đi
Quân lính rượt theo đuổi bắt
Quân lính giơ gươm vây chặt
Hoàng tử gọi to:
"Hỡi Pô-pì!"
Tức thì gươm rơi
Hoàng tử chạy nhanh như gió thổi
Hoàng tử đánh rơi chiếc nậm
Quân lính đem nậm về dâng lên nhà vua.

*

Hoàng tử chạy lên rừng nằm dưới gốc mắn tăn
Chàng đói bụng ăn quả mắn tăn
Chàng buồn ngủ, ngủ dưới gốc mắn tăn
Trong giấc ngủ, hình ảnh cô gái chăn dê lại tới.
Chim công sà đến
Chàng choàng tỉnh dậy
Trước mặt, quân lính đã vây kín bốn bề
Quân lính giò cương ngựa, vung gươm lao về phía hoàng tử
Hoàng tử gọi:
– "Hỡi Pô-pì!
Ngựa bỗng đứng rắp cả lại
Nhưng nhà vua có tướng tài giỏi tên là Kai-kloòng
Nên một ngựa lại hóa thành mười lao tới
Chàng chạy vào trong núi
Quân lính lại đuổi, cố bắt lấy chàng
Chàng lách qua hang
Khe sâu trốn thoát
Chàng gọi Pô-pì hóa cho núi sập
Kai-kloòng làm phép cho đá nhẹ hơn rơm
Hoàng tử: "Hỡi Pô-pì!"
Bỗng khắp trời nổi cơn gió mạnh, lửa cháy bừng bừng
Gió cuốn tung rơm, lửa đốt cháy trụi
Quân lính Kai-kloòng chết cháy, rơi khắp núi rừng
Kai-kloòng thua trận trở về
Nhà vua hổi nói không ra lời
Đứng đứng ngồi ngồi
Kai-kloòng là tướng tài mà vua quý nhất
Kai-kloòng có mẹ, không cha

Nghe nói, mẹ đi chùa, nhìn Phật sinh ra Kai–kloòng
Kai–kloòng lêu nghêu, cao không ai bằng
Da mặt xù xì như da cóc
Đôi mắt lồi như mắt thỏ
Nhưng các quan chẳng ai giỏi bằng
Một người xấu nhất cũng đẹp hơn Kai–kloòng gấp nghìn
gấp trăm
Tất cả các vợ đến hỏi
Kai–kloòng không nói
Vua biết Kai–kloòng buồn vì thất bại
Vua truyền các vũ nữ của nhà vua
Múa cho Kai–kloòng xem, hát cho Kai–kloòng nghe
Kai–kloòng lúc ấy mới nói nói cười cười.
Kai–kloòng hứa sẽ lấy được đầu hoàng tử
Hoàng tử ở trên rừng, hóa thành con rắn to như hòn núi
bò xuống
Dân làng người người đều nói: "–Triều đình nhất định
phải thua"
Con rắn to lù lù, bò xuống há miệng nuốt chửng cung điện
Bỗng Kai–kloòng hóa triều đình thành một chiếc đinh
khổng lồ
Chiếc đinh cắm vào trong miệng rắn
Rắn quằn quại vật đổ nhà cửa, rung chuyển cả núi cả rừng
Kai–kloòng hóa lửa đốt cháy tan xác rắn
Kai–kloòng bắt được hoàng tử
Vua mang dây *xeng* ra trói
Chàng gọi: "Hới Pô–pì!" tức thì dây cắn nhà vua
Kai–kloòng rút gươm ra chém
Hoàng tử: "Hới Pô–pì!" Tức thì gươm chém lại Kai–kloòng
Hoàng hậu lại khóc lại than:
"Con ơi! con hãy tha cho cha"
Thương mẹ, hoàng tử mê man
Kai–kloòng đem dây *xeng* trói chàng nhốt vào cũi sắt
Hoàng hậu thương con, người gầy đi nhiều
Mặt trắng bệch, da cuộn vào xương
Hoàng hậu nói với nhà vua:
"– Trong vườn chỉ có một cây bông
Ai nỡ lòng nào mà ngắt bông điệp
Ngắt đi thì mất hết nòi hết giống"

Nhà vua nhất định bắt hoàng tử đem đi chôn sống
Còn hơn giống điệp để cho dê
Vua truyền:
"– Buộc hoàng tử lên trên lưng ngựa
Và quất ngựa cho phóng như bay
Khi mở trói cho hoàng tử và hỏi,
Hoàng tử chỉ nói: "yêu nàng chăn dê!"
Nhà vua truyền cho cung nữ múa những điệu múa dịu dàng uyển chuyển.
Cho chàng được lựa tuyển
Tùy theo ý muốn của chàng
Các cô vừa bước vào phòng cất tiếng ca
Hoàng tử bèn hóa phép
Cô thì méo miệng.
Cô thì sứt tai,
Cô thì lồi mắt.
Cô thì cụt tay.
Các cô xấu hổ chạy ra.
Ra khỏi nhà lại đẹp như xưa.
Hoàng tử chỉ nói một lời:
"– Hãy trả nàng chăn dê cho ta!".
Nhà vua tức giận, đem hoàng tử ném xuống ao nước bẩn.
Chàng lại mê man.
Hoàng tử thấy chim vàng.
Đưa mình xuống thủy cung.
Dưới thủy cung các cung nữ tung tăng múa lượn.
Nhìn cung nữ sung sướng.
Lòng chàng lại nhớ đến nàng chăn dê.
Mồm chàng lại gọi: "Hỡi Pô–pì!".
Khi vớt lên thấy chàng vẫn sống.
Nhà vua tức giận, bắt đào hang sâu chôn hoàng tử.
Quân lính cũng thương chàng, không nỡ.
Hoàng tử dặn:
"– Các ngươi cứ đào hang vùi lấp ta đi.
Không can gì, ta sẽ trở về, không chết".
Quân lính bỏ chàng xuống hang sâu.
Trói chàng rất chặt.
Dưới gốc cây *cu–ri–mư* rồi lấp kỹ, đi về.
Sau một cơn mê, chàng gọi Pô–pì.

– "Hỡi Pô–pi! Hãy cho dây *xeng* đứt
Hãy cho đá đất mở cửa hang ra!"
Con chim vàng giúp chàng làm cầu
Cầu làm sắp xong, trời lại nổi bão giông
Hoàng tử lênh đênh trên biển
Chàng lại chặt gỗ to
Đóng thành những chiếc bè vững chắc
Cầu đã đưa chàng đến gặp Pô–li
Quân lính Pô–li thấy chàng tuấn tú, quân lính về tâu:
"– Có một chàng lạ mặt ở đâu tìm đến"
Pô–li: "Hãy ra đưa vào
Chỉ người có chí cao mới đến đây tìm"
Quân lính ra đưa chàng vào
Hai con cá to há miệng như muốn nuốt chửng chàng
Trước mắt chàng đã hiện lên ngôi nhà
Chơi vơi giữa dòng nước
Theo chiều dòng trôi ngôi nhà nghiêng nghiêng
Pô–li nhận ra đúng là đã gặp hoàng tử ở ngoài rừng sâu thẳm
Pô–li làm tiệc lớn đãi chàng
Pô–li cùng chàng ngồi trên tảng đá to mát rượi
Các cung phi quấn những chiếc khăn dài
Bơi lội, múa lượn giữa dòng nước xanh
Điệu múa khi tỏa ra, lúc khép lại
Hoàng tử không vui khi xem múa
Lòng chỉ nhớ đến nàng chăn dê
Chàng muốn xin được Pô–li phép lạ để trở về
Cứu nàng chăn dê đang bị giam giữ.
Pô–li biết chàng có chí cũng muốn giữ để gả con gái
Con gái Pô–li ngồi trên mình cá
Cá có bốn vây tung tăng trước cung điện
Với công chúa, chàng đã nói rõ nỗi niềm riêng tư
Lòng mang nặng mối tình với cô gái chăn dê
Hiểu lòng chàng tình đã nặng, nghĩa đã sâu
Nàng xin cha cho chàng phép thiêng
Pô–li bảo: – chàng về mặt đất
Cần phép gì ta tất sẽ cho

*

Chim vàng nhịp nhàng vỗ cánh, đưa chàng bay thẳng về triều
Chàng hóa phép cho mây xanh thành mây đen nặng trĩu
Mưa đen đổ xuống kín trời. Sấm rung chớp giật
Kai-kloòng không kịp trở tay
Kai-kloòng vội vàng lẩn trốn
Hoàng tử bước vào triều phá tan cũi sắt cứu nàng chăn dê
Mọi người đều vui mừng vì Kai-kloòng đã thua
Ai cũng bảo Kai-kloòng hết phép
Hoàng hậu bảo:
"- Nhà vua hãy cho con ta Um rúp
Được lấy người con gái chăn dê..."
Vua cha chưa nói gì
Hôm sau Kai-kloòng trở về hóa phép
Làm tiêu tan những đám mây đen
Hoàng tử và cô gái trong nậm vàng bay ra biển
Họ dâng nước biển về ngập triều
Kai-kloòng hóa triều đình thành một chiếc thuyền khổng lồ
Hoàng tử xông vào đánh phá
Gió bỗng nổi lên đùng đùng
Dây *xeng* trói bỗng đứt, đất đá tung ra.
Cây *cu-ri-mư* chẻ ra hai nhánh.
Làm ghế cho chàng ngồi chơi.
Cây *cu-ri-mư* hoa quả tốt tươi.
Chàng ăn chàng sống.
Lúc khát nước, chàng gọi Pô-pì cho uống.
Tức thì giếng nước hiện lên.
Đến ngày đến tháng, nhà vua đi lấy hài cốt của chàng.
Nhà vua đi như khúc gỗ từ cao lăn xuống.
Hai con mắt như người say rượu.
Hai lông mày to cong như đuôi con chồn.
Hai má ửng đỏ như mụn đang mưng.
Hình con rồng con rắn bò dọc bò ngang trên quần trên áo.
Nhà vua bước lên ngồi trên xe dê.
Hai con dê xồm nghểnh đầu lên kéo
Cung nữ hai bên ngồi phe phẩy quạt.
Hoàng hậu thì than thì khóc.
Quân lính đi trước, vua đi xe dê nạm ngọc nạm vàng.
Đến đào bới hang,
Thấy chàng không chết.

Hoàng tử lại xinh đẹp hơn xưa.
Nhà vua tức giận chặt cây *cu-ri-mu*.
Riu quay lại cắn nhà vua.
Vua đau quá nằm lăn ra khóc
Hoàng hậu gọi: "– Con ơi! Con hãy tha cho cha".
Hoàng tử nói: "– Hãy trả nậm vàng cho ta!
Hãy trả nậm vàng cho ta
Ta chỉ xin chiếc nậm vàng"
Hoàng tử vào phá cũi sắt mang nậm vàng ra đi.
Quân lính rượt ngựa đuổi theo không kịp.
Quân lính Kai-kloòng lại ra đi vó ngựa rập rình
Đuổi theo chàng mong vây tròn, khép chặt.
Kai-kloòng tin là bắt được.
Nhưng con chim vàng đã hóa thành ngựa đưa hoàng tử thoát thân.
Còn Kai-kloòng đã được chiếc nậm.
Lông mày chàng như áng mây buổi chiều gác trên đỉnh núi.
Đôi mắt nhìn thẳng vào Kai-kloòng.
Chàng giật đứt vòi nậm.
Vòi nậm biến thành gươm.
Cây gươm dài sáng loáng như một dòng sông
Chàng nhẩy bổ vào lúc đâm lúc chém.
Nghe tin thất trận, vua biết hoàng tử có phép lạ của Pô-pì
Vua tức giận liền đi kiện trời
Trời bắt Pô-pì thu phép
Hoàng tử đã mất phép thiêng
Kai-kloòng bắt hoàng tử và chiếc nậm mang về triều
Hoàng tử bị nhốt trong cũi sắt
Đêm đến, chim vàng bay vào mở cũi sắt cho chàng trốn thoát.
Ai cũng nóng lòng muốn biết
Hoàng tử còn sống để đánh lại Kai-kloòng nữa không
Đến hòn núi cao, hoàng tử buồn bã trong lòng
Chàng nhớ đến Pô-li ở biển
Hoàng tử chặt tre đan bè, làm thành chiếc cầu
Khi cầu bắc gần xong thì trời nổi bão giông
Chiếc cầu tan vỡ, hoàng tử phiêu dạt trên sóng
Hoàng tử về chặt tre to trên núi cao
Quân lính chết máu đỏ thành sông
Hoàng hậu khóc than

"Con ơi! Mẹ mang con chín tháng mười ngày
Sao con lại nỡ đang tay phá triều!"
Tiếng khóc vang đến tai chàng
Chàng lại thiếp đi
Kai–kloòng hóa phép cho nước khô cạn
Và phi ngựa đuổi bắt
Chim vàng hóa thành ngựa cho chàng cưỡi chạy ra biển
Đến bên bờ biển, nậm hóa thành thuyền
Kai–kloòng gò cương phóng ngựa đến bên
Um–rúp hóa nậm thành một thanh gươm cùng Kai–kloòng giao chiến
Thuyền Kai–kloòng to lướt dọc lướt ngang trên biển
Khiến mặt biển nổi sóng lớn gió to
Kai–kloòng tài ba dữ tợn
Nhưng Um–rúp nhanh tay đã chém hắn bị thương
Kai–kloòng vội quay về triều
Hoàng tử rượt theo
Vua thấy Kai–kloòng thua chạy
Biết Um–rúp có Pô–li giúp sức
Nhà vua tức bực, đi kiện trời
Trời bắt Pô–li thu phép
Kai–kloòng giật dây cương quay đầu lại đánh
Hoàng tử muốn trở về mặt biển để biển cho sức mạnh
Nhưng đến đây, Pô–li đã thu phép lại rồi
Kai–kloòng vừa rượt đến nơi
Chiếc thuyền hoàng tử lại trở thành chiếc nậm
Hoàng tử chìm xuống đáy biển sâu thẳm
Chim vàng đến cứu chàng bay đi
Kai–kloòng thắng trận xách nậm trở về
Hoàng tử buồn rầu, đến nằm dưới gốc thị bên dòng suối chảy
Dòng suối từ trên cao đổ vào khe đá
Suối chảy thành hai dòng
Hoàng tử đói
Chim vàng hái quả cây cho chàng ăn
Hoàng tử nhìn ra suối xa
Đàn hươu đàn nai sum họp một nhà
Đủng đỉnh ra bờ suối, ăn ngọn cây non
Cảnh hươu nai vui vầy bên nhau
Chàng muốn trở về triều, lấy nàng chăn dê thương yêu.

Hay nàng công chúa?
Chàng lịm trong giấc ngủ.
Thấy mình cưới nàng chăn dê, sinh được hai con.
Con trai đi săn.
Con gái dệt vải.
Chàng giật mình tỉnh dậy nhìn dòng suối xa.
Hai dòng nước nay đã nhập một
Chàng đấm ngực: "– Không! Không! Phải đi tìm Pô–lóa
Ta không lấy công chúa
Ta chỉ cưới chiếc nậm để lấy nàng chăn dê..."
Chàng đọc sách biết Pô–lóa tài giỏi
Chàng cùng con chim vàng bay lên núi cao
Chàng xây thang đá trèo lên tận trời
Một tòa nhà trắng hiện trên tầng mây xám
Tiên nữ múa lượn, người hát người ca
Biết có người từ xa đến nhà trời
Những con hạc giật mình vỗ cánh bay
Quân lính đi báo
Pô–lóa cho mời vào
Hoàng tử thưa:
"– Biết Pô–lóa tài giỏi nên tôi xin phép lạ để về cứu nàng chăn dê".
Pô–lóa hỏi:
"– Con vua sao lại lấy nàng chăn dê
Hoàng tử đừng về, ở lại ta gả cho công chúa
Chàng ở lại và xin Pô–lóa cho học phép lạ
Học xong chàng xin về triều báo với cha mẹ
Um–rúp vào triều cướp lấy chiếc nậm
Quân Kai–kloòng tức giận
Quân Kai–kloòng bắn những mũi tên vàng vun vút
Chàng giơ chiếc nậm, nậm hút mũi tên
Quân lính ùa lên
Chàng giơ nậm vàng lửa cháy ngùn ngụt
Quân lính dàn ra
Kai–kloòng hóa mưa, chàng giơ nậm thu mưa vào nậm
Kai–kloòng hóa lửa
Hoàng tử quay ngựa chạy, Kai–kloòng đuổi theo
Từng dấu chân ngựa, chàng hóa thành chông sắt
Kai–kloòng hóa chông sắt thành ngọn cỏ non tơ

Hoàng tử xông vào
Kai–kloòng về triều rào lưới lửa xung quanh
Sợ mẹ đau lòng, Um–rúp quay về rừng nằm nghỉ
Chàng thương mẹ! Chàng nằm thiếp đi
Chàng thấy con cháu đề huề sum họp
Bỗng Kai–kloòng từ trên trời bay đến
Um–rúp lại rút gươm
Kai–kloòng càng đánh càng hăng
Um–rúp phải quay ngựa vượt tầng mây cao
Chàng bay lên đến tận trời
Um–rúp buồn rầu chàng ngồi chàng nghĩ
Phải dâng sóng nước
Phải có rắn to
Phải có mây mù
Phải có ong bay ngập triều để đánh
Chàng lao ngựa từ trên trời thẳng xuống
Con rắn to bò thẳng đến triều
Kai–kloòng đuổi chém
Nước dâng lên tràn ngập
Kai–kloòng hóa nước cạn khô
Sương dâng lên trời tối mịt mù
Kai–kloòng hóa phép mây tan
Đàn ong theo chàng, bay đến đốt Kai–kloòng túi bụi
Ong đốt cả nhà vua, vua chui xuống giếng
Vua vừa ngoi lên, ong lại đến đốt
Vua chui vào xà–rông người đàn bà đang dệt
Ong mới tha cho
Ong xông vào đốt Kai–kloòng
Kai–kloòng đau quá ngã lăn
Um–rúp tuốt gươm định chém
Kai–kloòng nhập vào thân hoàng hậu
Um–rúp giơ gươm định chém
Tay kiếm run run
Chàng đương ngập ngừng, cô gái chăn dê liền bảo
"– Giết đi! kẻ thù anh đấy
Chàng nghĩ đến khi dòng máu chảy
Có máu kẻ thù và máu của mẹ mình
Chàng rơi nước mắt
Nhà vua nấp trong *xà–rông* của người dệt vải

Tuốt gươm nhảy đến chém đứt đầu chàng
Đầu chàng không rơi xuống
Đầu chàng bay lên giữa trời
Máu chàng đã đổ
Máu biến thành ngọn lửa
Chiếc nậm vàng theo ngọn lửa bay cao
Chiếc nậm hóa thành ngôi lầu
Bay về chân núi, nơi mặt trời lặn
Từ đó về sau thấy ánh đỏ của hoàng hôn
Người ta bảo: đó là máu của hoàng tử
Và núi, đó là đầu hoàng tử
Chàng chết đi, triều đình đã tan nát
Chỉ còn vua, hoàng hậu và Kai-kloòng
Dân bỏ vua đi tản mát khắp núi rừng
Cùng nhau làm ăn sinh sống.

Theo lời kể của Thiết Ngữ, dân tộc Chàm.
Có tham khảo Notes sur les Chams
của M.Durand.

DÂN TỘC MƯỜNG

HÙY NGA – HAI MỐI
(trích)

Hùy Nga là con gái một nhà lang giàu và có thế lực. Lớn lên, nàng gặp chàng Hai Mối và hai người yêu nhau, ngầm ước hẹn cùng nhau.

Nhưng Hai Mối thấy mình chưa có đủ tiền bạc và danh vọng để xây dựng cuộc sống gia đình. Chàng quyết chí tạm rời quê hương đi lập thân. Một thời gian qua, khi Hai Mối đã có đủ điều kiện trở về định cùng Hùy Nga chung sống, thì nàng đã bị cha nàng đem nàng làm "vật đổi chác" với một tập đoàn có quyền thế khác. Hai Mối tìm tới tận nơi để giành lại Hùy Nga. Nhưng chàng thất bại, bất lực trước cường quyền, đành quay về và thất cổ tự vẫn. Hùy Nga đã tìm đến và cùng chết theo người tình.

Như nhiều tác phẩm khác, truyện Hùy Nga – Hai Mối phê phán một tội ác của chế độ xã hội phong kiến: trong chế độ xã hội này, địa vị người phụ nữ dù thuộc tầng lớp nào cũng vẫn chỉ là địa vị bị áp chế, khó lòng có được hạnh phúc chân chính.

Hai đoạn trích dưới đây miêu tả hai cuộc gặp mặt của đôi trai tài gái sắc: cuộc gặp mặt mở đầu cho cuộc tình duyên và cuộc gặp mặt khi "ván đã đóng thuyền" dẫn tới một kết cục bi thảm cho cuộc tình duyên éo le ấy (BBS).

. . . . . .

Hùy Nga con ông Tu Già
Con bà Tu Ó
Một buổi nọ, xin cha mở chợ
Xin mẹ mở hàng
Ở nơi sông Chu bến Động
Để sớm hôm đi về
Cho có công có việc
Ngày mở chợ
Ba hồi trống đánh
Hết làng trên xóm dưới
Con trai đến đầy sân
Con gái đến đầy cửa đầy nhà
Cơm trong mồm chưa kịp nhá
Cá trong mồm chưa kịp nuốt
Trầu trong khăn chưa kịp lấy
Bốn mươi làng dưới
Chín mươi làng trên
Đều mang bương gianh ra mở chợ
Mở ra cửa hàng trầu hàng nước
Cửa hàng gương hàng lược
Cửa hàng vải hàng xén
Nàng Nga rửa chân rửa tay
Đeo vòng tay chạm hoa thông trúc
Mang vòng cổ chạm hình rồng leo phượng múa
Ra mở cửa bán hàng
Từ đấy, dưới đồn lên
Trên đồn xuống
Tại sông Chu bến Động
Tiếng nàng Nga đẹp nết tốt lòng

Là con ông Tu Già
Con bà Tu Ó
Lúc ấy có anh chàng Hai Mối
Cùng em là chàng Thị Hoa
Ở phủ Yên Hoa xã Yên Lạc
Nghe tin nghĩ rằng
Chẳng mưa sao lại có gió
Chẳng có ai nỡ đồn sai
Và
Đem một nghìn trâu đen đóng sẹo[1]
Đem một nghìn bò trắng đóng vai[2]
Để lên vùng sông Chu xem chợ
Thị Hoa khuyên rằng
– "Bố ta thiếu gì bạc
Mẹ ta thiếu gì vàng
Mang trâu làm gì cho người ta chê khó
Mang bò làm gì cho người ta chê nghèo
Hãy vào xin bố xin mẹ
Lấy bốn mươi nén bạc đúc
Bảy mươi nén bạc rời
Lên vùng sông Chu xem chợ".
Hai chàng vào lạy bố lạy mẹ
Lạy bố trên giường
Lạy mẹ dưới chiếu
Xin bố mẹ lo lắng cho con
Vì chưa có người thổi cơm sàng gạo
Chưa có người thức khuya dậy sớm
Chưa có người đi chợ xem hàng
Con xin bố bốn mươi nén bạc đúc
Bảy mươi nén bạc rời
Để lên sông Chu kén vợ
Nghe họ đồn rằng có hai chị em Nàng Nga
Khôn mồm tốt miệng
Đẹp nết tốt lòng

---

1. *Đóng sẹo*: trâu vừa đến tuổi xỏ sẹo.
2. *Đóng vai*: bò vừa đến tuổi vực. Hai câu thơ ý nói: Mang đi toàn trâu bò tốt, khỏe mạnh, vừa đến tuổi vực cho biết cày bừa.

Con xin đi xem mặt
Lúc ấy
Bố ngồi trên giường
Mẹ ngồi dưới chiếu
Hai chàng lạy bố lạy mẹ
Bước chân khỏi cửa khỏi nhà
Đi qua bốn mươi đồng ruộng, ba mươi đồi gianh
Đến một quãng sông nghỉ lại
Thấy thuyền qua lại
Tấp nập đông vui
Hai Mối thấy một mũi thuyền rồng
Đang chèo qua chèo tới
Hai chàng hỏi rằng:
– "Thuyền qua sông cho tôi qua với".
Mế[1] lái hỏi lại:
– "Hai chàng ở đâu mới tới
Có biết tin ông Tu Già mở chợ
Các nơi về hội rất đông".
Hai chàng đáp rằng:
– "Ông cun Tu Già
Cùng họ nhà tôi
Xin *mế* cho tôi qua với!"
Từ xa tiếng chiêng vọng lại
Là hiệu nàng Nga ra chợ
Mọi người buôn đứng lại một bên
Mọi người lạ đứng sang một góc
Nàng Hùy Nga ra chợ
Có người theo quảy lẵng hoa vàng hoa bạc
Hai Mối hỏi rằng:
– "Hoa này nàng bán hay là nàng mua
Nàng có bán thì để tôi mua
Đem lên chùa dâng hương tiến bụt".
Nàng rằng:
– "Của này để bán, chẳng phải tôi mua
Nếu chàng mua thật tôi chẳng dám chối".
Và nàng nói:

---

1. *Mế*: mẹ. Cũng có nghĩa là các bà già nói chung (BBS).

– "Một bông hoa là trăm tiền
Cả gốc lẫn cành là hai trăm bảy".
Hai chàng đáp lại:
– "Hai trăm bảy thì hai trăm bảy
Chúng tôi muốn cả gốc lẫn cành
Chúng tôi muốn cả bông hoa không rời chủ nó
Hoa thì đem lên chùa
Dâng hương tiến bụt
Còn chủ thì đưa về nhà
Thức khuya dậy sớm
Trông cửa trông nhà
Đi chợ đi hàng".
Lúc ấy nàng Nga cất tiếng nói rằng:
– "Cơm em ăn hết một ngày ba gánh gạo
Rượu em uống một ngày những ba lu[1]
Xống áo một ngày em thay những ba lượt
Anh có giàu của giàu trâu
Mới mua em được".
Hai chàng đáp rằng:
– "Nàng nói thật thế chăng
Hay là
Người khôn thử dạ
Người lạ thử tiếng thử lời"
Hai Mối nói tiếp:
– "Cơm anh ăn một ngày hết năm gánh gạo
Rượu anh uống một ngày hết những năm lu
Anh chẳng giàu mà cũng chẳng sang
Sớm hôm chiều tối
Có chín mươi trâu cày
Có một trăm bò bừa
Có cơm thừa bỏ ế
Nên tình, ta sẽ tới cửa
Nên duyên, ta sẽ tới nhà
Trời nắng ta trú bóng râm
Mưa lâm thâm ta vào hang đá
Chín tấm lụa đen sẽ rải làm chiếu

---

1. *Lu*: hũ, chĩnh nhỏ (BBS).

Chín tấm lụa vàng sẽ đắp làm chăn".
Hai Mối lại hỏi thêm rằng:
– "Tiếng rằng anh quen đường đất
Mà chẳng quen đường làng
Chưa biết mường em là gì để hỏi".
Nàng Nga đáp rằng:
– "Đây là Cẩm Thủy Thanh Hoang[1]
Nơi sông Chu bến Động
Là đất ông Tu Già
Là mường bà Tu Ó
Anh còn qua lại, anh rẽ vào chơi"
Hai Mối nói rằng:
– "Bây giờ anh phải trở về
Để thưa lại mẹ cha".
Rồi chàng để lại
Cái áo đang mặc
Cái lược cái khăn
Nàng Nga cũng thề rằng
Nếu sai hẹn ước
Sẽ chết nơi sông Chu bến Động
Và từ ngày đó Nàng Nga trở về
Cơm chẳng buồn nhá
Cá chẳng buồn ăn
Trầu trong khăn cũng chẳng buồn lấy
Bố mẹ nàng hỏi rằng:
– "Con tôi đi đâu về
Cơm chẳng buồn nhá
Cá chẳng buồn ăn
Trầu trong khăn cũng chẳng buồn lấy
Hay con lo việc bố việc mẹ?"
Nàng Nga đáp rằng:
– "Con đi chơi *ậu* Khà[2] làng dưới
Ăn cơm uống rượu nên mệt chẳng buồn ăn".
. . . . . .
Một buổi nọ, Hai Mối đắp phai ruộng Ngọc

---

1. Có lẽ là Thanh Hoa, tên cũ của vùng đất tỉnh Thanh Hóa ngày nay (BBS).
2. *Ậu*: một chức dịch nhỏ, dưới quyền các lang, đạo (BBS).

Chờ vụ mùa đi cưới Nàng Nga
Bỗng nghe chèo bẻo hót tít ngọn cây
Chàng Hai Mối định giơ súng bắn
Chèo bẻo hót rằng:
– "Tháng Tư ta chẳng ăn trộm lợn nhà ai
Tháng Hai ta chẳng ăn trộm gà nhà người".
Và chim cất tiếng hót tiếp
– "Ta là chèo bẻo
Hỡi ai có tin thì nhớ
Hỡi ai có bạn tình thì thương".
Và chim thả thư nàng Nga xuống đất
Chàng Hai Mối ngả lòng bàn tay đón được
Thì thư đã từ mùa năm ngoái năm kia
Hẳn lúc này nàng Nga đã về nhà ông vua Ai Ước
Chàng trở về
Đánh ba hồi trống cái nhà thờ
Hết làng dưới làng trên đến họp
Chàng mới nói rằng:
– "Giặc bên Bắc đang muốn tiến vào
Giặc bên Lào bên Ngô đang thì tiến xuống
Ta phải cất quân sang sông Chu bến Động
Trên bờ cắm chông
Dưới sông thả cạm thả bẫy
Để đón nàng Nga qua đây bắt lại".
Một buổi nọ gặp một *mế* già
Đi qua giữ lại
Quân quân hỏi rằng mẹ là ai
Phải người buôn mắm cho xem một đọi
Phải người buôn muối cho xem một bát
Mế đáp rằng:
– "Tôi chẳng phải người buôn mắm buôn muối
Tôi là *mế* già bà nàng
Con ông cun Tu Già
Con bà già Tu Ó
Đưa nàng Nga về nhà chồng bữa nọ
Ở tại nhà ông vua Ai Ước
Bên nước Thượng Lào
Bây giờ trở lại".
Chàng Hai Mối nghe thôi đứt đoạn

Ngã chết sấp không rời
Chàng Thị Hoa nói rằng:
– "Thiếu gì nước đun *viếng*[1]
Thiếu gì tiếng nói ra
Mẹ phải làm sao cho anh tôi sống lại".
Lúc ấy mẹ già giậm chân kêu rằng:
– "Hồn ai ở dưới đất thì lên
Hồn ai ở trên trời thì xuống
Hai phương bốn hướng quay lại mà nghe
Nàng Thái đi làm dâu cả
Nàng Nga còn ở nhà nuôi mẹ".
Lúc ấy chàng Hai Mối mới sống lại
Thu quân trở về
Đến cửa đến nhà
Bảo em là Thị Hoa rằng:
– "Nàng Nga đã đi ăn riêng ở đậu
Giờ em ở nhà thay anh cho vừa lòng bố mẹ
Nuôi cha cho trọn đời
Nuôi mẹ cho trọn kiếp
Anh nhường cho em
Bốn mươi làng dưới
Chín mươi làng trên
Nhường hết bờ tre bụi nứa
Em trông cho yên đất yên mường
Để anh đi tìm cho được nàng Nga".
Lúc ấy, mọi người khuyên chàng rằng:
– "Dưới Mường Khương đất rộng
Dưới Mường Bống đất dài
Còn nhiều nàng tốt nết
Chẳng phải chỉ nàng Nga là một!"
Chàng đáp lại rằng:
– "Mường Khương tôi đà được đến
Mường Bống tôi đã được qua
Chẳng ai nên như nàng Nga em ấy".
Lúc ấy, cha chàng nói rằng:
– "Ai khuyên được con tôi ở nhà

---

1. *Viếng*: loại nồi đặt lót dưới chõ để thổi xôi (BBS).

Thưởng công ba mươi bó mạ giữa đồng
Chín mươi vòng bạc
Mười hai đôi vòng vàng".
Lúc đó hết thảy bản mường
Từ con gái đến ông già
Đều ra ngăn đường chắn cửa
Con trai khuyên, chàng tuốt đao
Con gái khuyên, chàng tuốt kiếm
Chàng quyết ra đi tìm cho được nàng Nga
Chàng đã đi qua bốn mươi đồng ruộng
Ba mươi đồi gianh
Gặp đàn em bé chăn trâu
Hỏi thăm rằng:
– "Đình mường ta ở đâu thờ vua
Chùa mường ta ở đâu thờ bụt
Nay anh đi xa đường dài
Muốn vào chùa lạy bụt".
Các em chăn trâu nói rằng:
– "Bụt ở bên chùa Thái Thúc
Lại ở chùa Thái Thông
Muốn lễ bụt chùa này
Phải tìm cho được trái quýt làm hoa
Phải tìm cho ra sáp ong làm nến".
Chàng lại ra đi
Hết rừng trúc qua rừng mai
Tìm đến chùa Thái Thúc xin bụt phù hộ
Rồi chàng lại đi bốn đêm trắng
Bảy ngày liền
Chẳng thấy đâu là làng là xóm
Chỉ thấy ngàn cây bát ngát xanh xanh
Lúc ấy, bụt mới hiện ra
Chỉ đường lên chùa Quán Ai
Chàng Hai Mối đã đến được
Đất nước Thượng Lào
Tìm được đến chợ ông vua Ai Ước
Giả làm kẻ bán hàng
Ngồi ở ngã ba đầu đàng
Một buổi sáng nọ

Thấy *chấu hóa*[1] binh mường
Cầm roi ra dẹp lối
Hết thảy người buôn đứng lại một bên
Hết thảy người lạ đứng sang một góc
Cho nàng Nga ra xem chợ
Chàng Hai Mối rao rằng:
– "Kim chỉ ở đây mời nàng lại lấy".
Nàng Nga đi thẳng chẳng ngó sang
Đi ngang chẳng ngó lại
Chàng Hai Mối lại đón chặng thứ hai:
– "Kim chỉ ở đây mời nàng xem lại".
Nàng Nga quay lại nói rằng:
– "Đất tôi hây còn chỉ bạc
Mường tôi chưa thiếu kim vàng".
Lúc ấy chàng Hai Mối vứt kim chỉ xuống đất
Ngẩng mặt lên nhìn nàng Nga:
– "Trời ơi! Khổ ải thân tôi
Hôm nay gặp bạn giữa hàng
Gặp chàng giữa chợ
Không còn ngờ là giấc chiêm bao
Anh ơi!
Em phải đi ăn nhờ ở đậu
Tại vì bố em đã tham bạc
Mẹ em đã tham vàng
Chú bác họ hàng đã tham ăn tham uống
Để em chịu tiếng bất nhân
Mang thân con người bất nghĩa
Với công anh, anh ơi!
Em gửi thư cho anh từ mùa năm ngoái
Em nhắn tin cho anh từ mùa năm kia
Em ăn chực ngồi chờ đã đau lưng mỏi gối
Sao anh chẳng lên
Sao anh không chặt cây khó giữa đường
Sao anh không chặt cây sang giữa lối
Cho em nên rổ nên dại

---

1. *Chấu hóa*: các chức dịch nhỏ, chuyên phục dịch các lang đạo trong xã hội dân tộc Mường ngày xưa; có nơi phát âm là chấu vá (BBS).

Để cho nó trả lại cùng anh, anh ơi!
Hôm nay, anh mặc xống áo rách
Cho nên em chẳng nhận được ra".
Chàng Hai Mối nói rằng:
– "Bây giờ em về nhà ông vua Ai Ước
Để anh giả chước kẻ khó người nghèo theo sau
Để anh cầm gươm đao chém nó
Cho em cùng anh
Như cây trở lại liền cành".
Nàng rằng:
– "Nhà nó chín lần hào mười hai lần giậu
Đồn trong điếm ngoài anh khai đao sao được
Bây giờ xin anh trở lại
Bên sông Chu bến Động
Nơi gặp gỡ buổi xưa
Em sẽ xuống làm cửa làm nhà
Cho trọn vẹn lời thề ước xưa".
Hai Mối trở lại nhắc rằng:
– "Bến mong đò làm sao, đò mong bến làm vậy".
. . . . . .

M.T.
Dịch theo bản sưu tầm của
Đinh Công Niết

ÚT LÓT – HỒ LIÊU
(trích)

Đây là đoạn mở đầu Út Lót–Hồ Liêu, kể việc nàng Út Lót lên đường đi chầu vua thay bố.

Thuở ấy,
Vua lang kẻ chợ cấm đất bên đông,
Các cun lang đạo mường phải đi bái mạng.
Lệ vua không hoãn,
Lệ triều ban ra,
Kẻ nào không đi, phạt bốn mươi lợn cong ngà,
Kẻ nào mến gái tham bà không đi[1],

1. *Gái*: vợ (nói chung). Bà: vợ lang đạo, quan lại

Phạt ba mươi gà cong cựa cùn đuôi,
Lang cun nào thiếu người là tội nặng.
Đạo Tu Liêng đầu hôm nghe bực,
Sáng ra nghe buồn,
Than thân trách phận,
Chửi vía mắng thân:
– "Thân sao khổ thế này, hỡi kiếp!
Thân người kiếp bạn có con gái
Sớm đi hái đỗ lấy cà,
Chiều về thương cha mến mẹ.
Thân người kiếp bạn có con trai,
Sớm cầm nỏ lên đồi bắn chim,
Chiều về săn muông đuổi cá.
Còn ta người một tuổi một già,
Hoa một ngày một héo,
Con nào cũng con gái,
Lớn nào cũng lớn nàng[1]
Khốn thân ta dường này, hỡi vía!
Hại kiếp ta dường này, hỡi trời!"
Nàng con gái cả, con gái hai thấy vậy hỏi rằng:
– "Bố lo việc chi,
Cơm không chịu ăn,
Nước không chịu uống,
Cửa cao nhà rộng, bố chẳng chịu ngồi!"
Nàng Út Lót hỏi rằng:
– "Bố lo chi trầm ngâm,
Đêm nằm không bén chiếu?
Bố lo thiếu việc vua,
Bố lo thua việc quan,
Hay bố phàn nàn,
Không có con trai nối quyền cầm chức?"
Đạo Tu Liêng nói rằng:
"– Thương mơi, con ơi!
Bố phải phiên chực phiên chầu,
Chẳng biết lấy ai đi hầu vua ông cho thay mặt cha,

---

1. *Nàng*: ở miền núi, tiếng "nàng" chỉ dùng để gọi con gái nhà lang (dù vừa lọt lòng hay đã có cháu chắt vẫn gọi là nàng).

Chẳng biết lấy ai đi hầu vua bà cho thay mặt mẹ!"
Út Lót thưa rằng:
– "Thương mơi, bố ơi
Bố chẳng lo chi cùng chi!
Nhà họ có con trai,
Họ lấy con trai nối nóc;
Bố không có con trai,
Bố lấy con gái nối đời;
Bố cho chị đi thay mặt bố
Chị đáng đi chầu chợ
Chị đáng đi chầu hàng,
Chầu vua lang thay cho bố mẹ"
Hai chị liền bảo nàng Út Lót:
– "Không, không đâu, em ơi!
Chị sinh trước nhưng mà chị kém,
Em sinh sau nhưng mà em khôn;
Em đến đây để chị nói một đàng thương mẹ,
Em ngồi lại để chị nói một lẽ thương cha.
Vàng bạc ngọc ngà, sau này hai chị không lấy;
Từ sanh đồng, chén ngọc,
Ang bạc, trâm vàng,
Vò rượu lớn cắm một ngàn hai trăm cái cần
Chiêng vàng đánh ngân vui hơn bể réo,
Cây cột khảm trai xà ngang khéo đẽo,
Khung cửi dệt gấm, sân ảng vui chơi[1]
Cái chảo tám quai, con ruộng mười hai máng nước,
Từ cái cối đá, cái chày gỗ kiêng[2]
Của bố ngày nuôi binh vỡ ruộng,
Của mẹ ngày nuôi binh dựng mường.
Thửa ruộng cả ruộng to chân làng nhiều phân lúa tốt
Trâu đực lớn nhà ta ăn đầy bãi giữa,
Trâu cái chửa nhà ta ăn đầy bãi ngoài.
Hai chị nhường cho em gái út.
Chị chỉ xin một cái võng mui rồng,

---

1. *Ảng*: sân đất ở nơi quang đãng, nơi tụ họp vui chơi chung.
2. *Kiêng*: loại cây có nhiều gai nhưng gỗ chắc và dẻo, dùng làm chày giã gạo không bị toe đầu.

Để chị đi nhà chồng che mưa che nắng!"
Nàng Út Lót nói với hai chị rằng:
– "Đồ vàng đúc hình con chim cắt,
Nó sẽ bay về đất cun Bi[1];
Đồ bạc chạm con từ qui,
Nó sẽ bay về đạo Páng[2]
Trâu đực đẩy áng,
Bò lang đẩy đồng,
Từ vũng sâu vũng nông,
Đến ruộng to ruộng rộc,
Chén ngọc, chiêng vàng.
Của bố mẹ để lại,
Chín trăm vạn mười ngàn,
Chỉ hòng mất, chị em ta cũng không hòng được[3]
Chị ơi.
Ta phải thay mặt bố mà đi phiên chực,
Thay mặt mẹ mà đi phiên chầu,
Đợi về sau cho trời chứng kiến"

Rồi tháng Hai đã đến
Tháng Ba đã sang
Tháng nhá quả mơ vàng[4]
Đạo Tu Liêng gọi ba con gái cô nàng đi ra ngậm giấy[5]
– "Ba con làm một bài thi cho bố được thấy,
Ba con ngậm giấy cho bố được xem"
Nàng cả nhả ra giấy đã ướt nhèm,

---

1. *Bi*: Mường Bi tỉnh Hòa Bình.
2. *Đạo Páng*: ông lang ở mường Páng, mường Páng hiện nay ở vùng Phú Lệ, huyện Quan Hóa (Thanh Hóa).
3. *Chỉ hòng mất cũng không hòng được*: theo tục lệ nhiều vùng phong kiến Mường ngày xưa, nhà dân nào không có con trai khi chết toàn bộ của cải thuộc về nhà lang đạo địa phương; nhà lang đạo nào không có con trai, khi chết, toàn bộ tài sản cũng thuộc về lang đạo khác (con gái không được quyền chia hưởng gì).
4. Nhiều bản chép là "Tháng Tám, tháng Chín nhá quả mơ vàng". Bản của Đinh Sơn ghi là "tháng Tám..." nhưng nhiều bản lại ghi là "tháng Giêng tháng Hai..." nếu có mơ vàng thì phải nói là "tháng Hai tháng Ba" mới đúng.
5. Đây là một cách của đạo Tu Liêng thử các con gái cho ăn mơ rồi mới bắt ngậm giấy để xem cô nào biết ứng biến giỏi hơn.

Nàng em thứ hai, ướt còn một nửa;
Nàng Út Lót khôn ý khéo tứ:
Giấu vào nách lấy ra còn nguyên,
Như cất trong rương,
Như tờ lụa chuối,
Bố nói rằng:
– "Trông đi nhìn lại,
Chỉ con gái út nhà ta là ngoan,
Đáng đi việc vua việc quan cho thay mặt bố".
Sắp đến ngày đi chầu,
Đạo Tu Liêng lại âu sầu buồn bực;
Lo trắc lo trở
Thở ngắn than dài,
Nàng Út Lót mới làm giả con trai
Mặc áo dài, đầu chít khăn nhiễu,
Ngồi chiếu móng ngoài[1]
Bố tưởng khách đến chơi, mới nói:
– "Chẳng biết khách cụ Mường Mông[2]
Hay khách cụ mộng Mường Khương?[3]
Bảo đứa lớn làm chi trong cửa,
Bảo đứa thứ làm chi trong nhà
Không lấy chiếu hoa đi ra mà dát[4],
Không vác chiếu cạp đi ra mà ngồi?"
Nàng Út Lót, thử tiếng đã rồi,
Thử lời đã đủ,
Miệng cười nụ mới nói cho hay
Bố già còn ngớ ngớ ngây ngây:
– "Ai biết chuyện thế này, hỡi vía,
Ai hay phúc còn để cho ta, hỡi trời."
Liền bảo mọi người rằng:
"– Đồ những niếng ba họng[5]

---

1. *Móng*: cửa sổ nhà sàn, còn gọi là vóng.
2. *Mường Mông*: nay ở Cẩm Thủy, Thanh Hóa.
3. *Mường Khương*: nay là xã Trung Hạ, huyện Quan Hóa. Những tên mường dùng ở đây chỉ có tính cách là một lối nói phiếm chỉ.
4. *Dát*: trải.
5. *Niếng ba họng*: niếng là loại nồi đồng, cổ rất cao để đặt chõ xôi. Niếng ba họng là loại niếng to, có thể đặt ba chõ cùng một lúc.

Dóng những cồng ba ngôn[1]
Không ai cầm kiểu quạt như ông Lãi Nhạ[2]
Chẳng ai biết mặc áo dài cân,
Trên nhà dưới sân
Chẳng ai vun vân giống tướng.
Còn giống tướng chỉ có con gái út,
Con ta đáng đi chầu hàng,
Bố may cho con cái quần kẻ sang
Để cho con giả làm người Tảo[3]
May cho con cái áo,
Để con đóng giả trai,
Sắm khăn đai lụa vàng để con giấu vú,
Con phải giấu một ngày cho hay một tháng
Giấu một tháng cho rạng một năm.
Đi đường xa xăm đừng cho người chung chạ.
Thấy con người vui anh đùa ả ban đêm,
Mà khi cứng khi mềm như cơn gió cuốn
Thấy con người vui bè đùa bạn ban sớm,
Con ta mới vui bè đùa bạn ban ngày,
Con rời chân đi cho hay, chóng ngày trở lại.
Đi ra đất nhiều trai lắm gái,
Nhiều sông lắm sào[4],
Cảnh hoa đào, ong qua bướm lại.
Con gái ta nhớ mãi lời cha!"
Đầu hôm, ông đạo Tu Liêng cho đánh một hồi trống ba,
Sáng ra cho đánh một hồi trống chín;
Chức việc binh mường chạy đến đầy cửa đầy nhà,
Kẻ trình qua,
Người bước ra thưa lại:
– "Nhà lang tôi có việc chi bối rối
Có việc chi vội vàng,
Có giặc muốn đánh sang,
Hay nhà tôi muốn tìm đàng phương xa kén rể?"

---

1. *Ngôn*: ú chiêng, núm chiêng.
2. *Ông Lãi Nhạ*: chưa rõ nghĩa là gì, chỉ biết ở Cẩm Thủy có mường Nhạ.
3. *Người Tảo*: người Kinh.
4. *Sào*: sông.

Đạo Tu Liêng nói:
– "Không có việc chi bối rối,
Không có việc chi vội vàng,
Ta muốn cho cô nàng
Đi chầu hàng, chầu vua lang đường xuôi kẻ chợ
Gạo trắng bay đâm cho đầy một trăm ống cả,
Gạo lống bay giã cho đầy một trăm sọt nan[1],
Ngày mai theo cô nàng trẩy sớm.
Ở nhà, bay gọi là "nàng",
Ra đường bay gọi ông lang Mường Đẹ[2]
Gặp người Thái bay giữ cho kín mọi lẽ,
Gặp người lạ, bay giữ cho kín mọi đàng;
Chớ ăn nhảm nói quàng mà vua xử chém!"
– "Thương mơi, con gái út lại đây!
Bố muốn chọn cho con một người rể hiếm,
Chọn một đứa rể chiếm trước lúc con đi xa[3]
Để ở nhà nó nuôi bố mẹ"
Út Lót vội thưa mọi lẽ,
Rằng:
"Không, không đâu, bố à!
Việc xây dựng cửa nhà, bố cho con chọn lấy,
Bố mẹ ở nhà,
Xin đừng nhận buồng cau nhà người khéo trái,
Xin đừng nghe mối lái nhà họ khéo lời,
Đi đường xa xôi rồi con kén chọn.
Nơi đẹp sông còn mong lành hón
Nơi tốt nón còn chọn lành quai,
Về ngay mai, vừa lòng bố mẹ".

Bấy giờ,
Nhà đạo Tu Liêng đã sắm no mọi thứ,
Đã tính đủ mọi đàng,
Để con út đi chầu vua lang kinh kỳ xa vắng
Bố hỏi rằng:

---

1. *Lống*: gạo tốt, lớn hạt.
2. *Mường Đẹ*: nay thuộc xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành (Thanh Hóa), tên chữ ngày xưa là Quảng Tế.
3. *Rể chiếm*: rể ở gửi tại nhà vợ.

– "Con tôi cưỡi ngựa đực trắng,
Hay con đi võng giá kiệu rồng,
Dao nắp bạc hay gươm vỏ đồng,
Tùy ý lòng con tôi chọn lấy.
Ngựa đực nhà ta ăn đầy bãi
Ngựa cái nhà ta ăn đầy ba quả đồi,
Con nào đáng ngồi để cha sai xếp đặt?"
Út Lót thưa rằng:
– "Đi ngựa cái làm cho chi thêm đau tức
Đi ngựa đực làm cho chi thêm đau hông,
Con đi võng giá kiệu đòn rồng
Vừa râm mưa lại vừa kín nắng".
Con gà trống đen đã gáy tan đêm vắng,
Con gà trống trắng đã gáy cho mau rạng ngày,
Binh mường đã áo đủ gạo đầy để đi trẩy sớm
Nàng Út Lót xuống sân kêu rằng:
– "Trời ơi là trời!
Ma ơi là vía!
Bố tôi không có cơm căm, phải ăn cơm móc;
Không có con trai nối dọc,
Bố tôi phải lấy con gái nối đời;
Xin trời hãy chứng!
Đã nguyện, xin chứng cho chuyên,
Cầm chức cầm quyền cho bố tôi được cậy!"
Rồi nàng thưa cùng bố mẹ:
– "Bố cùng mẹ ở cửa cùng nhà,
Để con đi hầu vua ông cho thay mặt cha,
Ra đi hầu vua bà cho thay mặt mẹ.
Đủ năm đầy tháng
Đủ chín tháng mười hai năm,
Đủ chín năm mười hai tháng[1]

---

1. Bản của Đinh Sơn ghi là "ba năm".
Chín năm mười hai tháng... chín tháng mười hai năm: đây chỉ là một cách nói, có nghĩa là một thời gian dài, chứ không hẳn là thời gian đúng như vậy. Trong nhiều bài xường ở vùng đồng bào Mường cũng thường gặp thành ngữ này. Ví dụ: "Anh đợi em đã chín tháng mười hai năm..." hoặc "Đôi ta quen nhau đã được chín tháng mười hai năm tròn – Đã được chín năm mười hai tháng đủ..."

Bố mẹ ở nhà,
Trời mưa đừng nhớ lặng[1]
Trời nắng đừng thương
Đừng tưởng người đi xa đất xa phương,
Xa phủ xa mường,
Mà thấy quạnh vắng!"
Bố mẹ còn dặn mọi lẽ,
Còn vẽ mọi đường:
"– Con Út của bố mẹ ngoan
Hãy lên đàng cho mạnh giỏi.
Binh ơi, mường ơi!
Đừng ham chơi mà tối
Đừng ham nhởi mà trưa[2],
Đất nước mường này không mưa cũng nắng.
Đường đi còn xa lắm, con ơi,
Mặt trời đã cao, con đi cho chóng tới!"

Minh Hiệu *sưu tầm, biên dịch*
(Trích Tuyển tập truyện thơ Mường (Thanh Hóa) Tập 2 – Nxb Khoa học Xã hội – H.1986)

DÂN TỘC TÀY

TRUYỆN CHIM SÁO
(trích)

Đây là một truyện thơ viết bằng chữ Nôm Tày – Nùng, dài 373 câu thơ. Chuyện kể lại tình bạn giữa một con chim sáo và chú bé Trương Anh mồ côi nghèo khổ. Chim sáo thương cảnh ngộ Trương Anh, lẻn vào kho nhà trọc phú Quý Tử lấy vàng bạc về cho Trương Anh. Mất của, bọn nhà giàu rình và bắt được chim sáo, chúng bèn mang "thủ phạm" lên tận kinh đô, kiện trước cửa "quan trạng nguyên

---

1. *Lặng*: nguyên văn là "lắng", có nghĩa là nhớ. Ở đây dịch là "nhớ lặng" để giữ vần với câu tiếp theo.
2. *Nhởi*: chơi.

phò mã". Trạng nguyên sai vặt trụi lông sáo để trị tội. Chim sáo căm lắm, trở về bàn cùng Trương Anh rồi cùng lên kinh đô, lập mưu làm trạng nguyên bị nhục và mất vàng bạc để chuộc tội.

Tác phẩm mang màu sắc dân gian rất rõ. Trong truyện, cái chân lý "chỉ những ai nghèo khổ mới biết thực sự thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, còn bọn vua quan và nhà giàu thì bao giờ cũng câu kết với nhau để áp bức bóc lột người nghèo khổ", cũng như cái chân lý "bọn vua quan, bọn nhà giàu muốn thế nào rồi cũng phải thua mưu trí của người nghèo khổ" được tác giả khẳng định dứt khoát bằng những câu thơ mộc mạc, sâu sắc.

Đoạn trích dưới đây kể lại cảnh chim sáo bị kiện trước cửa quan và cảnh chim sáo dùng mưu để rửa hờn (BBS).

. . . . . .

Đoạn này nói nhà vua tướng cả[1]
Chính là quan phò mã rể vua
Ngày rỗi ra vui đùa chơi diều
Thấy trưởng giả mang sáo đến nơi
Phò mã hỏi đầu đuôi mọi sự,
– "Trưởng giả đến trình xử chi đây?"
Quý Tử trước mọi người kể lại
– "Có việc chưa từng thấy lạ thay
Sáo vào kho ban ngày trộm bạc
Tôi hỏi nhưng chẳng được duyên do
Nó bảo đến trước vua sẽ nói
Sự lạ đời khôn hỏi mối manh
Cho nên phải lên kinh là thế".
Phò mã bèn mau lẹ hỏi han:
– "Ơ! Sáo ở nhàn san khoáng địa[2]
Ăn các loài giun dế thừa no
Sao lại trộm bạc kho trưởng giả?"
Sáo liền khen: – "Phò mã quan trên
Trời sinh vị trạng nguyên thật đáng
Tôi ở nơi nhàn khoáng ăn giun

---

1. Ý nói: viên tướng (hoặc quan) chức quyền cao nhất của nhà vua.
2. Tiếng Việt trong nguyên văn, có nghĩa là "núi vắng đất trống", ý nói là ở nơi phóng khoáng, nhàn nhã.

Trông thấy việc thế gian chênh lệch
Người giàu bạc vàng tích vô vàn
Kẻ cam chịu nghèo nàn lận đận
Bao nhiêu nỗi đòi đoạn xót xa
Nên tôi bay vào nhà lấy bạc
Mang đặt trên đường chỗ ngã ba
Kẻ nghèo khó đi qua được đỡ
Nay tôi quên mất chỗ phân chia
Bảo thu hồi thật thì không nổi".
Trạng lặng yên ngẫm ngợi mà rằng:
– "Chim sáo đã khôn ngoan nói thật
Cứ theo lời nói ngọt không ngoa
Nếu giết đi cũng là mất xác
Việc này nên khu xử thế nào
Để ta liệu tính sau xem vậy".
Sáo nghe quan phán dạy, trình van
– "Ơn người thật là quan liêm chính
Rủ lòng thương tính mệnh súc sinh".
Phò mã nghe đinh ninh mới nhủ
– "Ngươi trộm bạc ông xã[1] đã nhiều
Tội này đáng đầu bêu tội chết
Bởi lòng ta vốn nết hiền lành
Tha cho ngươi tội hình chết chém
Thân ngươi mắc tội phạm, chẳng không"[2].
Truyền quân sĩ vặt lông lập tức
Quân hầu đứng sau trước dạ vang
Túm lấy sáo vặt lông rối rít
Sáo giẫy giụa la hét kêu đau
– "Vặt lông tựa chém đầu, cực quá!"
Trưởng giả cùng phò mã cười ồ
– "Vì ngươi trộm của kho nhiều bạc
Vặt lông để diều cắt mổ thây!"
Sáo bị nhục đắng cay khôn kể
Người chia tay mỗi kẻ một phương
Trưởng giả về Chiết–Giang quê cũ

---

1. Chỉ lão trưởng giả bị mất trộm.
2. Ý nói: nhất định là sáo có phạm tội thực, chỉ tha không giết mà thôi.

Phò mã về vương phủ cung trong
Bỏ mặc sáo long đong trên đường.

*

Đoạn này lại nói sang chim sáo
Bây giờ lông mất ráo, trụi trơ
Nghĩ buồn bực ngẩn ngơ tấc dạ
Bao giờ về đến xã Ngô Giang
Lo trăm mối ngổn ngang bứt rứt
Nỗi lòng đau ruột xót buồn thiu
Rủi gặp cáo gặp mèo hết kiếp
Dặm xa đi len lét nghĩ thầm
Tại vì mình tham lam quá mức
Cho nên phải khổ nhục thân hình
Ra nắng như đem mình hơ lửa
Mưa rào không còn có lông che
Phải chui bụi những khi gặp cắt
Khổ nào hơn lại gặp sông sâu
Bỗng thấy lá mùng[1] trôi sát bến
Nhảy lên đậu chắc chắn đứng yên
Bám lá, bụng bao niềm lo ngại
Toan lấy cánh làm cái mái chèo
May mắn lá xuôi chiều cập bến
Sáo nhảy ngay lên cạn về dần
Vài ngày sau đến sân nhà cũ.

*

Đoạn này nói phần chủ Trương Anh
Nhà cửa rất đường hoàng giàu có
Vài dặm khu phú hộ dọc ngang[2]
Nhiều thóc gạo, bạc vàng, của cải
Nay phong lưu vui thú mọi niềm
Nhớ ngày sáo đi tìm bạc của
Khá lâu sao chưa trở lại nhà
Lo trăm mối gần xa man mác

---

1. *Lá mùng*: lá một loài cây giống khoai sọ; dọc mùng ăn được.
2. Ý nói: nhà cửa giàu có, khu nhà ngang dọc san sát tới vài dặm đường.

Hoặc là bị bỏ xác tha phương
Hay rắc rối trên đường gì hẳn
Nên tin về bỏ ấng sớm trưa
Tựa cửa, người ngẩn ngơ, ngơ ngẩn
Tin về sao kéo hạn dài ra
Lúc ấy, sáo nhà ta đến cổng
Bước vào sân lên giọng kêu la:
– "Mau đón em vào nhà, anh hỡi
Lìa nhau vài tháng tới nay rồi
Buổi sinh ly bùi ngùi giờ khắc!"
Trương lòng mừng đón tiếp nhanh chân
Nhìn thấy sáo trụi trần lông cánh
Bèn vội hỏi nghịch cảnh băn khoăn:
– "Sao bị thương đến thân, ngán ngẩm
Cánh lông xưa mượt ông đâu rồi?"
Sáo thuật lại khúc nhôi từng bước:
– "Làm ăn không tính trước đề phòng
Oan uổng bị dây tròng thắt cổ
Bắt được, chúng hăm hở định băm
Em lập mẹo giữ thân, bảo chúng
Rằng giết tôi thì bạc mất không
Ý chúng chỉ những mong tìm của
Bèn đưa lên vua chúa kinh kỳ
Lúc trạng nguyên ra đi dạo mát
Gặp nhau ngay ở trước cổng thành
Trạng nguyên hỏi sự tình bằng cớ
Quý Tử trình mọi sự duyên do
Việc này bọn họ cho lạ nhất
Rằng em trộm bạc thật việc to
Trạng nguyên mới hỏi đò cặn kẽ
Lời to nhỏ mọi lẽ em than
Thân em ở nhàn san cổ tự[1]
Trông thấy điều lạ sự thế gian
Người nhà giàu vô vàn vàng bạc
Lẻn chui vào ăn cắp lấy ra

---

1. Tiếng Việt trong nguyên văn. Ý nói: ở nơi núi nhàn, chùa cổ, không màng tới việc đời bon chen vất vả.

Đặt để chốn ngã ba đường cái
Giúp người nghèo qua lại có tiêu
Nói đủ lẽ phải điều phải phép
Chúng vặt lông không khép tử hình
Sự này em thực tình căm giận
Đợi ngày lông mọc kín hãy hay".
Cơn buồn một ngày tày một tháng
Lông mọc dần mượt nhoáng hơn xưa,
Sáo gặp Trương, trình thưa công việc:
– "Em lên kinh quả quyết báo thù
Lấy vàng bạc ngọc châu của trạng
Dù có khôn như hạng người trời
Ta cũng có khác đời mưu kế".
Trương cùng sáo tính kỹ ngọn ngành
Rồi vượt xứ lên kinh tức khắc
Thầy trò cùng cất bước thêm vui
Sáo đậu trên vai người cùng trẩy
Vài ngày sau lên tới kinh đô
Nằm quán trọ bến đò Vinh– Thủy
Nghỉ ngơi rồi bố trí mưu hay
Trả thù việc trước đây cho hả.

*

Đoạn này nói phò mã rể vua
Ngày rằm đi lễ chùa hàng tháng
Cho đón về *then pụt*[1] bốn phương
Cầu phúc đức lo lường hậu thế
Sáo dò biết sự thể rành rành
Vội đến chỗ bay quanh xem kỹ
Thấy trạng nguyên quỳ lạy đang cầu
Lúc vái xuống cúi đầu khấn khứa
Sáo lẻn vào nấp ở phía trong
Thấy pho tượng rỗng lòng chui lọt
Sáo tức thì chui tọt ngay vào
Chui lên đứng trong đầu tượng phật
Lên tiếng to mắng quát trạng nguyên:

1. *Then, pụt*: thầy cúng, những người làm nghề cúng bái.

– "Ngươi sắp mắc oan khiên, biết chứ?"
Trạng giật mình nhòm ngó mọi nơi
Nghe ngóng khắp trong ngoài xó xỉnh
Không thấy chi động tĩnh mảy may
– "Tiếng người nào nói đây lanh lảnh
Hay là trời phật thánh giáng lâm
Hoặc Tam Bảo xuống trần dạy bảo
Rành rành đang gọi đúng tên mình!"
Trạng rụng rời hồn kinh đảm thất[1]
Chắp tay cúi tận đất lạy van
Tượng chùa phán từng cơn đanh thép:
– "Trạng mày tội đáng giết không sai
Mày có biết tội mày đáng chết?"
Trạng rằng: – "Tôi tự xét thân tôi
Có lẽ không làm chi nên vạ
È phật thánh nói quá cho chăng?"
Tượng liền nói thẳng băng cho hiểu:
– "Vừa qua mày bắt sáo vặt lông
Nó là loài ở trong rừng rú
Biết thương người nghèo khổ khốn cùng
Lấy bạc kho phú ông ra thí
Lòng nhân nó biết quý con người
Can chi vặt lông loài cầm vũ
Tội mày đáng xử tử, không dung!"
Trạng cúi xin: – "Thượng đế rộng tha
Để tôi sống quốc gia thong thả".
Tượng phán lời sắt đá như sau:
– "Mày muốn sống dài lâu phải liệu
Nhổ lông mày từng cái sạch trơn
Phải làm ngay, khôn hồn đỡ tội!"
Trạng nguyên vội quỳ gối án hương
Tay nhổ, tay cầm gương soi mặt
Nhổ lông mày nước mắt vọt ra
Mỗi cái lông rất là đau khổ
Mặt dài như mặt ngựa không dàm[2]

---

1. Tiếng Việt trong nguyên văn, ý nói: kinh sợ rụng rời.
2. *Dàm*: rọ bịt mõm loài vật để chúng khỏi ăn bậy hoặc cắn bậy.

Ai thấy cũng bưng mồm cười khinh
Tượng lại nổi lôi đình thét Trạng:
– "Phải mười gánh bạc trắng cúng chùa
Mới mong sống được cho yên ổn
Bằng không thì thọ tổn bỏ đời!
Trạng đành vội vâng lời nộp bạc
Để thân sống cung các ngày xuân
Trạng sai chuyển kim ngân cúng Phật
Và cho đem yết bảng cổng ngoài
"Chùa này cấm không ai được đến"
Trạng lễ tạ, bèn lên về ngay.

*

Sáo mừng thầm mẹo bày kết quả
Bay về nơi quán xá bảo Trương:
– "Bây giờ ta lại càng khỏe khoắn
Trạng nguyên kia thân hắn nhuốc nhơ
Nhổ lông mày trơ trơ trụi trụi
Nhác trông vào mặt mũi khó coi
Hình dáng thật vừa tồi vừa bẩn
Trước kia từng vặt nhẵn lông chim
Nay đến lượt thân mình chẳng kém
Lại mất bạc, bia miệng đồn vang
Ta được thêm bạc vàng khấm khá
Trạng nguyên làm phò mã rể vua
Khôn ngoan gì, còn thua chim sáo
Đoạn cùng Trương về nẻo Ngô Giang
Đời đời hưởng giàu sang trọn vẹn.

*

Bút chép lưu câu chuyện làm bia
Kẻ giàu chẳng thiết chi người khó
Gương đời xưa còn đó soi chung.

Hoàng An Định
sưu tầm, dịch

NAM KIM – THỊ ĐAN

(trích)

Nam Kim – Thị Đan là một bản cáo trạng bằng thơ, lên án nạn ép duyên phổ biến trong xã hội dân tộc Tày – Nùng xưa kia. Cốt truyện không ly kỳ, tình tiết không phức tạp, chỉ là truyện của đôi thanh niên nam nữ nghèo khổ và mồ côi yêu nhau tha thiết, nhưng cô gái bị bà mẹ buộc phải lấy một người chồng mà cô không hề yêu. Sau những lần gặp lại người yêu cũ mà kết quả vẫn là không tìm ra lối thoát – cô gái đau khổ héo hon đến lìa bỏ cõi đời.

Lời thơ của tác phẩm mang tính tự sự bình dị nhưng ở nhiều chỗ, tác giả khuyết danh đã khéo khêu gợi những khía cạnh tình cảm sâu xa, làm rung động lòng người. Vì vậy, tác phẩm được yêu thích rộng rãi.

Hai đoạn trích dịch sau đây miêu tả cuộc gặp mặt cuối cùng của đôi người tình xấu số và cái chết của cô gái chung tình (BBS).

. . . . . .

Đoạn này nói một thân rầu rĩ
Ngày vắng chợt nhớ tới người yêu
Tháng Một, Chạp, sương tỏa núi đèo
Sương tuyết xuống chân tay rét buốt
Ngày mùng mười, Nam Kim ra đi
Một mình đi chợ
Nhớ bạn bè rẽ núi đèo đến thăm
Mặt trời lặn, về tới bản
Đoạn gặp bạn ở nhà
Thị Đan lau nước mắt
Nam Kim chưa kịp nói một lời
Thị Đan lại lệ rơi khóc lóc:
– "Làm sao mới như thế, hỡi trời!"
Cách nhau người một nơi về gặp
Nghĩ thân mình đau lòng mọi khúc
Thấy Nam Kim, nước mắt ròng ròng
Hôm nay về được gặp mặt nhau
Xa nhau lâu gần thành như bỏ
Hôm nay được ở chung nhà
Không được nói một lời bày tỏ

Gặp nhau ở chỗ đông người
Không thể nói một lời nào được
Khắc ngẫm nghĩ trong lòng đau xót
Ngồi nhìn nhau khó nói nên lời
Sáng mai, chàng lại đi chợ sớm
Gà gáy dồn, trời sáng đến nơi
Ngủ không say, nàng dậy nấu cơm
Nắm cơm sẵn cho chàng đi chợ
Sáng tinh mơ đầu nhà trước cửa
Đánh thức chàng dậy rửa mặt
Nàng dọn cơm lên bày giữa nhà
– "Em hỡi, ăn cùng nhau một bữa!"
Nam Kim mời nàng ngồi vào mâm
Dù không ăn nhìn nhau cũng no
Lòng đôi ta trao gửi đã lâu
Lẽ nào chẳng ngồi ăn với nhau
Thị Đan ngồi trước mặt Nam Kim
Ăn xong, nàng dọn mâm rửa bát
Rồi vội sửa soạn đưa chàng ra cửa
Thị Đan đeo gạo tiễn đưa chàng
Nam Kim nói một lời chua xót:
– "Thôi em ạ, để anh đi một mình"[1].
Nghe lời nàng lại thêm buồn
Xách cơm nắm lên núi với chàng
Vừa đi vừa cùng nhau trò chuyện
Phút chốc trời đã ngả về trưa
Thị Đan mời chàng ngồi xuống
Để em đôi lời từ biệt
Nam Kim bỗng rầu ruột se lòng
Bẻ cành lá cùng ngồi với nàng
Rồi cất tiếng nói chuyện với nhau
Lúc này chia tay chốn rừng xanh:
– "Em hỡi, còn tiễn anh làm chi
Đôi ta đã chẳng lấy được nhau
Em đã có chồng rồi

---

1. Đoạn này tả việc Nam Kim tới nhà Thị Đan, khi Thị Đan còn chưa phải về nhà chồng.

Thân anh chẳng thành đôi mặc anh
Em còn thử lòng anh làm chi
Có lẽ nào còn thương nhau thật
Miệng khôn ngoan đãi nhau thêm buồn
Nếu quả thật em còn thương anh
Em hãy dậy, gọi trời gọi đất
Cắt máu cho nhau uống lúc này!"
Thị Đan cắt lá cây về hứng[1]
Nàng đưa tay: – "Em xin cắt trước"
Nam Kim rằng: – "Tay em cắt sau"
Máu cùng nhau rỏ xuống
Thị Đan liền gọi đất gọi trời
Sinh ra lấy Nam Kim không được
Cắt máu xuống lá cây ta thề cùng nhau
Lúc này trời đất thấy sự lạ
Đời Nam Kim thật là vất vả
Chắp tay gọi đất trời làm chứng
Máu rỏ xuống hòa nước liền uống
Máu uống vào bụng không nhiều
Nhưng đủ rõ lòng nhau mọi điều
Thị Đan đã bủn rủn chân tay
– "Chàng đi để em đêm ngày trông ngóng!"
Lúc này chàng nói chẳng nên lời
– "Vì đâu nên nỗi này, hỡi trời
Khắp thiên hạ, mọi người trai gái
Núi ngàn ai đã thấy đôi ta
Thế nào cũng chẳng lấy được nhau
Anh dặn em cho hết lời
Yêu nhau sẽ nhìn đất nhìn trời
Nhìn bốn phương núi ngàn sương tỏa
Em sẽ trở về nhà với chồng
Ở với trời với đất đừng buồn
Anh không thành vợ chồng mặc anh
Anh dặn em đừng lo đừng buồn
Yêu nhau duyên chẳng thành thì ta đành vậy
Em hãy trở về nhà làm ăn

---

1. Hứng máu cắt ở ngón tay ra để thề bồi với nhau.

Và nhớ đến mối tình anh vậy".

. . . . . .

Lại tới đoạn nhân duyên khác xã
Thị Đan về đến nhà khóc than
Sang mùa đông Thái Quan[1] đến đón
Ngày hăm mốt tháng Chạp lên đường
Về nhà chồng thì nàng đau ốm
Nàng mới nhắn tin về quê ngoại
Nhắn tin về đến xóm mẹ cha
Cả họ hàng làng xóm gần xa
Ai còn thương đến nhà nhìn mặt
Chị gái đến hỏi hết mọi điều...
– "Làm sao em chẳng thưa chẳng nói?"
Thị Đan mới mở mắt thưa rằng:
– "Lúc này chị đến thăm em
Dầu cạn đèn không tỏ nữa[2]
Em dặn chị mọi lời mọi nhẽ
Chị hãy ở lại nuôi con
Em không còn sống nữa
Chàng Nam Kim ở khác nơi khác xã
Em gửi chị về bảo đôi lời
Dù ngày nào chị gặp Nam Kim
Chị cứ nói để chàng biết hộ
Lúc này em chết về trời
Nam Kim ở thế gian hãy liệu
Chết đi khó trở lại gặp nhau
Chị nhớ lấy, gặp chàng nhớ bảo
Gặp Nam Kim hãy nói hãy than".
Ngày ấy, Thị Đan nhắn chị
Tháng Giêng, mồng bốn, đang xuân
Lúc chết Thị Đan còn nhắn nhủ.
Muốn nhìn mặt không đợi được rồi
Nắng vàng vào giờ thân thì mất
Thị Am[3] mới gọi bảo Thái Quan

---

1. Tên người chồng của Thị Đan.
2. Ý nói: vì thất tình, bị ép duyên nên không thể sống được nữa.
3. *Thị Am*: chị ruột Thị Đan.

– "Em rể ơi, Thị Đan mất rồi!"
Tất cả mọi người đến trước mặt
Cùng khóc than kêu đất kêu trời
Thị Đan đã bỏ lại mọi người
Thị Am liền hết lời than khóc
– "Em về cho mả đẹp mồ yên".
Nam Kinh ở đường xa chẳng biết
Vẫn hằng yêu Thị Đan tha thiết,
Ngày trước tại số lấy Thải Quan
Ngày nay mới nhường này đau khổ
Gặp Nam Kinh yêu nhớ tinh suông
Cấy lúa chẳng thành thóc mà gặt
Hay tại số trên trời định sẵn
Thị Đan lấy chẳng được Nam Kinh
Còn làm ăn với chồng chi nữa
Ngày nay về chầu Trời chầu Phật
Mới là người vàng đá một lòng.

Nông Viết Toại
sưu tầm, dịch

DÂN TỘC THÁI

Trong kho tàng truyện thơ của dân tộc Thái, ***Sống Chụ xon xao*** *(Tiễn dặn người yêu) là một câu chuyện tình đầy nước mắt nhưng cũng thể hiện được tình yêu mãnh liệt của đôi trai gái. Dẫu trong hoàn cảnh rất éo le, tưởng như đi vào bế tắc nhưng cuối cùng họ cũng được đoàn tụ.*

Chúng tôi xin trích đoạn cuối của câu chuyện tình này với những sự bịn rịn, những lời thề thốt, đau khổ của đôi lứa và hồi kết có hậu của tình yêu.

. . . Không nói dối, mẹ anh không thả
Không nói quanh, mẹ hiền không buông
Anh yêu lại nói:
– "Không đi, con không đến
"Không đến, con không đi
" Con mẹ nay bụng đói rã rời
"Hãy nấu canh làm thuốc lại người

"Dù cơm thừa của cô vẫn tốt
"Cá em bỏ mứa càng ngon
"Xôi lạnh queo đáy giỏ càng bùi
"Súng đẹp, súng bền chắc
"Nỏ đẹp, tên thuốc nhọn, bước lên
"Con sẽ đi nhắm ngọn bổ quân, bắn sóc
"Nhắm ngọn dâu da, bắn chuột
"Nhắm ngọn tre xanh bắn *náy*[1]
"Nhắm ngọn sấu, bắn rơi con sóc chuyền cành"
Và dối mẹ, anh đi, đưa tiễn bạn tình!
Phút giây, một lát nhanh
Lên tràn ruộng thang, chồng quẩy gánh
Quẩy gánh qua đồng rộng
Người đẹp anh yêu cất bước theo chồng
Vừa đi vừa ngoảnh lại
Vừa đi vừa ngoái trông
Chân bước xa lòng càng đau nhớ
Em tới rừng ớt ngắt lá ớt ngồi chờ
Tới rừng cà ngắt lá cà ngồi đợi
Tới rừng lá ngón ngóng trông
Anh tới nơi, em bẻ lá xanh em ngồi
Được nhủ đôi câu, anh mới đành lòng quay lại
Được dặn đôi lời, anh yêu em mới chịu quay đi
Không quay đi, sợ chồng em sẽ pha thuốc chết
Không quay lại, sợ chồng em sẽ bỏ thuốc mê
Trâu ăn cỏ đầm sen

Khảo dị:

1112–1113 Bản B và bản C không chép 2 câu này.

1123–1125 Bản B và bản C không chép 3 câu này.

1128 Bản B, bản C và các bản khác chép:

Tới rừng lá ngón hãy ngóng trông anh, em hỡi!

Chép như vậy là sai, đây chưa phải lúc dặn dò.

1129 Bản B bỏ sót không chép câu này.

1134 Các bản khác chép:

Trâu uống nước đầm sen

---

1. *Náy*: một giống chuột rừng nhỏ, lông xám nâu, có một sọc vàng giữa mình.

Bò vừa gặm, nai vàng đến phá[1]
Hun hút trên đường, vẻ trắng trong một đóa hồng tươi!
Xin hãy cho anh kề vóc mảnh
Quấn quanh vai ủ lấy hương người
Cho mai sau lửa xác đượm hơi[2]
Một lát bên em thay lời tiễn dặn!
Con nhỏ hãy đưa anh ẵm
Bé xinh hãy đưa anh bồng
Cho anh bế con dòng đừng ngượng
Nựng con rồng, con phượng đừng buồn
Bé ngoan giống bố không?
Hay là bé giống chú?
Giống bên họ mẹ trắng hồng?
Hay má lúm như người tình cũ?
Hãy đưa tay cho anh đeo nhẫn
Nâng cánh tay cho anh tra vòng
Tra vòng này vòng nén[3], bé ơi!

Khảo dị:

1135 Bản C chép:
Bò vừa gặm, hươu nai đến phá
(có lẽ hợp lý hơn)

1139 Các bản khác chép:
Cho mai sau hoi đôi ta quyện trong lửa xác

---

1. Nai vàng: nai quý. Phải chăng câu này có ý tự ty, ví mình như *bò vừa gặm* bị kẻ tình địch như *nai vàng đến phá*.
2. Người Thái đen có tục hỏa táng (thiêu xác). Muốn xác cháy đượm, cần có hơi hương của người thân yêu nhất. Người ta đốt cùng với xác chết khăn, vải, áo lót hoặc hai, ba sợi tóc của người thân, coi như thêm dầu cho giàn hỏa. Người ta tin rằng kẻ cô đơn, không người thân thiết, xác thiêu không cháy hết, còng queo, dang dở, vong hồn không siêu thoát. Câu thơ ý nói: Không lấy được nhau coi như suốt đời không còn có ai thân yêu, đành mượn hơi hương da thịt người yêu ngay từ lúc này để mai sau có chết cũng không đến nỗi thành kẻ cô quạnh, lửa xác được nhờ hơi hương ngày nay mà cháy đượm, vong hồn được siêu thoát.
3. *Vòng nén*: vòng nặng một nén. Cũng có thể có ý nói vòng đúc bằng bạc nguyên nén, bằng bạc tinh, không lẫn tạp chất.

Mà nay, tre sậy ngả vàng lá rụng
Đám trứng sâu đã nở bướm rồi
Bướm nở rồi, bướm lượn bướm bay
Anh yêu em, lẽ tiễn đưa em đến tận nhà chồng
Nhưng chim chích trên cao lượn vòng gọi anh quay lại, anh quay lại
Chim nhạn dưới thấp bay quanh nhủ anh quay đi, anh quay đi
– "Chào chốn rừng xanh nơi thường lui tới
"Nước đập bè chìm
"Sóng xô bè vỡ
"Bè chìm trôi ba suối mất rồi[1]
"Đôi ta yêu nhau chưa trọn một ngày
"Chưa đầy một khắc
"Của không mua lẽ đâu được giữ liền tay
"Chỉ cá liền với nước
"Chỉ lúa liền với ruộng
"Tiễn đưa em, thôi anh quay lại, em ơi!"
Em yêu bèn nói:
– "Đừng vội anh, đừng vội
" Sao *Khun Lú*[2] trên trời còn đợi
"Áng mây kia vương vấn còn chờ

Khảo dị:

1154 Bản B chép: *Bướm nở rồi cánh vàng bướm lượn.*

1158 Bản C chép: *Chào chốn rừng to thường đến*
Nơi rừng rộng thường vẫn tới lui

1161 Các bản khác chép: *Bè hút vực sâu khó ra*

1171 Bản C chép: *Hoa cỏ trên trời còn hé nụ trông*

---

1. *Ba suối*: ba nhánh của một dòng suối. Câu thơ ngụ ý nói tình thế đã trở nên tuyệt vọng.

2. *Sao Khun Lú*: do tích truyện cổ *Khun Lú Nàng Ủa* (Chàng Lú nàng Ủa) của dân tộc Xá. Chàng Lú và nàng Ủa yêu nhau tha thiết từ nhỏ, lớn lên nàng Ủa bị cha mẹ cưỡng gả cho một tù trưởng có thế lực. Cả hai cùng tự vẫn, kiện lên đến trời. Nhưng chính trời lại là kẻ chủ mưu trong câu chuyện oan trái này. Họ bị đầy thành hai ngôi sao, mỗi ngôi sao đứng một góc trời, mãi mãi trông đợi nhau mà không được gần nhau. Một ngôi là sao Khun Lú, một ngôi là sao Nàng Ủa. "Hai ngôi sao" này người Kinh cũng thường quen gọi là sao Hôm, sao Mai nhưng thực ra chỉ là một hành tinh Vệ Nữ trông thấy vào lúc đầu đêm, cuối đêm (hành tinh Vệ Nữ còn được gọi là sao Kim).

"Đôi ta xa nhau dằng dặc nỗi niềm tưởng nhớ
"Mưa sắp rơi ào đồng cỏ
"Đừng bỏ em trơ trọi giữa rừng
"Đừng bỏ giữa dòng sóng thác trào dâng!"
– "Thác trào dâng, ngang dòng củi vướng
"Gặp nhau đây thoắt bỗng chia lìa
"Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở
"Đợi mùa nước đỏ[1] cá về
"Đợi chim *tăng-ló*[2] hót gọi hè
"Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông
"Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi góa bụa về già
"Góa hai lần, góa ba lần
"Góa cổ cao thêm mấy ngấn
"Góa vẫn tươi giòn đỏ đắn
"Góa đẹp hơn hồi con gái trắng ngần
"Góa đẩy đà hơn thiếu nữ đang xuân!"
Lời tình tự lắng sâu trong dạ
Yêu em, anh tiễn đưa em về tới tận nhà
Đôi ta đập gót đường dài
Rảo gót đường xa
Đi tới rừng lá ráy úa vàng
Bước tới gốc tơ hồng[3] đầu bản
Cây *sổ*[4] bên đường nảy lộc khai hoa

Khảo dị:

1173	Các bản khác không chép câu này.
1178	Bản C và các bản khác chép: *Đôi ta yêu nhau đợi con gió mát mùa hạ*
1181–1187	Bản C chép lẫn 7 câu này lên sau câu 592.
1188	Bản B không chép câu này.

---

1. *Mùa nước đỏ*: mùa nước lũ.
2. *Chim tăng-ló*: tên gọi theo tiếng kêu của chim, một thứ chim đẹp lông màu xanh, hót vào mùa hạ, tiếng hót cao và buồn.
3. *Gốc tơ hồng*: tạm dịch theo nghĩa chữ *tốn khương cẩm*, một thứ cây leo hay mọc ở gần bản, thân vàng óng đỏ, rất đẹp.
4. *Sổ*: một loại cây to, có quả vị chua, ăn được, thường mọc ở ven đường, ven suối.

Quấn quýt vợ chồng chim nhạn
Đôi uyên ương ngấp nghé cửa hang
Hoa *áy*[1] dập dờn trôi ngang sông Mã[2]
Còn thương nhau xin sắp gối riêng chờ
Duyên phận mai sau, hoặc sẽ có ngày thỏa nguyện
Đôi ta yêu nhau, duyên *bản* duyên đừng úa
Tình *mường* tình chớ phai
Rẽ đi và qua đi
Cùng sánh vai vòng đi và thẳng tới
Núi tiếp núi chập trùng
Bãi tiếp bãi gập ghềnh
Tới gốc muỗm xanh đỉnh đèo trâu cọ
Con cọ, con vươn sừng dài quanh quất
Con quẩn quanh níu gọi anh về
Nhưng anh không về! Yêu em, anh đưa em tận *bản*

Khảo dị:

1195 Bản C không chép câu này.

1197 Bản B và bản C chép:
Hoa áy hương lừng sông Mã

1198 Bản C và các bản khác chép:
Tình yêu ta giữ kín dáy hòm

1201 Sau câu 1201 bản C chép thêm 2 câu:
Tới núi cao bán chiếu
Tới nơi họp chợ bán mây

1207 Bản C không chép câu này.

1208 Bản C và các bản khác không chép câu này.

---

1. *Hoa áy*: một thứ hoa nhẹ như hoa lau, nở và rụng khoảng đầu mùa đông, lúc nhiều gió mạnh.

2. Một trong hai con sông lớn ở Tây Bắc, phát nguyên từ vùng Bản Xẻ, Mường Lói (huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu, khu tự trị Tây Bắc, chảy dọc huyện Sông Mã (tỉnh Sơn La, khu tự trị Tây Bắc) qua một phần đất Thượng Lào, rồi qua Hồi Xuân, Thanh Hóa ra biển. Câu thơ ý nói, hoa nhẹ nổi trên mặt nước trôi xuôi theo dòng nhưng lại nổi một trận gió to đưa hoa trôi ngang qua sông rộng sông lớn; ngụ ý: Dầu khó khăn nhưng không phải là đã tuyệt vọng, vẫn có thể xảy ra những chuyện may mắn đặc biệt. Ý này được tỏ rõ thêm ở hai câu liên tiếp (câu 1198–1199).

Đồn về xuôi, tiếng đồn bằng thuyền
Đồn lên ngược, tiếng đồn bằng voi[1]
Đồn đến anh tiếng bằng núi đá
Rằng nhà chồng em:
Hoa nhà[2] vẽ hoa sen
Cột kèo đẽo đuôi én
Mép gianh bằng chằn chặn
Buồng thờ một gian riêng[3]
Dồn mười voi lên mà lạc

Khảo dị:

1210 Sau câu 1210, các bản khác chép thêm 4 câu:
Rẽ đi và qua đi
Vòng đi và thẳng tới
Thấy ba mươi người Thái bán ngựa
Ba người Xá bán chiếu kẻ đó

1213 Các bản khác chép:
Dồn đến anh tiếng bằng hoa vàng

1214 Bản C không chép câu này.

1219 Bản C chép:
Buộc mười voi cũng đủ

Các bản khác chép: *Năm chục voi dồn lên mà lạc*

---

1. Hai câu thơ ý nói: về xuôi, tiếng đồn lớn như thuyền (vì ở xuôi có sông to, bể rộng, nhiều thuyền), lên ngược, tiếng đồn lớn như voi. Dân ca cũng có hai câu cùng một ý ấy:
Đồn về xuôi tiếng đồn bằng thuyền
Đồn lên ngược tiếng đồn bằng em
(Tình cả – *Tản chụ xiết xương*).

2. *Hoa nhà (khau cút)*: hai miếng gỗ bắt chéo, đẽo thành cành hoa, sơn trắng, cắm ở hai đầu nóc nhà. Tục truyền khi người Thái ở phương Bắc di cư xuống, vì bị quân địch truy đuổi ráo riết nên phải trốn chạy nhằm vào những lúc trăng khuyết kẻ địch không thấy mà mình vẫn thấy lờ mờ đường đi. Để sau này còn tập hợp nhau được, họ hẹn nhau rằng hễ đi đâu, ở đâu thì đẽo hình trăng khuyết cắm chéo nóc nhà và sơn trắng để làm dấu hiệu, đêm trăng tờ mờ vẫn dễ tìm và nhận ra nhau. Người Thái trổ cửa theo hình cong lưỡi liềm cũng là trên ý nghĩa ấy.

3. Chỉ có những nhà thuộc dòng họ *tạo* (quý tộc) mới được ngăn riêng một gian đầu *quản* để làm *buồng* thờ. Nhà thường dân dành một khoảng hẹp cạnh chỗ ngủ của chủ nhà để làm *chỗ thờ*, không được phép ngăn riêng thành một gian.

Còn bạc nén sờ đâu cũng thấy
Bao nhiêu gỗ đều dát bạc
Bấy nhiêu lạt đều vót trơn[1]
Cột nhà phải voi kéo
Vách nhà phải voi khiêng
Khung bếp[2] đủ trồng rau muôn vườn
Còn trong nhà thả sức voi lượn
Nhà rộng mười muôn cửa
Bồ câu bay không tìm nổi lối ra
Đười ươi chạy chục ngày đêm chẳng suốt
Kịp khi đến xem
Dựng ba thân cột lau
Dựng bốn thân cột sậy
Dựng nghiêng bên vũng trâu
Dựng trống trên bãi cỏ
Dựng tám gian, vợ chồng chui vừa đủ[3]
Chim chích đậu mà xiêu
Chim ri đậu mà đổ
Gà nhảy sàn uống nước mà rung
Chó lọt đầu hở đuôi
Xuyên ngọn giáo thừa cán
Em yêu ở sao nổi?

Khảo dị:

1221–1222 Bản B và bản C chép:
Bao nhiêu gỗ đều thẳng nhàn
Bấy nhiêu múi lạt vót tron

1225–1226 Bản C chép:
Nhà rộng đủ voi quần
Sân rộng đủ tung còn

1227 Bản C không chép câu này.

1228–1229 Bản B và bản C không chép 2 câu này.

---

1. Nhà gianh, nứa, buộc bằng lạt. Bao nhiêu lạt buộc trong nhà đều vót kỹ cho trơn nhẵn phải là giàu sang, thừa thãi công sức lao động.
2. *Khung bếp*: khung đất nện bốn xung quanh đóng dóng gỗ đặt trên sàn, trên khung đất trải tro bắc kiềng đun nấu.
3. *Dựng tám gian*: một cách nói mỉa.

Người đẹp của anh ở thế nào sao đành?
Lên sàn rách sợ gẫy
Trèo sân mọt sợ sụp
Anh mới giả làm chuột lên đằng cửa sổ
Giả làm chim én chui qua kẽ mái[1]
Vụt bay vào giữa nhà
Em leo lên thang sậy
Xệp ngồi lạy bố chồng trên đầu
Nhờ chồng thương, dọn cơm cho ăn
Hai đĩa, tưởng đĩa cá
Cúi xuống, hai đĩa rau
Lỏng chỏng một bàn lớn
Không ăn đói cào ruột
Ăn vào tắc họng không trôi
Vừa ăn vừa ngứa cổ rát lưỡi
Nuốt xuống, như tên độc trúng nai
Anh dặn em, dặn cho hết lời
Nhủ lời thương, nhủ cho hết nhẽ
Bậc thang cuối nhà chồng, chớ ngồi
Ghế chị chồng ngồi, chớ đụng
Anh chồng đẹp, đừng là lơi

Khảo dị:

1243-1244 Bản B và bản C chép:
Lên đằng thang sợ gẫy
Lên đằng sàn sợ đổ

1245-1247 Bản C chép thành 2 câu:
Anh giả làm chuột lên đằng cửa sổ
Bước đến nhà trong

1261 Bản C chép:
Ghế mẹ chồng ngồi, chớ dụng

1262 Sau câu 1262, bản C và các bản khác chép thêm 2 câu:
Chiếu bố chồng nằm chớ nằm
Gối anh chồng nằm đừng dựa

---

1. Hai câu thơ có thể có ý khinh miệt, nhà rách rưới chật hẹp chỉ đáng cho chuột rúc, chim chui, không đáng để người bước vào. Nhưng việc anh ở lại với chị một thời gian sau khi chị đã về nhà chồng là một việc được chứng thực trong những đoạn tới. Ở đây, không thể hình dung rõ việc anh lên nhà chồng chị như thế nào, bằng cách nào?

Không phải bạn tình, đừng ngấp nghé
Giã gạo đừng chửi lợn
Chăn lợn đừng chửi gà
Con khóc đừng rủa con chết
Con chết bù đâu ra
Con khóc phải khẽ dỗ
Ẫm con lên khẽ nựng
Gõ cột nhè nhẹ ru
Đi nương đừng gỡ chấy
Về nhà đừng ngắm bóng trong nồi
Dỗ con đừng vội ngủ
Trái tim đừng quên tình cũ
Đi nương đừng nói xấu em cô
Đi ruộng đừng nói xấu bà bác
Nhổ mạ đừng oán trách anh chồng
Trèo núi cao đừng nói xấu bố
Ở nhà làm đừng nói xấu em
Bởi sàn sau có bà bác
Đầu *quản* có ông anh
Giường cao có bố chồng ngồi
Trái phép người, lấy gì mà xin?
Phạm luật người, lấy gì mà đền[1]!?

Khảo dị:

1267 Sau câu 1267, bản B và bản C chép thêm 1 câu:
Khóc mòn con mắt không sống lại

1273 Bản C không chép câu này.

1274 Bản C và một số bản khác chép lầm là:
Trái tim nên quên tình cũ

1277 Bản B và bản C chép:
Vào bản đừng oán trách anh chồng

---

1. Tục lệ cũ con dâu con rể làm điều gì phạm đến các phép kiêng kỵ hoặc phong tục tập quán nhà chồng nhà vợ phải soạn lễ cúng để xin lỗi, đền tội. Cúng to, cúng nhỏ tùy lượng cha mẹ và một phần tùy theo tội lỗi. Cả đoạn, từ câu 1260 xuống đến câu 1282, anh dặn dò chị trong cách ăn ở phải giữ gìn đúng với lệ tục để tránh vạ phạt; chỉ riêng *"trái tim"* thì *"đừng quên tình cũ"*.

Cúng gà người không thèm
Cúng lợn người khè liếc
Mổ voi người mới ngoảnh mặt xem
Mà em tủi cực lấy đâu có?
Nhưng em nghèo khó kiếm đâu ra?
Rồi khách Mường Lay tới
Khách Mường La, Mường So đã lại
Vịt đầy lồng mai đợi người bắt, không bắt
Gà chật lồng nứa rằng ai biết giết con nào?
Còn mỗi mái gà họ hàng em tiễn
Em đành nắm gạo trắng xuống vãi
Vốc gạo vương xuống rơi
Gà xòe cánh chạy lại
Cắm cổ rung mào tươi
Em se lòng chộp vội
Con gà kêu cục te, nước mắt hờn em ứa
Con gà kêu cục tác, nước mắt buồn chảy ròng
Giơ gậy đập gà thương
Gậy trúng đầu, gà chết
Nhúng gà vào nồi gang
Dầm gà trong chảo vạc

Khảo dị:

1279-1189 Bản B thay 11 câu này bằng 5 câu trùng ý:
Gian bố chồng dừng ngú
Gối của anh chồng dừng gối
Không phải người yêu dừng ngấp nghé
Trái phép người lấy gì mà xin?
Phạm luật người lấy gì mà đến?

1292-1293 Bản B chép:
Em yêu mới nói:
– Vịt đầy lồng mai đợi bắt, không bắt
Gà đầy chuồng phải đâu của mình

Bản C chép lẫn lên trên câu 1290:
Vịt đầy chuồng mong đẻ, không đẻ
Gà đầy sân đợi bắt, không bắt

1299 Bản C chép:
Em giơ tay nõn nà chộp vội

1305 Bản C chép thêm một câu:
Em yêu mới nói

Vặt lông gà chỗ nào?
Cạnh thang, sợ người mắng
Mép sàn, sợ người rầy
Em len lét vặt ngoài xó cửa
Ngón trỏ vặt lông măng
Ngón giữa vặt lông nõn
Lông măng bay đầy vườn
Lông nõn bay khắp *bản*
Bỏ gà vào giỏ mai đứt cạp
Treo đầu đòn em ra bến trong
Rồi mổ, rồi pha, rắc muối
Canh gà sôi rào rào
Canh cá sôi lục sục
Bỗng nghe vịt đang phá ruộng dưới
Nhà đấy người, không giúp với!
Ai dâu mới, nấy đuổi
Em là dâu mới, em đi!
Đuổi ruộng dưới nháo nhác
Lùa ruộng trên hớt hải
Ruộng tiếp ruộng liền bờ
Bờ tiếp bờ quanh co
Biết mấy chục trăm cao thấp ruộng bờ!
– "Về nhà mau, ba đàn vịt cáo tha
"Cho đi xa, cáo bắt!
"Vịt bà bác, chẳng giúp cùng
"Vịt bà thím, sao không đỡ với!"

Khảo dị:

1306 Bản B và bản C không chép câu này.

1307-1308 Bản C chép: *Vặt lông ngoài cửa thẹn trai quan*
Vặt lông ngoài sàn thẹn người buôn bán

1319 Bản B và bản C chép: *Bỗng thấy vịt đang phá ruộng dưới*

1322 Bản B và bản C không chép câu này.

1323 Bản B và bản C chép: *Em mới đi đuổi vịt ruộng dưới nháo nhác*

1329 Sau câu 1329, bản B chép thêm 1 câu:
Vịt bà bác hay vịt bà thím?

1330-1331 Bản B và bản C chép:
Vịt bà bác, bà bác đuổi giúp
Vịt bà thím, bà thím lùa cùng

Mặt trời giữa đầu, em chưa ăn cơm
Mặt trời đứng trưa, em chưa ăn sáng
Dồn vịt khắp gần xa về bản
Chuồng vịt che bốn bề
Em dồn về đóng lại
Nhón gót trèo lên nhà
Áo ướt không chỗ phơi
Sàn trên, sàn bà bác
Sàn dưới, sàn ông anh
Sàn cao,sàn bố chồng
Em đành mặc áo ướt rỏ ròng
Em đi cơm chưa dọn
Canh cá ngon đầy nồi
Em về cơm xong rồi
Miếng nhai thừa bỏ lại
May chồng thương để phần
Phần cơm phần cả canh
Canh lỏng tỏng dính bát
Canh tôm, còn lại đuôi
Canh cá, phần đầu,vấy
Canh gà, phần cánh, chân
Phần cánh, chỗ cánh dầm sương[1]
Phần chân, chỗ chân bới rác[2]
Chấm ư?... Đừng nên chan[3]!
Chấm thì sợ... nhà quan
Chan lại ngượng với khách[4]

Khảo dị:

1338-1342 Bản C không chép 5 câu này.
1346 Bản C không chép câu này.
1354 Bản B chép:
Phần chân, chỗ chân bới cát

---

1. *Chỗ cánh dầm sương*: chỗ đầu cánh nhọn ngoài cùng.
2. *Chỗ chân bới rác*: chỗ móng chân gà.
3. Ý nói: canh để phần ít quá, chấm không được, chan không được.
4. Hai câu thơ ý nói: không ăn thì đói, ăn thì tủi thẹn nuốt xuống không trôi. *Nhà quan* và *khách* ở đây chỉ có ý chỉ chung người ngoài, hàng xóm.

Ôi, khác xa nơi nhà cũ mẹ hiền!
Thuở xưa kia em ở nhà em
Cá mương cuối dòng còn chê tanh
Mà bây giờ em phải mớm con em bằng nhện[1]
Khi chưa lấy được, người vồ vập
Khi chưa đón về, người xun xoe
Lấy được rồi, người nhử – Dâu ơi, xuống sàn ăn cám!
Người xui con trai xuống đòn
Chồng lòng rộng không nỡ
Dạ bao dong còn thương
Con không đánh, bố bỏ cơm, không dậy
Chồng em liền trợn mắt ra tay
Mình, lưng em vụt tới tấp
Em ngã lăn chiêng cạnh miệng cối lợn dũi
Em ngã lăn đùng liền bên máng lợn vầy
Ngã không kịp chống kịp gượng
– "Cơ khổ thân em bụi lấm chôn vùi!"
Anh ngỡ tưởng em mảng vui quên dậy!
– "Dậy đi em, dậy đi em ơi!
– "Dậy giũ áo kẻo bọ
"Dậy phủi áo kẻo lấm!
"Đầu bù anh chải cho

Khảo dị:

1359 Bản C chép thêm 2 câu:
Khi ở nhà em, cơm chấm ớt cũng dú
Cơm chấm muối cũng no

1368 Sau câu 1368, bản C chép thêm 2 câu:
Gậy ngắn chồng em xuống đánh
Gậy dài chồng em xuống đòn

1369 Bản B chép: *Chồng em liền quệt mắt ra tay*
Bản C không chép câu này.

1373 Bản B và bản C không chép câu này.

1374 Bản B không chép câu này.

---

1. *Mớm con bằng nhện*: thành ngữ Thái: "Nuôi con bằng nhện", có nghĩa là không có gì để nuôi con cả.

"Tóc rối đưa anh búi hộ!"
Anh chặt tre về đốt gióng đầu
Chặt tre dày, anh hun gióng giữa
Lam[1] ống thuốc này em uống khỏi đau
Tơ rối đôi ta cùng gỡ
Tơ vò ta vuốt lại quay guồng
Quay lại guồng gỗ tốt cán thuôn
Về với người ta thương thuở cũ
Chết thành sông,vục nước uống mát lòng
Chết thành đất, mọc dây trầu xanh thắm
Chết thành bèo, ta trôi nổi ao chung[2]
Chết thành muôi, ta múc xuống cùng bát
Chết thành hồn, chung một mái, song song
Hỡi gốc dưa yêu mọc ngoài cồn cát
Nước ngập gốc đáng lụi, đừng lụi
Nước ngập rễ đáng bệnh, đừng bệnh
Đôi ta yêu nhau, tình Lú – Ủa mặn nồng
Lời đã trao thương không lạc mất
Như bán trâu ngoài chợ

Khảo dị:

1392 Bản B và bản C chép:
Chết thành muôi, ta múc chung nồi
1393 Bản B không chép câu này.
1394 Bản C chép thành 2 câu:
Hỡi gốc dưa yêu bãi cát
Gốc cây nhỏ ngoài cồn
1395 Bản B không chép câu này.

---

1. *Lam*: đun sôi hoặc nấu chín không dùng bằng nồi, bằng siêu mà dùng bằng gióng tre, gióng nứa tươi. *Cơm lam:* cơm nấu chín bằng gióng nứa (đúc gạo nếp ngâm sẵn vào gióng nứa, đổ nước xâm xấp, nút chặt, đốt nứa tươi đến khi cháy hết lượt vỏ dày bên ngoài thì cơm chín).
2. Câu này, hình ảnh trong nguyên văn là: *Chết thành cây ấu, dây ấu bồng bềnh trong nước, cùng chung một ao.* Xét không hại đến ý câu thơ, chúng tôi thay bằng hình ảnh *bèo trôi nổi ao chung.*

Như thu lúa muôn bông[1]
Lòng ta thương nhau trăm lớp nghìn trùng
Bền chắc như vàng, như đá
Yêu nhau, yêu trọn đời gỗ cứng
Yêu nhau, yêu trọn kiếp đến già
Ta yêu nhau tàn đời gió[2], không rung không chuyển
Người xiểm xui không ngoảnh, không nghe
Yêu em anh dặn em hết lời
Nhủ lời thương nhủ cho hết nhẽ
Ngày em sinh[3] em đừng đi rừng
Ngày kỵ giỗ em đừng đi cá[4]
Cứ nhặt rác giữa sân mà đun[5]
Cứ bẻ ngọn chàm mà đốt

Khảo dị:

1400 Bản B và bản C chép:

Như quờ lúa muôn bông đổ bịch.

1406 Bản B chép:

Người xiểm xui không giận, không hờn

Sau câu 1406, bản B và C chép lẫn 2 câu:

Mà nay, anh yêu em đưa em đến tận đầu đường
Đến tận nhà chồng, anh tiễn theo em.

---

1. *Bán trâu ngoài chợ*: bán xong không tìm lại được; *Thu lúa muôn bông:* sau khi thu về không còn biết đám nào gặt ở ruộng nào.
2. *Tàn đời gió*: suốt từ lúc gió nổi đến lúc gió lặng là một *đời gió* (trận gió). Tàn đời gió = hết một trận gió. Cũng có ý là gió thổi mãi mãi vẫn không rung chuyển, bao giờ hết gió, không có gió nữa mới là *tàn đời gió.*
3. *Ngày sinh*: ngày sinh nhật, chỉ tính theo ngày mà không kể tháng. Tính ngày như cách tính theo *thập can,* cứ hết một vòng quay trở lại danh hiệu cũ tức là cứ hết mười ngày lại tới ngày sinh một lần. Trong ngày sinh chỉ kiêng những việc đặc biệt quan trọng như đi chơi xa, bắt đầu xuống cày, xuống cấy, bắt đầu gieo nương hoặc đi vay mượn tiền bạc. Tục kiêng này cũng chỉ áp dụng vào ngày sinh của những người đứng đầu gia đình mà thôi.
4. *Ngày kỵ giỗ*: theo tục lệ, tới ngày kỵ giỗ tổ tiên, con cái trong nhà phải chia nhau lên rừng, xuống suối kiếm cá, kiếm măng về góp phần cúng. Con dâu phải đi kiếm cá mới là dâu hiền.
5. Bắt đầu từ 2 câu này trở xuống, anh dặn chị ngược lại với những lời dặn trong đoạn trên. Đã giữ gìn mà vẫn cứ bị hành hạ, đánh đập thì hãy làm tất cả mọi điều mà người ta cho là "chướng tai gai mắt", những điều từ xưa vẫn phải kiêng, tránh.

Nước chấm chua em cứ bỏ gừng già
Giồng dưa leo cột nhà um tùm
Giồng khoai leo cột gian thờ[1] xanh um
Rửa ốc rửa từng con
Rửa bát xóc cả rổ
Rửa muôi gõ miệng nồi
Em khôn ngoan nhớ lời anh dặn
Làm ra ương bướng cho chồng em giận
Làm ra ngơ ngẩn để chồng em chê
Chồng giận, chồng sẽ bỏ
Chồng bỏ, may đẹp duyên đôi ta
Đôi ta lấy nhau không nề chi phận lỡ
Không quản chi tình ế duyên ôi
Em của anh đây vẫn mãi đẹp tươi!
Không chết, không quên tình cũ
Hồn không khuất mây vẫn nhớ tình xưa
Chín sắp quên và mười sắp quên[2]
Đừng quên *pông pi*[3] hoa đỏ
Đừng quên gừng quắt[4] nương cao
Đừng quên người yêu thương say đắm thuở nào

Khảo dị:

1423-1424 Bản B chép lược:
Chồng em bó cũng không nề chi phận lỡ

1423 Sau câu 1423 bản C chép thêm 1 câu:
Trời không mưa không lo chim rừng chết rét

1426 Bản B và bản C chép:
Em của anh sẽ lại đẹp hơn

1429-1432 Bản B chép lẫn 4 câu này xuống sau câu 1435.

---

1. *Cột gian thờ (sau hóng)*: cột sàn chỗ dành làm buồng thờ.
2. *Chín sắp quên mười sắp quên*: có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là đã lâu lắm, đã tới lúc đáng phải quên đi; nghĩa thứ hai là lúc hấp hối, trí nhớ lẫn lộn, sắp sửa quên hết mọi sự, mọi việc ở đời.
3. *Pông pi*: một thứ hoa rừng đẹp, màu đỏ, trẻ con thường hay ngắt chơi. Ngụ ý: đừng quên thời ấu thơ.
4. *Gừng quắt*: một giống gừng dại, củ nhỏ, ít vị thơm cay. Ngụ ý: Đừng quên khi hèn khó.

Ngăn dòng chớ quên mất đập
Đắp nước đừng quên mương phai
Còn sống đừng quên lời thiết tha anh dặn[1]
Gà cỏ gáy rừng sặt[2] chớ quên
Cuốc gọi hè nương bông[3] chớ quên
Búi tóc ngược lấy chồng, chớ quên
Gạo vào cối quên chày, chớ quên
Cơm vào miệng quên nuốt, chớ quên
Tóc trên đầu quên búi, chớ quên
Đầu sào hóa ngọn dang, chớ quên
Lá môn[4] thành mặt trời, chớ quên
Cây hương thành ngựa lang, chớ quên
Trồng khoai thành rừng bon, chớ quên
Trồng dâu thành rừng rút, chớ quên
Gieo kê biến thành bãi cát, chớ quên
Trâu chết thành đống mối, chớ quên
Chào mào biết nhổ mạ xuống cấy, chớ quên
Gạc nai thành sừng tê giác, chớ quên
Chẫu chàng trèo đỉnh núi, chớ quên

Khảo dị:

1435 Bản C không chép câu này.

1439-1440 Bản B không chép 2 câu này.

1441 Bản B chép:

Búi tóc dừng quên dọn tóc

1442 Bản B chép:

Đừng quên đầu sào hóa ngọn dang

(Chép như vậy không có nghĩa gì).

Bản C chép:

Cây sào tre náy lá, chớ quên

1443 Bản B chép:

Lá môn dù thành mặt trời

---

1. Từ câu này trở xuống tới câu 1476 nêu lên những chuyện chưa từng có: nếu những việc không xảy ra được mà vẫn xảy ra thì cũng đừng quên, chớ quên, hoặc đợi đến khi xảy ra chuyện lạ chưa từng có thì *hãy quên* (hai cách nói).
2. *Rừng sặt*: rừng nhỏ, rừng thưa, gà rừng không ở.
3. Mùa bông nương vào tháng Chín, tháng Mười (mùa thu – đông) cuốc không thể gọi hè vào mùa thu đông được.
4. *Môn*: một loại cây có củ ăn được, cũng giống với khoai sọ.

Quạ biết đeo túi phát nương, chớ quên
Gà rừng biết vuốt tóc chải đầu, chớ quên
Thua láng[1] biết nhuộm răng đen, chớ quên
Dế biết vót que xâu tai, chớ quên
Cua biết vần nơm bắt cá, chớ quên
Cá sấy[2] biết ru con ngủ ngày, chớ quên
Bói cá biết đơm đó nuôi con, chớ quên
Nhái trong nồi biết đá chân đẩy củi, chớ quên
Rau trong chõ nảy chồi, chớ quên
Cột gỗ nhỏ biết mọc lá xum xuê, chớ quên
Hoa chuối rừng biết mọc rủ xuống, chớ quên
Rau *ấng ca*[3] biết mọc dựng lên, chớ quên
Ống nước lại mọc lá, chớ quên
Mạng nhện giăng sừng trâu chằng chịt, chớ quên bạn tình, chớ quên anh yêu
Chín sắp quên và mười sắp quên
Đợi cỏ tóc tiên trổ cành, hãy quên
Đợi gốc sả đâm hoa, hãy quên
Đợi cào cào biết trẩy kinh chầu vua, hãy quên
Tóc trên đầu quên búi ngược[4] hãy quên bạn tình, hãy quên anh yêu

Khảo dị:

1453-1454 Bản C không chép 2 câu này.

1455 Bản C chép:
Gà rừng biết vót que xâu tai, chớ quên

1460 Bản C chép:
Rau trong chõ biết reo, chớ quên

1466 Bản C không chép câu này.

1469 Bản B và bản C chép:
Đợi khúc gỗ trôi biết trẩy kinh chầu vua, hãy quên

---

1. *Thua láng*: một giống chim rừng mình nâu, đầu trắng không hay đậu, bay luôn, kêu thì kêu cả đàn, tiếng to vang động như tiếng loài thú. Dưới xuôi, có nơi gọi là chim láo đáo hoặc liếu điếu.
2. *Cá sấy*: cá sấy khô trên gác bếp.
3. *Ấng ca*: một thứ lá rừng ăn thay rau, lá mọc bao giờ cũng rủ xuống cũng như hoa chuối rừng bao giờ cũng mọc dựng ngược.
4. Phụ nữ Thái đen có tục lấy chồng thì búi tóc ngược lên đỉnh đầu. Khi đã có chồng cho tới lúc chết, không ai có thể quên búi tóc ngược lên đỉnh đầu vì không thể quên rằng mình đã có chồng.

Chín sắp quên và mười sắp quên
Sông Mã cạn bằng lòng đĩa, hãy quên
Sông Đà[1] cạn bằng chiếc đũa, hãy quên
Cả bống văng mình đớp sao, hãy quên
Cát trắng nhảy tung hớp sương, hãy quên
Vàng anh ăn hết nửa vườn mía, hãy quên!
Nay chim chích trên cao lượn vòng, gọi anh quay lại, anh quay lại
Chim nhạn dưới thấp bay quanh, nhủ anh quay đi, anh quay đi
Xin chào gốc mía xanh anh hỡi!
Đẫn mía chi anh ơi!
Voi non ngà trắng hỡi!
Sống lẻ bên đàn chớ tủi
Vòng bảy kiếp chồng đừng quên mất tình xưa!
Hãy nhớ lên, hỡi mơ
Hãy cao lên, hỡi muỗm
Ba chục voi đừng để phá bao giờ
Sáu chục voi đừng để chúng tung vòi quấn ngọn!
Hãy trổ lá đâm cành
Hãy xanh cây chặt gốc

Khảo dị:

1471 Bản C không chép câu này.

1475 Bản C chép:
Cá biết nhảy đớp mây.

1476 Sau câu 1476 bản C chép thêm 2 câu:
Mà nay, anh yêu em đưa em về tận bản
Thương em, anh tiễn thẳng tới tận nhà

1477-1478 Bản C chép:
Nay chim yểng trên cao lượn vòng gọi anh quay lại
Chim sáo dưới thấp bay quanh nhủ anh quay đi

1483 Bản B không chép câu này.

1485 Bản C chép:
Hãy cao lên hỡi chuối!

---

1. *Sông Đà*: chỉ lưu hữu ngạn của sông Hồng, phát nguyên từ huyện Cảnh Đông, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) chảy vào Bắc Bộ Việt Nam qua các huyện Mường Tè, Mường Lay, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Sơn La, Yên Châu, Phù Yên, Tây Bắc, qua tỉnh Hoa Bình rồi chảy vào sông Hồng. Khúc sông ở Trung Quốc gọi là Bả Biên Giang, khúc ở Hoa Bình gọi là sông Bờ).

Hãy đời đời bền chắc
Đừng vùi sâu bảy lớp lìa anh!
Vườn gừng héo đôi ta không lỗi
Vườn riềng vàng đôi ta không lầm[1]
Anh thề chết cùng chép đỏ đuôi rách
Thề chết cùng cá *chát* đuôi cong
Thề chết cùng em yêu lận đận
Tình thương dặn Thao, Đà[2] xuôi dòng
Cá lớn lìa đàn quẫy lượn
Anh lìa em trở về nẻo cũ, em ơi!
Rồi em yêu mới nói:
– *I-liếng* anh ơi, đi cho đến nơi
Ngọn quý trên trời[3] xin đừng lạc lối
Nhà em khó tầu dong xấu héo
Phận em nghèo khói lạnh giàn treo[4]
Tiễn anh yêu, chẳng lấy đâu gà béo

Khảo dị:

1494 Bản B và bản C chép:
Anh thề chết cùng cá mọm đuôi rách

1495 Bản C chép:
Thề chết cùng cá trắm đuôi cong

1496 Bản B chép:
Thề chết cùng em yêu đã thành vợ người

1497-1498 Bản B và bản C chép:
Ta yêu nhau như chặn dòng Thao, Đà trôi xuôi
Như cá lớn lìa đàn quẫy lượn

1501-1502 Bản B, bản C và các bản khác chép:
I-liếng anh ơi đi xa đừng ốm
Vượt rừng cây đừng lạc lối, lạc đường

1505 Bản B chép:
Đáng lẽ tiễn nhau phải có con gà béo

---

1. Ý nói: từ xưa chưa hề có lỗi lầm gì với nhau, dù là rất nhỏ.
2. *Thao, Đà*: sông Thao, sông Đà (sông Thao: tên gọi một đoạn sông Hồng từ Việt Trì trở lên phía trên).
3. *Ngọn quý trên trời*: ngọn cây ngọc của "nhà trời", ví với người yêu, tỏ ý yêu quý.
4. *Khói lạnh giàn treo*: Giàn treo trên bếp nấu, không được khói lửa sưởi ấm, chỉ cảnh nghèo hèn và cảnh cô đơn lạnh lẽo.

Dời *bản* em, ra đường
Chỉ nắm xôi không gửi nhớ theo!
Bước xuống nhà em, qua *bản*
Nghe vang tiếng kêu khóc
Như tiếng em giận chồng
Vừa đi, đã tới núi
Tai chẳng còn nghe giọng em yêu nói
Thương thay, khóm rau nhỏ vườn to
Gốc rau xanh thoạt vừa đâm lá
Vừa đâm lá đã ngắt lá về đồ!
Cây gạo nở hoa chen rực rỡ
Em một mình một bóng khổ đau
Núi tiếp núi chập trùng
Rừng tiếp rừng thăm thẳm
Nghìn tháng nghìn năm, đã yêu nhau xin đừng chán nhau
Chán nhau nhựa dướng[1] quyện nhựa sung
Đuôi mắt với đầu vai quyện cùng[2]
Một cánh chim trời khát nước
Bay về cuối đập mát trong
Yêu em, anh thăm em trong mộng

Khảo dị:

1510 Bản B chép:
Như tiếng em giận anh (không hợp lý)

1512-1568 Trong 57 câu này, bản B, bản C và các bản khác sắp xếp các câu thơ lộn xộn khác nhau, chúng tôi không khảo dị những chỗ lộn xộn ấy.

1517 Bản C không chép câu này, nhưng chép thêm 2 câu:
Ta yêu nhau như nén bạc Lào
Ta yêu nhau như nén bạc đúc

1525 Bản B và bản C chép:
Anh yêu em sẽ gửi lời thăm hỏi

---

1. *Dướng*: loài cây thuộc họ dâu tằm, vỏ dùng làm giấy, làm thừng, nhựa cây rất dính, trẻ con thường dùng nhựa dướng để bẫy chuồn chuồn.
2. *Đuôi mắt với đầu vai quyện cùng*: con mắt liếc ngang thấy qua đầu vai, đuôi mắt như quyện, như gắn vào đầu vái vậy. Ý nói: Sắp chán nhau lại yêu nhau thắm thiết trở lại. Cũng có thể có ý ví đôi tình nhân như *đuôi mắt* với *đầu vai* gắn với nhau.

Người đẹp phương xa đừng sầu muộn
Bảy cõi *mường* ngoài đừng quên anh!
Trái bí đỏ sọc trắng
Trái bí ngô sọc vàng
Gốc tơ hồng giữa *bản* đông bông
Hoa sao hoa thắm lạ lùng
Anh ước thành voi ngà bạc ngà vàng[1] đan lượn quanh hoa
Hoa *áy* hương lừng sông Mã
Mải miết băng qua đồng rộng bãi dài
Anh bẻ cây đất người nghỉ mệt
Bẻ cây còn vết tay in dấu
Không thư từ thấy mặt nhau đâu
Chỉ thấy dao sắc, dao chuôi đỏ
Chặt tầu dong mẹp đỏ cuống nâu[2]
Dẫu hóa trăm buồng chuối ngự
Trồng khoai mà lại hóa dây bầu[3]
Em lấy chồng rồi, ta đã tiễn nhau
Tháng Chín rau bầu già ăn đắng[4]
Nghĩ giùm ta, hỡi gái lịch trai thanh!

Khảo dị:

1527 Bản C không chép câu này.

1532 Bản B chép:

Anh ước thành voi ngà bạc ngà vàng vào chuộc em ra

1533 Bản C và một số bản khác khác:

Hoa áy rập rờn trôi ngang sông Mã

1541 Bản C chép:

Đầu chuối ngự biến thành gà con

---

1. *Voi ngà bạc ngà vàng*: voi quý, ngà bọc vàng, bọc bạc! Truyền thuyết lịch sử Thái có ghi: "Hơn nữa, họ (vua Lào ở Lu-ăng Pra-bang) lại muốn hòa hoãn để *bản mường* yên ổn, nên phải mang *voi có ngà bọc bạc, bọc vàng* đến biếu Ta Ngần. Con voi ấy, Chúa đã mang xuống xuôi để tiến vua (vua Kinh), nhưng voi đến giữa đường quay về chủ cũ" (*Quẩm tố mướng*, bản dịch của Cầm Trọng, Cầm Quynh, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960, trang 23). Câu thơ có ý nghĩa: Ước như voi quý xưa lại được quay về quấn quýt với người cũ.
2. *Dong mẹp đỏ cuống nâu*: một loại lá dong xấu.
3. Hai câu thơ ý nói: Dù có phép lạ lùng biến cái nọ thành cái kia.
4. Ý nói: Đã mất thời cơ, việc đã lỡ rồi.

Duyên xe duyên lỡ dở không thành
Gió thốc sông Đà quằn quại
Chúc gã trai buôn[1] mạnh khỏe yên lành
Tàu dong nhỏ nghiêng xuôi dốc núi
Anh ngắt dong đắp suối ba dòng[2]
Yêu một đằng, thương nhớ một đằng[3]!
Xa bạn tình, ngủ theo đất lạ
Dời người yêu, nằm lều chuối vàng[4]
Nằm trên rơm rạ phơi sương[5]
Anh bước rảo quay về nhà cũ
Gượng sống bằng miếng cơm đầu tên
Gượng nuốt miếng cơm đầu đũa[6]
Ma du đẩy trở mình
Ma không đẩy, anh nằm thẳng im
Nhớ em, anh ngồi đầu sàn giả ốm
Ngồi cuối sàn giả điên
Giả ốm, gà gầm sàn cũng rù
Giả điên, mẹ hốt hoảng buồn lo
Giả đau bụng, mẹ yêu rầu rĩ
Đôi ta yêu nhau, bao giờ gặp nhau?
Mây mù bay sao trôi trên đầu
Khói quyện trời sương nghi ngút

Khảo dị:

1562 Bản C chép:
Giá ốm tựa gà gầm sàn dang rú

1567 Bản B chép:
Khói bốc lên trời nghi ngút.

---

1. *Gã trai buôn*: người con trai tự chỉ mình, ngụ ý đau xót, mai mỉa. Đã thành một gã trai buôn, đã phong lưu nhưng vẫn mất người yêu.
2. *Đắp suối ba dòng*: Đắp suối (chặn suối) để bắt cá kiếm thức ăn trên dọc đường về nhà; *suối ba dòng:* ba nhánh của một con suối.
3. Câu thơ chỉ có thể hiểu theo nghĩa than thở, trách móc người yêu.
4. *Lều chuối vàng*: lều dựng tạm, lợp bằng lá chuối rừng, khi lá úa vàng lại thay lá mới.
5. *Nằm trên rơm rạ phơi sương*: tức là nằm giữa cánh đồng.
6. *Miếng cơm đầu tên, đầu đũa*: miếng cơm nhỏ bằng đầu mũi tên, bằng đầu chiếc đũa.

Ước xẻ đôi người, ta lấy nhau![1]
Năm tiếp năm, năm trôi
Tháng tiếp tháng, tháng hết
Đã ba mùa lúa ruộng qua rồi
Đã bốn mùa cá lũ trôi xuôi
Cha mẹ ngăn đường tình không rời
Cha mẹ mắng đường tình không sợ
Cha mẹ răn đường chồng, chỉ cười
Cha em và mẹ em mới nói:
– "Cây tre nó thành giấy
"Cây nứa nó thành ống
"Con gái thành nàng dâu
"Gả làm dâu nhà người cũng tốt rồi đấy!"
Cha người và mẹ người thì nói:
– "Người đâu kiếm rau không đủ đĩa
"Nấu canh không đầy bát
"Thái gỏi, thái không xong
"Tiếng như trời đánh choang choang
"Xe sợi dệt vải khổ năm[2] không đáng
"Không đáng bưng cơm cúng nhà quan
"Không đáng ba sợi bạc
"Không đáng ba dây vàng
"Nói ra thì cửa nhà tan hoang!"
Nhưng bạc mười lăm người ta chưa nộp
Bạc mười sáu người chưa trả thêm

Khảo dị:

1568 Bản C chép:
Ước xé đôi người, nửa hóa nên em!

1573-1580 Bản B và Bản C chép:
Không đáng hai sợi bạc
Không đáng hai sợi vàng

1590 Bản B chép:
Nói điếc tai không nên cửa nên nhà

---

1. Chép như bản C: *ước xé đôi người, nửa hóa nên em* thì ý được rõ ràng hơn.
2. *Vải khổ năm*: vải hẹp khổ, dệt thưa, bằng loại sợi xấu. Khổ vải trung bình là vải khổ tám.

Người chưa đủ nhẫn, vòng, bạc, trắng mua em
Chưa đủ vải năm trăm đổi đứt giá người[1]
Chồng em mới nói:
– "Nước chảy từ nguồn khe
"Người chẳng nên, ta phú nó về!"
Người sắp đuổi em về nhà cũ!
Gỡ sao gỡ chẳng được
Cúi mặt, nước mắt rỏ
Ngẩng lên, hàng lệ rưng
Nước mắt rỏ hai dòng
Rỏ ba dòng
Dòng rơi đằng trước đủ tràn năm máng[2]
Dòng rơi đằng sau đủ cho em rửa mặt ăn cơm
Một dòng đủ rửa trâu to mang lược
Dòng rơi xuống đất đủ đắp đập
Dòng vào hốc đá đủ bắc lên ruộng bậc thang
Chưa được em, người bảo sẽ đắp phai to em tắm
Được em rồi, người đuổi em sắp gánh đi đi

Khảo dị:

1598 Bản B không chép câu này.

1599 Sau câu này bản C chép thêm 1 câu:
Lo sao lo chẳng cùng

1601 Sau câu 1601 bản C chép thêm 1 câu:
Nước mắt tràn ướt gối

1604-1608 Bản C bỏ 5 câu này, chép lại 2 câu ở một đoạn trên (câu 419-420).
Dòng rơi đằng trước dủ rứa rau muôn giỏ
Dòng rơi đằng sau dú rứa rau muôn vườn

1605 Bản B chép: *Dòng rơi đằng trước dú tràn máng đôi*

1606-1608 Bản B không chép 3 câu này.

---

1. *Giá người*: phong tục cũ, ngoài công ở rể và tiền sính lễ, người chồng còn phải nộp cho cha mẹ vợ một món tiền, đền công sinh dưỡng, gọi là *giá người* (ca hua hoặc ca cốn). Món tiền này có thể trả dần. Chưa trả được *giá người* thì chưa có đủ toàn quyền về sinh mệnh người vợ, không thể đem bán hoặc đem đổi, chỉ có một cách là đuổi về nhà ngoại. Đó chính là trường hợp trong truyện này.
2. *Đú tràn năm máng*: đủ chảy tràn theo năm dòng máng nước *lần*. (*Lần* là máng dẫn nước).

Em van người, em nói:
– "Lỗi cha con xin khất
"Lỗi mẹ con xin đền!"
Nhưng cúng gà người chẳng thèm
Cúng lợn người khê liếc
Phải cúng voi người mới ngoảnh mặt xem
Nhưng em tủi cực lấy đâu có
Phận em nghèo khó kiếm đâu ra!
Người mới bảo chồng em vác gậy to xuống đánh
Cầm gậy dài xuống phang
Đánh em khi chập tối
Nện em hồi nửa đêm
Nện em như nện bịch
Như chúa *mường* nện chiêng
Không quay về, người vứt dao em xuống sàn
Quẳng dao em xuống thang
Con sợi guồng xa, người giậm chân giẫm tan
Em phải trở về nhà ngoại
Trở về mái cũ mẹ yêu
Em mới than:
– "Khi bước đi, còn bác mẹ đưa chân đến *bản*
"Khi lộn về, bỏ chơ vơ như kẻ lạc loài
"Nắng thiêu mong nổi gió, không gió
"Chờ người thương qua, không qua
"Mong người yêu lại, không lại
"Ngăn nước rồi quên nơm
"Người đi xa quên áo
"Quen thịt da kẻ khác quên nhau rồi chăng!"
Em yêu lại nói:
– "Đã tàn mùa hoa sung[1]
"Quá thời hò hẹn người thương quên rồi!"

Khảo dị:

1632 Bản B và bản C chép: *Khi lộn về như kẻ lạc loài*

1635 Bản C không chép câu này.

---

1. *Mùa hoa sung*: cây sung ít khi nở hoa, mùa hoa sung nở là một điềm may mắn hiếm thấy. Câu thơ ý nói: Đã hết thời may mắn, sung sướng.

Cha em yêu và mẹ em yêu mới nói:
– "Ai gánh gồng tất tả ruộng dưới?
"Trông xa ngỡ áo đen
"Nhìn gần hóa áo sẫm
"Ngắm kỹ thì ra con gái quý mẹ hiền!
"Bởi vì sao, bởi tại sao?
"Voi về núi chẳng quên nơi xưa ăn dở
"Voi vào rừng chẳng quên búa cũ người chăn?
"Hay tại lòng con yêu chẳng quên mẹ hiền
"Chẳng quên bạn tình thuở nọ?"
Em yêu mới nói:
– "Quả sức con, kiệt sức rồi, mẹ hỡi!
"Làm được, người mới chuộng
"Làm đến rách áo cho nhà "ông"[1]
"Làm bằng trời, không mảnh cót lót lưng
"Ăn cơm như ăn cát
"Nuốt vào như nuốt cám
"Không ăn đói cào ruột
"Ăn thì rát lưỡi không trôi
"Làm không nên, người xô vào chửi
"Làm không giỏi, người xô vào chê
"Người ùa đến mắng
"Người đi qua cửa, mỉa mai!"

Khảo dị:

1644 Sau câu 1644 bản C chép thêm 1 câu:
Mà thấp thoáng "piêu" đen

1652 Bản C không chép câu này.

1654 Bản C chép:
Quá sức nghĩ của con rồi, mẹ hỡi!

1656-1657 Bản B chép:
Có sức người mới quý
Mất công không cho người ta mặc rách

1658-1660 Bản B không chép 3 câu này.

1659 Bản C chép:
Nuốt vào như nuốt lá ngón.

---

1. *Nhà "ông"*: nhà quan, tiếng gọi tôn kính.

Đồn về xuôi, tiếng đồn bằng thuyền
Đồn ngược, tiếng bằng voi
Rằng chẳng góa chồng mà lại chia đôi
Gái bỏ chồng rồi, gái quay về nhà!
Người biết người cầm gói cau đến hỏi
Cầm gói cá đến chào
Cha em và mẹ em mới nói:
– "Suối hẹp phải dồn bớt chài
"Canh chẳng ngon phải vợi bớt nước
"Gái lỡ bước giá tiền hạ thôi!"
Người gánh tiệc gà chạm mặt
Rồi khiêng tiệc lợn cưới về[1]
Ngày *huộng* một bữa rượu ra mắt
Ngày *hai* tiếp bữa rượu đưa dâu
Đầu *quản*, nâng chén rượu nồng nàn
Cuối sàn, sắp gánh gồng kĩu kịt
Tíu tít như bướm đuổi
Mặt trời đã xế trưa chếch núi
Người đỡ buồng cau đặt vào trong giỏ
Rồi cưới em đi
Gồng gánh lên nhà người tất tưởi
Em búi tóc mượt theo về chồng mới
Nhưng trái tim lớn em còn treo đó
Trái tim con còn bện chỉ xe đôi
Người đi xa nhưng vía quấn không rời
Em giã gạo quăng chầy

Khảo dị:

1669-1670 Các bản khác chép:
Bị dày đọa con quay về nhà!
Người biết người cầm gói gà đến hỏi

1674 Bản C chép:
Rượu chẳng ngon dồn chum

1678-1679 Bản B không chép 2 câu này.

1680-1681 Bản C không chép.

---

1. Tục lệ cũ, lấy người đã qua một đời chồng thì được cưới về nhà ngay, không phải ở rể trong trường hợp người chồng trước đã đủ hạn rể rồi.

Phơi thóc chửi sàn mắng cót
Chồng làm quan, gắt giữa mặt khách
Ra sàn, nói xấu bà bác
Ra *quản*, nói xấu ông anh
Trèo núi cao, nói xấu bố
Khi ở nhà, nói xấu mẹ
Xuống bến, buông ống trôi
Về nhà, khoắng chân đẩy củi đổ nồi[1]
Dở xôi, quật mâm vỡ
Khách tới, để vú hở
Vú dài cuộn cột sàn bảy vòng
Quấn quanh bảy chiếc nong
Đêm ngủ những chê đệm
Tỉnh dậy lại nhiếc chồng
Chải tóc thì chải ngược
Ngồi ghế, lật ngửa ghế
Cha người và mẹ người mới nói:
– "Nuôi đứa gầy toi cơm
"Nuôi quân mặt sưng xúi quẩy!"
Bạc mười lăm người ta đưa rồi
Bạc mười sáu người ta trả đứt[2]

Khảo dị:

1692 Bản C chép:
Phơi thóc còn chửi sàn
Bản C chép:
Phơi thóc còn mắng cót

1693 Bản B chép:
Chồng làm quan, mắng vỗ mặt chồng

1696 Bản C không chép câu này.

1700 Các bản khác chép:
Dỡ xôi còn chửi mâm

1710 Bản C chép:
Nuôi quân vợ thừa xúi quẩy
Ngâm ngô còn chửi vôi.

---

1. *Lấy chân đẩy củi*: theo phong tục Thái, đó là điều kỵ nhất.
2. Ở đây ý nói người chồng mới – người chồng thứ hai – đã trả đủ "giá người" nên có toàn quyền về sinh mệnh người vợ.

Người mới đem em ra chợ dưới đổi muối
Lên chợ trên đổi gạo
Đổi gạo, chẳng ai màng
Đổi muối, chẳng ai buồn ngó
Trời dựng năm sắc tươi
Trời đùn mây đỏ rực
Bán em nghìn lần không đắt
Bán em chín thợ không trôi
Một cuộn dong đổi lấy người
Đổi em cho bạn tình cũ
Mang em về nhà người em yêu năm xưa
Mang em về để em ngoài nền cối nơi nêm chầy
Lòng máng nơi hằng đâm giã
Chồng em[1] đưa dao đưa cả rau
Đưa rau đưa cả giỏ
Đưa rựa đưa cả củi
Giao thức ăn giao cả rượu nồng
Giao thóc giao cả bồ
Giao guồng giao cả tơ
Giao vải cả rá may, kim, chỉ
Giao nước giao cả máng
Giao chày giao cả giần, sàng
Chăn lợn giao cả cho em giã cám[2]
Em ủ ê tủi buồn
Ruột tơ rối, lòng đau

Khảo dị:

1726-1729 Các bản khác chép:
Chồng em đưa dao đưa cả vỏ
Đưa cả lồng đựng dao
Giao vò giao cả rượu

1732-1733 Bản C chép: *Giao vải giao cả sọi*
Giao nước giao cả ống

---

1. *Chồng em*: chỉ người chồng thứ ba, tức người tình nhân cũ.
2. Đoạn thơ từ câu 1726 xuống đến câu này là nói: Người yêu cũ khoán giao mọi việc to nhỏ, trong nhà bắt làm, không nên lầm với ý phó mặc, tin cậy.

Em giã gạo, thở than cùng lợn
Em chăn lợn, thở than cùng gà
Em thở than bên chày gỗ *cạ*[1]
Em thở than cạnh chày gỗ *mư*[3]
Mong đợi người thương hoài công em rồi!
Mong thành vợ quý nằm bên anh
Mong thành vợ yêu nằm cạnh mình
Mà nay, anh bỏ em dưới gầm chạn nước rỏ
Dưới giàn bếp khói tụ
Đuôi tóc em yêu phủ trắng gio
Mắt trộm ngó bạn tình xưa ấp ôm kẻ khác, than ôi!
Em yêu mới nói:
– "Đôi ta yêu nhau còn gửi vật tin
"Đàn môi đồng anh gửi em đây thay mặt..."
Em rút đàn môi em gẩy
"Bạn tình ơi còn nhớ hay quên?"
Chồng yêu em mới nói:
– "Kẻ khó sao đàn môi thánh thót
"Người nghèo hèn sao réo rắt đàn đồng?
"Sao ngân rung như tiếng đàn người cũ
"Sao thoảng chừng như giọng nhớ người thương?"
Rồi chồng em hồi tưởng lại
Những ngày xưa đang tuổi gái trai
Nhận ra em, mừng vui dựng nhà
Gặp bạn tình, ăn làm thỏa dạ
Không vấn vương bằng sợi tơ nhện
Mười đêm[2] chuyện nhỏ to êm đềm

Khảo dị:

1738-1739 Bản C không chép 2 câu này.
1740-1742 Bản C chép lẫn xuống sau câu 1748.
1749 Bản C không chép câu này.
1759-1760 Bản B không chép 2 câu này.
1763 Bản C và các bản khác chép:
Không vấn vương bằng sợi tóc.

---

1. Gỗ cạ, gỗ mư: hai thứ gỗ chắc và nhẹ.
2. *Mười đêm*: đêm đêm.

Như đôi uyên ương cửa hang ngấp nghé
Hoa *khẩm*[1] cuối dòng nảy lá non tươi
Chỉ vàng, đỏ, lụa là lại vây quanh cô gái quá thời[2]
Lại như hoa sớm ngậm sương
Như cô gái Kinh vẩy khăn thêu hình chim yểng
Đã nên duyên xin chớ phụ tình
Đôi ta yêu nhau, yêu đến khi tóc ngả hoa râm
Yêu đến khi đầu bạc
Không mắng em vụng về
Không bảo em lười mà chê
Muối dưa, không chê chua
Ủ rượu, không chê đắng
Dưa lâu chua bởi lá rau dày
Rượu lâu đắng bởi hũ to bảy người khiêng nặng
Nhờ phúc em yêu trời độ
Được sống bên nhau mong ước thỏa lòng
Nhưng còn người vợ cũ bên chồng?
Chồng em sắp của và mười hai tấm khăn
Đồ đạc trong nhà chia đều hai phần

Khảo dị:

1766 Bản B và bản C chép:

Hoa khất đã rụng lá xanh cuối dòng. (Không có nghĩa gì).

1768 Bản C không chép câu này.

1769 Bản B chép:

Như cô gái Kinh vẩy khăn thêu hoa.

Bản C không chép câu này.

1771-1772 Bản C chép:

Đôi ta yêu nhau ngàn năm không phai
Khi chưa lấy được nhau nhưng muốn vung rìu bổ lấy.

1782 Bản C chép:

Người vợ đã có công dựng cửa dựng nhà

---

1. *Hoa khẩm:* tên một thứ hoa được nói tới nhiều trong dân ca nhưng trong đời thực rất ít người thấy. Theo nghĩa chữ thì đó là thứ hoa muôn màu, muôn sắc.
2. Con gái đến tuổi dậy thì thường thu gộp chỉ màu, vải đẹp để thêu thùa, may mặc, chuẩn bị cho những ngày lấy chồng. Câu thơ ý nói: Lại sống lại những ngày vui sướng, rạo rực của thời thanh xuân.

Chia ngựa, chia cả yên lẫn nhạc
Đã thương nhau lụa là, vải vóc chia đôi
Áo mặc vào người xẻ nửa
Em yêu mới nói:
– "Têm trầu đừng têm chặt[1]
"Têm chặt e vôi loãng, trầu non
"Vôi loãng, vôi chảy dồn
"Yêu nhau đừng yêu nóng
"Yêu nóng không được lâu
"Cốt tình yêu bền chắc về sau
"Hãy đợi con dúi và con tê tê đào lỗ
"Đào lỗ sâu mười sải, hai mươi sải quay ra[2]
Đừng để cho người cũ kêu ca!"
Vợ anh yêu mới nói:
– "Đừng giũ em như giũ chỉ
"Đừng vứt em như khách vứt tầu dong!
"Xin giã gạo đổi chầy[3]
"Xin phơi thóc đỡ tay
"Anh đã có kiềng, xin làm gạch cạnh
"Anh gặp lại người yêu, em xin được làm vợ lẽ!
"Xin làm vợ lẽ đỡ đầu roi
"Con đòi đỡ chuôi kiếm[4]
"Làm đầy tớ gánh cám
"Làm đứa ở gánh rượu
"Làm kẻ hầu múc nước rửa chân cho vợ anh

Khảo dị:

1791 Bản B không chép câu này.

1799 Bản B và bản C chép:
Đừng vứt em như vứt tầu dong đãi khách

1806 Bản B và bản C chép:
Làm đầy tớ gánh dâu

---

1. Ý nói: đừng làm cái gì thái quá, làm thái quá có hại.
2. Con dúi và con tê tê chạy trốn, đào lỗ sâu vào trong đất rồi cuối cùng cũng phải chui ra. Ý nói: Cứ từ từ, bình tĩnh, rồi cũng sẽ được như nguyện.
3. *Đổi chầy*: đổi tay cầm chầy. Ý nói: Xin giã gạo đỡ.
4. Ý nói: Xin hầu hạ, phục dịch. *Đỡ đầu roi, chuôi kiếm:* thành ngữ tương tự như thành ngữ Việt *"nâng khăn sửa túi"*.

"Sẩy thóc xin ăn nhờ
"Dầu phận thiếp nằm rìa cũng cam!"
Chồng em yêu mới nói:
– "Nhà rếch bởi măng sặt[1]
"Lời ra tiếng vào vì vợ lẽ!"
Hết lời van xin, chồng em không nghe
Người vợ cũ mới tìm lời êm ái dặn chồng:
– "Xin chào chồng yêu gối ấp tay kề
"Chào con nhỏ quấn bên mình mẹ hỡi!
"Ta quay về nơi mái cũ mẹ hiền!"
Trông ra thấy hoa đào cài búi tóc
Mặt gối thêu hoa bợ[2]
Tà áo mổ đuôi cá
Khăn *piêu* đen phất tỏa đuôi voi
Người đi rồi, chẳng bao giờ còn quay lại
Chồng em mới nói:
– "Lòng thương em, ta đưa em đến tận đầu đường
"Ta tiễn theo người vợ bỏ
"Xin chúc bình an nẹp áo trong viền xanh viền đỏ[3]

Khảo dị:

1809-1810 Bản B và bản C chép:
Thiếu gạo được ăn cơm độn củ cũng được
Được làm dâu nằm sàn ngoài cũng được
Được làm vợ lẽ anh yêu là may

1818-1824 Bản B và bản C chép:
Ta vượt rừng cây quay về nhà mẹ
Thôi xin chào mặt gối thêu hoa dào
Mặt gối thêu hoa vọn
Xin chào nách áo thêu đuôi cá
Khăn piêu đen phất tỏa đuôi voi
Ta xuống đường quang không quay lại nữa!

1825 Bản C không chép câu này.

---

1. *Măng sặt*: măng nhỏ, măng vụn, lẫn nhiều rác.
2. *Hoa bợ*: hoa nhỏ lấm tấm, cây bợ mọc bò ở những chỗ ẩm, lá gồm bốn lá kép xếp thành hình chữ thập, dùng làm rau ăn được. Tục ngữ Việt: *Rau là vợ canh cua.*
3. Áo dài của phụ nữ Thái đen màu chàm sẫm, gấu áo bên trong các đường viền tà bên trong đính vải xanh, đỏ, vàng... khi lật tà áo buộc ngang thắt lưng trông như thắt dải nhiều màu.

"Thu vén giữ gìn đừng để cho dầu dãi mưa sương
"Người đẹp ta thương, em hãy quay về khỏe mạnh
"Chúc em về nhà mẹ yên lành!"
Ngoài xa mưa rơi núi trám
Trời chớp nhoáng đồi dong
– "Thần linh muốn đôi ta nên vợ nên chồng, em nhỉ!
"Vừa đúng như giương nỏ trúng đích
"Chỉ về guồng nên đôi lứa hằng mong
"Thành vợ thành chồng, ta hằng ước từ bao ngày cũ!"
Còn như phận người thuở trước[1]
Tơ không đỏ dần dần nhuộm đỏ[2]
Sức không nhiều chăm chỉ làm ăn
Rồi cũng có ngày được quyền cao chức trọng
Còn như phận người vợ bỏ
Trở về nhà cũ mẹ cha
Lấy được chồng êm ấm thuận hòa
Sau cũng được quyền to chức lớn
Cùng sánh vai nhau nhà nhà vui vẻ, bạn ơi![3]

(Mạch Phi *dịch – Khảo dị và chú thích*)

Khảo dị:

1830 Bản C và các bản khác không chép câu này.

---

1. *Người thuở trước*: ý chỉ người chồng thứ nhất của chị.
2. Ý nói: hãy biến tình duyên không may mắn (phải bỏ vợ) thành tình duyên may mắn.
3. Văn bản này và các văn bản khác mà chúng tôi được biết đều chép đến đây là hết. Năm 1961, nhân một bữa trao đổi ý kiến giúp chúng tôi soát lại bản dịch lần cuối cùng, ông Cầm Biêu – một nhà thơ Thái am hiểu vốn cũ dân tộc – có nói chuyện rằng ông được nghe một người bạn ở huyện sông Mã, tỉnh Sơn La, khu tự trị Tây Bắc kể lại là *Tiễn dặn người yêu* còn có thêm một đoạn kết nữa. Đoạn này nói riêng về người chồng thứ nhất của chị. Anh này nghèo khó, cùng bất đắc dĩ phải đến nhà chị xin thóc ăn. Vợ chồng chị cho anh ta một gánh thóc nàng mang về. Khi qua cầu, chẳng may anh ta đánh tuột một bên gánh xuống suối. Về nhà, bà con giễu anh ta rằng "vợ cũ mà chỉ cho một bên gánh thôi ư?". Anh ta rất xấu hổ. Sau khi chết, anh ta biến thành con chim từ quy kêu cả đêm *"háp háp... khon khon... khon khon... háp háp"* (*háp* là gánh, *khon* là một bên gánh).
Theo chúng tôi và theo cả ông Cầm Biêu thì đoạn kết thêm vào này có vẻ lạc lõng.
Cho đến nay, theo chỗ chúng tôi biết, chưa phát hiện được văn bản nào có chép đoạn kết ấy.

1836-1839 Bản C không chép 4 câu này nhưng chép sau câu 1835 1 câu: *Gắn bó như bướm bướm đưa tình*

1836 Bản B không chép câu này

1838 Bản B không chép câu này.

1842-1846 Bản B và bản C không chép 5 câu này.

III. TRƯỜNG CA - SỬ THI

DÂN TỘC BANA

H'MON ĐĂM NOI

Bok Drang Hạ – Drang Hơm là người có sức mạnh ghê gớm và rất tàn ác, hắn đã đi đánh giết ở đất người Chăm, đất người Kinh, đất người Gia Rai. Đến đất Bana, hắn giết và ăn thịt cả làng, bắt các cô gái Tă, Tang, Rang, Bia Kơ Nhi, Bia Nga về hầu hạ. Cả làng chỉ còn sống một mình chàng Xét. Bok Kei Đai ở trên trời cho con gái út là Bia Răk xuống ở với Xét. Hai vợ chồng mãi không sinh được con, bèn rủ nhau lên trời xin thuốc uống. Năm tháng sau nàng Bia Răk sinh liền một lúc 5 đứa con trai, đứa con út đặt tên là Noi – Năm anh em sinh ra đã biết chạy nhảy chơi đùa, Noi làm ná, rủ các anh vào rừng bắn chim chóc, gặp quỉ Klơm Bri dữ tợn định ăn thịt bọn trẻ, song chúng đã đánh lại và bắt quỉ nộp chiếc dũa bếp thần ước gì được nấy. Noi lại cho các anh đến mẹ để muợn rìu bạc, cán đồng để chặt cây Kơ chik, cây Kơ lăng đóng thuyền đi đánh Drang Hạ – Drang Hơm; Nàng Bia Răk không cho vì thấy các con còn nhỏ, Noi tự đến dùng sức mạnh đoạt lấy búa. Chỉ một mình Noi chặt được cây thần, họ đóng thuyền xong, Noi xuống sông gặp Bok Prao (Rồng Thần) xin chiếc mào đỏ trên đầu rồng về trang trí cho con rồng được tạc trên thuyền. Họ chuẩn bị gạo và bí mật trốn cha mẹ lên thuyền ngược dòng sông Ba. Gặp các nàng Bia Podah, Bia Podinh, Bia Kơ Mu đăk, Bia Phu, Bia Chăm. Các nàng yêu mến mấy anh em Noi, muốn giữ họ lại bằng mọi cách nhưng Noi đã không bị cám dỗ và vượt qua tất cả đến làng của Drang Hạ – Drang Hơm. Họ gặp các nàng Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi đang tắm; các nàng đã chỉ chỗ cất khiên của Drang Hạ – Drang Hơm, anh em Noi đã đốt hết số khiên chất đầy rừng núi của ông ta. Nhưng Drang Hạ – Drang Hơm vẫn còn nhiều khiên để quanh mình. Năm anh em lập mưu đến xin khiên ba anh đều được mỗi người 7 chiếc, anh thứ 4 được 5 chiếc. Cuối cùng Noi đến gặp Drang Hạ – Drang Hơm xin 7 chiếc khiên nuốt vào bụng. Trước khi vào đánh họ đeo mỗi người một chiếc túi thiêng và mỗi nàng con gái chui vào

túi của mỗi chàng. Nàng Bia Kơ Nhi vào túi của Noi. Noi cướp khiên mặt trời, gươm Ko chốt yol và chiếc búa thần. Năm anh em xông vào đánh Drang Hạ – Drang Hơm. Bia Khiêl hiện ra giúp lấy chổi thép quét 4 anh của Noi tan tác. Noi chui vào cằm Drang Hạ – Drang Hơm, cả hai đều mệt ngồi nghỉ hút thuốc rồi lại tiếp tục đánh nhau. Các nữ thần làng trời của mẹ Noi, các cô gái làng đến giúp, cuối cùng Noi giết chết Drang Hạ – Drang Hơm. Họ chuẩn bị về làng thì lại gặp Bok Prao (Thần Rồng) hai bên lại đánh nhau, nhờ nhiều phép thần và sự trợ giúp, chàng đã chiến thắng Bok Prao. Họ về làng mở hội ăn mừng, Noi nhường 2 nàng Bia Po đuh, Bia Kơ Mu đak cho hai chú Diông, Dio...

Sau đây là đoạn trích trận chiến giữa năm anh em Đăm Noi với Drang Hạ – Drang Hơm và Bok Prao.

Trong lúc đó mấy anh em Noi đã đi tới làng của Drang Hạ – Drang Hơm. Từ xa họ đã nhìn thấy đường vào làng to, rộng mênh mông. Họ đến làng lúc mặt trời đang đứng bóng. Nhìn lên thấy một cái nhà rông cao sừng sững sát tận mây xanh.

Noi (nói): – Ơ các anh, hãy nhìn xem, khỉ vượn nô đùa trên nóc nhà *rông* cao sừng sững, tám vòng hàng rào bạc, chín hàng rào thép rào quanh làng. Làng của Drang Hạ – Drang Hơm quả là hùng vĩ, vững chắc.

Đang đi, anh em Noi nghe tiếng các nàng Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi nói chuyện với nhau.

Một nàng (nói): Ơ chị, tôi không muốn tắm nước *ghè*, nóng
Tôi không muốn tắm nước nồi đồng, bẩn
Tôi muốn tắm nước sông mát mẻ
Muốn tắm ở nơi có bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Một nàng khác: Vậy thì ta phải về nói cho ông Drang Hạ – Drang Hơm biết, nếu không ông sẽ ăn thịt chúng ta.

Rồi các nàng đi gọi Drang Hạ – Drang Hơm.

– Ơ ông, hãy dậy đi! Sao ông ngủ say thế? Sao ông ngáy to thế? Chúng tôi muốn báo cho ông biết:
Chúng tôi không muốn tắm nước *ghè*, nóng
Không muốn tắm nước nồi đồng, bẩn
Chúng tôi muốn tắm nước sông mát mẻ

Tắm ở nơi có bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao

Drang Hạ – Drang Hơm: Ơ các cháu, tắm nhanh lên mà về kẻo gặp kẻ ác làng nào đến đánh làng ta. Gần đây đêm nào ta cũng nằm mơ thấy chuyện xấu, chắc có người muốn đánh làng ta. Nói rồi Drang Hạ – Drang Hơm nhổm dậy, thân hình to lớn, hai con mắt to bằng hai trái núi con, người cao sát mây xanh...

Báo cho Drang Hạ – Drang Hơm biết rồi, các nàng kéo nhau vừa đi vừa cười ròn rã. Đến bến nước họ cởi váy áo nhảy ào xuống sông. Thân hình các nàng làm sáng rực một vùng khiến anh em Noi bị lóa mắt không nhìn thấy gì nữa.

Noi rung reng những quả lục lạc to bằng cán rựa
Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc đồng ngân lên thành tiếng

Nghe tiếng lục lạc, các cô gái nhìn lên thấy một chàng trai đẹp đẽ, bụng nhỏ như con ong, lưng thon như cây đẽo, mắt sáng như trăng rằm mới ló ra từ đỉnh núi chiếu sáng nửa vùng đất. Các nàng xấu hổ vội quay mặt đi.

Noi: Em ơi, đừng ngại ngùng chi, mắc cỡ gì, chúng tôi đang núp ở gốc cây sung thấp, ở gốc cây đa cao. Các em đừng chạy về, hãy ở lại đây nói chuyện với chúng tôi.

Một cô (trả lời): Ơ, đừng nhìn chúng em, chúng em đang ở trần, mắc cỡ lắm. Hãy cho chúng em mặc váy áo đã.

Noi: Không sao mà, em ơi ngại ngùng chi, xấu hổ. Các em hãy mặc váy đi. Tôi muốn chúng ta nói chuyện với nhau ở bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Các cô gái mặc váy áo xong, họ hỏi các chàng trai:
Hỡi các bạn nhỏ, con nhà ai
Khách từ nơi nào đến,
Nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn?

Các chàng trai: Ơ các em à, chúng tôi không còn mẹ, còn cha. Bố tôi sinh ra từ củ cây, mẹ tôi sinh ra từ cây mục thôi.

Các cô gái: Bây giờ chúng ta ngồi nói chuyện với nhau chưa vui, chưa sướng đâu. Chúng tôi muốn hỏi tên cho biết, hỏi tuổi cho

rõ, mai mốt gặp nhau ta còn biết mà nói chuyện. Ơ các chàng trai, hãy nói tên tuổi trước đi rồi chúng tôi nói sau.

Các chàng trai: Không phải đâu! Con gái nói tên trước đi, con trai nói trước sao được, không đúng mà.

Các cô gái: Các chàng à.

Dẫu giấu cũng chẳng được

Dẫu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với các chàng

Chúng tôi đây tên là Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi.

Bia Kơ Nhi: Còn các anh tên là gì, các anh là ai mà đẹp như trăng rằm mới ló, đẹp như mặt trời mới mọc chiếu sáng mặt đất. Các anh là con người hay con trời.

Noi: Em ơi! Dẫu giấu cũng chẳng được

Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với nhau

Chúng tôi tên là Yung, Yơl, Hơ Rit, Hơ Meng, Noi. Tôi thì tính nóng như lửa, không sợ ai trên đời, xứng là con cháu của *bók* Kei Đei.

Các cô gái (cười vang và nói): Ôi, may mắn quá, nói chuyện cùng nhau, chúng ta nói chuyện với nhau ở chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao, tỏa bóng mát xum xuê.

Noi à, chúng tôi buồn lắm
Mẹ chúng tôi không còn
Bố chúng tôi đã mất
Chúng tôi ở với Drang Hạ – Drang Hơm
Sức mạnh như thần
Đánh núi núi lở
Đánh đá đá vỡ
Đánh nước nước cạn

Noi ơi, chúng tôi thương Đăm Phu, Đăm Prel khỏe mạnh. Ngày xưa chúng tôi cũng trò chuyện ở đây. Các anh ấy cũng dũng cảm,

cũng tài giỏi, cũng đi đánh Drang Hạ – Drang Hơm nhưng đã bị lão giết mất rồi.

Noi: Các em à! Dẫu giấu cũng chẳng được.

Dẫu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với em

Chúng tôi cũng muốn đi trả thù cho chú Đăm Phu, Đăm Prel, chú của chúng tôi.

Chúng tôi muốn phá tổ ong *Bu*

Chúng tôi muốn quạt tổ ong *Kuang*.

Các cô gái: Noi ơi, chúng ta ngồi đây sợ ông Drang Hạ – Drang Hơm biết. Ông đã dặn chúng tôi tắm nhanh rồi, không về ông sẽ giết đó, Noi à.

Noi: Em ơi, không sao đâu, ta hãy ngồi nói chuyện cùng nhau một tý thôi để nhớ nhau. Đừng lo gì, đừng sợ gì Drang Hạ – Drang Hơm. Tôi cũng tài, cũng giỏi như Drang Hạ – Drang Hơm. Nghe tên tôi con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất.

Con trăn lớn phải giật mình

Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem

Các nàng ơi, các nàng có biết của cải, đao *khiên* của Drang Hạ – Drang Hơm để đâu không?

Bia Kơ Nhi: Noi ơi, của cải của ông Drang Hạ – Drang Hơm nhiều không kể hết, để ở khắp núi khắp rừng, nhưng chỉ toàn là *khiên* thôi. *Khiên* để đầy rừng đầy núi.

Hết đêm này qua đêm khác, đã ba ngày rồi. Drang Hạ – Drang Hơm vẫn ngủ say sưa, tiếng ngáy ầm ầm.

Noi liền nói với các anh và các cô gái:

Ơ các anh, ta đi đốt những nơi Drang Hạ – Drang Hơm để *khiên* thôi!

Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi, các nàng hãy chỉ chỗ để *khiên* trong nhà Drang Hạ – Drang Hơm để chúng tôi đốt đi.

Các cô gái dắt anh em Noi tới những chỗ để *khiên*. Thế là lửa cháy hừng hực, khói bốc nghi ngút làm mờ mịt đất trời.

Nghe những tiếng nổ ầm ầm đất trời, rung chuyển, khói bay mù mịt, lại thấy tiếng hò reo của anh em Noi. Bia Răk lo lắng than thở.

Bia Răk: Hỡi *Dàng* ơi, hỡi *Ma Brâu*[1] *ơi, con ta tính nóng như lửa không biết sợ ai, là con cháu của bók* Kei Đei, ta không cho chúng đi đánh nhau với Drang Hạ – Drang Hơm vì chúng còn nhỏ như con sóc mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn, nhưng chúng không nghe lời ta, không biết sẽ thế nào.

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Cho con tôi đánh thắng Drang Hạ – Drang Hơm
Tôi xin cúng trời một con trâu đực
Giẫm đất đất lún
Húc núi núi lở
Đâm cây cây ngã
Thấy vợ than thở, lo lắng, Xét hỏi.

Xét: Bia Răk à, nàng nói gì? Có việc gì mà một mình nàng lo sợ, ngại ngần?

Bia Răk: Xét ơi, chàng không biết à. Lũ con ta đã đi đốt tổ ong *Bu*, phá tổ ong *Kuang*, đi đánh Drang Hạ – Drang Hơm có sức lớn như thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn. Tôi vừa cầu trời cho các con vì tôi thấy khói lửa của chúng nó đốt *khiên* của Drang Hạ – Drang Hơm.

Xét: Chúng nó đi lúc nào mà ta không kịp hay biết? Ta tưởng chúng nó đi săn như mọi khi.

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Cầu cho các con tôi đánh thắng Drang Hạ – Drang Hơm
Tôi xin cúng trời con trâu đực
Giẫm đất đất lún
Húc núi núi vỡ
Đâm cây cây đổ

Bia Răk: Mẹ ơi, sao khổ thế này? Con ơi chết hết mất con ơi. Ai chẳng biết Drang Hạ – Drang Hơm có sức mạnh như thần. Ông ta đã từng đi ăn người ở *đường* Jơrai, *đường* Doăn, *đường* Chăm. Ai chẳng biết, nghe tên ông con cá trầu sông Ba phải chui xuống

---

1. Brâu: vị thần cai quản thế giới người chết.

đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem – Sức các con còn nhỏ như con sóc mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn mà sao các con đã dám đi đốt tổ ong *Bu*, phá tổ ong *Kuang*? Các con sẽ chết mất, con ơi!

Trong khi Bia Răk lo lắng, sợ hãi thì anh em Noi đã đốt gần hết *khiên* của Drang Hạ – Drang Hơm, chỉ còn *khiên* ở xung quanh hắn.

Noi rủ các cô gái:

– Ơ các nàng à, ta cùng nhau đi chơi chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao đi!

Và chàng dặn các anh:

– Các anh à, các anh hãy đi hỏi thử *khiên* Drang Hạ – Drang Hơm xem. Các anh hãy hỏi như thế này:

" – Ơ ông! Làng có kiêng cữ gì không?

Nếu có kiêng cữ thì chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Nếu không kiêng cữ thì chúng tôi ghé qua!"

Nghe lời Noi, Yung đi đến chỗ Drang Hạ – Drang Hơm ngủ và hỏi:

Yung: Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?

Nếu có kiêng cữ thì chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Nếu không kiêng cữ thì chúng tôi ghé qua.

Yung gọi mấy lần, Drang Hạ – Drang Hơm mới tỉnh, hắn bật dậy:

Thân hình cao đụng trời xanh

Rốn to bằng núm chiêng

Mắt to bằng quả cà bát

Mặt to bằng cái nong.

Hắn cất tiếng ồm ồm hỏi Yung.

Drang Hạ – Drang Hơm: – Ơ cháu ơi, làng ta không kiêng cữ gì cả, vào đi, ngại ngùng gì, mắc cỡ ai?

Cháu muốn đi đâu? Sao lại có chuyện lạ này? Ta chưa bao giờ thấy cháu đến đây?

Lạ như người Jorai gánh muối

Như người Bâhnar gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm.
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu

Yung: Ông à, dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với ông

Tôi muốn đi hỏi xin *khiên* ông. Chúng tôi nghe tiếng kêu rung chuyển đất trời của *khiên* ông, chúng tôi muốn tập đánh nhau, ông hãy dạy cho chúng tôi.

Chúng tôi muốn làm chim ưng bay dọc, muốn làm chim diều bay ngang...

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu ơi, được thôi. Cháu muốn xin *khiên* à, *khiên* nhiều lắm, đầy núi đầy rừng, ta cho cháu bảy bộ *khiên* đó.

Yung nhận *khiên* và bay về chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Noi: Kìa anh Yung đã lấy được *khiên* rồi, ra đi thôi, Yol ơi!

Yol đứng dậy, mang theo ba trăm ống điếu, ba trăm tăm nhựa. Yol bước đi nhanh như sóc, thân hình nhỏ bé nhưng vững chắc. Hai mắt chàng to, sáng như mắt mèo và miệng thì lúc nào cũng nhả khói mù mịt.

Yol vào làng Drang Hạ – Drang Hơm, chàng nhìn thấy nhà rông cao sừng sững sát tận trời xanh, Yol cất tiếng hỏi:

Yol: Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?
Nếu không kiêng cho tôi ghé qua
Nếu có kiêng xin chỉ đường cho tôi ra
Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Drang Hạ – Drang Hơm (nghe tiếng hỏi liền bật dậy – Nhìn thấy Yol, hắn nói):

– Cháu ơi, làng ta không kiêng cữ gì, cháu vào đi, ngại ngùng gì, mắc cỡ ai?

Cháu muốn đi đâu? Sao lại có chuyện lạ này. Ta chưa bao giờ thấy cháu đến đây.

Lạ như người Jorai gánh muối
Như người Bâhnar gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu

Yol: Ông à, chúng tôi nghe con nít nói, nghe con gái bảo rằng ông Aniung, Aniang muốn đi đánh ông nên chúng tôi muốn đến hỏi xin *khiên* ông để tập luyện giúp ông. Chúng tôi muốn làm con chim ưng bay lượn trời xanh, muốn làm con diều bay qua *đường* Lào để xứng đáng là Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng, Noi.

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu à, *khiên* thì nhiều lắm, đầy núi đầy rừng, muốn bao nhiêu cũng được. Ta cho cháu năm bộ *khiên* đó, hãy lấy đi.

Yol nhận *khiên* rồi quay về chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Mấy anh em Noi reo lên:

– *Kìa, Yol lấy được khiên* rồi. Hơ Rít đi đi thôi!

Hơ Rít đứng dậy, chàng mảnh khảnh nhưng vững chắc, bụng chàng nhỏ như con ong, lưng thon như cây đẽo.

Hơ Rít đến làng Drang Hạ – Drang Hơm, chàng nhìn thấy khỉ vượn nô đùa trên nóc nhà *rông* cao sừng sững sát tận trời xanh. Hơ Rít cất tiếng hỏi.

Hơ Rít: Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?
Nếu không kiêng cữ cho tôi ghé qua
Nếu có kiêng xin chỉ đường cho tôi ra
Đưa lửa cho tôi hút

Drang Hạ – Drang Hơm: Ai nữa đấy, hỏi gì đó. Ta đang muốn ngủ, không vào được. Sao hỏi miết, muốn gì vậy?

Hơ Rít: Chúng tôi đi hỏi *khiên*, chúng tôi nghe ông Aniung, Aniang đỡ đất đỡ trời muốn đánh ông. Chúng tôi muốn giúp ông,

muốn làm con chim ưng bay dọc, muốn làm con chim diều bay ngang để xứng là con cháu *bók* Kei Đei.

Drang Hạ – Drang Hơm: Chúng mày muốn *khiên* làm gì mà nhiều vậy. Ta đã cho nhiều rồi. Đây ta cho thêm bảy chiếc nữa.

Hơ Rít mang *khiên* vào lưng và đi về chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Mấy anh em Noi lại reo lên:

– Kìa, Hơ Rít lấy được rồi, Hơ Meng lại đi thôi!

Hơ Meng: Các anh hãy chờ xem, tôi sẽ lấy được *khiên* ngay thôi.

Hơ Meng đi đến làng Drang Hạ – Drang Hơm, chàng cất tiếng hỏi:

– Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?

Nếu không kiêng cho tôi ghé qua

Nếu có kiêng xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Drang Hạ – Drang Hơm (nằm yên trong nhà hỏi vọng ra):

– Ai nữa đó, muốn hỏi gì? Ta đang muốn ngủ, không vào được!

Tại sao chúng mày muốn vào mãi thế. Muốn kiếm gì làm ta muốn ngủ cũng không được.

Thằng nhãi con, mày như sợi chỉ cây kim, tao giẫm một cái thì nát, tao nuốt một cái thì trôi. Hay bọn bay muốn đánh nhau với tao chăng?

Hơ Meng: Không phải thế đâu, tôi đâu dám như thế. Chúng tôi chỉ muốn xin ông nhiều *khiên* thôi, vì chúng tôi nghe nói ông Aniung, Aniang, Driang Teh, Drang Plênh muốn đánh lại ông. Chúng tôi muốn cùng ông làm con chim ưng bay lượn ngang trời, làm con diều bay qua *đường* Lào, bay tít tận mây xanh.

Drang Hạ – Drang Hơm: Thế là thế nào? Tao cho chúng mày nhiều rồi cơ mà. Đây, tao cho tụi bay thêm năm chiếc nữa.

Hơ Meng vội với lấy năm chiếc *khiên* mang về chỗ cây sung thấp, cây đa cao. Chàng kể lại với Noi:

Hơ Meng:

– Lão ấy ghét bọn ta lắm rồi. Lão muốn nghiền nát tôi, nuốt sống tôi. Lão nói: Có phải bọn ta muốn đánh lão chăng?

Noi: Các anh à, ta hãy đeo mỗi người một túi thiêng[1], túi có dệt đường mặt trăng, dệt đường sông trời. Các anh hãy bỏ hết *khiên* vào túi và mời các cô gái chui vào túi.

Năm cô gái nhẹ nhàng chui vào túi của năm anh em. Bia Ko Nhi chui vào túi của chàng Noi.

Xong đâu đấy, Noi dặn các anh:

– Các anh hãy chờ ở đây, tôi đi trước, đánh Drang Hạ – Drang Hơm trước.

Nói rồi Noi bước đi.

Chàng đẹp như con ong vàng, ong mật
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Mặt đẹp như trăng rằm mới ló
Chiếu sáng mỗi bước chàng đi
Nói một lời ầm ầm sấm chớp
Nói hai lời ào ào mưa đổ
Hắt hơi một cái trời rung đất chuyển.
Miệng chàng ngậm ống điếu bằng bạc
Thuốc chàng hút nhỏ, vàng như sợi thuốc người *Doăn*
Thơm như mùi ruột cây *ko lâu*
Ngọt như mật con ong rừng
Khói thuốc lúc nào cũng bay nghi ngút
Chàng đeo lục lạc to như cán rựa
Bước một bước

---

1. *Túi thiêng*, mỗi tráng sỹ thường đeo khi ra trận. Trong túi có để những "bảo bối", những vật thường là bằng đá, tương truyền là nơi trú ngụ của vị thần bản mệnh của tráng sỹ đó. Trong túi còn có những thuốc quý làm người uống tăng dũng khí và các loại thuốc "thần" có thể nối lại đầu người bị chém đứt... Túi của các anh hùng trường ca còn có nhiều phép màu linh thiêng hơn nữa. Ví dụ như có sức chứa gần vô hạn (chứa tất cả *khiên* và các cô gái). Túi của họ thêu hoa văn mặt trăng và một vệt hoa văn chấm trắng nhỏ mà họ gọi là "đường sông trời" mô phỏng vệt sáng của giải sao ngân hà.

Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Bước hai bước
Lục lạc vàng ngân lên thành tiếng.
Noi đến làng Drang Hạ – Drang Hơm, chàng cất tiếng hỏi:
– Ơ ông Drang Hạ – Drang Hơm sức mạnh hơn thần
Đánh núi núi lở
Đánh đá đá vỡ
Đánh nước nước cạn
Làng ông có kiêng cữ gì không
Nếu không kiêng cho tôi ghé qua
Nếu có kiêng thì chỉ đường cho tôi ra
Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Drang Hạ – Drang Hơm đang ngủ, nghe tiếng gọi, liền bật dậy. Hắn nhìn ra, thấy Noi.

Drang Hạ – Drang Hơm: Noi à, không sao đâu, không kiêng cữ gì, vào đi. Cháu đi đâu đó?

Ô lạ quá
Lạ nhiều
Lạ như người Jơrai gánh muối
Như người Bâhnar gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu

Noi: Ông ơi,
Dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với ông

Tôi muốn đi hỏi *khiên* ông vì tôi nghe nói ông Aniung, Aniang, Driang Teh, Drang Plênh chống đất chống trời muốn đánh lại ông. Tôi muốn cùng ông làm con chim ưng bay dọc, làm con chim diều bay ngang. Tôi đây cũng tài, cũng giỏi như ông. Nghe tên tôi con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất.

Con trăn lớn phải giật mình

Con rồng thần phải nhỏm dậy ngó xem

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu ơi, *khiên* của ta nhiều lắm, đầy núi, đầy rừng. Ta cho cháu bảy bộ đó, cháu lấy đi.

Noi cầm lấy *khiên* cho vào trong miệng nuốt ngay, không kịp nhìn đã thấy bảy bộ *khiên* biến mất.

Noi: Ông ơi, *khiên* nhiều rồi, giờ tôi muốn *khiên* Tia chớp, *khiên* có thể tách đôi đất trời, tôi muốn gươm Kochốt Yol, bay xa được, bay về được và tôi muốn cái búa của ông đó. Dù ông không muốn, ông cũng phải chia cho tôi!

Nghe Noi nói vậy, người Drang Hạ – Drang Hơm đỏ rực lên, đỏ như quả ớt chín, thân thể như tắm máu. Hai người bắt đầu gầm gừ với nhau. Tiếng gầm ngày càng to. Noi đã sẵn sàng, nhanh như chớp, chàng xông vào cướp lấy chiếc *khiên* Tia chớp mặt trời và gươm Kochôt Yol cùng chiếc búa thần đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn. Noi đánh Drang Hạ – Drang Hơm túi bụi nhưng đều không trúng, chệch bên nọ, chệch bên kia, lửa tóe ra từ *khiên*, từ gươm, từ búa sáng chói như sấm chớp, đất muốn lở, trời muốn long.

Các anh Noi đang ở chỗ cây sung thấp, cây đa cao bỗng thấy đất trời rung chuyển, biết rằng Noi đã đánh nhau với Drang Hạ – Drang Hơm, Yung nói với các em.

Yung: – Ơ các em, ta cùng nhau đi đánh Drang Hạ – Drang Hơm với Noi đi!

Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng kéo nhau đến nhà *rông*, các chàng rút búa trong túi đường trăng, đường sông trời ra, rồi lao vào đánh Drang Hạ – Drang Hơm.

Đánh nhau được một lát, Drang Hạ – Drang Hơm bắt đầu yếu dần, hắn lừ đừ, lảo đảo muốn ngã. Đúng lúc ấy, thì Bia *Khiêl*[1], nô lệ của Drang Hạ – Drang Hơm hiện ra, nàng ngạc nhiên kêu lên:

---

1. *Bia Khiêl*: Nữ thần *khiên*. Mỗi chiếc *khiên* của các tráng sỹ trường ca đều có một vị thần nữ tính. Vị thần này là bản mệnh bảo đảm cho chiếc *khiên* có những tính năng phép thuật riêng khi tráng sỹ chiến đấu, nữ thần *khiên* nằm ở trong *túi thiêng* hoặc ngay trong *khiên*. Khi một tráng sỹ bị giết, chiếc khiên bị kẻ chiến thắng chiếm đoạt thì nữ thần *khiên* đó sẽ lại là nô lệ của người chủ mới.

– Sao thế này? Dàng ơi, sao già làng của chúng tôi lại như thế này?

Drang Hạ – Drang Hơm: Ô *Bia Khiêl*, hãy nhanh lên, lấy cái chổi thép quét chúng nó đi.

Dàng ơi, tai tôi con gấu nó ăn, con nhím nó đóng mất rồi, có chuyện dữ rồi.

Noi: Ơ các anh. Drang Hạ – Drang Hơm muốn quét chúng ta bằng chổi thép đó. Các anh hãy chạy nhanh về làng bố mẹ, nếu không sẽ chết mất.

Drang Hạ – Drang Hơm liền lấy chổi thép quét một nhát, đất trời rung chuyển, cây cối ngả nghiêng, bụi bay mù mịt, núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Noi chui vào cằm Drang Hạ – Drang Hơm, còn bốn anh của chàng chạy tan tác, nhảy từ sàn nhà *rông* của lão tới thuyền và bay thẳng về làng mẹ.

Drang Hạ – Drang Hơm: Ha, chúng nó đã chạy táo tác, ta sẽ quét liền bảy ngày bảy đêm. Ta sẽ làm cho trời long, đất lở, ta sẽ biến núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu. Lũ bay đã biết tay ta chưa! Noi đã chết mất tăm mất tích, ta không kịp ăn người nó.

Noi: Ơ, ông ơi, mắt ông lác rồi, mắt ông sáng cái vỏ mà mờ con ngươi nên không nhìn thấy tôi đâu. Tôi đang ở đây này.

Nghe tiếng Noi, Drang Hạ – Drang Hơm gầm lên tức giận. Lão lấy chổi thép quét liền bảy ngày, bảy đêm. Tôi tớ của lão nhiều như lá cây rừng, đông như con rời đất, nghe thấy đất chuyển, trời rung, nhìn thấy bao nhiêu buôn làng bị đất vùi kín.

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu Noi ơi, ta đánh nhau đã đúng ba tháng, giờ cháu cùng ta về nghỉ chỗ bóng cây đa cao, bóng cây sung thấp, ta sẽ cùng cháu ngồi hút thuốc. Thuốc của ta nhỏ vàng như sợi thuốc người *Doăn*, thơm như mùi ruột cây *ko lâu*, ngọt như mật ong rừng.

Noi từ cằm Drang Hạ – Drang Hơm bước ra, đi nhanh như gió.

Chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo

Mắt chàng đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi

Chàng đến nghỉ dưới bóng cây *breng* đực, cao sát tận trời xanh. Chàng lấy thuốc mời Drang Hạ – Drang Hơm:

Mời ông hút tạm thuốc của tôi
Thuốc này nhạt nhẽo
Thuốc người ta bỏ đi
Thuốc tôi hôi mùi cứt con gián
Thuốc tôi thối mùi dắm con giun đất

Drang Hạ – Drang Hơm đưa *khiên* ra lấy thuốc. Bỗng có tiếng nổ như sét đánh, rồi những cây thuốc tự mọc lên rất nhanh trên *khiên* của lão.

Drang Hạ – Drang Hơm:

Cháu Noi ơi, hãy hút thuốc của ta
Thuốc của ta vàng, nhỏ như sợi thuốc người *Doăn*
Thơm như mùi ruột cây *ko lâu*
Ngọt như mật con ong rừng

Noi đưa *khiên* ra lấy thuốc, *khiên* của Noi quay nhanh quấn thuốc lại, thuốc vào đến đâu thì nẩy mầm, mọc thành cây đến đó.

Có tiếng một cô gái:

– Ê la, thật là giỏi hơn thần, giỏi như trời. Hai người cùng tài, cùng giỏi như hai cây tiện bằng đầu.

Noi: Đúng rồi. Hai chúng ta đánh nhau. Hai chúng ta cùng làm con chim ưng bay dọc, cùng làm con chim diều bay ngang cất tiếng kêu vang động trời xanh, rừng thẳm.

Nghe tin Noi đang đánh nhau với Drang Hạ – Drang Hơm, các cô gái ở nhiều buôn làng đều muốn giúp chàng thắng được Drang Hạ – Drang Hơm.

Các cô gái ở làng của mẹ Noi gọi nhau:

– Dàng ơi, tai tôi bị con dúi nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi. Tôi quên mất chàng Noi đang đánh nhau với Drang Hạ – Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn.

Noi ơi, tôi thương Noi bị đói đã lâu ngày; bị lũ diều hâu vây không về ăn được.

– Ơ, bạn ơi, ta đi mau giúp Noi đánh Drang Hạ – Drang Hơm thôi.

Rồi các cô gái lấy cơm thổi bằng gạo lúa *Ke*[1], lúa *Chăm*[1] năm lần giã, bẩy lần vo bằng nước đầu nguồn và lấy dao *Săng– đao*[2] cho vào gùi *Breng*. Xong đâu đấy, họ khoác áo có cánh và bay lên ngang trời.

Các cô gái đeo vòng bạc ở chân, đeo vòng đồng ở tay, mặc váy dầy ba trăm lớp vẫn thấy bắp vế trắng bên trong. Họ bay đến đâu, đất trời chói lòa đến đó, khiến cho Drang Hạ – Drang Hơm lóa mắt. Lão nhìn đằng trước không thấy Noi, nhìn đằng sau không thấy Noi, chỉ thấy đất trời mù mịt những mây, lão hoa mắt, chóng mặt, không còn biết làm gì.

Các cô gái trong khiên của Drang Hạ – Drang Hơm kêu lên:

– Sao lại thế này. Sao ông Drang Hạ – Drang Hơm của chúng ta lại hoa mắt, chóng mặt thế này! Ông ơi, hãy lấy *khiên* Tia chớp mặt trời ra đi, nếu không, chúng ta sẽ chết mất.

Drang Hạ – Drang Hơm chộp ngay lấy *khiên* Tia chớp mặt trời, vung lên một cái, trời bỗng bừng sáng, tất cả lại nhìn thấy rõ ràng, đất trời lại ấm áp, con diều hâu lại cất tiếng kêu vang động. Nắng càng ngày càng gay gắt. Nắng làm nổ cây *lồ ô*, nắng làm toác cây *le*, nắng đốt nóng tim người, nắng nung đầu người hừng hực. Đến lúc đó, Drang Hạ – Drang Hơm mới thấy chiếc *khiên* của Noi quay tít trước mặt, che kín người chàng, không hở một tí đầu, không hở một tí chân nào. Lão tức giận kêu lên:

Drang Hạ – Drang Hơm: – Cháu ơi! Mày hãy chờ xem! Hỡi thằng cháu hỗn láo kia, mày sẽ biết tay tao. Tên tao con cá trầu sông Ba nghe phải chui xuống bùn, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem.

Nói rồi, Drang Hạ – Drang Hơm chộp lấy dao có cán bịt đồng, khắc những vòng chìm vòng nổi, có tua buộc sặc sỡ, chiếc dao liếc

---

1. Loại gạo của đồng bào dân tộc nhỏ hạt và thơm ngon.
2. Loại dao sắc, dài một gang tay, dùng riêng cho nữ.

vào núi cháy núi, quệt xuống nước nước cạn, xông vào chém Noi. Hai bên đánh nhau không thấy tiếng chạm gươm đao, chỉ thấy đường guơm, *khiên* loang loáng, thấy gió thổi ào ào.

Drang Hạ – Drang Hơm: Con mẹ mày, Noi ôi! Thằng cháu hỗn láo kia, mày chờ xem tao sẽ cho mày nếm thử *lửa tranh* để dưới đất cháy đất, để trên trời cháy trời. Mày hãy chờ xem lửa trong lòng *khiên* của tao.

Lão nghiêng *khiên*, lửa tuôn ra cháy rừng, lửa bốc lên cháy trời, lửa roi xuống cháy đất.

Noi quay *khiên*, sấm sét nổi lên rung chuyển trời đất, nước ào ào trút xuống. Noi lấy chiếc *khiên Nôm ba* quay thử, chùm kín người chàng lại. Noi lấy chiếc *khiên Cho neng* ngăn đôi đất và nước, thế mà lửa vẫn cháy rừng rực làm cho Noi không biết lấy gì chống đỡ. Noi hết cách chống lại rồi.

Các cô gái *trong túi* kêu Noi:

Sao lại thế này *người già* của chúng tôi?
Sao lại thế này *người già* chúng tôi?
Sao lại ngủ say thế *người già* chúng tôi?
Sao lại ngủ li bì *người già* chúng tôi?
Noi ơi, hãy lấy ngay *khiên Brưng đúp*
Chiếc *khiên* dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp
Chiếc *khiên* rộng như lòng sông Ba
Người già chúng tôi ơi
Hãy lấy ngay *khiên Brưng đúp*
Nếu không ta sẽ chết ngay, chết ngay về tay lão

Noi:

Tai tôi bị bụi đất lấp đầy rồi
Tai tôi bị con *dúi* nó đục, con nhím nó bịt kín mất rồi
Mẹ ơi! Không biết làm gì!

Noi bèn chụp lấy *khiên Brưng đúp* dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp, rộng như lòng sông Ba.

Noi quay *khiên Brưng đúp* dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp, rộng như lòng sông Ba – Tiếng xèo xèo nổi lên, nước bỗng đâu chảy chan chứa, lan rộng mênh mông như lòng sông Ba ngày nước lớn,

không thấy đâu là bờ. Lửa tức khắc bị dập tắt, không còn thấy chút nào.

Drang Hạ – Drang Hơm: Ê la! Sao lại thế này. Thằng Noi tài hơn thần, giỏi ngang trời, giỏi hết mọi điều, biết hết mọi thứ thật rồi.

Noi ơi, mày hãy chờ xem! Ta sẽ lấy cái búa đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn, đánh cây cây đổ.

Drang Hạ – Drang Hơm vung búa lên, thấy lông nách tua tủa, cứng như lông nhím. Khi hạ búa xuống, mây đi trốn hết về hai phía chân trời. Tiếng búa đánh ầm ầm nhưng đều không trúng Noi. Tiếng búa làm cho mặt đất nghiêng ngửa, trời sắp sập, đất như sắp lở.

Đã bảy lần Drang Hạ – Drang Hơm đánh búa – lão đã mệt rồi. Lão thôi không vung búa nữa. Noi cũng ngừng quay *khiên, xếp khiên* bỏ vào túi thêu mặt trăng, thêu dải sông trời.

Drang Hạ – Drang Hơm (nói)

– Thôi, thôi Noi ơi! Ta đi nghỉ nơi cây *breng* cao ngút tầng mây kia để ta trò chuyện.

Noi: Ông à, ta đánh nhau đã lâu lắm rồi. Đã năm năm rồi. Ta đánh nhau từ khi tôi còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới lớn, từ khi tôi cầm cái *khiên* còn quệt đất, nay tôi đã thành thanh niên trai tráng, sức đã mạnh, chạy đã nhanh mà ta chưa nghỉ lấy một lần. Nay ta nghỉ ngơi, hút thuốc thơm lấy từ *ghè stôk, sdang*. Thuốc nhỏ như sợi thuốc người *Doăn*, thơm như mùi ruột cây *ko lâu*, ngọt như mật con ong rừng. Thuốc như thế mới xứng miệng hai ta.

Nói rồi, hai người cùng đi nghỉ ở gốc cây *breng*.

Noi (nói với Drang Hạ – Drang Hơm):

– Ông ơi, ta đánh nhau từ từ, thong thả, không vội, vì:

Ta vừa đánh vừa nghỉ
Như chim ưng lượn vòng trên trời
Như chim diều chao cánh trên mây
Ông ơi! Ông à
Nàng Bia Lao cũng đẹp, cũng xinh
Các nàng ngồi nghỉ giữa hai ta

Noi lấy thuốc thơm ngon, thuốc nhỏ như sợi thuốc người *Doăn*, thơm như mùi ruột cây *ko lâu*, ngọt như mật con ong rừng ra mời Drang Hạ – Drang Hơm:

Ơ ông,
Thuốc tôi nhạt nhẽo
Thuốc người ta bỏ đi
Thuốc tôi hôi mùi cứt gián
Thuốc tôi thối như dắm con giun đất
Mời ông hút tạm thuốc của tôi.

Drang Hạ – Drang Hơm ngửa *khiên* đón lấy thuốc. *Khiên* quay từ chân đến đầu, và tự nhiên những cây thuốc mọc lên rất nhanh ở trên *khiên*.

Drang Hạ – Drang Hơm cũng lấy thuốc ra mời Noi:
– Ê la, Noi ơi, hãy hút thuốc của ta!
Thuốc của ta nhỏ, vàng như sợi thuốc người *Doăn*
Thơm như mùi ruột cây *ko lâu*
Ngọt như mật con ong rừng

Noi đưa chiếc *khiên Dung Brang Zang Sun* đón lấy thuốc. Thuốc vào *khiên* Noi bỗng nhiên nảy mầm, mọc thành cây, lớn mau như thổi, chốc lát đã đầy *khiên*...

Bia Lao: Ông à, ông ơi
Tôi khen hai người ngang tài, ngang sức
Ngang nhau như đầu gỗ tiện bằng đầu
Không ai thua, không ai vượt
– Noi ơi, tôi muốn hai người thử làm ra trời nắng chói chang
Cho con diều hâu cất tiếng kêu vang
Cho cây *lồ ô* nổ toác
Nắng xoáy vào tim
Nắng vỡ cả đầu
Cho con chim ưng lượn vòng
Cho con diều hâu lượn tròn sang tận *đường* Lào.

Noi: – Ông ơi! Ông à! ông thử xem
Ông cắt rốn trước, chân đạp đất trước
Ông làm trước
Tôi còn nhỏ như con sóc mới sinh

Như con sâu mới lớn
Tôi xin làm sau

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu à! Ai lại như thế bao giờ. Cháu làm thử trước đi

Hãy làm con chim ưng bay vòng, con diều hâu liệng tròn trên *đường* Lào
Ta muốn nghe tiếng chim ưng vang động
Tiếng diều hâu cao vút trời xanh.

Noi: Ông ơi! Ông à! Ai lại như thế bao giờ. Ông cắt rốn trước, chân đạp đất trước, ông làm thử trước. Để cho tôi tớ chúng ta đông như con dòi đất, nhiều như lá cây rừng, nghe tiếng hai đứa mình đánh nhau rầm rầm như sấm sét, đất trời rung chuyển, mịt mù cát bụi.

Drang Hạ – Drang Hơm: Ê la! như vậy tôi thử làm trước xem sao.

Nói rồi Drang Hạ – Drang Hơm cầu trời:
Cầu trời cho tôi giỏi hơn thần, tài ngang trời
Cho phía *Kur*[1] cũng nghe danh
Phía Bâhnar *Kriêm*, cũng biết tiếng
Phía Jơrai, Xê Đăng cũng biết tên
Rằng ta giỏi hơn thần, tài như trời, giỏi hơn Noi
Hỡi bùa *Leng beng*[2]
Hỡi ngải Kueng Krông[3] mọc bên khúc sông ngoặt
Hãy dậy mau.

Drang Hạ – Drang Hơm dứt lời thì trời nắng chói chang. Nắng làm cho Noi ngủ gà ngủ gật. Chiếc lồng chim trĩ giắt ở búi tóc rung rinh và quệt xuống đất. Nước mắt chàng chảy ròng ròng như muốn khóc.

Trước đây, khi đang đánh nhau, Noi là người thần núi phải sợ, thần nước phải kiêng, phải cúng. Thế mà bây giờ Noi lại mỏi

---

1. *Kur*: Căm-pu-chia.
2. Bùa quyến rũ.
3. Ngải mê hoặc.

mệt vì Drang Hạ – Drang Hơm làm nắng chói chang. Nắng xoáy vào tim, nắng vỡ cả đầu, nắng làm chim ưng kêu vang động, làm diều hâu kêu lớn giữa không trung cao vút. Drang Hạ – Drang Hơm làm nắng năm ngày năm đêm liền.

Rồi lão kêu Noi:

– Cháu Noi ạ! Đó, sức của tao có ngần ấy đó. Bây giờ mày làm thử xem. Tao hết sức rồi.

Noi đứng dậy
Chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây dẽo
Noi cất tiếng cầu trời

Noi: – Cầu trời: Nếu tôi tài hơn các vị thần
Mạnh hơn Drang Hạ – Drang Hơm
Rốn to bằng núm chiêng
Mắt to bằng quả cà bát
Thân hình cao đụng trời xanh
Đánh núi núi lở
Đánh đá đá vỡ
Đánh nước nước cạn
Thì trời sẽ làm cho Drang Hạ – Drang Hơm ngủ gà ngủ gật
Khóc ứa nước mắt nước mũi.

Dứt lời, Noi vỗ tay vào ngực hóa ra con diều vút bay lên chín tầng mây – Rồi chàng làm phép khiến trời trở nên nắng chói chang, cây cối khô héo, nứa *lồ ô* nổ lốp bốp, nắng đến tức ngực vỡ đầu. Noi tung bùa phép gọi các cô gái *Doăn*, Jorai, H'bai, Chăm bị Drang Hạ – Drang Hơm bắt trước đây đến tiếp sức cho chàng.

Con diều vừa bay lượn, vừa kêu vang trời. Tiếng kêu của nó cùng bùa phép của Noi làm Drang Hạ – Drang Hơm bỗng nhớ lại những con đường trước kia nó đã đi rình bắt người, nhớ lại những cô gái *Doăn* lão đã nuốt no nê, những cô gái Jorai lão đã ăn thịt nhiều vô kể, ăn cả làng *bók* Roh không để lại dấu vết gì.

Drang Hạ – Drang Hơm từ từ gục xuống, ứa nước mắt khóc. Lão ngủ mê man không còn hay biết gì.

Các cô gái (gọi nhau): Bạn ơi, ta đi vòng xem có khi lão còn giấu bùa phép thần.

Các cô gái nhìn thấy sau gáy lão có búi tóc to bằng hòm đựng người chết giắt chiếc kim bạc trắng như bụng cá, sáng chói mắt. Trên lưng lão đeo đầy lục lạc lớn bằng bạc kêu loẻng xoẻng. Gáy lão sáng rực lên. Bia Pơ Đuh bèn hóa ra thành con ruồi, nhúng hai tay vào cơm nếp bay ve ve, rồi nhanh như chớp sà vào búi tóc của lão rút chiếc kim bạc có bùa thần. Lập tức Drang Hạ – Drang Hơm thức dậy, lão chửi:

– Con mẹ cháu Noi! Mày tài hơn thần, giỏi hơn trời, mạnh hơn tao rồi. Bây giờ tôi bị đứa nào lấy cắp mất bùa thần rồi. Nhưng không sao. Nếu tao có chết, chết ở núi để chim ưng mổ, chết ở nước để cho cua, cá rỉa, chết ở nhà để cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Noi ơi, chắc tao sắp trở thành cây thấp, sắp biến thành con nòng nọc, sắp ở trần truồng như con cá mất rồi. Chắc tao phải sụp lạy Bia Pơ Đuh dưới gầm cầu thang, kẻ lấy bùa thuốc thần từ miệng tao, bùa thuốc thần như ý tao muốn, như tai tao ưng.

Bia Pơ Đuh: (cười hể hả) Ông ơi, vì ông bỏ quên bùa phép của ông nên chúng tôi lượm chơi thôi.

Drang Hạ – Drang Hơm: (giận dữ) Mày chờ xem, sẽ biết tay tao. Tao sẽ đánh cho nước biển cạn, nước sông Ba hết, đánh cho núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu. Tao không sợ tù trưởng bên đông, cũng chẳng sợ tù trưởng bên tây. Tao nhìn chúng nó không hết con mắt. Nếu tao có chết thì chết ở núi để cho chim ưng mổ, chết ở nước để cho cua, cá rỉa, chết ở nhà để cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh[1].

Noi: Ông ơi! Ông vẫn mạnh khỏe chứ! Đây, thuốc một trăm điếu, tăm nhựa một trăm que, ông hãy hút đi. Ta đánh nhau suốt ngày này qua đêm khác đã lâu rồi, hai ta đều mệt rồi, giờ ta nghỉ, hút thuốc chơi.

---

1. Trong tang lễ, đội chiêng thường xếp thành hàng dọc đi vòng quanh thi hài ở một vài chặng trên đường ra mộ.

Drang Hạ – Drang Hơm: Ơ Noi, khỏe cũng như không, không cũng như khỏe, mày hỏi làm gì. Hãy chém đi. Tao đã già rồi không sợ gì nữa. Nếu có chết, chết ở núi để chim ưng mổ, chết ở nước để cho cua, cá rỉa, chết ở nhà để cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Thuở tao còn mạnh, còn giỏi, thần nước cũng phải cầu cúng, thần núi cũng kiêng dè.

Nói xong, Drang Hạ – Drang Hơm xoay chiếc *khiên* quay vù vù che kín chân, lấp kín đầu, chiếc *khiên* khổng lồ chia đất ngăn trời, rồi lão kêu Noi:

– Ơ Noi, mày hãy chờ đấy, hôm nay tao với mày sẽ xem ai thắng được. Mày hãy chờ đấy xem tao phát đường. Noi ơi, mày hãy theo sau tao.

Lão vừa dứt lời, cả hai người cùng ném cỏ tranh cháy đất, cháy trời. Nhanh như chớp, Noi chặt đế gùi của bố nó: Chát! lửa phụt ra, trời đất cháy thành tro bụi.

Drang Hạ – Drang Hơm lấy *khiên* này ra đỡ cũng bị lửa thiêu, lấy *khiên* kia ra đỡ cũng bị lửa đốt. Lão hết tài rồi, không biết làm thế nào, lão phải lấy *khiên Bi-săm*, *khiên* biết bay biết lượn ra đỡ cũng bị cháy thành than. Lửa vẫn vây quanh lão.

Các cô gái trong *khiên* nhắc Drang Hạ – Drang Hơm:

– Ông ơi! Sao *già làng* của chúng tôi lại thế này!

Sao *già làng* của chúng tôi lại ngủ say li bì thế này?

Ông ơi, hãy lấy ngay *khiên Brưng đúp* ra thôi, kẻo ta chết mất.

Drang Hạ – Drang Hơm: Con mẹ nó, cái tai tôi con dúi nó chui, con nhím nó bịt mất rồi.

Nói rồi, lão rút chiếc *khiên Brưng đúp* dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp, rộng như dòng sông Ba. Lão quay *khiên*, nước bỗng ào ào tuôn ra dập tắt lửa, kêu xèo xèo. Phút chốc, mặt đất biến thành sông, thành suối. Cua cá từ chiếc *khiên* tuôn ra nhiều quá. Drang Hạ – Drang Hơm mải bắt cua cá, quên cả đánh nhau.

Noi: Lão Drang Hạ – Drang Hơm tài thật, giỏi thật. Thần cũng chịu kém, trời cũng chịu thua. Nhưng lão hãy chờ ta cũng là đàn ông như lão. Hôm nay ta sẽ đánh cho nước biển hết, nước sông Ba cạn, cho núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Drang Hạ – Drang Hơm múa *khiên* quay tít, chỉ thấy chiếc lông chim quý và đường ngôi mái tóc lão thò ra.

Noi (kêu lão):

– Ta đánh từ từ, ta đánh thong thả. Lão hãy đợi đấy, ta sẽ gõ trán lão bằng ống điếu bạc dài một sải, điếu vàng dài một tay, cay bảy sáng không hết.

Noi đập dồn ống điếu vào trán Drang Hạ – Drang Hơm, máu từ đầu lão tuôn ra như nguồn suối, lão rơi từ trên không xuống. Chân chưa chạm đất, lão đã nhớ ra, bèn lấy thuốc, nhổ nước bọt vào bôi lên vết thương. Vết thương kín miệng liền. Bỗng một tiếng nổ rung trời chuyển đất, Drang Hạ – Drang Hơm vụt bay lên không, biến thành một chàng trai cường tráng, cũng đẹp, cũng khỏe như Noi.

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu Noi ơi mày vẫn mạnh, vẫn khỏe đấy chứ? Đây, thuốc một trăm điếu, tăm nhựa một trăm que, ta hãy hút đi, ngứa họng lắm rồi.

Noi: Ông ạ, cháu vẫn thế thôi, không sao cả. Chẳng đau ốm gì.

Noi xoay *khiên* không ngừng, che kín đầu, lấp kín chân. Bùa phép của Drang Hạ – Drang Hơm làm chàng dần dần bị mê mệt. Thấy nguy đến nơi, chàng liền tự bóp mình lại thành con mọt, chui vào ẩn trong *tay cầm* của *khiên*. Chàng lấy chiếc võng *Kac– ta– tông* thêu hoa mạ vàng mắc vào tay *khiên*, ngủ.

Drang Hạ – Drang Hơm: Cháu ơi, mày che thân cho kín, che đầu cho khuất kẻo tao đánh trúng đấy.

Nhìn thấy đường ngôi trên đầu Noi lão bèn tung bùa phép thần và nói:

– Noi ơi! Kìa, kìa, đường ngôi trên đầu mày kia tao đánh một cái là trúng.

Noi nấp trong *tay khiên* nhưng lưng vẫn hở ra. Drang Hạ – Drang Hơm lại nói:

– Cháu ơi, hôm nay đời mày sẽ chết. Mày chờ đấy rồi sẽ biết.

Lão rút con dao biết đóng, biết mở ra, lão phóng dao, cắm phập vào lưng Noi. Lưng chàng bị thắt dần lại, sắp đứt làm đôi.

Nữ thần khiên (kêu lên): Dàng ơi, sao *người già* chúng tôi thế này? Sao người già chúng tôi lại ngủ mê mệt thế này.

Noi ơi, sao không lấy thuốc *kleng klong* cháy họng, cháy rừng xoa vào hai bên lưỡi kiếm, chặt vào chỗ nào liền chỗ đó đi.

Noi: Ôi cha! Suýt nữa muốn chết chơi. Vì tai tôi con *dúi* nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi.

Noi lấy thuốc từ trong túi thêu mặt trăng, thêu dải sông trời bôi cho lưỡi dao.

Rồi chàng kêu lên Drang Hạ – Drang Hơm:

– Ông ơi! Tại sao ông bỏ quên dao Kochôt yol của ông đây. Tôi lấy bỏ trong túi của tôi đây. Tôi muốn cả hai ta đều có dao Kochôt yol.

Drang Hạ – Drang Hơm tức lắm mà không biết làm gì, chỉ trơ mắt ra nhìn.

Noi lại nói:

– Ông ơi! Ta đánh nhau đã lâu lắm rồi. Từ khi tôi còn nhỏ như con sóc mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn, đến bây giờ tôi đã trở thành trai tráng, sức đã mạnh, chạy đã nhanh, hôm nay tôi muốn ông phải chết...

Người ta lại thấy đường gươm, đao khua loang loáng, lại thấy đất muốn lở, trời muốn sập.

Noi gọi các cô gái trong *khiên*:

– Ơ, các nàng Bia Pơ Đuh, Bia Kơ Muh Đak, Bia Kơ Nhi... các nàng hãy lại đây tôi kể cho các nàng một chuyện mà mẹ tôi dặn, bố tôi nói rằng nếu bôi nước *atâu*[1] vào người tôi thì tôi chết ngay.

Hôm nay tôi sẽ giết Drang Hạ – Drang Hơm vì tôi đánh nhau đã lâu lắm rồi, tôi đã chán rồi. Vậy các nàng hãy lấy cái nồi gang nấu nước nóng, nếu tôi có bị trúng nước *atâu* của Drang Hạ – Drang Hơm thì các nàng hãy nhúng tôi vào đó, tôi sẽ tỉnh ngay.

Các cô gái: Noi ơi, được thôi. Lúc nào chúng tôi cũng theo sát chân Noi, Noi à.

Dặn các cô gái xong, Noi kêu Drang Hạ – Drang Hơm:

– Ông ơi, ông vẫn mạnh khỏe chứ?

---

1. Nước thối ở mả người chết.

Ta đánh nhau đã lâu rồi, nay nước biển đã cạn, nước sông Ba đã hết, núi cao đã thành đất bằng, đất bằng đã thành vực sâu. Ta hãy nghỉ, hút thuốc chơi. Ông có muốn hút thuốc lấy từ ghè *stok, sđong* không? Thuốc nhỏ như sợi thuốc người *Doăn*, thơm như mùi ruột cây *ko lâu*, ngọt như mật con ong rừng.

Drang Hạ - Drang Hơm: Con mẹ cháu Noi. Mày làm gì thế này? Mày không biết Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn à? Mày khinh thường tao, mày hãy chờ xem, tí nữa tao sẽ cho mày biết tay.

Nói rồi, Drang Hạ - Drang Hơm rút chiếc *khiên Lôm- lang*, lấy chiếc *khiên Brang yang yul*, còn bao nhiêu *khiên* lão lấy hết, rồi lão nhảy vào tay *khiên*, mắc võng *Kao păng*, ngủ trong đó, lão để chiếc quạt vàng một bên, quạt bạc một bên để thổi mồ hôi. Lão ngủ ngon lành trong chiếc *khiên* quay tít.

Noi nhìn thấy *khiên* của Drang Hạ - Drang Hơm quay vù vù như chong chóng. *Khiên* quay bảy tháng ròng rã làm Noi mệt mỏi rã rời.

Các cô gái trong khiên: Sao lại thế này! Sao già của chúng tôi lại đến nông nỗi này. Các chị ơi! Ta hãy lấy thuốc bùa *leng beng*, thuốc bùa *Kueng krong* ta bôi cho *khiên* Drang Hạ - Drang Hơm đi.

Noi: Dàng ơi! Tai tôi bị con *dúi* nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi. Trời ơi! Sao lại thế này? Trước đây, nghe đến ta con cá phải chui xuống bùn, con trăn phải giật mình, con rồng phải nhổm dậy ngó xem...

Nói rồi, Noi lấy thuốc *leng beng*, thuốc bùa *Kueng krong* bôi cho *khiên*, một luồng gió nhẹ lướt qua làm cho Drang Hạ - Drang Hơm ngủ gà ngủ gật.

Noi liền gọi lão:

- Ông ơi, trước đây ta đã cùng đọ tài đọ sức, ta cùng giỏi như nhau, cùng giỏi hơn thần, cùng giỏi như trời. Hôm nay ông chắc chắn sẽ phải bỏ tôi tớ, bỏ lũ làng ông rồi.

Dứt lời, Noi lấy thuốc *kueng krong* bôi vào họng cháy họng, phun ra rừng cháy rừng, bôi vào con dao *Brăh yang*, chặt vào núi chan chát, ầm ầm, mây mù trốn đi hết, thấy trơ lưng Drang Hạ -

Drang Hơm. Noi chém một nhát, lưng lão đứt làm đôi, đất tung lên mù mịt.

Drang Hạ – Drang Hơm: Con mẹ thằng Noi tài hơn thần, giỏi như trời, tài hết mọi thứ, giỏi hết mọi điều rồi, thuốc của mày làm lưng tao muốn nối lại không được, muốn nổ ra cũng không được – thuốc đã ngấm vào khắp người ta rồi.

Chân Drang Hạ – Drang Hơm đuổi đạp Noi, đầu lão đuổi cắn Noi, Noi cứ tránh, cứ né nhưng không được rồi. Lão vẩy nước thối, một giọt trúng Noi. Noi lăn ra chết ngay.

Bia Pơ Đuh (trong khiên): Dàng ơi, tội nghiệp thế này. Sao Noi lại chết ngay vì nước thối của Drang Hạ – Drang Hơm thế này?

Bia Pơ Đuh nhanh nhẹn đứng dậy, ôm lấy Noi, chàng vẫn nguyên vẹn, đẹp đẽ như khi còn sống. Nàng bỏ Noi vào nồi bung ngồi duỗi chân, bỏ vào nồi bảy, nằm thẳng người. Nồi bảy có nước đang sôi. Nàng vỗ vào lưng Noi, chàng liền tỉnh dậy. Rồi nàng lấy thuốc bôi cho Noi – Noi đứng dậy, trái tim Noi to bằng quả bí đao trồng ở nương mới phát.

Noi: Ông ơi, chờ xem ta đây!

Rồi Noi vung tay lên, lông lá tua tủa như lông nhím, mây trốn đi hết, hạ tay xuống, Drang Hạ – Drang Hơm đứt làm đôi.

Chàng cất tiếng gọi:

– Hỡi cá sấu to bằng cây *Gier*[1], mày hãy ăn xác lão Drang Hạ – Drang Hơm sức mạnh như núi, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn đi.

Thấy Drang Hạ – Drang Hơm đã bị đánh chết, các nữ thần *khiên* của lão lo lắng:

– Sao thế này? Sao người già của chúng tôi lại đến nông nỗi này. Già của chúng tôi đã chết thật rồi sao!

Các chị ơi, ta chạy đi, chạy chỗ khác đi, chạy trốn đi. Ta chạy lên núi một chiếc, dưới nước một chiếc. Ta không may rồi. Già của chúng ta thua rồi, thua nhục nhã rồi.

---

1. Một loại cây to 4, 5 người ôm không xuể.

Nói rồi, các nữ thần *khiên* chạy táo tác, trên núi một chiếc, dưới nước một chiếc.

Các nàng Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đuh liền chạy đi bắt các nữ thần *khiên* của Drang Hạ – Drang Hơm. Các nàng chạy nhanh như chim trời. Chỉ lát sau, các nữ thần *khiên* đã phải lủi thủi, cúi đầu theo họ. Các nữ thần *khiên* của Drang Hạ – Drang Hơm cũng đẹp chẳng kém gì Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đuh.

Môi các nàng đỏ như dây *nỉ*

Chân tay mềm trắng như cúi bông

Da các nàng sáng như nồi mới lấy khỏi khuôn

Mịn như da cá *chình* sông Ba

Các nàng bước đi uyển chuyển

Gió thổi lộ bắp vế như có ánh chớp

Gió bay thấy đầu gối như có tiếng sấm ầm ĩ

Gió lật thoáng bắp đùi, bỗng như chói lòa tiếng sét ngang tai

Từ đấy các nữ thần *khiên* của Drang Hạ – Drang Hơm sống chung với các nữ thần *khiên* của Noi và Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đuh.

Nữ thần khiên (của Noi): Bạn ơi, đừng buồn. Drang Hạ – Drang Hơm đã chết rồi. Các bạn hãy ở với chúng tôi – Ở với già của chúng tôi, ở với anh hùng Noi. Drang Hạ – Drang Hơm không tốt đâu. Lão bắt người *Doăn*, người Jorai, người Bâhnar... Bạn ơi, bây giờ ta ở với Noi cũng vui, cũng sướng. Noi việc gì cũng tài, chuyện gì cũng giỏi, không ai hơn Noi cả. Tên của chàng nổi tiếng khắp *đường Doăn, đường* Jorai, *đường* Chăm... Bạn ơi, bây giờ Drang Hạ – Drang Hơm sức đã yếu như đuôi con nòng nọc, trần truồng như đuôi con cá, nó phải nằm dưới cầu thang rồi, chúng ta phải lạy Noi thôi.

Các nữ thần khiên (của Drang Hạ – Drang Hơm – cười vui vẻ):

– Mẹ ơi, may mắn quá. Ta có người già mới rồi.

Noi nhanh nhẹn đón các nữ thần *khiên* bỏ vào túi thêu *đường* trăng, dệt đường sông trời.

Chàng mệt mỏi vì đánh nhau đã lâu nên bèn rủ các cô gái đi nghỉ ở chỗ cây *breng* to, cao sát tận mây xanh. Các cô gái đặt sẵn cây mời Noi ngồi. Chàng ngồi nghỉ và rút điếu thuốc mạ bạc một

bên, mạ vàng một bên, thuốc cay bảy ngày, bảy sáng ra hút – Khói thuốc bay lên nghi ngút từ miệng chàng.

Noi: Các nàng ơi! Ta đánh xong Drang Hạ – Drang Hơm. Bây giờ ta về làng mẹ, bố tôi để làm *lễ tạm* cho chúng ta kẻo thần nhắc, ma hỏi. Các nàng hãy theo tôi lên chiếc khiên *Brang yang yur*. Tôi muốn chúng ta đi theo đường chỉ người ta đã giăng, đi theo đường con ong đất làm mùn để mẹ tôi nghe được tiếng bước chân tôi, bước chân chúng ta vang động núi rừng, để mẹ tôi đón chúng ta.

Đang đi, họ bỗng nghe tiếng thét của *bók* Prao:

– Con mẹ thằng Noi, sao mày lại tài giỏi, gan dạ thế này. Tên tuổi Drang Hạ – Drang Hơm ai mà chẳng biết, thế mà mày dám giết lão và cho cá sấu ăn?

Ta đây sợ chi thằng nhãi con bé bằng sợi chỉ, nhỏ như cái kim. Hãy chờ đó! Ta sẽ trả thù cho Drang Hạ – Drang Hơm sức mạnh mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn.

Dứt lời *bók* Prao dưới đáy biển từ từ nổi lên. Lão rung đùi, sóng biển đánh ào ào vào bờ, trong chốc lát, nước ngập cả núi rừng.

Noi: Bók Prao làm gì thế này? Sao nước dâng đầy rừng, đầy núi thế này. Lão làm cả một vùng bị chết lụt vì nước của lão.

Các cô gái: Ta đi đường nào bây giờ Noi ơi. Tất cả *đường* Doăn, *đường* Jorai, *đường* Chăm... bị ngập nước hết rồi, Noi ơi.

Từ trên *khiên*, Noi và các cô gái nhìn thấy người bị nước cuốn đi nhiều như lá cây rừng rụng xuống, như củi bếp người ta đổ xuống nước. Nhưng Noi cũng đã hết tài, chàng chẳng biết làm thế nào.

Các cô gái: Noi ơi, mẹ và bố chúng ta chắc cũng chết mất. Sao chúng ta lại rủi ro thế này.

Noi: Các nàng ơi, đừng nói nữa. Hãy leo lên chiếc *khiên* này cho nhanh.

Họ thoăn thoắt trèo lên *khiên*. Khi ấy nước mỗi lúc một dâng cao đẩy *khiên* của Noi tới gần mây xanh. Họ không biết làm thế nào, đành ngủ trên *khiên*.

Ở nhà, Bia Răk thấy nước tự nhiên dâng đầy núi, đầy rừng, nàng biết ngay Noi gặp chuyện dữ.

Bia Răk: Dàng ơi, *bók* Prao khốn kiếp, lão lại đánh con tôi nữa!

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Cầu cho con tôi được thắng *bók* Prao
Tôi xin cúng trời một con trâu đực
Chân to. Giẫm đất, đất lún
Sừng lớn. Húc cây, cây đổ, húc núi, núi vỡ.
Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Cầu cho nước này đừng vào tới làng tôi.

Yung: Mẹ ơi, nước từ đâu đến mà lớn như thế này? Chắc em con đi đánh nhau với Drang Hạ – Drang Hơm gặp chuyện dữ rồi.

Bia Răk: Yung ạ, không sao đâu. Mưa lớn ở nguồn sông Ba đó. Em Noi đã đánh Drang Hạ – Drang Hơm rồi. Bấy giờ Noi còn nghỉ ở chỗ cây *breng* to, cao sát tận mây xanh.

Trong khi ấy, Noi cũng đã hết tài, không biết làm thế nào. Muốn ra để chém *bók* Prao cũng không được, vì nước đã dâng cao sát tận trời xanh.

Noi: Trời ơi, tại sao lại rủi ro cho tôi thế này? Trước kia, nghe tên ta con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất
Con trăn lớn phải giật mình
Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem
Thần núi cũng phải cúng
Thần nước cũng phải kiêng

Sao bây giờ ta lại yếu như đuôi con nòng nọc, lại trần truồng như đuôi con cá thế này.
Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Hơn thần mọi điều, hơn thần mọi ý
Cầu cho hai dì Bia Mơ Xét, Bia Kơ Vắt
Nhớ đến tôi đang ở đây
Tôi không ra được vì sợ nữ thần *khiên* chạy trốn.

Noi vẫn ở trên *khiên* nói chuyện với các nàng Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đuh. Họ đã nói với nhau hết đêm vẫn không đủ, nói cả ngày vẫn còn thiếu.

Hai dì Bia Mơ Xét, Bia Kơ Vắt của Noi ở trên trời nghe tiếng cầu xin của chàng, liền kêu:

– Mẹ ơi, Dàng ơi! Tai tôi con *dúi* nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi. Chắc cháu Noi đánh Drang Hạ – Drang Hơm chưa xong chăng?

Hai người nhìn xuống đã thấy nước dâng ngập gần tới trời, thấy con người bị nước cuốn đi nhiều như lá cây rừng rụng xuống. Họ liền lấy con dao *Săng– đao* và khoác áo bay rồi bay vụt xuống, xuyên bảy lớp trời, bảy lớp đất chém *bók* Prao cứu Noi. Tới nơi, họ thấy *bók* Prao đang xoay đùi làm sóng dâng, nước cuộn. Bia Kơ Vắt lấy thuốc *Kleng klong*, vung dao chặt đùi *bók* Prao đứt phăng. Chặt xong, họ bay vút lên xuyên bảy lớp đất, bảy lớp trời trở về. Nước cạn dần rồi hết.

Noi mở chiếc *khiên Brang yang yur*, chàng lại nhìn thấy đuới đất bằng phẳng, thấy trên trời con diều bay lượn, thấy sừng sững nhà *rông* của *bók* Prao. Chàng khép túi thêu *đường* trăng, dệt *đường* sông trời để các cô gái ở trong, rồi bay như chim tới làng của *bók* Prao.

Chàng nhìn xung quanh thấy hàng rào bạc tám lớp, thấy hàng rào sắt chín lớp.

Noi: Ơ, *bók* Prao

Làng ông có kiêng cữ gì không

Nếu không kiêng cho tôi vào

Nếu có kiêng xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Bók Prao: Ơ, Noi ơi, nhà *rông* tôi cữ, nhà *rông* tôi kiêng, mày muốn vào thì vào, muốn không thì không.

Noi: *Bók* Prao ạ, sao ông lại nói như vậy. Tôi có làm gì ông đâu mà ông lại dâng nước.

Vừa nói, chàng vừa tức giận. Tim chàng to bằng quả bí dao trồng ở nương mới phát. Chàng lao như tên bay qua hàng rào thép tới sàn nhà *rông*, trông chàng thật lẫm liệt.

Noi kêu *bók* Prao:

– Ông ơi, khi xưa tôi xin ông hai cái mào để dán vào đầu rồng ở hai bên thuyền cho đẹp, bây giờ ông muốn gì?

Bók Prao (tức giận trả lời): Ơ Noi, bây giờ tao nói cho mày biết, sức mày còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới lớn, mày dám đánh chết ông Drang Hạ – Drang Hơm sức mạnh hơn thần rồi. Xưa kia tao muốn bắt mày cho con gái tao nhưng mày không ưng nên bây giờ hai ta đánh nhau cho đến khi nước biển hết, nước sông Ba cạn, cho đến khi núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Noi: Ông à, ai lại như vậy! Không có việc gì phải đánh nhau, nếu ông muốn tôi sẽ đền cho ông vì tôi đã mượn mào của ông khi xưa. Tôi không muốn đánh nhau nữa vì tôi đã đánh nhau lâu rồi, tôi đã mệt rồi, tôi chỉ muốn nhanh nhanh về làng mẹ để làm *lễ tạm* kẻo thần nhắc ma hỏi. Tôi cũng không muốn ông dâng nước, như vậy bao nhiêu người nữa sẽ bị nước cuốn đi, con người sẽ lại chết nhiều như lá cây rừng rụng xuống.

Bók Prao: Không, không Noi ơi. Ta cũng muốn làm chim ưng bay ngang trời, làm diều hâu bay dọc đất. Nghe tên ta cá phải chui xuống đất, trăn phải giật mình, rồng phải nhổm dậy ngó xem. Ta muốn cùng Noi thử sức, muốn thử cứu ông Drang Hạ – Drang Hơm xem sao.

Noi: Ông ơi, ông nói thật hay nói đùa hở ông? Sao ông lại thét ầm ĩ trong nhà *rông* như vậy? Ông không biết Noi tính nóng như lửa, đã nổi tiếng là con cháu của *bók* Kei Đei, không biết sợ ai, thần núi cũng phải cúng, thần nước cũng phải kiêng hay sao? Vậy ta sợ gì ông?

Mặc cho Noi nói, *bók* Prao dồn sức lực vào đuôi, quật một nhát làm Noi lảo đảo, rơi xuống biển. Nhưng chàng bật dậy ngay.

Chàng vẫn đẹp như ong vàng ong mật

Bụng nhỏ như được người ta nén

Lưng thon như thân cây đẽo nhẵn

Chàng tức giận kêu *bók* Prao:

– Dàng ơi, tại sao tôi lại gặp rủi ro thế này. Tại sao tôi lại nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở thế này!

Bók Prao ơi, ông muốn đánh nhau cũng được. Hai ta sẽ đánh nhau đến khi nước biển mất, nước sông Ba cạn, đến khi núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Tim Noi phình to như quả bí đao trồng ở nương mới phát. Chàng đứng dậy, một tiếng nổ long trời chuyển đất, chàng bay vút lên khoảng không ôm theo bảy lớp đất, bảy lớp trời, bóp nát nhà *rông* của *bók* Prao chỉ còn bé bằng quả trứng gà cồ. Trời đất rung chuyển khói bụi mù mịt – trời muốn sập, đất muốn lở. Noi nhổ luôn cả nhà *rông* vứt xuống biển, chỉ còn nhìn thấy những cái cột trôi lềnh bềnh trên mặt nước.

Làm xong mọi việc, Noi kêu *bók* Prao.

– Ơ *bók* Prao, đó, ông đã biết thế nào là Noi, con cháu của *bok* Kei Đei chưa?

Bók Prao: Con mẹ cháu Noi, sao lại tài hơn thần, giỏi hơn trời. Nhà *rông* của ta đã hóa thành tro bụi mất rồi.

Các con của bók Prao: Ơ, bố ơi, bố đừng đánh nhau nữa, bố không biết Noi có sức mạnh như thế nào ư?

Bók Prao: Sợ gì thằng Noi nhỏ bằng sợi chỉ, bé như cái kim, đập và nuốt nó dễ như đập quả trứng, có khó gì đâu! Ta cũng tài giỏi kém gì. Nghe tên ta, cá cũng phải chui xuống đất, trăn cũng phải giật mình, rồng phải nhổm dậy ngó xem.

– Cháu Noi ơi, vẫn mạnh khỏe chứ? Cháu hãy hút chơi thuốc một điếu, tăm nhựa một que.

Noi: Bók Prao ạ, không sao! Noi vẫn như thế này thôi. Từ khi mẹ đẻ ra cho đến bây giờ chưa đau ốm lần nào.

Noi lấy *khiên* lót ngồi, lấy thuốc sợi nhỏ ung dung hút, khói từ miệng mũi chàng bay mù mịt.

Bók Prao: Con mẹ cháu Noi, sao lại coi thường ta, không xoay *khiên*, lại cho xuống đất ngồi. Mày hãy chờ xem, ta sẽ đánh bằng búa thần của Drang Hạ – Drang Hơm đây này.

Bók Prao vung tay lên, búa thần chạm núi, núi đá vỡ ra, lông tua tủa như lông nhím, lão hạ tay xuống trong chiếc *khiên* của Noi, các mảnh *khiên* to bằng núi con bắn ra tung tóe. Lão tưởng đã đánh trúng Noi rồi, không ngờ Noi vẫn ngồi đó ung dung hút thuốc. Thuốc của chàng vàng nhỏ như sợi thuốc người *Doăn*, thơm như mùi ruột cây *ko lâu*, ngọt như mật con ong rừng.

Bók Prao tức lắm, lão chửi:

– Con mẹ cháu Noi. Mày tài giỏi thật. Mày hãy chờ ta làm một lần nữa. Chắc chắn mày sẽ chết.

Lại một lần nữa búa cắm sâu xuống đất, *bók* Prao nhổ búa lên, vẫn thấy khói bay mù mịt, Noi vẫn ngồi hút thuốc ung dung.

Bók Prao đã bảy lần đánh, bàn tay lão bị phồng lên như người ta nướng da heo, nhưng vẫn không trúng Noi.

Noi: Ông ơi, đánh đi, đánh nữa đi. Ông nói ta nhỏ bằng sợi chỉ, bé như cái kim. Vậy ông hãy đánh nữa đi.

Noi vẫn đứng hiên ngang, người chàng hừng hực lửa nói tiếp:

Ơ, Prao, lão không biết tên ta sao?

Nghe tên ta con cá *chình* sông Ba phải chui xuống đất

Con trăn lớn phải giật mình

Con rồng trời phải nhổm dậy ngó xem

Ơ, Prao, bây giờ ta muốn hỏi thăm sức khỏe của lão!

Noi rút gươm có bôi thuốc *kleng klong* chém một nhát vào Prao.

Prao liền lấy chiếc *khiên* ngăn đất ngăn trời ra, làm cho trời đất mù mịt không nhìn thấy gì. Noi bèn quay *khiên lôm lang* và Tia chớp mặt trời. Bỗng nhiên nắng chói chang chiếu sáng núi rừng, trời đất. Noi nhìn thấy Prao nằm co quắp trong chiếc *khiên* của lão, giữa nước biển mênh mông, không ai có thể chém được. Chàng gọi Prao:

– Ông ơi, hãy chờ xem.

Rồi chàng lấy thuốc bôi vào gươm và chỉ cần vung lên một nhát, mây đã tản đi tan tác, lão Prao bị đứt làm đôi, lão cố sức nối lại mà không được, lão liền bị rơi xuống biển. Thuốc *kleng klong* thấm vào người lão làm lửa cháy ngút trời, chỉ còn cách tim lão một tí, nhưng lão vẫn bay vút lên không trung, biến thành chàng thanh niên khỏe mạnh, lực lưỡng.

Noi: Lão già kia, lão có biết ta cũng tài như lão: lão muốn đập nát ta nhưng ta vẫn còn đây. Lão nói ta như sợi chỉ, bé bằng cái kim, vậy lão hãy nuốt thử đi!

Prao: Ơ cháu Noi, cháu có khỏe không? Giờ đây ta cũng là người, cũng khỏe mạnh tài giỏi như nhau.

Noi: Tôi vẫn khỏe đấy. Ông hãy lại đây.

Nói rồi. Noi lấy chiếc *khiên Brang yang yur*, chàng xoay *khiên*, lửa từ *khiên* tóe ra chiếu sáng cả đất trời, rừng núi.

Prao: Cháu Noi đúng là tài giỏi, nghe tên thần cũng phải nể, ma cũng phải kiêng. Nhưng Noi ơi, mày hãy chờ xem, ta sẽ chặt nát chiếc *khiên* của mày.

Prao chặt liên tiếp bảy lần, tay đã phồng lên mà vẫn không trúng. Lão bỏ gươm xuống, mắt ngó trơ trơ. Tài lão đã hết rồi. Ngay lúc đó, chàng Noi cường tráng đứng dậy. Ngoái cổ lại nhìn. Noi thấy Prao ngồi nghỉ ở cây *breng*, chàng bèn lấy ống điếu mạ bạc dài một sải, ống điếu mạ vàng dài một cánh tay, chàng gõ vào trán lão Prao, máu phun ra từ trán lão to bằng cầu vồng. Lão rơi từ trên ngọn cây xuống, chân vừa chạm mặt đất, lão bôi thuốc vào lại biến thành người bay vút lên trời.

Noi: Ông ơi, cháu đã đưa cho ông thuốc một trăm điếu, tăm nhựa một trăm que rồi. Thế nào ông có khỏe không! Cháu xin đưa ông một trăm thuốc, một trăm tăm nhựa nữa.

Prao: Noi à, thôi đã. Bây giờ hai ta nghỉ một lát.

Noi: Thôi được, nếu ông muốn nghỉ thì ta nghỉ, nếu ông muốn đánh nhau thì ta đánh. Noi không sợ gì cả. Đánh trưa cũng được, mặt trời lặn cũng được.

Noi bật dậy, chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt chàng đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi.
Chàng nói một lời,
Sấm chớp ầm ầm
Nói hai lời
Mưa đổ ào ào

Prao: Noi ơi, mày hãy hút thuốc của ta. Thuốc ta vàng nhỏ như sợi thuốc người *Doăn*, thơm như mùi ruột *ko lâu*, ngọt như mật con ong rừng.

Noi đưa *khiên Brang yang yur* ra đón lấy thuốc.

Noi: Ông ơi, đây, thuốc tôi nhạt nhẽo
Thuốc người ta bỏ đi.

Thuốc tôi thối mùi dắm con giun đất
Hôi mùi cứt con gián
Mời ông xơi tạm

Prao đưa chiếc *khiên Bosam Năməkodih* đón lấy thuốc.

Thuốc trên *khiên* của hai người bỗng mọc thành cây lớn nhanh như thổi.

Noi: (nói với Prao): – Ông ơi, hai ta cùng tài hơn thần, giỏi như trời, nghe tên hai ta cá trầu sông Ba phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem. Ta sẽ đánh nhau từ từ, đánh nhau thong thả, vừa đánh vừa chơi không sao cả.

Nghe Noi nói, các cô gái trong *khiên* của chàng cười vang: "– Đúng rồi, sức hai người như nhau, tài hai người như nhau, như cây được người ta đo bằng nhau".

Prao: (tức giận mắng): Sao các ngươi dám khinh thường ta, vì ta chỉ còn ngắn như cây chặt khúc, yếu như đuôi con nòng nọc, trần truồng như đuôi con cá. Nhưng không sao, nếu ta chết thì chết ở núi cho chim ưng ăn, chết ở nước cho cua cá rỉa, chết ở nhà cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Cháu Noi ơi, ta hút thuốc đã chán rồi, không biết làm gì. Giờ ta vật nhau thử để người ta nghe tiếng gầm vang rung đất chuyển trời.

Prao vừa dứt lời, hai người liền xông vào vật nhau. Tiếng vật nhau ầm ầm tưởng như trời sắp sập, đất sắp lở. Thế là trên trên, dưới dưới, Prao muốn quay Noi không được, Noi muốn quay lão cũng không được. Họ đánh nhau không nghỉ, đêm như ngày, ngày như đêm. Bỗng tai Noi nhớ lại... Chàng xuyên qua bảy lớp đất, bảy lớp trời bay vút lên không gian, ôm theo cả ba lớp đất, ba lớp trời. Chàng gặp ông *Sal long*[1].

Sal long (nói): Mày đừng lấy ba lớp đất, ba lớp trời nữa, nếu không ta sẽ đánh sập trời, lở đất thì lũ bay sẽ chết hết.

Noi bèn thả ba lớp đất, ba lớp trời xuống đánh Prao khiến lão choáng váng, loạng choạng.

---

1. Vị thần giữ đất giữ trời.

Prao: Mẹ cháu Noi, ta không kịp thấy mày chạy đi đâu. Nếu mày còn ở đây, hai ta sẽ cùng trên trên, dưới dưới, vì mày từ trên trời nên tao mới bị yếu như đuôi con nòng nọc, trần truồng như đuôi con cá thế này.

Noi: Ông ơi, ông vẫn khỏe đấy chứ? Đây, thuốc một điếu, tăm nhựa một que, ông có muốn hút không?

Prao: Noi ạ, không sao đâu, ta khỏe cũng như không, không cũng như khỏe. Dù cháu chém ta chết cũng được. Chết ở núi cho chim ưng ăn, chết ở dưới nước cho cua cá rỉa, chết ở nhà cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Nói xong, Prao lấy chiếc *khiên* ngăn đôi một vùng đất, rồi xoay *khiên Yang yur* che kín từ chân đến đầu.

Noi không muốn đánh nhau nữa, lâu quá rồi, chàng muốn đánh cho nhanh. Chàng bèn lấy con dao có bôi thuốc *kleng klong* và thuốc bùa *leng beng*, bùa *kueng krong* từ trong túi thêu đường trăng, dệt đường sông trời bôi lên *khiên Yang yur* đang che kín Prao – Prao hết nhớ rồi và bắt đầu ngủ gật. Noi nhìn thấy cái xương sống của lão còn lòi ra ngoài. Chàng phóng con dao thần trúng lưng lão – lưng Prao gần đứt đôi. Prao đã hết tài.

Các cô gái trong *khiên* của Prao kêu lên:

– Sao thế này, sao già của chúng tôi đến nông nỗi này, sao già của chúng tôi lại ngủ li bì thế này. Ta lấy thuốc bôi cho già đi, nếu không tí nữa Noi sẽ giết chết mất.

Prao: Mẹ ôi! Tai tôi bị con *dúi* nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi.

Nói xong lão lấy thuốc từ túi đường trăng bỏ vào chỗ đứt, lão lau thấy đau hơn mà vẫn không liền lại được. Rồi lưng lão đứt ra. Chân lão đuổi đạp Noi, đầu lão đuổi cắn Noi. Nhanh như chớp, Noi chộp lấy gươm *Lo dâu Brah yang* quét núi cháy núi, quét rừng cháy rừng, quét nước cháy nước. Chàng vung tay lên, lông lá tua tủa như lông nhím, mây tỏa ra hai bên. Chàng cầm thân Prao vứt xuống biển và gọi: "Hỡi cá sấu, mày hãy ăn Prao đi". Các cô gái trong *khiên* của Noi reo cười vui vẻ và nói:

– Noi ơi, lại đây, chúng tôi thương Noi, chúng tôi muốn bồng chàng đi chơi, muốn cõng chàng đi tắm. Chúng tôi thương Noi tài hơn thần, giỏi như trời – Ma phải kiêng, thần phải nể.

Các cô gái trong khiên của Prao: – Sao lại thế này mẹ ơi. Sao già của chúng tôi lại mê mệt thế này.

Các cô gái trong khiên của Noi: – Hỡi các nữ thần khiên, già của các ngươi chết rồi, hãy đi với chúng tôi, đi theo Noi, Prao không tốt đâu. Bạn ơi, bây giờ ta ở với Noi cũng sướng, cũng vui. Việc gì chàng cũng giỏi, chuyện gì chàng cũng tài. Tên của chàng vang dội khắp *đường* Doăn, Jorai, Chăm... Bạn ơi, Prao đã chết rồi, chúng ta phải lạy Noi thôi.

Các cô gái trong khiên Prao: Sung sướng rồi bạn ơi, ta theo Noi thôi.

Noi vui vẻ đón các thiếu nữ thần *khiên* bỏ vào túi thêu *đường* trăng, *đường* sông trời. Rồi chàng đi tới chỗ cây *breng* ngồi nghỉ, lấy thuốc hút và nói:

– Chúng ta đã đánh xong Drang Hạ – Drang Hơm, đánh xong Prao rồi, chúng ta phải về làng mẹ, bố tôi để làm *lễ tạm* kẻo trời nhắc, ma hỏi.

Bây giờ ta hãy leo lên *khiên Brang yang yur*, ta đi theo đường chỉ đã giăng, đường con ong đất làm mùn, đi theo đường mối ăn, đường nhện giăng để mẹ tôi được nghe tiếng bước chân tôi, bước chân chúng ta vang động núi rừng, để mẹ tôi ra đón chúng ta.

Noi vừa nói dứt lời, các nàng nhanh nhẹn bước lên *khiên*, chiếc *khiên* bay vút đi.

Bia Răk: Ô, sao có tiếng chiêng núi của ai mà kêu vang thế, tiếng lục lạc của ai mà kêu giòn giã thế.

Bia Răk lấy rựa rạch vách ngó ra ngoài xem. Từ phòng kín nàng nhìn thấy Noi và các nữ thần *khiên* đi sau chàng. Nàng thấy Noi:

Đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng nhỏ như được người ta nén
Lưng thon như thân cây đẽo
Mắt đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi
Noi đi trong tiếng cười rộn ràng của nữ thần khiên.

Bia Răk (kêu lên sung sướng):

– May mắn quá, con tôi về rồi! Xét ơi, con ta đã về rồi. Nàng gọi các nữ thần *khiên*:

– Lại đây đi các nàng ơi, mắc cỡ gì, ngại ngần chi. Vào đây. Vào đây đi!

Rồi nàng bước ra sân đón nàng Bia Kơ Nhi. Nàng khóc lên vì vui sướng quá, nàng đi lấy gạo lúa *ke*, lúa *chăm* năm lần giã, bảy lần vo bằng nước đầu nguồn. Mùi thơm bốc lên ngào ngạt.

Bia Răk (gọi con):

– Ôi Noi, con đói bụng, xót ruột đã lâu ngày, con hãy về ăn cơm lúa *ke*, gạo lúa *chăm* năm lần giã bảy lần vo bằng nước đầu nguồn của mẹ.

Noi bật dậy, chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt chàng đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi
Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc vàng ngân lên thành tiếng
Chàng đi mời hai chú Diong, Dio đến ăn cơm.

Noi: Ơ hai chú à, dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với hai chú

Cháu đi mời hai chú tới ăn cơm. Chú cháu mình ăn canh cá *lếch*, cá *hlang*, cá chua, cá mắm cho vui.

Hai chú: Ê la! Sao lại có chuyện lạ này
Lạ như người Jorai gánh muối
Như người Bâhnar gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con cá *chình* dính câu
Sao bỗng dưng lại gọi chúng ta đi ăn?

Noi: Hai chú à, hôm nay ta đi ăn cơm lúa *ke*, gạo lúa *chăm* để ăn mừng vì cháu đã thắng Drang Hạ – Drang Hơm, đánh Prao trở về.

Hai chú: Vậy ta đi đi, ta đi ăn mừng cháu Noi đi.

Họ bước đi, chim *Cho rao* bay theo hót ríu rít.

Mời hai chú rồi, Noi đi gọi các anh về cùng ăn cơm. Các cô gái đang nấu nướng ở trong bếp, nhìn thấy các chàng ai cũng đẹp như nhau, cô nào cũng kêu lên:

– Ôi, Dàng ơi, mẹ ơi, sao lại có những người đẹp lạ lùng thế kia.

Về đến nhà, Noi gọi mẹ:

– Ơ mẹ, mẹ hãy mở cửa cho chúng con, hãy lật lại cầu thang cho chúng con cùng hai chú lên ăn cơm lúa *ke*, gạo lúa *chăm* năm lần giã, bảy lần vo bằng nước đầu nguồn. Ơ mẹ, rồi mẹ bẻ lá cây *Topah* bỏ vào *ghè* rượu để hai chú và chúng con ăn cơm xong là uống liền.

Bia Răk: (gọi chồng)

– Xét ơi, về nhanh đi. Về đi lấy lá *Kaibung* cho vào *ghè* rượu *sotôk* để ăn cơm xong ta uống liền.

Noi: Hỡi các anh Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng! Các anh cũng là những người dũng cảm, vậy các anh hãy ăn cơm đi.

Các anh: Noi nói vậy, chúng ta hãy ăn thử xem.

Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng bắt đầu ăn. Mỗi vốc cơm của họ to bằng đầu con chó đực. Yung ăn hết một nong cơm, uống nước hết một nồi tư. Hơ Rít, Hơ Meng ăn hết hai nong và hai rổ.

Noi: Các anh chỉ ăn hết chừng đó thôi hả. Hãy xem tôi và chú Diông, Dio ăn đây này.

Noi bắt đầu bốc ăn, bốc bảy lần, bảy nong hết sạch. Rồi chàng đi ra phía nguồn sông Ba uống nước. Bảy con sông khô ráo làm cho cá ngáp nước, giãy chết. Uống nước xong, chàng về ngay đống lửa giữa nhà.

Trông chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt óng ánh như mạ vàng mạ bạc.

Thấy các con ăn xong rồi, Xét cũng gọi các anh Diông, Dio đi ăn.

Xét: Ơ, anh Diông, chúng ta hãy ăn thử xem chúng ta có khỏe như Noi không?

Hai người bắt đầu ăn, mỗi vốc cơm hết một nong. Bốc bảy lần hết bảy nong – Rồi họ cũng đi uống hết nước bảy con sông. Ăn xong, Noi gọi các anh:

– Ơ các anh, bây giờ ta uống chơi rượu men mới, kê non. Rượu của mẹ ta nấu, rượu bay mùi cứt con kỳ đà, mùi dắm con chim cu. Ta uống thong thả cùng nhau nói chuyện cho vui, cho sướng, cho đúng với những người chiến thắng.

Noi nâng cần mời chú Diông, Dio và bố trước. Mỗi người uống hết bảy nồi bung to. Vừa thả cần ra khỏi tay, họ đã ngà ngà say, mắt đỏ bừng, trông càng đẹp hơn. Hai chú quay lại nâng cần đưa cho Noi. Chỉ một lát Noi đã uống hết bảy nồi bung. Rồi chàng nâng cần mời các anh và mẹ.

– Ơ mẹ, mẹ hãy uống thử rượu mới của mẹ nấu đi. Bia Răk, đứng dậy:

Nàng bước đi uyển chuyển
Da nàng sáng như nồi mới lấy khỏi khuôn
Mịn như da cá *chình* sông Ba
Môi nàng đỏ như dây *nỉ*
Chân tay mềm, trắng như cúi bông.

Nàng cầm lấy cần rượu. Một loáng đã thấy hết bảy nồi *bung*.

Ăn uống đã xong, uống rượu đã xong, hút thuốc cũng đã xong – Noi nói với chú Diông:

Noi: Chú Diông à, ta hãy đổi nhau túi *đường* trăng đi!

Diông: Không đâu, túi đều như nhau, đẹp như nhau mà đổi làm gì. Không được đâu!

Noi: Ai lại thế, cháu muốn đổi để ta nhớ nhau, sau này có gặp điều không may để ta nhìn vào đó mà nhớ nhau.

Diông: Vì các cháu là cháu ruột ta nên ta đổi, chứ ta không ưng đâu.

Chú Diông tháo túi đưa cho Noi. Chàng vui vẻ đón lấy túi.

Noi (tháo túi của mình đưa chú và nói):

– Đây chú hãy cầm lấy túi này. Túi này có thêu hoa đẹp, có dệt *đường* trăng, thêu *đường* sông trời, túi này cũng đẹp như túi của chú.

Diông cầm lấy túi của Noi. Thấy nặng quá liền hỏi.

Diông:

– Sao túi của cháu lại nặng thế này?

Nói rồi liền mở túi ra xem. Nhìn vào thấy hiện ra nàng Bia Pơ Đuh và Bia Kơ Muh Đak xinh đẹp.

Môi các nàng đỏ như màu hoa *pơ lang*
Chân tay mềm trắng như cúi bông
Nhìn bên trái thấy trắng như bụng cá chép
Nhìn bên phải thấy mịn như da cá *chình*.

Hai nàng vừa cười vừa bước từ trong túi ra hỏi:

– Sao hai người lại đổi nhau túi *đường* trăng như vậy, hỡi Noi?

Noi: Hai em ạ, dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với hai em.

Tôi muốn chú Diông ở cùng nàng Bia Pơ Đuh, chú Dio ở với nàng Bia Kơ Muh Đak. Còn tôi ở với Bia Kơ Nhi.

Hai nàng: Ai lại như vậy hả Noi. Hai chúng tôi và Bia Kơ Nhi chỉ muốn ở với chàng thôi. Chúng tôi thương Noi vì chàng tài giỏi dũng cảm.

Noi: Không phải tôi không ưng hai nàng đâu. Nhưng ai lại như vậy. Hai nàng à, hai chú Diông, Dio cũng tài cũng giỏi như tôi.

Hai nàng: Ai lại như vậy hở Noi. Đừng nói lừa chúng tôi. Vì không ưng nên chàng đổi túi. Nhưng nếu không ưng thì chàng đổi túi chứ sao lại nhường chúng em cho người khác.

Diông: Hai nàng ơi, hai nàng đừng nghe cháu Noi nói, hai nàng cứ ở với cháu Noi thôi.

Hai bên giằng co, nói đi nói lại mà các nàng vẫn không chịu. Bỗng nhiên Bia Răk từ phòng tối bước ra, nàng cười giòn giã và nói:

– Ơ hai em Diông, Dio! Hai em hãy ưng ở với Bia Pơ Đuh và Bia Kơ Muh Đak đi, còn Noi ở với Bia Kơ Nhi.

Diông, Dio: Không phải đâu, chị Bia Răk à, vì hai nàng chỉ thương cháu Noi tài giỏi, chỉ ưng cháu Noi thôi chứ không phải chúng tôi không ưng hai nàng đâu.

Bia Răk: Ơ Bia Pơ Đưh, Bia Kơ Muh Đak, phải nghe lời tôi thôi.

Nghe Bia Răk nói xong, hai nàng gục vào vai Noi khóc nức nở.

Noi (an ủi): Hai nàng ơi đừng buồn, tôi đưa cho hai nàng gùi đan hình hoa đẹp, chúng ta cùng ở đây với nhau mà đừng buồn.

Từ hôm đó, Noi ngủ ở nhà *rông*, có quạt mạ bạc một bên, quạt mạ vàng một bên ru chàng ngủ.

Còn Bia Răk thì hết ngày này qua ngày khác, đêm như ngày, ngày như đêm, chăm chỉ dệt vải, làm rượu, Bia Kơ Nhi cũng ở trong phòng tối, dệt vải, làm rượu cùng nàng.

Khi rượu đã nhiều, vải đã lắm, Bia Răk gọi chồng:

– Xét ơi, chàng đi báo cho chú Dông, chú Vắt, bảo hai chú đánh trống bịt vàng, bịt bạc để gọi lũ làng đến ăn mừng *lễ tạm* cho Noi kẻo thần nhắc, ma hỏi.

Xét đi đến nhà *rông* và gọi:

Xét: Ơ chú Dông, chú Vắt
Dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với hai chú

Noi ở đây đã lâu rồi, Noi ngủ say sưa ở nhà *rông* cũng lâu rồi, bây giờ hai chú hãy đánh lên trống bịt vàng, bịt bạc, báo cho lũ làng đến ăn mừng *lễ tạm* của Noi kẻo trời nhắc, ma hỏi.

Dông, Vắt: Thôi ý già làng ta đã muốn vậy rồi, ta đi đi.

Họ tới chỗ treo trống trong nhà *rông*. Tiếng trống nổi lên vang rộn khắp buôn làng, rừng núi.

Nghe tiếng trống Yung, Yol hỏi:

– Sao chú Dông, chú Vắt đánh trống có việc gì vậy?

Dông, Vắt: Không sao, Yung, Yol ạ, Xét và Bia Răk bảo chúng tôi đánh trống gọi lũ làng đến ăn mừng *lễ tạm* cho Noi và Bia Kơ Nhi kẻo trời nhắc ma hỏi.

Đánh trống xong, hai người đến nhà Bia Răk hỏi xem *lễ tạm* của Noi bắt đầu vào lúc nào.

Dông, Vắt: Ơ Bia Răk, mở cửa cho hai đứa tôi, lật cầu thang cho hai đứa tôi, chúng tôi muốn lên hỏi chuyện nàng.

Bia Răk xinh đẹp tươi cười bước ra, nói:

– Lên nhà đi, mắc cỡ gì, ngại ngùng ai. Vào đi hai chú.

Dông, Vắt: Bia Răk à, dẫu giấu cũng chẳng được.

Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với nàng.

Chúng tôi nghe nói nàng muốn làm *lễ tạm* cho Noi và Bia Kơ Nhi, vậy ta cần bao nhiêu trâu, bò, heo, gà?

Bia Răk: Hai chú à, ta cần gà bảy mươi con, heo bảy con, trâu bảy con, rượu bảy mươi *ghè*. Thế thôi chú ạ. Để ta uống chơi, nói chuyện cùng nhau cho vui thôi...

Hai người trở lại nhà *rông* cắt người cõng rượu, người mổ trâu, gà, heo, người cõng nước...

Lũ làng đã đến đông đủ, mọi thứ đã làm xong. *Lễ tạm* bắt đầu. Già làng cúng xong rồi. Chiêng trống nổi lên, người ta say sưa uống rượu, ăn thịt và nhảy múa.

Tiếng chiêng trống rộn rã núi rừng, lũ làng tưng bừng say sưa trong nhảy múa, hát hò.

Trong lúc mọi người vui vẻ, Noi ngồi nói chuyện với bố.

Xét: Noi à, trước đây nhà ta và lũ làng cũng vui, cũng sướng. Nhưng rồi Drang Hạ – Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn đã ăn sạch hết dân làng, chỉ còn một mình bố sống sót, cực khổ. Một mình bố chạy trốn trong rừng, sống ẩn trong một bụng cây. Nhờ trốn trong bụng cây nên bố thoát chết, nếu không bố cũng vào trong bụng Drang Hạ – Drang Hơm rồi. Bố sống như con sóc, như con chuột, khổ lắm con à.

Noi lắng nghe bố kể, tự nhiên nước mắt chảy ròng ròng, rồi chàng khóc nức nở vì thương bố. Noi khóc ba ngày, ba đêm, bỏ cơm, bỏ rượu, bỏ thuốc. Noi khóc vì thương cuộc đời khổ nhục của bố trước kia.

Thấy Noi khóc hoài, khóc mãi, chú Dông, chú Vắt lo lắng.

Dông, Vắt: *Dàng ơi Dàng*, sao lại thế này? Làm sao ta uống rượu được! Nếu khóc mãi thế này Noi sẽ hết sức mất. Ba ngày ba đêm rồi, cơm không ăn, thuốc không hút, rượu không uống.

Rồi hai người gọi Yung, Yol, Kơ Rít, Hơ Meng cùng đến an ủi Noi.

– Noi à, ăn uống đi thôi. Đừng than khóc mãi. Đừng uất ức quá!

Bây giờ Drang Hạ – Drang Hơm đã chết vì bàn tay Noi rồi, Noi đừng buồn nữa, đừng nhớ lại chuyện cũ nữa, chuyện cũ đã hết rồi. Noi hãy đứng dậy đi, ta đi ăn cơm, uống rượu để cùng vui, cùng sướng với bố, mẹ, các chú, các anh và lũ làng đi!

Noi: Các anh à, các chú à. Chú và các anh cứ đi uống trước đi. Để tôi nguôi đi nỗi uất ức, thương đau rồi tôi sẽ uống sau. Không phải tôi ghét các anh, các chú đâu. Tôi khóc vì tôi thương bố tôi xưa kia phải ở một mình trong bụng cây, không có gì ăn, không có gì uống, phải sống chui rúc như con sóc, con chuột, ngày như đêm, đêm như ngày đói xót ruột, xót gan.

Người kể: Đinh Văn Mơl
Người dịch: Phạm Thị Hà
Hiệu đính, chú thích: Tô Ngọc Thanh

DÂN TỘC BANA KRIÊM

KHAN HƠAMON DYÔNG WIWIN LÀ SỬ THI ĐÍCH THỰC

Đồng bào Bana Kriêm ở Vĩnh Thạnh, Bình Định gọi tác phẩm của mình là khan hoamon. Khan hoamon Dyông Wiwin mà tôi có trong tay là do Hà Giao sưu tầm, Bok Đoan và Bă Pơ kể, Đinh Yuan và Hà Giao biên dịch.

Nhân vật trung tâm của khan hoamon Dyông Wiwin là người anh hùng Dyông Wiwin. Chàng có tài chiến đấu siêu quần. Những cuộc chiến đấu lớn trong cuộc đời chàng là giết yêu tinh Bya Kbư là một con vích cái khổng lồ thành tinh chuyên đi giết hại dân thường. Hắn đã ăn thịt gần hết dân của cả một vùng rộng lớn, và bắt nhốt cô gái xinh đẹp Bya Bông ngoài biển khơi để ăn thịt. Chàng

đã dùng kiếm thần giết chết Bya Kbư, nhưng rồi bỏ đi không quan tâm đến người mình cứu. Bya Bông sau khi được cứu sống, không gặp được ân nhân và người yêu, nàng vô cùng buồn khổ trở về nên ốm đau trầm trọng. Già làng của nàng đi khắp nơi để tìm chàng trai dũng cảm. Họ đến gặp chàng Blang Con – Blong Mát và Đakple – Tewet. Những người này tự nhận là người có công giết Bya Kbư. Nhưng đến khi già làng yêu cầu chém thử đầu Bya Kbư (mà Dyông Wiwin để lại), họ đều không chém được. Chàng trai Đăm Jrai – Tukroong cũng được mời thử sức, nhưng chàng thật thà nhận là không giết Bya Kbư.

Cuối cùng họ đi khắp nơi và tìm được anh em Dyé Kosé và Dyông Wiwin. Lúc đầu Dyông Wiwin từ chối, giả làm ra kẻ ốm yếu không giết được Bya Kbư. Cuối cùng do ép buộc, chàng chém thử một nhát, đầu Kbư bị đứt làm ba đoạn. Mọi người sung sướng đón anh em Wiwin về làng ăn mừng, Bya Bông sung sướng nhận người yêu.

Đang ăn uống vui vầy thì bọn cướp công Blang Con – Blong Mat, Đakple – Tewet kéo dân làng rầm rộ đến. Chúng đông như bầy ong bầy kiến. Hai anh em người anh hùng phải chiến đấu tới bảy năm mới tiêu diệt được chúng. Anh em Wiwin đang lo phải tiếp tục cuộc chiến đấu mệt mỏi với Đămjrai – Tukroong (những người rất tài giỏi). Tuy nhiên, những dũng sĩ này cho biết mặc dầu bọn tranh công đã ra sức lôi kéo họ vào cuộc chiến tranh, nhưng họ từ chối, và chào từ biệt những người anh hùng có công giết yêu tinh trừ họa cho dân.

Dẹp xong những kẻ tranh công, Wiwin nói với người anh:

Ngày có buổi mai rồi mới có buổi chiều
Cây từ đất lên có gốc rồi mới có ngọn

Và đề nghị anh kết duyên với Bya Bông. Dyé Kosé kiên quyết từ chối ra về, để em ở lại chung sống với người vợ yêu...

... Tóm lại, dầu người sưu tầm đã thận trọng gọi Dyông Wiwin theo tên dân tộc là khan hoamon Dyông Wiwin, tác phẩm này là một sử thi Bahnar đích thực. Ngoài ra có khả năng Dyông Wiwin nằm trong bộ sử thi phổ hệ lớn...

Trích cuốn *Vùng sử thi Tây Nguyên*
của PGS–TS Phan Đăng Nhật
Nxb Khoa học Xã hội – Hà Nội 1999

Đoạn trích sau đây kể lại mối tình của Dyông Wiwin và nàng Bya Bông, cùng với chiến công của chàng giết chết yêu tinh Bya Kbư:

Hơamon:
DYÔNG WIWIN

Mặt trời lên sáng núi rọi nhà rông
Mấy ông già còn la cà nói chuyện
Có đông đảo trai làng
Anh Dyă Kosé lên tiếng:
– Ớ các chú các anh
Con người đâu phải cái cây xanh
Chờ đến khi cỗi già đổ mục
Tôi như cái lá sắp phai màu lục
Như cái lá chín tận cuống sắp xuống tận gốc

Sắp trai làng còn ngồi trên sàn
Khen miệng Dyă Kosé nói nhằm
Dyă Kosé được thể nói thêm:
– Tôi như con chó đực chạy ngược chạy xuôi
Chạy sái đùi không moi được chút mồi

Từ trong xó có tiếng nói rất trong:
– Ớ các chú các anh
Việc dẫn con trẻ qua suối qua sông
Là việc của người lớn tuổi
Nay đã gối dùn chân mỏi
Thì con trai phải bay như con ong
Đi tìm cái nụ bắt cái bông
Kiếm mật ngon cho mình
Hai chú Madông và Mawat nói rằng[1]:
– Ớ Dyông Wiwin việc đó bọn ta không ngăn
Già cả thì tay mềm chân yếu
Các chú đều chịu
Cháu cứ làm như con ong
Bay tìm hoa khắp núi khắp rừng

1. *Ma dông, Mawat*: tên hai ông già có chức trách dắt dẫn việc làng.

Bếp lửa nhà rông đã tắt
Mấy ông nhà như lết xuống thang
Trai tráng mỗi đứa rẽ mỗi đường
Dyông Wiwin trở lại nhà mình
Bya Jơrăng Matnar[1] đang ngồi dệt vải
Mặt tươi cười cất lên tiếng nói:
– Ớ anh Dyông Wiwin ơi
Em ngồi đây mà em biết cả rồi
Sợi chỉ em đang dệt giống hệt dây rừng
Anh đi kiếm về làng
Kiếm cho em một người chị
Biết kéo chỉ như con tằm con nhện
Biết nhuộm vải đen như da kiến gương

Dyông Wiwin se sẽ lắc đầu:
– Anh mới biết cốt cây nay muốn bạn biết trỉa
Mới biết làm khung nay cần người dệt vải
Chắc gì có được bàn tay giỏi

Bya Jơrăng Matnar ngừng dệt nói rằng:
– Em mong anh trai đừng ngại đi tìm
Cho nhà mình và cả làng mình
Người con dâu xinh thật là xinh
Xứng như đôi đũa ngà thì em mới chịu

– Thôi đi em – Dyông Wiwin vội nói
Mình đâu phải trên trời rơi xuống
Mà đòi gặp người được lên trời
Không thể đòi người giỏi việc này việc nọ
Anh cứ đi gặp đâu hay đó
Biết có biết không mà mong cho đẹp

Bya Jơrăng Matnar rời khung dệt
Soạn gùi to lấy ra nào áo nào túi gum[2]
Nào khố xim–broong
Thứ nào sợi chỉ cũng mịn như tơ nhện tơ tằm
Đồ đạc đầy cả hai nia

---

1. Là nàng tia sáng mặt trời.
2. Túi gum cho trai tráng mang đi chơi, túi nhỏ thêu vắt công phu, dùng đựng thuốc lá, cong cườm, vòng tai.

Mở gùi lấy lục lạc cườm cong
Cái ống điếu kiểu dài ba gang
Thêm một nia đồ lòng la lòng lánh
Bưng ra giữa sàn cho chàng lựa chọn

Dyông Wiwin mặc khố
Ngó bộ chưa ưng liền tháo ra
Lại mặc vào đến lần thứ ba
Thấy ba mươi hai vòng khố xếp đều nhau
Dòm phía sau dòm phía trước mới gật đầu
Choàng chéo cái xim-broong
Đội vòng cườm hột lớn có gài lông công
Lưng thắt dây bạc gắn lục lạc đồng
Chàng đeo túi gum lên vai
Bỏ cái đao lưỡi nhỏ bằng hai ngón tay
Với ống điếu vào chiếc krôh-brưng sau lưng[1]
Tay cầm cây gươm lưỡi to bằng năm ngón tay
Ăn một miếng trầu hút hai điếu thuốc
Chàng bước ra rầm cửa trước
Cao to rực rỡ như con gà cồ
Mắt long lanh liếc núi nhìn rừng
Rồi phóng xuống cầu thang
Bước những bước dài làm lục lạc rung lên
Leng reng, leng reng, leng reng

Dyông Wiwin rời khỏi cổng làng
Tay trái cầm đao nhỏ
Tay phải cầm gươm lớn
Vừa ghếch mũi gươm định hướng
Tức thì giông tố nổi đùng đùng
Ai đi lỡ đường phải chạy trốn
Ai ở trong nhà không dám ra thăm rẫy
Mỗi bước chàng đi làm đất rung rinh
Cây đổ đá lăn
Rừng núi kêu lên ầm ầm

*

1. Krôh – Brưng đan bằng mây thành ba cái túi dẹt, trai tráng mang sau lưng cho đẹp, đựng cái đao, cái rựa nhỏ hoặc bỏ thêm vài ống tên, có thể che tên địch bắn.

Bya Bông không có con chí cũng máy chí
Không có con rận cũng vạch áo chăn tìm rận
Cốt làm sao cho qua ngày đoạn tháng
Cố quên đi cái chết đến gần
Bỗng gió dậy bão gầm
Giật đứt cả cúc áo ngực hở trần
Vú tròn tròn trái cam
Núm hồng hồng hột đậu phụng
Bya Bông khấn khe khẽ:
– Ớ yàng ơi yàng ơi
Yàng đưa gió về làng nọ làng kia
Nếu gió đem cho người tài ba
Thì hiu hiu dắt vào cửa nhà ta

Gió chưa im lại thêm sấm chớp
Bya Bông bật tiếng khóc:
– Tôi xin đất xin trời
Sấm chớp thế này tôi chết mất thôi
Lạ lùng thay tiếng chớp vừa ngưng
Bya Bông vừa nghe lục lạc rung rung
Leng reng, leng reng, leng reng
Nàng nhìn qua kẽ vách phên
Thấy một người trai theo bờ sông đi xuống
Dừng chân nhìn ngôi nhà giữa biển
Chàng cất tiếng nghe êm êm:
– Sao giữa biển mà dựng ngôi nhà đẹp thật tài
Có ai cho tôi hỏi việc chút thôi

Bya Bông nghe gọi đôi ba lần liên tiếp
Cũng đôi ba lần nàng thay váy hoa yếm đẹp
Nàng bước ra trước rầm
Tóc xanh đen chảy tới bắp chân
Mặt sáng như ánh trăng rằm
Cổ tròn trái bưởi
Mỗi bước đi váy hé da đùi lóe sáng
Làm da trời bớt xanh biển bớt sóng
Bya Bông nói như tiếng chim Pơ liêu[1]:

---

1. Chim Pơ liêu là chim chóp mao.

– Bờ sông này chưa có người lạ nào qua
Cửa biển này chưa có người khỏe đến
Sao bữa nay trời xui đất khiến
Cho được nhìn người giỏi người hay
Từ bờ sông vọng lại tiếng người trai:
– Tôi đã qua đèo kia núi nọ
Biết mấy suối mấy rừng
Nay trời bắt tôi nhẹ bước chân
Theo con sông gặp bờ biển lạ

Bya Bông trong dạ mừng thầm
Miệng liền lên tiếng ân cần:
– Xin mời chàng vào nhà
Ơ mà không phải cái nhà
Chỉ sơ sài như cái ổ chim
Chẳng có tranh lợp chẳng có tre làm sàn
Chàng chịu phiền một lát nghỉ chân

Dyông Wiwin thấy ngôi nhà lớn như nhà rông
Đan vẽ dày công như của nhà giàu
– Ơ nhà nàng đẹp lắm chưa thấy ai bằng
Tôi muốn vào thăm mà không có cầu
Không có đò giang làm sao tới được
– Chàng đi nổi gió rừng sóng nước
Có ngại gì biển lớn sông sâu
Trời cho chàng đã có lòng tới nơi
Có cần gì cầu cao đò rộng

Bya Bông không nghe nói gì thêm
Cũng không nghe bước chạm nhà sàn
Đã thấy chàng vừa đi vào cửa
Nàng vội trải chiếu hoa thêm lớp nữa
Cầm hai miếng cau mời khách
Sao đôi tay nàng cứng nhắc
Một chặp mới mở được môi:
– Cau khô trầu héo chẳng bổ béo gì đâu
Xin mời chàng xơi tạm lần đầu
Dyông Wiwin không để ý cau khô trầu héo
Cặp mắt chàng không rời cô gái:
– Tôi đã đi chín sông mười núi
Qua bao suối bao đồi

Chưa bao giờ được nhìn cá nhảy
Sao bữa nay trời cho điềm lạ vậy
Kẻ lang thang mới được thấy một người xinh

Bya Bông luôn miệng tươi cười:
– Bây giờ tôi mới thấy sao rơi
Bây giờ mới nhìn con cá nhảy
Bữa nay trời cho chàng tới
Mà chẳng biết chàng ở làng nào
Chẳng biết chàng ở đâu có còn đủ mẹ cha
Còn tôi như hột kê hột cào
Thả trên rẫy không nẩy mầm ra lá
– Tôi như cái chày lâu ngày để ngoài nhà mả
Có gì đâu phải kiêng phải cữ
Không giấu gì đi ba tháng về ba năm
Tôi là Dyông Wiwin, anh tôi là Dyă Kosé
Có cha có mẹ ở làng đầu sông
Còn nàng cha mẹ có không
Ở làm chi nhà đẹp giữa sông
Sao không sợ đêm hôm trở trời trái gió
Nghe chàng hỏi nàng vừa chột dạ:
– Tôi tên là Bya Bông như hòn đá đáy sông
Biết bao lũ lụt xuôi dòng
Mà đá vẫn nằm đáy nước
Có anh trai Jrong và Jrai còn hai cha mẹ
Nhà cũng có của ăn của để
Với tôi giờ này có cũng như không

Dyông Wiwin đã thấy động lòng
Đôi mắt vẫn không rời Bya Bông:
– Ai giàu như Bok Riêh ai mạnh như Jrong với Jrai
Cả làng nàng thật đông người
Mà sao để một mình nàng giữa biển

Giọng nói Bya Bông trở nên nghèn nghẹn:
– Tôi như con mẹ đẻ rớt ngoài chuồng heo
Đang chăn một đàn có nhiều trâu mộng
Sừng to và khỏe như nhánh cây lâu năm
Đuôi dài quét được lá rừng
Không hiểu sao giữa chiều mà tôi muốn tắm
Tôi cởi khăn cởi yếm

Để trên hòn đá bàn bên sông
Không ngờ là cái mai của Bya Kbư[1]
Nó đớp mất khăn với yếm
Nó đùng đùng nổi giận
Hỏi sao tôi dám ngồi trên lưng
Nó bắt đền bằng uống máu trái tim
Cả nhà cả làng tôi đành chịu
Nó hung dữ không ai đánh lại

Dyông Wiwin lắc đầu rồi nói:
– Sao nàng có cha giàu và anh khỏe
Nỡ lòng nào để nàng như thế
Tay còn cầm được đao thì cứ cầm
Ra sức chém ra sức đâm
Chừng nào quẹo tay gãy đao mới chịu

Miệng Bya Bông nói mà như mếu:
– Cha nào không thương con anh nào không thương em
Làng nào không thương dân đã thân quen
Không có con gì to như Bya Kbư
Có thể ví như ông voi hoặc cái nhà
Không có da con gì cứng như da con Bya Kbư
Sắt nung còn chảy đá đập còn bể
Cha tôi xin thế bằng bốn trăm con trâu
Nó không chịu
Làng tôi xin thế bằng năm chục cô gái
Nó không ưng
Thịt tôi nó cũng không thèm
Nó chỉ muốn hút máu trái tim
Cái chết của tôi chắc là thế đó
Còn tôi thấy chàng cũng lạ
Chàng đi tìm cái gì mà đi dọc bờ sông
Đi kiếm cái gì mà dong tới biển
Hay tìm ai mà chàng đã hẹn
Có cần ai đến phát rẫy làm nương

Dyông Wiwin tươi cười nhìn Bya Bông:
– Không giấu gì nàng tôi vượt suối băng ngàn

---

1. *Kbư* là con víc. *Bya* là nàng. Ở đây gọi có nghĩa như kính nể. Bya Kbư là con vích cái đáng sợ.

Tìm cái cây có hoa đẹp nhất rừng
Nhưng tôi là đứa vô duyên
Như con chó đói ăn đất lạ
Số phận như chiếc lá mục rồi

Bya Bông liếc mắt nhìn chàng:
– Ớ tội nghiệp cho Dyông Wiwin
Ở đây nắng hạn đã chín mười năm
Rừng hết xanh cây chưa khô cũng héo
Cây đơm được nụ thì không nở hoa
Cây nở được hoa thì không kết trái
Dyông Wiwin gật đầu cười tươi nói:
– Ở đâu có núi thì có cây
Đã có cây thì có hoa có trái
Dù đã tàn cũng là hoa
Nghe mùi thơm biết là hoa đang đẹp
Chàng thấy nàng đứng dậy mỉm cười
Nàng thấy chàng ngồi lại mỉm cười
Nàng liền lấy nồi vo gạo
Xắt thịt lặt rau nhanh tay xào nấu
Chàng hút điếu thuốc chưa tàn
Nàng dọn cơm bày khéo léo thức ăn
Bụng thì đói mà chàng no con mắt
Nàng quên ăn bởi cùng cười với khách

Cơm nước xong đèn đã sáng trưng
Một ghè to da đỏ như lông gà cồ
Cột vào cây cho–mrưng giữa nhà[1]
Nước rượu ngon tràn đến đâu đọng đen đến đó
Dyông Wiwin nói như hơi thở:
– Bya Bông ơi đổ rượu mà làm chi
Hãy dành rượu để Bok Riêh
Sẽ cúng hồn nàng sắp đến

Bya Bông nói: Không hẹn đến ngày mai
Bây giờ ngồi với nhau cùng uống cùng ăn
Tôi chết rồi thì không còn uống
Tôi chết rồi thì chàng uống với ai

---

1. *Cho – mrưng* là cọc có khắc hoa văn nhỏ trên đầu, để cột ghè rượu cho khỏi ngã.

Nghe Bya Bông nói chàng ngậm ngùi câu khấn:
– Ớ thần Đất thần Trời thần Nước
Cầu cho Bya Bông hiền hậu đẹp xinh
Đi đường không vấp hòn đá gốc cây
Ra bến nước không trượt chân té ngã
Ở trong nhà có áo đẹp cơm ngon
Bya Bông còn đi suốt trăm mùa lúa
Tóc đen dài chảy tới bắp chân

Dyông Wiwin kéo cần bạc mời Bya Bông
Bya Bông kéo cần bạc mời Dyông Wiwin
Nàng đổ vào ghè rượu tràn vùa bằng đồng
Hai người cùng uống
Nàng đổ vào ghè đầy chén mỏng
Hai người uống chung
Hết chén này chén nọ
Ghè rượu vừa vơi vừa đầy
Người say rượu hay rượu say người
Chàng nghe tai mình có lửa
Càng khuya thấy má nàng càng đỏ
Nàng thỏ thẻ chàng cười
Hai má nàng tươi như trái dâu rừng
Nàng dựa vào ngực chàng nghe âm ấm
Hai người vai sát vai đùi kề đùi

Chàng nghe Bya Bông nói từng lời:
– Ớ anh Dyông Wiwin cho em hỏi thăm
Mình uống chung một chén ăn chung một mâm
Có bụng dạ nào như nước trâu không uống
Có bụng dạ nào như lá bò không ăn
Anh đã choàng vai ôm cổ ai chưa

Dyông Wiwin bảo ngoài Bya Bông
Bụng chàng như con nước trong chảy về biển cả
Chưa biết miệng nào quen môi nào lạ
Chưa bao giờ nói dối nói gian
Bya Bông liền nói rằng:
– Anh với em có giống hai cái cây chặt bằng
Như đôi đũa chẳng so le sóc lách

Dyông Wiwin mê cái cách nói bùi tai
Chàng nghe hoài vẫn ngọt

– Mắt anh mở để anh nhìn thấy
Dây cườm của em cho anh mang đây
Còn dây cườm của anh em giữ
Dù ong quên lấy mật chim quên tổ
Xin đừng quên trầu úa cau khô

– Bya Bông à anh không chê ghè đất nồi đồng
Anh ở đầu sông gặp em trên trời xuống
Nhưng một mình anh làm sao sống
Bởi Bya Kbư sẽ cướp em về đáy biển khơi

Bya Bông cất tiếng kêu trời ơi
Trời sinh ra được con người
Sao trời còn sinh con Kbư độc ác
Chàng chùi mắt cô giàn giụa nước
– Bya Bông đeo cườm anh vào cổ em chi
Anh mang cườm em vào tay làm gì
Có chắc đâu hai đứa gặp nhau
Bya Bông khẽ gọi – Dyông Wiwin ơi
Anh với em đã ngồi chung một chiếu
Ăn chung một chén cơm hẩm
Uống chung một vùa rượu lạt
Dù còn bốn đêm năm ngày
Con Kbư ác độc kia mới đến
Em chỉ ngồi với anh
Mai sau dẫu còn lại một mình
Để anh còn nhớ đến em

Bya Bông lấy áo khăn lau nước mắt
Nước mắt đầm đìa cả áo Dyông Wiwin
– Anh ơi xin anh đừng quên
Con Kbư có hút máu trái tim
Nhưng em còn hồn ở bên anh
Em sẽ níu khố níu krôh–brưng
Anh bỏ em thì em chết trong kho anh chứa lúa
Em chết trong kho anh chứa kê chứa cào

Bya Bông lấy đuôi khố chàng lau mắt mình
Khố chàng cũng vắt ra nước
Nàng úp mặt vào ngực
Ngực chàng cũng đầy những nước

Nước mắt ở đâu cứ lã chã tuôn rơi
Nghe gà rừng đã cất tiếng gáy rồi
Dyông Wiwin nâng đầu nàng hỏi nhỏ:
– Chừng nào con Kbư đến bắt em
Chừng nào nó hết khát máu trái tim

Bya Bông không nén được nước mắt mình:
– Ơ anh Dyông Wiwin
Ngay hôm nay khi mặt trời xế bóng
Kbư sẽ đến móc trái tim em

Chàng nghe tiếng nàng nghèn nghẹn
Nước mắt nàng vẫn đầy yếm đầy khăn
Bộ ngực chàng dường như suối chảy
Bỗng nàng đẩy chàng ra và nói:
– Thôi hãy đi đi hỡi Dyông Wiwin
Anh đừng để liên lụy tới anh
Hãy để một mình em chịu chết

Nước mắt nàng thấm hai miếng trầu
Nước mắt nàng thấm mấy miếng cau
Nàng gói cả vào túi gum cho bạn
Thấy chàng vẫn dửng dưng hút thuốc ăn trầu
Nàng dọn cơm cùng ăn chung mâm vĩnh biệt
Nàng thấy không ngon còn chàng ăn hết

*

Mặt trời đã đậu trên nóc nhà
Bya Bông ôm cổ Dyông Wiwin
Bỗng nhiên biển ầm ầm nổi sóng
Nước đương xanh trào sôi bọt trắng
Bya Bông thả tay khỏi cổ chàng:
– Ớ anh con Kbư đã lên
Hãy chạy mau kẻo không kịp
Hãy để một mình em chịu chết

Dyông Wiwin vẫn không nhúc nhích
Vẫn ung dung hút thuốc ăn trầu
Bya Bông liền trải chiếu đôi
Đắp lên người chín mười lớp vải
Lấy mấy ghè da còn đỏ tía

Một cái gối đầu hai cái xỏ chân
Nàng nhắm mắt nghe dồn trống ngực
Lắng nghe Kbư vác mặt lên sàn

Dyông Wiwin nép mình bên cánh cửa
Nhẹ nhàng rút thanh gươm khỏi vỏ
Chàng lắc mình cho người nhỏ nhỏ dần
Như con ong ruồi bay đứng trên ngưỡng cửa
Thấy cái đầu con Kbư như đầu con thuyền lớn
Chạm vào chân cầu thang rung lên
Mắt nó tròn như hai cái đĩa bàn
Hai cái mũi khì khì khịt khịt
Há cái miệng hỏi như là tiếng thét:
– Ớ Bya Bông
Nhà mày có người lạ phải không?

Bya Bông nói nghe giọng run run:
– Nhà của tao thì tao mới biết
Chẳng ai dại cùng tao chịu chết
Đồ quỷ biển đừng có lắm mồm

Kbư trèo lên một bậc thang
Nghe có hơi gì là lạ
Nó trèo lên hai bậc thang
Ngửi có mùi gì hăng hăng
Nó trèo lên ba bậc thang
Đúng có vị gì đăng đắng
Nó vội vàng tụt xuống

Bya Bông thấy đã hết run
Nàng giận dữ liền lên tiếng quát:
– Đồ độc ác sao mày cũng nhút nhát
Chỉ mỗi mình tao sao mày không dám ăn

Kbư lại bò lên rầm gỗ
Mùi lạ hắt vào mũi nó
Nghe thấy chừng như nghẹt thở
Nó nhào xuống nước tức thì
Bya Bông bảo nó nhà không thêm ai
Nếu thấy thèm thì nuốt nàng ngay

Nghe tiếng nói của nàng giận dữ
Thèm ăn nên nước miếng tứa ra

Nó lại trèo lên làm rung động cả nhà
Cặp mắt to ngó qua ngó lại
Người lạ nào đâu có thấy
Mà mặt nó như là lửa đốt
Mũi nó cay hơn xát ớt
Giữa nhà đã sẵn miếng mồi ngon
Mồi này không có dưới biển dưới sông
Há miệng to nó định đớp gọn Bya Bông

Bỗng ánh chớp xẹt ngang người nó
Đuôi nó vừa văng ra biển
Hóa bầy đỉa lúc nha lúc nhúc
Lại ánh chớp xẹt ngang cổ nó
Thân nó bay lên nguồn
Hóa ra bầy vắt bò lổm nga lổm ngổm
Chỉ còn cái đầu nó nằm yên
Máu dính đỏ cả vách phên
Dyông Wiwin đã hiện nguyên hình
Lau máu rồi tra gươm vào vỏ
Chàng bước tới nhìn Bya Bông nằm lặng lẽ
Lòng bồn chồn xót nỗi yêu thương
Biết đâu ai đó có thật lòng
Dừng một lát bỗng chàng lùi ra cửa
Nhưng chẳng bận lòng nhảy lại bờ sông
Gió đùa sóng nắng nổi lăn tăn

Bya Bông chờ cái chết đến gần
Ngôi nhà sàn sao yên ắng quá
Không ngửi thấy mùi Kbư lạ lạ
Không nghe tiếng nó đập vỡ ghè
Chỉ gió vi vu và tiếng sóng reo xa
Nàng nhẹ nhàng giở khăn che rồi mở mắt
Nhà nguyên vẹn con Kbư đi đâu mất
Vung hai chân nghe loảng xoảng tiếng ghè
Tung chín lớp vải bông mười lớp chiếu hoa

Bya Bông nén trái tim còn nằm trong ngực
Cái sợ chưa tan cái mừng ngại hụt
Cô đứng dậy dụi mấy lần cặp mắt
Cái đầu Kbư còn đó giữa sàn
Máu me trên sàn trên cửa

Mừng thật mừng mà sợ thật sợ
Chàng ở đâu hỡi Dyông Wiwin
Lại để ai mừng rỡ chỉ một mình
Nàng vén tóc đen chảy dài tới gối
Sửa lại váy mà quên sửa yếm
Vội vàng ra cửa nhìn qua sông
Chàng vẫn còn kia quá đỗi là mừng
– Ớ Wiwin ơi Dyông Wiwin
Bya Bông của anh còn sống rõ ràng

Dyông Wiwin không nói không rằng
Vẫn điềm nhiên hút thuốc ở bờ sông
Như chưa bao giờ gặp Bya Bông
Chưa bao giờ cùng ăn uống dựa kề
Bya Bông mừng hết sức mừng
Đã khỏi chết lại thấy chàng còn đó
Có việc gì nàng làm khổ cho Dyông Wiwin
Có việc gì ai làm cho bạn bực mình
Mà không đáp không nhìn trở lại
Nàng ném cái khăn knuất bay qua bên ấy[1]
Dyông Wiwin đưa tay đón và mở khăn ra
Hai miếng trầu với hai miếng cau tư
Nhìn miếng trầu khéo têm khó quên người đẹp
Và chiếc khăn có đôi bướm đôi hoa
Có phải khăn đã từng ướt lệ nhòa
Nàng đâu sợ con Kbư ăn thịt
Mà nàng khóc vì nàng vĩnh biệt

Dyông Wiwin sau một lúc ngập ngừng
Quăng trầu cau xuống trước cửa sông
Bỗng xé tan rồi vò cục chiếc khăn
Quăng trả Bya Bông đón trước nhà sàn
Chàng đứng lên đi ngược phía đầu sông

Chưa kịp mừng Bya Bông đã kêu lên:
– Anh ăn trầu cau rồi sao lại xé chiếc khăn
Cổ em còn mang dây cườm của anh
Cổ anh còn mang dây cườm của em

---

1. Khăn knuất của đàn bà gói trầu cau.

Anh mới lại bờ sông mà đã quên lời ước hẹn
Anh không nhớ em sẽ níu khố níu krôh-brưng
Em sẽ chết trong kho lúa của anh
Em sẽ chết trong kho kê kho cào của người đổi dạ thay lòng...

Người kể: Bok Đoan – Bă Pơ
Biên dịch: Hà Giao – Đinh Yuam

DÂN TỘC Ê ĐÊ

ĐAM SAN
(trích)

Câu chuyện mở ra trong khung cảnh giàu có của gia đình Ho-nhí, Ho-bhí: Đam San – một tù trưởng trẻ đẹp và giàu có – đến thăm nhà hai chị em Ho-nhí, Ho-bhí.

Ho-nhí có sắc đẹp, muốn bắt Đam San làm chồng. Đam San không bằng lòng nhưng do uy lực của Trời ràng buộc, cuối cùng Đam San đành chịu lấy Ho-nhí.

Mo-tao Go-rứ, một tù trưởng hung bạo đến bắt nàng Ho-nhí xinh đẹp. Lúc ấy Đam San đi vắng. Khi về nghe tin, Đam San liền đi đánh Go-rứ để rửa nhục cho gia đình và cứu vợ. Go-rứ bị Đam San đâm chết.

Thời gian sau nữa, tin nàng Ho-nhí xinh đẹp bay đến tai một tù trưởng giàu có và hùng mạnh hơn là Mo-tao Mo-xây. Thừa lúc Đam San đi xa, Mo-xây đến cướp Ho-nhí bỏ lên bành voi mang đi. Tôi tớ chạy báo cho Đam San biết. Đam San lại đi đánh Mo-xây và thắng Mo-tao Mo-xây.

Ở nhà một thời gian, Đam San vẫn nuôi nhiều khát vọng tự do. Đam San đòi đi bắt Nữ thần Mặt Trời về làm vợ lẽ. Nữ thần Mặt Trời không chịu. Khi trở về, chẳng may cả người và ngựa của Đam San bị lún trong rừng đất nhão của bà Sun Y Rít. Đam San chết. Nhưng Trời lại vẫn bắt Đam San phải đầu thai trong bụng của chị mình là Ho-ăng để tiếp tục làm chồng trong dòng họ của Ho-nhí theo tục lệ "nối dây".

Truyện này phản ánh những khát vọng tự do, những xu hướng muốn phá vỡ mọi ràng buộc, phá vỡ trật tự xã hội dưới chế độ mẫu quyền của một thanh niên, nhưng thanh niên đó chưa đủ sức mạnh.

Những đoạn trích dưới đây là đoạn tả Đam San đi đánh Mơ-tao Mơ-xây, đi đốn cây thần và đi bắt Nữ thần Mặt Trời.

. . . . . .

Đam San ở nhà một ngày, nghỉ một chiều và một đêm. Một buổi sáng, anh nói:

ĐAM SAN – Ơ Y Bơlim làng Bơlô, ơ Bơlô làng Bơlang,

Hỡi trai làng trèo tài, lặn giỏi! Hỡi dân làng Hoh, làng Hun! Đi bắt voi về đây[1]!

Y BƠLIM – Thưa ông, bắt voi về làm gì?

ĐAM SAN – Ta muốn thế này: buổi sớm mai ta đi câu cá, buổi chiều ta đi bắt cá. Ta đã chán ăn thịt trâu thịt bò, nay ta muốn ăn cua ăn tôm. Đi bắt voi về đây!

Voi bắt về, Đam San lên voi và dẫn cả đoàn người đông như kiến ra sông.

ĐAM SAN – Ơ các con, các con! Hãy xuống voi! Tất cả xuống nước đi!

Mọi người họ đều lội xuống nước, và trong chốc lát, họ đã mang lên đầy cá, cua, tôm. Cả cá sấu bị bắt lúc còn trong hốc đá. Cả rắn đen rắn nước chưa kịp lủi ra ngoài.

Trong lúc Đam San đương bắt cá, thì Mơ-tao Mơ-xây nghe tiếng Hơ-nhí Hơ-bhí giàu đẹp liền cho người nhà đến dò xem. Lúc mấy người này về, Mơ-xây hỏi: – "Có thật nàng Hơ-nhí đẹp không?"

TÔI TỚ – Bà ấy đẹp thật! Cổ chân tròn như bắp chuối. Lúc gió thổi váy hở, thì thấy bắp đùi trắng tinh, sáng chói như chớp. Dân làng nào cũng phải khen đẹp.

MƠTAO MƠXÂY – Đóng bành voi ngay!

Họ đi cả một đoàn voi. Voi đực đóng bành mây. Voi cái đóng bành có mái. Những trai làng khỏe mạnh cưỡi cổ voi. Mơ-tao Mơ-xây

---

1. Đam San là tù trưởng lớn, trông coi nhiều buôn làng, có nhiều tôi tớ.

là một tù trưởng giàu mạnh. Gông cùm tù binh chật cả làng. Lông chân dày như đắp lên một lớp. Lông mày sắc như đá mài đi. Con mắt sáng ngời như đã uống hết một chum rượu, đến nỗi một con trâu lớn cũng không dám đi qua trước mặt.

Họ đi đến bến nước, gặp trai làng, đàn bà và trẻ con tắm. Họ hỏi: – "Này các con! Chỗ nào là bến nước, con nào là chim mẹ?"[1]

TRẺ EM – Chẳng có cây *hót*, cây *bua* hay cây *mo-đót* nào cả. Chỉ có chúng tôi là to nhất.[2]

MƠ-TAO MƠ-XÂY *(hét)* – Ơ mấy con méo mồm, ơ mấy con sề vú! Ta hỏi này: Ai là đầu suối, ai là chim mẹ? Kẻ nào đứng đầu buôn?

GÁI LÀNG – Ông không biết danh tiếng Đam San à? Đến thần linh cũng đều biết tiếng Đam San. Núi rừng cũng đều biết tiếng. Người chẳng bao giờ phải đi xuống thang. Người muốn có bao nhiêu tôi tớ được bấy nhiêu. Người chẳng bao giờ đi bộ. Người muốn có bao nhiêu voi được bấy nhiêu con.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Bọn này coi thường người giàu sang. Đồ đốn mạt!

Mơ-tao Mơ-xây đi tới cầu thang. Thấy một cái nhà dài bằng tiếng ngân dài của một cái chiêng tốt. Hiên trước dài bằng hơi thở con ngựa đương chạy. Gái làng giã gạo, tiếng chày cối không ngớt. Ánh sáng của chiếc khiên chói lọi như đèn đuốc. Vải sợi nặng trĩu làm cong các sào phơi. Vải đen vải trắng, vải đủ các màu phơi cùng sào. Người ta ăn thịt bò và thịt trâu. Thịt treo tối cả nhà. Bát đĩa bằng đồng để khắp sàn nhà, đến nỗi hết cả chỗ ngồi. Sườn nhà đều chạm trổ. Cầu thang rộng bằng chiếc chiếu, nên hai cặp người, một cặp khiêng chum rượu đi lên, một cặp khiêng chum rượu bước xuống, vẫn không cản trở gì nhau. Thật là nhà một tù trưởng giàu mạnh.

Mơ-tao Mơ-xây xuống voi, bước lên hiên nhà. Hắn bước mạnh đến nỗi làm cho cột nhà lung lay bảy lần; rồi đi vào, hai tay vừa đi vừa đánh đưa, ngực phồng ra trước, quăng nón sang một bên, rồi

---

1. Ý nói: ai là tù trưởng?
2. *Kót, bua, mo-đót*: tên các loài cây to trong rừng Tây Nguyên. Câu này, con trẻ tỏ ý khinh thường Mơ-tao Mơ-xây.

đến ngồi giữa nhà. Trẻ con khiếp sợ khóc rống lên, lưỡi tụt vào cổ, họng bị tắc, cả làng ầm tiếng khóc.

TÔI TỚ – Ơ bà, ơ bà! Khách vào đầy nhà. Người khách chính ngồi ngay giữa nhà, đợi một cách nghiêm nghị. Họ là người Bih, cổ đeo vòng răng cọp, hay là người Nơ Nông cổ đeo vòng răng rắn. Khắp trong vùng người Ê Đê chúng ta không có ai như họ. Chân họ trơn nhẵn như đã cạo. Đùi họ như đã lột da. Thân mình như quả dưa hấu chín, như con sóc khoang lốm đốm hoa. Mắt họ nhìn sáng như hai ba người góp lại.

Ho–nhí bỏ chiếc váy cũ ra, bận vào một váy mới. Và hỏi Ho–bhí: – "Đã đẹp chưa em?"

HO–BHÍ – Đẹp rồi đấy chị ạ, đẹp cũng bằng hai vườn hoa quả.

Cái váy ấy đen như mây, đen như hoa *ho–bê*, lóng lánh như một luồng ánh sáng, chói lọi như một chớp lòa. Dân làng loáng cả mắt. Búi tóc trên đầu vấn chặt như hoa *ko–nong*. Nàng vấn tóc lên hơi cao. Một mái tóc thoát ra ngoài thả xuống đến vai. Tóc nàng dài đến nỗi nếu thả ra thì xuống tận đất như một thác nước và che bóng râm như cả một cây *ko–nia*. Một cây trâm bạc cắm dọc, một cây trâm cắm ngang giữ cho búi tóc đứng im, gió bão cũng không chuyển.

Nàng đi đủng đỉnh, thân mình uyển chuyển như cành cây *bo–lô* sai quả, mềm dẻo như những cành trên đỉnh cây, gió đưa đi đưa lại. Váy nàng dài đến nỗi thân nàng bước đã xa, mà váy còn kéo mãi đàng sau. Nàng đi đứng rất duyên dáng, ngực nhô ra đàng trước, bàn chân này bỏ xuống đất thì cũng vừa lúc gót chân kia giở lên, ai cũng phải khen đẹp. Nàng đi như chim phượng bay, như chim diều lượn trên không, như nước chảy dưới suối. Lúc nàng đứng dừng lại hay ngồi xuống, thì chẳng ai duyên dáng được đến thế. Tiếng nàng thánh thót đến tai ta rồi người nàng mới bước tới.

HO–NHÍ – Thưa, ông đến có chuyện gì?

MƠ–TAO MƠ–XÂY – Tôi đến chơi, chẳng có chuyện gì. Chứ ông Đam San đi đâu?

HO–NHÍ – Đam San đi vắng, đi săn trong rừng, bắt cá dưới suối để kiếm thức ăn. Mời ông hút thuốc. Thuốc của tôi thái với rìu với

rựa, thô đến nỗi bỏ vào ống điếu cứ bật ra ngoài, đốt lửa thì nổ tung ra, và lúc hút vào thì chín cả lưỡi. Mời ông dùng tạm cho.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Tôi đến nhà bà, bà cho thuốc hút. Ở nhà tôi, tôi chỉ hút lá *búc*. Lúc vào rừng thì tôi hút lá *ê-pong*. Khách tới nhà tôi tôi không còn thuốc mời hút.

HƠ-NHÍ *(gọi tôi tớ)* – Ơ các con! Ra đằng sau, giết một con gà ấp, đốt một con gà đẻ. Giã gạo cho trắng như hoa *ê-pang*. Nấu cơm cho nhanh, chỉ trong giập miếng trầu. Chín rồi thì vần ra khỏi lửa, đơm cơm vào chiếc bát hoa *tam*, đơm vào chiếc đĩa hoa *guôl* vào đĩa chim *ko-buôl*, chim *ko-túc* và đưa mời ông khách quý đến thăm nhà ta.

HƠ-NHÍ – Kính mời khách ăn cơm. Cơm tôi có mùi mốc. Nước tôi có mùi tanh. Và người đãi ông là một con diều con quạ.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Như thế này là quý lắm. Tôi tới nhà bà tôi mới được ăn cơm. Ở nhà tôi, một quả dưa tôi ăn ba năm, một quả chuối tôi ăn ba ngày.

Nói rồi, Mơ-xây ăn một nắm cơm bằng đầu con chồn, rồi ăn luôn một miếng bằng đầu con chó, mà không biết thẹn. Rau thì chỉ nhặt một tí xíu đầu móng tay mà gà thì ăn luôn một lần ba miếng.

Hơ-nhí cho người đi lấy rượu, lấy chum rượu đen, chum rượu miệng có tám quai. Năm người khiêng chum, mười người đỡ ở dưới, ba người đi lấy lá. Năm người nhét lá vào chum, một người đi mời láng giềng đến cùng uống... Người ta mang chiêng tới đánh, những cái chiêng kêu tiếng đồng tiếng bạc. Tiếng chiêng phá tan sàn nhà lăn xuống dưới đất, phá tan mái nhà vượt lên trên không.

HƠ-NHÍ *(gọi tôi tớ)* – Hãy đánh chiêng lên! Hãy đánh lên các điệu mà ông nhà đã dạy cho các con. Đổ thêm nước vào rượu đi! *(nói với Mơ-tao Mơ-xây)* Mời ông khách uống rượu cho! Rượu tôi lạt lẽo, quá chua, chỉ có hơi mùi rượu thôi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Không cần ngọt hay chua tôi cũng uống. Cũng như người con gái xấu được con trai tù trưởng giàu mạnh hỏi thì bao giờ cũng ưng. Nhưng đã chiều rồi, bà cho tôi về.

Nói rồi đi, cố ý bỏ quên cây guơm ở bên bếp lửa. Ra ngoài Mơ-xây kêu: – "Nhờ bà trao tôi cây guơm tôi bỏ quên".

HƠ-NHÍ – Hỡi các con, đưa guơm cho khách!

Tôi tớ đưa gươm ra, Mơ-xây không chịu cầm.

TÔI TỚ – Thưa bà, khách không chịu cầm.

HƠ-NHÍ – Khách không chịu cầm à? Thôi, để ta chịu nhọc tự đưa cho khách.

Hơ-nhí giơ tay đưa gươm, nhưng Mơ-xây với không tới. Nàng xích lại gần nữa. Lúc Mơ-xây với tới liền bế cả Hơ-nhí lên, bỏ vào bành voi và thúc voi chạy.

HƠ-NHÍ *(kêu la)* Ơ em Y Suh, Y Sah! Chạy mau tin anh biết là người ta đã bắt chị ngay trong nhà, ngay trong đất ta. Người ta trói chị như trói bò trâu, canh giữ chị như giữ con *kéc* con sáo.

Y Suh, Y Sah liền đi. Một anh cưỡi ngựa đực nhanh như con sóc *xia*. Một anh cưỡi ngựa cái nhanh như con sóc *kênh*. Họ chạy hết sức ngựa, làm vỡ đá ba hòn núi và giẫm nát ba đám cỏ gianh. Nhạc ngựa loong coong như người cầm tay rung.

ĐAM SAN – Hỡi các em! Chiêng treo bếp lửa hay sao mà các em chạy đến[1]? Lại một tù trưởng nào đến cướp nhà ta phải không? Nói mau! Chị em ở nhà có việc gì không?

Y SUH – Chị ở nhà bị bắt! Người ta trói chị như trói bò trói trâu. Người ta giữ chị như chim *ko-tia* chim *ho-ril* bị buộc chân.

ĐAM SAN – Đứa nào mà cả gan vượt qua đỉnh núi cao nhất? Nó không biết Đam San à? Nó không biết người tù trưởng đầu đội khăn kép và vai mang túi da[2]. Nó không biết Đam San có danh tiếng đến tận thần linh sông núi, không còn một tướng nào là không biết đến Đam San. Đam San muốn bao nhiêu chiêng, bao nhiêu tôi tớ cũng được, nó không biết vậy hay sao? Đứa nào dám cướp gan hùm? Đứa nào dám sánh cùng gan gấu? Đứa nào muốn biết gan ta đắng hay bùi?

Y SUH – Nghe người ta nói đó là Mơ-tao Mơ-xây giàu mạnh.

ĐAM SAN – Hỡi các con! Chúng ta về ngay! Bỏ lại tất cả đồ đạc ở đây. Hãy trở về ngay! Trở về làng ta ngay! Bỏ lại tất cả lưới

---

1. Ý nói: có chuyện bất thường hay sao?
2. Cách ăn mặc của những tù trưởng giàu sang: trên đầu quấn một chiếc khăn nhiều hai lớp, vai đeo túi bằng da thú.

và chài đánh cá. Để lại việc này cho người già cả. Còn các chủ làng, chủ nhà, chúng ta hãy đi tìm xem ai đã lôi kéo cối khỏi chầy, ai đã bắt vợ ta, như hái quả bí trên giàn? Ai vào tận buồng mà bắt vợ ta? Đi nhanh! Chúng ta sẽ đi theo dấu chân ngựa, đi theo dấu chân voi. Họ đi, cả đoàn đông như một bầy nai, lố nhố như bầy kiến cánh, đoàn người chảy đi như một đám mối, đám kiến đen. Họ đã về đến làng.

ĐAM SAN – Hỡi các con! Đi bắt trâu và khiêng rượu về đây làm lễ. Năm trâu thiến cúng những người đã chết. Bảy chum rượu và một trâu đực để cúng cho ta. Ta đi kiếm đứa nào đã bắt vợ ta. Hỡi Y Suh Y Sah! Các anh có lời lẽ khéo làm cho các tù trưởng không giận dữ, hãy đi gọi về người Bih sề tai! Hãy đi gọi người Mơ–nông rộng miệng! Hãy gọi từ Đông sang Tây, những tù trưởng giàu mạnh đội khăn dài xuống đến vai! Tập trung nỏ mác về xếp đầy cả mặt đất! Hãy tập trung nhiều người đến nỗi mắt ngó xa đến đâu cũng còn thấy người của ta đông như kiến, đen như mây, đi hàng dài như sợi chỉ, lố nhố như bầy mối! Hỡi anh mặc áo sắt! Hỡi em mặc áo thép! Hỡi người nhanh nhẹn mang gươm và khiên, có đi theo ta không?

CÁC TÙ TRƯỞNG – Chúng ta đi đâu?

ĐAM SAN – Ta đi giết một tù trưởng giàu mạnh. Ta đi bắt tù binh. Ta đi chiếm đất đai người khác.

CÁC TÙ TRƯỞNG – Sao chúng tôi lại chẳng đi theo! Họ ra đi, người đen như đám mây, xám như dây *kobăc*, đông như mối như kiến. Họ đến bến nước, rồi đến đầu làng. Làng thật to lớn. Nương rẫy ở cửa rừng đều làm cỏ sạch sẽ. Rẫy chiếm các đỉnh đồi cao. Làng ở lưng chừng sườn đồi. Trên sườn đồi, trâu lố nhố đen như những quả dưa thẫm. Bò đỏ như dừa ương. Trâu bò lúc nhúc như mối trắng, như kiến đen. Nhà cửa nhiều như cát. Nước suối chảy trên những tảng đá bằng. Hàng rào phía thấp bằng mây và sắt, phía cao bằng gai. Lối đi vào cắm đầy chông, dày đến nỗi nếu có ném vào quả cà thì cà cũng cắm luôn vào đầu chông. Nếu có con sóc nhảy vào thì mình nó đã bị thủng nát trước lúc chân đụng đất. Cổng vào làm bằng hai lớp tre *mo–ô* và hai lớp tre *a–lê*. Cột cổng to bằng ba cây lớn ghép lại.

Họ nhìn thấy Mơ-tao Mơ-xây đang ăn uống linh đình, ăn thịt trâu, thịt bò như ngày tết đầu năm. Người ta đánh chiêng và trống lớn. Những tay khéo léo đang đánh chiêng *ko-na ho-long*. Chiêng núm và chiêng bằng treo đầy nhà[1]. Những dây thịt bò thịt trâu nhiều đến nỗi tối cả mắt. Bát *mơ-til* và bát *po-rang* đầy sàn, nhiều đến nỗi không còn lối đi lại. Đam San lên nhà, đứng xem và nghe ngóng. Người ta đánh chiêng, anh đứng nghe chiêng. Người ta ăn thịt bò, anh cũng ăn thịt bò. Người ta ăn thịt trâu, anh cũng ăn thịt trâu. Sáng sớm, anh bỏ đi ra, và lúc đi xuống thang, anh chặt gãy các ống nước.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Ơ các con! Xem chừng kẻ địch Đam San!

Tôi tớ ra ngoài hiên xem lại.

TÔI TỚ – Thưa ông, thật là kẻ địch. Nó đã chặt gãy các ống nước rồi.

ĐAM SAN – Mau mở cửa, nắng đốt cháy mặt ta!

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Ơ các con ra xem, nếu là người tốt thì mở cửa, nếu là kẻ địch thì đóng cửa thật chặt!

TÔI TỚ – Thưa ông, thật là kẻ địch rồi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Kẻ địch à? Nó như thế nào?

TÔI TỚ – Họ đóng khố màu sặc sỡ. Đầu đội khăn đẹp như các tù trưởng. Khiên tròn như đầu cú. Gươm sáng như mặt trời. Thân mình ở trần như quả dưa, chờ sẵn như con sóc. Mắt sáng gấp đôi gấp ba mắt thường.

ĐAM SAN – Mau mau mở cửa!

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Đồ chó mực, đến mà ăn cơm thừa vợ tao để trong bếp!

ĐAM SAN – Ơ các con! Ta phá cái hàng rào này!

Ai cũng phá thử hàng rào, nhưng chẳng ai phá được. Anh em bà con của Đam San cũng không phá nổi.

ĐAM SAN – Hỡi anh mang áo sắt! Hỡi em mang áo thép! Hỡi các trai làng khỏe mạnh! Phá cho tan cái hàng rào!

---

1. *Chiêng núm, chiêng bằng:* chiêng đồng của người Ê-đê có một loại núm nhô lên, một loại bằng phẳng vừa là nhạc cụ, vừa là của cải có giá trị trao đổi.

CÁC TỦ TRƯỞNG – Chịu thôi! Giết chúng tôi đi! Bỏ chúng tôi như vật chẳng ích gì. Chúng tôi không phá được.

Đam San liền phải tự mình phá hàng rào. Xô một xô, hàng rào đã đổ xuống. Đoàn người đông như bầy nai, lố nhố như bầy kiến cánh, tiến vào.

Nhà Mơ–tao Mơ–xây trước hiên có khắc mặt trăng. Đầu cầu thang chạm mỏ con sáo. Thật là nhà một tù trưởng lớn. Cầu thang rộng bằng chiếc chiếu, dù cho hai người đi lên khiêng rượu hai người bước xuống khiêng rượu cũng không đụng nhau.

ĐAM SAN – Mau mau xuống đất để ta chặt đầu!

MƠ–TAO MƠ–XÂY – Tao không xuống được. Tay tao bận sờ vú vợ mày.

ĐAM SAN – Xuống ngay! Mày không xuống à? Tao sẽ chẻ cầu thang mày. Tao sẽ đốt cháy cả nhà mày!

MƠ–TAO MƠ–XÂY – Khoan khoan, để tao xuống đất. Đừng vội đâm tao trước lúc tao xuống.

ĐAM SAN – Tao không thèm đâm mày trước lúc mày xuống. Con lợn dưới đất tao không đâm thì mày tao cũng không đâm.

MƠ–TAO MƠ–XÂY đi ra. Chiếc *khiên* tròn như đầu con cú, gươm sáng như cầu vồng, và người cầm gươm oai nghiêm như một vị thần. Nó thắt chặt khố lên, bận một áo có nút, rồi nó đi xuống một cách cẩn thận, dè dặt, đi giữa đám đông như sương buổi sáng.

ĐAM SAN – Mày múa *khiên* trước đi.

MƠ–TAO MƠ–XÂY – Cho mày múa trước. Tao là một con gà làng cựa mới mọc nhọn như gai sắt. Tao là gà rừng cựa nhọn như gai cây *ko–cham* chưa ai đạp lên.

ĐAM SAN – Mày múa khiên trước đi!

Mơ–tao Mơ–xây liền múa. Tiếng khiên chỉ kêu "tốt–ko–rốt" như hạt *êyan* trong quả khô.

ĐAM SAN – "Ko–rốt... Ko–rốt!" Mày bắt chước hạt *êyan*! Mày bắt chước ai như vậy?

MƠ–TAO MƠ–XÂY – Tao bắt chước ai à? Tao đang bắt chước cậu tao.

ĐAM SAN – Cậu nào?

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Tao bắt chước cả chú tao.

ĐAM SAN – Chú nào? Tao với mày cùng múa đi!

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Mày không biết tao chỉ chuyên đánh nhau, bắt nô lệ và chiếm đất kẻ khác hay sao?

ĐAM SAN – Hãy nhìn tao này!

Rồi Đam San múa khiên. Nhảy một nhảy, anh vượt qua một đám gianh, nhảy lùi một nhảy, anh vượt qua một bụi tre *moô*. Anh chạy qua phía tây, chạy qua phía đông. Mơ-tao Mơ-xây nhanh nhẹn đuổi theo phía đông, đuổi theo phía tây, tưởng là đuổi kịp, ném lao tới. Nhưng chỉ trúng một cuộn dây bằng da trâu.

ĐAM SAN – Sao mày cắt cuộn dây, còn đùi tao mày dành lại làm gì?

Chính lúc ấy Hơ-nhí quăng cho Đam San một miếng trầu cau vào miệng. Anh nhai và thấy sức lực tăng lên gấp bội.

ĐAM SAN – Này! Chạy đi, ta sẽ đuổi đây.

Anh múa cao tấm *khiên*. Tiếng múa giống như gió vù. Anh múa thấp tấm khiên. Tiếng múa như bão. Một cái chòi vì hơi gió mà lật đổ tan tành. Anh múa mãi, chạy quanh ba dãy núi và giẫm nát gianh ba dãy đồi. Anh ném lao bên này, đỡ bên kia, tiến tới, tháo lui, mũi lao như những vệt sao băng sáng ngời trên đùi Mơ-tao Mơ-xây, nhưng đâm không thủng thịt. Anh đâm đã nhiều lần mà không thủng thịt. Người anh mệt nhừ. Anh thiêm thiếp như ngủ đi và thấy mình gặp Trời.

ĐAM SAN – Hỡi Trời! Tôi chết mất! Tôi đã ném lao nhiều lần mà mũi lao không thủng thịt kẻ địch.

TRỜI – Phải rồi! Này, con lấy một cái chày giã gạo và ném vào lỗ tai!

Đam San tỉnh dậy, chụp một cái chày ném ngay vào tai kẻ địch. Áo sắt rơi xuống, Mơ-tao Mơ-xây bỏ chạy, chạy trốn chung quanh chuồng lợn, Đam San phá tan chuồng lợn, chạy trốn chung quanh chuồng trâu, Đam San phá tan chuồng trâu. Rồi Mơ-tao Mơ-xây lăn đùng xuống đất.

MƠ-TAO MƠ-XÂY – Khoan! Xin đừng giết ta. Ta sẽ đền cho một con trâu, ta sẽ đền cho một con voi.

ĐAM SAN – Sao lại nhận trâu nhận voi? Mày bắt vợ tao, chẳng khác gì mày đã chặt chân tao.

Nói rồi anh phóng lao, cắt đầu và cắm đầu Mơ–tao Mơ–xây lên cọc bêu ở ngoài đường.

ĐAM SAN – Hỡi trăm ngàn chim muông! Hỡi tất cả tôi tớ của Mơ–tao Mơ–xây! Ở tất cả các nơi, có về theo ta không?

Nói rồi tự vào nhà gọi từng người.

DÂN LÀNG – Sao chúng tôi lại không đi? Chủ chúng tôi đã chết rồi, đã thối ra rồi.

ĐAM SAN – Hãy gõ vào phên và xà nhà làng này!

DÂN LÀNG – Sao chúng tôi lại không đi? Ông đợi tôi, để tôi cho lợn ăn đã.

ĐAM SAN – Hỡi tất cả tôi tớ chỗ này chỗ kia, đến với ta, chủ các ngươi đã chết. Ai chăn ngựa đi kiếm ngựa dẫn về! Ai quản voi đi kiếm voi về! Ai giữ trâu đi dẫn trâu về!

DÂN LÀNG – Sao chúng tôi lại chẳng đi theo ông! Đầu làng đi bị rừng mọc choán. Cuối làng cà ót đã mọc lên[1]. Chủ chúng tôi đã chết rồi.

ĐAM SAN – Hỡi chim muông tôi tớ làng này, mau mau đi theo ta! Chúng ta về luôn đây.

Họ trẩy đi, đông như bầy hươu, bầy nai, lố nhố như kiến cánh, như bầy kiến đen, bầy mối trắng. Và Đam San lại càng là một người chủ lớn, có nhiều chiêng núm, chiêng bằng. Tôi tớ của Đam San mang đồ đạc như bầy ong đi lấy nhụy hoa về, như trai gái đi lấy nước về.

ĐAM SAN – Ơ các con, đi lấy rượu bắt trâu về cúng! Lấy năm chum rượu và năm trâu thiến cúng linh hồn người chết đã giữ thân mình ta khỏe, đánh thắng địch, đã giúp ta bắt được tôi tớ và chiếm đất một tù trưởng lớn. Lấy bảy chum rượu, bảy con trâu cúng thần linh, để thần linh khỏi giận, để thần linh che chở ta, như cây cổ thụ, không còn ai giàu mạnh bằng ta. Hỡi anh em trong nhà! Hỡi bà con trong làng xóm! Chúng ta hãy mau làm lễ tết đầu năm. Hãy

---

1. Ý nói: cảnh vật suy tàn, hoang vắng.

đánh chiêng trống lên! Chiêng *ho-long* phải có tay đánh khéo. Voi đực và voi cái cứ liên tiếp ghé hè nhà[1]. Hãy làm thịt bò thịt trâu đầy nhà. Hãy bày bát *mo-til* và bát *po-rang* ra đầy sàn, đến nỗi không còn chỗ ngồi chỗ đứng.

TÔI TỚ – Đánh chiêng nào hở ông?

ĐAM SAN – Đánh những cái chiêng kêu nhất. Những chiêng cất trong *gùi* và có đeo lục lạc. Đánh cho tiếng chiêng vượt qua sàn nhà vang xuống dưới đất. Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà vọng lên trời và lan ra khắp cả xứ. Hãy đánh cho đến lúc voi và tê giác phải lắng tai mà quên cho con bú. Đánh cho ếch nhái và dế cũng phải lắng tai nghe mà không kêu nữa.

Nhà Đam San đông đặc cả người đến uống rượu. Người lớn, trẻ con, và cả các tù trưởng vùng lân cận cũng đến ăn mừng lễ đánh thắng của Đam San. Đam San thì nằm trên võng, tóc dài thả xuống đựng trong một cái chiêng. Tất cả mọi người dự lễ đều uống rượu, ăn thịt lợn và thịt dê. Thịt lợn thì nấu trong ống tre *a-lê*. Thịt dê thì nướng trong ống tre *mo- ô*. Trong nhà, các dây treo chiêng nhiều đến nỗi chằng chịt lấy nhau như mạng nhện. Ngoài hiên, vải sợi xanh đỏ trắng vàng treo đầy sân trông như hoa.

Đam San uống rượu suốt một ngày đêm mà cũng chẳng say. Vừa uống vừa kể chuyện triền miên cho mọi người nghe.

Rượu chảy xuống tràn ngập đất ở dưới nhà đến nỗi giun phải bò ra khỏi đất, dế bò ra khỏi lỗ, ếch nhái nổi lên kêu như là có mưa lụt.

Trong nhà, người ta đi đi lại lại chen chúc nhau, vai sát vai, vú sát vú, trong lòng ai cũng hoan hỉ vì có người tù trưởng thật oai hùng, có không biết cơ man nào là chiêng đồng, là voi nhà, là rừng núi, đã từng đánh thắng không biết bao nhiêu kẻ địch. Oai linh vang đến tận các Thần núi từ phía Đông cho đến phía Tây.

Thịt lợn cứ đem thêm. Rượu cứ khiêng tới mãi. Và người ta bàn tán không cùng, bàn rằng Đam San quả thật là một tù trưởng oanh liệt, dũng cảm, hùng cường, cho đến nỗi có mệt ngất đi cũng không hề chịu lùi bước. Chàng ta mang chăn choàng trên áo, tai

---

1. Ý nói: khách đến nhà đông đúc. (Trên vùng cao nguyên miền Trung, người ta thường dùng voi để đi lại).

đeo vòng, tay cầm gươm chạm trổ và sắc bén toàn là đồ dùng của người giàu mới có. Chân chàng to bằng xà nhà, đùi to bằng ống bệ. Chàng khỏe như con voi đực, hơi thở như sấm vang, nằm xuống sàn nhà thì gãy cả sàn nhà; Đam San hùng cường ngay từ trong lòng mẹ.

Chơi bời vui đùa chán chê, rượu trong chum đã hết, dân làng chia nhau, ai về nhà ấy.

*

Đam San nghỉ một ngày, ngủ một tối và một đêm. Một buổi sáng, anh gọi: – "Ơ Y Suh! Ơ Y Sah! Các anh là những người nói hăng và tránh được các sự phiền hà, các anh biết giúp đỡ tù trưởng. Ơ anh Y Bơ–lim làng Bơ–lô! Ơ anh Y Bơ–lô làng Bơ–lang là làng trèo cây giỏi! Hỡi dân làng, làng Hoh làng Hun là làng có lắm người tài!

Y SUH, Y SAH, *(hỏi)* – Có việc gì mà ông gọi chúng tôi? Y Bơ–lim, Y Bơ–lô

ĐAM SAN –Tôi gọi các anh không phải vì việc này việc nọ. Tôi gọi các chú đi đốn cây *mơ–rua*, đốn cây *ko–tu*, đi lấy mây lấy song.

Y SUH, Y SAH – Tại sao chúng tôi lại không đi? Chúng tôi sẽ đi cả. Nhưng ông định đốn cây ở rừng nào? Định đi đường nào?

Họ cùng đi, trăm người đi trước, nghìn người theo sau, mang theo dao và rìu. Từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, họ lùng khắp mọi rừng thưa, khắp nơi rừng rậm.

ĐAM SAN – Hỡi các con! Ta đốn rừng này. Ai đốn cứ đốn, ai chặt cứ chặt đi! Nhưng này, cây gì thế này?

TÔI TỚ – Cây này là cây *so–muk*. Đây là cây linh hồn Hơ–nhí, Hơ–bhí. Cây *so–muk* như thế này còn có một cây ở phía đông nhà Hơ–nhí, Hơ–bhí, còn có một cây ở phía tây hiên nhà. Ấy là cây sinh ra Hơ–nhí, Hơ–bhí. Rễ nó xuống tận âm ty. Thân cây từ suối đất mọc lên, cây rất rậm rạp. Chẳng có cây nào rậm cành rậm lá như cây này. Phải một năm đi mới khắp vòng gốc nó. Phải một tháng mới trèo đến cuối cành nó. Lá dài bằng một sải chân ngựa. Gốc cây sâu xuống tận âm ty. Thân cây cao vút tận trời. Chẳng có cây gì cao bằng nó. Thật là cây quý, cây sống đời đời. Trời đã trồng ra nó và vun gốc cho nó. Nó lớn lên chừng nào là nứt đất mà lên. Cây rậm lá nhiều mà lại biết uốn theo gió rồi lại đứng thẳng lên, không bao giờ gãy. Cây này quả thật là cây thần.

ĐAM SAN – Vậy thì chúng ta đốn cây này. Ai rìu mẻ thì mài đi! Ai dao mẻ thì mài đi!

Hơ–nhí và Hơ–bhí đợi Đam San suốt tháng suốt năm.

HƠ–NHÍ – Ơ các con, mau đi bắt voi về!

TÔI TỚ *(gọi voi)* – Ơ Đút mầy ăn tre *a–lê*! Ơ Đê mầy ăn tre *mơ–ô*! Chủ mày là Hơ–nhí, Hơ–bhí đi tìm ông Đam San, ông ta đi lấy song, đi lấy chuối rừng. Từ lúc ông đi đến nay đã một năm, bao chuyến trăng sáng đã qua, và ve sầu đã kêu lại một kỳ khác.

HƠ–NHÍ – Ơ các con! Ta hãy đi tìm ông Đam San, có lẽ ông lạc trong rừng, lạc trong các đầm nước đã một năm nay rồi.

TÔI TỚ – Phải, thưa bà, chúng ta đi ngay.

Rồi hai nàng đi. Hai người nhà đi theo. Ba người ăn nói có tài cùng đi theo. Hai nàng gọi thêm một trăm người, tập hợp thêm nghìn người, gọi theo anh em thân thuộc. Trên một con voi đực để bành mây, trên voi cái để bành có mái, những gái làng đẹp để ngồi trong bành.

Họ đi vào rừng sâu, đi lang thang không có hướng nhất định như lá bị gió đưa đi. Đêm ngủ, ngày đi. Họ đến đúng chỗ Đam San đang chặt cây. Họ thấy cây rung rinh liền nói:

HƠ–NHÍ – Sao lại làm như vậy? Cây này là cây *so–muk*, giống như cây ở phía đông nhà ta và ở phía tây hè ta. Cây này là cây tổ tiên của ta từ xưa đến nay, sao lại đốn cây này? Anh muốn chúng tôi chết hết à? Anh cứ ăn tim bò trong một cái mâm, ăn tim trâu trong một cái bát. Anh cứ uống rượu trong chum *tuk* chum *tang*. Anh ở lại, còn chúng tôi về thôi.

Nhưng Hơ–nhí, Hơ–bhí thấy Đam San vui vẻ như một ngày lễ đầu năm. Anh ta và bao người cứ uống rượu, ăn thịt lợn thịt trâu rồi cố đốn cho được cây.

ĐAM SAN – Ơ các con! Hãy moi đất lên như lợn moi! Cứ chặt thật mạnh như dê bạng! Cố gắng nữa lên! Làm sao cho nhát rìu sáng chói lên như chớp ban đêm.

TÔI TỚ – Thưa ông, gốc nó xuống tận dưới nước! Thân nó vươn lên trời. Không biết nó có chịu ngã không?

ĐAM SAN – Cây đã nghiêng rồi, nó muốn gãy. Nhưng phía sau bổ chưa sâu. Hãy đào sâu phía ấy, đào như lợn đào đất. Bổ cho thật mạnh vào gốc, bổ như dê bạng nhau. Cho rìu tóe ra lửa.

Đam San, đốt đuốc soi vào dấu bổ cây. Dấu bổ đã sâu hoắm. Cây nghiêng nghiêng. Từ gốc đến cành rung rinh muốn ngã. Hơ–nhí, Hơ–bhí muốn bỏ chạy. Hai nàng hết sức khiếp sợ, muốn chạy đi. Hai nàng chạy vòng quanh gốc cây, thì cây lại quay tít trên đầu hai nàng. Đam San nói: – "Hỡi Hơ–nhí, Hơ–bhí! Chạy mau!" Hơ–nhí, Hơ–bhí chạy sang phía tây, cây cũng nghiêng qua phía tây. Hai nàng chạy sang phía đông thì cây cũng nghiêng theo phía đông. Hai nàng chạy sang hướng người Mơ–nông thì cây cũng nghiêng theo hướng người Mơ–nông. Hai nàng chạy sang hướng người Bih thì cây cũng nghiêng theo hướng người Bih. Hai nàng chạy theo hướng người A–đơ–ham thì cây cũng nghiêng theo hướng người A–đơ–ham. Đam San kêu to: "Ơ Hơ–nhí, ơ Hơ–bhí! Chạy theo đường về làng!" Và hai nàng chạy theo đường về làng. Cây cũng ngả theo đường về làng.

HƠ–BHÍ – Chị ơi, em chạy không nổi nữa!

HƠ–NHÍ – Chúng ta nương nhau mà chạy.

Gió trầu cau rơi tứ tung. Hai người đến gần làng thì cây cũng nghiêng thấp xuống gần. Lúc vừa đến nhà thì cây cũng vừa sập xuống đất với một tiếng kêu khủng khiếp vang lên đến tận trời. Cây ngả xuống làm đổ theo các cây cối khác, nên trong cả vùng, rừng cây bị tan tành hết. Cành cây quật vào không khí gây nên một cơn bão phá tan mọi thứ chung quanh. Cây sập xuống vừa lúc Hơ–nhí vào nhà, áo váy tả tơi. Hơ–bhí vật xuống nằm ở cửa.

Đam San cũng chạy về, dọc đường nhặt lấy váy và áo của Hơ–nhí và Hơ–bhí. Anh vừa chạy vừa khóc. Tới nhà, gặp Hơ–nhí nằm giữa nhà, bế vào nhà sau, tới buồng lại thấy Hơ–bhí, lại bế luôn, để Hơ–nhí nằm trên một bắp vế mình, và Hơ–bhí trên một bắp vế.

Tôi tớ đến thăm hai bà chủ chết, chết kỳ dị, như chết đuối chết ma. Họ khóc: – "Hỡi ông, các bà tôi chết cả rồi. Chúng tôi không còn ai nữa. Chúng tôi chỉ còn một mình!"

Đam San khóc từ sáng đến tối, từ tối suốt sáng. Thấy tôi tớ tạc tượng dựng nhà mồ, Đam San nói: – "Hỡi các con, hãy chớ vội làm hòm. Hãy khoan tạc tượng. Hãy đợi ta về đã. Để ta đi hỏi Trời

xem Trời có thương người, có cho lại ta những người nấu cơm cho ta, dệt áo khố cho ta không. Hỡi bà con, hỡi tôi tớ, hãy lấy chiêng ra đầy nhà mà đánh. Giữ gìn lấy xác Hơ-nhí, Hơ-bhí chết như lúa ngập nước, như cỏ nắng khô, linh hồn đã bị lạc mất rồi. Hãy mời khách đến ăn uống như ngày lễ tết đầu năm. Cho ai cũng biết tin. Đến cả thần linh trên núi cũng biết. Cho người Bih nghe tin mang trâu đến lễ. Cho người Lào nghe tin mang bò đến lễ. Người Blô, người Epan nghe tin đưa lợn gà đến viếng. Hãy đánh chiêng trống lên. Ai khéo tay ra đánh chiêng ko-na hơ-long. Cho voi đực và voi cái ghé luôn sàn nhà đưa khách tới."

Y SUH, Y SAH – Thưa ông, vậy ông đi đâu?

ĐAM SAN – Ta đi kể khổ với Thần Nước. Ta đi khóc với Thần Đất. Ta đi lên trời.

Và Đam San lấy gươm, mài sắc đến nỗi con ruồi đậu lên cũng bị bổ làm hai.

Anh đi về phía nhà Trời, anh gọi: – "Ơ Trời! Thả xuống một cái thang!" Trời bỏ xuống một cái thang đồng. Đam San chặt gẫy ngay. Trời bỏ xuống một cái thang bạc, Đam San cũng chặt luôn. Trời bỏ xuống một cái thang sáng lấp lánh, Đam San cũng chặt. Trời bỏ xuống một cái thang vàng, Đam San mới chịu lên.

TRỜI – Cháu đến có việc gì đó?

Đam San ngồi im không nói gì. Trời đưa thuốc cho Đam San hút. Đam San liền chụp ngay búi tóc Trời.

ĐAM SAN – Tôi chặt ngay cái đầu Trời đây!

TRỜI – Tại sao lại chặt đầu ta?

ĐAM SAN – Tại sao tôi chặt đầu à? Vì tôi gọi mãi mà Trời không nghe. Vì Trời không chịu nghe lời than khóc của tôi. Vì tôi đã lễ Trời bao nhiêu rượu, lợn, trâu mà Trời không chịu mở cửa sắt ra. Hãy nhìn lại Đam San này. Xem nước mắt ròng đầy một bát, chảy ngập cả chiếc chiếu. Trời ơi! Vợ tôi đã chết rồi, thật đã chết rồi, người nấu cơm và sắm thức ăn cho tôi, người dệt áo khố cho tôi. Chính Trời trước kia đã cho tôi đến ở nhà vợ tôi. Chính Trời đã cho nàng làm vợ tôi. Chính Trời đã trộn lẫn sơn với dầu. Chính Trời đã buộc cương vào mõm ngựa, buộc dây vào mũi trâu, buộc trai với gái. Chính Trời đã ép buộc chúng tôi lấy nhau, đã dọa tôi rằng

nếu không lấy thì bắt tôi là tôi tớ của Hơ-nhí còn nếu tôi lấy Hơ-nhí thì tôi sẽ thành một tù trưởng giàu mạnh có nhiều chiêng núm chiêng bằng. Bây giờ, tôi đã có nhiều chiêng núm chiêng bằng, tôi đã có nhiều tôi tớ trai và gái, thì nay ai sẽ nấu cơm cho tôi, ai sắm thức ăn cho tôi, ai dệt khố áo cho tôi?

TRỜI – Ơ cháu! Lấy nhụy hoa *ko-pô* và nhụy hoa *ko-pun* luyện đã ba năm và đem rưới cho hai người luôn trong ba buổi sáng.

ĐAM SAN – Tôi còn làm như thế làm gì? Hai người đã chết rồi, không đứng dậy được nữa, thân thể đã rữa ra rồi. Làm sao nàng còn sống lại được như trước kia, với nét mặt đẹp đẽ, thân hình gọn ghẽ?

TRỜI – Con lấy tỏi nhai kỹ và phun vào tai hai người, lấy củ *chia* quăng lên trên hiên nhà làm phép.

Thế rồi Trời làm cho Hơ-nhí, Hơ-bhí hồi tỉnh lại, hai người tuy trước đã chết như lúa bị ngập nước, như cỏ bị nắng khô, như bị ma quỷ bắt mất hồn. Đam San trở về nhà, tóc bù rối như người sắp chết. Về nhà, thấy người ta vẫn đương đánh trống đánh chiêng. Voi đến ghé trước sàn nhà không ngớt. Láng giềng bà con đến ăn uống như ngày lễ tết đầu năm. Nhiều người đến cạnh người chết và chuẩn bị đưa đám. Họ vào nhà đông đến nỗi nom từ xa thấy những ngọn lao ngọn gươm của họ giống như ánh sáng chiếu lên đám cỏ gianh đầy hoa.

Đam San bước lên nhà, thấy quả thật vợ anh đã chết. Anh khóc.

ĐAM SAN – Vợ tôi chết như lúa bị cắt đã chết thật rồi. Tiếc thay người mà thần linh cho tôi, để tôi được trở thành một tù trưởng giàu mạnh. Tôi là lá đa, tôi quyến luyến với cây đa. Thần linh hãy cho tôi phép làm sống lại vợ tôi, cho nàng tỉnh dậy ăn gan bò trong mâm, ăn gan trâu trong bát, uống rượu trong chum *ché tuk* trong chum *ché tang*. Hỡi Hơ-nhí Hơ-bhí! Tại sao cứ ngủ mãi vậy? Sao không dậy, không sống lại, sao mắt đã vội quên? Hãy xem kia *ché tuk ché ba*[1] cứ liên tiếp đưa ra uống, bò trâu cứ thui mãi, bò lợn đầy chuồng, trâu bò đến sáu chục con. Ta thổi thuốc linh thiêng vào tai em, ta trún vào miệng em.

---

1. *Tuk, tang, ba*: tên các loại chum, ché đựng rượu quý giá của người Ê-đê.

Như vậy rồi Hơ–nhí Hơ–bhí sống trở lại, tỉnh dậy, đứng dậy rửa tay trong một nồi nước, rửa mặt trong một bát đồng. Hai nàng nói: "Ơ anh! Sao anh khóc lóc về chúng tôi mãi thế? Chúng tôi chỉ ngủ thôi. Mà tại sao lại xếp đầy vải bông vải hoa chung quanh chúng tôi như thế này?"

ĐAM SAN – Ơ các con! Các nàng đã sống lại cả rồi! Ai giữ trâu đi bắt trâu về. Ai giữ bò đi dắt bò về. Ai giữ chum rượu hãy đi khiêng về. Đánh trống đánh chiêng lên!

Những tay khéo léo đánh chiêng *kop* cho tiếng vàng tiếng bạc ngân lên. Đánh lên chiếc trống *đam bơ–hu*, tiếng trống thần mà tiếng kêu át cả sấm vang. Cứ đánh lên đi, vì Hơ–nhí và Hơ–bhí thật đã sống lại rồi, Hơ–nhí và Hơ–bhí mà Trời đã cho ta để ta trở thành tù trưởng giàu mạnh, người tù trưởng đầu đội khăn kép, vai mang túi da!

Đam San nghỉ một ngày, nghỉ một đêm và một chiều. Một buổi sáng, anh nói:

ĐAM SAN – Ơ Hơ–nhí, ơ Hơ–bhí! Đừng mong đợi tôi nhé!

HƠ–NHÍ – Thế anh đi đâu nữa?

ĐAM SAN – Tôi đi vào rừng xa. Tôi đi vào rừng không cùng tận. Tôi nghỉ ban đêm. Tôi đi ban ngày.

HƠ–NHÍ – Sao lại muốn đi nữa? Nếu anh muốn chiêng núm thì đã có ở nhà. Nếu anh muốn chiêng bằng thì ở nhà chưa đủ hay sao?

ĐAM SAN – Sao tôi lại đi kiếm chiêng núm? Sao tôi lại đi kiếm chiêng bằng? Tôi đi chơi thôi, đi chơi, không có việc gì.

HƠ–NHÍ – Ơ anh! Bao nhiêu chiêng núm đều là của anh, bao nhiêu voi đều là của anh. Anh là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn kép, vai mang túi da. Trăm chiêng núm đã có. Trăm chiêng bằng anh đã có. Trăm con voi, anh đã có. Rừng đầy tràn nồi đồng của anh, đồng nước đầy tràn nồi đồng của anh. Lợn dê, anh đầy sân. Tiếng tăm anh vang đến tận Thần Núi; từ phía Tây đến phía Đông, ai cũng phải khen anh là người gan dạ, anh hùng, đến nỗi bị thương hay ngất đi cũng không lùi trước kẻ địch.

ĐAM SAN – Tôi muốn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời. Như vậy mới thành tù trưởng hết sức giàu mạnh, có nhiều chiêng núm chiêng bằng, trên đời không ai bì kịp. Lúc đó, tôi đến đâu, tre *a–lê* phải

cúi xuống. Tôi đến đâu, tre *mo-ô* phải khô. Tôi đến đâu, núi sẽ vỡ, sẽ tan. Tại sao tôi muốn đi? Tôi nghe nói tất cả thần linh ở núi từ Tây sang Đông, thì Nữ Thần Mặt Trời là người đẹp nhất. Bắp chân nàng tròn. Váy nàng đẹp tuyệt vời. Đừng có mong đợi tôi. Tôi nghỉ mười ngày, tôi ngủ năm đêm, tôi tìm kiếm suốt một năm.

Rồi Đam San cưỡi ngựa ra đi. Chàng cưỡi một con ngựa đực. Chàng khoác áo màu đen màu trắng. Tay cầm lao. Gươm giắt thắt lưng. Chàng đến nhà Tăng Măng.

TĂNG MĂNG – Thưa anh đi đâu? Có việc gì?

ĐAM SAN – Tôi đói, đến kiếm cơm. Tôi khát, đến kiếm rượu uống. Tôi đi tìm dây *păm pil*. Tôi thèm thịt bò thịt trâu, đến kiếm ăn.

TĂNG MĂNG – Đây cơm, đây gà rán, đây rượu cần, và bây giờ anh hãy nói chuyện anh cho tôi nghe. Anh đi đâu mà vội vàng như vậy?

ĐAM SAN – Tôi vội, là vì tôi muốn bắt Nữ thần Mặt Trời. Anh ở gần rừng, anh có biết con đường đi tới chỗ nàng nuôi trâu nuôi bò không?

TĂNG MĂNG – Anh ạ, tôi chỉ như một đứa trẻ không biết rõ rừng. Tôi chỉ như người đàn bà không biết đường voi đi ở đâu, không biết đường tê giác ở đâu. Tôi không biết trâu bò nàng ở đâu cả.

ĐAM SAN – Tôi hỏi xem anh biết không, vì anh ở gần rừng, vì anh ở giữa Đông và Tây. Đi, anh giúp tôi, dẫn tôi đến chỗ trâu bò của nàng đi qua. Hãy giúp tôi tới đó.

Rồi hai người đi. Họ ngủ mười đêm trong rừng, ngủ năm ngày, đi luôn một năm. Một người cưỡi ngựa đực, một người cưỡi ngựa cái. Tiếng ngựa chạy nghe như tiếng sông than, như tiếng biển thở. Tiếng vó ngựa trùm lên tất cả rừng núi. Họ đến làng Đam Pac Quây. Trẻ con trên sàn đứng xem. Đàn bà con gái đang tắm trong suối đứng ngắm. Ai cũng biết danh tiếng Đam San, biết là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn kép, vai mang túi da. Họ đến đầu làng. Họ đến tận nhà. Người đến buộc ngựa, kẻ đến xem và ngắm nghía. Chỉ hai bước, họ đã lên nhà, giậm chân lên sàn làm nhà lắc bảy lần qua phía Đông. Đam San móc dao vào phên rồi tới ngồi giữa nhà, trông dẻo như con rắn trong hang, con hùm bên bờ suối. Tiếng nói

tiếng cười của chàng nghe như sấm vang sét đánh. Chẳng ở đâu có người cười nói như Đam San.

ĐAM PAC QUÂY – Hỡi các con! Mau đưa ông một cái gối! Mau mang chiếu tới, mau mang tới một cái chăn. Dưới rải chiếu trắng, trên rải chiếu đỏ! Mau mang thuốc lá, thuốc thái nhỏ đựng trong một bát đồng, thuốc nguyên lá đựng trong cả thúng. Sao cho khách Đam San hút mãi mãi không hết. Hãy đốt một con gà mái ấp và giết một con gà mái đẻ, giã trắng gạo, nấu cơm và đưa mời khách ăn. Đi lấy rượu về, lấy rượu ngon nhất đựng trong *ché tuk*, chiếc chum miệng rộng như miệng người Mơ–nông, chiếc chum chạm ở trên, cẩn ở dưới, chiếc chum quai có vẽ và đáng giá ba con voi. Ai đi lấy nước thì đi lấy đi. Ai đánh chiêng thì đánh đi. Ai cắm ống cần[1] thì cắm đi.

Cắm cần rồi mời Đam San uống trước.

Đam San uống mãi, uống không ngừng.

ĐAM PAC QUÂY – Hỡi anh! Bây giờ, ta đã uống rượu, đã ăn gà, đã ăn cơm, tôi xin hỏi: có chuyện gì mà anh tới đây? Có ai đánh cướp nhà, có ai xâm chiếm làng, có ai bắt trai gái trong làng không?

ĐAM SAN – Không phải vậy đâu. Không phải tôi đến vì chuyện nọ chuyện kia đâu. Tôi đến nghe tự miệng anh, nhờ anh cho biết chúng tôi đi bắt Nữ Thần Mặt Trời có được không?

ĐAM PAC QUÂY – Ấy chết! Đường này đầy cọp. Đường đi đầy rắn độc. Anh không thể đi đến chỗ Nữ Thần Mặt Trời đâu. Người ta đã cắm chông trên đường đi hái cà. Người ta đã cắm bẫy trên đường đi hái ớt. Tù trưởng vào chết tù trưởng. Người giàu sang vào cũng chết người giàu sang. Người gan dạ vào chết người gan dạ.

ĐAM SAN – Chẳng lẽ không ai vào được sao? Đối với người gan dạ, anh dũng đến mức không bao giờ lùi bước, dầu sắp chết hay ngất đi cũng không lùi, thì có vào được không? Trời bảo vệ thân thể tôi, anh không cho tôi đi, cũng mặc, tôi cứ đi. Tôi đã mang theo *bùa ngải* trước nay đã giúp cho tổ tiên tôi thắng, mà nay cũng sẽ giúp tôi thắng. *Bùa ngải* này giúp cho tôi giết chết tê giác dưới hầm

---

1. Cắm cần vào chum rượu để hút rượu uống.

sâu, giết chết hùm cọp giữa rừng rậm. Nói gì thứ bò cạp giữa đường, rết trên ngọn cây. Nói gì hùm và cọp có thể gặp.

ĐAM PAC QUÂY – Ấy chết! Dưới nước thì đỉa, trên cây thì sên, nó cắn chết. Xương người đầy bìa rừng, xương trâu xương bò đầy núi. Chỗ ấy đã chết biết bao tù trưởng khỏe mạnh và cương quyết. Đất trong rừng là đất đen, nhão như nước. Nhiều tù trưởng đã chết lún trong đất lỏng ấy. Tôi giữ anh lại thôi. Nhất định tôi không thể để anh đi. Tôi làm lễ cho anh một con lợn, một con trâu, nhưng nhất định không để cho anh vào rừng của Trời, rừng đầy chông gai, nhiều đến nỗi con sóc có nhảy vào thì thân đã bị đâm thủng trước lúc chân chạm đất.

ĐAM SAN – Mặc kệ! Để tôi kiếm một lối đi. Tôi sẽ đi tới chỗ tôi muốn! Gặp hùm, tôi sẽ giết hùm!

ĐAM PAC QUÂY – Lúc đáng ở thì anh không ở. Lúc đáng đi thì anh không đi. Đốt một cái đuốc rồi đi vào lúc còn tối.

ĐAM SAN – Khắp nơi, từ người Ê Đê vùng sông lớn, đến người Mơ–nông vùng hạ lưu, từ Tây sang Đông, đứa nào cả gan dám nói Đam San này không phải là một tù trưởng đầu mang khăn kép, vai mang túi da? Ta đây không sợ.

ĐAM PAC QUÂY – Anh chưa đi à? Ấy chết! Tại sao chưa thắp đuốc mà đi lúc còn đêm tối. Làm sao thấy được lối để khỏi rơi vào rừng voi! Khỏi rơi vào đất lỏng rừng bà Sun Y Rít[1].

ĐAM SAN – Bây giờ quá nửa đêm rồi. Gà đã gáy tứ phía. Trời sắp sáng. Thần Ánh Sáng sắp lên.

ĐAM PAC QUÂY – Ơ anh! Anh chỉ đi theo ngựa cho đến lúc nào trời còn tối và đất còn rắn. Vì đến lúc mặt trời lên, đất sẽ nhão ra, trở nên mềm lún. Người ta vẫn nói rừng Sun Y Rít như vậy đó.

Rồi Đam San lên đường, đi qua rừng âm u, trèo qua núi rậm. Cỏ gianh cắt nát tay anh. Mây cắn nát chân anh. Anh không có một thứ gì ăn uống. Anh cứ đi mãi, đi mãi, càng đi càng thấy rừng vắng như không có ai ở. Anh đi đến chuồng nuôi trâu, bên trên có thả diều của Trời. Chỗ đó không có ai cả. Đàn ông cũng không, đàn

---

1. *Sun Y Rít*: nhân vật nữ trong thần thoại Ê–đê. Thần thoại kể rằng nơi bà ta ở là khoảng rừng mênh mông nằm giữa trời và đất.

bà cũng không. Đi mãi, gặp một cái hàng rào dưới làm bằng dây đồng, trên làm bằng dây sắt. Anh thoáng thấy làng của người gìn giữ Mặt Trời Mặt Trăng. Tới một chỗ cao, anh chặt một sườn núi, ném xuống bùn làm con đường để vượt qua khoảng cách giữa trời với đất. Anh đến một nhà đơn độc, nhà vợ chồng Hơkung và Y Du[1] ở với Thần Mặt Trời và Thần Mặt Trăng. Người ta nghe tiếng sấm sét, tiếng mưa rơi y như ngựa thở. Ở đây, sáng luôn, không có đêm tối. Anh thấy nhà Nữ Thần Mặt Trời ở. Thang lên nhà là một cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng. Chày cũng bằng vàng, lúc dùng thì ánh sáng lóng lánh ngợp mắt. Anh xuống ngựa, tháo yên, trèo lên thang nhà, tin cho trong nhà biết, rồi đứng ở sân hiên nhìn qua nhà của Thần Mặt Trời. Anh ngắm nghía nhà to, ngắm voi quanh sân nhà, trong nhà đầy chiêng núm và chiêng bằng. Tôi tớ trai và gái đông như mây. Sườn nhà thếp vàng. Tất cả nhà các tù trưởng giàu mạnh chưa có nhà nào như vậy. Anh đi qua cửa, móc dao vào phên, vào ngồi giữa nhà. Người nhà đi lại từ nhàu sau ra nhà trước, nhìn Đam San như nhìn một thần linh mà danh tiếng đã vượt qua núi rừng tới Thần Ánh Sáng.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Ơ các con! Xem người nào lạ vào ngoài nhà?

TÔI TỚ – Thưa bà, chúng tôi không biết. Người ấy mặc một cái áo da. Lông chân mịn như chuôi dao. Giọng nói như tiếng ve sầu. So với tất cả các tù trưởng, không có ai giống như thế.

Nữ Thần Mặt Trời thay một cái váy mới. Thấy váy đó chưa đẹp, lại thay váy khác đẹp hơn. Váy này nhấp nhánh như chớp sáng. Tóc nàng chải bóng che xuống hai tai. Nàng đi ra khỏi buồng và tới đâu thì chỗ ấy sáng lên. Dáng nàng đi như chim diều bay, như chim phượng hoàng liệng, như nước chảy êm đềm. Lúc dừng lại, ngồi hay đứng, cũng đẹp không ai so tầy. Tiếng nàng nghe rõ mặc dầu người chưa thấy. Cổ nàng đẹp như cổ con công. Nàng là con của Trời và Đất.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Anh muốn gì, hỡi người dưới trần thế?

ĐAM SAN – Tôi đến đây vì muốn có người nấu cơm cho tôi ăn, dệt vải cho tôi mặc.

---

1. *Ho-kung, Y Du*: tên hai nhân vật trong thần thoại Ê-đê.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Tại sao anh lại để dao ở không, để vợ anh một mình, để tôi tớ anh ở nể[1]?

ĐAM SAN – Dao tôi cầm ở tay, rìu tôi đã có cán, và ở trên đất, đàn ông đàn bà đã vừa đôi.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Sau lưng thì anh yêu một người mà trước mặt thì anh lại cười nói với người khác!

ĐAM SAN – Tôi muốn có hai vợ lẽ, tôi muốn có một vợ thật đẹp và tôi hứa với nàng tôi sẽ mang nàng xuống trần để lập một gia đình chung với Hơ–nhí, Hơ–bhí.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Thôi! Sao lại đi chỗ khác? Tôi muốn ở lại quê hương mặt trời của ông bà tôi, ở lại làng của tổ tiên đã sinh ra các thần Mặt Trời, Mặt Trăng. Tôi muốn ở lại xứ tôi là chỗ giáp giới giữa trời và đất.

ĐAM SAN – Sao lại không đi? Tôi đã chịu khó lấp vũng đất lỏng ngập tới đầu gối, ngập tới nách, để đi đến đây.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Nhưng nếu tôi đi, ở trên đất lợn gà sẽ chết hết. Tê giác, trâu, bò, lừa, ngựa sẽ chết hết. Chẳng còn đất để làm nương rẫy. Người Ê–đê sẽ không còn nước uống, cây cối sẽ không còn ra trái. Nếu tôi đi, cây trong rừng rậm sẽ chết, cây trong rừng thưa sẽ khô héo. Lau sậy, cỏ gianh sẽ không còn cây non, không mọc lại nữa. Trên đất sẽ nắng hạn lớn, nước suối sẽ khô. Thôi, người đi đi. Vì chốc lát, ta sẽ mọc lên đây!

ĐAM SAN – Không, tôi không đi đâu! Với dao và nỏ, tôi đã đi qua rừng; tôi đã giết tê giác dưới vực thẳm, tôi đã giết hùm trên núi cao, đã giết quạ diều trong cây trống, giết ma quỷ trên các đường đi. Tôi đã hết lòng hết dạ để đến với nàng, vì tôi muốn ở với nàng, chỉ lúc nào nàng chịu ở với tôi thì tôi mới chịu về.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Thôi, người đi đi! Đi ra khỏi nhà! Vì ta là con của Trời. Người chỉ biết ăn cơm, rửa ráy với nước lá, ta không thể nhận cùng ở chung chạ được đâu.

---

1. *Ở nể*: ở không, không làm việc gì.

ĐAM SAN – Tôi nghĩ tôi thương nàng, nhưng nàng đằng sau lưng thì nói không thương tôi, đằng trước mặt thì cười nói mà không nhận lời. Thôi, tôi trở về làng cũ vậy.

NỮ THẦN MẶT TRỜI – Hãy khoan! Đừng đi bây giờ, vì ta sắp lên! Và như vậy người sẽ chết.

ĐAM SAN – Tôi không cần chết hay sống. Tôi muốn đi ngay.

Nói rồi anh lên ngựa đi về. Lúc đó, Mặt Trời ló lên trên đỉnh núi. Ngựa Đam San chạy hết sức thì đến khoảng giữa rừng. Mặt Trời tỏa ánh sáng ra tứ phía. Đất trở nên nhão. Ngựa ngập đến chân. Mặt Trời lên mãi đến nửa trời, ngựa vẫn còn chạy, bùn ngập đến bụng. Mặt Trời lên dần mãi đến đỉnh, đất loãng ra như nước, ngựa ngập mình và cả Đam San cũng ngập lún vào đất.

. . . . . .

Đào Tử Chí – Trúc Cương
hiệu đính, dịch, chú thích

XING NHÃ
(trích)

Bản trường ca kể chuyện chàng trai anh hùng Xing Nhã.

Vợ chồng Gia–rơ Kốt – Hơ–bia Đá chịu khó làm ăn, trở nên giàu có và sinh được một con là chàng Xing Nhã. Ngày lễ "thổi tai" cho con, vợ chồng Gia–rơ Kốt mời vợ chồng bạn thân là Gia–rơ Bú tới dự; nhưng Gia–rơ Bú chối từ, chỉ cho mình vợ là Hơ–bia Guê đi. Vợ chồng hắn vốn đã ganh ghét với bạn. Dự lễ về, Hơ–bia Guê xúc xiểm, và Gia–rơ Bú kéo tới đánh phá buôn làng của bạn giết Gia–rơ Kốt và bắt vợ bạn về làm nô lệ.

Xing Nhã được ông Gỗn[1] cứu thoát và giao cho vợ chồng Xing Yuê nuôi. Lớn lên, Xing Nhã được nàng Bơ–ra Tang yêu và chỉ cho biết kẻ đã phá hại gia đình chàng. Chàng tìm tới buôn làng của Gia–rơ Bú. Được Hơ–bia Bơ–lao giúp sức, Xing Nhã đánh phá kẻ thù tan tành, trả được thù cha, cứu mẹ khỏi vòng nô lệ.

---

1. *Ông Gỗn*: Ông Trời.

Cảm kích lòng tốt của Hơ-bia Bơ-lao, Xing Nhã lấy Hơ-bia Bơ-lao, còn nàng Bơ-ra Tang – người đã chỉ cho chàng biết mặt kẻ thù – Xing Nhã nhường lại cho em họ là chàng Xing Mun dũng cảm.

Trường ca Xing Nhã phản ánh được nhiều mặt của xã hội Ê Đê và Giơ-rai. Khác với thời đại ở hình thái mẫu quyền được phản ánh trong Đam San, thời đại Xing Nhã là thời đại nền kinh tế tư hữu tài sản đã hình thành rõ rệt, tính chất lao động tập thể và quan hệ huyết thống trong thị tộc đang tan rã dần. Ở đây, vai trò người tù trưởng nổi bật lên: trong tay họ đã tập trung nhiều nô lệ, tôi tớ, nhằm đi đánh phá các nơi. Tuy nhiên, người đàn bà vẫn nắm nhiều quyền hành như phân phối tài sản, sai khiến tôi tớ nô lệ, thừa kế gia sản và chủ động trong việc cưới xin... Đặc biệt vai trò của thần quyền cũng tập trung dần và về mặt kinh tế đã thấy hình thành những hình thức định giá và trao đổi bằng hiện vật.

Trường ca Xing Nhã mang tính chất một bản anh hùng ca chống áp bức, rất được truyền tụng trong cả hai dân tộc Ê-đê và Giơ-Rai.

. . . . . .

Trăng tròn đủ ba đêm. Mặt trời lên khỏi núi. Hạt sương trốn nắng. Xing Nhã đến gốc gòn của chàng Đăm Di[1] không thấy Bơ-ra Tang, Xing Nhã vào bụi nằm chờ.

BƠ-RA TANG *(vừa đến)* – Ơ con gà trong buôn ra đi! Ơ con gà rừng nhỏ trong hang ra đây! Hoa *ê-pang* đã đến rồi!

Nhìn xung quanh không thấy ai, Bơ-ra Tang tức đỏ mặt, ném gói cơm, ném cả con gà, vừa đi vừa rủa:

BƠ-RA TANG – Ơ cái giống trái *pút-ko-đang* nút, trái *ko-pang* chín, cái thằng lừa gạt con gái, làm chết phụ nữ giàu sang!

Cũng không thấy ai trả lời, Bơ-ra Tang liệng gùi, vùng vằng quay trở về. Xing Nhã núp trong bụi gianh, chạy ra gọi:

XING NHÃ – Ơ em Bơ-ra Tang, anh ở đây! Tại sao chửi cha chửi mẹ anh; tại sao lại nói chuyện giàu nghèo với anh?

---

1. Theo truyện dân gian, dòng Đăm Di có trồng một cây gòn (cây bông), cây đó sống mãi, và trai gái thường thường tới tình tự với nhau dưới gốc gòn đó.

BƠ–RA TANG *(cười)* – Anh thử xem hoa *ê–pang*, hoa *ê–ring* có héo với nắng không; cái bụng của em có thật lòng yêu anh không?

Hai người rủ nhau ra bến nước chuyện trò. Xing Nhã ngồi ở bờ sông. Bơ–ra Tang xuống xúc cá. Nàng xúc phía tây, trúng cá *roa*, phía đông, trúng tôm tép. Dáng điệu của nàng uyển chuyển như bước đi con gái mới lớn lên. Đôi chân, cặp đùi của nàng đẹp hơn măng non. Nàng theo con nước xúc miết, xúc mãi, xúc loay hoay, loanh quanh vẫn cứ trở lại bến nước cũ.

XING NHÃ – Ơ em Bơ–ra Tang, khóm chuối mọc từ trước, gốc dưa bụi mía lớn nhiều đêm ở đây, trước kia là làng của ai? Bến nước, cây cau, nền nhà dài ở giữa hệt như một buôn giàu có.

BƠ–RA TANG – Ai mà biết được?

XING NHÃ – Em có nghe dân làng kể chuyện không? Nếu em không nói cho anh biết làng này xưa của ai, thì chiếc còng đồng và xâu cườm sẽ trở lại tay em, vì anh và em sẽ không đi chung một đường như gà rừng với con công[1].

BƠ–RA TANG – Anh có bỏ em thì em cũng không biết nói sao.

XING NHÃ – Nếu em không nói thì anh sẽ đi theo đường cây đa ngã, cây vầu gãy. Anh về làng đây! Không nghe Bơ–ra Tang nói gì. Xing Nhã tức tối bỏ đi. Anh không quay nhìn lại. Bụng của Bơ–ra Tang cồn cào như thác xoáy. Đôi mắt đen láy của nàng sửng sốt, xoay chong chóng, nhìn cây một hóa thành hai. Nàng nghĩ mãi: Nếu nói cho Xing Nhã biết thì sợ tuổi còn non, không đủ sức trả thù cho cha mẹ, nếu không nói thì nàng sẽ mất người yêu. Nàng đành cất tiếng gọi lớn;

BƠ–RA TANG – Ơ anh! Hãy quay lại đây em sẽ nói về làng này.

Xing Nhã biết có chuyện xảy ra, chàng quay lại. Hai người đi song song cạnh nhau, rẽ xuống bờ sông.

BƠ–RA TANG *(đưa mắt dò ý người yêu)* – Nơi đây là buôn cũ của Gia–rơ Kốt. Cha anh trước đây sáng lo làm rẫy, chiều lo bẫy chim, chỉ biết thương yêu vợ con. Gia–rơ Bú nó thèm ăn trái chua, tham ăn múi nấm[2], kéo đến đánh cha anh tại buôn, mẹ anh tại

---

1. Gà rừng và công ít khi chịu ở chung một rừng, kiếm mồi chung một bãi.
2. Ý nói: tham lam, độc ác.

nhà, cướp phá của cải, chiêng ché nhà anh. Mẹ anh là Hơ–bia Đá bị nó bắt làm nô lệ, cha anh bị nó chặt đầu vứt dưới đồng gianh. Xing Yuê và Bang Ra không phải là cha mẹ đẻ ra anh đâu!

Bơ–ra Tang thấy đôi mắt người yêu đỏ như chớp lửa. Xing Nhã vội vàng chạy đến đống gianh mục, tìm xương sọ cha, kêu khóc thảm thiết.

XING NHÃ *(khóc)* – Ơ cha! Cha mua con voi đực bằng cây lúa trên rẫy. Cha đổi ché *túk*, chiêng núm, chiêng bằng bằng những lợn và trâu, bò dưới chuồng. Cha không đụng chạm của ai, việc lớn việc nhỏ không hề có, chỉ tại người ta thèm của cải gia đình ta như thèm trái chuối chín, cây mía ngọt mà thôi. Xing Nhã chạy về nhà giậm chân khóc lóc.

BANG–RA (hoảng hốt hỏi con) – Ơ con, có việc gì thế?

XING NHÃ – Con khóc vì nhớ mẹ con bị bắt làm nô lệ, thương cha con bị chém mất đầu. Thân con bây giờ giống như một trái chuối, con biết rồi, mẹ chỉ là dì ruột nuôi con thôi.

BANG–RA – Cha mẹ của con ở đâu nữa? Ta là mẹ đẻ ra con đây!

XING NHÃ – Không đúng! Mẹ của con là Hơ–bia Đá đã bị Gia–rơ Bú bắt làm nô lệ rồi!

Sáng hôm sau, mẹ cha đi làm rẫy. Nỗi căm hờn đã mọc rễ trong bụng Xing Nhã. Chàng lên giàn gác, thấy cái khiên của Xing Yuê, liền cầm tập thử. Chàng quay mạnh quá, chiếc khiên không chịu nổi, bắn ra từng mảnh.

Buổi chiều, cha mẹ đi rẫy về, Xing Nhã ngồi hỏi chuyện cha.

XING NHÃ – Buổi chiều, con lên giàn nhà ăn chuối, thấy chiếc khiên của ai đã bị mọt ăn sắp vỡ rồi.

Xing Yuê chưa kịp đáp, Xing Nhã hỏi dồ luôn:

XING NHÃ – Ơ cha, cha đẻ của con có khiên không? Bây giờ khiên để đâu?

XING YUÊ – Ủa! Con có cha nào khác đâu?

XING NHÃ – Trên giàn nhà có phải cái khiên của cha con không? Khiên cha con nhỏ quá nên mới bị thằng Gia–rơ Bú giết.

Đêm hôm ấy, Xing Nhã trằn trọc mãi, ngồi không được, ngủ không nổi, đứng cũng không yên. Ngoài bờ suối, con chim *pu–pút*

điểm canh từng hồi dài. Xing Nhã ra ngoài hè, bước lên lại bước xuống cầu thang. Lòng thương mẹ nhớ cha đã giục Xing Nhã đến nhà Bơ–ra Tang giữa đêm khuya. Nghe tiếng bước chân làm rung rinh sàn nhà, Bơ–ra Tang thức dậy, chạy ra nhìn mặt, hỏi:

BƠ–RA TANG – Ơ anh! Anh muốn hút thuốc, tại sao không tới từ lúc chiều, muốn ăn trầu, tại sao không đi từ lúc sớm? Nửa đêm rồi, anh tới hỏi em có việc gì? Nếu anh muốn ăn cơm kê trên gác bếp, ăn cơm nếp trong nồi, bầy trai gái nhà em đã lo xong từ tối.

XING NHÃ – Anh ăn cơm rồi. Anh muốn em hãy mau cho anh xin một thoi chỉ dài đem về sửa soạn chiếc khiên của anh.

Bơ–ra Tang vào trong buồng lấy cho Xing Nhã một thoi chỉ trắng.

Xing Nhã trở về nhà. Trời vừa sáng. Con chim *pu–pút* đã ngừng kêu. Gặp cha, Xing Nhã bảo:

XING NHÃ – Ơ cha! Cha hãy gọi cho con một trăm người khỏe, một nghìn người mạnh, đi tìm cây to làm khiên cho con.

Cả đoàn người lũ lượt kéo tới ruộng lầy có chuối mọc, đến thác Đang hoa nở, tới bờ sông lớn, gốc cây xoài ngã nghiêng. Họ kéo tới vùng bà Hơ–bút, bà Hơ–tang đang dệt vải, nhìn thấy mái nhà mẹ Đung mẹ Đai[1], thấy cây *ko–pa* cao, cây *ko–long*[2] lớn, ngọn đụng tới mặt trời. Xing Nhã đo gốc cây vừa tròn một thoi chỉ. Gốc cây *ko–long* lớn đến nỗi phải đi vòng một năm mới giáp gốc, năm tháng mới mút cành, lá dài hơn một dặm cánh chim bay.

Xing Nhã cho dân làng đốn miết, đốn mãi, đốn từ mùa này sang mùa khác mà cây không ngả, gốc không nghiêng. Xing Nhã gọi cha là Xing Yuê đốn thử. Cây vẫn đứng trơ trơ. Cuối cùng, Xing Nhã mời bạn Trông Á và Trông Yuê đốn một bên, Xing Nhã đốn một bên. Những nhát rìu của Xing Nhã tóe lửa, bắn những mảnh cây *ko–long* tung bay tứ phía, bay tới nhà Gia–rơ Bú, trúng trai gái ở bến nước, trúng bà già đi hái củi, trúng nhà Gia–rơ Bú gãy xà ngang, tan xà dọc, bể ché *tuk* trị giá bằng con voi, bể ché *ba* trị giá bằng con bò.

---

1. Tên những bà già tốt bụng ở trên Làng Trời, theo thần thoại Ê–đê.
2. Ko–pa và ko–long là hai loài cây gỗ lớn.

Những mảnh gỗ của Xing Nhã bay đi, làm cho con tê giác không dám ở trong bãi, con voi không dám ở trong rừng, trâu bỏ chạy lung tung trên bãi cỏ. Những mảnh gỗ của Xing Nhã bắn lần thứ hai làm đứt cả khung chỉ của nàng Hơ-bia Bơ-lao đang dệt. Mấy ngày sau, cây *ko-long* mới đổ. Xing Nhã tiếp tục chặt cành. Một tháng, hai tháng, ba tháng, Xing Nhã mới làm xong chiếc khiên. Hàng trăm, hàng nghìn dân làng nhấc khiên không nổi. Xing Nhã bước tới, một tay nâng khiên, một tay giơ lên đầu, đội về buôn. Về tới nhà, ở một ngày, nghỉ một tháng, Xing Nhã suy tính chuyện đi đòi xương cho cha, trả thù cho mẹ.

*

Buổi sáng, Xing Nhã ngồi nắn lại vành khiên của mình. Phía dưới khiên đổ đồng, phía trên đổ chì, vành khiên nạm bạc sáng chói. Khiên làm xong, Xing Nhã múa thử. Chiếc khiên múa xoay phía dưới chết con cọp, xoay phía trên chết con voi, khiên xoay theo đường cái, đất bụi dấy mịt mù, trời nổi giông to gió lớn.

BANG RA và XING YUÊ – Ta hãy lấy bảy ché rượu ngon, bảy con trâu đực trắng, cúng cho Giàng Trời, Giàng Đất, phù hộ con trai ta khỏe mạnh. Ta hãy lấy con gà cúng Thần Nước, lấy con lợn cúng thần Y Rít[1], phù hộ con trai ta lớn khôn, đừng đi chết bỏ xương nơi đất khác.

Cúng xong, mẹ cha Xing Nhã lấy dây, nhờ hai bạn Trông Á và Trông Yuê trói Xing Nhã lại.

BANG RA – Mẹ buộc, mẹ trói con vì mẹ không cho con đi. Con còn non, mẹ sợ con bỏ cái đầu ở đất người, bỏ cái xương ở đất khác, gói cơm canh mẹ không đem theo được. Con chết trong làng, mẹ làm cho cái hòm bằng bạc, chết trong nhà, mẹ sắm cái hòm bằng vàng. Mẹ không muốn con đi chết ở buôn giàu sang đất người.

XING NHÃ – Ơ mẹ! Mẹ buộc bằng sợi dây da bò, trói bằng sợi dây da trâu, đứt dây này con đi, mẹ nhé! Xing Nhã cựa mình, các sợi dây đều đứt hết.

---

1. Một vị thần cai quản khoảng giữa Trời và Đất. Y Rít là con nuôi của nữ thần Tun Sun (theo thần thoại Ê Đê).

XING NHÃ – Dây đứt rồi, con đi đây!

BANG RA – Ơ Giàng! Ơ làng! Bắt trói giùm con tôi!

Dân làng chạy đến trói Xing Nhã bằng sợi mây *pông*.

XING NHÃ – Ơ mẹ! Đứt dây *pông*, con đi, mẹ nhé!

Xing Nhã cựa mình, dây *pông* cũng đứt. Lần thứ tư, Bang Ra trói Xing Nhã bằng sợi dây sắt cũng đứt nốt. Bang Ra lấy dây xích của Xing Nhã dùng để đánh quay trói chặt lại. Xing Nhã cố vùng vẫy. Lát sau, linh hồn của Xing Nhã đã bị Giàng Trời bắt. Xing Nhã chết.

BANG RA *(khóc)* – Ơ con trai yêu quý! Mẹ nói, con không đứng lại; cha gọi con, không chịu ở. Con đốt lửa đuốc chạy đi đêm. Tốt hơn, con chết trong làng, mẹ làm cho cái hòm bằng bạc, con chết trong nhà, mẹ sắm cho cái hòm bằng vàng. Chết nơi buôn người giàu sang, mẹ không thui được trâu bò, không đem được cơm rượu. Ơ chị Hơ-bia Đá! Chị đẻ con trai, Giàng không cho, đẻ con gái, Giàng không thương. Mệt sức chị cúng bò trâu, mệt sức chị giần bụng hơ lửa, mệt sức chị ngủ gật ban đêm. Ơ con cưng của mẹ giấu trong cái rọ, cất trên cái giàn, con mẹ chết vì tại miệng con Bơ-ra Tang. Đồ quỷ! Đồ cọp cắn! Nó đã giết hại con trai ta. Con tôi chết, nằm trong nhà như nhẫn bạc rơi trên chiếc chiếu hoa!

*

Buôn trong, buôn ngoài biết tin Xing Nhã chết. Từ người Bih Kơ-rông[1], người Mơ-nông vùng sâu vút răng[2], gái góa búi tóc, từng đoàn, từng làng lùa bò đến cúng, dắt trâu đến làm lễ táng, và khóc Xing Nhã. Nhưng linh hồn Xing Nhã đã bay tới nhà ông Gỗn. Gia-rơ Kốt ở trên trời nghe tiếng con nói, xin ông Gỗn cho được gặp con.

GIA-RƠ KỐT – Ơ ông! Ơ Giàng! Giàng mở cửa cho tôi để tôi được gặp mặt con. Nó đến đây làm gì? Ông cho con tôi về để đòi lại Gia-rơ Bú bả vai, bàn tay, đầu tóc của tôi.

ÔNG GỖN – Cháu đừng lo, Xing Nhã lên đây uống thuốc đấy. *(Quay sang Xing Nhã)* – Ơ Xing Nhã! Cháu có muốn uống thuốc không?

---

1. *Bih Kơ-rông*: người Bih ở dọc sông lớn.
2. Hai dân tộc ở gần vùng dân tộc Ê-đê. Người Mơ-nông có tục cà răng cho nhỏ và nhọn.

XING NHĂ – Thuốc gì hở Giàng?

ÔNG GỖN – Thuốc *mo–đo–rê, mo–đo–riêng* hiền con chim đậu. Cháu uống xong thuốc này, dứt ba tháng, thêm ba chiều, người cháu sẽ chuyển nóng như điên, không ai dám đem cơm nước.

XING NHĂ – Cháu không thích đâu.

ÔNG GỖN – Sao vậy? Thuốc này biết lượn, biết ném, thuốc có phép đưa cháu lên tận trời xanh, tận núi cao, không ai theo kịp, chẳng ai chém được. Cháu muốn không?

XING NHĂ – Ơ! Thế thì cháu muốn nhiều lắm!

ÔNG GỖN *(Sau khi cho Xing Nhã uống thuốc, bảo Xing Nhã)* –Về đi! Cháu có nghe tiếng vợ cháu, nàng Bơ–ra Tang, khóc đó không?

Con chim cúc cu bay đến nhà Bơ–ra Tang, đậu trên sào phơi chỉ đen, chỉ trắng, phơi khăn dệt đủ màu. Chim cúc cu báo tin cho Bơ–ra Tang. Nghe tin này buồn rũ. Nàng ngồi một mình, tay đỡ cằm, ngồi nhớ thương Xing Nhã. Nàng cởi cườm nơi cổ, rút đôi hoa trên tai, mặc váy tới bắp chân, mặc áo ngắn quá khuỷu tay[1], tóc bù xù bối rối. Nàng bắt con voi đực đóng bành mây, bắt con voi cái đóng bành *ê–tiêng*, khiến con voi nghiêng ngà chở rượu, dắt trâu, đến làm lễ táng cho Xing Nhã. Vừa tới nhà Bang Ra, Bơ–ra Tang thổi thuốc ngủ. Cả làng say thiếp hết. Nàng se sẽ đến chỗ Xing Nhã nằm, nhẹ nhàng trở bảy lớp chăn, lật ba lớp vải, sờ ngực Xing Nhã nghe còn nóng.

BƠ–RA TANG *(ru nhè nhẹ)* – Ơ anh, Em tưởng anh và em sẽ thương nhau đến khi đất sụt, đến lúc đất lở, bảy đời chín kiếp, anh và em cũng ở gần nhau. Chúng ta sẽ ăn cơm một lá, uống nước một bầu, đến khi tóc bạc hoa râm, tóc vẫn cứt cọp, cũng không xa nhau. Sao anh sớm bỏ đường ta đi lấy củi, rẫy ta lên gieo vừng, bỏ nơi gái trai thường đi đánh nẻ, đi suốt cá, đi tìm măng nứa, măng le? Ơ anh! Chỗ đôi ta ngồi chơi nay đã đầy những cỏ xanh, đã đầy cành nứa gẫy. Anh ơi, hãy dậy đi! Dậy đòi xương cho cha, trả thù cho mẹ! Nếu anh không về nữa, thì hãy đến bắt em đi theo để cho

1. Váy áo mặc để tang.

nước *mơ–đơ–ru*[1] và nước mắt chúng ta cùng chảy, để cho nhà mồ của đôi ta cùng chịu ướt một hạt sương.

Bơ–ra Tang ôm mặt Xing Nhã mà khóc. Xác Xing Nhã dần dần ấm lại. Nàng bàng hoàng sửng sốt.

XING NHÃ *(cựa mình, từ từ mở mắt)* – Mẹ ơi! Con muốn uống nước.

BƠ–RA TANG *(lật đật lấy nước)* – Nước đây, anh. *(Thấy Xing Nhã hồi tỉnh, nàng càng khóc)* – Sao anh sớm bỏ đường ta đi lấy củi, rẫy ta lên gieo vừng, bỏ nơi gái trai thường đi đánh nẻ, đi suốt cá, đi tìm măng nứa măng le? Ơ anh, chỗ đôi ta ngồi chơi đã đầy những cỏ xanh, đã đầy cành nứa gãy!

XING NHÃ *(nghe tiếng khóc hỏi)* – Ai khóc đó? Em Bơ–ra Sun phải không?

BƠ–RA TANG – Một người yêu anh đã có.

XING NHÃ – Ai khóc đấy? Em Bơ–ra Tang phải không?

BƠ–RA TANG – Hai người yêu anh đã có.

XING NHÃ – Ai khóc đấy? Em Hơ–bia Bơ–lao phải không?

BƠ–RA TANG – Ba người yêu anh đã có.

XING NHÃ – Em Bơ–ra Tang phải không?

BƠ–RA TANG – Anh có nhiều người yêu quá!

XING NHÃ – Các chị ấy ở đâu rồi?

BƠ–RA TANG – Họ yêu anh nên ngủ tuột cả váy.

XING NHÃ *(cảm động)* – Em thương anh nhiều quá! Em thức giữ anh mấy đêm rồi?

BƠ–RA TANG – Em đi lấy củi *ko–tu* đượm lửa, củi *ê–ba* nhiều cành, củi *mơ–đông* nhiều gai, cây ké nhiều khói, củi *ê–rang* lửa hồng thau, nấu cơm cho anh ăn nhé!

Ăn cơm chiều xong, Xing Nhã theo Bơ–ra Tang về nhà. Trong nhà, tiếng chiêng, tiếng trống bò hết tai người này sang tai người khác. Ra khỏi cổng phía đông, Xing Nhã hét to lên, báo cho dân làng thức dậy. Mẹ Xing Nhã cũng giật mình hoảng hốt.

---

1. Nước từ xác chết chảy ra.

BANG RA – Ai ác, ai vui sướng gì mà la to thế? Con trai nhẫn vàng nhẫn bạc của ta đã chết thối lúa úa cỏ rồi!

Bang Ra chạy đến mở chín lớp vải, lật bảy lớp chăn, không thấy Xing Nhã đâu cả, liền chạy ra hè phía đông, ngoảnh sang phía tây... Mặt trời còn đi chào hoa cỏ trên sông A–dung Mé[1] chưa lặn.

BANG RA – Ơ tôi tớ, dậy đi! Dậy đi tìm con ma, con quỷ độc ác nào đã đem xác con trai ta đi thui ăn trong rừng sâu. Hãy nhìn kia, mặt trời còn say rượu trên núi đó!

Dân làng chạy lố nhố như một bầy ong đất, tỏa ra tứ phía. Núi nào, rừng nào, cũng chỉ thấy tiếng các con chim rền mỏ. Họ lại chạy về giữa nhà, nhìn trên nóc, thấy một lỗ gianh trống.

BANG RA *(ra ngoài hè, giẫm chân khóc)* – Ơ Xing Nhã, con yêu quý của mẹ! Giàng Núi đã bắt con ta! Giàng Nước đã hại con ta! Bầy ma quỷ không thương con yêu trong tay mẹ nữa. Chị Ho–bia Đá ơi! Chín phần máu của chị, bảy phần lửa của em đã bị bầy ma quỷ cướp rồi!

Xing Nhã, còn ở ngoài buôn, hai bàn chân chàng giẫm giẫm xuống đất, đất kêu "ục ịch" đều hơn tiếng chầy giã gạo của hai mươi cô gái, khỏe hơn bốn vó chân chụm lại cưa một con nghé tơ đang nhảy.

XING NHÃ – Ơ mẹ! Cây *gòn* của chàng Đăm Di đã nở hoa đỏ, rặng *ro–pang* của chàng Đăm Dú đã ra hoa trắng. Con còn sống đây. Nhưng nếu mẹ không cho con đi thì chẳng khác nào mùa xuân không cho hoa đẹp nở trên núi, mùa hạ không cho nước suối chảy xuống sông. Mẹ đừng khóc nữa, cho con đi, mẹ nhé!

BANG RA – Ơ con trai yêu của mẹ! Ngày hôm nay đâu phải là ngày đi vãi giống? Nếu còn sống thật, con hãy trở về đây! Mẹ sẽ cúng cho con bằng một con trâu, cha sẽ cúng cho con bằng một con bò, để con đánh thắng người ta.

XING NHÃ – Thôi, mẹ ạ! Con về, sợ mẹ trói giữ lại, không cho con đi nữa.

Rồi Xing Nhã đi một mạch về nhà Bơ–ra Tang. Nàng đi trước, Xing Nhã đi sau. Hai người vừa đi, chân ấp chân, bóng ấp bóng.

---

1. Một nhánh của sông Ba, miền nam Tây Nguyên.

Mắt Xing Nhã nhìn theo búi tóc của Bơ–ra Tang đu đưa như trứng chim *ko–dong*. Tiếng khiên của Xing Nhã kêu "rủng roảng", làm cho hàng trăm nô lệ chạy xuống đất.

BƠ–RA TANG – Ơ nô lệ! Hãy lấy ché rượu nào ngon nhất cúng cho chồng ta đi đánh được giặc.

NÔ LỆ – Lấy ché rượu nào, hả bà?

BƠ–RA TANG – Lấy cái ché *tuk* mười lần ta thêm cơm, hai lần ta thay lá; lấy cái ché đen có bảy tai, miệng rộng bằng một cánh tay, ché rượu năm năm nằm trên nhà, mười tháng ngủ dưới đất, cái ché to tám người khiêng, năm người bợ dưới đít, uống ngày đêm không nhạt, uống năm tháng không chua.

Bầy nô lệ, chân nối chân, khiêng ché rượu đến, ràn chặt để giữa nhà. Bơ–ra Tang mời Xing Nhã cầm cần. Dưới sàn, rải hai chiếc chiếu trắng kèm theo hai chiếc chiếu đỏ.

BƠ–RA TANG – Bầy nô lệ! Hãy sục rừng phía đông, lùng rừng phía tây, tìm cho ta một con trâu thật to!

NÔ LỆ – Rừng cao ngun ngút, núi rậm rì rì, trâu ta ăn khắp đồi khắp suối, giờ biết chọn con nào, hả bà?

BƠ–RA TANG – Hãy đi lùa con trâu đực sừng dài bằng một sải tay, đi bắt con trâu cái nào có cái lưng bằng đặt bát nước lã không đổ.

Ăn uống xong, vai vác khiên, tay cầm đao, Xing Nhã đi về phía mặt trời lặn.

BƠ–RA TANG *(chạy theo dặn)* – Ơ anh! Anh vào rừng cọp núi rắn, anh xuống ao cá sấu đỏ mép, nhớ coi phía trước đằng sau. Nhà Gia–rơ Bú nó có thuốc nổ xương, có thuốc rách da, cây *mân*[1] biết đánh, sợi dây mây biết trói người. Anh ơi! Anh đã đứng cao gần bằng cổ cha, so bằng vai mẹ, mẹ không nhớ mặt con trai nữa đâu. Anh hãy đem cái váy này, ngày xưa chính tay mẹ dệt đây, đường thêu hoa mũi kim này là của mẹ.

Xing Nhã gật đầu chào Bơ–ra Tang và đi đi mãi. Anh đi qua không biết bao nhiêu rừng sâu, vượt không nhớ bao nhiêu suối sâu.

---

1. Theo thần thoại, đây là một thứ cây gỗ tốt, biết tự đánh người.

Anh đi mãi. Ngày đi, đêm ngủ lại... Anh đi tới gốc cây đa nằm, gốc cây *ko–na* đứng, là nơi các chàng Y Ku, Y Ly[1] thường săn bắn. Xing Nhã bỗng gặp hai con thú dữ ăn thịt người, đầu to bằng bồ lúa, con mắt giữa trán, mắt tròn như trái *ha–dung*.

XING NHÃ – Ai đấy? Nếu chính là con của Giàng Nước, Giàng Núi thì tránh cho tôi đi, nếu là người thì lại đây, còn nếu là vật ăn thịt người thì bay hãy chạy trốn ngay lên rừng sâu núi cao, trong rừng nào mà thần chưa đến, thánh chưa thăm!

THÚ DỮ *(giọng ồ ề)* – Chúng ta muốn hỏi ăn tim của mày to hay nhỏ, muốn uống thử máu của mày lạnh hay nóng.

Nghe tiếng động, mùi hôi thối bốc gần, Xing Nhã vùng dậy, chạy đến, tay phải nắm tay một con thú, tay trái nắm cổ một con thú khác, bóp "ọc ẹc".

XING NHÃ – Tại sao bay muốn ăn tim ta? Nói mau đi, không thì ta sẽ chà bay như con sên con vắt!

THÚ DỮ *(thấy sức mạnh của Xing Nhã, run sợ van xin)* – Xin ông đừng giết, chúng tôi sẽ chỉ đường cho ông đến nhà Gia–rơ Bú.

XING NHÃ *(hét lớn)* – Được, mau lên!

THÚ DỮ – Ông đi đường bên phải sẽ gặp bầy ma quỷ, mặt chúng đỏ như lửa rừng, răng to bằng vỏ con rùa núi, gặp người lạ chúng hỏi ăn gan. Đi đường bên trái, ông sẽ gặp nàng Hơ–bia Bơ–lao giữ rẫy cho Gia–rơ Bú.

Lũ yêu tinh đã chỉ xong đường. Xing Nhã giơ gươm chém thử, đầu chúng rơi lốp bốp như sung rụng. Chàng lại tiếp tục đi về phía tây. Trước mắt là cái chòi cao của Hơ–bia Bơ–lao ở giữ lúa.

XING NHÃ – Ơ, cái rẫy ai to quá! Lúa chín vàng rực, ngô ngậm nửa bông, xanh xanh bụi nghệ, tím tím luống thuốc *ko–soa*, nhưng tại sao ong không thèm đậu, chim không thèm hót thế này?

HƠ–BIA BƠ–LAO *(cất tiếng đuổi chim)* –Ơ chim *nghiếc* mày bay cao, ơ chim *ko–trao* bay thẳng, ơ chim *ko–tia* lượn vòng, chim đừng

---

1. Tên những vị thần chuyên săn bắn ở trên Làng Trời.

ăn lúa, do công mẹ ta trồng buổi sáng, do công cha ta trỉa buổi chiều. *Bơ-ho!... Bơ-ho... ơ!...*

Nàng Hơ-bia Bơ-lao giật dây cột mõ kêu "tắc tắc"... Bầy chim cánh nâu, cánh đỏ bay giật, lượn trên đầu nàng, hót ríu rít. Xing Nhã mạnh dạn bước đến gần. Trên chòi, một cô gái trẻ, cổ đeo cườm, tay tròn trĩnh, đang ngồi kéo sợi. Ngực nàng cúi xuống, làm cho cái lưng của nàng uốn cong dịu dàng như tầu lá mía.

XING NHÃ *(cất tiếng hỏi)* – Ơ bà giữ chim, có nước không, cho tôi uống với!

HƠ-BIA BƠ-LAO – Chào anh! Nếu anh muốn hút thuốc thì leo lên chòi, muốn uống nước thì bước lên thang, việc gì mà phải đứng xin ở dưới đất!

XING NHÃ – Tôi muốn uống thử nước ở suối này có được không?

HƠ-BIA BƠ-LAO *(vừa nói vừa cười)* – Được, nhưng nước suối ở đây hôi mùi lá cây, thối mùi rơm khô. Xin mời anh lên chơi, uống tạm nước trong bầu.

XING NHÃ *(nhìn Hơ-bia Bơ-lao, lòng rạo rực yêu thương)* Từ khi mẹ tôi cho chơi con quay, cha tôi cho lượn chiếc diều, tôi muốn đi tìm uống nước suối có mùi lá cây, có mùi rơm khô, nhưng bây giờ mới được uống.

HƠ-BIA BƠ-LAO *(biết ý, nói bóng gió)* – Ơ con chuột đỏ qua đường! Đàn dê non lại thích uống nước suối làng ta!

XING NHÃ *(hiểu ý, nhưng nói láng)* – Chị ở buôn nào đó?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Buôn Gia-rơ Bú.

XING NHÃ – Tên chị là gì?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Hơ-bia Bơ-lao.

XING NHÃ *(nhìn ra xa)* – Chà, rẫy của ai mà dài như tiếng khèn vang năm đồi chín núi, đứng xa còn nghe được.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Rẫy của nhà bảy anh em Gia-rơ Bú đó.

XING NHÃ *(cố nén tức giận, hỏi)* – Chà, sao người ta giàu có vậy?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Tháng Giêng, tháng Mười, bàn tay của tôi tớ và nô lệ nhà Gia-rơ Bú làm nên, sao không giàu được?

XING NHÃ *(tặc lưỡi)* – Tiếng ai đuổi chim trong rẫy kia?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Tiếng Hơ-bia Đá.

XING NHÃ – Người đó như thế nào? Bạn gái hay nô lệ của Gia-rơ Bú?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Nô lệ thôi.

XING NHÃ – Tại sao phải làm nô lệ? Tội nghiệp quá! Hơ-bia Bơ-lao không biết người đang ngồi nói chuyện với nàng chính là Xing Nhã. Nàng ngồi kể cho Xing Nhã nghe chuyện của gia đình chàng. Giọng Hơ-bia Bơ-lao kể chuyện trong hơn tiếng kêu của cái xa kéo chỉ.

XING NHÃ – Còn thế nào nữa? Hơ-bia Đá có bị Hơ-bia Guê đánh không?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Có. Khổ nhiều lắm!

Thấy Xing Nhã bối rối, Hơ-bia Bơ-lao sinh nghi. Nàng hỏi:

HƠ-BIA BƠ-LAO – Anh là con trai ở suối nào đó?

XING NHÃ – Chị hỏi làm gì? Tôi là bạn thân của chàng Xing Nhã, đến thăm mẹ ông ta.

Biết Xing Nhã đi đường dài, bụng đói, nàng Hơ-bia Bơ-lao vội chạy đi thổi cơm. Búi tóc đen lánh của nàng đẹp hơn trứng chim *ko-đơn* rơi trên cái lưng cong lá mía, cái ngực cong nồi lở, trên cái bụng thon kiến vàng. Nàng đi đều, nhún nhảy mà thong thả. Cổ nàng sương mượt, đẹp hơn chiếc khâu đồng của cán đao. Tay trái nàng cầm củi *ko-tu*, củi *ê-rang*[1], tay phải nàng xách chiếc nồi lở, chỉ vừa hai người ăn. Nồi cơm của Hơ-bia Bơ-lao nấu, sôi như thác chảy, hơi bốc ngùn ngụt như sương mù tháng Bảy. Nàng xoay đi ba lần, xoay lại ba lần, cơm đã nằm trong đĩa hoa, đã ngồi trong bát. Cơm trắng như hoa *ê-pang*. Cơm cười, cơm mời khách trẻ.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Mời anh xơi tạm cơm nhà tôi, gạo mục hôi, nước suối đục, thịt con gà diều tha.

Xing Nhã thấy Hơ-bia Bơ-lao đã có lòng giúp đỡ mẹ mình nhiều, con người lại tốt từ bên ngoài vào tận bụng, chàng bèn nhờ nàng đi gọi mẹ. Xing Nhã đã gọi Hơ-bia Bơ-lao bằng em.

---

1. Loại củi đượm lửa nhất.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Ơ *júk*[1], *júk* đến chòi tôi chơi, có khách lạ cần gặp. Mau, mau lên. Ồ! Một con chim *go-lung*[2] đẹp lắm!

HƠ-BIA ĐÁ – Tôi làm biếng quá, không có cái áo cái váy mặc thì làm sao? Đi với chiếc áo cụt tay, chiếc váy ngắn nửa bắp đùi, một trăm lớp giẻ vá, ba người đâm không thủng, bảy người xâu không vào ư?

HƠ-BIA BƠ-LAO – Đến chơi đi, sẽ có váy đẹp cho *júk* mặc.

Hơ-bia Đá thuận ý, bèn theo chân nàng lên rẫy.

Xing Nhã thấy mẹ ốm yếu gầy còm, chàng muốn khóc.

HƠ-BIA ĐÁ – Chào anh em! Anh em đến có việc gì?

XING NHÃ – Tôi là bạn của Xing Nhã. Ông ấy bảo tôi đến đây thăm bà.

HƠ-BIA ĐÁ *(nghe nói con mình đã khôn lớn, mừng quá, khóc)* – Con ơi! Lúc con còn nhỏ, mẹ cõng bằng chăn đôi, cha nuôi bằng rau rừng nước suối. Mẹ trông cho con mau lớn để giúp cho cha một bó gianh, chẻ cho mẹ một sợi lạt. Nay cha con bị người ta giết tận làng, mẹ con bị người gian ác bắt tận cổng, lùa đi giữ lợn, giữ chim cho họ giàu sang!

XING NHÃ *(nghe tiếng mẹ khóc, không chịu được, đứng dậy)* – Mẹ ơi! Con là Xing Nhã đây!

HƠ-BIA ĐÁ *(sửng sốt)* – Giàng ơi! Không đúng đâu! Con trai nhẫn vàng nhẫn bạc của ta đã bị bầy ma quỷ cướp rồi mà!

XING NHÃ – Không đâu! Cái váy do chính tay mẹ dệt ở làng, đường kim mối chỉ của mẹ thêu tại rẫy, con cầm tới đây cho mẹ.

HƠ-BIA ĐÁ *(giật vội lấy váy, cúi xuống, ngắm nghía, khóc nức nở)* – Giàng ơi! Đúng con trai của mẹ rồi! Cứu mẹ về với, con ơi!

XING NHÃ – Chưa được đâu, mẹ ạ. Con còn trẻ, con muốn đến xem làng Gia-rơ Bú giàu có như thế nào đã.

Nói xong, Xing Nhã rút lưỡi gươm sáng óng ánh như chớp tháng Bảy. Chàng chặt nhanh một bó gậy, đập nát cả đồi lúa mới chín nửa bông của nhà Gia-rơ Bú.

---

1. Tiếng xưng hô tỏ sự yêu quý đối với người già.
2. Loài chim khỏe đẹp.

Hơ-bia Bơ-lao nhìn Xing Nhã. Nàng chỉ cười, đôi mắt của nàng vui như có một đôi chim cúc cu đang hót. Nghĩ gần xa, nàng hỏi:

HƠ-BIA BƠ-LAO – Ơ chim! Chúng bay gọi ai đó?

XING NHÃ *(hiểu ý)* – Ơ em Hơ-bia Bơ-lao! Buôn làng này đã có chuột bông lên *po-ra*[1], có tê giác vào gầm chưa.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Có ai đâu! Thân em đen như gốc cây nương bị sém lửa đốt không cháy, thả dưới nước không trôi, nằm giữa đường không ai thèm nhặt. Tay em vụng, không biết thêu đàn bướm lượn trên hoa, thêu hình sao và mây trên trời.

Hai người ngồi ăn trầu hút thuốc, mặt nhìn mặt, tay bắt tay, chân trái của chàng kề bên vế trắng như bông của Hơ-bia Bơ-lao.

XING NHÃ – Có một người con trai gẫy chân, què tay, đui một mắt[2] đang ngồi bên em.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Ơ anh! Anh có vợ rồi phải không? Bơ-ra Tang là vợ của anh chớ?

XING NHÃ – Anh xa mẹ từ hồi nhỏ, mất cha từ lúc chưa biết chạy diều, con nhà nghèo đói, ai thèm lấy!

HƠ-BIA BƠ-LAO – Này, Bơ-ra Tang không dẫn đường cho anh đi sao?

XING NHÃ – Dẫn làm chi? Đã có Hơ-bia Bơ-lao trồng cây bắp, cây lúa, gốc chuối ở đây rồi?

Xing Nhã nghỉ một ngày, ngủ một đêm, thêm một sáng trên chòi của nàng Hơ-bia Bơ-lao.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Ơ anh Xing Nhã! Chúng ta như chiêng la đã treo, như ngọn đèn chai đã cháy[3]. Tối hôm đó, Hơ-bia Bơ-lao ngồi bên người yêu. Nàng hát miết. Giọng hát của nàng ngọt như rẫy ngô đang ngậm sữa, như rẫy lúa đang trổ đòng. Nàng hát từ đầu hôm đến khi trời đã tan mây vẫn còn hát mãi...

---

1. Giàn gác.
2. Ý nói nhún nhường nhưng vẫn lưu ý người yêu thấy mình đẹp khỏe để khen mình.
3. Ý nói: đã hòa hợp, yêu thương nhau.

Ngày hôm sau nữa, cả ba người cùng xuống rẫy, về làng Gia–rơ Bú. Hơ–bia Đá đi trước, Hơ–bia Bơ–lao đi giữa, Xing Nhã đi sau cùng. Đến cổng, Xing Nhã dựng khiên và đao ở ngoài. Khiên nặng quá làm nghiêng cây thành rào của bảy anh em Gia–rơ Bú. Hơ–bia Đá vừa bước lên cầu thang. Xing Nhã giựt dây gùi, thóc đổ tuôn xuống sàn, nghe rào rào như mưa hạt. Hơ–bia Guê thấy vậy, chạy tới, mặt giận dữ.

HƠ–BIA GUÊ – Đồ làm biếng! Đồ quỷ tha cọp bắt, làm đổ lúa của bà!

Hơ–bia Guê đánh Hơ–bia Đá trên đầu, dưới chân, đánh trên lưng và lột chiếc váy mà Xing Nhã đem cho mẹ mặc.

XING NHÃ – *(đứng lại)* – Đánh đi bà, đánh cho mạnh nữa đi! Thật là đồ nô lệ, quỷ tha quạ cắp thôi! Cứ đánh đi, đánh cho diều hâu trên trời bay lượn, cho cá sấu đỏ môi dưới nước vẫy đuôi. Cứ đánh thật mạnh nữa đi! Giàng Pô, Giàng Eo sẽ bắt mất linh hồn đứa nào dừng tay lại!

Po–rong Mưng, em thứ bảy của Gia–rơ Bú, ngồi đan gùi bên cửa sổ, biết chàng trai kia là con trai của Gia–rơ Kốt ngày xưa bị con voi của mình đâm chết; chàng tự tay chặt cái gùi đang đan dở, vội vã gọi Hơ–bia Guê.

PƠ–RONG MƯNG – Ơ chị Hơ–bia Guê, đừng đánh Hơ–bia Đá nhiều quá! Năm ngoái khác, năm nay khác. Con chim cúc cu đã đậu trên nóc nhà kia kìa! Ý Giàng muốn thay đổi, người ta sắp có chuyện lôi thôi.

XING NHÃ – Tại sao bạn lại chặt bỏ cái gùi đã đan gần xong?

PƠ–RONG MƯNG – Bỏ gì đâu, vì tôi đan không đúng hoa.

XING NHÃ – Nếu bạn đan sai hoa, ta dùng làm gùi cõng nước, đan sai lạt, ta làm ổ cho gà đẻ, cớ sao lại vứt đi?

PƠ–RONG MƯNG – Ơ Xing Nhã! Mời bạn lên ngồi trên chiếu đã. Chúng ta sẽ nói chuyện sau, bạn ạ.

XING NHÃ – Tôi ngồi ở xó nhà dưới này cũng được. Chúng ta đã quen biết nhau từ lâu, có phải là khách đâu?

Po–rong Mưng nghĩ không nên để Xing Nhã ngồi ở góc sàn, vội chạy đi gọi Gia–rơ Bú ra tiếp.

PƠ-RONG MUNG – Ơ anh Gia-rơ Bú! Anh ra ngoài nhà tiếp khách, có con trai của Gia-rơ Kốt tới chơi!

GIA-RƠ BÚ – Nó đến đây làm gì, đồ ma quỷ thân hình nhỏ bằng con chim *linh*[1] chưa cứng cánh!

Gia-rơ Bú khiến sợi dây *mơ-nắp* biết trói người[2] ném cây *mân* biết đánh người, để định giết Xing Nhã, nhưng cây *mân* và dây *mơ-nắp* lại đánh lại chủ nó.

GIA-RƠ BÚ – Các em ơi! Ma quỷ sai khiến, cây *mân* lại đánh gẫy chân ta rồi. Đồ phản chủ!

SÁU EM GIA-RƠ BÚ – Anh gọi chúng tôi làm gì đó?

GIA-RƠ BÚ *(quay sang Xing Nhã)* – Mày còn nhỏ, đến đây để trả thêm cái xương cho cha mày phải không?

XING NHÃ – Không, tôi đến chơi thôi.

PƠ-RONG MUNG – Ơ bạn Xing Nhã! Bạn đừng bắt lời người già cả.

XING NHÃ – Không, tôi không bắt lời họ đâu.

GIA-RƠ BÚ *(nhổ nước miếng, quay tìm vợ)* – Ơ Hơ-bia Guê! Em đi nấu cơm cho con ma con quỷ này ăn, lấy thuốc nổ xương trong cái giỏ, lấy thuốc rách da trong cái gùi, trộn vào cơm đãi khách quý!

Hơ-bia Guê xới cơm xong, tay phải cầm đĩa cơm, tay trái cầm bát canh. Ông Gỗn hiện về, hất bát cơm bát canh đổ vỡ hết. Po-rong Mung xấu hổ, tức đỏ cả mặt. Chàng bước xuống cầu thang, đi gọi Hơ-bia Bơ-lao về nấu cơm cho Xing Nhã ăn. Nghe tiếng chân lên rẫy, nàng Hơ-bia Bơ-lao mới tỉnh lại.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Có việc gì anh phải đến chơi với em lúc chim đã về tổ nghỉ trưa rồi?

PƠ-RONG MUNG – Em Hơ-bia Bơ-lao ôi! Chim cúc cu đã kêu trên mái nhà làng. Anh đến tìm em về nấu cơm cho Xing Nhã, khách từ làng khác tới thăm.

---

1. Loài chim nhỏ như chim sâu.
2. Theo thần thoại, ngày xưa, dây mơ-nắp biết tự trói người, cây mân biết tự đánh người.

HƠ–BIA BƠ–LAO – Em không về đâu, anh sẽ giận em. Nếu về, em sẽ cùng ăn cơm, cùng uống rượu với khách lạ, em sẽ trả lại còng cho anh nay mai.

PƠ–RONG MUNG – Anh không giận em đâu? Làm sao cho đôi ta còn sống được bên nhau như chim với núi thấp, như gió với rừng già!

Hơ–bia Bơ–lao mang gạo và gà ấp đi trước, Pơ–rong Mung vác ché rượu theo sau. Hơ–bia Bơ–lao bước vào ngưỡng cửa, vừa lúc Xing Nhã nhìn ra ngoài. Hơ–bia Bơ–lao chào khách trẻ trước.

XING NHÃ – Chào chị Hơ–bia Bơ–lao. Chị tới đây có việc gì thế?

HƠ–BIA BƠ–LAO – Chào anh Xing Nhã! Em đến đây không phải vì nợ ông bà ngày xưa, cũng không phải để nhìn mặt anh. Em đến đây để nấu cơm cho khách.

Hơ–bia Bơ–lao vào bếp lấy củi *ko–tu* nấu nồi đồng, lấy củi *ê–rang* đun nồi lở, chiếc nồi nhỏ vừa hai người ăn. Nồi cơm của nàng sôi sùng sục như nước chảy, bốc hơi ngùn ngụt như sương mù. Nàng xoay đi ba lần, xoay lại ba lần. Nàng lấy cái bát có cánh bướm, cái đĩa có hoa và chim lượn, dọn cơm. Cơm của nàng nấu trắng như hoa *ê–pang* nở. Năm ngón tay của nàng in hình trên đĩa cơm. Cơm cười, cơm mời khách trẻ.

HƠ–BIA BƠ–LAO – Ơ anh Xing Nhã! Anh đến đây lúc gà chưa gáy, trai gái còn sưởi lửa bếp. Bây giờ, mặt trời đã treo trên ngọn cây phía tây rồi. Em mời anh ăn tạm cơm gạo mục, canh gà diều tha thẩu thả nấu bằng nước suối có mùi lá cây.

XING NHÃ – Anh không muốn ăn một mình, vì như thế tưởng cũng như con ong đực không được hút chung một nhụy hoa với ong cái.

Hơ–bia Bơ–lao cười, ngồi xuống bốc cơm ăn. Nàng bốc chỗ nào, Xing Nhã bốc chỗ ấy. Bát canh nào Hơ–bia Bơ–lao ăn thì Xing Nhã mới ăn.

HƠ–BIA BƠ–LAO – Anh sợ thuốc nổ xương rách thịt phải không?

XING NHÃ – Anh chỉ lo con ong không hút chung một nhụy, chỉ lo hoa *ê–pang* không nở cùng một cành thôi.

Gia–rơ Bú vào buồng, lấy chiêng cướp được của Xing Nhã ra đánh. Tiếng chiêng kêu rung mặt đất, vang khắp chín tầng mây, nó kêu như rống vào tận màng tai trong của Xing Nhã. Mặt Xing Nhã đỏ rực, như có lửa củi *ko–tu* đốt cháy trong tim gan bốc lên.

GIA–RƠ BÚ *(cười khiêu khích)* – Mày đã nghe chưa, đồ ma quỷ! Cái xương của cha mày kêu đó!

PƠ–RONG MUNG – Ơ Giàng! Ơ Xing Nhã, anh đừng bắt ý người già!

XING NHÃ – Ai bắt làm gì, kẻ già non hơi lời dại, hay nói đi nói lại đó.

Hơi men vào, mặt chàng Xing Nhã càng đẹp. Càng uống càng đỏ da, khỏe khoắn, thật như người hiền làm ra hạt lúa, hạt kê. Bước đi của Xing Nhã làm cho sàn nhà Gia–rơ Bú rung rinh, bầy nô lệ hết chạy ra nhà ngoài lại chạy vào nhà trong, nhốn nháo hẳn lên.

GIA–RƠ BÚ – Ơ con nai nhỏ bé vừa bị hổ vồ trượt, mày giẫm phải con rắn độc nào mà khờ dại vậy? Tim gan của mày bao lớn mà lại muốn làm run sợ bầy nô lệ của ta?

XING NHÃ – Ơ Gia–rơ Bú! Trước kia, cha ta và ngươi là những bạn thân thiết, vì ngươi nghe tiếng chim *nhông*, nghe cái miệng đàn bà nên tình thân tan vỡ; bởi vậy hôm nay ta tìm đến thăm. Ta muốn được coi con voi dữ, coi chiếc khiên của ngươi. Ngươi hãy đem ra cùng múa với ta xem thử nào! Gia–rơ Bú lấy khiên đao ra, nhưng hắn vừa mới giơ lên định múa làm cơn gió xoáy thì bỗng chiếc khiên vỡ tung rơi xuống loảng xoảng.

GIA–RƠ BÚ – Giàng ơi! Tại sao khiên đao của ta lại thế này?

XING NHÃ – Bởi vì ngươi già rồi thì khiên đao cũng già theo thôi mà. Nào, bây giờ tất cả anh em nhà ngươi hãy ra ngoài xem chiếc khiên và gươm đao của ta dựng ngoài cổng đi!

Trên trời, những đám mây đen ùn ùn kéo đến, sét rống ỳ ầm. Gia–rơ Bú nhìn thấy cổng làng đã bị nghiêng một phía, nên tức, chửi.

GIA–RƠ BÚ – Thằng Xing Nhã ma quỷ bắt đã làm xiêu vẹo cổng làng của ta rồi.

XING NHÃ – Chung quanh làng này không có cây nào to nữa, ta dựng tạm vào đó. Bảy anh em nhà ngươi xưa nay là những kẻ mạnh nhất trong vùng hãy đến nhấc thử chiếc khiên gỗ của ta đi!

Gia–rơ Bú lom khom đi tới, tay trái thọc vào lỗ quai. Gia–rơ Bú dùng hết sức tàn già nua cố đưa khiên lên, nhưng chiếc khiên không hề nhúc nhích, vẫn cứ im như người ngủ say. Rồi lần lượt các em của Gia–rơ Bú đến nhấc, chiếc khiên vẫn đứng nguyên chỗ cũ.

GIA-RƠ BÚ – Ơ Pơ-rong Mưng! Bọn ta đã không có sức nhấc nổi chiếc khiên gỗ của thằng quỷ này. Bây giờ chỉ còn em thôi. Em hãy đến nhấc lên cho nó bay bổng, mới xứng đáng tiếng tăm của nhà ta.

Pơ-rong Mưng buồn bã, hai tay thõng xuống, bước tới, Pơ-rong Mưng cúi xuống đưa tay trái vào lỗ quai cố kéo lên nhưng chỉ nhấc chiếc khiên rời khỏi mặt đất vừa lọt được cái lưng của con gà trống. Pơ-rong Mưng lại để khiên xuống dựa vào rào làng, chiếc rào lại rung rinh mạnh hơn.

GIA-RƠ BÚ – Ơ thằng ma quỷ, mày hãy nhấc chiếc khiên đi kẻo ngã mất rào làng ta! Mày hãy múa cho ta coi thử!

XING NHÃ – Bây giờ đây các ngươi hãy xem ta múa thử với chiếc khiên gỗ này. Nếu khi nào thấy khó ở thì gọi ta về nghỉ!

Nói rồi Xing Nhã bước tới chỗ chiếc khiên của mình. Chàng cầm chiếc khiên nhẹ như diều gặp gió. Chàng giơ khiên lên trời, nhún mình múa liền. Xing Nhã múa phía trước, một mái gianh bay theo gió, múa phía sau, một mái nứa bay theo bão. Nhà Gia-rơ Bú nghiêng đằng tây, ngả đằng đông. Trời mưa giông ập đến. Gió từ núi Mơ-đăn, bão từ núi Hơ-mú thổi đến xô nhà cửa của làng Gia-rơ Bú. Nước từ các triền núi cuồn cuộn đổ xuống ngập tận sàn, heo gà trôi lềnh bềnh. Gia-rơ Bú đi đến đâu nước theo đến đó, khi Gia-rơ Bú bơi thì bụng đụng phải cát, nhưng khi đứng dậy nước dâng tới miệng. Gia-rơ Bú thấy đã khó ở rồi liền gọi Xing Nhã xuống. Nhưng càng gọi Xing Nhã lại càng nhảy múa trên trời. Gia-rơ Bú đến nhờ nàng Hơ-bia Bơ-lao lên gọi chàng nghỉ tay.

GIA-RƠ BÚ – Ơ em Hơ-bia Bơ-lao! Em hãy lên bảo Xing Nhã ngừng múa khiên đi. Nó ngừng nhảy múa, tôi sẽ trả lại mẹ nó và tất cả của cải của cha mẹ nó trước đây.

HƠ-BIA BƠ-LAO – Tôi không đi đâu, anh đừng lừa phỉnh người đàn bà dại dột như tôi.

GIA-RƠ BÚ – Nếu tôi lừa, em sẽ lấy hết tất cả của cải trong nhà và đích thân tôi sẽ thành nô lệ của nhà em.

*

Hơ–bia Bơ–lao mặc một chiếc váy dài phủ kín gót. Mặc chiếc áo thêu có đính tua. Nàng đi như bay lên các đỉnh núi cao để gọi Xing Nhã. Khi đến núi cao, Hơ–bia Bơ–lao nhanh tay níu lấy đuôi khố của chàng.

XING NHÃ *(vội quay lại)* – Ai đấy?

HƠ–BIA BƠ–LAO – Em là Hơ–bia Bơ–lao đây!

XING NHÃ – Em tới đây làm gì?

HƠ–BIA BƠ–LAO – Gia–rơ Bú xin anh ngừng múa. Gió khiên đao của anh đã làm vỡ ché *tuk* một ngăn, ché *ko–băng* một dẫy, làm gẫy nát nhiều nhà cửa và bầy nô lệ không còn nơi ẩn núp nữa. Họ chịu trả lại mẹ anh và của cải của cha anh ngày trước rồi đấy.

Xing Nhã hạ chiếc khiên, nghỉ múa đao. Trời ngừng gió. Tạnh mưa. Chim muông bay đi ăn quả lại kêu líu lo như trước.

GIA–RƠ BÚ *(nói với Xing Nhã)* – Ta sẽ trả lại người mẹ, của cải và dân làng của cha anh cho anh.

XING NHÃ – Bây giờ ông nói như vậy, nhưng nếu sau này rượu lạt lại ngọt, cọp ngủ có người đánh thức, nay lá úp sau lá lại lật thì sao?

GIA–RƠ BÚ – Ta không nói hai lời đâu.

XING NHÃ – Nếu ông quay quắt, tôi sẽ đến đánh ông tận làng, giết ông tận nhà, của cải và nô lệ của ông sẽ thuộc hết về tôi.

. . . . . .

Gia–rơ Bú ra trận đánh nhau với chàng Xing Nhã. Thấy Gia–rơ Bú, Xing Nhã hỏi:

XING NHÃ – Ơ Gia–rơ Bú, bây giờ ai chạy trước?

GIA–RƠ BÚ – Hỡi con chim non mọc lông chưa kín cánh, mày hãy chạy trước đi, ta đuổi chém mày! Xing Nhã quay khiên, múa. Đất bụi bay mịt mù như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phăng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều chim ó.

Gia–rơ Bú nhìn theo, tối mày tối mặt, không đoán được đường đao của Xing Nhã chĩa về hướng nào.

GIA–RƠ BÚ – Được, bây giờ tao không giết được mày, thì tao sẽ tìm cách phá sạch làng này! Té ra đứa nào cũng là đứa đầu đen, máu đỏ[1] cả sao? Ta sẽ về cắt cổ mẹ mày ở nhà thôi!

XING NHÃ *(ngừng múa)* – Ơ Gia–rơ Bú! Ta đang đứng ở phía mặt trời mọc đây rồi. Bây giờ thì ngươi múa đi, ta đuổi theo.

Gia–rơ Bú múa lúng túng, múa loanh quanh như con gà mắc nước, như sao lạc đường đi. Đường đao chỉ đâm vào giữa trống không.

Xing Nhã mới đi một bước đã chém trúng ngay chân Gia–rơ Bú. Máu phọt lên trời, đỏ như chiếc dây mây lửa.

XING NHÃ – Ơ Gia–rơ Bú, máu gì chảy ở chân đấy?

GIA–RƠ BÚ – Máu con vắt ở núi Ho–mú cắn tao.

Gia–rơ Bú múa tiếp, Xing Nhã chém luôn cánh tay phải, chiếc đao rơi "rỏn rẻn"...

XING NHÃ – Tại sao khiên đao ngươi rơi mất rồi?

GIA–RƠ BÚ – Không phải! Đó là tiếng kêu của chiếc lục lặc trẻ con chơi, tiếng vù của con diều đói gió đấy.

Gia–rơ Bú cố sức múa nữa, nhưng lần này chưa kịp trở tay thì chiếc khiên đã bị Xing Nhã đánh vỡ tung, rơi xuống đất.

Cuối cùng, đôi bên chỉ còn Po–rong Mưng và Xing Nhã đánh nhau. Ông Gỗn ở trên trời vén từng lớp mây đen mây trắng nhìn theo không chớp mắt. Hai người đánh nhau bảy ngày bảy đêm. Gió, bão, mây, mưa, sấm, chớp rền trời. Ông Gỗn đứng ở giữa. Khi thấy Xing Nhã mạnh thì ông bớt sức Xing Nhã đi, khi thấy Po–rong Mưng có sức hơn, thì ông lại tăng sức cho Xing Nhã.

Trên trời, dưới đất, mưa mù mịt, gió bão ầm ầm, đổ cây lở núi.

Hai bên đánh nhau từ khi trái *ko–la*[2] chín đến mùa kê trổ vẫn không phân thắng bại. Cả hai đều kiệt sức, ngã trước chòi của Ho–bia Bo–lao.

XING NHÃ – Bạn Po–rong Mưng, chém tôi đi!

PO–RONG MƯNG – Bạn Xing Nhã, giết tôi đi!

---

1. Ý nói: cứng đầu cứng cổ, gan góc, chẳng kiêng nể ai.
2. Cây giới. Quả giới nhỏ như trái nho, khi chín mầu tím xẫm, vị hơi nhôn nhốt chua chua ngọt ngọt.

Hơ–bia Bơ–lao ngồi dậy. Nàng mặc cái áo thêu hoa, đến chỗ Po–rong Mưng và Xing Nhã nằm giao đầu nhau. Nàng bước đi uyển chuyển như chân con nai vàng giẫm cỏ non. Đôi bàn tay Hơ–bia Bơ–lao đu đưa nhịp nhàng, khi thì tươi đẹp như hoa nở, lúc siêng năng tròn trịa như mười ngón tay của cô gái đẹp kéo sợi quay xa. Nàng nghĩ đi nghĩ lại trong bụng. Nếu bây giờ cắt cổ Xing Nhã thì nó còn trai tráng, Xing Nhã đến đây để trả thù cho cha, để cứu mẹ khỏi làm nô lệ. Nếu cắt cổ Po–rong Mưng thì ta mất một người yêu từ lúc nhỏ. Hơ–bia Bơ–lao đang bối rối, thì ông Gỗn hất tay dao của nàng, giết chết Po–rong Mưng.

XING NHÃ *(đứng dậy nói)* – Tôi không lấy em nữa. Em là con gái dám giết đàn ông.

Nghe Xing Nhã nói vậy, Hơ–bia Bơ–lao sợ tái mặt tím tai. Người nàng lảo đảo, bối rối như say rượu. Lỗ tai kêu ù ù. Đôi mắt nàng chỉ thấy rừng cây, núi đá lượn chạy như xoáy đằng sau, đảo đằng trước.

. . . . . .

Xing Nhã và Hơ–bia Bơ–lao trở về chòi. Xing Nhã cắm mũi dao xuống đất làm vật cho khiên tựa. Xing Nhã cúi đầu vào chòi thì vừa nghe tiếng mẹ khóc:

HƠ–BIA ĐÁ – Ơ con trai của mẹ! Mẹ tưởng mưa bão và dòng sông không bao giờ hết lụt ngập. Cha con trước kia không hề đi đâu, chỉ suốt ngày làm nương rẫy, dựng nhà cửa. Mẹ nghĩ bụng không còn ai đến rửa xương cha, cứu mẹ về. Con ơi, nàng Hơ–bia Bơ–lao người tốt bụng đó. Nhờ có nó mà con đánh được bảy anh em Gia–rơ Bú. Con và nó hãy sống bên nhau như rừng cây kia không bao giờ phai màu.

XING NHÃ – Ơ mẹ! Mẹ đừng khóc nữa. Mẹ đã hết đời nô lệ rồi. Mẹ, em Hơ–bia Bơ–lao và con, ta lấy lại của cải và gọi dân làng ta đã bị Gia–rơ Bú bắt trở về làng cũ thôi!

Xing Nhã đến nhấc khiên, rút dao rồi sải bước đi trước. Theo sau chàng là nàng Hơ–bia Bơ–lao, và bà Hơ–bia Đá mang gùi đi sau cùng.

Xing Nhã và nàng Hơ–bia Bơ–lao, người trước người sau như đôi chim cu trên cành cây.

Vào đến làng, Xing Nhã lên hiên nhà Gia–rơ Bú, gọi dân làng:

XING NHÃ – Ơ chim *nghiếc* một ngàn, chim *ko–trao* một sườn đồi, hỡi tất cả dân làng đó đây! Các anh muốn về với chúng tôi hay ở lại đây?

DÂN LÀNG – Chúng tôi xin theo ông đó.

Cả đoàn người đông nghịt kéo về.

Hơ–bia Đá ngồi một con voi, Xing Nhã và Hơ–bia Bơ–lao ngồi chung một bành trên con voi ngà vàng. Trâu, bò và nô lệ theo Xing Nhã về buôn Gia–rơ Kốt, lô nhô lúc nhúc...

Tin bắn đi nhanh lắm. Từ buôn phía đông sang buôn phía tây, tin lại đồn Xing Nhã đã bị bảy anh em Gia–rơ Bú giết.

*

. . . . . .

Xing Mun nhìn thấy đoàn người vẫn đi tới. Đoàn người này là đoàn của Xing Nhã vừa chiến thắng Gia–rơ Bú, đưa mẹ, của cải và người làng cũ của mình về làng. Xing Mun tưởng đoàn quân của Gia–rơ Bú kéo đến đánh làng Xing Yuê cha của chàng. Chàng liền bảo mẹ, chị Bơ–ra Tang và những người già né sang bên đường.

XING MUN – Ơ mẹ, ơ chị Bơ–ra Tang và tất cả những người già yếu! Hãy lánh sang bên đường, để tôi ra đánh nhau với họ. Tại sao họ to gan lớn mật dám đến đánh làng ta? Hỡi người trăm, người ngàn, các anh hãy sẵn sàng dáo mác, khiên đao đi! Chàng Xing Mun nhảy từ trên bành voi xuống đất, chàng liền cầm khiên múa đao xốc tới. Xing Nhã cũng tưởng là địch, cũng xuống voi. Hai người chưa kịp hỏi han mà đã đánh nhau trước. Họ đánh nhau từ lúc mặt trời đứng bóng đến xế chiều, núi nhão rừng tan mà chưa phân thắng bại[1]. Họ đánh nhau một hơi, rồi hai hơi, thì ông Gỗn bắt mất hồn của Xing Nhã. Xing Nhã thả khiên, kéo lê đao xuống đất, cố gắng bước vài bước rồi ngã quỵ xuống. Chàng Xing Mun chạy tới giữa tiếng reo hò của dân làng. Chàng giơ lưỡi đao trần sáng loáng định chém thì bỗng nghe tiếng chàng Xing Nhã kêu lên:

---

1. Khi Xing Nhã đi đánh Gia–rơ Bú thì Xing Mun còn nhỏ nên khi này hai anh em không biết mặt nhau.

XING NHÃ – Ơ em Bơ–ra Tang! Đường ta đi xúc cá đã mọc rêu xanh, đường ta đi hái củi, nơi đổ kiến vàng[1], chỗ anh và em ngồi đã thành rẫy cũ làng xưa. Bây giờ, anh lại bị chết ở đất người ta rồi. Ơ em Xing Mưn! Mẹ can anh không chịu, mẹ giữ anh không ở, anh cố đốt đuốc chạy đi đêm[2]. Mai kia lớn lên, em hãy nhớ đi đòi nợ cho cha, đi hỏi xương cho anh!

Nghe tiếng Xing Nhã kêu, gọi đúng tên mình, Xing Mưn biết là anh, liền hỏi ngay:

XING MƯN – Có phải anh là Xing Nhã không?

XING NHÃ – Có phải em là Xing Mưn không?

XING MƯN – Em là Xing Mưn đây. Chỉ chậm một sợi tóc nữa thì đầu anh rơi mất rồi.

XING NHÃ – Anh thua em là phải. Anh già rồi.

XING MƯN – Em đâu dám leo lên đầu anh.

XING NHÃ – Em đến đây làm gì?

XING MƯN – Em đi đòi xương cho anh, nghe tin họ bảo anh đã bị bảy anh em Gia–rơ Bú giết rồi.

XING NHÃ – Anh đã đánh tan bảy anh em Gia–rơ Bú, nay đưa mẹ và người làng cũ của ta về.

XING MƯN – Mẹ ta đâu rồi, anh?

XING NHÃ – Họ đang ngồi trên bành voi kia kìa!

XING MƯN *(chạy tới, mừng rỡ)* – Ơ mẹ Ho–bia Đá! Con là Xing Mưn, con của Bang Ra và Xing Yuê đây. Người ta bảo anh con Xing Nhã bị Gia–rơ Bú giết nên con gọi dân làng đi đòi nợ! Ơ mẹ, cô gái nào ngồi trong bành voi kia?

HƠ–BIA ĐÁ – Nàng Ho–bia Bơ–lao, vợ của anh Xing Nhã con đấy.

XING MƯN – Ơ anh Xing Nhã, anh có người vợ đẹp như tiên.

XING NHÃ – Mẹ Bang Ra và nàng Bơ–ra Tang có cùng đi với em không?

---

1. Đổ tổ kiến vàng lấy trứng làm thức ăn.
2. Ý nói: cố tình làm một công việc tuy công việc đó không phải là không cần thiết.

XING MUN – Có. Mẹ và chị Bơ–ra Tang đang lánh bên suối kia! Ơ chị Bơ–ra Tang, hãy ra đây gặp anh Xing Nhã! Ơ mẹ, ra đây gặp người chị của mẹ đây!

Con voi cái đưa bà Bang Ra và nàng Bơ–ra Tang ra phía đường. Nàng Bơ–ra Tang bước xuống đất. Nàng mặc một váy hoa *ko–nam*, váy hoa *ê–mao*, váy thêu hình con hươu, thêu hình thần thánh đỏ rực. Mép trên tấm vải thêu hình ông sao, mép dưới thêu hình ông trăng, hai bên gót chân nàng đeo lục lạc vàng. Bắp chân của nàng tròn như cọng khoai môn, bắp vế trắng tựa ngà voi. Toàn thân nàng đẹp như con cá *ni–ăng* bơi lội. Nàng mặc áo đen hoa *ho–ngâm*, áo màu hạt gắm. Cổ đeo cườm vàng. Búi tóc gài trâm đồng, trâm bạc. Bước đi của nàng mềm mại như chân voi dạo chơi.

XING NHÃ – Ơ em Xing Mưn! Em hãy lấy nàng Bơ–ra Tang của anh đi!

XING MUN – Em không lấy đâu, Bơ–ra Tang là vợ của anh rồi.

XING NHÃ – Sao em lại nói thế?

XING MUN – Anh là cây mọc trước đã từng chịu nắng dầm mưa, anh khôn lớn rồi. Em không cãi lại cái miệng của anh đâu. Nếu anh bằng lòng cho em lấy nàng Bơ–ra Tang thì em lấy.

Nàng Bơ–ra Tang đi tới.

BƠ–RA TANG – Ơ, chào anh Xing Nhã! Em mong anh về, em sẽ được cái bát đẹp đựng hồ dệt vải, được cái chậu quý để thoi chỉ thêu. Sáng nay, con chim cúc cu đã hết kêu khan tiếng bên rừng rồi.

XING NHÃ – Chào em Bơ–ra Tang giàu có của anh!

BƠ–RA TANG – Ơ anh Xing Nhã! Ai ngồi trong bành voi của chồng em kia?

XING NHÃ – Một người vợ của anh.

Bơ–ra Tang sửng sốt, bối rối như một con chim non sã cánh. Nàng nhảy vội lên bành voi, nắm lấy búi tóc Hơ–bia Bơ–lao. Hai người giằng xé nhau. Xing Mưn phải nhảy lên bành voi cản lại. Tay trái của chàng nắm tay phải của Hơ–bia Bơ–lao, còn tay phải thì giữ Bơ–ra Tang. Hai nàng né nhau như miếng khiên đương múa.

XING MUN – Ơ Hơ–bia Bơ–lao! Ơ Bơ–ra Tang! Hai người là chị em với nhau rồi, sao không biết?

HƠ–BIA BƠ–LAO – Sao không biết? Ai dựng chòi thì người đó được giụt mõ, đuổi chim. Không có ta thì Xing Nhã không đánh thắng được Gia–rơ Bú, không đòi xương được cho làng này đâu?

BƠ–RA TANG *(tức giận)* – Ơ con diều đen kêu trên rẫy kia, hãy im đi! Sao lại để cho chồng ta có thể được cá quên nơm, được chim bẻ ná[1]? Mày có biết không, dấu chân mà ta đón chồng ta đi theo đường con voi dài ngà ra suối, tiếng hát mà ta đã chỉ cho chồng ta biết người giết cha Xing Nhã hãy còn đây!...

HƠ–BIA BƠ–LAO – Ơ Giàng! Ta không phải là người cướp lúa của chim. Chòi của ta làm, ta có quyền đóng của khi mưa giông sấm sét.

XING MUN – Những con ong đều đi hút nhụy về làm tổ. Ơ anh Xing Nhã, nói đi, anh phải bắt nàng nào?

XING NHÃ *(suy nghĩ lâu lắm)* – Anh lấy nàng Hơ–bia Bơ–lao, vì nàng đã giúp anh đánh thắng Gia–rơ Bú, đã giúp anh đòi được xương cha và cứu mẹ Hơ–bia Đá.

XING MUN – Ơ mẹ! Mẹ muốn anh Xing Nhã lấy ai?

HƠ–BIA ĐÁ – Nàng Hơ–bia Bơ–lao. Vì nàng đã giúp con trai ta rút được mũi tên nhà Gia–rơ Bú đã cắm sâu trong bụng mẹ.

XING NHÃ – Ý Giàng đã không muốn cho em và anh cùng đi một đường lên rừng bẻ măng, xuống suối xúc cá rồi. Anh muốn em lấy Xing Mun, người có gan đã đi cứu anh, về dựng chòi phát rẫy, sai khiến tôi tớ cho em.

BƠ–RA TANG – Không được! Chồng của ta đã là một người trai rất đẹp, da màu nâu đồng, tóc đen như rắn than, cặp mắt long lanh như ong *xây*, bước đi hùng mạnh chao đều như sóng nước; tiếng người ấy nói chưa xa, mà đến nỗi cả người Bih, người Mơ–nông ở đất trâu giẫm ruộng, đến cả người Doan[2] người Ba–na sống khắp con nước này đều nghe tiếng.

XING MUN *(quay hỏi nô lệ và dân làng)* – Hỡi dân làng! Hãy nghĩ xem nàng nào đã giúp cho anh ta nhiều nhất? Hãy nói, tất cả hãy nói đi!

---

1. Ý nói: được việc quên công.
2. Người Kinh.

DÂN LÀNG *(giơ cao dáo mác, nhốn nháo như lau lách)* – Bà Hơ–bia Bơ–lao! Bà Hơ–bia Bơ–lao! Vì bà ấy đã làm cho cây đa ở làng ta sống lại to lớn, to lớn hơn những gốc đa nào nhiều cành xanh lá nhất mà ông bà ta đã kể đến tai lũ tôi.

Tâm sự một ngày, Bơ–ra Tang bằng lòng lấy Xing Mun; Xing Nhã lấy Hơ–bia Bơ–lao. Bốn người lên voi về buôn. Mãn một mùa, lúa lên xanh mượt. Trên rẫy, trong làng của Xing Nhã, ngô, kê cũng lên xanh mượt. Trâu bò đi ăn trên đồi khum, trông lô nhô lúc nhúc như bầy kiến bầy ong. Một buổi sáng. Trời đẹp. Sương trốn nắng. Xing Nhã sai nô lệ vào rừng chặt cây *ko–nia*, những cây *gòn* to nhất, để dựng nhà mả cho cha là Gia–rơ Kốt ở gần núi Bơ–lô.

Tin ấy truyền đi phía đông.

Tin ấy lan sang phía tây.

Từ người Bih Kơ–rông sống dọc bờ sông, người Mơ–nông cắm lông chim trên đầu bên bờ suối, tất cả đều nô nức mang rượu thịt chiêng trống đến mừng Xing Nhã dựng nhà mả cho cha.

Y Điêng – Ama Chi
hiệu đính chú thích

KHINH DÚ
(trích)

Trường ca *Khinh Dú* được phổ biến nhiều nhất ở các vùng Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ và miền tây huyện Mơ–đơ–rắc.

Cho đến nay, đây là bản trường ca dài nhất trong các trường ca của dân tộc Ê–đê đã phát hiện được.

Trường ca chia làm 4 phần:

Phần thứ nhất – *Kể chuyện Khinh Dú.*

Hai bạn gái Hơ–dang và Hơ–dú vì uống nước hốc cây nên đều có thai. Hai người hẹn nhau nếu một bên sinh gái, một bên sinh trai, thì sẽ gả con cho nhau. Nhưng Hơ–bia Dao (con gái Hơ–dang) không ưng lấy Đăm Phu (con trai Hơ–dú). Nàng yêu Khinh Dú và lấy làm chồng.

Vợ chồng Khinh Dú sống giàu sang. Đăm Phu lập mưu cướp Hơ–bia Dao. Hắn đến nhà Khinh Dú, giả kết nghĩa anh em và tìm

cơ hội dụ dỗ Hơ-bia Dao. Nàng cự tuyệt và mách cho chồng biết ý định xấu của Đăm Phu. Khinh Dú không giận bạn, lại cắt máu ăn thề lần nữa. Nhưng vì quá mê sắc đẹp của Hơ-bia Dao, Đăm Phu đã dùng thuốc mê để quyến rũ vợ bạn. Hơ-bia Dao bỏ chồng theo Đăm Phu. Tưởng vợ bị lạc và chết trong rừng, Khinh Dú cầu cúng và than khóc. Tiếng than khóc làm Hơ-bia Dao tỉnh ngộ. Nàng bỏ Đăm Phu trở về với chồng.

Được vợ cho biết mưu mô xảo quyệt của bạn, lần này Khinh Dú toan đi đánh Đăm Phu, thì Đăm Phu đã đến đánh trước. Đăm Phu bị Khinh Dú đánh thua. Trong cuộc đánh nhau, vì giết hại nhiều người, Khinh Dú bị thần linh bắt phải đền bù thiệt hại cho những người đã chết oan. Khinh Dú đền bù hết của cải, rồi đành dắt em gái là Hơ-má về nhà mẹ làm ăn.

Phần thứ hai – *Kể chuyện Trong Đăn* (con trai Hơ-má, cháu gọi Khinh Dú là bác).

Sau khi phải đền hết của cải, Khinh Dú cùng em gái và cháu làm ăn siêng năng nên lại giàu có. Trong Đăn lớn lên, được bác cho biết thù nhà, bèn quyết chí trả thù. Chàng tới đánh phá nhà Đăm Phu, bắt chú cháu Đăm Phu về làm nô lệ.

Buôn làng của bác cháu Khinh Dú –Trong Đăn phồn thịnh. Đăm Phu vẫn ngấm ngầm tìm cách trả thù và đã giết được cả hai bác cháu Trong Đăn. Cửa nhà tan tác, Hơ-má đành mang con gái là Pơ-rắc Hơ-giê (em gái Trong Đăn) trốn vào rừng, còn Hơ-bia Dao lại phải về làm vợ Đăm Phu.

Pơ-rắc Hơ-giê uống nước hốc cây có thai và đẻ được bảy người con. Con trai đầu là Đăm Thí. Khinh Dú và Trong Đăn được ông Gỗn cho thuốc sống lại. Cả nhà đoàn tụ.

Khi lớn lên Đăm Thí đã tiến đánh Đăm Phu để trả thù. Khinh Dú và Trong Đăn cùng đi. Trận đánh diễn ra rất ác liệt, và sau cùng, ông cháu Khinh Dú, Trong Đăn, Đăm Thí thắng trận, bắt được cả hai chú cháu Đăm Phu và Hơ-bia Dao. Đăm Thí giết hai chú cháu Đăm Phu, định giết cả Hơ-bia Dao, vì cho đấy là một mụ "đàn bà điều hâu" đã làm tan nát gia đình ông bà mình. Nhưng ông Gỗn không cho. Ông bắt Hơ-bia Dao trở về làm vợ Khinh Dú. Sau đó, buôn làng phát triển, ba ông cháu phải chia nhau thanh gươm thần, mỗi người đi tìm một nơi để dựng buôn làng mới.

Phần thứ ba –Chưa sưu tầm được.

Phần thứ tư – *Kể chuyện thời phồn thịnh của buôn làng Trong Đăn.*

Trong Đăn cùng bạn là Đăm Po–ra Mơ–lô đi săn. Chàng gặp nàng Hơ–bia Sun. Hai người đính ước với nhau, sau đó làm lễ cưới, bạn bè tới dự rất đông vui.

Được biết vợ Trong Đăn đẹp nhất trần gian. Vua Mối giả làm anh ruột vợ Trong Đăn và tới cướp vợ Trong Đăn trong lúc chàng đang đi săn bắn. Nghe tin, Trong Đăn cùng bạn bè đến đánh Vua Mối, giành lại vợ. Đánh xong Vua Mối, mọi người đều bằng lòng cho em gái Trong Đăn (nàng Po–rắc Hơ–giê) được lấy chàng Xing Mơ–nga làm chồng.

Dưới đây, xin giới thiệu một đoạn sinh động nhất trong phần đầu của tác phẩm: Đoạn tả về cuộc hôn nhân của Khinh Dú và Hơ–bia Dao.

*

. . . . . .

Nghỉ một ngày, ngủ một đêm và đến một buổi sáng mùa hoa nở, chim non rũ cánh trước tổ, nàng Hơ–bia Dao đã lớn. Nàng đã thấy cần có một người con trai sống cạnh mình, nàng bèn nói gần nói xa với mẹ và cha.

HƠ–BIA DAO – Ơ mẹ! Ơ cha!

HƠ–DANG – Con gọi gì mẹ?

ĐAM ĐĂN – Con gọi gì cha?

HƠ–BIA DAO – Con gọi mẹ không phải vì chuyện này, con mời cha không phải vì việc nọ. Các làng phía đông phía tây đều biết cả, người ta bảo rằng con là con của mẹ đúc trong khuôn, con của cha dập trong ống, con không phải con đẻ của mẹ cha[1]. Bây giờ con đã lớn bằng mẹ bằng cha, con muốn có người giúp con đốt đuốc đêm, muốn có người phân rượu chia thịt cho khách gần xa. Cha mẹ mặt mũi đã héo dần như cây thuốc lá đang phơi mình giữa nắng hè vậy.

---

1. Ý nói: được mọi người thừa nhận là đẹp, khôn, tài giỏi không ai bì kịp; người thường khó để được con như thế.

HƠ-DANG – Con ưng ai thì con nói đi!

HƠ-BIA DAO – Con cũng không biết. Tùy mẹ cha ưng trước rồi con theo sau.

ĐAM ĐĂN – Vậy con có ưng anh Đam Ko-ling, Đam Ko-lăng hai anh em anh hùng, giết không chết, đánh đâm lưỡi dao không ăn vào thịt da đó không?

HƠ-BIA DAO – Cha ơi! Con không ưng đâu. Người ta giàu sang rồi, con không đủ hơi đủ sức thức đêm thay rượu đổi thịt cho khách nhà người. Con chỉ thích cháu trai của cha thôi[1]. Như thế, nhà ta mới dễ dạy bảo anh ta đốt đuốc đêm, phân rượu chia thịt cho khách gần xa của nhà ta, cha ạ.

HƠ-DANG *(gọi chồng)* – Ơ anh Đam Đăn! Giờ đây con gái ta đã lớn, nó muốn có người phát bờ, giữ chim sớm chiều. Anh hãy đi tìm cháu trai về cho con gái ta thôi!

ĐAM ĐĂN – Anh đâu có cháu trai! Anh chỉ có mỗi một thằng Khinh Dú, nhưng nó là thằng lười; ta hỏi nó về làm chồng cho con gái ta làm gì?

HƠ-DANG – Nếu nó lười, ta dạy làm; nếu nó câm, ta tập nói; nếu nó chưa biết đi, ta cõng; chưa biết ăn ta mớm; nếu có chuyện gì ta khuyên bảo nó, miễn nó là cháu trai gần của anh là được thôi.

Đam Đăn không muốn miệng cãi miệng với vợ. Anh ra nhà ngoài gọi nô lệ vào rừng bắt voi, mời ông Mơ-bình đi hỏi Khinh Dú cho nàng Hơ-bia Dao.

ĐAM ĐĂN – Ơ chim *nghiếc* một nghìn, ơ chim *ko-trao* trên sườn đồi và bao người nô lệ của ta đó đây! Các người đi gọi bác Mơ-bình ở làng Bơ-lô và đi mời chàng Y Bơ-lô ở làng Mơ-lang đến nhà ta, để ta nhờ tới hỏi cháu Khinh Dú cho con gái ta!

Nô lệ, kẻ vào rừng bắt voi đực đóng bành mây, người vào núi bắt voi cái bắc bành *ê-tiêng*. Họ cho con voi đực có đôi ngà rộng dẫn đầu. Đàn voi bước đi một hơi, hai hơi, và bước lên đồi giành thì cũng vừa nhìn thấy làng của ông Mơ-bình. Đàn voi tới cổng làng

---

1. Trong chế độ mẫu hệ, con lấy họ mẹ, do đó con cô con cậu ruột vẫn có thể lấy được nhau.

thì chó sủa, lợn kêu và gà vịt đều chạy vội vào gầm nhà. Nghe tiếng chó sủa, ông Mơ-bình bước ra nhà ngoài và hỏi:

MƠ BÌNH – Các anh đến nhà ta có phải vì chuyện này việc nọ không?

NÔ LỆ – Ông Đam Đăn cho chúng tôi đến nhà, vì ông là người cùng họ gần, để miệng gặp miệng, tìm người phát bờ đốt nương và giữ chim cùng nàng Hơ-bia Dao con gái ông chủ chúng tôi.

Nghe nói đi hỏi chồng cho cháu gái, ông Mơ-bình vội vã chạy vào nhà trong sắm sửa. Ông thay khố thêu hoa *mơ-gao*, mặc áo có hàng cúc dày, đầu đội khăn kép, bước lên voi về nhà Đam Đăn.

Đàn voi vào làng. Nàng Hơ-bia Dao chạy ra nhà ngoài xem. Thấy ông Mơ-bình đang ngồi trong bành voi, nàng mừng vui, nói cười riu ríu như con chim đội mũ thấy hoa, và chạy vào nhà nói cho cha mẹ biết. Nàng chạy đi bắt gà ấp, thui gà đẻ, nấu cơm đãi ông Mơ-bình.

Ông Mơ-bình vừa rời khỏi bành voi thì đã nghe tiếng nàng Hơ-bia Dao mời vào nhà ăn cơm.

HƠ-BIA DAO – Ơ ông Mơ-bình! Ông vào nhà cùng ăn bữa cơm chiều với cháu. Cơm của cháu có mùi nhạt, thịt gà diều tha và nước hôi mùi rêu xanh. Cơm không ra sao, mời ông ăn tạm vậy.

Ông Mơ-bình vừa ăn cơm vừa nói chuyện. Ông nói chuyện nương rẫy, nói chuyện săn bắn, và ông hỏi nhỏ Hơ-bia Dao:

MƠ BÌNH – Ơ cháu Hơ-bia Dao! Đấy, trai làng Đông một trăm, trai làng Tây một nghìn, ai là cái mặt cháu ưng, cái lưng cháu ưa thì cháu nói, ông sẽ đi hỏi cho.

HƠ-BIA DAO – Ông Mơ-bình ơi! Ông đi hỏi trai làng Đông một trăm, trai làng Tây một nghìn, dù họ giàu có và đẹp trai hơn hết, cháu cũng không ưng bụng. Cháu chỉ muốn có người phát bờ, cuốc đất và giữ chim, không phải ai xa lạ mà là cháu gần của cha cháu đó thôi. Ông tìm được người đó thì mặt cháu mới ưng, lưng cháu mới ưa.

MƠ BÌNH – Ơ bọn trẻ làng này! Các anh vào rừng bắt voi để ta đi hỏi chồng cho cháu gái!

Nô lệ bắt con voi đực thắng bành mây, bắt con voi cái bắc bành *ê-tiêng* có mui che mưa nắng. Đàn voi kéo ra khỏi làng. Một trăm con voi đi trước, một nghìn con voi theo sau. Đàn voi lên núi

bằng một nhảy, xuống thung lũng bằng một bước. Đàn voi đi được một hơi hai hơi thì bên tay trái của họ đã là một màu lúa vàng, bên phải là một làng dựng trên đồi cao. Trâu bò trên bãi cỏ xanh đông nhung nhúc như bầy kiến đàn mối. Con đường vào làng bên trái sâu bằng một cán chà gạc, bên phải bằng một cán mác dài[1]. Dấu chân ngựa chân voi chằng chịt như đánh dây. Trai gái đi lại đầy cả buôn làng. Nồi bung, nồi bẩy nhiều như ốc sên ngoài rừng. Nhà ở dài bằng một hơi tiếng chiêng, hiên nhà vừa mỏi cánh chim *phí* bay lượn. Đó là làng của Khinh Dú. Đàn voi của ông Mơ-bình ập tới đầy ngoài làng. Voi ông Mơ-bình đến đứng sát đầu hiên nhà thì ông nhảy xuống, vào nhà. Bước qua ngưỡng cửa, ông mắc lưỡi đao vào xà ngang, gắn ngọn mác trên phên, ông ngồi xuống thì đã nghe thấy lục lặc reo rầm rầm.

Thấy khách vào nhà, nàng Hơ-mơ Lôi – em gái Khinh Dú – ra khỏi buồng và hỏi nàng Hơ-má đang ngồi kéo chỉ:

HƠ-MƠ LÔI – Chị ơi! Khách nào lên thang vào nhà ta kia, chị có biết không? Có phải họ đến đòi nợ từ hồi ông bà ta ngày trước?

Thấy khách lên nhà, em gái Khinh Dú vội gọi bọn trẻ đến rải chiếu đón khách. Kẻ rải chiếu, người bưng nước, đem thuốc và lửa cho khách mới đến. Còn Hơ-mơ Lôi, nàng chạy vào buồng gọi anh dậy.

HƠ-MƠ LÔI – Anh ơi, dậy đi! Khách bán chiêng đã lên đầy nhà, khách mua voi đã tới đầy sân, và người đến đòi nợ xưa đã vào ngồi trên phản nhà ta. Anh dậy đi, anh hãy thương đứa em gái nghèo và vụng dại này.

MƠ BÌNH – Ơ cháu Hơ-mơ Lôi, cháu đừng nói vậy. Cháu chớ đuổi ta bằng mũi tên, chớ ngăn ta bằng cây gai! Mai đây, chúng ta sẽ sống chung một làng, trâu bò của chúng ta sẽ cùng ăn chung một bãi cỏ. Chỗ ông Mơ-bình ngồi, phía dưới đã rải chiếu hoa *ko-tông*, tầng trên rải chiếu đỏ và chính giữa lại rải chiếu vẽ hình con voi con ngựa đang chạy đùa trên bãi. Ông Mơ-bình mải nghĩ đi tìm Khinh Dú, ông ngồi không yên, đứng không được, ông chạy ra nhà ngoài, vào nhà trong, ông đi khắp nơi để tìm buồng của Khinh Dú.

---

1. Ý nói: làng ở đã lâu, đường đi lối lại đã trũng sâu xuống bằng cán chà gạc, cán mác.

. . . . . .

Ông Mơ–bình ngồi uống mãi, ngày không biết, đêm không hay. Ông uống rượu, Hơ–má thả nước sừng trâu[1]. Ông uống hết chậu nước này đến chậu nước khác; nước đổ vào ché liên miên như nước suối đổ trên nguồn.

MƠ BÌNH – Ơ các cháu Hơ–má, Hơ–mơ Lôi, Hơ–mơ Lai! Ta ăn gan lợn gan gà và thịt trâu thịt bò đã nhiều. Ta uống rượu không cạn ché, ta chuyện trò và ở đây cũng đã lâu, nhưng chuyện ta muốn nói với các cháu vẫn chưa nói được. Bây giờ, cháu Khinh Dú chạy đâu rồi?

HƠ–MÁ – Anh Khinh Dú không đi đâu cả, anh ấy đang nằm trong buồng kia kìa!

MƠ BÌNH – Cháu vào gọi Khinh Dú ra ngoài đây, cho ta nói chuyện này. Bọn ta đến đây không phải vì chuyện này chuyện nọ, ta đến đây như bầy ong đi tìm nhụy hoa. Con trai con gái bọn ta mang trầu cau tới hỏi Khinh Dú đó.

HƠ–MÁ – Hỏi anh ấy về làm gì? Anh ấy là một đứa lười việc nương rẫy, biếng việc cửa nhà, và hay e thẹn với khách gần xa.

MƠ BÌNH – Ta cho rằng nó mệt người mỏi lưng nên phải nằm đấy, cháu ạ. *(Nói với Khinh Dú)* – Ơ Khinh Dú! Ta không giấu cháu làm gì. Dấu ngựa chân voi ngoài đường, ai cũng thấy, cũng biết chuyện nhỏ chuyện lớn. Nợ nần từ ông bà xưa cũng không có. Ta đến đây để thăm con suối đầu làng, thăm cây *mơ–róa*, đốn gỗ về làm cánh nỏ cho anh Đam Đăn đó thôi. Ta đã đi hỏi một trăm chàng trai mạnh làng Đông, một nghìn chàng trai khỏe làng Tây, nhưng không ưng một ai. Bây giờ, bụi cây *tông–lông* này, cháu Hơ–bia Dao mới ưng lòng chờ đợi. Ta đến đây hỏi cháu làm chồng cho Hơ–bia Dao, vì cháu cùng họ với cha nó.

KHINH DÚ – Đừng, ông ơi, cháu còn nhỏ lắm! Cán cuốc ngoài rẫy cháu chưa biết cầm, cán rìu trong nhà cháu nắm chưa chắc, xin

---

1. Trong khi uống rượu vui, thường phụ nữ giữ việc pha nước, đong bằng sừng trâu để tính số lượng rượu đã uống.

ông đi hỏi trai làng Đông làng Tây, họ mới là cây ngô mọc trước, nước sông vơi đầy, chuyện này việc nọ họ đều thành thạo.

MƠ BÌNH – Cháu chớ lo! Nếu chưa biết đi, họ cõng trên lưng, nếu chưa biết ăn, họ đơm họ mớm. Hiện nay, chú Đam Đăn của cháu mỗi ngày một héo dần, như cây thuốc lá trên nương ngủ dưới nắng hè. Chú Đam Đăn của cháu không có ai phát bờ rẫy, cuốc cỏ nương, đuổi chim rừng; không có ai đốt lửa đêm, phân thịt chia rượu cho khách làng giàu nghèo đấy, cháu ạ.

KHINH DÚ – Nếu chú Đam Đăn mỗi ngày một héo mòn thì ông đi hỏi trai làng khác về đốt lửa đêm, phân thịt chia rượu cho khách thay cho chú ấy. Cháu đây nghèo, không biết thay rượu thịt, không biết bắc bành voi, thắng yên ngựa cho chú ấy đâu. Cháu lại biếng việc nhà, lười làm nương rẫy, chỉ biết ăn nhờ người ta. Vậy cháu về, nàng Hơ–bia Dao sẽ cười cháu đó.

MƠ BÌNH – Có, ông đã đi hỏi một trăm chàng trai làng Đông, một nghìn con trai làng Tây giàu đẹp, nhưng Hơ–bia Dao mặt nó không ưng, lưng nó không ưa, thì biết làm thế nào?

KHINH DÚ – Cháu chỉ là một đọt tre non để người đan sọt đựng rác. Đi theo chị em cũng chưa kịp, làm sao cháu dám đi như người mù người điếc kia chứ! Đi như con chó chực thịt người ta làm sẵn, cháu thẹn với trai làng giàu sang đó lắm.

MƠ BÌNH – Ơ cháu Khinh Dú! Cây lớn ta đốn bằng rìu, cây nhỏ ta chặt bằng dao. Nay đâu phải chuyện này việc nọ? Chuyện là chuyện ta đến hỏi vợ hỏi chồng, phải hỏi bằng được, ta mới về nhà, cháu ạ. Nếu hôm nay cháu không ưng ý gật đầu, nếu mai sau cháu không chịu lấy chiếc còng và không chịu đi phát nương phát rẫy trồng dưa gang dưa hấu, nếu sau này chú Đam Đăn lên rẫy xưa nương cũ, đâm phải gốc cây ngoài đường, thì lấy ai là người trông coi? Cháu là người coi gà đầy chuồng, trông đàn trâu bò trên bãi, giữ bầy voi ngựa trên đồi, và giữ cả lúa khoai trên nương trên rẫy, tất cả là của cháu đó.

KHINH DÚ – Ông nói đường rẫy đến hết nơi đổ kiến vàng và ông nói từ ngày hôm nay, ngày mai và nói đến chết, cháu cũng không đi. Cháu ở nhà làm nương rẫy nuôi mẹ già. Hiện nay, mẹ cháu đã héo đã mòn trông thấy như ngọn *bo–lang* giữa rừng cây rậm.

MƠ BÌNH – Nếu mẹ cháu ngày một héo mòn, ta sẽ cho người về trông coi, ta sẽ cho một trăm con trâu, một trăm con voi, miễn cháu cầm lấy chiếc còng này, ta mới vui trong bụng.

Ông Mơ-bình đem hết miệng mình nói với Khinh Dú. Ông nói, nói nát cả đường ngang lối dọc. Ông nói từ khe suối gần đến vạt rừng xa, thế mà vẫn chưa dắt theo được con trâu đực không có dây ràng buộc[1]. Ông đành phải đạp voi về làng.

Mặt trời đã xế chiều, nàng Hơ-bia Dao xuống giã gạo sau hiên nhà. Nàng giã gạo nếp đã đầy bầu, giã gạo kê đầy chậu, và giã loại gạo trắng đầy thúng để chờ chàng Khinh Dú về nhà. Nàng đã dệt và thêu xong cái khố hoa đào cài hoa *a-ring*. Nàng nói cười giòn giã như con chim *po-lêu* ngoài rừng. Nàng ngẫm nghĩ trên hiên nhà một lúc thì đầu làng có tiếng chó sủa lợn kêu và tiếng voi đập vòi xuống đất. Nàng vội đứng dậy, trông ra. Em nàng là Hơ-bia Guê vội lên bảo cho nàng biết.

HƠ-BIA GUÊ – Chị ơi, ông bác của ta đã về!

Tất cả bà con và chị em của Hơ-bia Dao và cả những bạn bè gần xa nữa, đều nhìn qua kẽ cửa vách nhà. Đàn voi của ông Mơ-bình về vừa dừng bước đầu hiên thì Hơ-bia Dao liền hỏi:

HƠ-BIA DAO – Ông Mơ-bình ơi! Chàng Khinh Dú đâu rồi?

MƠ BÌNH – Ta nói đến chảy nước mắt, ta nói đến xổ nước mũi, và ta đã giao cả đàn gà, trâu, bò và một trăm người nô lệ theo chân mẹ già, nhưng chàng Khinh Dú của cháu vẫn không chịu đến.

HƠ-BIA DAO – Giàng ơi! Ông bà chú bác gì vậy, cháu nhờ có một việc đó mà làm không nên! Thôi, ông về đi, chớ ở đây nữa!

Nói xong, Hơ-bia Dao chạy vụt vào nhà trong khóc lóc, nước mắt nước mũi đầm đìa. Nàng ăn cơm không được, uống nước không vào, tiếng nói cười không còn ở miệng.

Nghỉ một ngày, ngủ một đêm, đã thấy nàng gầy nhiều, tuổi còn ít, nhưng dáng đi như một bà cụ đã có hai lần cháu[2]. Đam Đăn cha nàng đốt không biết bao nhiêu trâu cúng Thần Núi, giết bao nhiêu bò cầu Thần Nước và bao nhiêu lợn gà cúng linh hồn chú bác

---

1. Ý nói: Không thuyết phục được chàng trai trẻ tự do.
2. Ý nói: hom hem gầy yếu nhiều, như một người già đã có chắt kêu bằng cụ.

chết từ lâu, nhưng nàng Hơ-bia Dao vẫn nằm nguyên trên chiếu hoa, dưới chăn thêu không nhúc nhích.

Từ ngày về, ông Mơ-bình chỉ lo đi ăn đi uống rượu làng và lo làm rẫy, gài bẫy chim, nuôi vợ nuôi con. Nhà ông Mơ-bình cơm ăn không thiếu, thịt hươu nai không bao giờ khô trên giàn bếp. Khắp làng phía đông, buôn đằng tây, có chuyện gì không cùng tai cùng bụng dù lớn dù nhỏ đều đến mời ông xét xử.

Trong khi đó, Đam Đăn cha Hơ-bia Dao đã mời không biết bao nhiêu thầy cúng tài giỏi đến nhà, nhưng nàng vẫn không rời khỏi chiếu hoa chăn thêu ra khỏi buồng một lúc. Cơm tẻ, cơm nếp và nước uống phải đem tới cho nàng không bao giờ nghỉ chân.

Vào một buổi sáng có nắng cười chim hót, Y Bơ-lô, em trai của Đam Đăn đến chơi. Thấy cháu gái của mình mỏi mệt mãi đi, vì ăn cơm không được, uống nước không vào, ông chạy vào buồng hỏi chuyện.

Y BƠ-LÔ – Ơ cháu Hơ-bia Dao! Cháu dậy ăn cơm uống nước và sửa soạn đi! Con trai người Bih chú sẽ đón về, con trai người Mơ-nông chú sẽ đến mời, chú sẽ đến cổng rào nhà chàng Khinh Dú xem sao. Nếu Khinh Dú muốn đòi bò một trăm, trâu một ngàn, chú sẽ giao cho; nếu Khinh Dú muốn nghìn con voi và nô lệ, chú cũng sẽ cho và đem đến tận nhà. Nếu Khinh Dú muốn nồi bung đầy rừng, nồi bảy đầy ruộng, chú sẽ giao cho chàng tất cả của cải.

– Ơ Y Bơ-ling, Y Bơ-lang! Các em vào lấy chiếc cồng cho ta, để ta đi hỏi chàng Khinh Dú cho cháu Hơ-bia Dao nhà ta lần nữa!

Các chàng Y Bơ-lô, Y Bơ-ling, Y Bơ-lang, đầu quấn khăn đen có tua, tay cầm chiếc cồng, dáng bộ nhanh nhẹn như con dê non mới sinh chiều hôm trước. Ba anh em cưỡi ba con ngựa. Họ cưỡi những con ngựa biết chạy, biết lượn. Ngựa nhảy một nhảy vượt qua một rẫy, ngựa lượn một lượn vượt qua mấy đồi; khi ngựa cất chân bay, cát bụi tung lên phía sau như một cơn bão nhỏ. Xa xa, trên đồi khum khum như lưng rùa nổi lên một làng lớn, nương rẫy của làng chiếm hẳn một nửa trái núi dài. Trâu bò ăn trên đồi nhung nhúc đỏ ngầu như cà chín cây, người đi lại đông như bầy kiến đàn mối. Đường vào làng rộng và sâu, phía bên phải lút cán đao, phía bên trái ngập cán mác. Dấu chân ngựa chân voi đi lại vằn vèo như người ta đánh dây. Bến nước ăn trong veo, phía trên là bãi cát rộng,

phía dưới là bãi sỏi lớn. Phía trên họ để ống mạ bằng đồng, phía dưới ống sắt. Đấy chính là bến nước và buôn làng của chàng Khinh Dú.

Ba anh em Y Bơ–lô đến làng, buộc ngựa ngoài sân cỏ, rồi lên nhà, giắt chà gạc trên xà ngang phía tây, treo ngọn đao trên xà ngang phía đông. Họ thả người ngồi xuống mềm mại như hoa *ê–muôn*. Thấy có khách lên nhà, Hơ–lông, em gái nhỏ của Khinh Dú, gọi chị:

HƠ–LÔNG – Ơ chị Hơ–má! Chúng ta ra nhà ngoài đón khách, khách đã lên đầy nhà rồi!

Các em của Khinh Dú chạy ra nhà ngoài, người mang chiếu xách nước, người đem thuốc đem trầu đãi khách.

HƠ–MÁ – Tại sao hôm nay lại có khách bán trâu giẫm giàn bếp, khách buôn voi đạp nhà tôi bé nhỏ và xấu xí thế này?

Y BƠ–LÔ – Ơ chị em! Chị em đừng lấy mũi tên hay cây gai nhọn đánh đập vào mặt chúng tôi. Mai kia, chúng ta sẽ thành người một nhà, trâu bò cùng một chuồng. Chúng ta sẽ còn đi lại và ăn uống nhiều với nhau.

HƠ–MÁ – Ơ em Hơ–lông! Em chạy vào nhà lấy gạo nấu cơm mời khách của ta ăn đi!

Hơ–lông chạy đi bắt gà ấp, gà đẻ và giã gạo trắng, trắng như hoa *ê–pang*, hạt gạo tròn như trăng rằm. Hơ–lông nấu cơm chưa giập miếng trầu đã chín. Nàng dọn cho khách ăn ngay.

HƠ–LÔNG – Ăn cơm đi, các chú!

HƠ–MÁ – Các chú ăn cơm đi! Cơm của chúng tôi có mùi nhạt, gà thối diều tha, nước hôi mùi rêu xanh, và người dọn cơm cho các chú là một bà góa gẫy chân. Mời các chú ăn tạm!

Ba anh em Y Bơ–lô ăn cơm. Họ ăn không bao nhiêu, cơm chỉ hết lưng đĩa, canh chỉ hết mất mấy miếng thịt gà để trên miệng bát. Rồi họ uống nước, hút thuốc.

HƠ–MÁ – Tại sao các chú ăn cơm ít quá vậy?

Y BƠ–LÔ – Đến nhà chị, chúng tôi ăn mới được bằng này. Ở nhà chúng tôi, một trái chuối chúng tôi ăn cả đời mới hết.

HƠ–MÁ – Ơ bọn trẻ! Các anh vào lấy rượu ra đây!

NÔ LÊ – Lấy ché rượu nào, bà ơi?

HƠ–MÁ – Lấy những ché rượu đen, ché rượu *băn*, ché rượu có tám lỗ tai, bảy người khiêng trên, năm người bưng dưới, để đãi các khách trẻ nhà ta!

Lúc này, trong nhà Khinh Dú nhộn nhạo hẳn lên. Ai lấy rượu cứ buộc rượu vào cột, ai bẻ lá cứ nhét lá vào ché, ai múc nước cứ đổ nước vào ché, ai treo chiêng cứ treo và đánh chiêng.

HƠ–MÁ – Ơ bọn trẻ! Các anh đánh thử chiêng *mùng* chiêng *mai*, thứ chiêng kêu êm tai ta đó! Các anh đánh khẽ nó vẫn vang khắp đất nước của người Bih, đánh to nó vang vào tận nhà người Mơ–nông, và đánh mãi thì tất cả mọi người đều biết đó là tiếng chiêng của ta.

Ba anh em Y Bơ–lô ngồi uống rượu mãi. Mỗi lần họ hút ống cần, nước rút tới cổ ché, họ hút lần thứ hai, nước tụt đến tai ché, và họ hút lần thứ ba thì nước cạn đến tận đáy ché. Ba anh em Y Bơ–lô ngồi uống rượu suốt ngày đêm.

Y BƠ–LÔ – Ơ chị em! Chúng tôi ngồi uống rượu không bao giờ nhạt ở đáy ché, ăn thịt không hết trên đĩa. Chúng tôi đến nhà chị em như đến nhà bạn thân. Chuyện này việc kia và nợ nần từ ông bà xưa đều không có. Chúng tôi đến đây đem theo chiếc còng để nối chàng Khinh Dú với nàng Hơ–bia Dao của chúng tôi.

KHINH DÚ – Ơ chú! Hơ–bia Dao nào thích cái lưng, ưng cái mặt tôi đây! Tôi đây còn trẻ, tay non chưa biết đan sọt, chưa biết vót tên. Tôi đây còn trẻ, chưa cầm nổi cán cuốc, chưa biết trồng bí bầu ngoài rẫy. Tôi chưa biết đốt lửa đêm, và thay thịt rượu cho khách giàu sang của nhà bác Đam Đăn, nhà giàu có bằng ấy, khách chứa đi lại ngày đêm, đao mác nhiều như bông lau lách trên đồi. Ơ chú Y Bơ–lô! Nàng Hơ–bia Dao xinh đẹp bằng ấy, đem một thằng trai xấu xí bằng này về làm gì? Chú hãy đi tìm hỏi người khác xinh đẹp và siêng việc nương rẫy hơn tôi. Nàng Hơ–bia Dao, con của người giàu sang, tôi đây con của người nghèo khổ. Tôi còn nhỏ, chưa biết buộc ché rượu, không có của cải mà đền!

Y BƠ–LÔ – Chú đã đi hỏi một trăm con trai người Kinh, một nghìn con trai người Lào, và bao chàng trai xinh đẹp, hùng mạnh người Bih, người Mơ–nông, nhưng nàng Hơ–bia Dao cái mặt vẫn không ưng, cái lưng vẫn không ưa. Chú đã đến hỏi cả anh Đam Phu, mẹ nó hứa gả từ hồi còn nằm trong bụng mà nàng cũng không thích. Nếu cháu chưa biết ăn, có chúng ta đơm nớm, chưa biết đi,

chúng ta cõng dắt, chưa biết làm rẫy, đẽo cột nhà thì chúng ta sẽ dạy bảo. Nếu có lỡ tay làm bể chiêng bằng, chiêng núm thì cũng không việc gì đâu.

KHINH DÚ – Tôi đây là con út của mẹ cha, tôi không đi đâu hết.

Y BƠ–LÔ – Chuyện đó chúng ta đều biết, miễn là cháu cứ giữ vững chiếc còng này.

KHINH DÚ – Chú ơi! giờ thì cháu chịu giữ chiếc còng. Nhưng cháu còn nhỏ dại chưa biết làm rẫy, làm nương. Cháu chỉ sợ sau này cái thang nhỏ họ úp xuống, cái nhà lớn họ đóng cửa, có chuyện lớn, chuyện nhỏ, họ bắt cháu đền thì cháu không biết đâu mà đền.

Y BƠ–LÔ – Nếu Hơ–bia Dao không biết nấu cơm ngon, canh ngọt, không biết dệt thêu, hay làm việc gì không vừa lòng, thì sẽ có chúng ta dạy bảo. Đàn bò trong chuồng, đàn trâu ngoài bãi và bao người nô lệ trong nhà, cháu sẽ được đem về nhà mẹ cháu hết.

KHINH DÚ – Ơ bọn trẻ! Các anh đi lấy rượu cúng giàng cho chú ta, ngày mai chú ấy về rồi.

NÔ LỆ – Ông cho chúng tôi lấy ché rượu nào?

KHINH DÚ – Lấy rượu ché Túc ta chôn ngang, rượu ché Tang ta chôn dọc, rượu từ ngày xưa ông bà để lại cho ta đó.

HƠ MÁ – Ơ các chú! Mau lại đây uống rượu với chúng tôi, rượu chua, rượu chát và đầy mùi hôi thối như nước đái con rùa dưới đầm sâu. Mời các chú uống tạm!

Y BƠ LÔ – Chị em đừng nói vậy, chúng ta sẽ sống chung một làng, như đàn gà một chuồng, trâu bò cùng chung bãi cỏ. Nhà các chị cũng là nhà chúng tôi.

Y Bơ–lô, Y Bơ–linh, Y Bơ–lang và chàng Khinh Dú ngồi uống rượu phía trên; Hơ Má và nàng Hơ Lông ngồi phía dưới lo thay nước. Nước hết chậu này đem chậu khác. Họ uống từ lúc mặt trời mới mọc cho đến khi mặt trời lặn, ché rượu vẫn không nhạt dưới đáy.

Y BƠ–LÔ – Ơ các chị! Chúng ta uống rượu ché Túc không thể nhạt, uống rượu ché Ba chưa thể phai, uống mãi rượu vẫn còn ngọt lịm. Giờ đây, chúng ta trở về nơi đất tổ ngày xưa.

Các chàng Y Bơ–lô, Y Bơ–linh và Y Bơ–lang, tay cầm roi đồng, tay dắt ngựa ô, trông họ như những người anh hùng đã từng cầm đao mác ngoài chiến trường.

Về đến cổng làng, ba anh em Y Bơ–lô nhảy xuống và buộc ngựa. Thấy các chú về, nàng Hơ–bia Dao đã nấu cơm, làm thịt gà ấp gà đẻ xong từ lâu. Cơm do tay nàng nấu trắng như trái *ko–đu* bên bờ sông, thịt gà nướng chín để đãi các chú đã làm nên công chuyện.

HƠ–BIA DAO – Ơ các chú, vào nhà trong ăn cơm đi, kẻo cơm nguội mất!

Ba anh em Y Bơ–lô vào ăn cơm cùng Hơ–bia Dao. Mỗi lần ăn, Y Bơ–lô đưa tay chụp cơm lên bằng đầu con mèo, mỗi lần bốc bằng đầu con chồn, và mỗi lần há miệng thì đổ vào vừa hết đĩa cơm, một đùi gà vừa tròn miệng. Họ ăn cơm chưa dập miếng trầu mà cơm đã vơi nồi.

Y BƠ–LÔ – Ơ cháu Hơ–bia Dao! Cháu đi nấu cơm, làm canh và dệt vải thêu khố cho chồng đi! Cháu đi mang củi, gùi nước và lên nương rẫy cùng họ đi! Nghe nói Khinh Dú đã chịu cầm chiếc cồng ăn hỏi, nàng Hơ–bia Dao mới nở mặt nở mày, nói cười ríu rít như chim *po–lêu* thấy bông *ê–đắp* đỏ trên bãi cỏ xanh. Nàng vội vàng chạy vào buồng thay váy cũ cất trong *to–liêng*[1], lấy váy mới để trong gùi, phía bên trong váy có thêu hoa *đo–rông*, bên ngoài dệt hình con chim đang đùa cợt với hoa. Nàng lấy ra hết váy cũ đến váy mới, mặc váy này chưa đẹp nàng lấy váy khác, mặc váy này chưa vừa nàng lấy váy nọ, và sau cùng nàng mặc cái váy thêu hoa *ko–ú*, áo đen thêu hoa *ê–muê*, váy áo của ông Trời mới thả xuống cho nàng. Nàng mặc váy bằng bông lau đẹp hơn cô gái Mơ–nông, nàng bận váy màu hồng cỏ gianh xinh hơn cô gái Lào. Nàng có bộ tóc quăn trước trán và khi nàng hé miệng cười thì vui cả lòng những người chung quanh.

HƠ–BIA DAO – Ơ các trai làng này! Ơ bọn trẻ làng ta! Các anh trông xem ta ăn mặc thế này đã đẹp chưa?

NÔ LỆ – Đẹp lắm, bà ơi. Xinh lắm, năm nay không có ai bì kịp bà được.

Bên tay trái Hơ–bia Dao đeo chiếc cồng *po–rá*, bên tay phải đeo chiếc cồng *ko–soan*, tay đưa chân bước, nhịp nhàng phía đông, rộn ràng phía tây, trong tiếng reo vui của những chùm lục lạc.

---

1. Một vật dụng đựng váy áo.

Sắm sửa xong, nàng nhẹ chân nhảy lên bành voi. Phía dưới nơi nàng ngồi đã rải chiếu hoa *ko-tông*, tầng trên lợp chiếu đỏ. Gói trầu, gói thuốc đã để sẵn trên đầu chỗ nàng nằm. Đàn voi đi được một hơi hai quãng, đã bước lên một ngọn đồi cao. Họ gặp bọn trẻ giữ voi, coi trâu bò và ở đó có cả đàn vịt đầy ruộng, bầy ngỗng đầy ao. Nàng Hơ-bia Dao cất tiếng hỏi:

HƠ-BIA DAO – Ơ bọn trẻ làng này! Các anh có biết ai là người giữ bến nước này không?

Những người giữ voi, coi gà vịt ngỗng đều ngồi im như đàn gà trốn chim diều hâu.

HƠ-BIA DAO – Ơ Giàng, con cái nhà ai mà ta hỏi, họ không trả lời? Thôi, chúng ta đi nữa vậy!

Đàn voi chở nàng Hơ-bia Dao lại đi nữa. Đi một quãng hai quãng, thì vừa thấy cái lưng làng chàng Khinh Dú. Làng chiếm hẳn một đồi rừng hoa *ê-đắp*. Đến làng, buộc voi ngoài cổng, Hơ-bia Dao bước lên nhà, vào ngồi nơi người ta để cám lợn cơm gà, ngồi gần nơi để củi.

Thấy nàng Hơ-bia Dao lên nhà, Hơ-lông em gái út của Khinh Dú ra gọi chị.

HƠ-LÔNG – Ơ chị Hơ-má! Chị Hơ-bia Dao đã đến nhà ta rồi đó!

HƠ-MÁ – Đâu?

HƠ-LÔNG – Kia kìa, chị đang ở nhà ngoài đó.

HƠ-MÁ – Chị em mình ra đón đi!

Hơ-má và Hơ-lông ra nhà ngoài đón Hơ-bia Dao vào. Đi theo họ là một bầy nô lệ, kẻ đem nước rửa chân, kẻ mang khăn lau mặt, người đưa quạt, và xách cả trầu cả thuốc ra theo.

Từ đó, Hơ-bia Dao thành con dâu của nhà chàng Khinh Dú. Ngày ngày, nàng lo mang củi, cõng nước và dệt áo thêu khố cho chồng. Chàng Khinh Dú chỉ biết trời sáng đi lên rẫy, trời cao đi bẫy chim và cố làm ăn để nuôi mẹ nuôi vợ.

. . . . . .

Mô-lô Đơ-ru và Y Yung *sưu tầm*
Y Điếng *dịch*

DÂN TỘC MƯỜNG

ĐẺ ĐẤT ĐẺ NƯỚC

Mo của dân tộc Mường là một hình thức diễn xướng mang tính nghi lễ, chỉ khi có người chết và chỉ trong hoàn cảnh đó mới được Mo. Dân tộc Mường có hai loại Mo: *Mo tiêu* và *Mo ma.*

1/ Mo ma nhằm mục đích tiễn đưa người chết lên trời, thực ra, nội dung của mo là răn dạy, khuyên bảo người sống, kể lại lịch sử cộng đồng, kể và ca ngợi công lao của người đã chết. Mo ma còn được gọi là *Mo lên trời.*

2/ Mo tiêu cũng nhằm mục đích tiễn đưa người chết lên trời nhưng loại mo này chỉ giành cho những người chết từ 75 tuổi trở lên. Mo này mang tính chất nghi lễ trọng thể. Ngoài những nội dung thuộc về tín ngưỡng, nghi lễ. Mo tiêu kể lại sự hình thành của thế giới vật chất và thế giới tinh thần theo quan niệm của người xưa. Chính vì những yếu tố đó, ta gọi Mo tiêu là sử thi "Đẻ đất đẻ nước".

Chúng tôi xin trích một số đoạn trong loại Mo ma (Mo lên trời) và Mo tiêu (Đẻ đất đẻ nước).

MO LÊN TRỜI

Phần thứ nhất

KHI NGƯỜI TRẦN GIAN CHẾT

1. MỞ ĐẦU

Phải năm xung tháng hạn,
Dưới nước chết trăm con cá,
Trong rừng, trong khe chết trăm con moong[1].
Phải năm chết dang, chết nứa,
Dưới đất không yên,
Trên trời loạn lạc.
Phải năm sao thần Xếnh Mếnh không tỏ[2].

---

1. *Moong*: chỉ tất cả các loài thú trong rừng (muông).
2. *Xếnh Mếnh*: vì sao ứng với tính mệnh của con người.

Tạo Sáng chẳng yên[1],
Lính nhà trời không ổn,
Lang Khay đã chấm sổ chết[2],
Ông Ngài hết đời, dứt mệnh từ năm nay[3].
Các con trai còn đó,
Các con gái còn đây,
Không phải xác con thú mà ném ra đường ra xá,
Không phải xác con cá mà ném xuống suối xuống khe.
Xác con người phải có hòm mà đựng mà tra,
Để trong nhà phụng thờ hương khói,
Miếng trầu, bát nước, que tăm,
Chẳng no năm cũng nên đủ tháng,
Để trả nghĩa sinh thành, đền ơn nuôi nấng.

2. CUÔNG RƯỚC MO[4]

Rước mo đến sân đến nhà,
Để mo kể chuyện xưa tích cũ,
Cho người chết không buồn, không bực,
Cho người chết hết thương, hết cực.
Rằng: vua lang – vua kẻ chợ[5],
Nổi trống truyền ra,
Truyền cho chu chương mường nước:

---

1. *Tạo Sáng*: vị thần coi việc trần gian.
2. *Lang Khay*: vị thần trên mường trời coi về việc chấm số chết, còn gọi là lang Khay Hành Khiển (xem tiếp về vị thần này ở *Phần thứ ba*).
3. *Ông Ngài*: chỉ người chết hoặc hồn người chết.
   Tất cả những chữ in nghiêng trong tác phẩm này là do chúng tôi nhấn mạnh.
4. *Cuông*: từ này có nghĩa gần giống như *sự tích, tích chuyện* hoặc *chuyện kể*.
   Cuông rước mo: chuyện kể về việc mời ông mo.
   Mo: tức ông mo, một nhân vật quan trọng trong đời sống tinh thần của các dân tộc ít người ở vùng núi. Ông mo vừa là người đại biểu vừa là người phụ trách về mặt văn hóa, lễ nghi cùng các tập tục khác ở các bản mường. Và ở đây, trong đám tang, ông là người duy nhất đủ tư cách để làm lễ đưa hồn người chết đến cõi vĩnh hằng.
5. *Vua lang – vua kẻ chợ*: chỉ lang Cun Cần là ông vua đầu tiên của dân tộc Mường (xin xem thêm sử thi *Đẻ đất đẻ nước* trong *Tuyển tập truyện thơ Mường*, Nxb KHXH, 1986).

Bảo rắn già chết nốt,
Cho người già người lột.
Nhưng người già người lột,
Không đủ cửa đủ nhà mà ở,
Không đủ ruộng đủ nương mà cày,
Trâu phải gặm đất cằn,
Người phải uống sương thay nước,
Gà rừng phải uống nước bọng nứa bọng bương.
Ông cun, ông tạo tranh nhau cầm binh cầm mường[1],
Người mỗi ngày một nhiều thêm,
Ruộng nương chia nát ra như khuôn bún khuôn bánh,
Người đổ ra bến ra suối như đá như sỏi,
Ra đường phải tránh lối nghiêng vai,
Con nít tranh nhau chỗ chơi khăng chơi mắng[2],
Tranh nhau giò lợn đùi gà,
Ông già tranh nhau mâm cơm chén rượu.

Vua lang – vua kẻ chợ,
Lệnh truyền đi, nay đổi lại:
Bảo người già chết nốt,
Bảo rắn già rắn lột.
Để người đủ nhà mà ở,
Đủ ruộng đủ nương mà trồng,
Thì làm cun mới sang,
Làm lang mới giầu mới có[3],
Nhà kẻ khó mới ăn nên làm ra.
Rồi lệnh cho đi rao đi loa,
Ai rao giỏi được vào lĩnh thưởng.
Mẹ chào mào bay đi hô đi xướng,
Bố chào mào bay đi truyền đi rao,
Rao từ kẻ chợ rao vào,

---

1. *Ông cun*: người đứng đầu và cai quản cả một vùng mường cỡ nhỏ (dưới sự lãnh đạo của ông lang). Ông tạo: người đứng đầu và cai quản cả một vùng mường cỡ vừa (dưới sự lãnh đạo của ông lang).
2. *Chơi mắng*: một trò chơi của trẻ con, giống như chơi cù.
3. *Lang*: người đứng đầu và cai quản cả một vùng mường cỡ lớn và thường được gọi là thủ lĩnh, là vua của một dân tộc ít người, thống lĩnh cả các cun, các tạo.

Rao từ đất Lào rao sang[1],
Rao khắp mường trời,
Đủ mọi chu chương mường nước.
Nhưng con người vẫn sinh nhiều mãi ra,
Còn ruộng nương mỗi ngày mỗi kiệt,
Mà con người đã không ốm lại không chết.

Vua lang – vua kẻ chợ,
Lại đánh trống lệnh,
Đi truyền, rằng người phải chết.
Giao cho Viếng Cu Linh[2],
Phải bay vào cửa giữa làm ốm trăm con gái,
Phải bay vào cửa cái làm ốm trăm con trai[3].
Bay đi rao cho người phải chết,
Để cho cun được sang,
Để cho lang nên giàu nên có,
Kẻ khó từ dưới đất làm nên.
Rao từ kẻ chợ rao vào,
Rao từ đất Lào rao sang,
Rao khắp mường trời,
Đủ mọi chu chương mường nước.
Viếng Cu Linh quay mặt trở về,
Tâu cùng vua lang – vua kẻ chợ, rằng:
"– Không có người nào chết cả!"
Vua lang – vua kẻ chợ,
Nổi cơn giận đùng đùng,
Quẳng Viếng Cu Linh xuống đất,
Vất Viếng Cu Linh xuống ta[4],
Bắt lấy cứt lợn làm nhà,
Lấy cứt gà làm giường làm chiếu.

---

1. *Đất Lào*: chỉ vùng đất thuộc một bộ tộc của người Lào (gốc Thái) sống bên cạnh vùng đất người Mường (không phải nước Lào).
2. *Viếng Cu Linh*: chỉ con bọ hung (xin xem thêm sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, SĐD).
3. *Cửa giữa, cửa cái*: khi lên nhà người Mường đi hết cầu thang là vào cửa giữa, cửa cái và để ngăn các điều xấu, họ thường treo ở cửa này những cành gai, cành lá để canh giữ. Ở đây ý muốn nói: Viếng Cu Linh phải xông vào lối cửa này.
4. *Ta*: mặt đất.

Vua lang – vua kẻ chợ,
Lại truyền đi phán lại:
"– Có còn ai đi rao việc chết?"
Có Cư Rư Vo Nái[1],
Là họ nhà ma,
Ở ngoài bãi lớn,
Nhận lời đi rao.
Hắn đi vào nhà lang,
Không có mông để mặc quần,
Không có lưng để mặc áo,
Nhưng có đầu có tóc,
Hắn xin vua lang một cái mũ vọ.
Hắn cất tiếng rao, nhà lang chết trăm con gái,
Hắn cất tiếng hô, nhà lang chết trăm con trai.
Hắn rao từ chợ rao vào,
Rao từ Lào rao sang,
Rao khắp chốn mường trời,
Rao đến mọi chu chương mường nước.
Rao đến tận nhà bà Dạ Pẩy, rằng:
"– Nhà bà có bảy con gái, bảy con trai,
Phải chết một con cho vua lang – vua kẻ chợ".
Bà Dạ Pẩy nói:
"– Nhà ta có bảy con trai,
Xuống suối còn được bảy giỏ ốc, giỏ cá.
Có bảy con gái,
Vào rừng còn được bảy dón lá đâu xanh[2].
Con nào lành mẹ cũng mến,
Con nào hiếu mẹ cũng yêu,
Không để liều cho con chết được.
Mày rao mặc mày!
Mày ở mày đi cũng mặc!"
Cư Rư Vo Nái,
Lại rao đến nhà bà Dạ Răm, rằng:
"– Nhà bà có năm con trai, có năm con gái,
Phải chết một con cho vua lang – vua kẻ chợ".

---

1. *Cư Rư Vo Nái*: chỉ loài chim dữ thuộc loài cú vọ.
2. *Dón*: giống như cái giỏ, đan bằng tre, có dây đeo ngang lưng.

Bà Dạ Răm nói:
"– Nhà ta có năm con trai,
Xuống suối còn được năm giỏ ốc, giỏ cá.
Có năm con gái,
Vào rừng còn được năm dón lá dâu xanh.
Con nào lành mẹ cũng mến,
Con nào hiếu mẹ cũng yêu,
Không để liều cho con chết được.
Mày rao mặc mày!
Mày ở mày đi cũng mặc!"
Cư Rư Vo Nái,
Phải đến nhà bà Dạ Pa, rằng:
"– Nhà bà có ba con trai, ba con gái,
Phải chết một con cho vua lang – vua kẻ chợ".
Bà Dạ Pa nói:
"– Nhà ta có ba con trai,
Xuống suối còn được ba giỏ ốc, giỏ cá.
Có ba con gái,
Vào rừng còn được ba dón lá dâu xanh.
Con nào lành mẹ cũng mến,
Con nào hiếu mẹ cũng yêu,
Không để liều cho con chết được.
Mày rao mặc mày!
Mày ở mày đi cũng mặc!"
Cư Rư Vo Nái,
Phải rao đến nhà bà Dạ Mốt, rằng:
"– Nhà bà có một con trai, một con gái,
Phải chết một con cho vua lang – vua kẻ chợ".
Bà Dạ Mốt nói:
"– Nhà ta có một con trai,
Xuống suối còn được một giỏ ốc, giỏ cá.
Có một con gái,
Vào rừng còn được một dón lá dâu xanh.
Con nào lành mẹ cũng mến,
Con nào hiếu mẹ cũng yêu,
Không để liều cho con chết được.
Mày rao mặc mày!
Mày ở hay mày đi cũng mặc!"

Chim Cư Rư Vo Nái,
Phần phật bay lại,
Cất cánh bay đi.
Rao từ chợ rao vào,
Rao từ Lào rao sang,
Khắp mọi chốn mường trời,
Rao đến pưa bái móng[1],
Đến bóng cây si cây đa.
Đến nhà bà già Rấp đào củ,
Bà già Rủ đào dạng[2],
Đào hết năm hết tháng,
Thuổng đã mòn như răng con dế.
Cư Rư Vo Nái cất tiếng:
"– Bà còn sống làm gì?
Không ra mà thay xác đổi đời.
Đầu bà đã bạc hơn tro,
Răng đã cùn đến lợi,
Ăn cơm không nhá, ăn cá không nhai,
Ăn củ ráy không ngứa,
Ăn ốc vèn không chua không đắng[3],
Ăn cá rư, cá rắng không thấy xót xa[4],
Bà sống làm gì, không ra mà chết?
Để người làm cun cho sang,
Làm lang cho giầu cho có,
Cho kẻ khó ăn nên làm ra".
Bà nói rằng:
"– Mày về tâu với cun với lang,
Nhà ta đâu có giàu có sang,
Dù có đến với con trai hắn bắt đi hái,
Đến với con gái hắn bắt đi dâu,
Dù cái nón không lìa khỏi đầu,
Vai không lìa gùi lìa giỏ.

---

1. *Pưa bái móng*: đồi cỏ gianh đã bị đốt cháy.
2. *Già Rấp, già Rủ*: là những bà già nghèo, chuyên sống bằng nghề đào củ mài (xin xem thêm sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, SĐD).
3. *Ốc vèn*: loại ốc nhỏ sống bám vào các khe đá, ít có người ăn.
4. *Cá rư, cá rắng*: loại cá nhỏ, giống như cá đồng đong cân cấn.

Dù con dâu có chửi có rủa,
Dù phải ăn trứng thối trứng ung,
Ăn con chim con mới nở,
Con thú chết trong rừng,
Con vịt nhỏ chết trong ổ ấp,
Ăn cái rau con lợn, con bò,
Ăn ruột con rùa đen, rùa vàng,
Thì ta cũng không muốn chết".
Chàng Cạn Khuông Mênh,
Con út nhà lang Vàng Rậm[1],
Vốn là đứa bố nói chẳng nghe,
Mẹ bảo không lắng.
Nhà kiêng củi sung, nó đun củi sung,
Nhà kiêng củi vối, nó đun củi vối[2],
Nhà kiêng ỉa vóng lại, nó ỉa vóng lại,
Nhà kiêng đái vóng tông, nó đái vóng tông[3],
Nhà kiêng buộc trâu bò ở cột cửa cái, nó đem trâu bò ra buộc cửa cái.
Nó ngó xuống mường dương gian,
Thấy con người có nhà sang,
Treo riu ở đầu con cá,
Treo liềm ở má con moong[4].
Thấy một bụi song có hai ba con trũi[5],
Thấy một lỗ có mấy con sên.
Thấy trần gian không phải ăn cơm muối trắng,
Chẳng có ai khát ai thèm.
Chàng Cạn Khuông Mênh,

---

1. *Lang Vàng Rậm*: một vị thần chuyên giữ thuyền, giữ đò trên mường trời (xem tiếp về vị thần này ở *Phần thứ ba* và xem thêm sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, SĐD).
2. *Củi sung, củi vối*: củi cây gỗ sung, củi cây gỗ vối là thứ cây có nhựa đun khó cháy, nhiều khói.
3. *Vóng lại*: chỉ cửa sổ nơi gần bàn thờ tổ tiên.
   Vóng tông: chỉ cửa sổ nơi ngồi tiếp khách.
4. *Đầu con cá, má con moong*: chỉ các họa tiết được trạm trổ trên kèo, cột để trang trí.
5. *Con trũi*: giống con chuột, nhưng có lông màu vàng hoặc xám.

Đầu hôm nhìn theo mặt sao,
Sớm mai nhìn theo mặt sáng[1].
Rạng đông xuống đến mường dương gian,
Thấy con nhà người giã lá vát để thuốc cá[2],
Hắn không giã lá vát thuốc cá.
Con nhà người đâm lá vát để thả xuống sông,
Hắn không đâm lá vát thả xuống sông.
Hắn lại trèo lên cây cáo, cây vông hắn ngó,
Thấy cá rầm đâm bổ, cá nổ đâm trôi[3],
Hắn tranh rổ của con nít hắn đơm,
Tranh nơm của ông già hắn úp.
Con nít chửi lao xao,
Ông già kêu nháo nhác.
Vọng lên trời cao xa:
"– Bố mày là lang Vàng Rậm
Mẹ mày là nàng Sấm Trời,
Sao mày xuống tranh rổ, tranh nơm với mường dương gian?"

Hắn ở dương gian lâu đêm lâu ngày,
Hắn đi đến bái vàng, đến trang bái móng,
Đến bóng cây si cây đa,
Ngửi được mùi thơm ngon ở nhà bà già Rấp
Chàng Cạn Khuông Mênh bước vào nói rằng:
"– Nhà bà có trâu, sao không đuổi trâu ăn lúa,
Có bò, sao không đuổi bò ăn dâu?"
Bà già Rấp bảo:
"– Nhà ta không có trâu ăn lúa,
Chẳng có bò ăn dâu!"
"– Không có bà cũng phải ra mà đuổi!"
Cạn Khuông Mênh ở nhà một mình,
Thứ nào nghe thơm hắn đơm một miếng,
Thứ nào nghe ngon hắn cắn một khoanh.
Bà già Rấp quay về nhìn thấy:

---

1. *Mặt sáng*: mặt trời.
2. *Lá vát*: loại lá có chất nhựa say dùng để thuốc cá ở sông ở suối.
3. *Cá rầm*: cá ở chỗ nước sâu; cá nổ: cá ở chỗ cửa bờ ngăn, cửa bờ đập. Đâm bổ, đâm trôi: chỉ cá bị say.

"– Mày là con nhà tốt, họ nhà trời,
Mà ăn đồ uế tạp, đồ thối đồ ung,
Mày phải chết truyền đời cho mường dương gian!"
Chàng Cạn Khuông Mênh,
Trước hắn nói không có,
Sau hắn chối không ăn.
Hắn lớn tiếng với bà:
"– Nhà có chó sao bà không treo,
Có mèo sao bà không đậy?"
Bà già Rấp nói:
"– Nhà tao không có chó, chẳng có mèo,
Chỉ có mày hay trèo hay lục".
Cạn Khuông Mênh giận dữ đi về mường trời,
Đầu hôm đi theo hướng sao,
Tảng sáng đi theo mặt trời.
Sáng ra đến nhà bà Hay Hít Hay Ngửi[1],
Bà ngửi từ đầu ngón chân đến đầu ngón tay,
Ngửi ngay vào lỗ miệng:
"– Mày là con nhà lang, họ nhà sang,
Sao xuống dương gian,
Lại ăn đồ uế tạp, trứng ung trứng thối,
Mày phải chết truyền đời cho mường dương gian!"
Cạn Khuông Mênh chối không có, nói không ăn,
Còn lớn tiếng to lời với bà Hay Ngửi
Bà phải nói:
"– Mày muốn về được mường trời,
Phải xuống sân nhảy qua con bò bảy, bò ba,
Lên nhà nhảy qua đầu ba trăm bó lúa,
Đuổi được con chó ngoài đồng,
Đuổi được con công ngoài bái,
Thì ta mới cho về mường trời!"
Cạn Khuông Mênh,
Không nhảy qua được bò bảy, bò ba,

---

1. *Bà Hay Hít Hay Ngửi*: vị thần trên mường trời có trách nhiệm kiểm tra tất cả các hồn từ dương gian lên, nếu ngửi mồm có mùi uế tạp, tức là hồn người sống thì ngăn lại; nếu thơm cả lưng, cả bụng, cả miệng mới đúng là hồn người chết thì cho đi tiếp (xem tiếp về vị thần này ở *Phần thứ ba*).

Không nhảy qua được đầu bó lúa,
Không đuổi được chó, được công,
Nên không được về mường trời.
Lang Vàng Rậm thương con càng nghĩ càng đau
Chuột cắn vào tay ai mà chẳng xót,
Con là máu là ruột ai mà không thương,
Nên sắm hòm đồng cho chàng Khuông Mênh,
Đưa về bến Đông, đưa về kẻ chợ.
Con nít đi qua, ông già đi lại,
Ai cũng khen cái hòm của Cạn Khuông Mênh.
Chàng lại nói rằng:
"– Hòm ấy là hòm đồng,
Của con trai lang Cun Cần đi chài đi lưới,
Của con gái lang Cun Cần đi rẫy, đi dâu".
Nhưng chàng Khuông Mênh đã mặc chín quần, chín đai,
chín quai, chín áo,
Lấy lụa tím quấn ngang lưng,
Lấy lụa xanh kê hai bên,
Lấy lụa đỏ lụa vàng kê bên trên bên dưới.
Nằm trong hòm vừa chằn chặn,
Đậy nắp vào vừa vặn,
Gắn liền dưới liền trên.
Cạn Khuông Mênh,
Đạp bao nhiêu cũng không rung, không chuyển.
Mắt mỗi ngày một tối,
Đầu gối đã mỏi đã long,
Miệng đã câm đã ngọng,
Hắn đã biến nên ma,
Mà còn nói một lời rằng:
"– Từ nay, ai cũng phải chết,
Phải giết lợn để làm ma,
Giết gà để làm chay cho Cạn Khuông Mênh!"
Mường đi rước ông mo,
Phải ông mo mù, mo đui, mo câm, mo ngọng.
Xuống nước không biết chỗ sâu,
Đưa ma không biết làm phép.
Lội nước không biết lặn, biết bơi,
Đem ma đi không biết đem lại.
Đường đi không biết làm vòng lốt, vòng pái,

Đường lại không biết làm vòng lốt, vòng lau[1],
Không biết làm cho bên ma ăn yên ở đẹp,
Cho bên nhà ăn ngon ở lành.
Nên *dây chết* Cạn Khuông Mênh chưa về nhà,
Dây thần, dây ma chưa về cửa về làng[2].

Lang Cun Cần đang ở trong nhà,
Đang bàn công tính việc.
Kén mười ngày tốt, chọn một ngày lành,
Ra gội đầu ngoài bến,
Ra chải chấy ngoài sông.
Khi quay trở về,
Nghe ốm cà dâu, nghe đau cà dặt[3].
Nên con trai phải vội vội lo công,
Con gái phải vội vội tính việc:
Nướng lợn để chăm lang nhiều như đàn chim đa đa,
Nướng gà nhiều như đàn chim cu chim sáo,
Cơm rượu nhiều như vùng củ nâu.
Ruột lợn vứt đầy ruộng,
Ruột gà quẳng đầy sông,
Con quạ no ăn,
Ông mo cũng no tiền no vải.
Mà lang Cun Cần,
Mắt mỗi ngày mỗi tối,
Miệng thì nên câm nên ngọng.
Nên con gái phải vội vội lo công,
Con trai phải vội vội tính việc:
Vác rìu ra đi hăng hăng,
Chặt cây bi cà nhăm,

---

1. *Vòng lốt, vòng lau*: vòng làm bằng lá lau, lá pái dùng để ngăn hồn người chết không được đi vào nhà trong, sang hàng xóm để tránh gây ra điều xấu cho người sống.
2. *Dây chết, dây thần, dây ma*: chỉ linh hồn người chết. Cả đoạn trên nói về vai trò quan trọng của ông mo Mường: nếu là ông mo vụng thì không dẫn được hồn người chết lên mường trời, không xin được vua Trời và lang Bụt cho hồn đôi cánh để hồn lìa khỏi xác, không đưa được hồn trở lại dương gian để về với mường ma là nơi vĩnh hằng.
3. *Cà dâu, cà dặt*: ốm đau liên miên hết ngày này sang ngày khác.

Băm cây bi cà nhẻ[1].
Cây đổ xuống pưa[2],
Lấy cưa mà cắt,
Khéo tay thì đục lòng,
Thợ hay thì khoét mạch.
Cắt nên đôi máng đực để đặt lên trên,
Cắt nên đôi máng cái để đặt bên dưới.
Con nít thì đi chặt đòn,
Ông già chẻ tre non làm lạt,
Khiêng về sân về nhà,
Mới bào cho nhẵn trong, bóng ngoài,
Mới nên cỗ quan tài cỡ bốn cỡ ba.
Khiêng qua sân lên nhà,
Đựng xác chết *Ông Ngài*.
Con gái vào vườn hái lá bưởi bung,
Bắc nồi đồng nấu nước,
Tắm cho *Ông Ngài* sạch thân, sạch mình,
Gội đầu chải chấy.
Lấy lụa trắng trải ra, lụa là trải lên,
Vải xô đắp hai bên,
Lụa đỏ lụa vàng đắp trên đắp dưới.
Chiếu tốt chiếu đẹp trải ra,
Chọn giờ tốt, giờ sang, giờ lành,
Con trai đánh ba hồi trống hiệu,
Kiệu vào cái săng lớn, săng bi[3].
Có áo trong áo ngoài,
Áo quan tài đắp trên phủ dưới.
Không phải xác con moong mà vứt ra đường ra xá,
Không phải xác con cá mà ném ra suối ra khe,
Xác con người phải có hòm mà đựng.
Để có cây hương làn khói, bát nước, que tăm,
Không đủ năm cũng đủ tháng,
Để xứng đáng công nuôi con từ ngày còn nhỏ.
Công bố con xem bằng bể,

---

1. *Cà nhăm, cà nhẻ*: động tác chặt cây nhanh nhẹn.
2. *Pưa*: bãi bằng.
3. *Săng*: hòm, quan tài.

Công mẹ con xem bằng trời,
Giờ phải đền ơn trả nghĩa.
Phải ra đi rước,
Đàng trong, rước ông tùa làng[1],
Đàng xa, rước được ông mo mường,
Về thờ cơm cúng cá.
Bảo cho *Ông Ngài* đường ăn cơm ăn canh,
Mo nói chuyện xanh vanh xẻ vẻ[2],
Chuyện đẻ mo, chuyện cái chết cái già,
Chuyện cái săng, liếp nứa,
Cho phải với bên người, bên ma.
Nói chuyện cái bát cái đọi,
Cho *Ông Ngài* ăn cơm ăn canh,
Nói be sành cho *Ông Ngài* uống rượu.
Nói quần nói áo,
Cho *Ông Ngài* có mà mặc mà mang.
Nói chuyện cây gỗ lớn,
Cho *Ông Ngài* nằm yên ngủ ấm.

Ngày còn trẻ, còn khỏe, còn lành,
Ăn cơm ngồi gian trong,
Uống nước ngồi gian ngoài,
Còn đi làm nương làm ruộng,
Ra đường gặp ông mo mường,
Ông mo đâu có gọi đến tên,
Đâu có kêu đến họ.
Nay đã chết,
Ông mo đến tận sân tận nhà,
Kêu đến tên bố mẹ đặt ra,
Gọi đến họ ông họ cha,
Để biết đường ăn cơm, ăn cá.
Không bực, không sầu, không thương,
Ông Ngài đang nằm trong cỗ hòm lớn,
Giờ mo mường gọi thì phải dậy.
Đừng nằm sấp mà đau phía bụng,

---

1. *Ông tùa*: người chuyên làm việc khâm liệm thi hài và thắp cây đèn thờ trong các đám tang, do dân cử.
2. *Xanh vanh xẻ vẻ*: chuyện rất dài, rất nhiều.

Chớ nằm ngửa mà đau đàng lưng,
Nằm nghiêng đau bên lườn,
Đau cả xương chân xương tay,
Đêm nay mo mường gọi thì phải dậy,
Lấy khăn vàng lau trên,
Lấy khăn đen lau dưới,
Lau thân lau mình cho bớt hơi, bớt mùi.
Bây giờ đã nên ma,
Miệng có gang, hàm có thép,
Ép cái săng nên săng,
Chân đạp máng trên,
Tay nâng máng dưới,
Hồn bước ra nhè nhẹ,
Đi như bông như hoa,
Đừng vào đàng trong, không lành cho nhà,
Chớ ra đàng ngoài, không yên cho họ.
Phải ngồi tựa bóng đèn,
Ngồi xen bóng chiếu,
Tựa gối bông gối hoa,
Ngồi chiếu hoa trải kín,
Ngồi phía dưới khói hương[1],
Mà lắng lời thương,
Ông mo mường kể chuyện đẻ mo.

3. CUỘNG ĐẺ MO

Kể chuyện đẻ ra mo mường,
Chuyện trai bố, gái mẹ:
Trai bố ngày sẽ nên con diều hâu lớn,
Gái mẹ ngày sẽ nên con diều hâu to,
Thấp thoáng bay lượn trên tận mây xanh.
Trai bố ngày còn thơ,
Sắm cái ná danh danh[2],

---

1. Đoạn này nhắc lại ý đã chú ở trên, người chết thì hồn chỉ được quanh quẩn bên xác, không được vào nhà trong, không được sang hàng xóm, gây ra những chuyện chẳng lành cho người sống và tất cả phải theo sự chỉ dẫn của ông mo.
2. *Danh danh*: một loại cây giống cây sậy, trẻ con thường dùng làm cung làm ná để đùa nghịch.

Bắn chuồn chuồn quanh vườn quanh ngõ.
Gái mẹ ngày còn nhỏ,
Còn xúc đất vào cái mo cau,
Đua nhau nuôi vịt vào cái bẹ mèo[1],
Còn chơi dệt chơi thêu trên tàu lá chuối.
Bây giờ trai bố mo mường đã lớn,
Sắm cái ná bằng gỗ tốt gỗ bền,
Đầu ná bằng gỗ mun, gỗ én[2],
Dây ná bằng dây gai, dây gắm,
Tên ná bằng bương xông khói.
Trời mưa cũng như trời nắng,
Têm trầu đầy túi vàng,
Bổ cau đầy túi gấm,
Phải chấm ngày tốt, kén ngày lành,
Chọn giờ đàn anh, ăn trên ngồi trước.
Bước chân dậy, vấy chân đi,
Đi nấp, đi rình, đi săn, đi bắn.
Đi vào rừng một mình,
Trèo rừng ngang dốc đứng,
leo lên đồi cao chon von,
Lạc đến rừng dâu non,
Thấy gái mẹ mo mường hái dâu,
Đầu đội nón mô, người mang áo trắng[3],
Sực nhớ sực thương đến tiếng sáo ôi.
Gái mẹ mo mường,
Tay đeo đôi vòng ngắn vòng ngà,
Có eo lưng như hoa xành cạnh[4],
Lông mày xanh cong như trăng đầu tháng,
Đôi mắt rạng như gương,
Hỏi không mến không thương sao được?
Trai bố mo mường lựa lời để hỏi:
"– Em đi hái dâu buổi sáng hay buổi trưa,

---

1. *Bẹ mèo*: còn gọi là "bẹ mèn", tức cái bẹ bọc buồng hoa cau khi còn non, chưa nở.
2. *Gỗ mun, gỗ én*: loại gỗ tốt, gỗ quý có màu sắc đen nhánh.
3. *Mô*: cũng là nón.
4. *Xành cạnh*: loại hoa đẹp, hình dáng thon thả, màu sắc tươi mát.

Có thấy con chim dù dìa[1],
Đã dính tên anh bắn?"
"– Tôi không đi sớm cũng chẳng đi trưa,
Đi lúc dâu vừa ráo lá,
Chẳng thấy chim dù dìa dính tên bay đến".
Trai bố mo mường lại hỏi:
"– Em đi hái dâu buổi sáng hay buổi trưa,
Có trầu héo cau thừa, cho anh xin một miếng?"
Gái mẹ mo mường nói:
"– Muốn ăn trầu phải vào làng,
Muốn ăn nang phải vào chợ[2],
Muốn nói chuyện phải vào bóng mát!"
Trai bố mo mường,
Nghe lòng sung sướng lâng lâng,
Để ná vào gốc cây ban,
Để ống tên vào gốc cây nằng[3],
Vén quần trắng, áo đào,
Nhảy qua hàng rào dâu mà tới.
Gái mẹ mo mường,
Mắng cũng chẳng nên mắng,
Cười cũng không nên cười,
Vờ đưa tay để kéo,
Cùng vào nơi bóng râm bóng mát.
Lời to tiếng nhỏ thì thầm,
Nói lời yêu, lời thăm.
Trai bố mo mường ướm hỏi:
"– Nương dâu nhà em có người nhận chỗ hay chưa?
Vườn dâu nhà em có người cắm nêu nhận lối?"
Gái mẹ mo mường nhè nhẹ:
"– Nương dâu nhà em chưa có ai nhận chỗ,
Vườn dâu nhà em chưa có người cắm nêu,
Nên nương dâu còn rộng,
Lồng lộng như gộp con ba ba,
Nương bông nhà em vẫn còn rộng,

---

1. *Dù dìa*: chim có đuôi hình cánh én, giống như cánh tên ná.
2. *Nang*: cau.
3. *Nằng*: cây sa nhân.

Lồng lộng như vai con trâu mộng.
Em chẳng dấu cái xấu của mình khi đi làm dâu làm vợ,
Em không dấu điều này tiếng nọ khi đem rể về nhà,
Em chẳng muốn lúc nào,
Cũng ăn nhờ cơm cha, mặc nhờ áo mẹ".
Truyện trò hết lẽ,
Điều phải điều hay,
Khi nhìn lên mặt trời vừa khuất núi.
Gái mẹ mo mường bèn nói:
"– Em phải về chăn con lợn con gà,
Anh phải về hỏi cha hỏi mẹ!"
Trai bố mo mường bước cao bước lẹ,
Gái mẹ mo mường lại vội kéo tay:
"– Anh về phải đi mượn ông mối,
Đi nhờ bằng được ông mơ!"
Nghe lời nói như ru,
Bố mo mường vội xắn quần trắng áo đào,
Nhảy qua hàng rào dâu nhè nhẹ.
Lấy ná ở gốc cây ban,
Nhặt ống tên ở gốc cây nằng.
Bố mo mường theo lối tắt,
Bố mo mường đi đường ngang,
Vượt rừng xanh vất vả,
Trèo đồi núi khó khăn,
Mới đến sân đến nhà.
Đầu hôm hỏi bố ở gian ngoài,
Gà gáy hỏi mẹ ở gian trong, rằng:
"– Bố có mắng trâu mường trong ăn lúa hay không?
Mẹ có mắng bò mường trong ăn dâu hay không?
Chú có trộm nơm, trộm đó mường trong hay không?"
Bố nói:
"– Không mắng trâu mường trong ăn lúa!"
Mẹ nói:
"– Không mắng bò mường trong ăn dâu,
Chú cũng không trộm nơm, trộm đó!"
Trai bố mo mường thưa:
"– Thấy gái mường ấy ăn đẹp ở nên,
Ta sắm đồ đến nhà có nên chăng bố mẹ?"
Bố mẹ nói rằng:

"– Thấy con gái nhà người cũng muốn hỏi muốn xin,
Nhưng chưa có gà có lợn dưới sân,
Chưa có trầu trên giàn,
Chưa có cau non trước cửa".
Bố mẹ còn đi hỏi nhà ông đàng dưới,
Hỏi nhà dì đàng trên,
Đi hỏi người già, người quen trong họ.
Họ bảo rằng:
"– Muốn đi thăm đàng chơi sá,
Nói chuyện vợ chuyện chồng,
Phải sắm gói trầu, buồng cau cho đủ!"
Bố cùng mẹ,
Ngày một đi phát nương,
Ngày hai đi phát rẫy,
Trời nắng thì đốt,
Ngày tốt thì tra[1].
Ngày trước đi lấy giống trầu,
Ngày sau đi lấy giống cau,
Đem về nhà ươm thử.
Ngày một trầu ra lá hẹp,
Ngày đẹp trầu ra lá to,
Trồng cau, cau càng mau ra quả.
Đi mượn chị mơ đẹp mơ lành,
Mơ chín quần, chín đai, chín quai, chín áo,
Đầu ngật nghẽu chín khăn[2],
Thật là mơ ăn nên đọi, nói nên lời.
Rước mơ đến sân, mời mơ lên nhà chơi,
Mượn cả đàn em gái khéo khéo,
Trông như hoa mận hoa ban,
Miệng tươi miếng trầu miếng nang,
Vừa đi đường vừa *xường, đang* vui vẻ[3].
Họ mới kéo đến sân đến nhà,

---

1. *Tra*: gieo hạt giống.
2. Từ đoạn này trở xuống, ý nói: muốn kén mối tốt mối sang, nhưng không ngờ kén toàn mối đỏm dáng bề ngoài đến mức kệch cỡm, khó chịu, nên rốt cuộc tổn phí và hỏng việc.
3. *Xường và đang*: chỉ hai thể loại dân ca của người Mường.

Bố cùng mẹ đã vội,
Xuống sân bắt mái gà vàng,
Lên sàn làm mâm cơm mâm rượu.
Cơm đã no, rượu đã say,
Bố nói:
"– Thương nồng, thương lắm, mơ ơi!
Đứa cả nay đã lớn,
Muốn lấy người gái mường trong,
Chẳng biết con nhà người có lòng yêu lòng nhớ?"
Mơ nói rằng:
"– Không lo chi điều ấy."
Lúc đó, no cơm mơ mới liệu,
Say rượu mơ mới đi,
Xuống nhà nghe con gà tác[1],
Ra ngõ thấy con ác la[2],
Xuống nước gặp con cá bơi ngang,
Lên rừng nghe con hoẵng kêu lại!
Điềm này không phải lộc làm mơ,
Phải mang quà trở lại.
Rồi mời mơ tám khăn bảy khăn,
Mời mơ bốn áo, bốn đai,
Mời mơ sáu khăn, năm khăn,
Rước mơ ba quai, ba quần,
Rước mơ hai khăn, nhưng đều làm không nên mối.

Đã được ăn được ở mường trong,
Lâu đêm lâu ngày.
Bố mo mường,
Đi mượn mơ đẹp mơ lành,
Mơ một quần, một đai, một quai, một áo[3],
Đầu mơ đội một khăn,
Thật là mơ ăn nên đọi, mơ nói nên lời.
Mượn cả đàn em gái khéo khéo,
Mặt tươi như hoa mận hoa trà.

---

1. *Tác*: kêu. Gà tác là gà kêu.
2. *Ác*: con quạ.
3. Từ đoạn này trở xuống, ý nói: đã tìm được mối bề ngoài tuy giản dị, nhưng lại là mối giỏi, nên đã cưới được vợ.

Họ cùng kéo đến sân đến nhà,
Lên đồi cắt lá dong gốc,
Xuống dốc cắt lá chuối xanh,
Đem về đùm bột làm bánh.
Đùm bánh u dẻo dẻo,
Gói bánh trăng ngon ngon,
Làm bánh dì, bánh khẳng,
Bánh mật, bánh mơ[1],
Loại bánh dưới chợ, loại bánh trên mường,
Gói trầu, buồng cau, vò rượu,
Đem lên cửa lên nhà,
Mơ làm quà hỏi vợ.
Mơ bước xuống sân con gà không cục tác,
Ra cổng con ác không la,
Xuống nước chẳng thấy cá bơi ngang,
Trên ngàn không có tiếng kêu của hoẵng,
Thật là cái lộc làm mơ,
Nên điềm báo không còn phải mang quà trở lại.

Vượt dốc vất vả,
Trèo đèo khó khăn,
Vào đến sân đến nhà,
Nghe rặc rặc chó sủa,
Nghe ua ủa chó cắn,
Thấy chó lắng sắng, chạy lại chạy qua,
Đứa em chạy ra,
Đứa chị vội nhìn vội ngó:
"– Có khách đến nhà ta, bố ơi!"
Ông bố bảo:
"– Con em ra sân mở cổng,
Con chị lấy nước rửa chân,
Còn bà phải đi ra coi chó,
Cầm lấy cành củi dang,
Đuổi nó vào một nơi, lùa nó vào một xó.
Đưa khách lên sân lên nhà,
Trải chiếu lành, chiếu hoa,
Chớ để phải ngồi xuống sàn, xuống đất,

---

1. Theo tục lệ của người Mường, khi đi hỏi vợ thường phải làm các loại bánh này.

Mà thương mình, nể khách.
Khách chồng, chứ đâu phải khách vợ[1],
Phải sao cho đẹp dạ đẹp lòng.
Ra hái tấm trầu không,
Trèo bẻ buồng cau non trước ngõ,
Đem lên bày ra đĩa,
Cho thêm đẹp thêm sang.
Rồi ra bắt mái gà vàng,
Ngâm đầy ang gạo nếp
Thết ông mơ mâm cơm chén rượu".
Ăn uống xong, ông mơ mới nói:
"– Thương nhiều, bác ơi!
Thương lắm, bác à!
Mường tôi nhiều trai lớn gái cả,
Trai chưa có vợ, gái chưa có chồng,
Bác có lòng yêu, lòng thương đến chăng?"
Ông trong nhà thưa rằng:
"– Con nhà ta còn nhỏ còn thơ,
Còn sẩy đất vào cái mo cau,
Còn dệt vải bằng tàu lá chuối.
Xuống dưới nước chưa biết bơi,
Lên nhà chưa hay dùng quần dùng áo.
Dệt vải chưa biết sửa tầm vông[2],
Về nhà chồng chưa biết chiều cha kính mẹ."
Ông mơ lại nói:
"– Chẳng lo chi điều ấy,
Chồng trẻ thì đi chăn trâu,
Dâu trẻ thì đi chăn vịt.
Hết năm nay, sang năm sau,
Đến ngày làm cơm đã nên cơm,
Trồng lúa đã nên lúa,
Khi ấy bên mộng[3],
Thấy nên thì được, thấy đẹp thì cho".
Ông trong nhà nói:

---

1. Ý nói: đây là nhà gái tiếp nhà trai nên phải lo cho chu đáo.
2. *Tầm vông*: một bộ phận trong khung cửi dệt vải.
3. *Mộng*: nhà dâu gia, nhà thông gia.

"– Rằng thương thì đã nên thương,
Rằng cho thì sẽ cho,
Đừng có lo chi điều ấy.
Không ngày chín thì ngày mười,
Không để lỡ đâu trong hai ngày đó!"
Mộng trai mở lời nói khó:
"– Xin được biết mấy trâu mấy xanh,
Để chọn ngày tốt ngày lành đem đến?"
Mộng gái nói:
"– Của con gái, của hoa mận hoa mơ,
Đòi nhiều mà được ít".
Con em ra đòi khiêng cá nướng,
Con chị ra đòi cỗ xôi gà.
Bà dâu gia bây giờ mới nói:
"– Đòi xanh bốn để ở nhà,
Đòi xanh ba để nộp cho tạo.
Đòi quần đòi áo để bà đi chơi,
Đòi tiền công bà trải chiếu,
Thiếu một đồng không tha.
Đòi ba đôi gà,
Đòi khiêng cơm mở cổng,
Đòi dao có cán bọc bạc mở đường,
Đòi trâu cương trán xoáy,
Cái sừng kềnh càng,
Đòi nồi tư để nấu nước ấm,
Đòi tấm lụa hồi công,
Để trả ơn cha ơn mẹ."
Ông mơ quay trở về,
Sắm bốn mươi thứ đã đủ,
Sắm ba mươi thứ đã xong.
Mượn bốn mươi ông già,
Nhờ ba mươi trai trẻ,
Mười lăm đứa gái non tơ.
Dưới sân giết con lợn cả,
Trên nhà đặt vò rượu cần,
Ăn uống no say,
Chọn giờ tốt giờ lành,
Đặt mâm thờ ông bà ông vải,
Để phù hộ cho con cháu ra đi hỏi vợ,
Người ra đi nhiều gánh nhiều khiêng.

Trèo dốc vất vả,
Leo đồi khó khăn.
Rẽ vào ngõ nhà mộng,
Thấy con nít cầm quả sung quả vả,
Người lớn cầm củ ráy củ khoai,
Kẻ ném đi, người ném lại,
Ném vào cẳng, quẳng vào tay,
Ném vào đầu vào lưng,
Nhìn đâu cũng thấy vả, thấy sung, thấy khoai, thấy ráy[1].
Ông mơ dơ tay nói:
"– Chết sống ta cũng phải vào,
Đừng ném lắm mà mõm trâu sẽ đứt,
Đừng ném nhiều mà làm lệch quai xanh,
Van van các cậu ơi!"
Ông mơ đưa đồ lễ vào,
Khách bước lên nhà lên cửa.
Nhà đã trải chiếu mới chiếu lành,
Có cau non lòng đào,
Có lá trầu mỡ trầu cay,
Đã bày ra đĩa,
Nhưng vẫn chưa thỏa dạ thỏa lòng.
Ông trong nhà nói:
"– Dưới sân giết con lợn cả lợn to,
Trên nhà đặt vò rượu cần".
Ông bước lên chiếu rộng giường rồng,
Khấn vái ông bà ông vải,
Và mời hai họ ăn uống no say.
Đúng giờ tốt giờ lành,
Ông mơ thưa rằng:
"– Giờ mộng đã cho dâu cho con,
Được về nên chồng nên vợ.
Con nít mặc áo hoa áo mới,
Ông bà già mặc áo lụa áo xanh
Con trai con gái ăn tốt mặc lành,

---

1. Người Mường có tục ném quả sung, quả vả, củ ráy vào người nhà họ trai đến xin dâu, càng ném nhiều, đông người tham gia càng vui và xem đây là biểu hiện hạnh phúc dài lâu của lứa đôi.

Để đưa dâu về nhà trai,
Đưa gái về nhà chồng[II].
Bốn mươi ông già,
Ba mươi trai trẻ,
Mười lăm em gái,
Chân bước ra, tay lạy, miệng chào,
Lên nơi chiếu rộng giường rồng,
Lễ bàn thờ ông bà ông vải,
Để đi cho đến nơi, về cho đến chốn.

Đã được ăn được ở,
Lâu đêm lâu ngày.
Đã ăn chung bát chung đọi,
Nói điều nếp điều tẻ,
Đắp chung chăn, nằm chung chiếu,
Mẹ mo mường đã dễ ăn dễ ở.
Một tháng thèm ăn bông san[1],
Hai tháng thèm ăn quả cà,
Ba tháng thèm ăn quả lộn[2],
Bốn tháng thèm ăn rau dấp, rau răm,
Năm tháng thèm măng mu măng chậu[3],
Sáu tháng thèm măng dang măng trảy,
Bảy tháng thèm quả bùi quả trám,
Tám tháng thèm rau bầu rau bí,
Chín tháng thèm ốc thèm môn,
Phải đi xuống vũng tìm ốc, cắt môn,
Khi về nghe đau đau trong bụng.
Bưng bát nước đi ra,
Nghe oa oa tiếng khóc,
Đẻ giờ rạng sáng, đẻ giờ rạng đông.
Đem đặt vào nong lớn,
Bà già trong họ trong làng,
Sảy về phương tây,
Để đi làm thầy làm thợ,
Nhưng không nên thầy nên thợ.

---

1. *Bông san*: cây sam.
2. *Quả lộn*: một thứ quả rừng có vị chua và chát.
3. *Măng chậu*: một thứ măng củ loại to, giống măng mu.

Sảy về phương đông,
Để đi làm ông làm bà,
Nhưng không nên ông nên bà.
Sảy về phương bắc,
Để làm giặc làm giã,
Nhưng không nên giặc nên giã.
Sảy về phương nam,
Không đi làm quan làm nha,
Mà lại ra làm ông mo mường[1].
Được điềm tốt ngày lành,
Trên đồi, con moong sinh moong đẻ,
Nó đem con về rừng.
Dưới nước, con cá đẻ cá sinh,
Đem con về sông về hón.
Người mới đẻ mới sinh,
Đem lên cửa lên nhà cho chóng lớn.
Dưới chợ đến chơi cho quà bằng cá,
Ông già, con gái, con trai đến thăm cho quà bún quà bánh.
Đứa trẻ đã lớn,
Thành trai mười bảy mười ba,
Dậy đi làm mo quẩy nước,
Dậy đi làm mo vác dao.
Khi sớm làm mo ở mường cao,
Buổi chiều làm mo nơi mường thấp.
Cuông này đã hết,
Chuyện này đã rồi,
Xin kể sang hồi khác.

4. CUÔNG CHẾT

Cuông sống mo mường sẽ kể,
Giờ kể cuông chết để cùng nghe,
Chuyện về cái chết để cùng lắng.
Ngày xưa, ngày ấy,

---

1. Đây là một phong tục của người Mường: mỗi khi đứa trẻ ra đời đều được các bà đặt vào nong, hướng về bốn phương sẩy như vậy, để bói xem đứa bé sau này làm nên sự nghiệp gì.

Bà Dạ Dần đã phân đã định[1]:
Ai ai cũng phải chết.
Số chết ở đốt ngón tay,
Ở ngay đầu ngón chân,
Số chết hiện ra trên mặt trên mày,
Ngày ngày đau đầu chóng mặt.
Cho nên, người ốm,
Làm thợ rèn rìu, rìu không nên bọng[2],
Rèn thuổng, thuổng không nên vòng[2],
Rèn đục lại càng không nên tông[2],
Làm thợ đúc đồng, đúc khuôn không bén.
Cho nên, đã ốm,
Đi rước mo, rước ngay mo không biết bói,
Làm trai làm gái chẳng thiết đua chơi,
Đi bừa, bừa không đến nơi đến góc,
Dệt gấm dệt vóc không dệt được hoa,
Đóng cọc ruộng nà, đóng không nên chặt[3].
Rước mo, phải rước mo lành mo giỏi,
Là trai là gái, phải biết đua chơi,
Đi bừa, phải bừa đến góc đến nơi,
Dệt gấm cải nên đôi bướm lượn,
Đóng cọc ngoài ruộng, đóng chắc đóng bền,
Việc bản việc mường xếp đâu nên đó.
Ông pố phải đi thu tiền,
Ông quyền phải đi thu thóc thu gạo
Ông cun, ông tạo phải cầm binh cầm mường,
Làm lính phải sửa đường, lấp hố,
Con nhà kẻ khó phải phát cây làm nương,
Phải lên đồi đốt cây làm rẫy,
Lên rừng giăng lưới đặt bẫy,
Săn con thú con moong,
Lội suối lội sông mà chài con cá.

---

1. *Bà Dạ Dần*: là người sáng tạo ra muôn loài muôn vật (xin xem thêm *Đẻ đất đẻ nước*, SĐD).
2. *Bọng, vòng, tông*: tuy tên gọi có khác nhau, song đều chỉ cái họng rìu, họng thuổng, họng đục, tức chỗ để tra cán vào.
3. *Ruộng nà*: ruộng sâu, ruộng nước.

Có làm, cơm mới đủ nhá,
Có làm, cá mới đủ ăn.
Cuông này kể đã hết,
Chuyện này kể đã rồi,
Chuyển sang hồi khác.

8. CUÔNG QUẦN CUÔNG ÁO

Giờ mo mường xin nói đến cuông quần,
Từ khi có quần mà mặc.
Nhắc đến cuông áo,
Từ khi có áo mà mang.
Ngày năm xưa, đời trước,
Lang Cun Cần ra cắm đất ở bến Đông[1],
Cắm binh mường nơi kẻ chợ[1].
Chưa có quần mà mặc,
Chưa có áo mà mang.
Quần còn lấy vỏ cây gạo,
Áo còn lấy vỏ cây u[2].
Nên làm cun chưa sang,
Làm lang chưa giàu chưa có,
Kẻ khốn kẻ khó chưa có quần mặc áo mang.
Lang Cun Cần truyền nổi trống ngũ liên,
Gọi chu chương mường nước.
Người mường dưới kéo lên,
Mường trên kéo xuống,
Rầm rầm kéo về phủ bến Đông,
Về mường kẻ chợ.
Lang truyền rằng:
"– Ai đi lấy được giống tằm, giống bông,
Đem về cho nhà lang,
Để có quần mà mặc, có áo mà mang,
Muốn thứ gì ta cho thứ ấy.
Muốn vải loại bền,
Muốn mền loại ấm,

---

1. *Bến Đông, kẻ chợ*: có lẽ muốn chỉ việc người Mường tràn xuống miền xuôi Thanh Hóa để định canh định cư và cấy lúa nước.
2. *Cây u*: loại cây to, vỏ có nhiều sơ.

Muốn bạc vàng làm của sang của trọng,
Ta đều cho".
Chim bói cá bay nhẹ hơn bông hơn hoa,
Bay vào cửa vào nhà nói:
"– Tôi không có lưng để mặc quần,
Không có vai để mặc áo,
Không có đầu đội được mũ,
Cũng chẳng lấy phần ruộng phần nương.
Nếu tôi lấy được,
Giống tơ, giống tằm, giống vải,
Thì tháng tư, tôi được bắt cá ở ruộng nà,
Tháng ba tôi được bắt cá ở ổ đăng ổ đó".
Chim bói cá vỗ cánh theo gió bay đi,
Đầu hôm chim đi ba,
Sáng ra chim đi chín đi mười,
Đến ao cá nhà nàng Dạ Xen Mư[1].
Thấy nhà bà nàng,
Có chín nong tằm vàng,
Có chín trang kén trắng[2],
Chín hàng nong tằm hoa,
Ba nong kén tơ vàng như trái cau,
Vàng au như quả gắm.
Chân chim thò vào quắp,
Mỏ chim cúi xuống nhặt hạt bông,
Ổ tằm trắng chim mang ở cổ.
Chim bay về đất Đông kẻ chợ.
Nàng Ngần đi ra đỡ,
Nàng Ngà đi lại đón[3],
Bỏ vào hòm sơn khóa lại.
Nhưng đất mường ta,
Chưa có rẫy dâu gốc,

---

1. *Nàng Dạ Xen Mư*: là vị thần coi về quần áo ở trên mường trời (xem tiếp về vị thần này ở *Phần thứ ba* và xem thêm sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, SĐD).
2. *Trang*: tức cái né, còn gọi là cái trành, một dụng cụ bằng tre đan thưa, có ô vuông để cài rơm hoặc lá tre và thả tằm đã chín vào đó cho tằm làm tổ, làm kén.
3. *Nàng Ngần, nàng Ngà*: mỹ từ mà người Mường thường dùng để chỉ các cô gái đẹp, gái ngoan.

Chưa có bãi dâu non,
Để cho tằm ăn tằm lớn.
Nghe ông mường Đủ, mường Già,
Đất La Khơn, quán Đẹ[1],
Và nơi ngoài bãi cát,
Là đất săn được con moong lồ[2],
Hay trồng dâu nuôi tằm.
Lang Cun Cần sai nàng Ngần nàng Ngà,
Lên đồi cắt lá dong gốc,
Xuống dốc cắt lá chuối xanh,
Về làm bánh u, bánh quặng,
Bánh trắng của mường ta,
Đem đi làm quà để xin giống dâu.
Các nàng đi qua ngày hết tháng,
Qua bao lần rạng sáng,
Mới đến được mường Đủ, mường Già, La Khơn, quán Đẹ.
Ông mường Đủ ngồi trong nhà trông ra hỏi:
"– Hai chị em cháu đi đâu?"
"– Cháu đi xin giống dâu,
Dâu non cho tằm ăn ba,
Dâu già cho tằm ăn chín".
"– Không lo chi điều ấy,
Ta cho hai cháu đem về làm mạ, làm giống".
Hai nàng lạy chào, nói lời cảm tạ,
Bước chân trở lại,
Trái chân quay trở về.
Bấy giờ trên bản dưới mường,
Ngày một đi phát nương,
Ngày hai đi phát rẫy,
Ngày ba ngày bốn thì trồng.
Chặt cây dâu chín ngọn,
Dâu biết nhường bạn nhường nhau,

---

1. *Mường Đủ, mường Già, La Khơn, quán Đẹ*: những địa danh nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
2. Chỉ cuộc săn lịch sử có nhiều dân tộc cùng tham gia để giết con moong lồ, lột lấy da chia nhau làm mẫu hoa văn dệt trên quần áo của từng dân tộc (xin xem thêm sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, SĐD). Và cũng còn hàm ý chỉ vùng này là nơi có truyền thống về giống bông, chăn tằm, dệt vải, dệt lụa từ trước.

Nếu dâu không mọc.
Lại phải móc dâu lên,
Trồng cây dâu bẩy ngọn,
Dâu cũng không lên.
Cắm cây dâu năm ngọn,
Dâu cũng chẳng lên.
Trồng cây dâu ba ngọn,
Dâu cũng không chịu lên.
Chặt cây dâu một vòng,
Trồng cây dâu một ngọn,
Không còn nhường bạn, nhường nhau.
Dâu đã mọc ra lá như ngọn rau má,
Dâu lớn dâu cả nẩy lộc ra cành,
Đã nên ruộng dâu xanh, dâu tốt.
Đằng trước đã có rừng dâu cho tằm ăn non,
Đằng sau đã có rừng dâu cho tằm ăn chín.
Nàng Ngần đem tằm giống ra trông,
Nàng Ngà ngồi mong cho tằm nở.
Khi tằm nở,
Lấy lông gà mà quét,
Bắt hết con nhện cho tằm.
Tằm non cho ăn lá non,
Tằm già cho ăn lá già.
Tằm ăn một, ăn hai, ăn ba,
Tằm già vàng lưng tằm chín.
Lấy nong kín ra mà rải tằm,
Một nong tằm được năm nong kén,
Tằm chín như quả nang[1],
Tằm chín vàng như quả gắm.
Sắm rắc rắc[2],
Bắc nồi đầy nước sôi,
Thả kén vào kéo chỉ.
Kéo chỉ cũng phải, kéo tơ cũng nên,
Lấy cây song hoa gác lên mà phơi mà hóng.

---

1. *Quả nang*: quả cau; quả gắm: nhỏ hơn quả cau, vỏ cứng, nhân của nó ăn rất bùi.
2. *Rắc rắc*: dụng cụ dùng để rút tơ từ kén ra, có tác dụng như một con lăn.

Đem chỉ cuộn vào ống,
Cuộn chỉ cuộn cho phải,
Cuộn vải đừng để rối.
Phải kén một ngày tốt,
Chọn một ngày lành,
Hễ thấy trời xanh đem ra mắc cửi.
Trời mưa quàng vào gốc cây nằng,
Trời nắng quàng vào gốc cây nhỏ.
Đem lên nhà,
Vừa xâu co, vừa xâu khổ[1].
Không biết xâu thì lỗi,
Phải có người cầm, người đưa mới được.
Sợi dọc là tơ thì sợi ngang cũng là tơ,
Đường dọc là vải thì ngang cũng là vải,
Thì mới phải đôi.
Dệt lụa hoa phải dùng khung không xộc xệch,
Đừng lên núi làm chi cho xa,
Trong vườn nhà ta cũng có,
Chặt lấy cây xoan làm cái,
Chặt cây rệch làm tầm vông[2],
Chặt cây vông làm khung cái khổ[3].
Đục đã thủng thành lỗ,
Lắp đã kín như liền,
Liền như cây có một ngọn.
Kén ngày tốt ngày lành,
Mắc nên khung dệt gấm,
Sắm con thoi bằng sừng để đưa đi đưa lại.
Lụa dệt một đêm được một sải,
Vải dệt một ngày được chín gang.
Lụa đã nên lụa, vải cũng nên vải,
Đem lên cửa lên nhà,

---

1. *Xâu co*: chỉ việc xâu sợi chỉ, sợi tơ vào từng họng của cái go.
   Xâu cữ: chỉ việc xâu sợi chỉ, sợi tơ vào từng răng của cái cữ.
2. *Cây rệch*: loại cây có thân gỗ mềm, dùng để đóng các bộ phận quan trọng trong khung cửi, ít khi bị cong, vênh hoặc nứt nẻ.
   Tầm vông: còn gọi là cái ông lão, một bộ phận quan trọng trong khung cửi, có tác dụng đẩy sợi ngang xuống mặt vải.
3. *Khung cái khổ*: cái khung để tra cái cữ vào.

Rước bà già con gái đi ra cắt quần cắt áo.
Đã cắt nên quần dài bông báo,
Áo dài bông bi,
May nên quần vóc, áo gấm,
Dệt nên con rồng chầu cho lang Cun Cần.
Làm cun đã sang,
Làm lang đã giàu đã có,

Kẻ khốn kẻ khó,
Cũng có quần mà mặc, có áo mà mang.
Đến ngày lang Cun Cần chết,
Con trai, con gái nhà lang đã có đủ,
Lụa là đắp ở lưng,
Vải xô dựng ở hông,
Lụa hồng lụa vàng đắp trên đắp dưới.
Chiếu kín trải ra,
Cho lang Cun Cần nằm yên ngủ ấm,
Đưa lang về đất, cất lang về đồng.
Ai mua đừng bán,
Ai mượn đừng cho,
Mặc không hết để trong kho làm của...

(Theo: Hoàng Anh Nhân – Mo lên trời
Nxb Văn Học – 1994)

ĐẺ ĐẤT

Vùng đất ngày xưa còn bạc lạc,
Vùng nước ngày xưa còn bời lời.
Trời với đất còn dính là một.
Chưa có khúc sông ly chảy lọt lá bái[1],
Chưa có khúc sông cái chảy lọt lá de[2],
Nước sông Đằm, Đè ngày xưa chưa có[3],
Bông cơm trái lúa khi xưa ngày ấy chưa nên,
Chưa có vực sâu cho mẹ con con rồng,

---

1. *Lá bái*: lá cỏ gianh.
2. *Lá de*: lá lách.
3. *Sông Đằm*: sông Đà; Sông Đè: sông Mã.

Chưa có chỗ nông cho mẹ con cái dải,
Chưa có bãi cho mẹ con cái rùa,
Chưa có gò lành cho mẹ con con hổ.
Chưa có nửa gò cho cái ma ươi[1].
Chưa có chim tráng, chim trủng[2].
Chưa có ngã ba bùi nhùi,
Chưa có dùi đục dùi đe.
Chưa có:
Chim pel chim pét.
Chim sẻ chim song[3],
Muông đẹp muông béo,
Bờ ngắn, bờ trường,
Khiêng cơm khiêng gạo,
Gáo dừa gáo dộc[4],
Gốc đưa[5] gốc ráy,
Con trâu cái bò,
Chim so chim piến,
Kiến đen kiến vàng,
Kiến càng kiến bống,
Trống chuột đen chuột vàng,
Hoãng đực hoãng cái
Khoai cạn khoai nước,
Ong bò vẽ ong miện[6],
Kiến kim kiến nót[7],
Chim kót chim khướng[8],
Dây củ vằn vằn,
Dây sắn vằn vàng,
Dây sinh bọ chó[9]

---

1. *Ma ươi*: chưa rõ.
2. *Chim tráng*: loại diều hâu; chim trủng: loại chim hay kêu về tháng 2, 3, kêu hai tiếng một, nghe não nuột.
3. *Chim pét, chim song*: chưa rõ.
4. *Giáo dộc*: chưa rõ.
5. *Gốc đưa*: loại củ ăn ngứa, người ta thường ăn vào mùa đói.
6. *Ong miện*: loại ong vằn có mật.
7. *Kiến nót*: thân dài, mình đen, đốt đau lại hơi ngứa.
8. *Chim khướng*: loại chim to, đẹp. Dân ca Mường thường hay nói đến loại chim này.
9. *Dây sinh bọ chó*: loại dây có lông, sờ phải thì ngứa như có bọ chó cắn.

Dây khọ[1] buộc bừa buộc cày,
Dây hăn[2] lan đất.
Dây mật đắng[3] rặng dây củ,
Đẩm đủ dây dạng[4],
Rạng rạng hoa sung,
Lùng nhùng hoa khế
Ngắp nghẻ hoa nhò[5],
Bờ ruộng cây si lải rải,
Cây si mềm mềm,
Cây si sừng sững,
Vùng đất vùng nước ác nác núm cau[6],
Đốc trộc[7] vàng ngực xanh lưng,
Cá bống cong đuôi,
Rau chuôi rau mật[8],
Cái nào cũng xưng ra trước.
Chàng mắt[9] bảo không phải.(+)
Mải ăn lại mải ở,
Thấy trưa ngày trưa ấy,
Quãng ấy khi xưa,
Khi xưa quãng ấy:
Tổ đất, tổ nước
Nghe tiếng soạt như con trống trèo[10],

Khảo dị:

(+) Có bản kể là: *Chàng cắt chàng đặt* bảo không phải

---

1. *Dây khọ*: loại dây rừng, lõi bền và dẻo, dùng để buộc đòn tay làm nhà, buộc cày, buộc bừa.
2. *Dây hăn*: lá và vỏ dùng để gội đầu.
3. *Dây mật đắng*: giống dây khọ nhưng mềm.
4. *Dây dạng*: củ có thể ăn thay cơm, chống đói; đẩm đủ: hình tượng người đào củ.
5. *Hoa nhò*: hoa rừng mầu vàng nhạt, cây thấp, có gai, dê không ăn lá.
6. *Ác nác*: nguyên tiếng Mường, ý nói chưa có vùng đất, vùng nước riêng từng nơi. Núm cau: hình tượng đồi núi.
7. *Đốc trộc*: loại chim gõ kiến.
8. *Rau chuôi rau mật*: loại rau ăn mát.
9. *Mắt*: vừa có nghĩa là biết, vừa có nghĩa là con măn mắt.
10. *Trống trèo*: ý nói như tiếng chim bay qua.

Nghe tiếng vèo như diều hâu bay;
Trời đẻ lành trăng,
Cây đẻ lành lộc lành lá,
Cá đẻ lành mương lành bai[1].
Lành lòng đang ăn lại ở,
Bên trái ra gió ầm ầm,
Bên phải ra gió cuồn cuộn,
Cuốn đất đã thành đất,
Cuốn nước đã thành nước,
Trời ra trước là Khật[2],
Đất ra sau lơ lửng.
Thấy đất đen bằng miệng cái ang[3],
Đất vàng bằng miệng bát, đĩa.
Lúc ấy;
Khoang bãi bằng bãi đẹp chưa có cá,
Đường đi sá lại chưa nên vẹn[4] nên măng.
Có trời có đất có đồi có núi,
Chưa nên cây, nên nứa.
Vòi vọi cây si mọc,
Thóc chóc cây si lên.
Chỗ thấp bằng bằng,
Chỗ bãi đẹp đẹp,
Đất tốt đất lành cây si không mọc,
Mọc lên núi chơi vơi,
Mọc ngay dốc thoai thoải.
Chập tối cây si ra rễ không được một gang,
Sáng ra mọc rễ không được một nắm;
Không lành, héo lá cây si vàng vàng,
Vàng lá cây đỏ ối,
Chập tối cây si lóc vỏ,
Gà gáy cây si đổ cành.
Phải năm không lành,
Gió từ rậm[5] gió tới,

---

1. *Bai*: cái đập ngăn nước bằng gỗ hay đá.
2. *Khật*: âm thanh tả trời đất tách nhau.
3. *Ang*: chậu sành, liễn sành.
4. *Vẹn*: loại rau thường mọc ở ruộng và nơi có nước như khe suối.
5. *Rậm*: vùng trũng lầy.

Gió từ rộc[1] gió sang.
Đổ cây si xuống rậm,
Đâm cây si xuống rộc,
Lấy chi làm thứ nuôi cây si?
Mặt ma trời trên cao đánh rơi mưa rào,
Mặt ma trời trên cao đánh đổ mưa êm,
Mềm đất mềm cát,
Mặt ma trời làm mưa lẫn nắng,
Đồ ấy là thứ nuôi cây si.
Được thứ nuôi lấy chi thứ mặc?
Mặt ma trời gió ấm,
Mặt ma trời gió nóng,
Hạt khùng[2] rơi lẫn hạt sương,
Hạt khùng hạt sương rơi lẫn là một.
Đang ăn đang ở,
Thấy nổi đất đen lên bằng miệng ang,
Nẩy đất vàng bằng miệng đẹp đọi[3].
Vời vợi cây si lại mọc,
Thóc chóc cây si lại lên.
Dưới thấp bằng bằng đất bãi đẹp đẹp.
Đất tốt đất lành cây si đã lên.
Chập tối cây si ra rễ ba mươi gang,
Sáng sớm mọc rễ ba mươi sải,
Buổi sớm cây si lớn bằng cái chày,
Ban trưa giữa ngày lớn bằng cái cối,
Chiều tối lớn bằng bịch mười bốn mười ba.
Cây si chia cành bủa róng[4]:
Róng mường Rậm[5] đã sang,
Róng mường Thàng[6] đã có,

---

1. *Rộc*: chỗ đất trũng giữa hai chân đồi.
2. *Hạt khùng*: nước khùng là từ trên rơi xuống khác với sương là từ dưới đất bốc lên.
3. *Đẹp đọi*: bát đĩa.
4. *Róng*: cành lớn, mỗi róng có nhiều cành con.
5. *Mường Rậm*: có hai mường Rậm, chưa biết Rậm nào: một ở Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, một ở Dân Chủ, huyện Kỳ Sơn.
6. *Mường Thàng*: vùng Cao Phong, huyện Kỳ Sơn.

Róng mường Vang, mường Vó[1],
Trẳm, Tró, mường Chín, mường Rồng[2].
Đồng ruộng bãi Băng, bãi Bói[3],
Róng đen đen nên con chim ác[4]
Róng bạc bạc nên mặt sao,
Róng ngào ngào[5] nên mặt trăng,
Róng sáng cun út chàng u,
Cun tù chàng tần[6],
Người đần ham quả,
Róng lớn róng trường bà dạ Keo Reng[7].
Cun sang chàng mắt[8]
Ban sớm đi xuống,
Ban chiều đi lên,
Vào nấp bóng nghỉ mát trong gốc cây si,
Nấu cơm cháy nồi,
Nấu lam cháy ống[9]
Nồi tức hầm hầm
Nồi giận bừng bừng,
Dậy chửi cây si lẩm bẩm,
Dậy mắng cây si làu bàu.
Phải năm không lành
Gió từ rậm gió tới,
Gió từ rộc gió sang,
Gió từ chùa Hang Hao gió tới;
Gió đánh lay đánh lắc,
Đổ cây si xuống rậm,
Lộn cây si xuống rộc,

---

1. *Mường Vang*: vùng Cộng Hòa, huyện Lạc Sơn. Vó là một xóm trong vùng Vang thuộc xã Nhân Nghĩa.
2. *Trẳm, Tró*: thuộc xã Ngổ Luông huyện Tân Lạc. Chín, Rồng: xã Phúc Tuy huyện Lạc Sơn.
3. *Bãi Băng, bãi Bói*: xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn.
4. *Ác*: con quạ.
5. *Ngào ngào*: ý nói vừa cao vừa sáng.
6. *Cun út chàng u, cun tù chàng tần*: chưa rõ.
7. *Keo Reng*: ở trên trời. Dạ: bà.
8. *Cun sang*: ý nói người sang.
9. *Nấu lam*: cho nếp vào ống tre, nứa đem nướng.

Hết đời cây si vắng vẻ bơ vơ,
Như buổi khi xưa không có.
Chập tối vào thăm si chưa nên ới (+)[1]
Tối hôm vào thăm cây si chưa lên đắt[2],
Thấy mặt cây si chom ngom[3],
Lòng cây si ngoằn ngoằn,
Chân cây si dài dài,
Thân cây si nên mình dạ Dần[4]
Dạ Dần sinh nở đẻ ra
Từ trong đống si đổ,
Từ trong thân si cổ đắt cổ mường.
Lúc ấy với lại đời ấy:
Búi là bố cái dây,
Gà nhà là bố gà rừng.
Màu đỏ là bố màu xanh,
Kẻ hạch người hèng[5] làm anh mặt trời,
Ve lạng làm bố ve ly[6]
Đi khi[7] làm bố cú mèo,
Hết đời họ đến đời ta,
Giống nào cũng ra từ dạ Dần.

XIN LỬA

Cun Cần ở trong rừng gianh rậm rậm,
Ở trong rừng trong búi lúc nhúc;

Khảo dị:

(+) Bản ông Chếu, ông Chạ kể là:
Đá thặp vào ngó,
Đá thọ vào xem.

---

1. *Ới*: loại nấm nhỏ, hay mọc ở cây mục.
2. *Đắt*: loại nấm trắng ăn ngọt, dai.
3. *Chom ngom*: ý nói thành mắt thao láo.
4. *Dạ Dần*: nhân vật tượng trưng, làm ra mọi thứ và giúp đỡ người ta trong lúc khó khăn, bế tắc. Có nơi gọi là Nhần.
5. *Hạch, hèng*: chưa rõ.
6. *Ve lạng, ve ly*: loại ve sầu; ve lạng to hơn ve ly.
7. *Đi khi*: loài chim gần giống cú mèo.

Chưa có lửa cháy thịt muông,
Chưa có lửa đỏ đồ cơm nướng cá;
Ăn khoai còn ngứa,
Ăn cá còn tanh,
Ăn ốc còn hôi còn đắng,
Ăn cả rù cá rặng còn say[1],
Ăn lòng trâu lòng bò hay me hay sợ[2].
Nghe họ đồn đồn rằng:
Đá Cậm Cọt vót nhui,
Ở đất mường trời trên cao,
Có lửa đỏ thịt muông,
Có lửa cháy nướng cá,
Lấy ai đi xin lửa cho ta?
Trong đất có kẻ hay thương,
Trong mường có người hay lo
Cho người đi mượn chim đin[3], chim dơi:
– "Mày đi xin lửa cháy thịt muông,
Xin lửa đỏ đồ cơm nướng cá,
Với đá Cậm Cọt vót lửa vót đuốc
Cho lang đá Cần cùng hơi.
Mày muốn tiền dành dụm,
Tiền cầm trong tay là của nặng,
Khăn trắng cho mày là của bền,
Mền chăn là của ấm,
Gấm vóc là của sang,
Bạc vàng là của giàu có.
Giếng nước thửa ruộng trước cửa,
Đẹp lứa chơi giai nhởi gái,
Cái trâu cái bò,
Muốn thứ nào cho thứ ấy"
Con chim đin, chim dơi nói:
– "Chúng tôi không có ngực mà muốn xống,
Không có lưng mà muốn áo,
Không biết ăn cơm uống rượu,

---

1. *Cá rù cá rặng*: loại cá nhỏ không vảy, hay nấp ở các kẽ đá.
2. *Hay me hay sợ*: hay ghê hay sợ.
3. *Chim đin*: giống loài dơi nhưng to hơn.

Không muốn nà,
Không muốn bà mái cái con,
Chúng tôi xin nấp lá khưa trong thóng[1]
Nấp lá lóng[2] trong vườn,
Ngày mưa bay rong,
Ngày nắng bay chơi,
Rập rình bay lên bay xuống".
Lang đá Cần nói:
– "Mày muốn thứ nào cho thứ ấy",
Chim bay đi đường cái thênh thang,
Bay đi đàng lồ lộ,
Đến đất mường đá Cậm Cọt vót nhui,
Vào theo bờ giếng,
Theo ven bờ đầm bờ ao.
Cổng cái vào luồn,
Cổng con vào qua.
Con chó chạy ra sủa,
Gầm gừ chó sủa chó cắn,
Chó xô vào xô ra.
Đá Cậm Cọt vót nhui
Bẻ que rào chạy ra đuổi chó,
Đá ra ngó ra nhìn,
Thấy chim đìn, chim dơi liền hỏi:
– "Từ phía nào đến ta sớm sớm,
Từ đằng nào đến ta sớm nhiều,
Thấy lấm tấm mồ hôi,
Chân ướt chân ráo,
Áo mặc áo mang,
Từ đằng nào mà lại đến?"
Chim đìn, chim dơi nói:
– "Thương nồng thương mơi đá hỡi,
Lang đá Cần cầm đất bưa riu bái rạng,
Ra làm lang thiên kỳ thiên quan kẻ chợ,
Còn ở trong rừng rậm rậm,

---

1. *Thóng*: ý chỉ xóm nhưng chưa thành nhà cửa.
Người ta hay nói vào rừng sâu, vào thóng sâu thẳm.
2. *Lóng*: chuối non.

Ở rừng ở búi lúc nhúc,
Chưa có lửa thịt muông nướng cá;
Ăn khoai còn ngứa,
Ăn cá còn tanh,
Ăn ốc còn hôi còn đắng,
Ăn cá rù cá rặng còn say,
Ăn lòng trâu lòng bò hay me hay sợ;
Cắt chúng tôi lên xin lửa".
Đá Cậm Cọt rằng:
– "Cho mày vào chín lần bổ
Mày trông còn biết, liếc còn thấy không?
Nhốt vào chín tầng sọt mười lượt troi[1]
Mày coi còn thấy chăng?"
Chim đin, chim dơi rằng:
– "Nhốt vào chín lần bổ,
Trông còn biết, liếc còn thấy;
Cho vào chín lượt hũ, mười lượt bình,
Coi không biết, liếc không thấy".
Đá Cậm Cọt vót nhui
Nhốt chim vào chín lần hũ lần bình.
Đá Cậm Cọt chặt cây nắng làm nọt[2]
Cạo cây nứa làm nhui[3],
Lạt giang vàng già chùi đi kéo lại,
Lửa cháy lên ngòi ngọi,
Chọi cho một đốm lửa ở dưới,
Cho chín giọt nước ở trên.
Chim đin, chim dơi dậy chào dậy chạ[4],
Trả lời trả tiếng đã đủ đã khắp,
Quay chân trở lại, trái chân trở về.
Đến đất lò cò lẹn kẹn[5]
Đất chật mường hẹp,
Trâu đi không hết đò,

---

1. *Troi*: sọt mắt cáo to có lạt đan ngang.
2. *Nọt*: que đặt để kéo lửa.
3. *Nhui*: nứa cạo thật mỏng, vụn để làm mồi bén lửa.
4. *Chạ*: ý nói cám ơn.
5. *Lò cò lẹn kẹn*: chưa rõ

Bò đi không hết móng,
Lên đồi xuống dốc trượt ngã đánh rơi,
Đổ dùm nước ở trên,
Tắt đốm lửa bên dưới,
Tắt đốm lửa ngòi ngọi,
Tắt lửa khói lên đen nghịt,
Không ra bề thân chi kiếp lửa.
Lang đá Cần chưa có lửa đỏ thịt muông,
Chưa có lửa cháy nướng cá,
Lấy ai đi xin lửa xin đuốc.
– "Mượn mày hỡi chí[1] ruồi trâu,
Mày đi xin lửa xin đuốc cho ta,
Ta cho tiền cho của,
Tiền cầm trong tay là của nặng,
Khăn trắng là của bền,
Chăn, mền là của ấm,
Gấm vóc là của sang,
Bạc vàng là của giàu có.
Giếng nước, thửa ruộng trước cửa,
Đẹp lứa chơi giai nhỏi gái,
Muốn con trâu cái bò.
Muốn thứ nào cho thứ ấy".
Chí ruồi trâu rằng:
– "Không có ngực chi muốn xống,
Chẳng có lưng chi muốn áo,
Không biết ăn cơm uống rượu,
Chẳng muốn đồng nà, bà mái cái con;
Lấy được lửa được đuốc,
Chúng tôi xin cắn vai trâu về lại,
Cắn đùi con gái nằm luôn,
Cắn kẻ đẩn người dại".
Đá Cần rằng:
– "Muốn thứ nào cho thứ ấy".
Chí ruồi trâu bay đi đường cái thênh thang,
Bay đi đường lồ lộ,
Đến mường trời trên cao,

---

1. *Chí*: tiếng dùng để chỉ anh vợ hay anh chồng, thường gọi là bác.

Vào ria bờ giếng,
Vào ven bờ đầm bờ ao,
Hai tay cổng cái chí luồn,
Hai chân cổng con bước vào.
Gâu gâu tiếng con chó sủa,
Gầm gừ con chó cắn,
Xô vào xô ra.
Đá Cậm Cọt vót nhui
Bẻ cọc rào ra đuổi chó,
Ra ngó ra nhìn,
Thấy chí ruổi trâu liền hỏi:
– "Từ lối nào lấm tấm mồ hôi,
Chân ướt chân ráo,
Áo mặc áo mang,
Từ đằng nào đến ta sớm sớm,
Từ lối nào đến ta sớm nhiều".
Chí ruổi trâu rằng:
– "Thương mới đá hỡi!
Lang đá Cần ra coi dân chiếm mường,
Đất bưa rìu bái rạng, bãi Bệ bãi Bo,
Trong gò cây gò cối
Ở trong rừng cỏ bái rậm rậm.
Ở trong búi lúc nhúc,
Chưa có lửa đỏ thịt muông,
Chưa có lửa cháy nướng cá,
Ăn khoai còn ngứa,
Ăn cá còn tanh,
Ăn ốc còn đắng,
Ăn cá rù cá rặng còn say,
Ăn lòng trâu lòng bò còn me còn sợ,
Cắt chúng tôi lên xin lửa với đá nên chăng?"
Đá Cậm Cọt vót nhui rằng:
– "Chân chí thấy mày chày[1],
Tay chí thấy mặt chặt[2],
Mắt chí ở đâu, miệng ở đâu?"

---

1. *Mày chày*: ngắn cũn cỡn.
2. *Mặt chặt*: nhỏ không cân xứng với thân.

Ruồi trâu rằng:
– "Chân chúng tôi mày chày,
Tay chúng tôi mặt chặt,
Mắt ở trong gốc cánh,
Miệng ở đầu cái vòi".
Đá Cậm Cọt mở tiếng cười:
– "Thương mơi hỡi chí ruồi trâu,
Ta nhốt chí vào chín tầng hũ, tầng bình,
Chí trông còn tỏ, ngó còn tường,
Nhìn còn biết, liếc còn thấy rằng chăng?"
Chí ruồi trâu rằng:
– "Nhốt vào chín tầng hũ, tầng bình,
Tôi trông còn tỏ, ngó còn tường,
Nhìn còn biết, liếc còn thấy".
Chưa nghe vừa dạ hả lòng,
Đá Cậm Cọt nhốt ruồi trâu
Trong chín lần hũ lần bình.
Trông không tỏ, ngó không thấy,
Dậy bẩy khôn bẩy khéo,
Vừa reo chí vừa cười:
– "Hơ hớ ha ha,
Ta trông tỏ, ngó tường".
Đá Cậm Cọt nghe lời tiếng ấy,
Nhốt ruồi trâu chín lần sọt, mười lần troi,
Ruồi trâu than lại rằng:
– "Trông không tỏ, ngó không tường,
Nhìn không biết, liếc không thấy".
Lúc ấy, khi ấy,
Đá Cậm Cọt đi chặt cây nắng làm nọt,
Đi cạo cây nứa làm nhui,
Lạt dang vàng già chùi đi kéo lại,
Cháy lên ngọn lửa ngọi ngọi,
Ra lửa khói ngầm ngầm.
Đá châm cho một đốm lửa để dưới,
Chín giọt nước để trên,
Chí ruồi trâu dậy chào dậy chạ,
Ra về đường cái thênh thang,
Đi về đàng lồ lộ.
Đến đất lò cò mường lẹn kẹn,

Đến đất hẹp mường con ma lải rải,
Đất chật mường con gái hay cớt hay nhả,
Trượt chân chí đánh keo ngã,
Bỏ lửa trên trời loạc choạc,
Bỏ nước trên trời lỗ chỗ.
Chí quay chân trở lại,
Chí trái chân trở về,
Vào thưa hầu lang đá Cần:
– "Thưa mới ngài hỡi,
Lạy mới ngài à!
Chúng tôi đi xin lửa xin đuốc,
Đá Cậm Cọt vót lửa,
Cho một đốm lửa bên dưới,
Cho chín giọt nước bên trên,
Về đến đất lò cò lẹn kẹn,
Đất chật mường hẹp,
Ngoảnh đi vướng núi,
Quay lại mắc đồi,
Lật đật chân ngã,
Lạo sạo chân nhào,
Đổ nước bên trên tắt lửa bên dưới,
Bỏ lửa trên trời loạc choạc,
Bỏ nước trên trời lỗ chỗ,
Chẳng được đồ thứ chi ngài hỡi".
Lang đá Cần than thân trách khó:
– "Ăn nghe hại, ở nghe lo,
Làm chước trò gì cho được?"
Chí ruổi trâu rằng:
– "Thưa mơi ngài hỡi,
Lạy mơi ngài à!
Ngài chớ lo ngại lo phiền,
Nên điều mệt thân hại vóc.
Đá Cậm Cọt úp chúng tôi
Trong chín lần sọt, mười lần troi,
Chúng tôi coi còn thấy.
Nó chặt cây nắng làm nọt,
Vót nứa già làm nhui,
Lạt giang vàng già chùi đi kéo lại,
Cháy ra lửa đỏ ngòi ngọi,

Khói ra lửa đỏ ngằm ngằm[1].
Nghe lời thật tiếng ấy,
Đá cun Cần bảo người nhà,
Bắt chước ra lo, bắt trò ra học,
Được lửa đỏ ngòi ngọi,
Khói ra lửa đỏ ngằm ngằm
Đẹp lòng đá cun Cần reo lên miệng chúm chím,
Nhoẻn lời nhoẻn miệng ra lại cười.
Đá lang cun Cần ăn khoai không còn ngứa,
Ăn cá không còn tanh,
Ăn ốc không còn say,
Ăn lòng trâu lòng bò không hôi không tanh.

TRỒNG DÂU NUÔI TẰM

Đá lang cun Cần thấy người Rự mặc áo lụa trắng,
Người Ngô, người Lào mặc áo lụa thâm;
Đá cun Cần còn ăn lông ở lộ[1],
Mới có áo mố áo thao:
Dậy buổi sớm ban mai
Dặn binh dặn mường:
Đi rừng đừng đi không,
Chém bó củi bóp[2],
Ôm củi lành ngạnh,
Để đánh riu đánh dao.
Hết người binh người mường
Đi rừng lấy được bó củi bóp,
Lấy được ôm củi lành ngạnh,
Đánh riu với thợ thao.
Đánh dao với thợ thụn,
Rèn riu rèn dao nhọn nhọn,
Vót riu vót dao cong cong,
Chặt cây không mẻ,
Chặt đá không mòn.

---

1. *Ở lộ*: tức ở trần.
2. *Củi bóp*: củi cây bóp, loại cây hoa trắng, quả chín trắng, hay mọc cạnh sông suối.

Tháng một họ đi phát nương nà,
Cun Cần đi phát nương nà,
Tháng hai tháng ba họ đi phát nương rẫy,
Cun Cần đi phát nương rẫy,
Ngày nắng ngày ráo đi đốt,
Ngày tốt ngày lành đi trồng,
Trồng ruộng rẫy buôm buôm[1]
Nên dâu rườm dâu non ráy ngứa,
Cho nàng dạ Kịt chăn tơ nuôi tằm.
Trồng dâu mùa tháng bốn,
Lổn nhổn cây dâu không mọc;
Đá trồng mùa tháng năm,
Lăm tăm dâu mọc xanh lá,
Nên nương dâu già dâu non chấp chới.
Dâu tốt chưa có giống con tằm,
Dạ Kịt lấy giống sâu đen cắn rễ cây vải,
Lấy giống sâu gai ở gốc cây si cây kheng[2],
Ăn lá dâu tốt dâu lành tằm không chín.
Dạ Kịt cho tằm uống nước,
Uống no nằm vật nằm vã, lăn ra tằm chết.
Nghe họ đồn rằng:
Trong thung trong lũng,
Trong rừng xa xăm,
Dạ Dịt là người chăn tằm,
Dạ Mằm là người ươm tơ để kén.
Dạ Kịt đi qua rừng ban bóng[3].
Đi qua nương ban bét[3],
Đi quanh quả đồi bái,
Lại đằng thung thăm thẳm,
Đến chỗ rừng xa xăm,
Gặp dạ Dịt chăn tằm,
Gặp dạ Mằm ươm tơ để kén.
Dạ Kịt rằng:

---

1. *Buôm buôm*: ý nói đẹp đẹp.
2. *Cây kheng*: gần giống cây si nhưng lá to hơn.
3. *Ban bóng, ban bét*: cùng loại cây. Ban bóng chỉ cây đã to có bóng; ban bét chỉ cây còn nhỏ mới mọc ở nương.

– "Tôi có nương dâu non mơn mởn,
Có vườn dâu già dâu non chấp chới,
Chưa có rõi tơ tằm,
Tôi xin với dạ Dịt, dạ Mằm được chăng?"
Hai dạ rằng:
– "Nhìn trong cây khoai lá ráy,
Lấy tằm ăn hai ăn ba."
Dạ Kịt ngửa khăn ra đùm,
Nâng tay gói lấy;
Quay chân trở lại, trái chân trở về,
Lấy nong bốn nong ba đem ra đặt tằm:
– "Ớ... vía con tằm về đây cùng chị,
Về đây ăn lá dâu gốc,
Lại đây ăn lộc dâu non."
Tằm nhỏ nong bằng lá báy[1],
Tằm lớn ăn hai ăn ba,
Tằm già vàng da tằm chín;
Cho vào cót thóc góc nhà,
Ba đêm tằm kéo kén,
Bảy đêm tổ kén già;
Đem ra hái kén,
Kéo được loại chỉ vàng,
Dệt dọc dệt ngang,
Được vải lụa vàng vàng,
May sống dài quá ráo[2],
May áo dài đến chân,
Cho đá cun Cần đi ăn trong binh trong mường.

LÀM NHÀ

Đá Cần ở trong gốc cây búng,
Ở trong bóng cây nhò,
Trong gò cây gò cối,
Còn nghe đói nghe khát.
Tháng một họ đi phát nương nà,

---

1. *Báy*: loại cây lá tròn, nhỏ, quả có gai.
2. *Ráo*: khoeo ở sau đầu gối, phía bắp chân.

Cun Cần đi phát nương nà.
Tháng hai tháng ba họ đi phát nương rẫy,
Cun Cần đi phát nương rẫy.
Ngày nắng ngày ráo đi đốt,
Ngày tốt ngày lành đi trồng,
Nên nương rẫy buôm buôm,
Nương quếch[1] rườm ráy ngứa.
Đá Cần đi ngó đi nhìn.
Thấy muông dím ra ăn thành lối[2],
Thấy muông don ra ăn thành đường[3].
Lang đá Cần học chước với đá Them lem,
Học nèm[4] với đá Thép lép.
Đá Thép lép bảo:
– "Ngài làm khum khum cần bẫy ống,
Làm cong cong cần bẫy đây,
Ngày bảy đi thả, ngày ba đi ngó;
Tra dây vào lối dím đi,
Thả bẫy vào đường don lại".
Đá Cần bắt chước lại lo,
Theo trò lại học;
Ngày bảy đi tra,
Ngày ba đi ngó,
Được con dím to lớn,
Được con don to béo,
Đem về để cạnh bịch, cạnh nhà.
Nàng dạ Kịt chăn lợn nuôi gà,
Thấy muông dím muông don liền nói:
– "Mày ăn nương ta làm chi đấm đủ[5],
Mày ăn củ ta làm chi đấm đươm[1],
Ăn hết nương rườm ráy ngứa làm chi."
Lang đá Cần rằng;
– "Đừng nói vậy em hỡi,

---

1. *Quếch*: củ rừng ăn mùa đói.
2. *Thành lối* (Nguyên bản là đại đòi): ý nói là to lớn.
3. *Thành đường* (Nguyên bản là đại đượng): ý nói to béo đi phải lê.
4. *Nèm*: niệm chú, yểm vào bẫy.
5. *Đấm đủ, đấm đươm*: ý nói phá hoại vụng trộm.

Chớ nói thế em à,
Nói rủi bẫy cặp bẫy cò[1],
Rủi ngo[2] dây ngo ống."
Ăn cơm rồi qua đêm đến sáng,
Đá Cần đi thăm khum khum bẫy ống,
Xem cong cong bẫy cặp,
Được lập cập chí rùa the[3],
Lè kè chí rùa con rùa nhỏ.
– "Không thịt mày thịt ai hỡi rùa."
Đá Cần lấy lạt chắc buộc bang,
Lạt dang buộc thắt buộc trói,
Cột chân, cột tay con rùa,
Treo lên gốc cây dớn[4].
Miệng con rùa hay mơn[5],
Mồm rùa mấp máy,
Hay lạy hay van:
– "Ăn chúng tôi tốn ớt, tốn gừng.
Tốn vừng, tốn muối,
Tanh đọi, tanh tra[6],
Ông ăn bà nhìn miệng,
Ông ăn bà chạnh lòng."
Đá Cần rằng:
– "Không có bà mà lo tanh mái,
Không lo tanh cái, tanh con;
Ta nấu mày với rau răm, mẻ rượu,
Không thịt mày thịt ai rùa hỡi."
Rùa nhỏ rùa con rằng:
– "Thịt chúng tôi không được một tra,
Da chúng tôi không được một bát,
Cởi lạt ngắn ngắn tôi nhắn tiếng thường[7]

---

1. *Bẫy cặp, bẫy cò*: bẫy khi dương lên có then cài, động phải thì bẫy xập.
2. *Ngo*: bẫy làm bằng cây.
3. *The*: gầy yếu.
4. *Cây dớn*: loại cây nhỏ. Ý nói rùa bé, gầy treo lên cây nhỏ không gẫy.
5. *Mơn* (Tiếng Mường là mơi): hình ảnh ông trượng mấp máy mồm để yểm bùa.
6. *Tra* (Nguyên tiếng Mường là Tla): nồi đất.
7. *Thường, đang*: tên làn điệu hát dân ca Mường, ý nói điều vui.

Cởi lạt trường trường tối nhẫn tiếng đang[1].
Cởi lạt bên bang[1],
Nhắn chước cho mà lo,
Dặn trò cho mà học".
Cun Cần mở lạt chắc trói bang.
Cởi lạt dang buộc trói.
– "Chước chi mày hỡi rùa,
Trò chi mày hỡi hẹn[2]?"
Lập cập con rùa the,
Lè kè rùa con rùa nhỏ
Rằng:
– "Ngài có đụn chín quà[3],
Có nhà chín gian,
Có chốn ăn ngăn ở hay chưa?"
Đá Cần rằng:
– "Ta chưa có đụn chín quà,
Chưa có nhà chín gian,
Chưa có nơi ăn chốn ở."
Lập cập con rùa đứng,
Tập tễnh con rùa đứng lên,
Rằng:
– "Bốn chân tôi là bốn cột cái,
Hai vỉa sườn là hai mái nhà,
Xương sống nên đòn nóc bắc kèo cái,
Xương sườn nên rui,
Lỗ đầu làm lối lên cửa chạn[4]
Lỗ ỉa lỗ đái lối vào lối ra[5];
Ngài lấy cây lau làm độ[6],
Cây lổ cố[7] làm đòn tay,
Cây cỏ may làm lạt buộc;

---

1. *Bên bang*: bên cạnh
2. *Hẹn*: tiếng đệm.
3. *Đụn*: bịch. Chín quà: chín gian, chín chỗ.
4. *Chạn*: đầu cầu thang nhà sàn.
5. *Lối vào lối ra*: ý chỉ lối cầu để nước ăn, rửa.
6. *Độ*: cột nhà.
7. *Lổ cố*: loại cây nhỏ thân mềm.

Ngài có đụn chín quà,
Có nhà chín gian,
Nơi ăn chốn ở."
Cun Cần thả rùa xuống rậm ăn ốc.
Thả rùa xuống rộc ăn cua;
Quay chân trở lại,
Trái chân trở về,
Dặn kẻ binh người mường
Chặt cây lau làm độ,
Cây lồ cố làm đòn tay,
Cây cỏ may làm lạt buộc.
Làm nên đụn chín quà,
Nên nhà chín ngăn.
Đá Cần với nàng dạ Kịt
Trèo gian ngoài gẫy gian ngoài,
Trèo phía trong gẫy phía trong,
Gẫy hết gian trong gian ngoài,
Chẳng có chốn ăn ngăn ở.
Lang đá Cần nổi tức hầm hầm,
Nổi tức nổi giận bừng bừng,
Dậy đưa binh mường trở lại gốc cây búng,
Trở lại bóng cây nhò, gò cây gò cối.
Tháng bốn trời nắng rát,
Tháng hai tháng ba trời nắng cạn,
Lang đá Cần và nàng dạ Kịt.
Đưa binh mường đi đánh cá dưới rậm,
Đi xúc cá trong khoang,
Xúc ngang đi ngang lại,
Quay bên trái bên đăm[1],
Xúc vầm vào hang cây sậy,
Được rủ rỉ mẹ con cái rùa,
Đá Cần lấy dây củ buộc vặn,
Lấy dây sắn buộc bang,
Quàng bên ngực bên lưng,
Rằng:
– "Hái rau sống với ngọn rau răm,

1. *Đăm*: bên phải.

Trộn cơm chăm[1] với mẻ rượu,
Nấu lẫn nấu lộn với thịt con rùa,
Ngon nào ngon bằng binh hời".
Miệng con rùa dậy thưa,
Lòng con rùa dậy van:
– "Đừng ăn tôi mà tốn đệp, tốn đọi,
Tốn mẻ, tốn muối,
Tốn đọi rau răm,
Tốn cơm chăm mẻ rượu.
Thịt chúng tôi không được một tra,
Da không được một miếng,
Ông ăn bà chạnh lòng".
Đá Cần không buông không thả:
– "Ta ăn không lo tốn đệp, tốn đọi,
Không lo tốn muối, tốn mẻ,
Bà đẻ ta cũng ăn".
Chí rùa dậy van, dậy lạy:
– "Ông cởi lạt ngắn ngắn,
Tôi xin nhắn tiếng thường,
Cởi lạt trường trường,
Tôi xin nhắn lời rang,
Mở hai lạt bên bang,
Nhắn ông làm cửa làm nhà".
Đá Cần mở dây củ trói vặn,
Cởi dây sắn trói bang,
Cởi dây quàng bên lưng bên ngực.
Lập cập con rùa đứng,
Tập tễnh đứng lên nói:
– "Bốn chân nên bốn cột cái,
Hai vỉa sườn nên hai mái nhà,
Xương sống là đòn nóc, bắc kèo cái,
Mỗi xương sườn là một cái rui,
Giải sườn đùi nên phên cái mè,
Thẻ xương sườn nên đôi kèo cái,
Lỗ ỉa lỗ đái làm lối vào lối ra,
Chặt cây sấu làm xà,

---

1. *Cơm chăm*: cơm tẻ.

Đẵn cây lim làm cột,
Lạt buộc bằng cây giang,
Lợp nhà ba gian bằng cỏ bái,
Ông có cái đụn chín quà.
Có nhà chín gian, nơi ăn chốn ở."
Lang đá Cần quay chân trở lại,
Trái chân trở về nhà:
Chập tối cho chấu già đi rao lúng cạnh,
Cho chiếng[1] già đi rao lúng rộc,
Gọi quê dưới làng trên,
Dậy sớm buổi sáng mai,
Dậy sớm buổi mai ngày,
Binh mường:
Cầm rìu vào rừng sâu sâu,
Kẻ chém cột đụn, người đẵn cột nhà,
Người ra đi đánh bái,
Kẻ ở lại chặt bương.
Chặt cây sấu lớn trong gò,
Chặt cây khò, cây kheo[2] to trên núi,
Rủ nhau vào để kéo.
Kẻ khó kéo dây song,
Người sang kéo dây buộc vóc,
Bốn góc bốn dây song,
Bốn bên bốn dây nứa xanh,
Kéo ra khỏi gốc, đi hết rừng già,
Râm ran như người đập rắn,
Râm ri như kẻ đập bò,
Xăm xăm những con lăn, đòn bẩy,
Nơi có vũng kéo nhấc,
Nơi có rễ giắt ngang,
Kéo về sá cải thênh thang,
Kéo về đường làng thênh thênh,
Kéo đến cửa đến nhà.
Rước thợ khéo vào làm,
Đón thợ già vào đục vào đẽo.

---

1. *Chiếng*: loại người hầu hạ nhà lang chuyên đi loan báo công việc.
2. *Cây khò, cây kheo*: cây trai.

Ngày một bình mường vào làm,
Ngày hai ngày ba vào dựng.
Dựng cột hiên cứng chắc;
Lắp xà lắp ruông[1]
Buộc quết, lắp kèo, bắc rui, chống gió;
Nghèo ngó[2] đòn nóc đòn tay,
Cặp cày[3] hai bên cái khứ[4],
Đắp bếp ở giữa, bốn góc vuông vuông.
Có lò đặt viếng ba miệng thông thông,
Làm nên kền[5] phẳng, kền rộng;
Có chạn vào chạn ra,
Nên vách nhà, cửa khép,
Nên vách nhà, vóng đắp vóng mở,
Nên cửa nhà đẹp nhà lành rộng rãi vui sao,
Có cửa rộng, vóng rộng chao hao[6].
Đá Cần có đụn chín quà,
Có nhà chín ngăn, nơi ăn chốn ở.
Chưa có nồi nấu thịt,
Chưa có núc[7] nấu cơm nấu canh,
Chưa có xanh chín, viếng mười,
Chưa có nồi, tra, bát sứ,
Chưa có bát chữ đựng muối,
Chưa có đĩa đọi đựng cơm đựng canh,
Chưa có chĩnh đựng rượu.
Nghe họ đồn, đồn rằng:
Đá Theng Rê biết đúc đồng,
Đá Theng Rông biết đúc sắt,
Làm nên nồi nấu thịt nấu cá.
Đá Cần bảo đá Thặp đá Thọ,

---

1. *Ruông*: xà dưới cùng để giằng cột với nhau và làm tầng sàn ở.
2. *Nghéo ngó*: ý nói chơi vơi, khi chưa buộc xong các thứ.
3. *Cặp cày*: ý nói lắp đi lắp lại, nhắc lên đặt xuống làm sao cho chắc.
4. *Khứ*: quết (có nơi gọi là cang).
5. *Kền* (tiếng mường là kêl): chõng để ngồi cạnh bếp.
6. *Chao hao*: thoáng thoáng; tả hình dáng cửa sổ.
7. *Núc*: ba hòn đá bắc thay kiềng. Ý nói chưa có nồi niêu các thứ đồ dùng để nấu.

Lấy tiền đi hỏi, lấy bạc đi mua.
Lên đến đất mường trời,
Với đá Theng Rẻ, Theng Rông,
Đá Thặp đá Thọ rằng:
– "Tôi mang tiền cho tôi chác[1],
Hỡi đá Theng Rẻ đúc đồng;
Tôi đem bạc cho tôi mua,
Hỡi đá Theng Rông đúc sắt."
Đá Theng Rẻ, Theng Rông rằng:
– "Lên đồi cao mà trông,
Lên đồi Mòng mà ngó[2]".
Đá Thặp đá Thọ lên ngó lên nhìn,
Thấy làm nên khôông, nên ang[3],
Thấy nên bình, nên hũ,
Lấy tiền ra chác, lấy bạc ra mua.
Đá Theng Rẻ, Theng Rông không cho.
Quay chân trở lại,
Trái chân trở về.
Lang đá Cần cho người chợ xuống buôn áo,
Cho người Kinh đi buôn thuyền,
Cho người Mường đi buôn gà, bán lợn,
Lấy được tiền được bạc ra mua.
Mua thứ này đã có, thứ nọ đã đủ.
Đi mua nồi, tra, bát sứ,
Đĩa chữ đựng muối,
Đĩa đọi đựng cơm đựng canh.
Mua đồ sành chứa rượu,
Mua xanh chín, xanh mười.
Cun Cần có đồ dùng đựng chứa.

(Theo: Bùi Thiện – Thương Diễm – Quách giao. Đẻ đất đẻ nước – Nxb Văn Học – 1976)

---

1. *Chác*: mua, còn có ý là trao đổi.
2. *Mòng*: ở huyện Lương Sơn.
3. *Khôông* (còn gọi là bôông khôông): hũ chứa nước. *Ang*: chậu sành.

IV. THẦN THOẠI - TRUYỀN THUYẾT VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH

A. SỰ TÍCH MUÔN LOÀI

DÂN TỘC BA NA

NGUỒN GỐC CÁC DÂN TỘC

Đã lâu lắm rồi, không phải là ở thời Bok Sogơ (ông tổ các dân tộc), mà là ở đời con cháu ông dọc dãy núi Trường Sơn, ở đâu hoa cũng nở trắng cả rừng. Đứng trên ngọn núi Đaka cao chót vót nhìn thấy cả làng Tây Nguyên. Hồi đó, làng này to. Nhà nào cũng có cối giã gạo có đàn Tơ rưng, có sáo v.v... Xung quanh làng là mùi thơm của lúa chín, ngô non. Những đêm trăng sáng là những đêm vui nhất. Tiếng đàn Tơ rưng nhẹ nhàng thánh thót. Tiếng sáo vi vu như chào đón ánh trăng. Cả làng không có người chết, người đau. Người nào già quá thì tìm đến ở với Giàng (trời). Người nhỏ tuổi thì ở với lũ làng cho đến già nua, tuổi tác.

Hồi đó, người Tây Nguyên không đói cơm, không phải nhịn thuốc. Họ rủ nhau mang gùi đi Đắc Sút, Đắc Tô, Đắc Pét hoặc lên núi Chư Lây mà cõng muối về. Mỗi năm một lần làm thịt thú cúng Giàng. Cả làng ăn uống vui chơi với nhau. Đời sống thật là sung sướng.

Nhưng rồi, một độ trời nắng dài quá, nước suối cạn hết. Cả làng đang lo sợ thì bỗng từ đâu một cục lửa bay đến làm cháy cả làng, cả rừng. Trước tai họa lớn đó, người con lớn Bok Sogơ hỏi dân làng:

– Ở lũ làng, nhà cháy, rừng cháy, ta phải làm sao đây?

Có tiếng trả lời:

– Ở với đá, ở hang không hết đâu. Chúng ta đông lắm, không ở rời rạc, lẻ loi được, mà phải tìm ra rừng ở nơi khác xa hơn, khó mấy cũng phải tìm. Tìm được nhiều, cất nhiều nhà, tìm được ít cất ít. Ai già ở trước, ai trẻ ở sau, có được không?

– Được, được.

– Nhưng đi đến đâu?

Người con lớn Bok Sogơ suy nghĩ một hồi rồi nói:

– Cứ đi theo ông trời. Ông chỉ đâu ta đi đấy, sáng cũng vậy, chiều cũng vậy. Thôi ta đi.

Cả làng lại cõng gạo, cõng muối đi tìm cây rừng. Họ đi lâu mới tìm ra rừng. Lấy được cây rừng, nhưng lúc đem về thì họ bị lạc nhau. Tìm mãi không được, họ phải tự cất nhà và làm nương.

Cho tới một hai năm sau, nghĩ thương anh em bị lạc, người con Bok Sogơ mới đánh chiêng, trống, đánh đàn, thổi sáo vang khắp núi rừng để gọi lũ làng về. Sau những ngày dài xa nhau, nay gặp lại, họ ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Lại nấu cơm mới, bắt nai đốt thịt đãi nhau ăn. Lại nhảy múa, đàn hát vui cả ngày đêm. Người con lớn Bok Sogơ đi từ sáng đến chiều tối mới thăm hỏi được khắp cả lũ làng. Ai cũng mạnh khỏe, vui vẻ cả. Đêm đến, họ đốt lửa lên vui chơi. Tiếng giã gạo giòn giã. Tiếng trống, chiêng, cồng, tiếng hát vang cả một vùng. Người lớn, người già lấy chỉ ra dệt vải hoặc đan lát. Người nhỏ ngồi bên bếp lửa đốt thịt, uống rượu. Con gái, con trai rủ nhau ra suối. Họ vui chơi cả ngày đêm như vậy. Cho tới một ngày nọ, người con lớn của Bok Sogơ họp lũ làng lại:

– Bấy lâu ta bị lạc, nay ta phải ở gần nhau, không ở riêng rẽ từng nơi nữa. Ta phải làm nhà để ở chung chơi chung, như thế có được không?

– Được, nhưng lũ ta đông lắm, ở chung một nhà có hết không?

– Muốn ở được hết ta phải cất nhà thật lớn, thật cao mới đủ.

– Lũ tôi cũng muốn thế. Ở cùng một bếp đốt cùng một ngọn lửa, làm cùng một nương, đánh cùng một cây đàn, thổi cùng một ống sáo thì hay lắm.

Thế là lũ làng lại ra đi lần nữa để lấy cây rừng. Lần này để khỏi lạc nhau, họ đi đến đâu làm nương đến đó, để lúc về có lúa mà ăn và cũng để tìm nhau khi bị lạc.

Ngày ngày, tiếng hô "Ô–hê – Ô–hê – Ô–hê" kéo gỗ vang khắp núi rừng. Tiếng ào ào rắc rắc của cây đổ. Tiếng hát, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng suối chảy, chim kêu nghe rất vui tai. Con gái thì đi làm cơm lấy nước. Con trai lúc nghỉ tay có sẵn cơm nếp đỏ, thịt

nai, thịt bò nướng thơm phức ngon lành, có nước suối uống vào ngọt ngào mát rượi. Cả làng dồn sức lấy cây rừng mất một năm.

Trước lúc dựng nhà, người con lớn Bok Sogơ cùng lũ làng lễ cúng Giàng. Họ làm phần nửa trâu, phần nửa bò, phần nửa rượu để cúng. Còn lại phần nửa để dành khi dựng xong nhà làm lễ lần nữa.

Một buổi sáng, trời nắng họ bắt đầu dựng nhà. Họ làm rất vất vả, mất một tháng, hai ba tháng rồi một năm thì nóc nhà cao gần tới dưới chân nhà của ông trời rồi. Công việc sắp xong, chỉ còn mấy hôm nữa là làm lễ ăn uống vui chơi được. Tất cả đều gọi đó là nhà Rông của lũ làng.

Nhưng thình lình một hôm, trời giận giữ gầm thét. Gió thổi ào ào. Cây rừng bị quật nghiêng, quật ngả. Sườn nhà Rông mới dựng chuyển mình kêu răng rắc. Trời đang nắng thì đổ mưa như xối nước.

Qua mấy đêm, ngày mưa gió như vậy thì xảy ra một việc rất lớn. Những người làng cùng làm nhà bỗng không còn hiểu được tiếng nói của nhau nữa. Người làng cũng vậy. Họ buồn bực, ôm nhau khóc lóc, rồi từ giã nhau, mỗi người ra đi một ngả. Tốp người Ê Đê trở về chỗ ở của họ trước kia. Tốp người Gia Rai, Mơ Nông... cũng cõng gạo muối trở về chỗ cũ. Người Ba Na ở lại sống với người con lớn Bok Sogơ tại nhà Rông. Tốp cuối cùng ra đi là tốp nói tiếng Kinh, họ không đi ngược lên dãy núi cao mà đi xuống đồng bằng, trung châu. Vùng trung châu mới lạ không biết có gạo muối hay không, nên người con lớn Bok Sogơ cho tốp người Kinh một số muối, gạo và một ôm vải. Nhờ đó mà người Kinh có nhiều gạo muối, vải như bây giờ.

Từ đó, các dân tộc anh em mới làm ăn sinh sống rải rác khắp nơi, mỗi dân tộc đều nhớ trước kia họ là con cháu một nhà và hễ có dịp là họ lại tìm đến nhau, giúp đỡ nhau.

GƯƠM ÔNG TÚ

Năm ấy, có một tên bạo chúa ở vùng biển xa bỗng nhiên kéo quân đánh lên vùng rừng núi của người Ba Na.

Quân của chúng đi tới đâu, lập tức rừng xanh trở thành khoảng trắng, nương rẫy thành bãi sỏi đá, buôn làng thành đất bằng. Bọn

chúng thi nhau chém giết, hãm hiếp dân làng, bắt hết trâu, bò, heo, gà, cướp sạch lúa, bắp, chiêng ché, nốc cạn rượu ngon, mật ngọt, đốt trụi cả cửa nhà.

Người người căm hờn. Núi rừng cũng bừng bừng nổi giận. Dân khắp các To-ring[1] trăm miền rừng núi đều một lòng một dạ đứng lên cầm khiên đao chống kẻ thù. Nhưng quân giặc đông, thế giặc mạnh, dân chống không nổi. Buôn làng quằn quại đau thương.

Giữa lúc ấy, ở một buôn nhỏ trong rừng sâu, có một bà tên là HơBia Đát. Một hôm bà Đát làm rẫy mệt quá, lẩn vào một gốc cây ngồi nghỉ. Nắng trưa như đổ lửa, bà khát quá muốn tìm nước uống. Chợt trông thấy một vũng nước trong vắt sau hốc cây, bên khe đá, bà vội chạy đến cúi xuống uống một hơi. Nước mát thấm đến ruột gan. Nhưng vừa uống xong, đứng dậy, bà lấy làm lạ vì bụng nặng chình chịch và cứ to mãi ra. Rồi chỉ ba tháng sau bà đã trở dạ và sinh được một đứa con trai. Đứa bé ăn rất khỏe và lớn nhanh như thổi, chẳng bao lâu đã trở thành một chàng trai có sức khỏe lạ thường. Nhìn quê hương bị quân thù tàn phá, lòng chàng căm thù vô hạn. Chàng bèn xin mẹ, từ giã buôn làng đi khắp đó đây, tìm theo những người tài giỏi để đi giết giặc. Nhưng đi mãi, qua bao nhiêu buôn làng, bao nhiêu ngọn núi, chàng vẫn chưa gặp một ai có tài sức đánh đuổi được kẻ thù. Càng đi nhiều, càng thấy những cảnh đau thương, tang tóc của nhân dân, chàng càng nóng lòng mong gặp được người tài để hợp lòng giết giặc.

Uất ức, căm hờn nhưng không biết tính sao, chàng trai đành dậm chân xuống đất, ngẩng mặt lên trời mà than rằng:

– Ơ ông trời, sao chẳng giúp ta rửa sạch thù này?

Chàng vừa dứt lời thì lạ thay, bầu trời đang quang đãng bỗng nhiên tối sầm lại, mây đen kéo đầy, giông bão nổi lên. Và một tiếng nổ rung trời chuyển đất làm núi đồi lảo đảo, rừng rú ngả nghiêng, đất sụt, chàng trai ngã xuống một hồ nước nóng sâu thẳm, hơi bốc lên mịt mù. Vùng vẫy trong nước, chàng cố sức ngoi lên. Khi chàng ngụp đầu để bơi thì chợt thấy một vật đen, dài dài chìm trong sóng nước. Lấy làm lạ, chàng bèn lặn hẳn xuống, dùng răng cắn chặt lấy

---

1. Khu vực cư trú gồm nhiều làng.

vật đó và bơi thẳng lên bờ. Và chàng nhận ra vật đó là một thanh thép quí. Từ lúc thanh thép được mang lên bờ, nước hồ bỗng nguội đi, sương mù cũng tan hết và trời đất lại sáng sủa như thường. Chàng sung sướng ngắm vuốt thanh thép còn bốc khói và trong bụng thầm cảm tạ thần linh đã ban cho chàng một báu vật. Chàng vác thanh thép chạy thẳng đến nhà một người thợ rèn ở gần đấy. Chàng nhờ bác thợ rèn rèn ngay cho mình một thanh gươm để đi đánh giặc. Nghe nói thế, bác thợ rèn vội vã làm ngay. Bác cho thanh thép vào lò, nung suốt ngày, từ sáng đến tối, đốt hết cả than mà thanh thép vẫn trơ ra không đỏ. Chàng trai cùng dân buôn phải kéo đi đốt hết cả một cánh rừng già, lấy cây đốt thành than, đem về cho bác thợ rèn nung thép. Đến đêm hôm thứ bảy, khi khối than khổng lồ cháy gần hết thì thanh thép mới đỏ và bỗng nhiên đỏ rực như mặt trời. Và dưới tay búa lành nghề của bác thợ rèn, thanh thép đó phút chốc đã trở thành lưỡi gươm sắc bén và sáng quắc. Các bác thợ mộc khéo tay nhất trong vùng cũng kéo đến, chia nhau đi tìm gỗ quí về làm chuôi gươm và vỏ gươm. Xong xuôi, họ nâng thanh gươm trao cho chàng trai con của HơBia Đát. Chàng nhận gươm và lập tức rút ra khỏi vỏ. Một tia sáng chói lòa phóng ra. Mọi người dạt ra: tay che mắt cho khỏi chói. Gươm hoa lên, tỏa muôn ánh hào quang làm mờ cả ánh sáng mặt trời. Mặt trời cũng chói mắt liền kéo mây che kín mặt. Mặt đất tối sầm, gió bão nổi lên. Sấm sét gầm thét ầm ầm. Chàng trai con của HơBia Đát múa gươm xông thẳng tới kẻ thù. Trong gió bão, dân các nơi cũng cầm khiên đao, cung nỏ hò reo xông tới. Sấm sét cũng chạy theo gươm thần, gầm vang liên tiếp bổ xuống quân thù. Lưỡi gươm của chàng trai vung tới đâu, quân giặc tan tới đó. Chỉ trong một đêm, lũ quân hung bạo và tên bạo chúa đều bị chết dưới lưỡi gươm thần.

Đánh tan giặc rồi, dân làng reo mừng kéo về dựng lại nhà rông, sửa sang lại buôn làng, nương rẫy. Chẳng bao lâu, khắp mọi vùng đều làm ăn thịnh vượng và chàng dũng sĩ, con của HơBia Đát năm xưa đã thành một ông già râu tóc trắng như bông. Dân làng nhớ ơn nên rất quí trọng ông già, coi ông là ngôi sao sáng trên trời cao. Do đó mọi người gọi ông là ông Tú và gọi lưỡi gươm diệt trừ bạo chúa là gươm ông Tú.

Một hôm, ông Tú bị ốm nặng, dân buôn hết lòng chạy chữa nhưng ông không khỏi. Biết mình sắp chết, ông Tú liền đem thanh

gươm thần ra, thả xuống hồ nước do đất sụt năm kia, để trả lại cho thần linh. Sóng nước nhận gươm, sôi lên sùng sục. Mặt hồ lại bốc khói mịt mù.

Đời sau truyền lại rằng, ở hồ nước đó, người Kinh đã mò được vỏ gươm, người Khơme mò được chuôi gươm, còn chính người Ba Na thì mò được lưỡi gươm. Người ta còn nói rằng, nếu lắp thanh gươm thần lại trọn vẹn thì sức mạnh của nó sẽ không có gì địch nổi.

DÂN TỘC BRU – VÂN KIỀU

VÌ SAO NGƯỜI SỐNG KHÔNG CÒN THĂM NGƯỜI CHẾT ĐƯỢC NỮA

Ngày xưa có hai anh em mồ côi đều chết vợ. Người em phát rẫy cạnh bên mộ vợ và thường bị lợn rừng đến phá.

Một hôm, anh ta đang đặt bẫy, đánh trúng lợn. Chú lợn bị thương vùng khỏi bẫy chạy hút về phía mộ vợ anh. Người em cầm giáo đuổi theo. Con lợn bị đuổi chui tọt vào một cái hang bên cạnh mộ vợ anh. Theo dấu chân mồi, anh đuổi theo lợn.

Chạy theo một đoạn vào trong hang sâu, dấu chân lợn mất đi và hang bỗng rộng ra. Đi thêm một đoạn nữa anh lại bị ngáng trước một cửa hang chẹt. Từ cửa hang nhìn vào, anh nhận ra nhiều người quen cũ, (nay họ đã chết rồi). Anh thầm đoán vợ mình cũng ở trong đám người đó.

Anh định vượt qua cửa hang thì có người chặn lại hỏi:

– Anh đi đâu?

Anh trả lời liền:

– Tôi đến thăm vợ.

Người kia tỏ ý bằng lòng và dặn thêm:

– Đây là xứ Mường Lôộc (Âm phủ). Anh vào đây nên tìm cách xin vợ về, không nên ăn cơm uống nước. Đã ăn cơm uống nước xứ Mường Lôộc thì không còn lên mặt đất được nữa.

Nói xong, người kia mở cửa cho anh vào.

Suốt hai ngày, hai đêm, anh đi đến đường cao, lối thấp, qua những suối vàng, sông xanh để tìm vợ. Lúc cổ khát cháy, khi bụng đói cồn cào, lại qua nhiều nơi làm chay, làm hội, có bày rượu, thịt linh đình, có người rước đón, tiếp mời, anh vẫn một mực chối từ.

Đến sáng ngày thứ ba, anh nhận ra vợ anh đang giã gạo dưới một sân nhà cao.

Vợ anh đã nhận ra anh, vội buông chày chạy ra niềm nở hỏi han:

– Sao anh đi thăm em lại không đưa con cùng đi? Con ta có khóc không? Nó lớn bằng nào rồi?

Anh rưng rưng nước mắt bảo vợ:

– Con ta đã khóc khản cổ, ngày đêm trông ngóng mẹ về.

Chị đưa mắt lên sàn nhà bảo anh:

– Anh xin cha cho em về thì em về.

Cha của chị bây giờ là vua xứ Mường Lộc, có quyền to lắm, ít người dám bén chân đến thang sàn nhà ông.

Anh vì thương vợ, thương con nên đánh liều leo lên sàn cao gặp vua.

Ông vua đang ngồi bếp, thấy người lạ có nét mặt thật thà, dễ thương nên quay sang hỏi chuyện. Anh được dịp liền kể hết nỗi niềm tình cảm vợ chồng của mình cho vua nghe. Ông vua ra chiều xúc động, gật gật đầu, bảo:

– Vợ chồng mày chung thủy như vậy là rất tốt, ta không nỡ gây cảnh phân li. Thôi được, ta cho vợ mày về Mường Lùm (trần gian).

Anh mừng quá xuống đón vợ về. Đi được một buổi đường thì vợ chồng anh gặp một cây to chắn ngang đường. Người vợ vừa leo lên toan vượt qua thì trượt chân ngã chết. Cùng lúc, tất cả đồ đạc, vật dụng chị ta mang theo đều biến thành vỏ cây.

Anh chồng khóc lóc, bỏ xác vợ vào gùi, quyết vượt qua thân cây to để trở về mặt đất. Leo đến một ngày, hai ngày vẫn chưa vượt qua được thân cây. Xác vợ anh ngày một thối rữa ra. Không quản gì thối tha, nặng nhọc, anh gùi xác vợ bên mình gắng qua nơi hiểm trở.

Đến ngày thứ tư, khi qua được thân cây to thì chợt vợ anh sống lại. Vợ chồng lại mừng rỡ, dắt tay nhau đi về hướng quê nhà.

Đi thêm một ngày nữa, vợ chồng lại gặp một con sông rộng. Đang bơi giữa dòng, người vợ bỗng chới với rồi chìm nghỉm. Anh chồng lại ngụp lặn tìm xác vợ.

Mãi chiều ngày hôm sau, anh mới vớt được xác vợ lên. Anh lại đặt xác vợ vào gùi, mang đi. Xác chết phình nước nên chỉ đến chiều hôm sau đã bắt đầu thối rữa. Mặc, anh vẫn gùi vợ đi. Được thêm một ngày nữa, người vợ sống trở lại, đúng lúc vợ chồng ra đến cửa hang. Họ nắm tay nhau trở về nhà. Vợ chồng con cái lại xum họp như xưa.

Người chồng đi làm rẫy, người vợ lo nuôi con, sửa sang lại nhà, nương. Ngày ngày, tiếng chày giã gạo của chị lại âm vang rừng núi.

Người anh cả côi cút trong cảnh gà trống nuôi con, bỗng nghe tiếng chày giã gạo suốt sáng đến tối từ phía nhà em dội sang thì lạ lắm. Anh cho con sang xem ai đang giã gạo.

Biết vợ em trở về, tối ấy, người anh dắt con sang chơi nhà em, hỏi chuyện làm sao em dâu chết lâu rồi nay sống lại được.

Người em kể lại sự tình cho anh nghe và bảo:

– Anh ơi, nếu anh muốn tìm chị về thì em sẽ giúp...

Người anh xua tay:

– Để anh đi tìm lấy. Ai lại để em chồng đi tìm giúp chị dâu.

Anh cả ra đi đúng lời em dặn, như đường em đã đi. Anh cũng gặp được vợ, đã lên xin vua Mường Lôộc cho vợ được về với mình.

Trên đường về, vợ anh cũng vượt qua cầu gỗ và ngã chết, anh làm theo lời em, bỏ xác vợ vào gùi mang đi. Mùi thối của xác chết làm anh nhức óc. Có lần anh toan ném cái xác ấy đi, nhưng nhớ lời em dặn, anh bịt mũi, chịu khó mang đi tiếp. Vượt qua được thân cây to, vợ anh sống lại.

Vì sợ phải mang xác chết nhiều lần nữa, anh cả tách rừng rẽ sang một lối khác. Cuối cùng anh vẫn phải vượt qua bến sông như lời em đã báo trước. Người anh cố dìu chắc để cho vợ khỏi chết đuối, nhưng khi ra giữa dòng, bỗng dưng giông tố nổi lên, người vợ bị tuột khỏi tay anh chìm nghỉm. Anh cả cố công lặn tìm suốt một ngày, một đêm thâu. Khi vớt được thì xác của vợ anh đã rữa ra,

mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Anh cả không chịu được nữa, đành buông xác vợ xuống sông.

Anh cả tiu nghỉu lên bờ tìm đường về, liền nghe tiếng gọi rất quen từ bên kia dội sang. Anh nhận ra bóng dáng vợ mình đã sống lại, đang đứng ở bên kia gọi nhắn sang:

– Anh ơi, vợ chồng lấy điều chung thủy làm đầu. Anh không giữ được điều đó, từ nay trở đi anh đừng quay lại nữa.

Nói rồi chị ta biến mất.

Lúc quay về xứ Mường Lộộc, chị ta thuật lại mọi chuyện cho vua nghe. Ông vua nổi giận, gọi hết những người coi cửa xứ ông đến, nghiêm khắc bảo:

– Từ nay ta cấm tiệt việc người sống trên Mường Lùm về thăm người sống dưới xứ Mường Lộộc ta.

Từ đó đến nay, người sống bị cấm cửa, không còn được đi thăm người chết như trước nữa.

DÂN TỘC CAO LAN

SỰ TÍCH ĐÈO PHẬT TỬ[1]

Ngày xưa có bốn người đêm ngày đọc kinh niệm phật quyết tu cho thành đạo. Bốn người có bốn họ khác nhau: Hoàng, Trần, Lý, Lằm. Ba người là đàn ông, riêng người họ Lằm là con gái.

Sau hàng chục năm tụng kinh niệm phật, ăn chay, tu chí trong chùa, họ đều đã trở thành những tăng ni đắc đạo. Chọn được ngày lành tháng tốt, họ liền cùng nhau tìm đường lên núi Thiên Sơn để hóa phật. Đường đi Thiên Sơn xa lắc xa lơ, thành thử họ phải đi ròng rã mất mấy năm trời mới tới. Đến chân núi Thiên Sơn cả bốn người đều mệt nhọc không sao tả xiết. Nhưng ai cũng nghĩ, đã tu thân, quyết chí đến được đây mà bỏ cuộc thì uổng quá. Nên dù trời đã gần tối họ vẫn theo đường mòn để leo lên đỉnh núi. Khi tới đỉnh đèo, đêm đã khuya lắm, trời tối như mực, bụng đói cồn cào, họ kiệt

1. Đèo Phật Tử ở xã Đại Phú, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.

sức không đi tiếp được nữa. Cái đói và mệt nhọc buộc họ phải dừng lại nghỉ nhưng không ai chợp mắt nổi. Bỗng một người trong bọn họ lên tiếng:

– Bây giờ nếu có một cây gậy ước thì các bậc đàn anh muốn ăn thứ gì nào?

Mọi người đã quá đói và mệt, nên họ không còn giữ gìn được nữa, ai thích thứ gì, dù những thứ mà người tu hành phải kiêng cữ nay cũng cứ nói toạc ra.

Thoạt tiên người họ Trần nói:

– Tôi ước được chén một bữa thịt chó, có đủ gia vị cúc tần, riềng lát, rau mùi, húng chó...

Người họ Trần đang kể lể thì người họ Hoàng ngắt lời:

– Tôi chỉ muốn bữa thịt trâu. Trâu càng già càng dai, nhai càng đã răng!

Người họ Lý nói tiếp lời luôn:

– Tôi chỉ muốn bữa thịt gà luộc, có lá chanh!

Sau cùng ni cô họ Lầm nói:

– Tôi chỉ thích một bữa rau luộc cho mát ruột và húp canh đã khát thôi.

Sáng dậy, khi mọi người đang chuẩn bị xuống đèo đi tiếp thì có một ông già râu dài tóc bạc phơ chống gậy từ chân dốc đi lên vẻ mệt nhọc nhưng cất giọng sang sảng hỏi:

– Các người ở đâu đến đây?

– Thưa cụ! Bầy tăng chúng tôi tìm đường lên núi Thiên Sơn để hóa Phật đấy ạ. Dám mong cụ chỉ đường giúp cho.

Nghe xong câu trả lời ông già nói:

– Được, ta sẽ đưa các người đến núi Thiên Sơn, nhưng bây giờ các người hãy nhổ nước bọt xuống lá cây xem đã.

Nói xong ông già rút từ trong túi ra bốn lá bồ đề to như nhau, đặt trước mặt cho từng người nhổ vào đấy. Bốn người nhổ xong đều cảm thấy lợm giọng, ruột nao nao buồn nôn. Trong nháy mắt cả bốn người đều nôn tống nôn tháo. Quái lạ là đêm hôm qua ai ước ăn gì đều nôn ra thứ đó. Thấy ba người nôn ra nào là thịt gà, nào là thịt

trâu, thịt chó, duy chỉ có ni cô họ Lằm là nôn ra rau xanh. Ông già bèn nói:

– Chính đây là đỉnh núi Thiên Sơn, các người đã đến cõi phật rồi. Nhưng nôn ra toàn những thứ kiêng kỵ thì sao gọi là chân tu được. Các người không hóa Phật được đâu!

Rồi ông già ngoảnh lại chỉ vào ni cô họ Lằm nói: "Người này cứ theo đỉnh chóp mà lên, chớ đi xuống, sắp tới nơi rồi!"

Ni cô họ Lằm theo đường mà lên rồi hóa thành Phật Bà Quan Âm. Phật Bà có nhiều phép lạ để trị bọn âm binh quấy nhiễu, giữ gìn phúc lành cho muôn dân. Ngày nay họ Lằm thờ phật Quan Âm trong nhà và mỗi khi tết đến cúng Phật Bà đều phải có một bát canh rau.

Còn ba người kia xấu hổ vì không hóa được phật, lại mất bao công sức tu thân nên buồn rầu mà chết ở giữa đỉnh đèo. Họ chết ở nơi hoang vắng đó, chẳng ai hay mà chôn cất, nên sau này người đời truyền nhau, khi qua đèo đều phải mang theo nắm đất hay hòn đá ném vào chỗ đó để đắp thành mồ. Chỗ đất ấy người ta gọi là mộ "Phật". Từ đó mộ "Phật" ngày một cao lên và tên đèo được đổi thành đèo "Phật Tử".

Theo lời kể của cụ Lâm Văn Thảo
xã Quang Yên, Lập Thạch, Phú Thọ

SỰ TÍCH CÁC NÚI BA VÌ VÀ TAM ĐẢO

Ngày xưa người ta cho rằng thần đất có quyền hành rất lớn. Ông sắp xếp núi rừng, đồng đất và biển cả mỗi thứ một nơi. Nhưng ông không biết rằng, làm như vậy đã gây biết bao khó khăn cho con người. Kẻ ở miền núi có rừng cây bát ngát, củi đun không hết, cần dựng những cột nhà to bằng người ôm cũng chẳng khó khăn gì. Người ở đồng bằng, đồng lúa bao la, thóc gạo đầy bồ đầy kho, muốn ăn nếp có nếp, muốn ăn tẻ có tẻ. Người ở vùng biển có những ruộng muối trải dài như bãi cát không phải chắt chiu từng hạt muối như núi rừng.

Có đôi vợ chồng nọ ở đồng bằng , sống với nhau đã hơn hai chục năm mà chưa có con. Cả hai đều rất buồn rầu và không có ý định làm nhà tử tế để ở nữa. Với lại muốn làm nhà thì phải mất

hàng mấy năm trời lặn lội nơi rừng sâu núi thẳm mới lấy đủ gỗ. Nhưng rồi, khi ngoài năm mươi tuổi, người chồng thấy ăn bụi nằm bờ mãi cũng vất vả, nên ông ta quyết định lên núi lấy gỗ làm nhà. Sau ba năm lên rừng kiếm cây chọn que, ông ta đã lấy đủ cây dựng một ngôi nhà rộng rãi khang trang. Nhưng khi về đến nhà kiểm lại thì thấy còn thiếu lạt buộc. Thủa ấy, người ta chỉ biết chẻ dây mây làm lạt. Nên người chồng lại quyết ra đi lần nữa để kiếm dây mây.

Vào đến khu rừng quen thuộc, ông tìm khắp nơi, mãi tới trưa, khi tới một gốc cây cao to nhất rừng, cành lá ám tối cả một vùng thì thấy dây mây leo lên chằng chịt. Sợi nào cũng vàng óng vút lên theo ngọn cây. Ông mừng rỡ vội vàng leo lên cây để chặt. Vừa chặt được ba sợi thì trời bỗng đùng đùng nổi cơn giông bão. Cây rừng kêu răng rắc nghiêng ngả. Đứng trên ngọn cây ông ta hồn xiêu phách lạc, tay bám chặt cành, mắt nhắm nghiền lại, thỉnh thoảng mới dám hé ra nhìn. Trong cơn mưa bão, một vật to lù lù hiện ra trên bầu trời. Bỗng nhiên cây to rung lên bần bật và giông bão im ắng hẳn. Ông nhìn thấy một con chim to trong đời chưa từng thấy đậu ngay trên đầu mình. Ông ta chợt hiểu ra rằng, giông tố vừa qua chính do con vật kỳ quái này gây ra. Ông ta nín thở nhìn kỹ con chim: thân nó to như quả đồi, móng nó to hơn lưỡi cày. Vừa đậu xuống chim thần đã kêu "quạc, quạc" rồi quát lên như sấm:

– Ê! Có con sâu nào dám cả gan cắt các gân xanh, gân đỏ của ta?

Vừa dứt lời con chim đã dùng mỏ quắp lấy ông ném mạnh xuống đất.

Trong khi ấy, người vợ ở nhà cứ mong ngóng chờ đợi hết ngày này sang ngày khác vẫn chẳng thấy chồng về. Bà khóc giòn cả lông mi mà chẳng biết tăm hơi chồng đâu. Người vợ liền quyết chí ra đi tìm chồng. Bà ta cứ đi qua hết làng này lại tới bản khác. Đến một bản ở chân núi, bà ta được nghe dân làng nói rằng có một người lên tìm dây mây. Chẳng may chặt phải gân của chim thần nên bị nó giết chết.

Hay tin, người vợ kêu khóc thảm thiết, khẩn khoản nhờ dân làng dẫn tới nơi chồng lâm nạn. Tới gốc cây to, bà nhặt nhạnh từng khúc xương, từng mảnh áo của chồng đắp thành mộ. Đắp xong mộ,

mệt quá, bà ta nằm lịm đi. Trong mộng, bà thấy người chồng gầy guộc, mặt tiều tụy nhìn bà nói:

– Đời ta không làm gì được, đời con ta sẽ giết chết giống chim ác nghiệt này!

Bỗng cành cây khô rơi đánh đốp, bà giật mình thức giấc mới biết mình chiêm bao. Tỉnh dậy bà thấy cổ khô như rang, khát nước quá mà ở đây lại xa mọi nguồn nước. Bà tìm quanh quẩn thấy hốc cây bên cạnh mộ chồng còn đầy nước mưa liền gạn lấy uống.

Về tới nhà ít hôm, bà thấy trong người khang khác. Bà nghĩ, đúng mình có mang rồi, bà vừa mừng vừa lo. Ai cũng biết mình chồng đã mất mà lại có mang thì tránh sao được tai tiếng. Song mọi việc vẫn cứ phải đến, ba năm sau ngày có mang, đúng vào lúc đoạn tang chồng bà sinh một con trai khôi ngô tuấn tú khác thường. Vừa lọt lòng mẹ, cậu bé đã bằng đứa trẻ lên ba, riêng sữa mẹ không đủ nuôi, mỗi bữa ăn hết cả nồi cháo to. Đứa trẻ cứ lớn như thổi, năm tuổi đã cao bằng người lớn, ăn nhiều đến mức mẹ làm quần quật suốt ngày mà không đủ nuôi con. Cuối cùng mẹ con đành phải dắt nhau xin ăn khắp làng. Dân làng thấy người mẹ nuôi con trong cảnh góa bụa lấy làm thương tình. Nên người cho rổ khoai, kẻ cho thúng thóc, mẹ con cũng lần lữa sống qua ngày. Kỳ lạ hơn đến năm lên mười mà cậu ta vẫn chưa hề biết nói, mà vừa nói là giọng đã ồm ồm như lệnh vỡ, câu đầu tiên cậu nói ai cũng nhớ:

– Tôi sẽ đi trả thù cho cha và bắt rừng núi chuyển xuống đồng bằng.

Dân làng càng lấy làm ngạc nhiên và cố gắng giúp người mẹ nuôi cậu bé. Đến năm mười lăm tuổi cậu bé đã ăn hết mỗi bữa một nong gạo. Thóc gạo cậu ta ăn một năm nếu chất lên cũng to bằng quả núi. Được cái là ăn nhiều, chóng lớn, sức khỏe không ai bì kịp.

Năm mười bảy tuổi chàng trai bắt đầu tính tới chuyện trả thù cho cha. Chàng làm một cái cung khổng lồ. Cánh cung làm bằng hai cây tre ngà ghép lại, dây cung bện bằng mười sợi da trâu khô. Mỗi cái tên vót nhọn hoắt là một cây hóp già thớ đỏ, dài tới ba sải...

Lặn lội mấy tháng trời, chàng mới tìm thấy mộ cha dưới gốc cây to. Chàng quá mệt ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Trong cơn mơ màng chàng thấy cha hiện lên bảo:

– Con hãy can đảm lên để trả thù cho cha và trừ hại cho dân làng. Đợi đến tối, lúc mặt trời lặn, chim thần sẽ bay tới đậu trên cây. Con phải nhìn kỹ, bắn cho trúng ức nó mới chết.

Chàng giật mình bàng hoàng tỉnh giấc, dụi mắt mấy lần nhìn chẳng thấy cha đâu. Chàng sực nhớ tới những lời mẹ kể về cha, thấy máu trong người sôi lên vì căm giận. Chàng nghĩ, nếu bây giờ mình đánh nhau với con ác vật này có thể bị thua mất... Sau một hồi đắn đo suy nghĩ, chàng quyết định đi xuống bản hỏi già làng về tung tích con ác vật này. Thấy chàng trai to khỏe, quyết tâm giết chim dữ, dân bản ai cũng vui mừng. Dân bản kể cho chàng trai biết: Cách đây hai mươi năm, khi chưa có ai động đến gốc cây to, con chim ác chỉ săn bắt thú rừng để ăn thịt. Từ năm bố của chàng lên chặt gân mây nó mới quen ăn thịt người. Năm nào các làng quanh vùng cũng đều phải luân phiên nhau nộp mạng cho nó ăn thịt. Nỗi khổ cực chồng chất khắp làng bản không sao kể xiết. Năm nào chưa kịp nộp người cho nó thì nó tức giận bay qua bay lại làm tốc mái đổ nhà, phá phách mùa màng. Dân bản thù ghét con ác vật này nhưng lại nơm nớp sợ hãi trước những hiểm họa nó gây ra. Bởi thế, trong làng có người do ghét chim thần mà thù luôn cả người dưới đồng bằng lên lấy gỗ.

Nghe các già làng kể xong, chàng trai nét mặt hầm hầm tức giận, tay cung tay dao, ba bước làm một bước, lao tới gốc cây to. Anh vung dao chặt đứt hết sợi mây này đến sợi mây khác, chỉ trong khoảnh khắc chàng đã chặt sạch những sợi mây leo lên cây. Liền sau lúc đó, trời tối sầm lại, giông bão nổi lên dữ dội. Từ đỉnh núi xa xa con chim thần vun vút lao tới sà xuống đậu trên ngọn cây và hét lên những tiếng rùng rợn:

– Quạc, quạc! Con sâu nhãi nhép nào dám đến quấy rầy ta, cắt hết gân ta. Phen này bay không thể nào thoát chết!

Chàng trai nhảy phắt lên đỉnh núi cao nhất gần đó mắng lại:

– Hãy nghe ta nói đây: Mày là loài chim độc ác, giống như lũ quỉ dữ ăn thịt người không biết chán, hút máu người không biết tanh. Mày định làm bạo chúa mãi ở vùng này à? Ta sẽ không để cho mày yên đâu!

Chưa buông xong lời thì một mũi tên của chàng đã vụt lao tới con chim. Nhưng con quái vật già đời này né sang một bên, tránh

được mũi tên. Mũi tên cắm phập vào núi làm sạt cả một mảng đất to bằng sàn nhà. Chàng bắn phát thứ hai, thứ ba, chim thần đều tránh được. Lúc lừa miếng, khi lao tới, cứ như vậy suốt ba ngày liền, ngày không ăn, đêm không ngủ chàng vẫn không sao giết nổi chim thần. Cuộc vật lộn ác liệt náo động cả núi rừng, chim vỗ cánh, người bước chân làm cho cây cối tơi tả, mặt đất bị cày xới. Cây to nơi chim đậu tuy không đổ cành lá nhưng cũng xơ xác. Sang ngày thứ tư cả chim lẫn người đều mệt lử. Chim thần thì lui về đỉnh núi cao, chàng trai nằm thiếp đi bên mộ cha. Khi thức giấc chàng nhìn thấy con chim xanh rất đẹp đậu trên mộ nói:

– Con hãy lấy máu cha quệt vào mũi tên, chờ vài hôm nữa chim thần đến con bắn mới trúng.

Nói rồi chim xanh bay tới đậu trên đống mũi tên, lấy mỏ rỉa vào mình cho chảy máu rồi bôi vào mũi tên. Chàng trai chưa kịp nói gì thì chim xanh đã bay vụt vào bụi rậm.

Làm theo lời chim xanh dặn, chàng trai rình dưới gốc cây, quả nhiên vào lúc chập tối chim thần lại lù lù hiện ra, bay lượn ba vòng dường như để nhìn kỹ mặt đất xem chàng trai còn đấy không. Nhưng chàng trai nấp rất kín trong bụi rậm, chim thần không thể nào nhận ra, nên yên trí sà xuống ngọn cây to đậu như mọi ngày... Nó dướn dướn cái cổ hai ba lần rồi rúc đầu vào dưới cánh ngủ say như chết...

Đã mấy ngày chịu đói, chịu mệt nhưng vì nung nấu lòng uất hận và quyết tâm trả thù cho cha, chàng trai lấy hết sức bình sinh giương cánh cung lên, dùng mũi tên đã nhuộm máu chim xanh nhằm thẳng ức con chim ác thả đánh "phực" một cái. Mũi tên xuyên qua ức chim thần. Bị trúng tên bất ngờ, con chim bổng lao vút lên trên không lồng lộn, kêu quang quác mấy tiếng rồi chòn vòn rơi phịch xuống đất giãy giụa. Cánh đập, chân đạp nát cây, giập cỏ. Thế là hết đời con chim ác.

Chàng trai lấy chân đạp mạnh một cái cây to bằng mấy người ôm, nơi chim thần vẫn đậu đổ nhào. Chàng chặt hết cành vót nhọn hai đầu làm đòn xóc. Chàng quay lại nhặt lấy cung tên, cắt đầu chim mang xuống núi cho dân bản hả dạ...

Sau khi dân bản mời chàng ăn uống no say, chàng dùng đòn xóc khổng lồ xỏ mỗi bên mấy hòn núi gánh xuống đồng bằng.

Thấy động đến chỗ mình đang ngủ, thần đất bật dậy hỏi:

– Này cái anh chàng kia! Mày gánh núi của ta đi đâu?

Chàng trai lễ phép đáp lại:

– Thưa thần đất! Dân chúng vùng tôi khổ sở vì không có gỗ làm nhà, nên phải lên miền thâm sơn cùng cốc lấy cây que rất vất vả. Cha tôi cũng vì lên rừng chặt cây làm nhà mà bị chết. Nên tôi lên thăm mộ cha, tiện thể xin một ít núi về đấy ạ!

Thấy chàng trai ăn nói từ tốn, lại có chí lớn định mang lại hạnh phúc cho muôn người, thần rất hài lòng nói:

– Quả đúng như vậy, ta cho nhà ngươi được mang núi về đồng bằng. Nhưng ta báo cho nhà ngươi biết rằng, trong khi đánh nhau với chim thần, nhà ngươi đã giẫm phải những gai mây có thuốc độc. Nhà ngươi phải đi cho sớm, kẻo chết dọc đường mất.

Biết mình không còn sống được bao lâu nữa, chàng trai dùng hết sức mình nhặt những đám núi nhỏ vứt vung vãi xuống vùng xung quanh đó tạo thành vùng trung du chạy suốt từ Bắc Giang qua Thái Nguyên đến Tuyên Quang ngày nay. Đó là những nơi đồng bào Cao Lan sinh sống. Sau đó chàng mới lấy đòn xóc xâu vào mỗi đầu một quả núi to để gánh về quê. Chàng vừa đi được mấy bước chân bỗng thấy đau nhói khắp người vì thuốc độc đã ngấm, chàng rùng mình mấy cái bỏ rơi đòn gánh xuống, tắt thở. Đầu kia của đòn gánh rơi xuống phía nam sông Hồng thành núi Tản Viên– Ba Vì, đầu này rơi ở phía Bắc tạo thành dãy Tam Đảo quanh năm mây phủ. Sau dãy Tam Đảo là núi rừng Lịch Sơn ngút ngàn ở vùng Vân Nham, Sơn Dương đời đời cung cấp cây que, nứa lá cho mọi người làm nhà, làm cửa.

Theo lời kể của cụ Lâm Văn Thảo,
Quảng Yên, Lập Thạch, Phú Thọ

SỰ TÍCH CON BỌ HUNG

Ngày xưa trời ở thấp lắm, thấp đến mức người trần gian giơ chày lên giã gạo cũng chạm vào bụng.

Người trần gian lại ngày một đông, sáng tinh mơ đã thi nhau giã gạo có khi đâm vào bụng trời ngay cả lúc trời còn đang say sưa giấc ngủ. Vào những ngày tết nhất, đến khuya người ta vẫn còn giã

gạo, trời buồn ngủ lắm mà bụng vẫn cứ bị những nhát chày thục vào đau điếng.

Nhà trời tức lắm không biết làm thế nào, bèn ra lệnh cho trần gian bớt ăn đi, may ra mới có thể yên thân được. Thế là nhà trời gọi bọ hung đến để truyền chiếu chỉ xuống trần gian:

– Mày xuống truyền lệnh cho người trần gian rằng: Từ nay trở đi ba ngày mới được ăn một bữa, mỗi bữa chỉ được ăn ba lưng.

Bọ hung vốn đãng trí, cứ nói trước quên sau. Đã bao lần truyền sai lệnh bị nhà trời quở phạt. Nhưng được cái tính ngoan ngoãn, hễ nhà trời sai bảo thì làm ngay. Lần này bọ hung nhất quyết không truyền sai lệnh nữa. Nên vừa ra khỏi cửa là hắn luôn mồm lẩm bẩm:

– Ba ngày ăn một bữa. Mỗi bữa chỉ được ăn ba lưng...

Hắn cứ thế đi từ trên trời xuống trần gian. Một chàng đi cày, thấy bọ hung lẩm bẩm cái gì đấy liền lắng tai nghe. Rồi anh ta nấp sau bụi cây, khi bọ hung đi qua liền hét lên một tiếng. Bọ hung giật bắn người vì bất ngờ, quên khuấy câu mình đang nói. Hắn tức mình đỏ mặt tía tai định cãi nhau với anh kia, nhưng trước hết phải nhớ câu mình đang nói là gì đã. Nghĩ mãi không ra, anh kia bèn nhắc:

– Có gì đâu, mày đang nói câu: "Một ngày ăn ba bữa, còn ăn vặt không kể".

Bọ hung mừng rối rít, quên cả việc định đôi co với anh chàng kia và cứ thế tiếp tục đi:

– Ngày ăn ba bữa, còn ăn vặt không kể...

Nghe nói có bọ hung mang lệnh nhà trời xuống, vua tôi trần gian cả một đám đông cận thần nghênh đón để nhận chiếu chỉ. Khi nghe bọ hung nói:

– Ngày ăn ba bữa,..."

Vua tôi trần gian nghe hoảng quá, ăn nhiều như vậy thì làm bao nhiêu cho đủ. Trước ăn mỗi ngày có hai bữa, đã phải giã gạo làm trời mất ăn mất ngủ, kỳ này chắc nhà trời càng quở trách to đây.

Bọ hung truyền lệnh xong liền trở về trời. Nhà trời thấy từ ngày ra lệnh cho người trần gian ăn ít đi, mà sao lại giã gạo nhiều hơn trước, lấy làm lạ, bèn triệu vua trần gian lên hỏi nguyên do.

Vua trần gian kể lại khi nhận lệnh các quần thần đều đến đông đủ để nghe chiếu chỉ của nhà trời do bọ hung truyền xuống là phải ăn nhiều hơn trước. Bấy giờ nhà trời mới vỡ lẽ việc bọ hung truyền sai lệnh.

Nhà trời tức quá liền cho gọi bọ hung đến đánh cho một trận. Sau đó, cắm cái xẻng vào đầu đày đi làm nghề xúc phân. Từ đó bọ hung phải đi hót phân không kể đêm ngày.

Lệnh đã truyền đi, không thu lại được nữa, dân chúng hạ giới ngày đêm giã gạo không ngơi tay. Nhà trời mất ăn mất ngủ liên miên đành phải chuyển lên thật cao để con người không còn đụng chạm tới nữa.

Theo lời kể của bà Trần Thị Am
Phú Lương, Sơn Dương, Tuyên Quang

SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG CẶP

Ngày xưa có hai vợ chồng, vì mỗi người một tính, nên ít khi được sống hòa thuận.

Anh chồng thì nghiện ngập đủ thứ. Ngoài những lúc ăn uống đàn đúm ra, anh ta hết chơi chim khướu lại đến chim mồi. Có lần gặp con chim mồi đẹp anh ta mang cả con trâu đi để đổi. Mỗi lần đi thi chọi được con chim nào về anh ta lại thịt để nhắm rượu. Quanh năm suốt tháng anh ta toàn bày những trò ăn chơi như vậy, ít khi ngó ngàng tới công việc làm ăn. Họa hoằn lắm, sau khi người vợ phát hết những cây nhỏ của đám nương, anh ta mới giúp được đôi buổi để hạ những cây to. Trong khi đó người vợ lại vụng về không biết khuyên bảo chồng. Mỗi lần người chồng đi ăn uống say đâu về chị ta thường gắt gỏng không tiếc lời.

Vào một năm nọ, khi ngày tết đã gần đến, làng bản ai ai cũng tấp nập sắm sửa để đón tết. Con gái ban đêm may cắt những bộ quần áo mới, ban ngày lên rừng kiếm củi, cắt lá dong, rọc lá chuối, ra suối đãi gạo, rửa rau... Trai làng thì sửa sang nhà cửa, quét dọn bàn thờ tổ tiên. Nhà nào nhà nấy đúng là "bận tíu tít như ngày tết". Riêng chỉ có vợ chồng nhà nọ vẫn chưa sắm sửa được tí gì. Số là ngày hai mươi chín tết anh chồng vừa đi uống ở đâu về say mềm,

người vợ lại chửi mắng không ngớt. Thế là một cuộc cãi lộn to giữa hai vợ chồng lại nổ ra.

Thấy vậy đứa con gái nhỏ len lét đến gần mẹ hỏi:

– Mẹ ơi! Sao nhà ta chưa gói bánh chưng hở mẹ?

Người mẹ quắc mắt nhìn con trả lời:

– Bánh à? Lấy đâu ra thịt mà làm nhân!

Lúc đó thằng con lớn cũng vừa đi chơi đâu về hớt hải hỏi bố:

– Bố ơi! Nhà ta chưa thịt lợn à? Khắp bản người ta thịt cả rồi!

– Lợn mình bằng con chuột, thịt lúc nào mà chẳng được. Mẹ mày có chăn lợn bao giờ đâu mà có lợn to!

Tuy đang giận vợ, nhưng sau khi nghe các con hỏi nào bánh nào thịt anh ta cũng động lòng. Nên ngay sau đó anh ta liền sang nhà hàng xóm ăn đụng một đùi lợn mang về. Chiều tà anh ta bỏ sang nhà bạn uống rượu. Bởi quá say anh ta không thể nào về đến nhà được nữa, nằm vật bên bìa rừng. Người qua đường thấy vậy vội đến báo chị vợ đi dìu chồng về. Người vợ đang sẵn bực dọc trong lòng liền buông lời nguyền rủa:

– Kệ xác, để cho hổ tha ma bắt càng tốt.

Nói rồi, chị ta cứ điềm nhiên tiếp tục gói bánh, rồi bắc nồi lên luộc. Lúc đó, đêm đã khuya, hai đứa con thấy đợi bánh lâu quá, ngủ say lúc nào không biết. Lúc bấy giờ chị ta mới sực nhớ tới chồng đang nằm ngoài trời. Chị ta thắp đuốc rồi vực thằng con trai dậy cùng đi tìm chồng. Tới đoạn đường bìa rừng chị ta gọi chồng mãi nhưng chẳng thấy tiếng thưa. Không có cách nào nữa, hai mẹ con đành đi vào sau các lùm cây bụi cỏ để tìm. Bỗng đến một nơi cây cỏ nát lụi, đi bước nữa chỉ thấy những vũng máu, rồi tay áo...Mẹ con òa lên kêu khóc: thôi thế là hổ đã ăn thịt chồng rồi. Hai mẹ con vừa khóc vừa chạy vội về làng. Nghe tiếng kêu khóc thảm thương của mẹ con nhà nọ, cả làng kéo đến giúp tìm thâu đêm nhưng không thấy tăm hơi đâu cả. Hối hận lắm, sáng hôm sau người vợ và đứa con trai lại bổ đi tìm chồng. Hai mẹ con cứ lần theo các giọt máu và vết chân hổ mà đi. Họ đi mãi đến trưa thì tìm thấy xác chồng ở trong thung lũng nọ. Xác anh ta còn, vì mùi rượu bốc lên nồng nặc hổ không thể nào ăn được.

Người vợ cứ ôm lấy xác chồng mà khóc, mà kể lể mọi nỗi khổ cực của mình. Chị ta khi thì gào thét, lúc thì kể lể vật vã bên

chồng, cuối cùng chị ta khóc không thành tiếng nữa. Chị ta nghĩ bây giờ mà về thì cũng nghèo đói, lại bị làng bản chê cười là bạc bẽo với chồng, chi bằng chết đi cho rảnh. Nghĩ vậy chị ta tự cắn lưỡi, ôm chồng mà chết.

Con hổ lúc đó đang lẩn sau bụi cây, nghe hết mọi điều chị ta than khóc lấy làm thương hại lắm. Nó nghĩ bây giờ làm sao mà đền tội cho vợ chồng nhà nghèo này được. Thế là hổ ta bèn đi bắt lấy hai con lợn chờ đến đêm đưa xác vợ chồng nọ cùng hai con lợn vừa bắt về đặt ngay trước cửa nhà họ.

Người con trai thấy mẹ chết theo bố, sợ quá chạy về nhà. Hai anh em kêu khóc thật sầu thảm. Chiều ba mươi tết, cả làng, người đến cân thịt, kẻ đưa đến chiếc bánh, nhưng hai đứa bé đều không thiết ăn.

Sáng ngày mồng một, từ tinh mơ, người ta thấy xác hai vợ chồng ôm nhau chết ngay trước cửa. Bên cạnh lại còn có hai con lợn chết lăn ra đấy nữa. Cả làng đều lấy làm lạ. Khi họ xúm lại xem thì thấy xung quanh đấy đặc vết chân hổ mới biết là hổ mang đến.

Trước cảnh thương tâm đó, dân làng bỏ cả ăn tết để khâm liệm, chôn cất cho vợ chồng nọ. Rồi dùng hai đầu lợn cúng lên trước hai vong linh. Về sau hai đứa con lớn lên, hàng năm cứ đến ba mươi tết lại nhớ tới ngày giỗ bố, mẹ. Hai đứa con gói bánh chưng rồi buộc cặp hai cái vào nhau đặt lên bàn thờ cúng cha mẹ.

Từ đó người Cao Lan cứ đến Tết lại gói bánh chưng, hai cái buộc vào nhau,luộc chín để cúng tổ tiên.

Theo lời kể của Cụ Lâm Văn Thảo
xã Quang Yên, Lập Thạch, Phú Thọ

KIÊNG THỊT CHÓ

Thuở nhỏ Ngọc Hoàng và Triệu Muội Tam Nương (cô Ba họ Triệu) cùng học một trường. Hai người quý trọng nhau đến mức đã thề thốt với nhau sẽ làm bạn trăm năm.

Ngọc Hoàng thì ngày đêm miệt mài đèn sách, nên chẳng mấy chốc đã nổi danh nhất trường. Sau Ngọc Hoàng thi đỗ trạng và đi tu trở thành phật sống. Còn cô Ba thì trái lại, từ ngày được Ngọc Hoàng yêu đã dần dà chểnh mảng đèn sách, không mấy khi cầm đến bút nghiên, ngày đêm chỉ chăm chắm điểm trang ngắm vuốt.

Đến kỳ thi Triệu Muội Tam Nương bị trượt. Cô xấu hổ với bạn bè và cũng chẳng còn mặt mũi nào gặp lại Ngọc Hoàng nữa. Cô buồn bã bỏ nhà đi lang thang khắp chốn. Chẳng bao lâu cô Ba đã nhập bọn với những tay làng chơi giang hồ và ngày càng đi sâu vào con đường ăn chơi đàng điếm.

Nhưng cuộc ăn chơi cũng làm cho Triệu Muội Tam Nương cảm thấy chán chường. Thế là cô ta sực nhớ tới Ngọc Hoàng và đi tìm gặp lại. Lúc này Ngọc Hoàng đã là một chân phật quyền hành lớn bao trùm cả một vùng. Tuy vậy, khi gặp lại cô Ba, Ngọc Hoàng vẫn vui vẻ, đón tiếp và ra sức giúp bạn mình trở lại con đường tu luyện thành người tốt.

Song chẳng bao lâu thói quen lại thúc đẩy cô Ba lén đi tìm rượu và thịt chó. Các ni cô và phật tử có lần thấy vậy cũng nhỏ to thì thầm về chuyện ăn uống của Triệu Muội Tam Nương. Nhưng cô Ba cậy thế là bạn cũ của Ngọc Hoàng nên không thèm đếm xỉa tới mọi người và cứ ngang nhiên uống rượu, ăn thịt chó.

Không ngờ sự việc ăn thịt chó giấu của cô Ba lại bị đức phật Như Lai phát giác. Tức giận về lòng trung thực của Ngọc Hoàng, đức phật Như Lai trừng phạt bằng cách rút ba mươi sáu phép nhà Phật đã truyền cho Ngọc Hoàng xuống chỉ còn để lại tám phép.

Từ đó trở đi, Ngọc Hoàng nghiêm cấm không cho ai ăn thịt chó nữa.

Người ta bảo rằng tục người Cao Lan kiêng thịt chó cũng bắt đầu từ hồi xa xưa ấy.

Theo lời kể của cụ *Hoàng Văn Mận,*
Quang Yên, Lập Thạch, Phú Thọ

VÌ SAO PHẢI GẶT LÚA

Thời cổ xưa, các loài cây ăn được cứ đến mùa là tự đâm hoa kết trái, và tới cuối vụ lại tự về trong các hang đá hốc cây sẵn cho con người.

Ông Sằn Nồng[1] thường đi săn bắn nên được gặp đủ thứ hoa, được ăn đủ thứ quả, nếm mọi loại củ có trong núi rừng. Một lần

1. *Sằn Nồng*: thần nông.

ông ta gặp hạt thóc, đem về nướng lên thì nở như hoa, bóc vỏ đem bỏ vào ống nứa lam lên lại càng bùi, càng ngọt. Ông liền đến mời tất cả các hạt thóc đang ẩn náu trong hang tới nhà ông ở. Mùa xuân tới, các hạt thóc lại tự ra đồng mọc lên xanh tốt cuối vụ lại tự về đầy bồ, đầy kho.

Vào năm nọ, Sằn Nồng đi săn xa quá, phải ở lại rừng hàng chục ngày không về được. Lúc đó đã đến mùa lúa chín. Người vợ ở nhà thì lười, không bao giờ trông nom việc nhà. Một hôm, khi bà ta đang gội đầu thì bọn thóc đã nhao nhao kéo đến. Bồ bịch thì chưa kịp mở miệng, đáy chưa kịp lót, nên bà vợ bảo bọn thóc hãy đợi đã. Nhưng bọn thóc đứng mãi dưới nắng thấy nóng quá bèn kêu rên ầm ĩ.

Trong khi đó bà Sằn Nồng vẫn cứ thong thả chải từng sợi tóc, không hề để ý tới bọn chúng. Thấy vậy bọn thóc càng sốt ruột càng kêu than, những bọn đến trước quá mệt thì chen nhau đứng vào chỗ râm mát ở gầm sàn, bên mái hiên. Khi quá chật chội chúng nó bèn đánh nhau túi bụi để tranh giành chỗ đứng.

Bà Sằn Nồng gội sắp sạch đầu thì một cơn gió nổi lên làm bà trúng một trận bụi bậm, đất cát bám đầy đầu. Những hạt thóc bắn lên mình, lên mặt bà làm bà vừa đau, vừa ngứa.

Bực quá bà ta quên cả chuyện thóc đến để nuôi thân, bà cầm đòn càn đánh lia lịa, phang trái phang phải vào bọn thóc, miệng luôn mắng chửi đuổi đi. Bọn thóc phần thì bị đập nát, phần thì bị tróc vỏ, số còn lại chạy táo tác vào rừng.

– Cút đi, cút cho hết đi! Tao không cần đồ chúng mày tự đến làm gì. Từ nay ta không đi gặt thì cứ chờ ngoài ruộng đấy. Có chết thì chết rũ ở đấy, khi nào tao đi đón mới được về.

Sằn Nồng đi săn về biết chuyện liền đi vào rừng để dỗ dành bọn lúa trở lại. Nhưng dỗ thế nào chúng cũng không về nữa. Giận quá, ông quay về nhà tát cho bà vợ lười mấy cái, rồi lấy nắm thóc trong tay trái tung lên trời, nắm trong tay phải mang theo, rồi ông bay lên trời, để mặc người vợ ở dưới trần gian làm lụng vất vả.

Nắm thóc tay trái ông tung lên nay trở thành các vì sao lấp lánh trên bầu trời, nắm thóc còn lại ông đem theo cày bừa cấy hái ở bên bờ sông Ngân Hà. Bởi thế mùa tháng năm, tháng sáu đêm

nào người trần cũng thấy rõ sông Ngân Hà sáng rực. Đó là mùa Sằn Nồng cày cấy.

Cũng từ đó lúa không bao giờ tự bò về nữa. Đến ngày lúa chín, con người phải mang liềm mang hái ra gặt lấy từng bông. Sau đó lại phải đựng vào thúng vào dậu để đưa thóc về nhà.

Nhớ tới ơn xưa của Sằn Nồng, hàng năm khi đến ngày gặt lúa đầu mùa, đồng bào Cao Lan vẫn có tục "ăn lúa mới" để cúng Sằn Nồng.

Theo lời của cụ Lâm Văn Thảo
Quang yên, Lập Thạch, Phú Thọ

DÂN TỘC CHĂM

SỰ TÍCH CON BÒ THẦN KAPIN

Đã lâu lắm, ở một làng nọ có hai vợ chồng người tiều phu tuy nghèo đói, khổ cực nhưng rất yêu thương nhau. Một hôm người chồng lên rừng hái củi, người vợ như thường lệ lại đội pụ[1] ra suối lấy nước. Đi qua một cây xoài, tự nhiên bà thấy thèm ăn, bèn trèo lên hái quả. Đến lưng chừng, bà trượt chân ngã xuống đất đẻ ra một con bê và một cậu con trai, rồi chết ngay tại gốc cây. Người chồng đi kiếm củi về không thấy vợ ở nhà bèn đi tìm. Đến gốc xoài bên suối thấy xác vợ nằm cạnh một con bê với một đứa bé, ông liền mang xác vợ cùng con bê và đứa bé về nhà rồi làm ma cho bà vợ xấu số.

Hàng xóm thấy bà vợ ông tiều phu đẻ ra bê thì vô cùng ngạc nhiên, kinh sợ. Nhưng rồi mọi việc cũng qua đi, người ta quen gọi con bê ấy bằng cái tên Kapin. Mấy tháng sau, ông tiều phu đi lấy vợ khác và mang cả đứa con cùng con bê đi theo. Đứa con còn bé nhưng đã phải đi chăn trâu bò cho nhà dì ghẻ. Ngày ngày con bê Kapin cho em mình ngồi trên lưng lùa đàn trâu bò đi chăn. Khi đến bãi, con bê Kapin đi quanh một vòng, thế là bầy trâu bò chỉ

1. *Pụ*: một loại vò bằng gốm, đồng bào Chăm chuyên dùng để đội nước.

gặm cỏ trong cái vòng ấy, không thể đi ra ngoài được. Một hôm, hai anh em rủ nhau đi chăn xa hơn. Sau khi vẽ một vòng lớn cho lũ trâu bò ăn, hai anh em rủ nhau lên núi chơi. Nghe tiếng trống và tiếng kèn ở phía xa chúng bèn lần đến, thì ra đó là một đám ma. Mọi người thấy em bé rách rưới quá bèn cho quần áo mới để mặc và cho chúng ăn uống no nê. Khi hai anh em về đến nhà, mụ dì ghẻ thấy em bé có quần áo mới, tưởng rằng nó ăn cắp bò đem bán để mua sắm, bèn đánh đập tàn tệ rồi lột hết quần áo. Người em khóc lóc đau đớn. Con bò Kapin bèn an ủi em, rồi hai đứa phải nhịn đói đi ngủ. Ngày hôm sau, hai anh em lại lên núi chăn trâu bò, mụ dì ghẻ lẻn theo rình mà hai anh em không biết. Thấy con Kapin đi một vòng quanh bãi cỏ thì cả đàn bò không đi đâu nữa, mụ biết con Kapin có phép lạ nên vô cùng lo sợ và tìm cách giết. Mụ dì ghẻ bèn quay về nhà, giả vờ ốm nặng. Mụ dặn bà đồng bóng cùng làng rằng hễ chồng hỏi thì bảo tại con bò của chồng làm cho ốm, muốn khỏi phải giết con bò ấy đi. Tối hôm đó, hai anh em Kapin về đến nhà thì thấy ở nhà đang làm lễ chữa bệnh cho dì ghẻ. Sau khi nghe mọi lời của mụ bói, người cha bèn hỏi:

– Này con Kapin ơi, dì con tự nhiên mang bệnh nặng, thần thánh nói rằng chỉ có giết con thì dì con mới sống được. Con có bằng lòng không?

Kapin nghĩ một lát rồi ưng thuận. Người em nghe vậy bèn khóc lóc thảm thiết. Bò liền bảo em:

– Em đừng sợ, mọi việc đã có anh lo. Em nhớ là trước khi họ giết anh thì em xin họ hai điều: một là phải dắt anh ra gốc xoài nơi mà mẹ đã sinh ra chúng mình, buộc ở đó rồi mới được giết. Hai là trước khi giết, cho em đi vòng quanh gốc xoài ba lần, đến lần thứ ba cầm đuôi anh vuốt ba cái. Người em gật đầu ghi nhớ, nằm lòng lời anh dặn.

Ngày hôm sau, khi mọi người dựng rạp xong xuôi cậu em bèn xin với cha hai điều trên, người cha bằng lòng. Khi đến giờ hành quyết, người em liền đi vòng quanh gốc xoài buộc Kapin ba lần và lần thứ ba cầm đuôi bò Kapin vuốt ba cái. Tự nhiên cây xoài chuyển động rồi đưa cả hai anh em bay lên trời trước sự kinh ngạc của người cha và mụ dì ghẻ cùng dân làng. Cây xoài bay lên trời đưa

hai anh em đến một vùng xa lạ, rồi hạ xuống bên một giếng nước trong vắt. Mọi người vùng đó ra múc nước thấy tự nhiên cạnh giếng có cây xoài to mọc sừng sững thì vô cùng sợ hãi. Chuyện đó thấu đến tai vua, nhà vua bèn cho gọi người em vào triều bái kiến. Người em kể lại cho vua biết sự tàn ác và mưu mô thâm độc của dì ghẻ, rồi xin nhà vua cho được sống nhờ ở nước này. Tên vua ra điều kiện hễ con bò của người em đấu với bò nhà vua mà thắng cuộc thì được ở, nếu không thì phải rời đi xứ khác. Người em lo lắng về kể với Kapin. Kapin bảo em cứ nhận lời.

Thế là cuộc đấu bắt đầu. Ngày thứ nhất, bò Kapin húc chết rất nhiều bò của nhà vua. Sang ngày thứ hai tên vua sai lấy dao nhọn buộc vào sừng bò để húc chết Kapin. Bò Kapin bị nhiều vết thương, máu chảy thành vũng. Đến tối, cuộc thi đấu vẫn chưa phân thắng bại. Người em lo lắng, bảo Kapin thôi đấu và đi chỗ khác, nhưng Kapin bảo em đừng ngại và dặn khi xem đấu đừng có nói gì cả.

Sang ngày thứ ba, bò Kapin cũng lại húc chết nhiều bò của nhà vua, nhưng chết con này nhà vua lại thả con khác hung dữ hơn. Bò Kapin đuối sức dần, người em thấy thế buột miệng kêu than cho số phận anh mình. Dứt lời than khóc thì con bò Kapin gục ngã. Người em đến ôm lấy thân bò khóc lóc. Trước khi chết, bò Kapin dặn em:

– Em ơi, nay anh không còn được ở bên em giúp nhau khi hoạn nạn nữa. Khi anh tắt thở em hãy lột da anh giữ lấy, khi cần mang tấm da ra gọi, anh sẽ lại đến giúp em.

Nói rồi bò Kapin chết ngay. Người em gạt nước mắt lột da Kapin cất đi, rồi chôn xác bên gốc cây xoài. Tên vua thấy con Kapin đã chết bèn bắt người em phải bưng ngay xác con bò cùng cây xoài đi, nếu không sẽ chém đầu. Người em lo sợ, bèn giở tấm da bò ra gọi, Bò Kapin liền hiện ra bảo em ôm lấy cây xoài và nhắm mắt lại. Phút chốc, cây xoài rung mạnh một cái rồi từ từ bay đi.

Tên vua thấy vậy, lấy làm lạ. Hắn nghĩ chắc người này có nhiều phép thuật tài giỏi, bèn nghĩ cách giết hại bằng được để trừ hậu họa. Hắn ra lệnh bắt người em phải bắc ngay một chiếc cầu qua biển, nếu không làm được sẽ trị tội. Người em lại cầu khẩn

anh. Bò Kapin hiện ra bảo em cứ bình tâm rồi đâu sẽ vào đó, chỉ cần nhớ là khi đưa vua qua cầu người em phải sang trước.

Hôm sau, theo lời bò Kapin mách bảo, chiếc cầu qua biển đã làm xong. Người em đưa vua qua cầu. Hai người vừa đi được lưng chừng thì cầu sập. Tên vua bị chết chìm nghỉm giữa biển, còn người em vẫn ung dung đi tiếp như không có gì xảy ra.

Bò Kapin bèn hiện hình đưa em quay trở lại lên làm vua nước đó rồi biến mất. Người em cho tạc tượng bò Kapin và lập đền thờ anh mình để đền đáp công ơn. Từ đó nhân dân cả nước cũng làm theo vua thờ con bò Kapin có phép thần mầu nhiệm. Tục đó ngày nay vẫn còn thấy ở người Chăm.

DÂN TỘC CƠ TU

SỰ TÍCH HAI ĐỨA BÉ VÀ CÂY XOÀI TRÊN CUNG TRĂNG

Đã lâu lắm rồi, ngay cả người già nhất trong làng cũng không nhớ rõ năm tháng nào, nhưng người ta vẫn truyền nhau câu chuyện về hai đứa trẻ.

Hồi ấy, có hai đứa trẻ mồ côi cha mẹ rất sớm. Chúng không còn ai thân thích ngoài người bà đã già. Bà chúng không còn đủ sức để lên rẫy trỉa lúa hay xuống suối bắt cá nữa nên miếng ăn hàng ngày chúng phải tự đi tìm lấy.

Một hôm, hai đứa trẻ theo dân làng đi xúc cá. Họ xúc được rất nhiều nhưng bị mọi người tranh hết, chỉ chia cho hai đứa một con cá bé tí teo bằng ngón tay út. Khi về nhà, bà thấy vậy, bực lắm, bảo mang vứt con cá cho gà ăn. Thấy con cá nhỏ xinh xinh, hai đứa bé không nỡ vứt mà bỏ vào một chiếc xa tộc[1] nuôi. Mấy hôm sau, cá lớn chật cả xa tộc. Chúng bèn bắt cá bỏ sang chiếc xa tộc lớn hơn. Nhưng rồi cá lại lớn chật chiếc xa tộc ấy. Biết không

1. Một loại ché to.

thể nuôi cá ở nhà được, hai đứa trẻ liền đem cá bỏ xuống một khúc sông sâu.

Hai đứa bé không có rẫy để trồng ngô, trỉa lúa. Chúng muốn phát rẫy nhưng chủ làng lại không cho. Hai đứa bé đành phải sang bên kia sông lấy đất rải lên một tảng đá phẳng phiu để trỉa lúa. Chẳng ngờ, lúa của chúng mọc đều tăm tắp, lên xanh mơn mởn rồi trổ bông. Những bông lúa vàng ươm uốn cong như đuôi chồn, ai đi qua cũng thèm, cũng muốn. Khi lúa chín, bỗng nhiên trời làm một trận mưa lớn. Nước sông lên to, hai đứa không sao sang bên kia được. Thấy rẫy lúa chín rũ ra mà không sang thu hoạch được, chúng ngồi trên bờ sông ôm nhau khóc. Chúng khóc mãi, khóc mãi. Bỗng nghe có tiếng hỏi:

– Các anh ơi, làm sao các anh lại khóc?

Nhìn quanh không thấy ai, chỉ thấy một con cá to ngoi lên mặt nước đang nhìn mình, hai đứa trẻ liền kể sự tình cho cá nghe. Nghe xong, cá bảo:

– Để tôi làm cạn nước sông cho các anh sang.

Nói rồi, cá bơi lên đầu nguồn chắn nước sông lại. Dòng sông chẳng mấy chốc đã cạn khô. Hai đứa trẻ liền qua bên kia sông tuốt lúa.

Từ đó, ngày nào chúng cũng được cá giúp.

Lại nói, lão chủ làng từ lâu thấy ruộng lúa của hai đứa trẻ tốt hơn của mình, đã sinh lòng ghen ghét. Thấy nước sông lên to, lũ trẻ không sang sông tuốt lúa được, lão đã mừng thầm. Nhưng khi thấy hai đứa trẻ gùi lúa về, lão lấy làm lạ, lão theo gót rình xem. Khi hiểu ra sự tình, lão căm cá lắm. Tối hôm đó, lão gọi hết dân làng đến bảo:

– Ngày mai, ai muốn ăn cá to, hãy theo ta.

Sáng sớm hôm sau, trai làng trong bản ngoài mang đòng, giáo mác cùng chủ làng ra sông. Tới bờ sông, lão gọi thế nào, cá cũng không lên. Cuối cùng lão phải bắt chước tiếng gọi của hai đứa trẻ:

Cá ơi, cá ơi
Chắn nước cho ta
Sang sông tuốt lúa.

Mắc lừa, cá nổi lên. Lão hô dân làng xông vào đâm cá. Lúc đầu, cá còn vùng vẫy chống cự nhưng sau, cá đuối sức dần, rồi chết. Dân làng mang cá về xẻo thịt chia nhau. Bà của hai đứa bé cũng được chia một chiếc xương còn dính ít thịt. Bà ăn hết thịt còn xương cắm lên mái nhà.

Hôm đó, hai đứa trẻ vẫn sang sông tuốt lúa. Khi ông mặt trời sắp đi ngủ, chúng gùi hai gùi lúa nặng về. Đến bờ sông, chúng cất tiếng gọi cá, nhưng gọi mãi vẫn không thấy cá đâu. Nhìn sang bên kia sông, thấy máu loang đỏ cả một vùng, chúng biết là cá đã bị giết. Thương cá, hai đứa bé lại ôm nhau ngồi khóc. Một con nhện nước bơi qua, nghe tiếng khóc liền quay lại hỏi:

– Làm sao các anh lại ngồi khóc ở đây?

Hai đứa trẻ kể lại sự tình cho nhện nghe. Nhện bảo:

– Các anh cho tôi cái gì, tôi sẽ đưa các anh sang sông.

Hai đứa trẻ bảo nhện:

– Nhện ơi, nhà chúng tôi nghèo lắm, không có đồng la[1] đồng lạ[2].

Chúng tôi chỉ có lúa. Nhện đưa giúp chúng tôi sang sông, chúng tôi sẽ chia cho nhện một nửa.

Nhện bảo chúng:

– Tôi không lấy lúa đâu. Các anh cứ cho tôi dăng lưới khắp rẫy, bắt ruồi muỗi, sâu bọ, tôi sẽ giúp các anh.

Hai anh em đồng ý. Khi ấy, nhện dặn:

– Bây giờ các anh leo lên sợi tơ tôi dăng mà đi. Nhưng khi đi các anh chỉ được hát, không được cười.

Hai anh em làm theo lời nhện. Vừa đi chúng vừa cất tiếng hát:

Rập rình, rập rình
Có con nhện xinh
Dăng sợi to trắng
Để chúng mình qua sông.

---

1. Chiêng bằng.
2. Chiêng cổ.

Sang gần bờ bên kia, mừng quá đứa em cất tiếng cười. Bỗng sợi tơ đứt ngay. Cũng may, con nhện kịp bám vào một ngọn cỏ và kéo hai đứa bé lên bờ. Về tới nhà, hai đứa bé hỏi bà:

– Bà ơi, hôm nay ở làng ta có thịt ăn không?

Bà chúng bảo:

– Có đấy, dân làng giết được một con cá rất to, nhưng họ chỉ chia cho bà có mỗi chiếc xương thôi.

Nói xong, bà cụ chỉ cho chúng chiếc xương trên mái nhà.

Đêm hôm đó, cả hai đứa đều mơ thấy một ông già đến bảo chúng: "Các cháu hãy đưa chiếc xương cá lên đồi mà chôn".

Hôm sau tỉnh dậy, chúng kể cho nhau nghe giấc mơ và đều lấy làm lạ và làm theo lời trong giấc mơ. Mấy hôm sau, từ chỗ chôn xương cá mọc lên một cây xoài. Chẳng bao lâu, cây ra hoa kết quả. Một hôm hai đứa trẻ nhặt được một quả xoài to rụng dưới gốc. Chúng đem quả xoài về khoe với dân làng. Họ chia nhau ăn quả xoài, ai cũng khen ngon. Ăn xong, lão chủ làng bắt mọi người đi tìm xoài nhưng tìm mãi mà chẳng thấy. Lão liền về làng bắt hai đứa trẻ dẫn đường. Tới nơi, nhìn cây xoài trĩu quả, dân làng ai cũng thèm. Nhưng thấy cây xoài cao quá, ai cũng sợ phải leo. Lão chủ làng lại bắt hai đứa trèo lên cây lấy xoài, còn lão và mọi người ngồi chờ dưới gốc.

Hai đứa trẻ leo lên ngọn xoài rung mạnh, quả xoài rụng xuống rào rào như mưa. Điều lạ nhất là những quả xoài thơm ngon rơi xuống đất lại biến thành những viên đá. Đá rơi vào đầu lão chủ làng và đám người ngồi dưới làm chúng kẻ vỡ đầu, người sứt tai, chết không biết bao nhiêu mà kể.

Khi đã rụng hết quả, cây xoài từ từ bay lên cung trăng mang theo hai đứa trẻ mồ côi. Ngày nay, vào những đêm trăng tròn, nhìn lên mặt trăng, người ta vẫn thấy bóng dáng cây xoài và hai đứa trẻ bay lên từ thuở ấy.

DÂN TỘC DAO

NGƯỜI TRONG CUNG TRĂNG VÀ NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Ngày xưa, có người sinh được hai đứa con trai, đứa nào cũng có sức khỏe hơn người. Một hôm bố gọi hai con đến ý nói rằng là từ trước đến nay ông ta đã được ăn đủ thứ, duy có thịt Thần Sấm là chưa được nếm mùi, nên ba cha con phải đi tìm Thần Sấm để giết thịt. Nghe bố nói, hai con bằng lòng nhận lời.

Sáng hôm sau, ba bố con bịt một cái trống và đóng một cái thùng gỗ to để bắt Thần Sấm. Họ đi xúc thật nhiều phân trâu tươi đem về trát kín nóc nhà, chỉ để một lỗ hổng ở giữa nóc. Bố dặn hai con:

– Hai con đứng ở dưới chờ, để bố trèo lên nóc nhà rình bắt sấm. Khi nào có tiếng gọi các con phải nhanh lên giúp sức.

Nói xong người bố bê cái trống và đem theo mồi lửa lên ngồi ở xà nhà, thò đầu lên lỗ hổng. Chờ mãi, chờ mãi. Đến xế chiều bỗng mây trên trời ùn ùn kéo đen kịt, trong chốc lát mặt đất tối sầm lại. Tiếng sấm ì ầm từ xa vọng lại, và càng ngày càng kêu to. Tiếp đó là tiếng sét nhức tai, bầu trời chớp nhằng nhịt loang loáng chói mắt. Người bố biết sấm ra oai, bèn một tay đánh vào mặt trống, một tay giơ mồi lửa, vung vẩy trên đầu. Ngọn lửa vung đi vung lại cháy rần rật và tỏa ra những luồng sáng loang loáng.

Thần Sấm ở trên trời nghe có tiếng kêu ầm ầm vang động và ánh lửa chói sáng lấy làm tức lắm. Sấm hỏi quần thần là ai láo xược thế. Lũ quần thần nói là có lão già ở hạ giới chọc tức và muốn ăn thịt Thần Sấm. Sấm nghe xong hầm hầm vác một cái búa đồng thật to nhảy phốc xuống nóc nhà có ánh chớp lòe để giết kẻ vô lễ.

Người bố thoáng thấy Thần Sấm lao xuống, nhanh mắt thụt đầu xuống nóc nhà để tránh nhát búa của Sấm. Sấm giơ búa bổ vào đầu người bố nhưng trượt đà bị ngã nhào xuống sân vì chân tay không bíu được bởi toàn nhà trát bằng phân trâu trơn tuột.

Người bố thấy Thần Sấm ngã liền gọi hai con ra bắt sống Thần Sấm. Hai con nghe bố gọi vội chạy nhào tới ôm chặt Thần Sấm. Ba cha con đem nhốt Thần Sấm vào nhà kho. Nhà kho tường bằng đất

nên người bố dặn hai con là canh gác cẩn thận, chớ để nó tẩu thoát, còn mình thì xuống chợ mua muối đem về ướp thịt Sấm. Khi đi, bố còn ngoái cổ lại dặn là Sấm xin nước uống các con đừng cho nó.

Dặn con xong, người bố xách một cái ô về xuôi. Ông ta vừa ra khỏi nhà được một lúc, Thần Sấm ngồi trong nhà kho gọi hai đứa con lại bảo:

– Hai đứa mày có muốn xem tao làm trò không thì ra lỗ chân trâu múc cho tao một ít nước để tao uống, tao sẽ làm trò cho mà xem!

Nói rồi, Sấm giả bộ hoa chân múa tay làm những trò rất buồn cười. Hai anh em mải muốn xem trò, quên mất lời dặn, liền đi ra lỗ chân trâu múc nước về cho Sấm. Sấm uống vào mồm và phun khắp tường nhà. Tường nhà có nước vào bở đất tụt xuống. Thế là Sấm thoát được ra ngoài. Sấm thấy hai đứa con có công cứu mình nên tìm cách trả ơn. Nó nhổ một cái răng đưa cho hai đứa và bảo:

– Hai anh em chúng mày đưa cái răng này đi trồng. Khi nào gặp tai nạn sẽ qua khỏi được.

Sấm nói xong chạy ra cửa biển và bay về trời.

Hai anh em nhà kia đi trồng răng Sấm. Được ba ngày răng mọc thành một cây bầu và chỉ có một quả rất to. Từ đấy, cứ ngày ngày có một con chim về đậu ở nóc nhà kêu: "Chui bầu! chui bầu!". Hai anh em kia không hiểu gì cả. Một lần cơn mưa tầm tã suốt ngày này qua đêm khác mà không tạnh. Bao nhiêu sông cái, sông con, ngòi to, khe nhỏ không còn chỗ chảy. Nước ngập tít tận trời. Muôn loài ở trần gian chết sạch. Riêng có hai anh em nhớ lời chim kêu, bèn chui vào ngồi trong quả bầu. Quả bầu nổi lềnh bềnh trên mặt nước.

Người bố đi mua muối ở chợ về đến nửa đường thấy nước dâng cao bèn lật ngược cái ô nhảy vào ngồi ở trong để tránh nạn. Ô nổi bồng bềnh theo mặt nước lên tận gầm trời. Cán ô chạm vào cửa nhà Sấm. Sấm đang ở trong nhà nghe có tiếng động bèn hỏi:

– Ai gõ cửa thế?

Người bố đáp:

– Coóc...coóc! Chang lò khó tài lò bò ông cho![1] Thần Sấm mở cửa ra ngó thấy người bắt mình hôm trước hoảng hồn vội chạy đi tháo cửa bể để cho nước rút. Nước rút trong chớp mắt. Cán ô của

người bố không may mắc vào một cành đa ở trên trời. Người bố gỡ mãi không được, đành ngồi mãi ở trên đó.

Nước rút khỏi, hai anh em ở quả bầu chui ra thấy trần gian hoang vắng, ẩm ướt, muôn vật không còn. Hai anh em lấy hạt bầu trồng và thành một cây bí đao rất sai quả. Họ lấy hạt bí đao đi gieo khắp mọi nơi thành người Kinh, người Dao, người Tày, Nùng, Mèo, Thái... Do vậy mà tất cả các thứ người trần gian hiện nay cùng chung một quả bầu, một tổ tiên. Những đêm trăng sáng người ta thấy có hình người ngồi trên cung trăng. Trong dân gian nói đó là hình người bố bị ô mắc vào cành đa không về trần được.

Triệu Phù Tá
Nậm Nhìu, Sa Pa, Lào Cai *kể*

SỰ TÍCH KHỈ ĐỎ ĐÍT

Ngày xửa, ngày xưa ở một làng nọ có một cô gái bố mẹ chết sớm, không nơi nương tựa phải đi ở cho nhà giàu.

Một hôm nhà giàu có giỗ, hắn mổ lợn, giết gà ăn uống rất linh đình. Họ hàng tới uống rượu, cười nói nhộn nhạo. Bỗng có một cụ già đầu tóc bạc phơ không biết ở đâu đến chống gậy đứng ở cửa xin ăn. Lão nhà giàu trông thấy tức lắm. Hắn vừa trỏ vào ông cụ vừa chửi:

– Thằng già kia! Làm gì có cơm cho mày. Cút đi ngay. Mặc cho tên nhà giàu thét chửi, cụ già vẫn đứng yên, miệng van nài:

– Nhà ông nhiều cơm, nhiều thịt ăn không hết. Cho già xin một bát đỡ đói.

Tên nhà giàu lấy làm chướng tai và bực mình, hắn đứng dậy khỏi mâm cơm vác gậy đuổi đánh.

Cụ già bị đánh, tập tễnh đi men theo bờ suối vào trong rừng. Cô gái đi ở thấy cụ già bị đánh thì thương xót lắm. Cô bèn lén dấu gói cơm cháy phần của mình đi theo và đưa cho cụ già. Cụ già được cô gái cho cơm, ăn xong, cụ nói:

---

1. "Lão chương về bắt Thần Sấm!"

– Con có lòng tốt, biết thương kẻ nghèo khó. Thật là quí hóa con ạ! Bây giờ con muốn gì, ta sẽ giúp con.

Cô gái nghe cụ già nói thế thì ngạc nhiên lắm. Nhưng cô cũng thử bày tỏ ý muốn của mình:

– Thưa cụ, cháu chả muốn gì cao sang, chỉ mong khỏe mạnh làm việc có cơm ăn, áo mặc như người ta thôi.

Cụ già nghe cô gái nói liền chỉ cái hố nước trước mặt và nói với cô gái:

– Ở trong ấy có hai khóm hoa: một khóm trắng, một khóm đỏ. Con xuống đấy hái khóm hoa trắng đem về nhà mà ngửi, con sẽ được đủ ăn, đủ mặc.

Nói xong cụ già biến mất.

Cô gái làm theo lời dặn của cụ già. Khi cô ngắt khóm hoa trắng, đưa lên mũi ngửi thì trở thành một cô gái xinh đẹp, da trắng nõn nà. Cô mặc bộ quần áo thêu hoa sặc sỡ.

Trở về nhà, tên nhà giàu không nhận ra. Hắn nhìn cô không chớp mắt, dáng điệu khúm núm:

– Xin chào cô. Cô là ai? Ở đâu đến?

Cô gái thật thà đáp:

– Tôi là con ở của ông đây mà. Ông không nhận ra tôi ư?

Tên nhà giàu lại càng ngạc nhiên hơn, kêu lên:

– Mày đấy à? Làm thế nào mà xinh đẹp sang trọng thế?

Cô gái liền thuật lại đầu đuôi câu chuyện cho tên nhà giàu nghe. Hắn lại càng tiếc và cũng mong có dịp gặp lại ông cụ lần trước.

Ba hôm sau, có một bà già đến ăn xin nhà tên nhà giàu. Nhìn bà già ghẻ lở, hôi hám không những không cho cơm, mà tên nhà giàu còn sai người cầm gậy đuổi đánh. Bà già chạy vào rừng, nhưng lại men theo bờ suối như ông già lần trước. Khi bà già đi, tên nhà giàu mới sực nhớ lời cô gái nói hôm nọ. Hắn nghĩ bụng: "Có lẽ bà này là lão già trước kia con ở của ta gặp chăng?". Nghĩ vậy, hắn gọi lũ con và bảo:

– Này chúng mày ơi! Lấy ngay cơm thịt, rượu đem vào rừng cho bà cụ già ăn xin ăn. Sẽ được xinh đẹp và sung sướng, nhưng phải giả làm ra vẻ mặt quý trọng mụ già ấy mới được!

Bọn con làm theo lời mang thịt rượu, cơm vào rừng mời bà cụ ăn. Bà cụ ăn xong mới bảo chúng rằng:

– Các con có lòng nhân hậu, thương kẻ nghèo khó là tốt lắm. Bây giờ các con muốn gì, ta sẽ giúp cho.

Lũ con lão nhà giàu tranh nhau đáp:

– Chúng con chả muốn gì, chỉ muốn làm sao được ăn ngon, mặc đẹp.

Bà cụ chỉ cái hố nước hôm nọ và bảo đàn con nhà giàu đến đó thấy khóm hoa đỏ, ngắt về ngửi sẽ được ăn sang, mặc đẹp. Đàn con nhà giàu mừng quá, vội chạy về nhà bảo cho bố biết. Lão nhà giàu liền gọi tất cả nhà: già, trẻ, lớn, bé đi tới cái giếng có khóm hoa đỏ. Lạ thay vừa ngửi xong, cả nhà nó ai cũng ngứa ngáy. Chúng thi nhau gãi, càng gãi càng ngứa. Gãi toạc cả da thịt. Những chỗ gãi ấy mọc lông, và càng gãi lông càng mọc. Cuối cùng tất cả họ hàng tên nhà giàu biến thành khỉ.

Cô gái ở nhà trông mãi không thấy gia đình nhà giàu về, sau biết lũ chúng đã biến thành khỉ, cô bèn lấy thóc, ngô, lợn, gà...chia cho người nghèo, chỉ để lại một ít cho mình.

Mấy hôm sau, tiếc của, đàn khỉ kéo nhau về la hét, đập phá cây cối, chúng còn lấy đá ném vào nhà, làm cho cô gái rất sợ hãi. Cô gái không biết làm thế nào đành ngồi khóc. Ông già lần trước bỗng hiện lên hỏi nguyên do. Cô gái thuật lại câu chuyện. Ông già bảo:

– Cứ tối con lấy lưỡi cày nung thật đỏ để ngoài sân. Khỉ ngồi phải, sẽ sợ không dám đến.

Tối hôm sau, bầy khỉ kéo đến đông hơn, chúng xô nhau, la hét ầm ĩ. Thấy có vật gì đo đỏ để giữa sân, chúng tranh nhau ngồi vào. Vừa đặt đít vào chúng nhảy cẫng lên vì nóng. Con nọ tưởng con kia đùa nghịch, cuối cùng cả đàn khỉ đều bị cháy sém đít, đỏ loét. Lũ khỉ đau quá bỏ chạy lên rừng không dám về phá phách nữa.

Từ đó đến nay loài khỉ con nào cũng đỏ đít và những chỗ bị cháy sém không mọc lông.

Lý Sài Nhân
Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai *kể*

DÂN TỘC Ê ĐÊ

SỰ TÍCH IA NUENG
(Biển Hồ)

Ngày xưa, gần núi Nâm có ba buôn làng người Gia Rai sinh sống. Ia Nueng là bến nước chung của lũ làng. Hồi đó, Ia Nueng nhỏ, trông như một vũng nước nhỏ, miệng tròn, úp vừa khít chiếc nia. Nước Ia Nueng trong soi rõ mặt người. Mưa lũ dài ngày, nước cũng không tràn ra ngoài mặt vũng; hạn hán hàng năm nước vẫn lai láng ngang bờ.

Ia Nueng có từ bao giờ? Ai đào nó? Lâu rồi, không ai còn nhớ rõ. Chỉ thấy người già kể rằng: Xưa kia, ở đây cây cối um tùm quanh năm xanh tốt, có cây cao ngang đầu núi, to, ba, bốn người ôm không xuể. Cây mọc dày như lông nhím, lông công, đứng dưới gốc cây nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Từ khi lũ làng đến đây sinh cơ lập nghiệp, phá rừng làm rẫy, đời sống lúc nào cũng sung túc. Trong nhà, bếp luôn đỏ lửa. Vào rừng, đặt chân đến đâu cũng gặp trâu, bò, voi, dê... của lũ làng.

Một hôm ông trời vừa mọc ngang đầu núi. Già Pân rủ già Chao đi múc nước ở bến Ia Nueng. Trên đường đi, họ thấy một chú lợn con màu trắng rất đẹp đang kêu ủn ỉn bên đường. Già Chao rất ngạc nhiên, vì từ đời ông bà, cha mẹ đến nay, chưa bao giờ thấy bếp nào, làng nào nuôi lợn trắng như vậy.

Già Chao nói với bạn già:

– Tôi bắt chú lợn này về nuôi, nếu chủ nó đến hỏi thì tôi trả lại cũng chẳng sao.

Già Pân gật đầu nói:

– Ừ, cứ bắt về nuôi, mình có lấy của người ta đâu mà sợ.

Về đến nhà, già Chao không nhốt lợn vào chuồng mà thả rông cho nó đi lại. Nhưng lợn chỉ luẩn quẩn quanh nhà suốt ngày ủn ỉn. Hàng ngày già Chao cho nó cám và các loại củ, nhưng lợn không ngó đến. Già lại nấu cháo mà lợn vẫn không ăn. Già buồn vì lo lợn con sẽ chết.

Có một lần, già Chao đi múc nước ở bến Ia Nueng. Vội về, bà múc nước chất vội vào gùi, không kịp lau những trái bầu đựng nước đã dính đầy cát. Về đến nhà, bà xếp những bầu nước dưới gầm sàn. Tự nhiên, lợn con sán đến và liếm những hạt cát dính trên vỏ bầu một cách ngon lành. Già Chao sửng sốt – "Chẳng nhẽ lợn trắng lại thích ăn cát thật ư?" Bà suy nghĩ hồi lâu, rồi đi lấy cát về đổ đầy máng và gọi lợn đến ăn. Quả nhiên, lợn không chần chừ, rúc ngay đầu vào máng và thoáng một cái, máng cát đã hết sạch.

Từ đó già Chao nuôi lợn trắng bằng cát. Lợn lớn dần, mới có hơn ba lần trăng tròn, mà nó đã to bằng con trâu.

Sau mùa trỉa hạt, suốt lúa, đổ thóc vào kho, lũ làng bảo nhau làm nhà rông mới. Theo tục lệ mỗi lần làm nhà rông hay nhà ở mới, phải giết lợn hoặc trâu để làm lễ ăn mừng.

Lũ làng ở ba buôn tin bụng anh Rok và Sét, nên đã nhờ họ tìm hộ con lợn để làm lễ mừng nhà rông mới. Dấu chân của hai anh em đã in khắp vùng mà vẫn không tìm được con lợn to như cái bụng lũ làng muốn. Họ đành thất vọng trở về.

Về tới nhà, Sét buồn rầu bảo anh:

– Ờ anh Rok! anh đi hỏi thử lợn của già Chao xem sao?

– Già Chao rất quý lợn trắng, chưa chắc đã ưng bán cho lũ làng – Rok trả lời buồn bã.

Sét rất lo, nhưng vẫn bảo anh:

– Đây là việc chung của lũ làng, thế nào già Chao cũng ưng cái bụng thôi.

Tuy chưa tin là già Chao bằng lòng nhưng nghĩ đến việc lũ làng đã giao cho mình, anh đánh liều đến nhà già hỏi thử. Khi gặp già, Rok nói chuyện gần, chuyện xa, chuyện làm ăn sinh sống của lũ làng. Già vui vẻ tiếp mời Rok. Hút gần tàn một mồi thuốc, Rok mới ướm xin mua lợn trắng. Nghe Rok nói, già ngồi quay lưng lại, nhìn đi chỗ khác như người câm, người điếc. Cái bụng không ưng, nói làm sao ra lời.

Nghe Rok nài nỉ mãi, bà đành trả lời:

– Lợn trắng hiền lắm, tôi để nuôi cho vui nhà, ấm cửa

Nhưng chỉ còn một hôm nữa là đến ngày làm lễ ăn mừng nhà rông mới mà vẫn chưa mua được lợn. Đầu Rok như có lửa đốt. Anh lại van nài:

– Lũ làng lấy lợn của bà, xin trả lại nhiều vật quý mà!

Già Chao cúi đầu, trả lời dứt khoát:

– Dù đưa nhiều của quý, tôi cũng không đổi lợn này.

Rok đành bó tay, thất thểu về nhà.

Biết tìm lợn ở đâu để làm lễ mừng nhà rông mới?

Cả vùng này chẳng ai có lợn to như lợn nhà già Chao. Không còn cách nào khác là phải nói sao để già bằng lòng. Hai anh em quyết định đến nhà bà lần nữa. Vừa trông thấy hai người, già Chao ngồi im, không nói năng gì và quay mặt đi chỗ khác. Sét và Rok đành lủi thủi ra về, lòng buồn bã. Suốt đêm ấy, họ không ngủ được, nằm chán rồi lại ngồi, mắt cay như có ớt.

Gà gáy khắp buôn làng báo hiệu trời sắp sáng. Sét nhắm mắt lại, nói cương quyết:

– Đây là việc chung của lũ làng, anh cứ theo tôi, rủi có chuyện gì, lũ làng chịu.

Rok ngạc nhiên hỏi:

– Đi đâu hả Sét?

– Không nói nhiều nữa, cứ theo tôi.

Sét nắm tay người anh kéo đến nhà già Chao bắt lợn. Vừa thấy bóng hai người, lợn đang nằm bỗng bật dậy chạy nhanh như phóng cái lao. Hai anh em Rok đuổi theo con vật khốn khổ. Lợn chạy đến núi Chư Tek, phía nam thị xã Plây Ku bây giờ, thì dừng lại. Hai người vây bắt hồi lâu mới được. Họ trói lợn rồi khiêng về nhà rông. Lũ làng kinh ngạc trước sức khỏe của hai anh em Rok và Sét.

Lũ làng mổ lợn trắng ăn mừng nhà rông mới. Họ chỉ dành lại một phần nhỏ cho già làng uống rượu, còn bao nhiêu chia đều cho các bếp trong buôn. Khi đem phần thịt cho bếp của già Chao, bà không nhận và thề rằng:

– Nếu tôi ăn thịt này thì đất sẽ động, Ia Nueng sẽ sụp lở!

Nhưng đứa cháu gái của Già Chao thấy thịt lại đòi ăn. Đứa bé khóc hoài, chỉ đòi ăn thịt mà không chịu ăn gì khác. Vì quá

thương cháu, bà đành lấy phần thịt lợn được chia đem nướng. Già Chao không giữ đúng lời thề, khiến ông trời nổi giận. Trong chốc lát, trời đất, núi rừng bỗng nhiên rung chuyển, nhà cửa ngả nghiêng. Đất động, Ia Nueng sụp xuống biến thành Biển Hồ, vùi xuống đáy tất cả trâu bò, gà, lợn, buôn làng. Chỉ còn lại bà cháu già Chao, già Nơm và Rok.

Già Chao hốt hoảng cõng cháu lên cổ cố chạy. Nhưng chạy đến đâu, đất sụp, núi lở, nước tràn đến đấy. Nước dâng cao chưa từng thấy, cuốn cả hai bà cháu xuống đáy hồ sâu. Cả hai bà cháu hóa thành tượng đá nằm dưới đáy Biển Hồ.

Còn Rok nhảy lên lưng voi. Voi chạy lên núi không nổi nữa. Nước đã dâng ngập voi, nước tới ngang lưng Rok. Chàng bèn rút guơm chém đứt đầu voi, voi chết hóa thành núi Nâm ngày nay. Rok còn chạy được tới chân đèo Măng Giang mới chết.

Người sống sót duy nhất sau khi đất sụp lở là già Nơm. Già Nơm đi vắng không ăn thịt lợn trắng.

Thương tiếc dân làng của ba buôn bị vùi dưới đáy hồ, bà đã đúc bàn thờ bằng đồng đặt ngay bên bờ hồ. Vì quá lâu ngày, bàn thờ đó cũng không còn nữa. Dấu vết còn lại mà chúng ta thấy ngày nay chính là Ia Nueng, tức Biển Hồ.

Chú thích:

Câu chuyện làng ăn một con vật thiêng; lợn trắng ăn cát, rắn thần, trâu thần...là các vật nhà trời, bị trời trả thù, làm sụp lở đất, lấp làng... phổ biến rất rộng rãi ở nước ta. Đó là mô– tip truyện hồ Ba Bể, truyện các nạn sụt đất, lở núi phổ biến ở miền bắc Tây Nguyên, nơi có nhiều trận động đất, núi lửa đã xảy ra: Câu chuyện thường kết thúc rằng: vì một nguyên do nào đó, một gia đình được cứu thoát, để giải thích một hiện tượng là đất sụt thường có một điểm nào đó lại vẫn nguyên vẹn. (Xem Nguyễn Đổng Chi – Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam tập 1, trang 243, Sự tích hồ Ba Bể của dân tộc Tày).

SỰ TÍCH HANG BANG AĐRÊN

Người Ê Đê vốn sinh ở dưới mặt đất. Thuở ấy họ chưa biết làm nương, chưa biết lấy mật ong, chưa biết thổi cơm, chưa biết nấu rượu, chưa biết dệt chăn, mặc khố.

Trên mặt đất, lúc bấy giờ chỉ có Pô Lăn (thần Đất). Pô Lăn sống một mình rất buồn, lại thấy người Ê Đê ăn ở khổ quá, thần mới gọi con trai đến:

– Này Pô Êpik, con đi tới chỗ người Ê Đê, dạy cho họ cách nấu cơm ăn, làm rượu uống.

– Người Ê Đê ở đâu mà ta không thấy?

– Họ ở cả dưới đất, như con kiến, con mối ấy.

Pô Êpik vâng lời. Chàng đi mãi mới đến một hang sâu. Nghe lao xao trong ấy có tiếng người vọng ra, chàng lần xuống hang và gọi to:

– Có phải người Ê Đê ở trong đó không?

– Vâng chúng tôi đây – Trong hang đáp lại.

– Ta là Pô Êpik. Ta đến ở đây với người Ê Đê. Người Ê Đê vốn có tính mến khách, tiếp đãi Pô Êpik rất thân mật. Nhưng họ chẳng có cơm. Pô Êpik dạy cho họ đi lấy gạo thổi cơm. Rồi Pô Êpik bày cho họ làm rượu bằng cách lấy củ gừng cay làm men, ủ với cơm nhão, để lâu thành rượu. Từ đó, khi có những ngày vui, người Ê Đê thổi cơm, làm rượu tiếp khách. Rượu còn được đem dâng cúng các thần linh để cầu may, cầu phúc... Sau đó, mỗi lần làm rượu, người ta còn biết lót thêm lá thơm, chế thêm nước lã. Rượu càng ngon, người người càng ham uống.

Nhưng rồi uống mãi thành quen. Uống nhiều quá thành ra bê bết, đau ốm, bệnh tật. Lúc đó người ta bắt đầu thù oán Pô Êpik. Họ bảo nhau đánh đuổi con trai Pô Lăn. Được biết tin ấy Pô Êpik bỏ chạy. Chàng lại theo đường cũ chạy ra cửa hang, rồi cứ thế cắm đầu chạy về nơi Pô Lăn đang ở. Nhưng Pô Êpik là người thần, nên chạy nhanh lắm, người Ê Đê không đuổi kịp. Chạy một đoạn Pô Êpik dừng lại và nói:

– Ta là Pô Êpik đây, hãy chạy nhanh lên mà bắt ta, hỡi những người Ê Đê!

Người Ê Đê cứ thế đuổi theo, đuổi mãi.

Pô Êpik chui vào đầm cỏ. Mọi người đuổi đến đó tìm mãi không thấy Pô Êpik mà cũng không biết chàng đi đâu. Họ tức quá, bèn gọi chàng Y Tung và Y Tang ra hỏi. Y Tung, Y Tang mang chó Dơ hang và Dơ hút đi tìm.

Chó Dơ hang, Dơ hút dẫn mọi người đi tìm con thần Đất.

Pô Êpik lại hiện ra, chạy lên trước mọi người. Mọi người la hét ùa theo... Chạy mãi, rồi chàng nhảy xuống một cái hang nhỏ, sâu hun hút. Người ta nhìn xuống hang thấy Pô Êpik. Người thì thương cho chàng đã giúp người Ê Đê nhiều mà bị tai vạ, người thì bảo: "Hắn không lên được nữa đâu, hắn sẽ chết ở dưới hang ấy". Vừa lúc đó bỗng có con nai lớn, rất đẹp chạy qua. Nai cứ nhởn nhơ như trêu chọc mọi người. Người ta hè nhau đuổi bắt con nai, quên phắt ngay Pô Êpik.

Bắt được nai, họ đem nướng. Ăn xong, họ ngồi nghỉ và cảm thấy khát nước vô cùng. Họ đưa nhau đi tìm nước. Đi mãi, gặp một con nước trong xanh, họ vục nước uống. Uống no bụng rồi họ lại thèm ăn. Nhìn ra xung quanh, họ thấy nhiều loài thú quá. Dưới nước nhan nhản tôm, cua, ếch, cá, trên cây, chim chóc, sóc, khỉ đầy cành. Chúng chẳng trốn tránh khi thấy người đến gần chúng. Họ bắt một lúc, đốt lửa lên nướng ăn uống tha hồ.

Bây giờ họ lại tính chuyện trở về chốn cũ. Chó Dơ hang. Dơ hút dẫn họ về. Về tới nơi, thấy Mtao đang đứng chờ, họ kể mọi chuyện họ đã thấy trên mặt đất cho Mtao nghe.

– Chúng tôi chạy ra khỏi hang, gặp những đồng cỏ rộng, những con suối trong lành nhiều tôm cá, những cây to chim chóc đầy cành.

Mtao không tin chuyện lạ:

– Đâu có chuyện như thế, ta đã sống gần qua đời người rồi. Y Tang, Y Tung hãy dẫn ra trở lại con đường ấy xem sao?

Hai con chó Dơ hang, Dơ hút lại dẫn đường cho Mtao, Y Tang và Y Tung đi lên mặt đất. Mtao thấy đúng như lời mọi người đã kể liền trở về gọi tất cả người Ê Đê lên sống trên mặt đất.

– Hỡi những người Ê Đê, ta đã theo Y Tung, Y Tang đi đến nơi mọi người vừa đến. Ở đó, trời sáng, nhìn gì cũng rõ, nước trong rửa gì cũng sạch, núi rừng, cây cỏ, muông thú cái gì cũng đẹp... chúng ta hãy cùng nhau lên đó ở thôi. Trước đây ta nghe nói thịt rùa và thịt tắc kè là ngon nhất, ở đấy cũng có rùa và tắc kè.

Những người vừa đi về, nghe Mtao nói vậy thích lắm. Những người chưa được đi nghe nói cũng vui mừng. Thế là mọi người sắp sửa ra đi, trùng trùng, điệp điệp, chật các ngả đường. Chỉ có mấy

bà chị của Mtao là đủng đỉnh. Các bà còn ham chải tóc đeo cườm... Đường đi ngoắt ngoéo, chật chội. Con trâu sừng dài của Y Rít lại cứ nghênh ngang làm mọi người không đi được, thành thử khi lên khỏi hang, nhiều đoàn người lạc nhau.

Mtao đứng trên mặt đất chờ mãi mới thấy người Ayun ra đầu tiên, đến người Êban, sau đó đến các họ như M'lô, H'đruê, Kbnor, Buôn Ya... nhóm lên cuối cùng là Niê K'đăm.

Cái hang mà người Ê Đê từ đó chui lên rồi tản đi khắp nơi ấy chính là hang Bang Adrên, gần Buôn Chuê[1]. Bộ tộc Ayun vì lên khỏi hang trước nên được coi là những người đầu tiên khai phá mở đường cho những dòng họ khác theo. Nhưng ở đâu cũng vậy, không một ai quên Bang Adrên. Họ coi đấy là đất gốc và cắt bộ tộc H'đruê ở lại coi giữ gần nơi cửa hang đó.

DÂN TỘC GIÁY

NƯỚC NGẬP TRỜI

Thuở xa xưa, không ai nhớ được năm nào nữa, lúc đó trên mặt đất người đông nghịt, bản làng vui vẻ, sầm uất. Nước ở sông suối đều chảy ra biển, rồi quay trở về trời qua một cửa rất to. Vua Trời sai vợ chồng cá trạch trấu và vợ chồng chim quẽo – chảo[2], ngày đêm canh giữ ở cái cửa nước ấy. Không để cây cỏ mọc lấp cửa làm ngập lụt trần gian. Vợ chồng trạch trấu có chiếc cua khổng lồ ở lưng, ngày ngày cưa đứt những cây gỗ to trôi về chắn cửa nước. Vợ chồng chim quẽo – chảo có cái mỏ to người ôm không xuể, dài không sải hết; chúng dùng mỏ quặp những khúc gỗ to bay đi đem xếp bỏ vào một chỗ. Cửa trời nước thông chảy ào ào, Vua Trời bắt người trần gian phải góp thức ăn nuôi vợ chồng trạch trấu và vợ chồng chim quẽo – chảo. Chúng ăn rất khỏe và làm cũng rất khỏe.

---

1. Di tích này còn ở phía đông nam thị xã Buôn Mê Thuột.
2. Loại chim rất to, mỏ rất dài và khỏe. Nhưng không rõ là loại chim gì. Thường nói đến ở các khúc dân ca và các truyện cổ tích.

Bỗng một năm, không rõ vì sao, vợ chồng trạch trấu và vợ chồng chim quẽo – chảo thiếu thức ăn. Lúc ấy ở mặt đất mưa mấy tháng liền không dứt cơn, hạt mưa to như quả mận. Núi non sạt lở, đất nhão thành bùn, cây to cây nhỏ trôi ầm ầm về phía cửa trời và đá tảng cũng lăn theo đến đó.

Vì ăn không đủ nên vợ chồng cá, vợ chồng chim không còn sức dọn cây, hót rác ở cửa trời. Cửa trời bị bít lại, đất đá, cỏ rác đắp đầy thêm, nước chảy ngược trở về mặt đất. Nước lụt dâng lên vùng thấp, dâng lên núi cao, ngập hết mọi nơi, nước dâng lên tận trời làm cho người và vạn vật đều chết hết.

Ngày ấy, chỉ có hai anh em ruột, một trai một gái, chui được vào ruột một quả bầu to bằng gian nhà, quả bầu nổi lềnh bềnh trên mặt nước, và hai anh em này còn sống sót.

Chim quẽo – chảo giận giữ,
Bỏ cây to không chuyển,
Bỏ cây lớn không khuân,
Nước không chảy về trời,
Người mặt đất chết lụt,
Cây giữa rừng chết khô,
Núi đá to sạt lở,
Vì cửa trời bị tắc,
Rái cá cũng không thoát,
Chết xác nổi lềnh bềnh,
Người giữa thành chết trôi,
Loài người bị chết hết.

(Người kể, vừa kể vừa hát)

Vua Trời nhìn xuống trần gian thấy nước ngập trắng xóa, chẳng còn cái cảnh xanh tươi, người đi lại làm ăn tấp nập, bèn sai các thần đến cửa trời đốc thúc việc tháo gỡ đất đá, cỏ cây cho nước thoát. Vợ chồng trạch trấu ra sức cưa cắt mấy ngày đêm mới đứt cây gỗ to hơn một trái núi chắn ngang cửa trời và nước đã dần dần chảy qua cửa trời. Nước cạn nhưng mặt đất cũng chẳng còn vật gì nữa. Hai anh em ở trong quả bầu chui ra, đi mãi không gặp ai. Vua Trời muốn mặt đất trở lại như xưa bèn bảo hai anh em này lấy nhau. Họ ngần ngại, vì sợ hãi, vua Trời lại khuyên họ: "Ở mặt

đất chẳng còn ai nữa, ta muốn mặt đất lại có giống người đông đúc. Hai người phải lấy nhau thôi!"

Hai anh em nghe theo lời của vua Trời, lấy nhau. Ăn ở với nhau được chín tháng mười ngày, thì người vợ trở dạ và đẻ ra một cái bọc. Vua Trời lại bảo họ: "Lấy bọc thịt ấy băm nhỏ ra đem rắc khắp nơi". Hai vợ chồng làm theo lời vua Trời. Thịt rắc đến đâu, hôm sau ở đấy mọc lên nhà cửa, có khói lửa cuộn bay, cứ mỗi nhà một cặp vợ chồng. Rắc vào núi cao thành người Dao, người Hmông, người Xá Phó, rắc vào thung lũng thành người Thái, Tày, Nùng... rắc vào đồng bằng thành người Việt. Cuối cùng hai vợ chồng thấy thiếu người Giáy, liền bảo nhau cạo nốt mùn thớt mang đi rắc dọc sông Hồng thì biến thành người Giáy. Cũng vì thế người Giáy ít như vậy. Hai vợ chồng ấy rắc xong thì thấy đủ mặt các dân tộc như ngày nay. Vua Trời thấy mặt đất nếu chỉ có người không thì không đủ, bèn sai người trời mang xuống đủ các giống loài vật để nuôi, giống cây để gieo trồng. Nghe theo lời vua Trời, mọi người chăm chỉ chăn nuôi súc vật, gieo trồng các loại cây, nên chẳng mấy lúc mặt đất lại trở nên xanh tươi, có đủ các loại cây cỏ, đủ các loại con vật, tiếng kêu, tiếng cười, tiếng hát, tiếng đùa, lại vang lên không ngớt.

Mọi người, khắp nơi kéo đến tôn hai vợ chồng này làm vua, trị vì thiên hạ. Người ngày nay gọi hai vợ chồng này là Tổ tiên của họ. Người Giáy thường gọi đùa nhau *"Giáy hý hanh"* tức là Giáy mùn thớt là vì tích chuyện như vậy.

(Lù Dín Xiểng – ST)

DÂN TỘC GIẺ TRIÊNG

CHIM BRAY–MOOR

Dưới bóng những tàn lá rừng già thâm u, có một đôi vợ chồng trẻ, ăn ở với nhau rất hạnh phúc. Chồng làm nghề săn bắn và là chàng trai săn bắn giỏi nhất bản làng. Vợ dệt vải, cũng là người phụ nữ nổi tiếng khắp các bản, vì nàng chẳng những dệt nhanh, mà đôi tay tài hoa của nàng còn dệt nên biết bao hình thù kỳ thú,

với những màu sắc tuyệt vời trên mặt vải. Những ngày vào mùa, hai vợ chồng thức dậy trước cả tiếng cồng của bản làng gọi lên rẫy. Rẫy của họ làm bao giờ cũng tốt: lúa, ngô cứ lũ lượt rúc rích cười mà kéo nhau về nhà đôi vợ chồng trẻ siêng năng chăm làm.

Một hôm, người chồng trẻ từ giã vợ yêu để sang Lào mua trâu.

Không còn nhớ bao nhiêu bóng con nắng đã ngả dài, bao nhiêu con lũ đã đến rồi đi. Mùa làm rẫy đã qua, mùa lòn bon cũng đã tàn. Cứ thế, thời gian trôi. Hơn một năm dài đã qua mà bóng dáng người chồng vẫn biệt tăm.

Từ ngày chồng đi, người vợ trẻ ở nhà nhớ nhung héo mòn cả thân vóc. Cứ mỗi lúc chiều về, vừa dệt vải trước hiên nhà, thỉnh thoảng nàng lại hướng đôi mắt buồn nhớ của mình về phía đầu bản, thẫn thờ đợi chờ một hình bóng xa xăm.

Thời gian trôi qua. Đã tròn hai năm kể từ ngày người chồng ra đi. Nhiều người trong bản nhiều lần đùa nghịch người vợ đợi chờ:

Kìa Moor, chồng mày đã về gần tới làng rồi!

Mỗi lần nghe vậy, người vợ trẻ liền nhanh tay cuốn khố vải, chạy ra đầu làng để đón chồng. Lần này rồi lần khác, biết bao lần dân làng đã từ sự đùa nghịch đi dần tới thói quen lừa phỉnh không ác ý với người vợ trẻ tội nghiệp đó. Lâu dần, nàng chẳng còn biết phải tin ai, mà những người trong bản quen miệng, lại cứ tiếp tục dùa nàng.

Một ngày kia, bỗng người chồng về thật. Dân làng rối rít chạy đến kêu nàng ra mở cửa đón chồng. Vốn chẳng còn tin những tin tức chỉ mang lại nỗi thất vọng, người vợ trẻ không mở cửa.

Phần chồng, khi đưa trâu về tới tận thang sàn, thấy vợ chẳng buồn ra mở cửa đón, tưởng lầm người vợ đã quên tình xưa nghĩa cũ, nên lòng rất buồn. Thêm vào đó, những người xấu vốn ghen ghét với hạnh phúc êm ấm của kẻ khác, tìm cách to nhỏ gièm pha. Sau hai ngày lưu lại nhà, người chồng quyết định lẳng lặng ra đi, sang ở hẳn bên Lào, để khỏi nhìn thấy mặt người vợ bội bạc.

Khi biết được chồng đã bỏ đi, người vợ núc nở chạy theo, trên mình chỉ kịp khoác một tấm vải đang dệt dở. Gió rừng cuối thu buốt lạnh. Chạy mãi, chạy mãi, nàng vẫn không tìm thấy chồng. Cuối cùng, nàng chỉ gặp con sông Đăk Pơ Du với dòng nước chảy xiết, vô tình. Không có cách nào để qua sông, quay trở về là điều

nàng không hề nghĩ tới. Buồn nản, khổ đau, nàng gục đầu bên dòng sông vắng khóc suốt mấy ngày đêm. Rồi nàng chết đi, hóa thành con chim brây–moor bay lạc lõng giữa bầu trời. Cho đến phút cuối cùng lịm chết bên đòng sông, trên mình người vợ trẻ chỉ có tấm vải dệt dở quấn quanh người. Vì thế, ngày nay con chim brây– moor có bộ cánh đẹp màu đỏ, đen giống hệt màu hoa văn của chiếc Xà lùng[1].

DÂN TỘC HÀ NHÌ

SỰ TÍCH MẶT ĐẤT VÀ MUÔN LOÀI

Trái đất ngày xưa không được đẹp như bây giờ, một nửa đất sống, một nửa đất chết, lúc ấy bề mặt quả đất thật vắng vẻ, không có người ở, không có loài vật sống và cũng chẳng có cây cối mọc.

Rồi một hôm bỗng ở vùng đất sống nứt ra một vệt dài. Từ trong lòng đất chui ra một người. Người đó là Ché Pe Á Lòng. Mới chui ra Á Lòng chưa biết đi, vì chỉ có một chân. Á Lòng chưa biết làm vì tay chưa đủ một đôi. Á Lòng nghe chưa được nhiều vì tai mới có một bên. Á Lòng nhìn chưa rõ vì chỉ có một mắt. Thấy đất xung quanh mềm mềm Á Lòng bốc đất nặn thử thêm một tay và một chân nữa. Lắp chân vào thấy đứng vững hơn, đi không đổ ngã. Lắp tay vào Á Lòng nặn đất được nhanh hơn, dễ hơn. Đứng được rồi, đi được rồi, bụng Á Lòng vui vui. Nhưng Á Lòng lại muốn mắt nhìn được xa, tai nghe được nhiều nên sẵn đất trong tay Á Lòng bèn nặn thêm mắt và thêm tai. Có đủ chân để đi, đủ tay để làm, đủ mắt để nhìn, đủ tai để nghe, nhưng Á Lòng thấy bụng đói, nên miệng lại muốn ăn. Đất trong tay còn một nắm, Á Lòng bèn nhai thử. Nhai một miếng, miệng Á Lòng thấy ngon, nhai hết nắm bụng Á Lòng thấy no. Thật kỳ lạ, đất vào bụng một nắm thì chân Á Lòng cao thêm một tấc, người Á Lòng to hơn một gang... Cứ thế Á Lòng ngồi ăn hết quả đồi này sang quả đồi khác mà bụng vẫn chưa tròn. Khi đã nuốt hết chín quả đồi, Á Lòng đứng dậy người to bằng chín quả núi. Nhưng hết nhìn gần lại nhìn xa, Á Lòng chỉ thấy có mỗi

---

1. *Xà lùng*: váy mặc của phụ nữ người Giẻ Triêng.

mình, bụng Á Lòng không vui. Nghĩ ngợi một lát rồi chàng dùng đất nặn thành cây to, cây nhỏ cắm khắp đồi cao, đồi thấp, đồi cây lan ra mãi thành rừng cây. Sống được một ngày, chẳng hiểu sao lá cây rũ xuống không được vui. Bực quá Á Lòng giẫm mạnh chân xuống đất, chán nản. Không ngờ đất lún sâu xuống, một con nước từ dưới lòng đất trào lên. Nước ồng ộc đùn ra mãi, chảy thành suối nhỏ, chảy thành sông to. Nước chảy đến đâu cây hết buồn đến đó. Lá cứ xanh, cứ tươi lung linh ngút ngàn. Có cây, có rừng, mắt Á Lòng thấy vui muốn nhìn hơn. Nhưng cây chỉ biết đứng im một chỗ nói chuyện rì rào với gió. Á Lòng lại muốn có những con vật biết đi lại, chạy nhảy, bèn lấy đất nặn thành các muông thú, hà hơi rồi thả ra khắp rừng. Từ đấy trên trời mới có cảnh chim bay qua, dưới đất mới có thú chạy nhảy.

Lúc ấy trái đất còn tối tăm lắm, chỉ có mỗi Á Lòng nhìn được, còn loài thú thì chịu chẳng nhìn thấy gì, chạy qua chạy lại cứ đâm vuống vào Á Lòng. Nghe muông thú than phiền vì thiếu ánh sáng, Á Lòng bèn nặn ra ba mặt trời, ba mặt trăng. Mặt trời được úp vào trước ngực hà hơi rồi thả lên vì vậy nên nóng. Mặt trăng chưa kịp úp vào đã thả lên nên mát lạnh.

Ba mặt trời ném lửa xuống nhiều quá làm cho cây cối loài vật bị chết la liệt. Thấy vậy Á Lòng làm một cái nỏ thật to bắn cho rụng hai mặt trời, một mặt trăng. Còn lại hai mặt trăng và một mặt trời nữa thì chạy trốn. Á Lòng đón rình ở sau một ngọn núi cao nhất bắn trúng một mặt trăng nữa. Nó bị mũi tên xuyên trúng giữa, vỡ vụn ra từng mảnh nhỏ bắn tung tóe khắp vòm trời cao vợi thành những ngôi sao. Sợ Á Lòng bắn rơi, một mặt trời và một mặt trăng còn lại chạy vội lên thật cao chứ không dám ở thấp như trước nữa.

Còn một mặt trời, một mặt trăng, mặt đất trở nên mát mẻ, dịu hòa hơn. Nhưng thấy loài người và vạn vật còn ít quá. Á Lòng dùng đất nặn thêm vạn vật và loài người. Năm này qua năm khác mọi thứ được sinh sôi nảy nở ngày một đông đúc. Loài người và muôn vật được sống no đủ, mát mẻ, nên sinh sôi rất nhanh. Lo chật đất không đủ chỗ sống, Á Lòng lại phải lấy đất sống ném sang bên đất chết, trộn lẫn cho đất chết biến thành đất sống. Đất mới trộn chưa khô Á Lòng tranh thủ ngủ một giấc để lấy sức san cho mặt đất bằng phẳng. Trong lúc Á Lòng đang ngủ chẳng may có một cây Sò tu ma gióng[1] to đổ đè lên người. Á Lòng chết, xương biến thành

đá, thịt thành đất. Đời này tiếp đời khác người ta cứ kể truyền cho nhau rằng: vì Ché Pe Á Lòng chưa kịp san xong nên mặt đất có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ nào đã được Á Lòng san thì bằng phẳng mà nay ta gọi là đồng bằng.

Ghi theo lời kể của: Bà Vũ Á Mơ,
bản Mù Cả, xã Mù Cả Mường Tè,
Lai Châu.

SỰ TÍCH CON NGƯỜI VÀ CHIM GÒ SÓNG

Các già làng thường chỉ tay ra con suối trước nhà chảy từ rừng sâu đổ về thung lũng uốn lượn quanh bản trông giống như một con rắn lớn, để bắt đầu câu chuyện về con nước hiền, con nước dữ. Chỉ nghe một lần là người ta nhớ mãi không quên...

Ở một nơi cao kia, mãi chỗ tận cùng con suối có một cái hố thông xuống ruột đất to lắm, sâu lắm. To và sâu đến nỗi nước khắp trời hàng năm rơi xuống, đổ về, không bao giờ đầy. Bên cạnh miệng hố mỗi năm mọc thêm một cây bầu thần kỳ. Hàng năm nó chỉ đậu một quả. Quả to rất nhanh. Người ta bảo cây bầu ấy do Be đòng[1] trồng, quả nó che lấp mất lỗ thông xuống ruột đất, nước sẽ ứ ngập khắp trần gian, giết hại loài người và muông thú.

Thường thì năm nào cũng vậy, khi quả bầu lớn lên chắn ngang miệng hố, nước trên trời rơi xuống không chỗ thoát, tràn khắp đồi thấp, đồi cao. Muôn loài rơi vào thảm họa của nạn hồng thủy. Nhưng rồi quả bầu ấy không hiểu vì sao tự vỡ ra. Nước lại chui hết xuống ruột đất. Vào một năm, quả bầu nằm im ở miệng hố trong nhiều lần trăng mọc, nhiều lần trăng chết. Thế là muôn loài chìm đắm trong biển nước mênh mông. Người và muôn loài muông thú chết gần hết. Chỉ có chim Gò sóng[2] nhờ có đôi cánh khỏe, bay được cao nên mới qua khỏi cơn biến nạn. Bụng gò sóng căm Be đòng nhiều. Gò sóng ngày ngày bay tới cái hố thông với ruột đất đó, dùng những

---

3. Sò tu ma gióng: Một loại cây to, chắc.
1. *Be đòng*: Long Vương, theo quan niệm dân gian, đó là ông vua cai quản dưới nước.
2. *Gò sóng*: Chim phượng hoàng, loài chim khỏe bay dai, khỏe hơn các giống chim khác.

chiếc lông cánh vừa cứng vừa nhọn hơn mũi tên của mình, đâm xiên cho vỡ quả bầu. Quả bầu chỉ vỡ từng mảng nhỏ. Gò sóng vẫn không nản lòng, hết ngày này tiếp ngày khác. Đến khi quả bầu vỡ vụn hết mới thôi. Nước miệng hố lại chảy thông với ruột đất.

Sau lần ngập nước kéo dài năm đó, loài người chỉ còn sống sót lại hai anh em Mó Hù và Mó Po. Mó Hù là con trai, Mó Po là con gái. Thấy núi rừng xác xơ trơ trọi, bụng Mó Hù và Mó Po không vơi nỗi âu lo buồn bã. Ông trời động lòng, sai người xuống trần bảo hai anh em:

– Hai người này khóc nhiều, nước mắt khô rồi. Cạn dòng nước mắt cũng đến thế thôi. Bây giờ chúng mày phải thành vợ thành chồng để gây lại nòi giống thôi! Trời bảo thế.

Nghe nói, đầu Mó Hù lắc lắc, mắt Mó Hù ngoảnh đi chớp chớp không dám nhìn Mó Po. Mãi sau Mó Hù mới thở dài nói với người trời:

– Không được đâu người trời à! Mó Po là em gái tôi, ngủ chung làm vợ làm chồng sao được! Bụng mình không ưng đâu!

Biết rằng lời nói suông khó có thể thay đổi được ý nghĩ của loài người, người trời lại lựa lời nói:

– Ta sẽ cho chúng mày hai hạt giống. Mỗi người trồng một hạt xa nhau mười lần cánh tay. Nếu hai cây mọc lên mà tự tìm về gốc quấn lấy nhau thì chúng mày phải nên vợ nên chồng thôi! Ý trời bảo thế đấy!

Mó Hù và Mó Po nhận hai hạt giống đem trồng như lời người trời nói. Sáng hôm sau cả hai hạt giống đã nảy mầm. Hạt Mó Hù trồng mọc thành dây leo, hạt Mó Po trồng đâm lên cây thẳng. Rất lạ, cả hai cây lớn rất nhanh. Sang ngày hôm sau rồi hôm sau nữa,dây của cây Mó Hù đã bò tới quấn lên thân cây. Rồi chúng bắt đầu đâm hoa kết trái.

Thấy vậy Mó Hù và Mó Po cùng nghĩ: Trời đã định thế ta phải làm theo thôi! Trái ý trời sao được. Thế là Mó Hù và Mó Po nên vợ nên chồng. Rồi họ sinh con, nhiều trai nhiều gái. Con họ lại sinh thêm nhiều cháu. Loài người từ đó ngày một thêm đông đúc. Từng bản, từng bản lại được dựng lên. Hai vợ chồng Mó Hù chờ cho cây đó ra quả, lại lấy hạt gieo khắp núi cao, đồi thấp, thung xa. Rồi cây cối lại sinh sôi mọc ngút ngàn. Kết thành từng rừng

lớn, rừng nhỏ. Còn loài chim Gò sóng vẫn sinh sôi nảy nở. Các loài chim thú khác cũng ngày một sinh sôi. Từ đó, để cho cuộc sống loài người cũng như muôn loài được yên ổn, Gò sóng vẫn ngày ngày bay đến chỗ có lỗ nước thông với ruột đất để xem nếu có nguy cơ của nạn hồng thủy như năm nọ thì chim lại dùng những chiếc lông cánh của mình bắn vỡ quả bầu thần. Năm nào Gò sóng mải kiếm ăn, quên đi bắn thì quả bầu lớn nhanh chắn ngang miệng hố và nạn lụt lan tràn... Khi ấy người dân ở đây thường bảo nhau cầu khấn chim Gò sóng mau trở lại để phá quả bầu thần, cứu cho muôn loài khỏi ngập lụt.

Chuyện về con nước hiền, con nước dữ ngừng ở đây, thường thì như vậy. Nhưng nếu câu chuyện được kể vào tháng sáu, tháng bảy khi những cơn giông gầm thét ầm ào ngoài rừng, từng đợt mưa trút xuống thì các già làng lại kể tiếp đoạn sau này nữa:

... Thấy chưa! Gò sóng và Be dòng đang đánh nhau đấy!

Gò sóng dùng lông cánh bắn Be dòng tạo nên gió lớn. Còn Be dòng dâng nước lên cao để định cuốn Gò sóng xuống làm cho mưa to. Sau những trận giao tranh quyết liệt, Gò sóng thường bắn hết lông cánh. Nó phải mượn đũa của con người để bắn tiếp. Vì vậy vào tháng sáu, tháng bảy con người bị mất đũa thường ít kêu ca, tìm kiếm. Còn khi vào rừng thấy Gò sóng gãy cánh hay rụng hết lông rớt xuống, người ta mang về nuôi chu đáo. Con người không nỡ giết thịt loài chim đã giúp mình thoát khỏi những nạn lụt khủng khiếp, chính là từ câu chuyện này.

Ghi theo lời kể của bà Vũ Á Mơ bản Mù Cả, Xã Mù Cả, Mường Tè, Lai Châu.

DÂN TỘC H'RÊ

ĐÔI BẠN H'RÊ – MƠ–NÔNG

A Lâng rất nghèo, đi săn nhím săn chồn về nuôi mẹ già. Chàng đi nhiều núi, nhiều đèo, quen với một người lái buôn ở vùng Mơ–nông. Người lái buôn mỗi lần qua vùng Hrê đều ghé vào nhà A Lâng ăn uống vui chơi mấy ngày rồi mới về đất mình. Một hôm người Mơ–nông

nọ mời A Lâng đến thăm nhà mình. Sau ba ngày lặn lội vượt chín con suối mười con sông. A Lâng tìm được nhà bạn. Lúc đó vợ chồng người bạn đi làm nương rẫy xa, chỉ có hai đứa con nhỏ ở nhà. A Lâng ngồi buồn ngáp ngắn ngáp dài rồi đi vào trong nhà xem thử bạn có bao nhiêu nồi niêu chinh ché. Hai đứa trẻ liền can ngăn chàng:

– Cha mẹ con đã dặn nếu bác đến chỉ nên ngồi gian ngoài chứ đừng vô nhà trong.

A Lâng không nghe cứ xộc vào đếm hàng trăm cái ché đẹp. Trong đó, A Lâng thấy có một cái ché đẹp nhất lại đậy bằng lá ka lê (lá chống độc). Chàng bèn mở ra coi thử. Hai đứa nhỏ van nài chàng đừng sờ vào đó. Nhưng mở ra thấy có thứ nước lạ óng ánh, chàng tò mò thọc tay vào. Tức thì chàng bị hóa thành con cọp dữ tợn chạy biến vào rừng sâu.

Hai đứa con người bạn rất hoảng hốt. Sẩm tối, cha mẹ đi làm về, chúng kể lại chuyện. Đêm đó, hai vợ chồng người Mơ– nông buồn bã lo lắng. Sáng sớm hôm sau, người chồng bảo vợ gói cho một gói cơm và dặn:

– Anh sẽ đi vào rừng sâu tìm bạn. Em ở nhà, nghe tiếng kêu từ xa hãy mở cửa sẵn và cầm cái chày. Khi con cọp dữ nhảy vào em nện ngay trên đầu nó.

Người bạn Mơ–nông hóa thành một con mang dẹp, chạy trong rừng nhanh như gió và kêu "bép, bép" suốt một ngày một đêm mới gặp được con cọp ấy. Tức thì, con cọp lao đuổi theo con mang. Mang lao vút về phía nhà mình. Con cọp cũng lao vào cửa. Vợ người Mơ–nông nhanh chóng giáng mạnh một chày làm cho đầu cọp vỡ tan. A Lâng hiện lại nguyên hình và người bạn cũng thay lốt. Hai người ôm lấy nhau mừng rỡ.

A Lâng nói:

– Bạn đã cứu tôi từ cọp thành người, bằng không mẹ già tôi sẽ chết đói, tôi thành cọp gây bao nhiêu tội ác. Tại tôi hết, vì tôi không nghe lời dặn của các con bạn.

Từ đó, ngày nào hai người bạn cũng rủ đi săn bắt rất nhiều nai, heo ăn chơi với nhau và sấy thịt khô để dành cho mẹ. Người Hrê truyền cho người Mơ–nông nghề săn bắn. Từ đó, hai người coi

nhau như ruột thịt. Cho đến nay, người H'rê và người Mơ–nông gặp nhau dù không quen biết cũng tay bắt mặt mừng, đối xử như cùng dây cùng họ.

SỰ TÍCH HỒ NƯỚC LÀNG TRENG

Xưa có hai vợ chồng Vu Ta Viên cùng ba đứa con sống hạnh phúc trong căn nhà trên triền núi. Sinh đứa con thứ ba vừa được bốn ngày, người vợ ra bờ sông tắm giặt. Thấy bờ bên kia có hai chàng trai đang ngồi câu được rất nhiều cá, vợ Vu Ta Viên đánh bạo xin vài con. Hai chàng trai nói:

– Chị muốn lấy bao nhiêu cứ lội qua mà lấy.

Vợ Vu Ta Viên đi tới gần và nói:

– Các anh quẳng cho tôi ít con.

Nhưng hai chàng trai cứ khăng khăng đòi người vợ Vu Ta Viên phải lội tới nơi. Vừa mới đến, bà bị chới với và chìm xuống nước.

Gần nửa ngày không thấy vợ về, Vu Ta Viên bảo hai đứa con lớn ra bờ sông tìm. Năm lần bảy lượt rồi mà cha con đốt đuốc soi tìm suốt đêm mà chẳng thấy tăm hơi. Người cha biết vợ mình đã bị người dưới thủy tề bắt cóc nhưng không rõ ở vũng nước nào trên dòng sông. Ông bảo ba đứa con dịu nhau cầm một nắm chài và một tay lưới quăng xuống các vùng nước và khấn rằng:

– Nếu vũng nước này có mẹ tôi thì nắm chài và tay lưới này một cái chìm một cái nổi.

Đi hết một khúc sông vẫn không có. Đến vũng nước thứ mười hai thì nắm chài chìm, tay lưới nổi. Ba đứa con ngồi xuống khóc nức nở, đứa mới sinh gọi mẹ rất thảm thiết. Một lúc lâu giữa vùng nước sâu bỗng xoáy sôi ầm ĩ, cây cối to như cái nhà nổi lên và người mẹ hiện ra nửa dưới nước nửa trên đá. Ba đứa con sợ hãi vì người mẹ lúc này đã thành một thiếu nữ xinh đẹp, nghe tiếng gọi mới biết là mẹ mình. Bỗng mẹ con ôm chầm lấy nhau. Người mẹ mang rất nhiều cơm cá thịt cho hai con lớn ăn thật no và cho đứa con nhỏ bú căng bụng.

Người mẹ dặn:

– Ba con về nhà đừng cho cha con biết là đã tìm thấy mẹ, mà nói rằng không gặp ai nên đi tìm trái sim trái ổi ăn cho đỡ đói dọc đường.

Nhiều lần như vậy, Vu Ta Viên lấy làm lạ vì mỗi lần các con ông đi ra sông về đều vui vẻ, không ăn uống gì thêm ở nhà. Mặc dù hỏi chúng bảo là ăn trái ổi trái sim thôi.

Một hôm, Vu Ta Viên rình theo các con thì rõ hết sự việc. Ông lẻn về nhà trước để tìm kế giành lại vợ. Ông đan cái chài sợi to bằng cổ tay. Sau khi làm xong, đúng ngày ba đứa con ra sông, ông buộc chài vào hai con trâu đực to theo sau nấp vào bụi. Lúc mấy mẹ con nô đùa với nhau, ăn uống no nê xong. Vu Ta Viên quăng chài vào vợ mình. Cuộc vật lộn giữa hai con trâu và người vợ diễn ra dữ dội, đá lở đá lăn, khúc sông nổi sóng trùng trùng. Cuối cùng người vợ Vu Ta Viên phải chịu thua. Vu Ta Viên hỏi vợ:

– Em còn thương anh, thương các con nữa không?

Người vợ đáp:

– Tôi vẫn còn thương các con nhưng không còn thương anh nữa vì tôi đã có chồng con dưới thủy tề rồi. Chồng tôi là chàng Ta Uyn đẹp và giàu sang. Bây giờ tôi có thương anh nữa cũng không sống được trên cạn quá một ngày, anh phải trả tôi về dưới đó.

Vu Ta Viên nói:

– Không đời nào tôi cho cô về vì cô là vợ của tôi, mẹ của ba đứa con. Tôi sẽ đi làm cái thuyền khoét bằng mây to như cái nhà của mình, hàng ngày tôi sẽ đổ nước cho cô sống.

Chỉ một ngày, Vu Ta Viên đã làm xong chiếc thuyền cho vợ sống trên cạn với mình.

Ba ngày sau, các loài rắn kéo đến hỏi: "Hỡi ông Vu Ta Viên có thấy người vợ xinh đẹp của cha chúng tôi không?"

Vu Ta Viên đáp:

– Tao chẳng thấy ai cả chỉ có vợ tao và mẹ của ba con tao. Đứa nào còn hỏi tao sẽ chặt từng khúc ném vào lửa.

Lũ rắn bỏ đi và hàng ngày quay trở lại hỏi, lần nào cũng bị Vu Ta Viên dọa giết. Ba vòng trăng sau xuất hiện một con trăn khổng lồ đến nhà hỏi:

– Hỡi Vu Ta Viên, ông có thấy người vợ xinh đẹp của tôi đâu không?

Vu Ta Viên cầm gươm nhìn con trăn giận dữ quát:

– Ở đây không có vợ của ông mà chỉ có vợ của tôi. Nếu ông còn hỏi nữa tôi sẽ giết chết cho dân làng ăn thịt vì chính ông đã cướp vợ tôi.

Tức thì con trăn nhảy xổ vào và hai bên đánh nhau dữ dội trong mười ngày đêm. Khắp vùng cây cối đổ rạp, đá đất lăn ào ào. Càng ngày Vu Ta Viên càng đuối sức. Từ chiếc thuyền người vợ đã nhổ sợi tóc của mình bảo đứa con lớn đưa cho cha quấn vào thanh gươm. Khi có sợi tóc ấy, Vu Ta Viên chọt khỏe hẳn, chém con trăn thành từng khúc. Nó rống lên vang trời rồi chết.

Trăm làng đổ về xem rất kính phục tài sức của Vu Ta Viên. Người vợ bảo với chồng:

– Anh hãy chặt con trăn đó ra một trăm khúc và ném lên một trăm ngọn núi thì tôi mới sống trên cạn hạnh phúc bên chồng con được. Nếu không làm đúng như vậy thì chẳng bao giờ chúng ta sum họp.

Người chồng đã chặt con trăn thành nhiều khúc nhưng chỉ ném ba khúc lên ba ngọn núi cao nhất vùng còn bao nhiêu ông đổ xuống nước cho trôi đi. Tức thì ba khúc ấy lăn ầm ầm đổ xuống nước và dính lại với các khúc kia. Bỗng dưng cả khu vực đó bị sập xuống thành hồ nước mênh mông, cả buôn làng chìm xuống hết. Vợ chồng Vu Ta Viên cũng mất tích. Từ đó, ai đi ngang qua hồ nước khi trời nắng lên thì thấy nhà ở dưới. Hồ ấy ở làng Treng[1] qua nhiều năm tháng đất lở đá mòn đã bị thu nhỏ lại và sâu hoắm.

CON CỌP VÀ QUẢ BÍ

Một hôm nọ, lúc mặt trời đã đứng bóng, cọp vẫn còn tha thẩn trên nương dáng chừng đói lắm. Nhìn quanh quẩn hồi lâu chẳng thấy gì ăn được, cọp đã buồn. Chợt đôi mắt mệt mỏi của cọp sáng lên khi bước tới đám bí chín vàng, tròn to như những cái thúng.

---

1. Làng Treng ở xã Sơn Kỳ giáp giới Sơn Ba (huyện Sơn Hà).

Thứ này cọp chưa ăn bao giờ, nhưng thấy người hay ăn, chắc là ngon lắm. Nghĩ vậy, cọp ta vội vàng hái gần chục trái, khệ nệ đem tới chất đầy lên một tảng đá lớn, cạnh bờ suối mát mẻ. "Phen này ta được ăn thả cửa , mà chẳng tốn công mất sức gì cả". Cọp hả hê cắn một trái bí to nhất, nhai nhai mấy lần, vẫn không thấy chút mùi vị thơm ngon béo bổ nào. Nhả ra, ngoạm thêm một miếng nữa, cọp chỉ thấy lờ lợ. Cơn đói vẫn cào cấu trong bụng, cọp tức mình vung chân hất đống bí lăn ào xuống suối miệng lẩm bẩm:

– Loài bí chúng mày chả được việc gì.

Rồi cọp chán nản tiếp tục men theo dòng suối. Mới được vài bước, cọp bỗng nghe bí lên tiếng gọi:

– Ông cọp ơi! Coi bộ ông, tôi cứ tưởng ông giỏi lắm chứ. Có phải thứ gì trên đời này cũng ăn được đâu...

Đừng kiếm chuyện với tao. Thịt bọn bay tao ăn chỉ bẩn miệng. Cọp gầm gừ đứng lại nhìn đám bí nằm trơ dưới nước.

Bí nói lại:

– Lũ tôi còn ngon hơn thịt nai nhưng kia đấy. Tại ông không biết cách ăn thôi.

Đói quá, cọp hỏi dồn:

– Vậy có cách gì ăn cho ngon, bọn bay bày cho tao với? Từ sáng tới giờ tao chưa có miếng gì trong bụng.

Bí thong thả nói:

– Khó gì đâu, ông đem nướng đến khi trên mình chúng tôi, mỡ sôi lên mầu vàng. Ông gắp ra để trên lá háu. Rồi ông phải ăn ngay, bí tôi mới béo.

Không chần chừ, cọp ta vội đi kiếm củi. Có củi rồi lại tìm đâu ra lửa. Cọp lại phải lần đến chỗ người đang đốt nương mãi tận núi xa. Lúi húi đến gần chiều mới nhóm được đống lửa to, cọp ném hàng chục trái bí vào rồi thèm thuồng ngồi đợi.

Quả đúng như bí nói, chẳng mấy chốc, những trái bí đã sôi, mỡ chảy vàng ruộm. Cọp lấy cây khều ra một trái, đặt lên lá hàu, rồi há miệng cắn ngập răng. Bỗng cọp lăn ra giãy đành đạch, mồm há hốc kêu la. Bí nếp nướng, lại để trên lá hàu, nên nóng hơn lửa thường, dẻo hơn cả xôi nếp. Cọp cố nhả ra, nhưng bí như cố ôm

chặt lấy hàm răng cọp. Cọp càng la dữ dội. Lúc bí rơi ra cũng là lúc hàm răng cọp rụng hết vào ruột bí.

Cọp lồng lộn, vung tay, vung chân, cào cấu mấy trái bí đang sôi sùng sục cho hả dạ. Nhưng cọp lại giãy giụa kêu thét lên. Cả móng chân móng tay cũng bị rụng vào ruột bí. Cọp đau đớn, chết giấc trên bờ suối.

Đến tối, mới tỉnh dậy, nhớ ra chuyện vừa rồi, đau quá, cọp rống vang rừng. Họ nhà cọp chạy tới hỏi thăm, cọp hậm hực kể lại đầu đuôi câu chuyện.

Cũng từ đó, loài cọp rất sợ bí.

DÂN TỘC KHÁNG

CHÀNG LÚ VÀ NÀNG ỦA

Thuở ấy, vua Then ở trên trời sinh được một nàng công chúa rất đẹp. Khi công chúa lớn lên, Then dâm phải lòng chính con gái mình. Một hôm, Then định ép con cùng mình làm điều xấu xa, nhưng con không chịu. Giận lắm, Then đẩy công chúa xuống trần bắt phải chịu đau đớn khổ sở mãi mãi.

Thuở ấy, ở Mường Xại, có hai vợ chồng chúa đất hiếm hoi, ước mãi mới đẻ sinh đôi được hai cô con gái, chị tên gọi là Cầm Xôm, em là Ngân Liếng. Hai chị em quấn quýt lấy nhau, lớn lên cùng xinh đẹp, được cha mẹ làm nhà riêng cho ở ven sông Đà, với nguyện ước hai con kén được rể hiền cho thỏa lòng mong ước của cha mẹ đã già.

Công chúa con vua Then bị đày xuống trần biến thành quả vả chín ngọt ngào. Một hôm, đang tắm, hai chị em con chúa đất bỗng thấy hương thơm sực nức từ quả vả đang lững lờ trôi đến. Hai cô thích quá vớt lên, bửa đôi rồi chia nhau ăn. Ít lâu sau, hai cô thấy trong người đổi khác và biết mình có mang. Biết rõ chuyện, bố mẹ lo sợ một mặt cúng quải cho các con khỏi bị ma quỷ làm hại, một mặt chiêu bảng kén rể hiền. Cô chị Cầm Xôm gả cho chàng bắt cá giỏi bên sông Hu Pâng; Cô em Ngân Liếng lấy chàng săn thú có tài Hu Pái. Lễ cưới được tổ chức một ngày. Tuy đã có chồng, hai cô vẫn quấn quýt nhau như khi còn con gái. Đến kỳ sinh nở, hai cô

cùng hẹn nhau, hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái sẽ cho chúng nên vợ nên chồng.

Cầm Xôm sinh con trai, đặt tên là chàng Lú. Ngân Liếng đẻ con gái, đặt tên là nàng Ủa. Lú khỏe mạnh, Ủa dịu hiền, quấn quýt nhau không khác gì Cầm Xôm, Ngân Liếng thuở nhỏ. Lớn lên, hai người yêu nhau.

Ông ngoại của Lý và Ủa già lắm rồi, mới chia đất cho rẻ. Bố mẹ chàng Lú được ăn mường gốc. Bố mẹ nàng Ủa được chia mường ngọn. Chia tay nhau, Lú và Ua buồn rầu, thề sống chết không rời nhau. Mối tình Lú và Ủa vẫn như xưa, chưa gặp gì trở ngại. Hai người vẫn đi thăm hỏi nhau.

Thuở ấy, bên cạnh mường nàng Ủa có một mường lớn do Khun Chai cầm đầu. Nghe tiếng nàng Ua đẹp lại dịu hiền, Khun Chai muốn lấy nàng làm vợ, cho người hầu đeo gươm sang bố mẹ Ủa cầu hôn. Ngân Liếng, thương con gái, thương cháu trai, vẫn nhớ lời hẹn xưa với Cầm Xôm, không muốn nhận. Nhưng Hu Pái lại sợ Khun Chai là người cầm đầu mường lớn, lắm người, nhiều lính, đồ sính lễ lại toàn châu báu ngọc ngà. Nếu chối từ lời cầu hôn, sẽ phải đánh nhau với Khun Chai và phần thua cầm chắc. Cuối cùng, cả bố lẫn mẹ nàng Ủa phải nhận lời gả con gái yêu cho họ Khun Chai.

Biết tin, nàng Ủa khóc lóc, vật ngã xuống chết ngất lay gọi mãi cũng không tỉnh. Lúc ấy có đàn quạ đầu bạc bay qua. Sực nhớ đến chàng Lú, mẹ nàng Ủa mới nhờ quạ đầu bạc gọi Lú đến cứu Ủa.

Được tin, Lú chạy như bay ra đồng tìm ngựa. Được ngựa, không cần yên cương, chàng phóng thẳng sang mường nàng Ủa. Đèo cao, khe sâu, rừng rậm, thú dữ, chàng bỏ lại phía sau. Giữa đường, ngựa đứt hơi chết, chàng chạy bộ. Đến một rừng già, gặp toán đi săn, không hỏi nửa câu, Lú cướp ngựa phóng tiếp.

Đến nơi, Lú quỳ xuống hà hơi cho Ủa và cất tiếng gọi. Người gọi Ủa không tỉnh, Lú gọi mới một tiếng, Ủa tỉnh ngay. Ủa yếu, Lú săn sóc. Hai người ngày ngày rong chơi, ca hát, tình nghĩa thắm thiết hơn vợ chồng. Theo tục xưa, gái lớn cha mẹ cho ra ở riêng. Một hôm, Ngân Liếng sang thăm con gái vào lúc chưa sáng rõ, dè đâu bắt gặp chàng Lú và nàng Ủa ôm nhau nằm ngủ chưa dậy. Tức giận, Ngân Liếng gọi chồng đến đuổi chàng Lú đi, cấm không cho sang thăm Ủa.

Từ đó, Ủa bị bố giam trong nhà. Khun Chai cho kẻ hầu gái sang trông và gấp rút sửa soạn lễ cưới. Ngày cưới đến gần, Ủa càng gầy võ, héo hon. Nàng nghĩ chỉ có chết đi mới thoát được tay Khun Chai, mới trọn tình với chàng Lú.

Một đêm khuya, Ủa vờ ngủ say, làm rơi gối xuống gầm sàn, nàng rón rén xuống mượn có nhặt gối, trốn biệt vào rừng sâu. Trời sắp sáng, Ủa lo người tìm kiếm, bối rối không biết làm sao. Nàng ôm cây tùng cao vút thở than: Tùng ơi! Tùng ơi! Tùng thương hãy ngả xuống cho tôi thắt cổ tít trên ngọn cây. Khi nào chàng Lú đến, tùng hãy thả tôi xuống.

Nghe lời Ủa, cây tùng ngả xuống đón nàng Ủa lên. Trước khi chết, nàng cầu xin sao được giữ nguyên vẻ mặt như khi còn sống để chàng Lú khỏi kinh hãi.

Cây tùng y lời, lại dựng thẳng dậy. Nàng Ủa ra đi giữa mùa chim nhạn bay về. Đàn nhạn thấy nàng Ủa chết đau đớn, bay vội đến báo tin cho chàng Lú. Như điên, như dại, Lú nhờ chim dẫn đến cánh rừng già nọ.

Bấy giờ, bố mẹ nàng Ủa cũng cuống quýt tìm con. Thấy Ủa chết trên cây tùng cao vút, mọi người chỉ biết đứng nhìn lên. Cây cao không cho ai trèo lên được.

Chàng Lú đến, ôm thân cây tùng, xin tùng trả xác Ủa cho Lú. Cây tùng tự nhiên ngả xuống. Ủa chết, mặt vẫn hồng hào tươi đẹp như lúc sống, vẫn tỏa hương thơm ngan ngát khắp vùng.

Người mường nàng Ủa cho là tại Lú mà Ủa chết, tức giận giơ chầy, giơ gậy, nhặt đá đánh vào người Lú. Lú không biết đau, chỉ biết khổ vì Ủa chết. Chàng ôm xác Ủa than văn, oán trách rất thảm thiết. Ai nghe cũng động lòng. Mọi người hạ gậy gộc lặng im cho Lú khóc than. (Theo truyền lại, hiện nay mộ nàng Ủa còn trên đồng Nà Ít Mường Xại. Dân địa phương gọi là gò nàng Ủa).

Thương nhớ Ủa, chàng Lú không ăn, không ngủ, không nói, không cười. Cha mẹ chàng bèn cưới vợ cho Lú – nàng Mành trong mường.

Lú phải lấy nàng Mành, càng không quên được Ủa. Lú đi tắm, thấy Ủa dưới nước. Lú chải đầu, thấy Ủa trong gương, sống không xa được Ủa, Lú tạ tội với Mành, cầm dao nhọn đâm cổ chết. Mẹ Lú ở dưới gầm nhà đương giã gạo, tưởng con đánh đổ nồi thuốc

nhuộm gọi nhắn sao con vô ý. Máu Lú chảy lan xuống đất, thấm đến đâu, hoa mào gà đỏ thẫm mọc lên đến đó. (Bây giờ, người Kháng còn gọi hoa mào gà là hoa chàng Lú).

Hồn chàng Lú bay lên gặp hồn nàng Ủa đợi ngoài cổng trời. Hai người dắt tay nhau vào gặp vua Then để kêu oan. Nhìn thấy chàng Lú và nàng Ủa, nhớ lại chuyện con mình, nàng công chúa ngày trước. Then giấu nỗi oán giận, giả vờ hỏi:

– Chúng bay là vợ chồng hay là anh em?

Chàng Lú sợ hãi, nói là vợ chồng, không nói là anh em. Then mượn cớ, nổi giận thét mắng, sai thần tướng bắt hai người biến thành hai ngôi sao đứng ở hai bờ sông Ngân, chỉ nhìn nhau không được gặp nhau. Then muốn giữ lời nguyền xưa bắt nàng công chúa con Then khổ đau mãi mãi.

Bây giờ, những đêm trời quang hay trăng sáng tỏ, ngẩng lên, ta vẫn thấy sao chàng Lú mọc ở đầu, sao nàng Ủa mọc ở cuối dải Ngân Hà vằng vặc ở giữa. Hai ngôi sao ấy chẳng bao giờ được cùng sáng một lúc. Sao Lú tỏ thì sao Ủa mờ; sao Lú mờ thì sao Ủa tỏ. Vĩnh viễn chàng Lú và nàng Ủa phải chịu hành hạ đau đớn. Sao đó chính là sao Hôm và sao Mai.

DÂN TỘC KHƠ MÚ

TRUYỆN QUẢ BẦU

Xưa, có hai anh em, một trai, một gái, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, phải tự nuôi nhau rất vất vả. Nghèo đói, hàng ngày, hai anh em phải vào rừng kiếm ăn, khi đào củ mài, củ pẩu, khi hái trái quả, lá rau, khi đuổi bắt thú như chuột, sóc, dúi, hay các loại côn trùng, khi mò cua, bắt cá, nhặt ốc... qua ngày đoạn tháng.

Một hôm, hai anh em bắt gặp một con dúi bèn đuổi bắt. Dúi chui vào hang. Hai anh em hết hun khói, lại đào đất theo hang bắt được. Dúi xin tha chết, hứa sẽ báo nhiều điều bí mật. Người anh quá đói muốn nướng ăn ngay, cô em thương tình xin anh nấn ná cho dúi kể chuyện. Dúi bảo dúi được biết trời sắp sập, mưa to ngập tất cả. Dúi sở dĩ phải đào hang sâu, làm ngách nhiều bề là để tránh

nạn. Người em tin, người anh chưa tin. Dúi đành nói vì ở dưới đất nên nghe được lệnh trời cho thần đất. Dúi khuyên hai anh em lấy khúc gỗ to, đẽo rỗng, chuẩn bị thức ăn đủ bảy ngày, bảy đêm rồi chui vào trong đó. Miệng gỗ bít sáp ong cho kín. Khi hết hạn, hai anh em lấy lông nhím chọc vào sáp ong, nếu không thấy nước rỉ vào, thì phá mặt trống mà ra.

Hai anh em bèn tha cho dúi và làm theo lời khuyên. Vừa khoét xong khúc gỗ, chuẩn bị đồ cần thiết, trên trời sấm chớp ầm ầm, chớp lóe sáng, mây đen kéo đến, trời như sập xuống. Mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Loài người, súc vật đều chết hết.

Đến hạn, làm theo lời dúi, chọc sáp ong thấy nước không rỉ vào, bèn phá mặt trống chui ra. Trống mắc trên cây nhót. Vì thế cây nhót ngày nay không bao giờ mọc thẳng vì xưa mang trống nặng. Hai anh em trèo từ cây xuống. Mặt đất như cứt gà. Người vật vắng tanh. Cây cỏ úa vàng rũ.

Nghĩ phải đi tìm đồng loại, người anh tặng em nắp túi trầu làm tin và chia nhau đi tìm người. Hai người đi hai ngả nhưng lại gặp lại nhau. Loài người khác đã chết hết. Hai anh em chia nhau đi tìm nhiều lần nhưng đều thất vọng.

Lần cuối cùng, đương lúc ôm đầu ngồi khóc sau một chuyến đi không kết quả, chim "tgooc" biết chuyện, khuyên anh em phải lấy nhau làm loài người còn sinh sôi nẩy nở. Hai anh em đành nghe theo. Người em ít lâu sau có mang, chửa được bảy năm, bảy tháng, bảy ngày sinh ra một quả bầu (rơ mưng). Người chồng giận quá muốn đập cho tan. Người vợ tiếc công, không nghe chồng, đem gác lên dàn bếp.

Nhiều lần, hai người đi nương về, đi rừng lại cứ thấy tiếng cười đùa trong nhà. Đến khi hai vợ chồng bước vào nhà lại im bặt. Lấy làm lạ, một hôm, người chồng trèo lên gác bếp, áp tai vào quả bầu thấy bên trong có tiếng lao xao, như có con gì ở bên trong. Người chồng bê quả bầu xuống định lấy dao ra bổ. Người vợ sợ làm vậy chặt phải con không nghe, bèn lấy que đốt cho nhọn đầu để dùi lỗ vào quả bầu.

Người Khơmú nhanh nhẩu ra trước, dính nhọ than nên bây giờ con cháu mới đen. Ưng cái bụng, người chồng lấy dao khoét rộng lỗ ra. Người Thái, người Lào, người Lự ra tiếp. Người vợ mừng

quýnh lấy củi phang vỡ quả bầu. Người Kinh, người Hán ra tiếp. Người Thái, người Lào, người Lự dính ít nhọ than nên nước da sáng hơn. Người Kinh, người Hán không dính nhọ than, nên da trắng hơn cả.

TỤC CÚNG HỒN LÚA

Ngày xửa ngày xưa, loài người chỉ biết làm cạm, làm bẫy bắt con thú con chim hay xuống suối mò con tép, con cua để sống. Nhưng con người ngày càng sinh sôi nảy nở, muông thú trốn mãi vào rừng sâu núi hiểm, cua cá cũng tìm xuống vực thẳm sông rộng mà trốn tránh, quả cây củ rừng hái mãi, đào mãi rồi cũng hết. Đi đâu cũng gặp vết chân người, nên muốn kiếm cái ăn phải đi thật xa may ra mới có.

Một hôm, con người đến một vùng núi nọ bỗng gặp một hang đá sâu thăm thẳm, đen ngòm. Từ trong hang, gió thổi ra ào ào, mang theo những hạt vàng hạt mẩy. Người nhặt lên ăn thử, thấy ngon, bèn bảo nhau đi nhặt để ăn. Nhiều người đi nhặt, lâu ngày, hạt vàng, hạt mẩy cũng hết; chỉ còn lại những hạt lép. Đời sống lại trở nên đói khát khổ cực.

Mọi người lại bảo nhau vào hang để tìm hạt vàng, hạt mẩy, nhưng bao nhiêu người đi thì bấy nhiêu người bị gió thổi va vào vách đá mà chết.

Một con vắt khổng lồ thấy thế liền nói với người:

– Tôi sẽ đi lấy hạt vàng, hạt mẩy về cho người, nếu người cho tôi hút máu một cô gái đẹp nhất mường ta!

Nghe thế, mọi người đều rùng rợn khiếp đảm. Già làng cũng giả vờ như không nghe thấy lời vắt. Trong lúc đó, một cô gái đẹp nhất bản tên là Hngọ (Lúa) nhận lời cho vắt hút máu để tìm hạt vàng, hạt mẩy cứu dân làng khỏi đói rét, cực khổ.

Được lời, vắt khổng lồ bám chặt một đầu vào vách đá, một đầu cứ trườn dần lên, gió không tài nào thổi bay được. Vắt cứ thế khuân không biết bao nhiêu hạt vàng, hạt mẩy về cho người.

Được hạt rồi, người giữ đúng lời hứa, kiệu nàng Lúa lên cho vắt. Ai ai cũng cảm động xót thương nàng Lúa. Họ lấy hạt làm cơm cúng hồn nàng Lúa và gọi hạt ấy là hạt Lúa, gọi nàng lúa là mẹ Lúa.

Từ đó về sau, cứ vào mùa suốt lúa, người Khơmú nhớ ơn nàng Lúa nên mời một cô gái đẹp nhất bản đóng giả làm Mẹ Lúa. Cô gái ăn mặc đẹp, được mọi người kiệu lên nương suốt một ít lúa đem về làm cơm cúng hồn Mẹ Lúa.

Tục cúng hồn Mẹ Lúa, nhiều bản làng vẫn còn giữ cho đến ngày nay.

CHÀNG CHƯƠNG DŨNG CẢM[1]

Ở một bản kia, có hai ông bà già tuổi đã 60, vẫn chưa có con nối dõi. Hai vợ chồng mới bàn nhau mổ con trâu độc nhất cúng dâng vua thần (Then luông) trên trời, xin nhờ Ma Bẩu đúc nặn cho đứa con. Đùi trâu được dâng lên trên sàn nhà Then. Cảm động trước lòng thành của hai ông bà già. Then suy nghĩ rất lung và muốn cử Bun Hôm là con cả xuống trần. Bun Hôm không chịu đi sợ vất vả khổ sở. Chưa biết tính sao, đứa con Út của Then đi chơi quay về, mồ hôi nhễ nhại, bụng đói, thấy đùi trâu đặt trên sàn, lấy dao sắn ăn cho bằng hết. Ăn xong Bun Nhi mới biết mình đã ăn đồ cúng của người dưới trần dâng lên xin một đứa con trai. Không nỡ phụ ơn, Út của Then xin Then đầu thai xuống. Trước khi đi, chàng xin với bố uống nước thần có phép lạ người khỏe vô địch, dao chém không đứt. Then cho uống một bát. Bun Nhi uống ba bát, lại còn đổ hai bát vào thân ướt sũng cả khố áo, lại cho quân lính đi theo uống hai bát nữa. Then ban cho thanh kiếm loại ba, Út Then chọn loại nhất.

Chuẩn bị xong xuôi, Út từ biệt Then. Biết Út uống nhiều nước thần, lại cho thanh kiếm quý sẽ quấy đảo trần gian, làm hại nhiều sinh mạng, Then hạn cho Út chỉ được ở dưới trần 25 năm là phải trở về. Út Then từ lúc này trở nên vô địch bèn lấy tên là Chương, chàng Chương dũng cảm, tiếng Thái và Lào gọi Chương Han. Chương tập hợp binh lính, chọn bốn dũng tướng Ải Quang, Tong Hảo, Xả Ma Hiệu, Xả Ma Hếnh... cùng bốn vợ, vợ gốc là nàng Ngọm, vợ hai, nàng Ủa Ca, nàng Ủa Keo, vợ ngọn Út: nàng Căm Giắt.

---

1. Chuyện Chương là truyện của người Kho Mú và Xinh Mun. Sau một số thủ lĩnh nổi dậy đánh phong kiến Lào, Thái, cũng tự xưng là Chương. Chuyện này là do người Thái kể.

Vừa qua cổng trời, trên đường xuống trần, nào ngờ Chương và cả toán gặp gió to, bão lớn. Mọi người tan tác mỗi ngả. Chương rơi xuống Nà Ngòm, vợ cả xuống Chiềng Khừa đất Lự, vợ hai rơi xuống Ngần Giang đất Lào, vợ ba xuống Pha Căn Đương đất Kinh. Còn vợ út lại xuống đất Hán miền Tum Hoàng Phạ Huân.

Chương đầu thai vào nhà hai ông bà già người Thái được ba năm, ba tháng, ba ngày sinh ra đúng giờ ngọ giữa trưa (giờ làm việc theo quan niệm mê tín), lọt xuống gầm sàn. Khi người nhà xuống nhặt lên đã thấy Chương biết đi. Cây kiếm Chương đeo mắc vào cành me, ai đi qua cũng bị kiếm xà xuống chém đứt cổ. Cả bản sợ hãi mời mo mường đến cúng. Cây kiếm tự nhiên rơi xuống và chạy về với chủ cũ là Chương. Chương sống yên ổn làm rẫy, khai ruộng chả mấy lúc trở nên giàu có, có của thừa dư. Ít lâu sau, bố mẹ Chương qua đời. Một hôm Chương nằm mơ thấy Then bảo vợ Chương gió bạt đến nơi này, nơi nọ. Chương bèn đi tìm gặp vợ cả ở Lào và được tôn làm chúa ở đó. Ông Minh Khương báo Chương biết nàng Ủa Ca, vợ hai của Chương ở đất Ngân Giàng thuộc đất của tạo Quạ đương bị làm nàng hầu rất khổ. Chương chuẩn bị kéo quân đi đánh, đi đi mãi đã muốn bỏ về. Ông Minh Mương nói chỉ còn ít ngày sẽ đến. Chương lại tiếp tục đi. Binh Chương mạnh, binh tạo Quạ thua phải chạy sang đất Phá căn Đuông. Lấy lại được nàng Ủa Ca, Chương mang quân đánh tạo Quạ. Máu chảy ngập đồng, thây chất thành núi. Tạo Quạ bị Xả Ma Hậu giết chết. Vợ tạo Quạ thấy chồng chết cất quân đánh trả thù. Lúc đầu hai bên bất phân thắng bại. Sau vì quân ít, thế cô, vợ tạo Quạ bị chết. Cảm phục, Chương đặt tên cho vợ tạo Quạ là nàng Khanh (cứng sát). Thắng trận, Chương kéo quân vào thành, tìm thấy nàng Ủa Kẻo ở đó, giao cho ải Quang trị vì ở đó, rồi về Ngần Giàng ở được ba năm.

Nhà tạo Quạ còn hai con là Hu Bằng và Cằm Ba đi cầu cứu nước Tum Hoàng Phạ Huân đánh ải Quang. Ải phải cầu cứu Chương. Thấy Chương mang quân đến, Hu Bằng và Căm Ba lui quân. Chương nghỉ ở Thiềng Khừa. Ở đó, ông Minh ở bản Sơ trình Chương xin diệt hai con cháu tạo Quạ cho trừ hậu hoạ. Chương sai hai con ông Minh là hai tạo Kinh ra đi, lừa gọi về nhưng đất Hán biết mưu không chịu để hai con tạo Quạ về, và dâng trả nàng Căm Giát vợ Út của Chương cầu hòa, nói dối là hai con tạo Quạ không làm phản. Biết sự thật, Chương nổi giận kéo quân đánh đất Hán. Quân đi trùng

trùng điệp điệp. Ánh kiếm loáng lên như ánh chớp trời. Vua Hán sợ phen này binh Chương hùng mạnh quá, mới sai nàng một mường, Nòng Dấu, cúng xin Then. Then mới sai Phi Men Tà Tọ (Ma rận một mắt) xuống giúp. Vua Tum Hoàng mổ trâu, bò khao quân nhà trời.

Quân nhà trời đông như lá tre trong rừng. Thấy vậy, Chương giận lắm, tập hợp ba quân bảo: ai có gia đình vợ con hãy về để góp phần xây dựng bản mường, ai ở lại theo ta thì coi như cầm lấy cái chết. Ta chỉ cần người dũng cảm. Một số thương khóc Chương xin về với vợ con, số còn lại xin cùng Chương đánh đến cùng.

Trận đánh bắt đầu từ lúc mặt trời chiếu xuống đầu mường. Chương vung kiếm giết giặc nhà trời đầu rơi như sung rụng. Nhưng đầu rụng, đầu khác lại mọc. Biết khó thắng, Chương mới bỏ vào tay con chiếc nhẫn để con sau thay bố cầm quyền bản mường. Con Chương khóc vĩnh biệt bố về với dân. Chương quay lại cùng các tướng, các quân đánh. Tất cả đều mắt trừng mắt tuốt gươm sẵn sàng. Ánh kiếm lóe lên như chớp. Binh mã ba triệu người đi lại chuyển đất thế mà phải bỏ chạy tan tác. Then thấy vậy sai viện binh cưỡi ngựa có cánh xuống. Tướng của Chương, Xa Ma Hiệu, giương tên nỏ bắn chặn. Tên trúng bụng ma rơi xuống tưởng như núi sập. Then thấy lo ngại sai Then Đa bỏ đó xuống bắt hồn tướng quân Chương. Ải Quang chết, Tòng Hải, Xả Ma Hiệu, Xả Ma Hếnh lần lượt hồn lìa khỏi xác. Quân Chương cũng tự nhiên tay rời gươm nỏ. Chỉ còn mình Chương. Chương tiếp tục đánh. Máu chảy ngập lưng voi, máu thấm ba ngày không cạn. Voi Chương cũng chết. Chương cũng chết theo, đúng vào năm vừa tròn 25 tuổi.

Dân mường làm ma cho Chương ba tháng, đặt xác Chương vào quan tài rộng khiêng vào khu rừng cấm rồi thiêu. Lửa tàn, dân nhặt xương tro Chương vào chum vàng, đậy nắp bạc, chôn xuống đất đen. Hồn Chương cưỡi rồng lên tắm ở suối vàng (hặm căm), tướng sĩ của Chương đã chờ đón tại đấy. Tạo Chương nhìn thấy bốn vợ còn ở trần gian, liền lấy gươm thần trỏ xuống. Bốn người vợ đều chết và hồn bay lên tắm suối vàng cho hết những điều dơ bẩn dưới trần.

Chương tập hợp tướng sĩ lại và nói chỉ tại Then Luông, cha ta, lầm nghe tạo Tum Hoàng mới nên nông nỗi này. Chương hô hào mọi người phải trả thù Then. Mọi người tuân lệnh xin vì Chương sẵn sàng!

Chương bèn cất quân đánh Thi Men Tà Tọ cầm đầu những mường dân ở đó chỉ có một mắt. Thi Men sợ hãi bỏ mường chạy

tan tác. Chiếm được mường một mắt, Chương kéo quân đánh Mường Lò, nơi tổ tiên dòng họ tạo dưới trần trú ngụ, tiếp đến đánh các mường xung quanh. Mường giời ngập máu. Chương vượt qua sông Ngân Hà, núi Tong cao nhất, rừng Hấu nơi có nàng A xinh đẹp. Đầu quân mường trời rụng như sung. Các đầu mường quỳ rập đầu xuống đất xin tha chết. Chương kéo quân đánh phá các mường đương đầu là các tạo thân tín của Then Luông. Then Vu, Then Chăng, Then Khớ đều xin quy phục. Then Lò, Then Lường, Then Khứ, 111 mường trời tan tác dưới lưỡi gươm của chàng Chương dũng cảm. Riêng Then In, hiện thân của thần Indra chống cự, bị Chương hóa kiếp thành con rắn sau giữ vườn cho Then Luông. Liên pan luông, mường chính giữa của nhà trời, nơi Then Luông trị vì bị bao vây. Các quần thần của triều đình nhà trời 11 ông ngồi, 23 ông đứng khiếp sợ. Then Luông tức giận, nhưng thân cô thế cô, đành sai sứ giả ra cầu hòa. Bun Hôm cưỡi voi một ngà, ngồi trên bành vàng, giải ngọc ra gặp em, mong Chương nghĩ tình máu mủ, ruột thịt đình việc binh đao, hứa sẽ chia nửa mường trời cho Chương cai quản. Chương vẫn không nghe, đòi chính Then Luông, vua của các vị thần linh, người cha của Chương ra gặp mặt. Cực chẳng đã, Then Luông phải ra nhường tiếp cho Chương trông nom bốn mường đông, tây, nam, bắc dưới trần. Lúc đó Chương mới xin nhận. Làm vua nửa mường trời, bốn phần năm mường dưới trần gian.

Thắng trận, Chương mổ 100 voi, 1000 trâu khao quân. Chương sai quân làm nhà có một triệu cột, có hàng ngàn gian, cho 4 vợ ở 4 nơi, phân các tướng đi cai quản các mường. Từ đó, thiên hạ mới thái bình. Quyền nhà trời bị thu hẹp.

Và cũng từ đấy, mỗi khi có việc bất bình, Chương lại hóa thân xuống trần dụng cờ khởi nghĩa, bảo vệ dân nghèo, dân lệ thuộc. Những chúa cầm đầu các cuộc khởi nghĩa đều tự gọi là Chương. Sử Lào, sử Thái chép không đúng, gọi những chúa đất chống đối là giặc Chương.

SỰ TÍCH ĐÀN TOÓC TƠ ROONG TO

Ngày xửa ngày xưa, có một người con trai Khơ Mú, rất khỏe mạnh. Người chàng rắn chắc như tảng đá, nước da đỏ bóng như gỗ lim, lại rất khéo tay đan lát.

Ngày ngày, chàng vào rừng chặt tre, chặt giang đan bung, đan bem đem đổi cho người Thái để lấy vải, lấy áo. Tiếng dao của chàng chém vào thân tre, thân giang phát ra tiếng "pắc, pắc" giòn như tiếng con chim gõ kiến, gõ vào gỗ. Chàng ra tre, ra giang thành từng thanh nhỏ, lau cật, bỏ ruột, mỏng tang như lá giang, lá lúa. Nhưng rồi có một thân tre to bằng chuôi dao hai đốt, chẻ thế nào cũng chẳng được. Chàng đành bỏ đấy buông dao ngồi nghỉ. Một lát sau, chàng lại nhặt đoạn tre ấy lên vót đẽo, xoay bên nọ, trở bên kia đều đặn cả hai phía. Phút chốc, đoạn tre nhẵn bóng trông rất đẹp mắt. Rồi chàng ném đoạn tre xuống đất, đứng lên, vươn vai. Nhưng kỳ lạ thay, đoạn tre vừa chạm đất là đã phát ra tiếng "Toóc tơ roong to!", "Toóc tơ roong to!".

– Chàng trai ơi! Đoạn tre thiêng sẽ kết nghĩa anh em cùng chàng, sẽ cùng chàng chia sẻ niềm vui nỗi buồn.

Ngơ ngác, chàng trai cầm lấy ống tre sẽ sàng đập xuống đất, lại đập lên cánh tay của mình và nghe tiếng "Toóc tơ roong to" "Toóc tơ roong to"... Chàng lại gõ, lại gõ, âm thanh phát ra nghe khi lắng sâu xa xăm; khi sôi nổi dập dồn... Con chim khiếu, con chim ri, con chào mào, liếu điếu bay về cùng hót hòa trong tiếng ống tre chàng gõ. Giữa cái mênh mang, huyền bí của núi rừng. Chàng say mê đến ngây ngất trong cái âm thanh kỳ diệu ấy.

Mặt trời xuống bên kia núi từ lúc nào chàng cũng không biết nữa. Vội vã thu dọn công việc dang dở, bó những thân tre đã chẻ thành bó tròn, quàng dây địu qua trán, cắp ống tre, chàng ba chân bốn cẳng rảo bước về. Nhưng chẳng kịp. Trời đã tối đen. Chàng định bụng tìm vào một bản lạ xin ngủ nhờ. Nghĩ mình rách rưới đen đúa quá nên chàng không dám vào nhà người, đành nghỉ lại ở một chân dốc đầu bản. Cái đói cái mệt dày vò làm chàng không sao chợp mắt được. May thay có một bà cụ đi vác nước trông thấy chàng nằm co quắp trên một tảng đá, bà cụ gọi chàng hỏi:

– Cháu ơi! Cháu à! Cháu đi đâu mà ngủ nơi sương gió lạnh lẽo thế này. Cháu về nhà bà nghỉ đi, nếu cháu không chê nhà bà rách nát. Nhà bà có bếp lửa hồng ấm áp. Cháu ơi, cháu về theo bà đi.

Chàng trai mừng rỡ, địu bó tre của mình, vác ống nước của bà cụ và theo bà về. Nhà bà nửa đất nửa sàn xiêu vẹo, cái tranh đã đen khói bếp, cái lạt buộc đã có nhiều sợi đứt. Bà sống âm thầm

một mình một bóng cô quạnh. Có khách đến, bà mừng lắm. Bà cho thêm củi vào bếp, để lửa thêm hồng, để nhà thêm sáng. Chủ khách cùng ăn bữa tối bằng củ bấu và măng đắng. Cảm thương cảnh sống hiu quạnh của bà cụ, chàng trai đưa biếu bà cái ống tre – vật mọn mà chàng đã khéo tay đẽo gọt. Chàng gõ gõ ống tre vào lòng bàn tay của mình, âm thanh phát ra nghe bùi ngùi, thương cảm... Bà cụ nói với chàng lời ấm áp:

– Cảm ơn cháu! Đấy là vật báu, cháu hãy giữ lấy! Vật quý trong tay người tốt bao giờ cũng là vật quý! Cháu gõ nữa đi cho vui cửa vui nhà.

Vâng lời bà cụ, chàng gõ nhịp nhàng khoan nhặt, tiếng bổng tiếng trầm ngân xa vang vọng. Con trai, con gái trong bản nghe thấy âm thanh kỳ diệu ấy lòng tràn ngập niềm vui rạo rực, lâng lâng... Ai cũng muốn nhún nhảy múa hát. Họ liền rủ nhau kéo về nhà bà cụ. Vong trong vòng ngoài, ai cũng muốn nhìn cho rõ mặt chàng trai, người đã dùng ống tre gõ gõ để có tiếng bổng tiếng trầm.

Họ cầm lấy tay nhau. Lòng người già cũng vui, cũng bâng khuâng, bồi hồi trở lại thuở thiếu thời. Mọi người đều muốn có ống tre như chàng, muốn được chàng dạy cho cách làm và đánh ống tre này. Họ rủ nhau vào rừng, mỗi người chặt lấy một đoạn tre hai đốt về làm, và đặt tên là "Toóc tơ roong to".

Từ đó, vào tháng ba, ngày mùa là hội đàn "toóc tơ roong to" của người Khơ mú.

TRUYỆN LIÊN QUAN ĐẾN VẬT TỔ[1]

1. Họ Hổ (Rvai)

Một nhà kia, có bà mẹ và bảy cô con gái. Thường tối đến, cả nhà chuẩn bị cho trai bản đến "xim" nhau. Người mẹ thường ra sân ngoài ngồi dệt vải, nhường nhà trong cho các con được tự do.

Một hôm, bà mẹ làm vải ngoài sàn, cuộn chỉ rơi xuống gầm. Có một con hổ đi qua thấy thế vờn chơi. Bà cụ tưởng chỉ vướng cỏ,

---

1. Nhằm giải thích tại sao một dòng họ lại kiêng giết hay ăn một thứ cây con nào đó.

gió vờn, sợ chỉ tuột ra nhiều khỏi cuộn, hạ thang xuống nhặt, bất ngờ bị hổ cắn chết. Nhân có thang, cửa mở, hổ trèo lên đi vào nhà cắn chết luôn các cô con gái của bà. Hổ ăn no ngủ say tại chỗ. Cô gái út thứ bảy nhờ nép vào cửa ngất lịm nên thoát chết.

Như thường ngày, có một anh con trai đến nhà bà cụ để "xim" các cô gái. Gần đến nhà, anh thấy lạ, sao nhà đèn tắt, vắng lặng. Anh lên tiếng gọi hỏi. Cô gái út chết giấc đã tỉnh, thấy có người bèn kêu cứu. Anh con trai lên nhà, thấy vậy, cầm dao chém hổ. Hổ bị thương bỏ chạy. Khiếp sợ trước cảnh chết chóc, lo dân làng nghi mình gây ra vụ này, anh bỏ trốn biệt.

Hôm sau dân làng đến hỏi, cô gái kể lại sự tình ơn người đến cứu, xin lấy làm chồng. Dân làng không biết người đó là ai, cô gái cũng không biết... Chủ làng cho gọi các trai làng đến đọ dao. Thấy dao của chàng trai nọ có vết máu và có vết mẻ khi chém hổ, dân làng cho hai người lấy nhau. Từ đó, con cháu từ hai người sinh ra lấy họ là Hổ (Rvai).

2. Họ Phượng hoàng đất (Thràng)

Có một nhà kia, người bố góa vợ ở với con trai độc nhất. Người bố rất chiều con. Một hôm, người bố bẫy được một con chim phượng hoàng, đem về nhà buộc dây cho con chơi. Phượng hoàng đã khỏe, bay kéo cả đứa bé lên tổ trên ngọn cây, định bụng nuôi cho lớn vỗ béo để ăn thịt. Đứa bé lớn lên trong tổ phượng hoàng qua nhiều năm tháng. Cây phượng hoàng làm tổ lâu ngày bị sâu ăn, cành là xuống thấp. Anh con trai nhờ cây tầm gửi giúp tụt xuống được trốn thoát, chạy chui vào hang trốn. Phượng hoàng bay về, thấy mất người, bay đuổi theo. Biết anh con trai ở trong hang, phượng hoàng lấy dây mây thả vào khua anh ra. Anh con trai nghĩ mẹo, sỉ mũi vào đầu dây mây. Chim tưởng mình đã khua xuống tận nước dưới đáy hang nên bỏ đi, cho rằng con mồi không ở đấy.

Anh con trai thấy đã yên, bỏ hang đi ra tìm đường về làng. Vì quá lâu ngày, anh lạc, may giữa đường gặp chuột hỏi xin chuột dẫn đường. Nào ngờ, chuột quen ăn vụng ở lều trên nương, ngỡ tưởng nhà ở đó nên dẫn anh tới rồi bỏ đi.

Sáng hôm sau, toán con gái đến lều nương mang ống nước về tổ chức cúng gọi vía. Hổ thẹn vì trần truồng, anh con trai trèo lên cành cây ven suối. Toán con gái ra suối lấy nước. Thấy bóng con

trai, ngạc nhiên, họ mặc quần áo cho rồi dắt về. Cám ơn lũ con gái, anh con trai đẽo hộ ống đựng nước, rồi ăn nằm với lũ con gái. Quá ưng ý, các cô giấu anh con trai một chỗ rồi bỏ về làng. Dân bản ngạc nhiên thấy ống nước đẹp vặn hỏi. Toán con gái đành thú thật. Dân làng đón anh con trai về, nhà nào cũng muốn nhận làm con cháu, mổ lợn cho ăn.

Bất đồ, trong lúc ăn, anh để mèo cào xước đầu gối, sau dần dời ăn không chữa được nên anh chết. Dân làng cho rằng anh chết là do hồn phượng hoàng, người chủ của anh không ưng gây ra. Con cháu các cô gái trót có chửa với anh lấy họ là Phượng hoàng (Thràng).

3. Họ chim Ric[1]

Có một gia đình, bố mẹ chết sớm, còn lại hai anh em. Người anh cậy thế chiếm đoạt hết gia tài nên giàu có; người em ở một túp lều nương nghèo khó. Bên cạnh nhà có một cô gái xinh đẹp nhất làng. Hai anh em đều ưng. Người anh khoe của đến tán tỉnh nhiều lần. Cô gái chỉ một mực ưng người em hiền lành, chăm chỉ và nghèo khó. Người em suy nghĩ chưa biết tính sao.

Người anh thấy vậy ghen ghét muốn giết chết em, cho đào một cái hố, đặt bẫy ở dưới, bên cạnh đường đi. Một hôm, người anh rủ em đi thăm làng xa. Trời nắng, khi đến nơi đặt bẫy, người anh bảo em xuống hố sâu ngồi cho mát. Người em nghe theo. Nào ngờ bẫy không sập, người em thoát chết, nhưng hố sâu đất tụt, đưa người em tụt theo rơi vào một đường hang rộng thông với một ngọn suối. Đường hang đó là của chuột đào. Chuột thương người em, dẫn người em ra tận suối để tìm đường trở về. Bất đồ vừa đến suối, đương tìm cách ngoi lên mặt nước, một người quăng chài trúng người em làm người em bị thương. Thương hại, người quăng chài mang người em về nuôi.

Khi trình làng xin cho người em nhập làng, làng kéo đến xem mặt, viện cớ người em bẩn thỉu hôi thối, lại ở đất chui lên, đòi đem giết chết. Biết ý, người em xin chủ kêu làng tha và đi coi nương rẫy không vào làng.

---

1. Loại chim nhỏ, người Thái gọi là nôc-pit-đón.

Khi người em coi rẫy, chim Ric đến ăn thóc. Người em thương chim cùng cảnh thiếu thốn như mình không nỡ đuổi, lại cho ít lúa để chim mang về nuôi con. Cảm ơn người, chim Ric chỉ cho người em hòn đá mài người cho hết cái bẩn, cái ghẻ lở, hôi hám. Mài xong, người em trở nên một chàng trai tuấn tú.

Người con gái mang cơm trước thấy người em xấu xí không dám đến gần, kỳ này thấy đẹp liền ở lại làm vợ. Người mẹ thấy con gái không về lên tìm, bụng cũng ưng người em, ở lại nốt.

Tiếng đồn đến tai tạo bản, người chủ làng. Lấy làm lạ, tạo cho rằng người em có vía tốt, xin đón người em về thay mình làm chủ đất và gả cô gái xinh đẹp nhất của mình cho.

Vì ơn chim, người em coi chim như ruột thịt và lấy tên chim làm họ.

Chú thích:

Ở Việt Nam vết tích đạo vật tổ hay tô-tem giáo rất phổ biến, rõ nét nhất ở người Khơmú. Mỗi dòng họ có câu chuyện giải thích tại sao phải kiêng cữ liên quan đến một sinh vật nhất định. Đó là những huyền thoại sơ khai, rất hiếm, ít tồn tại đến ngày nay. Chúng tôi xin ghi lại vài mẩu chuyện để độc giả tiếp xúc với một thể loại truyện cổ tương đối hiếm hoi.

DÂN TỘC TÀ ÔI

1. Họ Kê *(Con sóc)*

Ngày xửa ngày xưa tại bản nọ, sau một chuyến đi săn, dân bản bắt được nhiều thú rừng. Trong số đó, có một con sóc khá to, đuôi như *plarolôn*[1] nở, lông đỏ hơn cả mặt trời.

Buổi tối, bên đám lửa bập bùng, họ đem những con thú săn được chia cho mọi người và cùng nhau nướng ăn. Tối hôm ấy, bản làng vui như ngày hội. Ché rượu chuyền tay nhau, mùi thịt nướng béo ngậy... mọi người chuyện trò râm ran; con trai, con gái cười đùa,

---

1. *Plarolôn* là hoa Lôn, màu đỏ tươi, rất thơm, to bằng bàn tay xòe rộng – Cây hoa Lôn to cao như cây sầu đông.

người già kể chuyện xưa cho lũ trẻ... Càng về khuya, mọi người càng say ngây ngất, câu chuyện kể càng đậm đà, rượu trong ché chưa vơi mấy, thịt rừng còn nhiều. Một người bảo rằng – mọi người cần phải ăn con sóc đỏ ngay trong đêm nay. Ông ta hăng hái đứng dậy đi tìm ống nứa to, đủ để nhét con sóc vào. Sau đó ông ta đặt ống nứa lên bếp lửa. Mọi người như ngưng bớt câu chuyện, chờ nứa màu xanh tươi, chuyển sang vàng, rồi ám khói đen.

– Được rồi!

Một người đàn ông khác hô to lên và xách ống nứa ra khỏi bếp, tách nó làm đôi.

Con sóc vẫn nằm nguyên trong ống nứa với hình dáng cũ, lông đỏ hơn cả mặt trời, cái mũi ươn ướt, những móng chân trắng hồng, đuôi như plarolôn.

– Ồ! Con sóc chưa chín!

Ariây[1] buột miệng. Một người chạy đi lấy ống nứa khác, Ariây tự tay nhét con sóc vào ống, đặt lên bếp lửa. Họ cùng chờ đợi, nhưng con sóc nướng lần này cũng không chín. Nó vẫn giữ nguyên màu đỏ tươi của hoa *plarolôn*. Ariây ném con sóc vào lửa, cho thêm củi vào bếp. Lạ lùng chưa! Con sóc vẫn nguyên vẹn. Những sợi lông đỏ tươi của nó không hề bị xém cháy. Dân bản hết thảy đều run sợ, quỳ xuống quanh con sóc lầm rầm cầu khẩn...

Từ đó dân bản này cho con sóc là thần linh, nên không dám bắn, giết hoặc ăn thịt sóc nữa. Dòng họ kiêng thịt sóc được gọi là họ Kê.

2. Họ Pa Tả *(Con mèo)*

Vào một buổi chiều ở vùng núi Tà rụt, khi ông mặt trời đang lặn dần đến chân ngọn núi Koramun cao ngất, dọc theo vài con đường mòn bên sườn núi, dân bản lần lượt gùi từng *Ate*[2] bắp, sắn, thơm, chuối... ở rẫy về nhà.

Sau một ngày làm việc mệt nhọc ai cũng muốn nhanh chân bước về để được nghỉ ngơi, được ngồi bên bếp lửa hồng, cùng nhau

---

1. *Ariây*: người chủ làng.
2. *Ate*: là cái gùi lớn nhất các loại gùi – *Ate, Achóa, Adư, Tip.*

kể *Anxoar*[1]. Các cô gái thì chưa muốn về vội. Họ thích đi lang thang hái hoa rừng hoặc ngồi soi bóng mình bên dòng suối vắng.

Trời chiều dần dần tối. Tiếng nước con suối chảy rì rào nghe càng rõ trong khung cảnh im ắng của núi rừng. Một cô gái xinh đẹp lần xuống suối, đặt gùi sắn bên bờ, ngồi khoát nước rửa cánh tay tròn lẳn của mình. Bỗng có tiếng *"cà uôm"* vang rền. Cây cỏ bên bờ suối run rẩy khép nép. Cô gái hoảng sợ, nhảy thụt lùi, đứng lặng người, mặt xanh như tàu lá, con mắt trợn thao láo, miệng há hốc... Một con cọp to hung ở đâu nhảy đến trước mặt cô. Cọp không gầm gừ như muốn chộp lấy cô mà nhìn cô với đôi mắt khẩn thiết van xin. Cọp bỗng nói với cô bằng tiếng người:

– Cô gái đẹp ơi! Tôi ăn ốc bị mắc răng – Cô hãy cạy ốc ra giùm tôi!

Cô gái run lên cầm cập quay lưng định chạy, thì nghe cọp rên rỉ, van nài mãi. Cô sợ lắm, nhưng cũng thấy thương cọp, cố rút chiếc rựa còn cắm trên *Ate* sắn cậy ốc mắc trong răng cọp ra. Cọp nhìn cô gái và mở miệng:

– Tôi là chúa cọp trong rừng, mèo là tổ sư của tôi. Từ nay bản làng muốn sống yên ổn, cọp không về phá rẫy, giết hoa, bắt trâu... thì dân bản không được ăn thịt mèo!

Nói xong cọp phóng biến vào rừng. Cô gái về bản kể chuyện cho dòng họ mình nghe. Dân trong họ từ đó không dám ăn thịt mèo, đánh mèo hoặc giết mèo. Dòng họ này được gọi là họ Pa Tả.

3. Họ Kra-ai *(Cối xay)*

Ngày xưa, có hai dòng họ sống ở hai bản cạnh nhau, nhưng rất ít qua lại thăm hỏi nhau. Mỗi họ biết làm việc gì hay, biết điều gì lạ, đều giữ riêng cho mình không bao giờ nói cho họ kia biết.

Trong hai họ này, có một họ rất chăm chỉ làm việc. Người trong họ bàn bạc với nhau, tìm cách làm được cái cối xay để xay bắp. Sau mỗi mùa rẫy, họ bên này rầm rập xay. Chỉ vài lần ông mặt trời thức dậy, cả dòng họ đã xay bắp xong, để có thể nghỉ ngơi giết heo, đâm trâu, hội hè, nhảy múa... cuộc sống của họ này xem ra no đủ và dư dật lắm!

---

1. *An Xoar*: chuyện cổ tích.

Ngược lại họ kia chẳng muốn làm việc. Họ ưng làm đủ ăn thôi, còn quanh năm suốt tháng đi chơi, cái đầu của họ cũng chẳng muốn nghĩ ngợi gì, chỉ ưng ca hát, vui đùa... Vì thế cuộc sống của họ khi đói, khi no, khi vui, khi buồn. Vào những khi rẫy được mùa, dân họ ăn chơi mê mải. Còn khi ông thần rừng, thần suối không cho làm được cái bắp, cái lúa, khi miếng ăn đã cạn vì các lần làm lễ hội, dân họ buồn bã than khóc, đói mòn, đói mỏi.

Thấy họ bên kia cuộc sống thảnh thơi dư dật, họ này lấy làm lạ, cho người qua rình xem. Người ấy về mách lại rằng – Họ kia có cái cối xay bắp, xay bắp nhanh hơn trăm lần người giã. Họ này bàn với nhau sang đánh cắp cái cối xay ấy đem về bản. Chỉ làm được một mùa rẫy sau cái cối đã hư mục, không xay được bắp nữa. Vì vậy, cứ gần đến mùa bắp, họ này lại cho người sang rình đánh cắp cối xay khác.

Về phía họ chăm làm, vào một mùa rẫy nọ, bỗng nhiên bị mất cái cối xay. Họ tìm mãi không ra, làm cối khác thì không kịp xay bắp để cúng thần đầu mùa. Mùa bẻ bắp, cả dòng họ phải dùng cối giã bắp. Họ làm việc suốt ngày, suốt đêm không ngơi nghỉ. Vậy mà mấy lần ông trăng mọc, họ chăm làm mới giã hết số bắp trên rẫy. Mùa trỉa bắp khác, họ này cố làm một cái cối khác tốt hơn, chia cho bọn con trai canh giữ cẩn thận. Nhưng không biết tại sao, gần đến mùa bẻ bắp, cái cối lại mất biến. Đàn bà con gái trong họ lại phải đổ mồ hôi nện chày thình thịch thâu đêm. Cứ như vậy, mấy mùa rẫy kế sau, cối mất mãi. Họ để ý thấy phía họ bên kia vắng hẳn tiếng chày giã gạo, dân họ thảnh thơi uống rượu quanh năm suốt tháng. Họ này cho người qua rình xem, mới biết họ kia lấy cắp cối của mình.

Arlây họp bản lại bàn mưu bắt kẻ gian. Một người trong họ bàn nên chặt cây to và làm cối xay ngay ở gốc cây. Dân cả họ đều ưng.

Mùa bẻ bắp năm ấy, họ lười biếng vẫn như con cáo muốn bắt gà người. Chúng cho người rình rập đánh cắp cái cối. Bọn ấy nửa đêm sang rình, thấy cái cối to lớn, chắc chắn chúng ưng cái bụng lắm. Ba thằng mò mẫm bò ra vác cối nhưng sao cối nặng quá! Chúng vác mãi không lên. Một thằng chạy về bản kêu thêm người. Bọn đàn ông của họ lười biếng kéo nhau qua nào mười đứa, hai mươi đứa rồi ba mươi đứa... Chúng hì hục khiêng cối vẫn không hề nhúc nhích.

Ông Trời sắp thức dậy, bọn ăn cắp sợ có người bắt gặp, lủi chủi chuồn về. Đêm khác chúng kéo cả đám con trai của họ mình sang. Hò nhau khiêng cái cối trời trồng ấy mãi không được, chúng lấy dao chặt gốc cối xay. Nhưng vừa mới giơ dao, *Arlây* và cả dòng họ bên này ùa đến bao vây chúng lại. *Arlây* tra hỏi mãi, bọn ăn cắp bảo rằng – vì chúng không biết làm cối nên đành phải đi lấy cắp – Arlây bảo:

– Dòng họ các người không làm cối được thì phải làm ra bắp, tìm ra mật ong, đi hái măng, giết con thú mà đổi cối mua cối – Cối thần không muốn về ở với các người nên dính chặt vào đấy. Nếu các người cứ muốn làm kẻ đi ăn trộm, thì cối thần phải bắt các người về sống với đất, dân họ các người sẽ đau, sẽ bệnh mà chết!

Dân họ lười biếng, nghe *Arlây* nói thế, sợ hãi kéo nhau bỏ đi nơi khác sống, không dám ở bản cũ nữa. Dòng họ này biết thần cối xay không thích mình, nên không tự làm cối, phải đi mua cối của họ khác mà dùng – Cũng từ đó họ lấy cối làm họ của mình, gọi là họ Kra–ai.

DÂN TỘC MẠ

CON CHUNG MỘT MẸ

Trái đất này, xưa kia, chỉ có hai ông, nhưng một ông có bà (vợ); và một ông không có bà. Ông có bà sinh ra ba người con. Hai người con gái, một người con trai. Cả nhà, không ai có một tấc sắt. Làm cỏ lúa dùng cái xương sườn con trâu. Đất cứng, cái xương sườn con trâu gãy, chị em phải làm cỏ lúa bằng tay. Vì thế, cảnh khổ nghèo càng thêm nghèo khổ. Đến nỗi, cái bát ăn cơm cũng không có, phải đựng vào cái xốp con đan bằng lá cỏ. Cái ché đựng nước, đựng rượu, phải khoét gốc cây chuối để dùng. Quần áo, lại càng không có để mặc, phải tước lột vỏ cây yar[1] che thân. Thật là quá khổ, quá nghèo!

---

1. Thân cây trắng, tỉa cành, tán rộng. Lá như lá gai. Lột bỏ vỏ ngoài lấy vỏ lụa, luộc kỹ cho mềm sợi. Dùng sợi dệt vải và bện buộc rất bền.

Một hôm mấy chị em nói với nhau:

– Ở đây, không có gì ăn, đói, chết mất. Người chị lớn Ka Rum nói:

– Ờ, mỗi người đi một nơi, kiếm cái no, cái sống... Người chị nhỏ Ka Rút tiếp lời.

– Đi đâu, ở đâu, phải tin cho nhau biết. Người em trai dặn thêm.

– Làm sao mà tin cho nhau biết được. Ka Rum hỏi?

– Khó quá! Ka Rút băn khoăn.

Núi rừng im lặng. Một lúc lâu, người em trai nói:

– Đúng rồi! Ta vạch dấu lên lá, lên da con trâu... nhờ gió, nhờ nước... chuyển đến cho nhau...

– Ờ phải! Mọi người cười nói vui vẻ và ra đi.

Người em trai và chị Ka Rút theo đường suối lên rừng. Ngày đi đêm ngủ. Đào củ chụp, củ mài, bẻ đọt mây, đốt rễ cỏ tranh làm muối ăn cho qua bữa. Rừng rậm, núi cao, suối sâu... Chị em dìu nhau vượt qua. Đến một chiều nọ, hai chị em gặp đầu nguồn nước Đạ Đờng (Đồng Nai) chảy xiết, không lội qua được, hai chị em Ka Rút đành dừng chân lại và xây dựng làng buôn, sinh con đẻ cái, phát rẫy tra hạt, nuôi trâu, dê, heo, gà...

Làng buôn Mạ sinh ra từ đó[1].

Ít lâu sau, nhớ Ka Rum, Ka Rút bảo em trai lấy miếng da trâu vẽ vạch tin về làng buôn mới, về đất rừng, về ăn ở, về sức khỏe của Ka Rút và em trai đã ở yên nơi đầu nguồn nước, nơi có ông Yút, ông Lang Bian...

---

1. Theo K'Tích, 48 tuổi, dân tộc Mạ, người buôn B'Náu, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lộc cho biết: Chuyện Đa Lình đơng, nước biển lớn dâng ngập núi rừng Tây Nguyên, có đoạn: "Nơm B'Lá đòng dùng. Nơm Sa Pùng đòng khèn – Nơm Bang Bel đơn ching – Nơm B'ling đòng ro–tong – Nơm B'Tòng đòng ro–nay – Nơm Sin–say play lou..." (Núi Bà Lá còn như cái nia – Núi Sa Pung còn như lá chắn – Núi Băng Ben còn như cái chiêng – Núi B'Ling còn như tấm cót – Núi B'Toòng còn như cái cối (giã lúa) – Núi Sin–say còn như quả dưa...). Qua nạn hồng thủy ấy, chỉ còn hai người, hai người yêu nhau, sinh con đẻ cái, xây dựng làng buôn Mạ và san xẻ (chah mpol) thành nhiều làng buôn khác, thuộc các tộc người K'Ho, Chàm, M'Nông, Stiêng, Việt...

Các con suối Đạ Lạch, Đạ Me, Đạ Tẻh, Đạ Nga... đưa miếng da trâu có vạch dấu gửi của chị em Ka Rút đến với chị Ka Rum dưới xuôi, nhưng miếng da trâu đi chưa được bao lâu, con cá, con quạ thèm ăn đã rỉa rút và tha đi miếng da trâu ấy. Nên ngày nay, người Mạ chưa có chữ riêng của dân tộc mình là vậy.

Còn chị lớn Ka Rum, một mình chỉ lủi thủi, đường bằng đi mãi, đi mãi. Nhưng rồi cũng hết đường, vì gặp biển. Ka Rum phải dừng lại và dựng xây làng xóm Việt.

Nhớ lời hẹn xưa, chị Ka Rum lấy lá chuối khô viết vạch tin mừng và nhờ gió chuyển đưa lên rừng thăm chị em Ka Rut, từ đó, người Việt có chữ viết của mình.

Tuy là anh chị em chung một ruột, nhưng chị Việt có chữ viết, em Mạ chưa có chữ viết là do nguyên nhân xảy ra tự xa xưa.

Và cũng từ xa xưa, người Mạ thường truyền miệng cho con cháu mình biết và nhớ một câu nói: "Choong, Bang Kon jon; Tôông, Tang kon chau bal kon me rưng". Nghĩa là: Choong và Bang là người Kinh. Tôông, Tang là người dân tộc, nhưng đều là con chung một mẹ.

SỰ TÍCH BÃI TIÊN

Con cháu ngày nay quen miệng gọi "Bãi Cát Tiên", nhưng ngày xưa nơi đây là làng Potau Ling Ka. Potau Ling Ka có nghĩa là cháu của một dòng sông. Có người cho rằng bãi cát hồi đó có tiên xuống đánh cờ vì còn bàn đá.

Thật ra chẳng ai nhớ là đã qua bao nhiêu mùa lúa chín, chỉ biết rằng có một cô gái Mạ vừa lớn đã thạo cái tay bẻ củi nấu cơm, khỏe cái vai gùi nước uống. Nhà cô gái ít người, nghèo khó, mẹ bị liệt cả hai chân, cha bị đui mù hai mắt, mọi việc trong nhà ngoài rẫy đều do cô làm cả.

Có một chiều, khi ông mặt trời xuống núi, cô gái ra suối lấy nước nấu cơm. Khác với mọi hôm, mặt nước suối trở nên trong xanh kỳ lạ. Cô gái soi mình, cười vui và chải tóc.

Thời gian qua nhanh, cô gái giật mình vì thấy chị trăng thanh dưới suối. Chị trăng bảo cô gái: "Về đi thôi, kẻo người già đang đợi!".

Khi về đến sân nhà, cô gái nghe thấy bố mẹ nói với nhau:

– Sao con mình đi lấy nước lâu thế?

Vừa lúc ấy, có hai ông già tư lự, vạch vẽ gì đó trên một tảng đá lớn, một ông râu tóc dài trắng, tay cầm cái gậy mây đỏ và một ông râu tóc ngắn hơn, tay cầm cây kiếm sáng loáng. Ông già hỏi cô gái:

– Cháu ơi, cho già xin hớp nước!

– Nước đục quá, không uống được! Để cháu ra lấy nước trong hơn!

– Cảm ơn cháu, nhưng không sao, uống được!

Cô gái đưa nước rồi mời hai ông già uống và hỏi:

– Hai cụ từ đâu đến ạ?

– Ta ở xa đến, đến để xem buôn làng có yên ổn không!

– Dạ thưa hai cụ! Cách đây không lâu, bọn cướp đến đây đốt nhà, đánh đập người người. Mẹ cháu bị đánh liệt hai chân, cha cháu bị đánh mù hai mắt, ông cụ đầu buôn bị đánh gãy hai tay... Thật khổ vô cùng! Mời hai cụ lên nhà chơi đã!

– Ta phải về, nhưng bảy hôm nữa ta sẽ quay trở lại thăm nhà!

Ông già râu tóc ngắn vỗ vai cô gái:

– Con hãy giữ cây kiếm này. Nếu lũ cướp đến đây, nó sẽ giúp con giữ yên buôn làng khe suối...

Nói chưa hết câu, hai ông già đã biến mất.

Trăng lên cao, con gà rừng gáy trước, con gà nhà gáy theo sau. Cô gái bước lên sàn nhà, chưa qua bốn bậc thang lũ cướp đã bao vây phía dưới. Chẳng rõ mặt lạ quen, cô gái hỏi: "Ai đấy?" và mời lên nhà chơi uống nước. Lũ cướp lên nhà, chúng chẳng thèm chào hỏi ai, lấy cây củi dài đang cháy dưới nồi cơm heo liền đốt nhà cướp của. Lập tức cô gái rút kiếm chém đầu lũ cướp. Ba tên tướng cướp rơi đầu. Người trong buôn xông ra bắn tên phóng lao đánh đuổi mấy tên cướp còn lại dưới sàn nhà. Trước làng buôn cô gái nói lớn:

– Hỡi quân giặc cướp! Muốn vô đây, hãy đón nhận lưỡi kiếm này!

Mấy tên cướp sống sót, nghe sợ tháo chạy như bay.

Cô gái xuống sàn và cùng bà con treo mấy xác tên cướp lên cây cho bầy em tập bắn ná.

Đuổi cướp xong, bà con đem rượu cần ra uống.

Đúng bảy đêm sau, hai ông già trở lại... Lần này, có thêm cô gái theo sau. "Đúng rồi! Hai ông già tiên và cô gái tiên..." cô gái làng nghĩ vậy thì cô gái tiên đã đến chuyện trò thân mật:

– Buôn mình có "suối mắt mèo" không? Cô gái tiên hỏi.

– Có, suối ở buôn này trong hơn mắt mèo nhiều. Cô gái làng đáp và dẫn cô gái tiên ra thăm suối. Bên bờ suối trong, cô gái tiên và cô gái làng luyện kiếm.

Trong buôn, các già tiên nói chuyện với các già làng. Chuyện nói dài, dài mãi. Chuyện nói nghe vui như hát... Già tiên hỏi già làng:

– Muốn sống yên vui hay để đầu rơi máu chảy?

– Sợ máu chảy, đầu rơi, muốn sống yên vui chứ!

Nhờ các già tiên bảo với lũ cướp đừng có lên đây cướp của đốt nhà nữa...

– Phải rồi! phải sống yên vui và thương mến! Ta đã bảo buôn lũ cướp không được lên đây gây hằn thù oán hận. Có ở hiền mới gặp lành.

Các già làng nghe sướng cái tai và hỏi lại già tiên:

– Thật không?

– Thật! Các già làng dưới đó cũng đã thề với ta là từ nay "Rau ăn chung một lá, cá ăn chung một con..." vì tất cả làng buôn đều là con cháu của chung rừng núi...

– Phải rồi, phải sống yên vui và thương mến!

Các già làng nói lại to hơn câu nói của già tiên, và sai trai làng dẫn con trâu to nhất đàn nướng thịt thết đãi già tiên. Hai già tiên không nhận ăn trâu, hẹn đợi đôi bạn gái về đã. Một lát sau, hai cô gái cầm kiếm hớn hở trở về. Cô gái làng nói trước:

– Nơi đây, sau này sẽ mãi mãi là làng buôn, có con sông lớn, có bãi cát dài và có muôn loài cá lớn...

– Làm sao mà biết được? Một già làng hỏi.

– Nghe hai con kiếm nói với nhau là thế! Cô gái làng nói.

Các già làng không tin, bảo đánh kiếm lại nghe thử. Hai cô gái đánh kiếm trước cả làng, già tiên và làng buôn. Đúng là kiếm nói với nhau như thế!

Người người vỗ tay theo nhịp kiếm nói. Tiếng hát, tiếng chiêng tha thiết, rộn ràng. Tiếp theo, mười bảy cậu trai nhỏ mang ná ra bắn tên và múa lượn, lúc uyển chuyển, nhịp nhàng, lúc gió cuốn ngựa phi... Điệu múa cuốn hút mọi người, điệu múa tưng bừng từ sân làng đến suối nước.

Cuộc vui đang hồi rộn rã, bỗng các già tiên và cô tiên biến mất.

Trời xẩm tối lại. Đêm dài lại dài thêm. Sương xuống lạnh lùng. Mười bảy cậu trai nhỏ hóa thành mười bảy tảng đá nhỏ bên bờ suối trong... Và bỗng vang lên một tiếng sấm long trời lở đất. Con rồng đất bay lên phun nước. Nước chảy thành sông Đồng Nai, có nhiều cá lạ. Đôi bờ có bãi cát trắng, có làng buôn xanh...

Một thời gian sau, nước chảy mãi, chảy mãi để trơ ra những tảng đá trên bãi cát. Tảng đá bằng lớn dành cho các già tiên, già làng ngồi nói chuyện xưa... Cô gái làng lại vui đấu kiếm. Con trai, con gái làng từ sông Đồng Nai đứng lên, con trai con gái tiên từ trời cao bước xuống. Mùa vui hoa nở khắp rừng. Bảy ngày đêm ăn uống bên sông, bảy ngày đêm liên miên yến tiệc. Các già tiên trao tặng các già làng nhiều chiêng hay, ché quý. Nhiều con trai làng thành rể già tiên, nhiều con trai tiên thành rể già làng...

Các già làng tặng các già tiên con cá sấu làm chó giữ nhà, con cá chép làm con heo tăng gia, con cá lăng làm con gà gáy sáng, con rùa làm cái tô múc canh, con ba ba làm cái đĩa đựng thịt, và con cá pịt làm ngọn lửa...

Chuyện xưa lắm rồi không ai nhớ nữa...

Nhưng cái nhớ ngày nay là đoạn thượng nguồn sông Đồng Nai giữa buôn Khiêu và buôn Brul Đạ có một tảng đá lớn và nhiều hòn đá nhỏ nhô lên trên bãi cát dài khi mùa khô nước cạn...

Người già nói: Đó là bãi cát có đá tiên đấy!

K'ĐỒNG VÀ KA RÒNG

K'Đồng và Ka Ròng là hai anh em sớm mồ côi cha mẹ. K'Đồng khỏe mạnh, giỏi giang, còn cô em gái Ka Ròng cũng rất xinh xắn, Ka Ròng khéo tay, hay làm. Hai anh em rất thương nhau.

Có một lần, K'Đòng ở luôn ngoài rẫy trông lúa. Ở nhà, Ka Ròng lấy lúa ra giã. Cô bé chống chiếc chày vào chân cột dưới gầm sàn để xúc gạo ra. Chẳng ngờ, chiếc chày bị đổ, rơi trúng đầu Ka Ròng. Ka Ròng bị chảy nhiều máu, ngã lăn xuống đất, nghe tin em gái bị chết, K'Đòng thương Ka Ròng khóc suốt bảy ngày bảy đêm.

Mấy mùa rẫy đã qua đi. Một hôm, ở ngoài rẫy, K'Đòng thấy một con heo rừng đến phá lúa. K'Đòng cầm cây lao phóng vào con heo, con heo bị thương cắm cổ chạy vào rừng. K'Đòng bèn đuổi theo con heo để giết nó.

K'Đòng đuổi suốt ba ngày, cuối cùng con heo chui vào một cái hang lớn. K'Đòng chui vào theo. Cái hang dẫn xuống lòng đất sâu hun hút. Bỗng nhiên, K'Đòng thấy mình đang đứng giữa một vùng đất rộng, gần một buôn lớn.

K'Đòng gặp rất nhiều người đi làm rẫy. Trò chuyện với mọi người. K'Đòng biết đây là vùng đất của ông K'Bùng trong lòng đất. Biết K'Đòng là khách lạ, người ta cho ăn uống và nghỉ lại trong buôn.

K'Đòng nghỉ một đêm trong buôn lạ. Sáng hôm sau là ngày hội Nhô Ro–he[1] của dân làng dưới đất. Người ta giết rất nhiều trâu bò để cúng Giàng, đem đến rất nhiều ché rượu. Ai nấy đều ăn uống no say. Hôm ấy có nhiều chàng trai cô gái từ các buôn đến. Họ cùng nhau ca hát, nhảy múa rộn ràng vui vẻ.

Trong đám các cô gái đến dự hội. K'Đòng nhìn mãi một cô gái rất xinh đẹp, dường như đã gặp ở đâu rồi, cô gái cũng để ý đến chàng trai ăn nói mặn mà. Trong những ngày hội ấy, hai người tìm cách gặp nhau trò chuyện và tỏ tình với nhau.

Rồi cha mẹ cô gái làm lễ cưới cho hai người. Chàng trai về ở rể ở nhà cô gái. Đôi vợ chồng trẻ sống với nhau thật đầm ấm, hạnh phúc. K'Đòng chẳng còn muốn trở về buôn cũ nữa.

Được mấy mùa rẫy, một hôm. K'Đòng bỗng thấy nhớ nhà quá. Chàng trai nhất định đòi trở về buôn cũ. Cô gái cũng đi theo chồng. Hai người đi trên đường về buôn. Bỗng nhiên, K'Đòng thấy vợ òa lên khóc, K'Đòng liền gặng hỏi thì người vợ trả lời:

---

1. Nhô Ro–he: ngày hội lớn tổ chức sau khi suốt lúa xong.

– Ngày xưa em cũng ở buôn này. Gặp cảnh xưa, bỗng em nhớ lại người anh của em là K'Đòng. Không biết anh K'Đòng còn sống hay là đã chết.

K'Đòng ngạc nhiên quá:

– Thế cha mẹ em ở dưới đất không phải đẻ ra em sao?

Cô gái ngừng khóc và bắt đầu kể:

– Ngày xưa, cha mẹ em mất sớm, em ở cùng với anh trai là K'Đòng. Một hôm, lúc anh K'Đòng vào rẫy coi lúa, em bị chiếc chày rơi vào đầu, ngã lăn ra bất tỉnh. Người ta tưởng em chết rồi, nên đưa vào rừng. Trong rừng, em tỉnh lại, đi lang thang, lạc xuống buôn của ông K'Bùng dưới đất. Cha mẹ em bây giờ là ông bà già đã nuôi nấng, chăm sóc em ngày ấy.

Rồi cô gái cho K'Đòng xem vết sẹo trên đầu.

K'Đòng biết mình lấy nhầm phải em gái trong bụng vô cùng lo sợ. Theo luật tục, K'Đòng và Ka Ròng sẽ bị thần sét trên trời đánh chết vì tội loạn luân, vi phạm điều kiêng kị này.

Một hôm, K'Đòng nói với vợ là đi thăm người quen. Chàng trai trèo lên tận trời, đến tận nhà thần sét. Nhà thần sét ở trên một quả núi cao, thần sét đi vắng, chỉ có bọn trẻ con ở nhà. K'Đòng hỏi lũ trẻ:

– Cha chúng mày đi đâu rồi?

Lũ trẻ tranh nhau trả lời:

– Cha chúng cháu đi xin muối, xin ớt, để chuẩn bị ăn thịt thằng K'Đòng ở dưới đất.

K'Đòng giả bộ ngạc nhiên:

– Tại sao lại ăn thịt thằng K'Đòng? Nó mắc tội gì mà giết?

Đứa lớn nhất trả lời:

– Thằng K'Đòng lấy em gái nó, tội to lắm. Tối nay, cha chúng cháu sẽ lấy ngải làm sấm sét thui chết nó, rồi mang về cho chúng cháu ăn thịt.

Nói rồi, đứa con thần sét lấy ngải ra cho K'Đòng xem. K'Đòng lấy bỏng rang ra đổi. Bọn trẻ thích ăn bỏng rang đồng ý đổi cho K'Đòng chọn lấy những củ ngải to nhất, đẹp nhất, rồi vội vã ra về.

Đêm hôm ấy, trời bỗng mưa rất lớn. Thần sét nhân lúc trời mưa, từ trên trời ném ngải xuống nhà K'Đòng. Sấm sét lập tức nổ ầm ầm, làm chết queo mấy con heo trong chuồng.

K'Đòng đứng trên mái nhà, ném những củ ngải to lên tận nhà thần sét. Ngải của K'Đòng chui vào nhà thần sét, nổ tung thành sấm sét, làm cho mấy đứa con thần sét chết đen thui.

Cứ như vậy, thần sét và K'Đòng đánh nhau cho đến khi mưa tạnh. Thần sét không thể giết K'Đòng để ăn thịt, lại sợ K'Đòng giết cả mình, đành chịu thua. Thần sét không thể trị tội được K'Đòng, liền bảo K'Đòng giết thịt trâu và gà để cúng, để xóa tội phạm điều kiêng ky. Thần sét còn dặn giết trâu trắng và gà trắng để thần sét xuống ăn, kẻo lầm trâu và gà của người khác.

Từ đó trở đi, K'Đòng và Ka Rông được sống yên lành. Những người trong buôn cũng bắt chước K'Đòng, mỗi khi phạm điều kiêng ky, sợ trừng phạt, thường giết súc vật có màu trắng để cúng, xin thần tha tội.

DÂN TỘC MẢNG

SỰ TÍCH NƯỚC LỤT

Monten – người trời còn gọi Là Monông, làm ra trời, đất. Bấy giờ, trời đất gần nhau, lên xuống dễ dàng, gần đến nỗi chỉ cần với tay là đụng đến trời. Đất bằng phẳng, chưa có núi, sông, suối. Con người, chim muông, cây cối đều chưa có.

Monten sai hai con – Ai Húi là anh, Ai Hễnh là em xuống trần gian đắp núi, xẻ sông suối, làm ra cây cối và muôn loài.

Đầu tiên, hai anh em tìm đường xuống vùng Giun Choong và Giun Na[1] dọn dẹp, sửa sang chỗ ở. Người anh ném đất văng ra chỗ này; người em vứt đất tung rơi chỗ khác. Họ đắp đất làm chỗ gối đầu, xẻ đất làm chỗ dưới chân, hà hơi thành đám mây đen; mồ hôi đổ xuống thành dòng suối. Họ đi lún đất, họ chạt đất nghiêng. Mặt

---

1. *Giun Na*: sông Nậm Na ở Lai Châu.

đất ít lâu thành núi, thành sông, gập gà gập ghềnh. Chỗ hai anh em dùng làm gối đi ngủ là tảng đá gi rạng pling (đá chống trời).

Chỗ ở đã có, hai anh em làm ra cây chuối đem dâm, cây tre đem trồng. Cây chuối chỉ có một lá, cây tre không có đốt. Dần dà, chuối tán lá xum xuê, tre nứa mọc theo từng đốt. Hai anh em làm ra các loài vật lúc nhúc vô kể: hổ, báo, voi, gấu ngựa, trâu, bò, hươu, nai, rồi đến rắn, trăn, cá, chim, dơi, chuột, sóc... Cá lại ở trên cành, chuột sóc lại sống dưới nước. Voi gấu thì bé, chuột sóc lại to, hổ báo nhỏ nhắn, hiền lành, mèo chó vừa lớn vừa dữ, con dơi có lửa nhưng không có cánh, con rắn có răng nhưng không có nọc.

Lại thêm, thay vì trời đất gần nhau, nên cây "plang boăng" thấp lè bè, cây "palang giô"[1] và các cây khác thân cây ngắn cũn cỡn, tán lá lại rộng như giàn bí bò trên nương. Các con vật dài ngoẵng, to bè, khi đi đầu phải cúi, khi chạy thân chuyển động như lúc luồn rừng.

Làm xong việc, hai anh em A Húi, A Hễnh về trời nghỉ. Họ xin Monten lấy đất nặn thành người. Đất được chọn ở vũng Giun Bai (Nậm Ban) lấy ở tảng "giang pling", rửa nước suối Nậm Ban tinh khiết. Monten tự mình làm ra người. Người có cánh biết bay, khi thả xuống đất, có chân biết nhảy, biết chạy.

Người khôn ngoan, tài giỏi hơn mọi loài, lúc họ ở dưới đất, khi đậu ở trên ngọn cây, lại có khi lên trời để Monten ấp ủ. Bấy giờ, họ chỉ khổ vì rét. Ngày có nắng mặt trời để sưởi, đêm họ chỉ biết xúm vào phả hơi ấm cho nhau. Thấy con dơi có lửa, một hôm, họ đến xin lửa của dơi để sưởi ấm lúc tối trời, trăng lặn. Thương tình, dơi bảo: "Tôi bắt muỗi ăn chẳng cần phải có lửa, tôi lại thiếu cánh nên khó xua muỗi. Hãy đổi cánh cho dơi, dơi cho người đốm lửa sưởi ấm. Người nghe bùi tai, đổi cho dơi lấy lửa.

Hồi đó cũng chưa có nước. Suối có những khô cạn. Người phải chặt cây plang giô lấy nước để uống. Nước rỉ ra từng giọt, không có nước rửa ráy, người hôi hám. Bấy giờ rắn già rắn chết hẳn, còn người già người chết lại về. Nên vì thế người càng hôi thối. Một

---

1. *Plang boăng, plang giô* là các loại cây leo. *Plang boăng* nước đỏ, đàn bà sau khi sinh nở thường dùng để bổ huyết, *plang giô* nước trắng thường đi rừng khát nước, chặt để uống.

hôm, có một bà già chết. Chồng đưa cho bà cầm một khúc cây tươi. Bà ra đi. Đến khi khúc cây đã mục, bà lại trở về. Bà hôi thối quá. Chồng bà, con bà không chịu được đuổi bà, bà chẳng chịu đi. Người chồng bực quá, lên trời kêu với Ai Hẽng: "Sao người chết không đi luôn, trở về làm gì, thối lắm". Ai Hẽng mới bảo: "Khi người chết ra đi, hãy đưa cho họ một hòn đá, rồi bảo: "gie giua gi thá, hạ thịt hạ loan, hăn thịt hăn vít" tức là "Hòn đá không mục, người chết người đi rắn chết rắn về". Từ đó, người chết không sống trở lại, còn rắn già rắn lột xác, sống mãi. Ngày nay, người Mảng mới có tục khi chôn người chết, người ta lấy hai hòn đá cắm một ở chân mộ, một ở đầu mộ, để ma khỏi trở về.

Lại nói trời thấp quá, giã gạo cũng khó khăn, trời đất gần nhau, người già phải ngồi, mà chày vẫn bị vướng. Khổ quá, con người kêu van Monten, Monten cũng vẫn làm lơ. Một hôm, bà cụ Choong Gô Chươi Lụa vừa ngồi giã gạo, vừa trách Monten. Bà than: "Pling ma tơ tông" (ý là trời làm cực tôi quá). Nén giận chẳng được, sẵn chày giã gạo, bà chọc thẳng chày vào bụng trời. Đau quá, trời rút lên cao. Bà Choong Gô Chươi Lụa vội chống chày lên tì vào tảng đá gì rang pling (đá chống trời). Từ đó, trời không sao tụt xuống thấp được. Vết tích chiếc chày chống trời vẫn còn đó ở vùng Giun Bai.

Con người vẫn hôi hám không khác gì thú vật vì thiếu nước không tắm gội được. Người lại cầu xin Ai Húi, Ai Hẽnh. Hai anh em thương tình, xin với Monten làm mưa xuống trần. Ban đầu, Monten dùng que rẩy nước xuống, trần gian được những trận mưa nhỏ bé. Người thích quá, tắm táp thỏa thuê. Vốn tham lam, người lại kêu xin trời cho nước nhiều hơn nữa. Monten dùng gió làm bằng quả bầu, múc nước giội xuống trần gian. Monten giội nước ba lần, ba lần nước lụt. Trận lụt kéo dài ba năm. Nước xoáy vào lòng đất thành vực, thành hồ; nước chảy trên mặt thành sông thành suối. Núi thêm cao, đồi lổn nhổn nhiều hơn xưa, đá phơi nắng.

Con người ghép cây làm mảng, làm bè. Muông thú nhảy lên theo, cùng lánh nạn. Đói không có gì ăn, chuột sóc cắn lạt buộc bè, buộc mảng, làm tan bè, vỡ mảng. Người, vật chạy lên đỉnh núi "Bol thu lỗn", nay vẫn còn ở Giun Bai. Không có gì ăn, người ăn thịt người, thú ăn thịt thú, sau người thú ăn thịt lẫn nhau. Cuối cùng chúng ăn cả đất, khiến cho đỉnh núi Bol thu lỗn ngày nay lõm xuống

như hình yên ngựa. Bởi vậy, tên núi gọi là núi Yên ngựa (Bol thu lỗn) là vì vậy.

Nước vẫn dâng cao, người, loài vật, cây cỏ chết hết. Chỉ còn lại hai anh em một trai, một gái. Họ thoát được vì đi trên chiếc bè riêng ghép bằng gỗ plang giang. Gỗ chắc, lạt bền, chuột sóc không cắn được. Bè dâng theo nước đến tận giáp cửa trời. Hai anh em mới trách Ai Hễnh "Ai Hễnh làm ra chúng tôi, tạo ra muôn loài, nỡ nào Ai Hễnh lại để con người vật chết hết. Ai Hễng đã thương cho sống, cho nhìn mặt trời, cho soi mặt trăng, nỡ nào Ai Hễng lại bắt nhắm mắt, mặt trăng không được ngắm, mặt trời không được trông". Ai Hễng chưa nghe ra. Hai anh em cứ kêu đến khi Ai Hễng nghe hiểu. Ai Hễng mới dẫm chân phải ba lần, dẫm chân trái bảy lượt, Ai Húi mới lấy tay phải đấm đất ba lượt, lấy tay trái thụi đất bẩy lượt. Mặt đất thủng thành một hang sâu thẳm. Nước tuôn chảy hết vào hang. Chiếc hang đó gọi là Gium Ô Lùng. Nước rút dần, mảng hạ dần. Sau ba năm lụt, mặt đất vẫn còn lầy lội trong ba tháng. Nước qua hang luồn dưới mặt đất đi ra biển. Biển tích nước ba năm lụt lội, nên giờ biển rộng không nhòm thấy bờ. Đó là tích Gium gọ sê no, gium plêpê mê: nước lớn ba năm, nước lầy ba tháng của người Mảng ta.

NGUỒN GỐC CÁC DÂN TỘC

Lại kể chuyện tiếp về hai anh em sống sót. Khi mảng ghép gỗ plang giang hạ xuống mặt đất, hai anh em thấy chẳng còn một ai. Xung quanh chỉ còn loài chim, loài rắn, ếch nhái nhan nhản. Thú vật cũng ít gặp. Hai người sợ sệt, rủ nhau đi tìm người. Người chết, đá chưa mục, người không sống lại. Biết không lấy được nhau, họ bàn mỗi người một ngả, kẻ đi tìm vợ, người đi tìm chồng.

Trước khi chia tay, sẵn có ống đan có nắp thường hay đựng trầu, người anh trao cho em chiếc nắp, còn giữ lại cho mình chiếc ống. Hai anh em đi mãi, đi mãi, ngày qua, đêm tới; trăng tròn, trăng khuyết, mùa nóng bức qua, mùa rét cắt ruột lại đến. Một hôm, họ được gặp người. Người con trai đưa ống bằng tay trái, người con gái đưa nắp bằng tay mặt. Nắp và ấm khớp nhau. Hai anh em nhận ra nhau. Mừng mừng, tủi tủi, họ ở với nhau rồi lại chia tay. Họ lại

ra đi. Rồi lại gặp nhau. Nhiều lần ông mặt trời chứng giám, nhiều lần ông mặt trăng thông cảm. Lần nào cũng giống lần nào, hai anh em lại gặp nhau. Thất vọng, buồn tủi, họ ngồi họ khóc.

Một lần, có con "ma–a", tức con quạ, bay qua. Thấy cảnh không vui "ma–a" đậu trên cành cây hỏi với xuống vì sao mà buồn. Người anh bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện, ma–a cho biết trên mặt đất này không còn ai, ma–a đã đi bạc cả đầu mà cũng không thấy. Trên trần chỉ còn hai anh em. Quạ khuyên họ nên lấy nhau để cho loài người khỏi tuyệt giống.

Nghe lời quạ, một hôm, người anh ướm lòng em gái, ướm đi ướm lại, người em khăng khăng không chịu. Nhân đang đốt củ để sưởi, tuyệt vọng, người anh lao vào ngọn lửa đang bốc cao. Thấy anh lao vào lửa, thương xót, người em cũng nhảy vào lửa chết theo. Trên mặt đất không còn bóng người.

Nhìn trên mặt đất không thấy người lại chỉ thấy rắn rết, tê tê, thú dữ, hoành hành, cắn xé nhau, Monten biết người tinh khôn hơn muốn đưa người xuống cai quản chung. Ông bỏ người vào một quả bầu, dùng xiến sắt nóng dùi một lỗ. Quả bầu xuống đến mặt đất, con ma pình (tê tê) ra ăn sạch. Monten bỏ bao nhiêu người xuống, ma pình ăn hết bấy nhiêu. Nhìn xuống mặt đất, Monten vẫn thấy không có người, chỉ thấy tê tê mẹ, tê tê con lúc nhúc. Biết tê tê đã ăn hết người, Monten lấy quả bí đỏ đồ lên, rồi thả quả bí nóng bỏng xuống. Quen thói, tê tê xúm vào ngoạm ăn, răng rụng hết. Lúc đó, tê tê không có răng, không ăn được người nữa. Và cũng từ đó, chúng dũi đất không bằng mõm vì vẫn sợ như ngoạm bí đỏ thuở xưa, lấy hai chân mà cào.

Lừa được ma pình, Monten lại thả người xuống mặt đất. Cũng như lần trước ông bỏ vào quả bầu có dùi lỗ. Nhưng cẩn thận hơn các lần trước, lần này Monten thả quả bầu theo lòng cây tre "loong meng" rỗng, không có đốt. Monten lại cho người nuốt một viên ngọc để cho tinh khôn hơn ba, bẩy lần thú. Loài người lần lượt chui ra qua lỗ dùi. Người Hà Nhì chui ra trước tiên, dính nhọ bám ở lỗ dùi nên da đen. Sau đó là người Khmú, tiếp theo là người Mảng chúng ta, ít đen hơn người Hà Nhì. Lần lượt người H'Mông, người Dao, người Thái, cuối cùng là người Kinh. Những người ra sau không dính nhọ than, nên trắng hơn.

Khi trần gian đã có người rồi, Monten mới sắp xếp chỗ ở cho mọi người. Người Hà Nhì, người Mảng, người Khơmú chọn nơi lưng chừng núi để ở. Còn vì sao người Mảng ta ở vùng Gium sai, vùng giữa hai con sông Đà và sông Nặm Na xin kể sau. Người H'Mông ra sau, Monten bảo lên vùng núi cao, mây trắng ở. Người Dao cũng đi theo. Người Thái được đưa xuống vùng núi thấp. Còn người Kinh ra sau cùng đất rừng hết. Monten vứt ra ngoài bờ sông và văng xa xuống tận đồng bằng ven biển. Từ đó người Kinh cứ ở đó cho đến ngày nay.

Monten lại sai bà "Choong gô Chươi Lụa" rắc lúa xuống nuôi người, tìm thuốc lá để chữa cho người khỏi ốm đau, đỡ chết chóc. Bà giao cho loài người ba hạt thóc trồng ở ba góc rẫy. Thóc mọc thành cây sinh hạt. Hạt chín rụng xuống, chạy vào lều nương, vào bịch thóc. Hạt nọ rụng, hạt kia mọc. Lúa nhiều quá, người không kịp làm lều, làm bịch để thóc, sửa sang cối để giã. Có một người đàn bà góa tức mình trách lúa, không khiến tự về nhà. Từ đó, lúa không tự vào bịch. Người phải gieo trồng, chăm sóc mới thu hoạch được. Khi lúa chín, người lại phải căng dây đưa lúa về bịch.

Monten lại còn giao cho ông Monleng Dặng trông coi việc sống chết của loài người, giao cho ông Mon Xay dạy người múa hát cho cuộc sống thêm vui.

TỔ TIÊN NGƯỜI MẢNG

Lại nói về cặp đôi trai gái người Mảng sau khi chui ở quả bầu ra được Monten phân cho ở vùng lưng chừng núi. Hai anh em bèn dắt nhau đi tìm chỗ ở. Tìm được chỗ vừa ý rồi, ngày ngày họ đốt rẫy trồng lúa, bắt cá quăng chài. Thuở ấy, đất đai còn tốt lắm, cây lúa mọc cao lút đầu người, hạt lúa to bằng quả bí. Lúa chín lúa tự về nhà. Thuở ấy, dưới suối cá còn đặc kín, cá lớn cá bé tự xếp vào gắp để người nướng trên bếp rực hồng.

Cuộc sống tuy no đủ nhưng hai anh em vẫn buồn vì không biết cách nào gây được giống nòi. Một hôm, người anh khuyên người em chia tay, mỗi người đi mỗi ngả để tìm chồng, tìm vợ. Người em ưng bụng. Từ đầu ngọn suối Gium Bai, người em cứ nhằm đỉnh núi

đi mãi. Tới đỉnh núi, cô cắm dùi, làm rẫy, ngóng đợi người chồng sẽ lại. Ngược lại, người anh lại theo dọc suối Gium Bai đi xuống chân núi. Đến nơi, người anh phá đất trồng lúa, quăng chài bắt cá, thầm trông người vợ đang chờ.

Qua nhiều năm tháng, hai anh em vẫn chẳng gặp ai. Người anh cũng đã quên có một lần mình có người em gái. Người em gái cũng không nhớ đã một lúc mình có người anh trai.

Một hôm, đang bắt cá dưới dòng suối Gium Bai, ngước nhìn lên đỉnh núi, người anh thấy có làn khói tỏa ra giữa rừng xanh, nghĩ chắc trên đó có người ở, biết đâu chẳng tìm được người làm vợ. Anh bèn ngược dốc leo lên. Thấy người con gái đương ngồi bên đống lửa, người anh thầm nghĩ: người này sẽ là vợ ta. Thấy người con trai đứng trước mặt, người em e thẹn, cúi gằm bụng mừng: người này sẽ là chồng ta.

Người con trai đánh bạo lên tiếng hỏi xin nhờ lửa ấm ngồi sưởi. Người em ngượng nghịu mời vào. Lời qua, tiếng lại, hai người quên cả thời gian, ông trời đi ngủ sau khe núi lúc nào không biết. Đêm đó họ nên vợ chồng.

Hai vợ chồng thấy ở trên đỉnh tiện việc làm rẫy nhưng không gần nơi đánh cá, bàn nhau xuống vùng lưng chừng núi để ở. Ngày ngày họ cùng nhau làm rẫy, bắt cá dưới vùng suối Gium Bai, sinh con đẻ cái. Đó chính là tổ tiên người Mảng ta ngày nay.

ĐẤT TỔ NGƯỜI MẢNG

Khi xưa, người Mảng chưa ở nhiều nơi như bây giờ[1] chỉ sống quanh núi Gium Bai. Hồi đó, năm nào rừng núi cũng động. Núi lở sạt từng mảng lớn; mây mù, sấm sét, mưa như thác đổ. Nước lũ ào qua, cuốn đi nhà cửa, trâu bò, gà lợn, người chết.

Ở giữa suối Gium Bai có một hòn đá nhô lên như hình con nai. Dù trời long đất lở, hòn đá đó vẫn trơ trơ. Thấy thế mỗi lần trời ra oai, tác quái, người Mảng lại kéo chạy về nơi hòn đá tổ, hòn

1. Có tham khảo Thanh Thiên, Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thủy, Lý A Sán.

đá Xôm Bai. Cây đổ, đá lăn đến gần hòn đá bỗng đi chỗ khác. Nước lũ cuộn chảy đến nơi hòn đá cũng lặng yên. Người Mảng nhờ hòn đá mà tồn tại.

Nghĩ rằng, tổ tiên phù hộ cho con cháu, nên người Mảng coi hòn đá hình nai là hòn đá tổ.

Về sau, người Mảng ngày một đông, quanh vùng Gium Bai không còn đất. Tương truyền Ai Húi và Ai Hễnh mới vâng lệnh Monten chia vùng đất nằm kẹp giữa sông Gium Chong và Giun Na cho người Mảng ở và chia cho 5 dòng họ như sau: Từ núi Ból Bắc Ul, nơi đầu nguồn sộng Đà đến con suối Gium Pêlang là đất dòng họ Tơ Ô: Từ Bol Bắc Ul đến con suối Gium Toi là đất dòng họ Tô Goẳng. Cũng lại từ Bol Bắc Ul đến sông Gium Na là đất đai hai dòng họ Eng và Lót. Còn từ Gium Bai đến Gium Uệ, mà người Thái gọi là Nặm Cời, là đất của dòng họ Văn Nó.

Ai Húi và Ai Hễnh còn bắt mỗi dòng họ cữ không được giết và ăn một con vật.

Họ Tơ Ô kiêng giết và ăn thịt chim gáy: họ Tô Gẳng: chim giẽ, giun; họ Văn Nó: chim "rộc sáng lò"; họ Lót: thịt rắn và họ Eng: thịt hổ. Riêng có họ Xôm Bai xuất hiện sau này, tương truyền có câu chuyện sau:

Ngày xưa, có hai anh em họ Thái từ mạn dưới đi lên, đi săn gặp con hươu có sừng, một bằng vàng, một bằng bạc. Hai anh em cố đuổi theo để bắn. Đuổi mãi, đuổi mãi anh em gặp một con suối chảy ngang qua mặt. Vừa mệt, vừa đói, họ nghỉ lại mang cơm ra ăn, treo túi và súng lên cành cây bên cạnh đó. Cơm xong, hai anh em định đuổi tiếp, thấy cây cũng chuyển động đi trước, mang cả súng và túi. Ngạc nhiên, hai anh em cố đuổi theo, đuổi mãi mệt tưởng đứt hơi mà không sao đuổi được. Cây và người giữ nguyên khoảng cách. Người chạy nhanh, cây cũng biết nhanh; người chậm lại cây cũng dừng chậm lại; người nghỉ, cây cũng dừng lại. Đêm đến, quá mệt, hai anh em nằm lăn quay ra ngủ mất. Khi tỉnh dậy, họ tiếp tục công việc bỏ dở. Nào ngờ, khi nhìn lên họ thấy cây đã biến mất. Súng và túi được khoác lên sừng một con nai, con nai bằng đá. Đó chính là hòn đá Xôm Bai. Cho là được điềm lành, hai anh em ở lại đó, dựng cửa làm nhà. Ít lâu sau, họ lấy vợ người Mảng,

sinh con đẻ cháu đông đúc thành họ Xôm Bai. Tương truyền, do dòng họ không có đất, họ đã xin đất năm dòng họ trên nhưng không được. Nên đến nay họ này không có hòn đá dùng làm mốc địa giới dòng họ mình, tuy nhiên con cháu Xôm Bai vẫn ở làm ăn quanh vùng hòn đá tổ tiên, hòn đá hình con nai.

*

Lại nói thuở xa xưa, người Mảng chưa biết làm rẫy, trồng lúa. Ngày ngày, họ vào rừng đào củ mài, củ nâu, củ pấu để ăn. Con trai còn mò cua, bắt cá con gái hái rau, lượm quả quanh vùng con suối Gium Bai.

Tương truyền, hồn nai trong hòn đá tổ tiên hiểu thấu cảnh khổ của người Mảng. Một đêm, rừng núi tự dưng bốc cháy. Trên mặt đất phủ một lớp tro than dày. Sáng hôm sau trời đổ trận mưa to, từng đàn nai tìm đến khu rừng cháy ăn tro than, dấu chân in đầy trên lớp tro.

Một người đàn bà Mảng đi rừng đào củ mài, ngạc nhiên thấy trong khu rừng cháy có một thứ cây ra bông có nhiều hạt vàng, tiện tay ngắt thử một bông, cắn chắt thấy thơm, bùi. Bà hái một ít nhưng để rơi vãi thì nhiều.

Ít lâu sau, từ những dấu chân nai nhú lên những mầm xanh, rồi lớn lên thành từng khóm, ra bông, chín vàng rất đẹp. Những ông già người Mảng đêm lại nằm mơ thấy hồn nai hiện về báo cho vật quý. Cả làng mới ra ngắt về ăn thử, thấy ngon, đem về.

Chưa biết làm cách nào, hồn nai lại hiện lên mách bảo.

Từ đó trở đi, khi sấm đầu xuân ran, người Mảng tổ chức nhau đi đốt rẫy. Họ lấy cây vót nhọn chọc lỗ như dấu chân nai, thả hạt xuống qua ống nứa như xưa Monten thả người xuống trần. Mưa xuống, hạt nảy mầm xanh tốt. Hạt lúa dùng để ăn, nấu thành xôi hoặc làm rượu cần.

Ơn công nai dạy cho mình biết trồng lúa, ơn hồn nai bảo vệ cho tổ tiên khi xưa, người Mảng cữ ăn thịt nai. Nếu người nào ăn thịt nai, làng sẽ có hoạn nạn, loạn lạc, đói kém, mất mùa.

NGUỒN GỐC TỤC XĂM MIỆNG

Có hai vợ chồng trẻ sống với nhau rất hạnh phúc. Ngày ngày họ cùng nhau lên nương trồng lúa ngô, hoặc xuống suối để bắt cá. Bất cứ làm việc gì, hai vợ chồng đều cùng nhau làm chăm chỉ.

Nhưng từ khi có con, người vợ bỗng đổi tính đổi nết. Chị ta ở nhà trông con không chịu làm gì. Chồng đi làm về thấy nhà cửa bẩn thỉu, cơm nước cũng chưa có. Anh ta lẳng lặng dọn dẹp nhà cửa rồi đi nấu cơm.

Những ngày sau, sự việc vẫn cứ diễn ra như vậy. Không chịu được, anh nhắc vợ nhiều lần, vợ vẫn không chịu làm gì.

Đã lười lại tham ăn nữa. Chồng đi suối đánh được cá, vợ nướng lên, chọn con to ăn trước. Tức quá, anh mắng vợ. Nhưng chứng nào tật ấy, chị vợ không hề thay đổi. Không biết làm cách nào, người chồng tìm đến hòn đá tổ Xôm Bai ngồi khóc lóc, kể lể nỗi khổ của mình. Bỗng Trừ Giảng, vị thần coi sóc nhà cửa hiện ra, nói với anh:

– Con hãy về lấy lá xanh cắm ở đầu hiên nhà và khâu bớt miệng vợ con lại.

Người chồng về nhà, lấy lá xanh cắm theo lời Trừ Giảng dặn. Nhưng còn việc khâu miệng vợ, anh không dám. Nghĩ mãi, nghĩ mãi anh tìm ra một cách. Anh lấy gai nhọn bảo vợ xăm vào quanh miệng, rồi lấy lá chàm xát vào, tạo thành những vết đen như lỗ kim khâu.

Từ hôm đó trở đi, người vợ tự nhiên lại chăm chỉ làm lụng và biết nhường nhịn, thương yêu chồng con.

Về già, trước khi chết, bà mẹ dặn lại con gái:

– Người con gái Mảng muốn nuôi chồng con tốt, thì phải xăm miệng để luôn luôn nhắc nhở bổn phận của mình.

Nhớ lời dặn ấy, con gái Mảng sau này khoảng 14 – 15 tuổi đều phải xăm miệng. Ai không xăm, lúc chết lên trời, không được nhận vào dòng họ của mình[1].

---

1. Ở vùng Mường Tè và Mường Lay có một bộ phận người Mảng, cả đàn ông đàn bà đều xăm miệng. Nay chỉ còn một số phụ nữ duy trì tục lệ này.

DÂN TỘC M'NÔNG

CHÀNG TRĂNG

Ngày xửa, ngày xưa, trên rừng núi Tây Nguyên, có một nhà nghèo nọ. Hai vợ chồng già rồi mà vẫn chưa có con. Một hôm, sau khi người chồng đi cầu tự về, người vợ nằm mơ thấy con thỏ bạch cứ nhảy qua nhảy lại trên ngực mình. Sáng dậy, khi xách ống đi xuống cầu thang, người vợ thấy bụng mình nặng nặng, hơi thở dồn và mệt.

Đúng chín tháng mười ngày sau, người đàn bà sinh ra được một đứa con trai. Đứa trẻ đẹp đẽ khác thường, mắt sáng hơn sao, trên lưng có một dấu đỏ thắm, hình chiếc khiên và da trắng hơn lông con gấu trắng. Người mẹ rất mừng, nhưng các cụ trong già làng thì lại thì thào lo ngại: "Đứa trẻ ấy, là con của thần linh, vì chỉ có thần linh mới trắng như vậy!"[1]. Bảy ngày sau, người vợ sợ tên tù trưởng phạt vạ, nên cõng con bỏ ra đồng cỏ cho trời nuôi.

Đứa con bị bỏ xuống đồng cỏ. Nó nhìn mẹ, chỉ cười mà không khóc.

Bảy ngày sau, người mẹ ra thăm, thấy con mình vẫn khỏe liền cõng con ra bỏ xuống dòng thác cho thần nước nuôi. Thả xuống nước, đứa bé không chìm. Nó nằm trên mặt nước và trôi đi như một chiếc lá.

Khi trôi đến đầu làng Pút-sia, đứa trẻ được già Pôm vớt về nuôi. Đứa trẻ lớn nhanh như thổi. Mới bốn, năm tuổi mà lưng đã rộng hơn tảng đá, chân tay cứng rắn như thép, suốt ngày nó chỉ thích chơi khiên đao.

Một hôm già Pôm lên rẫy, chú bé cầm dao của bà lên núi. Đến một hòn đá trắng dựng trên đỉnh núi cao nhất chú bé dừng lại, nhìn về vùng đất chiếm đóng của tên vua hung bạo.

Tên vua này đã từ một nơi xa lạ, tới chiếm đất của mọi người, bắt tất cả làm tôi tớ cho nó. Tiếng than khóc ai oán vang cả núi rừng. Chú bé đứng nhìn một lúc, rồi ngửng mặt lên trời kêu lớn:

---

1. Đồng bào Ba Na có tục dùng trâu trắng, dê trắng làm vật hiến tế.

– Hỡi các thần hãy giúp ta giết tên gian ác này!

Bỗng nhiên, hòn đá dưới chân chú bé cựa quậy hóa thành một con ngựa, mình cao chín thước, cúi đầu trước mặt chú bé như đứng chờ lệnh chủ. Từ trên trời xa tít, có một bà tóc vàng như tơ, vẫy tay, bảo chú bé:

– Con hãy nhìn xuống hồ nước, thấy cái gì lạ thì giữ lấy nó, rồi cưỡi con ngựa đang đứng bên con mà đi.

Chú bé nhìn xuống hồ, thấy có một cục đen đen đang bập bềnh trước mặt nước sôi sục, nở tròn như đóa hoa sung. Chú bé nhảy xuống, bơi ra tận nơi cắm đóa hoa rút lên thì ra là một thanh bảo kiếm.

Lấy được gươm báu rồi, chú bé phi ngựa đến trước tòa thành của tên vua hung bạo. Tên lính canh thấy người lạ, đóng cửa thành không cho vào. Nó giơ giáo định đâm. Chú bé vung gươm quát lớn:

– Mở cửa ra!

Bỗng có muôn nghìn hào quang tỏa ra nóng nực, làm cho tên lính ngã lăn, tường thành đổ nhào. Trong thành đánh chiêng, đốt lửa báo động. Quân lính lao tới đông như kiến. Chú bé thúc ngựa vung gươm chém giết. Đầu quân lính rụng như sung. Chẳng mấy chốc cả triều đình vắng lặng, chỉ còn lại cung phi và một ít quân lính. Chú bé ra lệnh cho binh lính đóng bành voi đưa cung nữ về nhà.

Từ đó, làng nước mới được sống yên vui. Chú bé cưỡi ngựa trở về núi. Con ngựa lại biến thành tảng đá trắng. Thanh kiếm lại trở về hồ. Còn chú bé thì được bà tiên tóc vàng đưa về trời.

Các cụ bảo rằng, chú bé ấy là con của Mặt trăng. Mặt trăng cho con xuống trần gian diệt trừ hung bạo.

Bây giờ đêm đêm dòng thác Pông Gơ Nhi mặt trăng sáng vằng vặc như một đĩa vàng in hình đáy nước. Dân làng nhìn sóng lăn tăn mà hát rằng:

– "Ơ, trên mặt trăng đẹp như một chiếc khiên bạc sáng chói kia, ta thấy hình một người. Người đó là chàng dũng sĩ đã có công cứu đất nước ta. Dũng sĩ đang đứng với mẹ dưới gốc cây Anakodong. Dũng sĩ đang nhìn và mỉm cười với chúng ta cho đến khi chàng mặt trời đi gieo lúa vàng trên nương, dũng sĩ mới đi ngủ".

VÌ SAO THỎ, CỌP NGÀY NAY VỪA ĐI VỪA BỚI ĐẤT

Một hôm, Cọp lại gặp Thỏ, nhờ Thỏ làm giúp cỏ lúa. Thỏ sốt sắng rủ Gà, Nai, Hươu, Vượn, Chó cùng làm. Thường khi có người làm giúp, chủ nhà phải làm cơm rượu đãi khách.

Chiều đến khi mặt trời đã xế bóng. Thỏ giục Cọp trở về trước chuẩn bị cơm rượu. Nghe phải, Cọp liền về trước. Ở lại trên rẫy, không những Thỏ không tiếp tục làm cỏ lúa, lại khích các con vật khác nhổ hết lúa đương mọc.

Tối đến, cơm rượu đã xong Thỏ dặn Hổ tuần sau hãy ra thăm lúa, đừng ra thăm sớm, lúa chưa mọc tốt. Nghe lời Thỏ, Hổ đợi đến bảy hôm sau mới lên rẫy, thấy lúa đã héo hết. Đứng trên tảng đá, cọp tím gan rủa kẻ đã hại mình. "Heo gà mất, rượu mất, lúa chết, đứa nào hại ông, ông sẽ giết chết". Vừa dứt lời, dưới tảng đá, hổ lại nghe thấy tiếng nhại lại. Cọp quát: "Đứa nào nhại lại tao". Không thấy ai trả lời, lại chỉ nghe thấy tiếng nhại tiếp.

Nhìn xung quanh không thấy một ai, nhìn xuống chỉ thấy dái của mình, Cọp tưởng nó đùa bèn nhè ngay hòn dái đập mạnh xuống tảng đá. Nào ngờ, hòn dái thọt vào trong. Nhưng Cọp lại tưởng nó vùi xuống đất. Tức quá, Cọp lật hòn đá lên. Nào ngờ, Thỏ ở dưới hầm đào dưới tảng đá, nhảy vọt lên, leo lên ngọn cây chuối cười nhạo.

Tức giận, Cọp gầm lên: "Mày đã phá lúa của tao, lại còn làm hỏng hòn dái của tao, tao phải ăn thịt mày".

Ngồi trên ngọn cây chuối, Thỏ nói:

– Vâng tôi có lỗi, anh ăn thịt tôi là phải. Nhưng anh định làm cách nào?

– Tao lấy ná bắn.

– Ồ, bắn như vậy, máu tôi chảy ra ngoài hết, ăn không ngon.

– Thế ăn bằng cách nào thì ngon?

– Khó gì đâu. Anh lấy sà gạc chặt hết bụi chuối, từng cây một. Cây đổ, tôi ngã xuống chết tươi. Anh ăn chả sẽ ngon ư?

Tin lời Thỏ, Cọp chặt cây. Cây đổ. Thỏ chạy biến. Tìm khắp nơi không thấy, khi về nhà, Cọp đã thấy Thỏ ngồi trong ché, chiếc ché đánh đổi 30 trâu.

– Giờ mày chạy đằng trời. Khấn thần linh đi, rồi tao ăn thịt.

– Anh ăn bằng cách nào?

– Tao lấy giáo đâm.

– Như vậy, máu lại chảy hết, ăn đâu có ngon. Anh phải lấy gậy phang tôi, tôi chết tươi, ăn mới ngon chứ.

Nghe lời Thỏ, Cọp cầm chiếc gậy đập vỡ tan chiếc ché. Thỏ nhanh chân leo lên nóc nhà lại trêu Cọp.

– Trời ơi! Sao anh dại vậy, lại lấy cây phang ngang miệng ché, thảo nào ché chả vỡ. Thật tiếc quá.

Cọp lại lấy ná định bắn. Thỏ can, khuyên lấy lửa đốt nhà, tôi chạy sao được. Thịt tôi bị nướng chín, ăn thật là ngon.

Tức quá, không kịp tính hơn thiệt, sẵn có lửa ở bếp. Cọp cầm thanh củi đang cháy châm đốt ngay mái nhà. Đợi lửa cháy to. Thỏ leo ra ngoài định chạy nhưng không kịp, đuôi bị cháy. Nên bây giờ, Thỏ mới bị cụt đuôi.

Nhà cửa, lúa má, chiêng ché bị mất cả. Vừa tức, vừa đau. Cọp đành tha thẩn đi tìm hòn dái bị mất. Tìm mãi chả thấy, nên đến tận bây giờ mỗi bước đi, Cọp vẫn còn bốc đất đá để tìm "của quý" của mình. Còn sợ cọp trả thù, mỗi lần từ xa thấy Cọp, Thỏ lẩn trốn biệt, không dám đùa dai chúa sơn lâm nữa.

DÂN TỘC MƯỜNG

CÂY ĐA VÀ CÂY LỘI

Cây Đa là con trai của thần mặt trăng, còn Cây Lội là con gái của *vua Khú*[1]. Hai người đi chơi và gặp nhau ở bờ suối. Họ quấn quít nhau rồi lấy nhau.

Cây Đa và Cây Lội ăn ở với nhau được hai mùa lúa chín vàng, được mùa vang thắm đỏ thì sinh được một đứa con trai tuấn tú, khôi ngô đặt tên là Sáo.

Mười tuổi, Sáo đã biết lên rừng, lên núi săn bắn, ra suối câu cá và thổi sáo hay như chim hót.

---

1. *Vua Khú*: tên người Mường đặt cho vị chúa tể của mọi loài vật dưới nước.

Thấy con gái mình lên trần gian chơi lâu không về, vua Khú sai thần Ba Ba lên tìm. Biết tin Cây Lội lấy Cây Đa vua tức lắm. Liền hôm sau vua cho nước dâng lên bắt nàng Cây Lội về. Nhưng nước dâng lên ngập đồng thì đã có núi, nước ngập núi thì vợ chồng Cây Đa Cây Lội cùng Sáo dắt nhau lánh về trời với thần Trăng. Tức quá vua Khú lại cho nước lũ ngập cõi trần để diệt cho hết cây cỏ, chim muông. Nhưng lũ lại ngập vào đúng mùa cây cỏ có quả đã chín, nên quả cây cứ nổi lên mặt nước. Chờ nước rút, những hạt cây từ trong quả lại chui ra những mầm chồi tươi tốt.

Ba tháng sau, khi nước rút, vua Khú rẽ nước nhìn lên thì cây cối lại đâm chồi nẩy lộc, chim muông lại đua nhau bay nhảy.

Hôm sau vua Khú lại sai Ba Ba làm một trận lũ lớn để diệt cho hết giống cây cỏ, chim muông cõi trần lần nữa.

Biết tin nước ngập ở dưới trần. Sáo sợ mất nòi cây cối, chim muông nên xin phép bố mẹ được về trần gian để nhổ một cây con ở ven suối đem về mặt trăng trồng.

Xuống đến cõi trần, Sáo chưa kịp nhổ cây thì nước đã ào ào tràn tới, Sáo chỉ ôm được một bó cây con, lao nhanh về rừng sâu. Đến ngọn núi cao nhất thì chân tay Sáo mỏi rời. Sáo nằm xuống nghỉ rồi thiếp đi.

Nằm được một lúc thì nước ập đến tai, Sáo giật mình tỉnh dậy. Nhớ đến bó cây con, Sáo đi tìm thì nước đã cuốn mất. Sáo thương cây quá, bay tìm khắp núi này đồi nọ nhưng chẳng thấy, cuối cùng đành phải quay về mặt trăng.

Từ đó Sáo buồn lắm. Thỉnh thoảng vén mây nhìn xuống trần thấy nước ngập lênh láng, Sáo lại tức giận và nước mắt lại lăn trên gò má.

Một đêm, Sáo nằm khóc hu hu. Bụt nghe được, động lòng thương hiện ra hỏi Sáo:

– Cháu làm sao mà khóc?

Sáo gạt nước mắt, trả lời bụt:

– Dạ thưa bụt! Vua Khú giận cha mẹ cháu nên đã cho nước ngâm cõi trần để diệt hết cây cỏ, chim muông. Cháu sợ cây cỏ chết hết thì sau này cháu không được về trần nữa. Cháu đã đi lấy giống cây về trồng nhưng bó cây ấy cũng bị trôi mất rồi. Bụt giúp cháu với!

– Ừ! nếu cháu muốn vậy thì ta cho cháu một cây con này. Cháu đem nó ra trồng trước nhà khi nào nước cạn cháu đem hạt của cây này về dưới trần để trồng. Nói rồi bụt biến mất.

Được giống cây, Sáo thích lắm. Sáo không ngủ được nữa mà ôm cây đi trồng ngay.

Từ khi có cây, ngày ngày Sáo chăm tưới nước, vun gốc cho cây. Nên chẳng bao lâu cây vươn cao như chàng Cây Đa và cành lá xanh mượt như tóc nàng Cây Lội.

Vua Khú cho nước ngâm cõi trần được chín tháng mười hai ngày thì cây cỏ, chim muông chết sạch. Vua tưởng rằng vợ chồng Cây Đa, Cây Lội cũng chết rồi nên cho nước rút về.

Dưới trần đã hết nạn lụt, vợ chồng Cây Đa, Cây Lội lại kéo nhau trở về trần sống bên bờ suối như cũ. Còn Sáo, thì mang giống cây từ trên mặt trăng về trồng dọc bờ suối. Từ đó Sáo lớn lên và cây cối cũng lớn lên giăng thành núi rừng xanh kín cả trần gian.

Phạm Văn The
Xã Thiết Ống – Huyện Bá Thước *kể*

SỰ TÍCH CON CÓC

Trong nhà nọ có hai chị em, mỗi người một tính nết. Người chị xinh đẹp, tham lam và lười nhác. Người em bị què tay, nhưng rất siêng năng làm lụng. Người chị cậy khỏe, cậy xinh, sáng trưa chiều tối chỉ luẩn quẩn nào gương nào lược. Chơi bời vô độ nên chẳng bao lâu người chị đã gầy khô hơn que củi, mặt mũi héo tóp như một xác chết. Người em mang tật: tay phải co quắp từ thuở lọt lòng, mọi việc như cầm dao, cầm cày, vốc cơm ăn cũng nhờ ở bàn tay bên trái, quanh năm chỉ có một bộ váy áo chăn rách như tổ đỉa. Một năm nọ, trời làm lũ lụt lớn, nước ngập hết làng, cây cỏ, lúa, ngô hết đất cắm chân. Người em bèn ngồi ôm lấy chóp núi đá, kêu trời gọi đất. Mệt quá, người em ngủ thiếp đi ba ngày bảy đêm liền. Thấy em ngủ lặng, người chị ngỡ là em đã chết, bèn cưỡi bè chuối chèo đi, bỏ mặc em trên chóp núi. Người em mở mắt choàng dậy thì nước vẫn chưa rút. Đợi khi mặt trời đến gần, người em liền kêu to:

– Ớ ông Trời!

Ông Trời dừng lại hỏi:

– Cháu muốn gì?

Người em nói:

– Ông cứu lấy chị cháu, chị cháu bị nước lũ nhận chìm mất rồi. Ông cứu được, cháu muốn chị ấy được lấy ông Mặt Trời làm chồng.

Ông Mặt Trời cười bảo:

– Chị cháu đến nhà Tiên ông rồi. Cháu hãy gieo hạt này ở chóp đá của cháu thì cháu muốn cái gì sẽ được cái ấy.

Nói xong, ông Mặt Trời lại lặn đi. Cũng lúc ấy người chị chèo bè chuối đến gõ cửa nhà Tiên ông, bè chuối giạt lên sân thì người chị hò hét:

– Cho tôi gặp chàng Tiên đẹp nhất.

Tiên ông nhìn ra thấy có người con gái lạ, lại đòi gặp Tiên, liền mời vào nhà. Người chị hỏi luôn:

– Tôi không lấy ông đâu, ông già mà xấu quá, cho tôi lấy chàng Tiên đẹp nhất.

Tiên ông gật đầu bảo:

– Ừ.

Nói rồi Tiên ông khoát tay một cái, lập tức từ trong nhà có một chàng trai đi ra, nắm lấy tay người chị. Chàng trai là dòng họ của Cóc Tía, cho nên Tiên ông đặt tên chàng là chàng Cóc Tía. Từ đấy, vợ chồng người chị sống cuộc đời sung sướng trong cảnh Tiên.

Người em gieo cái hạt của ông Mặt Trời cho vào kẽ đá, nàng lấy bàn tay trái của mình vơ rêu lá, giật cả vai áo mình phủ cho hạt được nguyên lành. Chẳng bao lâu từ kẽ đá vươn ra một dây bầu, quả to như cái sọt. Nàng lăn bầu xếp ra rìa núi. Núi bầu cứ nối nhau, nối nhau mọc xa, vùng nước lũ cứ thu hẹp dần nhường chỗ cho bầu ở. Một ngày kia, người trên tiên thấy có nhiều núi nhỏ mọc lên chật cả gầm trời. Vợ chồng Cóc Tía nhìn xuống thì thấy người con gái cầm dao bằng tay trái cứ quần quật bổ bầu ra chia cho mọi người. Người chị nhận ra kẻ ngồi với núi bầu là đứa em của mình, lòng ghen ghét lại nổi lên, mụ liền kéo tay chồng bảo:

– Cái con què ấy còn sống, nó có nhiều bầu kia kìa. Chàng Cóc Tía chưa kịp hỏi thêm đầu đuôi ra sao thì mụ đã nắm tay chồng nhảy ào xuống các chỏm núi bầu. Nhảy khỏi nhà trời, vợ

chồng hắn liền hiện nguyên hình một đôi Cóc Tía. Đôi vợ chồng Cóc Tía ngồi chồm chỗm trên một quả bầu. Người em hỏi:

– Cóc muốn gì?

Cóc nói:

– Ta muốn nhận mày là em gái.

Người em lắc đầu:

– Chị ta lên trời lâu rồi.

Cóc bảo:

– Tao là chị đây, còn đây là anh rể của mày.

Người em ngồi nghe Cóc Tía vợ kể lại chuyện cũ gặp lũ to, chèo bè chuối lên trời ra sao... Nghe mãi rồi tin lời Cóc là phải. Người em liền nhận anh chị và cho ở chung trên ngọn núi cùng chăm nom dây bầu với mình. Khi ấy, ông Mặt Trời đi qua, dừng lại nói với người em:

– Anh chị đã về với cháu đấy.

Người em gái nói:

– Vâng.

Ông Mặt Trời bảo:

– Bây giờ ta cho cháu một người chồng, cháu hãy bổ quả bầu xấu nhất ra thì gặp chồng.

Người em liền bổ quả bầu vặn vẹo xấu xí, vỏ bầu tách ra thì có một chàng trai khôi ngô, tuấn tú hiện ra, nhận là chồng của người em, hai vợ chồng người em lại lấy quả bầu xếp bậc xuống thấp dần. Họ xếp quả bầu đến đâu thì mực nước lui xuống đến đó. Đồng ruộng làng mạc lại hiện về như xưa. Bà con làng xóm trở về làm ăn sinh sống yên ấm.

Cũng từ đấy, vợ chồng Cóc Tía được người em đưa xuống cùng ăn ở, làm lụng với dân bản. Người chị không còn ghen ghét với em gái như xưa nữa.

Cụ Hà Công Vinh 76 tuổi
Chòm Bứa, xã Thủy Sơn,
huyện Ngọc Lặc *kể*

SỰ TÍCH CÂY CHU ĐỒNG

Ngày xưa, xưa lắm, khi ông Lang Cun Cần chưa có cơm mà ăn, chưa có nhà để ở, ông còn đòi người đi tìm cho được cây Chu đồng về để dựng cửa dựng nhà. Trong mường có chàng Tặm Tạch người hay lam hay làm, có tài đi săn bắn, chàng đã trèo hết đèo này đến núi khác, chẳng hang cùng ngõ núi nào mà không có đấu chân chàng. Một hôm, Tặm Tạch xách ná lên rừng mường Ai, đi mỏi chân, chui mỏi cổ hết lùm cây nọ đến lùm cây kia mà không gặp con chim con thú nào. Mãi mới gặp một chú chim Vàng anh đậu ở ngọn trám cao, chàng giương ná lên nhằm bắn. Chim Vàng anh van nài:

– Xin ông đừng bắn tôi, ông tha chết thì tôi sẽ mách cho nơi có của.

Tặm Tạch hạ ná xuống bảo:

– Được, chim hãy dẫn ta đi đến nơi có của!

Chim nói:

– Người hãy đi theo hướng cánh chim bay, mà tìm đến chỗ có cây Chu đồng.

Tặm Tạch liền đi theo chim Vàng anh, nhưng đi hết ba đèo, bảy núi thì chân Tặm Tạch mỏi rời không lê được nữa. Chim Vàng anh bảo:

– Người đi theo chim không quen, thế thì người nghỉ lại, ngày mai ta đi tiếp.

Nói rồi chim bay vút đi. Tặm Tạch đang ngồi để thở thì nghe có tiếng "phì phò" gần đấy. Một chú gấu đen đi lại. Gấu hỏi:

– Ai đấy?

Tặm Tạch bảo:

– Tao đây!

Gấu nói:

– Người hả?

Tặm Tạch bảo:

– Ừ!

Gấu nói:

– Cho ta ăn thịt người nhé!

Tặm Tạch bảo:

– Không được.

Gấu nói:

– Thế thì ta kết làm anh em vậy.

Tặm Tạch nói:

– Thế thì được!

Gấu nói:

– Nhưng ai làm anh, ai làm em?

Tặm Tạch bảo:

– Ta vật nhau, ai được thì làm anh, ai thua thì làm em.

Gấu gật đầu và xông vào vật ngay. Tặm Tạch bảo hãy khoan để mình đi lên đầu dốc, và trói bớt hai tay gấu lại đã mới chịu vật. Gấu thuận cho Tặm Tạch trói hai tay tức là hai chân trước. Cuộc vật lộn kéo dài đến hết buổi sáng thì gấu bị Tặm Tạch xô ngã xuống chân dốc. Gấu chịu làm em. Gấu nói:

Bây giờ anh muốn gì nào?

Tặm Tạch bảo:

– Em đi ăn quả ở nhiều núi, quen đồi, quen cây, hẳn là biết chỗ có cây Chu đồng, em hãy dẫn anh đến nơi đó.

Gấu nói:

– Thế thì cho anh cưỡi lên lưng em để em đưa đi cho chóng.

Gấu và Tặm Tạch đi hết đồi Ai, đi vòng núi Háo, đi vào núi Riếng, đi đến núi Nam, đi sang núi Khang, núi Khến, lại đến núi Cửa Thổ Xăng Khò, qua núi Ca Da, về núi Mường Ký, Mường Ong, lên núi Lai Li Lai Láng. Đến núi Lai Li Lai Láng gấu bảo:

– Cây Chu đồng đây rồi!

Tặm Tạch cứ việc ngồi trên lưng gấu, gấu đưa đi dạo mấy vòng quanh gốc cây Chu đồng, Tặm Tạch nhìn cây Chu đồng quả là cây của cải thật. Bông bằng thau, quả bằng thiếc, cành lá bằng vàng, bằng bạc.

Hôm sau, Tặm Tạch về dẫn dân chín bản mười mường và cùng Lang Cun Cần đi chặt cây Chu đồng đưa về dựng cửa làm nhà, để cho bản Mường có nhà cao cửa rộng.

Bây giờ, hàng nghìn năm, vạn đời sau ai đi qua dốc Năm cây, thuộc xã Kỷ Tân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đều nhìn thấy chóp núi Lai Li Lai Láng vì dưới lòng sông Mã cũng như trên đỉnh núi ấy, còn vết tích dăm rìu đá của cây Chu đồng được đẵn chặt từ xa xưa.

Cụ Bùi Văn Póm 87 tuổi
xã Kỷ Tân, huyện Bá Thước,
tỉnh Thanh Hóa *kể*

SỰ TÍCH MỎM NÚI Ả CÒM

Ở vùng *Mường Tạ*[1] hồi bấy giờ chịu một tai nạn vô cùng khủng khiếp. Nước lũ ở đâu tràn về ngập khắp bản mường, mưa liên tiếp ngày đêm không ngớt. Nai hoẵng, và các thú rừng chết, xác nổi lềnh bềnh, trôi ngổn ngang khắp nơi. Những cây cổ thụ cũng bị bật rễ, cuốn phăng theo dòng nước chảy xiết. Người trong bản xiêu tán, phiêu bạt, lênh đênh.

Những chàng trai, cô gái khỏe mạnh nhất, bám chặt được vào thân cây, họ cưỡng lại với dòng nước để dạt vào một mé sườn núi mà nước chưa dâng tới. Bíu chặt lấy mô đá và nhánh rễ phụ của một cây to chưa bị lay gốc, họ trèo lên ngồi thu mình vào một cái hốc đá gần đó.

Cứ như thế, họ ngồi cho đến xế chiều. Nước lũ ở các khe vẫn cứ dâng lên cuồn cuộn, nhưng trời đã bớt mưa. Lúc này là lúc có thể định lại phương hướng và tìm chỗ an toàn hơn. Cả mấy người cùng ra khỏi hang nhìn bốn phía và bàn bạc với nhau làm cách nào để chống lại bão lụt, tìm người thân thích và thu nhặt của cải.

Cơn mưa to đã chấm dứt rồi, nhưng mấy người dân vẫn bàn bạc với nhau chưa ngã ngũ, có người nói:

– Ta không thể ở lại bản mường này được, phải đóng một chiếc bè đi đến nơi cao ráo mà ở.

Lại cũng có người bảo:

---

1. *Mường Tạ:* nay là xã Thúy Sơn, huyện Lương Ngọc, tỉnh Thanh Hóa.

– Đi đâu cũng chẳng có, chẳng nên, cứ sống lênh đênh với nắm lá, trái cây thế này mà chờ chết thôi.

Giữa lúc đang bàn bạc ồn ào, thì có tiếng *xường*[1] ở đâu văng vẳng đưa lại. Họ lấy làm lạ rằng trong lúc này mà lại cũng có người con gái nào yên tâm mà hát mà *xường*. Tiếng *xường* từ trên cao vọng xuống mỗi lúc một rõ, *xường* rằng:

Lụt lội trời làm gay gắt
Ai có trống dậy đánh trống
Ai có chiêng dậy đánh chiêng
. . . . . .

Lời *xường* đã nhắc nhở người dân bản một câu chuyện mà người già thường kể cho con cháu nghe:

Thần lụt thì ghê gớm thật, nhưng thần vốn sợ tiếng trống tiếng chiêng... Họ cố nhìn lên xem người con gái đang *xường* ấy là ai, chỉ thấy sau đám mây mờ mờ, một người con gái còng lưng bên chiếc xa quay sợi, vừa làm vừa *xường* chuyện mụ Dạ Dần *bắc bông*[2] trong bài *pồn–pôông*[3].

Tay trái bà cầm ống cải
Tay phải bà cầm ống kê...
. . . . . .

Càng thấm thía lời *xường,* họ rủ nhau trèo lên cao nữa, để gặp cô gái hỏi thêm câu chuyện cho rõ ràng. Họ trèo mãi lên một mỏm núi cao chót vót, nhưng khi đến nơi chỉ là mỏm núi đá bình thường như nhiều mỏm đá khác. Khi trở xuống, ngoái nhìn lại vẫn thấy hình người con gái quay xa và vẫn nghe tiếng *xường* dìu dặt. Một người trong bọn họ nói:

– Thôi, không phải tìm đâu nữa. Đây chắc là con yêu con quý của bà Dạ Dần ngày xưa, đến bày cho ta điều hay, điều phải đấy. Ta cứ nghe theo như thế mà làm thì hơn cả.

---

1. *Xường:* một điệu hát dân gian Mường.
2. *Bắc bông:* tỉa bông.
3. *Pồn–pôông:* một trò diễn khá hấp dẫn của dân tộc Mường thường được tổ chức vào mùa xuân. Trò diễn này dạy người ta cách ăn ở, xử sự việc đời, dạy cách trồng ngô, cấy lúa trồng bông, dệt vải cho con gái trong Mường.

Mọi người kéo nhau xuống núi, tìm được mấy chiếc trống đồng còn vướng vào các hẻm đá, khe núi không trôi đi được. Họ thi nhau đánh trống, tiếng trống vang lên. Quả nhiên, nước lụt rút đi rất nhanh. Trong lúc đó tiếng *xường* ở trên cao vẫn vọng xuống, đan quyện vào trong tiếng trống. Lời *xường* lại giảng giải cách làm ăn của bà *Dạ Dần:*

Đất đen bà trồng ló (lúa)
Đất đỏ bà trồng vang
Đất vàng bà trồng nghệ.
. . . . . .

Những người dân bảo nhau:

– Bà Dạ Dần đã bày cách làm ăn cho ta đó. Nước rút đi rồi, chỗ nào trồng được cái gì thì ta trồng để kiếm cái ăn. Thôi hãy đi làm đi dân bản ơi!

Họ cùng nhau đi cuốc đất trồng lúa ở đất đen, trồng sắn ở đồi, trồng ngô ở đất bãi. Những người bị lụt phiêu dạt đi các nơi, nghe nói cũng đang trở về trồng tỉa lúa ngô, dựng nhà dựng cửa.

Dân Mường Tạ rất nhớ ơn cô gái đã mách bảo cho họ cách làm ăn. Bây giờ có lẽ cô gái đã về với bà Dạ Dần hay thương hay xót rồi. Nhưng cô vẫn để lại hình dáng của mình. Mỏm núi làng Nhàng[1] vẫn còn mô đá tạc hình cô gái đang còng lưng kéo sợi, quay xa. Bà con đặt tên cho cô là Nàng Á Còm và lập đền thờ nàng ngay cạnh đó. Con gái Mường Tạ luôn nhớ ơn nàng bằng cách tập nghề quay xa, dệt vải và thuộc lòng nhiều bài *xường* bắc bông, kêu vía lúa.

Vương Hà, Điền Lư, huyện Bá Thước *kể*

DÂN TỘC MÔNG

KỂ CHUYỆN TRỜI ĐẤT

Sự xuất hiện bầu trời, mặt đất. Vị trí, quan hệ ban đầu, sông suối, hang hốc. Mặt trời, mặt trăng, cây cỏ. Rừng núi. Muôn loài.

---

1. *Làng Nhàng:* cũng thuộc vùng Mường Tạ.

Con người. Cách sinh sống. Lửa. Sản phẩm đầu tiên. Hạn hán. Tiếng gà gọi sáng. Nạn lụt. Anh em ruột lấy nhau. Tái sinh loài người. Nhiều dân tộc. Núi cao. Vùng người Mông ở.

Bầu trời có từ bao giờ? Người già nghe kể nhưng không tính được.

Mặt đất có từ bao lâu? Người già nghe biết nhưng không tính ra.

Hồi ấy, lâu rồi, cách đây tới mấy nghìn đời, mấy vạn đời, vua trời quay đi, quay lại không thấy có ai, nhìn lên, nhìn xuống chỉ thấy có mình. Vua bảo cô Phà (con gái vua) sinh ra bầu trời, ông Hếnh làm ra mặt đất.

Bầu trời, mặt đất gần nhau, lúc nào cũng trò chuyện được. Nhưng nghe tiếng mà không ai nhìn thấy ai, vì khắp nơi còn tối om, mù mịt, mông lung.

Biết vậy, trời thả chín mặt trời và tám mặt trăng xuống. Chín mặt trời đi thành đoàn, chiếu sáng mặt đất. Tám mặt trăng đi thành đôi, chiếu xanh bầu trời.

Tất cả bừng sáng.

Mặt đất chỉ có đất nâu, đá đen. Không một thân cây, không một nhánh cỏ. Bà Mo đem cây từ trời xuống trồng. Ông Chơu đem cỏ từ trời xuống gieo. Cỏ đâm mầm, cây đâm lộc. Mặt đất trải màu xanh non, xanh già của lùm cây, bụi cỏ. Cây mọc thành rừng. Cỏ mọc thành rừng. Đá đứng bên nhau thành núi. Gió lượn vòng rừng cây. Lá cây reo vui. Gió vờn rừng cỏ. Cỏ rạp mình chào đón.

Một dạo cây thiếu nước, cây không sinh cành. Cỏ thiếu nước, cỏ không mọc rễ. Nhìn cây chết thấy lòng đau, nhìn cỏ chết thấy lòng buồn. Bà Mo cùng ông Hếnh về trời lấy nước đổ xuống cho cây cỏ. Uống đủ nước, cây cỏ thức dậy choàng áo xanh cho đất.

Mặt đất chưa biết nói, bầu trời không âm vang.

Trời liền thả muông thú cho chúng chạy nhảy, sinh sôi, làm vui mặt đất. Lại thả chim chóc cho chúng tung cánh bay lượn lưng không. Muông thú gầm hét âm vang rừng núi. Chim chóc chuyền cành ca hát cùng gió reo, nước chảy.

Mặt đất đã vui nhưng muôn loài hỗn loạn, chưa ai cai quản. Trời lấy đất nặn ra một giống khôn nhất, giỏi nhất là người. Người biết nghĩ, biết nói vì có hồn.

Chín mặt trời, tám mặt trăng đua nhau tung ánh sáng, uống cạn nước mọi nơi. Mặt đất khô cạn, nứt nẻ. Muôn loài kêu ca. Giống người nhớn nhác không sống nổi.

Động lòng, ông tiên Giàng Do liền thả con chó đen đi đuổi cắn mặt trăng, mặt trời. Bầu trời kinh hãi lùi lên (từ đó trời đất xa nhau). Mặt trời, mặt trăng chạy trốn. Ông tiên đi chặt cây *Tùng màng*[1] làm dây cung, chặt cây *Tùng thú*[2] làm cánh cung săn mặt trời, mặt trăng, Giàng Do bắn rất giỏi, tám mặt trời, bảy mặt trăng trúng thương hết sáng. Hai cái còn lại kinh hoàng rủ nhau trốn biệt.

Tất cả trời đất lại mù mịt, mông lung.

Mất ánh sáng, vạn vật có mắt như bị bịt mắt, có chân như bị trói chân, có cánh như bị chặt cánh, làm sao có thể kiếm ăn trong cõi tăm tối đáng sợ này.

Nghe tiếng muôn loài kêu than, trời sai trâu đi gọi nguồn sáng. Tiếng trâu to quá, nghe thật chối tai, mặt trời, mặt trăng nghe tiếng mà không dám ló mặt. Trời sai ngựa gọi. Tiếng ngựa hí còn dữ hơn. Trời đất vẫn mù mịt.

Đang lúc băn khoăn, trời bỗng nghe thấy gà vừa vỗ cánh vừa hát. Gà hát hay lắm. Hát đi hát lại nhiều lần như muốn báo hiệu điều may, làm vui thiên hạ. Tiếng hát bay xa, tiếng hát bay gần, vang vọng.

Muôn loài im ắng dỏng tai. Trời gọi gà thăm hỏi ân cần và bảo đi tìm ánh sáng về. Gà có đức kiên nhẫn, gọi một lần, hai lần...tới chín lần[3]. Mặt trời, mặt trăng phải ló đầu ra xem. Bầu trời lại sáng xanh, mặt đất lại sáng trắng. Cây lại xanh lá, đơm hoa. Người lại cần mẫn kiếm ăn.

Trời tặng cái lược thưởng công gà. Gà không hiểu, đặt sống lược vào đầu. Cái lược đỏ tươi ngất ngưởng trên đầu, trông gà càng uy nghi lộng lẫy[4].

---

1. Cây có lá gần như lanh.
2. Cây thông nhựa.
3. Gà gáy ban ngày bốn lần, ban đêm năm lần, cộng chín lần.
4. Tức cái mào gà.

Từng đoàn người lại rủ nhau đi, hết rừng lại đến rừng, hết núi lại đến núi, hái quả ăn. Nhưng khỉ, vượn, chim, sóc láu lỉnh, nhanh chân đã tìm ăn hết quả ngon ngọt trước. Người tức giận cầm đá ném chúng. Đá chạm vào núi, tóe lửa. Lửa bò tới cỏ khô, cành nỏ, bốc cao ngọn. Lửa hung hãn bay vùn vụt từ chỗ này tới chỗ khác rừng rực tung bộ cánh vàng đen[1] rộng lớn ngùn ngụt, ngùn ngụt. Lửa càng bay càng cao. Cháy rừng! Thú rừng chạy không kịp, chết cháy nhiều. Thịt chín thơm ngào ngạt. Người nếm thử, thịt nướng thực ngon. Người biết ăn thịt chín và đem lửa về nuôi ở hang (vừa đun nấu, vừa sưởi ấm).

Hôm ấy đang ngồi nghỉ, người trông thấy một hạt cây nằm trong khe đá. Muốn lấy mà không lấy được. Chuột chạy qua, người bàn: "mày tha hạt kia về tao trồng, nó lên cây ra quả thì ta chia nhau, mỗi bên một nửa".

Gặp đất tốt, hạt nảy mầm xanh lá rất nhanh. Nhiều lần trăng qua, cây cõng một quả to trên lưng. Đó là bắp ngô. Ngô chín, người chia cho chuột một nửa. Người gieo hạt tiếp. Thấy người chăm làm và kiếm được cái gì cũng đốt lửa sáng cùng chia nhau ăn, các loài muốn gần, muốn giúp người. Chim thú nói được tiếng người. Cây cối đi lại như người. Đủ ngày, đủ tháng, bắp rủ nhau về chật nơi người ở. Người thích nuôi gà, gà cỏ dắt nhau về ở lẫn với người. Người cần củi đốt, củi sưởi, cây rừng kéo nhau về cho người đốt.

Mỗi lúc người thấy bận rộn hơn. Gà về quấy nhiễu. Cây về chắn cả lối đi. Người gọi chúng lại bảo:

– Từ nay bắp chín cứ ở trên nương, lúc đói ta sẽ lên cõng về. Củi, gà cứ ở trên rừng, lúc cần ta sẽ đi vác, đi gọi.

Một lần, nhân người lên chơi, Trời cho hạt giống quý, gieo trồng ăn ngon hơn bắp, gọi là lúa. Người về đất, đặt hạt.

Đất nương hẹp, thường cỏ không mọc tới, người ta làm rất dễ, rất nhanh, đến nỗi người đem cơm không kịp đuổi theo người làm nương. Người đó phàn nàn, đổ tội cho cỏ không chịu mọc ở nương cản bớt bước người gieo trồng.

---

1. Lửa và khói.

Vua trời (Dư Nhung) nghe vậy, liền sai trâu mang thêm giống cỏ xuống và dặn cứ ba bước gieo một nắm. Trâu thấy cảnh mặt đất vui quá, quên bẵng lời trời, cứ đi mỗi bước gieo ba nắm. Cỏ mọc rậm rì, ăn hết màu đất, ngô quả bé, ít hạt đi. Làm ăn vất vả, người lại kêu ca. Chuyện tới tai Dư Nhung. Vua liền sai trâu xuống bảo người "cứ ba ngày ăn một bữa thì không lo thiếu đói". Trâu vui cảnh mặt đất lại quên khuấy lời trời liền bảo người cứ ăn ngày ba bữa! Người càng đói, kêu càng dữ hơn. Vua trời giận lắm, phạt trâu:

– Mày làm người khổ, phải xuống kéo cày cho người. Khi người Mông chết, họ sẽ thịt mày để cúng. Khi ấy mày về trời cùng hồn người làm ăn[1].

Được trâu giúp, công việc làm ăn của người nhẹ đi, nguồn thu hoạch lại dồi dào. Lúa, ngô tốt quá, được mùa liên tiếp, người ăn không hết, vứt bừa bãi, lại giã gạo thành bột, nặn bột thành ghế ngồi, nặn bột thay giát giường nằm chơi! Nghe nói, trời giận lắm, sai bà ma đi thu lúa về trời.

Tới ngày mùa, hai anh em (em gái) nhà kia đi cắt lúa thì không thấy còn bông nào nữa. Họ mót lúa rơi vùi xuống đất. Nhưng có trồng mà chẳng có ăn. Họ rình. Trong đêm tối họ tóm được một người đang lúi húi ngắt từng bông lúa, bẻ từng quả bắp. Người đó là bà già tóc trắng.

Bà lão sợ hãi nói:

– Bà là bà Ma, bà chỉ làm theo lệnh của người khác thôi.

Được tha chết, bà mách cho họ biết sắp có trận mưa lớn. Muốn thoát nạn chỉ còn cách tìm sẵn quả bầu khô, lúc cần, hai anh em chui vào đó trốn...

Ít lâu sau... câu chuyện tưởng đã quên đi.

Bỗng mây đen không biết từ đâu kéo tới, hết lớp này tới lớp kia, mây chất đầy bịt mặt trời. Mây gọi gió. Gió kéo tới vặt hết lá

---

1. Từ khi ấy người Mông có trâu (hoặc bò) cày và có tục khi người chết phải giết trâu hay bò tùy theo vùng sản xuất.
   + Vùng làm ruộng nước (và ruộng bậc thang) thì dùng trâu (thường là người Mông hoa).
   + Vùng làm nương dốc thì dùng bò (thường là người Mông trắng).

rừng, quật đổ cây cối. Sấm kêu, chạy rầm trời. Chớp bật chói lòa, sét thi nhau nổ dữ dội, kéo con nước lớn đổ xuống trần gian. Nước đổ liên miên.

Hai anh em làm đúng lời bà Ma dặn.

Nước dâng lên mãi. Bầu nổi lềnh bềnh. Nước tới nhà trời, họ đập cửa nhà trời. Dư Nhung không làm ngơ được, vội lấy xà beng sắt, xà beng đồng chọc thủng núi thành hang hốc. Nước theo hang thoát dần. Lúc trở về mệt, Dư Nhung kéo lê xà beng, để lại những vệt lõm dài ngoằn ngoèo trên đất, trên đá. Đó là những dòng sông, con suối ngày nay. Quả bầu xuống thấp dần theo nước cạn.

Hai người thoát nạn từ bầu chui ra.

Sau nạn lụt, nơi nơi tan hoang, xơ xác. Mặt đất yên lặng như chết. Em gái bảo anh đi thăm trời, thăm đất, tìm người chung sống. Anh đi khắp nơi không gặp ai. Giống người đã hết. Anh trở về đòi lấy em làm vợ. Em không chịu. Họ dắt nhau tới gặp vua trời. Trời bảo họ lấy chiếc cối xay, anh vác thớt cối trên, em ôm thớt cối dưới rồi cùng lăn từ đỉnh núi xuống. Họ làm theo. Hai thớt cối ấp vào nhau ở chân núi[1]. Thế là họ thành vợ chồng theo lời trời khuyên.

Lâu sau, người vợ có mang. Tới ngày sinh, đứa con ra đời không mắt, mũi, chân, tay, tròn như quả bí. Vợ chồng ngạc nhiên đoán đó là cái bọc trong có người, liền băm cái bọc làm ba khúc. Chẳng thấy gì, liền vứt một khúc xuống vùng thấp, một khúc vùng giữa (lưng chừng núi), một khúc vùng cao.

Khúc vùng thấp hóa thành người Việt, tổ tiên người Việt ngày nay.

Khúc vùng giữa hóa thành người Tày, tổ tiên người Tày ngày nay.

Khúc vùng cao hóa thành người Mông, tổ tiên người Mông ngày nay.

---

1. Nay trong ngôn ngữ Mông vẫn ghi lại hình ảnh xa xưa đó:
   + Thớt cối xay = chi giế (cxik jêz).
   + Thớt dưới = chi nả (cxik nav. Nả = mẹ, chỉ giống cái).
   + Thớt trên = chi chi (cxik txis. Chi = bố, chỉ giống đực).
   Có thể hiểu đó là thớt vợ, thớt chồng.

Còn đôi vợ chồng kia được coi là ông tổ, bà tổ loài người. Bố mẹ gọi các con cả ba vùng lại dặn dò, dù là người vùng thấp hay vùng cao hay vùng giữa, các con đều cùng bố mẹ sinh ra, phải biết thương yêu đùm bọc nhau.

Năm tháng trôi qua, mưa thuận gió hòa. Người Việt, người Tày, người Mông sinh đẻ nhiều lên mãi, làm ăn ngày một sung túc hơn.

Nhưng lúc ấy Dư Nhung không mở cửa sắt, người không biết chết. Người đông quá, trời đất hết chỗ chứa. Người già quá, không nhớ tuổi, không làm nổi việc gì, đành ngồi bó chân, trán gục vào gối, chín ngày ở không được, mười ngày sống không xong. Người chỉ mong chết cho đỡ khổ.

Dư Nhung mở cửa sắt, người mới về trời[1], trời – đất đựng hết người.

Dư Nhung lấy dùi đánh ba tiếng trống vang lưng chừng trời rồi thả trống xuống cho người làm ma.

Vua trời dặn: "Người sống phải làm ăn, làm mặc. Người chết xác rữa tan, hồn về với Dư Nhung"[2].

Lê Trung Vũ *(sưu tầm và biên soạn)*

---

1. Tức là chết.
2. – Đây là truyện duy nhất tôi viết lại hoàn toàn (bố cục và sắp xếp tình tiết) với dụng ý phác ra một hoàn cảnh (sơ lược) vũ trụ ban đầu theo quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của đồng bào Mông Hà Giang và dựa vào các tài liệu rất hạn chế. Đó là các câu chuyện, bài hát, bài khèn bước đầu sưu tầm được ở Hà Giang. – Những tài liệu gốc dựa vào để viết là:
   a) Ngày xưa (Truyện Lý A Si kể).
   b) Gốc người Mông sa, người Tày (Truyện Lý A Lình kể).
   c) Li Lía Lu, Vù Chú Mi (Truyện Vù Thị Tùng kể).
   d) Trận mưa lớn (Truyện Vù Thị Tùng kể).
   đ) Con người, ngọn lửa, cây ngô (Truyện Sùng Súa Vàng kể).
   e) Trâu kéo cày (Truyện Lìu Seo Chỉnh kể).
   g) Anh em họ Hồ (Bài hát, Lìu Seo Chỉnh hát).
   h) Khèn về trời đất (khèn, Vù Nỏ Mo kể).
   Viết lại theo lời kể của các nghệ nhân Lý A Si, Lý A Lình, Vù Thị Tùng, Sùng Súa Vàng, Vù Nỏ Mo, Lìu Seo Chỉnh (thuộc các ngành Mông sua, Mông hoa, Mông trắng).

TRUYỆN XÍ GI

Xí Gi là một nhân vật thần thoại đặc biệt, xuất hiện ở một loạt gồm 5 truyện do nhiều nghệ nhân kể.

Đời hoạt động của Xí Gi là một đời chiến đấu liên tục không mệt mỏi, sẵn sàng xả thân vì quyền lợi của đồng bào Mông cũng như của các dân tộc khác (ví dụ dân tộc Dao).

Những chiến công lớn lao làm cho Xí Gi được mọi người yêu mến và ghi nhớ, là chàng hết lòng hết sức tìm cách chữa cho người Mông khỏi mọi bệnh tật và sống lâu. Người thầy thuốc tài giỏi này đã làm một công việc tương tự Prômêtê (Prométhé – Hy Lạp)[1] là đã lấy cây thuốc hồi sinh của trời về trồng ở mặt đất. Người Mông giỏi thuốc và có thành ngữ "nếu biết thì cây nào cũng là thuốc, nếu không biết thì cây nào cũng là cỏ dại"[2].

Chiến công thứ hai của Xí Gi là liên tiếp đánh nhau với thuồng luồng, quái vật ăn thịt người và đòi hiến tế định kì.

Xí Gi thành nhân vật văn hóa thời thần thoại (người đặt ra lệ cúng và sáng tạo nghề thuốc của người Mông).

Xin ghi thêm rằng Xí Gi sinh ra trong một gia đình có truyền thống này. Bố Xí Gi: Lìa Lư là người định ra lệ cưới. Ông nội Xí Gi: Chòu Ghia, người sáng tạo ra cây khèn và các bài nhạc khèn Mông.

I

Lìa Lư là người chăm làm, ai cũng biết. Nhưng người ta hay nói tới ông còn ở điểm đáng quý khác, bởi ông có tình thương yêu bà con xóm bản. Ai nhờ cậy gì, Lìa Lư cũng giúp từ đầu việc tới

---

1. *Prômêtê*: nhân vật thần thoại Hy Lạp, vì thương yêu loài người đã có gan ăn cắp lửa của trời đem về mặt đất cho người dùng. Prômêtê bị trời phạt, cắn răng chịu đựng khổ hình trên núi Cápvadơ.
2. Chúng ta nhớ lại đoạn sử của Đổng Tập Ninh ("Sơ lược lịch sử Trung Quốc") "ở vùng Quý Châu và tây Hồ Nam có rất nhiều người Mông... kinh nghiệm chữa bệnh rất phong phú của họ đã làm giàu thêm cho ngành y học Trung Quốc".

cuối việc mới thôi. Ông nói "có như thế mới yên cái lòng, mới khỏe cái dạ".

Lìa Lư lại có tài kể chuyện nên ai cũng thích gần, nghe chuyện và nghe lời tâm sự. Ngồi qua đêm, quên cả ông trăng đi ngủ, ông trời thức giấc. Lìa Lư kể rằng người Mông xưa rất tài giỏi, ở núi cao không biết sợ rét, ở rừng sâu không biết sợ hổ. Gần nước vẫn đánh nhau với thuồng luồng. Vì vậy người Mông mới sống được tới ngày nay.

Hồi ấy, khi người đàn ông và đàn bà muốn làm vợ, làm chồng với nhau thường gặp nhiều khó khăn là ma lành (ma nhà) và ma dữ (ma xa lạ) quấy nhiễu; ông băn khoăn và nghĩ cách làm cho các loại ma vừa lòng và giúp người sống hạnh phúc.

Nhiều đời người đã đi qua. Không ai còn nhớ rõ chuyện Lìa Lư đã đặt ra LỄ CƯỚI như thế nào nữa. Nhưng chính nhờ Lìa Lư mà người Mông có nghi thức cưới xin như ngày nay.

Người ta nhớ thêm rằng Lìa Lư còn băn khoăn nữa là mong có con. Năm ấy, vợ chồng Lìa Lư được như ý, họ sinh ra con trai và đặt tên là Xí Gi. Có con, Lìa Lư thêm nhiều suy nghĩ mới. Lìa Lư kể nhiều chuyện hay cho con nghe và Xí Gi giống bố, rất thương yêu người xóm bản.

Chàng thấy người Mông có một nỗi khổ kéo dài là hay ốm, mà đã ốm lại hay chết. Chàng đặt ra lệ cúng để ma khỏi làm hại người. Nhưng thế không đủ, Xí Gi lên rừng nếm từng lá cây, rễ cỏ và hỏi người già, tìm thuốc chữa bệnh cho người.

Dần dần, chàng là thầy thuốc và thầy cúng duy nhất giỏi, nổi tiếng cả trên trời dưới đất.

Vua trời ốm, cho gọi Xí Gi lên. Thầy mo đi cúng bao giờ cũng được nhà chủ mời ăn uống chu đáo. Lúc Xí Gi đang cúng, vua trời lẳng lặng sai quân đi bắt con chàng về làm thịt cho chàng ăn. Người vợ báo ngay cho chồng biết đứa con đầu lòng đã chết bất ngờ (vua trời bắt đi). Xí Gi vội về gọi hồn và cúng chữa cho con nhưng gọi thế nào con cũng không sống lại nữa. Chàng thấy mình bất tài nên bỏ nghề.

Người Mông vẫn ốm nhiều.

Người ốm tìm đến xin thuốc, nhà người chết tìm đến khóc lóc. Chàng động lòng, trở lại nghề cũ.

Lâu sau, bà con quanh vùng biết chuyện trời giết con Xí Gi cho chàng ăn, họ oán trời lắm. Họ muốn kêu lên nỗi bất bình cho trời nghe nhưng sợ mỗi người một tiếng không to, không rõ. Họ cắt những ống trúc dài ngắn khác nhau, vót đẹp bó bên nhau, khoét lỗ và thổi lên những tiếng than văn trầm bổng, não nùng, để cùng một lúc kể hết được nỗi uất ức của mình. Họ gọi làm như vậy là để chửi trời.

Mỗi khi bài khèn "oán trời gây bệnh" ngân nga người ta hát theo: "Vua trên trời lòng không tốt, trồng cây thuốc chí tò, hạt nó rơi xuống mặt đất đón lấy đường người ta đi, chân dẫm phải nó thì ốm; vua trên trời bụng độc ác, trồng cây thuốc chí tâu, hạt nó rơi xuống mặt đất đón lấy đường người ta về, tay chạm phải nó thì chết..."

Người thổi khèn thổi mãi không muốn dứt.

Người nghe khèn nghe mãi không muốn đi.

Tiếng khèn đọng lại trong lòng người Mông thành dư âm không bao giờ tắt. Tiếng khèn là bạn tâm tình của người Mông, vì nó gợi lên biết bao kỷ niệm đằm thắm giữa người đang sống và người đã qua đời.

Nhưng tiếng khèn không phải chỉ biết nói chuyện buồn.

Người Mông ham đi nương, đi rừng, yêu quê núi nên tiếng khèn còn biết kể chuyện vui. Trên đường đi trồng bắp, đi lấy củi, đi chợ, đi chơi ngày hội bao giờ người ta cũng mang khèn đi theo. Tiếng khèn lúc ấy ấm áp, dịu ngọt bay xa, bay gần chan hòa với tiếng chim, tiếng gió; quấn lấy tiếng hát se lạnh nồng nàn trải rộng trên thảm nắng vàng mùa xuân của các cô gái, tạo thành hòa khúc trầm bổng yêu đời, yêu nương bản của mình.

II

Xí Gi được mời đi chữa bệnh nên vắng nhà luôn.

Lần ấy về, bố báo ngay cho chàng biết tin dữ: thuồng luồng đã bắt vợ chàng đi rồi!

Thương nhớ người vợ hiền hậu và xinh đẹp, bụng Xí Gi như có lửa đốt. Chàng muốn giết ngay thuồng luồng. Anh hỏi bố cách cứu vợ về.

Lìa Lư khuyên con:

– Con ơi! Chim diều muốn bay cao thì phải chăm vỗ cánh. Con chữa bệnh đã giỏi nhưng vẫn cần đi hết trời, hết đất tìm thầy học bắt ma thêm ba năm nữa. Phải học ba năm nghề thuốc, ba năm múa nhảy cho dẻo chân, khỏe tay. Trước khi trở về, đi học rèn sắt ba năm cho thành thạo.

Xí Gi yên lặng.

Người bố lại nói tiếp, mỗi lúc giọng càng xúc động hơn:

– Con ơi! Con đi như vậy là mất nhiều năm tháng. Con sẽ vất vả. Nhưng kẻ thù thực là loài ghê gớm, năm nào cũng đúng hẹn, nó tìm về ăn thịt bà con ta. Đau đớn lắm!

Ngẫm lời bố khuyên, nghĩ cảnh gia đình và thôn xóm sống trong mối đe dọa hiểm nghèo, Xí Gi nằm ba đêm, dậy ba sáng mà mắt vẫn trong veo, không chợp được một lúc.

Chàng đã quyết định.

Túi lương trên vai, dao rừng ngang bụng, theo lời người từng trải, chàng nhằm hướng núi đá đen đi tới. Đá núi không có dấu chân người, chỉ có mặt trời chiếu sáng cánh chim rừng và hoa dại. Chàng tự tìm đường, lần từng mỏm đá nhọn, leo cao dần theo vách núi dựng đứng. Đêm ập xuống. Chàng nhặt lá, bẻ cành cây làm ổ nằm gọn trong hốc đá. Leo thêm buổi nữa, chàng gặp ông già có nước da thắm hồng trên đỉnh đang ngồi trước túp lều nhỏ.

Nghe chuyện, ông già nhìn khách, nhìn trời, không đáp. Ông rủ Xí Gi lên nương bắp.

Một lần trăng qua, hai lần trăng qua...

Mỗi buổi đi nương, gieo trồng về chàng lại xuống khe xa cõng nước lên nấu nướng cùng người già ăn uống. Ông già là người làm nhiều, nói ít. Biết vậy Xí Gi càng cần mẫn và kiên nhẫn đợi chờ. Chẳng mấy chốc, ngô đã đâm lá, thân cứng dần và đeo bắp.

Buổi tối ấy, ngô đã bẻ hết, mùa thu hoạch đã xong. Sương mù phủ kín trời, kín núi, lùa cả hơi lạnh vào lều. Ăn uống rồi, đợi Xí Gi khơi bếp lửa thêm hồng, ông cụ kéo hơi thuốc dài khoái trá rồi

nhìn lửa, chậm rãi trò chuyên với chàng trai năm trước còn xa lạ, nay đã thành người thân thiết. Ông cụ nói một hồi, những lời như để dành trong bụng từ lâu:

– Con ở cùng ta vừa một mùa ngô chín. Ta ở núi này từ hồi ta bé bằng quả bí mới rụng hoa, tới nay cũng chỉ biết được vài cây lá quý chữa bệnh. Ta cho con để bù lại một phần công lao con đã giúp ta. Ta biết bụng con và hiểu lòng bố con. Ngày mai con phải lên đường tới núi đá trắng. Ở đó có người già hiểu thuốc hơn ta.

Ông cụ lấy trên gác bếp hai gói hạt giống trao cho Xí Gi, dặn cách gieo trồng và chỉ bảo cặn kẽ cách dùng thuốc.

Xí Gi bồi hồi cảm động nhận quà và hôm sau từ biệt ông già khỏe mạnh, lên đường từ lúc núi còn vùi đầu trong sương, mặt trời còn ngủ kĩ sau núi.

Tới đoạn dốc hiểm, đang lúc hai tay bám chặt mỏm đá nhọn để tụt xuống chợt Xí Gi giật thót người. Có con rắn lớn toàn thân trắng toát không rõ từ đâu lao tới, mổ mạnh vào cánh tay chàng. Chàng nhức buốt và hai tay rời khỏi đá...chàng ngã vật xuống hốc đá, không sao đứng lên được, hình như một ống chân bị gãy, chàng đau tê tái.

Nhớ tới thuốc quý, chàng lần mở một gói ra nhai vài hạt và đắp vào chỗ rắn cắn, vết răng rắn ăn sâu vào thịt, chỗ bị thương đã tấy lên, tím bầm. Chàng mở gói kia, nhấm vài hạt và đắp vào chân.

Xí Gi mệt mỏi thiếp đi.

Nắng ấm áp đánh thức Xí Gi dậy.

Chàng trai tỉnh giấc sau lúc mê man không rõ bao lâu. Nhìn tay, thì lạ thay, vết thương đã lặn. Chàng thử nhổm dậy. Thật kì diệu, chân cũng không còn nhức nhối! Chàng đứng thẳng được. Chàng vươn vai thấy trong người khoan khoái như chưa hề đau ốm bao giờ. Xí Gi hiểu thêm rằng thuốc quý vừa chữa bệnh lại vừa là thuốc bổ lấy lại sức.

Núi đá trắng cách núi đá đen ba ngày đường, ở đây cũng không thấy dấu chân người. Vách đá lấp lánh dưới ánh nắng ban mai làm lóa mắt chàng. Xí Gi hăm hở bám núi leo lên, từng mỏm đá một cho tới đỉnh núi thì gặp một ông cụ già cuốc đất trồng ngô, anh dồn sức ra làm việc như những ngày ở núi đá đen.

Cuối năm ấy ông già tặng anh ba gói hạt giống cây thuốc quý và khuyên anh tìm đường tới đỉnh núi đá xanh. Ở đó có ông cụ sống lâu năm hơn và có tới bốn giống thuốc quý. Xí Gi cất gói quà tặng và xuống núi tiếp tục con đường của mình.

Đức kiên trì của Xí Gi đã thành thói quen. Trời quay đi, trời quay lại, chẳng mấy chốc ngô đã chín vàng. Mùa đông đến, một năm đã trôi qua.

Người già đỉnh núi đá xanh tặng chàng bốn gói hạt thuốc và nói: "Thế là cháu đã thu hết vốn quý ở mặt đất. Người Mông, người Dao, mọi người ở núi có thể sống sung sướng rồi! Có thuốc này, lại có tài và lòng thương bà con của cháu thì người thường không lo ốm, người ốm không lo chết nữa! Ma bệnh cũng phải sợ cháu, thua cháu"!

Ba năm học thuốc đã xong.

Chàng tìm tới khu rừng già không tên có gốc cây tám người ôm, tìm thầy học võ và lên núi đá đỏ học nghề rèn sắt.

Xí Gi cứ mải miết như thế đi tìm học hỏi người tài các nơi, không chút nao núng trước mưa lũ, rừng già, thú dữ. Ngày đêm chàng vẫn nhớ kẻ thù. Ngày đêm chàng lo lắng học tập, đinh ninh trong dạ lời khuyên của bố và người già từng trải ở núi quê.

Mười hai năm trôi qua, thấy lâu mà cũng không lâu.

Mưa nguồn, sương tuyết và vách đá hiểm hóc, rừng già huyền bí, đường dài vô định... đã làm cho bắp thịt chàng săn lại, cơ thể chàng cương cường. Thời gian dằng dặc đã hun đúc chí khí và trái tim Xí Gi.

Tất cả, núi và rừng, dã thú và thời tiết, vừa câm lặng vừa ồn ào, vừa khổng lồ vừa bí mật, rất xa lạ mà rất phũ phàng đã bao vây, thử thách con người và cuối cùng đã thừa nhận chàng là người dạn dày, kiên nghị.

Núi sừng sững trang nghiêm chào khi thấy chàng đi tới. Rừng cây vươn cành lá đón mời và tiễn đưa lúc chàng đi qua. Thú dữ lảng tránh Xí Gi. Và nắng đuổi sương tuyết, sưởi ấm chàng trên đường dài...

Mười hai năm trôi qua, những người thầy ở rải rác khắp nơi– như ở tận cuối trời, cuối đất– cảm kích chí hướng và đức độ của Xí Gi, đã mỗi người một nghề dạy dỗ chàng nên người tháo vát, giỏi giang.

Lòng Xí Gi đau đáu nỗi nhớ quê.

Vẫn túi nương trên vai, dao rừng ngang bụng, chàng băm hở không kể ngày đêm vượt các đỉnh núi cheo leo (nay đã thành quen thuộc) trở về.

Chưa yên chuyện cũ, gia đình chàng lại gặp tai nạn mới.

Con thuồng luồng đói ăn đã về bắt cả người mẹ thương yêu của chàng đi rồi. Nước mắt bố chảy nhiều, mắt bố sưng, bụng bố buồn, chân không muốn bước đi nương, đi củi. Bố nói cho con rõ luồng sẽ còn đến và nó vẫn ăn hại người vùng này. Người xóm núi ta vắng nhiều rồi.

Xí Gi bàn:

– Nó về lần này muốn bắt con đây, bố vào xóm tìm cho con ba sáu cân sắt, ba sáu cân than, một cái bễ rèn rồi bọc cả vào địu cho con.

Xí Gi có đủ mọi thứ thì cũng vừa lúc thuồng luồng bò đến đòi thịt người.

Ông cụ bảo luồng:

– Tôi vừa sinh đứa con. Nó còn bé, tôi thương nó lắm, nếu luồng muốn ăn thịt thì đừng nhai. Luồng há mồm ra, tôi sẽ ném nó vào miệng, luồng nuốt luôn được không?

– Cứ vào bụng ta là được!

Luồng hám ăn, nói xong há mồm ngay đợi con mồi.

Ông cụ lao cả Xí Gi (cùng cái địu buộc chặt sau lưng) vào miệng luồng. Vào tới bụng con quái vật, chàng mới nhấc địu ra lấy than, lấy sắt, đặt ống bễ và cứ thế thổi lửa, rèn sắt, đánh lưỡi dao thật nặng, thật sắc. Than rực hồng. Thuồng luồng đột nhiên thấy nóng, hình như có ai cào cấu trong bụng. Đau lắm, nhưng nó vẫn cố trườn tới nhà.

Nó nhăn nhó bảo vợ: Có khi tao ăn phải Xí Gi rồi! Chỉ Xí Gi mới làm nổi ta đau thôi!

Bỗng luồng nghe rõ tiếng từ trong bụng mình ra:

– Đúng Xí Gi đây, mày phải chết.

– Nóng quá, rát quá! – Luồng kêu thảm thiết.

– Mày phải chết!

– Ra đi! Tim gan tao cháy hết rồi, đau quá! – Luồng rên la, hơi thở ngắn dần.

Xí Gi chống mồm luồng, chui ra và hẹn rằng nếu luồng còn quấy nhiễu người nữa thì sẽ không tha tội chết. Vợ Xí Gi bị luồng bắt làm người hầu, trông thật tiều tụy. Chàng lại biết tin mẹ đã chết! Còn con luồng tai ác được tha chết đã chuồn mất...

Ba năm trôi qua, mọi nơi yên ổn.

Xí Gi lại đi chữa bệnh nơi xa. Chợt chàng lại nghe người ta nhảo nhác bàn tán chuyện luồng về vùng đó ăn thịt người. Tiếng khóc não nề từ gia đình phải nộp người cho luồng làm chàng đứng không yên, ngồi không nổi. Xí Gi bày mưu với gia đình: chàng bảo họ gói than riêng, sắt riêng và chùm chăn bọc Xí Gi làm một bọc. Luồng sung sướng nuốt chửng cả ba gói và yên chí được ăn ba đứa trẻ. Xí Gi lại nổi lửa. Luồng quằn quại kêu la. Xí Gi cứ thản nhiên thổi bễ, rèn xong ba sáu cân sắt thành cái xích dài, rồi mới lấy bễ lò chống miệng luồng, chui ra như ba năm trước.

Chàng xích luồng lại và buộc con quái vật xuống vực sâu.

III

Nhiều mùa xuân đến, nhiều mùa xuân đi...

Các cô gái trong xóm bản ca hát, các chàng trai trong xóm bản múa khèn mỗi dịp xuân về. Tai nạn qua khỏi, người ta quên dần chuyện luồng ăn thịt người.

Nhưng xích sắt lâu năm gỉ đứt, luồng xổng ra, lại chứng nào tật ấy, gây tai họa lớn cho người. Chưa quên thù oán Xí Gi, quái vật lừa lúc chàng đi vắng, sục tới bắt vợ chàng đi. Lần này nó về trời ở, tin rằng Xí Gi khó tìm được.

Có người báo chuyện chẳng lành. Xí Gi vội vã tìm đường lên trời ngay. Vợ chồng luồng đi vắng. Thấy ổ trứng luồng, chàng dẫm nát vụn. Nhưng vợ Xí Gi kể cho chồng biết rằng quái vật có cây

thuốc quý trồng ngay trong vườn nhà. Thuốc này đắp ủ lên trứng, trứng vỡ lại liền như cũ. Thuốc có thể cứu sống người.

Nghe vậy Xí Gi rất đỗi kinh ngạc "Ố! Sao mà có thứ thuốc cứu người chết rồi sống lại được?", chàng lẩm bẩm, thật là chuyện lạ chưa nghe ai nói. Chính giống thuốc chàng kiếm được trong ba năm đã là rất hiếm, nhưng so sao được với loại cây này? Chàng vội vàng giục vợ cùng ra thăm vườn có cây thuốc quý. Chàng ngắm nghía cái cây kì diệu không lơi con mắt. Chàng nghiêng nghé, vuốt ve từng chiếc lá mảnh. Có cây quý này, quê núi sẽ bớt tiếng khóc sầu não. Người quê núi đông thêm và tươi vui như hoa rừng. Lòng Xí Gi háo hức và nhân lúc kẻ thù vắng nhà, chàng cùng vợ bứng luôn cây lạ đem về cho người mặt đất.

Thầy cúng Xí Gi hả dạ bao nhiêu thì luồng đau đớn bấy nhiêu. Nó kêu với Dư Nhung (vua trời). Dư Nhung quý thuồng luồng, liền vờ ốm nặng, cho quân đi gọi thầy thuốc Xí Gi lên chữa. Vua sai làm thịt gà lông vàng cho thầy cúng ăn. Đó là đứa con thứ tư của chàng.

Nhớ lại hồi đứa con cả bị vua bắt, chàng nói:

– Gà lông vàng cúng không tốt đâu!

Dư Nhung thả gà vàng, sai bắt gà lông trắng. Đó là con thứ ba của Xí Gi.

Chàng lại nói: – Gà trắng lông cúng không tốt đâu!

Dư Nhung thả gà trắng, sai bắt gà lông đen. Đó là con thứ hai của Xí Gi. Biết trời lòng không tốt, cố ý hại mình như lần chữa bệnh trước, thầy thuốc liền yên lặng định bụng sẽ không đụng tới một miếng thịt, không húp một hớp canh (chàng tin rằng như vậy sẽ cứu sống được con).

Nhưng lúc hương vị rượu thịt tỏa ra ngào ngạt, thầy cúng cúng mệt, say sưa, quên mọi điều kiêng. Chàng húp một thìa rồi hai thìa canh, mới sực nhớ ra là mình đã lầm lẫn.

Dư Nhung khỏi bệnh, cho thầy cúng một con bò. Ba con trai của trời cũng một bụng với luồng, liền hóa thành ba con chim diều hâu to lớn sà xuống đánh thầy thuốc suốt dọc đường về. Xí Gi vừa dắt bò vừa tránh đỡ diều hâu, mệt nhoài, loạng choạng, sa hố. Ba

chim diều hóa thành mèo, chuột, kiến ngồi đợi trên miệng hố. Lát lâu sau, có chú kiến gió từ dưới lên. Chuột thấy bắt xem.

Mèo nghi ngờ chàng Xí Gi hóa phép.

Nhưng chuột lắc đầu không tin rằng thầy cúng lại có thể hóa thành con vật nhỏ đến thế.

Kiến gió được tha, bò đi.

Đợi mãi, mèo vươn vai, nhìn ra phía sau, bỗng kêu lên "kìa, Xí Gi nó đang dắt bò về nhà, tới chân núi rồi!".

Ba đứa cãi nhau chán rồi quay về trời.

Xí Gi vừa mất con, vừa ê ẩm người, lại suýt chết hụt, giận lắm, nghĩ cách trả thù lũ con trời độc ác, nhà trời vô ơn.

Chàng hóa thành cô gái đẹp lên trời chơi. Cô gái không gặp lũ trai ở nhà, liền nói với mẹ chúng:

– Tôi là cô gái nghèo hèn nhưng lại muốn lấy con vua trời...

– Sao trông cháu giống Xí Gi, mụ vợ trời bất chợt hỏi.

Cô gái lắc đầu.

Ba đứa con trai Dư Nhung đi chơi về, thấy gái đẹp liền sà tới. Đứa nào cũng muốn lấy cô làm vợ.

Cô gái nói:

– Tôi chỉ lấy một chồng. Chúng ta sẽ thử tài nhau hai lần. Bây giờ tôi đi vào buồng, ba anh mang ba ghế ra, tôi ngồi vào ghế nào thì tôi sẽ lấy người ấy.

Cô ngồi ghế đứa út.

Cô nói tiếp: – Đến lượt các anh vào buồng tôi. Trong buồng cũng có ba cái ghế. Nếu anh nào ngồi đúng ghế của tôi thì được làm chồng tôi.

Ba đứa tranh nhau đoán, rồi mỗi đứa ngồi vào một ghế. Nhanh như mèo, cô gái vác dao xông thẳng tới chỗ chúng ngồi. Lũ con vua hoảng hốt định chạy nhưng không sao đứng lên được nữa. Chúng đã dính chặt vào ghế. Ghế như chôn chân xuống đất rồi. Cô gái hiện nguyên hình Xí Gi, chém chết cả lũ rồi bỏ về.

Dư Nhung đích thân xuống trần gặp Xí Gi, mặt hầm hầm nổi giận.

Nhưng Xí Gi tươi cười mời mọc:

– Này có ngô rang đây vua ăn đi!

Nói rồi, chàng cứ nhặt sắt rang nóng trong chảo cho vào mồm nhai, nuốt... Hàm dưới mồm Xí Gi có lỗ thủng, sắt vào mồm tới đâu, rơi ra ngoài tới đấy. Nhưng Dư Nhung không hay biết nên kinh ngạc, sợ hãi, không dám gây sự gì nữa.

Trời đứng dậy ra về và hẹn:

– Được, mai tao đến, chúng ta thử xem răng của ai sắc...

Xí Gi đánh hai con dao nhỏ, sắc như dao cạo tóc, với một cái kéo nhỏ, mũi vừa dài vừa nhọn, cầm sẵn trong tay. Còn dao, chàng sẽ ngậm vào mồm.

Hôm sau, đúng hẹn, họ thử răng nhau.

Vua trời thò tay vào mồm Xí Gi, ngón tay bị cứa đứt, Dư nhung đau buốt vẫn phải gật đầu khen răng thầy thuốc sắc.

Đến lượt thử răng Dư Nhung, Xí Gi cầm kéo cắt đứt lưỡi đối phương. Vua đau quá, nằm vật ra, không còn biết trời đâu, đất đâu nữa!

Hôm sau vua mới tỉnh, thất thểu ra về, nhưng cũng không quên hẹn lại, giọng ngọng líu: – Mai tao đến, thử xem da bụng ai dầy!

Xí Gi thịt ngay con bò trời cho dạo trước, lột lấy bộ da cắt chín miếng to, buộc chồng chín lần lên bụng.

Móng tay Dư Nhung quả là rất sắc. Vua cấu một cái, cả chín lần da bò thủng hết. Da bụng Xí Gi vẫn chưa bị xước mảy may! Xí Gi cầm kéo đâm thủng bụng, cắt đứt ruột vua trời, vua ôm bụng vội chạy tháo về trời. Thầy thuốc Xí Gi toàn thắng.

Vua trời đau nặng, cho gọi ba thầy cúng tới chữa bệnh. Ba ông thầy vốn là học trò của Xí Gi, rẽ vào nhà thầy học thăm hỏi và nghỉ ngơi.

Xí Gi buồn rầu nói:

– Chữa bệnh làm gì. Ta chữa cho người mà con ta chết, ta cứu không được. Trời lại vô ơn, hại con ta nữa. Bỏ nghề thuốc thôi.

Ba thầy thuốc nghe lời không lên trời mà đổ cả ba địu thuốc đi. Những hạt giống cây thuốc gặp đất ẩm, nẩy mầm ở khắp nơi, như cỏ rừng vậy.

(Bây giờ người già vẫn chỉ lên rừng cây nói với nhau: Cây là thuốc, thuốc là cây. Ai biết thì cây nào cũng là thuốc, ai không biết thì cây nào cũng là cỏ thôi!).

IV

Việc đánh nhau với thuồng luồng chưa dứt, vì ác thú vẫn thèm thịt người. Mối hằn thù với luồng vẫn còn, vì người vẫn phải nộp mạng cho luồng. Không biết lần thứ mấy nữa, luồng lại bắt được vợ Xí Gi về làm người hầu. Chàng lại phải lên đường tìm diệt kẻ thù. Đường đi qua xóm người Dao. Người Mông, người Dao như anh em con một nhà, cùng chung quê núi. Xí Gi nghỉ nhà người Dao như nghỉ nhà người cùng dòng họ. Nhà này chỉ có hai vợ chồng, không khí buồn tẻ, vợ ốm, người chồng nhờ chàng cúng và tìm cây thuốc chữa giúp. Họ thịt gà béo, đem rượu thơm mời thầy cúng ăn, nhưng chàng chối từ.

Chàng thăm hỏi:

– Sao ông bà đã già mà không có con?

Vợ chồng chủ nhà lau nước mắt, cùng nói:

– Có đấy, nhưng luồng về ăn thịt hết rồi!

– Tôi đi tìm luồng đây, tôi đi trừ quái vật trả thù cho ông bà.

Ba mươi sáu ngày tới trời, đúng lúc kẻ thù vắng nhà.

Vợ chàng kể cho chàng nghe nỗi khổ vì sợ hãi trước tính man rợ của thuồng luồng. Người vợ trách chồng sao lâu ngày mới tới. Người đàn bà kể tiếp: Ngày nào nó cũng đi bắt trẻ con về, phải làm thịt cho nó ăn.

Xí Gi bình tĩnh bảo vợ:

– Nấu cơm ăn đi, tôi đã có cách.

Vừa lúc ấy, bên ngoài có tiếng động. Luồng về. Vợ vội giấu chồng một nơi. Xí Gi thấy quái vật tha ba đứa trẻ về và đúng như lời vợ nói, luồng sai vợ chàng làm thịt các em cho nó ăn.

Xí Gi nằm ẩn ngoài hiên sau nhà. Cảnh ăn thịt người ghê rợn làm chàng không sao nhắm mắt.

Sáng hôm sau, luồng bò đi kiếm ăn như thường lệ. Xí Gi lên rừng chặt tre làm chín cái cung, vót ba ống tên rồi về nấp một chỗ kín đáo rình kẻ thù.

Tối, luồng lại mang trẻ con về. Nó vứt ba em bé trước mặt người đàn bà, nói "Béo đấy chứ! Mấy đứa này ăn còn ngon hơn mấy đứa hôm qua. Thôi xào ba con chuột này đi!"

Người đàn bà run rẩy, len lét làm xong, bỏ đi tước lanh. Xí Gi giương cung ngắm luồng, buông tên. Tên bắn rất trúng, nhưng không đâm thủng da luồng. Luồng vừa nhồm nhoàm ăn vừa phàn nàn:

– Vậy! Tối nay ai bắn tao? Nhà có trộm!

– Không, lanh tôi tước, nó vung vào đấy. – Người đàn bà trí trá đáp.

Xí Gi bắn phát thứ hai. Luồng bảo vợ chàng tắt lửa, đi ngủ. Xí Gi đành gác cung, nghỉ sau nhà như đêm trước.

Hôm sau, đợi luồng đi rồi, vợ chàng mới nói cho chàng rõ rằng cung tre nhẹ quá. Chị dẫn chồng vào góc hang xem cung của luồng. Chắc chỉ có cung của luồng mới trừ được luồng thôi. Xí Gi vào xem thử, nhưng sức chàng yếu quá, không sao nhấc nổi. Vợ nấu ba mươi cân bột đồng, ba mươi cân bột sắt để chồng ăn.

Quả nhiên ăn sắt, ăn đồng, Xí Gi thấy người mình đổi khác. Bắp thịt cuồn cuộn đầy tay, đầy chân và cũng rắn như đồng, như sắt. Chân chàng bước đi lún mặt đất, chàng vác cung của luồng như vác cung tre. Nhưng vẫn chưa giương nổi dây. Chàng lại ăn tiếp ba mươi cân bột sắt ba mươi cân bột đồng nữa. Lần này thì Xí Gi như người sắt, người đồng. Chàng bật dây cung của luồng như tay vợ quay sợi.

Xí Gi nghỉ ngơi, lấy sức đợi kẻ thù về.

Buổi ấy như thường lệ, luồng ăn xong nằm dài nghỉ ngơi. Bỗng nó quằn quại kêu lên, chưa bao giờ nó đau như thế. Luồng đã bị trúng tên độc. Không để quái vật kịp cựa quậy, Xí Gi bắn luôn phát nữa, rồi phát nữa tiếp theo liền liền. Tên trúng sọ ác thú, nó chết tức khắc.

Vợ chồng Xí Gi sung sướng quá, đưa nhau về. Nhưng vì quá vội, giữa đường người vợ chợt nhớ là quên đôi xà cạp, đành phải

quay lại lấy. Xí Gi dặn vợ cố đi nhanh. Nhưng tiếng chàng oang oang, vẳng tới tai Dư Nhung, trời liền mở cửa nhìn xem.

Vua thấy xác Luồng nằm dài, dòng máu đen đặc từ đầu ác thú chảy ra. Lại thấy vợ Xí Gi loanh quanh trong nhà mình, liền bí mật sai lính bắt giấu đi.

Đợi lâu, Xí Gi quay lại, tìm mãi chẳng thấy vợ đâu. Tức giận, chàng chặt đầu Luồng, làm tên bắn chơi cho hả giận. Một viên đá trong trẻo, óng ánh từ cổ luồng lăn ra, chàng mang về. Đó là viên ngọc quý. Ngọc để trong thùng gạo, lúc nào gạo cũng đầy.

Xí Gi ăn không hết, phải bán gạo cho người Hán. Gạo bán hết lại tự nhiên đầy. Người Hán biết chuyện, lạ lắm, liền xúc gạo từ đáy thùng lên định đánh cắp viên ngọc quý. Xí Gi đoán biết, ngậm ngọc vào mồm.

Nhưng từ hôm ngậm ngọc, chàng thấy trong người như đổi khác. Lúc nào chàng cũng khát nước. Bao nhiêu cũng không đủ thèm. Đến nỗi chàng phải ra suối uống. Nước suối cạn vì cơn khát của chàng. Ra sông uống, sông vơi nước mà Xí Gi vẫn chẳng hết khát.

Xí Gi không biết điều nguy hiểm của viên ngọc là nó sẽ biến bất cứ ai ngậm nó thành thuồng luồng.

Xí Gi vẫn ngậm ngọc, cứ uống mãi nước và dần dần hóa thành thuồng luồng lúc nào chính chàng cũng không rõ nữa.

Người già kể rằng, thuồng luồng bò xuống nước ở và dùng tài hút nước của mình chuyển nước lên trời làm mưa xuống cho người trần trồng trọt. Bởi vì trước kia, còn là người, Xí Gi có nói, dù chàng là người hay đổi làm giống khác, chàng cũng quyết không làm hại con người.

Vàng Chúng Xếnh, Hầu Xia Phủng
Sùng Dúng Mì *kể*

SỰ TÍCH CHIẾC KÈN MÔI

Trên ngọn núi cao nọ, có một cái hang lớn. Trong hang có một con quỷ dữ. Ngày nào con quỷ cũng thịt bò thịt ngựa lấy máu làm rượu uống, lấy thịt làm thức nhắm.

Khi hết ngựa hết bò, nó lại xuống các bản quanh vùng, bắt trâu bò ngựa về ăn. Dân bản quanh vùng căm tức con quỷ lắm, nhưng không ai dám chống lại. Thấy chúng mọi người đều bỏ chạy.

Một hôm, một nàng công chúa, con độc nhất của vua Mông vào rừng chơi. Cô đang mải mê hái bông hoa đẹp thì quỷ dữ đã đến sau lưng. Hắn nheo mắt ngắm nàng và cười khà khà:

– Nàng đẹp lắm! Ta sẽ bắt nàng về làm người hầu ta.

Nói xong hắn liền tung tà áo. Tà áo hắn như có cánh, bay vù đến nàng công chúa và chụp lấy nàng. Quỷ thổi phù một cái, áo cuốn nàng công chúa bay về hang...

Công chúa mê đi. Lúc tỉnh dậy, nàng đã thấy mình ở hang quỷ. Chợt nhìn xuống chân, nàng thấy sợi dây buộc cổ chân từ lúc nào rồi.

Quỷ bắt công chúa hầu hạ nó. Ngày ngày, nàng phải xuống suối dưới chân núi vác nước về cho quỷ tắm rửa. Nàng buồn rầu và nhớ nhà lắm, nhưng không làm cách nào trốn được, vì hễ động mạnh một cái là sợi dây thần lại báo cho quỷ biết ngay.

Một buổi sáng kia, nàng xuống suối vác nước, thấy một con cá đẹp đang lội tung tăng trước mắt. Thỉnh thoảng, cá lại ngoi lên mặt nước, nhìn nàng bằng đôi mắt óng ánh. Công chúa nhìn con cá tung tăng vui sướng, nghĩ phận mình cực khổ, nàng cất tiếng than:

Cá buồn cá lội tung tăng
Ta buồn ta biết ngỏ cùng ai đây?
Quanh ta trời thẳm đất dầy,
Tấm thân tù tội biết ngày nào vui!...

Nghe lời than của nàng, con cá bỗng nổi lên và hóa thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Chàng trai bước lên bờ, đến bên nàng và nói:

– Ta là con trai vua Thủy Tề. Nghe tin nàng bị quỷ dữ bắt giam, ta vội lên đây để cứu nàng.

Chàng trai vội cõng công chúa trên lưng và băng rừng chạy trốn. Trong lúc vội vã, nàng quên mất sợi dây thần đang buộc chân. Thấy động, sợi dây báo cho quỷ biết. Quỷ tức giận, gầm lên vang động như sấm rền và lấy kính thần ra soi. Chàng trai cõng công chúa đi một lúc thì bị sợi dây thần níu lại. Biết không thể đi xa

được trong lúc này, chàng liền phù phép biến nàng thành một bông hoa, còn chàng thành cành lá che chở cho nàng. Biết mưu kế của chàng trai, quỷ liền hóa phép thành một đàn ong ào ào bay tới đốt. Cành lá bị ong châm, lá rụng, lá lại thành chàng trai, còn hoa bị ong châm lại thành nàng công chúa. Quỷ nắm dây thần lôi công chúa về. May chàng trốn được. Chàng đi lang thang, lòng buồn rầu. Bỗng tiên ông hiện ra cho chàng một con dao, một chiếc lá, rồi ân cần dặn chàng:

– Khi nào con muốn nói gì với vợ con, con hãy để chiếc lá này vào miệng mà nói, vợ của con sẽ nghe tiếng.

Tiên ông lại hiện đến chỗ nàng công chúa, cho nàng chiếc lá và bảo:

– Khi nào con muốn nói gì với chồng con, con cứ để chiếc lá này vào miệng mà nói, chồng con sẽ nghe thấy.

Nói rồi, tiên ông biến mất. Công chúa có chiếc lá nên nàng đã nói với chàng tất cả nỗi đau khổ của nàng và mong chàng mau trở lại cứu nàng.

Lần này, hai người lại hẹn gặp nhau ở bờ suối. Nhờ có dao của ông tiên cho, chàng chém đứt dây thần và cõng nàng chạy trốn. Dây thần bị đứt, báo ngay với quỷ. Quỷ liền đuổi theo. Hai người vừa chạy đến bờ con sông lớn thì đã thấy bóng quỷ thấp thoáng đằng sau.

Thấy vậy, chàng liền quay ra bờ sông, lấy tay vỗ nước và gọi:

– Hỡi đàn cá lớn cá nhỏ! Hỡi cá chép cá chầy! Hãy đưa ta qua sông!

Vừa dứt lời, chàng đã thấy một con cá lớn rẽ sông lội vào và đưa hai người qua sông. Quỷ đuổi đến bờ sông liền cởi áo khoác tung lên trời. Tấm áo bay, đưa quỷ vượt qua sông rộng. Hai người đến một ngọn núi rất cao thì tiên ông đã cho một con chim lớn bay đến đưa hai người vượt qua ngọn núi. Quỷ đuổi đến ngọn núi cũng tung áo lên và áo đưa quỷ qua núi. Khi đuổi gần kịp hai người, quỷ liền dừng lại, thổi phù một cái, tấm áo bay vù vù và chụp luôn lên đầu hai người và cuốn chặt lấy. Bắt được rồi, quỷ đánh chàng trai chết và bắt công chúa về. Cái chết oan trái của chàng đến tai

tiên ông. Tiên liền phù phép cho chàng sống lại, và cho chàng một thanh kiếm, một chiếc nỏ, rồi bảo chàng:

– Lần này, con hãy cõng vợ chạy vào rừng chuối...

Chàng liền để chiếc lá vào mồm và hẹn vợ ra suối để cùng trốn. Yên chí chàng đã chết, quỷ lại cho nàng đi vác nước dưới suối. Chàng liền dùng kiếm cắt dây thần và cõng nàng chạy vào rừng chuối. Quỷ biết, đuổi theo. Chàng vừa chạy vừa chặt chuối chặn đường quỷ. Vướng chuối, quỷ trượt chân, ngã. Nó liền hóa ra sấm chớp, thổi mây đen tối mịt để không cho chàng chạy. Chàng liền giương nỏ bắn tan những đám mây. Quỷ liền hóa ra lửa đốt hai người. Chàng liền phun nước dập tắt. Cuối cùng, quỷ tung áo lên để bắt chàng. Thấy áo quỷ đang bay, chàng giương nỏ bắn rách nát áo. Quỷ hết phép. Chàng kết liễu đời nó bằng một nhát kiếm.

Chàng đưa vợ về cung vua. Vua cha thấy thế mừng rỡ, làm lễ cưới cho hai người và phong chàng làm phò mã.

Từ đó, mỗi khi vui chơi, chàng lại mang chiếc kèn môi ra thổi, để nhớ lại những kỉ niệm xưa. Dân bản Mông cảm phục gương anh dũng của chàng nên cũng làm kèn môi để thổi. Và cứ mỗi đôi thanh niên nam nữ yêu nhau, họ lại dùng kèn môi. Tiếng kèn môi thủ thỉ tâm tình.

Như Sơn *(sưu tầm)*

CÁI TRỐNG VÀ CÂY KHÈN

Xưa, có hai bố con người Mông ở làng kia, tuy quần quật làm ăn quanh năm suốt tháng không dám nghỉ tay nhưng rốt cuộc đời vẫn cứ đói khổ.

Hai bố con rất căm ghét bọn nhà giàu, vì mỗi khi khai phá được mảnh nương tốt, là bọn chúng như chó sói thấy gà, như gấu thấy mật ong, sớm muộn cũng tìm cách cướp cho kì được.

Một hôm, hai bố con nhịn đói suốt mấy hôm liền, mặc dù không đến gần bọn nhà giàu, ông bố cũng đành phải đến một tên ở trong làng để vay một ít ngô về ăn tạm. Tên nhà giàu buộc ông phải trả lãi gấp đôi, ông cũng vẫn phải nhận.

Đến mùa thu ngô vì toàn nương xấu nên thu hoạch của ông rất kém. Hai bố con chỉ trả được vốn cho tên nhà giàu, còn lãi thì không trả nổi. Tên nhà giàu bằng lòng cho chịu lại, nhưng bắt là mùa tới phải trả lãi gấp đôi. Và tên nhà giàu còn buộc ông bố phải thề độc là: nếu sống không trả được hết nợ thì chết phải đầu thai trở lại làm con bò hoa để trả nợ nó.

Mùa này sang mùa khác, hai bố con lại phải luôn đi phục dịch tên chủ nợ, nương rẫy ngày càng hết màu mỡ, việc làm thì lại thất thường, nên "lãi mẹ đẻ lãi con" nợ nần ngày càng chồng chất nhiều thêm. Cuối cùng, ông bố bị chết đói, nhưng nợ vẫn không trả nổi. Và theo lời thề, khi chết hồn ông bố phải đầu thai làm con bò để kéo cày trả cho hết nợ cho tên nhà giàu.

Sau khi ông bố chết, người con nhớ thương, thường ra ngồi ở khóm trúc khóc lóc thở than. Thỉnh thoảng, anh lại lấy dao chặt trúc làm khèn thổi chơi cho đỡ buồn.

Dần dà, anh thấy những cây trúc khác nhau thổi ra nhiều âm thanh khác nhau. Và khi ghép nhiều đoạn trúc lại thổi một lần thì phát ra một hòa âm có nhiều giọng trầm bổng khác nhau nghe rất lí thú. Từ đó, anh dần dần chế ra cây khèn đầu tiên của người Mèo.

Nhờ có cây khèn làm bạn, nên những buổi chiều tàn, nhớ đến ông bố thân yêu, hoặc những lúc sang nhà tên chủ nợ thăm con bò hoa mà anh tin là bố anh đầu thai theo lời thề cũ, anh thường mang theo cây khèn. Anh thổi lên giọng trầm bổng ai oán não nùng và hát lên những tiếng nguyền rủa bọn nhà giàu tàn ác.

Khi tên nhà giàu chết, con cháu nó lại bắt con bò hoa mổ cúng và lấy da bịt trống đánh làm ma.

Người con thấy bò hoa chết, cũng buồn rầu chết theo.

Từ đấy, người Mông mới học theo cách làm khèn của người con để thổi lúc làm ma hoặc khi có những cuộc hội hè vui chơi.

Cũng do sự tích này nên mỗi khi có đám ma hoặc cúng ma, thì tiếng trống phải đánh lên trước, rồi tiếng khèn mới thổi lên sau, để hòa với tiếng trống. Đồng thời lúc nào khèn cũng thổi và múa quanh trống, không bao giờ rời nhau.

Người Mông hiện nay mỗi lần làm ma hay cúng ma đều phải có đủ khèn và trống. Thiếu một trong hai nhạc cụ ấy thì không bao giờ họ sử dụng.

Như Sơn *(sưu tầm)*

BỨC TRANH THÊU

Chẳng mấy khi được trời cho xuống chơi dưới trần gian nên các bầy tiên, sau khi đi khắp đó đây ngắm phong cảnh non xanh nước biếc rồi, liền rủ nhau bay về con suối trong vắt chảy quanh một bản Mông nọ để tắm. Đang nô đùa vui chơi, sực nhớ là đã đến lúc phải về trời, thế là cô nọ vội giục cô kia, tất cả cùng cất cánh bay nhanh, trông xa như một đám mây trắng. Bầy tiên đang bay qua bản thì bỗng nhiên cả bầy sửng sốt: một bức thêu rất đẹp đang cuốn bay theo các nàng. Một cô lượn cuối bầy liền quay lại đón lấy bức thêu và gọi chị em khác cùng xem. Cô nào cũng trầm trồ khen ngợi. Chưa bao giờ các cô được thấy một bức thêu đẹp đến thế. Phong cảnh trong bức thêu đẹp gấp vạn lần phong cảnh trên trời.

Người đã thêu bức thêu tuyệt vời kia là ai? Chính là một cô gái Mông trong bản. Cha mẹ cô chết sớm, chỉ còn người em trai cuối cùng ở với cô. Sáng đến, chiều đi, cô miệt mài với đường kim mũi chỉ. Cô thêu chim đẹp hơn chim thật, cô thêu bướm đẹp hơn bướm thật, cô thêu hoa rực rỡ hơn hoa thật. Còn người em thì tính tình ngoan ngoãn, hay làm. Ngày ngày, chàng lên rừng làm nương tra thóc tra ngô nuôi chị. Chàng rất thương chị, chẳng muốn chị phải làm một việc gì khác, chỉ muốn chị cứ thêu thật nhiều những bức thêu đẹp mà thôi.

Trưa hôm ấy, chàng đi nương về, thấy chị đang ngồi khóc thảm thiết. Lo lắng, chàng gạn hỏi:

– Có điều gì mà chị khóc, nói cho em biết với!

Người chị liền kể:

– Chị thêu xong bức thêu, chị mang ra phơi ở ngoài sân, đến khi ra lấy thì chẳng còn nữa.

Nói rồi, người chị lại khóc lóc thảm thiết.

Suy nghĩ hồi lâu, chàng bảo chị:

– Chị ạ, chị đừng khóc nữa, nhất định em sẽ tìm bằng được cho chị bức thêu, dù có phải đi đến cùng trời cuối đất.

Nói xong, người em tức tốc đi hỏi bà con trong bản. Một cụ già ở gần nhà, nghe chàng kể sự tình, sực nhớ ra:

– A, phải, thế thì sáng nay già thấy một bầy tiên đông lắm, bay qua đây, và lại thấy có cái gì như mảnh vải lấp lánh trong nắng, một cô tiên tách khỏi bầy quay lại nhặt lấy. Thôi, có lẽ là bức thêu của cháu rồi!

– Thế ạ!

Chàng ngạc nhiên và quay về kể lại với chị. Nghe em kể, người chị càng buồn. Đó là bức thêu mà nàng đã bỏ ra biết bao nhiêu công sức, bây giờ chẳng còn cách nào lấy lại được nữa rồi. Nghĩ vậy, người chị lại khóc.

Thương chị, người em chẳng biết làm sao. Nhìn lên trời, chỉ thấy trời xanh cao thăm thẳm. Các bầy tiên đã ở trong chín tầng mây cao kia, làm sao bây giờ? Lòng chàng như lửa đốt, và sau một đêm suy nghĩ, chàng nhất định sẽ lên trời đòi lại bức thêu... Chàng bảo chị:

– Em sẽ lên trời đòi bức thêu về cho chị. Ở nhà, đã có ngô có thóc, khi đói, chị cứ việc nấu ăn, không phải đi lên nương đâu, chị ạ!

Nói rồi, chàng sắm sửa đi ngay. Chàng cứ nhằm hướng mặt trời mà đi. Tối đâu ngủ đấy. Đói đâu ăn đấy. Chàng đi hết ngày này qua ngày khác. Cây rừng đã thay bao nhiêu lần lá, con nai rụng bao nhiêu lần sừng mà chàng đi vẫn chưa thôi...

Thế rồi, đến một khu rừng kia, chàng đang băn khoăn tìm đường thì gặp một ông già. Ông lão hỏi:

– Con đi tìm gì mà vào tận chốn rừng sâu này?

Chàng kể lại cho ông lão nghe, chẳng giấu điều gì. Nghe chàng kể, ông lão động lòng và cảm phục, bèn lấy trong túi ra tặng chàng một cái lông chim và căn dặn:

– Muốn lên được thiên đình, con phải qua chín tầng mây. Cái lông chim này sẽ giúp con đạt được ý muốn.

Vừa cầm chiếc lông chim thì chàng bỗng vụt bay đi vù vù. Trước mặt chàng chỉ còn những dải mây trắng mênh mông. Lông chim đưa chàng bay qua hết tầng mây này đến tầng mây khác.

Chẳng mấy lúc, cổng nhà trời vàng chói đã hiện ra trước mắt. Các bầy tiên đang nhảy múa nô đùa trên những đám mây. Thấy người trần tới, các tiên bỏ cả vui chơi, đổ xô lại, ríu rít hỏi han:

– Có việc gì mà chàng lên tận đây?

– Tôi lên để xin lại bức thêu của chị tôi.

Chàng vừa nói đến bức thêu, các nàng tiên đều đã nhớ ra:

– Thế ra bức thêu ấy là của chị chàng? Ôi, bức thêu đẹp lắm! Nhưng chúng tôi lại dâng Ngọc Hoàng rồi. Ngọc Hoàng quý bức thêu ấy vô cùng, hơn cả ngọc ngà châu báu.

Thấy vậy, chàng nhất định xin vào gặp Ngọc Hoàng. Vừa giáp mặt chàng, Ngọc Hoàng kinh ngạc hỏi ngay:

– Vì một bức thêu của chị mà nhà ngươi phải lặn lội lên tận đây ư?

Càng nghe chàng nói, Ngọc Hoàng càng cảm phục lòng kiên nhẫn và tình thương yêu chị của chàng. Còn nàng tiên út, nàng tiên đã nhặt được bức thêu, tuy mới gặp chàng nhưng nàng đã đem lòng yêu mến.

Ngọc Hoàng bằng lòng trả lại chàng bức thêu. Và trước khi chàng trở về hạ giới, Ngọc Hoàng lại gần chàng, chỉ vào kho ngọc ngà châu báu:

– Ta bằng lòng trả ngươi bức thêu, và đây, ta cho ngươi những thứ gì ngươi thích.

Chàng theo Ngọc Hoàng vào kho, và đã được nàng tiên út dặn trước, nên Ngọc Hoàng chỉ thứ gì chàng cũng chẳng lấy. Chàng chỉ xin chiếc khèn. Ngọc Hoàng bằng lòng. Chàng trở về hạ giới, mang trong tay một bức thêu và chiếc khèn. Lòng mừng khôn xiết, chàng lại một mình với chiếc lông chim băng qua chín tầng mây...

Từ khi chàng có khèn, mỗi lần hội hè, dân bản lại mời chàng mang khèn ra thổi. Vì chỉ có tiếng khèn của chàng ngày hội mới vui. Và mỗi khi tiếng khèn cất tiếng là cả bản, già trẻ trai gái đều quây quần nhảy múa ca hát. Loài chim bay xa nghe tiếng khèn của chàng cũng rủ nhau về, vừa nhảy nhót trên cành vừa đua nhau hót líu lo.

Trong bản có tên chúa đất tham lam và quỷ quyệt. Biết chàng có khèn, hắn gọi chàng đến, bắt chàng phải nộp khèn:

– Khèn là thứ không phải của mày dùng, mà chỉ tao dùng thôi! Hãy đưa nộp đây, không thì tao giết!

– Tôi không nộp! Không phải của chúa đất, sao chúa đất lại bắt úc người nghèo?

Tên chúa đất hùng hổ:

– Chúng bay đâu! Trói cổ thằng này ngay cho tao! Xem mày có bướng được với tao không?

Bọn người nhà chúa đất tay gậy tay thừng xô ra định trói, thì lạ thay, tiếng khèn của chàng vừa cất lên, bọn chúng đều rụng rời tay chân, và một lát sau, đứa nào cũng lăn ra ngủ lì như chết. Tên chúa đất tức lắm, liền cầm dao định chém chàng. Nhưng vừa cầm đến dao thì bỗng tên chúa đất nhảy cẫng liên hồi theo tiếng khèn chàng thổi. Nhảy mãi, tên chúa đất đứt ruột, ngã lăn ra chết.

Ngày hội năm ấy, tiếng khèn của chàng lại vang lên ấm áp, vui tươi. Trẻ già, gái trai, theo điệu khèn nhảy múa. Cũng từ đó, người Mông có khèn thổi trong những ngày hội hè, khi xuống chợ, lúc vui chơi...

Như Sơn *(sưu tầm)*

DÂN TỘC PHÙ LÁ

CHUYỆN NƯỚC NGẬP TRỜI

Thuở xa xưa, không ai còn nhớ là từ bao giờ nữa, có một ông lão rách rưới đi lang thang hết nơi này đến nơi khác chẳng biết để làm gì. Đi đến nơi nào có nhà là ông lão ghé vào xin nghỉ nhờ. Thấy ông lão ăn mặc rách rưới, chẳng ai cho vào nhà mà còn đuổi đi nữa. Ông lão ấy không hề tỏ vẻ giận dỗi, mà cũng chẳng tỏ vẻ buồn rầu, cứ lếch thếch chống gậy ra đi.

Đến một xóm nhỏ thấy có một căn lều lụp xụp trong đó có một đứa bé trai và một đứa bé gái, ông lão hỏi:

– Nhà các cháu có rộng không, cho lão vào nghỉ nhờ với.

Hai đứa trẻ nhanh nhảu đáp:

– Nhà chúng cháu chật hẹp thôi nhưng xin mời cụ cứ vào nghỉ!

Ông lão gỡ túi trên vai xuống đeo ở cột cửa rồi bước vào trong lều. Chuyện trò, hỏi han xong ông lão biết đó là hai anh em ruột mồ côi cả cha lẫn mẹ.

Thấy nhà có mấy con gà, ông lão bảo hai đứa trẻ:

– Các cháu gọi gà đi, con nào to, nặng, đặt chân lên cối giã gạo thấy nhấc bổng lên thì mổ cho ông ăn.

Hai anh em vâng lời liền đi bắt con gà to nhất đem mổ cho ông lão.

Ăn xong, ông lão gọi hai anh em lại gần bảo:

– Hai cháu ra xem trong túi của ông có cái gì thì đem vào đây.

Hai anh em nắn túi thấy lép kẹp, vào nói với ông lão:

– Không có gì ở trong túi ông ạ!

– Các cháu hãy thò tay vào bên trong túi xem!

Hai anh em tìm mãi mới thấy một hạt bầu, liền đem tới cho ông lão.

Ông lão bảo:

– Các cháu hãy đem hạt bầu trồng ở cạnh nhà, khi nào bầu ra lá thì nói cho ông biết.

Sáng hôm sau, ngủ dậy, hai anh em ra xem, thấy bầu đã mọc lá, liền vào bảo với ông lão:

– Thưa ông, hạt bầu ra lá rồi!

Ông lão lại bảo: "Bầu ra lá thì các cháu làm giàn cho bầu leo."

Hai anh em làm giàn xong. Ông lão dặn khi nào bầu ra hoa thì nói cho ông biết. Mấy hôm sau bầu ra hoa, ông lão nói:

– Khi nào có quả, cho ông biết.

Bầu có quả, ông già lại bảo khi nào quả chín cho ông biết.

Tới khi bầu chín, hai anh em đến hỏi ông lão:

– Ông ơi, bầu chín rồi, làm thế nào bây giờ?

Ông già bảo:

– Các cháu khoét ruột bầu bỏ đi, đem gạo, thức ăn đặt trong quả bầu rồi chui vào đấy mà ở. Ông lão còn đưa cho hai anh em một chiếc gậy sắt và dặn khi nào muốn tìm ông, cứ chống gậy mà đi thì sẽ gặp. Nói xong, ông lão biến mất.

Ngay lúc đó, trời đất bỗng tối sầm, sấm chớp nổ ầm ầm, giông tố nổi lên. Tiếp sau đó là những trận mưa như trút kéo dài hết ngày này qua ngày khác. Mưa liền bảy ngày, bảy đêm, nước ngập khắp mặt đất. Quả bầu nổi lềnh bềnh theo mặt nước dâng mãi lên đến tận trời.

Qua bảy ngày, nước rút, hai anh em từ trong quả bầu chui ra thì thấy trên mặt đất loài người chẳng còn một ai. Tất cả các loài vật, cây cối đều chết hết. Hai anh em buồn lắm nhưng không biết làm thế nào. Nhớ lời ông lão dặn, hai anh em chống chiếc gậy sắt đi tìm. Họ đi mãi, đi mãi, chẳng có chỗ nào trên mặt đất mà bàn chân họ không đặt tới, chiếc gậy sắt đã mòn mà họ vẫn chẳng thấy ông lão đâu. Khi quay trở về chỗ cũ bỗng họ nghe thấy tiếng ho vọng ra từ trong một gốc cây cổ thụ và ông lão đã nằm ở đó từ lúc nào. Ông lão hỏi hai anh em:

– Các cháu đi khắp thiên hạ có gặp được người nào không?

Hai anh em trả lời:

– Chúng cháu chống mòn cả chiếc gậy sắt mà cũng chẳng gặp một ai cả.

– Thế thì hai anh em cháu phải lấy nhau thôi!

Hai anh em sợ hãi đáp:

– Chúng cháu là anh em ruột thì lấy nhau thế nào được ạ?

Ông lão bảo: "Hai cháu hãy trồng hai cây tre hai bên bờ suối; nếu hai ngọn tre chạm lại với nhau thì các cháu phải lấy nhau!"

Hai anh em làm theo lời ông lão. Ngọn hai cây tre chạm nhau giữa dòng suối. Nhưng họ vẫn không chịu lấy nhau. Ông lão lại bảo:

– Bây giờ hai cháu chặt đứt cây tre ra nhiều khúc nhỏ vứt mỗi nơi một đoạn, nếu chúng lại chắp nối được với nhau thì các cháu không được làm trái lời ông.

Hai anh em bèn chặt cây tre làm nhiều đoạn vứt lung tung khắp nơi, nhưng rồi chúng lại chắp nối liền với nhau như cũ. Từ đấy giống tre mới có đốt.

Không làm khác được, hai anh em đành phải lấy nhau. Một năm sau người vợ đẻ ra một quả bí đao. Họ không biết đó là chuyện gì, bèn lại đi tìm ông lão để hỏi.

Ông lão bảo:

– Các cháu hãy băm quả bí ấy ra thành từng mảnh nhỏ, rồi xem chỗ nào có đất thì đem mà gieo.

Hai anh em lại làm theo lời ông lão. Họ rắc một đám bí trên ngọn sông thành người Mông, người Dao, rắc bên dưới sông thành người Tày, người Xá; rắc xuôi theo dòng sông thành người Mường, người Kinh. Còn lại, họ đem rắc tít ra các phía xa thành người mũi dài, mũi cao.

Bởi vậy tất cả các giống người trên mặt đất ngày nay đều cùng sinh ra từ một quả bí.

Lý Văn Niệu – Nặm Xài – Sa Pa
Đặng Thị Lái – Làng Nhầy, Văn Yên *kể*

SỰ TÍCH NGƯỜI PHÙ LÁ NÓI NHANH

Thuở ấy trời đất ngập lụt khắp thiên hạ. Người Phù Lá chết hết chỉ còn lại một người con trai. Anh ta lang thang đi khắp đây đó trên mặt đất hy vọng tìm thấy một người cùng nòi giống mình. Nhưng đi mãi, đi mãi anh ta vẫn chẳng thấy một ai. Buồn quá, anh chàng ngồi khóc nức nở. Bỗng có một ông cụ không biết từ đâu đến ở ngay cạnh anh và ôn tồn hỏi:

– Làm sao con lại khóc ở đây?

Người con trai đáp:

– Trời làm ngập lụt, người vùng cháu chết hết cả! Cháu đi khắp nơi mà chẳng thấy một ai!

Cụ già bảo:

– Muốn gặp lại nòi giống thì cháu hãy đi đến ngã ba đường gặp ông Mộc và nói với ông ấy rằng: "Trời ngập lụt, người vùng tôi bị chết đuối, chết trôi hết, chỉ còn sống sót có một mình tôi, vậy làm thế nào để gây lại được nòi giống?"

Người con trai lập tức đi tìm ông Mộc và nói lại đúng như lời cụ già dặn, ông Mộc bảo:

– Con có lòng hiếu nghĩa nghĩ đến nòi giống như vậy thì ta cũng vui lòng giúp đỡ con.

Nói rồi ông Mộc đi lấy một cây bạch đàn ở trên rừng về đẽo, tạc mãi mấy ngày liền thành hình người Phù Lá. Lúc ấy có một cụ già khác đến hỏi ông Mộc rằng:

– Ông Mộc đục đẽo gì vậy?

Ông Mộc đáp:

– Trời làm ngập lụt, nòi người Phù Lá chết cả, chỉ còn lại có một người, tôi thương quá nên chẳng quản nóng bức, chẳng ngại vất vả, cố sức đẽo, tạc thành người cho họ.

Cụ già nọ bèn nói:

– Tôi là tiện ở trên trời đây. Ông Mộc làm như vậy là việc phúc đức, ông hãy chịu khó tiếp tục công việc đó rồi tôi sẽ giúp làm thành người sống. Nhưng ông hãy để ý những cây nào đã đẽo, tạc thành hình thì che đậy cẩn thận đừng để mưa nắng làm cho hư hỏng!

Nói xong ông tiện biến mất về trời.

Ngay sau đó, trời đổ một trận mưa rất lớn làm ướt cả những pho tượng ông Mộc đã đẽo tạc được. Nước mưa rơi vào những tàu lá kêu lộp bộp. Tiếp sau đó trời lại nắng như thiêu đốt mấy ngày liền làm các pho tượng xạm đen cả lại.

Từ đấy người Phù Lá nói tiếng nhanh như hạt mưa rơi trên tàu lá, da dẻ xạm đen như màu bánh mật và váy áo, đồ dùng trang sức của người Phù Lá có thêu hoa kiểu như các loại lá cây rừng.

Đào Văn Mé
An Thành – Bảo Thắng *kể*

CHUYỆN NGƯỜI PHÙ LÁ MẤT CHỮ

Có một anh chàng đang trên đường đi thăm anh em, nghe đồn nhà vua mở lớp dạy chữ bèn quay trở về nói với vợ để mình đi học.

Lúc chàng ta ra đi đang là mùa khô tạnh. Chàng vượt hết khe này, suối khác, qua không biết bao nhiêu đồi thấp núi cao. không nản, chàng vẫn đi mãi, đi mãi cho tới một hôm tới đỉnh một ngọn núi cao nhất, chàng thấy vua đang dạy học ở đấy.

Thời ấy chưa có giấy, vua phải viết chữ lên những miếng da trâu để dạy học trò.

Chàng trai Phù Lá thông minh lắm. Mới qua ba mùa thay lá rừng chàng đã nhớ hết chữ. Vua bèn cho chàng một quyển sách bằng da trâu bảo chàng đem về nhà truyền lại cho dân trong bản cùng biết. Chàng trai về đến nửa đường thì gặp mưa lũ, nước suối dâng lên cuồn cuộn không tài nào đi qua được. Chờ đến ba ngày mà nước vẫn không rút, trong khi bụng chàng đói meo. Chàng trai nghĩ thầm: "Chữ nuốt vào bụng càng nhớ kỹ!" Nghĩ thế, chàng ta đem quyển sách da trâu nướng ăn hết một nửa. Lúc ấy nước cũng vừa rút xuống.

Về đến nhà chàng trai ngày nào cũng đem chữ ra ôn lại cho khỏi quên. Một hôm chàng đang đọc sách, cô vợ giã gạo đã mỏi chân mới gọi chồng đến giúp. Thấy chồng mê mải đọc không trả lời, cô nàng gắt: "Đi mấy năm trời chẳng được việc gì, về nhà bảo giúp giã gạo thì chỉ đọc sách. Đem chữ ra mà ăn đi!"

Nghe thấy vợ nói vậy, chàng trai tức giận liền đem miếng da trâu còn lại nướng lên ăn nốt. Từ đấy người Phù Lá bị mất chữ. Nhưng bao nhiêu câu hát, bài thơ, bao nhiêu câu chuyện từ thời xa xưa ông cha truyền lại thì người Phù Lá vẫn ghi nhớ được ở trong bụng.

Lú Hơ Ba Nặm Xài, Sa Pa, Mù Thị Nhì,
Lý Văn Cẩy, Lú Lu Phơ An Thành,
Bảo Thắng, Hao Văn Thị Mường Phàn,
Bảo Yên *kể*

SỰ TÍCH CÁC LOÀI THÚ BỊ CÂM, NGƯỜI BIẾT CHÀI LƯỚI, SĂN BẮN

Ngày ấy, người làm ra được rất nhiều thóc lúa, ngô khoai, nhưng chim chóc ngày ngày cứ từng đàn từng lũ kéo nhau bay về ăn hết. Tốn công, tốn sức vất vả trăm chiều mà vẫn đói khổ, người mới nghĩ ra cách làm bẫy đặt la liệt trong rừng, ngoài bãi để diệt trừ chúng.

Các loài muông thú khác ở trong rừng đi lại cũng bị vướng phải bẫy, bị người ăn thịt rất nhiều, mới phàn nàn với nhau chẳng biết ai phá hoại thóc lúa của người để đến nỗi chúng bị mang vạ lây đến thế. Rùa nghe thấy vậy mới bảo:

– Không lo, để tôi tìm cách giúp các bạn!

Rồi rùa lần mò đi khắp nơi, thấy chỗ nào có cạm bẫy của người liền lập tức phá đi. Từ đấy các loài muôn thú lại được đi lại thảnh thơi không còn lo sợ bị vướng phải cạm bẫy nữa.

Người cứ sáng sáng, đi thăm cạm, thấy bẫy nào cũng sập mà không được con thú nào cả lấy làm lạ. Một hôm đặt cạm bẫy xong, Người liền chúi vào một bụi cây ngồi rình. Lúc sau thấy một con rùa mồm cặp một cái que đi khua vào từng cái cạm làm cho sập xuống hết. Người mới chạy ra tóm ngay lấy cổ con rùa kêu to:

– À, ra chính kẻ phá hoại là mày đây! Chẳng được con gì khác thì ta đem mày về làm thịt cũng được một bữa rồi.

Rùa sợ quá van lạy rối rít:

– Anh Người ơi, anh tha tội cho em với, em xin đền ơn anh...

Thấy rùa van vỉ thế Người mới hỏi:

– Mày đền ơn tao cái gì?

Rùa nói:

– Khi anh Bụt chết, em sẽ theo anh cùng đi viếng. Đến nơi, hãy khóc và kêu lên mấy tiếng: "Bụt chết, làm thế nào được ăn. Bụt chết, làm thế nào được mặc?". Xong, Bụt sẽ giúp anh đời đời sung sướng!

Ít lâu sau Bụt giả vờ chết. Các loài vật trên mặt đất không biết rủ nhau đi viếng rất đông.

Rùa cùng theo người đi. Rùa đi chậm, mới bảo người rằng:

– Anh đi được nhanh, anh xách em đi cho chóng.

Người cho rùa vào trong túi đưa đi. Đến nơi Bụt chết, Người thấy các loài thú xúm xít quanh xác Bụt vừa than khóc vừa nói: "Bụt chết, tha hồ mà ăn, thật sướng quá!"

Đến lượt Người, Người khóc và nói theo lời rùa căn dặn: "Bụt chết, làm thế nào được ăn? Bụt chết, làm thế nào được mặc?"

Bụt bỗng nhiên choàng ngay dậy, gọi tất cả các loài thú lại gần mà bảo:

– Các loài bạc ác kia chúng mày mong cho tao chết đi để tha hồ đi ăn hại của Người. Từ đây ta cấm chúng mày được khóc, được nói ra tiếng. Có như vậy mỗi khi Người có ăn thịt, chúng mày cũng

không thể cãi được. Người có lòng tốt, có tình, có nghĩa thì ta ban cho quyền từ nay trở đi có thể bắt được tất cả các con vật ở trên cạn lẫn con ở dưới nước. Con dưới nước thì làm chài mà bắt, con trên rừng thì làm cạm bẫy mà diệt. Cạm bẫy không được thì làm tên, làm nỏ mà bắn.

Từ đấy loài người mới biết đánh chài, đánh lưới, đi bắn, đi săn.

Bế Thị Ngân
Lầu Nhầy – Văn Yên *kể*

SỰ TÍCH VIỆC TRỒNG LÚA CÓ VỤ

Có một đôi vợ chồng nọ ăn ở với nhau đã được hai đứa con trai, nhưng người chồng thì chỉ ham chơi, nay đi chỗ này mai tạt nơi khác, chẳng thiết làm ăn.

Vợ thấy thế mới bực mình nói:

– Mình chẳng chịu làm ăn, chỉ suốt ngày rong chơi trong rừng thế thì cứ ở hẳn trong đó đi, khỏi về nhà làm gì nữa!

Thấy vợ nói như vậy, người chồng giận quá, bèn bỏ nhà vào rừng ở.

Mấy ngày liền, không thấy chồng về, người vợ sốt ruột mới bảo hai đứa con lên rừng tìm bố. Hai đứa con đi mãi, đến một đồi gianh thấy một đàn nai, có cả bố của mình lẫn trong đó mới gọi:

– Bố ơi, về nhà đi!

Người bố đáp:

– Hai con cứ về đi, bố ở lại đây chơi!

Cách đó ít lâu, người mẹ lại bảo hai con đi tìm. Hai đứa con lên rừng, thấy bố đứng ở một gốc cây, trên đầu nhú lên một cái sừng, bèn gọi to:

– Bố ơi, bố về nhà thôi!

Người bố lại trả lời:

– Hai con cứ về đi, bố sắp hoá thành nai rồi.

Hai đứa con trở về, nói lại cho mẹ biết điều đó. Người mẹ không tin, mấy ngày sau lại cho hai đứa con đi gọi bố về và dặn: "Nếu bố không về thì các con nhớ nói rằng nếu bố không về thì các con bé nhỏ không ai nuôi!".

Lần này hai đứa con đi gọi. Bố ở trong rừng chạy ra, đầu đã mọc đủ hai cái sừng, nói với hai con rằng:

– Từ rầy đừng đi gọi bố nữa nhé. Bố không về nữa đâu, bố đã thành loài ăn cỏ rồi!

Hai đứa con nói:

– Hai con còn bé, bố không về thì ai nuôi chúng con?

Bố nghe vậy mới bảo con:

– Bây giờ bố cho cái sừng này của bố, lấy dây buộc kéo đi. Hễ sừng vướng ở đâu thì làm ruộng ở đấy!

Dặn dò con xong, người bố chạy thẳng vào rừng, không trở lại gặp con một lần nào nữa.

Hai đứa con làm theo lời bố dặn, kéo cái sừng đi hết gò này sang đồi kia. Một hôm qua một cái làng ở vùng thấp, đến một nhà ở cuối làng thì chiếc súng mắc ở đấy, kéo thế nào sừng cũng không đi.

Hai anh em nói với bà chủ nhà rằng:

– Bố chúng cháu dặn, nếu cái sừng này mắc ở đâu thì làm ruộng ở đấy! Bà cho chúng cháu làm ruộng ở đây với!

Mới đầu chủ nhà không chịu. Hai anh em phải nói đi nói lại mãi bà mới dọn đi nơi khác, nhường chỗ đó cho hai anh em.

Hai anh em liền đi đón mẹ về cùng làm ruộng. Từ đấy ba mẹ con ngày ngày chịu khó cuốc ruộng, đắp bờ, trồng lúa. Năm ấy được mùa, ba mẹ con thay nhau gặt hái. Lúa chín chất đầy nhà mà ba mẹ con vẫn chưa gặt hết, nhưng cả ba mẹ con đều rất ngạc nhiên khi thấy những nhóm lúa đã cắt hôm trước, hôm sau lại đâm bông nở hạt như cũ. Ba mẹ con lại gặt, gánh về xếp đầy sân.

Cứ như vậy, gặt mãi không bao giờ hết. Cứ gặt hết hôm trước thì hôm sau lúa lại đã mọc lên, chín vàng như cũ. Họ gặt mãi, gặt mãi, đến ngày gần Tết, làng xóm rậm rịch ăn Tết mà ba mẹ con vẫn chưa gặt xong.

Hai đứa con bèn nói với mẹ:

– Mẹ ơi, gần Tết rồi, nghỉ ăn Tết thôi. Lúa chín, cứ để ngoài ruộng cũng được!

Người mẹ bảo: "Để ở ruộng trâu bò ăn, nó phí đi, ba mẹ con ta cố gặt cho nhiều để thóc còn dư ăn năm này qua năm khác, không lo đói nữa! Tết ăn hay không ăn cũng chẳng sao đâu".

Hai đứa con thấy mẹ nói thế oà lên khóc, nói rằng: "Người ta làm quanh năm vất vả, có ngày Tết mẹ lại bảo không ăn!" Lúc ấy, có một cụ già râu tóc bạc trắng hiện ra bảo: "Các cháu đừng khóc nữa. Tết còn mấy ngày nữa mới đến cơ mà! Sáng mai ba mẹ con đi gặt, nhớ mang sáp ong đi theo. Cắt xong, nhớ bôi sáp vào!"

Nói xong, ông cụ biến mất.

Sáng hôm sau, khi đi gặt ba mẹ con bèn làm theo lời ông cụ dặn. Cây lúa không ra bông nữa.

Từ đấy trở về sau, hàng năm người ta cứ phải chờ đến vụ mới trồng lúa và gặt lúa như ngày nay.

Miều Thị Nhi
An Thành, Bảo Thắng *kể*

SỰ TÍCH NGƯỜI Ở NHÀ SÀN, TRÂU ĐI CÀY VÀ HAY HÚC CÂY CHUỐI

Ngày xưa, người ta ở nhà đất nên hễ loài trâu gặp người là nó lấy sừng húc chết rồi ăn thịt.

Ở một làng nọ, có hai vợ chồng nhà kia thấy người trong làng sợ bị trâu ăn thịt hết mới đi kiện với Trời. Trời bảo:

– Các con trở về làm một cái sàn gác rồi đồ một chõ xôi nhuộm gấc đỏ đem đặt lên sàn. Khi nào thấy trâu đến thì gọi lên ăn, rồi buộc lấy mũi nó bắt đi cày.

Hai vợ chồng nhà ấy bèn làm theo lời Trời bảo. Sáng hôm sau, trâu ở rừng đi ra, thấy vợ chồng nhà nọ ngồi trên sàn, mới hỏi:

– Sao người ở cao thế, làm thế nào mà ăn thịt được?

Hai vợ chồng chỉ vào chõ xôi đỏ, trâu muốn ăn, nhảy lên đây mà ăn!

Nghe thế, trâu nhảy phóc lên sàn. Nhưng lỡ đà nên hai chân trước và bụng mắc ở trên, hai chân sau thụt xuống dưới sàn. Trâu sợ quá, kêu ầm ĩ: "Người ơi, cứu tôi với!"

Vừa lúc ấy, một chú nhái bén bám ở tàu lá chuối trong vườn nói to lên để hai vợ chồng nhà ấy nghe rõ:

– Sắn sẹo vào, buộc khít mũi nó lại!

Hai vợ chồng vội vàng chọc thủng lỗ mũi trâu, lấy dây buộc thật chặt rồi lôi xuống, bắt đi cày nương.

Trâu tức lắm, tưởng cây chuối mách người sắn sẹo mũi mình, liền lấy sừng húc nát cây chuối và mắng:

– Vì mày mách lẻo nên tao mới phải đi cày đấy!

Từ đó người ở rừng núi quen ở nhà sàn để tránh thú dữ, trâu biết đi cày và hễ thấy cây chuối ở đâu là trâu húc nát.

Lý Chẳn Dùng
Lũng Phìn, Bắc Hà *kể*

SỰ TÍCH CÂY ĐAO KHÔNG CÓ QUẢ

Ngày xưa, cây đao mọc trong rừng có quả như các loại cây khác. Gặp lúc đói kém người ta hái quả đao đem về giã nhỏ làm bột ăn thay cơm.

Thời ấy trong làng có một người đàn bà goá nghèo khổ trồng được một cây đao rất sai quả. Hàng năm gặp lúc đói kém hoặc ngày giáp hạt bà vẫn trẩy quả đao về ăn. Hàng xóm thấy bà ăn bột đao qua được các vụ đói mới bắt chước vào trong rừng tìm cây đao hái quả đem về làm bột ăn... Mấy kẻ xấu bụng còn chờ lúc đêm tối khi người đàn bà ngủ say lẻn vào bẻ trộm quả đao của nhà bà.

Tức quá, bà goá ấy bèn chẻ vầu vót thành nhiều mũi tên nỏ cắm vào thân cây đao rồi lấy váy áo cũ bọc thật kín để khỏi lộ mũi tên. Bọc xong, bà còn lấy tóc buộc chặt lại cho khỏi bong những miếng vải, rồi lẩm bẩm nói một mình:

– Để xem đứa nào dám trèo lên hái trộm nào!

Qua một năm, cây đao bị bó chặt quá không ra được quả. Quả đao mọc lẫn trong ruột cây. Từ đấy cây đao không có quả. Thân cây có gai nhọn như mũi tên, bẹ đao quấn xung quanh thân cây và bẹ nào cũng có lông dài như sợi tóc. Muốn ăn bột đao người ta phải bổ cây đao ra khoét lấy lõi đem băm, giã lọc lấy bột, nấu ăn dẻo như cơm xôi vậy.

Phùng Như Sa
Lầu Nhầy, Văn Yên *kể*

SỰ TÍCH VỊT CHÂN BẸT, MỎ BẸP

Đom đóm và cào cào vốn là đôi bạn hàng xóm thân thiết với nhau. Từ chuyện đi nương, đi rẫy cho đến việc vào rừng kiếm củi chúng đi với nhau, về với nhau.

Một hôm chúng mải làm nương đến tận lúc trời sẩm tối, cào cào mới bảo đom đóm rằng: "Đom đóm ơi, trời tối rồi, đi về thôi!"

Đom đóm trả lời:

– Vội gì về, hãy làm thêm lát nữa, tối, tôi có đóm, lo gì.

Đom đóm và cào cào tiếp tục làm tới tối mịt mới rủ nhau về. Đom đóm lập loè soi đường về được đến nhà. Cào cào trông không rõ lối, bay chập choạng rất khó khăn. Nó đậu ngay tổ chim cu gần gốc cây trám và bảo:

– Chị cu ơi, em đi nương về gặp trời tối, chị cho em ngủ nhờ một đêm, sáng mai em đi sớm.

Chim cu nằm trong tổ nói ra:

– Nhà tôi chật lắm, không có chỗ nằm đâu.

Cào cào nói đi nói lại hai ba lần, chim cu nể quá đành bảo:

– Thế thì bác vào mà ngủ vậy! Nhưng trứng của tôi đang ấp sắp nở rồi, chân bác dài bác phải nằm co vào đấy!

Cào cào nằm co chân thao thức mãi không ngủ được. Bỗng nghe một tiếng "oóng" của một chú hươu con kêu ở gần đấy làm cào cào giật mình duỗi chân đạp phải trứng của chị chim cu vỡ hết.

Chim cu hốt hoảng choàng dậy la lớn:

– Đấy, tôi đã bảo bác nằm co chân lại, bây giờ bác đạp vỡ hết trứng của tôi rồi, bác phải đền tôi đi.

Cào cào gọi hươu con lại trách:

– Tại sao chú kêu "oóng" làm tôi giật mình làm vỡ hết trứng của chị chim cu. Chú phải đền cho chị ấy.

Hươu con nói:

– Bác cào ơi, tôi đi tìm ăn suốt đêm chẳng được miếng gì cho vào miệng, bụng đang lép kẹp còn vui nỗi gì mà "oóng". Chẳng qua tại quả trám nó rơi trúng đầu tôi, tôi đau quá mới buột miệng mà "oóng" đó thôi!

Rồi hươu con đi tìm quả trám hỏi:

– Quả trám, sao mày đang ở yên lại rơi vào đầu tao làm tao đau kêu "oóng" lên để bác cào cào giật mình?

Quả trám bảo hươu con:

– Tôi cũng muốn ở yên trên cây nhưng tại con kiến vống leo lên đục khoét khắp người tôi, lại nhằn nốt cả cuống tôi nên tôi mới rụng phải đầu chú đấy!

Nói vậy, nhưng rồi, quả trám cũng đi hỏi kiến vống:

– Mày thiếu gì chỗ ăn mà lại trèo lên cây ăn đứt cuống tao để tao rụng mà rơi vào đầu chú hươu con hở?!!

Kiến vống thủng thẳng đáp:

– Tôi kiếm ăn ở dưới đất mà bà gà ấy có tha cho đâu! Nấp ở chỗ nào bà ấy cũng lùng bới mổ cho kỳ hết. Không trèo lên cây mà kiếm miếng ăn thì chỉ có mà chết đói!

Chim cu, cào cào, hươu con và quả trám nghe kiến vống nói cho là có lý bèn gọi gà đến hỏi:

– Bà gà ơi, kiến vống nó cũng đi tìm ăn vất vả suốt ngày như bà, sao bà không thương hại còn bới cả nó mà ăn để nó sợ phải trèo lên cây ăn quả trám?

Gà mái rền rĩ than thở:

– Nếu tôi chỉ ấp riêng trứng của tôi thì đâu đến nỗi đói phải đi bới cả kiến mà ăn. Chỉ vì mụ vịt lười biếng quá cứ nhởn nhơ suốt cả ngày, hết mò cá lại đuổi tôm ở ao ở hồ. Trứng nó đẻ ra nó cũng chẳng chịu ấp, lại nhờ tôi ấp hộ. Ấp lâu ngày quá tôi gầy tọp lại, phải đi bới cả từng con sâu, cái kiến mà ăn thì mới đủ sống.

Chim cu, cào cào, hươu con, quả trám và kiến vống nghe gà kể tội vịt lười biếng đều tức giận. Chúng bèn gọi vịt lại, nắm mỏ dí xuống đất mắng:

– Mày chỉ quen ăn mà không chịu làm, cái mồm này xấu lắm.

Vịt bị cả bọn bóp mỏ đau quá, giậm hai chân xuống đất đánh bạch bẹt cả bàn chân. Từ đấy chân vịt bẹt toè ra và mỏ bẹp lại vì bị bóp quá chặt.

Bế Thị Ngân
Quế Thượng, Văn Yên *kể*

SỰ TÍCH NGƯỜI NGỒI TRÊN CUNG TRĂNG

Nhà kia có hai anh em trai, cha mẹ chết sớm, vẫn ở chung với nhau. Một năm ăn Tết xong, hai anh em đi làm nương thấy một con rắn to bèn đuổi theo đánh chết. Người anh bảo em mang rắn về trước, còn mình ở lại làm nương tiếp. Người em xách con rắn về nhà cho vào một cái ống lam, rồi đi đun nước để làm thịt rắn, chờ anh về cùng ăn. Bỗng nhiên ống lam đổ, rắn ở trong ống cựa quậy rồi trườn ra khỏi ống, đi mất. Người em lấy làm lạ không hiểu tại sao rắn đã chết rồi mà còn sống lại được, bèn nhìn vào trong ống thì thấy một chiếc lá. Anh ta dốc chiếc lá ra rồi giắt vào thắt lưng.

Người anh ở nương trở về, hỏi em:

– Chú đã làm xong thịt rắn chưa, ta đi ăn cơm thôi!

Người em đem chuyện rắn sống lại trườn đi mất kể lại cho anh nghe. Người anh nghi ngờ mới giận dữ mắng rằng:

– Ống lam sâu thế này, rắn thì đã chết, làm sao nó còn trốn đi được? Chỉ có mày ăn đi thôi!

Nói xong, người anh rút con dao gài sau lưng ra chém em một nhát chết ngay rồi đem xác em vứt ra ngoài rừng, xong lại lên nương làm tiếp.

Một lát sau người em sống lại, anh ta đi về nhà lấy chiếc đàn của mình ra ngồi gẩy như không có chuyện gì xảy ra cả.

Chiều tối, người anh đi nương về, đến cổng nghe thấy tiếng đàn buồn quá, lại nhớ đến em mọi khi vẫn hay gẩy đàn như thế. Anh ta nghĩ: "Em ta đã chết rồi, sao lại có tiếng đàn như thế này?" Anh ta đi nhanh vào nhà thì thấy em đã ngồi trong đó từ bao giờ, lại đang ung dung đánh đàn mới kinh ngạc hỏi:

– Em đã chết rồi sao còn sống lại được?

Người em lấy chiếc lá đưa cho anh xem và nói:

– Con rắn chết đi mà sống lại được là nhờ chiếc lá này. Anh đánh em chết mà em sống lại được cũng là nhờ chiếc lá này đấy!

Biết đó là thứ lá quý, từ đấy người em mang lá đi khắp nơi làm thuốc chữa bệnh cho mọi người.

Một hôm người em đi đến một làng kia thì trời vừa tối. Anh ta đến một căn nhà còn sáng đèn xin nghỉ trọ. Bà chủ nhà có một

cô gái rất xinh đẹp bị ốm đã lâu ngày vừa mới chết đang buồn rầu không muốn cho người lạ đến ngủ nhờ, mới bảo rằng:

– Nhà tôi có người vừa mới chết nên không thể cho người lạ nghỉ, anh chịu khó đi tìm nhà khác vậy!

Người em nói:

– Bà hãy cho cháu chữa thử xem có thể cứu được con gái bà chăng?

Nghe người lạ nói bà chủ rất kinh ngạc, nhưng cứ mời anh ta vào nhà nhờ cứu chữa cho con gái mình. Người em bèn đến bên xác cô gái lấy chiếc lá xoa vào mặt mũi, chân tay cô gái một lúc thì cô gái cựa mình sống lại. Bà chủ mừng quá liền gả cô con gái cho anh.

Hai vợ chồng sống rất đầm ấm, vừa chữa bệnh cho người ốm vừa làm nương rẫy. Có người ở xa nghe tin người em giỏi thuốc lặn lội tìm đến nhờ chữa cho người nhà mình.

Trước khi đi người em mới xé chiếc lá ra làm hai mảnh, một mảnh mang đi theo, một mảnh đem ươm ở trong vườn, rồi gọi vợ bảo:

– Tôi đi chữa bệnh xa chắc còn lâu mới về. Tôi trồng cây thuốc quý ở trong vườn, ở nhà mình phải trông nom cẩn thận, nhớ không được cho ai đái vào gốc cây thuốc!

Nói rồi anh lên đường. Vì chữa khỏi được rất nhiều người nên anh không về nhà ngay được. Ngày qua tháng lại, thấm thoắt đã hơn ba năm trời. Người vợ ở nhà sốt ruột, sinh ra bực bội, nghĩ bụng: "Hôm đi chồng dặn đừng cho ai đái vào cây thuốc, chắc là muốn đi mãi mới nói thế. Ta cứ thử đái vào gốc cây thuốc ấy xem anh ta có nóng ruột mà trở về chăng?" Nghĩ thế, chị ta bèn đi ra vườn đái ngay vào gốc cây thuốc quý. Vừa đái xong thì tự dưng cả cây thuốc từ từ bật khỏi mặt đất bay lên trời. Vừa lúc ấy người chồng cũng kịp trở về đến nhà. Trông thấy cây thuốc đang bay lên cao, tiếc quá chàng mới nhẩy ngay lên theo để giữ cây thuốc lại nhưng không nổi. Cả người chàng và cây thuốc bay lên mãi tận cung trăng mới dừng lại. Chàng không biết làm thế nào, chỉ gục đầu vào gốc cây thuốc khóc rồi chết ở đấy.

Ngày nay người ta trông thấy ở trên cung trăng có người ngồi dưới gốc cây ấy là hình chàng ta ở bên cây thuốc quý vậy.

Đào Văn Mé
Châu Quế, Văn Yên *kể*

DÂN TỘC TÀ ÔI

NGUỒN GỐC NGƯỜI TÀ ÔI

Từ xưa lắm, khi mặt đất chưa có nhiều cây rừng và muông thú, mây chưa mọc đủ cánh nên không bay lượn khắp nơi mà đứng tại từng chỗ; mặt trời cũng nằm yên không thức dậy và đi ngủ như bây giờ; chỗ nào mặt trời bị mây che thì mặt đất tối ngòm, trâu, bò, lợn, gà chen chúc nhau chật cả lối đi. Chỗ nào mặt trời vén mây soi ánh sáng xuống mặt đất, ở đó cây cối sinh sôi nảy nở. Có đồng cỏ cho hươu nai, có dòng nước mát reo vui trên đá. Lúa, bắp, cây trái xum xuê... Lúc ấy, mặt đất chỉ có ba người từ lòng đất ẩm chui lên: người anh cả, cô gái thứ hai và cậu em út.

Một hôm, một đám mây đen lớn nhất trên trời đủ cánh của mình bay đến che khuất nơi sinh sống của ba anh em. Trời đất bỗng nhiên tối mò. Ma quỷ cũng theo bóng tối đến hò hét, quậy phá. Ba anh em sợ quá, liền băng rừng, lội suối tìm đến vùng đất có ánh sáng, có lúa gạo để sinh sống. Họ vượt qua nhiều ghềnh thác, nhiều cánh rừng, nhiều thung lũng, nhưng bóng tối vẫn tràn ngập khắp nơi. Con thuyền băng băng lướt đi, ma quỷ vẫn từng đoàn hò hét đuổi theo. Cho đến lúc nước bào mòn chiếc thuyền mỏng như chiếc lá rừng, họ mới tìm thấy ánh sáng. Mừng lắm. Mắt họ đã nhìn thấy những tầng lá xanh; tai họ đã nghe muông thú chuyện trò. Nhưng họ giật mình kinh hãi khi nghe thấy muông thú nói với nhau rằng chỉ ít lâu nữa, mặt đất sẽ vỡ ra, nước sẽ nhận chìm vạn vật, kẻ nào không có vây để lội, không có cánh để bay đều chết hết.

Ba anh em vô cùng lo sợ vì họ làm gì có cánh để bay như chim, có vây để bơi như cá. Bàn bạc mãi, cuối cùng họ đóng một chiếc trống thật lớn để thúc trống gọi Yang Aro bang[1] cứu muôn loài.

Trống vừa làm xong, nước đã dâng lên ngập hết cây rừng, đồi núi. Chiếc thuyền mỏng của ba anh em trôi bập bềnh trên vùng nước bao la. Họ không thể kiếm đâu ra được cái ăn. Đói lả, rét run cầm cập, họ vẫn thay nhau đánh trống vang cả trời, rung cả nước.

---

1. Thần trời.

Nghe tiếng trống giục Yang Aro bang không thể ăn ngon ngủ yên, nên mới ghé mắt nhìn xuống trần gian. Thấy tình cảnh đáng thương của ba anh em, Yang liền sai con trai ném cho họ một con tôm lớn. Thấy trên thuyền bỗng dưng có con tôm, người anh và cô chị mừng lắm, sai em út leo lên mặt trống để nướng. Chiếc trống trôi bập bềnh giữa một vùng nước mênh mông. Nước càng dâng lên, ngọn lửa càng bốc to, con tôm càng trở lên cứng hơn, người em út nướng mãi không chín. Khi thuyền ngấp nghé bến nhà trời, người em ngồi trên trống lạc mất anh chị. Chàng gặp hai người con gái của Bahil trên làng trời đang ngồi giặt váy. Người em út ở lại làng trời lấy hai cô gái đó làm vợ.

Họ sống với nhau ngày đầu tiên thì nước rút nhanh chóng. Nước rút nhanh đến nỗi chỉ trong chốc lát, người anh và người chị đã xuống đến mặt đất. Nhưng cây cỏ muông thú trên mặt đất bây giờ đều chết hết. Lúa gạo, cây trái đều theo nước chui vào lòng đất. Hai anh em trơ trọi với một con chó rất may còn sống sót. Cả ba đều kiệt sức vì đói.

Nhớ anh chị quá, từ làng trời nhìn xuống người em út thấy cả hai đói khổ, bèn đẽo một ống gỗ bỏ đá lửa và hai con giun đất bỏ xuống. Một con chim cu theo ống gỗ cùng xuống. Ống gỗ nặng rơi xuống trước, chim cu xà xuống sau.

Nhưng chim vừa chạm đất liền bị con chó vồ lấy, cắn chết. Người chị tìm thấy chim, mừng rỡ đem về làm thịt ăn. Khi xé đến cái mề của chim, hai anh em thấy trong đó rơi ra nhiều hạt giống như cây lúa, bắp, dưa, chuối,...

Từ ống gỗ, giun đội nắp chui xuống đất làm cho đất tơi xốp. Đá lửa cũng tự mình lăn đến cho hai người dùng. Từ đó, hai người, một trai một gái, ra sức trồng trỉa các giống cây để sinh sống. Mùa rẫy này tiếp mùa rẫy khác, giun làm cho đất tốt, lúa nhả hạt càng nhiều. Họ càng ngày càng đầy đủ.

Nhưng mặt đất vẫn buồn tẻ vì chẳng có ai khác ngoài họ. Hai anh em sống chung, nhưng không chịu lấy nhau. Cho đến một ngày, con chó bỗng dưng đái vào chỗ nằm của cô gái. Sau một giấc ngủ, cô em bỗng cảm thấy mệt mỏi, đầu vú thâm lại, bụng mỗi ngày một lớn dần... Sau một năm cô sinh ra một quả bầu. Nghe tiếng gọi ríu rít trong ruột bầu, người anh lấy que lửa soi thủng cuống bầu, từ

trong đó, nhảy ra một đôi trai gái. Người anh lấy cô gái trong quả bầu làm vợ; người em lấy người trai trong quả bầu làm chồng.

Rồi họ chia nhau đi tìm đất sống...

Hai vợ chồng người em ở lại với núi rừng. Gia đình người anh dẫn con và mang cái mề chim cu theo hướng mặt trời ra đi. Hai vợ chồng người anh đi mãi...cuối cùng họ đến một vùng đồng bằng rộng lớn. Họ làm lúa nước và chẳng mấy chốc đã trở nên giàu có. Con cái họ sinh ra mỗi ngày một nhiều thành người Kinh bây giờ.

Người em ở lại làm lúa rẫy nên không được bao nhiêu. Họ làm lụng suốt ngày vẫn không đủ ăn, con cái sinh ra mỗi ngày một đông. Họ di chuyển từ vùng này sang vùng khác. Con cái lớn lên lại tìm nơi lập nghiệp, dựng thêm nhiều vel[1] mới. Họ chính là tổ tiên người Tà Ôi bây giờ.

Ngày nay, cứ mỗi lần ve sầu gọi nắng, người Tà Ôi lại nhớ đến chuyện cũ, chuyện hai anh em đầu tiên chia tay nhau tìm đất sống. Họ chia tay đúng vào lúc người Tà Ôi trỉa lúa. Ngày nay, người Tà Ôi có tục lệ kiêng ăn thịt chó, không đánh đập chó và khi chó chết thì thương tiếc lắm. Họ cho rằng nhờ có chó đái vào chỗ nằm của cô gái ngày ấy nên mới có người Tà Ôi bây giờ.

PĂN–TOR–TU–LOI, PĂN–CLOONG–LỜNG
(Sao Hôm, sao Mai)

Anh Păn–Cloong–Lờng ở chân trời rất yêu chị Păn–Tor–Tu–Loi ở cuối đất. Họ muốn đi lại với nhau, nhưng vì đường sá xa xôi không sao gặp nhau được.

Khi anh thức dậy nhìn đau đáu bốn phương trời lúc ban mai, thì chị đã khuất nẻo đâu tận đằng kia đường viền trái đất.

Khi trời nhá nhem tối, chị muốn đi tìm anh, anh cũng đã mất hút ở tận tít tắp chân rừng xa xăm.

Một hôm, Dàng vắng nhà. Hai người từ hai phía lén đi lại gần nhau. Họ gặp nhau giữa bầu trời đầy mây u ám.

---

1. Làng.

Păn–Cloong–Lờng hỏi:

– Hỡi người con gái đẹp ơi! Nàng đi đâu mà đến mãi chỗ này?

Păn–Tor–Tu–Loi e thẹn nói:

– Tôi đi tìm Păn–Cloong–Lờng. Không rõ anh ở chỗ nào?

Hai người mừng vui nhận ra nhau và kết đôi làm vợ chồng.

Đôi vợ chồng trẻ lẻn vào một cánh rừng mây trắng, mây đen, giữa khung trời bao la, cạnh bờ sông Ngân Hà làm một ngôi nhà kín đáo để ở chung. Họ cùng nhau chặt cây, phát rẫy, trồng trỉa không biết bao nhiêu thứ hoa thơm, cỏ lạ. Hoa quả nở xum xuê, rơi vãi, sáng nhấp nhánh khắp bầu trời.

Sau một chuyến đi xa về, Dàng thấy cõi trời khác lạ hẳn đi, không còn rừng mây đen, không còn đồi mây trắng. Ban ngày, thần mặt trời dọi ánh nắng làm khô mặt đất. Ban đêm, khắp cánh đồng Dàng, hoa trái (gọi là sao) cứ bung nở nhấp nhánh, sáng loá mắt.

Tức giận, Dàng làm cơn mưa thật to để xoá sạch đám hoa cỏ trên cánh đồng trời. Nhưng loài hoa quả do vợ chồng Păn–Tor–Tu–Loi gieo vãi đã không tàn lụi đi, mà chỉ vỡ vụn ra, rơi lả tả xuống vùng đất mường Lùm[1] biến thành hạt lúa, hạt ngô, trái bầu, quả bí,...

Dàng lại đổ mưa rào làm cho đất mường Lùm thêm ẩm ướt. Các hạt giống lại được dịp nảy mầm. Nương ngô, rẫy lúa xanh rờn. Cây bầu vươn dài ra, lá to che trùm lưng núi. Quả bí thối rữa làm hạt bí bung trôi, nẩy mầm, mọc khắp rừng thấp đồi cao. Cứ đêm đến, vợ chồng Păn–Tor–Tu–Loi lại chăm chỉ làm lụng, rỏ thêm nhiều giọt mồ hôi xuống (nay gọi là sương).

Chẳng bao lâu mặt đất đã xanh um, hoa trái trĩu cành, lúa ngô tươi tốt bời bời. Lũ chim trời cũng bỏ nương rẫy nhà trời để về ở với vùng đất tốt tươi. Muông thú cũng lũ lượt trốn khỏi vườn Dàng, chạy cả xuống mặt đất để có cỏ xanh ăn lúc đói lòng, có nước mát uống lúc trời đổ cơn nắng gắt...

Vùng đất Dàng trở nên quang quạnh, ban ngày trời nắng chang chang, về đêm cả vùng tối mù, đen đặc. Chỉ có các ngôi sao vẫn

---

1. Trần gian.

đang nhấp nháy nhìn con đàn, cháu lũ của mình sinh sôi, nảy nở đông đúc dưới vùng đất xanh tươi.

Căm giận Păn–Tor–Tu–Loi và Păn–Cloong–Lờng, Dàng nổi trận lôi đình, đẩy hai người đi hai ngả, không cho họ được gặp nhau.

Từ đó, cứ sáng sáng, Păn–Cloong–Lờng (nay đã hoá thành ngôi sao Mai) lại dậy sớm nhìn xem những cây cỏ, hoa trái của mình ở dưới mặt đất. Chiều chiều, Păn–Tor–Tu–Loi (nay đã biến thành ngôi sao Hôm) hiện sớm trên bầu trời ngắm vườn hoa của mình, lấy đó làm vui.

DÂN TỘC TÀY

PỂ GIẢ MẢI

Ngày xưa ở vùng ấy nhân dân năm nào cũng mở hội cầu phúc, bọn chúa làng lợi dụng tập quán địa phương hô hào đóng góp nhiều để tổ chức ngày hội thật to, ăn uống thật linh đình, khách thập phương xa gần kéo về nô nức.

Ngày ấy vào những ngày cầu phúc, bỗng có một con bò vằn non, vai to bằng cái dậu, mông tròn như cái lồng bàn ở ngoài đồng chạy nhớn nhác lạc vào giữa đám hội. Thấy con bò lạc, chúa làng hò dân vây kín bắt làm thịt. Không ngờ đó là bò của vua Thuỷ Tề chạy lạc lên trần gian. Mặt trời vừa gác núi, thịt bò đã làm xong, cỗ bày ra la liệt, các hào trưởng bắt đầu ngồi vào ăn uống. Chợt có một bà già đầu bạc phơ tay chống gậy lập cập đi tới đám tiệc xin ăn. Lần lượt đi hết mâm này sang mâm khác, chẳng những không được miếng gì, mà bà còn bị mọi người đuổi như hủi. Cuối cùng bà già rời đám hội, lần vào bản xin ăn và xin ngủ nhờ. Ở đây bà cụ cũng chẳng được ai tiếp, mãi khi đến cuối làng, bà già mới được một người đàn bà goá đón vào nhà.

Thấy một bà già rét run cầm cập, bà goá sai đứa con trai đốt lửa cho bà sưởi. Đến bữa hai mẹ con thổi cơm mời khách ăn. Bà già chẳng khách sáo gì, ăn luôn một lúc hết cả mấy phần cơm. Bà già hỏi:

– Người làng chơi hội đông vui, ăn uống linh đình ở ngoài kia, sao hai mẹ con không ra dự?

Bà goá buồn bã trả lời:

– Chúng tôi là mẹ goá con côi, ai mà tưởng đến. Nghe đâu lúc chiều họ bắt được một con bò lạc về làm thịt đánh chén với nhau ngoài ấy.

Bà già vốn là người Thuỷ phủ chăn bò cho vua Thuỷ Tề. Vì sơ ý, bà để một con bò chạy lạc lên trần, và bà đang đi tìm. Để cho rõ hơn, bà già bèn xin ra ngoài một lúc. Ra khỏi nhà, bà biến thành một chàng trai sang trọng lân la đến dự hội. Chàng trai cũng ngồi vào một mâm như những người khách khác vừa ăn vừa nói chuyện. Những người xung quanh kể lại cho nghe câu chuyện bắt được bò lạc ra sao? Họ còn đưa chàng đi xem cái đầu bò chưa xả thịt vẫn để ở cuối bãi. Nhận ra ngay con bò mình hằng chăn dắt hàng ngày, không nghi ngờ gì nữa, ra chỗ vắng bà già biến trở lại nguyên hình rồi quay về nhà hai mẹ con bà goá. Họ vẫn ngồi sưởi bên bếp lửa chờ bà. Thấy khách về, họ nhường giường cho bà già ngủ, nhưng bà không ngủ giường, chỉ đòi một cái nong đặt dưới gầm giường và cũng không cần chăn đắp. Nửa đêm khi bà goá thức giấc, nghe tiếng bà khách ngáy to như sấm, ngó xuống gầm giường thấy sáng rực, thì ra một con giao long to bằng cái cột nhà nằm cuộn tròn ở trong cái nong.

Sáng dậy, hai mẹ con bà goá lại thấy bà già bạc phơ hôm qua. Bà già nói:

– Tôi là người chăn bò của vua Thuỷ Tề, hôm qua tôi sơ ý để cho một con bò của vua Thuỷ Tề chạy lạc lên đây. Dân làng này tham lam đã giết thịt con bò, chắc chắn sẽ bị vua Thuỷ Tề trừng phạt. Mẹ con bà là người lương thiện, ăn ở tử tế sẽ có phúc phận. Bà hãy mau mau lấy trấu rắc xung quanh chỗ đất của bà để tránh tai vạ, và nếu có thấy việc gì xảy ra cũng đừng sợ hãi.

Nói xong bà cụ biến mất. Mẹ con bà goá vừa rắc trấu xong đã thấy một cơn giông ập đến, nước không biết từ đâu lại lênh láng khắp nơi. Chợt một tiếng sấm vang trời, đất bốn phía rung chuyển, rồi một góc làng tụt xuống đem theo chúa làng và cả đám hội chìm nghỉm dưới đáy nước. Rồi lần lượt góc thứ hai, góc thứ ba tụt xuống cuốn theo bao nhiêu người và vật, bao nhiêu nhà cửa ruộng đồng.

Ngồi trong cái nhà xiêu vẹo, hai mẹ con bà goá ôm nhau lo sợ. Khi trời trở lại quang đãng, mẹ con nhìn ra bốn phía đâu đâu cũng là biển nước mênh mông. Duy chỉ có cái nền nhà của nhà mình là vẫn còn.

Vạch trấu vẫn còn nguyên. Từ đấy ở chỗ đất sụt thành ba cái hồ rộng mênh mông, người ta gọi là Pế Giả Mải – nghĩa là biển bà goá. Ba cái hồ ấy ngày nay là hồ Ba Bể ở Bắc Cạn.

BÁO LUÔNG – SLAO CẢI

(Trai to – Gái lớn)

Cao Bằng ngày xưa chỉ là một cõi đất hoang vu, rừng núi um tùm, cây cối rậm rạp, dây dợ chằng chịt, có hàng nghìn loài thú tha hồ thả sức tung hoành, kêu vang cả góc trời, có hàng vạn loài chim đua nhau bay lượn và hót vang khắp mọi cánh rừng. Lúc bấy giờ, ở nơi đây mới chỉ có hai người: Một người con trai tên là Báo Luông, thân cao to như cây cổ thụ nghìn năm, tay dài như những cành cây gạo hoa đỏ; một người con gái tên là Slao Cải, thân cao to bằng cây lai, hai tay dài như hai cành trám. Họ chạy nhanh như gió, ném đá rất tài. Tuy hai người cùng sống lang thang ở trong một khu rừng như vậy nhưng chưa bao giờ gặp nhau.

Một hôm trời mưa rét, Báo Luông và Slao Cải tình cờ gặp nhau trong khi cùng chạy vào hang Ngườm Bôc[1] để tránh mưa dầm. Hai người hỏi han trò chuyện rồi trở nên thân mật, sau đó họ thành vợ thành chồng. Thấy hang Ngườm Bôc kín đáo, ấm áp và là nơi gặp gỡ đầu tiên để hai người nên đôi lứa, họ chọn nơi đây làm chỗ ở. Ban ngày hai vợ chồng vào rừng săn thú bắt chim, tối đến lại về hang ở. Một năm sau Slao Cải đẻ được một lúc năm đứa con trai. Trông đứa nào cũng mập mạp, hai vợ chồng rất quý. Mới được hơn nửa tháng, đàn con họ đã biết đi biết chạy. Chúng theo bố mẹ đi hết rừng này sang rừng khác để kiếm ăn. Hai vợ chồng Báo Luông – Slao Cải sống ở hang Ngườm Bôc tới mười năm. Trong thời gian ấy, Slao Cải lại đẻ thêm được năm lứa con nữa, mỗi lứa đều có năm

---

1. Tên một cái hang đá ở trong dãy núi Lam Sơn thuộc xã Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng.

con. Trông đàn con ba mươi đứa, đứa nào cũng mập mạp khoẻ mạnh, Báo Luông – Slao Cải rất mừng.

Thấy đường đi lại ở hang Ngườm Bốc khó khăn, Báo Luông liền bàn với Slao Cải tìm lấy một chỗ ở nhất định trên một sườn đồi để cho con cái đi lại được dễ dàng. Hai vợ chồng lựa chọn mãi rồi một ngày kia dẫn cả đàn con về ở trên một ngọn đồi nẻo đất, có cây cối um tùm để che mưa che nắng. Về sau quả đồi này được gọi là Khau Luông[1] – tức là đồi của Báo Luông.

Một hôm, trời nắng chang chang, khí trời oi bức. Báo Luông – Slao Cải đã vào rừng săn bắt từ sớm. Đàn con ba mươi đứa ở nhà chơi đùa với nhau dưới gốc cây. Kế chiều có một cơn giông ập tới, mưa như trút nước. Chợt có một tia chớp sáng loé đánh vào một gốc cây to cách nơi trú ẩn của đàn trẻ không bao xa. Tiếp theo có tiếng sấm vang động làm cho bọn trẻ kinh hãi. Ngoài trời mưa vẫn nặng hạt, nhưng có một gốc cây to bốc cháy rừng rực, lửa cháy mỗi ngày một to. Trời mưa vừa tạnh thì Báo Luông – Slao Cải cũng hớt hải chạy về. Đàn con chạy ùa ra đón và xán lăn vào lòng bố mẹ như trút nỗi lo sợ. Thấy gốc cây to bốc lửa cháy rừng rực có than đỏ hồng, Báo Luông – Slao Cải dắt con lại xem. Thấy có hơi nóng đàn trẻ vô cùng ngạc nhiên và thích thú. Chúng xúm quanh gốc cây cháy sưởi ấm cho bớt rét. Chúng hỏi bố mẹ: Cái này là cái gì? Sao lại có hơi nóng? Tại sao có cái này?... Cả Báo Luông và Slao Cải đều không giải thích được vì chưa bao giờ thấy. Hai vợ chồng bàn nhau đặt tên cho nó là "phầy" – nghĩa là lửa, song chẳng hiểu sao lại có "phầy".

Chợt Slao Cải thấy có một con dím chết thui ở đống lửa. Nàng nhặt lấy đem về xé chia cho chồng con mỗi người một miếng, ai nấy đều khen thịt cháy thơm ngon hơn thịt sống. Báo Luông liền chạy lại vác hai con sơn dương vừa săn được lúc trưa, ném vào đống than hồng. Lửa cháy lông rồi cháy thịt xèo xèo toả mùi thơm ngào ngạt. Báo Luông lôi hai con sơn dương thui, da cháy vàng xém ra để nguội cho cả nhà ăn. Thấy thơm ngon, chàng bàn với vợ nên cố giữ lấy lửa để có lửa nướng thịt chim, thịt thú luôn. Báo Luông – Slao Cải

---

1. Tên một quả đồi thấp, bằng ở xã Đức Long, Hoà An, Cao Bằng.

phải bàn bạc, suy nghĩ, loay hoay mãi rồi mới lấy được lửa về nhà và hàng ngày Slao Cải phải ở nhà giữ lửa, nướng thịt.

Ngày qua tháng lại, Báo Luông, Slao Cải cùng đàn con ở đồi Khau Luông này đã mười năm, Slao Cải lại đẻ thêm năm lứa con, mỗi lứa lại đều có năm đứa vừa trai vừa gái, Slao Cải dạy các con nhỏ đập lấy đá nhọn và sắc để lột lấy da thú, phơi khô dành làm áo che thân khi mùa rét tới. Thế là từ đấy, người lớn có việc lớn, người nhỏ có việc nhỏ. Cả nhà Báo Luông luôn luôn được ăn thịt nướng, càng trở nên béo khoẻ. Họ vui vẻ lấy đây làm chỗ ở lâu dài.

Các con ngày càng lớn, ăn càng nhiều. Ngày nào Báo Luông cũng phải cùng đàn con lớn vào rừng chạy đuổi thật hết sức mới kiếm đủ thịt ăn trong ngày cho cả nhà, không còn có thịt để dành như những năm trước nữa. Một hôm trời mưa to, Báo Luông cùng những đứa con lớn vẫn phải dầm mưa đi săn. Nhưng vì trời mưa như trút nước, muông thú đều chui ẩn ở trong hang, trong ổ. Đoàn người nhà Báo Luông không gặp một con thú, con chim nào. Hôm ấy họ trở về tay không, cả nhà phải nhịn đói. Đêm hôm ấy, những đứa con lớn không ngủ được, những đứa con nhỏ khóc đến sáng, Slao Cải thương con đến rầu ruột héo hon.

Sáng hôm sau, trời vẫn mưa to, vợ chồng con cái Báo Luông vẫn phải nhịn đói vì không vào rừng săn bắt muông thú được. Những đứa con nhỏ lại kêu đói dữ hơn. Thương con quá Slao Cải đành xuống ven suối hái về một cây rừng trĩu quả. Nàng ngắt lấy quả đem vùi than, quả rừng chín, nàng lấy nếm thử. Thấy quả vừa ngọt vừa bùi, nàng đem chia cho các con nhỏ ăn. Chúng thôi khóc và lại đòi ăn nữa. Slao Cải lại chạy ra ven suối vác một ôm cây to nữa, nướng cho cả nhà ăn. Hôm ấy, tuy không có thịt, nhưng được ăn quả rừng, cả nhà đều thấy ấm bụng.

Slao Cải bàn với chồng:

– Kể ra cái nghề săn bắt cũng dễ kiếm ăn. Nhưng chim thú ngày càng ít, gặp những ngày mưa gió như thế này, không vào rừng được thì cả nhà đều ngồi nhịn. Có lẽ nên ăn thêm cả quả rừng nữa, nhưng quả rừng ăn mãi cũng hết. Muốn ăn lâu dài, phải trồng thêm nhiều loại cây quả.

Báo Luông cho là phải. Chàng bàn với vợ nên chia các con ra hai nhóm: một nhóm chuyên chăm lo cấy trồng, một nhóm chuyên

chăm lo việc săn bắt thú, Slao Cải cho như thế là hay. Nàng bảo chồng nên dẫn dắt nhóm trồng trọt, còn đứa con lớn sẽ dẫn dắt nhóm săn bắt.

Trong khi người con cả dẫn các con trai lớn tuổi vào rừng săn bắt thì Báo Luông dẫn đàn con gái lớn tuổi ra đồi lấy que nhọn và đá sắc bới đất trồng cây quả. Slao Cải ra ven suối hái quả rừng về làm giống. Cây quả trồng rất dễ mọc. Chỉ một tháng cây đã mọc cao. Ba tháng quả chín vàng. Đoàn con gái hái lấy quả về giã tróc hết vỏ rồi bỏ vào ống bương đem nướng bên đống than hồng. Quả chín cả nhà ăn rất ngon và rất êm bụng. Báo Luông đặt tên cho quả ấy là "co khẩu" (tức cây lúa). Quả nấu chín trong ống bương gọi là cơm.

Từ đấy cả nhà Báo Luông đã có hai loại thức ăn: vừa ăn thịt vừa ăn cơm nên mọi người luôn luôn no bụng. Nhưng thú rừng chim rừng ngày càng ít, có ngày đoàn đi săn chỉ đuổi bắt được một con nai, đủ ăn một bữa. Vì vậy nhà Báo Luông càng phải ăn tăng cơm. Thấy ăn cơm cũng no bụng chẳng kém gì ăn thịt, Báo Luông càng chăm lo trồng thêm nhiều lúa. Lúc đầu chàng chỉ gieo trồng ở trên đồi, khi gặp những ngày nắng to, kéo dài, lúa thường bị héo lại không chắc hạt. Báo Luông bàn với vợ tìm cách gieo lúa ở những khoảng đất thấp và bằng, để khi gặp nắng hạn, có thể dẫn nước vào tưới. Những cánh đồng đầu tiên của chàng là đồng Nặm Thoong, Nà Loòng, Nà Miền, Nà Dược, Thắc Tháy[1] ở quanh Khau Luông. Dần dần Báo Luông thấy cuốc xới bằng cây que và đá sắc làm không được nhiều bèn nghĩ cách vào rừng chặt lấy một khúc gỗ "lềm" (tức là gỗ lim, ngày nay người ta gọi khu rừng ấy là Khau Lềm[2]), to bằng bắp đùi, đem về đẽo nhọn một đầu. Chàng đặt tên cho nó là Mắc thây (tức là cái cày). Chàng buộc dây vào khúc gỗ để các con kéo còn mình thì cầm khúc gỗ cắm đầu nhọn xuống đất. Làm như vậy, chàng thấy đào đất được sâu và nhanh hơn so với trước đây. Song đất cày lên được lại toàn những cục to, muốn gieo được lúa xuống đấy, Báo Luông và các con lại phải lấy gậy đập cho tơi đất ra. Thấy công việc đập đất nặng nhọc lại mất nhiều thì giờ, chàng

---

1. Những cánh đồng này thuộc xã Đức Long, Hoà An, Cao Bằng.
2. *Khau Lềm* – tức đồi lim, tên một quả đồi ở xã Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng.

lại nghĩ cách lấy một khúc gỗ to và nặng, buộc hai dây vào hai đầu cho các con kéo ngang trên mảnh đất đã cày. Cây gỗ lăn tới đâu, đất cày tơi đến đấy. Cái khúc gỗ lăn ngang này được Báo Luông đặt tên là "Mắc phưa" (tức là cái bừa).

Qua những năm gieo hạt bằng lúa khô, lúa mọc chậm và không đều, Báo Luông nghĩ ra cách ngâm hạt giống lúa xuống nước rồi mới vớt lên đem gieo. Hạt giống ngâm này mọc nhanh, mạnh và đều. Nơi mà chàng ngâm hạt giống lúa nay được coi là "vỏ má"[1]. Tuy vậy gieo vãi bằng cách này cũng chưa hay lắm, vì lúa mọc chỗ mau, chỗ thưa. Thấy thế, Báo Luông lại nghĩ ra cách gieo hẳn hạt giống ở một cánh đồng nước. Khi cây lúa giống (tức là cây mạ) mọc cao bằng gang tay, chàng mới nhổ để cấy ở những đám ruộng nước đã cày bừa kỹ. Chàng cấy từng cụm con, cách nhau đều đặn để sau này có thể nhổ cỏ được.

Cánh đồng chàng gieo mạ, nay gọi là "Phiêng Pha"[2]. Nhờ những cải tiến ấy Báo Luông đã khai phá thêm được nhiều cánh đồng mới và thu hái được ngày càng nhiều. Hạt lúa được Báo Luông đặt tên là "khẩu cooc" (tức là hạt thóc), cái nhân của hạt thóc được Slao Cải gọi là hạt gạo.

Lúc đầu Slao Cải đổ thóc ra sân để đập. Nhưng bằng cách này, gạo lẫn nhiều sỏi đá, ăn rất khó. Slao Cải bèn đi tìm một hốc đá rộng hơn một sải tay, sâu chừng ba bốn gang để giã thóc. Nơi hốc đá ấy, Slao Cải gọi là "dộc tăm" (tức cối giã). Giã gạo bằng cái cối như vậy, nàng vừa được nhiều gạo, gạo lại vừa trắng vừa không có sạn.

Công việc đồng áng lúc này đòi hỏi thêm nhiều người vả lại nhóm săn bắt lúc ấy cũng không kiếm được nhiều thịt như trước nữa. Báo Luông bèn bàn với vợ nên chăm chú nghề trồng trọt nhiều hơn, Slao Cải nghe theo lời chồng, bảo tất cả các con gái và một số con trai đi theo cha ra đồng. Công việc săn bắt chỉ còn dành cho mười người con trai lớn.

---

1. Nghĩa là làng Ngâm, thuộc xã Đại Tiến, Hoà An, Cao Bằng.
2. *Phiêng Pha*: cánh đồng thuộc huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.

Sáng sáng, đoàn người ra đồng kéo cày, kéo bừa, xới đất. Thấy các con kéo cày, kéo bừa vất vả, Báo Luông lại bàn với vợ tìm cách nào để giảm bớt sự vất vả. Slao Cải suy nghĩ hồi lâu rồi bảo chồng:

– Giống voi rừng, trâu rừng, bò tót có cái u, có sức khoẻ, có thể dùng kéo cày kéo bừa thay người được.

Nhưng voi rừng, trâu rừng, bò tót đều là những con vật hung dữ, làm thế nào để sai khiến chúng được? Hai vợ chồng bàn bạc mãi, sau Báo Luông nói với vợ là mình sẽ dạy chúng, kiên nhẫn dạy chúng, vì con người khôn hơn tất cả muôn loài.

Sáng hôm sau, Báo Luông bảo các con trai tìm cách bắt sống lấy mươi voi, mươi trâu, mươi bò tót đem về nuôi, dạy chúng kéo cày kéo bừa. Hôm đó, vâng theo ý cha mẹ, đoàn săn bắt lùa về một đàn voi rừng, một đàn trâu rừng, một đàn bò rừng. Báo Luông cho nhốt trâu ở một thung lũng, gọi là Lũng Vài[1], cho đem nhốt bò ở một thung lũng khác gọi là Nooc Mo[2] và cho nhốt đàn voi ở một cái đèo thấp, gọi là "Cạp Chạng"[3]. Chàng bảo các con lùa trâu đi chăn ở một cánh đồng cỏ, gọi là Nà Vài[4], chăn bò ở một cánh đồng ven suối, gọi là Nà Mo[5], chăn voi ở một quả đồi thấp lắm cỏ, gọi là Pò Chạng[6]. Rồi ngày ngày, chàng cho các con trai lớn ra dạy voi, trâu, bò kéo cày, kéo bừa. Các con chàng lấy dây buộc vào ngà voi, sừng trâu, sừng bò để dắt chúng. Nhưng voi, trâu chưa chịu nghe. Báo Luông lại nghĩ ra cách xỏ dây ngang mũi chúng để dắt. Bị xỏ mũi chúng phải chịu cho người dắt, nên không lôi được người đi tạt ngang tạt dọc nữa. Hàng ngày lùa voi, trâu, bò đi ăn cỏ, các con của Báo Luông làm quen dần với chúng và dần dần dạy chúng kéo cày, kéo bừa. Voi, trâu, bò đã trở nên hiền lành, ngoan ngoãn, chịu để người sai khiến, làm theo ý người kéo cày, kéo bừa ở trên những cánh đồng. Nhờ có voi, trâu, bò kéo cày, kéo bừa thay người nhà Báo Luông khai phá được thêm nhiều cánh đồng, ấy là những cánh

---

1. Nghĩa là lũng trâu, thuộc Đại Tiến, Hoà An, Cao Bằng.
2. Tiếng Tày nghĩa là đồi bò, nay thuộc xã Đào Ngạn, Hà Quảng, Cao Bằng.
3. Tiếng Tày nghĩa là đeo chăn voi, nay thuộc xã Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng.
4. Nghĩa là ruộng trâu, nay thuộc xã Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng.
5. Nghĩa là ruộng bò, nay thuộc xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
6. Nghĩa là đồi voi, thuộc xã Đại Tiến, Hoà An, Cao Bằng.

đồng rộng mà ngày nay được đặt tên là Tổng Quảng, Nà Luông[1], Tổng Xảng, Nà Lự[2], Nà Mò, Mạ Quan[3], Tổng Quảng Thua Khau, Ảng Giàng Gốc Lại[4], Tổng Mả Nà Đon[5], Phai Thin Lăng Đông[6]. Thóc lúa gặt về Báo Luông, Slao Cải cho chất đống một nơi gần chỗ ở, nơi ấy nay gọi là Nà Coóc[7]. Thóc thu hoạch được nhiều, cả nhà ăn không hết, Báo Luông nghĩ ra cách bắt thú rừng về nuôi làm thức ăn dự trữ.

Hôm sau, Báo Luông cho các con lớn lên rừng rình bắt lấy một đàn gà gô và gà lôi đem về nuôi ở một quả núi nhỏ. Nơi đó nay gọi là núi Rằng Cáy[8]. Bấy lâu nay ở rừng gà chỉ được ăn cỏ và sâu, nay về ở với người được ăn đầy đủ thóc gạo, gà rất chóng lớn và sinh sôi nhanh chóng. Chẳng bao lâu đàn gà của Báo Luông đã lên đến hàng nghìn con lớn bé. Báo Luông lại cho con vào rừng bắt vịt trời, ngỗng trời về nuôi. Chàng cho nhốt ngỗng ở bên khe suối nhỏ, nay nơi ấy gọi là Khuổi Hán[9], cho nuôi vịt ở đồi Lậu Pất[10].

Thấy gà vịt ngỗng đều dễ nuôi lại sinh sản nhanh chóng, Báo Luông rất mừng. Nhưng gà vịt ngỗng là những loài chim nhỏ, mỗi bữa ăn thường phải mổ tới hàng trăm con mới đủ cho cả nhà, như vậy cũng phiền phức. Báo Luông nghĩ đến việc nuôi lợn để có nhiều thịt hơn. Thế là các con Báo Luông lại lên rừng Đông Giảo[11] bắt một đàn lợn cỏ đem về nhốt ở thung lũng Coỏc Mu[12] và lùa về mươi con lợn rừng nuôi ở khu đồi Chông Mu[13]. Thấy lợn ăn nhiều thóc gạo, Slao Cải trồng thêm rau lang ở khu đất màu mỡ làm thức ăn

---

1. Tổng Quảng, Nà Luông thuộc xã Vĩnh Quang, Hoà An, Cao Bằng.
2. Tổng Xảng, Nà Lự thuộc xã Hưng Đạo và Hoàng Tung, Hoà An, Cao Bằng.
3. Ở xã Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng.
4. Nay thuộc xã Bình Long, Hoà An, Cao Bằng.
5. Thuộc xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
6. Thuộc xã Đức Long, Hoà An, Cao Bằng.
7. Nghĩa là cánh đồng thóc, thuộc Đức Long, Hoà An, Cao Bằng.
8. Nghĩa là núi ổ gà, thuộc xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
9. Nghĩa là khe suối ngỗng, tên một khe suối ở Hoàng Tung, Hoà An, Cao Bằng.
10. Nghĩa là chuồng vịt ở Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
11. Nghĩa là rừng lợn cỏ, thuộc xã Phù Ngọc, Hà Quảng, Cao Bằng.
12. Nghĩa là chuồng lợn thuộc Hà Quảng, Cao Bằng.
13. Nghĩa là bờm lợn thuộc Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.

cho lợn, gọi nơi đó là Lũng Mằn[1]. Báo Luông còn cho trồng khoai môn để lấy dọc nấu lẫn với gạo làm thức ăn vỗ béo lợn thịt và chăn nuôi lợn nái, gọi nơi đó là Nà Bon[2]. Đàn lợn ở hai nơi được chăm sóc chu đáo nên sinh sản nhiều, con nào cũng béo múp míp. Những ngày thiếu thịt thú rừng ăn, Báo Luông cho các con mổ lợn hay gà vịt để làm bữa. Các con chàng đem vịt đến nhổ lông, làm lòng ở Vằng Cáy[3] và làm thịt lợn ở Tả Slẩy[4].

Bỗng một đêm có một con hổ lớn xông vào chuồng bắt lợn. Báo Luông ở nhà nghe tiếng lợn kêu và tiếng hổ gầm rung chuyển cả núi đồi, chàng liền gọi các con lớn cùng vác dao đuổi bắt hổ. Báo Luông đánh nhau với hổ rất hăng, con hổ đành vác lợn chạy dài. Báo Luông nhanh chân đuổi theo, con hổ vác lợn trốn vào hang đá. Báo Luông vẫn bám riết hổ. Gặp đường cùng, con hổ ra sức chống lại, Báo Luông nhanh tay túm chặt hai chân trước con hổ, đá mạnh một phát vào bụng. Con hổ gầm lên một tiếng long trời lở đất rồi hộc máu lăn ra chết tươi. Quả núi mà chàng đuổi kịp hổ nay gọi là Khau Slưa[5], cái hang đá mà chàng đánh nhau với hổ gọi là hang Ngườm Slưa[6]. Lúc này Báo Luông mới nghĩ là cần phải nuôi một giống vật gì để giúp người coi lợn, gà, vịt, ngỗng ban đêm. Chàng đem ý đó nghĩ ra bàn với vợ. Slao Cải nói rằng có loài chó rừng rất thính tai và biết sủa. Nàng bảo nên bắt lấy chó rừng về nuôi giúp người coi chừng những chuồng gia súc. Rồi Báo Luông cùng đàn con lớn lên ngọn núi Khau Han[7] rình bắt lấy vài con chó rừng, đem về nuôi, nhốt trên một ngọn đồi con. Báo Luông gọi nơi đó là Phja Mạ[8]. Chó rừng là loài vật tinh khôn, Báo Luông lại khéo léo dạy bảo, chỉ ít lâu sau đàn chó đã mến chủ giúp chủ coi gà, lợn,

---

1. Nghĩa là lũng khoai lang, thuộc Tương Lương, Hoà An, Cao Bằng.
2. Nghĩa là ruộng môn, thuộc Đại Tiến, Hoà An, Cao Bằng.
3. Nghĩa là vực gà, một cái vực nhỏ của sông Tả Ngả thuộc Lam Sơn, Hồng Việt, Cao Bằng.
4. Nghĩa là sông Lòng, con sông chảy qua Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
5. Nghĩa là đèo hổ, nay thuộc xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
6. Nghĩa là hang hổ, nay thuộc xã Hoàng Tung, Hoà An, Cao Bằng.
7. Nghĩa là núi chó sói thuộc xã Bình Long, Hoà An, Cao Bằng.
8. Nghĩa là núi chó, bên cạnh phố Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng.

vịt, ngan, ngỗng. Chúng lại còn biết theo chủ đi săn, đuổi bắt được cả chồn cáo. Trong lúc đi săn, chó chạy rất nhanh, có lúc chó đuổi theo đàn nai, vốn là một loài thú chạy nhanh., Báo Luông không sao theo kịp. Chàng lại nảy ra ý nghĩ làm sao bắt được ngựa rừng đem về nuôi để cưỡi trong lúc đi săn. Chàng về nói ý định của mình với vợ và con. Các con chàng đều lấy làm thích thú.

Thế rồi, Báo Luông cùng đàn con trai lên vây kín quả núi Phja Mạ[1] bắt lấy một đàn ngựa rừng đem về chăn ở một cánh đồng cỏ, Báo Luông gọi đồng cỏ ấy là Nà Mạ[2]. Các con chàng Báo Luông dạy ngựa rất khéo, nên chẳng bao lâu đàn ngựa đã thuần. Cũng nhờ có ngựa cưỡi, Báo Luông và các con lại đi săn bắt thú rừng cũng như thăm nom đồng ruộng và săn sóc các đàn gia súc ở các nơi rất thuận tiện.

Tuy trong nhà đã nuôi được nhiều súc vật nhưng Báo Luông vẫn muốn nuôi thêm giống dê rừng. Chàng lại cùng các con lên núi Gạm Bẻ[3] rình bắt lấy một đàn dê, đem về nuôi ở một quả đồi, tên là Vo Bẻ[4]. Lại thấy kho thóc ở Nà Coóc bị chuột ăn hại rất nhiều, Báo Luông vào rừng Nà Mèo[5] bắt mươi con mèo rừng về nuôi. Mèo rừng tuy rất hay cào hay cắn nhưng cũng dễ bảo, chỉ non một tháng, chúng đã quen người. Ngày đêm chúng rình bắt hết chuột, họ nhà chuột quá sợ không dám bén mảng tới vùng Nà Coóc nữa. Chúng rủ nhau chạy trốn sang đồi Nà Nu[6] hết. Từ đấy kho thóc của Báo Luông không bị chuột ăn hại nữa.

Hai vợ chồng Báo Luông lại nghĩ đến việc nuôi cá, chàng cùng các con đến lấy cá giống ở Bó Pja[7] đem về thả ở những vựa sông cái, vực thả cá chầy được gọi là Vằng Tát[8], vực thả cá chuối

---

1. Nghĩa là núi ngựa, tên một ngọn núi độc sơn ở Hà Quảng, Cao Bằng.
2. Nghĩa là cánh đồng ngựa, thuộc xã Vĩnh Quang, Hoà An, Cao Bằng.
3. Gạm Bẻ nghĩa là đèo chăn dê thuộc huyện Bảo Lạc, Cao Bằng.
4. Nghĩa là đồi dê, tên một quả đồi thấp ở xã Đề Thám, Hoà An, Cao Bằng.
5. Nghĩa là cánh đồng mèo, thuộc xã Dân Chủ, Hoà An, Cao Bằng.
6. Nghĩa là ruộng chuột, nay thuộc xã Lang Môn, Nguyên Bình, Cao Bằng.
7. Nghĩa là mỏ cá, là một mỏ nước phun ở xã Hồng Nam, Hoà An, Cao Bằng.
8. Nghĩa là vực cá chầy, một vực nước sâu của sông Dẻ Rào chảy qua xã Tương Lương, Hoà An, Cao Bằng.

được gọi là Vằng Lài[1], vực thả cá trắm gọi là Vằng Vẩu[2], con suối thả cá mương đặt tên là Khuổi Liềng[3]. Cá nuôi rất dễ, đẻ nhanh, chóng lớn nên chẳng bao lâu, vực cá đã trở thành nguồn thức ăn dồi dào cho cả nhà. Thịt cá đầy đủ nhưng con Báo Luông lại muốn ăn thêm rau quả. Trước thì chỉ phải lượm trong rừng nhưng sau thì Báo Luông nghĩ cách trồng thêm. Chàng cùng các con trồng rau xanh bên một con suối nhỏ, đặt tên là Khuổi Phjắc[4], chàng trồng đỗ trên một quả đồi con đặt tên là Khau Thúa[5], trồng khoai lang ở đồi Khau Mằn[6], trồng trám đen ở sườn đồi Pò Bây[7] gieo trám trắng ở sườn núi Vàn Cưởm[8], lấy giống cam ở Kéo Cam[9] đem về trồng ở cánh đồng thấp Pác Cam[10].

Chàng cùng các con lên Cốc Pàng[11] lấy giống bưởi đào trồng ở một thung lũng nhỏ, gọi là Loỏng Pàng[12], lấy giống bưởi trắng trồng ở ven một khe suối, gọi là Khuổi Pàng[13]. Báo Luông còn cho trồng thêm đu đủ ở thung lũng ẩm thấp, đặt tên là Khuổi Rẩu[14], vùi gừng ở một lũng hẹp, gọi là Lũng Khinh[15], cắm sậy ở một thung lũng xa xa gọi là Khuổi Ỏ[16], trồng cây "Pảng"[17] ở một lũng đá để

---

1. Nghĩa là vực cá chuối, là một cái vực của sông Bằng Giang chảy qua xã Đức Long, Hoà An, Cao Bằng.
2. Nghĩa là vực cá trắm, là một cái vực của sông Dẻ Rào chảy qua xã Bình Long, Hoà An, Cao Bằng.
3. Nghĩa là suối cá mương, một con suối nhỏ ở Nà Lóa, Đức Long, Hoà An, Cao Bằng.
4. Nghĩa là suối rau xanh, tên một thung lũng nhỏ ở Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
5. Là đồi đỗ, một quả đồi thấp gần thị xã Cao Bằng.
6. Nghĩa là đồi khoai lang, ở xã Vĩnh Quang, Hoà An, Cao Bằng.
7. Nghĩa là đồi trám đen, ở xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
8. Nghĩa là sườn đồi trám trắng, ở xã Bình Long, Hoà An, Cao Bằng.
9. Nghĩa là đèo cam ở xã Tương Lương, Hoà An, Cao Bằng.
10. Nghĩa là rừng cam, một cánh đồng rộng ở Bình Long, Hoà An, Cao Bằng.
11. Gốc bưởi, nay thuộc huyện Bảo Lạc, Cao Bằng.
12. Khe bưởi, thuộc xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
13. Khuổi Pàng là suối bưởi nay thuộc xã Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng.
14. Suối đu đủ, nay thuộc xã Bình Dương, Hoà An, Cao Bằng.
15. Thung lũng gừng nay thuộc huyện Thông Nông, Cao Bằng.
16. Khe Sậy, tên một khe suối ở Tương Lương, Hoà An, Cao Bằng.
17. Là một loại cây giống móc có thể giã nhỏ lấy bột hoặc lấy ruột cho lợn ăn.

lấy bột nấu thêm cho lợn, gọi là Khuổi Pảng[1], trồng riềng ở một sườn đồi gọi là Nà Khá[2], trồng chanh ở đồi Khuổi Cheng[3]. Chàng còn trồng bông ở đồi Khau Phải[4], trồng thêm chàm để nhuộm quần áo ở Khuổi Xỏm[5].

Công việc chăn nuôi trồng trọt của nhà Báo Luông càng được mở mang nên càng bề bộn, vì vậy đi lại gặp rất nhiều khó khăn. Báo Luông định di nhà xuống dưới thấp để tiện trông nom vườn trại. Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với vợ con, chàng di nhà về một bãi rộng bằng phẳng vừa gần đồng ruộng, vừa gần chuồng trại chăn nuôi. Nơi này chàng đặt tên là Bảo Vạn[6].

Đến nơi ở mới, chàng cho các con vào rừng Đông Viảo[7] ngả cây gỗ làm cột, vào Lũng Riển[8] lấy cây xoan làm xà, làm quá giang, vào rừng Pá Pheo[9] lấy tre làm hoành, lên Lũng Muổi[10] lấy mai về chẻ tư làm rui, sang Tổng Phấy[11] lấy cây tre đực chẻ đôi làm mè, đến Loỏng Rượi[12] lấy cây nứa về đập làm dát, đan phên ken vách, sang Pác Pàu[13] chặt cây vầu về chẻ làm dứng ngăn buồng, đến rừng Pác Gà[14] cắt lấy gianh về lợp. Sau khi cất cử xong từng việc, Báo Luông cùng các con xúm tay vào làm, chỉ mươi ngày cái nhà hai mươi gian rộng rãi dã dựng xong. Từ đấy bố mẹ con cái Báo Luông đã có nơi ăn, nhà ở cố định, lâu dài. Cả nhà vui vẻ làm ăn sinh sống, đời sống của gia đình Báo Luông – Slao Cải ngày càng được no ấm tươi vui. Lúc này Báo Luông đã có râu dài chấm ngực, đầu

---

1. Khe Pảng, một thung lũng ở Lam Sơn, Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng.
2. Ruộng riềng, nay thuộc xã Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng.
3. Khe chanh, nay thuộc huyện Thông Nông, Cao Bằng.
4. Đồi bông, một quả đồi gần thị xã Cao Bằng.
5. Khem chàm, nay thuộc huyện Thông Nông, Cao Bằng.
6. Nay là một làng đông dân ở Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
7. Rừng cây Viảo, một loại cây to, thẳng ở xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.
8. Lũng xoan, nay thuộc xã Đại Tiến, Phục Hoà, Cao Bằng.
9. Rừng tre, thuộc xã Tương Lương, Hoà An, Cao Bằng.
10. Lũng cây mai, nay ở huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.
11. Đồng tre đực, nay thuộc xã Tương Lương, Hoà An, Cao Bằng.
12. Khe nứa, nay thuộc xã Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng.
13. Rừng vầu, nay thuộc xã Quốc Toản, Quảng Hoà, Cao Bằng.
14. Rừng gianh, nay thuộc xã Bế Triều, Hoà An, Cao Bằng.

tóc đã chuyển màu hoa râm, Slao Cải đã có nhiều vết nhăn ở trán, ở đuôi mắt. Một trăm người con của họ gồm năm mươi trai, năm mươi gái đều đã lớn tuổi. Trai nào cũng béo to, khoẻ mạnh, gái nào cũng xinh đẹp hồng hào. Họ đều có tên gọi riêng như: Lương, Nông, Hoàng, Lý, Trương, Đàm, Lâm, Phạm, Lê, Mã, Bàn, Bế, Vũ, Đoàn, Đinh, Dương...

Thấy đàn con khôn lớn Slao Cải vừa mừng vừa băn khoăn suy nghĩ. Một hôm, nhân các con đi ra đồng vắng, Slao Cải thì thầm nói rõ điều lo lắng của mình cho chồng nghe:

– Đàn con của chúng ta ngày càng lớn tuổi. Chúng ta là bố mẹ, tất phải lo cho chúng có vợ có chồng. Nhưng khốn nỗi ở cõi đất này chỉ có một nhà ta, xung quanh không có một trai lạ, một gái lạ nào, chàng bảo nên suy tính thế nào cho phải?

Báo Luông suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Hay là ta cho các con trai, con gái chúng ta tự lựa chọn đôi lứa làm vợ làm chồng, có nên không? Vì ngoài con chúng ta ra ở đây không có một trai gái nào thì lấy đâu ra được người khác để dựng vợ gả chồng cho chúng nó?

Slao Cải nghe chồng nói cũng thấy hợp lý. Rồi ngay chiều hôm ấy, sau bữa cơm chiều. Báo Luông và Slao Cải gọi các con đến, nói rõ ý định của cha mẹ cho các con biết.

Từ đấy năm mươi con trai và năm mươi con gái của chàng đều thành vợ thành chồng, chẳng bao lâu, những cặp vợ chồng trẻ sinh con đẻ cái. Báo Luông, Slao Cải lúc này đã có các cháu quấn quít bên cạnh, họ đã được gọi là Pú Luông và Giả Cải[1].

Con cháu ngày càng đông, Pú Luông và Giả Cải bàn nhau nên phân chia các con đi ở nhiều nơi. Mỗi đôi vợ chồng đến dựng nhà ở gần một cánh đồng hay một chuồng trại chăn nuôi để tiện việc chăm sóc lúa màu và các đàn gia súc. Pú Luông cho phép các con tự ý chọn lấy nơi ở vừa ý. Nghe cha mẹ truyền như vậy các con rất vui lòng.

Thế là hầu hết bên những đồng ruộng và gần những chuồng trại chăn nuôi đều mọc lên những nóc nhà mới. Rồi chẳng bao lâu,

---

1. Pú, giả, tiếng Tày nghĩa là ông, bà.

ở mỗi nơi, bên cạnh những cái nhà lẻ tẻ này lại mọc lên nhiều lớp nhà mới của con cháu họ. Lớp con cháu đều có tên riêng nhưng đều thống nhất lấy tên bố hoặc mẹ làm họ. Và cũng từ đấy, ở mỗi chòm bản đều có một họ riêng như họ Nông, họ Bế, họ Hoàng, họ Lê, họ Phạm...

Sau khi Pú Luông và Giả Cải qua đời, nghĩ đến công lao của hai ông bà đã sinh ra loài người, đã khai phá ruộng nương, thuần dưỡng thú rừng, làm ra mường bản, các con cháu lập đền thờ để ghi nhớ công ơn. Ngày nay đền thờ hai ông bà Pú Luông và Giả Cải hãy còn ở giữa cánh đồng làng Bảo Vạn.

DÂN TỘC XƠ ĐĂNG

VŨ TRỤ THUỞ KHAI SINH

Người khổng lồ:

Thuở xưa ở vùng núi Ngọc Ang[1] có ông Rờ xi, vóc người to lớn như trái núi. Ông đã đi khắp thế gian này, chỗ ông qua nhiều lần mặt đất trở lên lồi lõm và đó là các vùng núi bây giờ. Có một lần, ông Rờ Xi ngồi ăn trầu, rảnh rang mới lấy chân khua mặt đất, lập tức một vùng đồng bằng mênh mông hiện ra. Những dòng sông, dòng suối lớn là vết ngón tay ông Rờ Xi quờ tìm cái đánh lửa. Nếu không có ông thì bầu trời đã trũng xuống trùm sát mặt đất, bởi vì bầu trời là cái chăn lớn Giàng căng ra phơi, Ông Rờ Xi đã đứng cúi lưng để đỡ cho bầu trời khỏi chùng, Ông đứng lâu lắm. Một dấu chân hiện còn ở vùng Đak Tam Lung (phía tây Trà Mi), còn dấu chân kia nghe nói ở vùng đất Quy Nhơn sát biển.

Con người:

Loài người khi mới xuất hiện có hình vóc lạ lùng. Đó là những con người cao, to và chạy rất nhanh nhờ có hai đầu gối quay ra đằng sau, với đầu gối này người ta có thể đuổi kịp bất kỳ loại thú

---

1. Ngọc Ang (Ngok Ang): Tên địa phương của ngọn núi Ngọc Lĩnh ở tỉnh Gia Lai–Kon Tum, cao nhất Tây Nguyên (2.598m).

rừng nào: Loài thú thấy mình có nguy cơ bị tiêu diệt mới cùng nhau lên kiện Giàng, Giàng đành phải xoay đầu gối của người lại như ngày nay.

Lại nói, lúc đầu vì có thể kiếm ăn rất dễ dàng nhờ hai đầu gối kỳ lạ kia, nên loài người sinh sôi nhanh chóng. Cua và rắn là hai con được người yêu thích đã hết sức giúp người kiếm ăn rồi mà vẫn không đủ. Chuối bảo: "Thế thì để ta nuôi cho...". Thế là nhờ có thân chuối, củ chuối, hoa chuối, quả chuối mà loài người sống được. Và cũng chính nhờ chuối nuôi người, nên người phải sống như chuối: Chuối ra buồng, chuối già, chuối chết và người đẻ con, người già, người cũng chết.

Lửa:

Khi mới sinh ra, loài người chưa có lửa dùng. Họ phải ăn sống nuốt tươi, khổ lắm. Lúc bấy giờ chỉ có loài chuột là giữ được lửa, nhưng nó giấu rất kín. Trời thương loài người, mới sai ve đến xin hộ. Ve đến, chuột không cho, chuột lại bắt ve nhắm mắt lại mỗi khi nó đánh lửa. Vì có mắt ở nách nên ve vẫn dò biết được cách lấy lửa của chuột. Được ve bảo cho cách lấy lửa, từ đó loài người mới có lửa dùng, không phải chịu cảnh ăn sống nuốt tươi như trước nữa.

Cây lúa:

Xưa kia, lúa ở sâu dưới biển. Vùng biển này đầy gió bão không ai đến nổi, chỉ có loài vắt là sống được ở đấy vì chúng có cái vòi bám rất chặt vào các kẽ đá. Thấy con người đói khổ không biết làm nhà cửa, gieo trồng gì, loài kiến thương lắm. Họ hàng kiến quyết định đi đến chỗ vắt xin hạt quý về cho người. Mới đầu vắt không chịu cho, kiến dỗ dành thế nào cũng không được, về sau kiến đành phải giả vờ nói là cho mượn rồi sẽ trả, vắt mới chịu.

Được kiến đem hạt lạ về cho, người mừng lắm. Họ đem các hạt ấy gieo thử trên đất ướt. Cây lúa mọc lên rất nhanh, cao như cây đa. Mùa đến, cây lúa ra những trái to, dài như trái bí đao, tỏa hương thơm ngát. Người mừng lắm, rủ nhau chăng những sợi chỉ từ rẫy về kho rồi hú gọi vang rừng. Nghe tiếng hú của người, những trái lúa tự theo dây chỉ lũ lượt kéo nhau về đầy sân, đầy nhà. Thời đấy, chỉ cần một vài hạt lúa thôi cũng đủ để cả làng no đủ cả ngày, vì rằng mỗi hạt lúa đập ra nhiều mảnh, mỗi mảnh nấu được một nồi bung lớn. Loài người sung sướng lắm. Làng đông vui, chiêng

trống hát hò vang động khắp cả núi rừng. Có một năm, theo tiếng hú, lúa trở về làng lũ lượt. Thấy lúa về, có một con chó tự nhiên sủa ầm lên làm những hạt lúa sợ hãi rơi xuống đất vỡ nát hết ra.

Từ đó, hạt lúa trở lên nhỏ như bây giờ, cây lúa cũng phải gieo trồng vất vả lắm mới có được. Lúa chín, nó không tự về nhà theo dây nữa. Nhưng cho đến nay người Xơ Đăng vẫn còn thói quen chăng dây qua suối cầu mong lúa về nhiều mỗi khi mùa gặt đến.

Loài vắt nhớ nợ xưa vẫn cứ bám riết người đòi lại lúa quý. Người không trả được chúng cứ hút máu mãi, hút hoài.

Nhà:

Ngày xưa, người và khỉ là bạn thân của nhau, nhưng khỉ thường ranh mãnh hơn. Khỉ chiếm hết các hang đẹp để ở, lại tìm chòi trên cây cao nữa. Nó không dạy người cách làm nhà: Thời ấy có con rùa (conkom) cũng là bạn của khỉ nhưng rất thương người. Rùa đứng cao lên và bảo: hãy lấy lá chuối, cành cây làm như người tôi đây này; bốn cái chân làm cột, cái mai làm mái, cái đuôi làm cầu thang và cái đầu làm cút[1]. Người theo đó mà làm, quả nhiên có cái nhà thật đẹp trông y như con rùa. Lâu dần cái nhà sàn bây giờ ra đời.

Cây mía:

Cây mía buổi ấy nhiều lắm. Mía mọc đầy rừng núi Tây Nguyên, cây to và cao, bụi lớn như bụi lồ ô và không có bã có xơ. Dóng mía dài, rỗng bên trong, đầy nước ngọt lịm. Có một lần, lũ chồn đi ăn đêm đụng phải mía, mía gãy, nước ngọt dính đầy mặt, đầy đầu. Chúng giận mía lắm. Một buổi, chồn kéo cả họ hàng vào các làng lượm phoi nan đan gùi của người nhét vào ruột mía. Từ đó mía có bã, ăn phải nhai.

Củ mài:

Ngày xưa ở vùng người Xơ Đăng người ta gọi củ mài là quả mài. Cũng như bầu bí, mài là giống dây leo mọc đầy rừng, ra quả chi chít. Bữa kia mụ Da Croá đi hái quả mài. Quả mài nhiều quá, hái không xuể. Mụ tức lắm mới đi cắm tất cả các quả mài xuống lòng đất sâu. Và từ đấy quả mài trở thành củ mài. Muốn có mài ăn, người ta phải khoét khéo, đào thật sâu xuống đất mới tìm được.

---

1. Một loài bầu ruột đắng, vỏ dùng để đựng nước.

Quả bầu đựng nước:

Thuở xưa, người Tây Nguyên sinh sống chủ yếu bằng quả bầu. Bầu bí mọc đầy rừng, nhất là bầu quả to tròn, ăn mát và thơm lắm. Về sau, có lũ chó sói đi kiếm mồi vướng phải dây bầu nhiều, chúng tức lắm mới đái vào tất cả các quả. Từ đó, bầu trở thành đắng không tài nào ăn nổi nữa. Người tiếc mới lấy về bỏ ruột lấy vỏ làm đồ đựng nước. Thế là bầu đắng vẫn mãi mãi ở bên người[1].

VÌ SAO CÓ NHẬT THỰC NGUYỆT THỰC[2]

Người Xơ Đăng gọi mặt trăng là *khe* hay *khay* và gọi mặt trời là *mắt hai*. Thuở xưa, mặt trời và mặt trăng đều sáng như nhau, cả hai cùng tuôn những suối lửa xuống cao nguyên làm cho đất đai vùng này cháy đỏ lên. Thương loài người, Giàng mới lấy tro trát vào mặt trăng, và từ đó mặt trăng mới dịu mát như bây giờ. Tương truyền rằng trên mặt trăng có cây Giơ ri[3] khổng lồ và bà Ja Muk giã lúa dưới gốc cây đó. Ngày thường, trăng sáng đẹp lắm. Mặt trời cũng vậy, tỏa sáng cho muôn loài, hoa lá cỏ cây.

Nhưng cũng lúc đó, mặt trăng mặt trời bị tối đi, bị che lấp[4] những lúc đó là do cá trầu (cô ca) một con cá khổng lồ thường rong ruổi trên bầu trời, đớp mất. Cá trầu ăn mặt trăng sẽ xảy ra nguyệt thực. Và khi có nhật thực là lúc con thỏ trời sổng chuồng ra ăn mặt trời làm cho tất cả tối tăm. Người Xơ Đăng có câu ngạn ngữ:

Cô ca kha khe
Kpẹ, kha mắt hai.

---

1. Có truyện cho bầu đắng cũng là do Da Croá vắt sữa của mình vào.
2. Truyện này có nhiều dị bản. Ở một số địa phương khác của vùng Xơ Đăng, chúng tôi còn thấy kể rằng có nhật thực, nguyệt thực là do có đôi trai gái ngủ với nhau trên mặt trăng hoặc mặt trời, kéo tấm mền làm che khuất ánh sáng. Có vùng lại kể rằng trên trời có *Giàng* coi giữ mặt trăng và mặt trời. Ban ngày *Giàng* thả mặt trời, ban đêm *Giàng* thả mặt trăng. Có nhật thực nguyệt thực là do bàn tay của *Giàng* đôi khi che lấp.
3. Cây Giơ ri (cây đa) cũng giống như quan niệm của người Kinh xưa cho rằng trên mặt trăng có cây đa, chú cuội.
4. Tức là hiện tượng nhật thực, nguyệt thực.

Nghĩa là:

Cá trầu ăn mặt trăng
Thỏ ăn mặt trời.

Cá trầu ăn mặt trăng thì không sao cả, vì nó ăn rồi nó nhả ra ngay, còn khi con thỏ ăn mặt trời thì rất sợ. Trời sẽ tối tăm, rét muốt, heo gà kêu ầm ĩ.

Những lúc nhật thực hay nguyệt thực, người Xơ Đăng thường hô nhau khua chiêng, gõ trống, giã cối không ầm ĩ. Họ bảo làm như vậy, con cá và con thỏ sẽ phải nhả mặt trời, mặt trăng ra[1].

DÂN TỘC VÂN KIỀU

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Đã lâu lắm rồi, lấy lá trên rừng mà đếm, tính những mùa rẫy đã qua cũng không đủ; từ lúc người ta còn nói chuyện được với cả loài ếch nhái, với con gái nhà trời, lên trời xin lửa về nhóm bếp... có ba anh em sống với nhau trên dãy núi cao chót vót.

Một hôm, ba anh em đi kiếm ăn theo dọc bờ khe và bắt được đầy một giỏ ếch nhái. Bữa ấy, họ còn bắt được nhiều cá, nhiều ốc, nên ếch nhái chưa bị đem giết. Chúng bị nhốt chen chúc trong một chiếc giỏ chật. Một con ếch chừng bị kẹt tức thở quá, kêu lên:

– Rô... ọc – ọc... ọc – rọc!

Liền lúc đó, có tiếng một con ếch khác buồn rầu bảo:

– Cái gì mà làm ầm lên thế? Vui lắm à? Sáng mai, người ta lột từ đầu đến chân. Bọn nhái nhỏ sẽ bị ném vào nồi canh, chết hết!

Một con ếch già chép miệng:

– Tiếc thật! Sắp có ngày hội mà mình phải chết sớm! Một con ếch bà cũng nỉ non:

– Họ hàng nhà ếch thật không may! Chỉ có họ cóc vàng gặp may thôi.

---

1. Tục đánh chiêng trống, giã cối không, mỗi khi có nhật thực nguyệt thực.

Một con ếch khác có vẻ khao khát:

– Ngày hội chắc vui lắm. Lần này, bọn "Người" sẽ bị kết tội. Nó ác lắm. Tất cả các loài vật đều kiện loài Người hết.

Ba anh em nằm nghe bọn ếch nhái bàn tán lấy làm lạ và có phần lo lắng. Hôm sau, họ vẫn chưa giết lũ ếch mà rình nghe chúng bàn luận tiếp xem sao. Cả ngày hôm ấy, bọn ếch nằm thở dài. Con nào bị chẹn tức thở quá thì ớ lên tiếng "roọc, roọc". Qua một đêm nữa, bọn ếch vẫn chưa bị giết. Chúng đã đói bụng, lại vừa mừng, vừa lo.

Sáng ngày hôm sau, con ếch bà thấy người anh đi qua trước sân, liền hỏi:

– Các người ơi, sao không giết chúng tôi đi, còn để làm gì?

Người anh cả bèn nói:

– Chúng tôi nghe tin loài vật có họp gì đó. Ếch hãy nói cho Người nghe, rồi Người tha chết cho.

Một con ếch to bảo:

– Ngày mai họp rồi! Người đi theo chúng tôi.

Ba anh em nửa tin nửa ngờ, nói:

– Được, ta thả cho cả bầy, nhưng để một con đầu đàn ở lại dẫn chúng ta đi.

Con ếch đầu đàn bằng lòng ngay và nói:

– Đây là một ngày khi loài vật kiện Người. Các anh đi đông họ không họp. Chỉ nên để một anh lén đi trước với tôi.

Nghe phải ý, người anh cả bảo hai em ở nhà chuẩn bị đao mác đề phòng bất trắc, còn mình đi theo ếch đầu đàn. Con ếch dẫn người anh cả băng qua nhiều khe suối, vượt qua nhiều rừng rậm, rừng thưa. Đến một cánh rừng cây to bóng cả, ếch dừng lại bảo:

– Loài vật sắp hội ở đây. Anh leo lên trên ngọn cây làm một cái tổ kín, nấp trong đó mà nghe. Nếu bọn nó thấy anh, chúng xé xác ra đấy.

Người anh cả sợ bị lừa nên mang cả ếch leo lên ngọn cây làm tổ, cùng ẩn với mình. Trên cao, có một hốc cây vừa đủ che kín một người. Người anh thu mình ẩn vào đó, nhìn xuống mặt đất. Khi mặt trời nghiêng đến vành tai, anh nghe bốn phía rừng xáo động. Anh

dán mắt nhìn khắp mọi hướng, thấy voi, hổ, gấu, lợn rừng và cả sóc, thỏ, cá, kiến... đang rầm rầm kéo đến, quây lại ngay dưới gốc cây anh đang nấp.

Con hổ gầm lên một tiếng làm rung chuyển núi rừng, rồi nói:

– Ta phải xử kiện Người thôi. Ta là suất[1] của muôn loài mà Người còn rình mò toan giết ta, thì nó còn chừa ai nữa.

Cuộc họp xôn xao hẳn lên, mỗi người một tiếng:

– Suất ở không được bụng nó, hay bắt gà, giết lợn của nó.

– Ô, suất còn ăn cả trâu, bò của nó nữa!

– Suất còn ăn cả Người, nó mới giết lại chứ!

Tất cả đều ồ lên:

– Người nó giết suất là phải rồi!

– Phải rồi!

Con hổ thất lý, rống lên một tiếng dữ dội, mắt long sòng sọc, nhảy sang ngồi một xó rừng, tưởng như có Người sắp săn đuổi mình.

Lúc đó, con Nai gấm lên tiếng:

– Suất giết người, chớ tôi có giết ai! Tôi đi ăn lá cây ngọn cỏ, ăn tro tranh ngoài rẫy, mà Người cũng rình mò, đuổi theo bắn, giết...

Cả đám đông cười ồ lên:

– Mày ăn cỏ, ăn lá non, rồi ăn cả sắn, lúa, khoai Người trồng. Người giết mày phải rồi. Người giết mày để giữ sắn khoai của nó.

Nghe lời nhạo báng, Nai gấm tưởng như đã có người thấy mình liền nhún chân nhảy vào bụi rậm, ngoái cổ nhìn bốn phía.

Đến lượt con kiến vểnh râu lên:

– Tôi nhỏ mọn quá. Các anh to khỏe hãy đi giết hết Người đi thôi! Tôi có tội tình gì mà nó cũng giết. Người còn phá tổ tôi để lấy trứng về ăn[2]. Loài kiến chúng tôi khổ quá.

Lời kiện của kiến xem ra có lý, làm loài vật suy nghĩ hồi lâu. Thật ra, không loài vật nào nhiều bằng kiến mà cũng không có loài

---

1. Người mạnh cầm đầu một bản, một tộc người.
2. Người Vân Kiều thường lấy trứng kiến về ăn.

vật nào bị Người giết nhiều và thê thảm bằng kiến. Người thường vác những bó đuốc to hun khói, thổi lửa vào tổ kiến, làm hàng nghìn kiến đực, kiến cái, kiến mẹ, kiến con đều lăn ra chết. Giết xong bầy kiến, Người mang cả tổ về, dốc hết trứng ngàn, trứng vạn ra mà ăn. Nhưng lại có tiếng xì xào. Tiếp đó, bầy khỉ vừa cười khúc khích, vừa nói:

– Tội của loài kiến có giết hết cũng xứng đáng. Ở đâu có món ăn là kiến kéo bầy kéo lũ đến bâu, gặp ai ở gần, kiến cũng thò mồm ra cắn, chích. Lại thêm kiến còn moi lúa của Người đã trỉa giữa rẫy đem về làm của ăn, của để cho mình. Kiến bị giết là phải lắm.

Nghe khỉ vạch tội, lũ kiến bèn kéo nhau đi khỏi nơi họp, tự kết đoàn, kết toán, tìm cành cao nhiều gai, chỗ kín nhiều dây chằng chịt mà làm tổ, để tránh khỏi sự thù hằn của Người. Nơi nào không có cành gai, bụi rậm, kiến chui rúc xuống đất sâu, hang đá làm tổ.

Đến lượt con cá kiện thì thật khó xử. Cá nói:

Người ở trên đất còn chen chúc với các anh em loài vật khác nên xảy ra tranh giành chém giết nhau. Đường này tôi ở dưới nước, không ngăn đường, phá rẫy gì của Người. Tôi không nhìn bầu trời chung với họ mà Người vẫn bỏ lưới quăng chài giết tôi. Loài người quả là quá lắm!

Nghe cá giãi bày, chú cóc vàng cười hềnh hệch, nói tồ tồ:

– Nó phải giết anh là đúng. Nó ăn cây, ăn quả trên đất, nhưng lại uống nước, mà nước uống phải trong. Các anh có thấy nó hay múc nước giữa dòng, múc nước ở chỗ sâu không? Người thích uống nước sạch mà loài cá lại ỉa bậy, làm bẩn nước. Nó giết các anh để sạch nước nó uống. Với lại thịt các anh cũng ngon nữa kia. Còn tôi kiện Người phải tội đáng chết là lúc nào cũng uy hiếp nòi giống tôi. Loài cóc chúng tôi không những không làm hại người, mà còn giúp Người nữa. Trời sắp mưa, tôi báo cho họ biết. Nhà họ nhiều ruồi, nhiều sâu dưới sàn, tôi bắt giúp. Cả đời tôi ở hang trong góc tối. Lúc tôi đẻ cũng chỉ tìm vũng nước Người không dùng nữa mà đẻ trứng... Tôi làm ơn cho Người như vậy, mà Người vẫn muốn ăn thịt tôi. Lần này, tôi biết trời sắp mưa lũ to lắm. Bờ cao, đồi thấp, đến núi nhọn đỉnh lên cũng bị nước lụt ngập hết. Thần nước đang muốn đi nói chuyện với trời, các anh hãy về lo thân, chạy được đâu thì

chạy, bám víu được gì thì bám. Riêng tôi, lần này tôi không gọi, nghiến răng cho Người biết, nước lũ sẽ dâng lên giết chết hết Người.

Nghe chuyện sắp có lũ lớn, ngập núi, ngập đồi không nơi ẩn nấp, các loài muông vật hoảng hốt chạy tan tác, không thiết gì việc kiện tụng nữa.

Nghe xong câu chuyện đàm luận của muông vật, người anh cả cũng lo lắng đến toát mồ hôi, liền hỏi ếch:

– Nên làm gì để tránh được nước lũ, ếch ơi!

Ếch bảo:

– Các anh về làm một chiếc bè chuối thật to, bỏ cơm gạo, nhen bếp lửa lên đó. Khi nước ngập nhà, ngập núi, các anh hãy ngồi lên bè. Hễ nước lên cao, bè cũng lên, nước xuống thấp bè cũng xuống, không chết đâu.

Người anh cả nhớ hết mọi chuyện và những lời dặn của ếch, liền thả ếch ra, chạy một mạch về, báo cho hai em sửa soạn mọi việc tránh lụt.

Quả nhiên mười ngày sau, thần gió cuốn từng cơn dữ dội. Giàng nổi giận la hét ầm ầm. Tiếp đến là mưa. Mưa đến không còn ngóc đầu lên được nữa. Mưa bảy ngày, bảy đêm, nước khe tràn lên chân đồi. Nước từ chân đồi leo lên ngập đỉnh đồi thấp, rồi đồi cao. Nước phủ đồi vàng.

Nước ngập rừng xanh. Nước ngập chìm lên đá. Bốn bề chỉ thấy nước bạc trắng. Muông vật, con chết đuối, con bị trôi dạt. Có con ôm được cành cây, khúc gỗ nổi lềnh bềnh trôi theo từng đợt sóng lớn. Chiếc bè của ba anh em Người theo con nước, lên cao mãi, cao mãi, không biết đâu là bờ, là bến, đâu là nương cũ, rẫy cũ mình nữa.

Trời mới tạnh mưa, có một con tôm to nhảy khỏi mặt nước và rơi vào bè của ba anh em Người. Người anh cả bắt con tôm định nướng, nhưng khi sờ đến lửa thì lửa đã tắt lụi từ lâu, tro lạnh băng và ướt nhoẻn. Người anh thấy ông Mặt Trời còn đỏ lửa, bèn bảo hai em bơi bè đến đó xin lửa nướng tôm.

Bè đến trước cửa trời. Người anh cả cầm tôm đi vào bếp nướng. Anh bỗng thấy người con gái của ông Mặt Trời đang ngồi dệt vải bằng những cuộn tóc dài óng ánh. Người con gái ông Mặt Trời đẹp quá, làm người anh cả mê mệt cứ đứng nhìn chằm chằm không chớp

mất, đến nỗi con tôm nướng đã bị cháy thành than đen, anh cũng không biết nữa.

Con tôm cháy bốc mùi khét nồng nặc, làm anh ta giật mình quay lại. Anh cả hết sức hoảng hốt; nhìn tôm, tôm cháy; nhìn bè, bè đã theo con nước hạ đang về với đất. Người anh cả ở lại Mặt Trời. Sau đó biến thành Thần Mặt Trời, ngày lại ngày cầm con tôm nhìn về mặt đất. (Nay ta thấy ở giữa Mặt Trời có một quầng đen chính là con tôm cháy của Người anh cả).

Về phần hai người em thấy nước hạ, liền gọi anh cả mau trở về. Hai người thay nhau gọi rát cổ vẫn không nghe anh trả lời. Lúc đó nước cứ hạ dần. Hai người em rất khổ tâm, nhưng theo con nước về với đất, bỏ người anh ở lại trên trời. Hai người về tới đất thì đất không còn. Tất cả đất mềm, đá nhỏ đều bị nước cuốn đi về đâu mất. Nhìn đâu cũng thấy toàn đá là đá. Hai anh em lo buồn, than khóc. Không có đất làm nương, làm rẫy thì chết đói mất.

Tiếng than khóc của hai em vang vọng lên thấu tai người anh cả tận trên Trời (nay đã lấy con gái Mặt Trời và hóa thành Thần Mặt Trời). Người anh cả bèn ném xuống đất một khúc gỗ to có mang theo hai con mối và hai vợ chồng con giun. Khúc gỗ lăn xuống một vùng đá. Hai con mối ăn gỗ thải thành than. Hai con giun lại rúc vào phân mối làm tổ và ăn phân mối mà thải ra thành đất. Cứ thế khúc gỗ chẳng bao lâu đã biến thành đất đủ cho hai anh em phát nương, làm rẫy trỉa lúa. Đời sống của hai anh em trở nên no đủ.

Một hôm người em út bảo với anh hai:

– Anh ơi! Em phải đi học phép Giàng, về để chống lại cái khổ, cái đói thôi. Lỡ ra mai kia trời lại có lụt nữa.

Anh hai nghe phải, liền cho em út đi học phép.

Người em út đi học phép tròn ba mùa trăng, được Giàng cho một ống nước thần. Em út nhớ nhà quá, nên được Giàng cho về thăm.

Giữa đường em út gặp một bà già đi lom khom từ xa đến. Từ lâu khi bị lũ lụt đến nay ở miền này chỉ còn hai anh em. Nay thấy bóng đàn bà, Người em út mừng lắm, liền chạy đến nói:

– Em ơi! Ta muốn lấy em làm vợ.

Người đàn bà rất tức giận, nhưng nghĩ mình cũng phận lẻ loi, bèn nói:

– Ta già rồi. Em có muốn đem ta về giữ chim, coi nhà thì ta đi với, chứ làm vợ thì ta không làm.

Người em út một hai nằng nặc:

– Em làm vợ ta! Em sẽ trẻ đẹp nhất! Em sẽ nuôi con.

Nói rồi người em út lấy nước thần trong ống rải lên người bà lão. Trong phút chốc bà lão trở thành một cô gái xinh đẹp. Hai người bỏ của tin cho nhau, rồi cùng về nhà.

Em út về đến nhà, thấy anh hai đang trỉa lúa, bèn khoe:

– Anh ơi! Em đi học chưa xong đã tìm được vợ. Em gửi vợ ở nhà với anh hai để em còn đi học nữa đấy.

Em út từ biệt anh hai, từ biệt vợ, trở lại nơi học phép.

Anh hai và em dâu ở nhà được một ngày, hai ngày, chưa hết một mùa trăng đã phải lòng nhau. Anh hai và em dâu ăn nằm với nhau như vợ chồng.

Thêm hai mùa trăng nữa người em út học thông thạo hết phép. Được Giàng cấp cho một con ngựa thần để trở về quê. Em út rất vui mừng khi về đến nhà nhưng vì đường xa mệt nhọc, cái lưng mỏi quá muốn nằm nghỉ, bèn nói với anh hai:

– Anh ơi! Em mệt quá, em phải nằm nghỉ đây.

Lại nói với vợ:

– Em ơi! Chuyện mấy lâu xa nhau anh nhớ, anh thương chất đầy một bụng, anh sẽ nói cả với em. Nay anh còn mệt, anh nằm nghỉ một lúc.

Quay sang anh hai, bảo:

– Anh ơi! Ngựa em buộc ngoài gốc cây là ngựa quý, ngựa thần. Anh muốn đi đâu cứ cho ngựa bước chậm; nếu giật cương, quất roi ngựa sẽ phi xa mất.

Nói rồi em út lăn ra sàn ngáy như sấm.

Lại nói chuyện anh hai và em dâu phải lòng nhau nay thấy em út về thì rất mực lo sợ. Hai người bàn nhau lấy luôn ngựa của em út chạy trốn. Sợ em út trở dậy, nên khi hai người vừa yên chỗ ngồi trên lưng ngựa, anh hai quất mạnh cho ngựa chạy nhanh. Con ngựa bị đánh, giật mình, du bốn vó phi nước đại. Dấu chân ngựa dẫm đến đâu thì cây cối, đất đá ở đó lũm xuống, đỏ lửa rừng rực.

Em út nghe đất chuyển, trời rung bừng thức. Nhìn ra thấy ngựa đã biến mất mà đất rừng đang nổi lửa bốn bề. Đi tìm quanh chẳng thấy vợ và anh hai đâu, lại thấy nương rẫy, lúa ngô đều cháy sạch, người em út ngồi khóc.

Lại nói đến chuyện anh hai và người tình cứ phi ngựa chạy mải miết. Ngựa chạy đến đâu, lửa bùng lên đến đó.

Anh hai và người tình cho ngựa chạy ngoằn ngoèo đánh lạc hướng. Ở đâu có dấu chân ngựa phi qua thì đất cháy sụt thành sông sâu, vực thẳm, khe dài. Nơi nào, ngựa nằm nghỉ thì thành những bãi bằng, rộng bao la giữa hai triền núi. Khi ngựa chạy đến chỗ cùng trời, cuối đất, người anh vẫn sợ em đuổi theo, bèn thúc ngựa bay bổng lên trời, bay về phía mặt trăng và ở luôn trên đó.

Khi ngựa lấy đà để bay lên không trung đã đạp bốn vó xuống mặt đất một cái rõ mạnh, đến nỗi làm cho cả vùng đất thủng sâu xuống thành một con sông lớn, nhìn không biết đâu là bờ, là bến, ngày nay, người Kinh gọi là biển.

*

Người em út thất vọng chán chường, khóc đã khô nước mắt mà không biết vợ đâu, anh đâu. Lửa bốn bề vẫn rừng rực cháy. Anh chợt nhớ ra mình còn lọ nước thần, liền vào lấy ra tưới lửa. Lửa tắt. Ngay giữa vùng đất còn cháy sém như da voi, khét sặc đến tức thở ấy bỗng mọc lên một cây bầu kỳ lạ.

Cây bầu chóng lớn, mới qua bảy ngày, bảy đêm dây bầu đã to bằng thân cây lim ba người ôm, dài đến mỏi một cánh chim bay. Lá bầu che được cả một đỉnh đồi. Hết một nửa tuần trăng cây bầu đã leo lên khắp núi và trổ hoa. Mỗi chiếc hoa bầu trắng muốt, khi héo rụng có thể úp chụm được một chỏm núi.

Cây bầu trổ không biết bao nhiêu là hoa, nhưng chỉ đậu được một quả.

Quả bầu to như cả lèn núi Cà Tam, Còm Plư, đứng sừng sững. Khi quả bầu già, người em út lấy đá ghè vào vỏ bầu. Vỏ bầu không vỡ, còn đá thì vụn ra như cám. Anh lấy cả một cây lim to lớn đánh vào vỏ bầu, thì cây lim bị rơi ra như cây chuối đánh vào đá.

Nghĩ đã hết kế, người em út chất một đống củi to lớn cạnh quả bầu và đem lửa đốt. Gốc quả bầu bị lửa bén cháy sém thành than và mùn ra.

Khi vỏ bầu cháy thủng được một lỗ thì người em út rải nước thần vào ruột bầu và đứng hú dài ba tiếng. Lúc đó khói bụi đều tan biến, trời bừng sáng hẳn lên, chim muông thú vật đều líu lo ca hát, nước dưới khe cười ra rả, cây trên rừng vỗ tay rào rào. Gió xoáy động khắp rừng, lan tung hoa tung lá đem mùi hương thơm bay rộng khắp vùng.

Giữa lúc đó từ trong ruột quả bầu chui ra một đoàn anh em[1].

Người anh cả đi đầu là người Tà Ôi. Anh ta phải len qua đống than vỏ bầu chật hẹp, bị than tro dính lọ lem nên da anh đen nhẻm.

Người thứ hai đi ra tiếp là anh hai Vân Kiều. Lúc này cửa ra có rộng hơn nhưng vẫn còn chẹt và nóng nên làm cho tóc anh bị cháy quăn và cũng đầy tro than. Da anh đen mốc.

Tốp thứ ba ra ba người. Người đi đầu cũng chui qua than. Người thứ hai được người đầu và người sau che khuất nên không bị dính than. Người thứ ba bị than hút theo, nên cũng đen như người đi đầu. Duy cả ba cái đầu của họ đều phải chui qua lửa nóng nên tóc đều cháy quăn. Người đi đầu là người Ê Đê, người thứ hai là người Xơ Đăng, người thứ ba là Ba Na.

Tốp thứ tư ra nhiều loại khỏe mạnh khác nhau. Họ chen chúc, để cùng ra, nên có người bị dính than nhiều, có người chen vào giữa nên lại trắng trẻo, ít bị lọ lem. Vì ra đông, có người chui đầu vào nách người khác nên tóc không cháy. Tốp này là Khừa, Sách, Mông, Dao, Tày...

Tốp thứ năm có người Khmer đi đầu, đến người Lào, người Thái. Lúc này cửa đã rộng, than tro chỉ bay lất phất nên có người bị dính, người không. Bởi thế nên có người Thái đen, Thái trắng, có người Lào Thưng, có người Lào Lum[2].

---

1. Có nơi kể: ruột bầu chỉ chứa ba anh em: Tà Ôi, Vân Kiều và người Kinh. Có nơi nói: ba anh em Vân Kiều, Kinh và Lào. Có nơi kể: Trong ruột bầu có bốn anh em: Tà Ôi, Vân Kiều, Lào và Kinh.
2. Người Lào Thưng gần như người Vân Kiều. Người Lào Luôm (Lào trắng) ở vùng đồng bằng (còn gọi là Lào Lum).

Người ra sau cùng là người Kinh. Anh ở trong ruột bầu quá lâu nên người hơi vàng, người con út này nhỏ nhắn nhanh nhẹn, lại qua cửa được nên không bị dính tro than gì.

Mỗi người từ trong quả bầu bước ra hai tay đều nắm một nắm ngũ cốc, hoa mầu. Những người anh vác những bó cây sắn, những nắm ngọn khoai. Những tốp đi đông thì vác giống ngô, giống lạc, giống vừng. Mỗi người lại mang thêm một gùi thóc giống, hạt nào hạt ấy to như quả bưởi quả cam.

Tất cả đều quây quần quanh "Người em út" – lúc này đã là thần đất.

Thần đất bảo:

– Các người là anh em ở cùng chung ruột một quả bầu. Ta nuôi các ngươi lớn lên. Nay ta giao cho các ngươi tất cả giang sơn này mà phát nương, làm rẫy, lập cơ nghiệp cho con cháu. Đất rộng, ta chia các ngươi mỗi đứa về một vùng, Tà Ôi, Vân Kiều là hai con trai lớn phải ở lại giữ đất tổ tiên trên chỏm núi, lo việc cúng lễ, lấy sườn núi, bãi khe làm nương làm rẫy, có con nai, con khỉ trong rừng thì săn bắn lấy làm thức ăn.

Nhóm sinh ba: (Ê Đê – Ba Na – Xơ Đăng) mạnh chân hơn. Các người đi về phía núi tay trái mặt trời, ở đó có nhiều rừng, nhiều núi, có sông sâu, thả sức làm nương, làm rẫy, lo giữ giang sơn của ta ở phía Nam.

Các người ra đợt bốn hãy đi lên rừng núi phía tay phải mặt trời. Ở trên đó nhiều rừng, nhiều núi, nhiều bãi cao, đồi thấp. Ai muốn ở sạch thì lên đỉnh núi mà ở. Ai muốn ăn lúa thì ở đất bằng. Ai muốn đi săn thì ở rừng rậm. Các người lo giữ giang sơn phía Bắc.

Các người Khmer, Lào, Thái đi về sườn núi phía mặt trời mọc buổi chiều, Khmer giỏi làm cá, làm lúa về vùng nước tận dưới chỗ gần sông không bờ. Lào ở giữa. Thái ở phía trên. Ai mạnh chân ta cho vượt sông, Không sang bờ bên kia mà sống. Giang sơn của ta còn bên đó nữa.

Ôi người út người Kinh ốm yếu và khôn ngoan của ta!

Các ngươi hãy nhìn đứa em út của mình! Cậu út người bé nhỏ, nhưng lưng không chịu địu gùi giống như các anh khác mà lấy một

cây dài gánh luôn hai thùng đầy ngũ cốc, hoa màu. Các người anh đều xì xào, bảo cậu út là khôn ngoan và tham lam.

Giàng liền bảo: Ta thương cậu út lắm. Cậu út đáng được ở với ta, nhưng ta sắp về trời. Ta cho cậu út về dưới vùng đất bằng màu mỡ kia. Ở đó có con sông lớn không có bờ, để anh bắt cá; có nhiều đất cao, đất thấp, chỗ ướt chỗ khô cho anh gieo hết số giống kia.

Thần đất nói xong thì biến mất trong tiếng sấm chớp dữ dội của trời đất. Các người anh em tổ chức lễ cúng Giàng ở miếu và chia tay nhau, ai về xứ sở ấy.

Ngày nay khi mặt trời đỏ úa, ta lại thấy bóng anh cả ở giữa mặt trời, tay vẫn còn cầm con tôm cháy đen. Những đêm trăng sáng, ta nhìn giữa vành trăng có bóng con ngựa và hai người ngồi. Ngựa và người đều quay đầu nhìn vòi vọi về quả đất. (Anh hai đã thành Thần Mặt Trăng). Khi mặt trăng đến gần đỉnh núi thì mặt con ngựa như dài ra, chừng đang thèm màu xanh của cỏ cây miền đất.

Thần Mặt Đất đã lên trời. Mỗi người anh em con Giàng tiếp tục đẻ con đàn cháu lũ thành các dân tộc anh em trên đất nước mình.

SỰ TÍCH CON VE SẦU

Ngày xưa, có một chú bé hư, chẳng bao giờ chịu vâng lời mẹ. Gần nhà chú bé có một con khe, mẹ chú thường cấm chú ra chơi trên bờ khe mỗi khi có nước lũ. Nhưng một hôm nọ, chú đã trốn khỏi nhà ra bờ khe xem đá trôi.

Những hòn đá to như những chiếc cối, như những túp lều từ trên đỉnh núi bị gió xoáy bật khỏi mặt đất, lăn ầm ầm xuống khe. Chúng xô nát những cây to như cột nhà sàn, làm bật gốc cả những cây lớn bằng người ôm đứng cheo leo bên bờ khe.

Ở trên rừng vào mùa lũ, nước khe dâng cao rất nhanh. Con voi vượt khe nước lũ có khi còn bị dận chìm giữa dòng. Ấy thế mà chú bé không vâng lời mẹ cứ ra bờ khe lúc đang lũ để xem đá trôi. Và tai nạn đã đến.

Nước cuốn chú bé đi xa như một khúc gỗ mục...

Thấy chú vắng nhà mẹ chú liền hớt hơ hớt hải chạy đi tìm suốt một ngày liền. Khi tìm thấy, chú chỉ còn là một cái xác đầy vết thâm tím, vắt bên một hốc cây, ngực còn thoi thóp thở.

Chú ốm liệt giường gần hết một mùa trăng. Mẹ chú phải bỏ hết việc nương rẫy để lo kiếm cây thuốc, lá rau cho chú, Nên đến mùa suốt lúa, nhà chú không được một hạt thóc nào. Ngày ngày, mẹ chú phải vào rừng kiếm trái, đào củ để cả nhà cùng ăn qua bữa.

Đến một hôm nọ, chú bé đòi đi theo mẹ cho kỳ được. Mẹ chú không cho chú đi, vì chú vừa ốm dậy. Mẹ dặn chú ở nhà, hễ buồn thì ra bến khe trước nhà bắt ốc, ném cá.

Vẫn tật cũ, chú lại không vâng lời mẹ dặn. Đợi mẹ đi một đoạn xa, chú liền tức tốc chạy theo.

– Phải đi chơi một chuyến cho bằng thích. Cứ đi sát gót mẹ làm sao lạc được? – Chú nghĩ thế.

Sợ mẹ thấy, bắt phải quay lại, chú lùi lũi đi sau, cách mẹ một quãng xa.

Cánh rừng này mới đẹp làm sao! Có con chim gì hót rất hay trên cành cao kia. Chú ngẩng nhìn...

Chú lách bờ, lách bụi, đi tha thẩn trong rừng đẹp.

Trước mắt chú bây giờ lại là một con khe rộng, nước trong vắt, nhìn thấy những hòn sỏi dưới đáy. Nắng chói lòa. Nước trong và mát làm sao! Chú phải tắm một lúc cho thỏa thích.

Nghĩ vậy, chú hăm hở chạy đến bờ khe. Bỗng chú dừng lại, rón rén bước lui, rồi lại bước tới, ngắm nhìn. Chú bé há hốc mồm, đôi mắt mở to thao láo, hai tay giơ lên ngang tai như muốn vồ lấy một vật gì trước mắt.

Phải! Có một con cá trầu to đang nổi lên, quẫy đuôi trên mặt nước. Con cá như đang cố đớp hình bóng mặt trời chiếu dưới lòng khe. Mê quá! Chú nhảy đại xuống, vồ bắt con cá. Nhưng cá to đã biến xuống lòng khe sâu. Làn nước mát rượi đẩy chú trôi thêm một đoạn xa.

Chú bé thất vọng, leo lên bờ, người ướt sũng.

Chú sực nhớ đến mẹ. Mẹ đi đằng nào? Chú tìm đường, nhưng bốn bề toàn cây cao bóng cả, bờ bụi rậm rịt. Chú chạy ngược bờ

khe được một đoạn thì mất lối đi. Chú bé chạy xuôi theo dòng nước, được một quãng lại bị tắt lối. Chú cất tiếng gọi:

– Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Mẹ chú có ngờ đâu chú đi theo nên cứ mải miết đi kiếm rau, kiếm củi theo hướng định của mình. Chú bé khóc ré lên, gọi liên hồi:

– Mẹ e! Mẹ... e! Mẹ e e...!

Chú gọi mãi, gọi mãi, nhưng chỉ có sườn núi, thanh lên trả lời lại è è. Chú càng khóc to, càng kêu lớn hơn:

– Mẹ... è! M... i í, è è è!

Một ngày, hai ngày...

Chú bé đã lạc hẳn mẹ. Hoảng loạn vì những tiếng gầm rú của thú dữ đại ngàn, chú leo miết vào rừng sâu. Vì kêu nhiều, khóc nhiều, cổ họng chú bé đã rè, tiếng kêu càng dài ra.

Mấy ngày sau, chú bé không biết vâng lời mẹ kiệt sức, chết rục bên một hốc cây, biến thành con ve sầu, kêu è è suốt ngày đêm dọc các bờ khe, trên các sườn núi hoang vu của đất rừng Trường Sơn.

B. TRUYỆN CỔ TÍCH THẾ SỰ

DÂN TỘC CA DONG[1]

CHÀNG CÓC

Trong một gia đình người Ca Dong nọ có chín người con gái, cả chín cô trông sàn sàn như nhau, và đều xinh đẹp. Con trai trong làng ước ao đến làm rể nhà này. Trong số chín cô gái thì cô thứ ba là xinh đẹp nhất. Tên cô là Di Dật. Mỗi lần Di Dật đi vào rừng thì hoa lá cũng sững sờ, con chim ngừng hót. Di Dật đẹp, lại chăm làm. Bất cứ việc gì Di Dật cũng thành thạo, không kém ai.

---

1. Một nhóm địa phương thuộc dân tộc Xơ Đăng, chia làm ba nhóm nhỏ ở Gia Lai – Kon Tum, Quảng Nam – Đà Nẵng.

Một hôm, chín cô gái đi rừng cắt tranh về lợp nhà. Trời nắng chang chang, nước mang đi đã uống hết. Di Dật khát quá, khô cả cổ. May sao, giữa tảng đá đen sì to như con voi lại có một hốc nhỏ, chứa đầy nước trong vắt. Di Dật lấy tay vốc uống. Nước ngọt và thơm. Uống đến đâu, gan ruột mát đến đấy.

Chiều hôm ấy, Di Dật thấy khang khác trong mình. Ít lâu sau, bụng cô cứ to dần. Cô đã có mang, Di Dật khổ sở vô cùng. Những lời chê bai của dân làng càng làm cô thêm khổ. Gần ngày sinh, vẫn phải đi làm nương, làm rẫy, cắt tranh, hái củi như ngày thường. Một hôm, đang cắt tranh thì Di Dật trở dạ. Quằn quại một hồi thì đẻ ra một con cóc. Mọi người xúm đến xem. Có người thương, cũng có người chê bai. Có người bảo chị vứt con quái vật ấy đi.

Di Dật không đang tâm vứt bỏ. Di Dật thương con lắm, nhưng chỉ sợ bố mẹ không cho nuôi. Trong số người đi làm đó có Y Dơ Hing rất thương Di Dật. Y Dơ Hing bảo:

– Để tôi về hỏi bố mẹ chị xem sao?

Một lúc sau, Y Dơ Hing trở ra bảo:

– Chị hãy đem con về!

Di Dật bọc con vào tàu lá chuối rừng, trở về nhà. Về đến nơi, các chị em xúm đến xem. Họ định quật chết con cóc vì sợ nó sẽ gây tai họa về sau. Di Dật hoảng sợ mang con chạy vào rừng. Tìm được một chiếc lán bỏ không, chị liền ôm con vào đó. Bụng đói cồn cào, cả ngày chưa được một hột cơm. Chị chưa biết xoay xở thế nào thì đã nghe Cóc nói:

– Mẹ đói lắm phải không? Mẹ ra khóm cây kia, ở đó có buồng chuối chín, mẹ lấy vào mà ăn!

Di Dật nghe lời con, chạy ra tìm. Quả nhiên có một buồng chuối to đặt ở đấy. Cô mừng thấy con sớm khôn ngoan, lòng cô tự nhiên bớt đau khổ. Cô đến nhà chúa làng xin một mảnh chiếu về lót cho con nằm. Từ đấy, ngày ngày, để con nằm ở nhà, cô vào rừng hái măng, đào củ làm rẫy, phát nương.

Một hôm, thấy mẹ đi làm về mệt nhọc, Cóc bảo mẹ:

– Mẹ ạ, con muốn đi làm rẫy phát nương giúp mẹ!

– Con bé thế, sức đâu mà làm, mà như con thì làm thế nào được!

– Mẹ đừng ngại, con làm được!

Di Dật rất cảm động. Sáng sớm hôm sau, hai mẹ con cùng vào rừng. Một lúc, Cóc lẩn đi một chỗ khác. Cóc biến thành một chàng trai xinh đẹp cao lớn. Anh hỏi con chim gáy còn ăn ở đấy:

– Này chim ơi! Chim có bay qua được cánh đồng này không?

– Úi! Cả đời mẹ lẫn đời tôi thay nhau bay cũng chẳng qua được nữa là mình tôi!

Chàng Cóc liền phù phép, tức thì một đoàn trai lực lưỡng, hơn ba trăm người hiện ra. Anh giao cho họ phát cây, làm cỏ, cuốc đất, trồng lúa, trồng khoai. Chiều tối công việc xong, anh lại khoác tấm da cóc vào người, rồi nhảy về. Di Dật dọn cơm cho con ăn, Cóc chỉ ăn qua loa vài hột.

Sáng hôm sau, Cóc bảo mẹ:

– Con nghe nói, chúa làng có đàn trâu một trăm con, mẹ đi xin cho con chăn đàn trâu ấy mẹ nhé!

– Chết, làm gì thì làm chứ không chăn nổi đàn trâu đó đâu con ạ. Bốn năm người chăn chẳng nổi nữa là mình con. Con bé tí teo, đàn trâu thì hung hăng, chúng dẫm chết mất.

– Mẹ đừng lo, con làm được. Có làm được, con mới dám nói. Mẹ xin cho con chăn đàn trâu đó ba năm.

Di Dật chiều con, đến nói với chúa làng. Chúa làng bảo:

– Được, có điều tao giao hẹn trước, nếu trâu béo, không phá cây cối, tao sẽ trả tiền công đầy đủ và thưởng thêm, nếu trâu gầy đi, hay phá hoại hoa màu, hoặc mất con nào thì mẹ con nhà mày phải đến làm tôi tớ cho nhà tao. Chiều nay, mày đưa nó đến đây.

Chiều hôm đó, Di Dật bỏ Cóc vào gùi, đưa đến nhà chúa làng. Sợ chúa làng thấy mình nhỏ bé và dị dạng sẽ khinh thường, nên vừa gặp mặt, Cóc đã đon đả chào hỏi, rồi Cóc kể hết chuyện này sang chuyện khác cho chúa nghe. Chúa làng mê quá cứ đòi kể mãi. Kể cho đến khuya, chúa làng buồn ngủ quá mới cho Cóc nghỉ.

Sáng dậy Cóc hái một nắm quả ké, trèo lên giữa chuồng và ném lên đầu các con trâu để đánh dấu. Cóc xua cả đàn ra đồng. Cóc bảo trâu:

– Trâu ơi! Trâu là bạn của ta. Trâu cứ ra đồng mà ăn lúa cho no.

Đàn trâu ùa xuống đồng, ăn hết cả ruộng lúa. Con nào con nấy no căng bụng. Tối đến, trước khi lùa trâu về, Cóc lại hóa phép cho lúa tốt lại như cũ. Chúa làng đã chờ sẵn, đợi đàn trâu hôm nay trở về. Con trâu nào cũng no, đếm cả đàn vẫn đủ. Hắn hứa sẽ thưởng cho Cóc.

Thấm thoắt ba năm trôi qua, Cóc về nói với mẹ đến nói với chúa làng xin thôi việc và dặn mẹ nếu lão có trả tiền công thì đừng lấy mà cứ xin cho được một con trâu trắng. Di Dật theo lời con dặn. Chúa làng bảo:

– Con mụ chăn trâu tốt lắm, tao rất bằng lòng. Mụ bảo nó cứ ở với tao, tao sẽ trả công cao cho nó. Nó có muốn xin một con trâu trắng ta cũng không tiếc. Nhưng chính con mụ biết đấy, cả đàn trâu của tao có con nào trắng đâu!

Di Dật nói lại cho con nghe, Cóc bảo:

– Không, nhà chúa làng có con trâu trắng hai chân nho nhỏ đấy mẹ ạ!

Lúc đó, Di Dật mới biết là con mình muốn xin con gà trắng. Di Dật trở lại nói với chúa làng. Chúa làng bằng lòng cho ngay.

Trong lúc mẹ đi vắng, Cóc lên chỗ nương rẫy đã phát trước kia, hóa phép làm thành nhà vàng sàn bạc, trong đó có đủ già trẻ trai gái ra vào tấp nập.

Di Dật trở về mang theo con gà trắng. Thấy con vui vẻ, cô sung sướng hỏi con:

– Bây giờ con còn cần mẹ làm gì nữa không?

– Mẹ ạ, con muốn có một chiếc cần câu để câu cá.

Cô đi tìm một cây trúc thật đẹp làm cần câu cho con. Cóc mang cần câu ra suối, đặt lên bờ, nhảy xuống nước một lúc, bắt lên một xâu cá, rồi xách về cho mẹ. Di Dật kêu lên:

– Ối trời ôi, nhiều quá, thế mà mẹ cứ nghĩ con không biết câu.

Cô định đem cá nấu ăn. Cóc bảo:

– Không cần nấu cả đâu, chỉ cần nấu hai con thôi cũng đủ ăn mẹ ạ.

– Nếu nấu hai con thì ít quá con ạ.

– Thế thì mẹ cứ nấu cả, để lại cho con nửa con để con nấu nơi khác.

Hai mẹ con bắc hai bếp. Di Dật nấu xong đến mở vung nồi của con ra xem, lạ thay, không phải là nửa con mà một nồi cá đầy ăm ắp.

Cô biết con mình có phép lạ.

Sắp đến hội hàng năm của người Ca Dong, người ta kéo từ làng này sang làng khác dự hội, người ta làm thịt trâu ăn uống và ca hát.

Cóc đòi mẹ cho đi lấy nước. Lúc đi, Cóc cầm theo một ống nứa nhỏ, trong có đựng ít gạo. Mỗi lần qua một con sông, Cóc lại bỏ ống nứa xuống nước và nói:

– Nếu có cha tôi ở dưới sông thì ống này chìm xuống!

Bỏ xuống hai con sông, ống nứa vẫn nổi, đến sông thứ ba ống nứa chao chao mấy cái, rồi chìm hẳn. Dòng sông đục ngầu, sóng nổi cuồn cuộn.

Cóc cười bảo:

– Cha đừng dọa con, con không sợ đâu!

Mặt nước bỗng trở lại yên lặng, rồi từ dưới nước hiện lên một người đàn ông to lớn. Cóc nhảy tới. Người cha bế con lên. Hai cha con chuyện trò hồi lâu rồi mới chia tay. Cóc hẹn với cha. Đến ngày hội đâm trâu sẽ đưa mẹ tới.

Ba hôm sau, Cóc bảo mẹ đem con gà trắng đến làng bên dự hội. Gần tới bờ sông hôm trước. Cóc bảo mẹ đi chậm lại sau, còn mình chạy lên trước gọi cha. Lúc Di Dật tới, thấy một người đàn ông đang đặt Cóc trên bàn tay mình. Cô sợ quá, kêu to:

– Anh không được bắt con tôi!

Cóc cười bảo mẹ:

– Mẹ ơi! Cha con đấy! Hôm nay, cả họ nội nhà ta cũng sẽ tới dự hội đâm trâu với ta.

Một chốc từ dưới nước kéo lên rất nhiều người, ai nấy ăn mặc rất lịch sự. Cóc lại hóa phép biến gà trắng thành trâu trắng. Họ

mổ trâu ăn mừng, vui chơi suốt một buổi, đến chiều mới rủ nhau về. Còn lại ba người Di Dật mới bảo chồng:

– Anh đã gây cho tôi bao nỗi khổ, tôi phải đắng cay chịu đựng một mình suốt mấy năm nay.

Thần Nước, cha của Cóc, bảo vợ:

– Tôi rất yêu nàng nhưng vì kẻ ở nước, người ở cạn không lấy được nhau, nên mới phải như vậy. Thôi, bây giờ, con đã khôn lớn, nàng cứ ở với nó, nó sẽ làm cho nàng được vui.

Sau đó, hai mẹ con Di Dật từ giã thần nước ra về.

Mùa gió bão sắp đến, chiếc chòi của hai mẹ con ở đã ọp ẹp, Cóc bảo mẹ:

– Chúng ta phải đi nơi khác dựng nhà thôi mẹ ạ. Vu Róc[1] sắp đến đây rồi.

Hai mẹ con thu xếp ít thứ đồ đạc cần thiết bỏ vào gùi rồi ra đi. Đi mãi cho tới vườn mía Cóc trồng trước kia, Di Dật vừa mệt lại vừa đói. Cóc hỏi mẹ:

– Mẹ đói lắm phải không? Bẻ mía kia mà ăn cho đỡ mệt mẹ ạ!

– Mía của người ta, bẻ sao được.

– Cứ bẻ mà ăn, mẹ đừng sợ.

Ăn mía xong, hai mẹ con lại đi qua nương sắn, nương lúa. Tới gần chỗ lâu đài mà Cóc đã hóa phép dựng lên trước kia, Cóc bảo mẹ:

– Mẹ đứng đây, con vào trước xem sao!

Cóc ung dung nhảy vào, lên võng nằm đu đưa một lúc, rồi sai quân lính ra đón mẹ vào. Di Dật rất sợ hãi. Cô cho là người ta đã bắt con mình và bây giờ ra bắt nốt cả mình. Cô nhất định không đi. Lính trở vào bảo với Cóc. Cóc liền hóa phép thành con rắn khổng lồ đến đuổi Di Dật. Di Dật sợ quá bỏ chạy. Cô chạy vào nấp dưới võng Cóc. Tự nhiên con rắn biến mất, Cóc mời mẹ ngồi võng và bảo:

– Con cho người ra mời mẹ, mẹ không chịu vào, con cho rắn ra đuổi mẹ mẹ lại chạy vào. Bây giờ mẹ con ta ở lại đây. Nhà cửa

---

1. Theo dân tộc HRê, Vu Róc là người khổng lồ, làm ra gió bão.

này là của ta, trâu bò, ruộng vườn, người nhà, người ở là của ta. Con sẽ cho người mời cha lên ở với mẹ.

Mấy hôm sau, Thần Nước đến. Bấy giờ Thần mới làm lễ cưới Di Dật. Cả làng mở hội, mổ trâu bò ăn uống liền ba ngày. Di Dật sống với chồng con vô cùng sung sướng.

Một hôm. Cóc bảo mẹ:

– Mẹ ơi! Con đã lớn rồi, con muốn tìm vợ!

– Con ưng ai thì con đi tìm đi!

Cóc nghe nói ở làng bên, Vu Dơ Ria có hai cô con gái rất đẹp. Cóc liền biến thành chàng trai tuấn tú, hùng dũng cưỡi con ngựa ô cao lớn đến nhà Vu Dơ Ria. Nhưng không may, hai người con gái của Vu DơRia đều đã nhận lời lấy hai người con trai của Trời là Dơ Róc và Dơ Rây. Cóc bèn lên ngựa trở về.

Mùa xuân đến, Dơ Róc, Dơ Rây làm cỗ rất to mời làng đến dự cưới. Họ đang ăn uống vui chơi thì có một chàng tuổi trẻ phóng ngựa qua làng. Dơ Róc, Dơ Rây cho người giữ lại và mời vào ăn tiệc. Thấy chàng đẹp trai, các cô gái trong đám cưới chằm chặp nhìn chàng, buông cần uống rượu, quên cả ăn... Chàng trai lên võng nằm đu đưa một lúc, rồi bắt đầu kể chuyện. Chàng kể chuyện một dũng sĩ đã đánh nhau với một con quỷ dữ để cướp lại người yêu. Chàng vừa kể vừa hát. Lúc đầu chàng còn nằm ở võng, về sau, chàng đứng dậy. Giọng hát của chàng hùng tráng, oai nghiêm, dõng dạc có lúc lại nhẹ nhàng êm ái như suối chảy, thông reo, có lúc sôi nổi như gió bão... Tất cả trai gái trong tiệc cưới hồi hộp lắng nghe. Họ cau mày khi nghe đến đoạn cô gái bị bắt, họ nắm tay trừng mắt khi nghe đoạn chàng dũng sĩ tay không đánh nhau với ác quỷ... Có cụ già cầm cần rượu suốt buổi mà quên uống, có cụ khi nghe tả trận đánh đã dậm mạnh bàn chân xuống sàn. Hai cô dâu bỏ cả chỗ của mình, tiến sát đến bên chàng trai trẻ. Dơ Róc, Dơ Rây lúc đầu cũng bị thu hút vào câu chuyện, nhưng khi thấy hai cô vợ chưa cưới của mình theo sát chàng trai thì nổi cơn ghen. Hai chàng hầm hầm trở về chỗ ngồi, nốc rượu tì tì, mắt long lên sòng sọc.

Câu chuyện kể hết, chàng trai chào mọi người rồi bước ra khỏi nhà, phóng ngựa đi. Mọi người bàng hoàng như vừa qua một giấc mơ đẹp. Nhiều chàng trai, nhiều cô gái muốn chạy theo níu chàng lại, nhưng ngựa đã phóng xa.

Mấy hôm sau, theo tục lệ, nhà gái lại tổ chức làm lễ gả chồng cho con gái. Sau lễ này, người con gái mới chính thức làm vợ người. Làng xóm của hai bên trai gái lại họp nhau ăn uống vui chơi. Chàng trai hôm trước lại phóng ngựa tới. Hai cô dâu thấy chàng trai, quên cả Dơ Róc và Dơ Rây, tiến lại ngồi cạnh chàng. Dơ Róc, Dơ Rây liền chỉ cho Vu Dơ Ria thấy:

– Con gái ông bỏ chúng tôi đi theo thằng kia đấy!

Người cha vội đến ghé vào tai hai con gái, nhưng cả hai đều trả lời:

– Mặc kệ chúng con, việc gì đến cha. Chúng con yêu ai thì theo người ấy!

Dơ Róc và Dơ Rây giận dữ đứng lên, dậm chân rung chuyển cả sàn, rồi bỏ đi. Chúng còn quay đầu lại hăm dọa:

– Sáu tháng nữa, cả nhà này sẽ ra tro!

Họ hàng nhà gái kinh sợ. Hai cô gái cũng nắm lấy tay chàng trai, xin chàng cho đi theo. Chàng trai nói:

– Dân làng đừng sợ, hai cô đừng sợ. Nếu chúng nó gây tai họa cho làng, tôi sẽ giết hết chúng!

Rồi chàng trai từ biệt ra về, hẹn sẽ có ngày trở lại.

Sáu tháng trôi qua. Trời hôm đó bỗng nhiên u ám rồi một cơn bão nổi lên. Rừng núi rung chuyển, suối khe nổi sóng, nhà cửa, cây cối đổ ầm ầm, cát bụi bay mù mịt. Biết là Dơ Róc, Dơ Rây trả thù, chàng Cóc vội chạy đến làng Vu Dơ Ria. Chàng Cóc hóa phép biến thành một con rắn khổng lồ chắn ngang luồng gió. Gió bị hãm lại. Dơ Róc, Dơ Rây chạy tới, định chém rắn, nhưng một chú cóc nhỏ ngồi chễm chệ trên lưng rắn, hỏi chúng:

– Hai chú bé kia đi đâu?

Vu Dơ Róc và Vu Dơ Rây trợn mắt quát:

– Chúng tao đến phá sạch làng này, giết sạch lũ bay, chứ còn đi đâu nữa?

Nói xong, Vu Dơ Róc chặt một nhát đứt đôi con rắn. Cóc liền biến thành chàng trai cao lớn, một tay múa khiên, một tay cầm gươm đánh nhau với Dơ Róc. Gươm chạm gươm thành chớp, gươm chém khiên thành sấm. Sấm chớp ầm ầm. Cát bụi mù mịt. Họ đánh

nhau cho đến lúc gươm của Dơ Róc, Dơ Rây mòn trơ sống. Chúng đói, chàng Cóc vứt cho chúng hai nắm cơm và bảo:

– Cho chúng mày nghỉ mà ăn cơm đi đã.

Ăn xong hai bên lại đánh nhau. Dơ Róc, Dơ Rây lại thấy khát, phải quay đi tìm nước. Cóc liền chém mạnh đầu Dơ Róc đứt đôi. Sau đó, Dơ Rây cũng bị giết chết.

Hai cái đầu rơi xuống biển biến thành hai hòn đảo.

Chàng Cóc trở về, giữa đường lại gặp một cái Cầu Vồng chắn lối. Cầu Vồng hỏi:

– Này, anh chàng kia, đi đâu mà mồ hôi, mồ kê thế?

– Tôi vừa đi giết hai tên Dơ Róc, Dơ Rây về!

– À, ra mày giết con tao à?

Nói xong, Cầu Vồng phóng lửa đốt. Chàng Cóc hóa nước chống lại. Đánh nhau được ba ngày, cả hai đều nghỉ tay. Một con chim câu bay tới đậu vào vai chàng Cóc và gáy: "Cúc cu". Cóc vuốt ve chim:

– Ta mệt lắm, ta sắp chết rồi, chim còn hót làm gì nữa?

– Anh có gì cho em ăn, em sẽ bày cách đánh sập Cầu Vồng.

Cóc lấy mấy hạt gạo cuối cùng đưa cho chim. Chim ăn xong bảo:

– Cầu Vồng thích nghe kể chuyện lắm đấy. Anh cứ kể chuyện thật hay, khi nó mê đi, anh sẽ chém được nó.

Theo lời chim, Cóc bắt đầu kể chuyện. Lúc đầu Cầu Vồng còn đứng xa, về sau xếp giáo lại đến gần, nghe cho rõ. Lúc Cầu Vồng không để ý, Cóc chặt một nhát gãy chân. Cầu Vồng đổ ầm xuống và từ trong cổ nó nhô ra một cái bình. Chàng Cóc cầm lấy bình và bước qua xác nó mà đi. Đi một đoạn, anh gặp Hàm răng khổng lồ mở ra chắn lối, như một cái hang đá. Hàm răng hỏi:

– Mày đi đâu về đấy?

– Tôi vừa đi giết Cầu Vồng về đây.

– À, thế là em tao bị mày hại rồi!

Hàm răng xông tới định nuốt chàng Cóc. Hai bên lại đánh nhau suốt ba ngày, hết đánh dưới nước, lại đánh trên bờ, hết đánh trên bộ, lại đánh trên trời... Cả hai đều mệt. Lúc họ nghỉ tay, một con chim lại đến bày cho chàng Cóc phải lấy được lửa mà đốt.

Cóc phóng lửa đốt cả khu rừng. Chẳng mấy chốc Hàm răng bị đốt ra tro.

Trên đường về làng, Cóc lại gặp một thằng bé bằng bắp ngô chặn đánh:

– Mày vừa làm hại anh tao. Tao phải trả thù. Nói xong hắn vác giáo đâm Cóc. Cóc rút gươm chém, nhưng thằng bé nhanh nhẹn lạ thường, không thể chém trúng. Chim thấy vậy, bay đến bảo, lấy cái bình của Cầu Vồng mà hút nó vào.

Quả nhiên, chàng Cóc giơ bình ra, thằng bé bị hút tọt vào đó, chết ngạt.

Sau khi thắng năm đứa con trời hung ác. Cóc mới về tới quê nhà. Lúc này, xóm làng đã xơ xác, nương rẫy đã tan hoang. Chàng hóa phép làm cho làng xóm tươi đẹp lại như xưa.

Sau đó, Cóc đến Vu Dơ Ria xin cưới hai cô gái làm vợ. Từ đó, hai làng sống với nhau hòa thuận.

DÂN TỘC CHĂM

NHA RÚI VÀ TẦM DANG

Nhà Nha Rúi và nhà Tầm Dang cùng ở chung trên một quả đồi. Tuy là người dưng nước lã, mà cha mẹ Nha Rúi và Tầm Dang thân nhau như anh em ruột thịt. Bấy giờ, đường lên trời còn dễ đi. Trâu còn to con, hạt thóc lớn như hạt bắp. Mặt đất thưa người ở, nên cha mẹ Nha Rúi, Tầm Dang vỡ được rất nhiều ruộng.

Cả hai nhà đều no cơm, lành áo. Bỗng nhiên, cha mẹ Nha Rúi, Tầm Dang cùng nhuốm bệnh một lúc, rồi cùng chết một ngày. Thấy Nha Rúi, Tầm Dang còn nhỏ, bọn chủ làng tranh nhau cướp hết đất đai, cửa nhà của hai em, Tầm Dang phải đi ở đợ kiếm cơm. Nha Rúi thì được hàng xóm nuôi mỗi người một bữa.

Tầm Dang ở nhà chủ làng đã mười năm. Ngày phơi gió đồng, đêm hóng gió bãi, da Tầm Dang đỏ như mật, sức vật ngã trâu tơ. Nha Rúi cũng đã lớn. Tuy làm lụng vất vả, chân lấm tay bùn, nhưng

người nàng vẫn trắng đẹp. Tóc dài chấm gót, môi đỏ như son. Bà con trong làng vẫn trầm trồ khen nàng:

– Nó như cái ngà voi lấm bùn. Rửa sạch, nó đẹp hơn vàng hơn ngọc.

Nha Rúi được nhiều chàng trai con nhà thừa ăn, dư mặc hỏi làm vợ. Nhưng nàng chẳng thuận lấy ai, mà chỉ thích làm thân với Tầm Dang. Rồi trong một đêm trăng sáng, giữa mùa lúa trổ, Nha Rúi và Tầm Dang trao cho nhau mỗi người một nắm tóc, hẹn lấy nhau làm vợ chồng. Trước khi về ở chung nhà, hai người cùng lo cơm lo áo. Tầm Dang bán hết thóc, lấy tiền lên trời mua một đôi trâu. Nha Rúi ở nhà vỡ một mảnh đất hoang chờ Tầm Dang mua trâu về cày bừa. Chẳng may Tầm Dang vừa lên đến trời, thì trời nổi bão, gió thổi rất mạnh, nước trút xuống rất lớn. Nhà nào chắc thì đổ vách, sụp nền. Các nhà yếu thì đều bị nước cuốn đi, chiếc thang lên trời cũng bị nước xô ngã. Vì vậy Tầm Dang không về được.

Không có trâu, không có người cày, Nha Rúi phải bỏ mảnh đất vào ở đợ cho nhà giàu kiếm ăn. Nhà chủ Nha Rúi có mười cô con gái. Cô nào cũng ham làm đỏm, tham ăn mà lười. Chỉ có việc nấu cơm, rửa bát mà giành nhau, cãi vã suốt ngày. Từ hôm Nha Rúi vào ở việc gì các cô kia cũng đùn cho nàng, lại còn tranh nhau bắt nàng thêu khăn, búi tóc, nhuộm móng tay. Nha Rúi không thể làm hết bằng ấy việc. Được lòng người này thì mất lòng người kia. Những cô không sai được Nha Rúi quay ra đánh mắng, chửi bới nàng. Nha Rúi không ở được với lũ con nhà giàu hỗn xược. Nàng trở lại mảnh đất cũ, mang theo nửa thúng cám, một con dao, một quả trứng gà và một nắm hạt bông. Nha Rúi cắt cỏ làm một cái lều để ở. Buổi sáng nàng đi phát rẫy, buổi chiều đi hái rau rừng ăn thay cơm. Còn quả trứng gà và nửa thúng cám thì để dành phòng khi nắng mưa, đau ốm. Phát được mảnh đất, Nha Rúi đem nắm hạt bông ra trỉa. Không hiểu sao, trỉa bằng ấy hạt bông mà chỉ lên có mỗi cây. Nha Rúi sợ cây bông chết, mất giống, nên mỗi ngày tưới cho nó ba lần, sáu bầu nước. Lúc nhỏ, tuy mồ côi nhưng Nha Rúi còn được ở trong làng được nghe tiếng nói, tiếng cười của những người hàng xóm láng giềng. Nay xung quanh nàng chỉ có tiếng chim hót, dế kêu, nên càng mong ngóng Tầm Dang.

Một hôm trăng sáng, Nha Rúi nhìn lên trời, thấy Tầm Dang vác cuốc đi tháo nước ruộng. Nha Rúi vừa vẫy vừa gọi, mà Tầm Dang không nghe tiếng. Nàng vụt chạy lên đỉnh núi cao, đứng gọi với theo. Tầm Dang cũng không hay biết gì. Nàng buồn bã trở về, thấy quả trứng gà vùi trong thúng cám đã nở ra một con gà trắng. Cây bông cũng đã ra mấy quả đầu mùa. Nha Rúi coi những vật đó như bầu bạn. Đêm sau, trăng vẫn sáng. Nha Rúi lại thấy Tầm Dang vác cày, dắt trâu ra đồng. Nàng liền hái mấy quả bông vừa nở đem kéo chỉ chia làm đôi: một nửa để nguyên làm màu trắng; một nửa cắn móng tay lấy máu nhuộm làm màu hồng và cắt một nắm tóc làm chỉ màu đen. Nha Rúi đem ba thứ chỉ đó dệt thành một chiếc *phái* ba ngăn, và nhìn lên trời trông dáng Tầm Dang thêu thành một bức hình. Thêu đến ba tháng, chín ngày thì xong. Bức hình giống Tầm Dang như đứng gần nhìn người thật. Nha Rúi nhìn bức hình than:

– Thêu được hình, nhưng đi lên trời không được. Biết làm sao mà gửi lên?

Bỗng con gà con nói như người:

– Có việc gì mẹ cứ bảo. Con đi được!

Nha Rúi chưa hết mừng con gà biết nói, thì cây bông cũng bốc vút lên cao. Nàng nhìn chưa mỏi mắt, ngọn cây bông đã chạm mặt trăng, gốc to bằng cây cột đình. Nha Rúi mừng quá hỏi con gà:

– Gà ơi! Gà có dám xa mẹ không?

– Mẹ không ăn con từ lúc còn trong trứng. Mẹ lại nuôi con lớn, đủ cánh, đủ lông. Con đủ sức bay qua núi, qua biển, xa tới đâu, con cũng đi được.

Nha Rúi tập cho con gà nhảy từng bậc một trên các cành bông. Tập đến lúc chân con gà to bằng cán dao. Nàng cho bức hình thêu vào ngăn giữa cái *phái*. Ngăn bên đựng ba miếng trầu. Còn ngăn thứ ba thì chứa cám heo.

Đêm sau trăng vẫn sáng. Nha Rúi lại thấy Tầm Dang đi cày. Nàng gọi con gà, chỉ bóng Tầm Dang, và bảo:

– Cha con đang cày kia! Con mang cái *phái* này lên đưa cho cha. Đường xa lắm đấy. Đi mười ngày mới ăn một hạt cám thì mới đủ. Con bảo cha, ba hôm nữa mẹ lên.

Con gà đeo *phái* vào cổ, nhảy dần lên theo các cành cây bông. Nha Rúi đứng nhìn theo cho đến khi bóng con gà bé bằng con mọt. Ba hôm sau, nàng cũng theo các cành bông lên trời.

*

Ở trên trời cũng có người giàu người nghèo. Bao nhiêu ruộng tốt trâu béo trong vùng đều là của riêng của tên chủ làng. Tầm Dang đến nhà này hỏi mua trâu đúng vào lúc bão làm đổ chiếc cầu xuống trần. Tên nhà giàu biết Tầm Dang không còn đường về, liền cậy thế bắt chàng ở lại cày ruộng.

Nhà tên này giàu của mà hiếm con. Nó chỉ có một cô con gái vừa xấu xí vừa dở người mà ngày nào cũng ra bờ sông ngồi ngắm bóng. Từ hôm Tầm Dang ở đây, cô ta càng làm đỏm, suốt ngày lo nhuộm móng tay, búi tóc, sửa khăn để làm duyên. Nhưng Tầm Dang không thèm để ý.

Một hôm cô mang cơm ra đồng cho Tầm Dang, rồi hỏi:

– Tầm Dang ơi! Chẳng lẽ mày chẳng biết cha tao nhiều ruộng nhiều trâu nhất làng? Chẳng lẽ mày không biết cha tao chỉ có một người con gái? Chẳng lẽ mày chẳng biết tao chưa có chồng?

– Tao biết hết! Nhưng mày lười lắm. Mày không làm được việc gì cả. Ruộng trâu nhiều, đều có thể hết. Người siêng làm sẽ có mọi thứ.

– Ruộng trâu nhà tao nhiều nhất làng còn lo gì nữa.

– Tao nói thế thôi, chứ tao có vợ rồi. Vợ tao đang chờ tao ở dưới trần gian.

– Tầm Dang! Thế mày không biết cầu đi xuống trần đổ rồi à?

– Cầu đổ thì tao sẽ đắp. Tao sẽ đổ rơm xuống cho gốc rơm chạm đất, ngọn rơm chạm trời. Nếu không, tao sẽ buộc dây vào gốc đa tụt xuống!

– Mày làm được thế thì tóc mày bạc mất?

– Tao chịu để tóc tao bạc, chứ không để cho lòng tao bạc. Đây tóc của vợ tao đây!

Tầm Dang lấy nắm tóc của Nha Rúi đưa cho cô gái xem. Cô ta bực mình, mang thúng cơm trở về. Tầm Dang thả trâu, vào gốc

cây nghỉ mát. Anh vừa ngả lưng xuống đất, gối đầu vào rễ đa, thì con gà trắng mang chiếc *phái* đi đến. Tầm Dang ngồi dậy:

– Làng này không có gà trắng. Con gà này ở đâu đến?

Con gà đứng nhận dạng Tầm Dang cho rõ. Tầm Dang bảo:

– Nếu có quen thì vào đây. Việc gì phải đứng nhìn!

– Con ở dưới đất lên. Cha có khỏe không?

– Làm sao Tầm Dang này là cha gà được?

– Mẹ đã chỉ cha cho con trông thấy. Mẹ bảo con lên đây thăm cha. Ba hôm nữa mẹ lên.

– Thế mẹ gà là ai?

– Mẹ chưa nói tên. Nhưng tên mẹ ở trong cái *phái* này. Tên cha cũng có trong cái *phái* này.

Tầm Dang mở cái *phái* ra, thấy hình mình và nhận ra trầu của Nha Rúi têm. Anh bảo gà:

– Phải rồi! Trước đây ta có "ước"[1] với người này. Lâu lắm ta mới lại được thấy trầu của người ấy têm.

*

Nha Rúi trèo tới ba ngày, sang ba đêm mới lên được đến ngọn cây bông. Mệt mỏi quá, nàng ngã khuyu xuống đất nhà trời. Lúc tỉnh dậy, thấy lạ xóm, lạ nhà, lạ cả đường đi, nàng liền trèo lên ngọn cây sung bên bờ sông ngồi chờ Tầm Dang và con gà ra đón. Cây sung rậm lá. Nha Rúi ngồi khuất bên trong. Tầm Dang tìm mãi không gặp nàng, lại gặp con gái tên nhà giàu mang một cái bầu và một cái vò ra sông lấy nước. Nó đến đúng chỗ cây sung Nha Rúi đang ngồi. Trông thấy bóng Nha Rúi in xuống nước, nó tưởng mình hôm nay đã đẹp, vội vàng chạy đến khoe với Tầm Dang:

– Tầm Dang ơi! Hôm nay tao đẹp rồi! Tao không nói dối đâu. Tao vừa nhìn thấy bóng tao dưới nước. Mày thử nhìn lại tao xem... có phải tao đẹp hơn trước không?

Tầm Dang không trả lời. Anh hỏi con gà:

---

1. *Ước*: thề nguyền, hứa hẹn, nhận lời yêu nhau, lấy nhau.

– Mẹ bảo thế nào?

– Mẹ bảo mẹ lên sau. Ba hôm sẽ tới.

– Mẹ đi đã đến ba hôm chưa?

– Hôm nay nữa là đủ ba hôm.

Nghe tiếng nói, nhưng vì xa nhau lâu ngày. Nha Rúi không nhớ giọng của Tầm Dang. Nhưng nàng nhận ra tiếng con gà, liền tụt xuống gốc sung gọi Tầm Dang đến đón. Con gái tên nhà giầu thấy Nha Rúi đẹp, trong lòng ghen thầm. Nó đứng nhìn một lúc rồi vứt bầu, vứt vò chạy về bảo cha nó:

– Cha ơi! Thằng Tầm Dang bỏ trâu, bỏ cày, theo gái làng lạ. Nó mê gái làng lạ bỏ trễ việc nhà mình rồi.

Nghe con nói, tên nhà giàu sợ Tầm Dang đi, mất người làm, liền dẫn chó vác gậy chạy ra tìm. Nha Rúi đưa Tầm Dang đến chỗ cây bông để về dưới đất. Nhưng cây bông đã biến mất từ lúc nào rồi. Con gà trắng cũng đi lạc, tìm mãi không thấy. Tầm Dang phải cõng Nha Rúi chạy dọc theo bờ sông. Chạy đến ba ngày mới gặp một làng. Làng này không có người giàu. Nha Rúi, Tầm Dang vào ở nhờ trong một ngôi nhà lợp cỏ. Vợ chồng anh phát rẫy trỉa bắp, trỉa lúa. Chỗ này dễ làm, thóc gạo vừa ăn. Nhưng vợ chồng Nha Rúi không vui. Chiều chiều, thấy khói bếp các làng ở dưới đất bay lên, Nha Rúi, Tầm Dang đều nhớ nhà, nhớ làng cũ. Bấy giờ Nha Rúi đã có mang. Buổi trưa nào vợ chồng anh cũng ra gốc cây to ngồi xe dây đan võng cho đứa con đầu lòng. Hôm Nha Rúi và Tầm Dang đan xong chiếc võng thì con gà trắng tìm đến. Con gà thấy Nha Rúi có mang, trong nhà gạo, bắp còn nhiều mà cả hai người không vui, nên hỏi:

– Con sắp có em, nhà thừa gạo ăn, sao cha mẹ không vui?

Tầm Dang bảo:

– Bụng không đói, nhưng nhớ làng cũ lắm. Mẹ sắp đẻ mà không về được. Em mày rồi sẽ không biết mồ mả ông bà, nên ta buồn. Ta với mẹ mày cùng muốn về làng cũ...

Con gà hỏi:

– Cha mẹ muốn về làng cũ sao không đi?

– Cây bông mất rồi! Đi đường nào được?

– Được, được. Cha mẹ có muốn về thì mang hết gạo bắp ra cho con ăn, con sẽ đưa về.

Nha Rúi bảo con gà:

– Mẹ không tiếc gạo, tiếc bắp, chỉ sợ con không đưa đi được.

Con gà chạy xộc vào nhà, mổ liền ba ngày ba đêm, ăn hết bảy thúng bắp, bảy thúng gạo. Bấy giờ thân con gà đã lớn hơn trước mấy trăm lần. Hai cánh nó rộng bằng bốn mái đình. Hai chân to như cái khúc gỗ. Nó bảo vợ chồng Nha Rúi ngồi vào chiếc võng, quàng hai đầu võng vào chân rồi dang đôi cánh rộng từ từ bay xuống. Con gà bay được nửa đường thì Nha Rúi đẻ được một đứa con trai. Thêm một người ngồi trên võng nhưng con gà vẫn không kêu nặng. Nghe đứa bé khóc oe oe, nó càng nghiêng cánh lượn nhanh về làng cũ. Khi sắp chạm ngọn tre, con gà bay xung quanh làng mấy vòng. Người trong làng đều chạy ra đứng xem. Tên nhà giàu cướp đất của Nha Rúi, Tầm Dang cũng ra nghển cổ nhìn lên. Trông thấy vợ chồng Nha Rúi ngồi trên cái võng kỳ lạ, nó tưởng hai người có phép thần, sợ bị hỏi tội cướp đất nên kéo cả gia đình chạy trốn vào rừng sâu.

Con gà đỗ xuống cái gò, nơi cha mẹ Tầm Dang, Nha Rúi khai phá khi trước. Hai người lại được ở trong ngôi nhà cũ của mình, gần mồ mả cha mẹ, có ruộng đất cày cấy, mà chẳng còn sợ ai cướp giật.

Vợ chồng anh muốn đền ơn con gà, liền vào làng vay thóc, vay gạo cho nó ăn. Nhưng con gà đã vỗ cánh bay miết về phía mặt trời lặn. Từ đó về sau, không thấy nó trở lại nữa.

(Truyện cổ Chăm – Nxb Văn hóa – 1982)

VOI BẢY NGÀ

Ngày xưa, tại xứ Pandarang có cậu bé tên là Jamutui mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ. Cậu bé được người chú họ đem về nuôi. Jamutui không biết chữ nhưng rất thông minh, vẻ mặt khôi ngô tuấn tú.

Hàng ngày Jamutui phải bế em, con của người chú họ, đến ngồi chơi dưới bóng cây đại thọ ngoài thành vua. Vì vậy một số

quan trong triều đều biết cậu bé, và cũng đem lòng thương yêu, vì thấy Jamutui ngoan ngoãn.

Một hôm, nhân lúc thanh vắng cậu ngồi mát dưới bóng cây đại thọ, hý hoáy vẽ hình một con voi bảy ngà. Nhà vua đi qua thấy hình con vật lạ, lấy làm ngạc nhiên, vì xưa nay chưa hề nhìn thấy hình con vật này bao giờ. Nhà vua dừng lại chăm chú nhìn và nghĩ: "Có lẽ người vẽ này đã nhìn thấy có con voi nào như vậy chăng? Hay là có một ẩn ý nào đây". Nghĩ vậy, nên nhà vua trẻ tuổi ấy liền trở lại triều, rồi cho triệu các quan văn võ đến nghị bàn.

Trước đông đủ mặt bá quan, nhà vua phán:

– Hôm nay trẫm ra ngoài thành ngắm cảnh thấy một điều lạ, dưới gốc cây đại thọ không biết ai vẽ hình một con voi bảy ngà, trên lưng lại có một mỹ nữ đang ngồi dệt lụa, trước vòi voi có con gà trống đang vỗ cánh gáy. Trong các khanh ai là người đã vẽ hình đó, hay ai biết kẻ đã vẽ hình này?

Văn võ bá quan khi nghe lời phán của vua đều ngơ ngác nhìn nhau, mãi sau mới có một vị quan trẻ tuổi đứng lên tâu:

– Muôn tâu bệ hạ, thật ra kẻ hạ thần này cũng như bá quan có mặt hôm nay không ai vẽ hình con voi bảy ngà đó, theo kẻ hạ thần được biết, có một chàng trai mồ côi cha mẹ, hàng ngày bồng em con chú, đến ngồi chơi dưới gốc cây đó đã vẽ. Tuy nghèo khổ nhưng nhìn tướng mạo rất khôi ngô tuấn tú thông minh lanh lợi tên là Jamutui.

Nhà vua nghe tâu xong liền cho bãi trào, và truyền lệnh tìm ngay cậu bé đó.

Nói về Jamutui, khi được lệnh vua đòi thì rất lo lắng. Vào đến triều, cậu quỳ dưới bệ ngọc cúi đầu chờ lệnh.

Nhà vua hỏi:

– Có phải tên mày là Jamutui? Có phải mày đã vẽ hình con voi bảy ngà dưới gốc cây đại thọ có người mỹ nữ ngồi trên lưng dệt lụa, có con gà trống vỗ cánh gáy trước vòi voi kia không?

Jamutui tâu:

– Cúi tâu bệ hạ, chính kẻ ngu thần này đã vẽ hình con voi bảy ngà đó, kính mong bệ hạ bỏ qua và tha tội chết cho kẻ ngu thần này.

Nghe Jamutui nhà vua vẫn chưa tin, bèn hỏi lại:

– Trẫm muốn biết, ai là người đã khéo tay vẽ nên con vật đó, chứ không phải trẫm muốn kết tội, vậy mi hãy nói thật. Nếu quả đúng mi là kẻ đã vẽ hình con voi bảy ngà đó thì hãy vẽ lại cho ta xem, nếu vẽ đúng hệt con voi bảy ngà dưới gốc cây đại thọ kia thì ta sẽ ban thưởng.

Jamutui y lệnh, vẽ ngay hình con voi bảy ngà với người con gái đang ngồi dệt lụa trên lưng, có con gà trống đang vỗ cánh gáy trước vòi voi. Nhà vua xem xong hình vẽ lấy làm vui mừng lắm, bèn truyền lệnh ban thưởng, và cho bãi trào.

Từ khi được bức hình voi bảy ngà với cô gái ngồi dệt lụa, nhà vua tự nhiên ngày đêm mơ tưởng làm sao có được một người con gái giống hệt trong tranh, sớm tối kề bên ngai vàng nâng khăn sửa túi. Nhà vua bèn truyền lệnh cho Jamutui phải đi tìm cho được con voi bảy ngà và người con gái đẹp tựa trong tranh đó. Nhà vua giao hẹn trong vòng sáu tháng phải tìm bằng được nếu không sẽ bị xử tội khi quân.

Ngày hôm sau, Jamutui một mình một bóng, lưng mang túi lương khô, nhằm hướng tây mà đi.

Thấm thoát một tháng đã trôi qua, nhưng Jamutui vẫn chưa hề gặp một con voi nào như vậy, mặc dù đã chui rúc vào khá nhiều khu rừng có voi lớn voi bé, voi mẹ voi con, từng đàn, từng lũ. Chàng tự trách mình sao quá dại dột lại đi vẽ hình con voi bảy ngà đó. Trong lúc đang lo nghĩ thì Jamutui bị lạc vào một làng nọ. Chàng bị một toán thanh niên vạm vỡ có đủ giáo, ná cung tên vây bắt, rồi dẫn đến một ngôi nhà dựng trên một ngọn đồi cây cối rậm rạp, ra mắt trưởng làng. Đó là một bà lão. Bà nhìn Jamutui với vẻ hung hãn rồi nói:

– Mi từ đâu đến, có việc gì? Hãy nói ngay. Nếu cái mồm mi không biết nói điều thật thì đầu sẽ lìa khỏi cổ.

Trong lúc đó có một thiếu nữ nhan sắc tuyệt vời, tuổi độ trăng tròn, nhẹ nhàng bước tới gần bà, rồi nhỏ nhẹ thưa:

– Thưa mẹ, con xem tướng mạo chàng trai này không phải kẻ gian. Chàng tìm đến làng ta hẳn phải có chuyện gì cầu cứu, xin mẹ nguôi giận hỏi cho rõ ngọn ngành.

Chàng Jamutui lúc bấy giờ mới hết vã mồ hôi, thưa:

– Thưa bà, tôi là Jamutui, mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ, phải sống nương nhờ họ hàng. Một hôm tôi bế con của chủ nhà ra hóng mát dưới gốc cây đại thọ ngoài thành vua, nhân lúc thanh vắng tôi vẽ chơi hình một con voi bảy ngà với một thiếu nữ xinh đẹp đang ngồi dệt lụa trên lưng voi, và một con gà trống đang vỗ cánh cất tiếng gáy. Không ngờ hôm đó nhà vua đi qua, nhìn thấy hình vẽ. Nhà vua ra lệnh cho tôi phải đi tìm bằng được con voi bảy ngà và người con gái xinh đẹp như vậy trong sáu tháng. Nếu tìm không được sẽ bị xử tội khi quân. Nay đã hơn một tháng trôi qua nhưng tôi vẫn chưa tìm thấy. Nay bị lạc vào dây kính mong được bà rộng lòng ân xá.

Bà lão nghe Jamutui nói vậy lấy làm thương hại. Còn cô thiếu nữ chốc chốc lại lén nhìn chàng trai khôi ngô tuấn tú. Suy nghĩ một lát, bà bảo người con gái dẫn chàng Jamutui vào khu rừng voi của mình để xem có con nào vừa ý thì chọn.

Nàng Bila Lak, tên người con gái, vâng lời mẹ dẫn đường cho chàng trai vào khu rừng voi. Đến một khu rừng rậm rạp, nàng bảo chàng Jamutui dừng lại, rồi lấy chiếc tù và ra thổi ba tiếng dài, âm thanh vang khắp núi rừng. Chẳng bao lâu đàn voi kéo đến tụ tập quanh nàng. Chàng Jamutui tìm mãi chỉ thấy có độc mỗi con có ba ngà, chứ không con nào được bảy ngà như ý chàng đang tìm. Tuy không tìm được con voi bảy ngà, nhưng lòng chàng cũng phần nào được khuây khỏa. Tối hôm đó chàng Jamutui được làm khách quý nhà bà lão và được nàng Bila Lak chăm sóc chu đáo.

Sáng hôm sau chàng Jamutui được nàng Bila Lak tiễn chân tận đầu làng. Trước khi chia tay, nàng Bila Lak trao cho chàng Jamutui một cây gậy và nói:

– Đây là cây gậy thần ông bà thiếp để lại, nó sẽ giúp chàng trong mọi cơn nguy hiểm. Cảm lòng chàng thiếp xin biếu làm quà. Nếu gặp cơn nguy chàng hãy gõ nhẹ gậy thần này xuống đất ba lần thì mọi hiểm nguy sẽ tiêu tan. Xin chúc chàng lên đường mọi sự tốt lành. Dù tìm được hay không tìm được voi bảy ngà với người thiếu nữ xinh đẹp cho vua, hết hạn chàng hãy nhớ đến em.

Sau vài phút biệt ly lưu luyến chàng Jamutui nhận gậy thần, rồi từ giã nàng Bila Lak.

Chàng Jamutui lại nhằm hướng tây mà đi. Hết leo đèo lại lội suối, đường nhiều thú dữ chàng không hề biết sợ. Một hôm đang đi giữa quãng rừng sâu âm u, chàng gặp hai con hổ khổng lồ đang lao tới. Trong lúc bối rối chàng nhớ đến cây gậy thần. Chàng gõ nhẹ cây gậy thần xuống đất ba lần, quả nhiên hai con hổ liền quay đầu nhảy vào rừng. Chàng thầm cám ơn nàng Bila Lak và càng nhớ nàng hơn.

Đang tiếp tục leo núi băng rừng thì bỗng nghe có tiếng người nói vọng lại, rồi có hơn chục chàng trai vạm vỡ xuất hiện, tay cầm mác, cầm ná. Thấy vậy Jamutui chỉ gậy thần vào đám trai tráng đó, tự nhiên họ buông hết vũ khí. Jamutui hỏi:

– Hỡi người anh em, vì có việc nên tôi đến đây. Các bạn có thể chỉ giúp đường đến nơi có voi bảy ngà không?

Những người này khi nghe chàng Jamutui hỏi, đều ngạc nhiên, và lắc đầu trả lời:

– Ồ, không biết. Chúng tôi mới nghe đến lần đầu. Muốn rõ xin mời chàng vào gặp già làng chúng tôi để hỏi.

Già làng ở đây cũng là một bà lão nhưng dáng vẫn còn khỏe mạnh.

Bà hỏi:

– Chàng từ đâu đến? Chẳng hay ta có thể giúp được việc gì?

Chàng Jamutui thưa:

– Thưa bà, tôi là Jamutui, thừa lệnh vua truyền phải đi tìm cho được con voi bảy ngà. Ròng rã đã gần ba tháng đường nhưng vẫn chưa tìm ra được con voi ấy. Nếu không tìm được, mạng tôi khó toàn. Là người ở đây lâu năm, bà có thể chỉ đường giúp tôi tìm ra con voi như vậy chăng?

Nghe chàng Jamutui nói vậy bà già lấy làm cảm động, bèn bảo chàng ngồi xuống rồi cho gọi người con gái đến mà rằng:

– Này Hala Muh con, chàng trai này theo lệnh nhà vua đi tìm voi bảy ngà. Con hãy dẫn chàng đến khu rừng voi của ta để chàng xem. Nếu con nào bảy ngà thì bắt cho chàng. Sẵn lòng hào hiệp giúp người vốn là tính tốt xưa nay của làng ta.

Nàng Hala Muh vâng lời mẹ, dẫn chàng Jamutui vào khu rừng voi. Khi đến khu rừng, nàng lấy tù và ra thổi mấy hồi, lập tức cả

đàn voi, nào đực nào cái rầm rập chạy tới, tiếng rống vang rền. Nàng Hala Muh lấy xâu lúc lắc trong túi ra rung ba tiếng dài. Đàn voi hung hăng là thế, nhưng khi nghe tiếng lúc lắc thì đứng im, cúi đầu trống vòi xuống đất. Chàng Jamutui đi quanh bầy voi hết lượt nhưng không tìm thấy con nào có bảy ngà. Chàng hơi nản lòng, tỏ vẻ buồn bã. Nàng Hala Muh thấy vậy an ủi:

– Chớ vội buồn, chàng Jamutui ạ, ở đây không có, thiếp sẽ thưa cùng mẹ giúp chàng đến vùng khác, chắc chàng sẽ tìm được voi bảy ngà. Nhưng khi đã tìm được voi quý, xin chàng hãy nhớ đến em.

Chàng Jamutui nói cùng nàng lời biết ơn và hẹn ngày báo đáp.

Sáng hôm sau, trước khi chàng Jamutui lên đường, mẹ nàng Hala Muh đem tặng chàng một chiếc roi mây, dặn rằng:

– Đây là chiếc roi thần, tuy bề ngoài xấu xí nhưng có đủ phép trừ bất cứ loài thú dữ nào. Gặp cơn nguy chỉ cần giơ chiếc roi này chỉ vào con thú ác đó, nó liền trở nên hiền hậu. Chàng hãy nhận lấy để hộ thân, và chúc chàng lên đường gặp may mắn.

Chàng Jamutui nhận roi mây, cúi đầu cảm ơn rồi xin từ giã.

Đường đi ngày càng vất vả, nhiều núi non hiểm trở, nhưng chàng vẫn không nản lòng. Nhờ có chiếc roi thần nên chàng đã vượt qua mọi thú dữ, rắn độc.

Vào một buổi chiều, sương phủ kín bầu trời, mặt đất, chàng vừa leo khỏi một ngọn đồi thì gặp mấy người lực lưỡng đang đi ngược lại phía chàng.

Jamutui lên tiếng hỏi:

– Chào các bạn! Tôi vâng lệnh vua đi tìm con voi có bảy ngà đã mấy tháng trời vẫn chưa thấy đâu cả. Các bạn có thể mách đường giúp tôi được chăng?

Một chàng trai trong toán người đứng dậy nói:

– Hãy theo chúng tôi về làng gặp người già để hỏi mới biết được.

Toán người dẫn Jamutui vào một ngôi nhà sàn. Bà lão chủ nhà thấy có khách lạ chạy ra đón:

– Ô, khách đã đến chân cầu thang thì lên nhà đi.

Nghe bà chủ nhà mời một cách êm ái nhẹ nhàng, chàng lấy làm cảm động. Chàng đi lên nhà và kể rất cặn kẽ về sự vô tình

mà mình vẽ hình con voi bảy ngà với người con gái ngồi dệt lụa trên lưng; việc nhà vua ra lệnh cho chàng phải tìm cho được con vật ấy trong thời hạn sáu tháng. Chàng cũng kể qua cuộc hành trình gian khổ, đầy nguy hiểm, cũng như việc những nơi trước đã giúp đỡ mình.

Nghe kể xong, bà liền gọi người con gái út của mình đến. Một cô gái ăn mặc gọn gàng, tươm tất, dáng điệu mảnh mai, đôi môi lúc nào cũng như hé cười, đi ra. Vừa trông thấy khách lạ nàng liền cúi đầu chào. Bà nhìn con rồi bảo:

– Này Chareh Batih con, đây là một chàng trai có chí, dũng cảm, tên là Jamutui, từ nơi xa tới để tìm con voi bảy ngà theo lệnh nhà vua. Nhưng suốt năm tháng trời, đã qua nhiều vùng có voi mà vẫn chưa tìm được. Ta sẽ cho chàng con voi bảy ngà duy nhất của mình. Mẹ nghĩ ắt có duyên trời run rủi nên chàng mới tìm đến đây, vậy con hãy nghe lời mẹ, thu xếp hành trang để cùng Jamutui dẫn voi về dâng vua cho đúng hẹn.

Sáng hôm sau chàng Jamutui và nàng Chareh Batih, sau khi thu xếp xong hành trang, đến làm lễ từ biệt mẹ. Bà mẹ, lấy chiếc nhẫn trao cho con gái, dặn rằng:

– Đây là một báu vật do tổ tiên để lại, con hãy nhận lấy để hộ thân phòng nguy hiểm.

Đoạn, nàng Chareh Batih và chàng Jamutui cúi đầu xin từ giã mẹ hiền rồi cùng nhau trèo lên lưng con voi bảy ngà. Đôi bạn trẻ thỏ thẻ bên nhau thu ngắn đoạn đường, chẳng bao lâu hai người đã đến làng mẹ con Hala Muh. Khi trông thấy chàng Jamutui và nàng Chareh Batih cùng con voi bảy ngà hai mẹ con nàng rất lấy làm mừng. Tối hôm đó sau khi cơm nước xong, bà cho Chareh Batih sửa soạn hành trang về theo chàng Jamutui, và nàng Chareh Batih. Bà trao cho nàng một chiếc áo thần để hộ thân phòng khi gặp nguy hiểm.

Sáng hôm sau cuộc hành trình lại tiếp tục.

Con voi bảy ngà thuộc loại voi quý, có tài đi rất nhanh, vì vậy cuộc hành trình của ba người chỉ một buổi đường đã đến làng mẹ con nàng Bila Lak. Bà liền gọi cô con gái cưng đến, ngỏ ý với chàng Jamutui và hai nàng, cho Bila Lak cùng được theo. Mọi người đều vui vẻ mời Bila Lak.

Nhờ tài đi nhanh của con voi bảy ngà, chẳng mấy chốc đoàn người đã về nơi kinh thành. Chàng Jamutui cho voi bảy ngà dừng lại, dựng tạm trại cách thành vài dặm.

Sau khi nghỉ ngơi vài hôm, chàng Jamutui cùng ba nàng nhằm ngày hẹn xin ra mắt nhà vua.

Được toại nguyện, nhà vua cho tổ chức yến tiệc linh đình. Trong bữa tiệc, được thấy nhan sắc tuyệt vời của ba nàng, nhà vua nổi lòng tham muốn chiếm đoạt. Hắn bèn nghĩ ra độc kế hãm hại chàng Jamutui.

Hôm sau hắn ra lệnh cho triệu hồi Jamutui vào triều bắt chàng nội trong ba ngày phải đi tìm cho nhà vua một chum sữa gấu ngựa. Khi nghe lệnh, Jamutui rất lấy làm lo sợ. Ba nàng trông thấy mặt chàng tự nhiên có vẻ tiều tụy liền gặng hỏi. Chàng kể lại sự tình. Ba nàng nghe chuyện biết đó là âm mưu thâm độc của tên vua, rất lấy làm uất giận, nhưng không nói ra. Nàng Chareh Batih nói với chàng:

– Chàng hãy yên tâm, tưởng chuyện gì chứ việc vắt sữa gấu ngựa chàng không lo, thiếp xin thay chàng chu tất.

Quả đúng ba ngày sau nàng Chareh Batih mang đến cho chàng một chum sữa gấu. Jamutui hết lời cảm phục và biết ơn nàng đã giúp mình.

Nói về nàng Chareh Batih, sau hôm nhận lời giúp chàng Jamutui, nàng một mình đi vào rừng để tìm con gấu ngựa đang nuôi con nhỏ để vắt sữa. Nhờ có chiếc nhẫn thần có quyền sai khiến bất cứ loài vật nào dù dữ tợn đến mấy, nên nàng vắt sữa đem về được an toàn.

Cách vài hôm sau, chàng Jamutui lại thấy quân hầu đến đòi vào triều. Lần này tên vua lại bắt chàng đi vắt sữa cọp, và cũng hẹn nội trong ba ngày phải mang đến một chum sữa.

Nghe lệnh, chàng Jamutui lại lo âu. Thấy chàng có vẻ buồn phiền ba nàng lại hỏi. Chàng Jamutui nói lại lệnh nhà vua. Lần này Bila Lak xin được giúp chàng.

Đúng ngày hẹn nàng Bila Lak vào rừng dùng cây gậy thần sai khiến thú vật, bắt cọp ngoan ngoãn cho mình vắt sữa.

Nhà vua khi nhận được sữa cọp từ tay chàng Jamutui thì lấy làm kinh hoàng lắm, bèn tức tốc cho triệu các quan văn võ đến nghị

bàn, tìm cách sớm diệt cho được Jamutui để chiếm đoạt ba người con gái xinh đẹp. Có một vị quan già tâu:

– Muôn tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin đưa ra một dụ kế, dù Jamutui có tài phép đến đâu chăng nữa cũng không thoát khỏi tay tử thần. Thần nghĩ, Jamutui chỉ cho phép điều khiển được thú dữ trên rừng mà không thể điều khiển được thú dữ dưới nước. Vậy xin bệ hạ truyền cho y xuống sông tìm vắt sữa cá sấu. Cá sấu sẽ kết liễu đời y. Lúc bấy giờ bệ hạ tha hồ vui duyên cùng ba nàng, xin bệ hạ chớ quá lo nghĩ mà hao mòn long thể.

Vua nghe tâu thì lòng mừng khôn xiết, cho đó là một diệu kế. Ngay tức khắc, tên vua liền cho gọi Jamutui vào triều.

Nhận lệnh mới này, Jamutui rất lấy làm lo sợ, chàng tự trách mình: "Sao số kiếp ta lại gặp nhiều gian truân nguy biến...".

Trong lúc chàng đang than thở một mình thì nàng Chareh Batih đi ngang qua. Nghe tiếng chàng than thở, nàng bèn dừng chân lại gặng hỏi chàng. Chàng Jamutui thuật lại chuyện. Nàng Chareh Batih an ủi:

– Tưởng việc gì khó, chứ việc cỏn con đó thì chàng cứ an tâm, thiếp xin lĩnh việc giúp chàng.

Đúng như hẹn, ba ngày sau, nàng Chareh Batih mặc chiếc áo thần tìm đến nơi cá sấu ở, dùng phép sai khiến thú dữ của chiếc áo để vắt sữa đem về cho chàng.

Khi quân hầu mang chum sữa vào, thì tên vua lấy làm ngạc nhiên lắm. Tên cận thần già nhìn thấy vẻ lo âu của nhà vua, liền bước đến tâu rằng:

– Muôn tâu bệ hạ, kẻ hạ thần tuy bất tài nhưng cũng xin dâng kế này để bệ hạ xem thử. Xin bệ hạ cho đào một con đường hạ đạo rộng và cao vừa đúng tầm người đi, dài chừng một dặm. Ở hai đầu hạ đạo cho chất nhiều rơm khô. Sau đó ngài giả vờ sai Jamutui chuyển một bức thư cho vua âm phủ. Khi hắn xuống đường hạ đạo rồi thì cho nổi lửa đốt rơm. Thần nghĩ dù hắn có tài phép gì cũng không thoát khỏi chết ngạt.

Vua nghe tâu liền cho thi hành ngay quỷ kế.

Đường hạ đạo vừa làm xong thì nhà vua cho triệu Jamutui đến, cùng với cả ba người con gái đẹp, lấy cớ là mở tiệc khao đãi. Đang dở bữa tiệc, tên vua đứng lên phán:

– Hôm nay trẫm lại nhờ chàng Jamutui một việc rất quan trọng. Vì ngoài chàng ra thì trẫm thấy không ai đủ tài năng đảm trách. Chàng hãy chuyển hộ bức thư này cho Diêm vương.

Nghe việc lạ chàng Jamutui buồn lắm. Trên đường về ba nàng lại hết lời an ủi chàng, và bàn cách để trừ tên vua độc ác.

Chàng Jamutui khi bước chân xuống địa đạo, liền chạy nhanh đến con đường ngách mà ba nàng đã dùng phép để mở, trở về nhà.

Nói về tên bạo chúa, khi quân đến báo là chàng Jamutui đã xuống địa đạo, liền ra lệnh nổi lửa đốt rơm hai đầu. Và lập tức hắn cho triệu ngay ba nàng vào triều. Trong lúc nhà vua đang mê say nhan sắc của ba người con gái kiều diễm, thì có quân hầu vào phi báo rằng chàng Jamutui đã trở về, và đang đứng ngoài thành xin được ra mắt nhà vua. Nghe tin báo, tên bạo chúa lấy làm hoảng sợ, ngất đi. Một hồi lâu tên vua mới hồi tỉnh, rồi truyền cho đòi chàng vào. Chàng Jamutui vào triều tỏ ra như không có gì xảy ra, bước ngay đến trước mặt nhà vua nói:

– Tâu bệ hạ, khi hạ thần xuống âm phủ được các ngưu đầu mã diện đưa vào yết kiến Diêm vương. Kẻ hạ thần đã trao thư bệ hạ cho Diêm vương. Đọc xong bức thư, Diêm vương truyền cho kẻ hạ thần về tâu lại cùng bệ hạ rằng: thuốc trường sinh bất tử hiện đang được pha chế chứ chưa có sẵn, khi nào pha chế xong thì Diêm vương sẽ gửi lên. Trước khi kẻ hạ thần xin cáo lui để trở về trần gian, thì gặp một bà lão. Bà dặn thần rằng: Bà là mẫu hậu của hoàng đế đương kim tại dương trần, tên là Takala. Từ khi cụ về âm phủ tới nay, có nhiều lúc cụ nhớ đến hoàng tử, nhưng đường trần gian, âm ti cách biệt. Nay nghe kẻ hạ thần là sứ giả của triều đình trên dương thế, nên cụ nhờ kẻ hạ thần về trao bức thư này đến tận tay bệ hạ. Cụ bà còn căn dặn thêm với kẻ hạ thần là, nhớ tâu lại với bệ hạ hãy xuống thăm cụ càng sớm càng tốt. Cứ theo đường địa đạo mà kẻ hạ thần vừa đi, cụ bà đang đón chờ ở đó. Nếu theo đường khác e lạc khó tìm.

Tên bạo chúa nhận bức thư mở ra xem. Đọc những lời lẽ trong thư hắn lấy làm xúc động lắm. Hắn quyết định xuống âm phủ để gặp mẫu hậu.

Khi đoàn xa giá nhà vua vừa xuống khỏi địa đạo thì lập tức chàng Jamutui cho chất rơm nổi lửa hai đầu địa đạo, khói tỏa mịt trời.

Thế là hết đời tên bạo chúa Takala, hoàng hậu cùng những tên nịnh thần đều biến thành tro bụi.

Chàng Jamutui được toàn dân tôn lên làm vua sửa trị ngai vàng. Nàng Hala Muh lên làm hoàng hậu, hai nàng Chareh Batih và Bila Lak làm thứ phi. Dân chúng được sống thanh bình, an cư lạc nghiệp, không còn nạn vua quan ức hiếp như thời trước nữa.

(Truyện cổ Chăm – Nxb Văn hóa – 1982)

VIÊN NGỌC THẦN

Ngày xưa, có một người tính tình thật thà ngay thẳng. Thấy ai bị hà hiếp, dù thiệt cho mình, anh vẫn cố sức bênh vực. Ai thế yếu cô đơn, anh đều sẵn lòng giúp đỡ. Vì vậy, bọn nhà giầu trong vùng rất ghét anh. Chúng tìm cách lấn áp, chèn ép, anh phải bỏ nhà, vào núi ở, lấy nghề săn bắn làm vui. Tuy tình cảnh khốn đốn, lòng anh vẫn tốt như thường. Dù trong nhà đang thiếu ăn, anh không bao giờ bắn những con thú chửa, hay đang nuôi con. Thà vác ná về không, chứ anh không bắn bất cứ con gì lúc con cái con đực đi sóng đôi.

Đi săn nhiều năm, anh thuộc núi rừng như thuộc các ngõ ngách trong làng; nhận ra những con hươu, con nai thường gặp. Trong những con vật anh thường trông thấy, có hai vợ chồng con rắn. Hai con rắn to như cây chuối, da đen như than, dài đến mấy sải, cùng ở chung trong một hang đá rất sâu. Sáng nào vợ chồng nó cũng đưa nhau đi kiếm ăn. Mỗi khi con rắn cái thay da, con rắn đực tha mồi về tận hang. Mùa đông năm đó, đến lượt con rắn đực thay da, nằm yên một chỗ. Bỗng con rắn cái thay lòng đổi dạ. Nhân con rắn chồng ốm yếu, con rắn cái theo con rắn đực khác, rồi định đưa con rắn ấy về hang cắn chồng.

Thấy hai con rắn kia xấu xa, anh thợ săn căm ghét, đến ngồi rình trước cửa hang, định giết cả hai. Nhưng khi chúng nó đến, anh chỉ kịp bắn con rắn cái. Con rắn đực kịp chạy vào rừng. Chờ đến bữa ăn, không thấy vợ tha mồi về, con rắn đực thay da, bò ra cửa hang đón. Trông thấy vợ chết, mắt bị một mũi tên xuyên ngang. Con rắn đực biết người thợ săn vẫn gặp hằng ngày, bắn vợ mình, nên chờ dịp báo thù. Khi đã thay da xong, nó bò đến cửa nhà anh thợ săn nằm chờ. Cũng tối hôm đó, anh thợ săn ngủ không ngon giấc. Mới nửa đêm anh đã tỉnh. Nằm mãi không ngủ được, anh đánh thức vợ dậy, kể chuyện con rắn cái "ăn ở hai lòng" và đã bắn nó, để cứu con rắn đực đang thay da.

Con rắn đực nằm ngoài cửa nghe rõ mọi điều. Bấy giờ nó mới biết nó được anh thợ săn cứu thoát nạn. Nếu anh không bắn chết vợ nó, thì nó đã bị vợ cùng với con rắn đực kia cắn chết rồi! Từ mắc oán, sang mang ân, con rắn cúi đầu, lách mình chui qua khe cửa nhà anh thợ săn. Nghe động, anh thợ săn choàng dậy với lấy cái ná. Trông thấy con rắn, anh giương ná lên, toan bắn. Nhưng con rắn đã thu mình, nằm co, đầu cúi xuống, không thè lưỡi. Nó gật đầu liền mấy cái, nhả ra một viên ngọc, rồi lặng lẽ chui ra. Anh thợ săn nhận ra con rắn vẫn gặp thường ngày, liền đến nhặt viên ngọc lên xem. Người thợ săn rất đỗi ngạc nhiên. Cầm viên ngọc, anh nghe tiếng của lũ muỗi nói trong đêm tối; tiếng lũ kiến đang giục nhau đào hang và xa xa phía ngoài, tiếng lũ chim đêm gọi nhau, sợ lạc đàn. Rồi anh nghe rõ cả tiếng con rắn đực nói: "Đền ơn cứu sống, trả nghĩa công bằng".

Một hôm, anh bắn được một con bò rừng rất to. Vợ chồng đang ra tay xẻ thịt phơi khô, thì một đàn quạ bay đến xà xuống cướp. Anh gào rát cổ, mà lũ quạ cứ xấn vào. Phát cáu, anh lấy ná lắp tên, bắn một phát. Chẳng may mũi tên trúng con quạ chúa đàn. Đàn quạ liền cắp cả xác chúa và mũi tên bay đi. Chúng bay về đồng bằng; bay qua khắp các làng mạc thôn xóm, vẫn chưa tìm được có gì để báo thù người thợ săn. Khi bay qua con sông, thấy xác một người chết đuối trôi táp vào bờ; lũ quạ đem mũi tên cắm vào xác người chết ấy. Họ hàng người này tìm được, đem cả người chết và mũi tên vào cung vua kiện. Vua truyền khắp nước, ai có ná, có tên phải mang vào hầu. Những người có ná, có tên ở từ núi cao, đến các làng hẻo lánh đều y lệnh vua. Anh thợ săn cũng vào chầu, mang

theo cả viên ngọc. Vua truyền mọi người đem tên của mình ra so với tên ghim trên xác chết. Mỗi người so đến mấy lượt. Chỉ có mũi tên của anh thợ săn có viên ngọc là giống. Vua bắt anh cùm lại, chờ ngày xử tội.

Vạ giữa đàng, mang vào cổ, anh thợ săn nói thế nào, vua cũng không nghe. Bọn nhà giàu làng anh, lại được dịp nói thêm, nói bớt. Anh thợ săn đành phải chờ đến mạng người chết đuối.

Ở trong lao tù, nhớ vợ, nhớ nhà, nhớ rừng núi, anh không thể nào ngủ được. Mới nửa đêm, nhờ có viên ngọc mang theo, anh nghe đàn kiến bò trên tường giục nhau:

– Trời sắp lụt to rồi! Phải vào kho vua tha thóc để dành ăn. Nếu chậm chân thì đói to!

Sáng hôm sau anh lại nghe chim sẻ, chim cu mách nhau:

– Chỉ có vào kho vua mới được nhiều. Trong kho vua lắm thóc lắm.

Đàn chuột quá mải chơi, sợ hết phần, nên gắt gỏng om sòm:

– Thóc trong kho vua chim sẻ, chim cu và kiến tha gần hết rồi! Không vào tranh nhau với chúng nó thì chết đói lấy. Lụt rất lớn và rất lâu ngày!

Chim cu, kiến, chuột nói anh thợ săn nghe rõ cả. Đến buổi, người lính canh đem cơm vào, anh thợ săn nhắn:

– Nói cho vua hay... Trời sắp lụt bão to. Thóc gạo trong kho, chim, chuột... đã tha để ăn chạy lụt cả rồi. Bảo vua chạy đi kẻo chết.

Người lính vào tâu. Vua cười mỉa:

– Chó mà dạy hổ nhảy cao. Nếu nó giỏi, nó đã chẳng xin ta cho làm quan thiên văn, địa lý, chứ dại gì đi cướp của giết người. Nó muốn tìm mưu chạy trốn đấy. Hãy đóng chặt thêm chiếc gông lại.

Người thợ săn bị quân lính cùm chặt hơn. Hôm vợ anh vào thăm. Anh cho vợ biết trời sắp lụt, và bảo vợ về làng cũ nói với hàng xóm, láng giềng. Tin lời vợ chồng anh thợ săn, mọi người lo gặt sớm, để lúa lên chòi cao, làm bè, làm thuyền, nắm cơm, rang gạo để sẵn.

Chỉ có bọn nhà giàu nói dèm việc làm của vợ anh thợ săn, rồi lại vào mách vua. Vua lại kết tội vợ anh thông đồng với chồng làm

loạn, sai quân lính đến bắt trói chân, trói tay khiêng về. Chờ ngày cùng đem chém.

Ngày xử án đã đến. Vợ chồng anh thợ săn bị đưa ra pháp trường. Hai người vừa bị trói đứng vào hai cây cột thì gió thổi mạnh, mây lớn vởn trên đầu. Trời sập tối, rồi đổ mưa. Vợ chồng anh thợ săn bị trói đứng cách xa nhau có mấy bước chân mà không trông thấy nhau. Nước đã ngập đến đùi rồi đến ngực. Lũ quan, và quân lính bỏ chạy mất cả. Hai cây cột trói vợ chồng anh cũng bị trốc gốc. Anh tự cởi trói cho mình rồi đến cởi trói cho vợ. Nước đã ngập đến cổ. Hai người đang bì bõm lội giữa vùng nước ngập mênh mông thì có một chiếc ghe chuối ghé đến. Người trên bè nắm tay vợ chồng anh thợ săn kéo lên. Khi tỉnh dậy, vợ anh thợ săn nhận ra người đưa bè chuối đến cứu vợ chồng mình, chính là người được chị báo tin trời lụt trước nhất.

Mưa vẫn kéo dài, gió thổi rất mạnh; cả triều đình vua chúa đều chìm nghỉm dưới đáy nước. Chiếc bè chuối của người hàng xóm tốt bụng chở vợ chồng anh thợ săn về làng cũ. Bọn nhà giàu, và bọn điêu ngoa thóc mách đều bị chết trôi. Chỉ có những người nghèo, nghe lời vợ anh thợ săn là còn sống trên những chiếc bè trên các ngọn cây cao.

Phạm Xuân Thông
Biên soạn theo lời kể của
Quảng Đại Cường người dân tộc Chăm

DÂN TỘC CHĂM H'ROI

QUẢ BẦU KỲ LẠ

Mẹ con Tờ Chú (còn có nghĩa là anh đen) nghèo nhất làng. Họ nghèo lắm, nghèo đến nỗi không có một con dao mẻ để phát nương; một cái thuổng con để đào củ mài. Tờ Chú phải đi ở cho chủ làng để lấy cơm gạo nuôi thân, nuôi mẹ.

Nhà chủ làng giàu lắm, trâu hàng đàn, voi hàng lũ, ruộng chim bay mỏi cánh, muông thú chạy chồn chân không hết. Tờ Chú không

dám ao ước gì hơn ngoài mảnh ruộng, đám nương để cấy lúa, trồng ngô nuôi mẹ.

Một hôm Tơ Chú nói với chủ làng:

– Tôi không muốn ở thuê cho chủ làng mãi. Tôi muốn có một mảnh ruông, một đám nương. Chủ làng có thể cho tôi một khoảnh rừng để tôi phát nương, vỡ ruộng không?

Chủ làng nghe chàng trai nói vậy, lắc đầu.

Nhiều lần Tơ Chú hỏi xin nhưng không lần nào chủ làng trả lời cả. Một hôm chủ làng đang uống rượu. Tơ Chú lại vào xin. Hắn bục mình chỉ lên dãy núi xanh xanh phía chân trời và nói:

– Thôi được, mày đã muốn thì tao cũng chẳng tiếc nữa. Nếu mày có sức thì cả dãy núi kia, tha hồ cho mày phát.

Nghe chủ làng nói thế. Tơ Chú sung sướng quá, vội chạy về báo tin cho mẹ biết. Mẹ khuyên:

– Con chớ nên đi, dãy núi hoang kia là chỗ ở của hùm beo, rắn rết. Con lên đấy sẽ bị chết mất xác. Rồi đây, ai thay con nuôi nấng, chăm sóc mẹ?

Tơ Chú an ủi:

– Mẹ không lo. Hùm beo con chẳng sợ, rắn rết con chẳng kinh. Chủ làng đã cho đất, nhất định con sẽ phát được nương, vỡ được ruộng.

Thấy con quả quyết, người mẹ cũng không can ngăn nữa. Sáng hôm sau, Tơ Chú từ biệt mẹ lên đường. Chàng cứ nhắm hướng dãy núi xanh trước mặt mà đi. Đi mãi, suốt chín ngày, chín đêm liền không nghỉ, ngày thứ mười, Tơ Chú đến chân núi. Đó là một khu rừng rộng bạt ngàn, cây to cây nhỏ chen nhau kín mặt đất. Chàng dùng tay không bẻ gãy cây nhỏ, lấy đá đập đổ cây to. Qua chín ngày, chín đêm nữa, Tơ Chú đã khai phá được một khu đất rộng. Đến ngày thứ mười, anh bỗng thấy một con chim Gõ Kiến bay đến nói:

– Nghỉ tay một tí đã, Tơ Chú. Tôi có câu chuyện muốn nói với anh. Hãy để cho loài chim chúng tôi ít cây để làm tổ. Rẫy của anh đã dài hơn rẫy chủ làng rồi đó. Tôi bay rã cánh ra rồi mà vẫn không hết đám rẫy anh vừa phát.

Nghe chim Gõ Kiến nói, Tơ Chú ngừng tay không phát theo chiều dọc nữa. Chàng quay lại phát chiều ngang. Cũng đến ngày

thứ mười thì chàng thấy một con Nai Vàng từ trong rừng chạy ra, nói:

– Rẫy của anh rộng gấp đôi rẫy của chủ làng rồi. Tôi chạy đã mỏi cả gối mà vẫn không hết. Anh hãy dành chỗ đất cho loài thú chúng tôi.

Tơ Chú nghe lời Nai, ngừng tay. Đúng là rẫy của chàng, bề dài hơn rẫy chủ làng, bề ngang rộng hơn rẫy chủ làng. Từ nay, gia đình chàng sẽ có ngô, có lúa. Tơ Chú đập đá lấy lửa đốt rẫy. Xong việc, chàng về bản lấy thóc giống lên gieo. Nhưng khi về đến nhà, bao nhiêu thóc giống, mẹ chàng đã ăn hết cả rồi. Chàng hỏi vay các nhà trong bản nhưng chẳng ai còn thóc cho chàng vay. Cùng kế, Tơ Chú phải đến nhà chủ làng vay thóc giống. Tên chủ làng nham hiểm cho chàng vay loại thóc đã luộc chín rồi. Tơ Chú không biết cứ mang lên rẫy gieo. Không thấy lúa mọc, chàng lại đến nhà chủ làng vay lần nữa. Chủ làng nói:

– Giàng không cho mày sướng đâu, Tơ Chú ạ. Mày đừng phí công vô ích. Nếu lần này mày gieo không mọc thì đúng là cái số mày như vậy. Mày lại đến ở thuê cho tao thôi.

Đúng như chủ làng nói, lần thứ hai, Tơ Chú gieo lúa vẫn không mọc. Nhìn cả đám rẫy, cỏ đã bắt đầu mọc, cây non đã đâm chồi, Tơ Chú buồn quá ngồi khóc. Chắc là Giàng không muốn cho mẹ con chàng có gạo cơm, nương rẫy.

Một buổi sáng, Tơ Chú ra suối rửa mặt, bỗng thấy một quả bầu khô từ đâu trôi đến, đụng vào chân. Bực mình, chàng đá quả bầu cho trôi theo dòng nước, nhưng nó lại trôi trở lại, đụng vào chân chàng. Hai ba lần như vậy, Tơ Chú nghĩ: "Hay là mình trồng bầu ăn vậy. Bầu ăn cũng sống được người. Nếu không, mình chỉ còn cách là lại đi làm thuê cho chủ làng".

Nghĩ vậy, chàng vớt quả bầu lên rồi về nhà từ biệt mẹ lên rẫy trồng bầu. Đến nơi, chàng ghè quả bầu vào đá, lấy hạt rắc khắp rẫy.

Hôm sau, ra xem rẫy, Tơ Chú hết sức kinh ngạc vì rẫy của chàng đã là một rừng bầu. Hôm sau nữa, bầu đã ra hoa và ngày thứ ba thì khắp rẫy lố nhố những quả.

Tơ Chú mừng quá, hái một quả về nướng ăn thì thấy rất thơm ngon. Sung sướng quá, chàng reo lên:

– Sống rồi. Ta sẽ mang bầu về cho mẹ, chắc là mẹ mừng lắm!

Nhưng khi ra đến rẫy định hái bầu về cho mẹ thì cả rẫy bầu đã úa vàng. Quả bầu mới hôm qua xanh mởn, hôm nay đã khô đét. Tơ Chú buồn quá, nghĩ là Giàng không muốn cho mẹ con chàng sung sướng. Tơ Chú đi đi lại lại khắp rẫy, nhìn những quả bầu khô, nước mắt cứ trào ra. Chàng nghĩ: "Giàng không cho ăn bầu tươi, thì lấy hạt bầu về cho mẹ ăn cầm hơi vậy. Chàng liền hái một quả ghè vào đá. Quả bầu vỡ đôi, tung ra không biết cơ man nào là hạt, nhưng không giống những hạt bầu mà là một thứ hạt nhỏ, vỏ cứng. Tơ Chú nhìn kỹ thì đúng là hạt thóc. Thóc cứ nhảy rào rào như thác nước. Kinh ngạc quá, chàng đập thử quả thứ hai rồi quả thứ ba, quả nào cũng đầy những thóc là thóc. Tơ Chú mừng quá vội đi hái bầu, chốt từng đống vào chòi rồi gùi thóc về nhà cho mẹ.

Đến nhà, thấy mẹ đang nằm co quắp bên đống lửa tàn, da bọc lấy xương vì đói, Tơ Chú hốt hoảng lay gọi mẹ:

– Mẹ ơi, có lúa có gạo rồi. Con đem về đây, mẹ dậy mà ăn.

Người mẹ mở mắt, trông thấy con, nước mắt cứ trào ra. Đến khi nhìn thấy gùi thóc bên bếp bà lại nhắm mắt lại và nói:

– Con đem bán thóc trả cho người ta, con ạ. Mẹ không nỡ ăn cơm gạo không phải do sức của mẹ con ta làm ra. Thà là mẹ chết còn hơn ăn phải của ăn trộm ăn cắp.

– Mẹ ơi, thóc của nhà ta đấy mà. Tơ Chú vội nói.

Người mẹ vẫn lắc đầu:

– Con đi gieo lúa, lúa không mọc. Con đi gieo bầu, bầu ăn được thì Giàng lại làm cho héo đi. Thế mà con bảo là thóc của rẫy nhà ta thì mẹ tin sao được.

– Nếu mẹ không tin thì để con cõng mẹ lên rẫy xem, mẹ sẽ rõ.

Không đợi mẹ trả lời, Tơ Chú nâng mẹ dậy, xốc bà cụ lên lưng cõng đi. Chàng đi như bay, phút chốc đã đến chòi giữa rẫy. Chàng đặt mẹ nằm bên bếp lửa rồi lấy một quả bầu, ghè vào đá. Thóc từ trong quả bầu rào rào chảy ra như thác nước. Người mẹ thấy vậy, mắt sáng lên:

– Giàng giúp mẹ con ta thật rồi con ơi.

Từ ngày có rẫy bầu kỳ lạ, mẹ con Tơ Chú trở nên no đủ. Dân dưới bản bị đói, kéo nhau lên rẫy đào củ, được mẹ con chàng cho thóc, nhờ vậy mà qua được nạn đói.

Chủ làng nghe tin Tơ Chú nhờ phát rẫy trên núi trồng bầu mà có dư lúa gạo, bèn tìm cách đòi nợ. Tơ Chú trả rất sòng phẳng hàng chục quả bầu, chủ làng hí hửng mang bầu về, chắc mẩm phen này sẽ suốt đời dư thóc gạo. Nhưng khi đập bầu ra thì quả nào cũng toàn sỏi cát. Chủ làng tức giận nhưng không làm gì được chàng trai. Còn mẹ con Tơ Chú từ đó trở đi không bao giờ bị đói như xưa nữa.

CHÀNG RÍT

Rít không phải là tên thật của anh. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thuở còn thơ nên người làng gọi anh là Rít[1].

Từ thuở lọt lòng cho đến năm lên chín, Rít sống bằng cơm cháo của người làng. Khi Rít lên mười thì bị tên chủ làng bắt nộp cho vua để chăn bò.

Tên vua độc ác coi Rít cũng như con bò, con trâu. Hắn chỉ cho anh ở chuồng cùng với bò. Mười năm trôi qua, đàn bò Rít chăn rất béo nhưng anh lại gầy đi như que củi. Không những thế, khắp mình mẩy Rít mọc đầy ghẻ lở, trông rất ghê sợ.

Một hôm, đến thăm đàn bò, thấy bò béo nung núc, lông mượt như tơ, tên vua rất hài lòng. Nhưng khi thấy Rít ghẻ lở đầy mình, gầy hốc hác, hắn vội vàng bịt mũi nhổ nước bọt, nói:

– Mày bẩn hơn bò của tao, thối hơn cả phân bò trong chuồng. Từ nay mày muốn đi đâu thì đi, không được ở lại đây nữa. Mày ở lại đây chỉ làm xấu hổ đàn bò của tao thôi.

Rít xin hắn ít tiền ăn đường. Đã không cho, hắn còn quát:

– Tao không vứt mày vào hố phân là phúc cho mày rồi, còn xin cái gì? Khôn hồn thì xéo ngay, đừng để tao bẩn mắt!

Rít tức giận, không thèm chào tên vua, anh quay lại nhìn đàn bò lần cuối cùng rồi cắm đầu đi thẳng.

---

1. Chàng mồ côi.

Ra khỏi kinh thành, Rít hỏi thăm đường về quê cũ. Anh đến trình chủ làng, kể chuyện cho chủ làng nghe và ngỏ ý xin ở thuê cho hắn. Anh chưa kịp nói hết lời, tên chủ làng đã quát đuổi anh:

– Thân mày đã không bằng con bò của nhà vua thì cũng không đáng làm con chó nhà tao. Rừng xanh kia, mày vào đấy mà ở!

Rít vừa tức vừa buồn. Anh quyết tâm vào rừng sống với cầm thú, cỏ cây.

Một hôm, dừng chân bên bờ suối mát, anh bỗng nghe tiếng kêu "ọ, ọ" rất thảm thương vang lên ở đâu đó. Đã mười năm làm bạn với bò, anh biết đó là tiếng kêu tuyệt vọng của một con bò bị thương, liền vụt cây, rẽ lối đi tìm. Đến một bãi cỏ bên đầm lầy, anh thấy một con bò cái lông vàng đang giãy giụa trong vũng máu. Anh đến gần bò, thấy nó còn sống, liền xoa xoa lên đầu nó và nói:

– Bò vàng ơi, cứ yên tâm, tao sẽ chữa lành vết thương cho mày, bò nhé!

Bò vàng mở cặp mắt đục lờ nhìn anh rồi từ từ nhắm lại.

Anh xuống suối múc nước rửa sạch máu ở vết thương cho bò, rồi lấy đọt cây đắng rịt vào. Anh lại nhóm lửa sưởi cho bò, đi bứt cỏ non cho bò ăn. Chẳng bao lâu, vết thương của bò đã lành, anh vô cùng sung sướng. Từ đó, Rít và bò sống với nhau như đôi bạn thân trong một túp lều bên suối. Bò giúp anh kéo cày, chở củi. Anh cho bò ăn toàn cỏ non, có khi cả ngô nếp, lúa tẻ. Bò ngày càng khỏe, càng béo. Cặp sừng của nó vừa dài, vừa nhọn như sừng bò tót. Nhưng cuộc sống của Rít và bò vàng không được vui như thế mãi.

Vào một ngày đẹp trời, tên vua cùng quân lính vào rừng đi săn. Một tên lính bắt gặp bò vàng đang gặm cỏ. Hắn lén đến, giương cung bắn một mũi tên vào chân bò. Bò vàng rống lên một tiếng rồi cắm đầu chạy như bay về nhà. Tên lính liền suyt chó đuổi theo, quyết bắt sống con bò đẹp dâng vua để lấy thưởng.

Bò vàng vừa chạy về đến nhà thì kiệt sức, ngã quỵ xuống. Rít vội nhổ mũi tên độc cho bò, rồi lấy thuốc rịt vào chỗ đau. Vừa lúc đó, chó săn và tên lính kia cũng phi ngựa tới. Tên lính quát:

– Gã người rừng kia, trả ngay con thịt cho ta để ta nộp đức vua.

Rít hỏi:

– Cậu bảo con thịt nào?

– Còn con thịt nào nữa! Chính con vật đang nằm dưới chân mày ấy!

Rít ngắt lời tên lính:

– Đây là bò tôi nuôi chứ có phải bò rừng đâu mà cậu bắn nó.

– Mày làm gì có bò. Nếu con thịt kia không phải là bò rừng thì chính là bò mày ăn trộm. Tao phải tâu đức vua mới được.

Nói rồi, hắn nhảy tót lên lưng ngựa, ra roi.

Một lát, quân lính nhà vua rầm rập kéo tới. Vừa trông thấy Rít, tên vua đã quát:

– Rít, mày định chiếm con thịt quý nhất trong buổi đi săn của tao phải không?

– Tâu đức vua, chính lính nhà vua đã bắn lầm phải bò của tôi. Con bò này tôi đã nuôi được một năm, không phải bò rừng, mong đức vua xét lại.

Tên vua trừng mắt quát:

– Câm mồm ngay, thằng thối tha kia. Mày đã bị tao đuổi ra khỏi trại bò với manh khố rách, làm gì có bò mà nuôi?

Không để cho Rít phân giải, hắn ra lệnh cho bọn lính ngả bò giết thịt. Bọn lính được lệnh, hối hả mổ bò nướng thịt ăn mừng. Đến xế chiều, tên vua cùng quân lính kéo đi, để lại trước sân nhà Rít đống xương và cặp sừng cháy sém.

Rít thương bò quá. Anh nhặt xương bò đem chôn cất cẩn thận, còn cặp sừng, anh mang xuống suối rửa sạch, đem về cắm trên nóc nhà.

Từ ngày bò vàng bị giết, Rít như bị chặt mất chân tay. Anh phải nai lưng ra vác củi, cuốc đất, vất vả vô cùng. Càng vất vả, anh càng thương tiếc con bò vàng đã sống với anh như người bạn tốt.

Một mùa rẫy trôi qua. Một hôm, đi lấy củi về, vừa bước vào nhà, anh bỗng ngửi thấy một mùi thơm sực nức.

Một mâm cơm đầy ắp rượu thịt được bầy ra trông rất ngon lành. Tuy bụng đói cồn cào, nhưng anh không dám ăn, vì biết đâu đây là cái bẫy của tên vua độc ác. Nhưng rồi anh nghĩ: "Được ăn một bữa ngon lành rồi có chết xuống làm bạn với bò cũng còn hơn là sống lẻ loi". Đoạn, anh bưng mâm cơm đặt giữa nhà, rót rượu

vào bát, ăn uống ngon lành. Ăn xong, Rít ra suối tắm một lúc rồi về nhà ngủ một giấc cho tới sáng.

Lạ thay, khi tỉnh dậy, anh thấy người khỏe hẳn lên, ghẻ lở biến đâu mất. Anh trở thành một chàng trai khỏe đẹp. Trông anh, không ai có thể ngờ rằng đó là chàng Rít ghẻ lở khi xưa.

Cũng từ hôm đó, cứ mỗi lúc đi rẫy, đi rừng về, anh đều thấy cửa nhà sạch sẽ, thức ăn thức uống đã sẵn sàng. Anh nghĩ: "Chắc có người nào đó thấy mình đơn chiếc nên đến giúp đỡ. Mình phải tìm cho ra người đó để tạ ơn mới được".

Một buổi sáng, như thường lệ, anh mang dao lên nương, nhưng đến nửa đường, anh quay trở về, rón rén mở cửa vào nhà, nấp kín trong một xó rình xem. Gần trưa, nghe tiếng sột soạt trên mái tranh, anh ngước mắt nhìn lên thì thấy từ trong hai chiếc sừng bò, hai cô gái đẹp tuyệt trần bước ra. Hai cô buông mình xuống nhè nhẹ như chiếc lá rơi. Một cô lấy gạo nấu cơm, một cô rót rượu vào chai. Hai cô mải miết làm việc, không biết Rít đã đến sau lưng.

– Chào hai cô xinh đẹp!

Hai cô gái giật mình quay lại, lúng túng. Rít tiếp lời:

– Nhà hai cô ở đâu lại ẩn trong cặp sừng nhỏ bé mà ngày ngày lại chịu khó cơm nước giúp tôi thế này?

Hai cô gái đưa mắt nhìn nhau rồi một cô mạnh bạo đáp:

– Chẳng giấu gì chàng, chúng em là con gái của vị chúa tể các loài súc vật. Mẹ chúng em thấy chàng nghèo khổ nhưng thật thà, tốt bụng, nên sai chúng em hóa thành bò, xuống để giúp đỡ chàng. Chẳng may bò bị nạn, chúng em không còn chỗ ẩn nên đành phải náu mình trong cặp sừng kia, ngày ngày xuống giúp chàng cơm nước. Nếu chàng bằng lòng, chúng em sẽ kết bạn trăm năm với chàng.

Thế là họ nên vợ nên chồng từ đó.

Một năm trôi qua, mùa săn lại đến. Lần này, tên lính năm trước không thấy bò ở nhà Rít nữa, nhưng hắn lại thấy hai cô gái xinh đẹp tuyệt trần, cung nữ trong cung không ai sánh kịp. Lại một dịp để hắn tâng công lĩnh thưởng. Hắn vội phi ngựa nhanh về tâu vua.

Nghe tin, tên vua vội theo lính đến nhà Rít.

– Em gái mày đây à? Hắn hỏi.

Rít đáp:

– Tâu đức vua, đó là hai vợ của tôi.

– Vợ mày à? Nói láo? Nghèo khổ như mày thì làm sao mà có vợ đẹp được. Thôi, để chúng vào cung hầu hạ tao, tao sẽ cho mày một chức quan và nhiều vàng bạc, châu báu.

Nghe vua nói thế, Rít không nén nổi cơn giận:

– Đức vua không nên ức hiếp người nghèo như thế. Dù chết, tôi cũng không nộp vợ tôi đâu.

– A, tên này láo! Mi dám chống lại ý muốn của ta à?

Lão vua gầm lên rồi lập tức truyền lệnh trói Rít lại và bắt hai cô gái đưa về triều. Nhưng trói Rít thì dễ, bắt hai cô gái mới là việc khó. Hai cô lúc ẩn, lúc hiện làm cho bọn lính vã mồ hôi mà vẫn không sao bắt được. Thấy vậy, một tên quan nói với vua:

– Vợ thằng Rít có lẽ là gái nhà Trời nên phải dùng kế mới bắt được. Nếu đức vua bằng lòng, hãy kíp cho lính hồi cung, thần sẽ có kế khác.

Về đến triều, tên quan bày mưu:

– Ngày mai, đức vua cho đòi tên Rít vào cung, bắt trả lời ba câu hỏi, nếu hắn không trả lời được thì phải nộp vợ cho đức vua.

Tên vua phân vân:

– Thế nhỡ nó trả lời được thì sao? Ta đành chịu mất người đẹp ư?

– Xin đức vua cứ yên tâm. Hai câu hỏi này thì thông minh nhưng đức vua cũng khó mà trả lời cho đúng được. Nói rồi, tên quan ghé miệng thì thầm vào tai vua.

Vua ngẫm nghĩ một lát rồi cười vang:

– Hay đấy, hay đấy! Sau khi lấy được hai người đẹp rồi, ta sẽ ban thưởng cho nhà ngươi thật hậu.

Ngay đêm hôm ấy, tên quan khoét một cái vỏ bầu khô, đếm đúng một trăm hạt bỏ vào, lấy sáp ong bịt kín lỗ. Rồi hắn đưa một chiếc gậy sơn son và quả bầu cho tên vua. Hai hôm sau, Rít nhận được chiếu chỉ triệu vào kinh. Anh lo lắng, hỏi hai vợ. Hai nàng nói:

– Chàng cứ yên tâm, mọi việc mặc chúng em lo liệu, chỉ cần chàng nhớ một điều là hễ khi nào gặp khó khăn thì cứ xin nhà vua cho về nhà suy nghĩ ba hôm.

Khi Rít đến, vua nói:

– Tao cho gọi mày đến đây để bàn một chuyện. Bây giờ tao và mày sẽ đánh đố, thi tài với nhau. Mày có hai vợ, tao sẽ hỏi mày hai câu, trả lời sai một câu, mày sẽ mất một vợ, sai hai câu, mất hai vợ, mày bằng lòng chứ?

Biết không bằng lòng cũng không được, vả lại tin sẽ có vợ giúp sức, Rít bình tĩnh bảo vua:

– Xin đức vua cứ ra câu hỏi.

Vua rút trong túi ra quả bầu khô, lắc lắc mấy cái rồi hỏi:

– Trong quả bầu này có mấy hạt?

Nghe câu hỏi, Rít choáng váng cả người. Làm sao biết được trong quả bầu kia có bao nhiêu hạt. Nói liền thì mất vợ, mà không nói cũng không xong.

Nhớ lời vợ dặn, Rít liền nói:

– Thưa đức vua, ngài có thể cho tôi về suy nghĩ trong ba hôm được không?

– Tao có thể cho mày nghĩ đến ba tháng, nhưng mày chỉ xin cho ba ngày thì cũng được. Bây giờ mày về và ngày kia thì tới, nghe không?

Trên đường về, Rít rất buồn. Đến nhà, Rít kể ngay chuyện cho hai vợ nghe và nói:

– Có lẽ chúng ta khó mà sống yên vui với nhau được. Tôi về lần này cốt là để từ biệt hai nàng đó thôi.

Cô chị nói:

– Câu hỏi của nhà vua, em đã biết rồi. Chúng em đã sai một con mọt đục vỏ quả bầu vào phá hết, chỉ bớt lại có hai hạt thôi. Ngày kia đến, chàng chỉ việc trả lời trong quả bầu chỉ có hai hạt là được.

Hôm sau, Rít đến kinh thành từ sáng sớm. Trông thấy Rít, vua hỏi ngay. Rít ung dung đáp:

– Trong quả bầu khô của đức vua, chỉ có hai hạt.

Vua đắc chí cười ha hả:

– Mày mất vợ rồi, Rít ơi!

Hắn hí hửng đập vỡ quả bầu, cứt mọt bay ra như cám. Tên quan vội chạy lại đếm. Thật kỳ lạ, rõ ràng chỉ có hai hạt, không hơn, không kém. Vua thì mồ hôi nhỏ giọt, còn lão quan mặt tái như gà cắt tiết.

Còn câu hỏi thứ hai, gắng gượng lắm, vua mới mở được mồm:

– Cái gậy sơn kia, đằng nào là gốc, đằng nào là ngọn?

Lần này hắn chỉ cho Rít về nhà suy nghĩ một ngày thôi. Rít về thuật lại câu hỏi thứ hai, cô em mách kế:

– Đằng gốc bao giờ cũng nặng hơn đằng ngọn. Muốn phân biệt gốc, ngọn, chàng hãy thả chiếc gậy xuống nước.

Hôm sau Rít đến cung điện. Vua đưa chiếc gậy sơn cho Rít. Chàng cầm gậy lên xem rồi cau mày vứt xuống đất.

Lão quan quát lớn:

– Quân vô lễ, ngươi thật đáng tội chết.

Rít nói:

– Cây gậy của nhà vua rất quý giá, sao lại để bụi bám đầy thế này, xin cho đem ra hồ rửa sạch đã!

Vua nghe Rít nói có lý, liền cho phép chàng mang cây gậy ra hồ rửa. Rít đánh dấu đầu chìm, rồi mang về cung. Vua bảo:

– Bây giờ nhà ngươi hãy nói cho ta rõ cây gậy này đằng nào gốc, đằng nào ngọn?

– Tâu đức vua, phía này là gốc!

Rít vừa dứt lời thì vua ngất xỉu. Quần thần xúm vào cứu chữa. Riêng lão quan đã hiến kế, mặt tái nhợt. Hắn vò đầu, bứt tai, cố tìm cách gỡ tội. Bỗng một ý nghĩ độc ác nảy ra trong óc hắn. Đợi cho vua hồi tỉnh, lão sụp xuống tâu rằng:

– Thua keo này ta bày keo khác, xin đức vua cứ tin ở kẻ hạ thần. Kế mềm không xong, ta dùng kế cứng vậy.

– Kế gì vậy?

– Tâu đức vua, xin người hãy truyền cho lính đào một hố sâu trăm sải, xong phao tin là nhà vua đánh rơi ấn ngọc xuống đấy, rồi

bắt thằng Rít xuống lấy lên. Khi hắn xuống hố rồi, ta sẽ cho dội nước sôi xuống, xong lấy đá lấp lại, thế là hai người đẹp sẽ thuộc về đức vua.

– Được, ta giao cho ngươi công việc ấy!

Bọn lính được lệnh đào ngày, đào đêm, vừa đúng một tháng thì xong. Vua cho gọi Rít đến, bảo:

– Ta không may đánh rơi ấn ngọc xuống hố, đã nhiều người xuống tìm nhưng không thấy. Ngươi là kẻ thông minh tài trí, đã đoán đúng hai câu hỏi khó của ta. Bây giờ, ngươi hãy vì ta mà xuống hố sâu lấy hộ!

– Đức vua đã truyền, tôi đâu dám chối, chỉ xin đức vua cho về sắm sửa thang dây.

Về nhà Rít vô cùng lo lắng. Hai cô vợ thấy vậy liền nói:

– Hắn mưu giết chàng để chiếm đoạt chúng em, nhưng mưu kế của hắn không bao giờ thành. Chúng em đã sai dím đào sẵn một ngách ngang lưng chừng hố. Khi dây dòng qua đấy, chàng nhớ chui vào ngách rồi hãy giật dây báo hiệu. Vào ngách rồi, chàng cứ theo đường ngách mà về nhà.

Rít nghe lời. Hôm sau, chàng mang thang dây đến cung vua. Lão quan dẫn chàng tới miệng hố. Rít thấy xung quanh miệng hố chất rất nhiều đá và ở một chỗ gần đó, bọn lính đang đốt lửa, đun đến trăm bung nước sôi.

Rít hỏi:

– Sao chất nhiều đá và nấu nhiều nước sôi đến thế?

Lão quan nói:

– Đá để xây bia ghi công, còn nước sôi để mổ trâu ăn mừng.

Đã đến lúc phải xuống hố, lão quan dặn Rít:

– Xuống đến đáy hố, ngươi nhớ giật dây báo hiệu cho ta biết nhé.

Rít lẳng lặng bước vào ngồi trong chiếc thúng buộc gần đấy. Bọn lính khiêng thúng đến miệng hố rồi từ từ dòng xuống. Hố sâu hun hút, khí lạnh tỏa xuống buốt đến xương. Nửa đường, anh chạm vào ngách hang đã đào sẵn liền rẽ vào đó. Anh cầm đầu dây giật mạnh ba cái báo hiệu rồi theo ngách hang lần về nhà. Nước sôi từ trên đổ xuống ào ào như thác, tiếp đó là những viên đá tảng đổ

xuống ầm ầm. Đến trưa thì hố đã bị lấp đầy. Lão quan liền đến tâu vua công việc đã xong và xin vua cho hắn đích thân đi bắt hai nàng về.

Hôm sau, lão quan mang chiếu chỉ xuống bắt hai nàng. Nhưng vừa bước vào đến cổng, hắn đã thấy Rít đang ngồi trò chuyện với vợ trong nhà. Vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, hắn lắp bắp mãi mới thành tiếng:

– Rít... mày... là ma hay... là người?

Rít không đáp, chỉ cười. Lão lại hỏi:

– Mày làm thế nào mà về nhà được?

– Thưa ngài, chính bố mẹ của nhà vua cho tôi về. Tôi xuống dưới hố, đang loay hoay tìm ấn thì thình lình có người cưỡi ngựa đến hét: "Tránh ra cho voi vua đi". Tôi nói: "Vua ở trên kia chứ có ở đây đâu". Người cưỡi ngựa bảo: "Vua này là bố vua trên kia". Tôi toan cãi thì người cưỡi voi đi đến, theo sau là xe, ngựa rầm rập. Tôi sợ quá quỳ xuống lạy. Người cưỡi voi nói: "Đừng sợ. Mày là ai, sao lại vô cớ xuống đây làm gì?" Lúc này nhìn lên, tôi mới nhận ra đó là đức tiên ông của chúng ta. Tôi liền kể chuyện xuống đây tìm ấn ngọc. Đức tiên quân giận lắm, ngài nói: "Làm vua mà để mất ấn ngọc thật đáng tội chết. Chỉ vì nó còn dại nên ta không nỡ lấy đầu. Mày về bảo nó xuống đây tạ tội, rồi ta sẽ cho một kho ngọc quý. Nói xong, ngài hóa phép rẽ đất đưa tôi về nhà. Đấy, ngài xem, tôi về bằng lối này đây. Và Rít chỉ cái ngách hố sâu do dím đào.

Nghe Rít nói, lão quan tưởng thật, vội về tâu lại với vua và hắn khẩn khoản xin vua cho đi theo gặp đức tiên quân.

Vua cho đòi Rít đến, bắt chàng kể lại câu chuyện vừa xảy ra. Rít kể lại đúng như đã kể với lão quan. Vua tỏ ý muốn xuống ngách sâu gặp vua cha. Rít dặn nhỏ vua:

– Theo ý đức tiên quân, nhà vua phải giữ kín chuyện này. Nếu để lộ, đức tiên quân sẽ quở trách đấy.

Vua cùng lão quan lặng lẽ đi đến nhà Rít. Đợi cho chúng đã chui sâu xuống ngách, Rít và hai vợ đem đá, đất và nước sôi đã đun sẵn đổ xuống ngách lấp lại.

Thế là hết đời hai tên gian ác. Từ đó, Rít cùng hai vợ sống yên vui, hạnh phúc cho mãi đến già.

DÂN TỘC COR

ANH BỌT THÂY

Xưa kia, năm nào cũng vậy, cứ ăn tết xong là người Cor đi phát nương, làm rẫy. Nếu buổi sáng đầu năm, một người trong xóm đi ra mà gặp con cọp thì năm ấy sẽ được mùa. Từng xóm người Cor ở chung với nhau trong một dãy nhà. Cả một dãy nhà dài chỉ có một nóc nên gọi cả xóm là một nóc. Năm ấy, một người trong nóc đi ra làm sớm gặp một chú cọp con. Anh ta mừng quá, đem cọp về nhà nuôi. Con cọp như con chó con, suốt ngày quanh quẩn bên chủ. Theo chủ ra rẫy trông lúa, trồng bắp. Theo chủ ra suối đánh cá, xúc tôm. Cứ thế được một mùa rẫy. Một hôm, anh ta đánh được một *lét* (gùi) cá đầy rồi rủ cọp cùng về. Về đến một ngã ba, anh ta đưa lét cả cho cọp và bảo:

– Mày mang về nhà kho nấu trước đi, tao ra rẫy coi xem bẫy có kẹp được con chim, con nhím gì không?

Cọp vừa đi về nhà, vừa thò tay lấy cá trong lét thả từng con một dọc đường. Chủ quay về thấy cá rơi dọc đường thì tức lắm. Anh ta tức nói:

– Cọp, mày làm rớt hết cá dọc đường. Hôm nay tao sẽ phạt mày, không cho mày ăn gì hết.

Người chủ không ngờ con cọp phản bội đã rình sẵn dọc đường. Cọp nhảy ra vồ cắn chủ chết tươi. Nó ăn hết cả người chỉ chừa lại một cái đùi. Con cọp vác cái đùi về để ngoài ngõ xóm rồi leo lên nhà bảo người vợ của ông chủ dọn cơm cho nó ăn trước:

– Ông ấy còn làm bận việc, phải lên rẫy, bà dọn cơm cho tôi ăn trước đi.

Chị sắp sửa đi lấy cơm thì con cọp lại bảo:

– Lấy cơm vào cái chén, cái bát thì không được đâu phải lấy vào cái giáp (đĩa to) để hứng máu chồng mày.

Chị vợ nổi giận, rút gươm đuổi chém cọp. Cọp bị chặt đứt đuôi vẫn cố vác được cái đùi chạy thẳng vào rừng.

Chồng chết trong khi chị đang có thai. Chị buồn khổ. Ngày nào chị cũng khóc than thương nhớ. Chị chỉ mong đứa con mình sau này

sẽ khỏe mạnh, lớn lên đi trả thù cho cha. Thế rồi, một đứa con trai khôi ngô đã ra đời. Chị đặt tên con là Bọt Thây.

Thằng nhỏ đẻ ra không khóc và lớn nhanh như dòng suối mùa mưa. Một hôm chị để con trong nhà, ra hiên giã gạo, bỗng nghe tiếng cười dỡn. Chị vào nhà xem thì không thấy ai hết. Khi mới trở ra, chân vừa đạp chày đã nghe tiếng nô đùa trong nhà. Chị hiểu con chị là người khác thường. Mới một ngày một đêm đã ăn hết một chén cháo, ngày hôm sau đòi ăn cả một chén cơm, mỗi ngày nó ăn một nồi cơm to, uống cả một chén rượu. Người mẹ cố kiếm cho con ăn no, uống đủ, chóng lớn. Có lần mẹ nói với Bọt Thây:

– Kho lúa để xa quá, mẹ đi lấy khó.

– Mẹ nghỉ ở nhà, con đi lấy cho.

Bọt Thây cõng cả kho lúa về dựng ngay bên cạnh nhà. Xóm làng ai cũng trầm trồ khen sức khỏe của Bọt Thây.

Một hôm Bọt Thây hỏi mẹ:

– Sao ai cũng có cha, mà con không có cha?

Lần đầu bà làm ngơ không trả lời con. Nhưng sau vì Bọt Thây hỏi mãi bà phải nói:

Lúc con còn nằm trong bụng mẹ. Cha con có nuôi một con cọp trong nhà. Sau con cọp trở mặt nó vồ cha, nó ăn... Mẹ đã lấy gươm chặt cụt đuôi nó. Nó thoát...

Bọt Thây tức run người:

– Con cọp đó bây giờ ở đâu?

– Muốn biết nó ở đâu thì con bắt con ngựa trời mà hỏi.

Bọt Thây chạy đi bắt một con ngựa trời. Bọt Thây hỏi:

– Ngựa trời! Cha tao ở đâu?

Ngựa trời vẫy vẫy chân chỉ về phía núi Phi Giắc.

Bọt Thây từ biệt mẹ đi ngay. Tay cầm con dao phăm phăm đi vào núi Phi Giắc, anh chặt dây mây, kéo ra, tuốt vỏ. Đang lấy mây thì một bầy cọp kéo đến. Con lớn nhất trong đàn hỏi:

– Mày làm gì đó?

– Tôi tuốt mây để buộc xương cha, xương mẹ và xương tôi kẻo vài ngày nữa nước sẽ dâng lên làm trôi hết cả nhà cửa, cả người

lẫn thú rừng, chim chóc. Bầy cọp nghe nói sợ hãi vô cùng, bèn van vỉ Bọt Thây:

– Có cột thì cột luôn cho bọn tôi với. Bọn tôi sợ chết trôi lắm.

– Đứa nào muốn cột thì xúm lại đây, kéo dây mây ra, tuốt vỏ dây đi.

Cả bầy xúm lại kéo mây và lột vỏ. Một lúc đã thành một đống cây mây to, đã tuốt vỏ sẵn.

Bọt Thây nói:

– Thôi thế là đủ rồi. Bây giờ ta bắt đầu cột. Ta cột cho bọn bay trước rồi ta sẽ buộc ta sau.

Bầy cọp tranh nhau đứng vào cây to để cột cho chắc. Khi đã cột hết cọp rồi, Bọt Thây bảo chúng nhảy thử con nào cũng ra sức nhảy mà không bong một nuột buột nào. Bọt Thây yên chí đi chặt gậy. Bầy cọp hỏi:

– Mày chặt cây làm gì?

– Tao chặt gậy để đánh bọn bay.

Bầy cọp sợ quá nhưng không thể làm gì được nữa.

Chặt xong gậy, Bọt Thây nói với bầy cọp:

– Tao không giết chúng mày làm gì, trong số chúng mày, đứa nào đã ăn thịt cha tao thì nói ra, tao sẽ tha hết.

Bầy cọp run lên:

– Anh cụt đuôi đó.

Con cọp cụt đuôi đó khóc thét lên, sợ hãi. Bọt Thây bổ cho một nhát dao vỡ đầu con cọp. Trong số đó có một con cọp chửa. Nó khóc lóc van xin anh:

– Anh cho tôi sống, tôi sẽ kiếm thật đủ cho anh ăn, tôi không bao giờ dám nói dối, dám làm phản như thằng vừa chết kia.

Bọt Thây thương hại đem nó về nuôi. Hàng ngày, hổ đi vào rừng, rẫy tìm thịt cho Bọt Thây.

Một hôm, lang thang giữa rừng, hổ gặp một chú gấu, chú gấu hỏi:

– Cọp ơi! Chị đi đâu đó?

– Tao đi kiếm thịt cho Bọt Thây.

– Bọt Thây nó ba đầu sáu tay gì mà sợ. Đánh chết nó đi.

Cọp quay về nhà, Bọt Thây hỏi ngay:

– Sao hôm nay cọp không kiếm được thịt?

– Tôi đi đường gặp gấu.

– Gấu nói gì với cọp?

Gấu bảo đánh chết nó đi, tội gì mà tìm thịt cho nó.

– Mai mày đi có gặp gấu thì bảo gấu đến gặp tao ở cái cây to nhất đầu rẫy nhé.

Bọt Thây lấy một bầu đựng nước nhưng không có nước, đem nhốt mồi vào đấy và đổ vào một chai mật ong. Anh đến cây to và chui vào bọng cây. Gấu đến chờ mãi không thấy Bọt Thây đến. Nó nhìn loanh quanh thấy bộng, thấy mồi, lại đánh hơi thấy mật ong. Gấu lấy đuôi chọc vào bộng cây, Bọt Thây đổ một ít mật vào đuôi. Gấu mút đuôi và trầm trồ:

– Ngọt quá.

Sau hai, ba lần gấu chọc đuôi lấy mật. Bọt Thây nắm chặt tay nó!

– Mày bảo cọp giết tao. Bây giờ mày tính sao?

Gấu van xin:

– Tôi lỡ nói dại, xin ông tha chết cho tôi, tôi đi kiếm mật ong cho ông.

Hàng ngày, gấu đi tìm mật ong cho Bọt Thây. Một hôm, gấu gặp voi. Voi hỏi:

– Mày đi đâu?

– Tôi đi kiếm mật ong cho Bọt Thây.

– Nếu là tao thì tao đạp cho nó chết, tội gì mà kiếm mật cho nó.

Gấu về nói lại hết với Bọt Thây.

– Mày bảo với Voi, hai ngày nữa voi đến gặp tao ở chỗ hôm nay nó gặp mày nhé!

Bọt Thây đi kêu chim, chuột, sóc, nhím, chồn đến bãi đất đó đào hầm lớn, đặt bẫy voi. Hầm làm xong, đặt bẫy xong, lấp đất lại

như cũ. Ngày hôm sau, Bọt Thây lấy một quả trứng gà đứng sẵn bên hầm. Voi đến, đứng bên kia hầm nguẩy vòi thách thức:

– Mày chỉ ức hiếp con cọp, con gấu chứ đừng hòng hà hiếp nổi tao. Mày giỏi cho mày đánh trước.

– Mày nói, mày đạp chết tao thì cứ nhảy vào đạp thử tao xem nào.

Voi vẫn không chịu đánh trước, Bọt Thây ném quả trứng gà vào đầu voi:

– Cái đầu mầy bị thủng rồi, lòi óc ra rồi đó.

Con voi lấy vòi rờ vào trán thấy lòng trứng gà tưởng óc lòi ra thật. Nó tức giận cuống cuồng gầm lên định chạy tới chà nát Bọt Thây. Nó bị rơi ngay xuống hầm.

Từ đấy, voi lại phải lủi thủi cùng hổ, gấu kiếm thú, mật ong, các hoa quả trong rừng đem về cho Bọt Thây.

Một hôm, Bọt Thây hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, con muốn lấy vợ để đỡ đần mẹ và cho vui cửa vui nhà. Mẹ biết đâu có con gái ngoan, đẹp, vừa ý mẹ, mẹ đi hỏi cho con?

– Con ơi! Con còn nhỏ, lấy vợ làm gì vội?

Bọt Thây cứ nói mãi, ban đầu mẹ anh không nghe, sau rồi cũng nói với con:

– Có một thằng người sắt hung dữ lắm. Nó hay ăn thịt người. Nó đã bắt những người con gái đẹp nhất về làm vợ. Các cô vợ ấy chỉ ở với nó được một vài mùa rẫy. Lúc nào nó chán, nó lại ăn thịt. Ăn thịt xong người đó, nó lại đi tìm cô gái đẹp khác thay vào. Hiện nay, nó đang giữ hai cô đẹp nhất vùng này.

– Mẹ ơi! Con đi tới nhà nó thử xem nhé!

Mẹ anh kêu lên:

– Chết thôi, con ơi, nó giết con, nó ăn thịt đấy!

– Con không sợ, con phải giết nó, trừ họa cho mọi người. Mẹ cứ để con đi.

Không can được, mẹ đành để cho Bọt Thây đi. Tới nơi, anh thấy hai người con gái mặt như ông trăng tròn, da như lòng trắng trứng gà luộc. Thằng người sắt đi vắng. Hai chị em nấu cơm và lấy muối cho Bọt Thây ăn và nói:

– Anh ăn mau, rồi chạy đi kẻo chồng chúng tôi về, nó ăn thịt anh đấy.

– Tôi không về, tôi ăn xong, tôi cứ ngồi đây, chờ nó về.

Vừa ăn cơm xong, Bọt Thây đã nghe thấy tiếng chân thình thịch rung cả đất. Hai người con gái nói:

– Anh trốn đi. Nó về đấy.

– Tôi không sợ.

Vào đến nhà, thấy Bọt Thây ngồi trong nhà, thằng người sắt mừng cuống lên vì đã có cái ăn. Nó nói với vợ:

– Nấu cơm cho nó ăn đi, rồi ta sẽ "nói chuyện" với nó sau.

Bọt Thây nói:

– Các chị đi nấu cơm cho tôi và chồng các chị ăn thi nhé.

Cơm nước nấu xong xuôi. Bọt Thây và người sắt ăn thi. Người sắt ăn không hết ba nồi cơm, ba nồi canh, uống không hết một nồi nước. Với ngần ấy, Bọt Thây chỉ ăn một loáng một lúc là xong.

Người sắt thua cuộc nên tức lắm, bèn thách:

– Bây giờ mày có giỏi, hãy vật thi với tao.

– Muốn vật thì vật. Đi xuống đất mà vật. Vật nhau trên này sẽ sập nhà.

Họ vật nhau. Bọt Thây cảm thấy yếu thế bèn ngước lên trời mà nói lớn:

– Trời sắp sập.

Người sắt hoảng hốt ngó lên trời nên bị sơ hở. Bọt Thây nhân đó quật mạnh, người sắt ngã lăn ra đất. Anh gọi hai người con gái đem dây ra trói người sắt lại. Người sắt khẩn khoản xin anh:

– Làm gì thì làm, đừng mở cái nắp ngực tao.

Bọt Thây biết đó là nắp đậy trái tim, mở nắp đâm vào đó, nó sẽ chết. Người sắt nói:

– Mày có giết tao, tao cũng đã ăn hàng ngàn người rồi, mày giết làm gì nữa. Những người chết có sống lại được đâu.

Nhưng hai người con gái đã nói:

– Bọt Thây! Mày không giết nó, nó sẽ ăn hàng ngàn người nữa. Nó sẽ ăn thịt cả chị em chúng tôi.

Bọt Thây mở nắp ngực nó, lấy dao đâm thẳng vào trái tim, hai chị em đi theo Bọt Thây làm vợ.

DÂN TỘC CHU RU

H'BIA PHU XINH ĐẸP

Ở một khu rừng hẻo lánh xa xôi có hai bà cháu sống với nhau. Bà tên là Pôm, cháu tên là Rít. Rít rất thương bà, chăm lam chăm làm, hay ăn, hay nói. Nhưng rồi một hôm, Rít đi câu về, không được con cá nào, từ đấy biếng ăn, biếng nói. Bà hỏi thế nào Rít cũng chỉ lặng thinh. Buồn vì cháu bà sinh ốm đau. Thương bà quá Rít mới nói để bà biết, hôm đi câu cá ở suối, tự nhiên nhìn xuống nước Rít thấy một người con gái xinh đẹp đang dệt vải. Rít nói chuyện với nàng và biết nàng tên là H'bia Phu. Hai người chuyện trò suốt buổi rất vui. Rít ngỏ lời muốn lấy H'bia Phu và nàng đã ưng ý. Rít đã ngụp lặn bao nhiêu lần cũng không bắt được H'bia Phu, nhưng khi ngồi câu cá, hình H'bia Phu lại hiện ra long lanh mặt nước Rít kêu lớn:

– Ta làm thế nào để đến gần được H'bia Phu.

– Chàng hãy về nhà, gió sẽ mách bảo đường đi tìm em.

Nghe chuyện, biết cái bụng của Rít bà nấu cơm, nướng cá, lấy gan trâu bò, gói cho Rít mấy gói thật to, bỏ vào gùi và bảo Rít đi tìm H'bia Phu.

Đi đã mười ngày không tìm thấy H'bia Phu. Rít phải trở về. Thấy Rít buồn, bà lại nấu cơm, gói cá, gói gan trâu bò cho Rít đi tìm. Lần này, Rít nói với bà nếu không tìm được H'bia Phu, chàng cũng không trở về nữa.

Rít đi, đi mãi, đến một ngọn núi cao, trên đỉnh có một ngôi nhà chênh vênh. Mệt quá, Rít dừng lại nghỉ. Bước lên nấc thang thứ nhất, Rít dừng lại, hát:

Tôi đi tìm H'bia Phu
Tôi không tìm nơi bến đục
Tôi đi tìm H'bia Phu
Tôi tìm nơi bến trong.

Bước lên nấc thang thứ hai, chàng lại dừng lại hát:

Tôi đi tìm H'bia Phu
Tôi không tìm chốn đông người
Tôi tìm trên núi cao
Tôi tìm trên trời xanh.

Bước lên nấc thứ ba, chàng lại dừng, lại hát:

Ôi con chim Đại bàng
Bay về chân trời xa
Hãy tìm cho tôi H'bia Phu
Giữa trời rực sáng.

Đến bậc thang thứ mười ba, chàng dừng lại và hát, bỗng nhiên chàng nghe thấy H'bia Phu trả lời:

Ai tìm em khi mưa đầy núi
Ai tìm em đi suốt ngày dài.

Rít hát từ sáng đến trưa. Chàng bước lên một bậc thang lại dừng lại hát, rồi lại bước lên. Mặt trời đứng bóng. Rít lên đến nhà. Rít nhìn quanh không thấy một người nào. Bỗng nghe có tiếng:

– Sao anh đẹp thế anh Rít?

– Em cũng thế. Khi anh nhìn em qua dòng suối trong, anh thấy em đẹp quá. Anh quyết đi tìm.

Từ đó, Rít và H'bia Phu sống với nhau như vợ chồng.

Bỗng một hôm, H'bia Phu nói với Rít:

– Anh hãy tạm lánh đi, chồng em là con Diều hâu hung ác, mấy lâu nay lên nghỉ trên mặt trăng. Bây giờ, đã đến mùa rét, nó sắp về đây.

– Không sợ, ta sẽ trốn Diều hâu, cùng nhau đến đầu nguồn nước.

Hai người ra đi sau khi chặt đổ ngôi nhà cao chót vót. Diều hâu về không có chỗ đậu. Nhìn quanh có dấu chân lạ, chim biết vợ mình đã bị người mang đi, bèn lần theo dấu chân, tìm đến đầu suối. Thấy có một ngôi nhà nhỏ mới dựng, Diều hâu vào nhà, đòi lại vợ nhưng Rít không trả và bảo:

– Mày đã làm khổ H'bia Phu nhiều rồi.

Chim ác lồng lên:

– Tao sẽ kéo cả lũ làng tao tới đây. Lúc đó, mày sẽ chết.

Lần thứ nhất, chim ác kéo đến hàng chục, nhưng không làm gì được Rít.

Lần thứ hai, chim ác kéo đến hàng trăm, cũng không làm gì nổi Rít.

Biết thế nào Diều hâu cũng kéo đến hàng nghìn, Rít rào chặt quanh nhà, gài giáo, gài bẫy.

Quân của Diều hâu tràn đến phá rào, bị giáo, bẫy làm chết rất nhiều, nhưng rồi, chúng cũng vào được sát nhà. Rít xông ra chém bên phải, chặt bên trái, đâm đằng trước, phạt đằng sau. Cuối cùng bọn giặc chỉ còn lại ba đứa.

Sau trận đánh, Rít để lại xác H'bia Phu trong ngôi nhà, thu hồn H'bia Phu vào ống rồi mang về làng.

Thấy Rít về, bà rất mừng. Nhưng thấy Rít chỉ về một mình, bà lại lo. Bà hỏi:

– Thế cháu không tìm thấy H'bia Phu à?

– Cháu đã tìm thấy rồi, cháu mang được hồn H'bia Phu theo về đây rồi bà ạ. Nhưng bây giờ làm thế nào cho nàng sống lại được?

– Cháu để đấy bà giúp.

Bà lấy que gõ vào ống có hồn H'bia Phu. Vừa gõ bà vừa hát:

H'bia Phu hãy nghe bà hát
Tiếng hát của bà nói với những linh hồn.
Hồn yêu nhau thì đi theo nhau
Đừng trắng như vôi
Đừng chui như dúi.

Hát xong, bà bảo Rít đi chặt một đoạn thân chuối, đóng cây que thành hình thân người, rồi bà đổ ống hồn vào ruột. H'bia Phu tuy đã thành người nhưng không đẹp như xưa. Bà bảo Rít:

– Cháu cứ đặt H'bia Phu ngồi trước cửa phía đông. Mỗi lần cháu ngắm nghía thấy chỗ nào chưa giống thì cháu sửa lại, vì bà chưa nhìn thấy H'bia Phu bao giờ.

Ngày thứ nhất, Rít sửa lại miệng, môi đúng như H'bia Phu mà chàng đã thấy.

Ngày thứ hai, Rít sửa lại mũi.

Ngày thứ ba, Rít sửa lại má.

Ngày thứ tư, Rít sửa lại ngực.

Mười ngày đầu, chàng sửa được nhiều, càng về sau, càng sửa được ít. Hơn ba lần trăng tròn, chàng đã sửa xong. H'bia Phu xinh đẹp. Dân làng đều trầm trồ.

– Ôi đẹp quá, có phải H'bia Phu mà ông bà tôi đã nói đến nhiều không? Nếu anh có đủ cái cườm, cái lược, cái vòng, cái nanh heo cài đầu nữa thì H'bia Phu sẽ đẹp chẳng ai bằng.

Từ đó, ba bà cháu sống với nhau trọn đời, yên ấm.

DÂN TỘC CƠ HO

CON THỎ ĐI CHÀI CÁ

Thỏ ở rừng không nhà, không cửa. Gặp mùa đói kém, Thỏ nghĩ cách kiếm ăn. Nghĩ một hồi, Thỏ đến nhà Heo rừng:

– Ồ! Cậu đã tới! Mời cậu vào nhà!

Heo rừng vồn vã chào hỏi...

Thỏ làm ra bộ nghiêm trang, khụng khiệng nói:

– Cậu bây giờ có việc, phải cúng bảy ngày bảy đêm. Mọi thứ con gà, con chuột, con nhím, cậu sắm sửa đủ cả rồi, chỉ thiếu con cá thôi. Cậu đến đây nhờ cháu sắm cho ít cá.

– Bao giờ đi hả cậu?

– Ở năm ngày, ngày thứ sáu thì đi!

Heo rừng giã gạo, chuẩn bị muối ớt, chờ đợi.

Hôm sau Thỏ đến nhà Nai:

– Ô! Cậu đã tới, mời cậu vào nhà!

Thỏ không vào, đáp:

– Cậu bây giờ có việc phải cúng bảy ngày bảy đêm. Mọi thứ con gà, con chuột, con nhím... cậu đã sắm sửa đủ cả rồi, chỉ thiếu con cá thôi. Muốn nhờ cháu sắm cho ít cá đây!

– Bao giờ cậu đi?

– Ở bốn ngày, ngày thứ năm thì đi.

Nai hối hả sửa soạn gùi gạo, muối ớt chờ ngày đi.

Hôm sau, Thỏ tới nhà Trâu rừng. Trâu rừng cũng đón tiếp tử tế. Thỏ hẹn ba ngày, ngày thứ tư sẽ đi.

Rồi Thỏ đến nhà Cọp hẹn hai ngày, ngày thứ ba đi. Cuối cùng Thỏ đến nhà Voi, hẹn hôm sau đi chài cá.

Tới ngày hẹn Heo, Nai, Trâu rừng, Cọp mang đủ chài lưới tới nhà Voi. Ăn uống xong, Thỏ dẫn cả bọn tới bờ biển. Thỏ ra ngắm nghía một lúc rồi chỉ chỗ cho cả bọn làm nhà ở, làm sân phơi cá, sai chúng đi lấy củi sẵn để lúc nào có cá thì sấy cá.

Hôm đầu, cả bọn kiếm được ba, bốn gùi cá đem về.

Thỏ cho Heo ở nhà phơi và sấy cá trở cho khô, xếp lại, để lấy chỗ phơi, sấy mẻ cá sau.

Có con Ó to bằng cái nhà, ngửi thấy mùi cá thơm phức liền bay tới. Bóng nó che rợp cả một vùng. Nó kêu "Ò, ò..." trong cổ họng:

– Này heo kia, tao muốn xuống ăn cá đây!

– Ơ! Cá của cậu Thỏ để cúng, không được ăn đâu!

– Thật không?

– Thật chứ lại không thật!

Ó lao xuống ngay, túm lấy lưng Heo quăng ra tận bìa rừng, rồi ăn hết cả dàn cá.

Chiều đến, năm con vật kia mang cá về. Không thấy Heo, chúng la gọi ầm ĩ. Heo ở xó bụi đàng xa rên rỉ. Chúng ra khiêng Heo về, Thỏ biết chuyện, không nói gì, gọi cả bọn ra phơi cá.

Hôm sau, Nai xin ở nhà sấy cá. Nai bảo Heo:

– Để rồi coi tao không để mất cá như mày đâu!

Heo vừa nói vừa đấm lưng:

– Thôi đi! Nanh tao thế này còn bị nó dồn cho không thở được nữa là mày!

Nai ngọ nguậy cái cổ dài ngoẵng, đôi sừng lắc lư đáp:

– Nanh mày sắc nhưng sừng tao còn nhọn hơn!

Hôm sau, Ó lại bay tới cướp cá đánh Nai nhừ tử như đánh Heo hôm trước.

Cuối cùng, Thỏ nhận ở nhà coi cá. Thỏ sai cả bọn đi chặt củi như mọi ngày để sấy cá, lại bắt kiếm dây mây nối lại thật dài cuộn lại một cuộn to hơn cái nhà, chỉ chừa một lỗ nhỏ cho Thỏ chui vào lọt. Xong xuôi cả bọn lại kéo nhau ra biển chài cá. Chẳng con nào tin là Thỏ có thể giữ nổi được cá.

Cũng như mọi lần, Ó lao tới như trái núi đổ. Thỏ rên:

– Cha mẹ ơi! Hừ... hừ... hừ...

Ó hỏi "Ò... ò" trong họng:

– Sao thế hả?

– Tao đau bụng vì trót ăn nhiều cá quá!

– Mày đau bụng à? Tao cũng đau lắm. Bụng đang sôi ùng ục đây. Mày chữa cách nào, bảo tao với!

Thỏ rên hừ hừ và nói:

– Nắm đầu dây này kéo đi hộ tao.

Ó kéo dây mây, các sợi dây cọ vào nhau kêu "krẹc, krẹc... krẹc...". Thỏ rên lên. Giọng khoan khoái:

– Ôi chao! Nó giãn xương, giãn cốt, dễ chịu, dễ chịu, dễ chịu...

Thỏ nhờ Ó kéo thêm cho mấy lượt nữa tới lúc dây mây không kêu nữa mới thôi. Ó kéo lượt nào, Thỏ kêu đỡ đau lượt ấy. Ó càng kéo, Thỏ càng kêu:

– Ôi! Sướng quá, sướng quá, dễ chịu quá.

Ó đang đau bụng lại phải kéo mãi bụng càng thêm đau. Nghe Thỏ kêu sướng. Ó thèm giục Thỏ cuống lên:

– Thôi mày chui ra, cho tao chui vào đấy, rồi mày kéo hộ tao!

Thỏ bảo Ó:

– Mày cứ ăn cá đi đã, để tao còn ngủ. Chà, nằm trong này sao mà dễ chịu thế! Mày cứ đi ăn cá đi!

Ó kêu đau bụng, không ăn được, nằn nì nhờ Thỏ cho mượn cuộn dây mây để chữa con đau. Thỏ sai Ó đi chụm củi đốt lửa để sấy cá đã. Thỏ bảo gì Ó cũng đều nghe. Đợi Ó đốt lửa xong xuôi, Thỏ chui ra, tháo dây, cuộn chặt Ó vào, rồi bảo Ó dẫy thử. Tới lúc Ó không cựa quậy được nữa, Thỏ mới buộc chặt đầu dây lại và mắng Ó một hồi:

– Mày ăn cá của tao mấy bữa nay rồi. Bây giờ ra mà ăn nữa đi! Nằm đấy chờ năm đứa cháu tao về nó chữa cho mày khỏi đau bụng!

Một lát Heo rừng, Nai, Trâu rừng, Voi, Cọp lặc lè khiêng cá về. Từ xa chúng đã thấy cá còn nguyên. Thỏ đang ung dung ngồi hút thuốc. Cả bọn vừa sợ vừa thán phục Thỏ. Thỏ bảo:

– Sao mấy cháu về chậm thế? Về mau cho cậu nhờ tí việc đây!

Vừa nói, Thỏ vừa đưa tay vuốt cái cằm, chỉ vào con Ó đang bị trói. Cả bọn xúm vào đâm chết con Ó gian ác.

Mấy ngày sau hết gạo, cả bọn gánh cá về. Riêng Thỏ không mang gì cả. Qua một bãi rộng có cây đa to xung quanh cát trắng phẳng lì, Thỏ bảo tất cả dừng lại:

– Thôi! Mấy cháu để cá đây, rồi cậu cho dân làng tới lấy!

Các con vật đều nói:

– Mấy cháu về nhà đã, bỏ vợ con ở nhà lâu quá rồi!

Thỏ bảo:

– Cậu cho mỗi đứa mấy con cá để cho vợ các cháu và mấy đứa nhỏ ở nhà nó mừng!

Heo, Nai, Trâu, Cọp, Voi không con nào dám nhận:

– Thôi để cậu cúng!

Thỏ nói:

– Mấy cháu đi lâu mang cá về cho vợ con nó mừng chứ! Hôm sau cậu mời dân làng tới đây ăn uống, cúng lễ với cậu. Nên giờ cậu cũng phải đi mời đây!

Heo, Nai, Trâu, Cọp, Voi về nhà phơi nếp, gói bánh nhộn nhịp mang tới nhà Thỏ.

Trong khi đó, Thỏ đi nhai lá cây, nhổ từng đống quanh gốc đa như người ta ăn trầu nhả bã. Kín cả bãi rộng. Rồi Thỏ lấy cây đẽo như cán giáo cắm xuống bãi cát tựa như hàng nghìn, hàng vạn người đã tới ngồi ăn lễ.

Bọn Heo, Nai, Trâu, Cọp, Voi kéo nhau tới. Nhìn xa thấp thoáng như bã trầu ngập bãi, giáo cắm tua tủa, cả bọn sợ quá dừng lại, bàn với nhau:

– Người ta đã bắt được con Ó to ngần ấy, họ hàng lại đông ngần này. Bọn ta tới ăn, nhỡ thất thố điều gì, người ta xúm vào, đập chúng ta chết tươi ngay. Về đi thôi!

Thế là cả bọn len lén kéo nhau về.

Thỏ ở sáu ngày. Ngày thứ bảy đến nhà Heo rừng. Heo rừng vồn vã chào hỏi:

– Ồ! Cậu đã tới! Mời cậu vào nhà!

– Cậu! Cậu cái gì! Ngày sung ngày sướng mời mày tới ăn, tới uống, mày không thèm tới. Cậu cháu gì bây giờ! Tao không vào đâu!

Heo rừng sợ toát mồ hôi, kéo cả đàn đến dâng gà, rượu, tạ tội với Thỏ, mong Thỏ nguôi giận.

Ăn uống xong, Thỏ khệnh khạng tới gặp Nai:

– Ồ! Cậu đã tới! Mời cậu vào nhà.

– Cậu cậu gì mày! Ngày sung, ngày sướng mời mày đến ăn trầu. Uống rượu, mày không thèm tới. Cậu cháu gì bây giờ! Tao không lên đâu!

Nai sợ lạnh toát cả người, kéo cả bầy đến dâng gà, rượu để tạ tội Thỏ.

Ăn uống xong, Thỏ lại tới gặp Trâu rừng, Cọp, Voi. Bọn này lại cũng tạ tội như Heo, Nai.

Hôm sau, cả bọn lại rủ nhau mang lễ vật tới cây đa để tạ tội với Thỏ lần nữa. Thỏ giở giọng độ lượng với chúng:

– Thôi! Mấy cháu cứ để đấy, ta sẽ bảo con cháu ta ra cất đi cho. Cho mấy cháu về! Lần sau nhớ nhé, cậu mời thì phải đến đấy.

CON NAI THẦN

Ngày xưa, ở một làng Ca Dong có một bà cụ già rất nghèo, rất tốt bụng. Chồng chết sớm, bà nuôi đứa con gái độc nhất của mình. Hàng ngày bà cầu mong cho con sau này sẽ sung sướng chứ không khổ sở như mình.

Cô gái lớn lên như búp măng giữa rừng, xinh đẹp không ai sánh kịp. Bà ngày một ốm yếu không đủ sức làm nuôi con. Cô gái phải đi làm cho chúa làng để lấy công nuôi mẹ. Nhà chúa làng có

ba tòa bốn lũy. Trâu chúa làng có hàng trăm hàng ngàn. Chiêng chúa làng treo đầy trước nhà, sau nhà. Đầy tớ chúa làng ra vào tấp nập. Những người tới làm việc cho chúa làng thì có đủ cơm, đủ canh. Riêng cô gái vì xin phần cơm cho mẹ nên chỉ được thêm cơm mà phải bớt phần canh. Hàng ngày, cô chỉ ăn cơm nhạt. Đến bữa, cô lấy phần cơm của mình vào chiếc giỏ mây, rồi ra một góc nhà ngồi ăn với vài hạt muối.

Một hôm, cô vừa ngồi định ăn thì một cơn gió nổi lên. Gió nổi ầm ầm, cuốn phăng cả cái giỏ đựng cơm của cô. Cô gái vội vàng chạy theo để nhặt cái giỏ. Nhưng hễ cô chạy đến, cái giỏ lại chạy đi, nếu cách xa thì cái giỏ lại dừng lại. Cứ thế cô đuổi theo giỏ qua rừng qua núi. Cho đến lúc mặt trời sắp lặn, cô mới nhặt được giỏ. Khi chạy theo giỏ, cô không kịp nhận lối, nên bây giờ quên mất đường về. Xung quanh cô bây giờ chỉ rừng núi âm u, cây cối um tùm. Vừa lo sợ, vừa thương mẹ, cô gái gục đầu vào một cây to mà khóc. Cô không biết nơi cô đang ngồi là chỗ của bầy Nai thần. Cô đang khóc thì bầy Nai trở về. Chúa Nai lên tiếng hỏi:

– Ai dám đứng khóc trước nhà ta thế?

Cô gái hoảng sợ, quay lại, nhưng khi biết bầy Nai nói tiếng người, cô liền mạnh dạn kể lể sự tình. Chúa Nai nghe xong liền bảo:

– Đường về bây giờ xa lắm, trời lại tối rồi, con voi, con cọp nó chục bên đường, cô về thì nguy hiểm lắm. Hay là cô ở lại đây với ta, lấy ta làm chồng, đời cô sẽ sung sướng.

Nghe Nai nói, cô gái rất buồn. Nhưng không có cách nào khác, cô đành ở lại với Nai. Chúa Nai vui mừng, liền hóa phép cho gốc cây trở thành một tòa lâu đài nguy nga và các cây xung quanh thành những ngôi nhà xinh xinh. Trước mắt cô gái không còn là con Nai rừng sừng nhọn mà là một chàng trai Ca Dong khỏe mạnh, hiên ngang. Vai đeo ná, tay cầm khiên. Mới nhìn qua, cô gái cũng thấy là lũ trai làng cô không ai sánh nổi.

Hai vợ chồng, trẻ đẹp sống hạnh phúc với nhau nhưng cô gái vẫn nhớ mẹ già khôn nguôi. Cô ngỏ ý với Nai xin về thăm mẹ. Nai bằng lòng. Nai khoác lốt Nai vào đi trước dẫn đường cho cô gái. Qua rừng, qua núi, qua suối, qua khe, tối mới về đến nhà mẹ. Nai bảo vợ vào trước, còn mình thì nấp vào bụi rậm.

Cô gái đứng ngoài nhìn qua kẽ liếp, thấy mẹ đang vừa cúng vừa khóc. Thì ra sau khi mất tích, bà mẹ đã đi tìm khắp rừng sâu, suối hẻm vẫn không thấy tăm hơi. Bà đinh ninh là con mình đã chết nên về nhà làm lễ cầu hồn, tối nào cũng vừa cúng vừa khóc. Đứng ngoài, nghe mẹ khấn tên mình, cô gái giàn giụa nước mắt, đập cửa, lên tiếng:

– Mẹ ơi! Con về đây rồi mẹ ạ!

Bà mẹ nghe tiếng sợ quá. Bà nghĩ là tiếng con ma đã bắt con gái bà, nay lại về bắt bà. Cô gái gọi lần nữa, bà cũng không mở cửa. Cô gái bảo:

– Mẹ ơi! Nếu mẹ không tin con là con của mẹ thì mẹ hãy vứt ra cửa một miếng trầu. Nếu trầu chạy đúng vào miệng con thì con là con của mẹ. Nếu con là ma thì trầu sẽ không vào miệng con.

Người mẹ nghe nói, liền vứt trầu ra và nhìn qua khe cửa thấy miếng trầu chạy vào miệng cô gái. Bà mừng quá, mở cửa ôm chầm lấy con mà khóc. Cô gái kể chuyện cho mẹ nghe. Bà liền chạy ra ngoài gọi chàng rể.

Trong lúc mẹ con trò chuyện, chờ lâu quá, Nai đã lăn ra ngủ ở lùm cây trước cửa. Bà mẹ gọi mãi không thấy thưa, lại vào bảo con gái ra tìm. Cô gái ra, tìm thấy chồng đánh thức dậy. Nai liền biến thành một chàng trai đeo ná, mang gươm cùng đi vào nhà. Bà mẹ vô cùng mừng rỡ, liền báo tin cho hàng xóm láng giềng biết. Cả làng kéo đến mừng bà cụ. Ai cũng khen chàng rể đẹp trai, khỏe mạnh. Bà mẹ muốn sắm sửa lễ cưới để mời dân làng chia vui, nhưng nhà nghèo quá. Bà bàn với hai vợ chồng Nai. Nai bảo:

– Mẹ cứ mời làng xóm đi, mời bao nhiêu cũng được, càng đông càng vui. Mẹ muốn gì thì mẹ bảo, ngày mai sẽ có đầy đủ cho mẹ.

Sáng hôm sau, vừa mở mắt bà đã thấy trong nhà đủ mọi thứ. Bà tưởng mình mơ. Ngôi nhà của bà đã khang trang, lộng lẫy. Ché chum bày la liệt, chiêng cồng treo giàng hàng, thóc gạo đầy bồ, heo gà đầy sàn, xung quanh vườn cam quýt đỏ ối... Bà kêu lên:

– Ôi! Ta thức hay ta mơ, ta đang ở nơi nào thế này! Nhà ai mà đẹp đẽ giàu có hơn cả nhà chúa làng thế này!

Nai liền bảo:

– Mẹ ạ, nhà của mẹ đấy. Vì mẹ nghèo mà mẹ lại biết thương con, thương mọi người, tốt với mọi người nên trời thưởng công cho mẹ đấy! Của mẹ thật đấy, mẹ đừng sợ.

Bà mẹ rất mừng. Bà mời dân làng tới dự đám cưới. Cỗ bàn rất to. Ăn uống xong mọi người đưa dâu về nhà chồng. Nai hóa phép biến con đường hiểm trở mà hai vợ chồng đi qua hôm trước thành một con đường quang đãng, rộng rãi, giữa có đá lát, hai bên có hoa thơm, cỏ đẹp. Đám cưới tưng bừng, lũ lượt kéo đến làng Nai. Hội mở suốt mấy ngày đêm, vui chơi, ăn uống thỏa thích. Tiếng chiêng, tiếng trống đánh vang lừng.

Sau đó, bà mẹ cùng đến ở với con gái, con rể. Họ sống hòa thuận, êm ấm suốt đời, như lời cầu nguyện xưa kia của bà già nghèo khổ.

NGƯỜI CON CÔI NỘP VÀ VUA CHĂM

Xưa, ở một làng buôn Nộp, gần làng buôn Chăm, có một người con côi được ngoại chăm nuôi từ khi lên bốn. Tình thương bao la của ngoại như sóng biển, gió rừng, năm tháng vỗ về và em lớn dậy.

Không muốn ngoại mình gẫy gập cái lưng, người con côi đền đáp công ơn ngoại những việc làm nho nhỏ như: bẻ cau, hái trầu ngày ngày cho ngoại đỡ buồn cái miệng. Hôm sớm, người con côi chăm lo gùi nước, gùi củi, nấu cơm, nấu canh và chăn trâu giúp ngoại. Ngoại càng thương người con côi hơn và không bao giờ la rầy, đánh đập...

Một hôm, đàn trâu của người con côi sang ăn chung bãi cỏ bên làng buôn Chăm, gặp các bạn nhỏ chăn trâu Chăm, tuy lần đầu gặp nhau, người con côi và các bạn nhỏ Chăm đã thấy thân thương và kết bạn. Thoáng cái ông mặt trời đã đứng đỉnh đầu. Hai bên bàn tính chuyện bắt cua nướng ăn cơm trưa. Em bé Chăm, nói:

– Ta bắt cua nướng ăn. Hỏi, ai bắt được bảy con cua... chưa hết câu, người con côi đã cắt lời em bé Chăm, hỏi:

– Nếu bắt được bảy con cua, mày thưởng tao cái gì?

– Nếu bắt được bảy con cua... tao sẽ cho mày hết phần cơm trưa của tao!

Người con côi Nộp cười khì, thầm nói "Dễ ợt, dễ ợt", rồi cùng các em nhỏ Chăm đi bắt cua làm thức ăn cho bữa cơm trưa. Mò mẫm hồi lâu, em nhỏ Chăm không bắt được con cua nào cả. Người con côi Nộp biết chỗ hang thần của bảy con cua, nên bảo em bé Chăm cùng đào và moi lên bảy con cua vàng suộm.

Người con côi thắng cuộc, nhưng chẳng phạt vạ gì.

Bữa cơm trưa ăn chung có thức ăn cua nướng thơm lừng.

Đang vui bữa cơm trưa trên bãi cỏ bỗng có tin: Ông vua Chăm bị đau lá gan bên trái, cần thầy, cần thuốc. Và, quân hầu của vua Chăm rầm rầm kéo đến làng buôn Nộp, ập vào hỏi ngoại:

– Ơ, người già buôn Nộp, nghe người già có đứa con côi tài giỏi, biết nhiều, hiểu lắm, liệu có chữa được bệnh cho vua Chăm không?

Đôi tay nhăn nhúm của ngoại run lên, thưa gửi:

– Cháu tôi, đứa con côi cút, tội nghiệp, biết đâu bệnh tật mà trừ ngừa... – Ô! Người già không biết đó, người con côi Nộp của già, biết cả hang thần có bảy con cua... Biết đâu, người con côi Nộp lại chữa được bệnh cho vua Chăm tôi.

Ngoại băn khoăn, đi ra đi vào, biết trả lời sao với quân hầu của vua Chăm đang cần thầy, cần thuốc! Bỗng người con Nộp về.

Quân hầu vua Chăm, nắm chặt khố người con côi Nộp, hỏi:

– Vua Chăm ta đau lá gan bên trái, liệu người con côi Nộp có chữa khỏi được bệnh cho vua Chăm ta không?

Người con côi Nộp nhìn ngoại khóc và không nói nên lời.

Ngoại bước lên ba bước, trước mặt người con côi Nộp và quân hầu của vua Chăm nói:

– Con đi, đi! Ở lại với ngoại không được đâu, chết mất...

Tạm biệt ngoại, người con côi Nộp buồn, khóc, khóc nức nở. Không còn cách nào khác, nhằm giữ tình cảm buôn làng Nộp, buôn làng Chăm bao đời chung sống bên nhau, nhất là mấy đứa nhỏ bạn cùng chăn trâu, chung bãi cỏ, phải giận hờn, xa cách, người con côi Nộp đành nghe lời ngoại lên đường trị bệnh cho vua Chăm đang khi nguy hiểm...

Bởi khóc than thương ngoại, bụng người con côi Nộp đau quặn lên. Người con côi Nộp phải lấy roi quất vào bụng mình, nói:

– Phải giúp ta, ơi bụng! Bụng nói:

– Cứ đi, không sợ! Nếu vua Chăm muốn khỏi bệnh, phải phá ổ chuột trắng ở khu vườn trống. Gan chuột trắng sẽ bảo gan người khỏi bệnh.

Người con côi Nộp ôm chầm lấy ngoại, nói trong tiếng nấc:

– Con đi! Con sẽ về với ngoại!

Người con côi Nộp bước vào cổng nhà vua Chăm, chó sủa và hai hàng quân canh tiếp đón trong tiếng chiêng vang, dáo dựng... trang nghiêm...

Người con côi Nộp được đưa sang nhà bên ăn cơm, uống nước, thay quần áo đẹp để vào gặp vua Chăm. Vua Chăm nói:

– Này, em nhỏ! Có thể giúp ta khỏi bệnh được không? Mắt ta vàng, da trên toàn thân ta vàng, lâu nay ta không uống rượu... Ta lo lắm! Em nhỏ hãy giúp ta, ta hậu tạ.

– Đừng lo! Nhà vua đừng lo! Nhà vua hãy cho quân hầu phá tan ổ chuột trắng ở khu vườn trống, cái gan chuột trắng sẽ bảo cái gan nhà vua khỏi bệnh...

Vua Chăm rất mừng và làm theo lời người con côi Nộp dặn. Nhưng vẫn bắt giữ người con côi Nộp. Nếu vua Chăm không khỏi bệnh sẽ chém đầu, còn khỏi bệnh nhà vua sẽ trọng thưởng.

Nửa tháng sau, bệnh của vua Chăm giảm dần và khỏi hẳn. Nhà vua khỏe ra, vui vẻ và muốn được người con côi Nộp ở lại nơi vua. Người con côi Nộp từ chối vì lo ngoại ở nhà buồn và trông đợi.

Không thể giữ được người con côi Nộp, nhà vua sai bầy tôi lấy áo quần, gạo, muối... tặng người con côi Nộp và xe ngựa trở về, trả ngoại.

Ngựa, xe, quân lính vua Chăm lóc cóc đến nhà ngoại. Ngoại hoảng hốt, tưởng cháu mình bị giết và vua Chăm sai lính về bắt ngoại đi giết luôn, nên ngoại sợ và chạy trốn vô rừng.

Người con côi Nộp thấy vậy, nhảy bỏ xe, theo tìm ngoại.

– Ngoại ơi! Con của ngoại đây mà! Sao ngoại lại trốn chạy?

Nghe tiếng gọi quen quen, ngoại quay đầu ngoái lại, thấy người con côi Nộp, quá đỗi mừng vui và rơi nước mắt. Người con côi Nộp ôm chầm lấy ngoại. Ngoại xoa đầu người con côi Nộp.

Quân hầu vua Chăm chào ngoại và người con côi Nộp lui về.

Ngoại và người con côi Nộp ở lại với căn nhà dài, với đàn trâu, với ruộng rẫy và bà con làng buôn Nộp.

Hai, ba năm sau, vua Chăm mở tiệc khao dân để tìm hỏi nhân tài "Hãy vì an cư lạc nghiệp của tất cả các làng buôn, không kể dân tộc này hay dân tộc nọ, phải tiêu diệt bằng được con Ma Núi (Chạ M'nơm) kỳ quái trên rẫy phía Tây kia, ta xin ghi ơn và gả con gái út..."

Nói về con Ma Núi trên rẫy phía Tây kia, đã bao năm ghi nhiều tội ác. Nó bất nhân, bất nghĩa, gây bao tai họa trong rừng. Nó thèm ăn từ người đi săn, người hái rau, người luợm củi và cả em nhỏ đi gùi nước... khiến nhiều nhà, nhiều buôn, thường cúng biếu heo, dê... trước mùa lên rẫy.

Nghe vậy, người con côi Nộp xin ngoại ra đi trừ diệt Chạ M'nơm giúp vua Chăm. Ngoại trao người con côi Nộp con dao nhỏ (pể chút) làm vật tùy thân.

Nửa đường ngủ lại, người con côi Nộp gặp thần Ndu, thần Ndu nói:

– Con phải đi, đừng sợ sệt! Muốn Ma Núi hết thiêng, con phải giết và lấy bằng được cái răng cọp mà Chạ M'nơm thường đeo trước ngực. Ta, lúc nào cũng có mặt để giúp đỡ con.

Tỉnh dậy, nhớ lời thần Ndu dặn đêm qua, sáng nay, người con côi Nộp đến thẳng làng buôn của Ma Núi. Ma Núi thét:

– À! Thằng nhỏ kia, mày dám dẫm đạp lên vùng đất thiêng của ta, ta sẽ ăn thịt mày! Người con côi Nộp khôn khéo trả lời:

– Chú ơi! Chú đừng ăn thịt cháu! Thịt cháu non, đắng lắm! Chú muốn ăn thịt cháu, chú ráng nuôi cháu lớn, hãy ăn!

Ma Núi bằng lòng và giữ người con côi Nộp lại nuôi để thịt. Ma Núi sai người canh giữ người con côi Nộp suốt cả thời gian dài, rồi một hôm, Ma Núi hỏi:

– Thằng nhỏ! Thịt còn đắng hay hết đắng rồi?

– Thịt cháu ngon rồi, vì cháu đã lớn rồi! Thịt cháu ngon ngọt, không còn đắng nữa đâu, chú ơi! Ma Núi mừng lắm và cho gọi cả làng buôn Ma Núi ra đốt lửa vui chơi, uống rượu, múa hát... mừng ăn thịt người con côi Nộp.

Cuộc vui được mở ra từ trưa đến tối. Mọi người làng buôn Ma Núi say sưa, nghiêng ngả. Nhiều người nằm lịm đi như chết. Người con côi Nộp không uống rượu và luôn luôn tiếp rượu Ma Núi. Ma Núi khật khừ say, say chưa bao giờ say như thế. Người con côi Nộp khẽ rút con dao nhỏ tìm con tim đen của Ma Núi đâm và cắt lấy cái nanh cọp đem về ngay trong đêm say.

Sáng ra, một vài người buôn Ma Núi theo vết chân người con côi Nộp đuổi bắt để trừng phạt về tội giết chủ làng buôn Ma Núi. Đến khu rừng mum, người buôn Ma Núi ngơ ngác kiếm tìm người con côi Nộp trên bụi mum, được các bụi mum che trở từ tối qua. Người buôn Ma Núi tức lắm, vung sà gạc chém phạt rừng mum. Mum bị chặt đến đâu lại mọc lên xanh tốt đến đó. Thấy vậy, người buôn Ma Núi càng tức bực hơn, nhất là khi nghe tiếng người con côi Nộp, nói:

– Ơ tôi ở trên này! Muốn ăn thịt tôi, đợi chút nghe!

Người con côi Nộp lấy cơm nếp nấu bằng nước lá cây độc ném xuống. Mấy người buôn Ma Núi đói, mệt thèm ăn và ăn rồi lăn ra chết.

Người con côi Nộp cảm ơn cây mum, trở về. Cây mum gật đầu, vẫy tay đưa tiễn người con côi Nộp.

Tới nhà, ngoại mừng, ôm chặt cháu vào lòng mếu máo "Ngoại cứ tưởng con không về, ai ngờ..." Người con côi Nộp âu yếm thưa với ngoại "Vì ngoại, vì yên vui của người Nộp, người Chăm mà con ra đi, mặc dù gian nguy. Hoặc hiến dâng tính mạng, con cũng sẵn sàng, bởi mình đã làm được một việc vì lợi ích nhiều người, chứ đâu phải chỉ riêng cho ngoại, cho con..."

Ngoại lấy cơm canh cho người con côi Nộp ăn và giục đem cái nanh cọp sang nộp vua Chăm về việc con làm cho mọi người được biết...

Người con côi Nộp sang làng buôn Chăm, nói cho vua Chăm biết việc giết được Ma Núi hại người xưa nay và trao tay vua Chăm cái nanh cọp của Ma Núi.

Vua Chăm đứng bên người con côi Nộp, nói lớn trước làng buôn Chăm, rằng:

– Từ lâu rồi, năm nào cũng thế, Ma Núi quen miệng ác, ăn thịt bao người hiền lành, lương thiện của làng buôn ta. Nay, người

con côi Nộp đã diệt xong cái họa này! Ta xin được nắm chặt tay con và đền ơn con như lời ta đã hứa...

Hãy nổi chiêng lên vui múa!

Rượu, thịt bày ra, mời uống, mời ăn!

Cuộc mừng vui diệt họa Ma Núi cũng là dịp hội hè lễ cưới con gái út vua Chăm với người con côi Nộp.

Ở với vua Chăm chưa được bao lâu, người con côi Nộp nhớ ngoại, nhớ làng buôn Nộp, xin về. Vua Chăm nghĩ: "Lẽ nào lại chia cắt tình yêu thương của ngoại mà người con côi Nộp đã từng ấp ủ, chở che một chiếc lá sắp xa cành. Hơn nữa, hãy vì điều thân thiện lâu bền giữa người Chăm, người Nộp đã từng muôn đời sống chung một ngọn núi phía Tây này..." Và, chia của cải, sai quân hầu đưa dẫn vợ chồng người con côi Nộp về buôn Nộp.

Làng buôn Nộp đem chiêng, khèn ra tận cuối nguồn sông đón vợ chồng người con côi Nộp. Ngoại đứng cao trên sàn nhà dướn nhìn cháu con côi Nộp – một niềm vui ấm áp tuổi già của ngoại.

Rẫy nhà nhỏ của ngoại đêm ấy, lửa đốt sáng trưng những gương mặt trẻ, già và êm ả câu ca, rộn ràng điệu múa... mừng vợ chồng người con côi Nộp trở về sống với ngoại, với làng buôn.

DÂN TỘC DAO

NGƯỜI DÌ GHẺ ĐỘC ÁC

Ngày xưa có một người đàn ông góa vợ lấy một người đàn bà góa chồng. Mỗi người cùng có riêng một con trai. Đứa con trai của người chồng lên mười tuổi, còn cậu con trai của người vợ lên chín. Người vợ kế chỉ thương con mình nên có miếng gì ngon đều dành cho con cả, còn với con chồng thì mắng mỏ thậm tệ, bắt làm đủ mọi việc. Vì vậy tuy hai đứa xấp xỉ tuổi nhau, nhưng đứa con người vợ mỗi ngày một lớn, còn đứa con chồng mỗi ngày lại gầy quắt queo đi. Chồng biết vợ tệ bạc nhưng không biết làm gì được.

Một hôm chồng vào rừng săn bắn, vợ ở nhà rán bánh dầy. Hai mẹ con ăn, còn đứa con chồng chỉ đứng chực nhìn mồm. Trời về chiều, đứa con mẹ kế trông thấy bố dượng vác một con hoẵng về đến cổng mới chạy vào bảo với mẹ:

– Mẹ ơi! Bố đi săn được con hoẵng đang về kia kìa. Mẹ ghẻ vội vàng cầm chiếc bánh dầy rán xoa vào mồm đứa con chồng rồi véo cho nó một miếng và bảo ăn. Lúc ấy người bố cũng vào đến trong nhà thấy con cầm miếng bánh bèn nói:

Bố đói quá! Con đưa cho bố miếng bánh bố ăn tạm. Đứa con ngoan ngoãn đưa miếng bánh cho bố. Bố ăn xong thấy đầu ngứa, gọi con lại bắt chấy cho mình. Bố ngồi, đứa con đứng đằng sau đưa hai tay vạch tóc ra tìm chấy. Bỗng có mấy giọt nước giỏ xuống đầu người bố. Người bố thấy có nước giỏ vào đầu, bụng nghĩ "Trời hôm nay không mưa sao nhà lại dột?". Bố quay đầu lại nhìn thấy đứa con nước mắt lưng tròng mới hỏi:

– Sao con lại khóc?

Đứa con nức nở:

– Bố ơi! Bố không biết, bố đi vắng dì ở nhà rán bánh chỉ cho con của dì ăn, còn con thì phải nhịn. Khi bố về đến ngoài kia dì mới lấy bánh xoa vào mồm con chỉ có mỡ không và véo cho con một tẹo, con đã nhường cho bố ăn rồi. Con đói lắm, con khóc!

Bố nghe con nói thương tâm. Mới nghĩ thầm "Con ta ở với dì ghẻ thế nào cũng bị đói mà chết mất. Chi bằng cho nó theo ta đi săn vào rừng sâu, rồi ta trốn về, nó không biết lối, muốn theo ai thì theo, còn hơn là phải tận mắt trông thấy con chết, chỉ càng thêm đau lòng".

Nghĩ thế, hôm sau người bố gọi con lại bảo:

– Con ơi! Ở với dì khổ lắm. Cơm không được ăn, áo không được mặc, lại làm bao nhiêu là việc. Ngày mai con theo bố vào rừng săn hổ to đem về bán lấy tiền mua gạo ăn đỡ khổ. Con trèo lên gác nhà lấy gạo nếp nấu cơm đem đi ăn đường.

Đứa con làm theo lời bố. Sớm hôm sau, hai cha con đi vào rừng. Đến khu rừng đầu tiên thấy có nhiều vết chân hổ to bằng miệng chén, bố hỏi:

– Ở đây săn được chưa con?

Con đáp:

– Hổ này bé. Chưa được đâu!

Đi đến khu rừng thứ hai, vết chân hổ to bằng miệng bát, bố lại hỏi:

– Nơi này săn được chưa con?

Con lại nói:

– Hổ này nhỡ – Chưa được đâu!

Đến khu rừng thứ ba có vết chân hổ la liệt vết chân to bằng cái đĩa, bố lại hỏi con:

– Chỗ này săn được chưa con?

Con nói:

– Hổ này to lắm – Được rồi! Ở lại săn thôi!

Hai bố con giở gói cơm nếp, cơm tẻ ra ăn một bữa no nê rồi cùng làm lán ngồi rình hổ.

Trời về khuya bố bảo con:

– Bây giờ con ngủ trước để bố canh cho – Khi nào có tiếng động bố sẽ gọi con dậy.

Đứa con được một bữa no bụng, vừa nằm xuống đã ngủ như chết. Bố thấy con ngủ say mới trở về nhà.

Nửa đêm hôm ấy có một con hổ to từ trong hốc đá đi ra thấy đứa bé đang ngủ bèn đến nằm ngay bên cạnh. Đứa bé rét, sờ phải hổ nằm bên, tưởng là bố mình mới rúc đầu vào nách hổ ngủ. Lúc sau, hổ gầm lên một tiếng hỏi đứa bé:

– Có sợ tao không?

Đứa bé đáp:

– Không sợ đâu, bố thôi!

Nói rồi, đứa bé lại rúc vào nách hổ ngủ – Một lát lại nghe có tiếng người nói ồn ào, tiếng chặt cây chan chát, đứa bé vẫn nhắm nghiền mắt nói vọng ra:

– Ai chặt cây thì chặt cây to, cây bé để lại.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy đứa bé không thấy bố đâu, chỉ thấy một ông cụ già bảo nó đi rửa mặt, ăn cơm. Nó theo ông cụ ra suối thì nhìn khắp bốn phía chỗ nào cũng có nhà cửa, người đi lại đông vui, cây cối tươi tốt, trâu bò thi nhau gặm cỏ. Đứa bé không tìm được lối về mới xin ở lại sống làm ăn ở đó.

Người bố sau khi bỏ con trong rừng đi về thì đinh ninh rằng đứa con tội nghiệp của mình khó sống nổi. Mới đầu ông còn nghĩ

đến con, lâu dần cũng quên đi. Một lần ông đang ngồi ở bếp, nghe tiếng chim kêu, như tiếng người vợ cũ:

– Bện thừng trâu, thừng ngựa đi cho con buộc ngựa buộc trâu.

Người bố thấy kêu mới gọi vợ kế ra nghe. Người bố hỏi vợ kế:

– Tại sao chim kêu thế, hay con tôi còn sống?

Người vợ kế nói:

– Sống cái gì! Nó kêu "chôn đi thôi"! "chôn đi thôi"!

Bố không tin mới bện một cuộn dây thừng đi tìm con. Khi vào khu rừng ngày xưa ông bỏ con thì khu rừng đó đã biến thành làng bản đông vui. Đứa con trai bây giờ thành một chàng trai khỏe mạnh có vòng vàng, vòng bạc đầy tay, đầy cổ. Người bố mừng lắm. Bố hỏi con tại sao còn sống, thì con trai kể hết sự tình câu chuyện cho bố nghe. Bố nghe xong trong lòng lấy làm hổ thẹn lắm. Được vài hôm, cha con chia tay nhau. Về đến nhà bố kể lại đầu đuôi câu chuyện cho mẹ con vợ kế nghe. Người vợ kế sẵn thói tham lam mới gọi con trai đến bảo ngày mai đi theo mình vào rừng.

Cũng như lần trước đứa con chồng đã làm, lần này đứa con mẹ kế cũng nấu cơm nếp mang theo ăn đường.

Tới một khu rừng, thấy có phiến đá rộng mẹ bảo con nằm nghỉ lưng trên đó, rồi lẻn về nhà. Một chốc sau, một con hổ vằn từ trong rừng sâu đi ra thấy có người nằm ngủ ở giữa rừng hổ vồ nhai ngấu nghiến.

Người mẹ ghẻ về nhà chỉ chờ có tiếng chim kêu là đi ngay. Bỗng một con chim bay đậu ở nóc nhà hót rằng:

– Con chết, chôn đi! Con chết, chôn đi!

Chồng thấy chim kêu bảo vợ:

– Sao chim lại kêu "Con chết, chôn đi! Con chết, chôn đi!"?

Vợ kế cãi:

– Nó kêu "Bện thừng trâu thừng ngựa đi cho con buộc ngựa buộc trâu chứ!" Ông nghe không rõ thôi!

Người vợ kế bện một cuộn dây thừng thật dài đi vào chỗ đứa con ngủ. Vừa đến nơi mụ trông thấy con hổ to lù lù nằm ngủ ở giữa bụi cỏ gianh, mồm há hốc, răng nào cũng vàng to như quả chuối. Mụ tưởng là chuối chín, nói:

– Con trai ta giấu chuối ở bụi cỏ gianh này đây. Ta thử nếm xem nào.

Nhưng vừa thò bàn tay vào răng hổ thì tức khắc hổ nhổm dậy xé xác mụ dì ghẻ độc ác.

Đặng Minh Đức
Đồng Tuyển, Bát Xát, Lào Cai *kể*

RỒNG HÚT NƯỚC

Ngày xưa có một người làm nghề kiếm củi. Chàng nghèo lắm, tháng ngày lần hồi rau cháo, bữa no, bữa đói, quanh năm chỉ độc một manh khố rách. Mọi người thấy vậy, gọi chàng là Khâu[1].

Một hôm gánh củi đến bờ ao, Khâu thấy hai con ếch thò đầu lên mặt nước. Chàng đặt gánh, lội xuống bắt. Thoáng thấy bóng người, ếch lặn trốn mất. Khâu xì xụp mò ngụp hồi lâu, tìm được một con, đem lên bờ. Chàng cởi khố buộc chặt bụng ếch vứt vào trong bụi, tiếp tục mò nốt con kia.

Bỗng một con diều hâu ở đâu xà xuống, cắp cả ếch lẫn khố bay thẳng. Ếch chẳng được, khố lại mất, Khâu buồn lắm, ngồi khóc.

Một ông già từ xa đi tới, hỏi chàng:

– Làm sao mà khóc?

Khâu đáp:

– Tôi nhà nghèo, bố mẹ chết sớm, ngày ngày kiếm củi nuôi thân, bữa no, bữa đói. Hôm nay tôi thấy hai con ếch dưới ao này xuống mò được một con, lấy khố buộc để trên bờ. Không may diều hâu cắp cả ếch lẫn khố bay mất. Tôi không còn gì mặc nên tôi khóc.

Ông già bảo:

– Khóc làm gì. Sao không tìm đến nhà Trời hỏi xem vì có gì lại khổ mãi thế?

Nghe lời, Khâu nín khóc, hăm hở đi hỏi Trời.

Khâu đi, đi mãi, hết ngày này qua ngày khác.

---

1. *Khâu*: tiếng Dao nghĩa là nghèo khó.

Một hôm, chàng tới bờ biển. Biển rộng mênh mông, sóng vỗ ầm ầm. Chàng đang loay hoay không biết làm cách nào vượt qua, chợt có con cá nhô đầu lên hỏi:

– Anh đi đâu đấy?

Khâu đáp:

– Tôi bố mẹ không có, cơm ăn áo mặc cũng không. Tôi đi hỏi Trời xem tại sao? Nhưng biển rộng, sóng to quá, làm sao đi được?

Cá nói:

– Tôi xin cõng anh qua. Gặp Trời, anh hỏi hộ xem tại sao tôi tu luyện đã ba năm mà vẫn chưa được lên thượng giới.

Khâu nhận lời. Cá cõng chàng qua biển.

Khâu lại mải miết đi. Hôm ấy, chàng gặp một bà già. Bà cụ hỏi:

– Đi đâu mà vội vã thế?

– Tôi bố mẹ không có, cơm ăn áo mặc cũng không. Tôi đi hỏi Trời đây.

Bà cụ nói:

– Già có đứa con gái mười tám tuổi. Không hiểu tại sao tay trái nó cứ nắm chặt, cả ngày chẳng nói một lời. Khi nào gặp Trời hỏi giúp già với!

Khâu nhận lời.

Đi được một quãng, chàng bỗng thấy có người gọi mình:

– Này, đi đâu mà vội vã thế?

– Tôi bố mẹ không có, cơm ăn áo mặc cũng không. Tôi đi hỏi Trời.

Người ấy bảo:

– Nhà tôi đằng trước có gốc đào, đằng sau có gốc mận. Không hiểu tại sao chẳng năm nào cây trổ hoa kết quả. Khi nào gặp Trời, chàng hỏi giúp tôi với!

Khâu gật đầu, đi tiếp. Qua hết khe sâu, núi cao, vượt hết rừng này, suối nọ, chàng đến được cổng Trời.

Trời hỏi:

– Khâu đến đây làm gì?

Khâu đáp:

– Tôi muốn hỏi Trời mấy việc.

Trời bảo:

– Được, ta cho ngươi hỏi nhưng chỉ được hỏi ba điều. Nói đi!

Khâu thưa:

– Tôi đi chặng đường thứ nhất, gặp một con cá. Nó kêu là nó tu luyện đã ba năm mà vẫn chưa được lên thượng giới.

Trời bảo:

– Trong mồm cá có một hạt ngọc. Ngươi hãy bảo nó há mồm ra, cầm lấy ngọc ấy rồi nói với nó rằng: "Trời bảo mày là thân con cá, lên thượng giới thế nào được".

Khâu tiếp:

– Ở chặng đường thứ hai, có bà cụ than thở rằng cô con gái cụ năm nay mười tám tuổi, chẳng biết vì sao tay trái luôn nắm chặt, cả ngày không nói một lời.

Trời đáp:

– Ngươi hãy nói với cô gái rằng: "Ta đến cưới nàng làm vợ" tức thì cô gái khỏi bệnh.

Khâu lại nói:

– Ở chặng đường thứ ba, có người muốn hỏi: nhà họ ở đằng trước một cây đào, đằng sau một cây mận. Tại sao không năm nào cây ra hoa kết quả.

Trời đáp:

– Dưới gốc đào có một hũ vàng, dưới gốc mận có một hũ bạc. Bảo họ đào lên, cây sẽ ra hoa kết quả.

Khâu định nói việc của mình, nhưng đã hết ba điều, cửa Trời đóng lại. Chàng quay theo đường cũ về nhà.

Đến ngôi nhà có cây đào, cây mận, Khâu đem những lời Trời dặn nói lại với chủ nhà. Người ấy vội đào hai gốc cây lên, quả nhiên được một hũ vàng và một hũ bạc. Nghĩ tới Khâu phải trèo đèo lội suối lên tận cửa Trời, người ấy bèn chia mỗi thứ cho chàng một nửa.

Tới nhà bà cụ, Khâu nói với cô gái:

– Ta đến cưới nàng làm vợ!

Chàng vừa dứt lời, cô gái tự nhiên khỏi bệnh.

Để đền ơn, bà cụ vui lòng gả con gái cho chàng. Sẵn có vàng bạc, Khâu làm lễ cưới. Sau đó hai vợ chồng chàng lên đường về quê.

Tới bờ biển, Khâu gọi:

– Cá ơi, mau cõng vợ chồng ta qua biển, ta sẽ nói cho biết Trời bảo mày những gì!

Cá nhô lên mặt nước, cõng hai người sang bờ bên kia. Cá hỏi:

– Trời bảo sao?

Khâu nói:

– Há mồm cho ta xem!

Cá há rộng mồm. Khâu thấy trong họng cá có viên ngọc sáng lấp lánh, bèn cầm lấy rồi nói:

– Trời bảo mày là thân con cá, không lên thượng giới được!

Cá nghe vậy, lặn xuống bể.

Vợ chồng Khâu về làng cũ dựng nhà dựng cửa. Hai người đan rất nhiều bồ bịch. Đan xong, chàng đem viên ngọc đặt vào. Tức thì bồ nào, bịch ấy ăm ắp những gạo trắng muốt. Xa gần, mọi người nô nức tới mua. Vì thế, cuộc sống của hai vợ chồng ngày càng sung túc.

Một lần, nhân có việc phải đi xa, Khâu bèn giấu viên ngọc vào bung gạo nếp rồi dặn vợ:

– Tôi đi vắng ít ngày, ở nhà có bán thì bán gạo tẻ, đừng bán gạo nếp.

Mấy hôm sau, có đoàn người tới mua gạo. Vợ Khâu quên mất lời dặn của chồng, đem gạo nếp ra bán. Thế là đoàn người gánh cả gạo lẫn ngọc đem đi.

Được một lát, Khâu về tới nhà. Biết vợ đã bán gạo nếp, chàng vội vàng đuổi theo đoàn người. Đuổi kịp, Khâu bảo họ đặt gánh để chàng tìm ngọc. Bới hết thúng này tới thúng khác, cuối cùng chàng thấy viên ngọc dưới đáy một cái bồ lớn.

Thấy của quý, đoàn người xúm lại tranh cướp. Sợ mất ngọc, Khâu vội vàng cho vào mồm, nuốt chửng.

Từ đó, lúc nào Khâu cũng khát nước. Uống hết chum này vại khác, cơn khát vẫn không đã. Chàng ra bờ suối, uống suốt một ngày một đêm. Dòng suối khô cạn, chàng bèn chạy ra biển, nhảy tùm xuống. Càng uống, người chàng càng to và dài mãi ra, cuối cùng hóa thành một con rồng có hai sừng, sống luôn ở đấy.

Chờ suốt ba ngày không thấy chồng về, vợ Khâu vội đi tìm. Đến bờ biển, nàng gặp một con rồng lớn khắp mình vàng rực, đội một cột nước bay lên Trời. Đuôi rồng quật sang bên phải thành trận mưa to, dội nước xuống cánh đồng, quẫy sang bên trái thành cơn mưa lớn, tưới cho nương bãi.

Từ đấy, hàng năm người ta vẫn thấy rồng vàng hiện về, thả vòi xuống biển, cuốn nước làm mưa.

Đặng Giáo Sinh và Đặng Trần On
Khe Kè, Văn Yên, Yên Bái *kể*

BA BA, HỔ VÀ VOI

Một con Hổ đói đang lần mò đi kiếm mồi thì gặp con Ba Ba loay hoay bên cạnh miệng hố sâu. Hổ mừng rỡ lên tiếng:

– Này Ba Ba, tao đang đói bụng đây, mày hãy nằm yên đó cho tao ăn thịt.

Ba Ba vội trả lời:

– Hổ đấy à? May quá, tao cũng đang đói lắm đây. Nghe nói thịt Hổ ăn vào khỏe người, nay mới gặp được. Mày hãy để tao ăn thịt!

Hai con đều muốn ăn thịt nhau, chẳng bên nào chịu thua. Cuối cùng Ba Ba nghĩ ra một cách.

– Thôi bây giờ thi cuộc vậy. Bên nào thắng sẽ được ăn thịt kẻ thua cuộc. Mày dám nhận lời không?

Hổ nhận lời ngay. Ba Ba thách:

– Ai mửa ra được gan mình thì được cuộc.

Vậy mày hãy mửa trước đi xem nào?

Hổ gầm lên, thót bụng lại, há mồm ra cố nôn ọe mãi mà chẳng được, cuối cùng đành chịu chờ xem đến lượt Ba Ba.

Ba Ba nhỏ bé, ranh mãnh, trong lúc Hổ cố sức nôn ọe, đã nhanh chóng lấy một ít mộc nhĩ ngậm vào mồm. Nó ung dung bảo Hổ:

– Này Hổ, mày hãy nhìn tao đây này!

Nó ọe đống mộc nhĩ xuống đất rồi quay về phía Hổ:

– Mày đã thấy chưa? Thôi nào, hãy nằm xuống để cho tao ăn thịt. Mày thua cuộc rồi!

Nhưng Hổ vẫn chưa chịu, nó bảo Ba Ba:

– Thi một lần thì chưa rõ ai tài hơn ai. Bây giờ mày có giỏi thì thi nhảy qua cái hố này với tao xem. Ai nhảy qua hố, sang bên kia trước thì mới thắng cuộc.

Ba Ba ngẫm nghĩ rồi nhận lời, nhưng nó lại bảo Hổ nhẩy trước. Hổ đứng co chân, nhún mình, hất đuôi lấy đà nhảy. Không ngờ Ba Ba đã cắn vào đuôi Hổ và văng sang bên kia trước.

Hổ sang bên kia miệng hố đã thấy Ba Ba ngồi lù lù thì thất kinh, bèn hỏi:

– Quái lạ thật! Này Ba Ba, mày ăn gì mà khỏe như thế?

Ba Ba há mồm cho Hổ nhìn. Vì vừa ngậm đuôi Hổ nên miệng nó còn dính ít lông. Ba Ba liền nói:

– Tao ăn thịt hổ quen rồi nên mới khỏe thế đấy.

Hổ nghe nói thế thì sợ hãi co cẳng chạy trốn. Nó chạy được một quãng thì thấy một con Voi. Voi hỏi:

– Làm sao mà Hổ chạy thở không ra hơi thế kia?

Hổ vừa thở, vừa run, đáp:

– Thôi đừng có hỏi nữa, chạy đi kẻo Ba Ba nó đuổi theo ăn thịt chết mất!

Voi nghe thấy sự lạ, bật cười:

– Này Hổ, Ba Ba nó thấp bé lè tè, không đáng một cái giẫm chân của mày, có sao to xác thế kia mà mày lại sợ một con Ba Ba?

Hổ vẫn chưa hoàn hồn. Thấy vậy, Voi bảo:

– Sợ gì! mày hãy dắt tao đến, tao giẫm cho nó bẹp mai, lòi ruột ra cho mà xem!

Hổ can ngăn:

– Ấy đừng! Ba Ba nó khỏe lắm. Nó vẫn ăn được cả thịt Hổ cơ đấy Voi ạ! Tao đưa Voi đến nó ăn thịt cả hai đứa thì chết!

Voi nghe nói giận lắm. Thấy Hổ vẫn cứ run bần bật, không dám dẫn đường. Voi bèn lấy dây tròng vào đầu Hổ, buộc đầu dây vào chân mình rồi nghễu nghện lôi Hổ đi theo. Cứ đi một quãng đường, Voi lại sốt ruột hỏi: "Đến chưa?"

Đến lúc đi gần tới bụi dong thì Hổ càng sợ hãi. Ba Ba ngồi trong bụi, nhìn thấy thế bèn cố sức quát to:

– A thằng Hổ này láo thật. Trước kia ông mày nợ tao những mười Voi, vậy mà mày chỉ dắt về trả tao có một con là làm sao hả?!

Voi nghe tiếng quát tháo đòi nợ, tưởng mình bị Hổ đánh lừa. Vừa sợ, vừa tức, nó quay đầu chạy thục mạng, kéo lê cả Hổ theo sau. Đầu tiên Hổ còn cố chạy theo, sau vì Voi chạy nhanh quá, vừa chạy vừa chửi, chẳng thèm ngoái nhìn lại, nên Hổ bị va vào đá, vào gốc cây, máu mồm chảy ra lênh láng, rồi Hổ chết, nhe cả răng. Vừa lúc chạy đã mệt, Voi mới dừng lại. Thấy Hổ nhe răng, miệng đỏ chót, Voi giận lắm, gầm lên:

– Chạy sắp đứt cả ruột ra mà mày còn bụng dạ nào mà ăn giầu và nhe răng ra cười?

Đến lúc thấy Hổ chết hẳn, Voi mới biết. Nó vội vàng đem Hổ đi chôn. Lấp đất xong xuôi Voi mới yên tâm bỏ đi. Nhưng vì khi chôn Hổ, Voi quên mất chiếc dây vẫn buộc ở chân mình, nên khi Voi vừa bước, sợi dây lại kéo bật cả Hổ lên. Voi bực mình, mắng:

– Lại còn chê à? Ngôi mồ này không tốt hay sao mà mày không muốn ở?

Nói rồi nó lại kéo lết xác Hổ đi chôn chỗ khác. May sao trong khi kéo lê như vậy, chiếc dây đứt, Hổ rơi xuống hố, nằm yên. Tưởng là Hổ đã bằng lòng, Voi nghĩ: "À, chỗ đất này tốt nên Hổ nó muốn ở".

Từ đó đến nay, những người sống lâu trên những vùng núi rừng thường theo dõi, thấy Voi và Hổ đều rất sợ hãi mỗi khi đi đường thấy một bãi phân trâu. Vì chúng tưởng lầm là con Ba Ba nhỏ bé và ghê gớm vẫn nằm ở đó.

Đặng Giáo Phú, Đặng Trần On
Khe Kè, Văn Yên, Yên Bái *kể*

HỔ Ở RỪNG, TIẾNG VANG Ở VÁCH ĐÁ

Thuở ấy, muôn loài đều nói tiếng người. Có một con Hổ đi tìm mồi qua dãy núi đá. Nó gầm lên một tiếng rất to. Từ trong vách đá, lại có tiếng gầm rất to vọng tới. Hổ cáu tiết quát: "Đứa nào nhại thế?"

Vách núi cũng quát: "Đứa nào nhại thế?"

Rồi một người bé choắt chạy đến trước hổ, nói:

– Hổ ơi, mày đi kiếm ăn đấy à? Cho tao đi với. Tao là thằng Éng[1], tao về kết bạn với mày đây.

Thế là Hổ và Éng kết bạn với nhau.

Một hôm, Éng rủ Hổ vào rừng đánh bẫy. Đến một cây to, Éng đặt bẫy ở trên, Hổ đặt ở dưới gốc. Đặt xong đâu đấy cả hai về nhà ngủ. Nửa đêm, Éng thức dậy, lẻn vào rừng thấy bẫy của Hổ được một con lợn cỏ, còn bẫy của mình chỉ được con quạ, bèn gỡ lợn cỏ bỏ vào bẫy mình, rồi đem quạ buộc sang bẫy của Hổ. Xong, Éng trở về nằm cạnh Hổ, vờ ngủ.

Tờ mờ sáng, Éng lay Hổ dậy cùng đi thăm bẫy. Ra tới rừng, Éng reo to:

– A, bẫy của tao trúng lợn cỏ, bẫy của mày được con quạ!

Éng trèo lên cây tháo lợn cỏ xuống, đoạn gỡ luôn con quạ. Hai đứa khiêng về nhà làm thịt. Éng mổ quạ, nấu chín, cùng Hổ đánh chén. Ăn xong, Éng lại mổ lợn cỏ. Éng bảo Hổ:

– Mày đem cỗ lòng ra suối rửa để tao ở nhà pha thịt.

Hổ mang lòng lợn ra suối. Éng ở nhà xắt thịt ra từng miếng, chất thành đống to, rồi đi khuân đá sỏi, lấy tiết nhuộm đỏ để riêng một chỗ. Khi Hổ mang lòng về, Éng bảo:

– Tao chia thịt làm hai phần đấy. Mày thích phần nào thì lấy.

Hổ nhắc miếng thịt rồi lại nhắc hòn đá. Thấy đá nặng hơn thịt, nó bèn nhận đống đá.

Hổ khuân đống đá về nhà, đổ vào chảo đun.

Mãi không thấy chín, nó sang nhà Éng, hỏi:

---

1. *Éng*: tiếng vang.

– Éng! Sao thịt lợn cứng thế, tao luộc suốt một ngày một đêm vẫn không dừ!

Éng nói:

– Tại mày không biết nấu đấy thôi. Mày về đun một chảo nước sôi, bê lên gác rồi bảo vợ đứng dưới mà nhóm lửa. Khi củi cháy, đổ nước sôi xuống, thịt mới chín.

Hổ vội chạy về đun nước sôi, bê lên gác. Nó gọi vợ ra nhóm lửa. Khi củi bắt đầu cháy, nó dội cả chảo nước sôi sùng sục xuống. Vợ Hổ bị bỏng, chết tuột hết lông. Hổ khóc, chạy đi hỏi Éng:

– Vợ tao chết mất rồi, làm sao bây giờ?

Về mổ lợn làm ma cho vợ rồi tao với mày khiêng đi chôn.

Hổ mổ lợn làm ma xong, cùng với Éng chôn vợ ở ngoài rẹ núi. Nửa đêm, Éng đi đào mả vợ Hổ, đem xác về dựng ở giữa cửa nhà Hổ rồi đi ngủ. Sáng sớm Hổ dậy mở cửa, thấy xác vợ mình đổ nhào vào trong nhà, hoảng quá, chạy đi gặp Éng:

– Éng! Sao vợ tao đã chôn kỹ rồi còn về được thế?

Éng xui:

– Nhà mày còn con trâu, nó về đòi đấy. Cúng cho nó đi!

Hổ mổ trâu cúng rồi cùng Éng khiêng vợ đi chôn.

Đêm ấy Éng lại đào xác, đem về dựng ở cửa nhà Hổ như lần trước. Sáng dậy, Hổ mở cửa, vẫn thấy xác vợ đổ nhào vào trong nhà, hốt hoảng chạy đi hỏi Éng.

Éng bảo:

– Nhà mày còn con ngựa, mổ nốt cho nó đi.

Hổ mổ ngựa cúng rồi đem vợ đi chôn lần nữa.

Hôm sau, Hổ dậy mở cửa, không thấy gì, chạy đi khoe với Éng:

– Vợ tao không về đòi ăn nữa. Chắc nó yên rồi.

Một hôm, Éng đi cắt cỏ ngựa, trông thấy tổ ong bò vẽ ở trên cây, tiếng kêu vù vù vang cả tai. Nó về bảo với Hổ:

– Hổ ơi, bây giờ vợ mày sung sướng lắm. Nó có nhà có cửa rất đẹp. Mày có muốn đi thăm không?

Hổ vội nói:

– Có chứ, có chứ. Vợ tao ở đâu?

Éng đáp:

– Ở trên cây đằng kia kìa, đến mà coi. Nó đang xay lúa.

Hổ mừng lắm, chạy một mạch ra rừng, tìm hết cây nọ sang cây kia. Bỗng nó nghe tiếng kêu "vù, vù" ngay trên đầu. Nó nghĩ:

– Đúng vợ mình đang xay lúa rồi.

Nhìn thấy tổ ong bò vẽ đen kịt, to bằng cái vung chảo nó trèo lên cây, lấy tay vừa đẩy vừa gọi:

– Mình ơi, xay lúa xong chưa? Mở cửa cho tôi vào với!

Đàn ong thấy động, từ trong tổ bay ra, ào ào vây kín lấy Hổ, đốt túi bụi. Hổ tối tăm cả mày mặt, vắt chân lên cổ chạy thục mạng.

Giữa đường, nó gặp Éng đang ngồi thò tay vào túi lôi ra những miếng thịt lợn luộc, ăn ngon lành. Hổ hỏi:

– Mày ăn gì thế?

– Ruột của tao đấy, ăn ngon lắm.

– Cho tao một miếng.

– Đây, nhưng ăn xong mày phải lôi ruột của mày trả tao nhé.

Éng cho Hổ một miếng thịt lợn.

Hổ ăn thấy ngon quá, bảo Éng:

– Ăn ruột ngon thật. Để tao moi ruột của tao trả mày nhân thể ăn thêm vài miếng cho sướng!

Hổ thò tay vào đít, định lôi ruột của mình. Đau quá, nó nổi khùng, quát:

– Mày đánh lừa tao! Thằng Éng kia, tao sẽ ăn thịt mày!

Éng ù té chạy. Hổ co cẳng đuổi theo.

Éng chạy miết. Đến một quả núi, thấy vách đá nghiêng nghiêng như sắp đổ, nó giơ hai tay, giả vờ đỡ. Hổ vừa tới, Éng vội vàng bảo:

– Hổ ơi, giúp tao một tay đỡ quả núi này. Tao tìm cây về chống rồi mày ăn thịt tao cũng chưa muộn. Nếu không, đá sập xuống đè chết cả mày lẫn tao đấy!

Hổ tưởng thật, giơ tay đỡ. Nhanh như gió, Éng chạy mất.

Chạy được nửa ngày, Éng gặp hai bác thợ xẻ, cởi trần xẻ ván bên đường. Nó kêu to:

– Này hai bác, chạy trốn mau! Hổ đang đuổi bắt người để ăn thịt đấy!

Hai người thợ xẻ sợ quá, vứt cả áo, cuống cuồng chạy trốn.

Éng lấy áo thợ xẻ mặc vào người. Sẵn ván, nó đóng luôn một cỗ áo quan.

Một lúc sau, Hổ chạy tới. Éng hỏi:

– Hổ chạy đi đâu mà thở ghê thế?

– Tao đuổi thằng Éng. Nó lừa tao. Mày có thấy nó qua đây không?

– Tao làm ở đây từ sáng, không thấy. Ngồi chơi hút thuốc nói chuyện đã.

Đợi Hổ hút xong điếu thuốc, Éng nói:

– Hổ ạ, bố tao vừa chết, tao đóng cỗ áo quan này đem chôn. Bố tao cũng to lớn như mày đấy. Mày làm ơn chui vào trong, thử xem đóng thế này đã vừa hay chưa?

Hổ nghe nói, chui thử vào áo quan nằm. Éng đóng nắp lại, hỏi Hổ:

– Có còn chỗ nào hở không?

Hổ đáp:

– Phía trên mặt còn hở một tí đấy!

Éng lấy búa đóng khít chỗ hở lại, rồi chẻ lạt buộc chặt áo quan. Buộc xong, Éng bảo:

– Tao là thằng Éng đây! Bây giờ tao đem mày đi lăn núi.

Hổ tức quá, gầm lên một tiếng, nguyền rằng:

– Thằng Éng, mày ở vách đá, mày lừa tao! Từ nay, khi mày chết, mày lại trở về vách đá, quanh năm suốt tháng đứng đấy mà nhại mọi người!

Éng đem áo quan lên đỉnh núi cao lăn xuống vực sâu. Nhưng Hổ không chết, chỉ bị đau, kêu la ầm ĩ. Xóm làng nghe tiếng kêu thấy lạ, xô nhau chạy tới. Đến nơi, họ bảo nhau chặt dây lạt, mở nắp áo quan xem bên trong có gì. Nắp áo quan vừa mở, một con Hổ to tướng nhảy vọt ra ngoài, chạy biến vào rừng, mất hút.

Từ đấy, Hổ sống mãi trong rừng sâu, còn vách đá thì có tiếng vang trở lại, loài Hổ rất không thích nghe tiếng đó nên hơi động là hổ hay giật mình.

Lý Thị Giang, Nàn Chải,
Mường Khương, Lào Cai *kể*

GÀ VÀ XOẸT XOÀNH THƯA KIỆN

Gà mái nuôi con thường dẫn cả đàn con đi bới khắp nơi, kiếm mồi. Gà bới cả đất bắt giun cho con, thấy có đám lá rụng, nó cũng bới tìm. Vì vậy, mỗi khi nghe thấy Gà mẹ "cục, cục" và đàn con liếp nhiếp chạy theo là giun vội chui sâu vào lòng đất, đám sâu bọ vội tìm đường chạy trốn. Họ hàng nhà mối tính hay sợ hãi, tìm đường đục sâu vào thân cây để chạy trốn cho kỹ. Thân cây vì thế bị mục đã lâu ngày mà không ai hay biết. Chim Chích lại còn yên trí làm tổ ngay đó. Một hôm trời sắp nổi cơn giông, đường còn xa mà trời sắp tối. Một con chim Xoẹt Xoành đi xa, về nhà không kịp. Xoẹt Xoành liền đánh bạo vào nhà Chim Chích xin ngủ nhờ một đêm. Chim Chích ái ngại nói:

– Nhà tôi chật lắm, lại đông con nhỏ, cái chân bác nó dài thế kia, tôi sợ không có đủ chỗ mà nằm đâu.

Xoẹt Xoành thấy tổ chim nhỏ, lũ con bé mới nở líu ríu nằm trong thì cũng ngại lắm. Nhưng ở trong rừng trời tối nhanh quá, gió lại thổi mạnh. Nó cố nài:

– Thôi thì bác cứ cho tôi trú nhờ một đêm. Tôi sẽ nằm co chân lại vậy. Chứ mưa to gió lớn đến nơi, tôi chẳng biết trú vào đâu!

Nể lời Xoẹt Xoành, Chim Chích nhận lời cho ngủ nhờ, nhưng nhìn thấy đàn con bé quá, nó giao hẹn:

– Bác cố co chân vào nhé. Nếu có việc dữ xảy ra là bác phải chịu đấy bác Xoẹt Xoành ạ!

Trời tối, lũ chim ấp nhau ngủ. Xoẹt Xoành nằm co chân cố chợp mắt đợi trời sáng. Thật là không may! Đêm ấy khu rừng chìm trong cơn giông to. Thân cây lại đang bị họ nhà mối làm cho mục nát, gặp cơn gió to, cây bị đổ. Lũ chim nháo nhác. Xoẹt Xoành đang ngủ nghe tiếng cây đổ thì choàng dậy, chân duỗi ra, đạp ngay vào lũ Chim Chích con. Thế là chim con sợ mất vía, lại chảy cả máu đầu.

Chim chích thấy con như vậy thì đau xót quá, bèn bàn nhau đi kiện Xoẹt Xoành. Vua cho người đi đòi Xoẹt Xoành về hỏi tội. Đứng trước vua, Xoẹt Xoành thật thà kể lại đầu đuôi việc cây đổ làm nó giật mình. Vua lại đòi gốc cây về hầu kiện.

Gốc cây vội rền rĩ:

– Tâu nhà vua, sức tôi già yếu lắm rồi. Mối lại về đục khoét thân tôi sắp hết rồi còn đâu. Mưa to gió lớn thế, sức đâu chịu nổi mà không đổ gẫy?

Vua lại cho gọi Mối đến:

– Mối! Tại sao mày dám ăn gốc cây để đến nỗi nó mục cả ra, sống ốm yếu như vậy?

Mối vội phân bua:

– Thưa, tại Mối tôi không có gì ăn. Nếu không gặm vào thân cây thì còn biết ăn gì để sống?

Vua mắng:

– Việc gì lại ăn vào cả thân cây? Thiếu gì lá, cành. Mày ăn lá rơi lá rụng thì có ai việc gì đâu nào!

Mối mếu máo thưa:

– Tôi mà bám vào lá rơi lá rụng kiếm ăn, rủi Gà nó đem con đến bới thì không có đường nào chạy cho thoát chết được!

Vua nghe cũng thấy có lý bèn tha cho mối:

– Thế thì mày hãy tìm Gà về đây cho ta hỏi.

Gà vừa đến, vua hỏi ngay:

– Gà kia! Sao mày bới lung tung để cho mối nó sợ nó rúc vào thân cây trốn để đến nỗi thân cây mục ra.

Đến lượt mình, Gà cũng cố phân bua:

– Tâu nhà vua, con người ta ở đời lúc mới sinh, chỉ là đứa trẻ bé tí mà ăn những hai vú sữa còn không no, huống hồ tôi nuôi một đàn con chẳng có nổi một cái vú. Nếu tôi không đi bới ăn thì làm thế nào mà sống được?

Vua nghe đằng nào cũng thấy có lý, nhưng rồi vua bảo:

– Nếu như vậy thì tội lỗi chính là do nhiều Gà. Từ nay người ta sẽ thịt Gà sống để cúng gọi vía cho chim non. Còn ngươi phải gọi vía là con Xoẹt Xoành!

Từ đó đến nay trong tục lệ cổ của nhân dân, mỗi khi nhà ai có lễ gọi hồn đều phải có thịt Gà sống. Còn trên khắp các khu rừng, con chim Xoẹt Xoành kêu khắc khoải suốt đêm: đó là lúc nó đang gọi hồn cho chim non. Chim chích thoát chết, nhưng vì đầu bị sứt chảy máu, cho nên ngày nay Chim Chích đều có cái đầu màu đỏ tía như màu máu.

Đặng Trần On
Khe Kè, Văn Yên, Yên Bái *kể*

DÂN TỘC Ê ĐÊ

Y TƠLÔNG GIẾT TRĂN TINH

Trong một làng giàu có kia, có hai ông bà già rất nghèo, nhiều tuổi rồi mới có một chút con trai tên là Y Tolông. Y Tolông lớn rất nhanh, nhưng càng lớn càng lười. Suốt ngày nó chỉ lo thả diều đánh quay, không làm việc gì cả.

Thấy con không lo làm ăn, hai vợ chồng ông bà già buồn lắm. Khuyên bảo con mãi cũng không ăn thua gì, họ nghĩ có lẽ do mình nuông chiều quá nên con hư. Y Tolông không chịu làm, cha mẹ phạt không cho ăn cơm. Nhưng lạ quá, nhịn đói đã mấy ngày mà Y Tolông vẫn khỏe mạnh như thường, vẫn đi đánh quay với cả lũ trẻ trong làng, có thể còn hăng hơn trước. Thấy phạt không được, ông bà già lại tìm lời ngon ngọt dỗ con. Khuyên bảo mãi cũng chẳng ăn thua gì, ông bà già lại nghĩ ra cách khác. Họ đuổi Y Tolông ra khỏi nhà.

Y Tolông lẳng lặng đi vào rừng, đi mãi, đói thì ăn quả rừng, khát thì uống nước suối. Y Tolông đi qua nhiều núi cao, vượt qua nhiều suối sâu. Rồi một hôm chàng gặp một chú Thỏ. Thỏ hỏi Y Tolông:

– Anh Y Tolông đi đâu đó?

– Tao đi tìm nơi sung sướng đây!

Nghe nói đi tìm nơi sung sướng. Thỏ liền nói với Y Tolông:

– Thế anh cho em đi với.

– Mày ở nhà trông em, đi thế nào được?

Thỏ nói mãi, Y Tolông mới cho đi theo. Hai anh em lại băng rừng vượt suối, quyết đi tìm sung sướng. Trên đường đi họ lại gặp chú Khỉ tinh nghịch. Khỉ hỏi:

– Hai anh đi đâu đó?

– Chúng tao đi tìm nơi sung sướng đây!

Khỉ chẳng hiểu gì, nhưng nghe lạ tai thì cứ thử đi.

– Hai anh cho tôi đi với.

– Mày ở nhà trông em, đi thế nào được.

Khỉ nói mãi, cuối cùng Y Tolông cũng cho đi theo. Ba anh em đi mãi. Một ngày kia họ đi đến một vùng khô ráo, nắng gay gắt, cây cỏ chết cả. Hỏi ra mới biết ở vùng này vẫn có lệ, cứ bảy năm một lần, chúa làng phải mang nộp một người con gái đẹp cho Trăn tinh ăn thịt. Bao đời nay, Trăn tinh đã ăn hại biết bao nhiêu con gái đẹp trong vùng. Đã có nhiều dũng sĩ khỏe và đẹp đi giết Trăn tinh, nhưng không một ai trở về. Năm nay đến kỳ phải nộp con gái đẹp cho Trăn tinh. Chúa làng rất lo lắng vì không tìm đâu ra con gái đẹp để nộp. Thời hạn đã lâu và ngày càng gay gắt hơn. Nếu quá hạn lâu, Trăn tinh không những làm trời nắng mà nó sẽ làm cho nước ở dưới các con sông dâng lên, ngập hết cả vùng. Từ chúa làng cho đến dân làng sẽ chết hết.

Trăn tinh đã cho nước dâng ngập mấy làng dưới chân núi. Thấy không thể chậm được nữa, chúa làng phải đem con gái của mình đến một ngôi nhà trên núi cao nộp cho Trăn tinh độc ác.

Ba anh em Y Tolông đang đi bỗng thấy nước dâng lên ngập lối. Ba người đóng bè vượt qua. Ngồi trên bè, Y Tolông nhìn thấy nhiều làng sắp bị chìm dưới nước. Chàng không hiểu vì sao, trời không mưa, nắng trụi đất, mà nước lũ lại lênh láng. Chàng nhìn lên ngọn núi thấy có một ngôi nhà nhỏ, bèn ghé bè lại hỏi. Bước lên nhà, không thấy một bóng người. Chàng cất tiếng gọi:

– Người nhà đi đâu?

Có tiếng trả lời nho nhỏ, yếu ớt của một người con gái từ trong tối vọng ra:

– Mày muốn ăn thịt thì ăn, mày muốn giết thì giết, mày ăn rồi mày cũng sẽ chết.

Y Tolông nhìn mãi không thấy người con gái đâu cả, chàng cứ trả lời theo phía tiếng người:

– Ta ăn gì nhà ngươi, ta giết gì nhà ngươi và ta chết làm sao được. Ta đã đi bao nhiêu lần trăng tròn, vượt bao nhiêu khe sâu, núi cao còn không chết nữa là...

Người con gái lại nói vọng ra:

– Mày muốn ăn thì ăn, rồi mày phải chết.

Khỉ nghe vậy lấy làm lạ, liền chạy vào nhà trong xem sao thì thấy một người con gái xinh đẹp đã bị trói vào cột. Khỉ chạy ra kể lại cho Y Tolông nghe, Y Tolông đi đến gần người con gái, nói:

– Nếu người thật thì giơ cánh tay lên cho ta trông xem.

Người con gái nói:

– Tay tôi bị trói chặt không giơ lên được.

Y Tolông biết người con gái bị trói là người thật, liền hỏi:

– Làm sao cô lại bị trói ở đây?

Cô gái không tin người đứng trước mặt mình là người thật, nhưng vẫn nói:

– Nếu chàng là người thì hãy tránh đi, ở đây sẽ chết cả đấy.

Y Tolông cởi trói cho người con gái rồi đưa nàng ăn tạm những trái cây mang theo. Nàng dần tỉnh hơn, nàng kể lại đầu đuôi câu chuyện cho chàng nghe và khuyên chàng nên đi ngay nếu không sẽ mang vạ vào thân. Người con gái còn phân trần về câu mình nói trước đây, là câu mà bất kỳ ai đến đây, trước khi chết đều phải nói như thế. Còn nàng bị trói là vì dân làng sợ nàng tự tử trước khi Trăn tinh đến ăn thịt. Theo quy ước, Trăn tinh chỉ ăn thịt người sống và bị trói mấy ngày, chứ không ăn thịt người chết. Khi nào ăn xong, nó mới làm cho nước rút xuống, dân làng mới được sống yên ổn.

Nghe xong chuyện, Y Tolông bàn kế với Thỏ và Khỉ để giết Trăn tinh. Bàn xong, Khỉ liền đến một làng gần đó, giết bảy con

trâu lột lấy bảy tấm da, đánh thành một cái chão vừa to, vừa dài, vừa chắc. Đánh chão xong, Khỉ mang chão về cho Y Tolông. Chàng thắt dây thành một thòng lọng đặt gần chỗ người con gái bị trói.

Trời vừa tối, sấm chớp ầm ầm nổi lên, Trăn tinh vụt hiện ra. Nó bay quanh nhà một vòng rồi đổ xuống sân và mài răng "ken két" nghe thật ghê người. Nó trương phình cái bụng to, thở phì phò, hơi thở bay ra thành gió bão, mùi hôi thối sặc sụa. Trăn tinh cất tiếng hỏi, giọng ầm ầm như sấm:

– Khà khà, con gái đẹp đâu?

Nghe tiếng Trăn tinh, người con gái chẳng nói được câu thần chú làng bắt phải nói nữa, sợ quá ngất ngay. Trăn tinh trợn mắt sáng như mười bó đuốc nhìn người con gái. Nó vừa ghé răng cắn dây trói cô gái thì chiếc thòng lọng liền thít lấy cổ nó, lôi tuột nó ra khỏi nhà. Tay trái cầm chão lôi, tay phải thuận dao, Y Tolông bổ một nhát, đầu Trăn tinh vỡ làm đôi. Bị đánh bất ngờ, con quái vật chết ngay.

Thấy Trăn tinh chết, Thỏ chạy lại cởi trói cho cô gái, Khỉ liền chạy vào rừng lấy lá thuốc về đắp cho nàng.

Người con gái sống lại, Y Tolông nói:

– Trăn tinh chết rồi, nước cũng đang rút, nàng lên bè này, bè sẽ đưa nàng về tận nhà.

Người con gái mở mắt nhìn Y Tolông – một chàng trai thân hình to lớn đã cứu mình, cứu dân làng.

– Chàng ơi, hãy về nhà em, chàng tên là gì?

– Tôi chẳng về được nhà nàng, mà tôi cũng chẳng có tên tuổi gì.

Y Tolông và Thỏ, Khỉ lại đi. Nàng cầm lấy đuôi khố của chàng. Chàng giật mạnh, đuôi khố đứt. Nàng cầm đuôi khố đứt trong tay, lên bè, đi về nhà.

Y Tolông nhằm hướng mặt trời mọc mà đi. Đi được mấy ngày, bỗng nghe trước mặt có tiếng ầm ầm như trời sập, núi nhào, cây cối rung chuyển ghê gớm. Y Tolông nhìn thấy dọc con suối một người khổng lồ cao ngất nghểu kéo một bè gỗ. Chân ông đi đến đâu, cây cối gẫy, bè gỗ đi đến đâu, cây cối rạt ra. Y Tolông chạy lại, chẳng nói chẳng rằng, lấy chân dẫm lên bè gỗ. Thấy bè gỗ không nhúc nhích, người khổng lồ quay lại nhìn, không thấy ai lại gắng kéo,

nhưng bè vẫn không chuyển động. Ông quay lại nhìn lần nữa, mới thấy một chú bé con dẫm chân lên bè. Người khổng lồ mới cất tiếng ồm ồm như sấm động:

– Oắt con kia, tao giết chết mày đấy!

– Ông kéo bè gỗ nứa này về làm gì hả?

– Làng bị ngập nước cả rồi, tao lấy gỗ nứa cho dân làm nhà ở.

– Ông lấy cho cả làng hay cho từng nhà hả?

– Tao mang về cho chúa làng, chúa làng đem chia cho từng nhà.

– Tôi đi với ông có được không. Tôi kéo giúp ông mà!

– Làm sao mày kéo nổi.

– Ông cứ cho tôi kéo thử.

Người khổng lồ đưa dây cho Y Tolông. Chàng kéo liền một hơi, người khổng lồ đuổi theo không kịp. Gần đến làng, Y Tolông dừng lại, chờ người khổng lồ đến. Đến nơi ông ta khen Y Tolông kéo khỏe và muốn kết bạn, chàng nhận lời. Cả bốn cùng về làng. Từ xa, họ nghe có tiếng chiêng, tiếng trống nổi lên giòn giã vui tai. Vào đến làng mới biết là dân đang mở hội thoát nạn Trăn tinh.

Nhà chủ làng cũng chiêng, cồng nhưng là để cúng ma con gái chứ không phải ăn mừng. Cả nhà đang buồn vì thương con, bỗng có người chạy về báo, ngoài suối có một chiếc bè kỳ lạ đang chạy thẳng vào làng. Trên bè có một người con gái. Chủ làng sợ quá:

– Đúng là ma con gái về bắt nợ ta đó.

Chủ làng sai người nhà đóng hết cửa lại.

Người con gái chủ làng về thấy nhà đóng chặt cửa, nàng gọi:

– Cha ơi! mở cửa cho con vào.

Người cha vừa mừng vừa sợ, hỏi lại:

– Con gái của cha về thật đấy à?

Người con gái nói thêm:

– Con được một dũng sĩ cứu thoát, cha mở cửa nhanh cho con vào.

Cha con gặp nhau mừng rỡ. Nàng kể lại mọi việc cho cả nhà nghe rồi lấy đuôi khố của chàng trai ra cho bố xem.

Ngày hôm sau, chủ làng mở hội, mời tất cả trai tráng trong làng đến đọ đuôi khố. Khố ai đúng, người đó sẽ được chủ làng gả con gái cho. Y Tolông cũng có mặt trong buổi hội đó. Chỉ có chàng mới đọ đúng đuôi khố. Chàng được lấy cô gái đẹp và sống sung sướng suốt đời.

DÂN TỘC GIA RAI

DI ÔNG LẤY MẶT TRỜI

Có hai vợ chồng nhà kia rất nghèo. Họ sinh được ba người con đặt tên là Di Ông, Dây và Lúi.

Anh cả là Di Ông, to lớn khỏe mạnh và đã đến tuổi lấy vợ. Tuổi lấy vợ của người Gia Rai là mười sáu. Đến tuổi đó, người con trai đi tìm các cô gái bên phía chị em mẹ để kết bạn trăm năm. Di Ông đã tìm, nhưng không cô nào làm cho chàng vừa ý. Suốt ngày Di Ông chỉ nằm thở dài, ai hỏi gì chàng cũng không nói.

Một hôm, cha mẹ và Dây đi làm rẫy, ở nhà chỉ có hai anh em: Di Ông và Lúi. Lúi rất thương anh, lân la đến nói chuyện. Biết được ý anh, Lúi bảo:

– Anh Di Ông ơi! Người mà anh mơ ước còn ở bên kia biển cả. Đó là nàng Mặt Trời. Mặt nàng tròn trĩnh, tóc dài như suối. Nhưng đường đi đến đó nguy hiểm lắm. Anh chẳng nên mơ ước điều đó làm gì?

Nghe Lúi nói, Di Ông vùng dậy, đóng khố, mặc áo, ăn cơm, uống nước, mặt tươi tỉnh hẳn lên. Chờ cha mẹ đi rẫy về, Di Ông xin phép đi tìm vợ. Anh nói với cha mẹ:

– Con muốn lấy nàng Mặt Trời làm vợ. Con sẽ đi qua biển tìm bằng được nàng, dù có mất xác trong rừng sâu, ngoài biển cả, con cũng vui lòng.

Di Ông ra đi, anh chỉ mang theo cái ống điếu để hút thuốc. Đi mải miết suốt ngày đêm, cuối cùng Di Ông cũng đến được bờ biển. Dọc bờ biển, chàng thấy một cây đa lớn. Di Ông hết sức đạp đổ cây đa để làm cầu vượt biển. Cây đa vừa đổ, một con cá to từ đâu bơi đến, nuốt gọn cây đa vào bụng rồi bơi đi mất. Chàng lại

đạp những hòn đá to xuống định lấp biển, nhưng vứt xuống bao nhiêu đất đá cũng bị cá lớn, cá bé dưới biển đớp hết. Bỗng nhiên trời tối sầm lại. Một con Rùa lớn từ xa bơi đến. Di Ông muốn bắt Rùa đưa qua biển, nên vội vàng đào một hố to để bẫy Rùa. Rùa bị sa hố, không lên được. Di Ông kéo Rùa lên khỏi hố và bảo Rùa hãy chở mình qua biển. Rùa cho Di Ông một thứ thuốc và bảo:

– Uống thuốc này, anh sẽ vượt qua được biển.

Vừa uống xong. Di Ông mê man rồi ngã xuống biển lúc nào không biết. Tỉnh dậy, chàng thấy mình đang nằm trên một con thuyền sóng biển dập dềnh. Nhiều cá to xông đến định nuốt chàng. Mỗi lần như thế, Rùa lại hiện lên che chở chàng và đẩy thuyền đi. Lênh đênh trên mặt biển ba năm liền, rồi một ngày Di Ông đến được vương quốc của nữ thần Mặt Trời. Đến một gốc cây đa to, chàng ngồi đấy nghỉ. Chàng thấy những đàn chim kỳ lạ đua nhau bay lượn, hót líu lo. Chàng đang ngắm nhìn đây đó, bỗng một tia chớp sáng lóa vụt qua. Chớp tan, nữ thần Mặt Trời hiện ra. Di Ông nhìn nàng không chớp mắt. Đúng như Lúi nói: khuôn mặt nàng tròn trĩnh, tóc dài như suối.

Nữ thần nhìn Di Ông và nói:

– Anh định đến đây làm gì?

– Tôi đến xin cưới nàng làm vợ?

– Tôi có chồng rồi. Chồng tôi là thần Sét. Ví dụ tôi chưa có chồng thì chú tôi là thần Rồng ở biển cũng không bằng lòng cho tôi lấy anh đâu.

Di Ông suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Được rồi, nàng hãy gọi chồng nàng và chú nàng về đây. Họ sẽ cùng tôi đọ sức. Ai thắng sẽ được lấy nàng làm vợ.

Nàng Mặt Trời liền đem xương lợn ra đốt. Khói bay nghi ngút. Biết là khói báo hiệu của nữ thần Mặt Trời, Rồng khổng lồ xuất hiện. Một lúc sau, mây đen kéo đầy trời, thần Sét cũng đã tới...

Thấy Di Ông, trong tay chẳng có vũ khí gì, ngoài cái ống điếu, nàng Mặt Trời, gọi một con chim đưa đến cho chàng một con dao.

Cuộc đọ sức bắt đầu.

Rồng phun nước làm mưa to, thổi gió lớn để đánh Di Ông. Di Ông quật lại, chém Rồng đứt làm ba khúc. Máu trắng chảy tung

tóe trên mặt biển. Lúc đó thần Sét xông vào. Sấm chớp ầm ầm. Thần Sét vung búa chém lia lịa, nhưng không nhát nào trúng được vào đầu Di Ông, nên đành chịu thua.

Di Ông bảo nữ thần Mặt Trời:

– Đấy. Rồng thua rồi, thần Sét cũng không làm gì được tôi. Bây giờ nàng phải về với tôi chứ?

Nàng Mặt Trời còn đang phân vân thì một cụ già đầu tóc bạc phơ, chống gậy bước đến. Cụ gọi thần Sét, gọi Di Ông và cả nàng Mặt Trời đến. Thấy chồng mình tay lăm lăm cầm búa, mặt đen sì, đầy vẻ giận dữ, Mặt Trời sợ quá, chạy trốn sau đám mây. Cụ già chỉ một tòa nhà mới dựng, bảo thần Sét và Di Ông:

– Ta mới làm cho các ngươi tòa nhà đấy. Nhà chỉ có hai gian thôi. Mỗi người chọn lấy một gian mà ở. Vợ của các ngươi cũng đã ở cả trong đấy.

Cụ già đã nặn sẵn hai cô gái đẹp bằng bột, và bỏ vào mỗi gian nhà một cô. Thần Sét chọn một gian rồi bước vào. Thần Sét vừa cầm vào tay người đẹp thì nàng đã nát vụn ra như cám. Còn Di Ông khi cầm lấy tay cô gái bằng bột, tự nhiên lớp bột ở ngoài tan đi, lộ ra nàng Mặt Trời xinh đẹp.

Thấy Di Ông được lấy nàng Mặt Trời, thần Sét căm tức vô cùng, nhưng không làm gì được. Từ đó trở đi, mỗi khi nàng Mặt Trời vừa hiện ra, thần Sét lại tức tối cầm lưỡi búa của mình rạch nát bầu trời thành những vệt dài sáng chói. Người trần gọi đó là tia sáng của Mặt Trời khi mới mọc.

CHÀNG LỢN

Có một bà già tên là Dạ Pôm ở với cháu gái tên là H'Lúi. Năm ấy, trời đại hạn, nước trong rừng khô hết cả. Một hôm hai bà cháu cùng đi hái bông trên nương. Trời nắng gắt, hai bà cháu đều khát nước. Chịu không được, H'Lúi bỏ việc đi tìm nước uống. Các suối đều cạn, không còn một giọt nào. Tìm mãi H'Lúi chỉ thấy trên một cây nấm to, có nước. Đó là nước đái con lợn rừng. H'Lúi về hỏi bà:

– Bà ơi! trên cây nấm có nước, cháu uống có được không?

– Nước đó không tốt, cháu không nên uống.

Nhưng một lúc sau, khát quá, không chịu được, H'Lúi liền lén đi uống không cho bà biết.

Sau đó ít lâu. Già Pôm thấy H'Lúi mệt mỏi, bần thần, bụng cứ to dần, bèn hỏi cháu:

– Mày chung chạ với ai mà nên nông nỗi này?

– Tối nào cháu cũng ngủ với bà, ngày nào cháu cũng làm việc với bà, chứ cháu có đi với ai đâu?

Đủ ngày, tháng, H'Lúi sinh ra một chú Lợn rừng. Già Pôm xấu hổ quá, đem lợn đi chôn. Nhưng đắp đất xong, bà về nhà thì đã thấy Lợn ở nhà rồi. Già Pôm lại đem Lợn đi chôn. Lần này cũng vậy, bà về đến cửa, đã thấy Lợn nằm trong nhà. Già Pôm và H'Lúi đành phải nuôi. Chẳng bao lâu, Lợn đã lớn, đi lại tung tăng và rồi cũng biết nói như người.

Tin H'Lúi đẻ ra Lợn được truyền đi khắp nơi, Mtao nghe thấy cũng tìm đến xem. H'Lúi xấu hổ quá, phải giấu Lợn vào một chỗ, Mtao hỏi:

– Nghe nói H'Lúi đẻ ra Lợn, có phải không?

H'Lúi chối, nhưng Lợn đã chạy ra nói:

– Phải đấy, tôi là con của mẹ H'Lúi!

Già Pôm và H'Lúi làm cơm thết Mtao và dặn đừng nói cho ai biết. Khi Mtao về thì Lợn đòi đi theo. Mtao không cho, bảo H'Lúi bỏ Lợn vào trong một cái gùi lớn, đậy kín lại.

Trên đường về. Mtao thấy một con gà rừng. Mtao lấy tên trong ống ra, lắp vào định bắn, bỗng nghe có tiếng từ ống tên vọng ra:

– A, gà rừng đấy, bắn đi.

Gà rừng thấy động, bay mất. Giận quá, Mtao đổ ống tên ra, đã thấy Lợn nằm trong đó. Mtao kéo Lợn ra, đẹm trả lại cho H'Lúi. Nhưng khi Mtao về đến nhà, lại đã thấy Lợn ở trong ống tên chui ra.

Mtao có một người con gái rất đẹp tên là H'bia Ngo. Thấy cha về. Ngo ra hỏi:

Chị H'Lúi đẻ ra Lợn, có thật không bố?

– Tôi là con mẹ H'Lúi đây?

Không còn cách nào đuổi được Lợn, Mtao phải nuôi.

Một hôm, cả nhà Mtao đi xúc cá ngoài suối. Mtao bảo Ngo ở nhà đi chăn trâu, nhưng Ngo không muốn đi. Bỗng Lợn nói:

– Để tôi đi chăn trâu cho.

Trâu của Mtao có hàng trăm con, nhưng chiều hôm ấy về chuồng đếm lại đủ cả, con nào con nấy đều no căng bụng.

Vì có nhiều cá, mọi người mê mải ở ngoài suối suốt mấy ngày liền, nên ngày nào Lợn cũng phải đi chăn trâu. Thấy Lợn chăn trâu giỏi, Ngo có ý nghi ngờ. Một hôm, Ngo lén đi theo, xem Lợn chăn trâu như thế nào. Ngo thấy Lợn đuổi trâu vào rừng, rồi lột xác bên ngoài ra, hóa thành một chàng trai rất đẹp, ngồi hát trên lưng trâu. Nhác trông thấy bóng người, chàng trai lại biến thành Lợn. Ngo hỏi:

– Lợn ơi! Từ sáng đến giờ Lợn có thấy một chàng trai rất đẹp cưỡi trâu và ca hát ở đây không?

– Tôi ở đây từ sáng sớm đến giờ mà chẳng thấy có chàng trai nào cả!

Hôm sau Ngo lại đi rình. Lần này Ngo cũng trông thấy như hôm trước. Biết không phải một con Lợn thường, Ngo đem lòng yêu mến.

Mấy hôm sau, cả nhà đã bắt xong cá ở suối, nên có dịp nghỉ ngơi. H'bia Ngo nói với bố:

– Thưa cha, con muốn lấy chồng.

– Con định lấy ai?

– Cha cứ sửa soạn cho con đủ hết, rồi con mới nói.

Chăn áo đã may xong, rượu đã thơm phức, trâu bò đã mổ. Mtao lại nói:

– Con định lấy ai, nói cho cha biết?

H'bia Ngo chỉ vào con Lợn:

– Chồng con đây.

Mtao bực mình hỏi Lợn:

– Lợn có bằng lòng lấy H'bia Ngo không?

Lợn trả lời:

– Tôi không lấy!

H'bia Ngo nằn nì mãi. Lợn mới bằng lòng. Không ngăn cản được, Mtao phải cho cưới.

Hôm ấy, Mtao cho bày những ché rượu cần đầy một gian nhà lớn. Muốn uống rượu cần, người ta phải đi lấy nước suối đổ đầy chum, khoắng lên, rồi cắm ống vào hút. Rượu nhiều quá, nên không ai đi lấy nước kịp. Lợn liền bảo, chặt cho Lợn một ống nứa để Lợn đi lấy nước. Ống nước của Lợn chẳng to mấy, nhưng lạ thay, nước ở trong ống rót đầy cả các chum rồi mà vẫn cứ còn.

Đêm hôm ấy, Lợn không chịu nằm chung với H'bia Ngo. Chờ Lợn ngủ say, H'bia Ngo mới bế Lợn vào giường mình. Cứ như vậy Lợn sống với vợ, lâu dần cũng quen đi. Một đêm, khi mọi người trong nhà ngủ say, Lợn chui ra khỏi xác. Từ chàng trai đó tỏa ra một ánh sáng rực rỡ, làm cho Mtao chợt tỉnh giấc. Mtao gọi H'bia Ngo. Nhưng khi H'bia Ngo tỉnh dậy, chàng trai lại đã trở thành Lợn.

Một hôm dân làng rủ nhau vót tên, sửa cung đi săn nai. Lợn lân la đến hỏi:

– Các chú, các bác đi săn gì thế?

Mọi người rất ghét Lợn, vì thấy Lợn lấy được H'bia Ngo. Họ cau có trả lời:

– Chúng tao đi săn cho hết cha mẹ họ hàng nhà mày đấy!

Lợn tủi thân về kể với vợ. Vợ an ủi:

– Thôi từ rầy, anh đừng chơi với họ nữa.

Lần ấy, dân làng đi săn suốt mấy hôm mà không bắt được con gì. Mãi đến hôm cuối cùng mới nhặt được một con hươu bị hổ ăn mất một nửa.

Lợn thấy thế liền bảo vợ cho hai anh em Chim Te và Oách theo mình đi săn. Ngo giã gạo làm lương ăn, sửa soạn giáo mác đầy đủ cho ba người đi săn. Ba người xẻ thịt ra và lấy nứa khô nhóm lửa đốt. Họ nhét cả một đống thịt to vào gọn trong hai cái gùi và một ống nứa nhỏ.

Thấy ba người về, Mtao hỏi:

– Các con có săn được gì không?

Lợn trả lời:

– Được nhiều lắm. Cha hãy cho bịt hết các lỗ hổng trên sàn nhà để con đổ thịt ra!

Mtao chỉ thấy hai gùi và một ống nứa, nên chỉ cười mà không làm. Lợn liền dốc ống và gùi đổ thịt ra. Quả nhiên thịt nhiều đến nỗi ùn lên đầy cả gian nhà.

Một lần khác, dân làng rủ nhau đánh thừng để đi bắt Voi rừng về nuôi. Lợn hỏi:

– Các chú các bác đánh thừng làm gì thế?

Mọi người lại gắt gỏng trả lời:

– Đánh thừng để đi bắt hết anh em họ hàng nhà mày đấy!

Lợn tủi thân, về kể với vợ. Vợ an ủi:

– Thôi từ rày đừng chơi với họ nữa.

Lần ấy, cả làng đi suốt một tuần trăng mà cũng chỉ bắt được một con Voi què một chân.

Lợn thấy thế lại bảo vợ đánh thừng cho Lợn và hai em đi săn voi.

Ba anh em rủ nhau vào rừng. Đến một con suối, Lợn bảo hai em xuống suối bắt cá chờ mình. Biết voi hay ăn xoài, nên Lợn tìm đến rừng xoài. Quả nhiên, Lợn gặp một bầy Voi đang ăn ở đó. Lợn trèo ngay lên đầu Voi chúa. Voi chúa hỏi:

– Mày muốn gì hả Lợn?

– Tôi muốn bắt anh về kéo gỗ và chở đồ đạc.

Bực quá, Voi chúa liền lồng lên chạy lung tung trong rừng để hất Lợn xuống. Chạy được một hồi lâu, nó dừng lại hỏi:

– Con Lợn kia, mày đã rơi xuống chưa?

Lợn cười trả lời:

– Chưa rơi đâu!

Voi chúa lại chạy một hồi nữa, đến khi mệt quá, Voi chúa mới dừng lại hỏi:

Con Lợn kia, mày đã rơi xuống chưa?

Lợn vẫn cười trả lời:

– Chưa rơi đâu!

Voi chúa tức lắm, liền lặn xuống đáy nước suốt một tháng; trong khi đó, Lợn đi bẻ một nắm măng ngâm cho thối ra rồi bỏ lên đầu Voi. Lên đến bờ, Voi hỏi:

– Con Lợn kia mày đã chết chưa đấy?

Lợn vẫn cười trả lời:

– Chưa chết đâu, nhưng Voi lặn lâu quá bị thối mất đầu rồi đấy!

Voi lấy vòi sờ lên đầu, quả nhiên thấy lầy nhầy. Voi ngửi thấy mùi như thịt thối, tưởng đầu mình bị thối thật. Voi chúa sợ quá gọi cả đàn lại bảo:

– Xưa kia tổ tiên ta đã phá hại mùa màng. Bây giờ ta phải đi ở cho người để trả nợ.

Lũ Voi kia thấy chúa đi, cũng lũ lượt đi theo. Thế là ba anh em bắt được cả một đàn Voi.

Thấy ba người trở về với cả một đàn Voi, Mtao mở tiệc ăn mừng.

Ăn uống xong, thấy trong người nóng nực, H'bia Ngo rủ Lợn đi tắm. H'bia bảo Lợn tắm trước, Lợn lại bảo H'bia tắm trước. Hai bên nhường nhau. Cuối cùng Lợn phải tắm trước. Tắm xong, Lợn lột xác trở lại thành người. H'bia sung sướng cùng chồng trở về. Mtao thấy con gái về cùng chàng trai khỏe và đẹp thì nghĩ rằng H'bia Ngo đã giết Lợn và đi theo người khác. H'bia kể lại đầu đuôi cho cha biết. Mtao hết sức vui mừng.

Khi đã già, Mtao giao lại quyền và tất cả của cải cho chàng Lợn.

CHÀNG RẮN

Mtao có hai con gái. Chị tên là H'bia Ngo, em tên là H'bia Lúi. Ngày ngày, hai chị em thường lên rừng phát nương trồng bông, tối về, họ ngồi bên bếp lửa kéo sợi. Một hôm hai chị em nhờ cha đi chặt luồng về làm khung cửi dệt vải. Chiều con, Mtao vác dao vào rừng. Chẳng may khi Mtao chặt luồng xong thì trời đổ một cơn mưa lớn. Nước lũ dâng lên cuồn cuộn, chiếc cầu qua suối bị cuốn trôi mất. Trời tối, lại không có đường về, Mtao lẩm bẩm một mình:

– Bây giờ ai bắc cầu cho tôi sang sông, tôi sẽ gả con gái cho.

Mtao nói đi nói lại như vậy, ba bốn lần. Bỗng nhiên, một con rắn to dài, từ dưới nước ngoi lên, hỏi:

– Mtao nói cái gì đấy?

Vừa trông thấy Rắn, Mtao chối ngay:

– Tôi nói nước to quá, không sang sông được.

– Mtao nói dối rồi.

Mtao chối mãi không được, đành phải nhận rằng mình hứa gả con gái cho ai bắc được cầu, đưa mình sang sông. Rắn bèn nằm vắt ngang qua suối thành một cái cầu cho Mtao đi qua. Khi Mtao đã vác luồng qua suối, Rắn hẹn mùa hè tới sẽ đến lấy con gái Mtao làm vợ.

Về đến nhà, Mtao rất buồn. Ông chẳng nói chẳng rằng, bỏ ăn uống, chỉ trải chiếu nằm thở dài. Hai chị em Ngo và Lúi rất lo lắng. Tưởng bố ốm, họ chạy ngược chạy xuôi tìm thuốc chữa, Mtao đành phải gọi hai con lại kể hết đầu đuôi câu chuyện và hỏi Ngo:

– Con có bằng lòng lấy Rắn không?

Nghe nói lấy Rắn. Ngo từ chối ngay. Mtao buồn quá lại nằm dài không chịu ăn uống gì cả, chỉ mấy ngày đã gầy sút hẳn đi. Lúi thương cha quá, liền bảo:

– Cha đừng lo, con sẽ lấy Rắn.

Nghe nói vậy, Mtao mới yên lòng. Mùa hè Rắn y hẹn, bò tới nhà Mtao. Thấy Rắn vừa to vừa dài, mọi người sợ hãi chạy trốn hết. Mtao sai đánh chiêng, giết trâu bò, nấu rượu làm lễ cưới. Khi mọi người ăn, Rắn cũng ăn, mọi người uống Rắn cũng uống, chỉ khác là Rắn to nên ăn uống nhiều hơn. Từ hôm đó, Lúi trở thành vợ Rắn.

Ở với nhau ít lâu, Rắn rủ Lúi đi tắm. Tới sông, Rắn bảo Lúi tắm trước. Lúi không chịu, Rắn bèn lao xuống sông tắm trước. Tắm xong, Rắn trút bỏ lốt bên ngoài, biến thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú làm cho Lúi sung sướng vô cùng.

Khi thấy em lấy được người chồng đẹp, Ngo tiếc và ghen tức với em. Lúi có mang, Rắn bèn dặn vợ:

– Tôi sẽ sang Lào đi buôn một chuyến. Ở nhà, em nên giữ gìn cẩn thận, chờ tôi về.

Rắn đi rồi, Lúi ở nhà bắt đầu thèm ăn của chua. Ngo muốn cướp chồng em, bèn rủ Lúi sang sông hái chanh. Hai chị em mang dao và muối đi. Hái được chanh, hai người ngồi ăn trên bờ sông.

Lừa lúc em vô ý, Ngo đẩy Lúi xuống nước, tay Lúi vẫn cầm con dao và ống muối. Một con cá to bơi đến, nuốt ngay Lúi vào bụng.

Ở trong bụng cá. Lúi trở dạ, sinh được một đứa con trai. Đứa trẻ đã biết đi, biết nói. Thấy chỗ ở tăm tối chật hẹp, nó hỏi mẹ:

– Sao mẹ con ta cứ ở một chỗ mãi, không đi đâu cả, hả mẹ?

Lúi buồn rầu kể cho con biết rằng mình đang ở trong bụng cá. Đứa con nghe thế bực lắm. Sẵn có dao, nó rạch lung tung trong bụng cá, rồi xoa muối vào. Cá bị đau, lồng lộn một hồi lâu, rồi mới chết. Xác cá dạt vào một bãi cát. Một con diều hâu trông thấy bèn đến rỉa thịt ăn. Ngồi trong bụng cá, hai mẹ con nghe tiếng rỉa thịt "tốc, tốc" và tiếng chim kêu, mới biết cá đã dạt vào bờ. Họ liền lấy dao xẻ thịt cá, chui ra. Sợ người chị biết lại đến giết lần nữa, hai mẹ con Lúi vào rừng, dựng một túp lều, phát nương kiếm củ rừng sống qua ngày.

Buôn bán khá lâu, Rắn trở về mang theo rất nhiều của cải, trâu bò và người hầu hạ. Qua khu rừng, nghe tiếng gà gáy, chàng ghé vào túp lều để nghỉ, thì gặp ngay vợ con mình. Biết có chuyện, chàng dựng ngay một dãy nhà lớn trong rừng, không để ai biết.

Ít lâu sau, chàng Rắn về thăm bố vợ. Ngo tưởng Lúi đã chết nên đón tiếp Rắn hết sức vồn vã, rồi ngỏ ý muốn lấy Rắn thay em. Nhưng chàng nói:

– Tôi không muốn lấy vợ nữa.

Thấy Rắn không bằng lòng lấy mình, Ngo liền bảo:

– Anh không lấy tôi thì tìm cho tôi một chàng Rắn khác cũng được.

Chàng Rắn bằng lòng.

Nghĩ đến lúc mình cũng có một người chồng xinh đẹp như chồng Lúi, H'bia Ngo thích lắm. Chàng Rắn bảo H'bia Ngo ra sông, chỉ cho một con rắn lớn. H'bia Ngo hí hửng sai người lấy dây buộc Rắn kéo về nhà rồi giết trâu bò, làm lễ cưới. Thấy Rắn nuốt rất nhiều rượu thịt, Ngo luôn mồm khen Rắn. Tối hôm đó, H'bia Ngo đưa Rắn vào buồng mình. Đến nửa đêm, Rắn tỉnh rượu, nuốt luôn H'bia Ngo, rồi bò xuống sông mất tích.

Sáng hôm sau, không thấy Rắn và con gái đâu nữa. Mtao sợ quá, gọi mọi người đi tìm. Chàng Rắn thương tình, vội lần xuống

nước kéo Rắn lên. Người ta mổ bụng Rắn, cứu Ngo ra, rồi chữa cho sống lại. Từ đó, H'bia Ngo không dám làm việc ác nữa.

BÀ PÔM VÀ Y RÍT

Nhà bà Pôm nghèo lắm, bà đã già yếu lại nuôi một cháu nhỏ là Y Rít.

Một hôm Y Rít vác ná, dẫn chó đi săn đến giữa rừng sâu núi thẳm..., bỗng nghe tiếng chó sủa dồn dập, Y Rít chạy đến, thấy xác một con nai. Chàng nhóm lửa thui nai, xả thịt, bỏ vào gùi, cõng về nhà. Bà mừng bảo:

– Hôm nay nhà mình được ăn một bữa ngon lành. Giá hôm nào cũng được thế này thì thích quá.

Hôm sau, Y Rít đi săn, lại vào khu rừng cũ, thấy hươu, nai, chồn, gấu nhiều quá. Nhưng lạ thay, con chó không sủa mà cũng không cắn. Y Rít bực tức đưa chó trở về. Về đến cổng, bỗng chó sủa ran. Y Rít quay lại, chẳng thấy con vật gì, chỉ thấy một khúc gỗ. Thấy lạ, Y Rít mang khúc gỗ về nhà. Hôm sau, bà Pôm và Y Rít đi làm cỏ rẫy, thì khúc gỗ tự nhiên hóa thành cô gái đẹp, dọn dẹp quét tước nhà cửa. Mặt Trời lặn, hai bà cháu đi làm cỏ về, ngạc nhiên thấy trong nhà có cô gái. Bà hỏi:

– Nàng là ai? Đến đây có việc gì?

– Cháu là HPàn, thấy hai bà cháu ăn ở hiền lành, làm lụng siêng năng, cháu xin đến đây ở với anh Y Rít.

Thấy cô gái đẹp, mà nhà mình lại rất nghèo, Y Rít không biết nói sao. Nàng HPàn nói tiếp:

– Anh nghĩ gì vậy, anh Y Rít?

Y Rít trả lời:

– Tôi coi cô như em ruột có được không?

Nàng nói:

– Không, em là vợ anh.

Y Rít sung sướng vô cùng. Từ đó, hai người trở thành vợ chồng, sống với nhau êm đềm hòa thuận. HPàn chăm làm, siêng năng, khéo tay.

Một hôm có lão Pogà đi săn qua nhà Y Rít. Pogà thấy Y Rít nghèo, lại có vợ đẹp. Hắn về mách Mtao. Mấy ngày sau, Mtao cho người gọi Y Rít đến. Đoán được bụng dạ của nó, chàng trù trừ không muốn đi. HPàn giục:

– Anh cứ đi đi, xem hắn nói gì?

Y Rít đến nhà Mtao. Mtao mời chàng ngồi, rồi đưa thuốc mời hút. Mtao nói:

– Tao nghe nói mày có vợ đẹp. Tao muốn đổi người vợ của tao cho mày thêm vào đó một trăm con trâu nữa. Mày nghĩ thế nào?

– Tôi tuy nghèo, nhưng dù ông có đổi hàng trăm hàng nghìn con trâu, tôi cũng không ưng.

Thấy Y Rít khăng khăng không chịu. Mtao tìm cách quyết chiếm kì được nàng HPàn xinh đẹp. Hắn liền lấy tay tự đấm vào mắt hắn, rồi la lên:

– Y Rít làm hỏng mắt tao, rồi mày phải đền cho tao, không thì tao giết mày.

Y Rít lo lắng phân trần:

– Tự ông đấm vào mắt ông, chứ đâu phải do tôi.

Mtao cứ một mực vu cho Y Rít. Hắn bắt Y Rít phải đi lấy mật hổ về cho hắn nhỏ vào mắt.

Y Rít buồn bã trở về kể chuyện với vợ. Nàng HPàn an ủi chồng:

– Anh đừng lo, em có cái áo có phép thiêng. Anh cầm đi. Vào rừng gặp hổ, anh gọi nó đến rồi xin mật. Nó sẽ làm đúng những điều anh muốn.

Sáng hôm sau, Y Rít và chó đi vào rừng tìm hổ. Con chó chạy trước, tìm thấy hổ đang ấp con trong hang. Thấy hổ, Y Rít sợ quá, quên cả lời vợ dặn, bỏ chạy. Lát sau, nhớ chiếc áo cầm tay, chàng bỏ xuống và tránh ra. Hổ mẹ chạy lại, nhìn thấy áo thiêng liền hỏi Rít:

– Anh đến đây có việc gì?

– Tôi có chút việc muốn nhờ hổ. Mtao bắt tôi phải vào đây xin mật hổ về để nhỏ mắt. Nếu không, nó sẽ bắt vợ tôi.

– Điều đó dễ thôi, tôi sẽ cho.

Y Rít mang được mật hổ về cho Mtao. Mtao kinh ngạc, nhưng lại bắt Y Rít đi lấy mật gấu nữa.

Cũng như lần trước, Y Rít cầm áo thiêng đi vào rừng tìm gấu, xin thuốc.

Biết không thể mượn thú rừng giết Y Rít được, Mtao nghĩ cách khác, bắt Y Rít phải làm cho hắn một cái nhà trên dòng nước chảy xiết. Y Rít lo lắng, trở về nhà. Lần này, vợ chàng không có cách gì cứu được. Ngày đêm buồn rầu, chàng đi thơ thẩn trong rừng.

Một hôm chàng gặp một con voi. Voi hỏi:

– Anh Y Rít có việc gì mà buồn thế?

Y Rít kể lại đầu đuôi cho voi nghe. Voi nhận sẽ dùng sức mạnh của mình đứng giữa nước, làm trụ để chàng dựng nhà cho Mtao. Nhà làm xong, vợ chồng Mtao thấy đẹp, sạch sẽ, hí hửng dời đến. Hắn chụm lửa, mổ lợn ăn mừng. Lửa cháy, than rơi xuống tai voi. Voi bỏ chạy, nhà sụp, dìm cả nhà Mtao xuống nước. Nước chảy xiết, cuốn trôi tất cả.

DÂN TỘC DÁY

BẢY CHỊ EM

Ở một vùng nọ có hai vợ chồng nghèo, nghèo lắm. Họ sinh được bảy cô con gái, cô nào cũng xinh đẹp, chăm chỉ làm ăn. Nhà chỉ có một đám ruộng, đám ruộng này phải dẫn nước từ một con suối xa đến. Suối lớn lại sâu, nước suối mạnh, phải đắp một con phai chặn ngang, nước mới vào mương được.

Năm ấy, không hiểu vì sao, cứ đắp phai xong quay về, phai lại vỡ ngay. Đắp không biết bao nhiêu lần vẫn cứ như thế. Mùa gieo cấy đã muộn, ruộng vẫn không có nước để cày bừa. Cả nhà lo lắng, trời làm cho đói to rồi! Hôm ấy ông bố ra bờ suối nhìn con phai, ngắm con suối, lòng đầy chán nản, ngao ngán. Ông kêu lên một mình: "Trời ơi! Đói to mất thôi. Ai giúp tôi làm được con phai này không bị vỡ, tôi có bảy cô con gái, muốn lấy cô nào tôi cho không!"

Ông bố vừa dứt lời, một chàng trai khỏe mạnh, lực lưỡng, mặt mũi khôi ngô, cổ quấn một chiếc khăn hoa nhuộm chàm bỗng từ đâu hiện lên sau lưng ông. Chàng trai từ tốn chào rồi hỏi lại điều ông lão vừa nói:

– Thưa bác! Nếu cháu làm cho con phai không bị vỡ, bác có giữ đúng lời hứa không?

Ông già nghiêm nét mặt trả lời:

– Tôi đã nói như vậy, tôi phải làm như vậy, cháu ạ! Ai đã nhổ nước bọt xuống đất rồi lại liếm đi được!

– Thưa bác! Cháu xin làm điều bác mong. Bác cứ về nhà sắm trâu đi cày bừa nhé!

Chàng trai hì hục lội giữa dòng suối nước chảy xiết đắp con phai. Đắp đến đâu nước dâng vào mương đến đó, từ đấy phai không vỡ nữa. Năm ấy lúa tốt bời bời. Mấy cô gái mừng rỡ nghe cha kể lại câu chuyện đã hứa với chàng trai. Cô nào cũng mong gặp mặt chàng và muốn mình trở thành vợ chàng trai tài giỏi kia.

Một hôm chàng trai xuất hiện, các cô bấm nhau nhìn chàng, thì thầm với nhau: "Cổ quấn khăn thế kia là thuồng luồng đấy! Vì thuồng luồng có thể biến hóa thành người. Nhưng cổ vẫn là cổ rắn, nên phải quấn bằng khăn vải chàm".

Để làm đúng lời hứa với chàng, ông bố lần lượt hỏi từ cô con gái lớn đến cô thứ sáu, các cô đều trả lời cùng một câu:

Rắn một mắt chẳng lấy,
Thuồng luồng chột chẳng lấy.
Rắn xanh chết bụng ỏng chẳng lấy.
("Ngứa ta toạc bỏ âu
Ngược ta đeo bỏ âu,
Ngứa heo tai túng póng bỏ âu").

Ông bố buồn rầu, thấy cả sáu con đều trả lời như vậy. Sợ làm sai lời hứa với chàng ân nhân đã cứu sống cả nhà mình, ông khuyên giải mãi chẳng con nào ưng lòng. Nàng Bảy chưa được hỏi, nàng nghĩ thầm trong bụng: "Cha mẹ sinh con, nuôi lớn thành người, vất vả biết chừng nào. Công lao ấy cao hơn cả... núi cao, phải đền ơn cha mẹ. Dù có chịu khổ đến đâu đi nữa..." Ông bố hỏi đến con gái thứ bảy, nàng đã ưng thuận.

Ngày cưới nàng Bảy đông người lắm. Hai họ đều đông đúc. Lợn béo, lợn to nhà trai mang đến gần chục con, gà thiến, vịt bầu nhiều vô kể, có bánh dày, bánh rán, xôi gấc, rượu đến mấy chum. Đồ vật,

lễ cưới để chật nhà. Nàng Bảy khóc lóc quỳ xuống chào bố mẹ, chào các chị đi về nhà chồng.

Đoàn người đón dâu xếp hàng một từ nhà đến cái phai. Vũng nước trên phai sâu thăm thẳm, nước xanh vắt, lũng lờ. Đến bờ vũng nước, chàng rể bảo cô dâu: "Nhắm mắt lại nắm chặt vạt áo anh. Khi nào anh bảo mở mắt mới được mở". Cô Bảy nắm chặt vạt áo chồng, nhắm mắt lại, thì thấy mình đang cưỡi một con ngựa to béo, chạy nước kiệu rất êm trên đường rộng thênh thang.

Lát sau, chàng bảo vợ mở mắt. Nàng Bảy mở mắt ra thì thấy trước mặt là lâu đài nguy nga, hết tòa nọ đến tòa kia, cao như núi, lộng lẫy khác thường. Bước vào cổng chính, hai con rắn rất to phục hai bên cổng, ngửng cao hai cái đầu to lắc lư. Chàng bảo vợ: "Lính gác cổng nhà ta chào nàng đấy!". Vào ngôi nhà chính giữa, ngôi nhà cao to nhất, rắn to, rắn nhỏ, lúc nhúc đầy nhà, có con mào đỏ như hoa mào gà, một con to nhất, mào đỏ cao đến gang tay, da mốc thếch nằm cuộn gần chật hết gian nhà. Chàng chỉ cho vợ biết: "Đây là ông cụ, ông ky, ông nội, bà nội, cha, mẹ, chú bác, cô dì họ hàng..." Loáng mắt, tất cả biến thành người, ăn mặc sặc sỡ, đeo lủng lẳng trong người vàng bạc, châu báu. Có ông cụ râu dài chấm rốn, có bà già lưng còng cong vít như cần câu ngồi vào ăn cưới. Tiếng kèn, tiếng trống, tiếng thanh la, tiếng chiêng nổi lên rộn rã, náo nhiệt.

Ở cung vua Thủy Tề, chồng nàng là con trai độc nhất của vua Thủy Tề, là loài rắn, cổ có hoa, nhưng biến thành người. Ngày ngày nàng chăm dệt lụa, dệt vải, may vá, thêu thùa. Nàng sinh được một đứa con trai đầu lòng. Lễ đầy tháng, họ hàng kéo đến cũng đông gần như lễ cưới. Họ đặt tên cho con nàng là E Há, có nghĩa là giành. Khi Há lớn, nàng xin cha mẹ chồng về thăm họ ngoại. Hai vợ chồng mang theo không biết bao nhiêu tôm cá. Những thứ đó khi ra khỏi mặt nước là biến thành lợn con, gà, vịt, ngan, ngỗng. Làng xóm kéo đến xúm quanh cô Bảy, ai cũng khen nàng đẹp hơn xưa, lại ăn mặc toàn của quý, gấm, vóc, lụa là, cổ đeo đầy vòng vàng, châu báu, tai đeo khuyên bằng ngọc bích, hai tay đeo đầy vòng. Riêng chị cả của nàng lại sinh ra ghen ghét, muốn được cuộc sống như nàng nên nghĩ ra nhiều mưu hiểm.

Một hôm, chị cả rủ cô Bảy lên núi chơi, nơi có một cái hồ nước giữa rừng già, rộng mênh mông, sâu thăm thẳm, bờ hồ có cây chua

chát mọc, cả thân lẫn cành đều ngả hẳn vào lòng hồ. Hai chị em đến đó, chị cả bảo em:

– Bảy ơi! Chị thèm quả chua chát lắm. Em trèo lên hái cho chị ăn đi!

Cô Bảy thật thà, thương chị, vội trèo lên cây, hái quả chua chát ném vào bờ. Chị cả lại gọi vọng lên:

– Quả gốc cây chua lắm. Quả ngọn mới ngọt! Em trèo lên ngọn hái cho chị đi!

Cô Bảy lại trèo lên đến ngọn. Chị cả rút dao vung lên chặt tới tấp cây chua chát. Hiểu lòng chị, cô Bảy kêu van:

– Chị ơi! Chị muốn lấy gì em cho, chị đừng chặt nữa.

Chị cả dừng dao ngẩng lên nói:

– Cởi hết tất cả mọi thứ ném xuống đây!

Nàng Bảy tuột hết đồ trang sức ném vào bờ.

Chị cả lại bảo:

– Cả quần áo nữa!

Nàng Bảy cởi nốt quần áo ném vào bờ. Nhưng chị cả lại vung dao chặt tới tấp. Cô Bảy lạy van chị:

– Chị ơi! Chị thương cháu còn nhỏ. Chị đừng chặt nữa!

Dao vẫn chặt. Cây chua chát đổ ầm xuống hồ. Nàng Bảy ngoi lên rồi chìm nghỉm. Mụ chị Cả hí hửng lấy quần áo em mặc vào, đeo vòng cổ, vòng tay vào người rồi trở về nhà, làm ra vẻ như người em vậy.

Đêm ngủ E Há khóc thét lên tìm mẹ. Mẹ Cả dỗ dành thế nào Há cũng không nghe. Nó bảo mẹ là bá chứ không phải mẹ nó. Mẹ nó có búi tóc to bằng bắp chân, mượt mà, đêm nào nó cũng gối đầu lên búi tóc ấy.

Chồng nàng có người hầu đi theo tên là E Púm thường ngày đến bên bờ hồ cắt cỏ ngựa. Hôm ấy, có một con chim màu sặc sỡ, đậu trên cành cây hót:

Púm ơi, Púm!
Cắt cỏ ngựa cho quan bác.
Cắt cỏ lác cho quan ông,
Thấy quan khóc tìm vợ không?
Thấy Há khóc tìm mẹ không?

Về nhà, Púm kể lại cho chủ nghe. Hôm sau, chàng thân hành đến tận bờ hồ thì chẳng thấy chim nào hót như thế cả. E Púm bèn bàn với chủ: "Ông mặc quần áo của Púm cầm liềm đi cắt cỏ như Púm thì có thể thấy đấy". Chủ nghe theo. Hôm ấy vừa đến bờ hồ cắt được nắm cỏ thì thấy con chim đẹp đến hót thảm thương như thế. Chàng khóc vợ đỏ ngầu cả đôi mắt, rồi bảo chim:

Ngày ngày ta khóc tìm vợ ta,
Đêm đêm E Há khóc thiết tha tìm mẹ.

Chim ơi chim! có phải vợ ta thì bay đến đậu trên vai trái của ta.

Nói vừa dứt, thì con chim bay vù đến đậu vào vai trái của chàng. Chàng đưa chim về đan một cái lồng thật đẹp nhốt chim vào đó, ngày ngày kiếm cào cào, châu chấu nuôi chim, lấy trứng gà, ngâm gạo cho chim ăn. Được ít lâu, chàng trở về long cung. Mụ Cả cũng bế bồng Há theo sau.

Một hôm, mụ thấy cái khung cửi dệt lụa, mụ ngồi lên thì bốn quả trứng kê bốn chân khung cửi vỡ tan tành. Tay đưa thoi cứng đơ, sợi rối bời, gỡ mãi chẳng ra. Con chim trong lồng treo đầu khung cửi nghiêng nghiêng đầu, nâng mỏ lên hót:

Dệt lụa hoa thì dốt
Đưa thoi đưa chẳng thành,
Tranh chồng người thì giỏi,
Cướp chồng người thì tài.

Mụ Cả giận dữ cầm chiếc thoi đập chết con chim, mang ném ra ngoài. Bố con E Há mang ra nấu ăn, vừa ăn vừa khen ngon. Mụ Cả đến thò đũa vào đưa lên miệng, bỗng nhăn nhó thấy đắng không nuốt nổi, cầm cả bát đi đổ vào vườn. Hôm sau, nơi mụ đổ thịt chim mọc lên đám rau tầm bóp xanh mơn mởn. Mụ hái về nấu ăn, vừa cho vào mồm đã đắng ngắt, mụ tức quá cầm cả bát đi đổ sau nhà. Mấy ngày sau, nơi mụ đổ bát canh tầm bóp, mọc lên một bụi mai, cao lớn nhanh như thổi. Ngày ngày hai bố con E Há đến ngồi gốc mai hóng mát, ngọn mai uốn cong xuống vuốt ve, chải chuốt hai mái đầu của hai bố con. Còn đầu mụ Cả vì lười nên bờm xờm như đầu ngựa cái. Mụ hỏi:

– Hai bố con đầu tóc sao chải óng mượt đẹp thế?

Bố thằng Há vui vẻ trả lời:

– Có gì đâu! Đến ngồi gốc cây mai, cây mai chải cho đấy.

Nghe thế, mụ vội chạy ra ngồi gốc mai. Cây mai cũng uốn cong xuống, rồi bất thần cuốn lấy mớ tóc kéo vút mụ lên lưng trời. Mụ kêu cứu, van nài mãi cây mai mới buông mụ xuống. Tức quá, mụ vác dao ra chặt hết khóm mai, đốn ra từng đoạn, bổ đôi cho hả giận. Chỉ còn sót lại một ống chưa kịp bổ thì bà già đi qua xin về làm ống đựng nước.

Bà già góa bụa, không con cái, bà sống cô đơn lại rất nghèo. Ngày ngày bà phải lên nương từ lúc sương chưa tan. Tối gà vào chuồng bà mới trở về nấu ăn. Bà già vất vả suốt đời mà vẫn bữa no, bữa đói, quần áo rách bươm như tàu lá chuối khô, vá đè lên nhau không còn biết bao nhiêu lớp mụn. Từ ngày có cái ống mai đựng nước, bà già làm ăn có phần khá hơn, mùa màng tốt hơn, chăn nuôi con gì cũng lớn nhanh như thổi. Cứ mỗi ngày bà đi làm về thì công việc nhà đã tươm tất, nhà quét dọn sạch sẽ, lợn gà đã có người cho ăn, đồ đạc sắp xếp gọn gàng. Bếp lửa còn nóng đấy, cơm canh đã xếp sẵn, hơi còn bốc nghi ngút. Bữa thì cá rán, cá hấp, bữa thì thịt quay, thịt rắn, cơm ngon canh ngọt. Ăn xong bà đi khắp bản cám ơn:

Ơn bà thím nhà dưới
Ơn bà bá nhà trên,
Ơn mọi nhà trong bản,
Thương thân già cơ hàn.

Cả bản ngạc nhiên, người nọ hỏi dò người kia, chẳng hiểu tại sao có chuyện lạ như vậy! Ai cũng không được giúp bà già làm những công việc đó. Người ta mới lẻn đi rình xem, thấy mỗi khi cụ đi ra khỏi nhà, thì từ trong cái ống mai kia có một cô con gái thật xinh đẹp chui ra làm mọi việc rất nhanh nhẹn, thông thạo, hóa phép ra thức ăn, xong lại chui vào ống. Chuyện lạ đến tai bà cụ. Một sớm, bà cụ giả đi làm như mọi ngày rồi lẻn về nấp ở một xó nhà xem. Quả thật, cô gái xinh đẹp kia chui từ trong ống mai ra làm các việc. Bà mải xem mãi, các công việc đã xong, cô gái sắp trở về ống mai thì bà chạy đến bổ ống mai làm đôi, ôm chầm lấy cô gái, nhận làm con gái.

Gần đấy có một chàng trai khỏe mạnh, đẹp trai, chăm chỉ đến hỏi cô gái làm vợ. Hôm lễ cưới cô gái, bố con E Há cũng đến. Bà cụ già chủ nhà đưa cho Há chiếc còng gà thiến. Bé Há đang cầm ăn thì một con mèo vàng nhảy tới cướp chiếc còng gà chạy vào buồng cô gái. Há chạy theo đuổi, con mèo nhảy tót lên giường chui vào trong màn. Há vén màn lên tìm con mèo, bỗng reo to:

– Mẹ ơi, mẹ! Bố ơi, mẹ con đây rồi! Mẹ con đây rồi!

Cô dâu ôm chầm lấy Há ngồi trong màn khóc rưng rức. Mọi người xô vào xem thì đúng mẹ thằng bé Há thật. Bố nó xin với dân làng sẽ trả lại mọi thứ rượu thịt, tiền bạc và mọi lễ vật cho nhà trai và xin được đón vợ về. Dân làng mừng rỡ tiễn vợ chồng nàng trở về đoàn tụ ở long cung.

Mụ Cả thấy em trở về xinh đẹp hơn trước, mụ muốn xinh đẹp hơn em để được chồng yêu, liền hỏi:

– Em làm cách nào lại đẹp mãi, xinh mãi thế, bảo cách cho chị với nào?

Nàng Bảy vui vẻ đáp:

– Dễ thôi chị ạ.

Hoa mận tắm, trắng da.
Hoa đào tắm, da hồng
Hoa dẻ xông, đỏ thắm.
("Đoọc mấn ạp xĩ hao,
Đoọc táo ạp xĩ nảy,
Đoọc rãy ạp xĩ bông").

"Chị cứ đi hái thật nhiều các loại hoa ấy về đây, cho vào chảo to nấu sôi lên, em tắm cho".

Mụ chị Cả lên núi hái đìu về mấy đìu hoa, cho vào chảo to đun sôi sùng sục, rồi nhảy vào tắm. Nhưng chỉ nghe tiếng mụ rên khe khẽ rồi ứ hự một cái, mất trắng dã, chết cứng ở trong máng.

SỢ ÔNG PHÀNG LẦU

Thời ấy, làng bản còn rất thưa thớt, người còn ít lắm. Thú rừng rất nhiều, loài hổ đông vô kể. Chúng còn sống thành bầy, thành đàn, nghênh ngang đi cả ban ngày. Trong đàn hổ có một con hổ

mập nhất đàn, dữ tợn hơn cả. Trộm cắp cũng nhiều, trộm cũng có tướng như hổ, hổ thời ấy còn biết tiếng người nữa. Mặt Trời chưa rơi xuống sau núi, nhà nào nhà nấy cửa đóng then cài, lấy những khúc gỗ lớn chặn lại cho chắc chắn. Nhưng giấc ngủ vẫn thấp thỏm không yên, một tiếng động nhỏ cũng làm người ta thức giấc.

Trong bọn trộm có một tên khét tiếng là cao tay, bọn đàn em phải bái phục, tôn hắn làm tướng, vì hắn nhiều mưu, lắm mẹo, lại rất tàn ác nữa. Hắn cưỡi ngựa chẳng cần dây cương, những nhà kín đáo nhất mà hắn vẫn lẻn vào không ai biết, bước đi nhẹ như mèo, nhanh như con sóc trên cây, sức khỏe thì chẳng ai bì nổi.

Một hôm tướng trộm và tướng hổ cùng vào chuồng ngựa của một nhà nọ. Khi còn nấp ở sau nhà, hổ và trộm đều được nghe trong nhà bàn chuyện: người nói ma là đáng sợ nhất, người lại bảo hổ đáng sợ hơn, có người nói thần sấm sét là đáng sợ nhất. Người ta lại nói các thứ ma, hổ, thần sấm sét cũng đều không đáng sợ, những thứ ấy đều do số phận cả. Một ông già nhất nói: "Thứ nhất sợ Phàng Lầu; thứ hai sợ nồi thủng, thứ ba sợ quần thủng!" Ông Phàng Lầu là gì? Có ai nhìn thấy mặt ông bao giờ đâu. Thế gian cứ đồn mãi câu chuyện rồi đâm ra ai cũng sợ ông Phàng Lầu nhất. Riêng hổ càng nghe càng sợ, người tài giỏi hơn hổ mà người còn sợ ông Phàng Lầu, thì chắc rằng ông Phàng Lầu giỏi biết chừng nào. Nếu hổ mà gặp ông Phàng Lầu thì hổ cũng phải quỳ xuống lạy ông ấy làm tướng thôi.

Trời tối đen nghịt, tay thọc vào mồm mình cũng chẳng nhìn thấy. Hổ và trộm cùng sờ soạng để chọn con ngựa béo, ngựa to nhất chuồng. Bất chợt tướng trộm sờ trúng tướng hổ, mừng thầm chắc chuyến này kiếm to rồi. "Con này to, cao, mập, lưng nó cứ phẳng lỳ thế này, lông mượt lắm. Ta phải lấy cho được con này mới bõ công". Trộm sờ sờ, nắn nắn từ lưng đến đầu hổ. Hổ đoán chắc là ông Phàng Lầu rồi, càng sợ, không dám nhúc nhích: "Thiên hạ này đã có ai dám đụng đến lông chân của ta. Thế mà ông này dám sờ từ lưng đến đầu ta. Hẳn đây là ông Phàng Lầu thật rồi!". Hổ càng nghĩ càng không dám thở mạnh. Thế rồi, tướng trộm tóm chặt lấy tai hổ kéo ra chuồng. Hổ ngoan ngoãn đi theo, tướng trộm nhảy phốc lên lưng nó, hai chân quặp chặt lấy bụng hổ, giơ cao quả đấm, đấm mạnh vào lưng hổ. Đêm ấy trời tối, có mưa phùn, tướng trộm mặc áo tơi làm bằng móc. Hổ chạy hết núi này sang núi khác, vượt

qua khe này sang khe nọ, càng chạy áo tơi móc càng đâm vào da hổ. Hổ càng đoán đúng ông Phàng Lầu rồi, lông của ông này vừa dài vừa cứng lại sắc hơn cả lông ta nữa. Càng sợ, hổ càng phóng nhanh hơn. Tướng trộm cũng ngờ ngợ bởi chưa lần nào nó trộm được con ngựa nào lại chạy nhanh, chạy khỏe, chạy dai sức như con này.

Trời gần sáng, tướng trộm mới biết mình đang cưỡi trên lưng hổ. Hồn vía hắn như đã rời khỏi xác, tim hắn như bị thắt lại, hơi thở hổn hển như sắp tắt. Chỉ lo trời sáng hắn là hắn bị hổ xé xác. May quá, trước mặt hắn là một cành cây to chìa ra ngang trên đầu, hổ vừa luồn dưới cành lá là hắn vội bíu lấy cành cây rồi trèo lên ngọn. Hổ thấy nhẹ lưng, ngoái lại thấy tướng trộm trên cành cây lưng mọc toàn lông cứng, dài, đen xì xì, lại rung lên, hổ càng lao mạnh hơn, tưởng rằng ông Phàng Lầu rung lông lại đuổi mình. Hổ đang chạy, bỗng nghe khỉ già gọi:

– Anh cả chúa sơn lâm ơi! Sao anh cả chạy ghê thế?

Hổ vừa chạy vừa trả lời:

– Ông Phàng Lầu đang đuổi đằng kia kìa. Chạy mau lên chú em ơi!

Tướng khỉ chưa thấy Phàng Lầu bao giờ, nhe răng cười khinh bỉ ông anh cả. Hổ lại giục: "Chạy mau lên chú em". Khỉ vẫn thờ ơ. Hổ lại giục "Lông Phàng Lầu cứng, dài, rậm hơn lông tôi đấy".

Khỉ tướng huênh hoang:

– Sợ cái gì ông Phàng Lầu ấy! Bác dẫn tôi đi, ta bắt nó ăn thịt.

Hổ bằng lòng đi. Khỉ tướng lại bày cách: "Bác buộc dây này vào chân bác, đầu kia buộc vào cổ em. Em trèo lên bắt nó, khi nào mắt em chớp chớp thì bác hãy chạy. Nếu không thì chẳng có việc gì cả. Đến nơi, hổ đứng ở xa, khỉ tướng vội trèo lên. Tướng trộm ngồi trên cành sợ quá vãi cả cứt cả đái ra quần, nước đái rơi xuống trúng vào mắt tướng khỉ, khỉ lấy tay dụi dụi mắt, mắt cay xè, tướng khỉ chớp mắt liên hồi, hổ thấy vậy cắm đầu cắm cổ chạy. Tướng khỉ bị quật vào gốc cây, vào đá tảng, óc phọt ra chết nhe răng.

Chạy được một đoạn xa, hổ đã thấm mệt, hổ ngoái lại không thấy ông Phàng Lầu đâu, chỉ thấy khỉ trợn mắt, nhe răng. Hổ nổi giận quay lại cầm lấy cẳng con khỉ tướng quật lấy, quật để vào gốc

cây: "Mày lừa tao chạy bán sống bán chết, mày còn nhe răng ra cười tao hả?"

CHÀNG RÙA

Ngày xưa có hai ông bà già nghèo nhất vùng, không con không cái. Người chồng hết ốm lại đau, quanh năm ngày tháng chẳng làm lụng gì được. Năm ấy người vợ già tự nhiên có mang, rồi đẻ ra một con Rùa con. Con Rùa con vừa ra đời cũng là lúc người bố nhắm mắt qua đời.

Bà già quí con Rùa lắm. Bà nghĩ con gì cũng là con, nó ở bụng mình ra, cũng chín tháng mười ngày mang nặng, mỏi mệt, đẻ đau đẻ khó. Bà già chăm sóc, cho nó nằm chung, cho nó bú. Con Rùa ngày một lớn, biết nói như người. Bà già càng thương càng quí nó, đi rừng kiếm được quả ngon cũng dành phần cho con, kiếm được con cá, con tôm cũng nướng để phần Rùa. Rùa ăn xong cứ lọc cọc bò đi khắp nhà, mẹ về nó biết chào hỏi, mẹ nằm ốm nó biết leo lên giường thò đầu ra đặt lên trán.

Bà già ngày ngày lên đồi làm nương làm rẫy từ lúc gà chưa gáy, khi trở về gà đã vào chuồng ngủ. Dạo này bà thấy nhà cửa khác xưa hẳn, lúc nào cũng sạch sẽ, chẳng có cọng rác, bụi bặm nào. Lợn gà đã có ai chăn, lại có cơm canh bày sẵn trên bàn còn bốc khói. Cơm xong bà chạy đi khắp bản "Ơn bà thím nhà dưới, ơn bà bá nhà trên, ơn cả làng cả bản". Người làng nghe thấy thế lấy làm lạ. Họ bàn tán xôn xao "chắc bà già hồi này bị lẩn thẩn rồi!" Lâu dần cũng chẳng ai để ý đến câu chuyện của bà nữa, mọi người ai cũng bận lo làm ăn, làm mặc.

Một hôm Rùa con nói với mẹ:

– Mẹ ơi! Con đã khôn lớn rồi, mẹ đi hỏi vợ cho con đi!

Bà mẹ già nghĩ mà tủi phận, thương con, bà nói:

– Thân con như thế kia, ai lấy con làm chồng?

– Mẹ cứ đi hỏi đi.

– Mẹ biết đi hỏi ai hả con?

– Nhà vua có cô con gái thứ ba đấy! Mẹ cứ đến hỏi nàng ấy cho con, mẹ ạ!

Bà già vừa thương Rùa con vừa ngạc nhiên lo sợ.

– Con ơi! Người ta con của vua, mẹ con ta nghèo đói cơm chẳng đủ ăn, sao lại dám nghĩ đến chuyện đi hỏi con vua?

– Mẹ cứ đi hỏi đi! Họ sẽ bằng lòng đấy!

Không đành lòng trước ý định của con, cơm gói, cơm đùm, bà mẹ ra đi. Đến nửa đường bà lặng lẽ quay về:

– Con ơi! Nhà vua không gả con gái cho con đâu!

Rùa con thò đầu ra khỏi mai lắc lắc:

– Mẹ đã đi đến nơi đâu mà biết vua không chịu gả?

Bà già chột dạ "Nó nằm trong mai ở xó nhà mà lại biết mình chưa đi đến nhà vua hỏi...", nhưng vẫn cứ bảo con:

– Mẹ đi thật rồi mà!

– Đâu phải! Mẹ mới đến con suối nước đó rồi quay về nói dối con thôi!

Mấy hôm sau, bà già lại ra đi. Lần này đến gần cổng nhà vua, bà đi đi lại lại. Nghĩ đến chuyện gặp vua mà khắp người nổi gai gà, có khi chẳng còn đầu mà về ăn cơm. Bà già bèn quay trở lại:

– Mẹ sợ lắm chẳng dám vào nhà vua đâu!

– Mẹ ơi! Mẹ đừng sợ, mẹ cứ vào gặp vua hỏi hẳn hoi đi...

Mấy hôm sau bà già lại ra đi. Lần này bà đánh bạo xin lính canh cho được vào gặp vua. Hai chân bà vừa bước đi vừa run lẩy bẩy như muốn quỵ xuống. Vua cho bà gặp, bà cũng đánh liều hỏi:

– Thưa vua! Tôi có đứa con Rùa thúc giục mãi đến hỏi công chúa thứ ba làm vợ...

Vua trợn tròn đôi mắt, rồi cười khinh bỉ:

– Con ta là con vàng, con ngọc. Con của ngươi nếu là người cũng chẳng xứng nữa là con Rùa. Nhà ngươi mà còn đến ta sẽ sai quân mang đi thiêu sống!

Bà già run rẩy lom khom đi về, kể lại cho Rùa con nghe. Bà vừa kể vừa khóc sướt mướt.

Rùa con lại nằng nặc nói:

– Mẹ cứ đến lần nữa đi mẹ ạ! Chắc lần này vua sẽ bằng lòng thôi.

Bà già vừa đi vừa nghĩ bụng "Chắc lần này là đi vào vạc dầu nhà vua rồi"... Nhưng thương Rùa con quá bà cứ nhắm mắt đi vào cung vua. Vua sai quân bắt bà già đem đi thiêu chết. Bà năn nỉ xin thưa với vua một câu trước khi chết:

– Thưa vua! Con nghe người đời truyền rằng: "Lệnh vua còn có ba hẹn mới làm. Con mới đến lần thứ hai. Xin vua cho con được nói vài lời đã!"

Vua bằng lòng cho bà già nói. Bà già vẫn một mực xin vua gả con gái cho Rùa con làm vợ. Vua tức giận quá lên tiếng thách:

– Ta bằng lòng gả, nhưng phải có đầy đủ các lễ vật! Phải trải lụa đỏ, lụa xanh từ nhà ngươi đến nhà ta, có đủ ba mươi tấm da rái cá, một trăm hai mươi tấm da trăn, có đầy đủ rượu, thịt cho cả vùng ăn uống bảy ngày, tám đêm; có vàng bạc, châu báu cho con ta đeo đầy người. Ngựa rước dâu phải là ngựa có sừng...

Bà già nghe thấy từng ấy thứ, người đẫm mồ hôi, nghĩ bụng "chắc chuyến này là vào vạc dầu thật rồi". Vua e hèm một tiếng rồi phán:

– Nếu không đủ các lễ vật ấy thì cả hai mẹ con đều bị thiêu sống!

Bà già về đến nhà vừa kể vừa khóc hu hu. Rùa con thì có vẻ hào hứng, thò đầu ra gật gù nói:

– Mẹ đừng lo. Mẹ cứ sang báo cho nhà vua hẹn ngày cưới đi...

Bà già lại bủn rủn ra đi. Ngày cưới đã đến, chẳng thấy Rùa con làm gì cả, nó vẫn nằm trong chiếc mai ở gần xó bếp. Bỗng nó bảo mẹ: "Mẹ ơi! Mẹ nhờ dân bản lên rừng chặt hết lá chuối về rồi rải từ nhà ta đến nhà vua, nhờ người hái các loại quả rừng về đặt trong nhà cho con. Nhờ người bắt hộ con con nai đực nằm trong hang sau bản về..."

Dân bản lo lắng cho mẹ con Rùa, chắc sẽ sắp bước lên vạc dầu nhà vua. Mọi người đều ra sức giúp Rùa con làm các việc Rùa con nhờ. Họ chẳng tin gì Rùa con và lấy làm lạ, nhưng vì thương hại bà già nên họ cứ giúp. Thế rồi các thứ đều mang về đầy đủ. Nước máng dẫn về đã biến thành rượu, hoa chuối rừng biến thành gà thiến, vỏ cây dướng biến thành da con rái cá, vỏ cây đay biến thành da con trăn, các loại quả biến thành vàng bạc, châu báu. Bỗng

chốc cả sân đầy lợn, gà vịt, ngan ngỗng. Lá chuối biến thành lụa vàng, lụa xanh, lụa đỏ. Con nai đực biến thành con ngựa có sừng. Nhà vua hả lòng hả dạ được đủ mọi thứ lễ vật, bằng lòng cho rước dâu.

Nàng công chúa ba thấy người chồng đi đón dâu là một con Rùa cứ bò đi lọc cọc thì chán chường lắm. Nhưng vì phải theo lệnh vua cha nên nàng phải đến nhà chồng.

Ngày ngày, con Rùa nằm bên xó bếp chuyện trò với nàng. Đêm khuya, nàng thấy hiện ra một chàng trai đẹp, khỏe, người trên trần không ai sánh nổi bước vào buồng, chuyện trò gọi nàng là vợ. Một đêm nàng rình theo thấy chàng trai ấy chui từ chiếc mai Rùa ra, chàng đi thẳng vào buồng tìm nàng chẳng thấy đâu định quay ra. Nàng công chúa đã chạy đến bếp túm lấy chiếc mai Rùa ném vào lửa. Chàng Rùa thấy khắp người nóng ran chạy vụt đến thì chiếc mai đang xém vội lấy ra dập. Từ đó chàng không chui vào mai Rùa được nữa. Cũng từ đó thân Rùa có từng khoang vằn là do lửa cháy xém...

MƯU E CHÁ

Ngày xưa ở vùng nọ có một nhà giàu. Trâu, bò, ngựa đếm không hết, vàng bạc nhiều vô kể, nhà cao to như trái núi. Nhưng họ chẳng có mụn con trai nào mà chỉ sinh được ba cô con gái thật xinh đẹp. Cô cả, cô hai lấy chồng quan. Còn cô thứ ba, ông bố ép lấy gã quan nào cũng từ chối.

E Chá mồ côi cha mẹ, từ lúc còn nhỏ đã đến ở chăn trâu cho lão nhà giàu; lớn lên thì tập cày, tập bừa, làm ruộng, làm nương cho nhà lão. Nàng ba chăm làm lụng thường đến nương, đến ruộng cùng làm với E Chá. E Chá không những làm ruộng làm nương giỏi, lại còn đẹp trai, hát hay nữa. Nàng ba đã thương giấu nhớ thầm E Chá. E Chá cũng đoán biết tình ý nàng như vậy. Song chàng tự nhủ "mình phận hèn mọn, thân đi ở, làm trâu làm ngựa cho người ta, sao lại dám nghĩ đến người con gái giàu sang phú quý thế này". Nhưng rồi, một hôm nàng ba đã thổ lộ cho E Chá biết, và nàng cũng thú thật hết nỗi lòng mình.

Lão nhà giàu biết tin con gái phải lòng E Chá, liền nổi giận đùng đùng. Lão liền cho gọi E Chá đến, đánh một trận tan xương nát thịt, rồi sai lính tráng, người hầu khiêng E Chá quẳng xuống sông. Nàng ba buồn tủi, khóc ngày, khóc đêm, nước mắt ướt đầm cả tấm áo, nước mắt ướt đầm cả chiếc áo gối, không ăn, chẳng uống hạt cơm, giọt nước nào. Nàng ôm bọc quần áo ra đi đến nơi người ta quẳng E Chá xuống sông. Nàng trèo lên tảng đá to nhìn xuống dòng nước để được chết chung với E Chá. Nhưng hai cánh tay ai đã giữ chặt lấy nàng. Kinh ngạc, nàng ba quay lại, nhìn thấy E Chá, thì thốt lên đầy kinh ngạc:

– Có thật đúng anh không?

E Chá mừng rỡ đáp:

– Nàng ba ơi! Chính E Chá đây mà!

Chàng kể lại rằng khi bọn lính hầu quẳng chàng xuống sông, chàng đã được quận lính Long Vương cứu và dặn phải về ngay để cứu nàng.

Hai người lấy nhau rồi đến một khu rừng già, dựng lều làm ăn sinh sống. Lâu lâu, nhớ nhà, nàng rủ chồng về thăm nhà vào dịp mừng thọ bố. Hai vợ chồng gánh gà thiến, vịt béo, gạo nếp đến nhưng chẳng có ai đón tiếp cả. Người mẹ tuy thương con, nhưng vì sợ oai chồng nên cũng tỏ vẻ lạnh nhạt. Người bố cho hai vợ chồng nàng ba đến nằm trên gác chuồng trâu. Chị cả, chị hai và hai anh rể quan to ngồi kiệu hoa đến và mọi người trong nhà ra tận ngoài cổng đón. Ông bố vợ mời họ lên gác thượng ngủ, có màn đẹp, chăn thêu rồng, thêu phượng, có người hầu kẻ hạ, cơm bưng nước rót tận nơi.

Vào lễ chúc thọ, người rể cả bưng một khay trên đặt lụa là, gấm vóc, cùng một chuỗi ngọc lấp lánh, hai tay dâng lên cao quá đầu, lên tiếng chúc mừng. Lão nhà giàu gật gù khoái chí. Đến lượt hai vợ chồng cô gái thứ hai quỳ xuống, dâng lễ vật rồi chúc rằng:"Chúc cho cha sống lâu như con đường to, đường rộng, đi mãi không bao giờ hết"! E Chá vụt nẩy ra một ý, hai vợ chồng cùng quỳ xuống. Thấy chẳng có gì dâng lên tặng, lão chủ đã gai cả người, mặt đỏ bừng bừng tức giận. E Chá cất tiếng chúc: "Xin chúc cha, sống lâu, sống dai, sống dài như..." Lời chưa dứt, lão đã nổi khùng quát tháo, gào thét "lính đâu! Trói thằng này lại đưa ra chém đầu cho ta!". Bọn lính hầu xô đến, nàng ba kinh hoảng vái cha lia lịa, xin tha

tội cho chồng. Hai người anh rể và hai chị nhổ toẹt nước bọt xuống đất tỏ vẻ khinh bỉ. E Chá bình tĩnh nói: "Thưa cha! Lệnh vua còn có ba lần hạn, huống chi tình cha con. Cha hãy để con được phân giải đã. Nếu con có tội thật thì xin cha cứ trị". Lão già bèn hạ lệnh hãy khoan bắt E Chá, rồi bảo chàng giảng giải. E Chá nói: "Thưa cha, sông dài, sông còn có ghềnh có thác; đường dài, đường còn có khúc quanh co; ngọc hành dài, đầy con đàn cháu lũ, đời tiếp đời không dứt". Lão già cười khà khà nói: "Lời tuy tục tằn mà ý lại tuyệt hay. Được! Được! Khá lắm, khá lắm!". Tuy vậy lão vẫn tỏ vẻ khinh miệt vợ chồng E Chá. Vợ chồng rể trưởng rể thứ được ăn uống chung mâm với lão, còn vợ chồng E Chá ăn uống với người ăn kẻ ở, nằm ổ rơm gác chuồng trâu. E Chá ức lắm, nghĩ ra một mẹo để trị mấy tay rể quan một trận.

Đêm ấy, E Chá lẻn đến dãy nhà cối nước giã gạo ở suối, phóng lửa đốt cháy. Cả nhà thấy ngọn lửa cháy ngùn ngụt, lan dần đến nhà kho bèn ùn ra dập lửa. Thừa cơ, E Chá vào buồng mấy tay rể quan, trèo lên giường ỉa mỗi giường một bãi. Dập xong lửa trở về, thấy thế, vợ chồng mấy tay rể quan, vợ đổ chồng, chồng đổ vợ. E Chá đến nói nhỏ với họ: "Đừng to tiếng nữa! Bố mẹ mà biết thì xấu mặt lắm đấy! Các anh là quan lớn nữa thì lại càng phải kín tiếng chứ. Đã trót ỉa rồi thì phải ăn hết thôi. Tôi là em xin được ăn trước". Nói xong E Chá cúi xuống đưa cằm ấn mạnh vào giữa đống phân rồi ngẩng lên nói: "Tôi đã ăn giúp rồi đấy! Anh chị ăn đi". Cả hai cặp vợ chồng đều phải cúi xuống liếm hết bãi phân trên giường.

Sáng hôm sau gà chưa kịp mặc quần (gà chưa gáy), vợ chồng chị cả, chị hai đã lén bỏ ra về, sợ bố mẹ biết chuyện.

Vào một buổi sáng, sương còn phủ trắng núi rừng, nước khe, nước suối đông cứng lại. Lão bố vợ đến thăm nhà E Chá. Biết bố vợ sắp đến, E Chá mặc chiếc áo rách bươm có đến trăm mụn vá, vác tảng đá to chạy xung quanh nhà mấy lượt, mồ hôi vã ra như tắm, tấm áo ướt như đi mưa về. Bố vợ xuống kiệu, thấy vậy, ngạc nhiên hỏi:

– Ta mặc áo lông cáo, lông rái cá mà vẫn còn rét run bần bật thế này, sao mày lại vã mồ hôi thế kia?

E Chá cởi chiếc áo treo vách, trả lời:

– Thưa cha, cái áo của con là áo lửa, thần cho đấy.

Lão nghe vậy, bảo E Chá hãy cho mình. Nhưng E Chá tỏ vẻ ngần ngừ:

– Thưa cha, đây là áo thần, thần thương con nghèo nên thần cho, con e rằng cho cha thì con sẽ bị thần phạt ạ.

– Cho cha chứ cho ai mà sợ thần phạt, cha già rồi không chịu được rét, con cho ta, thần lại khen con có hiếu đấy.

– Nhưng...

– Thôi, cha đổi cho con hai trăm lạng vàng vậy!

Nói rồi lão cầm áo ra về, sai người mang vàng đến trả cho E Chá. Lão cầm áo lên định mặc thử, thấy rận bò lổm ngổm, lại có mùi hôi hám, lão sai người đun nước sôi luộc áo, giặt sạch, phơi khô rồi mới mặc. Mặc mãi không thấy ấm, lão tức giận bắt người kiệu đến nhà E Chá quyết trị bằng được thằng con rể hỗn láo này. Biết ý định bố vợ, vợ chồng nàng ba chất củi nung chiếc cối đá đỏ rừng rực để sẵn giữa nhà. Khi bố vợ đến, E Chá bảo vợ đặt ấm nước lên trên cối đá nấu nước cho bố uống, đặt nồi nấu cơm, luộc gà, xào rau cho bố vợ ăn. Lão kể cho vợ E Chá nghe về chiếc áo lửa mặc không ấm, đòi bắt đền. E Chá nín cười, hỏi: "Áo ấy là áo lửa, cha có mang giặt không?". Lão nói nhát gừng: "Toàn rận là rận, không luộc nước sôi mà mặc được à?".

E Chá đấm vào ngực mình thùm thụp, ra vẻ hối tiếc "Chết rồi! Chết rồi! Cha hại con rồi! Vì thương cha già con mới nhường lại, thần mà biết cha làm như vậy thì thần sẽ giết chết con mất". Lão quắc mắt nhìn rồi hỏi "Sao! Sao"? E Chá nhăn nhó: "Còn sao nữa! Lửa gặp nước là tắt ngấm, chứ còn à!".

Lão bố vợ lúc ấy lại xoay sang đòi lấy cái cối đá. Lão nghĩ: "Thế này thì tiện lợi quá, chẳng phải tốn củi, đuổi bớt người ăn kẻ ở đi". Lão nằng nặc đòi đổi nửa đàn trâu cho E Chá để lấy cái cối đá thần. Đem cối về, lão liền đuổi bớt người ở, rồi đặt nhiều nồi niêu, chảo lên nhưng chẳng thấy thứ gì nóng cả. Tức giận, lão bắt kẻ hầu kiệu lão sang nhà E Chá để trị tội thằng rể hư. Bố vợ vừa xuống kiệu đã nghe thấy hai vợ chồng cãi nhau om xòm. E Chá vung gậy lên đập vợ ngã lăn ra, máu ở bụng chảy ra lênh láng, nàng ba nằm bất động, như chết thật. Lão bố vợ thấy vậy, hoảng hốt, liền hô lính bắt E Chá. E Chá đang cầm chiếc gậy nửa đỏ nửa đen, lấy đầu gậy sơn đỏ vung ba lần qua người vợ, cô vợ bỗng ngồi

bật dậy, tỉnh táo như cũ. Lão bố vợ thấy thế thích cái gậy ấy lắm. Lão nghĩ, nhà lão có nhiều người ở, người làm, hàng năm cứ gặt hái xong thì đập chúng chết cả đến mùa lại vẩy cho chúng sống lại để đi làm thì lợi biết chừng nào. Gạ gẫm mãi, E Chá mới chịu đổi cho lão để lấy vàng bạc.

Gặt hái xong, ngô lúa đã chất đầy kho, đầy nhà, lão nhà giàu gọi từng người ăn kẻ ở lên đập chết rồi đút vào chum bịt kín lại. Đập chết hết mọi người, lão lại nghĩ "Vợ ta sống cũng thừa thôi, công việc đồng áng đã xong mụ sống cũng phải ăn tốn". Lão liền vung gậy đập chết nốt người vợ già, rồi cho vào một chum riêng bịt kín.

Mùa làm đến lão mở các chum ra, đem gậy đến vung mãi mà không một người nào sống lại cả. Mùi thối xông lên đến tận trời. Lão bèn lên gặp vua Trời kiện E Chá, đã làm hại lão. Vua Trời biết E Chá gây chuyện làm chết nhiều người nên sai bọn quỷ xuống bắt E Chá. E Chá đã đoán biết. Buổi trưa hôm ấy bọn quỷ đến vây nhà rình, hễ E Chá ra khỏi cửa là bắt, vì chúng sợ hai vị thần gác cửa nên không dám vào nhà. E Chá bèn giục vợ:

– Tao đói lắm rồi! Sao mãi chưa nấu cơm?

Vợ E Chá làm bộ bực bội trả lời:

– Củi đâu mà nấu với xào!

E Chá quát thật to:

– Vác dao ra ngoài kia chặt cẳng bọn quỷ kia vào mà đun!

Nghe vậy, bọn quỷ hốt hoảng bỏ chạy về trời, đứa ngã gẫy chân, thằng sứt đầu, mẻ trán. E Chá càng thét to:

– Nhanh lên, đuổi bắt bọn chúng. Chặt cẳng chúng mang về cho tao!

Bọn quỷ chạy ba chân bốn cẳng về tâu với vua Trời. Vua Trời càng tức giận bèn sai thần giỏi nhất xuống bắt E Chá, E Chá biết thần này cưỡi ngựa giỏi nhất trời, ngày đi được nghìn dặm đường, gọi là "thiên lý mã!" nên chàng đi mua một con dê trắng muốt như bông, ngày ngày dắt xuống suối tắm sạch, nuôi béo, chải chuốt cho dê đặt luôn cho nó cái tên "dê vạn dặm" và luyện cưỡi hàng ngày.

Vào một buổi trưa, trời nắng oi ả, thần cưỡi ngựa thiên lý sắp đến nhà E Chá. E Chá vờ dắt con dê xuống suối tắm rửa cho sạch sẽ. Vị thần nhà trời bước vào nhà hỏi vợ E Chá:

– E Chá đâu?

Vợ E Chá trả lời:

– Thưa thần! Chồng con đang tắm cho con "dê vạn dặm" ngoài suối ạ!

Thần nhà trời trợn tròn đôi mắt, nghĩ: "Ta tưởng chỉ có ngựa ta là nhất trên trời dưới đất rồi! Thế mà lại còn "con dê vạn dặm" nữa à!". Vừa lúc ấy, E Chá dắt con dê trắng về. Vị thần ấy vội vàng ra ngắm con dê, thấy nó to béo lạ thường. E Chá nói cho thần biết, đây là con dê độc nhất ở cõi trần gian này, mỗi ngày nó đi được vạn dặm đường nên ai cũng gọi là "con dê vạn dặm". Thần trời ngạc nhiên, quên cả chuyện được vua sai xuống bắt E Chá, gạ gẫm E Chá đổi cho con "dê vạn dặm" lấy con "ngựa thiên lý" của hắn. E Chá bằng lòng đổi dê cho thần và nói: "Đại thần cưỡi dê vạn dặm đi một ngày bằng tôi cưỡi ngựa thiên lý đi mười ngày. Vậy tôi đuổi kịp làm sao được. Hay đại thần cứ để tôi cưỡi con dê của tôi vậy!"

Thần trời sợ E Chá đổi ý không đổi cho mình con dê vạn dặm nữa bằng lòng cho E Chá cưỡi ngựa thiên lý đi trước chín ngày. Ngày thứ mười thần mới thắng yên cương vào con dê vạn dặm, nhảy lên lưng dê để đi kịp E Chá. Khi thần ngồi lên lưng dê, dê cứ nhảy chồm chồm, húc tứ tung, kêu be...be...be. Thần vung roi quất mạnh, con dê bị đánh bất ngờ đau quá lao vào bụi găng. Gai găng đâm thủng cả hai con mắt thần. Bị mù không trở về trời được, thần phải ở lại trần gian ngày ngày đi giã gạo cho người trần để kiếm miếng nuôi thân.

E Chá và vợ thì từ đó ngồi trên mình ngựa phi đi khắp thế gian, lo chuyện cứu dân lành và trị bọn tàn ác.

DÂN TỘC HÀ NHÌ

CHÀNG CÓC

Ngày xưa, trong một bản vắng, có hai vợ chồng nọ đã sống qua nhiều mùa nương mà chưa có con nối dòng. Họ buồn rầu như cỏ tranh già ngày nắng. Ngày ngày, người vợ thắp hương cầu khấn mong trời thương cảnh nghèo đơn chiếc ban cho một đứa con. Quả

nhiên, ít lâu sau, người vợ có thai. Hai vợ chồng mừng lắm. Họ mong ngày mong đêm đứa con sớm ra đời. Nhưng chẳng may người chồng lại bị ốm rồi chết, mắt chưa được nhìn mặt con. Người vợ rất buồn nhưng cứ nghĩ đến đứa con sắp ra đời, lòng lại nguôi nguôi.

Mười ba lần trăng lặn rồi mười ba lần trăng mọc, đứa bé trong bụng mới tròn tháng. Không ngờ, sau một cơn đau bụng dữ dội người vợ góa lại đẻ ra một con Cóc xấu xí. Người mẹ sợ lắm nhưng không nỡ bỏ đứa con của mình. Ngày ngày bà lên rừng đào củ mài để nuôi Cóc, mong cho Cóc chóng lớn. Ngày qua tháng lại, Cóc lớn dần và trở thành một chàng Cóc cường tráng. Rồi mẹ Cóc cũng lại qua đời. Từ đó Cóc phải tự mình làm lụng nuôi thân.

Hồi ấy ở gần nhà Cóc có tên Khoàng Tí. Nhà Khoàng Tí có ba cô con gái đã đến tuổi lấy chồng. Đã bao nhiêu lần, Khoàng Tí mở hội để kén chọn con rể. Nhiều chàng trai đẹp đến để thi tài. Nhiều con nhà giàu mang trâu, ngựa đến để hỏi nhưng chưa ai làm Khoàng Tí ưng bụng. Lần ấy chàng Cóc tìm đến xin được làm con rể Khoàng Tí. Vừa thấy Cóc, Khoàng Tí đã giận dữ hét lên:

– Con Cóc xấu xí kia, ai cho mày đến hỏi con gái ta! Có cút ngay đi không?

Cóc vẫn bình tĩnh nói rõ ý định của mình. Khoàng Tí giận lắm, nhưng vẫn ra điều kiện:

– Nếu mày bắn một mũi tên xuyên chín con chim mang về đây thì ta sẽ gả con gái cho.

Chàng Cóc nhận lời, rồi mang cung tên đi, vào rừng săn chim. Hôm ấy trời nổi gió dữ dội. Lá to lá nhỏ rơi ào ào, cây đổ ngổn ngang, nhiều thú vật bị chết. Đến một gốc cây to cạnh con suối lớn, chàng Cóc thấy chín con chim bị gió bão quật chết từ lúc nào. Chàng liền nhặt lấy xâu vào một mũi tên rồi đem về dâng lên Khoàng Tí. Khoàng Tí phục chàng Cóc lắm. Nó lại ra thêm một điều kiện:

– Lần này mày phải kiếm liền một lúc chín gánh củi mang về đây. Được vậy ta sẽ gả con gái cho. Nếu không ta sẽ đánh cho mày một trận.

Khoàng Tí yên trí rằng Cóc nhỏ bé, yếu ớt thế chắc chẳng mang được chín gánh củi về cùng một lúc. Lúc ấy nó sẽ đánh cho Cóc đến chết.

Hiểu được lòng dạ Khoàng Tí, nhưng chàng Cóc chẳng chút ngần ngại. Sáng sớm hôm sau, khi ông mặt trời chưa ngủ dậy, chàng đã sắp sẵn quang gánh, giả vờ đi vào rừng lượm củi. Một lát sau, chàng Cóc trở về nói với ba cô gái:

– Tôi vào rừng kiếm củi chẳng may dẫm phải cái gai ở đầu ngón chân cái. Đau quá tôi phải về đây nhờ ba cô nhổ giúp. Tôi nhớ ơn nhiều lắm.

Nghe vậy, hai cô chị bĩu môi, nhổ nước bọt vào lưng Cóc rồi bỏ đi. Chỉ có cô em út là chẳng nói chẳng rằng, lặng lẽ đến khều gai cho chàng Cóc. Cô đã khều lâu lắm mà gai chẳng ra. Lúc bấy giờ Cóc mới bảo rằng:

– Cô tốt bụng lắm nhưng khều thế không được đâu! Phải cầm búa bửa mạnh thì gai mới chịu ra.

Cô út nghe nói vậy lấy làm ngạc nhiên lắm. Nàng sợ Cóc đau nên không dám làm. Nàng đành phải nói cho cha biết. Mới nghe nói Khoàng Tí cũng ngạc nhiên chẳng kém gì cô con gái út. Nhưng chỉ một lúc sau Khoàng Tí lại thấy vui trong bụng. Hắn nghĩ rằng: thế thì Cóc sẽ phải chết. Hắn liền gọi người làm mang cho hắn một cái búa thật to, to nhất trong nhà. Nhìn thấy vua mang búa hầm hầm đi đến, Cóc đã biết ý ác của nhà vua. Khoàng Tí đến nơi, chẳng nói chẳng rằng cứ thế giơ búa nhằm vào đầu Cóc mà bổ thật mạnh. Chàng Cóc nhanh nhẹn lánh sang một bên và thưa:

– Không! Tôi nhờ Khoàng Tí bổ vào ngón chân cái chứ có phải bổ vào đầu tôi đâu?

Lần thứ hai rồi lần thứ ba, Khoàng Tí đều nhằm vào đầu Cóc để bổ. Nhưng cả ba lần chàng Cóc đều tránh được. Thấy lạ, Khoàng Tí thầm nghĩ: "Hay ta bổ vào ngón chân cái của nó xem sao". Khoàng Tí liền bổ mạnh vào ngón chân cái của chàng Cóc. Bổ xong, mệt quá, mồ hôi Khoàng Tí đầm đìa, mắt hoa lên. Hắn phải ngồi phịch xuống đất, nhắm mắt lại để thở. Khi mở được mắt ra thì Khoàng Tí thấy trước mặt mình là chín gánh củi to và khô. Chàng Cóc bảo Khoàng Tí:

– Đấy tôi đã mang về chín gánh củi rồi, Khoàng Tí gả con gái cho tôi đi.

Lần này thì Khoàng Tí không thể chối cãi được nữa. Hắn đành phải gọi ba đứa con gái của mình đến và hỏi:

– Đứa nào muốn làm vợ Cóc?

Hai cô chị thi nhau cười giễu Cóc. Hết chê chàng da xù xì, lưng gù lại chê là mùi hôi thối. Chúng không thèm trả lời, nhổ nước bọt vào lưng Cóc rồi bỏ đi. Cô em út thì chẳng nói chẳng rằng cứ ngồi im lặng. Thấy vậy, Khoàng Tí bực lắm, hỏi:

– Thế nào? Mày muốn lấy Cóc à?

Cô gái lặng lẽ gật đầu. Cuối cùng Khoàng Tí đành phải ưng thuận cho con gái út lấy chàng Cóc xấu xí. Lúc tiễn hai vợ chồng Cóc, Khoàng Tí gọi con gái lại gần và bảo:

– Ta sẽ đưa cho con một cái chày đá và một con ngựa, đến giữa đường, con phải ném chết Cóc rồi đánh ngựa quay trở về. Phải nhớ lời ta dặn đấy.

Trên đường về nhà, Cóc dắt ngựa nhảy đi trước còn vợ Cóc cưỡi ngựa theo sau. Đi được một quãng xa, vợ Cóc xuống ngựa và nói với chồng:

– Cha em không ưng cho em sống cùng chàng đâu. Bụng cha em ác lắm, khác với bụng em nhiều, nhưng chàng đừng buồn, em không làm khác ý muốn của mình đâu.

Nói hết câu, cô gái ném cái chày đá xuống vực rồi xuống ngựa cùng đi bộ với Cóc về nhà. Hai vợ chồng sống trong một túp lều tranh lụp xụp, rách nát. Hàng ngày, Cóc vẫn một mình phát nương làm rẫy. Vợ Cóc thương chồng lắm. Một lần nàng theo chồng đi ra nương. Đến nơi, nàng nhìn mãi mà không thấy chồng đâu, chỉ thấy một chàng trai khỏe, đẹp đang mải mê làm nương. Người vợ mải nhìn chàng trai, bàn chân vô tình dẫm phải cành lá khô dưới đất. Thấy động, chàng trai lập tức chạy trốn vào một bụi cây gần đấy. Vợ Cóc lạ quá liền rượt theo, thì chẳng thấy chàng trai đâu mà chỉ thấy một con Cóc ngồi chồm chỗm dưới gốc cây mục. Vợ ra làm nương tiếp. Vừa làm, nàng vừa nghĩ: không biết chàng trai kia là ai mà lại đến nương làm hộ nhà mình.

Ngày qua tháng lại đã đến ngày hội lớn ở trong vùng. Trai gái trong bản mặc những bộ váy áo thật đẹp, thật sặc sỡ để đi dự hội. Thấy mình xấu xí, Cóc không muốn đi chơi cùng vợ. Chàng giục vợ

đi trước còn mình đi sau. Vợ Cóc đi rồi, ở nhà, Cóc liền lột vỏ biến thành một chàng trai trẻ đẹp, rồi theo đường tắt đi đến hội. Lũ làng ai cũng trầm trồ, đổ mắt nhìn về phía chàng. Khi thấy chàng đánh quay tài giỏi quá mọi người đều dồn đến xem chật vòng trong vòng ngoài. Con gái thì muốn được tung còn với chàng, con trai thì muốn được đọ quay với chàng. Ở trong cuộc vui mà vợ Cóc buồn lắm. Nàng chờ mãi chẳng thấy chồng đến. Nàng định bỏ về nhà, nhưng lúc đi qua đám đông nàng ghé nhìn vào chỗ người đang chơi quay thì bỗng nhận ra chàng trai phát nương ngày nào. Nàng đến gần chàng trai định hỏi chuyện thì chàng bỏ chạy về hướng nhà Cóc. Lũ làng đổ xô chạy theo sau. Mọi người vào nhà chẳng thấy chàng trai đâu nữa, chỉ thấy một con Cóc nằm thở phì phì dưới gậm giường.

Một lần khác trong vùng lại có hội. Cóc lại giục vợ đi trước. Còn mình đi sau. Lần này vợ Cóc đi đến nửa đường thì lén quay về nhà. Quả nhiên nàng nhìn thấy một tấm da Cóc ở dưới gậm giường. Chẳng chút chần chừ, nàng liền chạy lại cầm lấy tấm da ném vào lửa. Lúc ấy ở đám hội đang vui, tự nhiên chàng Cóc thấy người bỗng nóng rực lên, biết có chuyện xảy ra chàng bèn chạy ngay về nhà. Vừa vào đến cửa chàng đã ngửi thấy mùi khét, bèn lấy que khều đống lửa thì thấy tấm da đã cháy hết. Từ đó Cóc mãi mãi hóa thành người và vợ chồng Cóc sống bên nhau đầm ấm.

Từ ngày mất vỏ, chàng Cóc làm lụng thật vất vả. Mọi việc chàng đều phải nhờ vào hai bàn tay. Lúa trên nương của hai vợ chồng Cóc không tốt như trước nữa. Gạo trong nhà của hai vợ chồng Cóc mau hết hơn. Họ phải đi đào củ mài ở trên rừng để ăn. Một hôm chàng Cóc nói với vợ:

– Vợ chồng mình khổ nhiều quá rồi. Bây giờ tôi không muốn nàng phải ăn củ mài ở trên rừng mãi, phải mặc áo rách mãi. Nàng ở nhà, tôi sẽ đi buôn một chuyến xa. Chỉ một lần trăng lên tôi sẽ trở về thôi!

Thế rồi sáng hôm sau chàng Cóc từ biệt người vợ xinh đẹp ra đi, trong tay chỉ có vài đồng bạc nén. Chàng phải đi xa, xa lắm. Trên đường chàng gặp một *Xê sư*. *Xê sư* biết chàng Cóc là người tài giỏi tốt bụng nên muốn giúp chàng đạt được ý muốn. Xê sư hỏi:

– Chàng trai đi đâu vậy?

Chàng Cóc lễ phép cúi đầu chào rồi đáp:

– Nhà con nghèo, con phải đi buôn một chuyến xa!

Xê sư lại nói:

– Thế thì con hãy đi theo ta!

Trên đường đi, hai người gặp một dòng sông đoạn giữa trong còn ở đầu dòng và cuối dòng lại đục ngầu. Chàng Cóc lạ lắm, bèn hỏi Xê sư:

– Tại sao lại có con sông lạ như vậy?

Xê sư chậm rãi trả lời:

– À phải! Làm gì có con sông lạ ấy được. Nước phải trong từ trên nguồn xuống chứ có bao giờ chỉ trong ở giữa quãng đâu.

Hai người lại tiếp tục đi. Một lúc sau họ gặp một con chim chỉ có một chân. Thấy lạ chàng Cóc hỏi, thì Xê sư trả lời:

– Con chim có một chân thì không thể đi được. Cũng như người ta không thể dùng một chân mà đi lại dễ dàng.

Chàng Cóc thấy Xê sư nói có lý thì phục lắm. Từ đó hễ trên đường gặp cái gì lạ chàng đều nhờ Xê sư bảo cho.

Hai người đã qua bao nhiêu con sông, bao nhiêu ngọn núi. Một hôm họ đến một bản nọ. Ở đầu bản họ thấy một cây gạo ra hoa đỏ chói trông rất đẹp mắt. Nhưng chẳng hiểu sao thân nó lại xù xì những gai. Chẳng kìm được tính tò mò, chàng Cóc lại nhờ Xê sư giải đáp giúp. Xê sư nói:

– À có gì đâu! Cái cây đó giống như một người tốt bụng. Bề ngoài trông xấu xí nhưng trong bụng lại không giấu con dao độc.

Đi với chàng Cóc thêm nhiều con sông, thêm nhiều con suối nữa thì Xê sư nói với chàng:

– Hỡi chàng trai tốt bụng! Bây giờ ta không thể cùng đi với con được nữa. Con hãy ghi vào trong đầu những điều ta đã nói với con ở dọc đường. Nó sẽ giúp con nhiều đấy.

Nói xong Xê sư đi về một ngả, còn chàng Cóc cứ theo ngọn núi trước mắt mà đi. Chàng đi qua bản đầu tiên thì thấy một đám người đang định làm thịt con chó. Mắt nó ươn ướt như muốn nói với chàng một điều gì. Chàng Cóc thương hại con chó sắp bị làm thịt bèn bỏ một đồng bạc nén ra để mua. Con chó thoát chết mừng lắm. Nó ngoe nguẩy cái đuôi tỏ ý cám ơn chàng. Người và chó cùng

đi. Đến một bản khác chàng Cóc lại thấy một con mèo xám bị nhốt vào giỏ sắp đem thả xuống sông. Nghe tiếng kêu thảm thiết của con vật, chàng Cóc không nỡ để người ta giết nó. Chàng lại bỏ một đồng bạc nén để mua mèo. Chó, mèo cùng chàng Cóc đi đến một cánh rừng nọ thì thấy rất nhiều người xúm quanh một con trăn lớn. Họ sắp giết trăn. Con trăn sợ lắm. Nó đang ra sức giãy giụa để mong thoát chết. Không ngần ngại, chàng Cóc lại dốc cả số tiền còn lại ở trong túi để mua con trăn. Thế là số tiền đem theo không còn một xu. Chàng Cóc vui vẻ cùng những con vật vừa mua được quay về nhà.

Lại nói đến Khoàng Tí. Từ khi chia tay với con gái út, hắn tưởng con nghe theo mình giết Cóc rồi quay về. Hắn chờ đến năm lần trăng chết, rồi năm lần trăng sống vẫn chưa thấy con về. Khoàng Tí buồn rầu bèn sang nhà Cóc xem sao. Đến nơi hắn chỉ thấy vợ Cóc ở nhà một mình, liền bắt con gái về để gả cho con trai xú cà. Vợ Cóc khẩn khoản van nài nhưng nhà vua vẫn trợn mắt quát:

– Bụng tao không ưng cho mày lấy thằng Cóc xấu xí ấy đâu. Mày phải lấy con xú cà thôi. Con xú cà nó có nhiều trâu, nhiều ngựa, nhiều bạc nén. Sao mày không thích giàu mà lại thích nghèo.

Cô gái lại phân trần với vua cha:

– Cha ơi! Cha nhầm rồi! Chồng con không phải là Cóc đâu. Chồng con là người mà.

Nghe vậy nhà vua lại nổi cơn thịnh nộ:

– Mày không nói lọt tai tao đâu! Bụng tao đã ưng cho mày lấy con xú cà thì mày phải nghe! Đừng nói trái lòng tao.

Vợ Cóc khóc nhiều lắm. Nước mắt nàng chảy đã ướt hết một cái áo rồi hai cái áo, mà Khoàng Tí vẫn không chịu nghe. Tên xú cà bụng rất muốn cô con gái làm vợ cho con nên nó cho mổ nhiều lợn, nhiều gà, lấy nhiều rượu, nhiều thuốc mời những kẻ giàu ở quanh vùng về ăn lễ. Nó muốn lễ cưới con nó với cô gái xinh đẹp con Khoàng Tí phải to nhất trong vùng. Chúng đang ăn uống linh đình thì đột nhiên có tiếng đập cửa thình thình. Cửa bật mở, chàng Cóc lừng lững bước vào trong nhà. Chúng vừa ngạc nhiên vừa tức nhưng vẫn phải mời chàng Cóc ăn cơm. Khi mời rượu khách, chủ nhà rót quanh một lượt riêng chàng Cóc thì nó bỏ qua. Chàng Cóc giận lắm, nhớ đến lời Xê sư dặn trên đường, chàng nói:

– Nước đục phải đục từ trên nguồn xuống, có bao giờ chỉ đục quãng giữa dâu?

Chẳng biết nói thế nào, bọn chúng phải rót rượu mời chàng. Lúc cầm đũa để gắp thức ăn, chàng Cóc thấy chỉ có một chiếc. Chàng cố ghìm lòng nói to:

– Chim chỉ có một chân thì làm sao đi được, người cũng thế? Sao chỉ cho ta một chiếc đũa để ăn.

Lại một lần nữa chúng chịu thua chàng. Vừa lúc ấy vợ chàng Cóc từ trong nhà bước ra. Đầu nàng đội chiếc khăn thêu nhiều màu sặc sỡ, người nàng mặc bộ quần áo mới rất đẹp. Trông nàng như một bông hoa mới nở. Thấy vậy chàng Cóc cất tiếng hỏi:

– Nàng ở nhà có chuyện gì không hay vậy?

Vợ Cóc vừa khóc vừa kể hết đầu đuôi sự việc cho chồng mình nghe. Bấy giờ chàng Cóc mới hiểu tất cả bụng dạ cú cáo của Khoàng Tí. Chàng tìm lời an ủi vợ:

– Thôi! Nàng đừng khóc nữa. Tôi đã mua chó và mèo về rồi. Nàng mang chúng vào nhà đi. Tôi phải ra đầu làng dắt con trăn về đã.

Khi chàng Cóc đi tới nơi buộc trăn lúc sáng thì lạ quá, nhìn quanh chẳng thấy trăn đâu cả, chỉ có một cô gái đẹp đang nở miệng cười. Chàng Cóc hỏi:

– Hỡi cô gái đẹp ơi! Cô có thấy con trăn của tôi buộc ở đây không?

Cô gái mỉm cười đáp:

– Con trăn của chàng chính là em đây!

Chàng Cóc rất ngạc nhiên. Chàng mở mắt to nhìn cô gái đẹp. Thấy vậy, cô gái nói thêm:

– Em là con gái thứ sáu, con gái út của Be dòng[1] đấy. Hôm nọ trời đẹp em lên trần chơi chẳng may gặp đoàn đi săn, họ bắt em định thịt. Hôm ấy nếu không được chàng cứu thì em không nói được nữa rồi! Em biết ơn chàng lắm. Bây giờ chàng xuống chơi nhà em đi, đường dễ đi thôi!

---

1. *Be dòng*: Long Vương, vua ở dưới nước.

Chàng Cóc rất thương vợ. Chàng muốn ở nhà với vợ nhưng lại muốn biết nhà của Be dòng đẹp thế nào nên chàng ưng thuận đi theo. Đến một hồ nước rộng, trong xanh, cô gái xinh đẹp chỉ tay xuống mặt nước và bảo:

– Nhà cha em ở dưới này! Giờ chàng nhắm mắt lại và cầm chặt lấy thắt lưng em. Khi nào em bảo mở mắt thì chàng mới được mở.

Cô gái còn dặn thêm:

– Xuống đó, khi về thế nào cha mẹ em cũng tạ ơn chàng đã cứu sống em. Chàng chớ lấy vàng bạc mà hãy xin chiếc đuôi cá bằng vàng treo ở giữa nhà ấy. Nó sẽ giúp chàng ước gì được nấy.

Chàng Cóc làm theo lời dặn của cô gái. Chàng nhắm mắt lại và nắm chặt lấy thắt lưng cô gái. Khi mở mắt ra chàng thấy mình đang ở trong một ngôi nhà lớn có nhiều lợn gà, vàng bạc. Cô gái kể đầu đuôi câu chuyện cho cha mình nghe. Be dòng niềm nở đón tiếp chàng. Be dòng dọn cho chàng ăn những thức ăn ngon nhất nơi thủy cung. Rồi cô gái lại dẫn chàng đi xem những cảnh đẹp. Sống được ít ngày, chàng Cóc thấy nhớ vợ và xin Be dòng trở lại cõi trần. Be dòng biết không thể giữ chàng ở lại thủy cung, liền bảo chàng:

– Hỡi chàng trai tốt bụng, chúng tôi không biết lấy gì đền ơn lòng tốt đã cứu con ta, chàng muốn gì ta sẽ tạ ơn!

Chàng Cóc nhìn quanh nhà Be dòng, rồi thưa:

– Tôi chỉ muốn xin chiếc đuôi cá vàng kia.

Be dòng bằng lòng, lấy đuôi cá vàng trao cho chàng Cóc, rồi cả nhà cùng ra tiễn chàng lên bờ, chúc chàng hạnh phúc, muốn gì được nấy.

Chàng Cóc nhắm mắt lại và nhờ cô gái xinh đẹp đưa lên bờ. Về đến nhà, theo lời dặn dò của cô gái, chàng Cóc tự tay đóng một chiếc bàn xinh xắn. Đóng xong, chàng gọi vợ đến và quét xuôi đuôi cá ba lần lên mặt bàn. Một mâm cơm ngon, đầy rượu thịt hiện ra. Hai vợ chồng cùng ăn uống vui vẻ. Sau đó chàng lại quét ba lần trên mặt bàn. Lập tức một tòa nhà bằng vàng óng ánh, cùng không biết bao nhiêu trâu, bò, lợn, gà hiện ra. Từ đấy cuộc sống của hai vợ chồng Cóc trở nên sung sướng, hạnh phúc.

Còn Khoàng Tí, khi tan bữa tiệc cưới ít hôm, có người vào báo có chuyện lạ là vợ chàng Cóc vẫn không chịu về làm vợ con nhà

xú cà. Không những thế chàng Cóc lại vừa mới xây xong một tòa nhà bằng vàng rất đẹp. Khoàng Tí lúc đầu không tin, đến tận nơi xem thì quả đúng như vậy. Hắn trở về và đem những điều mắt thấy tai nghe thuật lại cho vợ và hai cô con gái cả. Chúng không tin. Vợ Khoàng Tí bèn tới nơi để xem thử. Đến nhà con gái, mụ thấy hai vợ chồng chàng Cóc béo khỏe, xinh đẹp, sống rất sung sướng trong một tòa nhà lộng lẫy bằng vàng. Vợ chồng Cóc ra tận cổng đón mụ. Ở nhà vợ chồng Cóc, mụ vợ Khoàng Tí được ăn những thức ăn ngon lạ bấy nay chưa hề thấy. Rồi mụ lại còn được thấy những của cải quí của con gái. Máu tham nổi lên che hết đầu hết mặt. Mụ gạn hỏi vợ chồng Cóc.

– Sao các con lại kiếm được những của hiếm này? Chàng Cóc thật bụng kể lại mọi chuyện cho mụ nghe. Khi đã biết được điều bí ẩn vợ Khoàng Tí vội vã ra về. Mụ đi nhanh như gió thổi như có con ma đuổi sau lưng. Vừa về đến nhà, mụ liền gọi chồng đến nhỏ to thuật lại mọi chuyện. Khoàng Tí nghĩ vợ mình nói dối nên lại sai hai con gái đến nhà vợ chồng Cóc. Hai cô chị trở về đều nói đúng như lời mụ. Khoàng Tí vẫn chưa tin. Hắn muốn tự mình đến nơi xem hư thực lần nữa. Ngay sáng hôm sau, hắn vội vã đến nhà vợ chồng con gái út. Hắn trở về nhà vừa lúc hai cô con gái cả của hắn vừa chết. Chẳng là, hai cô chị thấy chồng em mình giàu quá, đẹp quá liền tìm cách giết em gái để cướp chồng. Nhưng cô cả lại sợ cô thứ hai tranh mất nên tìm cách hại em. Hôm đó chúng rủ nhau đi tắm, thấy em sơ ý, cô cả liền đẩy em xuống sông, rồi chạy vào rừng định tìm hái lá ngón về giết em út. Nhưng vừa vào đến rừng chưa kịp hái thì đã bị một con rắn độc bò đến cắn chết tươi.

Lòng vợ chồng Khoàng Tí rất buồn vì một lúc mất hai đứa con. Nhưng bụng nó vẫn không muốn bỏ chiếc đuôi cá bằng vàng của vợ chồng Cóc. Khoàng Tí mở kho lấy vàng rồi truyền lệnh cho thợ đánh ngày đêm một chiếc đuôi cá y như chiếc đuôi cá thần của chàng Cóc. Đuôi cá được làm xong, Khoàng Tí hí hửng mang sang nhà chàng Cóc. Cũng như lần trước hai vợ chồng Cóc đón tiếp cha thật chu đáo. Họ không thể ngờ được mưu gian của Khoàng Tí. Lừa lúc vợ chồng Cóc đi ngủ Khoàng Tí bèn đánh tráo đuôi cá thần. Sáng hôm sau hắn giả vờ buồn bã chào vợ chồng Cóc rồi ra về. Từ ngày cướp được đuôi cá vàng, Khoàng Tí đã giàu càng giàu thêm. Suốt ngày Khoàng Tí ăn uống no say, hết ở nhà vàng này lại sang ở nhà

vàng khác. Hắn bắt đuôi cá làm việc liên tục, làm ra bao nhiêu của cải cho hắn.

Còn vợ chồng chàng Cóc từ khi mất đuôi cá thần thì trở lại nghèo đói như xưa. Họ làm việc suốt ngày mà bụng vẫn không đủ no, áo mặc vẫn bị rách. Một hôm chàng Cóc bàn với vợ:

– Mình nhịn đói lâu rồi, trong nhà lại chẳng còn cái gì bán được. Hay ta mang chó, mèo đi đổi lấy gạo ăn vậy.

Nghe thấy chủ bàn thế, chó và mèo buồn lắm. Chúng không muốn xa hai vợ chồng người chủ tốt bụng nên năn nỉ xin chàng Cóc cho được sống và hứa đi lấy đuôi cá vàng thần về cho chàng.

Hai con rủ nhau đi. Chúng chạy suốt ngày suốt đêm không nghỉ. Tới nhà Khoàng Tí, mèo bảo chó:

– Anh chó ơi! Anh ở đây rình bắt lấy con chuột chúa nhé! Tôi sẽ vào xua nó ra. Khoàng Tí để đuôi cá thần trong hòm, ta phải bắt chuột cắn thủng hòm mới lấy được.

Chó gật đầu đồng ý. Nó nấp một chỗ kín để rình. Chỉ sau một lần nguẩy đuôi, chó đã thấy đàn chuột nhốn nháo chạy quàng chạy xiên ra ngoài. Chó nhảy xổ tới ngoạm lấy con chuột chúa. Mèo nhanh chân lẹ làng nhảy đến túm lấy chú chuột đang run lẩy bẩy mà bảo:

– Mày muốn sống thì hãy đi gọi cả họ nhà mày đến đây để vào khoét bằng được cái hòm quí trong buồng Khoàng Tí.

Chuột run sợ nhận lời. Chỉ một lát sau bao nhiêu chuột to, chuột nhỏ, chuột đực, chuột cái kéo về lúc nhúc trước mặt chó và mèo. Mèo bảo con chuột chúa:

– Chúng mày hãy vào cắn thủng hòm của Khoàng Tí rồi lấy chiếc đuôi cá bằng vàng ra đây cho tao thì sẽ được tha chết!

Chuột chúa vội vã vâng lời và nhảy đi trước. Theo sau nó là những chú chuột cường tráng nhanh chân nhất. Lúc ấy, Khoàng Tí đang cùng vợ ăn cơm trong nhà nghe thấy tiếng chuột cắn liền bảo vợ:

– Bà vào đuổi chuột đi kẻo nó cắn thủng chiếc hòm đựng đuôi cá vàng mất.

Ngay lúc đó mèo đứng ở góc nhà kêu lên "meo meo!" làm cho vợ Khoàng Tí yên lòng bảo chồng:

– Sợ gì, đã có mèo rồi!

Chuột thay nhau hì hục khoét hòm. Chẳng mấy chốc hòm thủng, họ hàng nhà chuột khéo léo lôi đuôi cá vàng ra ngoài. Mèo ngoạm ngay lấy đuôi cá thần, tha chết cho họ hàng nhà chuột rồi nhẹ nhàng chạy ra cửa sau ra đường.

Giữa lúc hai vợ chồng chàng Cóc đang than thở về người cha độc ác và thân phận nghèo đói của mình thì nghe thấy tiếng chó sủa ngoài bìa rừng. Biết là mèo và chó đã trở về, chàng Cóc vội ra đón. Mèo mừng rỡ trao đuôi cá thần cho chủ. Chàng Cóc cám ơn hai con vật tốt bụng rồi lấy đuôi cá vàng ra quét đi quét lại vài lần trên mặt bàn. Lập tức bao nhiêu thức ăn ngon hiện ra, rồi cả nhà cao cửa rộng, trâu ngựa béo khỏe cũng hiện ra. Từ đó hai vợ chồng chàng Cóc lại sống một cuộc đời no đủ sung sướng bên cạnh chó và mèo.

Còn vợ chồng Khoàng Tí sáng ra thấy đói định mở hòm lấy đuôi cá vàng thì chẳng thấy đâu. Chúng tiếc ngẩn tiếc ngơ đến đứt ruột mà chết.

Biên soạn theo lời kể của cụ Lý Vàng Từ
B ản Gò Cứ, xã Mù Cả, Mường Tè,
Lai Châu

BA ANH EM KHỎE

Xưa kia ở một vùng nọ có một chàng trai khỏe mạnh nhưng rất nghèo, anh phải đi làm thuê cho nhà Khoàng Tí[1]. Mỗi buổi sáng anh có thể san bằng một quả đồi. Cây gỗ anh vác thì phải mấy người khiêng mới nổi. Cho nên dân trong vùng thường gọi anh là anh Khỏe.

Một hôm anh Khỏe lên đồi cắt tranh cho nhà Khoàng Tí. Chỉ trong vài chớp mắt anh đã cắt xong cả một đồi tranh rộng. Số tranh cắt được, anh bó lại thành hai bó thật to rồi gánh về. Trên đường về, anh Khỏe gặp một người mặt mũi quần áo bê bết đất đứng chắn ngang lối đi. Chẳng đợi anh Khỏe hỏi, người đó đã quát:

– Này! Mắt mày để sau lưng à, không thấy ai đứng đây sao?

---

1. *Khoàng Tí*: vua một vùng (B.T).

Anh Khỏe từ tốn đáp:

– Tao có thấy nên chân tao mới bước chậm lại. Nếu không thì mày không kịp nhìn thấy bóng tao đâu?

Người đó không tin, cho rằng không ai khỏe như mình được nên lên mặt gây sự. Anh Khỏe ra điều kiện:

– Nếu mày thua thì mày phải làm em tao, còn mày được thì tao sẽ chịu làm em mày, đồng ý không?

Anh ta nhận lời. Hai bên xông vào vật nhau. Được một lát Khỏe đã nhấc anh ta lên một cách nhẹ nhàng như xách một con gà mái. Anh ta đành chịu thua và nhận làm em. Anh Khỏe hỏi:

– Sao quần áo mặt mũi mày lấm láp như vậy?

Anh ta thật bụng kể lại:

– Tôi nhà nghèo, hàng ngày phải đi bắt dũi cho nhà Khoàng Tí. Ngày nào tôi bắt được số dũi bằng tất cả ngón chân ngón tay hợp lại thì Khoàng Tí cho tôi ăn một bữa no.

Anh Khỏe hỏi thêm:

– Tài của mày chỉ có thế thôi à?

Anh ta giương đôi mắt đỏ đòng đọc nhìn anh Khỏe:

– Tài của tôi chỉ có thế thôi! Tôi chui vào đất dễ dàng như người ta đi trên đường vậy.

Nói dứt lời anh ta chui ngay vào quả đồi trước mắt và chỉ một lúc sau đã hiện ra ở bên kia quả đồi. Anh Khỏe gật đầu:

– Mày chui đất giỏi đấy! Từ giờ tao gọi mày là "Chui Đất" nhé!

Anh Khỏe và anh Chui Đất nhận làm anh em sống chết có nhau. Họ cùng ra đi tìm nơi sinh sống không về làm thuê cho Khoàng Tí nữa.

Đôi chân hai người đã vượt qua nhiều rừng rậm, nhiều núi cao. Đến một con sông lớn, họ phải dừng lại tìm cách vượt qua, đang ngồi nghỉ trên một phiến đá thì bỗng thấy tiếng động ở bìa rừng. Lạ quá, anh Khỏe và Chui Đất đến coi thử. Hai người vừa tới nơi thì thấy một người cao lớn lênh khênh cứ ôm từng gốc cây to nhổ lên nhẹ nhàng như người ta nhổ lông gà vậy. Anh ta nhổ một cách say sưa. Chui Đất đứng bên cạnh rất lâu mà anh ta vẫn không biết gì, mãi sau Chui Đất phải lên tiếng trước:

– Mày nhổ cây làm gì mà nhổ nhiều thế?

Thấy có người hỏi anh ta mới dừng tay và ngửng mặt lên nhìn anh Chui Đất từ đầu đến chân lại từ chân đến đầu. Rồi hỏi giọng trịch thượng:

– Mày là ai mà to gan thế? Mày không sợ cây đè bẹp à?

Anh Chui Đất ngang nhiên:

– Tao không sợ nên mới đến xem mày nhổ cây chứ.

Từ trước tới giờ anh ta chưa từng thấy ai tỏ ra cứng cỏi trước mặt mình như vậy. Anh ta đòi thử sức với Chui Đất. Chui Đất đồng ý nhưng ra điều kiện:

– Nếu ai thua thì phải làm em, được không?

Anh ta bằng lòng. Hai người nhảy xổ vào vật nhau. Cuối cùng anh Chui Đất nhấc bổng anh ta lên như xách một con ếch. Anh Khỏe đứng coi rất ưng bụng:

– Sao mày lại nhổ cây ở khu rừng vắng này?

Anh ta thật lòng đáp lại:

– Nhà nghèo, tôi phải đi làm thuê cho nhà Khoàng Tí. Trong một ngày nếu tôi vác về số cây to bằng số ngón tay cộng lại mới được Khoàng Tí cho ăn một bữa.

Anh Khỏe nhìn anh chàng nhổ cây và nói:

– Trước kia chúng tôi cũng đi làm thuê cho Khoàng Tí để kiếm bữa ăn. Mặc dù làm quần quật suốt ngày đêm nhưng vẫn ăn không no, mặc không đủ ấm. Chúng ta có sức, chúng ta sẽ đi tìm đất làm để sống thôi. Anh có đồng ý đi với chúng tôi không?

Anh ta gật đầu ưng bụng. Thế là ba người cùng lòng cùng chí lại tiếp tục lên đường. Họ đi một lúc lâu thì gặp một dòng sông lớn nước chảy xiết như muốn ngăn cản bước chân của họ. Lúc anh Khỏe và anh Chui Đất đang rối bụng lo nghĩ thì anh Nhổ Cây bảo:

– Các anh đừng lo! Dòng sông lớn nữa chúng ta cũng qua được thôi.

Anh ta chạy một mạch lên rừng chọn cây to nhất dài nhất nhổ mang về bắc ngang qua sông. Ba anh em đi qua dễ dàng. Bàn chân họ qua không biết bao nhiêu rừng xa, núi cao, vực thẳm. Một hôm ba người tới một khu rừng lạ, chim chóc hót véo von, trái thơm trĩu nặng cành trên, cành dưới, dân làng đông đúc yên vui. Họ bàn nhau

dừng lại đây làm rẫy săn thú để sinh sống. Ba anh em sống yên lành no đủ trong mấy mùa nương rẫy.

Một lần, Chui Đất ở nhà nấu cơm cho anh Khỏe và Nhổ Cây đi làm về ăn. Lúc quả núi sắp nuốt ông mặt trời thì anh nghe thấy tiếng lầm rầm của một con Nề Cha Ha Nhúy:

Chó ó xá chà

Mà chó khò chà

Nghĩa là:

Người có ở nhà thì xin ăn,

Người không có ở nhà thì ăn cắp.

Chui Đất sợ quá lẩn ngay xuống dưới đất để mặc con yêu quái ăn hết cơm và thịt.

Khi ông mặt trời rơi xuống núi thì anh Khỏe và anh Nhổ Cây trở về. Không thấy người em đâu cả, anh Khỏe vừa khóc vừa gọi:

– Ngón tay thứ hai của tôi ơi! Đi đâu mà lâu vậy! Ngón tay thứ nhất và ngón tay thứ ba đã về đây, chờ mãi mong mãi như có kiến đang đốt rồi!

Anh Khỏe gọi đến khản cả giọng Chui Đất mới nghe thấy vội chui lên khỏi mặt đất kể lại cho hai người nghe những điều mắt mình nhìn thấy khi nãy. Cả ba người đồng lòng diệt con yêu quái để trừ họa cho lũ làng. Anh Khỏe bảo hai em:

– Tôi sẽ vật nhau với nó, Chui Đất phải đào một cái hố thật to để lừa nó xuống đó. Còn Nhổ Cây hãy lấy thật nhiều cây to để lao vào mặt, vào khắp người nó.

Họ chuẩn bị đâu vào đấy thì Nề Cha Ha Nhúy dẫn xác đến, đầu nó to như một trái núi, thân nó cao lớn như cây to cao nhất trong rừng. Quen như mọi lần yêu quái vừa đi vừa rao:

Chó ó xá chà

Mà chó khò chà

Anh Khỏe ở trong nhà nói vọng ra:

– Có người ở nhà đấy! Mày muốn ăn gì?

Con quái vật hí hửng nói to:

– Ở vùng tao ở không thấy một bóng người và bóng thú nữa, tao về đây xin thịt ăn đây.

Anh Khỏe bảo ngay:

– Thịt à? Tao cũng đang thèm đây! Tưởng mày sẽ mang thịt lại cho chúng tao chớ?

Con vật nổi khùng lên:

– Tao sẽ ăn thịt cả ba đứa chúng mày!

Nó chồm thẳng vào anh Chui Đất. Anh nhanh chân chui tọt vào lòng đất. Bắt hụt, nó tức tối xông tới anh Khỏe. Anh đang chờ nó, hai chân đứng vững như chôn chặt xuống đất. Hai bên vật lộn dữ dội khiến cây cối đổ rạp, núi đồi rung chuyển. Lừa lúc Nè Cha Ha Nhúy không để ý. Nhổ Cây cầm một cây to nhằm thẳng mắt nó lao tới. Nó choáng váng lảo đảo, một bên mắt tối mù. Nhưng nó hãy còn khỏe lắm. Hai bên giao tranh suốt bốn ngày bốn đêm liền, Nè Cha Ha Nhúy mới đến sát chỗ hố Chui Đất đào sẵn. Mừng quá, anh Chui Đất túm chặt lấy chân con quái vật kéo xuống hố sâu. Bị sa hố bất ngờ, nó chỉ kịp kêu lên một tiếng. Liền khi ấy anh Khỏe xông tới đấm túi bụi vào đầu vào mặt con quái vật. Nó giãy giụa trong hố mà không tài nào lên được. Chui Đất nhảy vọt lên dốc sức nâng hẳn một quả đồi ném xuống hố. Thân Nè Cha Ha Nhúy nát vụn như cát...

Trừ xong con quái vật, ba anh em quay lại nhìn rừng cây và núi đồi tan tác mà lòng thấy nhức nhối. Họ bàn nhau mỗi người một việc: Nhổ Cây trồng lại cây cối, Chui Đất san lại núi đồi. Khỏe đi múc nước ở Tá Khà (biển) về tưới cho cây và làm đất dính lại, cảnh vật tươi đẹp xưa kia trở về như lúc trước.

Ghi theo lời kể của anh Vù Lỳ Phà
bản Mù Cả, xã Mù Cả, Mường Tè,
Lai Châu

DÂN TỘC HRÊ

CHÀNG VƯỢN VÀ KHỈ

Hơ Giật, con gái út của một gia đình nọ xinh đẹp, nết na nhất vùng. Nhiều chàng trai khỏe đẹp, giàu sang đến ướm lời nhưng nàng chưa ưng bụng một ai.

Vào một ngày đẹp trời, Hơ Giật cùng các cô gái làng đi lấy củi. Lúc về, cô nào cũng cõng những gùi củi gọn ghẽ xinh xắn, cười nói ríu rít. Bỗng Hơ Giật mặt mày tái xám, tụt lại sau các bạn, ngồi bệt xuống đất, vén gấu quần lên, thấy giữa bắp chân nổi mụn nhọt sưng đỏ như trái nhót chín mọng. "Thảo nào đau điếng người" – Hơ Giật nói một mình. Cô bẻ cành gai khêu khêu mặt nhọt, chợt thấy hai con dòi trắng ngoe nguẩy. Hơ Giật vứt hai con dòi vào bụi tre cạnh đường. Thấy chân hết đau, cô chạy vội về nhà.

Hai con dòi bị cô gái vứt vào bụi tre liền biến thành con Vượn và con Khỉ nhỏ xíu. Chúng dắt díu nhau đi kiếm ăn. Ngày nọ, Vượn và Khỉ đi tới một khu rừng có vạt rẫy đầy dưa hấu và dưa gang chín. Đói quá, chúng rủ nhau vào đó hái dưa ăn.

Đây là vạt rẫy của ông Ngâu bà Ngâu. Ông Ngâu dòng cọp, bà Ngâu dòng người, lấy nhau mấy chục năm không sinh con đẻ cháu. Ngày nào, bà Ngâu cũng đi coi rẫy. Một hôm, bà về bảo với ông Ngâu:

– Xưa nay có lũ nào dòm ngó qua rẫy của ta đâu, vậy mà hôm qua có con thú lạ tới hái một đám dưa hấu, dưa gang.

Ông Ngâu cười to:

– Thế là ta sắp có con thịt ngon đây.

Hai ông bà chạy ra đến rẫy, thấy Vượn và Khỉ đang run rẩy núp trong bụi rậm. Bà Ngâu kêu lên:

– Ôi, hai cháu bé xinh đẹp của bà ra đây mau!

Ông Ngâu thì liếm mép:

– Ô, bà ơi con thịt mới ngon làm sao!

Sợ ông Ngâu ăn thịt, bà Ngâu bẻ gẫy đuôi chúng rồi bế về nhà nuôi.

Ngày lại qua ngày, hai đứa bé đã trở thành hai chàng trai cao lớn và khỏe mạnh.

Một hôm, hai chàng nói với bà Ngâu:

– Thưa bà, chúng cháu đã lớn, ở nhà mãi cũng buồn chán. Chúng cháu muốn có hai cái ná để bắn con chim ăn lúa bắp của bà.

Bà Ngâu bảo ông Ngâu làm hai cái ná, ngày nào hai chàng cũng bắn được nhiều chim đem về cho bà làm thịt. Có hôm được cả

heo rừng, nai nhung, bà cháu chỉ ăn tim gan, còn xác để phần cho ông Ngâu cả.

Ngày nọ, hai chàng đi mãi, vượt qua không biết bao nhiêu rừng rậm đèo cao mà không gặp một con gì cả. Định quay về, trời đã tối mịt, hai chàng đành ngủ lại trên cây cao.

Sáng ra, hai chàng trai mở mắt nhìn về phía mặt trời mọc, thấy hàng ngàn trâu bò đang gặm cỏ bên cánh đồng lúa vàng rực, người đội nón trắng nhấp nhô như con sao trên trời. Làng rộng quá, không nhìn hết. Ngắm mãi cảnh lạ không biết chán, hai chàng quên cả đói khát, mệt nhọc, đến xế chiều mới rủ nhau quay về, về đến nhà cũng chẳng buồn ăn uống. Bà Ngâu thấy vậy lo lắng hỏi, hai chàng buồn bã nói:

– Bà ơi! Chúng cháu thấy đồng ruộng làng lúa của mẹ chúng cháu ở tít đằng xa mà sinh lòng buồn nhớ.

– Vậy hai cháu có ưng đi thăm mẹ để không?

– Ưng lắm.

Bà Ngâu dệt nhiều quần áo đẹp, khăn nhiễu, đe gấm (cái túi) cho hai chàng lên đường.

Đã mười hai ngày đêm, hai chàng không sao cất bước ra khỏi nhà nổi bởi tiếng khóc thảm thiết của bà Ngâu. Bà nói:

– Hai cháu lấy bông nhét lỗ tai lại sẽ không còn nghe tiếng khóc của bà. Khi nào qua bãi tranh lớn của thần gió rồi, mới được tháo bông ra.

Hai chàng đi mấy mươi ngày đêm mới tới bãi tranh khổng lồ của thần gió. Đó là quãng đường mà hàng ngàn người đi qua đã chết vì tiếng đàn "Hu hít" của thần gió. Người đi qua bãi tranh mải nghe tiếng đàn hay đến mức chết giấc lúc nào không biết. Còn loài thú cứ kéo nhau từng đàn đến ăn thịt người chết vẫn không sao.

Vì hai tai nhét đầy bông, nên hai chàng không nghe thấy tiếng đàn "Hu hít" độc địa ấy. Một đêm kia, hai chàng ngủ trên phiến đá, sáng dậy chợt thấy cây Giơ ri (cây đa) nhỏ bằng cái tăm mọc ở kẽ đá ngay bên cạnh. Thấy cây nhỏ xíu mà xinh xắn lạ thường, hai chàng vui tay bứt sạch cỏ quanh gốc và múc nước suối tưới cho nó. Cây bỗng vút cao như cây rừng, trái chín đỏ rực một góc trời. Hàng

ngàn loại chim lượn quanh cây Giơ ri định sà xuống ăn, nhưng hai chàng không cho. Đàn chim nào bay tới, hai chàng cũng bảo:

– Nếu chim biết làng của mẹ chúng tôi thì hãy ăn trái Giơ ri, còn không biết thì nên tìm ăn nơi khác.

Nghe thế, nhiều con chim bụng thèm trái lắm nhưng đành lắc đầu bay đi.

Ngày kia, có con chim Kamu lông xanh mượt tới lượn lờ quanh cây Giơ ri. Hai chàng lại cất tiếng bảo:

– Hỡi chim Kamu xinh đẹp, nếu chim biết đường về làng của mẹ chúng tôi thì hãy ăn trái Giơ ri, không biết thì xin đừng.

Nhẹ nhàng, Kamu sà xuống cành nhiều trái nhất ăn một bụng no nê, xong bay tới chỗ hai chàng đứng, bảo:

– Đan cho tôi chiếc gùi nhỏ, bỏ đầy trái Giơ ri, đem cho tôi một cái lồng nhỏ, bỏ vừa mình tôi ở. Rồi Kamu nhỏ nhẹ cất tiếng nói:

"Hai chàng là con Vượn, con Khỉ
Là con thần núi Va Neng
Là con thần Deng Đăk Đoa
Là con Khỉ, là con Vượn.
Con cô Ho Giật ở bãi cát Pade
Ở bên sông có bờ cát dài
Ở gần mường Đăm So Ri
Tôi ngồi trong lồng sẽ chỉ đường, chỉ lối".

Chim Kamu dẫn hai chàng tới một làng giàu sang, bảo hai chàng dừng ở căn nhà dài nhất nghỉ chân. Vừa tới ngõ, hàng chục con chó nhảy xổ ra sủa vang. Bên trong có tiếng chủ nhà vọng ra:

– Khách xa tới là người tốt vì việc lành hãy vào sân lên nhà, khách xấu vì việc dữ, chó hãy đuổi họ thật xa.

Đàn chó thôi sủa vẫy đuôi đón khách. Mười hai cô gái nhà giàu đang giã gạo nghe có khách lạ bỏ chày chạy ra ngó, thấy hai chàng trai khỏe đẹp, các cô xấu hổ bỏ trốn, chủ nhà mời hai chàng ngồi chiếu gấm, uống nước chè xanh rồi vui vẻ hỏi chuyện:

– Chẳng hay hai chàng từ xa tới đây là con trai nhà giàu làng nào và đến làng nghèo chúng tôi cần việc gì?

Hai chàng lễ phép đáp:

– Chúng cháu từ nơi mười tiếng chiêng không tới đi tìm người mẹ để mẹ sinh ở trong nhà này.

Bà chủ kinh ngạc bảo:

– Hai chàng nhầm rồi. Nhà tôi có mười hai con gái chưa đứa nào có chồng cả.

– Không biết nói sao để bà tin. Chúng cháu nhờ con chim Kamu đây nói dùm cho bà rõ, chúng cháu là cháu của bà.

Chim Kamu liền vỗ cánh mười hai lần và hót rằng:

"Hai chàng con thần núi Va Neng
Ở suối Đăk Đoa
Là chàng Vượn, chàng Khỉ
Con của Hơ Giật ở bãi cát Pade
Ở bên sông cát dài
Ở nương rẫy Đăk Sơ Ri
Vì không thạo đường đi
Không hay lối bước
Hai chàng ruớc tôi chỉ đường
Mượn tôi chỉ lối
Tới nhà ông bà Ria giầu sang..."

Kamu hót rất hay nhưng ông bà Ria không thể nào tin hai chàng là cháu của mình, là con các cô gái nhà mình. Ông bà bảo mười hai cô gái tắm rửa sạch sẽ, mặc áo váy đẹp để hai chàng nhận mặt người mẹ. Mười hai cô tưởng hai chàng trai đi hỏi vợ nên thi nhau diện bộ đồ đẹp nhất của mình. Riêng cô út bị Hơ Dóc bôi nhọ nồi từ đầu đến chân. Chim Kamu nói mười hai lần, lần lượt mười hai cô gái bước ra nhưng hai chàng không nhận cô nào là mẹ. Chim Kamu lại cứ nằng nặc bảo mẹ của hai chàng là một trong mười hai cô gái đó làm ông bà Ria phân vân không biết tính thế nào. Người già nhất làng nói:

– Hãy cho mười hai cô gái vắt sữa của mình, đứng cách hai chàng trai hai sải tay, sữa cô nào vào miệng hai chàng, đó chính là người mẹ.

Cuộc vắt sữa thử của mười hai cô gái bắt đầu. Dân làng tới xem đông nghịt. Lần lượt từ cô thứ nhất đến cô thứ mười sữa đều bắn ra ngoài. Cô thứ mười một tên là Hơ Dóc bất chấp phép làng, đưa hẳn bầu vú của mình vào miệng hai chàng trai, nhưng sữa vẫn

vọt ra ngoài. Tức mình, cô ta hầm hầm bỏ vào nhà trong. Đến phiên Hơ Giật, cô chối từ không ra vắt sữa vì xấu hổ. Nhưng phép làng đã định không thể khác, cô bèn lẻn đứng xa hai chàng hàng chục sải tay. Khi hai tia sữa bay hẳn vào miệng hai chàng, dân làng reo hò ầm ĩ. Hơ Giật ngơ ngác nhìn hai người con trai, không biết mình sinh con lúc nào và cha chúng là ai?

Hai chàng xúc động kể lại cuộc đời lưu lạc và chuyến đi tìm mẹ của mình. Hơ Giật ôm hai con và òa khóc. Từ đấy, mẹ con chàng Khỉ, chàng Vượn sống bên nhau hạnh phúc. Thỉnh thoảng hai chàng cũng nhớ ông Ngâu, bà Ngâu nhưng chẳng nhớ đường về thăm. Hai chàng có biết đâu bà Ngâu thương nhớ cháu, khóc suốt mười hai ngày đêm. Nước mắt bà đọng lại trên mặt đất thành biển xanh ngày nay đấy.

DÂN TỘC KHƠME

BỐN NGƯỜI BẠN KẾT NGHĨA

Ngày xưa có bốn anh chàng nghèo khổ, nhưng mỗi người lại có một tài nghệ rất giỏi.

Một anh có cặp mắt trông thấu suốt mọi sự vật từ rất xa.

Một anh có tài bắn trăm phát trăm trúng.

Một anh có tài bơi lội dưới nước như rái cá.

Một anh biết nghề thuốc rất giỏi.

Cả bốn người đều ăn rất khỏe, gia đình không nuôi nổi, mỗi người phải đi lang thang kiếm sống. Họ gặp nhau, kể tâm sự cho nhau và kết nghĩa làm anh em. Họ cùng nhau ra đi và dựa vào nhau để kiếm ăn hàng ngày. Hôm thì anh bắn giỏi kiếm được thịt thú rừng. Ngày thì anh bơi giỏi bắt được cá dưới sông. Có ngày anh thầy thuốc được mời chữa thuốc nhà có người ốm cung phụng cho cả bốn anh em ăn. Còn anh có cặp "mắt thần" thì lúc giúp anh bắn giỏi tìm kiếm thú rừng lúc giúp anh bơi giỏi nhìn luồng cá dưới nước.

Ngày qua ngày dựa vào nhau để sống, họ rất thương yêu nhau như anh em ruột.

Một hôm có con chim đại bàng bay trên cao mỏ cắp một vật gì rất to như người. Ba người bảo anh có "mắt thần" theo rõi. Anh ta báo cho biết là chim cắp một cô gái và bảo anh bắn giỏi bắn chim để cứu người con gái nọ. Chim bị trúng tên vẫn cố gắng bay đi nhưng rồi cũng rơi xuống biển chết. Anh bơi giỏi liền chạy theo và nhảy xuống biển, bơi ra cứu người con gái. Nhưng khi vừa bơi đến nơi thì người con gái lại bị một con cá sấu tha đi. Anh phải đánh nhau với nó rất chật vật mới hạ được nó và cứu được người con gái đưa vào bờ. Nhờ có tài biết thuốc giỏi, anh thầy thuốc mới cứu sống được người mắc nạn.

Khi biết nạn nhân là một nàng công chúa, nhất là sắc đẹp của nàng có sức quyến rũ thì người nào cũng muốn lấy nàng làm vợ, rồi bốn anh em cãi cọ nhau. Người nào cũng cho là mình có công hơn cả, phải được làm chồng cô gái.

Anh có cặp "mắt thần" bảo nếu không có anh thì làm sao thấy được chim cắp người. Anh bắn giỏi nói: "nếu không có tôi bắn trúng chim thì làm sao cứu được nàng". Anh bơi giỏi nói: "nếu không có tài bơi lội và liều mạng đánh nhau với cá sấu thì công của hai người kia cũng vô ích". Anh thầy thuốc nói: "không có thuốc hay của mình thì nàng không thể sống được".

Cuộc tranh cãi mỗi lúc một thêm găng, không ai chịu ai. Bỗng có một cụ già vai vác cuốc từ xa đi lại. Bốn anh em vô cùng mừng rỡ, nói rõ đầu đuôi câu chuyện và nhờ cụ phân giải dùm.

Cụ gật đầu phân giải: kể ra bốn anh em đều có công lớn mới cứu được nàng công chúa. Công lao đó ngang công của bố mẹ cô, nhưng suy cho cùng thì anh bơi lội giỏi khi cứu công chúa nếu lỡ thì cũng chết đuối dưới biển, hoặc bị cá sấu ăn thịt. Vả lại trong khi cứu nàng, anh đã ôm nàng vào lòng rồi, nên anh chàng đáng làm chồng của công chúa.

Bốn người đều chịu là phải và lại sống với nhau hòa thuận như trước.

Lâm Tâm
sưu tầm và biên soạn

THỎ VỚI ÔNG BÀ GIÀ

Trên đường đi, xa xa thấy có bóng người, Thỏ trèo lên gò trông, thấy có bà cụ già từ xa đi lại, trên đầu đội cái thúng, trong thúng có nải chuối chín rất ngon.

Đang lúc đói bụng, lại thèm chuối, Thỏ nghĩ cách ăn cắp chuối của bà cụ. Nhân lúc bà cụ chưa đến, Thỏ chạy ra bên lề đường nằm giả vờ chết cứng đờ.

Bà cụ đi đến, thấy Thỏ chết, bà mừng rỡ, vội vàng xách Thỏ lên nói: Ông nhà ta mấy hôm nay thèm thịt quá chừng mà không có tiền mua, may gặp con Thỏ này, vợ chồng chén một bữa cho đỡ thèm. Đoạn bà bỏ Thỏ vào trong thúng, chung với chuối rồi đội về.

Thỏ ta được dịp chén một bữa no nê. Để chuồn đi cho dễ, Thỏ bóc vỏ chuối ném xuống trước mặt bà cụ. Thấy lạ, bà cụ để thúng xuống đất xem, Thỏ co chân định phóng chạy. Bà cụ vội nắm lại nói:

– Thôi đừng chạy cháu ơi! Hãy về với ông bà cho vui.

Thỏ đáp:

– Thôi bà đừng gạt cháu. Lúc nãy chẳng phải bà định thịt cháu nấu canh cho ông cụ ở nhà ăn là gì? Cháu sợ không dám đi đâu!

Bà cụ nói:

– Cháu chết, thì bà mới tính như vậy, chớ nếu cháu sống, thì bà đem về nuôi cho vui vẻ nhà cửa, chớ ông bà có con cháu gì đâu?

Nghe bà cụ kể cũng thương tình, Thỏ thuận theo về ở với ông bà.

Ông bà cụ rất thương và cưng Thỏ. Những ngày đi làm ruộng rẫy, thì giao cho Thỏ trông nom nhà cửa, nếu có phơi lúa thì trông gà. Lúc nào đói, thì nhà có gì Thỏ cứ tự do ăn uống.

Thỏ thấy ông bà cụ tuy nghèo, nhưng rất tốt bụng và làm ăn quần quật cực nhọc suốt ngày cũng vẫn không đủ ăn, thương lắm!

Một hôm, Thỏ bàn với ông bà:

Ông bà thì rất tốt, nhưng làm ăn vất vả mà vẫn cứ nghèo đói, là do ông bà ít hay cúng kiếng. Vậy ông bà hãy làm cỗ và mua chuối, để cháu rước ông Lục (ông sư) về tụng kinh niệm phật và cúng kiếng cho!

Hai ông bà nghe Thỏ nói có lý, nên cũng cố gắng chạy lo tiền làm cỗ mua chuối, và bảo Thỏ đi mời ông Lục.

Thỏ đi suốt cả buổi sáng, trở về, dắt theo sau hai vợ chồng con Hổ. Hai ông bà trông thấy thất kinh run rẩy lập cập, hỏi Thỏ:

– Cháu bảo đi mời ông Lục, sao ông Lục đâu không thấy mà chỉ có mấy ông này?

Thỏ cười đáp:

– Ông Lục của cháu đấy. Ông bà đừng lo. Rồi Thỏ mời cả nhà vào cỗ. Nhưng ông bà cụ cứ lùi xa dần. Thấy thế, Thỏ liền ngồi vào cỗ, cùng với vợ chồng Hổ. Hai ông bà chỉ đứng xa xa đưa mắt nhìn nhau, rồi nhìn Hổ, Thỏ, không ai dám đến gần, mặc dù Hổ, Thỏ mời lên cùng dự tiệc.

Đang ăn nửa chừng, nhớ đến con, vợ chồng Hổ nhờ Thỏ mang cho hai đứa con ở hang một ít chuối.

Thỏ nhận lời mang đi, nhưng dọc đường thấy đói nên mở gói ra chén hết. Thỏ tiếp tục đi đến hang bóp cổ luôn hai con Hổ con, rồi mới trở về nhà.

Vừa lúc ấy vợ chồng Hổ cũng vừa chén xong, thấy Thỏ về, liền hỏi có đưa quà tận tay cho chúng không? Chúng nó có đùa nghịch vui vẻ không? Được quà chúng nó có mừng không? Thỏ ta cũng gật đầu lia lịa, đáp: mấy cháu được chuối chúng nó mừng lắm, thích lắm...

Vợ chồng Hổ tin là thật, ngồi chơi một lát, rồi chào hai ông bà và Thỏ ra về.

Hổ vừa đi khuất nhà, Thỏ bảo hai ông bà:

– Ông bà hãy trèo lên cây trốn nhanh đi, kẻo Hổ trở lại thì chết hết bây giờ.

Hai ông bà lấy làm lạ hỏi Thỏ:

– Hổ vừa mới ăn tiệc ở nhà ta ra đi, không lẽ chúng nó trở mặt ngay, lại ăn thịt mình nữa sao?

Thỏ lên mặt triết lý giảng giải:

– Từ tổ tiên ông bà ngày xửa ngày xưa đến nay có bao giờ giống Hổ mà biết thương người... Giống lang, sói có bao giờ tốt với loài thú bé! Chúng nó chưa chén được mình chỉ là do chưa có dịp đó thôi! Nghĩ như vậy, nên lúc nãy đưa quà dùm vợ chồng Hổ, cháu

đã bóp cổ chết hết hai con Hổ con rồi! Để chúng nó sống, thì sau này lớn lên nó cũng chẳng tha cho ông bà đâu, nên cháu chắc chắn là vợ chồng Hổ sẽ trở lại đây trả thù cho con nó. Ông bà hãy trèo lên cây nhanh đi thôi!

Nghe xong, hai ông bà tái xanh cả mặt mày, run rẩy lập cập, cố trèo lên cây để lánh nạn.

Thỏ thấy ông bà trèo lên cây rồi, mình không biết trèo, không có chỗ kín núp, thì chắc Hổ thịt mất thôi.

Nhìn quanh, thấy có cái cối đá có thể ẩn thân được, Thỏ hỏi ông cụ: "ông có mang cây chĩa theo chưa? Nếu chưa, hãy xuống mang theo hộ thân, và giúp đậy cối dùm tôi". Ông cụ làm theo lời Thỏ, rồi trèo lên cây ngồi đợi xem tình hình sẽ ra sao!

Về tới hang thấy con chết hết, vợ chồng Hổ đoán chỉ có Thỏ bóp cổ giết con mình chớ không ai khác, chúng điên tiết chạy trở lại nhà ông bà cụ để báo thù.

Nhưng khi đến nơi, chẳng thấy bóng ai, vợ chồng Hổ đánh hơi, tìm kiếm vẫn không thấy gì. Vì nóng muốn báo thù cho con, Hổ đực nhảy lên ngồi trên đít cối đá úp Thỏ gầm gừ và kêu cụt cụt... Nhưng lạ thay, khi Hổ kêu "cụt" một, hay hai, ba tiếng thì nghe dưới cối cũng có tiếng kêu như vậy.

Hổ giận quá, nghĩ cái dái của mình trước nay không có thế mà nay sao lại sinh sự như vậy. Đang cơn giận dữ, và tức cái của quái gở của mình, sẵn có hòn đá dựa bên, Hổ kéo nó ra rồi dùng đá đập. Nhưng vì đập mạnh quá, hai hòn dái chạy lên cổ, Hổ ngã lăn quay ra chết luôn!

Nhìn qua kẽ hở thấy Hổ đực chết rồi, Thỏ bèn lấy mảnh gỗ bẩy cái cối bật chui ra, giả bộ chắp tay xá Hổ cái, rồi tha thiết nói:

– Chị Hổ ơi! Tôi có thù oán gì nhà chị đâu. Tôi bóp cổ con chị, là tại ông bà đang trèo trên cây đó xui tôi đấy! Chị nên trèo lên bắt giết chết họ mà trả thù đi!

Nghe cũng có lý, Hổ cái vội trèo lên cây. Nhưng Thỏ còn nói: trèo như vậy không được đâu. Ông bà sẽ ỉa cứt vào đầu, vào mặt bây giờ. Chị nên trèo cái đít lên trước, họ có ỉa xuống cũng chẳng sao! Hổ cái liền làm theo lời Thỏ nói.

Hai ông bà ở trên cây thấy Thỏ bảo Hổ, và Hổ quyết tâm trèo lên để giết mình, lòng rất oán Thỏ, và ôm nhau ngồi trên cây chờ chết!

Lúc Hổ cái trèo gần đến chỗ ông bà, Thỏ kêu to: ông bà ơi! Cây chĩa đó, còn đợi gì mà không thưởng cho nó về sum họp với Hổ đực đi!

Ông cụ nghe Thỏ nói vậy mới hoàn hồn, đợi Hổ cái trèo lên gần tới, cầm chĩa đâm mạnh xuống, thông từ đít ra đến cổ, Hổ cái rơi xuống đất chết không kịp giẫy.

Thấy Hổ chết hết rồi, hai ông bà mới trèo xuống. Nghĩ nhà cũng nghèo, lại thêm nợ nần vì bữa tiệc mời ông Lục, mà còn suýt bỏ mạng với Hổ, cụ ông chắp tay xá Thỏ nói: "Cháu ơi! Ông bà sợ lắm rồi, nhà lại không có gì để nuôi cháu nữa. Vậy xin mời cháu tìm nơi khác kiếm ăn ông bà không dám nuôi cháu nữa đâu!"

Thỏ phân trần nói: "Cháu không giết chúng nó, thì ông bà lẩn quẩn ở đây sớm muộn cũng bị chúng nó thịt thôi. Bây giờ chúng nó đã chết hết, ông bà còn sợ gì nữa?"

Nghe Thỏ nói cũng có lý, nhưng vì phải cơn khủng khiếp lớn vừa qua chưa hoàn hồn, nên ông bà cương quyết không cho Thỏ ở nữa.

Tuy mến ông bà rất tốt bụng, và giết được Hổ để đền đáp ơn ông bà, nhưng ông bà vì sợ không cho ở, chứ không có ý xấu gì, nên Thỏ đành ngậm ngùi từ giã ông bà ra đi.

Lâm Tâm
sưu tầm và biên soạn

THỎ, HỔ, RÁI CÁ, Ó VÀ GÀ

Ngày xửa ngày xưa có một năm nọ, trời gây ra lụt lội lớn. Rừng cây cũng bị gió bão tàn phá nặng nề! Súc vật nhiều nơi mất chỗ nương tựa.

Một hôm Thỏ, Hổ, Gà, Ó, Rái cá lang thang gặp nhau mới cùng nhau họp bàn làm nhà ở chung, rồi chúng cắt đặt:

Ngày thứ nhất – chị Gà được phân công làm bếp và kiếm thức ăn, còn Thỏ, Hổ, Ó, Rái cá thì đi lấy cỏ gianh, gỗ, tre để làm nhà. Riêng Hổ có sức khỏe, thì phải chở các thứ lấy được.

Lúc các con vật cùng nhau cặm cụi lo làm thì đến nửa buổi, anh chàng Thỏ lười biếng giả đau bụng rồi bỏ đi nằm. Nhân lúc không ai chú ý, anh Thỏ lẻn chạy về rình xem Gà làm bếp. Thấy Gà cố rặn đẻ trứng để luộc và canh giữ cẩn thận, nên Thỏ ta đành nhỏ nước rãi trở về chỗ đang làm gianh, nằm đợi hết buổi, cùng đi về ăn với các con vật kia.

Gà làm cơm xong, thấy Thỏ, Hổ, Ó, Rái về rất vui vẻ và đố ai đoán trúng được bữa ăn có gì thì sẽ nhường phần hết cho.

Các con vật đoán mò đủ thứ, nhưng không con nào nói đúng; chỉ có Thỏ, vì đã thấy rồi, nên nói trúng. Ai nấy rất phục Thỏ!

Ngày thứ hai, đến phiên Rái cá làm bếp, anh ta trổ tài lặn hụp hồ, ao bắt được nhiều cá về làm bữa ăn linh đình.

Để cho các bạn phục mình, Thỏ lại cũng cáo ốm, lẻn về rình trộm xem Rái cá làm bếp, rồi trở ra đợi Hổ, Ó, Gà cùng về ăn.

Về đến bếp, Rái cá cũng đố các bạn mình, nhưng chỉ có Thỏ là nói trúng, nên Hổ, Ó, Gà càng thêm phục Thỏ.

Đến ngày thứ ba, Ó được giao việc làm bếp, cũng mang ngón sở trường ra bay liệng khắp các vùng nước chung quanh bắt cá về làm bữa ăn cho anh em.

Thỏ vì lười biếng và hiếu danh, nên cũng làm theo thói cũ là giả ốm, rồi lẻn rình xem Ó làm bữa cỗ gì? Và đến khi về ăn chúng cũng đố nhau, và cũng chỉ có Thỏ là đoán đúng. Thỏ càng lên mặt với anh em.

Ngày thứ tư đến phiên Hổ làm bếp. Anh ta cũng hùng hục khắp nơi tìm thịt rừng về làm bếp. Thỏ cũng làm theo những ngày qua, nên khi đố nhau, cũng chỉ Thỏ là được các con vật phục nhất.

Qua ngày thứ năm, đến phiên Thỏ làm bếp. Vì ngày thường chỉ có tán giỏi, nhưng không có tài cán gì, Thỏ sợ nhất là nếu không làm được bữa cỗ vừa bẽ mặt, vừa bị anh em trừng trị.

Thấy nghề kiếm cỏ của mình không ai thèm dùng nên cuối cùng Thỏ nghĩ ra cách là bắt chước theo các bạn đi tìm mồi. Rồi Thỏ chạy vào rừng định bắt chước Hổ kiếm thịt, nhưng vì sức yếu, thân bé, chạy đổ mồ hôi, những con thú lớn thì không dám đến gần, thú nhỏ thì không rình bắt được – nên suốt buổi không tìm được vật gì, mà suýt nữa còn bị chó Sói vồ toi mạng.

Thất vọng, Thỏ nghĩ phải bắt chước theo Rái và Ó để kiếm cá cũng được, đứng rình mãi ở bờ ao, nhưng vì quá vụng về, cá từ xa thấy bóng đã lảng tránh. Thỏ lại nhảy xuống ao lặn làm Rái. Nhưng cũng vì không phải nghề nên lặn đỏ cả mắt và rét run lên, vẫn không bắt được con cá nào.

Thỏ buồn rầu, lo lắng, và càng ngắm nhìn mặt trời đi nhanh mà thức ăn chưa có gì, càng lật đật chạy về bếp, định bắt chước theo gà đẻ trứng, họa may làm được bữa ăn. Nhưng cố rặn mãi, trứng gà đâu không ra, mà chỉ ra phân của anh ta!

Thấy buổi làm đã hết, anh em sắp về đến nơi, nếu không có gì là khổ với chúng, nên Thỏ đành nhổ ít rau, rồi bỏ thêm phân của anh ta vào nấu làm bữa canh. Đoạn Thỏ chui vào đống gianh nằm giả ốm lên cơn sốt rét run!

Hổ, Ó, Rái, Gà về đến dọn ra ăn, gọi Thỏ cùng ăn, nhưng Thỏ bảo ốm chưa ăn được, mời anh em ăn trước khi nào đỡ cơn sốt, sẽ ăn sau.

Lén nhìn thấy anh em ăn phân của mình một cách ngon lành, Thỏ không nhịn cười được, nên vừa run, vừa giả bộ rên: a... ăn... phân tao. Không ai nghe rõ, nên các con vật hỏi Thỏ, Thỏ lại nín. Một lát sau, anh ta lại nói nữa. Chỉ có Hổ là chú ý theo dõi Thỏ, nên khi nghe Thỏ nói lần thứ hai, Hổ biết bị Thỏ lừa cho ăn phân, nên tức giận, nhảy đến vồ Thỏ.

Hoảng sợ, Thỏ nhảy ra ngoài, cắm đầu chạy thục mạng. Nhưng vì quá tức giận Thỏ, nên Hổ quyết tâm rượt theo trị cho được Thỏ.

Thỏ chạy đến bụi tre, liếc nhìn thấy Hổ đuổi sắp kịp mình, nhanh trí, Thỏ chui vào bụi tre chờ Hổ đến.

Thấy Thỏ, Hổ hét to:

– "Nhãi con! Đố mày chạy đàng nào cho khỏi tay tao. Phen này tao quyết nhai xương mày cho hả giận!"

Thỏ bình tĩnh, ung dung làm lành với Hổ.

– "Anh Hổ thân mến ơi! Anh có nghe tiếng đàn ngọc của em không? Tiếng nó rất thâm trầm, thánh thót, du dương đấy! Nếu anh không ăn thịt em, thì em sẽ cho anh cùng nghe chung!"

Hổ đưa mắt nhìn chung quanh thấy gió đưa tre phát ra âm thanh "kéo–kẹt", lúc nhặt, khi khoan, nghe cũng thích thú, hay hay,

và lạ tai, nên tin là đàn ngọc của Thỏ thật, do đó tha cho Thỏ, và xin Thỏ cho cùng ngồi nghe đàn.

Muốn thoát khỏi tay Hổ, Thỏ nghĩ ra một kế rồi nói với Hổ:

– "Anh Hổ ơi! Anh nghe tiếng đàn của em hay chưa? Nhưng như vậy cũng chưa hay lắm đâu! Nếu anh muốn nghe đàn này gảy được những khúc hay hơn nữa, thì lúc nào hai cây tre buông nhau ra là anh đút đuôi vào kẽ giữa đó, anh sẽ được nghe bản đàn đặc biệt!"

Sẵn tính tò mò, Hổ liền quay mặt, đút đuôi vào tre theo lời Thỏ nói. Nhưng hỡi ôi! Biết dại, thì đã muộn rồi, Hổ ta bị tre kẹt đau chết điếng cả người, muốn rút đuôi ra cũng không được!

Nhân lúc Hổ bị tre kẹt dính đuôi, Thỏ ta liền tung mình nhảy ra ngoài, cố sống, cố chết chạy thoát thân!

Hổ rút được đuôi ra, tuy bị thương nặng, nhưng vẫn quyết đuổi theo Thỏ trị tội!

Chạy được một ngày, Thỏ vì yếu sức nên bị Hổ đuổi kịp.

Thấy bên đường có những bụi mây to, um tùm, với những đám chôm chôm chín vàng, Thỏ lại chui vào chễm chệ ngồi ở giữa đám mây, hái quả chôm chôm ăn, ung dung ngắm trời đất.

Hổ đuổi kịp đến nơi, thấy Thỏ đang ngồi, liền quát lên: Nhãi con! Giờ tận số của mày đã đến!

Thỏ thấy Hổ tuy giận dữ, nhưng cũng đói, muốn xông vào chỗ Thỏ ngay cũng chưa được, vì gai mây nhiều nên anh ta vừa bứt chôm chôm chín ném ra cho Hổ, vừa nói:

– "Anh Hổ ơi! Giận em làm chi cho mệt. Anh hãy lại gần đây em cho ăn quả "đào" này rất bổ, rất ngon, lại hết đói đấy"!

Hổ đang mệt và đói, lại thấy Thỏ bứt cho bao nhiêu là quả chôm chôm, và quả mây chín, trông thấy rỏ rãi, nên cũng nguôi giận, ngồi ăn.

Để tìm cơ hội thoát thân, Thỏ tươi cười bảo Hổ: anh Hổ ơi! Muốn được chóng no, anh hãy lấy hai tay tuốt quả thì mới nhanh được. Nghe Thỏ nói cũng có lý, nên Hổ làm theo. Nhưng vì dùng mạnh quá, nên bị gai đâm dính vào hai tay Hổ nhăn mặt buông tay ngồi gỡ gai. Thỏ lại tiếp tục chạy trốn.

Thấy Hổ lao mình chạy đuổi theo sắp đến nơi, Thỏ hoảng quá, nhìn quanh quất không nơi ẩn tránh, chỉ có tổ ong Vò vẽ to ở cạnh đường. Nhanh trí, Thỏ chạy đến bứt lá nút cửa miệng tổ ong lại, rồi ngồi xuống cạnh đấy.

Hổ chạy đến, Thỏ vẫy Hổ nói:

– Anh Hổ ơi! Nếu anh không ăn thịt em, em sẽ cho anh cùng nghe "trống thần" của em đây rất hay! Rất hay!

Nói xong Thỏ vừa múa vừa hát:

– Cà tụp ù ù

Nhọc công...

Con Thỏ nổi lưng

Heo con nổi cổ"

Hổ nghe tiếng ong Vò vẽ trong tổ kêu ù ù, lại thấy Thỏ vừa múa, vừa hát cũng hay hay và êm tai, nên quên giận, và hứa tha tội cho Thỏ, rồi đến ngồi gần để nghe.

Thỏ thấy Hổ đã say mê trống thần của mình rồi. Thỏ liền nói Hổ:

– Anh ngồi đây nghe nhé! Em đi lấy thêm trống khác nữa, để anh thưởng thức cho thỏa thích. Trong khi em chưa về, nếu lúc nào trống thần kêu tiếng bé đi, thì anh cứ mở nút ra, rồi đút đuôi vào trong lỗ, quậy một hơi, trống sẽ kêu to và nghe rõ lắm!

Nói xong, Thỏ ta lẻn ra ngoài, cong đuôi chạy không dám quay đầu ngó lại.

Anh chàng "Chúa sơn lâm" hung ác, và ngu ngốc, ngồi nghe "trống thần" mãi không chán. Nhưng bỗng nhiên tiếng trống dần nhỏ đi, nhớ lời Thỏ dặn, Hổ liền mở nút tổ ong, quậy thật mạnh để cho nó kêu to. Nhưng không ngờ ong bay ra đốt cho Hổ một trận nên thân, mình mẩy bị sưng vù suýt chết. Biết là lại mắc mưu Thỏ nữa, Hổ điên tiết lên, cố gắng chịu đau, cong đuôi phóng nước đại, mong tìm bắt được Thỏ để nhai xương cho hả dạ!

Phần sợ Hổ đuổi kịp phen này khó thoát nanh vuốt của tên "bạo chúa", phần thấy trời đang bị mây đen bao phủ, sấm chớp ghê rợn cả người, mưa giông sắp đến nơi, Thỏ ta cố chạy, không nhìn kỹ được đường đi. Do đó, anh ta bị rơi xuống cái giếng khô. Tìm

cách lên mãi không được, mệt quá, Thỏ ta đành ngồi thở ra, chịu với số phận!

Hổ chạy đến đánh hơi thấy Thỏ ngồi dưới giếng, Hổ hầm hừ nói:

– Chuyến này mày có giỏi chạy đàng nào thoát được tay ông, thì chạy đi xem nào?

Thỏ đang lúng túng bỗng nghĩ ra một kế, liền làm ra vẻ hoảng hốt nói to lên:

– "Anh Hổ ơi! Chết đến nơi mà còn chưa biết sao"! Thỏ vừa nói vừa chỉ lên Trời! "Trời sắp sụp rồi đấy"! Nếu anh không ăn thịt em, thì em cho anh xuống ngồi núp trốn chung với em, để khỏi bị Trời đè tan xác đấy"!

Hổ giật mình nhìn lên Trời, thấy mây đen bủa giăng, sấm chớp dồn dập, chim cò vỗ cánh liệng nhanh, nên cũng tin là Thỏ nói thật, liền nhảy bừa xuống giếng.

Biết Hổ đã chịu mình, Thỏ lại gần vuốt ve mơn trớn để Hổ nguôi giận. Hổ thấy Thỏ có lòng tốt cứu mình, và đối xử ngọt ngào như vậy, nên cũng quên chuyện trả thù Thỏ.

Sợ hết cơn mưa, Hổ lại giở mặt, nên Thỏ tìm kế thoát thân bằng cách thỉnh thoảng dùng ngón tay chọc hông Hổ. Hổ ta bị buồn nhảy lồng lộn lên. Tức giận trò trêu chọc của Thỏ, Hổ đe, nếu còn trêu, sẽ ném lên khỏi giếng cho Trời sụp chết.

Nắm được ý Hổ, Thỏ càng trêu già. Hổ giận quá, liền nắm chân Thỏ ném luôn lên khỏi giếng!

Thoát nạn, Thỏ nghĩ nếu để cho Hổ sống, thì mình cũng như những bạn bè nhỏ yếu khác, chắc chắn không thể nào thoát được tay hắn. Không nhân cơ hội này mà diệt cho dứt hậu họa, thì sau có hối cũng không kịp! Nghĩ như vậy, Thỏ liền vừa chạy, vừa la:

– "Bớ người ta, Hổ bị sụp giếng, mau ra bắt nó đi"!

Gần đấy có nhà đang làm lễ cưới, nên khi nghe Thỏ la như vậy, mọi người liền cùng nhau mang dáo, mác, gậy gộc ra đập chết Hổ khiêng về.

Nhân lúc mọi người chạy đi bắt Hổ, Thỏ ta lẻn vào nhà cưới, chén một bữa bánh trái, hoa quả no nê, rồi lại ra đi.

Lãm Tâm
sưu tầm, biên soạn

THỎ VỚI HỔ, SÓI, VOI

Trong lúc Thỏ đang ngồi trên mình trâu ngắm trời đất, thì Hổ đánh hơi tìm mồi, mon men đến gần.

Ngửi thấy mùi Hổ bay nồng nặc, Thỏ hoảng hồn sợ Hổ cũ theo trả thù, nên muốn phát sốt run lên – Nhưng nhìn lại thấy Hổ khác, nên cũng kịp thời trấn tĩnh tinh thần và lo đối phó. Đoạn Thỏ quay ra phía Hổ với vẻ bệ vệ và cười nói to:

– A ha! Bữa nay sao may quá thế! Ăn hai trâu chưa hết mà Hổ lại dẫn xác thêm đến nữa đây!

Nghe Thỏ nói, Hổ đang đi tới bỗng rùng mình hoảng sợ phải lùi lại – Anh ta suy nghĩ: "Hai trâu to như thế mà Thỏ còn vật ngã thịt được, huống chi là mình?" Đang lúc phân vân, Thỏ tươi cười vẫy Hổ nói: "Anh Hổ ơi! Lại đây đi, tôi chia mồi cho anh ăn tạm vậy. Nhưng anh nên nhớ kỹ là anh chỉ được ăn thịt không mà thôi. Còn tất cả lòng thì phải để dành lại cho tôi, ngủ xong tôi dậy ăn sau". Thấy Hổ có vẻ phục mình lắm, nên Thỏ cũng yên trí. Nói xong Thỏ nhào lăn ra đám cỏ khô định giả ngủ say để theo dõi Hổ.

Hổ được chén bữa cỗ trâu no nê, nhưng cũng có nhiều suy nghĩ. Thấy Thỏ ngủ say, Hổ nghĩ – Thỏ nhỏ thế này sao mà tài giỏi thế? Một mình, một lần mà vật ngã hai trâu to như Voi. Sức khỏe như mình, chưa chắc đã làm được như vậy! Hay là Thỏ nhờ cặp sừng (hai tai Thỏ) của anh ta sắc và cứng chăng?

Nghĩ xong, Hổ tò mò đến sờ thử tai Thỏ, và tỏ vẻ thán phục vô cùng.

Đang ngủ quên, bị sờ tai, Thỏ giật mình tỉnh dậy, nhưng giả bộ ngủ say để xem Hổ làm gì.

Thấy Hổ lùi ra ngồi ngắm mình, Thỏ giả bộ vươn vai ngồi dậy, dụi mắt rồi hỏi Hổ:

– Thế nào? Anh đã ăn xong chưa? Ăn xong thì đi ngủ đi để tôi ăn.

Đợi Hổ ngủ say, Thỏ chạy tìm một cục than rừng đang cháy, mang về để ở chân Hổ. Hổ trở mình trúng lửa bỏng chân, hoảng hốt nhảy hét lên, run cầm cập.

Thỏ hỏi:

– Lúc nãy tôi ngủ anh có đụng chạm gì đến tôi không? Anh phải nói thật tôi mới cứu anh được, nếu gian dối thì sẽ bị chết ngay.

Hổ sợ chết đành thú thật, có sờ "sừng" lúc Thỏ đang ngủ, để xem có sắc hay không.

Thỏ cười nói:

– Đó là trời phạt anh về tội đó! May mà anh thú nhận, tôi cứu kịp, chớ nếu chậm trễ, thì thánh cũng không gỡ được mạng anh.

Hổ nghe Thỏ nói, suy nghĩ: "Ta phải nhanh chân tránh xa lão này thôi, sống gần nó nguy hiểm, rồi có lúc hối không kịp nữa"! Nghĩ vậy, Hổ vội vàng bỏ chạy.

Hai con chó sói đang tìm mồi lang thang, vốn là bạn thân của Hổ, thấy Hổ đang chạy thục mạng, không hiểu chuyện gì, mới gọi Hổ lại hỏi.

Hổ vừa run, vừa kể lại sự việc của mình từ khi gặp Thỏ, cho đến khi Thỏ đãi ăn cỗ trâu, rồi vì sờ cặp "sừng" mà bị bỏng tay, và Thỏ cứu thoát chết. Vì quá sợ Thỏ nên phải chạy xa không dám sống gần anh ta nữa.

Nghe xong, chó sói nghĩ: "Trước nay mình chén không biết bao nhiêu là Thỏ rồi, tại sao Hổ lại nói Thỏ này ghê gớm thế" trong bụng bán tín, bán nghi, và nài nỉ Hổ đưa trở lại xem thử Thỏ tài ba như thế nào?

Lúc đầu Hổ từ chối không dám, nhưng thấy sói tha thiết gạn mãi cũng nể lời. Để bảo đảm lòng chung thủy với Hổ, chó sói bứt dây rừng bảo Hổ buộc cổ chúng dính vào với cổ Hổ, để khi có biến, không ai chạy bỏ ai được.

Thỏ đang ngồi, thấy Hổ dẫn cả chó sói đến, biết bọn ác này lại sinh sự với mình, nhưng không có cách nào bỏ chạy cho kịp, nên đành làm gan, ngồi lại tìm cách đối phó.

Đoán sự việc do chó sói gây ra, Thỏ nhanh trí liền nghiêm mặt thét to:

– Con Hổ chết toi kia, mấy hôm trước tao đã tha cho tội chết, mà không biết thân, nay lại bị chó sói gạt để đem nộp lễ, hôm nay ta ăn hết thịt hai con sói không no, nhất định phải chén luôn mày chớ không tha nữa!

Hổ ta như chim bị tên, nên khi nghe Thỏ quát to như thế, hồn vía lên mây, cong đuôi, cắm đầu chạy quên tên, quên tuổi. Đến khi mệt và thấy xa Thỏ rồi, mới dừng chân lại, đứng thở. Thấy chó sói nằm nhăn răng, mồm đầy máu me, Hổ nổi giận mắng rằng:

– Tao bị chúng mày gạt đem gán nợ, suýt bị Thỏ nhai xương, phải chạy thục mạng mới thoát được. Thế mà chúng mày vừa ăn, vừa cười tao, thật người ta nói lòng lang dạ sói là nham hiểm không sai!

Hổ thấy mình mắng mãi mà chó sói không trả lời, giận quá nhảy đến tát cho mỗi con một tát, nhưng thấy chúng đã cứng đờ, mới biết chúng đã chết từ lúc nào rồi!

Bụng đang đói, đi tìm mồi lang thang sợ gặp Thỏ thì khó sống, nên Hổ ta xé xác luôn hai ông bạn thân làm bữa cỗ ngon lành! Rồi ngả lưng đánh một giấc say sưa, thức dậy mới lững thững ra đi!

Vừa đi, Hổ vừa tức, vì con Thỏ nhãi nhép mà mình mất oai của một "ông chúa sơn lâm", nếu không giết được nó để trả thù, thì cũng không thể sống được ở rừng này! Sức mình chống không lại Thỏ, ta phải đi tìm thêm bạn nữa vậy!

Trên đường đi tìm bạn Hổ gặp được Voi. Mừng thầm có thêm được sức mạnh chắc chắn sẽ trả thù được Thỏ nên Hổ đi đến Voi, và kể lại đầu đuôi từ khi gặp Thỏ đến giờ.

Voi nghe Hổ nói, lên mặt làm oai bảo Hổ:

– Anh hãy cứ vững tâm. Có mệt hãy trèo lên lưng, tôi đưa đi, để xem Thỏ thế nào, rồi chúng mình cùng nhau hạ nó.

Hổ mừng rỡ, nhảy lên lưng Voi, chỉ đường trở lại chỗ Thỏ.

Thỏ đang ngủ, nghe động giật mình tỉnh dậy, nghĩ bụng: "Cái giống quen ăn thịt người, mình không động đến nó, nó vẫn không để cho mình yên thân". Nghĩ vậy Thỏ thét lớn:

– À, con Hổ chết toi kia! Mấy hôm trước mày mang đến hai con chó sói ốm teo, ốm nhách, nay lại dẫn xác con Voi già này đến, thịt nó dai như dây rừng thì ăn làm sao? Nhất định hôm nay tao phải ăn thịt mày thôi!

Hổ nghe Thỏ nói sợ quá, muốn rơi xuống đất, nên bốn chân bấu chặt vào lưng Voi, thủng cả da thịt. Voi bất thần bị Hổ bấu

cho đau điếng, lại nghe Thỏ nói và trông Thỏ có vẻ rất oai vệ, nên cũng hoảng sợ, cắm đầu, cắm cổ chạy quên chết!

Thấy Hổ, Voi đi rồi Thỏ cũng phải tìm đường lẩn trốn.

Lâm Tâm
sưu tầm và biên soạn

THỎ CỨU CÁ

Thỏ đang lang thang trên đường đi kiếm ăn. Bị khát nước, nên Thỏ xuống uống, rồi trở lên ngồi trên bờ mương nghỉ.

Bỗng Thỏ thấy bầy cá Rô, cá Diếc, cá Trê... đang bồng bế nhau, vừa đi vừa than khóc om sòm theo dòng nước!

Động lòng, Thỏ kêu hỏi:

– Anh Rô, anh Diếc, chị Trê ơi! Làm gì mà phải vừa đi, vừa khóc than như vậy?

– Anh Thỏ ơi! Làm sao cứu chúng tôi với! Cả dòng họ bạn bè nhà cá chúng tôi sắp tuyệt giống đến nơi rồi! Thằng Trăn to thì nằm cản dòng nước, cho Voi, trích, cò, ó tát nước để bắt hết dòng họ chúng tôi đấy! Chỉ có vợ chồng con cái chúng tôi, với mấy anh em nhà Diếc, nhà Trê ở cuối dòng nước, nên mới chạy thoát. Tội nghiệp, còn bao nhiêu họ thân thích, bạn bè chúng tôi, lát nữa nước cạn, là sẽ chết hết! Vừa nói chị Rô vừa khóc hu hu!!

Nghe chị Rô kể, Thỏ lấy làm thương hại, nghĩ phải tìm cách cứu cá thoát khỏi tai nạn mới yên lòng, rồi Thỏ nói:

– Thôi mấy anh chị và các cháu không phải đi đâu nữa, để tôi cứu cho!

Nói xong, Thỏ đi ngay lại chỗ các con vật đang tát nước bắt cá, và bẻ một lá cây bị sâu ăn thủng lỗ nhiều chỗ cầm theo tay.

Đi đến chỗ Voi, Trăn, Cò, Ó, Trích đang cặm cụi say sưa tát nước bắt cá, Thỏ liền hét to lên rằng:

– Các anh ơi! Hãy dừng tay lại cả đây! Tôi là người nhà trời, mang thư đến cho các anh. (Vừa nói vừa giơ lá cây lên cho mọi con vật trông thấy). Mời một anh nào đó đến đọc thư của nhà Trời đi!

Biết anh em đều dốt chữ, nên Trăn vội vàng nói:

– Mời anh cứ đọc cho chúng tôi nghe đi.

Thỏ gật đầu nói:

– Thế cũng được! Nhưng để cho mọi người cùng nghe rõ, anh Voi phải cõng tôi ra đứng giữa mương mới được.

Voi buộc phải ngừng tay, cõng Thỏ. Thỏ chăm chỉ ngồi trên lưng Voi, hai tay cầm lá cây thủng lấm tấm giơ lên như đọc thư:

– Đây là bản án của Trời ra lệnh trị tội các anh làm bậy đấy!

Rồi Thỏ đọc to:

Chặt chân con Trích.
Buộc túm chân con Ó
Chặt đầu con Chích chòe.
Nhổ ngà Voi trắng.
Cắt cổ con Cò
Mổ bụng con Trăn!

Nghe Thỏ đọc xong, Trăn, Trích, Chích chòe, Cò, Ó tưởng là lệnh của Trời thật, nên hoảng sợ, mạnh ai nấy bỏ chạy tán loạn. Nhờ đó mà nước mương chảy bình thường, đập vỡ tung đi, dòng họ nhà cá mừng rỡ nhảy múa.

Thỏ mỉm cười sung sướng, lại cất bước ra đi.

Lâm Tâm
biên soạn theo lời kể của mẹ Sóc
(dân tộc Khome Nam Bộ)

DÂN TỘC KHƠ MÚ

CHÀNG CHUỐI TÌM VỢ

Cha mẹ mất sớm, Chuối ở với người bác ruột. Hàng ngày, Chuối lầm lụi trên nương rẫy, hết bắp đến lúa, hết lúa đến thuốc phiện, thuốc lào... lại còn đặt bẫy đánh các thứ thú to, thú nhỏ...

Một hôm, Chuối ngồi nghỉ trưa trên một tảng đá to, chàng cất tiếng hát:

Đời ta khổ nhiều
Sống chẳng ai yêu

Ta muốn theo cha, theo mẹ
Ta biết tìm lối nào mà theo?

Bỗng hòn đá rùng mình. Từ dưới hòn đá, một người con gái trẻ đẹp hiện ra nói:

– Chàng Chuối đừng buồn, đừng than vãn. Chiều nay, lúc xẩm tối, chàng ra bờ suối sẽ có người gặp đấy.

Nói xong, cô gái biến thành một làn khói xanh bay vút lên không.

Chiều hôm ấy, cơm nước xong cũng vừa xẩm tối, chàng Chuối xăm xăm đi ra bờ suối, ngồi chờ. Một lúc sau, chàng thấy một cô gái gùi ống ra suối lấy nước. Chàng đang phân vân chưa biết nói thế nào, đã thấy cô gái trượt chân ngã xuống suối. Chàng nhảy ào xuống, kéo vội cô gái lên:

– Làm sao mà cô phải khổ như thế này?

– Chiều mai cũng khoảng thế này, chàng ra đây em nói chuyện.

Từ đó, ông bác thấy Chuối hôm nào cũng về sớm hơn và cơm nước xong là ra đó. Ông nảy ra ác ý, cho con trai đi rình xem Chuối đi đâu và làm gì.

Ông bác đã rõ chuyện hai người yêu nhau, liền đến báo cho nhà Tào Lý:

– Con Xan Mơ ở bản tôi xinh đẹp lắm, Tào Lý nên đưa nó về làm con dâu, làm đứa ăn, đứa ở trong nhà.

Tào Lý cho con trai đến nhà Xan Mơ. Thấy Xan Mơ xinh đẹp thật, con trai Tào Lý ưng cái bụng. Ít lâu sau, Tào Lý cưới Xan Mơ cho con trai.

Khi đám rước dâu đến bờ một con suối lớn, mọi người tản ra tìm chỗ nông để lội qua. Đang lúc đó, một con gấu trắng từ trên cây, nhảy xuống vồ lấy cô dâu mang đi mất.

Tào Lý bảo con:

– Mất đứa này ta tìm đứa khác, người Mảng thiếu gì con gái xinh đẹp.

Khi nghe tin Xan Mơ bị gấu mang đi, chàng Chuối liền rút lưỡi mác của ông bác, mài thật sắc, quyết đi tìm người yêu.

Đi đến hòn đá nơi kỳ trước có người con gái chỉ người yêu cho chàng, chàng ngồi lên đó và hát:

Đời ta khổ nhiều
Mất cả người yêu
Ta muốn theo Xan Mơ
Ta biết tìm lối nào mà theo?

Hòn đá rùng mình. Cô gái trẻ đẹp hiện ra nói:

– Con gấu ấy sống trên nghìn năm đã thành tinh, nó có thể biến hóa khôn lường. Ta cho chàng chiếc nỏ và mũi tên này. Nhưng chàng phải đi tìm cho bằng được con ngựa trắng bờm dài ăn ngoài bãi biển mới mong giết được nó.

Chàng Chuối cầm lấy nỏ và tên, lẩm bẩm:

– Ước gì ta hóa thành con cá Chuối lặn xuống suối này tìm đường ra biển, thì nhanh biết mấy.

Lập tức, chàng biến thành con cá Chuối nhảy ào xuống suối.

Không may cho chàng, trên đường xuống biển lại chui vào chắn của ông lão đánh cá người Kinh.

Sợ bị cho vào nồi, chàng hiện trở lại thành một chàng trai Mảng với cả cung tên đầy đủ.

Nhìn thấy ông cụ râu tóc bạc phơ, mắt sáng như sao, râu dài quá rốn, mừng lắm, chàng Chuối kể cho cụ nghe về chuyến đi của mình. Ông cụ cho chàng ba xương cá ngạnh và dặn:

– Mỗi lần gặp nguy hiểm, cháu dùng xương này làm mũi tên mà bắn.

Chàng Chuối lại hóa thành cá Chuối bơi ra phía biển.

Ra đến biển, chàng hóa lại chàng trai Mảng ngồi trên một phiến đá. Chàng thấy xa xa có một con sói đang vồ con ngựa trắng bờm dài. Dịp may hiếm có, chàng dùng ngạnh cá bắn một phát vào chó sói, cứu ngựa.

Ngựa ngơ ngác nhìn quanh xem ai là người đã cứu mình. Chàng Chuối chạy lại vồn vã:

– Chào ngựa trắng, ngựa trắng đi đâu mà bị nạn thế này?

– Người là ai và từ đâu đến đây?

– Ta là người Mảng trên rừng đầu nguồn, nay xuống ven biển gặp ngựa trắng. Ta nhờ ngựa trắng giúp đi tìm lại người yêu đã bị gấu cướp mất.

– Con gấu ấy chính là con sói mà chàng vừa bắn đấy. Chàng hãy ngồi lên lưng ta dượt theo nó, mới tìm ra chỗ ở của nó.

Chàng Chuối ngồi lên ngựa trắng bay là là như một đám mây. Ngồi trên ngựa, chàng Chuối lại ước:

– Ước gì ta nhìn thấy được con sói đã bị trúng mũi tên của ta lần trước.

Bỗng chàng nhìn thấy con sói sắp chạy vào cửa hang to. Chàng bắn mũi tên ngạnh cá thứ hai. Con sói lăn ra chết. Ngựa đưa chàng đến trước cửa hang. Cửa hang bị một tảng đá to che lấp không có cách gì vào được. Chàng bắn vào cửa đá mũi tên bằng ngạnh cá cuối cùng. Hòn đá chỉ tóe lửa.

Chàng không tiếc vật ước là mũi tên đá của cô gái thần Đá cho, bắn thẳng vào hòn đá. Cửa đá tóe lửa và vỡ ra một mảng lớn.

Ngựa ghé mồm vào lỗ thủng hí lên một hồi dài. Hang sâu tự nhiên sáng ra. Chàng Chuối nhìn rõ trong hang có một cũi đá, trong cũi đá có Xan Mơ.

Không kìm mình được nữa, chàng hét lên:

– Xan Mơ, Xan Mơ.

Chàng dùng sức bẻ cũi đá, nhưng không thể nào suy chuyển. Bực mình, chàng lấy chiếc nỏ đập vào cũi. Cũi tự nhiên vỡ. Xan Mơ vẫn ngủ li bì. Chàng lại lấy cung đập nhẹ lên người. Xan Mơ bừng tỉnh. Hai người nhận ra nhau.

Ngựa trắng đưa hai người đến nhà ông lão người Kinh và ở lại đó, cưới nhau nên vợ nên chồng, sống một cuộc đời hạnh phúc.

DÂN TỘC LÔ LÔ

VUA ẾCH

Ngày xưa, có hai vợ chồng nhà kia nghèo mà lại không con. Năm ấy họ bàn nhau trồng bí ăn. Hạt bí gieo xuống không biết bao nhiêu nhưng chỉ có một mầm đâm ngọn. Dây bí xanh tốt, vươn dài nhưng chỉ đâm một hoa, kết được một quả. Vợ chồng ngày ngày chăm sóc bí như chăm sóc người. Quả bí cứ to mãi, không chín vàng

mà cứ xanh. Thấy nhà hết thức ăn, vợ bảo chồng lên rừng kiếm rau. Chồng nói:

– Cứ cắt quả bí mà ăn, nó lớn hết sức rồi đấy!

Bí to quá, cắt núm xong, không bê được, phải lăn bí vào nhà. Người vợ vừa bổ đôi quả thì bỗng có con Ếch từ trong nhảy ra. Ếch kêu lên: "Mẹ ơi, mẹ đừng chặt vào mình con! Bố con đi đâu, mẹ?"

Người đàn bà không hiểu sao Ếch lại gọi vợ chồng mình là bố mẹ. Bố mẹ nào mà lại có con Ếch? Chị chưa hết ngạc nhiên thì Ếch đã lại nói:

– Mẹ đuổi gà đi cho con, để con đi tìm bố.

Người đàn bà chỉ chỗ chồng đẫn củi cho Ếch nhảy đi. Đến trưa, Ếch vác búa cùng bố từ rừng về. Từ đây vợ chồng người nghèo nhận Ếch làm con. Đứa con nhanh nhẩu giúp được bố mẹ rất nhiều việc, nên tuy không phải là người nhưng từ ngày có Ếch, vợ chồng cũng thấy khuây khỏa.

Nhà vua có cô gái xinh lắm. Hỏi ra mới biết rằng vua chính là em cậu của mẹ nuôi Ếch. Ếch đòi lấy con gái vua.

Người mẹ vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi khuyên con:

– Lấy sao được hả con? Người ta là người, con chỉ là vật hèn mọn. Nhà mình nghèo, nhà người ta giàu. Vua biết vua sẽ giết con mất!

Ếch không nghe. Đợi lúc bố mẹ đi vắng, Ếch lẳng lặng nhảy đến nhà vua. Nhà vua to rộng, nuôi nhiều gà vịt, Ếch sợ gà mổ, liền trèo lên cây gọi vào:

– Cậu ơi! Cậu đuổi gà cho cháu!

Vua nghe tiếng lạ, ra hiên đứng nhìn chẳng thấy ai, quay vào.

Ếch gọi nữa. Lần này thì vua đã trông thấy chú Ếch đang ngồi trên cành cây. Vua không thèm trả lời, gọi người lấy ba cân lúa nếp, ba cân tam giác mạch trộn lẫn nhau, nếu Ếch nhặt trong nửa buổi xong thì cho vào. Ếch đi gọi các bạn thân là sâu, kiến, chuột, chim... tới nhặt giúp. Chúng nhặt rất nhanh, chưa hết nửa buổi đã xếp riêng loại nào ra loại ấy. Ếch nhảy vào nhà vua, ngỏ ý muốn lấy con gái vua.

Vua đáp: "Nếu thắng được ba vạn quân của ta thì nhà ngươi sẽ được như ý". Đợi quân lính nhà vua dàn xong thế trận, Ếch nhảy ra thật xa, gọi nhà vua lánh theo, rồi Ếch hô một tiếng, tự nhiên núi lở ầm ầm, đá đổ xuống đè chết tươi toàn bộ quân của vua. Vua giận lắm, vô cùng kinh hãi, nhưng vua vẫn không bằng lòng gả con gái cho con vật hèn mọn.

Ếch đến gặp vua, vua nói:

– Ếch đã làm chết hết quân ta. Nếu giờ Ếch làm sống lại được cả ba vạn quân ấy thì mới thực tài. Ta sẽ giữ lời hứa.

Ếch nhảy xa ba bước, hô một tiếng. Đá rầm rầm chuyển động, lăn về núi. Cả đoàn quân nhỏm dậy, nói cười như vừa qua giấc ngủ mê man. Mặc dầu vậy, vua vẫn muốn làm hại Ếch. Vua rủ Ếch đi chặt cây lấy gỗ về dựng thêm nhà cửa. Vua ở trên cao, Ếch ở dưới thấp. Vua chặt cây, bảo Ếch đỡ. Biết ý, Ếch tránh được tai nạn. Mưu ác này không thành, vua nghĩ mưu ác khác. Vua kêu ốm, bảo Ếch lên rừng tìm lá thuốc. Vua sai người đốt nương quanh núi để Ếch chết cháy. Thấy khói từ nương bốc lên, Ếch buộc củ nâu lên cành cây gần chỗ lửa lan tới. Còn Ếch hít một hơi, thở một hơi dài lấy đà nhảy vọt từ đỉnh núi về tới nhà vua mà vua không hay biết. Trong lúc ấy, lửa bén tới, củ nâu lăn xuống cháy thành than. Vua đinh ninh Ếch cháy thành than rồi. Nhưng khi vừa quay vào nhà thì đã thấy Ếch nhìn mình cười.

Đêm ấy vua ngủ, Ếch nhảy lên nóc nhà đái xuống. Nước đái làm vua ngứa ngáy, toàn thân lở lói khó chịu. Vua cho lính đi rao, ai chữa khỏi bệnh ngứa sẽ được lấy con gái vua. Ếch nhận chữa. Ếch lấy nhựa của da mình bôi vào da vua. Bôi đến đâu, những nốt ghẻ lở lặn đi tới đó. Lần này thì vua phải nhận lời gả con gái xinh đẹp cho ếch.

Vua gọi riêng con gái vào buồng, đưa cho cô một quả cân, một cái gậy, một cái ấm và một hòn đá mài dặn khi đi đường ném Ếch chết.

Ngày đón dâu đã tới. Cô dâu váy áo mới rực rỡ ngồi trên lưng ngựa. Vua bắt chú rể Ếch phải dắt ngựa cho cô dâu đi. Ếch không nói một lời. Còn cô dâu, vốn là người tốt bụng, lại biết Ếch tuy dáng hèn mọn nhưng có tài nên cô vứt cả ấm, gậy và đá mài đi, không làm hại Ếch.

Ếch dắt vợ về túp nhà nghèo. Ngày ngày cô ở nhà cho gà lợn ăn, mình Ếch đi nương, về nương trồng cây ngô, cây lúa.

Mùa xuân tới, xóm bản mở hội tưng bừng. Con trai, con gái náo nức đi chơi hội xuân. Ếch giục vợ đi chơi hội, còn mình thì nằm gọn trong chiếc sọt đan ngủ khì tránh gà mổ.

Nhưng khi vợ đã đi xa rồi, Ếch lột da, vươn vai, hóa thành một chàng trai to lớn, khỏe mạnh, xinh đẹp, giắt theo chiếc sáo đi chơi hội. Cô gái con vua không hề biết đấy là chồng mình. Cô mải mê nghe sáo và thầm mơ ước giá mình được tấm chồng khỏe đẹp và giỏi giang như thế.

Trời ngả chiều, ai nấy về nhà. Cô gái tò mò muốn biết chàng trai thổi sáo hay ở đâu nhưng chàng ta đi nhanh quá, không sao cô theo kịp. Nhưng trong xóm có người biết chuyện chàng Ếch lột da. Họ nói cho cô gái biết sự thật. Cô không tin. Về nhà cô vẫn thấy Ếch nằm gọn trong sọt ngủ.

Ngày thứ hai, đợi vợ đi rồi, Ếch lại hóa người, mặc bộ quần áo đẹp hơn nữa đi hội. Vẫn như bữa trước, vừa nghe tiếng sáo, lòng cô gái đã thầm ước chồng mình cũng tài giỏi như chàng trai tươi tắn nọ.

Ngày thứ ba, ngày cuối cùng của hội xuân, Ếch mặc quần áo lộng lẫy hơn nữa. Từ xa, các cô gái đã không rời mắt nhìn chàng. Tiếng sáo của chàng Ếch lại véo von bay xa, bay gần như ngỏ lời tha thiết làm cho người nghe đứng không yên, ngồi không được. Nghe tiếng sáo chưa đủ, phải nhìn tận mặt người thổi sáo. Nhưng hôm nay vợ Ếch phải kìm lòng mình, nghe theo lời dân bản, bỏ hội từ trưa chạy về nhà xem thực hư. Cô mở chiếc địu úp ếch. Ếch không có đấy, chỉ còn bộ da. Cô ném ngay bộ da Ếch vào bếp lửa. Ở đám hội, chàng Ếch tự nhiên thấy mình mẩy nóng ran, vội vàng phóng ngựa về nhà. Chàng vội bới miếng da đang cháy dở cấu thành mười sáu miếng nhỏ ném vào các góc nhà. Mười sáu mảnh da hóa thành mười sáu lọ vàng.

Từ đó, Ếch thành chàng trai xinh đẹp. Chàng đem vàng đi đổi gỗ dựng nhà. Vàng vẫn còn nhiều, chàng lấy vàng bọc cột nhà, lát nền nhà sáng loáng. Vàng vẫn còn nhiều. Chàng rải vàng thành chiếu từ nhà mình tới nhà vua và cho vợ mời vua tới ăn cơm.

Vua vẫn tưởng rể Ếch là con vật hèn mọn đáng khinh ngày trước, liền đáp:

– Cơm tao ăn còn chưa hết, tao lại thèm ăn cơm của nhà mày sao?

Nhưng khi ra cửa nhìn thấy vàng lát đường, vua kinh ngạc, dụi mắt nhìn đi nhìn lại hai, ba lượt. Vua tò mò đi tới nhà chàng rể.

Cửa nhà rể Ếch vừa mở ra, vàng khắp nhà sáng rực làm chói mắt vua, vua choáng váng đi không vững, ngã bổ nhào. Đầu vua đập vào ngưỡng cửa, vỡ sọ chết. Dân bản đồng lòng cử Ếch lên làm vua, người ta gọi là vua Ếch.

Người kể: Hoàng Đức

DÂN TỘC MẠ

LÉT VÀ LE

Cái thủa khá lâu rồi, ở một làng buôn Mạ Tơ lăm, lúc đó có bọn giặc ngoại xâm kéo quân đến chiếm cứ toàn vùng. Chúng vơ vét của cải và bắt người về làm nô lệ.

Người trong buôn run sợ, bỏ chạy, lẩn trốn khắp rừng. Người chui vào cái hang sâu. Người lội lên tận ngọn nguồn con suối nhỏ. Không ai chịu ở lại buôn theo giặc.

Mấy người già ít ăn, ít ngủ, nghĩ hung trong cái bụng "Ta không còn trẻ, khỏe mà đánh đuổi cái quân cướp kia đặng giữ cái yên, cái vui, cái no, cái ấm cho buôn làng, ít lâu nữa, con cháu ta sẽ có người lớn chân, mạnh tay, cầm cái cây, cái sắt đánh đuổi chúng đi... cho hết cảnh chia lìa, cho làng buôn mình trở lại làm ăn ấm êm hơn trước..."

Đâu biết được cảnh tan tác này, hai anh em Lét, Le đi làm rẫy xa hơn tháng nay, khi trở về, bỗng thấy buôn làng thê thảm, cây cối ngổn ngang, cửa nhà tan nát, rẫy gần xác xơ... Bốn bề vắng lặng như tờ. Không còn tiếng gà gáy, không tiếng chó kêu, không còn nhịp chày giã lúa đều đều bên suối nước...

Lét, Le lặng lẽ bước đi. Lượn một vòng từ đầu buôn đến cuối buôn. Đâu đâu cũng nghẹn ngào, phiền muộn... như muốn nói với Lét, Le nhiều điều oan ức...

Rẽ vào lối vắng, Lét, Le trông thấy một bà già tàn tật, què chân không đi nổi, rên la, gọi:

– Cháu ơi! Các cháu ơi! Các cháu hãy đi xa nơi này, đến đây chết mất! Bọn giặc đến cướp đất, cướp luôn cả trâu bò, heo, vịt... con thì nướng thịt, con thì mang đi... chả còn gì! Các cháu hãy đi đi! Các cháu hãy đi đi!

– Nếu, hai đứa tôi đi đi, vậy để dì ở đây chết sao đặng!

Ô! Già rồi, dì chết cũng phải...

– Không! Không thể để dì chết được. Hai đứa tôi sẽ cất (giấu) dì lên cái gác cao (d'ra rib) để đồ đạc kia... Chưa hết tiếng nói, Lét, Le đã bước khỏi cái thang tre và cất bà già lệch chân khuất trong tận cùng gác.

Xong, hai anh em Lét, Le về nhà mình. Nhà mình cũng đổ xiêu, cháy dở. Đi vào kho lúa, kho lúa cũng bị cháy và lôi ra hai mũi kiếm sáng loáng.

"Ôi! Cây kiếm của ông già ta năm xưa đánh giặc giữ buôn... nay cây kiếm muốn theo ta đánh giặc giữ buôn như ông già ta ngày trước..." Lét nghĩ trong cái đầu mình là thế. Le thì ngạc nhiên cho là chuyện lạ. Rút hai cây kiếm và nâng cao ngang đầu, Lét, Le khẽ nói với nhau:

– Làm sao? Bây giờ làm sao? Lét hỏi.

– Đi! Le đỡ cây kiếm chỉ ra đầu buôn, nói.

– Đi đâu? Lét hỏi

– Đi đánh giặc! Le đáp.

Và, lạ chưa, cây rừng ủ rũ đứng ở đầu buôn như mừng vui, ngẩng đầu vẫy gọi Lét, Le "Hãy ra đi giết giặc giữ đất, giữ buôn... để rẫy gần, rẫy xa thêm hoa trái cho trai gái hát cười, cho người trở lại yên vui..."

Lét, Le vung kiếm tiến lên phía trước. Đứng giữa gò đất cao đầu buôn, Lét, Le nhìn thấu bốn phương, tám hướng và thấy rõ

quân giặc đang ầm ĩ, say sưa bên những ché rượu cần thơm ngon bên gốc hai cây thông già nhất cạnh đường. Lét vỗ vai Le giục:

– Mình đi tắt rừng chặn trước lối rút của quân địch. Đến đó, mình bàn thêm với hai cây thông, chắc hai cây thông cũng đồng lòng hiệp ước với ta đánh giặc.

– Ờ, cây thông cũng đang nghĩ như ta đó! Le nói.

Lét, Le bước đi nhẹ nhàng. Lại gần, Lét, Le nói khẽ với hai cây thông:

– Cây thông ơi! Giặc cướp phá buôn làng, có buồn không, cây thông? Cây thông có ưng bụng cùng ta đánh đuổi chúng ra khỏi buôn rừng ta, để ông bà ta, con cháu ta về dựng lại cái nhà, chăm cái rẫy cho ra ấm, ra no... cho con gái, con trai lại hát hò suốt mùa cách còi (gặt lúa) như trước...

Hai cây thông hiểu ý, gật đầu.

– Ờ, nếu đã ưng cái bụng rồi, thông hãy hạ thấp mình xuống... Le tiếp lời anh – để ta đến chỗ quân giặc nói chuyện với nó, ơi thông!

Trong chớp mắt, hai cây thông vươn cao, cao mãi, cao hơn mọi cây khác. Lét, Le cất mình trong đám lá dày xanh che kín. Quân giặc vẫn không hay biết gì. Tàn cuộc, quân lính lui binh qua gốc thông già, Lét, Le chém lá thông rào rào như mưa trút xuống. Lá thông như muôn triệu mũi kim chích vào quân giặc. Lá thông bay che phủ chắn lối chúng đi. Lá thông dày đặc che vùi luôn lũ chúng. Quân giặc hoảng hồn. Không hiểu sao, không biết đi đường nào...

Từ trên cây thông cao, Le nhảy xuống, vung kiếm chém hết đầu tên này đến tên khác. Cây kiếm của Le oằn đi, gần gẫy.

Lét nhảy xuống, tiếp tay em chém giặc. Đầu thù như trái cây chín rớt. Le vội leo lên chỗ Lét đứng chém lá thông bằng con kiếm gần gẫy của mình. Lét chém hoài, chém tới, chém đứng ông tướng đứng đầu của giặc. Đường kiếm của Lét độc lắm. Cuộc đọ sức dữ dội, tướng giặc dính mũi kiếm của Lét, ngã gục dưới gốc thông, máu chảy ròng ròng, không kịp nói lại với quan quân nửa tiếng.

Thắng giặc, hai anh em Lét, Le ngồi tựa gốc thông, thở phào khoan khoái. Hai cây thông thân thương vững thế trên đất rừng kiên cường, kiêu hãnh và hát ca trước gió như chào mừng, như kêu

gọi bà con làng buôn đang ẩn náu chốn hang sâu, nơi đầu ngọn suối... hãy về buôn cũ rừng xưa, xây dựng lại làng buôn, cuộc sống.

Tin vui thắng trận nhanh như một làn gió. Buôn làng khắp ngả đổ về. Lét, Le nhập vào dòng người nhẹ bước.

Về nhà, hai anh em bàn nhau "Cất hai cây kiếm của cha vào kho lúa cháy y nguyên chỗ cũ".

Chả mấy chốc, dân buôn về đủ mặt, không thiếu một người. Tiếng nói, tiếng cười vui vẻ. Ai ai cũng ráng sức chém cái cây, chẻ cái lạt, giúp nhau dựng lên cái nhà, cái kho ở tạm.

Lét, Le thấy cha mình khỏe hơn trước nhiều. Chị gái cũng trẻ đẹp thêm ra. Người cha nắm tay Lét, Le hỏi:

– Các con! Các con có biết ai giết giặc giữ buôn làng trở lại yên vui, đầm ấm đó không?

– Dạ! Các con không hay ạ! Lét, Le đáp lời.

– Ờ, mà tại sao hai cây kiếm của cha trong kho lúa kia lại vấy máu và muốn gẫy một cây đó?

– Tại sao... Trong cái bụng Le muốn thưa là mình đánh gẫy kiếm của cha, nhưng sao cái miệng lại ngập ngừng...

– Dạ, thưa cha!... Lét hiểu cái bụng của Le và nói thay cho Le những điều đang muốn nói – Dạ, thưa cha... chính hai con của cha đã giết giặc giữ buôn làng yên vui, đầm ấm bằng hai kiếm của cha đó.

– Ôi! Hai con của ta, Lét, Le! Người cha quỳ dưới thềm nhà nâng hai cây kiếm lên quá đầu rầm rầm khấn vái và xin Yang B'Nơm được trao hai cây kiếm quý ấy cho Lét, Le làm vật báu.

*

Đánh tan giặc, giành lại cái yên, cái vui, cái no, cái ấm cho buôn làng, Lét, Le vẫn cần mẫn làm ăn và yêu thương cái con rẫy mỡ màu bắp, lúa... cũng như con suối, cây rừng hôm sớm reo vui... Nhất là những ngày đầu mùa lúa rẫy chín vàng trải màu nắng ấm, chị gái của Lét, Le làm siêng hơn và bảo hai anh em hãy ngủ lại nhà rẫy mà trông coi những hạt vàng, hạt ngọc...

Đêm đêm chả ngủ được nhiều, vì cái rẫy rộng nó lạnh. Lét bảo Le xách ná vô rừng kiếm con thịt nướng ăn cho ấm bụng, hai anh

em đi thâu đêm suốt sáng. Lúc trở về, cái tai nghe rõ tiếng nước reo và tiếng người cười, nói. Lét giơ tay ra hiệu cho Le dừng lại và nói khẽ vào tai Le.

– Ủa, có ai ra giếng thần múc nước sớm vậy, hả?

Hai anh em nắm chặt tay nhau, rón rén đến sát bờ giếng. (Giếng là một vũng nước dọng từ khe đá chảy ra, trong suốt. Người qua lại ngăn chắn đất đá thành bờ và gọi là giếng thần). Bỗng tiếng người im bặt chỉ còn lại mặt nước lăn tăn gợn sóng.

Sáng hôm sau lại đi săn về qua giếng, Lét, Le lại chỗ bờ giếng sớm hơn "Đúng, tiếng nói cười của hai người con gái", Lét nghĩ thế và bảo Le leo lên đỉnh ngọn cây, thu hình vào chòm lá biếc và dòm ngó.

– Ôi! Đẹp làm sao!... Thôi, đúng rồi, hai vệ nữ của thần núi đi lấy nước đó, Lét ơi!

– Ờ! Hai vệ nữ... Lét mải mê nhìn những bầu nước đầy đang lao xao nhiều hạt ngọc sáng lấp lánh, lấp lánh... Đằng đông, ửng rạng ánh hồng...

– Chị tắm đi, người em nói.

– Sợ... Có người lạ... Người chị ngần ngại, nói chầm chậm.

– Ở đây, rừng sâu của thần núi ta, ai dám đến đây... Nghe người em nói phải, người chị cởi váy tắm và máng (mắc) lên cành cây khô. Một lúc sau, hai cái váy thành hai cái hoa nở muôn cánh hoa khoe màu sắc lạ. Có cả đàn voi và ngọn núi nữa...

Lét, Le thích lắm, thích những bông hoa và cả đàn voi đủng đỉnh đi bên ngọn núi của cả hai cái váy ấy. Mới ưng ưng cái bụng mà cái chân đã đi đến, cái tay đã muốn lấy để cất đi!

Tắm xong, hai chị em lại kiếm váy. Không thấy váy. Người em hỏi người chị, người chị hỏi người em:

– Váy của tôi đâu, chị?

– Ô! Váy của tôi đâu, em?

Hai người tìm kiếm mãi vẫn không thấy váy. Lét, Le lặng im. Hai vệ nữ ngơ ngác nhìn rồi đi xa hơn một đoạn, đến gốc cây lớn, bỗng gặp Lét và Le, hai vệ nữ bàng hoàng ôm nhau, không dám nhìn Le, Lét.

– Hai cô kiếm cái gì đó? Lét, Le hỏi.

– Kiếm cái váy của tôi. Hai chị em cùng nói.

– Có phải cái này không?

– Đúng! Cái váy của tôi đó!

– Nếu của cô thì nó ở với cô, chứ không ở với tôi...

– Của tôi mà!

– Nếu cô lấy váy phải lấy luôn người cầm váy:

– Ô! Không lấy được! Người em nói.

– Ông già chưa ưng! Người chị nói.

– Tôi đến thưa với ông già! Lét nói.

– Đến nhà, ông già ưng! Le nói.

Không còn cách nào, hai vệ nữ phải dẫn hai anh em Lét, Le về nhà gặp cha mẹ.

Đến nơi, Lét, Le lạc cả cái mắt nhìn. Nhà cửa đẹp lạ. Lâu đài nguy nga nằm sâu vào lòng núi long lanh như dát vàng, dát bạc. Những cây cột đèn lớn thắp sáng cả một vùng cung điện. Nhiều bông hoa đá, nhiều bông hoa đá... Lét, Le đi giữa rừng hoa...

– Người nào vô nhà đấy, hai con? Cha mẹ vệ nữ hỏi.

– Thưa cha mẹ! Đây là chồng của con, cả hai chị em nói.

Vợ chồng thần núi thấy Lét, Le mạnh khỏe, oai vệ. Trên đầu rung rung cái lông chim b'hing, tay cầm ná, lưng đeo gùi có mấy cái tên mới vót...

– Ưng cái bụng lắm đó! Người vợ nói với thần núi.

– Con tôi đã ưng cái bụng, vợ tôi đã ưng cái bụng, còn tôi, tôi cũng ưng cái bụng... Được rồi, hai anh hãy về gặp thưa người nhà và đem lễ vật qua, ta sẽ cho "bắt" cả hai con gái ta đó!

Được lời thần núi, Lét, Le sướng vui, bước vội về nhà.

Vừa đến rẫy, Lét, Le gặp chị.

– Chị ơi! Chúng em sẽ về núi cưới vợ, Le nói.

– Vậy khi buôn làng cúng Yàng Logarờ, Yang Long Còi, Yàng Hai Pô, Yàng Nhôrohe... chị nhớ gọi chúng em về, nghe chị! Và, chị nhớ: mỗi khi tắm giặt, không được phơi váy giữa rẫy hay lối chúng em đi, nghe chị! Thôi, từ giã chị và nhờ chị thưa với mẹ cha là chúng em về núi.

Vừa nói xong, Lét, Le thành hai con cò trắng bay về ngọn B'nom N'Hoanh[1] cao ngất.

Vợ chồng thần núi lo sắm cưới cho hai con gái mình linh đình nhất xứ. Lét, Le và hai vệ nữ thành vợ thành chồng và ở luôn với thần núi.

Lâu lâu, những kỳ lễ lớn, Lét, Le vẫn thường về thăm buôn làng nương rẫy và nhảy múa hát ca.

Nhưng, lần sau nhất, Lét, Le về thấy chị gái phơi váy giữa rẫy, chắn lối đi của Lét, Le nên Lét, Le thấy xấu với lòng mình và giận chị, quay lại thần núi và không bao giờ về thăm nhà mình nữa.

Từ đấy đến nay, ai ai nhìn lên đỉnh B'nom N'Hoanh đều thấy giải mây trắng bay và cho đó là cánh cò trắng của Lét và Le đấy.

DÂN TỘC MƯỜNG

KHÓA-NỐÔI-PA-MƯƠI

Ngày xưa, ở một chòm nhỏ, cheo leo sườn núi có hai vợ chồng phúc hậu, chăm công, chăm việc nhưng rất hiếm hoi. Họ đã chạy hết mường này, mường nọ xin thuốc, xin cỏ, cầu trời, cúng ma, mong có nếp, có tẻ[2] để nối nghiệp bố mẹ.

Càng về già, vợ chồng càng buồn cho số phận héo muộn của mình. Ngày đêm vóc yếu, mình hèn, không có người bưng nước, lấy tăm. Nỗi buồn phiền cứ thế mà ngấm vào bụng, vào dạ làm vợ chồng già đi trước tuổi.

Mãi đến khi tóc đã bạc, răng đã long, tự nhiên người vợ có mang. Mang thai được sáu tháng ba năm thì đứa con trai đầu lòng ra đời. Tiếng khóc của đứa trẻ làm cho vui cửa vui nhà.

Nhưng đứa trẻ mới sinh ra rất khác người, ba tháng đã biết nói khỏe cười, còn ăn uống thì không ai bì kịp:

---

1. B'nom N'Hoanh, ngọn núi lớn miệt Đỉnh Trang Hoa, Di Linh, Lâm Đồng.
2. *Có nếp, có tẻ*: có gái có trai.

Buổi sáng đẻ ra, cơm ăn hết một niêu
Buổi chiều cơm ăn hết một năng[1]
Được một tuần trăng, nồi năm ăn chưa đủ
Hàng xóm lo sợ
Bảo ăn lấy phần
Ngày cơm ăn hai lần, uống nước hai vôi[2]
Đến năm tròn, nồi ba mươi ăn gọn...

Từ khi có đứa con, hai vợ chồng già trở nên vất vả. Ngày ngày phải làm việc gấp năm, gấp sáu lần khi trước, mà vẫn không kiếm đủ cơm cho con ăn no. Còn làng xóm thì nhìn thấy đứa trẻ ăn cơm mà sợ. Họ bảo không phải là người mà là con ma, con quỷ nên hết khuyên can vợ chồng già đừng nuôi đứa trẻ, lại còn chế diễu rất thậm tệ. Tuy vậy, nhưng vợ chồng già vẫn thương con mình hết mực.

Đứa con được hơn một năm, thì sức đã khỏe, lực đã dư, anh làm được nhiều công, nhiều của nhưng cơm vẫn chưa đủ ăn, áo không đủ mặc. Còn bụng lại hay ăn nhiều nên làng xóm đặt cho cái tên 'Khóa–Nôối–Pa–Mươi"[3].

Một hôm Khóa–Nôối–Pa–Mươi cùng bố lên rừng đào củ, bẻ măng, nhưng ngày sắp hết mà chưa tìm được gì. Nghĩ đến cái đói đang hành hạ trong bụng, anh hỏi bố:

– Ngày trước bố có cho ai vay nợ mà họ chưa trả thì bảo cho con đi đòi. Còn nhịn đói thế này thì khổ lắm bố ạ?

Vừa mệt, vừa đói, lại nghe con xin đi đòi nợ, người bố tức mình trả lời:

– Có nợ ở cái mường *Chăng–Còo*[4] mày đến đó mà lấy!

Nghe bố nói, Khóa–Nôối–Pa–Mươi tưởng thật, nên hôm ấy về nhà cứ mong cho trời mau sáng để ra đi lấy nợ về cho bố.

Khóa–Nôối–Pa–Mươi đi được một ngày đường, thì đến một chòm có rừng cau xanh ngắt. Trước chòm là cánh đồng lúa đang thì con

---

1. Năng: cái nồi đồng lớn hơn cái niêu, nấu được khoảng một cân gạo.
2. Hai vôi: hai ống nước vôi, một thứ ống đựng nước làm bằng luồng hoặc bương có lỗ hổng đan vào để gánh.
3. *Khóa–Nôối–Pa–Mươi*: anh ăn hết nồi ba mươi cơm.
4. *Chăng–Còo*: không có. Đã đói nghèo mà còn lại hỏi đi đòi nợ nên ông bố mới nói khích là đến *"Mường Không Có"* mà lấy.

gái. Muốn bước đi nhưng sóng lúa dập dờn trước mặt như có sức giữ chân anh lại. Còn ở cuối cánh đồng lại có một anh con trai đang đóng cọc bờ ruộng bằng trán của mình, làm Khóa–Nôối–Pa–Mươi phải phục cái tài đó và tìm đến gần anh *Đóng–Cọc–Bằng–Trán*[1] để xem.

Thấy người lạ mặt, to lớn khác thường, anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán ngừng lại nhìn rồi nói:

– Chào anh! Anh là người ở đâu mới đến đây?

– Dạ, chào anh! Tôi ở mường dưới đi đòi nợ ở mường *Chăng–Còo*. Nhân qua đây thấy anh có cái trán cứng muốn được nhìn một tí và rủ anh cùng đi với tôi cho vui, có đi được không anh à?

Nghe Khóa–Nôối–Pa–Mươi nói đi lấy nợ, mà nhà mình cũng đang thiếu hạt ngô, hạt lúa nên anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán cũng xin được đi theo.

Có thêm bạn, chân bước vừa nhanh, vừa khỏe. Chẳng mấy chốc hai anh đã đến một khu rừng, cây cối mọc lan ra bờ sông. Đang tìm lối vượt qua bên kia rừng thì từ trên đồi cao có tiếng ầm ầm như sấm nổ. Hai anh giật mình nhìn lên chỗ có tiếng động, thấy một anh con trai lưng đen, ngực to, đầu chít khăn đầu rìu, chèo một cái bè gỗ trông như cái nhà đang lướt cây rừng trườn về phía họ. Chờ cho bè đến gần, họ ra hiệu cho anh *Chèo–Bè–Cạn*[2] *dừng lại để hỏi thăm.*

Thấy hai anh con trai tỏ ý muốn gặp, anh Chèo–Bè–Cạn dừng tay chèo, lật khăn bịt đầu, lau mồ hôi rồi hỏi:

– Hai anh đi đâu mà lại vào nơi rừng rậm núi cao này. Các anh không sợ à?

Khóa–Nôối–Pa–Mươi trả lời:

– Chúng tôi đi tìm đến mường *Chăng–Còo* để lấy nợ đây. Ở đấy có nhiều lúa, ngô lắm. Lấy về được thì tha hồ mà ăn. Anh có đi với chúng tôi không?

---

1. *Đóng–Cọc–Bằng–Trán*: anh có tài đóng cọc không dùng vồ mà lấy trán để đóng cọc nên đặt luôn cho anh cái tên đó.
2. Chèo–Bè–Cạn: anh chèo bè ở trên cạn. Đặt cái tên ấy để nhớ cái tài của anh.

Khi biết hai anh này đi đòi nợ, anh Chèo–Bè–Cạn thấy ưng bụng mình lắm, nên bỏ bè chạy ra nhập bọn.

Ba anh lên đường. Họ ngược theo dòng sông, vượt qua ba đèo, bảy suối thì đến đỉnh núi cao. Dưới bóng mấy cây đa to râm mát ba anh ngồi nghỉ chân.

Họ ngồi xuống, chưa dập bã trầu thì tự nhiên từ trên cao có tiếng điếu cày rít sòng sọc. Ba anh ngơ ngác nhìn lên thấy một anh con trai tay dài chấm đầu gối, đầu to, mặt đen, vít ba ngọn cây đa lại với nhau làm nơi nằm nghỉ.

Anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán lên tiếng hỏi:

– Anh kia ơi? Làm gì mà lại ngồi trên ngọn cây thế?

– Dạ! Chào các anh. Tôi đi đánh bẫy nhưng ngủ quên ở trên này. Các anh đi đâu mà lại đến đây?

Khóa–Nôối–Pa–Mươi trả lời:

– Chúng tôi đi lấy nợ ở mường *Chăng– Còo*, anh có đi với chúng tôi không?

Anh *Vít–Ngọn–Cây–Đa*[1] nghĩ là mình đang đói, mà lại có người rủ đi lấy nợ, chắc phải được nhiều lúa gạo nên liền tụt khỏi cây, xin được cùng đi.

Đường dài, rừng núi trùng điệp, trong bụng lại không còn một hột cơm, nên dù có vui chân, nhưng sức lực đã giảm đi rất nhiều, họ đành dừng lại để tìm cái ăn.

Nhưng quanh họ là núi rừng, không kiếm đâu ra bóng người, không nhìn đâu thấy ánh lửa. Cuối cùng họ lại phải ra đi. Đến khu rừng thưa. Tự nhiên hiện ra một cái rẫy. Ở góc rẫy có một cái hang *điên điến*[2] to như cái gò mối. Họ bàn nhau bắt *điên điến* làm bữa.

Nhìn thấy hang *điên điến* quá to, anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán cởi áo chui vào. Nhưng vừa đụng tay vào mình *điên điến* thì nó đã co cẳng đá cho một cái vào trán làm anh bắn ra ngoài cửa hang.

---

1. *Vít–Ngọn–Cây–Đa*: anh có tài vít được nhiều ngọn cây lại với nhau để làm chỗ nằm tránh thú rừng.
2. *Điên điến*: con dế mèn.

Thấy anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán lắc đầu, anh Chèo–Bẻ–Cạn tức mình chít khăn lên đầu, chui vào hang. Lần này *điên điển* đã chui vào sâu hơn. Lừa lúc nó co chân định đá, anh Chèo–Bẻ–Cạn nhắm trúng chân nó mà xô trở lại nhưng lại run tay xô trật vào bụng nên cũng bị nó đá trúng đầu, làm bật anh ra ngoài.

Hai anh bị *điên điển* đá tức lắm, nhưng mẹo của mình không khéo nên đành chịu. Anh Vít–Ngọn–Cây–Đa nghĩ đến tài mình bẻ gẫy được cây to, mà cái chân *điên điển* lại không bẻ nổi thì hèn quá. Anh vươn mình xắn tay áo, chui vào hang.

Thừa lúc *điên điển* chui sâu vào hang, anh định một tay túm đầu, một tay bẻ chân nhưng cái đầu nó trơn quá, tay trái anh túm hụt nên lại bị *điên điển* đá bắn ra ngoài.

Thấy ba người bạn mình đã dùng hết sức vẫn không bắt được *điên điển*, Khóa–Nôối–Pa–Mươi tức giận, bắp thịt cuộn lên, định quyết liều với nó một lần cuối cùng. Anh chui sâu vào hang dồn hết sức vào hai cánh tay, lừa lúc *điên điển* vô ý, hai bàn tay anh khép chặt lấy đùi nó và bị nó đá thật mạnh làm anh bắn tung lên. Nhưng tay anh đã nắm chặt lấy chân *điên điển* nên đùi nó đành phải rời khỏi thân, theo tay anh ra ngoài.

Được đùi *điên điển*, bốn anh rủ nhau tìm lửa để nướng. Nhìn quanh, thấy một mụ già đang phát nương, họ đến đó xin lửa. Mụ già thấy bốn anh con trai to béo mắt mụ nhìn lấm lét thèm thuồng, nhưng mụ vẫn chào hỏi từ tốn rồi chỉ sang đồi bên kia, bảo một anh đi theo mụ tới bên ấy sẽ có lửa nướng.

Nghe lời mụ, anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán xách đùi *điên điển* đi theo.

Vừa chui vào khu rừng khác thì mụ già kia chính là mụ *Vái Vôn*[1] dùng phép bắt anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán lại và làm cho anh mù cả hai mắt.

Chờ lâu không thấy anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán trở về, anh Chèo–Bẻ–Cạn sang theo, nhưng vừa chui qua cánh rừng bên kia thì anh cũng bị mụ Vái Vôn bắt trói và làm mù mắt. Sau đó, anh

---

1. *Vái Vôn*: mụ yêu tinh.

Vít–Ngọn–Cây–Đa lại sang theo, nhưng vừa chui vào rừng đã bị mụ Vái Vôn hóa phép bất ngờ làm anh bị trói chặt và tối mắt lại mà không kịp chống đỡ.

Ở bên này, Khóa–Nôối–Pa–Mươi chờ nghe nóng bụng rồi mà cả ba anh không một ai trở lại. Anh đâm nghi, lo bạn mình bị hãm hại, nên anh đã tìm một con đường khác để đi sang đồi bên kia. Vừa chui vào rừng thì quả nhiên, mấy người bạn anh đã bị trói chặt vào gốc cây, máu me đầy mặt. Anh cẩn thận ngồi xuống, nấp sau một tảng đá nhìn quanh thì thấy ở bụi cây bên đường có mụ Vái Vôn mồm đỏ lòm, tóc xõa như bờm ngựa, hết đứng lên lại ngồi xuống, gãi đầu gãi tai sột sột và nhìn chòng chọc về phía trước.

Khóa–Nôối–Pa–Mươi đoán chắc là mụ đang chờ mình để bắt nốt, nên anh liền tìm một sợi dây thật dẻo cẩn thận bò lại phía sau mụ, rồi nhanh như chớp, anh quật sấp mụ xuống. Một chân đạp lên cổ, một chân đạp lên lưng, anh trói quặt hai tay mụ về phía sau.

Bị bắt bất ngờ, mụ Vái Vôn lè cái lưỡi đỏ lòm, đôi mắt đảo nhìn vào ba anh con trai bị trói lúc nãy mà thèm khát.

Mụ muốn dùng phép để bắt Khóa– Nôối–Pa–Mươi nhưng phép không còn thiêng nữa. Khóa–Nôối–Pa–Mươi bắt mụ Vái Vôn phải làm cho ba anh bạn kia khỏi mù, mụ phải ngoan ngoãn làm theo lời anh bảo.

Sau khi bạn mình thoát nạn, Khóa–Nôối–Pa–Mươi dùng thêm dây trói chặt cả thân mụ Vái Vôn vào gốc cây để mụ khỏi làm hại người khác, rồi họ bỏ mụ lại đó mà tiếp tục lên đường.

Bốn người ra đi, đi mãi. Đi qua nhiều đồi, nhiều núi thấy trước mặt xuất hiện một vùng có nhiều cây cau có khói tỏa trắng, làm cho chân họ bước dài hơn bụng họ đỡ đói hơn.

Đến nơi thì đó chính là mường *Chăng Còo*.

Trong làng, con trai đi săn đã về, con gái đi bến đã đông, bốn anh bèn hỏi thăm đường vào nhà ông Mường.

Ông Mường *Chăng Còo* nghe Khóa–Nôối–Pa–Mươi đòi nợ, bụng nghĩ mãi không ra nợ gì. Ông trả lời không nợ thì Khóa–Nôối–Pa–Mươi chẳng chịu. Ông bảo không trả, bốn anh con trai lạ kia cứ nằm đó mà ăn. Nhất là Khóa–Nôối–Pa–Mươi, cứ mỗi ngày anh ăn hết hai

nồi ba mươi cơm, lại còn ba anh kia nữa, nên chẳng mấy chốc mà cơm gạo trong nhà ông Mường hao hụt trông thấy.

Ông muốn đuổi họ đi cũng không được, mà nói không trả nợ cũng không xong. Nghĩ vậy ông Mường đành gọi Khóa–Nôối–Pa–Mươi lại nói:

– Thôi, bây giờ ta cho các anh mỗi người một gánh lúa, sắm gánh đi để về cho sớm.

Được ông Mường bằng lòng, họ liền tháo mỗi anh một cái xà ngang nhà ông Mường làm đòn gánh và chọn hai cái đụn thật to để đựng lúa.

Thấy bốn anh con trai sắm gánh ghê gớm như thế ông Mường biết mình bị hớ, nhưng lại sợ sức lực của họ mà đành ngậm miệng.

Lấy được lúa, cả bốn anh lên đường trở về làng Khóa–Nôối–Pa–Mươi để làm ăn sinh sống.

Từ khi Khóa–Nôối–Pa–Mươi bỏ nhà ra đi, làng xóm bị thiên tai đe dọa. Nước lũ chảy về chật lòng suối tràn ra hai bên tạo thành một dòng nước chảy thật mạnh, đào cây, đào cối, chảy về làng, phá nhà phá cửa.

Thấy xóm làng bị tàn phá, bốn anh liền rủ nhau lên rừng chặt cây, gánh đất, gánh đá chặn dòng nước.

Ngay hôm sau, trên rừng vang lên tiếng cây đổ, gẫy. Anh Vít–Ngọn–Cây–Đa bẻ từng cây thật to, xếp lại thành đống. Còn anh Chèo–Bè–Cạn thì cốn bè rồi chèo từ trên đồi về làng.

Ở nhà anh Đóng–Cọc–Bằng–Trán đã đóng cọc sẵn và Khóa–Nôối–Pa–Mươi đã chuyển đất đá về rất nhiều.

Vì thế, non ba ngày sau, dòng nước hung dữ đã bị chặn đứng lại, nước hết phép cướp của, cướp nhà, dân chòm được trở về sống cuộc sống yên vui, Khóa–Nôối–Pa–Mươi gặp lại bố mẹ và ba anh kia được dân làng đón tiếp tử tế và cùng ở lại làm ăn sinh sống ở đây.

Bùi Giá Ngọc
Huyện Cẩm thủy *kể*

CON RẾT VÀNG

Ngày xưa, ở dưới chân đồi *Háo*[1] có anh nông dân Mường nghèo khổ tên gọi là Sỏm. Sỏm mồ côi bố mẹ, họ hàng cũng không còn ai, sống cô quạnh như con chim *coong*[2] trong một cái *tương*[3] lụp xụp.

Ngày hai buổi, anh chít dao *pha*[4] *lên rừng phát nương, đốt rẫy, trồng bầu, trồng bắp. Bạn thân yêu nhất của anh chỉ có hai con gà trống, anh quí hai con gà ấy lắm. Ban ngày thả nó vào rừng kiếm sâu kiếm mối, đêm đến anh nhốt nó vào pó rớ*[5] *che lá cọ cẩn thận. Anh thích ngắm cảnh hai con gà bới đất tranh nhau một con nhái.*

Một buổi trưa, Sỏm đang tung hột bắp vào pó rớ nhìn hai con gà ăn, bỗng thấy một con gà lạ chui vào pó rớ cùng ăn với đôi gà nhà anh. Cho là gà nhà làng lạc đến, anh cũng tung cho nó mấy nắm hột bắp. Lâu ngày, ba con gà cùng lớn lên như thổi, xúm xít bên Sỏm, làm cho Sỏm quên hẳn có con gà lạc đến.

Hôm ấy, là ngày thứ chín mươi chín, kể từ ngày có con gà lạ. Đêm ngủ, Sỏm mê thấy một bà già rách rưới chống gậy vào ngõ, lần đến nhìn cái pó rớ một lúc, rồi bà cụ bước lên cầu thang, tiến đến bên Sỏm, phe phẩy cái quạt lông, dịu dàng nói.

---

1. *Đồi Háo*: thuộc xã Cẩm Tân cũ (nay là xã Cẩm Châu huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa).
2. *Chim coong*: loài chim gần giống chim đa đa, thường gáy vào những lúc khuya vắng, trở về sáng. Ngày xưa người Mường có tục "săn bắt chim coong ngày xuân", vào những ngày mùng 1,2,3 tết. Trên bàn thờ tổ tông thường có con chim coong sống hoặc đã được vặt lông, mổ lòng nướng khô dòn, để trên mâm.
   Chim coong thường kêu tha thiết, gợi lên nỗi nhớ thương của con chim ăn đêm "coong! coong! coong! coong!".
3. *Tương*: cái chòi, cái lều để canh nương.
4. Dao pha: thứ liềm to bản, mũi quắm, nhưng ngắn, dùng để vừa phát cây và chặt cây rất thuận tiện. Chị em phụ nữ đi làm thường mang dao pha để dùng cho tiện.
5. *Pó rớ*: có nơi gọi là cái lợng chợng, đan như cái nơm, to gấp bốn năm lần. Là cái lồng dùng bảo vệ cho gà con khỏi bị gà lớn mổ, hoặc diều hâu, chim cắt bắt.

– Lâu nay ta được con trông nom như người nhà, ta thấy con là người thật thà, ta sẽ để lại cho con mấy cái lông tơ này, nó sẽ giúp cho con nhiều việc lành.

Nói xong bà vụt bay lên trời mất.

Mở mắt dậy, mặt trời đã lách soi vào cửa *voóng*[1]. Sỏm xuống sân gọi gà cho ăn. Nhưng hôm nay anh không còn thấy con gà lạ đến ăn nữa, Sỏm gọi mãi cũng không thấy con gà lạ ở đâu.

Nhìn đi nhìn lại chỉ thấy hai con gà nhà xúm lại đào bới đống rác kiếm giun.

Đợi gà ăn xong, Sỏm xách pó rớ gác lên nạng. Nhưng lạ quá, pó rớ không chịu ở đầu nạng! Anh móc pó rớ vào nạng nhiều lần, nhưng mỗi khi anh bỏ tay ra là pó rớ lại rơi bịch xuống đất.

Anh nhìn cái nạng, hai cái ngánh vẫn chĩa lên trời như sừng trâu, nạng vẫn chắc như cây cột lim. Tại sao hôm nay nạng không chịu mắc pó rớ? Anh nhớ tới lời nói của bà tiên trong giấc mơ đêm qua, Sỏm chợt nhìn thấy ở trốc pó rớ có mấy cái lông gà, anh liền nhặt từng cái lông gà để xuống đất, rồi Sỏm lại xách ngược pó rớ ngoắc lên nạng. Lạ chưa, lần này pó rớ mắc vững vào nạng. Sỏm lẩm bẩm: Mấy cái lông gà ấy nó ngăn pó rớ không cho mắc vào nạng à!

Sỏm thử lấy một cái lông gà vừa rồi, dính vào chân pó rớ rồi lại treo lên. Quả thật, cũng như lần thứ nhất, pó rớ không chịu mắc vào nạng. Anh bèn thử buộc lông gà vào chân mình và thử trèo lên núi. Trèo được chín trái núi mà anh vẫn thấy mình còn đi được nhiều nữa, bỗng gặp một hốc đá có tổ ong mật, anh bẻ một cành cây thọc vào hốc thì hốc đá to ra bằng miệng thúng. Ong mật bay ra đốt anh túi bụi, nhưng nọc ong không cắm thủng được da thịt Sỏm. Anh tiến vào mấy bước nữa thì đường hang càng mở rộng dần.

Về nhà, Sỏm bỏ mấy cái lông gà vào ống tre đem giắt lên xà tường và nằm nghĩ miên man, suốt một đêm mắt Sỏm cứ mở ra như mắt con cú, không tài nào nhắm lại nổi. Anh nhớ lại chuyện: yêu tinh giữ của ở trong hang Thung Ông[2] mà các ông già làng thường kể cho anh nghe, nhưng chưa ai dám mò vào thung đó.

---

1. *Voóng*: cửa sổ của nhà sàn.
2. *Thung Ông*: thuộc xã Đô Lương, huyện Ngọc Lạc, Thanh Hóa.

Theo người già truyền lại, thì của ấy để ở trong bậc thang thứ chín mươi chín. Mỗi bậc thang có một hẻm đá như cái *rượp*[1] đang chờ một vật gì chui vào là kẹp lại, nhiều *hố răng*[2] *như cái miệng khổng lồ há ra chực nuốt bất kỳ con người, con vật nào bước qua. Lại có con yêu tinh giữ kho của có nhiều phép biến hóa. Ai to gan mò vào cửa hang thứ nhất thì hoặc là chết tươi, hoặc có được trở về thì cũng đầy vết thương vì yêu tinh cấu xé.*

Hôm nay, Sỏm đã có mấy cái lông gà. Sỏm tin ở sức mình sẽ vào được tận đáy hang, đánh chết được con yêu tinh để lấy của. Rồi Sỏm lại nghĩ đến khi được của anh sẽ tậu trâu, mua rìu, làm nhà thật đẹp và cưới Hoong, – con gái đẹp nết đẹp người của bác Pan – người mà lâu nay anh đã trao quả còn trao vòng tay bạc. Anh sẽ có quần áo đẹp, có hột cơm nếp rẫy như mọi người khác trong làng. Anh sẽ không bị bọn nhà Lang nhà Cun bắt nạt, cướp nương lúa, rẫy bắp như bây giờ nữa.

Sáng hôm sau, Sỏm chít dao bảy, buộc ống tre đựng lông gà vào lưng bước xuống cầu thang và anh không quên đổ ống bương ngô vào pớ rớ cho gà rồi mới đi vào rừng.

Dọc theo chân núi *Riếng*[3], đỉnh đồi Háo rồi Sỏm đi thẳng tới cửa hang Thung Ông. Hang sâu tối đen như miệng hũ, cửa hang có nhiều răng đá chìa lên, đâm xuống nham nhở như bụi gai *mài ón*[4]. Nhưng tin vào lông gà thiêng, Sỏm nhất định vào cho kỳ được, anh liền giở nút ống tre lấy ra hai cái lông gà buộc chặt vào chân, nắm cán dao chui đầu vào cửa hang, lông gà bỗng sáng lên như bó đóm. Sỏm đi một hơi dài, răng đá bỗng gẫy rạp, các hố răng lấp kín, đường vào hang cứ mở rộng ra, anh bước đi như đi trong tường nhà anh. Anh đi qua nhiều bậc đá, không thấy gì lạ, hai bờ vách đá chỉ có trăn nằm, cọp nấp và nhiều con dơi to như con diều hâu. Không

---

1. *Rượp*: một loại bẫy thú rừng, một cái mái trên có xếp đá gỗ nặng, mỗi khi con thú đi vào gầm đạp dây thì mái sập, đè chết thú.
2. Hố răng: thường thường trong các hang đá có những chỗ đất sụt sâu năm ba chục mét, có nước, như một cái giếng.
3. *Núi Riếng*: thuộc làng Khẻ, làng Riếng xã Quang Trung và một bên là xã Đô Lương huyện Ngọc Lạc và xã Cẩm Thạch huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hoá.
4. *Mài ón*: loại củ mài dễ đào, củ tròn to bằng nắm tay, gai chằng chịt đan trên mặt đất.

con vật nào cựa quậy, chúng nằm im như chết. Anh bước đến bậc đá thứ chín mươi chín thì bỗng nhiên bậc đá đổ "rầm" và tụt xuống kéo theo cả anh, nhưng anh không bị một hòn đá nhỏ nào chạm vào da thịt đầu tóc. Anh trèo lên miệng hố cao đến ba mươi chín sải.

Mụ yêu tinh đã chực sẵn ở miệng hố. Sỏm vừa ló đầu lên, mụ liền túm lấy chỏm tóc, nhưng vừa chạm vào tóc Sỏm, thì các móng tay mụ đã rụng ngay xuống, tan vụn ra, cả người mụ cũng đổ sập xuống và da thịt chảy ra thành nước. Sỏm không phải chém qua một nhát dao mà đã trừ được mụ yêu tinh và những con cọp, con rắn chung quanh đó cũng biến thành nước cả. Nước chảy xong bỗng anh hoa cả mắt, một khối sáng chói như ông mặt trời phả vào mắt anh. Sỏm phải cố mở to mắt, lâu lắm, mắt anh mới khỏi quáng.

Khối sáng ấy là một con rết, một con rết vàng! Con rết bằng vàng thật rồi! Nó nấp sau một tảng đá, anh bước lại gần thì tảng đá cũng tan ra, anh nhìn rõ ràng từ đầu đến đuôi và các chân của con rết, thích quá anh định đặt tay lên lưng con rết, thì có tiếng nói dưới chân anh.

– Cởi lông gà cất đi, không thì vàng sẽ nát đấy!

Anh biết là lông gà nói chuyện với mình, liền cởi nó cho vào ống và nút kỹ. Anh lại thò tay nắm lấy chân con rết lay lay, lay gẫy được hai cái chân thì Sỏm đã mệt nhoài và bụng đã đói, anh nghĩ đến hai con gà chắc ở nhà nó cũng đói như mình. Sỏm bèn gói lấy hai cái chân rết to bằng cán dao, trở ra cửa hang.

Từ ngày Sỏm được hai chân rết vàng ấy, anh làm nhà mới, mua rìu, tậu trâu, tậu ruộng và anh đã xin bác Pàn cho cưới nàng Hoong về làm cửa làm nhà.

Hai vợ chồng Sỏm làm nương giỏi, cày ruộng cũng giỏi, khuya sớm làm ăn đều có nhau. Chẳng bao lâu, nhà Sỏm đã giàu có hơn các nhà Lang nhà Cun trong làng.

Bọn nhà Lang nhà Cun tự nhiên thấy Sỏm giàu sang hơn chúng, chúng liền sai lính bắt Sỏm tra hỏi. Tại sao mày lại chóng giầu? Sỏm chỉ trả lời: Tôi không biết! Tôi cũng có giàu đâu mà!

Chúng lại vu cho Sỏm đi ăn cắp, nên buộc lòng anh phải nói thật; nhưng anh không hề nhắc đến mấy cái lông gà.

Bọn quan Lang, bọn Cun, Đạo bàn bạc hồi lâu chúng bảo Sỏm:

– Mày phải đem các quan trong làng đi xem con rết vàng nghe chưa!

Sỏm đã biết rõ bụng bọn nhà giàu, nhất định chúng muốn chiếm lấy con rết vàng để làm giàu thêm. Sỏm đành phải nhận lời đưa chúng đi lấy rết vàng.

Lão Lang về nhà liền cho người nướng bò mổ lợn mời ông Cun ông Đạo đến cùng ăn uống một ngày một đêm và bàn cách đi bắt rết vàng. Từ lúc con chim coong gáy lần đầu, bọn chúng đã bắt Sỏm dẫn đường ra đi. Đến hang Thung thì trời vừa sáng rõ.

Bọn chúng bảo Sỏm:

– Mày vào trước xem, xem rết vàng có còn không, rồi quay trở ra bảo cho các quan biết.

Sỏm đi thẳng vào đáy hang thứ chín mươi chín, nhưng rết vàng đã biến đi đâu mất rồi! Sỏm bèn chui sang các ngách hang khác để tìm con rết vàng. Đi mãi, Sỏm bị lạc trong hang sâu, không sao tìm lại đường cũ, anh đành chui ra cái chỗ sáng mãi trên chóp núi.

Mặt trời đã xuống sát ngọn đồi Háo, bọn Lang Cun vẫn không thấy Sỏm trở ra báo tin, chúng hết đứng lại ngồi, hết ngồi lại đứng. Một tên Lang bảo:

– Thằng Sỏm nó đã lấy được rết vàng và nó trốn mất rồi!

Tên Cun bàn:

– Trời tối rồi ta phải đốt đóm vào hang, tìm cho kỳ được thằng Sỏm mà cướp lấy vàng chứ! Thế là ba tên vác ba bó đóm to như cột nhà chui vào cửa hang. Đàn dơi thấy ánh lửa và nghe ngạt thở chúng bay xúm lại quạt tắt cả ba bó đóm. Bọn Lang phải đứng lại vì tối. Nghe có mùi thịt người cọp và trăn cũng vươn vai đứng dậy, chúng tranh nhau xông ra xé xác bọn Lang, Cun.

Bọn quan Lang, Cun, Đạo trong làng bị mất tích, dân làng không một ai biết. Ngay cả đến Sỏm anh cũng không rõ, chỉ có núi đá, hang sâu và đàn muỗi ở cửa hang Thung Ông là biết rõ câu chuyện của bọn Lang vào hang.

Sỏm phải ngủ trên đỉnh núi vì sợ chúng làm tội chưa dám về nhà.

Mấy ngày qua, anh nghe tiếng người nói ồn ào dưới mạn chân núi. Anh lẻn xuống gần đường truông nghe ngóng, thì ai đi qua chỗ

Sỏm núp cũng bảo: các ông Lang, ông Đạo, ông Cun đi làm gì mà năm hôm nay rồi không thấy về. Sỏm tin chắc đàn cọp đàn trăn ở hang Thung Ông được thần giữ của giao cho chúng trị tội bọn Lang, Đạo này rồi.

Sỏm vui vẻ về nhà chung sống với nàng Hoong không còn sợ bọn Lang, Cun dọa nạt như trước nữa...

Phạm Văn Tân
xã Thiết Ống – huyện Bá Thước *kể*

HANG VÀNG HANG BẠC

Một gia đình nông dân có hai anh em tính tình khác nhau. Anh hai thì nết na, thật thà và ham công tiếc việc. Còn anh cả thì quỉ quyệt, lười biếng, tay không muốn cầm dao, cầm cuốc, chân không muốn đi nương đi rẫy.

Bố mẹ chết đi để lại cho hai anh em một cái nhà năm gian, ba con trâu, hai xanh tám, và nhiều xanh nồi nhỏ với gà vịt. Trước lúc nhắm mắt người bố còn dặn các con:

– ...Các con phải thương nhau, dạy bảo nhau mà làm ăn. Đừng tệ bạc với nhau mà làng xóm chê cười cho.

Thế nhưng chúng nào vẫn tật ấy. Anh cả đối với em như người xa lạ; coi em như người ở để sai bảo. Còn anh hai thì ngày ngày một mình lên rừng, lên nương làm việc. Những lúc nghỉ trưa, nghỉ tối còn phải chăm con gà, đi vác ống nước. Anh hai làm việc không còn lúc nghỉ tay, nhưng vẫn bị anh cả chửi mắng, có khi còn đánh đập nữa. Thế nhưng anh hai không cãi lại một lời. Nhiều lúc tức quá, chỉ nuốt nước mắt rồi lủi thủi đi làm.

Anh em sống với nhau được hai mùa lúa chín thì anh cả có vợ. Chị vợ là một người già mồm. Từ việc cho gà cho lợn ăn, đến vác ống nước, đồ hông cơm cũng chẳng muốn làm. Đã thế lại còn cậy quyền bậc trên để làm nhục anh hai; và luôn luôn muốn anh hai chạy khỏi nhà để hai vợ chồng thừa hưởng gia tài của bố mẹ để lại.

Một hôm, vợ chồng anh cả đi thăm ông bà ngoại về, đã trưa mà thấy anh hai còn đang thổi lửa; tưởng rằng anh hai chơi bời không chịu làm cơm, máu nóng bốc lên, anh cả vứt con dao xuống

sàn rồi dùng những tiếng xấu xa để xỉ nhục anh hai, anh hai vẫn lúi húi trong bếp, chẳng hề cãi lại một lời.

Cơm dọn xong, vợ chồng anh cả ngồi lại rồi mà anh hai còn bắc nồi cám lợn, chờ anh hai lâu quá, hai vợ chồng ăn trước; anh cả vừa ăn vừa chửi. Tức quá anh hai không nói lại được, đành ngồi chùi nước mắt trong bếp.

Lâu nay chị vợ anh cả tìm hết cách này cách nọ để làm cho anh hai phải chạy khỏi nhà.

Lúc này thấy chồng đã nóng, chị vợ cũng vứt bát cơm xuống sàn rồi chạy vào bếp, chỉ tay vào mặt anh hai:

– Không muốn làm, không muốn ở thì đi. Đừng tưởng khóc rồi người ta thương. Nhà này không có cơm thừa để nuôi những thằng nhác.

Anh cả cũng đứng dậy, miệng hét lên, cơm phun đầy nhà:

– Đừng có giơ nước mắt ra đây với tao! Xéo mau! Tao cấm mày ở nhà này.

Rồi cả hai vợ chồng, người túm áo, người túm tay lôi anh hai xuống sân.

Từ đấy anh hai ra đi với hai bàn tay trắng và anh cũng không mong được trở lại nhà mình nữa.

Đi mãi, anh đã đi qua ba con suối, bảy quả đồi thì đến một cái làng nhỏ nằm cheo leo ven suối.

Anh vào làng mượn dao lên rừng làm một cái tương nhỏ, rồi phát nương sinh sống ở đó.

Thấy anh hai đẹp trai lại thật thà, chịu khó dân làng ai cũng thương nên người cho ống gạo, người cho con dao, cái cuốc... vì thế anh đã có đồ dùng làm việc, có bữa cháo, bữa củ để chờ mùa lúa, mùa ngô.

Ngày tháng trôi qua, nương bầu đã có nhiều quả chín vàng rộm và to như cái trống làng.

Từ khi bầu chín, anh dùng nó nấu cháo thay cơm. Đối với anh lúc này bầu là của quí nên hàng ngày anh chăm nom rất cẩn thận.

Nương bầu của anh đang mùa chín rộ, thì một hôm có đàn khỉ rất đông từ trên núi kéo về tranh nhau khoét bầu ăn no, rồi còn xúm nhau lại để khiêng bầu về rừng.

Đuổi mãi vẫn không làm cho đàn khỉ sợ. Cứ vắng mặt anh, đàn khỉ lại lẻn ra trộm vài quả khiêng đi. Anh đã dùng nhiều kế để đuổi khỉ nhưng chẳng ăn thua gì.

Một hôm, anh nấp dưới lùm cây, đón đường về của khỉ, về qua đó thì chúng đặt quả bầu trên ngọn cây to và hỏi nhau:

– Ta mang về hang vàng hang bạc hay hang cút bay nhỉ?

Nghe khỉ nói đến hang vàng hang bạc, anh hai ngạc nhiên. Hay chúng là con của trời cho xuống để thử lòng ta.

Anh nghĩ kế là sẽ theo chúng để tìm tới hang. Nhưng khỉ lại chạy trên cây, còn mình có theo thì phải luồn dưới rừng làm sao kịp được!

Đang nghĩ vẩn vơ thì một con khỉ to nhất đàn vung tay nói ồm ồm:

– Ta khiêng về hang bạc!

Hang bạc! Anh hai tự nhiên nói to lên như thế. Đàn khỉ nghe tiếng động, tưởng có người đuổi, chúng vội vàng hô nhau khiêng mấy quả bầu mà chạy.

Hôm sau, anh hai mài con dao thật sắc, đi lên nương từ lúc bìm bịp chưa gọi sáng.

Đến nương, anh dùng mũi dao khoét một lỗ ở quả bầu, rồi chui vào đó ngồi chờ. Còn miếng bầu cắt ra thì được lắp lại như cũ.

Lát sau, đàn khỉ cũng từ trong rừng lao nhao tới; nhìn quanh quất không một bóng người, chúng xúm lại một quả bầu to nhất rồi hô nhau khiêng quả bầu có anh hai đi.

Khiêng vào khỏi bờ rừng thì chúng đặt xuống để nghỉ tay hỏi nhau:

– Hôm nay ta mang bầu về hang nào bay à?

– Đem về hang vàng!

Nghe được tiếng hang vàng, anh hai mừng thầm trong bụng. Anh cố nín thở và ngồi thật vững để khỏi lăn trong quả bầu.

Nghỉ một lúc thì đàn khỉ trở lại bám tay vào khiêng quả bầu, nhảy về hang.

Anh hai đang nghĩ cách vào hang thì đàn khỉ dừng lại và từ từ đặt quả bầu xuống. Từ trong quả bầu, anh hai vung dao găm

nhảy phắt ra ngoài thét lớn. Đàn khỉ thấy anh hai chúng sợ mất hồn mất vía xô đẩy nhau chạy mỗi con một nẻo.

Anh hai cầm con dao găm lăm lăm đi sâu vào trong hang tối. Đi mãi, tới một ngách nhỏ thấy ánh lên một màu vàng chói. Anh luống cuống cởi áo, đùm một áo đầy vàng rồi đeo lên vai ra về.

Bầy khỉ tức lắm. Thấy anh hai từ trong hang đi ra, chúng gọi nhau nhảy xuống đón đường. Nhưng con nào liều lĩnh xông vào thì mũi dao găm của anh hai đã nhanh nhẹn xuyên thủng bụng chúng.

Thấy mấy con chết, cả đàn khỉ không còn con nào dám nhảy xuống nữa, chỉ ngồi trên ngọn cây nhìn chòng chọc vào anh hai mà gãi mình.

Về nhà, anh hai đem nửa số vàng lấy được chia cho dân làng, nên chẳng bao lâu tiếng tăm của anh đã bay vào tai vợ chồng anh cả.

Từ hôm đuổi anh hai đi, vợ chồng anh cả không còn biết gì về anh hai nữa. Thừa hưởng của cải của bố để lại, vợ chồng anh cả cũng dư ăn nên đối với kẻ nghèo người khó thường hay khinh họ.

Nhân ngày giỗ bố, anh cả cho vợ sang tìm anh hai về để cùng đốt hương cúng mồ mả. Nhưng thực ra thì anh cả muốn dò hỏi anh hai làm thế nào có được nhiều vàng.

Vốn thật thà, anh hai kể hết đầu đuôi câu chuyện.

Nghe xong chuyện, anh cả gọi vợ bưng mâm cỗ ra mời anh hai, rồi bàn với anh hai là anh em đổi nhà cho nhau vì anh hai đã phải sống khổ cực nhiều rồi. Chẳng lẽ để anh sướng một mình.

Nể anh, hơn nữa anh hai cũng muốn được thờ cúng bố mẹ nên bằng lòng.

Từ đó, anh hai được trở về ngôi nhà mà bố mẹ anh đã vất vả gây dựng nên và đem theo cả số vàng lấy được về.

Còn vợ chồng anh cả, từ khi đổi được nhà với anh hai thì ăn ngủ không yên. Không cần lấy một cái gì ở nhà cũ đem theo, mà vội vàng sang nhà tương cùng với nương bầu của anh hai để chóng lấy được nhiều vàng.

Một hôm, cả hai vợ chồng anh cả đi nương rất sớm. Lên đến nương họ vội vàng khoét hai quả bầu kế nhau để chui vào; mong cho khỉ mang cả hai vợ chồng đi để lấy được nhiều vàng bạc.

Ngồi đợi một lúc thì đàn khỉ lao xao chạy tới. Thấy vắng người, chúng chạy tìm được hai quả bầu to nhất khiêng đi, thì chính là hai quả bầu có vợ chồng anh cả nằm trong đó.

Theo thường lệ, chúng khiêng bầu đến một ngọn cây nào đó trong bờ nương, thì nghỉ và hỏi nhau đường về.

Vợ chồng anh cả nằm trong quả bầu, mong sao cho chúng đưa về hang thật mau. Nhưng chúng vẫn còn đặt lại để nghỉ, nên vợ chồng anh cả đành ôm bụng ngồi chờ.

Trong lúc đàn khỉ đang bàn chuyện thì một con hỏi to:

– Bay ơi! Bây giờ ta đưa về hang nào?

Con khỉ đầu đàn trả lời:

– Khiêng về hang cứt thôi!

Anh cả nghe rõ riếng hang cứt nên tức lắm, thét lên:

– Đưa về hang bạc chứ!

Nghe tiếng người nói trong quả bầu, bọn khỉ sợ quá, chúng buông tay chạy tán loạn. Hai quả bầu không có ai giữ, lăn từ ngọn cây xuống, va vào đá. Cả hai vợ chồng anh cả chết tan xác.

Từ đấy anh hai và dân làng chẳng thấy vợ chồng tàn ác, tham lam và quỷ quyệt ấy trở về nữa.

Còn anh hai thì ngày đêm lo lắng làm ăn, sửa sang lại nhà cửa.

Dân làng thấy anh hai hiếu thảo, hiền lành và siêng năng, nên đã chọn một cô gái đẹp nhất làng, hỏi cho anh làm vợ. Và cũng từ đó, anh hai không phải sống trong cảnh bạc đãi như trước nữa.

Cụ Ba Mưu
Xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc *kể*

NÀNG Ả VOI

Ở làng kia có một người con gái góa chồng sớm, nhưng nàng vẫn ở lại nhà chồng làm lụng vất vả hết năm này sang năm nọ, cứ như thế kéo dài suốt tám năm liền.

Một hôm nàng vào rừng hái nấm: khát nước, nàng lấy lá Pan múc nước ở cái vũng trong rừng để uống. Uống xong, nàng nhìn kỹ, thì vũng nước đó là một dấu chân voi. Từ buổi chiều hôm đó người

nàng khác đi nhiều, tai mỏng ra, tóc rụng hết. Thấy nàng có mang, người làng ai cũng chửi. Họ bảo nàng đi nằm sùng nằm sương và bắt nàng phải đi xa làng để đẻ. Cái thai ngày một lớn, mới một tháng nàng đã nghe đứa bé biết cựa quậy, đến tháng thứ hai nàng đã nghe đứa bé nó đạp rất hung, sang tháng thứ ba đã trở dạ, nàng lủi thủi ra rừng để đẻ. Đứa con gái vừa lọt lòng nàng chưa kịp nhìn mặt nó, thì một con voi lớn luồn vòi tới xốc lấy đứa bé đi biến vào rừng sâu. Nàng run sợ, lại thương xót đứa con, cứ ôm lấy cây rừng khóc lóc. Tiếng khóc của nàng làm cho đàn chim rừng phải ngừng hót, cây cỏ bên đường cũng phải ủ rũ, dòng suối cũng phải im tiếng chảy. Nàng gạt nước mắt quay về nhà. Thấy nàng trở về, bụng con không còn nữa, ai cũng bảo nàng đã phá thai.

Thời gian trôi qua, đứa con gái của nàng được voi già đem về nuôi nấng, chiều chuộng chẳng khác người, có khi còn hơn cả người bố đẻ. Voi già lại làm cho cô gái một cái nhà vừa xinh đẹp lại vừa kín đáo. Ngày ngày voi già đi xuống núi xin hoa quả, bánh trái về nuôi con. Voi già khéo nói, lại là chúa rừng, nên xin ai cũng nể cho thật nhiều. Cô bé lớn như thổi. Cô đứng đầu đã ngang nách voi già. Mắt cô trong xanh như nước suối, da thịt cô trắng như cánh hoa bưởi, miệng cười tươi như hoa giăng, cô gái đã là Nàng, đẹp hơn các loài hoa đẹp trong rừng.

Từ dưới quê mẹ của nàng có một chàng trai khôi ngô, làm nương giỏi, chặt một buổi được ba mươi chín cây to, chàng lại có tài săn bắn.

Một hôm chàng đi săn; tình cờ bắt gặp nhà nàng Ả Voi. Thấy nàng xinh xắn lại hiền hậu anh chàng thợ săn đã đem lòng yêu mến. Nhưng hôm đầu chàng chưa dám ngỏ ý, chàng chỉ xin nàng hai *lẻm*[1] nước uống. Nàng đổ cho chàng hai lẻm nước thật đầy.

Biết được voi già hung dữ, nhưng lại đi kiếm ăn suốt ngày, anh chàng đi săn kia chọn lúc voi già đi vắng tìm đến nói chuyện với nàng Ả Voi. Thấy chàng thợ săn hôm nào cũng đến, lại có ý săn sóc mình, nàng Ả Voi bạo dạn hỏi:

– Tại sao hôm nào chàng cũng lên rừng sớm được?

---

1. *Hai lẻm*: trang luồng (nứa, vầu...) chặt vạt sơ sơ.

Nghe tiếng nàng nói êm như tiếng chim *cu–lo*[1] *lòng chàng rộn lên, mặt đỏ như trái sung chín. Không thể giữ nổi mối tình thầm kín nữa, chàng nói:*

– Nàng đẹp quá, ta rất yêu nàng. Lấy tiếng là đi săn để ta gặp nàng, ta không thể xa nổi nàng, ta muốn nói chuyện và muốn lấy nàng làm vợ.

Nàng Ả Voi làm ra vẻ thẹn thùng từ chối, nhưng trong lòng đã yêu thầm chàng từ ngày rót hai lẻm nước đầy. Ngày ngày nàng vẫn mong có chàng khi voi già đi vắng. Nàng hay ra suối múc nước, thấy bóng chàng ở hòn đá bên dưới suối là nàng lẻn về nhà trước.

– Nghe chàng nói, em chẳng dám trái ý chàng, nhưng chàng phải chiều theo ý bố. Bố em thích nhất chuối voi[2], chàng cứ mang lên làm quà thì bố thương lắm. Chàng à, bố cũng dễ nóng tính lắm, mang chuối lên đừng cho con kiến bâu vào, vào nhà đừng vác súng; bố ngó thấy kiến và súng thì khó lòng mà sống nổi. Bố lấy vòi cuốn ngang người, tung lên, ném đi xa đến mười sải. Chưa tha đâu, bố lại xé xác rồi dẫm lên nữa!

– Ngày mai ta sẽ đến hỏi nàng.

– Chàng đến phải để chuối voi trước mặt bố, súng giấu ở ngoài hốc cây. Chàng phải quỳ xuống, vào nhà mà bố gật đầu thì chàng ngồi, bố lắc đầu thì chàng nên ra đi, kẻo mang vạ vào thân.

Nghe lời nàng dặn, hôm sau chàng đi săn vác một buồng chuối voi quả to như cổ tay, đi thẳng vào nhà nàng Ả Voi. Chàng đặt chuối và quỳ xuống trước mặt voi già. Voi già gật gật đầu, và dặn chàng:

– Hôm nào con đến ruớc vợ về thì mang cho ta mười chín buồng chuối voi.

Từ hôm ấy, voi già xuống khắp các làng xin quần áo rương hòm, cho con đi làm dâu. Ngày ngày chàng đi săn cũng chạy sắm thật nhiều chuối voi. Hôm ruớc dâu, chàng đưa đến hai mươi buồng, voi già thấy có cái ăn lại có cái để, voi gật đầu bằng lòng.

---

1. Chim cu–lo: chim ăn trong rừng cây cao, đầu bạc.
2. *Chuối voi*: họ chuối tiêu, quả to bằng bắp tay.

Đường về nhà chàng đi săn phải trèo qua chín núi, mười hai truông rừng. Nghĩ thương đứa con gái yêu, thương chàng rể đã mệt, voi già bảo các con mang đồ đạc và ngồi lên lưng mình. Voi già đi xuống núi rồi lại lên núi, đi qua truông rồi lại đến truông. Nhà chàng đi săn trải chiếu từ ngoài ngõ vào đến chân thang để đón dâu.

Từ ngày con gái về nhà chồng, voi già thăm con luôn.

Một hôm, trước khi ra về, voi già dặn hai con:

– Bây giờ bố đã già, biết rồi sau này có về thăm các con mãi được không. Nếu một tháng sau bố không về các con phải lên thăm bố với, bố chết ở đâu phải bốc xương về nhà các con mà chôn, các con sẽ được vàng.

Quả nhiên, từ hôm dặn con như vậy, về rừng, voi già chết thật. Một tháng sau hai vợ chồng lên thăm chỉ thấy một đống xương thịt thối rữa, vợ chồng nàng vội vàng đóng hòm rồi khiêng xác bố về chôn trong vườn.

Ngày tháng trôi qua, hai vợ chồng nàng Ả Voi đã có một đứa con gái, nó giống mẹ như hệt. Một buổi tối nàng đang ngủ thấy hồn voi già báo mộng:

– Con của các con đã lớn, nó rất đẹp. Bố không gần con để giúp đỡ được nữa, con hãy nghe bố dặn, khi con của con đi tắm ngoài suối thấy những bông đỏ đỏ trôi ngoài xa thì đừng bơi ra mà lấy. Đó là mào con ma *khú*[1] đấy con à!

Sáng hôm sau, hai mẹ con nàng Ả Voi vác ống nước ra suối đi tắm. Con bé trông thấy giữa dòng trôi nhiều bông đỏ đỏ như hoa vông, nó liền đòi lấy:

– Mẹ ơi, con muốn được bông.

Nàng quên mất lời báo mộng, chiều ý con nàng cởi váy áo bơi ra. Vừa đến nơi, lập tức ma khú dìm nàng lôi vào hang khú. Liền đó ma khú biến thành nàng Ả Voi bơi vào bờ, vác nước, đưa cho con gái hoa mào gà, dắt con về.

Ma khú có nhiều phép lạ, có tài biến hóa, nhưng tính nết không giống nàng Ả Voi được. Ma khú nhác việc lại không thương

---

1. *Ma khú*: con thuồng luồng.

con, mỗi lần uống hết chín ống bương nước. Biết không phải nàng Ả Voi vợ mình, chàng liền lấy lửa đốt cái hoa mào gà trên tay con gái. Tự nhiên con ma khú đã hiện nguyên hình một con thuồng luồng có mào đỏ chóe, mồm há ra như cái vại. Ma khú dốc hết phép hiện lại hình nàng Ả Voi, nó bắt chàng đi săn phải lấy nó. Sợ ma khú, chàng đi săn đành phải nghe lời, nhưng lòng chàng lúc nào cũng thương nhớ nàng Ả Voi. Ma khú xuống cho gà ăn, gà kêu ầm cả sân:

Cục ta cục tác!
Bà khác chứ không phải bà ta!

Ma khú ngồi vào khung cửi của nàng Ả Voi, vừa mới đưa thoi thì khung cửi thét vang nhà:

Tộp kha lộp kháp
Bà khác chứ không phải bà ta!

Ma khú lại đi giã gạo. Nó vừa trèo lên giường chày giã, đầu chày kêu lên:

Phịch khôống khoáng! Phịch khôống khoáng!
Bà khác chứ không phải bà ta!

Lúc ma khú đi giặt áo cho chồng, thì con chim cu chọi của chàng cũng hót lên:

Cú cu! Cú cu! Cú cu!
Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào
Chớ phơi bờ rào rách áo chồng tao!

Ma khú thấy mọi vật trong nhà đều ghét mình. Nhất là con chim cu chọi lại hót "rách áo chồng tao", ma khú càng sợ hồn nàng Ả Voi trở về. Tức quá, nó bóp chết chim cu chọi của chàng, rồi vùi vào bếp cho chết cháy.

Cùng hôm ấy, người bác ruột cầm một nắm rơm sang xin lửa. Ngồi vào bếp, bác khều tro tìm cục than to. Gặp phải con chim đang cháy có ánh lửa lập lòe, bác tưởng là cục than liền gắp vào mồi rơm mang về. Về nhà, bác thổi mãi mà cục than không cháy, nó lại tắt ngấm đi. Tức điên ruột, bác dội một gáo nước lã vào, bỗng cục than biến thành nàng Ả Voi. Nhìn thấy cháu, người bác mừng quá ôm lấy nàng. Nàng Ả Voi lại biến thành người, nàng muốn về nhưng sợ ma khú hại một lần nữa nên vẫn phải ở bên nhà bác ruột.

Chiều hôm ấy, đứa con gái đến chơi nhà bác, nhìn thấy mẹ đang ngồi vá áo trong buồng nó chạy vào ôm lấy cổ mẹ òa lên khóc. Nàng cho con ăn rồi bảo con đi về. Về đến nhà nó mách với bố:

Bố ơi, bố à!

Con thấy mẹ ở bên nhà bà bác.

Chàng bảo con:

Mẹ con đã chết lâu rồi.

Con đừng nhắc đến nữa mà thương.

Mặc dù bố khuyên nhủ, nhưng nó lại nhìn thấy tận mắt, lại được mẹ cho ăn. Nó nhắc mẹ mãi. Ăn cơm xong con gái vẫn còn nhắc mẹ, chàng bèn đưa con sang nhà bác và nói dối ma khú là đi uống nước chè. Vừa bước lên nhà bác, chàng đi săn đã nhận ngay ra vợ mình thật. Hai người ôm lấy nhau. Nàng chỉ kịp bế lấy con vào lòng rồi ngất đi. Chàng đi săn lay mãi nàng mới tỉnh lại. Chàng kể lể mọi việc xảy ra do người vợ giả làm. Nghe xong, nàng lại càng thương con thương chồng. Nàng bảo:

– Chàng và con hãy về trước, cứ làm ăn như cũ, rồi em sẽ về sau. Nếu về ngay bây giờ thì em sẽ bị hại một lần nữa.

Nghe lời vợ, chàng dắt con trở về nhà, ma khú vẫn không biết gì về nàng Ả Voi ở bên nhà bác ruột cả.

Đêm ấy, nàng ngủ không yên. Nửa đêm thì hồn voi già lại về báo mộng:

– Con muốn về nhà với chồng con thì ra đào lấy chỗ xương bố, nếu có vàng cũng lấy hoặc thấy con gà trắng cũng mang về, tức khắc việc con sẽ thành.

Từ hôm chôn xác voi già, hai vợ chồng chàng chỉ lo làm nương, săn thú thật nhiều, quên mất lời bố dặn lấy vàng ở mả. Nghe bố báo mộng nàng liền nhờ người bác mách lời báo mộng ấy cho chồng. Chàng vội vác choòng đi đào ngay, vừa bổ xuống ba nhát thì một con gà trống trắng hiện ra, chàng đem gà về nhà và thả ra sân. Ma khú đang quay tơ trên sàn, không may ống chỉ tơ rơi xuống sân, con gà trắng liền chạy đến quặp lấy. Ma khú xuống sân vội đuổi theo gà. Gà trắng chạy ra bờ suối. Chạy một đoạn gà lại đặt xuống mổ mổ vào ống chỉ như trách người đuổi nó. Ma khú vừa đuổi đến

thì gà quắp ống chỉ lao đi. Ma khú theo mãi, theo mãi đến bờ con suối hôm nọ. Bỗng một luồng nước tràn lên cuốn mất cả con gà trắng, ống chỉ và ma khú. Nước trôi đi, để lại bờ suối những hòn cuội óng ánh.

Từ đó, hai vợ chồng nàng Ả Voi lại được sống bên nhau.

Bà Tý
Xã Cẩm Sơn huyện Cẩm Thủy *kể*

NÀNG SAO Ả SÁNG

Ngày xưa có hai anh em con Côi, hàng ngày cứ đi làm về lại nấu ăn, quần áo rách không ai may vá. Nàng Sao Ả Sáng đi hái lá dâu, trên trời nhìn xuống thấy ngày nào anh Côi cũng vất vả, khó nhọc, nàng đem lòng thương, bỏ việc hái lá dâu cho người hầu làm. Cứ sáng, chiều thấy anh em Côi đi làm vắng thì xuống nấu cơm làm thức ăn và may vá quần áo cho anh em Côi. Làm xong các việc thì ngồi cửa sổ coi nhà, khi thấy anh em Côi từ xa đi về thì nàng mới về trời.

Mấy ngày liền, hai anh em Côi đi làm về đã thấy sẵn cơm và thức ăn, hai anh em bảo nhau ngồi ăn. Tuy đã đoán mãi, vẫn không biết ai đã giúp mình. Đêm đó anh bảo em:

– Sáng mai em cứ đi làm, anh ở nhà xem thử.

Sáng ra, em đi làm như mọi ngày, anh xuống sân lật úp máng rửa chân và nấp ở đấy xem xét. Nàng Sao Ả Sáng lại xuống làm các việc như những hôm trước, khi thấy người đi làm về, lại về trời. Anh nấp trong máng nước không hay biết gì, mãi khi em về tới nhà, anh nghe em đặt gánh củi huych một cái tưởng có người đến nấu cơm, thức ăn mới cạy máng ra xem. Thấy anh, em hỏi:

– Anh ở nhà có thấy ai không?

– Không thấy gì.

Anh trả lời vậy, vì bị máng nước úp kín không thể nhìn xung quanh được. Khi về nhà thấy cơm, canh tươm tất. Ăn cơm xong em bảo anh:

– Mai anh để em ở nhà xem.

Khôn hơn anh, em ở nhà trèo lên trên gác để dễ nhìn xuống nhà. Anh đi làm được một lúc thì đứa em thấy nàng Sao Ả Sáng cùng với các nàng hầu xuống. Người vắt cánh chỗ này, kẻ vắt cánh chỗ kia, mỗi người để cánh một chỗ. Nhanh ý, người em khẽ cạy một lỗ thò chân xuống, cong cong bàn chân về phía cẳng chân, giả làm móc treo đồ đạc. Đang thiếu chỗ treo cánh lại thấy có móc, nàng Sao Ả Sáng ngoắc ngay đôi cánh lên đó.

Các nàng chia nhau việc, người đi hái rau, kẻ nấu cơm, quét nhà, mỗi người một việc. Nàng Sao Ả Sáng thì ngồi may vá quần áo và nhìn phòng khi có người về. Thấy người nào việc ấy, không ai chú ý đến cánh nữa, người em khẽ rút chân lên lấy đôi cánh cất kỹ đi. Làm xong các việc, các nàng xúm nhau lại khâu vá quần áo cùng nàng Sao Ả Sáng cho đến khi người anh đi làm về, các nàng mới lấy cánh bay về trời.

Bị mất cánh, nàng Sao Ả Sáng lúng túng không về trời được phải chạy vào chạn bát đũa nấp.

Hai anh em lấy cơm ra ăn nhưng còn thiếu đũa, em bảo anh vào lấy đũa, anh không chịu đi, em nói:

– Em vào lấy đũa, nếu lấy được cái gì anh đừng tranh em nhá!

Đang không muốn đi, anh liền "ừ". Đứa em vào lấy đũa, lấy được nàng Sao Ả Sáng làm vợ.

Vợ chồng ăn ở với nhau đã được hai đứa con trai. Thường ngày bố ở nhà làm việc nhà và trông con thì lấy đôi cánh nàng Sao Ả Sáng cho con chơi. Hôm ấy bố đi làm, mẹ ở nhà trông con và làm việc nhà nhưng con cứ khóc mãi. Nàng hỏi con:

– Ở nhà với bố thì ngoan sao, ở nhà với mẹ các con cứ khóc mãi?

– Ở nhà với bố được chơi cánh đỏ đỏ hồng hồng, có hoa vằn vằn vè vè để trong đống lúa ấy kia.

Nghe con nói, nàng bảo:

– Để đâu đi lấy cho mẹ xem.

Hai đứa con tìm theo phía bố để, lấy được đôi cánh mang ra. Thấy đúng cánh mình thật, nàng chắp cánh bay thử. Bay từ trong nhà ra tới sạp, các con thấy thế hò reo thích thú:

– Mẹ biết bay! Mẹ biết bay!

Thương con nàng lại phải quay trở lại. Lần sau nàng định bay thẳng về trời, bay lên cao nhìn trở lại thấy con nhìn theo, thương con nàng bị đuối cánh phải quay trở lại. Biết cứ để con nhìn theo thì không bay được, nàng lấy bát nước cho chiếc vòng tay vào và dặn con:

– Các con nhìn vào bát nước, thấy chiếc vòng nổi lên lúc nào mới nhìn lên mẹ, để mẹ lên ông ngoại lấy trứng vịt, trứng ngỗng cho các con ăn!

Hai đứa bé nhìn mãi chiếc vòng trong bát nước không thấy nổi, nhìn đã mỏi, hai đứa bảo nhau nhìn lên theo mẹ nhưng không thấy mẹ đâu nữa. Nàng Sao Ả Sáng đã bay lên đến trời. Hai đứa gọi "mẹ ơi mẹ à" mãi cũng chẳng thấy mẹ đâu. Gọi mãi, hai anh em khóc. Đi làm về tới nhà, thấy hai con khóc, bố hỏi:

– Làm sao mà các con khóc thế?

Vừa khóc hai đứa bé vừa kể lại chuyện. Nghe kể xong, bố thương con quá, bế mỗi đứa một nách chạy đi tìm đường lên trời. Đi mãi, đi mãi, gặp ai ba bố con cũng hỏi đường lên trời nhưng người nào cũng lắc đầu không biết. Gặp các loài vật, ba bố con hỏi, chúng cũng không biết. Đi đến một đám rừng cây cọ, loại cọ mà mọi người ăn quả, nghe tiếng rào rào trên cây, khi đến gần thấy chim Phượng hoàng to lớn đang ăn quả, ba bố con bảo nhau cất tiếng hỏi. Bố nói:

– Phượng hoàng ơi! Ta muốn đưa con ta lên mường trời để tìm mẹ nó, Phượng hoàng chỉ giúp ta đường đi!

Nghe hỏi, Phượng hoàng cười há mồm, há mỏ trả lời:

– Đường lên trời khó đi lắm! Ba bố con nhà anh không đi được đâu.

– Chúng tôi đi được, khó mấy cũng đi. Phượng hoàng hãy chỉ lối cho bố con tôi!

– Không được! Có phải đường đi như dưới đất này đâu mà chỉ. Muốn lên mường trời phải có bộ cánh to như ta đây, phải biết bay khỏe mới tới nơi được.

– Vậy ta không có cánh không đưa được con ta lên với mẹ nó ư?

Phượng hoàng bật mỏ vào cây đôm đốp và lắc đầu. Thấy vậy, hai đứa bé lo không lên đến mẹ òa lên khóc van vỉ chim Phượng:

– Phượng hoàng ơi! Phượng hoàng biết cách nào giúp bố con ta đi.

– Ta có cách giúp nhưng phải kể cho ta nghe đầu đuôi đã chứ?

Ba bố con kể lại câu chuyện cho Phượng hoàng nghe. Nghe xong, Phượng hoàng nhận cho cưỡi trên lưng mình để đưa lên mường trời. Trên lưng Phượng hoàng, bố ngồi giữa, đứa ngồi đằng trước ôm lấy cổ Phượng hoàng, đứa ngồi đằng đuôi ôm lấy lưng bố, còn bố quặp hai chân giữ chặt lấy mình Phượng hoàng. Phần phật đôi cánh, Phượng hoàng bay đi lúc thấp, lúc cao, khi dốc bổng ngược như trèo núi. Bay đi mãi, rồi Phượng hoàng vút bổng bay lên mường trời. Ba bố con chàng con Côi ngồi thấy mỏi thì đã đến cánh đồng mường trời. Phượng hoàng dậu xuống giữa đồng cho ba bố con chàng con Côi xuống và hỏi thăm đường vào nhà nàng Sao Ả Sáng. Vào tới nơi, biết nàng Sao Ả Sáng là con Lang mường trời, khi nàng từ dưới trần gian về bố đã bắt cấm cung và gả cho con một Lang khác trên trời không cho lấy chàng Côi là người nghèo khó lại ở dưới trần tục. Tuy bố ép gả vậy, vì thương chồng con, nàng Sao Ả Sáng không nghe theo nên việc cưới xin chưa thành.

Tuy ba bố con chàng Côi đã kể hết đầu đuôi, Lang mường trời không những không nhận là con rể và cháu mà còn đuổi đi. Ba bố con chàng không đi và xin nài mãi, Lang mường trời cho trọ ở cái chạn, chỗ đầu cầu thang nhà sàn, ngày ngày đi làm thuê nhà Lang mường trời kiếm ăn. Thấy thế, người nhà Lang mường trời kiếm cho manh chiếu và chiếc chăn rách, ngày đi làm đêm về ba bố con lại ngủ với nhau.

Tuy không muốn gả nàng Sao Ả Sáng cho chàng Côi nhưng nàng không nghe, Lang mường trời định dùng kế để bắt ép nàng và đuổi ba bố con chàng Côi. Một hôm, Lang mường trời cho gọi cả chàng rể con Lang mường khác trên trời và chàng Côi đến để cắt lễ cưới. Khi hai chàng rể đến, Lang mường trời bảo:

– Đứa nào cho tao ăn đủ tim, gan thú rừng thì tao gả con gái cho.

Nhận lời xong, chàng rể mường trời về triệu tập dân làng, dóng chiêng, vác súng đi săn, còn ba bố con chàng Côi hỏi mượn hết cả

hơi Lang mường trời mới cho mượn khẩu súng tịt ngòi phải thông mãi mới khỏi tắc. Đến đêm nàng Sao Ả Sáng lẻn ra dặn:

– Ngày mai đi săn, nghe tiếng họ săn phía dưới, ba bố con anh đón đầu trên, họ săn đầu trên thì đón phía dưới.

Sáng hôm sau, chàng rể mường trời cho dân làng đi săn. Nghe tiếng chiêng "bôông bôông" dân mường trời dóng đi, ba bố con chàng Côi vác súng đi. Đến rừng, nghe tiếng chiêng, tiếng hú của chàng rể mường trời đang săn phía đầu rừng bên dưới, ba bố con chàng Côi lên đón đầu rừng phía trên. Thấy tiếng động ở đầu rừng phía dưới, hươu, nai, lợn rừng lẻn lên đầu rừng phía trên để đi nơi khác. Chó sói nấp trên các cây đái vào mắt các con thú làm cho chúng không biết lối đi. Thấy thế, ba bố con chàng Côi bảo nhau con nhỏ thì đánh chết, con lớn thì bắn chết và kéo thú rừng xếp đống lại một chỗ. Sang khu rừng khác, họ săn phía trên, bố con chàng Côi xuống cuối rừng phía dưới chỉ để lại một người coi đống thú rừng. Xuống cuối rừng phía dưới, ba bố con chàng lại săn bắn được một đống thú rừng to như đống thú ở đầu rừng phía trên. Chàng Côi để hai đứa con coi hai đống thú rừng còn chàng về báo cho Lang mường trời cho người ra khiêng thú. Được nhiều thú, mang về thịt lấy tim gan cho bố vợ ăn đủ và dân mường trời ăn đủ thịt thú rừng. Ngược lại, chàng rể mường trời săn không được con thú nào, đành dóng chiêng cồng về không.

Vì không muốn gả con gái cho chàng Côi, Lang mường trời lại gọi hai chàng rể đến thách cưới. Lang mường trời bảo:

– Tim gan thú rừng đã vậy, bây giờ con nào cho bố ăn đủ tim, gan cá thì bố gả con gái cho.

Được tin ấy, chàng rể mường trời lại bảo dân làng sôi nổi sắm sửa chài lưới. Ba bố con chàng Côi lo đêm, lo ngày, hỏi mượn mãi Lang mường trời mới cho mượn chiếc chài rách. Đến đêm nàng Sao Ả Sáng lại ra dặn:

– Đi đánh cá, họ đánh đầu khúc sông phía trên thì ba bố con xuống đầu dưới khúc sông, họ đánh đầu dưới thì lên trên.

Làm đúng như lời nàng Sao Ả Sáng dặn, ba bố con chàng Côi thấy rái cá bắt cá mang lên bờ để thành những đống to lù lù, khi xuống đầu khúc sông kia cũng vậy. Chàng Côi để hai con trông coi cá ở hai đầu khúc sông, chàng về báo cho Lang mường trời cho

người ra khiêng cá. Được nhiều cá, bố vợ ăn đủ tim gan, dân làng ăn đủ cá, chàng rể kia chỉ đánh được số cá ăn riêng mình không đủ.

Không biết tính kế sao nữa Lang mường trời cho làm chín cái buồng liền nhau, buồng nào cũng có đủ chăn, màn, gối, điếu hút thuốc lào và bảo hai chàng rể:

– Đêm mai, con nào vào đúng buồng ngủ của con gái ta thì ta cho cùng ăn cùng ở.

Ba bố con chàng Côi đang lo lắng bàn nhau thì nàng Sao Ả Sáng lại lẻn ra dặn:

– Để chờ thật khuya mới vào, ba bố con anh vừa đi vừa lắng nghe, thấy buồng nào có tiếng chuột cắn "két két" thì vào.

Đến đêm hẹn, chàng rể mường trời đi chọn buồng trước, chàng ta vào cái buồng mới. Ba bố con chàng Côi lắng nghe thấy tiếng điếu kêu "réc réc", một lúc sau thì im ắng. Đêm đã khuya, ba bố con chàng Côi dắt tay nhau vừa đi vừa lắng nghe, đến cái buồng cũ, thấy có tiếng chuột cắn "két két", mở cửa vào, đúng buồng nàng Sao Ả Sáng. Thế là Lang mường trời phải gả con gái cho chàng Côi.

Vợ chồng, mẹ con nàng Sao Ả Sáng lại đoàn tụ vui cười khúc khích còn chàng trai mường trời thua cuộc nằm co một mình.

Bùi Thiện
sưu tầm và biên soạn

CHÀNG KHỌ[1]

Nhà nọ chỉ có một người con gái chưa chồng, nhà ở xa làng, mỗi lần đi lấy nước về phải vác suống bương vào tận trong làng múc. Ngày hai lần đi vác nước khó nhọc, cô bèn đào riêng một cái giếng ngay cạnh nhà. Từ khi có giếng không mấy khi cô vào làng và bỗng dưng cô có chửa, mang thai tới mười hai tháng cô mới đẻ được đứa con mình tròn lông lốc. Tuy có mắt, mũi, mồm, biết ăn uống nhưng không có chân tay, đi lên lăn lên, đi xuống lăn xuống tròn như chiếc giỏ đan bằng dây khọ nên đặt tên cho nọ là Khọ.

---

1. *Chàng Khọ*: đặt tên theo tên giỏ, loại giỏ đan bằng dây rừng tên dây là khọ.

Mẹ Khọ chuyên đi làm thuê lấy cơm nuôi con. Mỗi buổi đi làm thuê xong, họ trả cho chị một giỏ cơm. Đem về nhà mẹ Khọ chỉ ăn một bát còn bao nhiêu đều phần Khọ mà Khọ ăn hết vẫn không no. Bữa nào cũng vậy, mẹ Khọ tức giận, mắng:

– Đi làm thuê không đủ nuôi sống thằng này!

Nghe mẹ mắng Khọ nói:

– Mẹ vào nhà Lang hỏi cho con đi chăn trâu thuê để kiếm ăn.

– Không chân, không tay như mày đi chăn trâu thuê nhà ai cho sống!

Nghe Khọ nói xong, mẹ Khọ mắng vậy, nhưng Khọ trả lời:

– Con không chăn trâu thuê cho nhà ai, chỉ chăn trâu thuê nhà Lang kia.

Nghe vậy, mẹ Khọ đành liều vào hỏi nhà Lang. Đến nơi, mẹ Khọ thưa với Lang:

– Thưa Lang! Cho con tôi vào chăn trâu thuê để ăn nhờ cơm Lang ạ?

– Thằng Khọ không chân, không tay biết làm sao chăn trâu được?

Mẹ Khọ không biết nói năng sao nữa đành trở về. Mẹ Khọ nói với con:

– Lang hỏi mày: "không chân, không tay làm sao chăn trâu cho được".

– Con chăn được trâu, mẹ cứ vào xin cho con.

Mẹ Khọ lại vào nhà Lang và nói:

– Xin với Lang cho thằng Khọ đi chăn trâu, nó nói là chăn được.

– Nghe chừng có thể chăn được trâu thì đi.

Nghe Lang nói xong, mẹ Khọ về báo lại với con. Từ đó chàng Khọ bắt đầu đi chăn trâu thuê. Tuy không chân, tay nhưng mỗi khi đuổi trâu về Khọ đều đặt trên lưng mỗi con trâu một bó củi. Song chàng ăn mỗi bữa hết hông[1] cơm đầy mà vẫn không no. Thấy vậy, nhà Lang cho ăn mỗi bữa hai hông cơm nhưng cũng không no. Một

---

1. *Hông*: khúc gỗ khoét rỗng bên trong, đẽo bên ngoài để bên dưới thắt lại, dùng để đồ cơm.

hôm Khọ thả trâu đi ăn cả ngày, đến bữa trưa hai cô con gái nhà Lang phải mang cơm ra chỗ chăn trâu cho Khọ. Buổi đầu cô chị mang một gánh cơm đi. Nàng Cả sợ, cho cả chó đi theo nên không hay biết gì, đến bãi cỏ trâu ăn đặt gánh từ xa gọi:

– Ơ Khọ! Đến mà lấy cơm mày.

– Dạ! Nàng đặt đấy cho tôi.

Nghe Khọ bảo đặt đấy, nàng Cả bỏ gánh cơm ra về. Tới nơi, Khọ thấy có một gánh cơm, nói với theo nàng Cả:

– Nàng chỉ đem có một gánh cơm tôi ăn không no.

– Không no cũng phải thôi.

Nàng Cả đỏng đảnh vừa đi vừa trả lời vậy.

Chiều chiều đuổi trâu về, cũng mỗi lưng trâu một bó củi, Khọ lăn lông lốc theo đàn trâu và trâu về không thiếu một con. Đuổi trâu vào chuồng hết, hôm nào cũng được nàng Hai đóng cửa chuồng trâu giúp Khọ. Những hôm nàng Hai đang bận, Khọ nhờ nàng Cả đóng giúp cửa chuồng trâu thì nàng Cả chỏng va chỏng vảnh không làm, Khọ lại phải nhờ đến nàng Hai. Tối hôm đó, nàng Cả bực mình vì Khọ nói "một gánh cơm ăn không no", nàng đổ cho Khọ ba hông cơm nhưng Khọ ăn vẫn không no.

Sáng hôm sau, họ mở cửa chuồng trâu cho, Khọ lại lộc cộc lăn theo đàn trâu. Tức giận Khọ, trưa hôm đó nàng Cả không đi đưa cơm cho Khọ nữa, nàng Hai phải mang cơm đi. Muốn biết Khọ có tài gì mà lấy được củi, khi đi con chó định theo bị nàng đuổi lại. Đến gần bãi cỏ trâu ăn, nàng Hai khẽ mon men đến sát chỗ trâu đang ăn, bỗng nghe một người đang hát bài *Rằng Thường*[1] trên một cành cây, nhìn lên thấy một chàng trai đẹp đẽ khôi ngô. Người đó có nhiều quân quyền người đang chặt củi, kẻ đang đón trâu ở các ngả. Nhìn cạnh gốc cây, thấy chiếc giỏ Khọ đã rỗng, nàng biết đó là chàng Khọ. Nàng luồn qua các cây lơ thơ lùi ra xa và gọi:

– Khọ ơi! Khọ à! Ra mà lấy cơm.

Dứt tiếng gọi cũng vắng tiếng hát trên cây, một lúc sau nàng Hai thấy Khọ lăn ra lông lốc. Thấy nàng Hai còn chờ, Khọ bảo:

---

1. *Rằng Thường*: tên một loại dân ca Mường.

– Nàng cứ để cơm đấy mà về.

Khọ nhận cơm rồi nàng Hai mới về. Chiều tối, Khọ đuổi trâu về cũng mỗi lưng một bó củi. Khọ tới nhà, nàng Hai hỏi:

– Tôi mang một gánh cơm nặng, Khọ ăn no không?

– Ăn không no nàng ơi.

Khi ăn cơm tối xong, nàng Hai lại hỏi:

– Bữa nay tôi cho bốn hông cơm đầy đấy, Khọ ăn có no không?

– Cũng không no.

Nghe Khọ trả lời và nàng Hai hỏi, Lang tức bèn mắng:

– Ăn bốn hông cơm đầy không no, tao không nuôi được mày nữa Khọ à.

Không đi chăn trâu thuê nữa, Khọ về nhà bảo mẹ:

– Mẹ vào hỏi con gái nhà Lang cho con làm vợ.

– Mày không chân, không tay bảo mẹ đi hỏi con nhà Lang cho mày làm vợ thì hỏi làm sao hả Khọ?

Mẹ Khọ lo hãi trả lời vậy. Khọ vẫn cứ nài mẹ đi hỏi, cuối cùng mẹ Khọ đành phải đi hỏi cho con. Lần thứ nhất mẹ Khọ vào hỏi. Lang không gả con gái cho Khọ, mẹ Khọ ra về trả lời cho Khọ biết. Tuy biết Lang không gả, Khọ vẫn giục mẹ vào hỏi lại Lang. Lần này, nghe mẹ Khọ hỏi xong, Lang cho rằng không khi nào Khọ có của bèn nói mỉa:

– Ừ! Hỏi nàng nào nhận lấy thì tôi gả.

Nói xong Lang gọi nàng Cả hỏi. Nàng Cả cong môi, nguýt mồm nói:

– Ỉa vào thằng Khọ! Ỉa vào thằng Khọ!

Lang gọi hỏi nàng Hai, nàng trả lời:

– Cho con lấy chàng Khọ con cũng lấy.

Định hỏi con gái trước mặt mẹ Khọ để từ chối khéo, không ngờ nàng Hai lại nhận, do đó Lang đành nhận gả và chỉ còn thách cưới cho nặng mà thôi.

Mẹ Khọ về nói cho con biết và lo lắng hỏi con:

– Làm sao có của cưới hả con?

– Con lo không có người đi làm mối thôi mẹ ạ.

– Mẹ chỉ lo của chứ không lo người làm mối.

– Vậy mẹ cứ bảo người ta đi làm mối đi.

Mẹ Khọ đến nhờ bà *Sâu Lộc Sâu Lá*[1] đi làm mối. Chuyến đầu bà mối mang lễ đi hỏi nhà Lang nhận lời, chuyến sau mang gạo, bánh, rượu, chè, trầu cau đến làm lễ xin cưới. Nhà Lang sai người làm cơm ăn, rượu uống, gọi họ hàng đến cùng ăn uống và báo cho họ hàng, Lang nói:

– Thằng Khọ muốn con gái nhà ta, miệng đã cho, lòng đã nhận, hôm nay mời họ hàng đến để cắt của cưới.

Nghe nói, đầu họ đứng lên thách cưới:

Xanh chín đi đầu,
Xanh sáu làm nóc,
Tấm vóc, nén bạc,
Một trâu hai xanh,
Đêm tốt ngày lành
Bảo em chồng đến đón lấy,
Thách đôi yếm áo,
Dao phát sá, thuổng sới cơm,
Đôi gà sọt gạo,
Chĩnh rượu cúng vía cho dâu.
Gói trầu biếu em biếu anh,
Gói bánh biếu họ gần xa.
Bà Sâu Lộc Sâu Lá
Miệng đã thưa lòng đã nhận.

Ăn cơm xong uống rượu rồi, bà Sâu Lộc Sâu Lá về nhà báo cho mẹ con Khọ biết lễ cưới. Nghe nói, mẹ Khọ đang héo từng khúc ruột thì Khọ bảo mẹ:

– Sớm mai mẹ ra bờ sông ngồi đón, thấy vật gì trôi đến thì mẹ lấy mang về.

Sáng sớm mẹ Khọ ra bờ sông chờ đón, một lúc sau thấy quả bí đỏ trôi lập lờ ở sông, mẹ Khọ ôm lấy mang về và khi bổ ra thì

---

1. *Sâu Lộc Sâu Lá*: tên nhân vật, còn có ý nói: người ấy gây những mầm non, lộc cây, lá cây non.

các thứ nhà Lang thách cưới đều có đủ cả. Mẹ Khọ sắm sửa cho con vào làm rể nhà Lang. Sau ba hôm thì Khọ được nhập phòng cùng nàng Hai. Đêm đó, Khọ hiện thành chàng trai đẹp đẽ, nhân lúc Khọ sơ ý, nàng Hai giấu vỏ Khọ đi, sớm hôm sau Khọ không có chỗ náu đã trở thành người thật. Thấy em lấy được chồng đẹp, nàng Cả tiếc hỏi em:

– Cho chị chung rể cùng em, em hỡi?

– Họ chung nhau chuỗi hạt, chiếc vòng, không ai chung nhau chồng bao giờ chị ạ.

Nghe nàng Hai trả lời, nàng Cả xấu hổ đỏ mặt, cong môi lườm nguýt một cái không may va phải cột bếp môi sưng như quả xổ.

Bùi Thiện
sưu tầm và biên soạn

DÂN TỘC NÙNG

KÉN RỂ

Ngày xưa có cụ già sinh được cô con gái độc nhất. Cô gái đẹp nhất bản. Đã đến tuổi gả chồng, chưa ai đến đặt trầu cau. Ông cụ đành khuyên con chịu khó làm ăn vậy, vì ông cụ cho như thế là số bố con ông vất vả.

Được vài hôm sau, có hai người làm mối đến nhà cụ già cùng một lúc. Hai người làm mối đều cố gắng làm mối bằng được cho cô gái lấy người nhà mình. Cụ già chẳng biết trả lời sao, đành phải vào hỏi con gái. Cô gái thưa với cha rằng:

– Con chỉ muốn lấy người chồng biết làm biết ăn thôi.

– Khốn nỗi trong hai người đến hỏi, biết được ai là người biết làm biết ăn? Ông già suy nghĩ mãi rồi bảo hai người làm mối rằng:

– Hai bác hãy về bảo mỗi anh làm cho già này một cái cày mang đến đây. Nếu con gái lão nó bằng lòng cái nào thì người ấy được lấy nó làm vợ.

Hai người làm mối về nói chuyện lại với người nhà. Từ đấy hai anh con trai vội vào rừng đẵn gỗ đẽo cày.

Anh thứ nhất nghĩ rằng: "làm ở nhà thì có nhiều người biết, mình làm không khéo hoặc hỏng thì xấu hổ, chi bằng làm riêng ở trong rừng, hỏng cái này ta làm cái khác, khi nào được chiếc cày đẹp và tốt sẽ mang về hỏi vợ". Anh ta liền chui vào một chỗ rừng sâu, kì cục làm một mình.

Anh thứ hai nghĩ khác: "Mình chưa biết làm, phải vừa làm vừa học, phải hỏi những người biết hơn". Anh liền đem gỗ ra đầu bản để đẽo cày. Gặp ai anh cũng hỏi cách làm. Mỗi người giúp anh một tý, chỉ bảo cho anh làm. Chẳng mấy lúc anh đã làm xong trước một chiếc cày rất đẹp và cũng rất tốt, ai trông thấy cũng phải khen.

Khi cả hai người mang cày đến nhà ông lão để hỏi vợ, cha con ông lão vừa ý ngay chiếc cày của anh thứ hai. Thế là anh ta được cô gái đẹp làm vợ.

Nông Minh Châu *biên soạn*

TÀI XÌ PHOÒNG

Tài Xì Phoòng mồ côi cha từ ngày còn bé. Mẹ chàng buộc bụng ở vậy nuôi con. Đếm từng ngày, từng tháng bà mong đứa con chóng lớn. Năm Tài Xì Phoòng 13 tuổi thì quê hương có loạn, hai mẹ con bị lưu lạc mỗi người một ngả.

Tài Xì Phoòng được một Núng Cún[1] đem về nuôi làm hầu bàn. Dần dần lớn khôn được ông chủ giao cho chuyên việc nấu ăn.

Núng Cún vốn là một viên quan sành nghề đục khoét. Hàng năm cứ đến dịp Tết đầu năm, Tết tháng bẩy hay ngày giỗ ông cha hắn thường mời khéo các quan trấn địa phương về chơi.

Năm ấy, vào một ngày cuối năm, có viên quan trấn nọ đến biếu Núng Cún một con cá chép khiêng hai. Nhìn con cá chép vừa đẹp lại vừa béo, Núng Cún hài lòng. Hắn gọi Tài Xì Phoòng lên dặn làm thịt, một nửa làm viên, một góc xào tái, một góc bung dừ để soạn một bữa tiệc ngon thết ba viên quan lớn. Lão dặn đi, dặn lại:

---

1. *Núng Cún*: tiếng Nùng là một hạng quan tham lam.

– Tiệc tất niên năm nay ta muốn dọn toàn các món cá. Đó là bữa tiệc hiếm có, ngươi phải nấu ngon, nếu không vừa lòng khách thì ngươi sẽ mất tết, mất việc.

Tài Xì Phoòng vâng lệnh chủ, xách con cá chép còn sống xuống bờ sông. Khi giơ con dao toan mổ, bỗng chàng thấy con cá tự nhiên chảy nước mắt, há hốc mồm như muốn kêu van. Chàng cảm thấy lòng mình se lại, ngập ngừng giây lát chàng thả cá xuống sông. Cá gặp nước quẫy mạnh rồi đến trước mặt Tài Xì Phoòng tỏ ý cám ơn và biến mất.

Giữa lúc bâng khuâng, Tài Xì Phoòng sực nhớ tới bữa tiệc, liền cầm rổ ra chợ định mua con cá khác. Nhưng ngày chợ cuối năm, không còn một con cá nào. Chàng đành phải mua thịt lợn băm viên, thịt bò về hầm dừ và xào tái thay cho cá.

Khi khách bước vào nhà Núng Cún hết lời khoe món ăn đặc biệt. Nhưng khi thức ăn bưng lên, cả chủ lẫn khách đều trố mắt nhìn nhau. Núng Cún mặt đỏ gay quay lại hỏi Tài Xì Phoòng, chàng đành thuật lại chuyện con cá chép khóc ở bờ sông và việc thả cá của mình.

Núng Cún vừa tiếc của lại vừa xấu hổ với khách, liền quát lính lôi Tài Xì Phoòng ra sân nọc cổ đánh năm chục roi rồi đuổi khỏi nhà.

Giữa buổi chiều ba mươi tết, bị một trận đòn rách da nát thịt và bị tống cổ ra khỏi nhà chủ, Tài Xì Phoòng khó tìm một nơi nương thân vì theo phong tục địa phương, ngày cuối năm không một ai nhận người lạ mặt vào nhà và cũng không một ai bỏ tiền ra cho một người nào. Tài Xì Phoòng đành ra bờ sông ngồi ôm mặt khóc.

Bỗng một con nước tự nhiên phun lên giữa dòng, rồi một cô gái mặc áo hoa đủ năm màu: Xanh, đỏ, trắng, tím, vàng hiện lên giữa con nước. Cô con gái mặt ngọc, da ngà, từ từ tiến đến trước mặt chàng, cúi đầu chào và hỏi:

– Năm hết tết đến, chẳng hay chàng có điều gì mà phải ra đây ngồi than khóc?

Tài Xì Phoòng kể lại câu chuyện thả con cá chép lúc sáng và việc bị chủ đánh đuổi cho cô gái nghe.

Cô gái bèn nói:

– Thiếp đây chính là con cá mà chàng thả ban sáng. Nếu không có chàng thả xuống sông thì thiếp đâu còn có mặt ở đây? Cha thiếp là vua Long Vương, vậy xin mời chàng về ăn tết với cha thiếp gọi có chút báo đền, mong chàng chớ chối từ.

Tài Xì Phoòng nghe nói rất vui mừng, bèn gật đầu bằng lòng. Cô gái bảo chàng nhắm mắt lại rồi cầm tay dắt đi. Khi mở mắt ra, chàng thấy ở trước mặt là một tòa lâu đài chín tầng cao ngất. Long Vương niềm nở chào đón và hết lời cám ơn chàng đã cứu sống con gái mình. Một lúc sau bàn tiệc có hàng trăm món được bày la liệt tại phòng ăn. Long Vương mời chàng ăn uống thỏa thích, ăn xong chàng được mời đến một phòng ấm cúng có gối thêu đệm gấm để nghỉ lưng, có kẻ hầu người hạ. Là khách quý của Long Vương, ba ngày tết, chàng được tiếp đãi hết sức đầy đủ thân mật.

Sang ngày thứ tư, chàng xin phép Long Vương cho trở về trần. Công chúa buồn rầu ngỏ ý muốn được kết duyên với chàng, tạ ơn được cứu sống.

Tài Xì Phoòng từ chối nói mình là thân tôi đòi hèn hạ, không cha mẹ, anh em, họ hàng, không nhà cửa, đâu dám sánh cùng công chúa cành vàng, lá ngọc.

Long Vương và triều thần ở Thủy phủ hết lời khuyên nhủ chàng, Tài Xì Phoòng không thể từ chối được và lễ cưới được tổ chức rất linh đình.

Sau ngày cưới ít lâu, Tài Xì Phoòng bàn với vợ sửa soạn về trần. Công chúa bằng lòng đi theo chồng, nàng dặn chồng nếu vua cho vàng bạc châu báu thì chớ nhận, chỉ nên xin cái *Phù lù tẩu*[1]. Cái đó sẽ có mọi thứ trên đời.

Buổi chiều hôm đó, Tài Xì Phoòng gặp Long Vương xin về trần và ngỏ ý đưa cả vợ về theo. Long Vương không giữ chân chàng được. Khi Long Vương định cho con rể vàng, bạc, châu báu thì Tài Xì Phoòng nhớ lời vợ dặn liền xin cái *Phù lù tẩu*.

Long Vương không chút ngần ngại về buồng riêng lấy đưa cho. Tài Xì Phoòng cám ơn, đoạn hai vợ chồng từ biệt Long Vương về trần. Chàng lại nhắm nghiền mắt để vợ dắt đi chỉ dập bã trầu, họ

---

1. *Phù lù tẩu*: tẩu bằng bạc mang tên Phú Lộc – phát âm Nùng là Phù lù.

đã lên đến bờ sông. Khi mặt trời gác núi, họ đi tới một bãi rộng mênh mông, công chúa nhìn khắp bốn phía rồi nói:

– Trời tối rồi, chúng ta hãy nghỉ lại đây thôi!

Tài Xì Phoòng hỏi sao không kiếm nơi làng mạc mà trú chân lại nghỉ lại chốn đồng không mông quạnh này.

Công chúa nói:

– Mọi sự lo lắng của chàng sẽ được cái vật này lo cho hết. Nói xong công chúa đón lấy cái *Phù lù tẩu* ở trên vai chồng rồi đưa lên miệng nói:

– Phù lù tẩu! Phù lù tẩu! Hãy cho ta một tòa lâu đài năm gian ba tầng, cho ta mọi thứ đồ sang trọng đầy đủ.

Nói vừa dứt lời thì một tiếng nổ vang lên như sấm động, một tòa lâu đài lập tức hiện lên trước mặt hai vợ chồng. Công chúa đứng dậy dắt tay chồng đi vào từng buồng, mọi thứ đồ dùng ở mỗi buồng đều có đủ chăn màn, quần áo bằng vải vóc lụa là quý đủ các màu xanh, đỏ, tím, vàng, hãy còn mới nguyên nếp gấp. Sáng hôm sau chàng lấy Phù lù tẩu ra ước một đàn trâu, một đàn bò và lợn, gà, ngan, ngỗng... Từ đó Tài Xì Phoòng nghiễm nhiên trở nên người chủ của một cơ nghiệp lớn...

Một hôm, ngày cuối mùa mưa, ngồi trên lầu cao nhìn xuống, chàng thấy một bà cụ lưng còng, chống gậy đi qua, bất giác chàng nhớ tới mẹ già. Thấy chồng bỗng nhiên thở dài, công chúa hỏi:

– Chẳng hay chàng còn có nỗi buồn gì nữa?

Tài Xì Phoòng đáp:

– Tôi còn có một người mẹ không biết hiện nay lưu lạc ở nơi nào, nhớ đến mẹ già thân yêu mà cảm thấy lòng se gan héo... Công chúa bèn bàn với chồng nên mở hội phát chẩn cho người nghèo đói để có dịp tìm mẹ.

Nghe lời vợ, Tài Xì Phoòng treo bảng mở hội phát chẩn, tin ấy truyền ra, những người nghèo khó khắp nơi lũ lượt tìm đến lâu đài. Từ sáng đến chiều, chàng cố nhận mặt từng người. Nhưng ngày này tiếp ngày khác, Tài Xì Phoòng vẫn chưa tìm ra được người mẹ thân yêu.

Một hôm, công chúa hỏi:

– Chẳng hay ngày còn trẻ mẹ chàng có tài nghệ gì đặc biệt?

Tài Xỉ Phoòng đáp:

– Nàng hỏi tôi mới nhớ. Hồi còn trẻ, mẹ tôi còn có tài ca hát, mỗi khi mẹ tôi cất tiếng hát, chuột ở trong ổ cũng phải ló đầu ra nghe, chim đang bay cũng phải ngừng cánh...

Nghe chồng nói, công chúa tiếp lời:

– Nếu vậy thì chúng ta lại một lần nữa mở hội mời các đoàn ca hát đến làm vui, chàng thử nghĩ xem có nên không?

Nghe lời vợ, Tài Xỉ Phoòng yết bảng mở hội ca hát và mời tất cả những đoàn ca hát xa gần về dự. Quả nhiên, nhờ đó Tài Xỉ Phoòng nhận ra được mẹ. Mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Từ đó mẹ Tài Xỉ Phoòng ở lại cùng với con và dâu, không còn phải lo kiếm ăn từng bữa nữa.

Trong gần một tháng trời, Tài Xỉ Phoòng vừa mở hội phát chẩn, vừa mở hội ca hát, làm rộn rịp cả một vùng. Núng Cún nghe tin ấy lấy làm lạ lắm. Hắn bèn thân hành đến tận nơi xem xét, đứng ở dưới góc sân nhìn trộm lên lầu, thấy rõ ràng thằng đầu bếp cũ của mình đang đứng bên cạnh một cô vợ trẻ đẹp như một nàng tiên, hắn rất ngạc nhiên và ghen tị. Càng ngắm vợ Tài Xỉ Phoòng, hắn càng mê mẩn tâm thần bèn nảy ra một kế để chiếm đoạt vợ Tài Xỉ Phoòng.

Hai hôm sau Núng Cún, cho người sang mời Tài Xỉ Phoòng lại chơi. Tài Xỉ Phoòng hỏi ý vợ, vợ chàng nói:

– Thằng Núng Cún vốn là thằng không tốt. Lần này hắn mời chàng đến chơi rất có ý gì đây. Nhưng chàng cứ đi, mọi việc đã có thiếp.

Tài Xỉ Phoòng gật đầu, sang chơi nhà Núng Cún. Vừa nhìn thấy chàng bước vào sân, Núng Cún vội chạy ra đón chào và mời chàng ngồi lên giường cao, đoạn sai người ở sửa tiệc mời khách.

Sau vài tuần rượu, thấy Tài Xỉ Phoòng đã chuyếnh choáng hơi men, hắn lân la hỏi Tài Xỉ Phoòng nguyên do vì đâu mà trở nên giàu có. Tài Xỉ Phoòng dẻo mồm kể hết mọi bước đường sau ngày ở nhà Núng Cún ra đi. Chàng cũng không quên nói rõ cả cái *Phù lù tẩu* đã giúp chàng lập nên nghiệp đồ. Núng Cún, nổi lòng tham,

hắn vừa muốn đoạt vợ Tài Xì Phoòng lại vừa muốn chiếm cả cái *Phù lù tẩu*. Lão bèn chuốc rượu cho chàng. Khuya đến Tài Xì Phoòng say mềm như bún, Núng Cún bèn sai cõng ngay chàng vào buồng vợ ba của mình. Đến gần sáng Tài Xì Phoòng tỉnh rượu, thì vợ ba hắn la lớn lên rằng Tài Xì Phoòng vào buồng mình định giở trò bậy bạ. Núng Cún thức dậy hò hét người ở trói gô chàng lại, hắn hầm hầm quát tháo:

– Tội mày thật to như trời biển, lát nữa ta sẽ cho giải đến nhà vua.

Biết là mắc mưu Núng Cún, Tài Xì Phoòng mắng nhiếc trả lại không tiếc lời. Nhưng rồi Núng Cún vờ giả nhân, giả nghĩa bảo chàng phải chuộc tội bằng cách đổi vợ, đổi nhà cửa của cải, kể cả cái *Phù lù tẩu*.

Tài Xì Phoòng nói:

– Ừ! Đổi cũng được. Nhưng tôi còn phải hỏi vợ tôi xem đã. Nghe Tài Xì Phoòng nói vậy, Núng Cún mừng rỡ liền ra cởi trói cho chàng. Hắn cười hềnh hệch nói tiếp:

– Mày về nhớ nói khéo với vợ mày, mày đổi thế là khôn. Đổi một vợ lấy được ba vợ, đổi một cái nhà lấy một tòa nhà, đổi vài đàn gia súc lấy tất cả kho bạc châu báu, mất một cái *Phù lù tẩu*, được một cái ấn quan... Mày không thiệt gì cả, nghe không!

Tài Xì Phoòng về kể lại mọi chuyện đã xảy ra, nhưng vợ chàng đã nói:

– Đây là một dịp để chàng vừa giàu sang vừa quyền thế. Chàng hãy nghe lời hắn mà đổi vợ, đổi nhà. Đã đến lúc thiếp phải nói thật với chàng, với mẹ. Thiếp là người dưới Long cung không thể ăn đời ở kiếp với chàng mãi được. Sớm muộn thiếp sẽ phải từ biệt chàng và mẹ về với cha thiếp, chàng hãy bằng lòng làm theo lời lão quan kia thì sẽ có ba người vợ, có nhà cửa, có vàng bạc, châu báu, của cải và ấn quan. Những cái đó mới thực là của chàng mãi mãi...

Có tiếng Núng Cún ở ngoài sân. Chàng trả lời là mình đã bằng lòng.

Núng Cún thấy Tài Xì Phoòng và vợ bằng lòng thì vô cùng mừng rỡ, hắn liền theo Tài Xì Phoòng lên lầu gặp công chúa. Công chúa nói:

– Ta và chồng ta đã bằng lòng. Núng Cún hãy mau mau đưa chồng ta sang nhà bên, trao vợ con, nhà cửa, kho vàng, kho bạc, của cải ấn quan cho chàng rồi hãy sang đây...

Núng Cún bèn đưa Tài Xì Phoòng về nhà, trao vợ con, nhà cửa, kho vàng, kho bạc, của cải, ấn quan rồi tất tưởi quay đi. Ba người vợ ngơ ngác, chẳng hiểu câu chuyện như thế nào.

Tài Xì Phoòng lại phải một lần nữa kể tất cả mọi việc đã xẩy ra. Ba người vợ Núng Cún bấy lâu cũng đã chán ghét hắn nay lại càng căm chồng ăn ở tệ bạc. Ba nàng đều vui lòng nhận lấy Tài Xì Phoòng làm chồng. Những kẻ ăn, người ở trong nhà cũng vui vẻ nhận chàng làm chủ.

Lại nói chuyện Núng Cún sau khi đến với người vợ mới, hắn cười khà khà toan ôm chầm lấy công chúa, nhưng công chúa nhanh nhẹn lánh người đi, làm cho hắn quờ hụt ngã lăn xuống sàn. Thấy vậy, công chúa bèn nói:

– Vợ chồng ăn đời ở kiếp với nhau, Núng Cún chớ nên nóng vội. Từ nay Núng Cún phải nghe lời thiếp...

Chiều hôm ấy, công chúa sai *Phù lù tẩu* làm một bữa tiệc lớn đủ 12 thứ rượu ngon và một trăm món ăn. Trong bữa tiệc ngồi đối diện với Núng Cún, nàng chuốc men ép mời hắn. Tiệc rượu tàn, hắn gục xuống bên bàn ăn, ngáy ồ ồ như sấm.

Công chúa khẽ ghé môi nói với chiếc *Phù lù tẩu*:

– *Phù lù tẩu* hãy hoàn lại cái lâu đài này cùng tất cả các vật dùng trong nhà về cho Long Vương...

Dứt lời, một tiếng nổ long trời lở đất vang lên và mọi thứ đều biến mất. Chỉ còn lại một mình Núng Cún. Đột nhiên nước dâng lên mỗi lúc một to làm cho Núng Cún bỗng thức giấc. Thấy mình đang nằm trên bãi cỏ, hắn rùng mình kêu la cầu cứu, hắn gào, thét, đến đứt hơi nhưng khoảng không trung chẳng có ai trả lời hắn. Hắn hốt hoảng đứng lên, ù té chạy. Nhưng muộn mất rồi: làn nước đã cuốn hắn về với vực thẳm!

DÂN TỘC PU PÉO

INH và ÍNH[1]

Gia đình kia có người chồng có hai vợ. Mỗi vợ đều sinh một con gái. Hai đứa đã lớn, xấp xỉ tuổi nhau. Cô con bà cả gọi là Inh (chị) cô con bà hai, gọi là Ính (em).

Một hôm người chồng đi cày nương xa. Buổi trưa, Inh mang cơm nước cho bố. Bố bắt được con ếch, đưa cho Inh mang về, và dặn "con về bảo mẹ nấu sao cho được nhiều món chiều cả nhà ăn, bố có cái nhắm rượu".

Bà cả nghe con nhắc lời chồng, nhìn ếch lạnh lùng nói "Một con ếch nhỏ làm sao nấu được nhiều món đủ cả nhà ăn, lại có thịt cho bố con nhắm rượu?" Rồi bà bảo con gái "Thôi con thả ếch vào thùng, để bố về bố làm".

Sẩm tối, người chồng về, đinh ninh có món ếch nấu ngon để nhắm rượu. Nhưng mâm cơm dọn ra chỉ có rau xanh. Chồng hỏi vợ cả. Bà cho biết là không thể nấu nướng như ý chồng với một con ếch nhỏ được. Cho là vợ bướng bỉnh và lười biếng, người chồng nổi cáu, rút ngay thanh củi to đang cháy trong bếp nện thẳng đầu người vợ. Người đàn bà vô tình bị đánh không tránh, gục xuống chết ngay. Tên vũ phu không chút xót xa, không chút sợ hãi, vác ngay vợ cả ném xuống hang núi gần đó cho mất dấu tích, không hề cúng lễ, ma chay.

Inh thành mồ côi mẹ, đau đớn xót xa, nhưng khiếp sợ bố, không dám than vãn nửa lời.

Cũng từ buổi ấy, cô gái lớn đáng thương bị dì ghẻ hắt hủi và hành hạ đủ điều. Trước hai chị em thay phiên nhau người này chăn trâu, thì người kia cắt cỏ. Nay mụ hai bắt mình Inh phải làm cả hai việc ấy, ngày nào cũng như ngày nào. Ính được mẹ bênh sinh ra lười, chỉ quanh quẩn ở nhà với mẹ, không động chân, không động tay. Ít lâu sau, người chồng đi rừng bị trận mưa lớn về ốm một trận nặng rồi chết. Mẹ con mụ Ính làm chủ gia đình, con Ính càng

---

1. Chị và em (gái).

lên mặt với chị. Mụ dì ghẻ thì ngày nào cũng kiếm cớ chửi đánh Inh một trận, mụ mới ăn ngon miệng, ngủ ngon giấc.

Một buổi, lũ trẻ thả trâu gần hang đá. Chúng trông thấy một bà cụ đang ngồi xe sợi trong đó. Bà cụ ra hiệu gọi cả bọn vào chơi và cho mỗi đứa một bắp ngô nướng thơm ngon. Thấy Inh ngoan ngoãn, ăn nói dịu dàng, quần áo rách rưới, bà kéo lại gần, vuốt ve thương cảm. Ăn hết ngô, lũ trẻ kéo nhau ra ngoài núi chơi. Bà cụ rũ tóc, giữ Inh lại nhờ bắt chấy giúp. Inh bới tóc thấy đầu bà cụ có vết sẹo dài. Nàng không cầm được nước mắt, nước mắt theo má cô gái, chảy xuống gáy bà cụ. Bà già vuốt mái tóc đen mượt của cô, hỏi han. Inh kể lể đời mình, nỗi oan khuất của mẹ và nói tiếp "mẹ hai cháu rất ác. Lúc nào cũng bắt cháu đi nương thả trâu, đi rừng cắt cỏ, bắt mặc rách, cơm ăn thiếu, thịt không bao giờ có!".

Bà cụ nghe xong, cầm tay Inh, rồi ôm cô, nói cho cô rõ bà chính là mẹ của cô. Mẹ con nhận nhau mừng vui không nói hết. Lúc này bà cụ mới khóc và nói hết niềm đau xót của mình "mẹ thương con, mẹ nhớ con, nhưng mẹ là người khác rồi[1], mẹ chết oan ở đây, mẹ chỉ ở đây thôi. Ngày ngày con tới đây với mẹ". Cô gái gật đầu – Từ đó cô chỉ thích đi chăn trâu, cắt cỏ để đến với mẹ, được nhìn và trò chuyện với mẹ. Mỗi ngày cô nhịn bớt bát cơm phần mình, dấu mang cho mẹ. Thấy con váy áo rách tả tơi, mẹ dặn con chịu khó nhặt lông gà, lông vịt đem tới.

Lạ thay, vừa hôm trước Inh giao cho mẹ túi lông gà, lông vịt thì hôm sau mẹ đã đưa cho nàng bộ váy, áo mới rất đẹp. Trông Inh không tiều tụy ủ dột mà mặt nàng tươi sáng, toàn thân nàng rực rỡ hẳn lên.

Mụ dì ghẻ ngạc nhiên, lòng đầy căm tức mà nhìn đứa con chồng không thấy chán mắt. Mụ nổi cơn ghen, Mụ tóm ngay Inh vặn hỏi về bộ trang phục mới. Nhưng Inh không chút sợ hãi, bình thản nói cho mụ biết muốn có khăn áo mới thật không khó, nàng nói cho mụ rõ rằng nàng đã theo trâu vào bụi gai rồi cởi váy áo rách cuộn vào cổ cho trâu nuốt. Lúc trâu ỉa thì thò tay vào hậu môn trâu mà kéo váy, áo mới ra.

---

1. Ý: mẹ là người của thế giới khác, không phải người mặt đất bình thường nữa.

Nghe nói mẹ con Inh đều mừng. Ngay hôm sau, mụ bắt Inh ở nhà để con gái mụ đi cắt cỏ, chăn trâu. Mụ bảo Ính mặc đồ rách rưới rồi dặn con cặn kẽ mọi điều. Ính cũng hồ hởi trong bụng, tin chắc rằng chiều về mình cũng được mặc đẹp như chị.

Ính dong trâu đi, làm đúng mọi điều mẹ dặn. Nhưng sự việc đâu có thế. Trâu bị người thọc tay vào hậu môn, giật mình đau quá chạy lồng lên, cứ thế kéo Ính đi theo, hết va tảng đá này lại cọ bụi gai kia. Cô gái đáng thương thở không ra hơi, người trần truồng, thịt da rớm máu, bỏ trâu chạy về ôm mẹ khóc nấc lên vì uất ức và xấu hổ. Mụ dì ghẻ càng thương con càng căm thù đứa con chồng. Mụ bảo Inh là đồ bỏ đi, chỉ lừa người. Mụ mắng chửi Inh bắt cô phải đền em cô bộ váy, áo đẹp đó vì đã nói dối hai mẹ con mụ.

Inh phải đành nghe theo. Rồi nàng ra hang kể lại mọi chuyện cho mẹ rõ. Mẹ vuốt tóc con, an ủi "con không lo, váy áo mới vẫn còn nhiều". Bà dẫn con vào sâu trong hang xem từng xấp, từng xấp váy áo mới. Inh chọn được bộ đẹp nhất lại vừa nhất mặc vào, trông nàng lại rực rỡ như hoa mới nở buổi sáng mai.

Năm cũ qua đi, xuân mới đã về. Hội xuân náo nức lòng người xóm bản. Ai cũng mặc quần áo đẹp nhất đi dự hội. Năm nào ngày hội cũng như vườn hoa tươi thắm vì trang phục lộng lẫy của các cô thiếu nữ. Năm nay, hội còn vui hơn vì có tin Trời sẽ xuống chơi hội với người mặt đất[1].

Nhưng đúng sáng ngày hội, mụ dì ghẻ lại bắt con chồng đổi bộ áo váy mới cho con nó. Cô gái đáng thương đành nuốt nước mắt, làm theo lệnh mụ dì ghẻ độc ác. Nàng mặc bộ trang phục bình thường đi chơi, lòng nao nao buồn.

Buổi ấy có hai chàng trai người Trời mang kèn, tấu đôi rất đều và múa rất khéo. Các cô gái xúm quanh cuộc vui múa và nhạc tưng bừng đặc sắc đó. Hai chàng trai đã tới tuổi lớn khôn, dự hội vì mùa xuân một phần, nhưng điều chính là họ muốn nhân dịp này tìm người đẹp về làm vợ. Chẳng phải mất công lâu, các chàng đã trông thấy bộ tóc uốn rất khéo và bộ mặt cân đối, đôi mắt dịu dàng của Inh. Giữa đám đông khăn áo rực rỡ sắc màu, Inh nổi bật trong

---

1. Hồi ấy trời đất gần nhau, có đường đi lại, có thang lên trời.

bộ quần áo bình dị, nước da trắng. Hai chàng trai kia nói lớn "chúng tôi nhảy múa kèn chạm ai thì người ấy phải làm vợ" nói rồi các chàng múa cố ý vòng tròn tới bên Inh. Nhưng Inh xấu hổ lảng ra. Cuối cùng họ phải ngừng kèn hỏi "Sao cô không nhập vào đám đông chơi hội?" Inh cúi mặt đáp "Em là gái mồ côi, người không nên người, áo không nên áo, không dám tới chỗ đông". Nhưng hai chàng trai cứ quấn lấy Inh, múa bên nàng cho tới chiều, rồi dẫn luôn nàng đi. Mọi người đều lấy làm lạ. Mẹ con Inh càng ngạc nhiên hơn "Lạ thật, đứa ăn xin, không bố, không mẹ kia, ăn mặc xấu xí, mà hai người Trời lại đưa đi!"[1]

Ba hôm sau thì hai chàng dẫn Inh từ Trời xuống thăm gia đình[2] nàng đã có khăn áo mới. Nhìn sắc đẹp của Inh, mụ dì ghẻ càng lồng lộn ghen tuông. Nhưng mụ cố nén lòng căm tức lại. Hai chàng trai đòi về. Mụ nài người ở lại. Đang mùa mận, mụ sai Inh ra hồ núi hái mận biếu người Trời. Nói rồi, mụ đưa cả Ính và Inh đi.

Tới bên cây mận, mụ ngọt ngào bảo Inh "cây có gai, có nhựa, con để váy áo mới dưới gốc, kẻo trèo lên gai làm xước rách vải phí đi. Hái xong quả thì mặc lại", Inh ngoan ngoãn vâng lời và trèo lên cây. Mụ già đứng dưới gốc nhắc: "Phải ra cành ngoài, lên cành cao mới có quả to, quả ngọt" Inh leo lên cao, trườn ra xa. Chợt nàng nghe có tiếng động dưới gốc. Thì ra mụ hai đang vung búa đẵn cây mận. Inh kinh hãi van xin rồi kêu cứu, nhưng nàng chỉ nghe loáng tiếng mụ già nham hiểm "xuống mày cũng chết, không xuống mày cũng chết!". Tiếng búa mỗi lúc một to, một mạnh. Cành lá rung chuyển, cây nghiêng ngả, Inh chưa kịp suy tính thì cây đã đổ. Inh rơi xuống nước chìm nghỉm.

Ính vội vàng mặc váy áo của chị, cùng mẹ trở về.

Khách ngồi nhà đợi lâu, nay chỉ thấy hai người, liền hỏi "Bà ơi, thế Inh đâu!". Mụ hai trố mắt vờ ngạc nhiên chỉ vào Ính nói "Inh đây chứ đâu. Ồ, các anh chưa nhớ mặt vợ rồi!".

---

1. – Đưa đi tức là lấy làm vợ.
   – Người già kể rằng từ thời rất cổ, một nữ lấy hai nam.
2. Như tục lại mặt. Trong tục lệ cưới xin, đúng 3 ngày sau khi đưa cô dâu đi, bên trai phải dẫn cô dâu trở lại nhà vợ.

Hai chàng trai tức lắm, nhưng vì thấy mụ già đáo để, họ đành dẫn con gái về Trời. Suốt dọc đường họ không nói với cô gái một lời. Họ rất thương nhớ Inh.

Để cô gái xa lạ ở nhà, hai chàng trai đi tìm vợ, đến bên hồ núi, nước trong mát, họ dừng chân ngồi nghỉ, lòng rười rượi buồn. Nghĩ tới vợ, họ thấy mủi lòng: Họ lấy kèn lá thổi bâng quơ:

Em ơi, em ơi!
Em ở đâu! Hai anh chẳng biết
Em ở đâu hai anh chẳng hay
Đi qua ngày qua tháng
Hai anh tìm em, nào thấy!

Họ thổi cho khuây nỗi buồn, nỗi nhớ. Nào ngờ tiếng kèn lá trên bờ vừa dứt thì dường như có tiếng kèn lá từ dưới nước đưa lên:

Các anh ơi, các anh ơi!
Em ở đây, em nằm nơi này.
Muốn kết bạn với em
Muốn bền vợ, bền chồng
Hãy tìm cách cứu em

Đúng là nỗi lòng của Inh rồi. Đúng là vợ của họ rồi. Hai chàng trai bàn nhau rồi vội vã đi nhờ muôn loài tới giúp. Nghe chuyện, muôn thú đều thương họ, thương cô gái, kéo nhau tới bờ nước tìm mọi cách cứu, nhưng không con nào uống cạn được nước hồ. Mãi sau, thằn lằn tới nhận giúp. Thằn lằn uống một hơi cạn hết nước (hai chàng trai Trời mừng quá, tặng thằn lằn bộ da bóng đẹp thay bộ áo sù sì cùng với ít vàng).

Khi chàng trai bế vợ lên bờ, nhờ hơi ấm của người, cô gái mở mắt, bừng tỉnh như sau một giấc ngủ mê dài. Họ đưa Inh về Trời giấu nàng trong buồng kín, không cho Ính đặt chân tới. Ngày ngày họ vẫn cùng Ính lên nương, nhưng họ để Ính làm một nơi, để tránh trò chuyện. Họ không ưa Ính. Ính vừa lười vừa hay cấu gắt giống tính mẹ. Về nhà, hai chàng lại vào buồng kín. Bao giờ cũng có mâm cơm hai xuất ngon lành để sẵn. Ính phải nấu cơm ăn một mình. Hai chàng dặn Inh phải thận trọng. Nhưng rồi vẫn không giấu được con mắt hàng xóm. Người ta thì thào rồi báo cho Ính biết chuyện lạ "Nhà này có cô gái đẹp nấu nướng lúc vắng người".

Một lần Ính vờ ốm, nằm nhà, nhưng không thấy ai ra bếp nấu ăn. Nhưng cô nghi có con gái làng đẹp đã quyến rũ hai chàng trai.

Rồi đêm ấy Ính chợt tỉnh giấc, không thấy hai chồng. Họ đi đâu? Ính nín thở lắng nghe tiếng động trong đêm vắng. Hình như có tiếng thì thào đâu đó. Nhưng lát sau tiếng thì thào cũng chìm mất trong đêm.

Sáng hôm sau Ính hỏi vặn hai người. Lúc này, họ nói thẳng điều họ vẫn nghĩ từ lâu "Tóc cô ngắn lắm, không đủ làm gối, gối đầu cho chúng tôi. Tóc của Inh dài, mượt đủ để rẽ hai bên cho chúng tôi gối êm".

– Nhưng em là Inh đây mà. Ính cố cãi.

– Cô đừng nói dối. Hai người cùng nói.

Biết mình đuối lý, Ính không cãi thêm chợt có tiếng mèo kêu trong buồng. Họ bảo Ính lấy ít cơm đem vào buồng kín cho mèo ăn. Ính nói: "Mèo đói phải bắt lấy chuột mà ăn chứ, kêu gì!". Tuy vậy cô cũng tò mò, muốn vào buồng kín, nơi từ lâu cô vẫn muốn biết điều bí mật mà xóm giềng xì xào. Nhưng cửa không sao mở được. Một chàng trai nói "lấy chổi thấm nước, quét lên cửa ba lần, nó khắc mở".

Vào buồng, mèo chẳng có mèo. Ính chỉ thấy người đàn bà đẹp đang ngồi trên giường. Người đàn bà khêu ngọn lửa cho sáng thêm Ính thoáng giật mình. Người đàn bà nào phải ai xa lạ mà chính là chị gái con bà cả. Nhưng Inh lại như trẻ ra đẹp hơn hẳn trước. Nước da Inh xưa đã trắng nay trắng mịn hơn; đôi mắt xưa đã đẹp, nay lại trong sáng hơn. Còn quần áo thì đẹp như cô dâu mới cưới.

Inh không nói một lời. Ính ngượng quá, nhưng rồi cũng phải chào chị trước. Điều trước tiên là cô em ao ước được đẹp như chị. Cô không cầm lòng được, chào xong, cô hỏi ngay: "Chị ơi, làm thế nào cho tóc em dài như tóc chị, da em trắng như da chị?".

Inh bình thản đáp: "Có gì đâu, chị ngã xuống hồ được uống nước hồ ngấm vào, tóc chị dài ra, rồi chị tắm nước sôi, nước sôi rửa sạch da cũ, thay da mới trắng mịn cho chị!". Ính tha thiết nhờ chị giúp:

– Chị giúp thì chắc chắn em sẽ đẹp hơn, Inh đáp.

Nói rồi, Inh bảo em bắc bếp ra bờ suối đun hai nồi to nước sôi. Nước càng sôi kĩ, da em càng trắng. Ính sung sướng làm theo.

Chợt có con quạ từ đâu đậu trên cành cây gần đó cất tiếng kêu: "Đừng làm như thế! Đừng làm như thế!". Cô gái mải đun nước, không chú ý. Quạ vẫn kêu, Ính dần dần nghe rõ. Nhưng cô ngước lên cây đáp "Không mà, chị thay hình cho em đẹp thêm!".

Xong đâu đấy, Inh bảo em nằm vào máng đập lúa[1] và dặn Ính phải nằm im, không được kêu đau. Nước càng sôi, da càng trắng.

Ính bị nước sôi dội toàn thân, chết không kêu một tiếng. Inh khoét mắt, sẻo đôi má, sẻo đôi vú Ính gói lại làm một gói. Còn thịt cánh tay và thịt đùi gói làm một gói. Rồi nàng cùng hai chồng đi thăm bà tái[2] và cầm hai gói thịt biếu mụ.

Thấy ba người tới, mụ hai mừng không nói hết. Mụ trách sao con rể lâu không tới thăm mụ. Mụ không nhận ra Inh, mà cứ đinh ninh là con gái mình. Mụ nói nhỏ: "Ính sung sướng quá, được lấy người Trời[3], còn con Inh khốn khổ thì làm mồi cho cá lâu rồi!". Ba người ngồi nói chuyện qua loa một lát rồi xin phép mụ về ngay vì nhà Trời đang lúc cuốc đất, gieo hạt. Họ biếu mụ hai gói thịt và dặn kĩ "mẹ phải để đến chiều, lúc chúng con về tới nhà hãy mở ra ăn. Nếu không, chúng con sẽ mỏi chân không đi được". Mụ hai xúc động, cám ơn các chàng rể tốt bụng đã cho mụ quá nhiều quà.

Nhưng mới gần trưa, mụ già đã nóng ruột không đợi được bèn đem quà nhà Trời ra xem. Mụ mở gói nhỏ ra trước. Mụ kinh ngạc khi thấy mắt, má, vú đàn bà. Nhưng vẫn chưa đoán ra. Mụ vội mở ngay gói thứ hai, gói toàn thịt, mụ chợt chú ý tới nốt ruồi liền nhau trên mảnh da. Mụ bàng hoàng sợ hãi vì đó là thịt ở bắp tay người, mà hai nốt ruồi mọc liền nhau ở cánh tay thì đúng là thịt con Ính rồi! Bụng mụ như có lửa đốt. Chân mụ yếu rồi, nhưng trí mụ rất tỉnh, còn lòng mụ thì bừng bừng căm giận. Mụ liền vào xóm thuê người đuổi theo bọn người Trời để tìm cho ra lẽ. Nhưng ba người đã về tới trời. Inh nhìn xuống thấy mụ dì ghẻ ác độc đang chỉ trỏ cho một người lối đi lên Trời. Nàng báo cho các chàng trai biết. Họ

---

1. Miền núi, đồng bào đập lúa vào máng gỗ ngay ngoài ruộng, bỏ rơm rạ lại, chỉ chuyển thóc về.
2. *Bà tái*: mẹ vợ.
3. *Ý*: như lấy được nơi giàu có, nhàn thân.

vội xin vua Trời chặt thang. Mụ dì ghẻ nham hiểm uất ức, không làm gì được, đành sống cô quạnh suốt đời.

Cũng từ ngày chặt thang đó, trời và đất bắt đầu xa nhau. Người trên trời và người mặt đất không đi lại gặp nhau dự hội xuân với nhau nữa...

Lùng Thị Xeo Phúng *kể*
Lê Trung Vũ *biên soạn*

DÂN TỘC PHÙ LÁ

TÌM CON

Ngày xưa trong làng kia có hai đôi vợ chồng cùng hiếm con. Họ cùng mong muốn có một chút con, dù là con nuôi cũng được, để sớm tối vui cửa vui nhà.

Một hôm hai bà hiếm con nói chuyện với nhau. Bà này nói:

– Tôi lấy chồng đã lâu. Số hiếm hoi muộn mằn, chỉ mong có một đứa con trai để bầu bạn lúc tuổi già. Đã không sinh nở được, ai cho tôi cũng xin, ai bán tôi cũng mua. Con nuôi tôi cũng thương cũng quý như con đẻ. Hôm nào rỗi rãi tôi thử đi tìm xem sao.

Bà kia đáp:

– Tôi cũng vậy. Số mình đã hiếm hoi, chỉ mong xin được một đứa con trai. Sau nó lớn, tôi sẽ lấy vợ cho nó để có nàng dâu hầu hạ mình lúc tuổi già.

Nói rồi bà ta quay về để lên đường đi tìm con. Đi đến một cái dốc, bà ta trông thấy phía trước mặt có một bà cụ già đang gò lưng gánh một gánh gà vịt leo lên. Bà cụ già gánh nặng thở hổn hển. Mùi cứt gà cứt vịt xông lên sặc sụa. Bà tìm con vừa đi vừa nhổ bọt, rồi gọi bà cụ già, bảo:

– Này bà lão kia! Đứng lại đã. Để tôi đi trước, không thối lắm. Bà cụ bèn dừng chân nhường bà ta đi trước. Đoạn cụ già cất tiếng hỏi:

– Vậy bà đi đâu đấy?

– Tôi không có con. Đi tìm con về nuôi chứ còn đi đâu!

– Bà khỏi phải tìm đâu xa. Cứ đi một quãng nữa, thấy có tiếng trẻ khóc cạnh đường, bế về mà nuôi.

Bà hiếm con đi được một đoạn đường, thì nghe có tiếng trẻ khóc. Bà ta mừng quá, vội chạy lại ôm lấy đứa bé đem về nhà. Bà đặt nó vào cái *bem* đan bằng mây. Ngày nào bà cũng vào rừng hái thuốc để có sữa cho con bú. Cũng vì thế mà bà ta cứ ngày một gầy guộc, xanh xao. Mẹ chồng thấy vậy lấy làm lạ. Một hôm nhân lúc con dâu đi vắng, bà mở chiếc *bem* ra xem thì thấy trong đó có một con sâu lông sù rất to. Bà sợ quá hét lên. Rồi bà cùng với người con trai nấu một nồi nước sôi đội vào con sâu. Nước sôi làm tuột hết lông con sâu thì hiện ra một đứa bé trai xinh xắn nằm chết còng queo. Hai mẹ con càng sợ, bèn đem cả chiếc *bem* có đứa trẻ vào vứt tận rừng sâu.

Bà hiếm con kia, một ngày nọ cũng lên đường để tìm con. Tới đầu một con dốc lạ, bà gặp một lão bà gánh một gánh nặng vịt gà. Bà lão cúi khom cả lưng leo dốc, miệng thở không kịp, mùi phân gà vịt bay ra hôi cả một vùng.

Bà hiếm con lên tiếng gọi bà lão gánh nặng:

– Cụ già ơi! Cụ dừng lại nghỉ chân cho đỡ mệt. Để cháu gánh giúp cho.

Cụ già đáp:

– Để lão gánh thôi. Thối lắm, bà chẳng chịu được đâu.

– Không sao cả. Cụ cứ để cháu gánh cho. Rồi bà ghé vai đỡ lấy gánh nặng thay cụ già. Bà cụ hỏi:

– Vậy chứ bác đi đâu thế?

– Cháu không có con. Cháu đi các nơi mong hễ gặp ai cho thì cháu xin, ai bán thì cháu mua về nuôi. Cũng là để cho nó có bầu có bạn thôi cụ ạ.

Bà cụ già liền bảo:

– Tháng Giêng năm mới, ngày nào trời mưa đem rổ đi mà xúc cá. Xúc được con gì, lấy con ấy về mà nuôi làm con!

Tháng Giêng năm ấy trời đổ một cơn mưa to, nước lũ. Bà không con đem rổ đi xúc được một con Rùa đem về nhà. Bà thầm nghĩ: Mình mong kiếm được mụn con trai, nuôi cho vui cửa vui nhà. Nay

xúc được con Rùa thì làm trò trống gì. Sực nhớ lời bà lão gánh gà vịt dặn bữa trước bà nén lòng chăm chút cho con Rùa xem ra sao.

Con Rùa bà nuôi chỉ quanh quẩn trong nhà. Nó cũng biết nói tiếng người và thường đòi mẹ cho ra vườn dạo chơi. Đêm Rùa ngủ dưới gầm giường mẹ. Một hôm Rùa nói với mẹ:

– Mẹ ơi! Con đã lớn rồi. Con muốn lấy con gái út của nhà vua. Mẹ đi hỏi cho con.

Chiều ý Rùa, bà vờ ra khỏi nhà và nghĩ vụng: Đũa mốc lại dám chòi mâm son. Việc này mà đến tai vua chỉ làm đức vua nổi giận, mẹ con khó sống nổi. Quay về bà bảo Rùa "Nhà vua không gả đâu!"

Rùa biết mẹ còn ngần ngại không dám đi, bèn nói:

– Mẹ chưa đến gặp vua đâu. Mẹ đừng sợ. Mẹ cứ đi hỏi, thế nào nhà vua cũng thuận lòng đấy.

Bà mẹ lại ra đi. Lần này bà đã đến tận cổng nhà vua. Ngần ngại, bà quay trở về, bảo Rùa:

– Mẹ hỏi, vua không thuận gả.

– Mẹ chưa hỏi đâu. Mẹ mới đến cổng nhà vua thôi. Mẹ cứ vào hỏi, thế nào vua cũng gả đấy.

Thấy con biết rõ việc mình đi về mấy lần, bà mẹ thầm nghĩ, chắc có gì khác thường. Bà bèn đánh bạo vào hỏi con gái út của vua cho Rùa, con bà. Nhà vua thuận ý cho Rùa đến ở rể. Vua có ba chàng rể, anh cả và anh hai đều là người. Một hôm vua thử các chàng rể, nhưng chỉ là lấy cớ để thử chàng rể Rùa kỳ lạ. Vua truyền cho các chàng rể phải làm cho vua một ngôi nhà ba gian, trong đó mỗi chàng rể phải làm một gian.

Hai chàng rể lớn vào rừng ra sức chặt cây to, gỗ tốt về để làm cột làm kèo. Rùa cũng lạch bạch vào rừng, nhưng chỉ thu về được các thứ cây que nhỏ bé xếp vào một xó.

Sắp đến hạn phải dựng xong nhà. Hai chàng rể lớn có xóm giềng đến giúp sức. Nàng công chúa út tỏ ra lo lắng hỏi Rùa:

– Hai anh lớn dựng sắp xong nhà rồi mà mình thì chẳng có cây que gì ra hồn, làm thế nào đây?

Rùa đáp:

– Hai anh làm xong, tôi khắc làm xong.

Đêm ấy, trời nổi cơn mưa to gió lớn, sấm chớp đùng đùng. Sáng hôm sau trời quang mây tạnh. Khi ánh mặt trời vừa ló ra, cũng là lúc mọi người nhìn thấy một gian nhà cực kỳ lộng lẫy nằm bên cạnh hai gian nhà kia. Nom giống hệt một lâu đài. Công chúa vợ Rùa vô cùng ngạc nhiên, nàng như không tin vào mắt mình nữa. nàng nói:

– Ôi, ai mà làm được căn nhà đẹp thế!

– Nhà của mình làm đấy, nàng không tin ư. Đêm qua lúc trời nổi giông gió sấm chớp, ấy là lúc tôi gọi họ hàng bà con về làm giúp đấy! chàng Rùa đáp.

Nhà vua cũng hết sức hài lòng về chàng rể Rùa tài năng. Vua hết lời khen ngợi.

Một hôm Rùa cởi áo (áo của Rùa chính là cái mai Rùa) để ở bếp biến thành một chàng trai đẹp đẽ rồi bảo vợ cùng mình về nhà thăm mẹ. Lừa lúc Rùa không để ý, công chúa bèn ném áo của Rùa vào lửa. Thấy mùi khét, Rùa giật mình quay lại, chiếc áo của chàng đã bén lửa. Vì thế mà mai Rùa ngày nay mới loang lổ. Từ đấy mẹ con Rùa sống rất yên vui. Có Rùa lại có cả một nàng dâu hiếu thảo khiến mẹ Rùa cũng được sung sướng lúc tuổi già.

Đào Văn Mé
Gia Thắng – Bảo Thắng *kể*

DÂN TỘC RAGLAI

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

Trên đỉnh một ngọn núi cao vùng Chu Bô Đa có một mỏm đá xanh, giống hệt như hình một em bé khấu khỉnh, xinh xắn, cưỡi trên một con voi. Mỏm đá đứng ở chỗ ấy tự bao giờ, không một ai biết cả. Chỉ biết, từ trước đời ông đời cha, lâu lắm mỏm đá ấy đã có rồi.

Một buổi sáng, mỏm đá hình người bỗng nhiên rùng mình, khẽ cựa quậy, rồi biến thành một em bé bằng xương bằng thịt, xinh đẹp

chưa từng thấy. Em bé yên lặng, mở mắt nhìn núi, nhìn mây, mỉm cười vui thích, rồi thong thả bước xuống núi.

Sáng hôm ấy, dưới chân núi, dân làng, từng toán, từng đoàn, vai mang gùi, tay cắp rổ, đang tấp nập suốt lúa, bẻ ngô.

Bỗng nhiên từ phía xa, nai, mang, công, trĩ, chim phí, lợn rừng, từng đàn kéo về đông nghịt. Động rừng rồi. Chưa năm nào động rừng dữ dội như năm ấy. Dân làng hoảng hốt cầm gậy, chạy đuổi đằng đông, chạy dồn đằng tây, gào thét đứt cả hơi để đuổi thú, đánh chim mà chẳng ăn thua gì. Mọi người lại vào rừng, hối hả dứt hàng vác dây song, vê ràng chằng chịt, buộc bù nhìn, rồi gõ thanh la, khua mõ, nhưng vẫn vô hiệu. Cuối cùng, họ phải bỏ cả nương rẫy mùa màng, chạy như bay về làng, tìm lao, kiếm nỏ.

Vắng bóng người, chim lông vàng, lông đỏ chắp cánh bay, xa trông như một đám mây ngũ sắc. Hươu sao, nai vàng, hàng đàn kéo thẳng tới, xông vào nương rẫy. Giữa lúc ấy, em bé từ trên núi cao cũng vừa xuống tới nơi. Thấy cảnh hỗn độn ấy, em đứng nhìn đám muông thú mà cười, vẫy tay đùa bỡn với chúng.

Thấy chuyện lạ, chim sà xuống bìa nương, ngẩng đầu lấm lét nhìn; hươu sao, nai vàng cũng lùi lại bãi tranh rộng, vẻ ngờ vực mắt giương tròn lơ láo. Bỗng nhiên em bé từ từ mở miệng, cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp nương rẫy núi rừng. Tiếng hát mới hay làm sao, lôi cuốn như hoa thơm quyến rũ ong vàng, bướm trắng.

Nghe tiếng hát lạ lùng ấy, từng đàn chim công, chim sẻ, từng đàn hươu sao, lợn lòi... tất cả đều quên chuyện phá lúa. Chúng gật đầu, xòe cánh, đập đập móng.. và bắt đầu múa nhảy nhịp nhàng. Tiếng hát khoan thai, chúng nhảy chậm, tiếng hát dồn dập, chúng nhảy nhanh; tiếng hát dìu dặt, chúng lim dim, mắt gật gù như người chếnh choáng hơi men.

Dân làng cầm lao, vác ná, chạy ra đến nương, nghe tiếng hát và thấy cảnh ấy, ai cũng sửng sốt, kinh lạ. Lũ muông thú vẫn cứ mê say nhảy múa, mãi cho đến khi nhận ra dân làng đang cầm lao, ná, ập tới, chúng mới giật mình đánh thót, đập cánh bay vù, chen nhau chạy dạt đi mất.

Dân làng vây quanh em bé, mừng rỡ như được gặp vị cứu tinh. Họ tranh nhau hỏi em từ đâu tới, học ở đâu mà có tiếng hát thần

tiên như vậy. Nhưng em bé chỉ cười, dân làng lại hỏi tên em là gì, em cũng chỉ cười. Tiếng cười giòn giã làm rộn lòng dân làng, và nụ cười tươi tắn làm rộn rã khuôn mặt xinh của em. Dân làng liền mời em bé về làng. Họ sửa soạn đốt lửa, dựng chòi[1] cho em bé hát. Một cô bé xinh đẹp nhất làng thấy em bé đáng yêu quá, liền đặt tên cho em là Nai Ngọc.

Tối hôm đó, trăng sáng lắm, Nai Ngọc ngồi giữa dân làng cất tiếng ca. Em hát những bài ca ngợi những người anh hùng đã có công giữ gìn buôn làng cho bà con nghe. Trăng lặn, sao mờ, nhưng không ai chịu về ngủ cả. Họ ngồi như vậy cho đến lúc nắng vàng chiếu đến trên nương.

Từ đó, Nai Ngọc sống chung với dân làng. Tiếng hát của em khiến mọi người làm việc không biết mệt mỏi, tiêu tan mọi sự buồn nản, khiến cho nương đầy lúa, rẫy đầy bông, rừng núi đầy hoa nở.

Một ngày kia, Nai Ngọc đang cùng dân làng làm việc trên nương, bỗng thấy bốn phương lửa cháy rừng rực, rồi tiếng chiêng, tiếng trống dồn dập nổi lên. Có những người đội khăn đỏ, ngồi trần trên lưng ngựa, phi như gió, vải đỏ của họ thắt chéo trước ngực, một tay họ cầm đuốc, một tay họ cầm ớt chín, cầm vòng đồng[2]. Đoàn người ngựa phi như bay hết làng này sang làng khác. Lệnh truyền của Mtao dân tộc Giơ Rai vang khắp vùng:

– Bọn giặc ở dưới biển sắp lên cướp phá quê ta. Chúng kéo đi đông như lá rừng, nhanh như chớp giật, giáo mác chĩa lên trời tua tủa như bông lách, bông lau. Ai là người thương mẹ thương cha, ai là người thương đất nước, ông bà, hãy mau mau ra đánh giặc!

Nghe tin, dân làng liền bỏ công việc, chạy ào về làng. Thanh niên trai tráng, các cụ già, thảy đều cầm chặt tên nỏ, giáo mác sẵn sàng đi giúp Mtao đuổi đánh bọn giặc biển. Nai Ngọc cũng cầm khiên đao theo đoàn quân xuất trận, giáo gươm tua tủa.

Quân hai bên đã gặp nhau. Quân địch tấn công ào ạt, thế mạnh như nước tràn bờ. Quân đôi bên xông vào đâm chém nhau,

---

1. Ngày xưa có nơi ở Tây Nguyên, dân làng thường dựng chòi cho nghệ nhân đứng hát để tỏ lòng kính trọng, hâm mộ.
2. Thời xưa, người đi báo tin chiến tranh cầm đuốc và ớt – tượng trưng cho sự khẩn cấp, cầm vộng – tượng trưng cho lời kêu gọi đoàn kết.

máu chảy tràn sông, đỏ suối. Nai Ngọc mở to mắt nhìn cảnh đâm chém nhau khủng khiếp ấy. Em từ từ lùi lại, trèo lên một mỏm đồi và bỗng nhiên cất tiếng hát trầm bổng, ngân nga. Lúc đầu tiếng hát còn chìm trong tiếng sắt thép va chạm nhau, nhưng dần dà sắt thép chìm đi hết, nhường chỗ cho tiếng hát. Tiếng hát của Nai Ngọc kêu gọi những kẻ xâm lược chó đi ăn cướp, hãy trở về làng để nhìn mặt vợ, mặt con, hãy trở về làng cùng với vợ con đi hái rau ngọt, đi cắt lúa vàng, tối tối ngủ bên lửa ấm, sáng thức dậy theo mặt trời.

Nghe giọng hát như gió mát, quân địch ngừng tay kiếm đứng đờ người ra, như nuốt lấy từng lời ca, binh khí tuột khỏi tay rơi xuống đất lúc nào không biết. Rồi từ từ, chúng ngã xuống, ngủ say như chết dưới chân những đàn voi, đàn ngựa...

Mtao hết lời khen Nai Ngọc. Mtao thưởng cho Nai Ngọc một trăm con voi ngà vàng, một trăm chiếc chóe ba (bình làm bằng đất nung) thật quý và một trăm người hầu hạ. Nhưng Nai Ngọc chỉ cười mà lắc đầu. Em lại cùng dân làng trở về nương rẫy, sớm chiều cất cao tiếng hát của mình cho bà con thân thích nghe.

Được vài ngày, dân làng không thấy Nai Ngọc đâu nữa. Em bé đã đi khỏi làng theo đường cũ lên núi. Dân làng đổ đi tìm, nhưng không thấy. Họ chờ đợi từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, từ mùa xuân sang mùa hạ, từ năm này qua năm khác, nhưng vẫn không thấy Nai Ngọc trở về.

Dân làng bảo nhau rằng, sau khi giúp dân trừ giặc. Nai Ngọc đã trở lên núi cao, biến thành đá như trước. Từ đó, đến mùa hoa tăng bi nở vàng, hoa tâm doan nở tím, hoa ê pang nở trắng, hoa guôn nở hồng, các cô gái làng thường chỉ vào những hoa đó mà hát:

Hoa rừng nở bên suối
Những cánh hoa hình trái tim hồng
Đua nhau nở...
Để ca ngợi tiếng hát của Nai Ngọc thân yêu

Mọi người đều tin rằng một ngày kia, Nai Ngọc sẽ trở lại làm người, về với dân làng, cất tiếng hát kỳ diệu giữa cảnh núi rừng thanh bình tươi đẹp.

DÂN TỘC TÀY

CẨU KHÂY

Ngày xưa, có một chú bé, tuy nhỏ người nhưng ăn một lúc hết chín chõ xôi, vì vậy người ta mới đặt tên là Cẩu Khây. Cẩu Khây nhà nghèo, lên mười tuổi, sức bằng trai mười tám; mười lăm tuổi đã tinh thông võ nghệ. Thấy con khỏe và giỏi võ, cha mẹ Cẩu Khây thường khuyên con nên làm điều lành.

Cẩu Khây rất có hiếu, luôn nghe lời cha mẹ. Trâu bị tụt hố, sa lầy, Cẩu Khây kéo lên và vác cả trâu qua cánh đồng lầy. Hổ lớn trong rừng lùa bắt trâu, bắt lợn của dân bản. Cẩu Khây nhổ cả cụm tre đuổi đánh chết hổ. Xác hổ bốn người khiêng không nổi, một mình Cẩu Khây cắp nách chạy nhẹ nhàng như không.

Trong vùng bỗng có một cặp vợ chồng yêu tinh. Vợ chồng yêu tinh to như hai cây cổ thụ. Chúng có nhiều phép ghê gớm. Đêm đêm, chúng đi bắt người và các súc vật về ăn thịt, chẳng mấy lúc bản làng tan hoang, nhiều bản không còn ai sống sót.

Cẩu Khây tức giận lắm, quyết đi trừ yêu. Mới đầu, cha mẹ Cẩu Khây không cho, sau vì Cẩu Khây nằn nì mãi nên đành phải bằng lòng. Khi đi, cha mẹ Cẩu Khây dặn con là nên tìm thêm người tài giỏi và hợp sức trừ yêu tinh chứ một mình Cẩu Khây sẽ không làm nổi.

Cẩu Khây hớn hở ra đi. Gặp năm trời hạn, đến một cánh đồng khô cạn, Cẩu Khây thấy rất đông người đang đắp đập dẫn nước vào ruộng. Trong số người ấy, có một cậu bé. Cậu bé ấy đang dùng nắm tay không để thay vồ đóng cọc. Mỗi quả đấm của cậu giáng xuống, cọc tre lại thụt ngập hàng gang tay. Cẩu Khây muốn rủ cậu bé cùng đi trừ yêu tinh, bèn lại gần hỏi chuyện. Cậu bé tên là "nắm tay đóng cọc". "Nắm tay đóng cọc" trả lời Cẩu Khây rằng:

– Phải đắp đập lấy nước về tưới ruộng không thì lúa chết hết. Một nắm tay tôi khỏe bằng mấy Cẩu Khây mà vẫn làm không kịp đấy.

Nghe nói, Cẩu Khây liền nghĩ ra một mẹo. Cẩu Khây thách "Nắm tay đóng cọc" đọ sức, nếu "nắm tay đóng cọc" thua thì "Nắm

tay đóng cọc" phải theo Cẩu Khây đi giết vợ chồng yêu tinh. "Nắm tay đóng cọc" nhận lời. Hai người đấu võ, và chỉ một lúc thì "nắm tay đóng cọc" đã phải xin thua. Tuy vậy, Cẩu Khây vẫn cùng với "Nắm tay đóng cọc" đắp xong đập nước rồi mới lên đường.

Đến một vùng kia, đang đi, Cẩu Khây và "Nắm tay đóng cọc" nghe tiếng tát nước ầm ầm. Tưởng đông người, Cẩu Khây và "Nắm tay đóng cọc" mò đến xem. Lúc tới nơi, chỉ thấy một cậu bé đang ngâm mình dưới suối, lấy hai vành tai tát nước lên thửa ruộng cao bằng mái nhà. Cẩu Khây liền hỏi chuyện và khen cậu bé khỏe. Cậu bé được khen đắc ý nói rằng một vành tai của mình có thể quạt bay cả ba người giỏi như Cẩu Khây.

Cẩu Khây liền cởi áo xuống nước đọ sức với "Lấy tai tát nước". Cuộc đọ sức lần này gay go vì Cẩu Khây bị nước té tối tăm mặt mũi. Mãi sau, lừa miếng, Cẩu Khây mới nhảy vọt lên cao rồi lao ngay xuống cạnh "Lấy tai tát nước", túm cổ cậu ta ném lên bờ. "Lấy tai tát nước" đành chịu thua. Thế là Cẩu Khây được thêm một bạn nữa cùng đi trừ yêu tinh.

Ba người đi được ít lâu, lại gặp một cậu bé khác đang ngồi dưới gốc cây, lấy móng tay đục gỗ thành lòng máng dẫn nước vào ruộng. Cẩu Khây liền cùng các bạn lại hỏi chuyện. Cậu bé nọ thản nhiên nói là ở đời không ai có được móng tay khỏe và sắc như mình. "Nắm tay đóng cọc" tức khí, hỏi:

– Cậu bé bằng con chuột thế kia thì làm gì nổi ai mà nói huênh hoang thế?

"Móng tay đục máng" trả lời:

– Không làm gì nên à? Anh đã biết Cẩu Khây chưa? Một cái móng tay của tôi còn hạ nổi mười Cẩu Khây đấy!

Thấy nhắc đến mình, Cẩu Khây liền bảo "Nắm tay đóng cọc" hãy ra thi võ với "Móng tay đục máng". Đấu đến lúc mặt trời lên cao thêm một con sào nữa mà vẫn không phân được thua. Hai người đành phải chịu hòa.

Được thể, "Móng tay đục máng" càng hăng, cậu ta nói với Cẩu Khây đứng ngoài:

– Kể ra anh kia cũng khỏe đấy, nhưng tôi chưa dùng hết sức tôi. Nếu tôi ra sức thì khỏe như hổ tôi vẫn bẻ gẫy chân đấy.

Cẩu Khây nghe vậy liền đứng tấn, hai tay khoanh trước ngực, bảo "Móng tay đục máng" hãy thử vật mình xem. "Móng tay đục máng" sấn tới, định vít cổ Cẩu Khây xuống nhưng không ăn thua. Mỗi lần cậu ta lấy sức lên gân thì đất dưới chân chỉ lún xuống, Cẩu Khây vẫn đứng trơ trơ. Sau cùng "Móng tay đục máng" đã mệt, Cẩu Khây mới nói rõ tên mình và rủ "Móng tay đục máng" cùng đi trừ yêu tinh. "Móng tay đục máng" giật mình kính phục, xin làm em út và đi theo.

Bốn anh em Cẩu Khây thương yêu nhau như anh em ruột, đến đâu cũng giúp đỡ người khốn khó.

Một hôm, bốn anh em gặp hơn mười người đang gò lưng kéo gỗ làm nhà. Cẩu Khây bảo để mình giúp một tay mang về hộ, họ không tin. Thấy anh em Cẩu Khây còn nhỏ tuổi, một người trong bọn nói đùa rằng nếu Cẩu Khây vác được cây gỗ thì cả bọn họ sẽ xin nhường bữa cơm sáng. Cẩu Khây liền ghé vai vác cây gỗ chạy như bay. Mọi người kinh ngạc, phải hết sức chạy đuổi theo mới kịp.

Anh em Cẩu Khây được cuộc. Ăn cơm xong, bốn anh em lại lên đường đến chỗ yêu tinh ở. Quanh vùng yêu tinh ở, bản làng xơ xác, cỏ mọc um tùm. Chiều tối, bốn anh em lần vào một bản, trong bản còn sót lại một bà cụ già. Thấy bọn Cẩu Khây toàn là trẻ nhỏ, lại kêu đói, bà cụ nấu cơm cho ăn. Ăn hết nồi này nồi khác, họ vẫn chưa no. Sau cùng, bà cụ phải nấu thêm một chảo lớn nữa, anh em Cẩu Khây lại ăn hết mới nằm lăn ra ngủ.

Tờ mờ sáng, lúc gà rừng vừa gáy, con chim vẫn "thủ thỉ thù thì" dưới sàn, anh em Cẩu Khây còn đang ngủ say thì có tiếng đập cửa. Biết yêu tinh đã đánh hơi thấy thịt trẻ con, bà cụ liền lay anh em Cẩu Khây dậy để đi trốn. Cẩu Khây liền bảo bà cụ:

– Cụ đừng sợ. Cụ cứ vào trong buồng đi. Chúng cháu đang đi tìm để giết yêu tinh mà!

Nói rồi, Cẩu Khây bảo "Nắm tay đóng cọc" và "Móng tay đục máng" nấp hai bên cửa. Cẩu Khây lên tiếng hỏi. Nghe tiếng trẻ con, yêu tinh mừng lắm. Nó giục mở cửa. Yêu tinh vợ vừa thò đầu vào, thè lưỡi dài như quả núc nác, trợn mắt xanh lè nhìn Cẩu Khây, liếm mép chèm chẹp tỏ vẻ thèm thuồng, thì "Móng tay đục máng" túm nhanh lấy lưỡi yêu tinh, dùng móng tay cứa đứt đôi. "Nắm tay đóng cọc" đấm một cái làm yêu tinh vợ gãy gần hết răng, máu chảy

lụt gầm sàn. Đau quá, yêu tinh vợ hét lên, gió bão nổi ầm ầm, trời đất sầm tối. Cẩu Khây liền nhổ cả một cây bồ quân gai góc xù xì quật vào mặt yêu tinh. Yêu tinh vợ vội bỏ chạy, bốn anh em Cẩu Khây lập tức đuổi theo.

Yêu tinh vợ lừa anh em Cẩu Khây đến một vùng thung lũng chật hẹp, chung quanh núi cao vây tròn thành lòng chảo. Bấy giờ nó mới quay lại, vén quần đái ra như mưa. Nước dâng lên ngập cả cánh đồng. Anh em Cẩu Khây vội trèo lên núi. "Nắm tay đóng cọc" thì đóng cọc be bờ ngăn lụt. "Lấy tai tát nước" thì lấy tai tát nước ầm ầm qua núi cao. "Móng tay đục máng" thì hì hục ngả cây khoét máng, khơi dòng cho nước chảy sang thung lũng bên kia, còn Cẩu Khây thì tiếp tục đánh nhau với yêu tinh vợ.

Yêu tinh vợ cùng thế, thua chạy về cầu cứu yêu tinh chồng. Yêu tinh chồng nghe nói tức giận chạy ra thì cũng vừa gặp bốn anh em Cẩu Khây xông tới. Nó gầm lên như sét đánh, núi sau nhà sạt từng mảng to bằng cái bồ. Thấy anh em Cẩu Khây bé nhỏ, nó khinh thường, ngửa mặt lên trời cười sằng sặc, đoạn giơ đầu ra bảo anh em Cẩu Khây:

– Đồ nhãi ranh, chúng mày muốn gãi đầu tao à? Đầu tao đây, chúng mày gãi thử xem!

Nó tưởng nó có phép, không sợ vỡ đầu. Ngờ đâu anh em Cẩu Khây khỏe quá, mỗi người vác một tảng đá lớn cùng nện. Yêu tinh chồng vỡ óc chết tươi.

Giết xong yêu tinh chồng, anh em Cẩu Khây lùng vào hang giết nốt yêu tinh vợ rồi mới trở về.

Từ đấy, dân trong vùng được yên ổn làm ăn. Làng bản dần đông vui hơn trước.

TRÊN ĐỈNH PHIA MU

Ngày xửa ngày xưa, đã lâu lắm rồi, ngày ấy Cao Bằng chỉ có đồi gianh, núi sậy, rừng lau, người ta không sao kiếm nổi lấy một cây vầu, một cây gỗ để làm nhà.

Người dân Cao Bằng khi ấy chỉ sống trong những túp lều nho nhỏ, cột kèo bằng lau, rầm rui mè bằng sậy, mái phủ một lớp gianh

mỏng mảnh ở những sườn đồi trống trải. Mỗi khi có rồng dữ đi qua cuốn theo những cơn mưa giông, bão giật thì những túp lều kia đều bị sập đổ, nghiêng ngả hoặc bị tung mất mái, nhiều bão lớn còn cuốn bà già trẻ con đi theo. Vì vậy người ta rất khiếp sợ khi chiều về nhìn ra chân trời thấy một dải ráng hồng. Tuy biết trước được những tai họa đến với họ, uy hiếp nhà cửa và sinh mạng của họ nhưng cũng không ai có cách nào chống đỡ lại. Họ sống khổ cực như thế nhưng cứ phải chịu hết đời này qua đời khác những cảnh kinh khủng ấy.

Hồi đó, ở lưng chừng núi Phia Mu[1] có một đôi vợ chồng một bác nông dân sinh được tám người con: bốn trai và bốn gái. Họ tuy nghèo khó nhưng rất mực thương yêu nhau. Chồng siêng năng cần cù đốt cây phát rẫy, vợ chăm chỉ nhẫn nại trỉa bắp tra lúa ngoài nương. Các con trai bác tuy đông nhưng cũng rảnh tay với công việc không quản mệt mỏi, nhọc nhằn.

Nhà có mười miệng ăn, nhưng chưa bao giờ phải ăn thiếu ăn nhịn. Quanh năm, trong nhà lúc nào thóc ngô cũng đủ. Bồ lúa nương sắp hết thì rẫy ngô đã vàng lá. Những chum ngô vơi dần thì những luống khoai ở quanh nhà cũng đã đến lúc dỡ được. Ngày qua tháng lại, hai vợ chồng bác nông dân lúc nào cũng tạm đủ miếng ăn và đủ nuôi tám con ngày một khôn lớn.

Nhưng khốn nỗi, mười con người ấy vẫn cứ phải ngày đêm năm tháng chui rúc dưới một túp lều nhỏ, cột lau, vách sậy, mái gianh, yếu ớt và mỏng mảnh. Cứ mỗi lần có mưa to, gió lớn thì cả nhà lại hốt hoảng chia nhau mỗi người ôm một chân cột để túp lều khỏi bị xiêu đổ hoặc bị gió cuốn đi. Mùa đông, mỗi khi có trận sương muối về thì cả nhà xúm lại bên nhau để nhờ hơi ấm của nhau cho đỡ rét.

Thấy không thể sống trong cảnh cơ cực ấy mãi được. Một hôm bác nông dân ân cần nói với vợ con:

– Nhờ trời, chúng ta ăn ở với nhau được tám mặt con. Chúng ta chăm chỉ làm ăn, các con siêng năng cuốc xới giúp đỡ cha mẹ hàng ngày, nên đời sống tạm no đủ. Nhưng các con ngày càng khôn

---

1. *Phia Mu* là một ngọn núi cao, thuộc xã Tương Lương, ở về phía tây nam huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

lớn, túp lều này ngày càng phải làm rộng thêm để cho các con có đủ chỗ nghỉ, chỗ nằm. Ở đây không làm sao kiếm ra cây gỗ, nay mẹ con hãy ở lại nhà để tôi thử vượt núi xuyên đồi, sang bên kia tìm kiếm xem có cái gì có thể đưa về làm nhà. Các con hãy ngày đêm giúp mẹ mọi việc để bố yên lòng ra đi kiếm cây gỗ về xây dựng chỗ ở lâu dài.

Nói đoạn, bác nông dân tay chống chiếc gậy, từ giã vợ con ra đi. Ban ngày, bác leo từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia đi theo mây theo gió. Ban đêm, gặp đâu nghỉ đấy, bác ngủ với thảm cỏ màn sương. Bác đi mãi, đi không thể nhớ ngày, nhớ tháng, nhớ năm. Cái gậy mà bác mang theo nay đã mòn cụt quá nửa. Trải qua bao nhiêu mùa sương muối, bao nhiêu lần cỏ gianh úa vàng rồi lại mọc lên xanh mởn, bác đã đặt chân lên gần khắp ngọn núi, của cả đất Cao Bằng mà vẫn chưa tìm ra một chòm cây, một thanh gỗ.

Một hôm khi lên tới đỉnh núi cao nhất thì bác mệt lắm, chân mỏi, bụng cồn, mắt hoa, tai ù, bác không còn đủ sức để đi xa hơn nữa. Bác phải nằm nghỉ lại, làn gió nhẹ hiu hiu thổi đã ru bác ngủ thiếp đi lúc nào không biết, giấc ngủ kéo dài bao nhiêu lâu bác cũng không hay. Khi bừng tỉnh dậy, bác bỗng giật mình nhưng rất vui mừng nhìn thấy bốn cô gái xinh đẹp. Mùi hương thơm tỏa khắp xung quanh. Bác vội quỳ xuống trước mặt bốn cô gái, hỏi:

– Chẳng hay nơi đây là đâu? Bốn nàng là ai mà lại lạc tới đây thế này?

Bốn cô gái nâng bác dậy, rồi cô lớn tuổi ôn tồn hỏi:

– Bác ở đâu đến đây có việc gì? Bác không biết ngọn núi này là của người nhà trời sao?

Bác nông dân sực nhớ ra điều gì vội vàng hỏi:

– Đây là núi Tiên phải không? Bốn nàng là người tiên phải không? Tôi lên tới đây có phạm gì đối với trời không?

Nàng tiên lớn nói:

– Đúng là núi Tiên! Chúng tôi là người tiên. Bác lên tới đây chắc muốn xin nhà Trời điều gì? Trời sẵn sàng che chở và giúp đỡ loài người. Bác đừng ngại, cái gì xem ra chúng tôi giúp được,thì giúp ngay. Cái gì cần phải báo lên Trời để thỉnh cầu thì chúng tôi sẽ tâu lên Trời, nhà Trời không quở phạt những người lương thiện.

Bác nông dân vui mừng nói rõ ý định và công việc của mình. Bốn nàng tiên lắng nghe bác nông dân kể, nghe xong chuyện, bốn nàng vừa tỏ ý thương hại loài người đang thiếu cây gỗ làm nhà để chắn gió, đỡ mưa, vừa cảm phục ý chí của bác nông dân.

Nàng tiên lớn tuổi, đưa cho bác nông dân một cái hộp vuông vắn xinh xinh và ba quả cam chín vàng. Nàng ân cần dặn dò bác:

– Tôi trao cho bác cái hộp này và ba quả cam. Ăn hết ba quả cam thì bác về tới nhà. Đến nhà bác mở hộp ra nó sẽ cho bác mọi điều mà bấy lâu nay bác ước muốn.

Bác nông dân sung sướng cầm lấy ba quả cam và chiếc hộp rồi từ giã bốn nàng tiên quay gót trở về.

Trên đường đi, mỗi ngày bác ăn một quả cam y như lời tiên dặn! Mỗi khi mệt, ăn xong quả cam, bác lại thấy trong người khoan khoái lạ thường! Rồi sang ngày thứ hai, ngày thứ ba bác đi được rất nhanh. Lúc đi, mỗi ngày chỉ leo lên, leo xuống được một hai quả núi. Nhưng nay trở về, mỗi ngày bác leo lên, leo xuống được hơn trăm quả núi thấp cao. Bác chỉ đi có ba ngày và ăn hết ba quả cam tiên thì về tới chân núi Phia Mu quen thuộc.

Đến đây, lòng bác mừng khấp khởi, nhìn mặt trời chỉ còn cách đỉnh núi cuối trời một con sào. Bác ngồi nghỉ một lúc rồi sẽ theo sườn núi về nhà. Bác móc túi lấy cái hộp vuông của nàng tiên ra ngắm nghía. Rồi không biết nghĩ thế nào, bác rút dao ra cậy nắp hộp. Nắp hộp bật lên, bác giật mình choáng váng! Ở trong hộp tuôn ra rất nhiều thứ: nào kèo, cột, hoành, xà; nào rui mè, đòn tay v.v.. Các thứ ấy ầm ầm nhảy ra khỏi hộp và lao tất cả xuống sườn núi rồi đổ xuống vực thẳm trôi theo dòng sông đi hết. Bác nông dân vội vàng đậy nắp lại nhưng không sao đặt được nắp vào miệng hộp nữa.

Lúc bấy giờ bác mới hay rằng tiên đã giúp bác cây và gỗ để về làm nhà. Nhìn đống gỗ lăn dần xuống dốc, trôi theo dòng sông mà bác tiếc ngơ tiếc ngẩn. Bác hối hận vì đã không làm theo lời dặn của các nàng tiên. Bác ngao ngán nhìn cái hộp không, rồi bỏ hộp vào túi áo. Đêm hôm ấy bác cũng không buồn leo núi về nhà với vợ con nữa. Bác ngủ lại chân núi để sáng sớm mai trở lại gặp tiên một lần nữa.

Lần này, chỉ mất bốn ngày bác nông dân đã đến đỉnh núi Tiên cao ngất ngày nọ. Gặp các nàng tiên, bác vò đầu vò tai kể lại sự tình, nàng tiên lớn nói:

– Chúng tôi đã biết cả rồi. Thôi bác đừng tiếc làm gì, cái đống cây que gỗ ván ấy sẽ làm được một ngôi nhà chắc chắn hơn nhà người thật, nhưng rồi bác cũng không nỡ ở một mình trong khi mọi người xung quanh còn đang ở trong những túp lều xiêu vẹo. Lần này chúng tôi sẽ cho bác một cái hộp khác quý hơn. Nhưng bác phải nhớ là về tới nhà mới được mở hộp, nếu bác vội vã mở nó ra dọc đường thì tất cả các thứ chứa trong hộp kia sẽ lại cuốn theo dòng nước, hoặc theo cơn lốc, cơn bão mà đi mất cả đấy.

Nói xong nàng trao cho bác một cái hộp vuông vắn xinh xinh khác và cũng kèm theo ba quả cam chín vàng. Bác nông dân nhận hộp và cam rồi từ biệt núi Tiên. "Lần này ta không dại dột như ngày nọ nữa". Nghĩ vậy, bác cất hộp vào bọc, rồi rảo bước ra đi. Ăn hết ba quả cam thì đã về tới chân núi Phia Mu, bác nhìn lên lưng chừng núi không thấy cái túp lều nhỏ ngày nào của mình nữa, mà chỉ thấy tám túp lều con xinh xắn vừa mới dựng. Bác sốt ruột, trèo vội đến nơi, hỏi ra mới biết tám túp lều mới dựng kia là của các con ông. Đứa nào cũng đã có vợ, có chồng, tám đôi dâu con vẫn quây quần đùm bọc lấy nhau và đã có con đàn cháu đống. Còn vợ bác thì đã khuất núi từ lâu. Bấm đốt ngón tay tính ngày tháng thì bác xa nhà đã được gần ba mươi năm rồi.

Bác gọi con gái, con trai và đàn cháu lại kể cho chúng nghe chuyến đi của mình. Rồi bác cùng các con cháu nậy hộp xem. Hộp này không đựng cây que gỗ ván như hộp trước, mà chỉ đựng toàn các loại hạt. Bác trao cho các cháu mỗi người một nắm hạt đem gieo. Hạt to đen đem gieo sau này mọc lên một rừng lim. Hạt nâu nâu mọc lên rừng nghiến. Hạt có góc, có ngạnh mọc lên một rừng gie. Hạt dẹt và tròn mọc lên cơ man nhãn rừng và các loại gỗ hồng tâm, hồng sắc. Từ đó chân núi, sườn núi, đỉnh Phia Mu mọc đầy các loại cây um tùm và toàn các loại gỗ quí. Sau này, con cháu của bác nông dân lại đem hạt giống các loại cây đó đi rắc thêm ở những dãy núi, những ngọn đồi xung quanh. Một vài năm sau, con cái của bác có đầy đủ loại gỗ quý giẻ, nghiến, lim, trắc, táu... làm nhà. Nhờ thế nhà nào cũng vững vàng, chắc chắn. Và cũng từ đó, mỗi khi có rồng đi qua cuốn theo gió, giông, mưa bão đều không làm lung lay

xiêu vẹo được nhà cửa của họ nữa. Những cơn giông táp mưa sa đều bị rừng cây cản lại. Những màn sương muối rét buốt không thể bay lọt vào tận trong nhà của họ mà chỉ đọng lại ở trên lá rừng. Người dân Cao Bằng từ đấy sung sướng từ đời này tiếp đời khác sống mãi với rừng xanh núi biếc.

TUNG CÒN LẤY ĐƯỢC VỢ TIÊN

Ngày xưa có chàng mồ côi tên là Pịa. Cha mẹ Pịa mất từ ngày nào không biết. Họ hàng Pịa cũng chẳng còn ai. Ngày ngày Pịa vào rừng hái củi đem bán cho những nhà giàu có ở quanh vùng. Tối đến chàng trở về ngủ trong một túp lều nhỏ xíu lợp bằng hai gắp gianh dưới gốc cây đa đầu làng. Chàng rất chịu khó thức khuya dậy sớm nhưng vẫn phải chịu cảnh đói rách. Chàng khỏe gấp ba người thường, mỗi ngày có thể kiếm được hai gánh củi to đem ra chợ song cũng chỉ đủ hai bữa gạo qua ngày. Chàng chỉ có một bộ quần áo độc nhất, hôm nào giặt quần áo chàng phải nằm trong ổ rơm để chờ cho khô. Thấy chàng đói khổ rách rưới, bọn trai gái trong bản, nhất là lũ con nhà giàu, đều xa lánh. Tuy vậy Pịa vẫn không buồn, gặp ai chàng cũng lễ phép chào hỏi, thấy ai cần sự giúp đỡ, chàng sẵn sàng đến ngay. Chàng giúp các bác làm nhà, hộ các chú làm rẫy, thay các thím phát nương, đỡ các em gánh nặng. Chốn nào có nhiều người xúm lại nói chuyện vui cười, chàng cũng tới gần,nhập vào đám đông nghe chuyện và góp vui.

Một hôm dân bản mở hội mùa xuân. Các chàng trai, cô gái những thôn bản quanh vùng mặc quần áo mới còn thơm mùi chàm, nô nức đi dự hội. Pịa cũng đi chơi hội. Từng cặp bạn gái, từng đôi bạn trai đi lại sóng đôi bên nhau. Họ hát lượn, hát sli, hát hà lều với nhau. Họ rút những vòng bạc có chạm trổ rất đẹp ở cổ tay ra, buộc một đôi khăn thêu vào rồi tung đi tung lại với nhau. Họ cố tung cái vòng trước mặt người đón, họ cố đón bắt cho được mười phần mười, trăm phần trăm. Cái vòng có buộc khăn thêu bay đi bay lại, lúc ở tay chàng trai này, lúc ở tay cô gái nọ, trông rất đẹp mắt. Từng đôi, từng đôi trai tài gái sắc cứ say sưa tung và đón như vậy suốt buổi, suốt ngày.

Thấy mọi người chơi vui Pịa thích lắm. Chàng cũng muốn tung vòng nhưng không có vòng. Thấy người ta có đôi, chàng cũng muốn

tìm đôi nhưng không cô nào chịu kết với chàng. Hễ chàng đến gần, người nào cũng ngoảnh mặt quay đi. Hễ chàng xen vào vòng chơi, người ta xua khéo chàng ra ngoài, Pịa thèm tung còn đến ngứa cả tay, buồn cả chân, chàng lủi thủi đi vòng quanh bãi thèm thuồng ngắm những vòng bạc bay đi, lượn lại vun vút, vun vút ở trên không. Chợt chàng sực nhớ tới quả còn[1] dắt ở gánh củi mà hôm qua chàng ngắt ở rừng về. Chàng chạy về nhà, lấy quả còn ra tung một mình. Quả còn của chàng có dây tươi và lá xanh ở dây. Chàng tung quả còn lên tận chín tầng mây cao tít. Quả còn của chàng chạy rất đẹp, đi rất êm. Dây còn mang theo vài cái lá xanh tươi xòe xòe trông tựa cái tua bằng lụa xanh rất sinh động. Quả dẫn lá đi thẳng về phía trước, lá theo quả đi vun vút như đàn chim én đang đuổi hòn ngọc châu. Thấy Pịa tung quả còn lên rất cao, có người khen chàng tung giỏi, có người diễu chàng:

– Ơ, anh chị em ơi! Trông kìa! Trông cái quả còn của Pịa muốn lên nhà trời chơi với nàng tiên kìa!

Mặc người khen, mặc người chê, Pịa không để ý cứ tung cho sướng tay. Càng tung nhiều, càng dẻo tay, quả còn càng lên cao. Quả còn của chàng xuyên thủng chín tầng mây lên tới nhà trời và lọt vào tay một nàng tiên thật. Nàng tiên lại tung quả còn về cho chàng. Rồi quả còn cứ lao đi, lao lại trên con đường từ nhà trời về trần gian. Quả còn đi lại mỗi lúc một đều đặn, nhịp nhàng, và dồn dập hơn. Một lúc sau, người ta lại ngạc nhiên hơn khi thấy một nàng tiên lượn xuống trần gian, nàng tiên đứng đối diện với Pịa, nhẹ nhàng tung bắt quả còn. Mọi người trố mắt nhìn nàng tiên và Pịa.

– Ơ, anh chị em ơi, nàng tiên đang tung còn với Pịa đấy.

Đúng thật! Một nàng tiên vô cùng xinh đẹp, mặc bộ quần áo năm màu, đang say sưa tung còn với Pịa, Pịa sung sướng quá. Chàng càng tung cao quả còn, nàng tiên đón bắt càng tin. Hai bên say sưa tung tung, bắt bắt rất đẹp làm cho các đôi trai gái khác phải ngừng tay ngắm mãi không thôi. Lúc đầu chỉ có một đôi, rồi sau hai đôi, ba đôi, bốn đôi, cuối cùng tất cả cuộc hội thu vòng bạc lại, ngây người nhìn quả còn của Pịa đang duyên dáng bay đi lượn về, lúc ở trên tay nàng tiên, lúc ở trong tay Pịa. Nàng tiên và Pịa vẫn say

---

1. Là quả của một loại dây rừng, to và tròn như quả trứng gà.

sưa, uyển chuyển tung tung đón đón. Hai người mải tung còn quên cả thời gian. Mặt trời đã lặn khỏi rặng núi cao xa kia rồi mà nàng tiên chưa nghĩ tới chuyện về.

Tối hôm ấy nàng tiên vui vẻ, hồn nhiên sóng đôi theo Pịa về chiếc lều lợp bằng hai gắp gianh, rồi họ thành vợ thành chồng. Cũng ngay tối hôm đó, nàng tiên hóa phép biến túp lều nhỏ bé rách nát của Pịa thành một tòa lâu đài nguy nga có đầy đủ mọi thứ cực kỳ sang trọng. Quần áo của Pịa đẹp đẽ và sang trọng như quần áo của một ông hoàng.

Sáng hôm sau các chàng trai cô gái cùng bản vô cùng ngạc nhiên khi thấy Pịa được đổi đời. Họ ngây người nhìn tòa lâu đài của Pịa, họ rủ nhau vào nhà Pịa xem mặt cô dâu mới của bản làng và ngắm nhìn những đồ dùng bằng vàng, bạc. Cho là Pịa nhờ có quả còn mà gặp duyên may, họ bèn rủ nhau vào rừng tìm quả còn. Nhưng tìm suốt cả ngày, rồi bao nhiêu ngày, họ đều trở về tay không. Họ bàn nhau làm những quả còn bằng vải khâu rồi nhét cát vào, có dây, có tua rồi ra tung đón với nhau. Họ tung không cao được như Pịa. Quả còn của họ không thể xuyên thủng chín tầng mây lên tới nhà trời. Họ bảo nhau làm một cái vòng dán giấy đủ chín màu, thay cho chín tầng mây ấy và cố gắng bắt rất giỏi để cầu được duyên may như Pịa.

Từ đó, hàng năm, cứ đến hội mùa xuân, trai làng, gái bản lại rủ nhau làm quả còn hoa tung đón với nhau. Họ cũng thầm ước nhờ quả còn tìm kiếm chút duyên may. Các chàng trai tuấn tú, các cô nàng xinh tươi vừa tung còn vừa hát lượn đối đáp rất tình tứ.

Nam: *Còn này còn lụa còn hoa*
Trao đi trao lại giữa ta với nàng.

Nữ: *Còn này đúng quả còn tiên*
Giao đi giao lại ước nguyền trăm năm.

Nam: *Còn này còn lụa còn loan*
Giao đi, giao lại phỉ nguyền đôi ta.

Nữ: *Còn này hương đượm tình duyên*
Trao đi trao lại phỉ nguyền đôi ta.

DÂN TỘC THÁI

TRUYỆN CHÍN CON ẾCH
Và TRUYỆN CÔ CHỊ – CÔ EM

I. CHÍN ẾCH

Thuở xa xưa, khi người và các giống vật hiểu được tiếng của nhau: các con vật, cây cỏ nói được tiếng người thì bản mường của con người đã to rộng và đông đúc. Tạo Khun Chương đứng đầu cai quản bản mường là người tài giỏi, giàu sang được mọi người kính nể, mơ ước.

Ở một bản Thái nọ có một gia đình bậc trung, cơm đủ ăn, áo đủ mặc. Vợ chồng sống với nhau mới có mụn con gái lên sáu tuổi nhưng thông minh và nhanh nhẹn.

Người chồng cần cù lao động, chỉ biết làm ăn, nhưng tính nết thì trầm lặng và có phần cục cằn. Người vợ đảm đang nội trợ, chăm, thạo tay thoi dệt lụa dệt vải. Nhưng trái hẳn với chồng, chị ta là người vui tính, thích đùa nghịch.

Một hôm, sau vài trận mưa xuân, đất ruộng đã bở người chồng dắt trâu đi cày. Buổi cày đầu trên đồng năm làm ăn mới hay gặp nhiều ếch. Người bố bảo con gái mang giỏ theo để bắt ếch. Buổi đầu được theo bố ra đồng, cô bé rất đỗi sung sướng. Cô hớn hở thắt dây đeo chiếc giỏ bên hông, chạy lon ton theo sau con trâu bố dắt. Khi ra đi, cô bé ngoái lại bảo mẹ:

– Mẹ ơi! mẹ ở nhà dệt cửi và nấu cơm. Con theo bố bắt ếch mẹ nhé! Con sẽ bắt nhiều ếch cho mẹ cặp chả nướng ăn mẹ ạ.

Người mẹ bảo:

– Ừ. Con lần đầu theo bố ra đồng cẩn thận kẻo ngã. Bắt được ếch, con nhớ bẻ gẫy cẳng nó cho nó khỏi nhẩy mất con nhé. Bắt được nhiều mẹ sẽ làm chả nướng cho con mang ra đồng cho bố con cùng ăn cho đã.

Hai bố con đã tới thửa ruộng đầu. Bố thắng ách cày vào cổ trâu và đường cày đầu tiên đã kẻ một vạch dài trên đất mới mầu

nâu đen, trông thật đẹp mắt. Cô bé nhảy chân sáo dọc theo luống cầy đầu của bố. Đến quãng giữa thửa ruộng, bỗng bố reo lên vui mừng:

– A! Một con ếch béo mập! Con này, bố bẻ cẳng nó rồi con cho vào giỏ con nhé. Cẩn thận nó nhẩy mất!

Cô bé ngắm nghía con ếch đầu to béo dẫy dẫy trong đôi tay bé của nó, rồi cẩn thận nhét nó qua hom giỏ.

Bố tiếp tục luống cày. Đến đầu kia thửa ruộng, bố quay trâu lại. Nhưng khi trâu cày đến đúng quãng giữa ruộng ban nãy, người bố lại reo lên:

– Lại con ếch nữa con ạ. Có lẽ đây là đôi ếch đang cặp kè bên nhau. Mình bắt mất ếch đực, nên ếch cái buồn quên nhẩy đây!

Bố lại bẻ cẳng ếch đưa con. Con bé đón ếch nhét vội vào giỏ. Có lẽ nó không còn hồi hộp như lúc được con ếch đầu nữa. Hết đường cày thứ hai, lại tiếp đường cày thứ ba. Đến quãng giữa thửa ruộng, người bố lại bắt được một con ếch nữa. Người bố càng hăm hở. Đường cày thứ tư, thứ năm nhanh hơn. Cũng như các lần trước, ông lại bắt được con ếch thứ tư, thứ năm. Người bố bụng nghĩ: không ngờ năm nay lại lắm ếch thế! Ông chẳng cần nhắc con gái cẩn thận kẻo ếch nhẩy ra làm gì nữa, mà chỉ chăm chú vào đường cày của mình mà thôi. Tiếp đến là đường cày thứ sáu, thứ bảy, thứ tám. Cô con gái cũng đếm đến con ếch thứ chín. Lúc đó người bố quay lại bảo con:

– Đã được chín ếch rồi con ạ. Hơn nữa trời đã gần trưa. Con mang ếch về cho mẹ làm thịt. Cơm canh chín con mang ra đồng cho bố nhá.

Tóm cẳng con ếch thứ chín, con bé nhét vội vào giỏ. Có lẽ nó cũng cảm thấy được nhiều ếch rồi, muốn nhanh chân về khoe với mẹ, mặc dầu mới nhét nửa đầu con ếch vào hom, phần sau ếch vẫn nằm ngoài hom lủng lẳng đôi chân, nó đã vội ba chân bốn cẳng chạy về nhà.

– Mẹ ơi! Những chín con ếch, mẹ ạ! Mẹ thịt mẹ nướng đi. Con đói và bố cũng đói lắm rồi – vừa tới nhà con bé đã liến thoắng.

Mẹ đáp:

– Ừ. Thế thì tốt đấy, nhà mình mỗi người được những ba ếch. Mà thôi, mẹ chỉ ăn một con thôi là đủ, hai bố con tám ếch, tha hồ ăn. Con hãy treo lên vách cho mẹ, rồi mẹ làm thịt ngay đây.

Con bé móc giỏ ếch lên vách. Nó lại lấy giỏ mới trên vách thắt vào lưng. Nhưng khi nhìn vào giỏ ếch, thấy đôi chân ếch thòi ra ngoài. Nó nói với mẹ:

– Mẹ ơi, nhiều ếch lắm, bố bảo thế, con lại lấy giỏ mới ra với bố đây. Mẹ xem, chín con ếch to đến nỗi đầy giỏ, nên con cuối cùng còn thòi cả chân ra khỏi giỏ đấy.

Người mẹ ầm ừ, nhưng còn mải cuộn nốt vuông thổ cẩm quá vơi dệt vào tấm. Con bé đã tót chạy bay ra đồng. Ra tới nơi nó vội hỏi bố:

– Bố ơi, bố bắt được thêm mấy con ếch nữa rồi.

Bố bảo:

– Bố đã cày thêm được năm sáu đường cày, nhưng không thấy con ếch nào nữa. Có lẽ nắng trưa lên ếch đã tỉnh và chạy hết vào bụi ven bờ rồi chăng!

Con bé lại chạy theo đường cày của bố và buồn xỉu khi chẳng còn thấy một con ếch nào nữa.

Mặt trời lên cao dần. Thửa ruộng đầu đã cày xong. Bố dừng tay hút thuốc. Con trâu được tháo ách đang tranh thủ gặm cỏ non trên đồng. Bố bảo con:

– Thôi, con về nhà đi. Bây giờ chắc mẹ đã nấu xong, con về ăn kẻo đói – Ăn xong mang phần cho bố nhé!

*

Ở nhà khi cuộn xong đợt vải, nồi xôi chín đã cho vào giỏ đựng cơm, và được ủ trong chăn cho nóng, người mẹ bắt đầu làm thịt ếch. Mở giỏ ếch, mẹ ngạc nhiên chỉ có một con ếch mắc kẹt trong hom. Mẹ nhìn kỹ hóa ra giỏ thủng đáy. Mẹ hiểu ra, nghĩ tiếc.

– Tội nghiệp bố con nhà nó quá. Lần đầu con gái cùng bố bắt được nhiều ếch thế mà giỏ lại thủng. Khi sắp làm thịt con ếch, mẹ nhận ra con ếch đã bị bẻ đi, bẻ lại nên cẳng chân cẳng tay gẫy nát hết. Người mẹ đoán có lẽ chỉ một con ếch mà thôi. Giỏ thủng, nên ếch lại lọt rơi vào luống cày, cẳng gẫy nó không chạy được nữa, bố

con quay lại, nhặt được. Nhặt đi nhặt lại chín lượt hóa ra CHÍN ẾCH! – nghĩ thế mẹ cười thầm hóm hỉnh, – phải trêu cho bố con một mẻ mới được! – mẹ nghĩ và làm thịt con ếch.

Ếch được moi ruột và làm sạch sẽ. Cho thêm ít muối ít lá thơm mẹ cuộn lại kẹp vào gắp tre tươi, rồi đem quay trên than hồng đỏ rực.

Thịt ếch nướng đã bốc mùi thơm phức. Ếch đầu mùa béo ngậy, màu vàng sém cạch, trông thật là ngon. Vừa lúc, con bé chạy về nhà. Nó gọi:

– Mẹ ơi, cơm chín chưa, ếch chín chưa?

– Xong cả rồi đây, – Mẹ đáp. Có một con ếch nên con mang ra đồng bố con cùng ăn vậy.

Con bé ngơ ngác nhìn mẹ. Nhưng người mẹ quàng giỏ cơm vào vai con với gói thịt ếch, gói muối ớt và ít thức ăn khác. Con bé hỏi:

– Mẹ ăn rồi à? Sao chỉ có một con ếch thôi hả mẹ? Mẹ cười hóm hỉnh, nháy mắt nhìn con, như chế giễu. Cầm chiếc gắp ếch, còn dính tí thịt ếch nướng cho con xem, mẹ nói vui:

– Ừ, mẹ ăn rồi! Mẹ ăn "pét híp"[1], còn cả một con dành cho hai bố con!

Cô con gái cứ thế mang ra cho bố. Ra tới bờ ruộng, cô nói với bố:

– Bố ơi! dừng tay ăn cơm, con đói lắm rồi.

Rồi nó khoe tiếp:

– Bố ơi, chỉ có một con ếch, mẹ dành cả cho bố con mình, mẹ chỉ ăn "pét híp" thôi.

Bố nghe chưa hiểu gì cả. Rửa tay xong người bố giở các gói thức ăn ra: đúng chỉ có một con ếch nướng! Bố đã nóng mặt, nghĩ:

– Thế thật sao? Tham lam đến thế chăng? Đã ở với nhau sáu bảy năm trời, mẹ nó hay vui hay đùa là thế. Lần này lại nửa đùa

---

1. "Pét híp" tiếng Thái có hai nghĩa. Nghĩa thực là *dính gắp* ý nói người mẹ dành phần cho bố con còn mình chỉ hưởng một chút dính gắp. Nhưng nghĩa thứ hai là *tám gắp*. Tám gắp cộng với một con ếch nữa là chín ếch. Do cách nói vui hai nghĩa nên gia đình xảy ra chuyện.

nửa thật đây! Hừ giờ mới biết, đùa "ăn người" đây! Tham lam, ăn hết cả phần chồng phần con. Một mình chén tám con ếch.

Vốn bản tính nóng, cục cằn nhưng lại trầm lặng, ít nói, càng nghĩ người bố càng giận run lên không nói được thành lời. Người bố ăn qua quít cho nhanh, còn con ếch thì dành cho con gái. Ăn xong, người bố lại theo trâu cày nốt những mong khi làm việc cho quên nỗi bực tức trong lòng.

Mặt trời đứng bóng. Trâu mệt và người cũng mệt. Bố tháo ách trâu, bảo con trông cho nó ăn cỏ ngoài đồng.

Nghỉ ngơi một lúc, tựa như có gì xui khiến chân mình, ông về nhà. Về đến nhà, thấy vợ đang giã gạo dưới gầm nhà, tiếng cối ròn rã. Rõ ràng là bà vợ đảm đang chăm làm và nỗi giận trong ông nguôi dần. Ông lầm lầm leo lên nhà, ông chẳng biết làm gì nữa. Nhưng được một lúc thấy không yên, ông đem dao, mai ra mài cho đỡ ngượng chân tay. Ông ngồi vào mài mai trước.

Người vợ đoán thấy người chồng buồn phiền, nhưng muốn trêu cho vui, rồi lựa lúc nói cho chồng biết chỉ có một con ếch. Vốn dí dỏm, vợ lên tiếng:

– Chà, hôm nay ngồi không ở nhà, một mình đã ăn những "pét híp" (tám gắp) ếch đây!

Người vợ im lặng thăm dò phản ứng của ông chồng và cũng để nghĩ cách lái câu chuyện sang hướng nói thật chuyện MỘT ẾCH. Nhưng ở dưới gầm sàn người vợ đâu có thấy nét mặt chồng trên này biến sắc ra sao.

Không ngờ câu nói của vợ như lửa thêm củi. Người chồng buông rơi con dao chưa mài xuống gầm, tay kia cầm chiếc mai sắc nhằm chỗ kẽ hở ở dát sàn, và nói vọng xuống:

– Tám, chín cái gì, nhặt giúp con dao đi, nó rơi xuống đấy.

Tay lăm lăm chiếc mai sắc, bực tức và hồi hộp căm phẫn đến mất trí... người chồng dồn hết lên tay mai dáng mạnh vào đầu vợ vừa lúc đang lúi húi nhặt con dao dưới gầm sàn.

Một tiếng kêu ối! Người vợ ngồi ôm cái đầu nứt toác, đầm đìa máu me, chạy thục mạng vào rừng. Người vợ chạy mãi, chẳng rõ hướng... như cái chết đang đuổi theo sau... như cái đau chạy đến cây thuốc để cứu chữa... như oán giận nỗi đùa không phải lúc của

mình... như hận tình chồng cục tính không hiểu người vợ hết mực yêu thương... những mong tiếng cười ròn rã xua tan nỗi cực nhọc vất vả đến trầm lặng của chồng mà đến nông nỗi này.

Nỗi đau tự nhiên khiến đôi tay người vợ vơ vội đám lá dọc đường nhá rịt đắp vào vết thương và lại tiếp tục hướng vào rừng mà chạy.

Tuy đã cầm được máu nhưng do chảy quá nhiều, sức đuối dần, cuối cùng người vợ nằm gục bên bụi lau trong khe núi xa lạ.

Trong lúc đó, ở nhà người chồng bừng tỉnh cơn điên ném mạnh chiếc mai dính máu vào vách nhà, chiếc giỏ và chiếc "híp" (cái gắp cặp nướng ếch) rơi xuống trước mặt anh ta. Nhặt chiếc giỏ, đúng chiếc giỏ con đeo lúc sáng sớm: nhưng đúng là thủng đáy! Chỉ một chiếc "gắp" không hơn! Người chồng đã biết tất cả, nhưng đã muộn! Biết vợ chạy ngả nào mà đi tìm.

II. Ý ƯỞI – Ý NỌNG

Năm tháng trôi qua. Nỗi thất vọng và hối hận đã nguôi dần. Người chồng nghĩ đến việc lấy vợ về đỡ đần chăm sóc gia đình. Mang tiếng kẻ giết vợ, nên chẳng mấy ai ưng làm vợ ông ta. Mãi sau mới có bà góa có một con gái năm sáu tuổi, người ốm yếu xanh xao, mong có chỗ nương tựa nhận làm vợ.

Duyên mới chẳng được bao lâu, người đàn bà này lại chết. Ông bố một mình nuôi hai con gái – một con đẻ, một con riêng vợ mới, chênh nhau ba, bốn tuổi. Dân làng đặt tên Ý Ưởi (cô chị) và Ý Nọng (cô em).

Ý Ưởi quí thương em vì cùng mồ côi mẹ. Nhưng Ý Nọng cậy mình bé nên rất đanh đá. Đã thế Ý Nọng lại lười biếng và gian dối, khéo mồm khéo miệng.

Người hiền thường nói ít. Cô chị, từ khi mẹ chết rất thương bố. Trái lại, Ý Nọng được thể cha và chị chiều, tính ích kỷ càng lớn dần.

Người bố càng trở nên lầm lì. Có lẽ nỗi hận đời càng ngày càng khắc sâu nỗi khổ trong ông. Ông thấy oán về hai người vợ đã chẳng sống cùng ông. Còn hai đứa con, một đứa con đẻ, một đứa

con của người vợ sau, liệu chúng có thương mình không? Chính tay mình đã giết mẹ Ý Ưởi... những điều ấy dằn vặt ông. Ông nghĩ cách thử lòng hai chị em.

Một hôm ông gọi hai đứa lại, nói:

– Bố sắp đi xa, cần mang theo ít gạo ăn đường, hai con mỗi người một dậu thóc giã gạo cho bố. Đứa nào thương bố hơn sẽ giã được gạo thật trắng cho bố ăn!

Nói rồi ông đi làm – Cô chị lấy đấu xúc thóc đi giã. Thật lòng thương bố, cô chị cố giã gạo và được đẫy gạo trắng gạo ngon để sẵn cho bố bên giường bố ngủ. Cô em lười biếng uể oải xách dậu thóc đi giã, mồm lại giục chị đi rừng hái củi thổi cơm cho bố đi ăn đường. Cô ta mệt nhọc buông từng nhát cối. Tiếng cối giã cô ta giống tiếng lòng nham hiểm của cô.

– Ý Ưởi... tô chạ! (cô chị... ngu ngốc!)

– Ít – ả... tup!

Đã gần xế chiều – chừng cô chị đi củi sắp về cô em chạy xem cối gạo. Đã thấm mệt rồi mà gạo mới tróc vỏ, đỏ quạch, Ý Nọng sấy vội lấy gạo "cỏng" (gạo giã một lần) rồi chờ lúc cô chị chưa kịp về đổi lấy gạo "xọm" (gạo giã hai lần) ngon của cô chị. Vừa xong, cô chị gánh củi về. Biết rằng bố cũng sắp về nhà, cô đon đả:

– Chị ơi, bố sắp về đấy, chắc bố đói rồi, em ở nhà nấu cơm, chị đi rừng về, ngứa bẩn, chị ra suối tắm đi, tiện thể gánh cho em gánh nước nhá!

Cô chị nghe em nói dễ thương liền xỏ lấy ống nước ra suối tắm. Lúc sau bố đi làm về. Cô em đã đon đả đón bố:

– Bố ơi, chúng con đã giã xong gạo cho bô! Bố xem này, gạo con giã có trắng ngon không này. Chả là con thương bố sắp đi xa mà, bố phải được ăn gạo ngon để lấy sức mà đi chư bố nhỉ. Cư như Ý Ưởi à? Chị chẳng thương bố, hình như chị con oán bố đấy, chị giã gạo như gạo xay, đỏ quạch ấy bố ạ, chị thật tệ quá. Giã quấy quá lại vào rừng chơi. Về lại ra suối tắm vẩy nghịch nước với bạn bè ấy mà...

Bố giở hai bao gạo ra xem, quả là một bên gạo rất trắng, rất ngon, bên kia gạo hẩm gạo xấu!

– Chẳng lẽ thật sao? – Bố nghĩ và im lặng.

Tối đến khi ba bố con ngồi vào mâm cơm, bố nói:

– Bố định mai đi xa, nhưng nghĩ mới chỉ có gạo, chẳng có thức ăn mang theo. Ít ra cũng có ống mắm cá, mang theo chứ. Dọc đường gặp lá vả, lá sung ăn với mắm cá cũng thành bữa đấy!

Nghĩ một lát, ông lại tiếp:

– Vậy để bốn, năm hôm nữa bố đi cũng kịp. Ngày mai hai con đi mà xúc tép, xúc cá ở suối ở ruộng ấy. Các con cố xúc nhiều tôm nhiều cá ướp mắm cho bố đi ăn đường!

Sáng hôm sau, cô chị dậy sớm, sắm sửa nào cái vợt xúc tép và cái giỏ đựng cá, cho cả hai chị em. Lúc đó cô em mới uể oải ngáp dậy. Ý Ưởi sốt ruột không chờ được, nói với cô em:

– Thôi chị đi trước nhé, chậm quá nắng gắt lên cá tôm vào vực sâu, xúc chẳng được, không có cá cho bố đi ăn đường. Em ra sau nhé!

Nói rồi Ý Ưởi tất tưởi chạy ra suối.

Nắng sớm bắt đầu lên – Ý Nọng mới lững thững ra đồng. Suối thì sâu, ngại rét, còn ruộng thì lắm đỉa. Cô em thì cứ loanh quanh đi trên bờ ruộng. Gặp con nhái bén, bắt nhái bén. Gặp con châu chấu bắt con châu chấu. Gặp con rắn nước bắt con rắn nước. Qua hết hai ba bờ ruộng, trong giỏ cô em chỉ có vài con châu chấu, vài con nhái bén, vài con rắn nước, có cả vài con giun, con dế nữa. Cô đuổi theo vài con bướm sâu có màu đen ra tới bờ suối. Vừa gặp cô chị đang mải mê xúc, mò. Cô chị gọi:

– Em đã được gì chưa. Ở đây nhiều cá lắm em ạ! Chỉ tội nước hơi sâu một chút. Ngụp dưới gốc cây Sậy tha hồ tôm cá. Xuống đây với chị em!

– Eo ơi! Sâu thế em sợ lắm – Cô em trả lời.

– Thế thì cứ xúc trên ruộng ấy, may ra được nắm con mày mạy cũng tốt.

Thế là cô chị lại ra sức mò. Chẳng mấy chốc đã đầy giỏ cá, tôm. Mặt trời đã đổ gắt. Chị rủ em tắm rửa để về.

Bên suối có một bãi cát nhỏ. Hai chị em cởi váy áo để bên giỏ cá rồi tắm. Cô em tắm táp qua loa rồi vội leo lên bờ:

– Ôi, em lạnh quá, chị cứ tắm đi em lên đây. Cô em vội mặc áo váy xong xách giỏ chị lên xem, thấy nặng nặng, đầy ắp toàn tôm cá ngon lành.

Cô chị tắm xong đang leo lên bờ thì cô em đã vội kêu lên:

– Ôi đầu chị dính đầy bùn! Bẩn thế chị đã vội lên sao? Trai bản cười đấy!

Cô chị tưởng thật, lội vội xuống suối gội lại cái đầu. Thừa lúc đó, cô em tráo lấy giỏ cá của chị chạy vội về trước. Vừa hay gặp bố đi về cô ta liền khoe:

– Bố ơi, con được đầy ắp giỏ cá ngon, tôm ngọt, cho bố đây. Chị Ý Ưởi thì lười quá bố ạ, chỉ mải bắt bướm và tắm nghịch nước, mãi giờ chưa muốn về. Con phải về trước ướp cá cho bố mang đi ăn đường đây.

Nói thế xong, cô ta xăm xăm đi làm cá. Cô chọn con cá to ngon nhất nướng ăn cho đỡ đói.

Người bố khen Ý Nọng giỏi và lại vội đi lên nương, chỉ mang theo giỏ cơm không chờ cả ăn cá nữa.

Lát sau Ý Ưởi về với chiếc giỏ vài con giun dế của em. Thấy chị bước lên nhà, cô em đã đon đả:

– Em phải vội mang tôm cá của chị về kịp ướp mắm cho bố. Còn mấy con giun dế của em, chị mang về cho mấy con gà nhiếp cũng được đấy chứ! Thôi chị làm nốt cá đi, để em đem mấy con châu chấu cho gà nhé.

Ít lâu sau, người bố chuẩn bị lên đường, thì vừa lúc cá mắm đã ngấu. Cô chị đã sẵn lá gói xôi, sắm ống nứa to đựng mắm cá ngon cho bố. Trước lúc ra đi, bố bảo hai con:

– Bây giờ bố đi đây, dăm bữa nửa tháng nữa bố về. Ở nhà chị em rủ nhau làm ăn. Người chị lớn càng phải nhường nhịn em nhỏ. Chắc bố đi lâu, các con sẽ nhớ bố mà khóc – Hãy lấy chậu hứng lấy nước mắt. Đứa nào thương bố khó nhọc trên đường và nhớ bố thì nước mắt sẽ đầy chậu.

Nói rồi, người bố nhấc gánh lên vai ra đi. Một ngày, hai ngày, lại ba ngày, cô chị nhớ thương bố khóc suốt mướt, còn cô em thì dửng dưng.

Ở nhà, hai chị em chỉ có hai việc chính phải làm trong lúc chờ bố: chăn trâu và chăn vịt. Ngày đi làm khuây khỏa thì thôi, chứ tối về nhớ bố, chị lại khóc, còn cô em lăn ra ngủ. Càng ngày nước mắt chị càng đầy thêm trong chậu.

Công việc chăn trâu vất vả nặng nhọc hơn chăn vịt, chị nhận phần chăn trâu về mình, dành cho em chăn vịt. Một hôm con trâu cô chị lại biếng cỏ mà chỉ lo mải bước chẳng hay cái gì xui khiến. Bao bãi cỏ non nó bỏ qua cứ thế lướt tới phía trước, càng sâu dần vào rừng. Nó chui qua bao búi gai, và hẻm gập ghềnh. Cô chị chạy theo không kịp mà chỉ thoáng thấy cái đuôi nó phe phẩy đuổi muỗi. Trâu cứ thế đi miết mãi vào rừng sâu, rồi đến một khe suối có bãi cỏ lau um tùm khá rộng. Cô chị lo lắng rượt theo trâu đến tận bãi nhưng con trâu bỗng mất hút trong đám lau cao quá tầm nhìn. Đến nơi hóa chẳng phải là lau, mà là rừng mía bạt ngàn.

Vừa lúc cô chị thấy khát khan cả cổ vì mải chạy theo trâu. Cô chọn một cây mía to và ngồi ăn cho đỡ khát.

Bỗng một trận gió nổi lên, một mụ già váy áo xộc xệch, đầu bù như cái ổ gà, mùi hôi như cú rừng xuất hiện. Mụ đứng trước mặt cô gái, mắt long dữ tợn, nhưng lại cười hề hề:

– Hề, hề! Khảu mít khảu hák mã!

Pa mết pa hák xú!

Dú la hák đảy kin lục kin lan!

(Gạo hết gạo tự đến,

Cá hết cá tự lại

Tự dưng được chén thịt cháu con đây!)

Cô gái run bắn người, khóc lóc van xin:

– Trăm lạy bà, cháu là con côi cút. Theo chân trâu lạc đến chốn này. Mong bà thương cháu mà tha cho!

Mụ cười gằn:

– Không được, mi đã ăn mía của ta, ta phải ăn thịt mi thôi!

Cô gái cầu khẩn:

– Trăm lạy bà, bà tha cho cháu. Cháu khát quá trót ăn cây mía của bà. Để cháu chuộc tội xin làm gái hầu gánh nước, giã gạo cho bà.

Mụ thấy ưng ưng:

– Mày nói thế phải ý ta. Ta có một mình trông nom chăm sóc bao nhiêu đất đai, hoa trái, cây quả lúa má ba đồi, ta chẳng còn kịp giã lấy gạo ăn, chẳng kịp gánh nước, nên đã lâu chẳng nghĩ gì đến tắm táp nữa. Thôi, đứng dậy theo ta về nhà, gánh nước, giã gạo cho già vậy.

Mụ già đổi giọng làm cho cô bớt sợ.

Khi lên tới nhà, mụ già đem đủ thứ cho cô gái ăn, và hứa nếu chăm làm thì sẽ có nhiều thứ. Còn con trâu của Ý Ưởi chẳng ra được khỏi đất mụ đâu. Lúc nào muốn về mụ sẽ thả cho.

Cô gái đành nghe theo, và ra sức hầu hạ. Vài ngày trôi qua. Một hôm nắng ấm và rỗi rãi. Mụ sai cô gái đun nước cho mụ tắm. Tắm gội xong mụ ngồi hóng nắng cho khô tóc và trông sáng sủa ra, không đáng sợ như lúc đầu nữa.

Bỗng bà thấy ngứa đầu quá. Con chấy gặp nắng ấm đang cắn bà. Người đàn bà sai cô gái bắt chấy. Khi lật mảng tóc lên, cô gái thấy một vết sẹo to tướng đã lành da nhưng vẫn há như mõm ếch. Cô gái bỗng nhớ tới cái đầu của mẹ mà người cha đã kể hồi nào khi ông tức giận phang cái mai vào.

Cô lặng người một lúc quên cả bắt chấy. Người đàn bà đột nhiên gắt:

– Bắt đi, con bé này, mày đã lười sao? Coi chừng từng ấy việc chưa đủ đền tội bẻ trộm mía của ta đâu.

Cô gái lại hối hả rẽ tóc. Nhưng cứ mỗi lần đụng phải vết sẹo, cô lại nhói trong tim. Nỗi nhớ thương mẹ, nỗi côi cút không mẹ lại dâng lên, không gì ngăn nổi. Cô khóc thầm, cô nuốt nước mắt vào trong mà nước mắt vẫn tuôn ra, lăn trên gò má rơi xuống trán người đàn bà. Bà kêu lên:

– Ôi! Cái gì thế, nước ở đâu rơi vào đầu ta thế!

– Có lẽ, một giọt mưa lạc bà ạ! Cô gái cố nuốt nước mắt trả lời.

Nhưng nước mắt càng tuôn lã chã sau câu nói, làm ướt đầu bà. Thấy lạ, bà ngửng lên. Cô gái, lúc này đã bật lên tiếng nức nở. Bà hỏi:

– Tại sao con khóc? Ta đã làm con sợ? Ta đã làm khổ con sao? Có chuyện gì hãy nói ta nghe!

Cô gái cố nín, nói:

– Không bà ạ, không phải thế đâu! Bà tốt quá, bà đã tha tội, bà còn cho ăn... Việc gánh nước giã gạo... đối với cháu có gì mà khổ sở đâu bà ơi!

Cô gái càng khóc nhiều hơn, nỗi tủi khổ không mẹ, thương xót cho mẹ như đã bật hết ra những năm tháng nén chịu. Bà già càng ngạc nhiên hơn, hỏi:

– Thế thì làm sao mà khóc não nuột thế! Cháu định hại ta sao? Ta đã khóc cạn nước mắt trong mấy năm nay rồi!

Cô gái nức nở:

– Chính là do vết sẹo bà ơi! Vết sẹo trên đầu bà ấy làm cháu khóc đấy!

– Tại sao thế? Cái sẹo của ta có liên quan gì đến mi? – Bà hỏi dồn.

Cô gái kể lại câu chuyện của người mẹ khi cô mới sáu bẩy tuổi.

Bà già bỗng nhớ lại tất cả. Khi cô gái nói đến chuyện chín ếch và "tám gắp" bà đã ôm chầm lấy cô, nước mắt bà trào ra, miệng lắp bắp:

– Con ơi! Mẹ đây mà!

Đến lượt cô gái sững sờ. Khó nói hết được nỗi sung sướng của hai mẹ con. Mấy ngày sau, bà mẹ lôi trong hòm tre đan ra bao nhiêu là vải đẹp, số vải bà dệt trong mấy năm trời cho con xem và nói:

– Đây là của mẹ dành cho con. Từ khi bị bố đánh, mẹ chạy miết vào rừng, may mà còn sống được. Đêm ngày mẹ vẫn hy vọng là có ngày gặp lại con. Ngờ đâu nay lại không phải chiêm bao. Tất cả vải vóc này là của con đấy!

Cô gái hết sức mừng rỡ và giục mẹ hãy cùng mình về bản. Nhưng bà mẹ không chịu đi.

Mấy hôm nữa trôi qua, Ý Ưởi bỗng nhớ tới bố và em ở nhà. Cô đoán là bố sắp đi xa về, bèn nói với mẹ:

– Mẹ ơi, con sung sướng được gặp mẹ. Nhưng còn bố? Bố hối hận vì nhỡ tay làm mẹ khổ. Mẹ hãy cùng về nhà với con đi.

Bà mẹ vẫn một mực từ chối và bảo với Ý Ưởi hãy coi chừng cô em gái Ý Nọng.

Cô gái đáp:

– Chẳng sợ đâu mẹ ạ, bây giờ con lớn rồi. Nếu quá quắt, con lại trốn vào với mẹ.

– Ừ thế cũng được. Vậy thì con nhớ là đừng lộ chuyện mẹ con ta gặp nhau ở đây.

– Vâng mẹ ạ, con sẽ nhớ lời mẹ!

Thế là bà mẹ mặc quần áo mới cho con. Bắt trâu cho con dắt về.

Ý Ưởi về đến nhà, mà bố vẫn chưa trở về. Chậu nước mắt nhớ bố vẫn còn đó.

Bước lên nhà thấy chị, cô em vội trách:

– Chị đã về à? Chị đi đâu mất tăm mất tích mấy ngày liền thế, rõ là "bố vắng nhà gà mọc đuôi tôm". Đi chơi đâu cho sướng, để bao nhiêu việc nhà dồn cho tôi.

Nhưng nào có phải thế. Nhà bừa bộn tứ tung. Phân gà vãi đầy nhà.

Ý Ưởi vội vàng thu dọn. Bỗng con em chợt nhận ra cô chị mình xúng xính bộ váy áo mới tinh và thêu thùa rõ đẹp. Nó tít mắt lại, vồ lấy chị vuốt ve và đổi giọng rất dịu dàng:

– Ôi, áo váy chị mới và đẹp làm sao? Chị lấy ở đâu ra thế, giá em cũng có như chị.

Cô chị thương hại nói đùa:

– Được thôi. Em hỏi chị lấy đâu ra áo mới ấy à? Chính là do con trâu đấy, chả là hôm ấy chị đi chăn trâu trời nắng quá mà váy áo chị mặc lâu đã bẩn nên đến suối vắng chị tắm và tranh thủ giặt váy áo cho sạch rồi phơi nắng cho khô để mặc lại. Chị chui vào bụi rậm ngồi chờ váy áo khô. Chẳng may con trâu của chị nó ăn cỏ sát tới chỗ chị phơi áo váy. Một loáng sau quay lại, chị đã thấy nó nhai sạch cả váy lẫn áo của chị. Chị lo quá. Nhưng chưa đến xế chiều nhìn ra chỗ trâu đang ăn thì chị thấy trâu đang ỉa. Lạ thay, trâu lại ỉa đúng bộ quần áo mới đẹp này đây. Thế là chị vụt ra nhặt ngay áo mới này mặc vào. Lúc mặc xong váy áo này vào thì con trâu của chị đã chạy rất xa vào rừng, thế là chị phải chạy đuổi theo trâu. Càng đuổi nó càng chạy...

Ý Ưởi luôn miệng kể. Ý Nọng như nuốt lấy từng lời. Nghe xong, cô em nói:

– Chị ơi! Thế thì ngày mai chị nhường cho em đi chăn trâu nhé. Chị đi chăn vịt thay em.

Hai chị em đổi việc cho nhau. Thu xếp việc nhà xong cô chị đem vịt đi chăn. Cô lùa chúng thẳng tới chỗ mẹ mình. Còn cô em sốt sắng lạ thường. Ngay từ sáng tinh mơ đã vội dắt trâu đi chăn, không quên nắm theo nắm xôi nguội to tướng bằng cái đầu chó. Ra đến đồng cỏ, cô em muốn có váy áo mới. Không chờ được nữa cô lột ngay váy áo cũ mình cho trâu ăn. Trâu chẳng ăn, chỉ ngửi ngửi qua quít. Thấy thế cô ta bực mình, nói với trâu:

– A! Mày khinh tao hôi không ăn à? Mày không muốn đổi tao áo mới phải không? Mày phải ăn và phải trả cho ta váy áo mới!

Nói rồi cô ta nhét váy áo của mình vào mồm trâu, bắt nó phải nhai. Cực chẳng đã trâu phải nhai và nuốt.

Trời đã quá trưa, cô em trần truồng ẩn kín trong bụi rậm mắt hướng vào đít trâu, nhưng chẳng thấy váy áo mới nào cả. Chiều xuống, chẳng thể chịu được nữa nó bèn chạy lại chỗ trâu, bực bội nói:

– A! Mày hại ta! Không ỉa cho ta váy áo mới thì ta thọc vào đít mày lôi ra bằng được!

Nói rồi nó thọc tay vào đít trâu. Nó thọc mạnh đến nỗi ngập đến khuỷu tay. Con trâu vừa hoảng vừa đau chạy rống lên lôi cô gái hết thửa ruộng này đến thửa khác. Càng đau, đít trâu càng kẹp chặt lấy tay nó. Cứ thế cả thân người trần truồng cô ả bị lôi theo trâu, người bị đập vào các bờ ruộng thấp cao, sây sát cả mình mẩy.

Một đàn quạ đang bay về tổ, trông thấy thế tưởng con trâu đang đẻ rơi con nghé, sà xuống, mong kiếm được miếng nhau rơi. Hóa ra một cô gái đang sấp ngửa muốn gãy cả tay trong đít trâu. Vừa buồn cười vừa thương hại, đàn quạ mách:

– Quạ, quạ! Chá cẳn nõng![1] Chá cẳn nõng!

Cô em vừa đau lại vừa tức, chửi đổng theo đàn quạ. Đàn quạ bay đi rồi, cô lại hối tiếc là sao không nhờ chúng giúp. Một lát sau

---

1. *Chá cẳn nõng*: nói lái của từ chóng cẳn nã (nghĩa là chống chân vào bờ ruộng).

cô nhớ đến tiếng kêu của quạ: "Chá cẵn nõng". Cô lẩm bẩm và đọc ngược lại xem, chứ ba chữ trên chẳng thể hiểu được. Cô lẩm bẩm ba chữ nói lái: "Chóng cẵn nã".

– A! Hóa ra đàn quạ muốn cứu mình! Chúng bảo mình "chống chân vào bờ ruộng" đây mà!

Cô nghĩ vậy và làm thử khi trâu tha thân cô đến một bờ ruộng cao. Quả thật, cô kéo tụt được tay ra. Vừa lúc mặt trời lặn, cô em tìm cách trở về nhà.

Lại nói chuyện Ý Ưởi đi chăn vịt được gặp mẹ. Hai mẹ con ăn trầu, nên khi về môi cô chị đỏ chót trông lại càng duyên dáng bội phần.

Nằm nghỉ một lúc cho đỡ tức, cô em mới bắt đầu chú ý đến Ý Ưởi và khen chị mình có đôi môi thật đẹp. Ý Ưởi biết cô em thích làm dáng nên vui miệng kể:

– Em bảo chị làm cách nào có được đôi môi đỏ phải không. À hôm nay chị đi chăn vịt mà. Chả là chị thấy vịt ỉa ra những hòn phân đẹp, chị nhá thử thấy cay cay, thế là môi chị đỏ lên đấy.

– Thế thì, em lại đi chăn vịt, em phải có đôi môi đẹp như chị.

– Ừ, ăn xong, ngủ đi đã. Mai hãy hay!

Sáng hôm sau cô em ngủ muộn, khi tỉnh dậy thì Ý Ưởi đã dắt trâu đi. Cô em ăn uống qua loa rồi lùa vịt đi chăn. Chờ khi vịt ỉa, cô em nhặt phân cho vào mồm để có môi đỏ. Nhưng do tính thích ăn diện cô em không biết đó là câu nói đùa của chị. Chả thấy môi đỏ gì cả mà chỉ thấy hôi hôi, cô em bực tức lùa vịt về.

Về đến nhà, đang nghĩ cách trả thù chị, bỗng Ý Nọng chợt nhớ ra bố đi đã lâu, có lẽ sắp về thế nào bố cũng hỏi đến chậu nước mắt. Đêm nào chị cũng khóc và hứng nước mắt vào chậu, chi bằng đổ quách nó đi.

Cô lấy chậu nước mắt của Ý Ưởi ra xem. Ôi chao nước mắt đâu mà lắm thế. Vốn tính tò mò và tham ăn, nó thọc ngón tay vào nếm thử:

– A! lạ thật, nước mắt mằn mặn thế nào ấy.

Để tỏ cho bố biết là mình thương bố nhiều hơn chị, cô em lập tức lấy chậu nước mắt của chị đổ vào chậu mình, rồi đổ nước lã vào giả chị.

Chẳng ngờ hôm đó người bố trở về thật. Đi xa về, bố mong chóng gặp lại các con. Nhưng chỉ có mình Ý Nọng đón thôi. Được thể, Ý Nọng khoe chậu nước mắt của mình. Bố nếm thử thấy mằn mặn. Đúng nước mắt thật. Còn chậu kia có đánh dấu của Ý Ưởi nhạt phèo như nước lã. Ý Nọng lại đặt điều nói xấu chị. Nào là chị lười biếng ham chơi cả ngày, lại còn trộm xúc thóc của nhà đổi lấy váy áo mới và còn cả son phấn bôi môi nữa. Chỉ trừ việc cô ta ngu dại bị đánh lừa là không nói ra.

– Chẳng tin, bố chờ xem tý nữa chị về sẽ thấy.

Khi cô chị dắt trâu về, thoáng thấy bố, cô gái khóc nức nở:

– Bố ơi! Ở nhà chúng con khóc đầy chậu nước mắt. Người bố ầm ừ cho qua chuyện. Nhưng nhìn thấy Ý Ưởi trong bộ váy áo mới đẹp, lại cả đôi môi đỏ thắm ông nghĩ là Ý Nọng nói đúng. Giận về sự lừa dối của con, ông nói:

– Hóa ra mẹ nào con nấy.

Người bố lại liên tưởng đến người vợ. Đến nước chẳng thể sống chung với con gái vì ba lần thử, cả ba lần đứa con đẻ của ông đều không thương ông. Người bố quyết định tìm cách đưa con gái vào rừng cho hổ ăn thịt.

Một hôm, ông bảo các con:

– Ngày mai, ba bố con phải vào rừng sâu đẵn gỗ làm nhà. Các con dậy sớm thổi xôi mang theo. Mang nhiều một tý có thể ở đó vài ngày lấy cho đủ gỗ.

Sáng hôm sau, ba bố con lên đường rất sớm. Người bố bước đi thoăn thoắt, hai con chạy theo và dắt theo cả một con chó. Đi một đoạn đường xa, người bố hỏi:

– Chỗ này các con tới bao giờ chưa?

Cô chị nhanh nhẩu trả lời:

– Nơi đây, con đã từng theo bá hái củi, theo thím hái bông lau làm đệm.

– Thế thì, ta phải đi nữa.

Họ lại đi, đi mãi. Đến xế chiều, xem chừng đã xa lắm, người bố lại hỏi:

– Chỗ này các con đã từng tới chưa?

– Ô! Chỗ này con chưa đến bao giờ. Cô chị trả lời.

– Ừ. Thế thì ta dừng ở đây. Nơi này xa ít người đến, có nhiều gỗ tốt đây. Bây giờ ta dựng lều tạm nghỉ. Các con chặt thật nhiều lá chuối cho bố, bố chặt cọc làm lán. Rồi bố chặt tre làm ống các con ra suối xa kia múc nước về nấu cơm ăn! Mai ta đi chặt gỗ.

Lán đã dựng tạm xong. Người bố chẻ tre đan phên mắt cáo làm rào vây quanh, nói để chống thú dữ[1].

Hai chị em mang ống ra suối lấy nước. Suối hơi xa. Tới suối cô em vục đầy ống, nâng gánh giục:

– Tối rồi, về mau chị ơi, còn phải nấu cơm nữa! Cô chị múc mãi chưa đầy ống nước, bảo em:

– Em đầy gánh trước, em về cho bố nấu cơm. Không hiểu tại sao chị múc mãi chưa đầy ống nước.

Được lời, cô em ba chân bốn cẳng chạy vội về, trời đổ tối xuống nhanh, ống nước mãi vẫn không đầy, cô chị bắt đầu lo cuống lên và sợ hãi. Bỗng có đàn quạ bay qua, thấy vậy chúng kêu lên:

– Cổ lôn! Cổ lôn!

Cô chị chẳng hiểu sao chúng kêu thế, nên lẩm nhẩm theo, có lúc lẫn lộn đảo ngược lại "cổn lô" "cổn lô"!

– A! Hay ống nước của ta "cổn lô" (thủng đít)! Ý Ưởi sờ xem đáy ống nước hóa ra "thủng đít" thật. Thảo nào mãi chẳng đầy nước!

Ý Ưởi vội vặt đám cỏ đút nút đáy ống lại. Nước múc được đầy ngay. Cô tất tả gánh nước chạy về lều. Con chó thấy cô về sủa reo lên mừng rỡ. Hóa ra cái lều trống không chỉ còn lại đống lửa sắp tàn. Cha và em cô đã biến đi đâu. Ý Ưởi gọi khản cả tiếng chẳng thấy ai thưa, chỉ thấy núi đá cao bên cạnh vọng lại tiếng mình gọi. Cô thoáng ý nghĩ: "hay cha và em ta cố tình bỏ ta lại đây!" Cô nghĩ đến cái ống nước. "Ôi, đúng rồi, chính bố ta đưa tận vai ta gánh ống nước thủng đáy này!". Ý Ưởi bỗng hiểu ra tất cả, kể cả những chuyện vặt cô em ton hót với bố mà cô đã từng cao thượng bỏ qua, không ngờ kết cục thế này. Ý Ưởi ôm lấy cổ chó mà khóc.

---

1. Hổ không dám bước qua hàng rào mắt cáo.

III. Ý ƯỞI – Ý NỌNG VÀ TẠO KHUN CHƯƠNG

Ý Ưởi khóc mãi, khóc mãi không biết bao nhiêu nước mắt đã rơi. Cuối cùng người và chó ôm nhau ngủ thiếp từ lúc nào không biết.

Lại nói, mẹ Ý Ưởi đã lâu mong con không thấy con vào với mình. Bà đoán bố cô đã về nên cấm không cho Ý Ưởi vào với mình nữa. Lo lắng sinh ốm nặng, bà nguyện được chết đi hóa thành thần linh có sức thần thông đi khắp nơi phù hộ cho con. Lời nguyện ước đã đạt. Bà chết hóa thành mãnh hổ.

Vừa lúc Ý Ưởi sực nhớ mẹ, tỉnh giấc, cũng là khi nghe tiếng động mạnh ngoài lán mình. Ý Ưởi thổi bùng ngọn lửa. Hóa ra một con mãnh hổ ngồi chồm chỗm ngoài hàng rào, nhe răng lên nói tiếng người:

– Hừm, khẩu mết khảu hák mã
Pa mết pa hák xú
Dú lạ đầy kin lục kin lan!
Cu kin múng, kin múng!
(– Hừm, gạo hết gạo tự đến,
Cá hết ta tự lại,
Ngồi không ăn thịt cháu con!
Ta ăn mi, ăn mi!)

Ý Ưởi van tha, và kể nỗi khổ cực của mình. Mãnh hổ có vẻ xiêu lòng.

– Thế thì, ta ăn thịt con chó của mi!

Ý Ưởi lại xin tha, vì có mỗi độc con chó làm bạn.

– Thế thì ta ăn thịt mi! Thịt mi!

Ý Ưởi lại lạy xin tha. Cứ thế qua lại vài lần.

Dường như hổ đã thấy rõ nỗi khổ cũng như lòng chung thủy của cô gái với con chó của mình. Cuối cùng hổ đành nói thật mình chính là mẹ của Ý Ưởi hóa thân đến giúp con bị nạn. Lúc đó Ý Ưởi mới bằng lòng cho hổ ăn thịt chó. Trước khi đi, hổ còn dặn:

– Sáng mai dậy, ra sau lều, sẽ thấy vật lạ.

Nói xong hổ ôm chó đi thẳng vào rừng cây.

Y lời dặn, sáng hôm sau Ý Ưởi ra sau lều chẳng thấy gì ngoài một bãi phân hổ và vũng nước. Ý Ưởi lấy que khều bãi phân thử xem. Lạ thay khều đến đâu thì bao nhiêu váy áo và đồ trang sức

lạ hiện ra đến đấy. Còn vũng nước đái. Ý Ưởi không thấy bẩn nữa. Cô chọc bàn tay mình vào, bàn tay tự nhiên trắng hồng. Ý Ưởi vội cởi váy áo và lấy nước vẩy khắp mình.

Lạ thay, toàn thân cô trở nên nõn nà, trắng hồng như một nàng tiên. Tắm xong, cô mặc váy áo lụa là rồi cài đồ trang sức vào, lấy gương quí soi mình.

– Trời ơi, mình đẹp quá! – Cô thốt lên và thấy vui vui, muốn đến vội với Bản Mường của người.

Thế là Ý Ưởi – Nàng tiên hướng phía mặt trời mọc rảo bước. Cô tin sẽ gặp được Mường người. Cô bước đi nhanh như nàng tiên bay. Đến chiều cô gặp một cái hồ đẹp xung quanh hàng cây cao thẳng tắp. Dọc theo bờ là những đường rộng phẳng phiu hướng mãi về phía xa. Cánh đồng bát ngát lúa đã ngả vàng. Phía đó là bản mường đông đúc. Ý Ưởi muốn đến bản Mường đẹp nhưng cô còn e ngại, nên leo lên một chạc cây ngủ.

Sáng ra khi mặt trời nhú lên. Ý Ưởi vén lá tụt xuống. Chợt cô thấy đằng xa có một người gánh sọt cỏ men theo bờ hồ đi đến. Vừa đi vừa vung liềm cắt lấy các vạt cỏ ven hồ cho vào gánh. "Ôi! người cắt cỏ. Thôi chờ người ta đi qua xa rồi hãy xuống!. Cô nghĩ vậy và co mình lại. Người cắt cỏ đến bên gốc có Ý Ưởi nấu mình. Anh ta đặt gánh dở liềm định cắt vạt cỏ non xanh ven hồ. Bỗng anh ta ngơ ngác nhìn xuống mặt hồ trong xanh, rồi hoảng hốt vứt cả liềm lẫn gánh cỏ chạy thục mạng về phía bản Mường đông đúc kia. Vừa lúc, từ phía Mường một đoàn người, ngựa rộn rã phóng tới, trên yên là những chàng trai trẻ khí giới loang loáng. Đi đầu là một chàng thanh niên khôi ngô, tuấn tú, oai phong lẫm liệt. Anh chàng cắt cỏ vội giang tay cản đường đoàn người rồi quỳ gối tế lậy người đi đầu, mồm lắp bắp:

– Lậy Tạo Khun Chương! Ở... ở đằng kia có... có... có cô nàng... chết... chết... chết đuối, thưa Tạo!

Tạo Khun Chương kìm cương ngựa sửng sốt:

– Ở đâu? Chỉ cho ta mau! Cứu người bị nạn, các bạn ơi!

– Dạ, các Tạo theo tôi! Ở... đằng kia.

Người cắt cỏ chạy tới gốc cây nọ, đoàn người ngựa dượt theo tới nơi, người cắt cỏ chỉ tay xuống hồ:

– Thưa Tạo, kia kìa!

Thoạt đầu mọi người chỉ thấy mặt hồ phẳng lặng đã tưởng tên cắt cỏ hoa mắt nói liều. Tạo Khun Chương là người đầu tiên định thần đã thấy trước một bóng người đẹp in xuống mặt hồ. Tạo vội ngẩng đầu nhìn lên cây cao. Ý Ưởi vội nép vào cành lá che mình. Bị cành lá um tùm che khuất, mãi Tạo mới nhìn thấy. Chàng nhẩy vội xuống ngựa chạy tới gốc cây, giơ cao hai tay như muốn đón đỡ lấy người đẹp sắp ngã té trên cây xuống.

– Ôi! Người đẹp! Có sao lại trốn trên cây này! Ta là Khun Chương đây! Ta đang dẫn các bạn ta đi săn đây! Trời run rủi cho ta gặp nàng! Cuộc đi săn như thế chẳng mãn nguyện hơn sao? Hãy xuống đây với ta, đừng sợ gì cả!

Vẻ chân tình của tạo làm nàng yên lòng. Ý Ưởi thận trọng leo xuống. Tạo Khun Chương bế nàng ngồi lên trước ngựa, rồi nhảy phốc lên ngồi sau nàng, và thúc trở vào Mường. Tiếng nhạc ngựa rộn rã. Dân Mường đồn rằng Tạo Khun Chương đã cưới được vợ tiên đẹp và hiền dịu nhất trần gian.

*

Mấy năm trôi qua, cuộc ân ái tràn đầy hạnh phúc, Ý Ưởi sinh được đứa con trai mười phần xinh đẹp và khôi ngô. Khi con lên ba tuổi, một hôm Ý Ưởi bỗng chạnh lòng nhớ tới người cha khốn khổ của mình. Nàng đem mấy hạt bầu trồng xuống vườn trước nhà mà khấn:

– Bầu ơi, Bầu thương ta với! Bầu hãy mọc nhanh và vươn dài mãi về nhà bố ta. Leo lên cột nhà bố ta, lên cả bếp lửa và cuốn đổ ninh trõ bố ta đang thổi xôi. Bố ta giận, lấy dao phạt ngọn. Phạt một ngọn bầu hãy để thêm trăm ngọn, và hãy cuốn đổ nồi cơm của bố ta...

Chẳng bao lâu, cây bầu mọc lên, vươn dài mãi.

Tại nhà bố, bỗng nhiên hàng trăm ngọn bầu tua tủa leo lên cột nhà. Lúc đầu người bố tưởng năm nay được mùa bầu. Nào ngờ trong chốc lát bầu bò kín khắp nhà, cuốn đổ nồi xôi đang bốc khói trên bếp.

Thấy nguy hiểm quá, người bố cầm dao phạt ngọn bầu. Nào ngờ càng làm bầu nẩy nhanh ngàn nhánh muốn quật đổ nồi cơm.

Người bố tức điên người "Ta phải chặt từ gốc" nghĩ vậy ông xăm xăm xách dao đi.

Nhưng khi ra cửa, thấy dây bầu trải hút tầm mắt, người bố quyết định lần theo tận gốc. Ông đi, đi mãi. Một buổi chiều dây bầu dẫn đến nhà Ý Ưởi.

Lạ nước, lạ cảnh run sợ trước khung cảnh phồn thịnh người bố vội vàng trốn vào góc chuồng dê bên vườn. Vừa lúc người hầu chăn dê nhà Tạo dồn dê về chuồng. Như mọi hôm, đàn dê tìm vào chuồng. Nhưng hôm nay lạ thật từng chú dê đến cửa chuồng ngó ngó, ngửi ngửi rồi bỏ chạy, miệng kêu be be.

Không lùa được dê vào chuồng, người chăn dê đem chuyện thưa với Ý Ưởi – Hoàng hậu. Nàng nhẹ nhàng khuyên:

– Người thử xem xem, có thể có con rắn con rết gì trong chuồng làm chúng sợ chăng?

Người chăn dê ngó vào chuồng, và cũng như những con dê, anh ta hốt hoảng chạy ra, miệng lắp bắp:

– Ôi! Thưa bà Nàng... có một lão mọi xốc mọi xếch trong ấy bà ơi!

Khi người chăn dê dẫn người bố ở chuồng dê đến gặp Ý Ưởi, Ý Ưởi liền nhận ngay ra bố. Sau phút mừng tủi, người bố đã bớt ngượng ngùng – Hoàng hậu rước bố lên nhà. Hoàng hậu cũng lo lắng: lễ nghi đón tiếp bố mình thế nào cho phải lẽ đây! Nàng hỏi:

– Bố đã tìm được con. Con bắc thang gì cho bố lên nhà đây? Bố ưng thang bạc hay thang vàng?

Bố rụt rè đáp:

– Bố nghèo, bố khổ, bố chỉ quen thang gỗ thang tre, con ạ!

Thế là thang bạc, thang vàng được bắc ra để bố lên nhà. Khi đã lên nhà, Hoàng hậu lại hỏi:

– Con phải để bố ngồi chiếu nào và ghế nào cho phải bố ơi!

– Bố nghèo, bố khổ... bố chỉ quen ngồi ghế tre, ghế gỗ.

Thảm vàng, ghế bạc đã bầy ra cho bố ngồi.

Hoàng hậu lại hỏi:

– Đã lâu, bố con mới lại gặp nhau, con phải bầy tiệc yến gì cho xứng với bố đây?

– Bố nghèo, bố khổ... bố đâu dám nghĩ được gặp con cao sang thế này. Bố nghĩ được cơm rau, cơm măng là quá lắm rồi con ạ.

Thế là trâu, bò, lợn, gà được mổ. Tiệc lớn linh đình được dọn ra cho bố ăn. Ăn xong Hoàng hậu lại hỏi:

– Phải để cho bố ngủ giường gì, đệm gì cho xứng, bố ơi?

– Bố nghèo, bố khổ... Bố chỉ quen nằm chiếu, nằm cót thế thôi, con ạ!

Giường vàng, đệm gấm, trướng lụa, màn the sắp ra.

Đã năm, bảy ngày trôi qua, ngày nào trong cung cũng rộn rịp yến tiệc mừng Hoàng hậu tìm được bố đẻ.

Tiệc càng to, người bố càng day dứt lòng mình, càng muốn về cho đỡ tủi thân. Người bố đòi con cho về. Ý Ưởi thực lòng quyến luyến, muốn để bố ở lại hẳn với mình, nhưng người bố nằng nặc đòi về. Ý Ưởi đành phải bằng lòng. Người con gái hỏi:

– Đường xa thế này, mà cháu thì còn nhỏ, con chưa thể đưa chân bố đến nhà. Để con bảo sắp xe cho bố đi.

– Bố cực, bố khổ quen rồi, để bố đi bộ về nhà như lúc bố đến vậy thôi.

Thế là một con ngựa khoang, yên cương mới đẹp được thắng ra cho người bố về. Ngồi trên yên ngựa quí, với bộ áo quần của con gái cho, người bố giống như bậc quyền quí.

Ngựa phi nhẹ nhàng, chẳng mấy lúc đã về tới cánh đồng bản mình. Trên đồng xa xa một cô gái đang hái rau dại. Tiếng vó ngựa làm cô gái chú ý. Thấy một người sang trọng với ngựa đẹp, cô ả đã vội sửa giọng gợi quen:

– E hèm! Pò báo chảy.

Cảy dong dong

(– E hèm, chào chàng trai trẻ,

Ngựa khỏe nhong nhong!)

Người bố nhìn kỹ, hóa ra Ý Nọng con gái của mình. Ông vội mắng:

– Mắt con mù sao? Con không nhận ra bố đây à?

Người con gái ngó người, mãi sau mới reo lên:

– A! Bố đã về? Bố chặt được gốc bầu rồi chứ?

Làm sao bố có được ngựa quí, áo đẹp thế!

Khi về đến nhà, người bố kể hết cho con chuyến đi của mình. Người con gái nói:

– Thế thì con phải đi thăm chị Ý Ưởi mới được.

Nói rồi cô xách dậu thóc đi giã gạo thổi cơm tối bố con ăn.

Ý nghĩ đi thăm chị khuyến khích cô, nên tiếng cối giã của cô có vẻ ròn rã khắc hẳn mọi khi:

– Xiễng pệk! Xiễng pệk!

Hảu dảy pên mía Tạo Khun Chương.

Nưỡng Ý Ưởi em chăng dáng!

(Phải làm được vợ Tạo Khun Chương.

Như chị ta mới xứng!)

Mấy ngày sau, theo cách bố kể, Ý Nọng lần theo dây bầu đi đến nhà chị vào lúc ráng chiều buông xuống. Dù có gan mấy Ý Nọng cũng phải ngợp trong cảnh tưng bừng rộn rã tiếng voi ngựa này. Sợ quá, Ý Nọng chạy vội trốn vào chuồng gà. Vào lúc các gái hầu nhà Tạo cho gà vào chuồng. Gà vịt nháo nhác không chịu vào chuồng. Các gái hầu lại vội tâu lên:

– Thưa Hoàng hậu, vịt gà không chịu vào chuồng!

– Các em ngó xem có lẽ có con rắn, con rết trong đó, làm chúng sợ chăng?

Các gái hầu cẩn thận ngó vào:

– Ôi! Bà ơi, có con mọi già rách rưới trong chuồng!

– Có thể là em gái ta đấy. Hãy dẫn nó ra đây.

Nghe rõ câu ấy, Ý Nọng đã mừng thầm, cái sợ sệt ban đầu biến đi, thay vào ý nghĩ lố bịch, lợi dụng của cô, không chờ ai dắt Ý Nọng đã vội chạy ra:

– Đúng em đây! Chị ơi! Ôi nhà chị to thế, đẹp thế! Chị lại có nhiều kẻ hầu người hạ. Chị còn thương đến đứa em khốn khổ này không?

Ý Ưởi xuống nhà đón Nọng. Ý Nọng đã liến thoắng:

– Em nhớ chị quá! Chị ra đi mọi việc để em làm cả, khổ ơi là khổ.

Ý Ưởi hỏi em:

– Thôi em lên nhà đi! Nhưng mà em chị ưng lên nhà bằng thang gì đây?

– Em phải leo được thang bạc, vàng như bố mới xứng.

Người chị sai mang thang bạc thang vàng thả xuống. Nhưng những người hầu thấy tính xấu cô em, họ không trọng bèn thả thang bẹ chuối trắng như bạc và một thang tre ngà vàng óng xuống. Cô ả tưởng thang bạc nên vội leo lên chiếc thang bẹ chuối. Chuối gẫy dập, đàn chó xô tới. Cô sợ hãi quá vội nhảy tót lên thang tre lên nhà. Lên đến nhà, chị lại hỏi:

– Em ngồi đi. À mà để em ta ngồi chiếu gì, ghế gì cho xứng?

– Em phải được ngồi ghế vàng, chiếu bạc như bố mới xứng.

Người hầu bày ra một ghế gỗ cao, một ghế gỗ thấp. Cô ả nhẩy tót lên ghế cao ngồi – Chẳng may ghế què cô ngã chổng gọng, đàn chó lại xô đến. Ả vội chui vào gầm ghế, nói:

– Gớm, bố cho chị có một chó, sao bây giờ lại đẻ ra nhiều chó thế!

Ý Ưởi lại hỏi thêm:

– Chị phải bày tiệc gì em ăn cho xứng?

– Em phải được ăn cỗ bò, cỗ trâu như bố mới xứng. Người hầu bày ra cỗ bàn một con gà nhép. Chẳng có đũa gắp. Ý Ưởi nhắc:

– Lấy đũa cho em, mà em ta ưng dùng đũa gì?

– Em phải dùng đũa ngọc, đũa ngà như bố mới xứng!

Người hầu bày đũa nứa còn sắc cạnh cho cô. Đói quá, cô ả ăn vội. Đũa sắc cạnh cứa môi chảy máu, dính vào miếng thịt gà nhép. Ả trách:

– Ôi! Nhà chị:

Tổm cáy nhẵng danh

Canh cáy báu xúc!

(Luộc gà còn máu đỏ

Canh gà nhỏ chưa chín!)

Nhưng đói quá, Ý Nọng chén hết sạch. Đến giờ ngủ. Ý Nọng đòi đệm gấm, giường êm. Người hầu trải cho cô đệm dẹp, chăn xô đầy rận. Mệt quá, Ý Nọng lăn ra ngủ, tiếng ngáy vang nhà.

Thấy mọi người có vẻ xa lánh mình, chơi được mấy hôm, Ý Nọng đòi về. Cô ả bảo chị phải thắng ngựa đẹp yên êm cho mình. Nhưng người hầu lại dắt con dê già và buộc yên bằng vải thô tới. Ý Nọng ngất ngểu trên lưng dê già. Vất vả lắm Ý Nọng mới về được đến nhà.

Về đến nhà, càng nghĩ máu tham ác của Ý Nọng càng nổi lên. Ả quyết chí tìm cách chiếm đoạt địa vị của chị.

Một hôm ả hớt hải chạy đến nhà chị kêu khóc:

– Ôi chị ơi! Bố đang ốm nặng, hấp hối sắp chết. Chị về ngay – Cha muốn gặp chị trước lúc nhắm mắt. Ngừng một lát thăm dò, ả nói tiếp:

– Đời bố khổ quá rồi! Bố ao ước trước lúc chết được gặp chị với đầy đủ uy nghi của bậc Hoàng hậu để được hả hê với bản làng!

Ý Ưởi nghĩ thương bố già nên bằng lòng ngay. Nghi lễ hoàng hậu về thăm bố ốm được tiến hành. Võng nàng đi trước, người ngựa theo sau. Tiếng nhạc ngựa rộn rã kéo đi. Đi mãi tới một hồ nước xanh thẳm. Trên bờ có một cây bồ quân bằng cột nhà nhỏ nhưng cao ngả về phía hồ. Trên cây trĩu quả. Ý Nọng bảo đoàn người dừng lại, rồi nói với chị:

– Chị ơi! May quá! Khi mới ốm, cha bảo bệnh bố chỉ có quả bồ quân bên hồ này mới có thể chữa khỏi. Thế mà hồ này ở nơi xa vắng, một mình em làm sao đi lấy được. Hôm nay có đoàn tùy tùng khí giới đầy đủ này em mới dám rẽ tới đây. Ta hái quả này cho bố, có thể bố lại sống được lâu và khỏi bệnh đấy chị ạ.

Ý Ưởi cả tin và sai người hầu lên hái quả. Cô em gạt đi nói:

– Ôi chị ơi! Em quên mất! Bố nói rằng quả ấy mà do tay chị, con gái cả của bố hái thì mới hiệu nghiệm. Để em bảo đoàn tùy tùng tránh xa. Chị hái, em đỡ, quả mới tốt, có người lạ quả mất thiêng chị ạ.

Cô chị bằng lòng. Sẵn đã quen trèo cây, người chị trong bộ quần áo Hoàng hậu leo lên dễ dàng. Đến cành gốc, Hoàng hậu định quờ tay hái chùm ngon nhất, nhưng Ý Nọng đã nhanh nhẩu nói:

– Đừng chị ơi!

Mak cốc khi nộc thák,

(Quả cành gốc, đầy phân chim)

Bố chẳng ăn đâu, chị ơi!

Ý Ưởi leo tiếp đến giữa chừng cây, định hái quả, cô em lại bảo:

– Mak cang, khi nang dọi!

(Quả cành giữa, vữa phân nàng)

Bố chẳng ăn đâu chị ạ!

Cô chị đành leo cố lên gần chót ngọn, nhung đã nghe cây rung và tiếng rìu chém vào cây chan chát. Ngó xuống, thấy Ý Nọng đang ra sức chém gốc cây mình đang leo. Ngừng chặt Ý Nọng nói vọng lên:

– Muốn sống, hãy tháo cởi hết bộ đồ Hoàng hậu ném xuống đây! Nếu không ta cho mi xuống hồ!

Nghĩ rằng nó chỉ tham váy áo đẹp nên ra thế, Ý Ưởi lột cả bộ mũ áo Hoàng hậu thả xuống. Vơ vội bộ đồ hoàng hậu, Ý Nọng lại ra tay rìu. Phút chốc cây đổ ào xuống hồ sâu thẳm. Hoàng hậu chìm nghỉm – những con đỉa to bằng bó lá dong xông vào cắn xé. Chẳng mấy chốc, chúng đã dóc hết thịt Ý Ưởi. Chỉ còn miếng phổi bằng nắm tay chúng bỏ lềnh bềnh trên mặt nước.

Khi đã xong mọi việc Ý Nọng trong bộ hoàng hậu ra lệnh:

– Ta quay về thôi. Gặp điều gở không nên đi nữa! Chị ta chẳng may trượt chân ngã xuống hồ liền bị đàn đỉa to bằng cột nhà đãi róc hết thịt, xương rồi. Ta không còn người dẫn đường nữa!

Cũng lúc đó có một con chim sà xuống cắp miếng phổi nổi trên mặt hồ mang đi.

*

Tạo Khun Chương buồn phiền thấy vợ mình thay đổi tính nết nhiều quá.Lời ăn tiếng nói lẫn hành động trở nên thô bạo hẳn đi. Thân hình mặt mũi cũng xấu đi rất nhiều, mặc dù càng thích ăn diện hơn. Trong tâm trạng chán ngán ngờ vực. Tạo chỉ biết bế con đi dạo vườn cây quả quanh nhà trải tít về phía chân núi cho khuây khỏa. Một điều lạ là đứa bé – Hoàng tử con – cũng không nhận mẹ.

Bỗng nghe tiếng chim gáy vọng lên não nùng, ai oán tiếng người:

– Cục cú cu, cu!
Tạo nọi hẩy ha mè báu lễ, cu?
Tạo kẻ hẩy ha năng báu lễ, cu?
(Hoàng tử khóc nhớ mẹ không con?
Tạo cha có nhớ nàng vợ quí chăng anh?)

Tiếng chim như xé lòng Tạo mà giục giã lòng con, bé chỉ về hướng chim kêu:

– Mẹ, mẹ!

Chim vẫn gọi tha thiết. Tạo bước tới gốc cây nhìn lên thấy con chim gáy vẫn đương cúc cù cu. Tạo xúc động tuốt cây gươm bất ly thân bên hông gác lên cây làm cầu vẫy gọi:

– Có phải vợ ta, chui vào tay áo! Chim ơi!

Chim gáy ngoan ngoãn leo cầu gươm chui vào tay áo Tạo. Tạo đem về bỏ vào lồng son, để chim mẹ chơi với con.

Thấy hai bố con chẳng chịu rời lồng chim, Ý Nọng tức lắm. Một hôm mụ ra vẻ chăm sóc đến con, đem áo con ra phơi ngoài sân. Chim thấy thế từ trong lồng kêu lên:

– Cục cù cu!
Đồ ngu, đồ vụng
Dám đụng vào áo con tao!

Tiếng kêu làm mụ càng tức, dứ dứ dọa chim. Lần khác thấy mụ ngồi vào khung cửi dệt lụa của mình, chim bực mình vì nỗi vụng về của Ý Nọng chỉ tội dứt phá canh cửi của mình.

– Ctụp xáp, ctạp xúp!
(Dập đứt, đạp nối)
Cúc cù cu
Mày là đồ ngu!

Đến lúc này Ý Nọng chẳng thể chịu được nữa, thuận tay thoi đập chết con chim. Thấy chim béo ngậy, cô ả lại tiếc: được miếng ngon đây! Vội vàng vặt lông, rồi băm nhỏ, bỏ lá thơm, lấy lá gói đùm lại, đem vùi tro nóng đỏ. Đang lúc lúng túng nối sợi lần mối, thì có bà cụ già mù lòa chống gậy vào xin lửa. Đó là bà cụ già lâu nay vốn được Ý Ưởi quí như mẹ mình. Thấy già xin lửa, Ý Nọng bực mình quát tháo:

– Cái mụ mù lòa, cần lửa thì đến bếp mà xem! Cục nào đỏ thì gắp mang về, ta đang bấn lên đây! Bà cụ già ngơ ngác thấy lạ. Lẳng lặng ra bếp. Thấy cục đỏ tưởng cục than hồng liền gắp vội mang về. Chẳng ngờ đó là gói lá thịt chim gáy đang vùi than tro đỏ hồng. Về đến nhà cụ lóng ngóng đánh rơi nó vào đúng chậu nước vo gạo của mình. Bỗng nhiên một cô gái nõn nà xinh đẹp hiện ra. Cô gái nói:

– Cụ ơi, cháu là Ý Ưởi đây mà! Cháu vừa bị người em độc ác hãm hại cướp mất chồng Tạo Khun Chương của mình. Thôi, cụ đã cứu được cháu, thì bây giờ cháu xin làm con gái đỡ đần cho cụ. Cụ đừng nói cho ai hay, cả Tạo lớn nữa. Biết đâu lòng người thay đổi cụ ơi!

Từ đó, lúc vắng, cô gái chui từ trong hòm tre ra dọn dẹp trong nhà, nấu cơm nước cho cụ. Cụ đi làm về nhà cửa đã ngăn nắp sạch sẽ, cơm dẻo canh ngọt chờ sẵn. Xong việc cô gái lại chui vào hòm tre tránh mặt mọi người

*

Dưới gậm sàn bà cụ nghèo chẳng có trâu bò gà lợn nên sạch thoáng, bọn trẻ hàng xóm xung quanh hay rủ nhau tới đó chơi khăng hoặc đánh đáo.

Một hôm Hoàng tử con lên năm cũng được các bạn rủ đến đó chơi. Đang khâu áo trên nhà, nhìn thấy đúng là con mình, lòng Ý Ưởi xốn xang mà không dám lộ tình mẹ con. Muốn nhìn rõ mặt con hơn một chút nữa, cô gái giả đánh rơi cuộn chỉ, rồi nhờ Hoàng tử nhặt giúp mình. Hoàng tử con nhặt cuộn chỉ giơ lên. Cô gái thò dài cánh tay trần xuống đón. Trước khi nhận cuộn chỉ, Nàng còn kịp vuốt lên cái má hồng của con mình. Đứa bé sững sờ nhìn theo cánh tay cô gái. Rồi bất giác chạy về nhà, gọi bố:

– Cha ơi! Lạ lắm! Con đang cùng các bạn chơi ở gần nhà bà cụ trên kia, thấy một cô gái, mà con chỉ trông thấy cánh tay và nghe giọng nói thôi. Cô nhờ con nhặt hộ chỉ rơi, thò tay xuống đón, cô còn vuốt má con nữa bố ạ. Ôi cánh tay sao giống cánh tay mẹ, bàn tay ấm như bàn tay hay vuốt má con. Mà giọng nói cũng giống giọng mẹ lắm, bố ơi!

Tạo sững sờ nghe con kể, bất giác liên hệ tới những lời thì thầm của dân bản về một cô gái đẹp đang sống ẩn ở nhà bà cụ lòa.

Vài ngày sau lấy cớ nhà bà cụ neo đơn đã hỏng nhiều chỗ. Tạo rủ bạn bè thân cận mang gỗ lạt và tranh, tre đến sửa nhà cho cụ. Đó là thói quen mà Tạo vẫn thường chú ý đến mọi nhà trong Mường của mình.

Bà cụ miễn cưỡng chấp nhận. Việc sửa chữa bắt đầu. Suốt buổi Tạo để mắt đến mọi xó nhà, nhất là những nơi có thể có người ẩn náu. Nhưng nhà nghèo trống trải chẳng có chỗ cho người cố ý trốn lánh. Chỉ có cái hòm tre, nhưng Tạo giữ ý chẳng dám hỏi tới.

Việc sửa chữa đến quá trưa đã xong. Tạo sai người lấy rượu thịt bên nhà đem sang. Bữa tiệc thân mật dọn ra chủ khách ngồi vào mâm. Tạo ngồi bên cụ già. Lát sau Tạo nói với cụ:

– Bà ơi, con mỏi lưng quá, bà có gì cho con dựa lưng đỡ mỏi được không?

Rồi Tạo tự reo lên:

– À! Cái hòm tre này dựa lưng được đấy!

Bà cụ chưa kịp đối phó, Tạo đã nhấc hòm đặt sau lưng và dựa vào, ăn cơm uống rượu vui vẻ. Rượu ngà ngà, Tao dựa hẳn lưng vào nghỉ ngơi hồi lâu. Bỗng Tao kêu lên:

– Ái! Trong hòm nhà cụ có con rắn con rết gì đó, nó cắn lưng cháu đau lắm. Cháu phải mở ra coi! Bà cụ già chưa kịp phản đối. Tạo đã dùng dao cắt dây buộc nắp hòm và mở tung ra. Hóa ra một cô gái ngồi trong, tay đang cầm chiếc kim khâu. Cô gái bước ra, đấy là Ý Ưởi ngày xưa. Vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Bạn bè dân bản thấy lại Ý Ưởi hiền dịu thương dân rất đỗi vui mừng! Nàng càng nõn nà, hồng hào, xinh đẹp muôn phần dù trong bộ váy áo vải thô bà cụ già may cho!

Tạo và Ý Ưởi về nhà. Tưởng như cô em phải độn thổ hoặc bỏ trốn khi âm mưu tàn ác của mình bị bại lộ, nào ngờ ả trơ trẽn hết mức.

– Ôi, chị đi đâu lâu thế mới về? Vắng chị em phải thay chị làm biết bao nhiêu việc khó nhọc. Chỉ có việc làm vợ Tạo là em không làm nổi. Có lẽ em xấu xí đen đủi quá chị ơi.

Ý Ưởi chỉ cười. Cô ả tỏ ra ngạc nhiên, nói tiếp:

– Ôi, sao chị đẹp thế, sao chị trắng nõn trắng nà vậy! Em cũng muốn trắng như chị, muốn đẹp như chị. Đẹp như chị mặc áo gì cũng đẹp!

Ý Ưởi thấy cô em muốn đẹp hơn người, cô đổi giận nói đùa:

– Em muốn trắng ư? Có gì khó đâu! Chị đã từng sai người hầu nấu vạc nước sôi, bên bờ hồ sâu. Chị cởi váy áo ngồi chờ trong hố, bảo chúng đổ vạc nước sôi xuống. Thế là chị trắng liền!

Nào ngờ ả tưởng thật. Ả sai người đào hố thật sâu rồi ngồi xuống đáy hố. Vạc nước đang sôi trên bờ đổ xuống.

Thế là kết liễu đời cô gái gian ác và ngu ngốc.

Cầm Cường

Biên soạn theo lời kể của cụ Lò Thị Mằn, Mường Tranh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

DÂN TỘC VÂN KIỀU

CON NAI VÀNG

Ngày xưa, ở một vùng nọ có một A nha giàu có, nương rộng đến chim phượng bay mỏi cánh không hết, nhà ở san sát như một bầy trâu to, cái nhà lớn của A nha giống như con trâu đầu đàn đứng đầu bờ dốc

A nha có một đám rẫy tốt ở cuối con nước thường bị một con nai vàng đến dẫm phá. Khi lúa mới trổ bông, nai vàng đã vào nhai hết. Bông nào còn sót lại đã vàng uốn lưỡi câu cũng bị con nai quần phá, rơi rụng hết hạt.

Tức lắm A nha bắt tất cả đầy tớ của mình vây bắt nai vàng. Họ đứng thành một vòng quanh rẫy, giáo mác chĩa về phía con nai. A nha ra lệnh:

– Con nai vàng khốn kiếp kia đang làm hại ta. Ta phải đâm chết nó ngay giữa rẫy, đứa nào để nai vàng chạy thoát sẽ bị chém.

Nai vàng bị vây, lồng lộn giữa rẫy. Những bông lúa bị quần nát thêm làm ruột gan A nha như lửa đốt, như có bầy ong chích.

Bỗng con nai vàng ngẩng đầu, nhún hai chân, lao thẳng vào người A nha. Hoảng quá, A nha ngã lăn xuống đất làm vòng vây roãng ra một khoảng và nai vàng chạy thoát.

A nha tức tối cầm lao chạy đuổi theo, đuổi hết một triền núi, bóng nai vàng mất hút. Liền đó, A nha thấy một cô gái đẹp, mắt sáng như sao, thân người mềm mại, mặc váy thêu sặc sỡ.

A nha dừng lại hỏi:

– Ơi cô gái đẹp, cô đi đâu giữa rừng sâu này? Ồ, rừng không nắng mà nhìn cô, ta thấy lóa cả mắt. Từ sáng đến giờ, ta không uống rượu mà sao như say thế này. Ta mới uống nước mà sao thấy khát quá. Cô gái xinh đẹp ơi! Cô muốn có nhiều váy thêu, áo đẹp, hãy đến với tôi. Cô muốn có nhiều người hầu, nhiều nồi bảy, nồi bung... nhà tôi cũng sẵn. Hãy về theo tôi đi!

Cô gái e thẹn nép người vào một gốc cây trả lời:

– A nha ơi! Em không biết nấu cơm đón khách, vấn thuốc đón bạn. Miệng em không biết nói cho người hầu hạ nghe, e rồi mai kia A nha không bằng lòng, đêm ngủ trên lửa đỏ, ngày ngồi trên tổ kiến, thì biết nói sao?

A nha quay lui gọi lớn:

– Ơi quân hầu trăm, quân hầu ngàn của ta? Ta đã nhặt được bông hoa vông trên đồi dốc, bắt được chim trĩ dưới bãi khe. Các người đóng bành hoa vào voi đón vợ ngọn ta về nhà.

Người con gái nũng nịu:

– Em có đi thì đi đường cái lớn; có đứng thì đứng đỉnh núi cao, có ngồi thì ngồi một chiếu với A nha, chứ thân én phải đi đưa lợn vào chuồng, giữ chim ngoài chòi trống, em không về với A nha đâu.

Biết cô gái này muốn làm vợ gốc chứ không muốn làm vợ ngọn, A nha khó nghĩ vì đã có vợ gốc sinh được một con trai rồi.

Thấy A nha băn khoăn, cô gái liền bảo:

– Thôi, gió đã thổi thì ngọn cây phải nghiêng. Em sẽ ưng về với A nha, xin A nha xử sao cho phải để em khỏi khổ thôi.

Như rượu trong ché chôn lâu ngày dưới đất, A nha càng uống càng ngọt, càng say. Đêm gối đầu lên tay mềm cô gái, đùi áp đùi ấm áp; ngày lại ngày được nghe tiếng cười, tiếng nói líu lo như tiếng

con tào–vao, trong trẻo như nước suối của cô vợ ngọn, A nha bèn đưa vợ gốc đi giữ chim, chăn lợn. Được thể, biết đã được A nha say mê, vợ ngọn bèn ép A nha phải giết vợ gốc và con cả. Vì say mê gái trẻ, A nha định sáng sớm hôm sau cho đầy tớ đi chặn đường ra rẫy của vợ con để giết chết.

Đêm ấy, A nha nằm mơ thấy một ông già lưng rộng như lưng voi, râu dài chấm rốn, hai con mắt như hai ngôi sao, đi đến bên giường, bảo:

– Này, A nha! Mày giết vợ mày thì mày phải tội chết. Ngày mai, mày đuổi vợ con mày vào rừng, rồi bảo đầy tớ cầm dao chém cho lấy máu, mày nói với vợ ngọn mày đấy là máu của vợ gốc và con nó.

Sáng hôm sau, A nha gọi một người đầy tớ tin cẩn, trao cho việc đi thả vợ con vào rừng và làm đúng như lời ông lão báo mộng.

Thấy máu người vợ gốc và con dính vào dao, vợ ngọn vô cùng mừng rỡ. Mụ càng trút hết yêu đương cho chồng, chiếm hết mọi điều suy nghĩ của lão. A nha thấy vợ ngọn như một cái bóng bám chặt lấy mình suốt ngày đêm.

Lại nói, mẹ con người vợ gốc đi hết mười ngọn núi cao, năm nguồn khe rộng vẫn không biết mình ở đâu và phải làm gì để nuôi sống. Một hôm, hai mẹ con đang đi dọc một bờ khe đầy đá lởm chởm giữa bờ cây a tiếp xanh tươi thì trời đổ tối. Hai mẹ con nằm ngủ lại bên bờ khe đá.

Đang mơ màng, đứa bé nghe thấy tiếng người bàn tán "đáng lẽ ngày qua là nó về với ta, sao vẫn không thấy". Một tiếng khác bàn lại: "Chắc con quỉ cái không chịu giữ nó, tôi ngửi ra cái mùi của nó đây rồi".

Đứa con hé mắt đã thấy hai người đàn ông đang cầm kèn đi về phía mẹ mình. Đứa con vờ ngủ để xem chúng làm gì.

Hai người đàn ông đến cạnh mẹ mình tán tỉnh:

– Ơi! Con chim lạc bầy sao không tìm cây cao mà đậu, con khỉ lạc đàn sao không kiếm hang sâu mà giấu thân?

Người con nghe mẹ khóc thút thít kể hết ngọn nguồn cho hai người đàn ông nghe.

Nghe xong, một đứa bảo:

– Đúng là nó đây rồi!

Bà mẹ kêu lên một tiếng làm đứa con giật mình. Nó mở mắt ra đã thấy mẹ nó biến đi đâu mất, bèn kêu khóc, chạy dọc bờ đá, chạy ngược dòng khe tìm kiếm.

Đứa con lại đi tiếp một ngày, hai ngày, một tuần trăng tròn, hai tuần trăng khuyết... khóc lóc đến cạn nước mắt vẫn không thấy mẹ đâu.

Một hôm, đứa con đi đến một bến nước có nhiều lối mòn bèn dừng lại. Chú thấy trên bến nước có nhiều viên đá ghép rất đẹp. Chú cầm từng viên ném thia lia trên mặt nước. Những viên đá cũng chỉ làm nó vui được một lúc nhưng sau chú lại chán. Nhớ mẹ, chú bé ngồi lên viên đá lớn nhất ở bờ khe khóc.

Bỗng một cô bé từ trên bờ khe đi về phía nó. Cô bé lặng lẽ chống hai ống tre xuống đất, đứng im sau lưng nó một hồi lâu. Thấy nó khóc, cô bé cũng thút thít khóc theo, rồi xách cả hai ống tre chạy ù về nhà, không xuống khe lấy nước nữa.

Cô bé về nhà kể chuyện với ông:

– Ông ơi! Không biết con ma nào đưa đẩy, ngọn gió nào mang đến một anh con trai. Anh ngồi dưới bến nước của ta, khóc buồn lắm. Anh ấy gầy như một cây nứa khô, áo rách như mành chài, mành lưới.

Ông hỏi lại:

– Cháu gái ơi! Thế cháu có hỏi nó từ đâu đến không?

Cô bé lắc đầu. Ông già bảo:

– Được rồi! Con chim lạc đàn đến đậu cành thì thân cây phải đón nó. Ông cháu mình xuống đón nó lên nhà đi.

Nói rồi, hai ông cháu hăm hở đi xuống bờ suối. Ông già lên tiếng gọi:

– Ơi anh con trai khôn ngoan kia! Nhà ta chỉ có gạo mục và nước suối trong, nhưng ta muốn đón anh vào nhà. Anh có về thì về cùng ông cháu ta.

Đứa bé thấy ông già, hoảng sợ dựa vào gốc cây, như con thỏ thấy hổ vằn. Ông già mở rộng hai tay cười ha hả:

– Ơ, con chim non! Mày bay lạc tổ đã có tổ bỏ trống, hốc bỏ không, hãy vào đây ngủ tạm.

Rồi ông già đến bên cầm tay đứa bé dẫn về nhà mình. Ông bảo cháu gái giết con gà ấp, làm cơm cho đứa bé lạc ăn. Ăn uống xong, ông già đốt lửa rang bếp, dọn chỗ cho đứa bé nằm ngủ.

Sáng sớm hôm sau, ông mới hỏi đứa bé:

– Con trai ơi! Cớ sao con đến ngồi bến nước nhà lão mà khóc? Nhà con trai ở đầu núi đầu sông nào, có còn nhớ không? Lão có thể giúp gì được con trai nào?

Đứa bé kể ngọn nguồn cho ông già nghe và nói tiếp:

– Nay, con đã về ở với ông, ông bắt con giữ voi ngoài rừng, chăn ngựa ngoài rẫy hay đi leo cây bắt ong lấy mật, chặn khe tát cá, con cũng làm. Chỉ mong ông tìm được mẹ về cho con thôi!

Nghe đứa bé kể ông già từ ngạc nhiên đến hốt hoảng, mồm há ra như mồm cá mát say nắng:

– Cháu ơi, lá đã rơi về đúng gốc rồi. Mẹ của cháu là con của ông đó. Khổ cực quá Dàng ơi!

Hai ông cháu ôm lấy nhau khóc mãi. Từ đó, ba ông cháu quần tụm, trông nom lẫn nhau, lên nương cùng phát cỏ, lên rẫy cùng đốt cây. Nhà họ cũng sắm được chiêng đồng, vòng bạc, đã mua được nồi bảy, nồi bung.

Về sau, đứa cháu trai đã lớn đến tuổi lấy vợ; cháu gái đã khôn đến tuổi lấy chồng. Ông già bèn cho chúng thổi kèn sim với nhau[1].

Mặc dù đã có vợ, chàng trai vẫn buồn rầu nhớ mẹ, mong ngày gặp lại mẹ mình.

Một đêm, chàng nằm mơ thấy một ông già lưng rộng như lưng voi, râu dài chấm rốn, mắt sáng như sao, đến nắm tay anh, bảo:

– Con ơi, dì ghẻ con là con quỷ cái thuộc họ Nhắc khô lô ề. Nó đang phá nhà cha con, muốn giết mẹ con. Vì không giết được, quỷ đã xuống sim bắt mẹ con lên trên ấy. Mẹ con đang sống khổ lắm, con phải đi cứu mẹ con. Cứu được mẹ con xong, hãy đi cứu cha con.

---

1. Theo tục lệ Vân Kiều: con trai cô có thể lấy con gái cậu làm vợ. Có câu: "của cậu Dàng cho, của cô Dàng đánh".

Con quỷ ấy phá tan nhà cửa của cha con xong, nó sẽ giết luôn cha con đó.

Nói rồi ông già mở bụng chàng trai, nhét vào đó một tờ giấy thần, khâu lại, rồi biến mất.

Tỉnh giấc chàng trai đầu đau buốt, nhưng chân tay nhẹ tênh, bước nhanh như gió. Lòng chàng thương cha, thương mẹ, đầu óc như bị quạ rỉa, diều mổ.

Thấy vợ đang dệt vải, chàng trai đến bên bảo:

– Em ơi! Cành to vì thân cây chắc, nước lớn vì có thác cao. Ta nay khôn lớn, nhưng gốc cây trôi về đâu, thác cao chảy ở chỗ nào không biết. Anh thương mẹ mười nên muốn đi tìm mẹ để có tình thương em mười lăm. Anh yêu mẹ một trăm lần, nếu có mẹ, anh yêu em nên một ngàn. Ngày mai em nấu cơm, làm thịt khô cho anh đi tìm mẹ.

Người vợ bảo:

– Chàng ơi! Hai cây con dựa vào nhau có khi còn bị gió xô, nhà hai cột khi gió bão còn bị lung lay. Chàng đi tìm mẹ như tìm ra cây lim cho ta dựa, như tìm ra cột cái cho nhà sàn. Em sẽ thu xếp cho chàng đi. Chàng đi cho mau về. Sáng sớm, em ra đứng nhìn mặt trời, chiều chiều ra nhìn sương núi, gửi lòng thương nhớ theo con tào vao, kơ pốc. Chàng đi nhanh mà về.

Khi chàng trai vừa ra khỏi bản, một cơn gió xoáy đến đón, cuốn chàng bay bổng, vượt qua trăm núi nghìn đèo, luồn qua mây trắng, vượt qua mây đen, đến đúng nơi Nhắc khô lô ề ở.

Bầy Nhắc đều to như núi đá, chân nó dẫm chết trăm voi, ở vùng ấy, Nhắc thường bắn voi về làm mắm xõ (mắm để trong ống tre ngâm lâu ngày), lấy ngà voi làm tăm xỉa răng. Trâu bò lau nhau dưới chân bọn Nhắc như ruồi muỗi đậu quanh chân voi.

Chàng trai sợ quá không biết làm cách gì vào tìm mẹ được. Chàng trai chợt nhớ ra trong bụng mình có phép thần liền đưa tay xoa bụng và khấn thần cho hóa thành con ruồi để lọt vào nhà bọn Nhắc. Vào tới nơi, chàng thấy mẹ đang may khố cho tướng Nhắc. Chàng lại xoa bụng khấn:

– Dàng ơi! Dàng hãy hóa phép cho bọn Nhắc ngủ để con đem mẹ con thoát khỏi nơi này.

Khấn xong, bọn Nhắc đang ăn thịt, uống rượu, đàn đúm nhà trong, nhà ngoài đều lăn ra sàn ngáy ầm ầm như sấm.

Chàng trai hiện nguyên hình người, đến bên mẹ kêu lên:

– Mẹ ơi! Đời mẹ như dây ca chiu luồn hết rừng già mà không thấy ông mặt trời, như hòn đá dưới lòng khe không mấy khi khô ráo; Mẹ hết khổ dưới đất lại đến khổ trên trời. Con thương mẹ hết trăm đêm trăng tròn, nghìn đêm trăng tắt, lặn lội hết núi cao, rừng sâu để đến đây đưa mẹ về với đất, với ông ngoại, với cha con...

Bà mẹ nhìn con, bàng hoàng quá đỗi. Hai mẹ con ôm chầm lấy nhau nước mắt giàn giụa. Chàng trai vội bảo mẹ:

– Mẹ ơi! Lá rơi về gốc, cành gẫy vào thân, mẹ mau về với con, thoát khỏi chốn ma quỷ này.

Hai mẹ con rón rén đi qua chân, bước qua cổ bọn quỷ thoát ra ngoài. Đi được một quãng xa, hai mẹ con nghe phía sau có tiếng ào ào. Những tiếng gầm thét ấy ngày càng gần hơn. Bà mẹ quay lại nhìn, thấy bọn Nhắc đang đuổi theo mình, liền bảo con:

– Con ơi! Bọn Nhắc đã thức dậy, đang đuổi theo mẹ con ta. Nó giết mẹ con ta chết mất, con ơi!

Rồi bà ôm con nức nở:

– Thôi con chạy đi, để mẹ ở lại đây với chúng. Gốc cây già phải chịu phận làm mồi cho lửa, cây con còn phải uống sương, tắm nắng, con ơi!

Bà mẹ đẩy đứa con chạy trước. Nhưng chàng trai không chạy mà trở lại sau che cho mẹ, giục mẹ chạy về phía mặt đất.

– Mẹ ơi! Mẹ chạy đi. Mẹ như cây Ca cha che bóng mát cho cả nhà, như cây Pa đé cho cả nhà cùng dựa lưng. Mẹ mau về dưới đất với vợ con, ở với ông ngoại, đợi con về. Con ở lại giết hết lũ Nhắc khô lô ề này.

Không còn chù chừ được nữa, bà mẹ hôn lên chân tay con rồi tất tả chạy trốn về mặt đất.

Chàng trai vừa rút dao ra khỏi vỏ, bọn Nhắc tôi tớ cũng vừa đến múa dao, múa giáo trước mắt, gầm như sét nổ:

– Ơ thằng nhãi con! Đầu mày chưa ráo máu, môi mày còn hăng mùi sữa, sao mày cả gan đi cướp vợ tướng Nhắc chúng tao? Mày thật đáng tội chết!

Bọn Nhắc tôi tớ nhảy vào đâm chém chàng trai. Chàng trai quay khiên ra đỡ những mũi tên, mũi mác của chúng đâm tới, vung dao gạt đỡ những nhát dao hung ác của bọn Nhắc đang phát ngang, chặt dọc. Khiên chàng múa vù vù làm trời nổi cơn giông bão, sỏi đá từ dưới mặt đất cũng bị cuốn hút lên, biến thành một trận mưa. Lưỡi dao chàng trai múa rách trời sáng loáng như chớp giật liên hồi.

Chàng đánh với bọn Nhắc tôi tớ tới bảy ngày bảy đêm thì giết chết chúng. Định tra dao vào vỏ trở về với mẹ, bỗng nhiên chàng thấy từ phía đông trời tối như trát bùn, trát bồ hóng. Từ góc trời ấy, tên tướng Nhắc lăm lăm cây dao to như liếp nhà sàn, dài bằng nửa con khe chạy đến, gầm thét ầm hơn nghìn con voi rống:

– Ớ thằng trẻ con chưa ráo nước mũi kia! Mày cả gan đến nhà cướp vợ ta. Vậy mày có biết vợ ngọn của cha mày là em gái ta đó không? Em gái ta dại dột nên để cho mẹ con nhà mày sống, buộc ta phải bắt mẹ mày lên làm vợ thứ ba trăm và tha tội chết cho mày. Nay mày định lên cướp mẹ mày về cho cha mày là một A nha giàu có. Nhưng A nha bây giờ không còn là A nha nữa. Em gái của ta sẽ phá tan hết nhà cửa, của cải của cha mày, rồi sẽ giết chết cha mày. Mày cứu mẹ về làm gì, vì mẹ mày sẽ trở thành góa bụa. Mày lại còn gây thù, giết hết trăm, hết nghìn tôi tớ của ta. Nếu mày nghe lời ta, hãy trả mẹ mày cho ta, còn mày thì vào làm tôi tớ thay cho tôi tớ trăm, tôi tớ nghìn đã bị mày chém giết. Mày nghĩ sao?

Chàng trai múa dao trả lời:

– Quả sung rơi lại mọc cây sung, chứ không mọc thành cây a tiếp; lá a tiếp cặp với cá trầu, cá mát mà ăn chứ không lấy lá chơ pông[1] mà cặp với cá được. Mày là loài Nhắc độc ác, mẹ con ta là giống người hiền lành. Ta quyết giết mày và cả em mày để cứu cha ta.

Hai bên xông vào đánh nhau, dao chạm vào dao thành chớp, thành sét, khiên múa xoay tròn làm cho đất lở, trời rung. Hai bên

---

1. Một loại lá khi dính vào da người thì nhức buốt hàng tuần.

đánh nhau bảy ngày bảy đêm, trời khóc, đất rên không phân thắng bại. Chàng trai chém trúng đầu tướng Nhắc. Bao nhiêu giọt máu của nó chảy ra lại biến thành bấy nhiêu thằng Nhắc tôi tớ xông vào đánh lại chàng. Đánh được mười ngày, mười đêm nữa, chàng trai vẫn không giết được tên tướng Nhắc, mà bọn Nhắc từ những giọt máu lại đông lên không biết bao nhiêu mà kể. Tay chàng sắp rã, đầu chàng nghe nặng. Bỗng nhớ đến phép thần, chàng liền xoa tay lên bụng khấn:

– Dàng ơi! Làm sao chém chết được lũ Nhắc?

Từ trong bụng vọng ra tiếng trả lời:

– Con đi nhúng dao vào núi vôi sẽ giết được chúng!

Chàng trai nhìn dãy núi vôi xa xa, liền quay đầu bỏ chạy. Bọn Nhắc ào ào đuổi theo. Đến đỉnh núi vôi, chàng cắm được con dao xuống núi. Vừa rút dao lên, bọn Nhắc cũng vừa chạy tới. Chàng vung lưỡi dao còn bám vôi chém lia lịa vào bọn Nhắc. Bị chém mất đầu, bọn Nhắc ngã như sung rụng. Tướng Nhắc chịu chung số phận.

Giết xong bọn quỷ, chàng trai luồn mây trở về với mẹ, với vợ dưới mặt đất.

Lại nói, người mẹ khi đặt chân xuống đất, liền thấy trời cao nổi sấm chớp, gió thổi ào ào. Biết chắc con mình đang đánh nhau với bọn Nhắc, lòng bà mẹ lo lắng, một bước đi lại một bước dừng... Bà đã bước đến sàn nhà lúc nào không biết. Lúc vấp phải chân cầu thang, bà mới giật mình, tự hỏi:

– Con ong nhớ tổ, con kiến nhớ đàn, không biết đây là đâu?

Nghe có tiếng người dưới sàn, cô gái trong nhà chạy ra hỏi:

– Bà ơi, bà muốn hỏi nhà ai? Gió lành đưa bà đến đây có việc gì? Dàng xui bà đem đến cho chúng tôi gì đó?

Bà mẹ ngập ngừng, hỏi:

– Đây có phải là nhà chàng trai đi đánh Nhắc khô lô ề có phải nhà gái trẻ đợi chồng đi xa?

Người con gái mừng rỡ kêu lên:

– Bà ơi, bà biết người con trai ấy giờ đang ở đâu? Chàng chính là chồng con đó.

Bà mẹ khóc và nói:

– Con ơi! Mẹ chính là mẹ chồng con đây. Chồng con đang ở lại đánh Nhắc.

– Mẹ ơi, nhà ta đây rồi. Mẹ lên đi!

Bà mẹ lắc đầu, lau nước mắt:

– Con ơi! Ngày trước nhà ta nghèo không đủ lễ làm khơi (lễ cúng sau khi cưới) nên mẹ không được lên nhà. Nếu mẹ bước lên nhà, mà nhà sẽ bắt ông, ma rừng bắt mẹ. Mẹ không dám lên đâu.

Vừa lúc đó, ông già đi rẫy về, cô con gái nhanh nhẩu bảo:

– Ông ơi, mẹ con về rồi đó, nhưng mẹ không dám lên nhà vì chưa có của làm khơi! Còn chồng con đi đánh Nhắc chưa về.

Gặp lại con gái, ông già vừa mừng vừa tủi:

– Con ơi! Nước chảy xuôi nhưng máu người chảy ngược. Cha trắng đầu vì thương con, mỏi lưng vì đợi cháu. Thôi con cứ lên nhà. Cha sẽ cúng Dàng một trâu đực sừng cong, một bò đực vàng lưng để con lên nhà.

Nói rồi, hai cha con đưa nhau lên sàn.

Chuyện cũ, chuyện mới, những nỗi cùng cục nhiều như đá lòng khe, như lá trong rừng, kể từ ngày trăng tròn đến ngày trăng tắt vẫn không hết.

Một buổi chiều, rừng nổi cơn gió xoáy vút cả nước khe lên trời, cả nhà chạy ra sàn thấy chàng trai trở về, người đầy máu Nhắc, mắt sâu quầng tưởng đổ mười ống nước không đầy.

Chàng kể lại mọi chuyện cho cả nhà nghe. Nghe xong, ông ngoại cho giết bảy trâu, bảy bò, mời cả dân bản xa, bản gần đến mừng ngày hội tụ. Lúc rượu đang say, thịt nướng, thịt xiên đang quyện thơm nhà, tiếng khèn khlui còn ngân dài như tiếng rừng cười, rừng khóc, chàng trai thưa:

– Ông ngoại ơi! Mẹ ơi! Bà con dân bản ơi! Tôi còn một mối nợ chưa trả xong. Em gái Nhắc khô lô ề đang tàn phá nhà cha mẹ tôi. Tôi phải đi giết nó để cứu cha tôi, trả cha tôi cho mẹ, tôi mới yên lòng được.

Chiêng, trống nổi lên chạy dài khắp nương bản. Tiếng chiêng, trống vấn quanh nhau như sợi dây cùng chung một gốc, kéo dài suốt vào rừng xanh khe dài.

Cả dân làng đều muốn đi theo chàng giết Nhắc. Nhưng chàng bảo:

– Nó là một con Nhắc cái thế của nó như gốc cây mục nằm giữa đồi tranh. Còn cả bản ta như một cánh rừng rậm dưới chân núi đá. Dân bản không phải bỏ việc nương, việc rẫy để đi làm cái việc nhỏ mọn dưới sức mình làm gì. Một mình tôi cũng giết được nó.

Nghe phải, dân làng vui vẻ chúc chàng trai giết Nhắc cứu được cha mẹ.

Chàng trai cưỡi một con ngựa trắng đi bảy ngày, bảy đêm đến một nương rẫy đã bị nai quần nát hết lúa khoai. Phía trên đồi xa, có một làng rất nhiều nhà, nhưng gần một nửa đã tiêu điều rách nát.

Thấy một con nai vàng đang hụp lặn, tắm nước giữa lòng suối, chàng trai liền xoa bụng, hỏi:

– Có phải con Nhắc dưới khe không, Dàng ơi?

– Nó đấy!

Tức thì, chàng phi ngựa vụt đến. Biết mình bị đuổi, con nai vàng liền biến thành cô gái xinh đẹp. Chàng trai vung gươm, thét:

– Mày là gái Nhắc khô lồ ề!

Cô gái biết người định giết mình là ai rồi. Nó lại biến thành con nai vàng cắm đầu chạy miết vào rừng. Chàng trai phi ngựa đuổi theo, phóng một mũi lao xuyên suốt từ ngực đến cổ nó. Con nai vàng loạng choạng ngã dúi vào bụi rậm.

Chàng trai quay ngựa chạy về bản A nha. Đến đầu bản, gặp mấy người nhà rách rưới đang đuổi lợn, chàng hỏi:

– Ơi các anh, các chị! Ta muốn xin vào ngủ nhờ nhà này được không?

Người kia hỏi:

– Chàng đi đâu lạc vào hang gấu, sa vào vực sâu của con tru (cá sấu) thế này?

Chàng trai nói:

– Ta đi đổi muối lấy gai, đổi sắn lấy mật. Nhà này có nhiều gai, nhiều mật không?

– Ngày xưa A nha giàu, có đủ mọi thứ, nhưng nay bị con nai vàng đến phá buôn nên nghèo lắm. – Người chăn lợn nói.

Chàng trai bảo:

– Các anh, các chị vào báo A nha là có khách đường xa muốn ngủ nhờ dưới sàn với đầy tớ chăn voi, giữ ngựa một đêm.

Người đó chạy vào một lúc rồi chạy ra bảo:

– A nha bảo mở cửa đón khách vào.

Chàng trai cột chặt ngựa ở dưới cây xoài, bước lên nhà:

– Chào A nha! Nhà A nha có chỗ nào rộng cho tôi ngủ lại một đêm, sáng mai sẽ xin đi sớm.

A nha tỏ vẻ buồn rầu bảo:

– Khách nào mà tôi không quý! Khách đến chơi như trái chín rơi vào giỏ! Rồi A nha bảo đầy tớ làm lợn, giết gà thết đãi chàng trai. Giữa bữa cơm, chàng trai hỏi:

– A nha chỉ ở có một mình như gốc cây giữa đồi tranh thôi sao? Sao A nha không kiếm một người đàn bà về nấu cơm cho khách, vấn thuốc cho bạn?

A nha nói:

– Vợ tôi đang đi tắm! Bảy, tám mùa trăng nay, vợ tôi bảo nóng ruột nóng gan nên đi tắm luôn.

Chàng trai lại hỏi:

– Nghe nói nương rẫy của A nha hay bị nai vàng phá hại luôn, sao không bắn chết nó đi?

A nha bảo:

– Ô! Vợ tôi giỏi lắm. Nó có tài đuổi nai vàng. Lúc nào vợ tôi ở nhà hoặc ra rẫy thì nai vàng không dám đến. Chỉ khi nào vợ tôi vào rừng kiếm nấm, xuống khe bắt cá, nai vàng mới đến phá.

Chàng trai lại hỏi:

– Nghe bản gần, bản xa nói, A nha trước đã có vợ gốc và con cả rồi. Nay họ ở đâu, A nha có biết không?

Từ khi đuổi vợ gốc và con cả đi, lòng A nha cũng có lúc nhớ thương; nhưng hễ trông thấy cô vợ ngọn xinh đẹp thì lòng nhớ thương lại tiêu tan như giọt sương gặp tia nắng gắt. Nay nghe chàng trai nhắc lại, A nha thở dài nói:

– Dàng phù hộ cho mẹ con nó!

Không còn nhịn được nữa, chàng trai thổ lộ:

– Cha ơi! Cha không nhận ra con trai đang ngồi trước mặt cha sao? Cha phụ nghĩa quên tình như nước suối đưa lá vàng về xuôi; còn mẹ con chúng con vẫn thương yêu cha như nắng sớm luôn nhìn đỉnh núi, như chim che réo nhớ tổ, nhớ bầy.

Rồi chàng kể mọi chuyện xảy ra cho A nha nghe. Càng nghe A nha càng sửng sốt và khiếp sợ. Khi người con trai bảo chàng vừa giết chết con nai vàng dưới suối, mặt A nha tái đi. Chưa thật tin, A nha liền chạy vào buồng vợ ngọn, thấy mụ nằm sóng xoài trên sạp, một mũi lao đâm xuyên từ ngực đến cổ. Lúc này mới vỡ lẽ, A nha liền ôm chầm lấy con trai. Một lúc sau, A nha ra đứng trước sân nhà sàn gọi lớn:

– Ơi! Tôi tớ của ta, các người đóng bành vào voi, đóng yên vào ngựa để ta đi đón vợ con ta về. Con trai ta đã ở trong nhà này, các người có biết không? Hãy giết trâu, giết lợn, mời dân bản xa, bản gần đến cùng ta ăn uống, để ta kể câu chuyện nhà ta cho họ nghe.

Tiếng chiêng nổi lên ngân vang đồi núi. Đồi núi trả lại tiếng binh boong ngân dài như tiếng cười của con suối dưới chân núi Ta Ling cao ngất trước nhà.

MƯU ÔNG CỤ SI RUỘC

Ông cụ Si Ruộc có một chỗ đơm cá ở ngọn thác, đầu vực khe. Cả nhà ông chỉ nhờ vào số cá thu được ở đó để sinh sống qua ngày.

Dạo ấy, ông cụ bị mất cá luôn. Mỗi sáng đi lấy cá ông phải chữa lại đập chắn nước và đặt lại hom lờ.

Giận quá, một hôm ông cùng đứa cháu nội lẻn ra bờ khe rình bắt cho được kẻ gian.

Con bìm bịp kêu trở canh hai ba lần, hai ông cháu đã đến ngồi thu mình sau tảng đá lớn cạnh chỗ đặt cá.

Đợi mãi, cái lưng đã mỏi, muốn nằm, thì cả hai ông cháu nghe có tiếng bước chân lội ào ào dưới khe. Nhìn kỹ về phía có tiếng động, hai ông cháu rùng mình khi thấy một con Chóc Cà Tực to hơn con trâu đực, tay vượn, đầu người đang dừng bước và lẻn đến ngồi tùm hum trên chỗ đơm cá.

Hai ông cháu sợ quá, nép sát mình vào tảng đá. Con Chóc Cà Tực có bốn mắt. Khi nó cúi xuống bắt cá thì hai con mắt phía sau gáy nhìn thấy hai ông cháu. Vẫn ngồi hau háu, nó nói:

– À! Hai ông cháu mày ngồi làm gì đấy? Ăn hết cá tao phải ăn nốt cả hai ông cháu mày mới đầy được bụng tao.

Con Chóc Cà Tực khoắng cánh tay lông lá, dài nghêu vào hom lờ và vớt ra từng nắm cá to cho vào miệng. Vướng tay, nó xé toạc cả cái lờ để dễ nhặt cá.

Vừa sợ, ông cụ vừa xót ruột. Ngẫm nghĩ một lúc ông bèn lấy một hòn đá to gõ vào phiến đá trước mặt.

Con Chóc Cà Tực ngẩng đầu lên, nhe những chiếc răng to như những lưỡi rìu, gầm ghè:

– Chúng mày làm gì đấy?

Ông già cố nén sợ, dõng dạc trả lời:

– Tôi đang ném cán dao.

Ông già lại lấy hòn đá ghè mạnh vào phiến đá trước mặt một lần nữa. Con Chóc Cà Tực đang cúi xuống quơ tay khoắng cá, giật mình tỏ vẻ khó chịu, hỏi:

– Chúng mày làm gì, hở?

Ông già bình tĩnh nhô đầu lên sau phiến đá, trả lời:

– Tôi đang đóng lại cán rựa đây.

Nó lại cúi xuống. Ông già lại gõ thêm một nhát thật mạnh nữa. Bực quá, nó xoay hẳn người lại chồm hai cánh tay vượn lên đập nước, định lao về phía hai ông cháu. Nó hỏi gặng:

– Cái rựa của mày to bằng mấy mà đóng cán mãi thế?

Ông già lại nhô đầu lên, trả lời tỉnh khô:

– Cây rựa của tôi có chiếc cán to bằng cánh tay hổ, cái lưỡi to bằng cổ con nai.

Chóc Cà Tực nghe nói cây rựa to quá vậy, ngơ ngác hỏi:

– Mày làm gì sắm cây rựa to quá thế?

Ông già trả lời:

– Cây rựa to vẫn chưa hạ nổi cây gai đấy.

Nó hỏi vặn:

– Cây gai to bằng mấy?

Ông già trợn mắt nói:

– Cây gai này to, những ba người ôm gốc, tay vẫn chưa nối bàn tay.

Chóc chưa từng thấy cây gai nào to như thế, nên rất ngạc nhiên hỏi:

– Mày chặt cây gai để làm gì?

Ông già trả lời gọn lỏn:

– Để bóc vỏ cây gai ấy làm dây ná.

Nghe vậy, Chóc đoán ông già có cây ná to lắm. Cái ná chắc hẳn là cả một thân cây lim to nhất rừng. Nó giương tròn cả bốn mắt hỏi:

– Cây ná của mày to thế để làm gì?

Ông già leo lên phiến đá, vừa nhồi thuốc vào nồi điếu, vừa trả lời:

– Cây ná to để bắn ngã con lợn rừng.

Nó càng thắc mắc:

– Bắn con lợn thì cần gì cây ná to như thế?

Ông già quẹt lửa châm thuốc, đủng đỉnh nói:

– Ồ, con lợn này to lắm. Đứng trên đầu lợn sẽ thấy một vùng sông không bờ dưới xuôi. Đứng phía chót đuôi lợn sẽ nhìn rõ hết những đỉnh núi cao của Giàng. Từ đầu lợn đến đuôi lợn ai khỏe chân lắm cũng đi mất một ngày.

Chóc Cà Tực hồ nghi, hỏi:

– Mày bắn con lợn đó thì nồi đâu luộc nó?

Gõ điếu thuốc vào sống chân, ông già trả lời:

– Nồi tao đã đổ đầy nước và bắc sẵn rồi. Cái nồi to lắm, luộc một lúc hai con lợn như thế còn rộng chỗ.

– Chiếc nồi ấy mày để ở đâu?

Ông già thong thả trả lời:

– Tao để ngay đây thôi. Hiện giờ tao nuôi ở thành nồi bên trái hơn nghìn con ếch, con nhái. Thành nồi bên phải tao xếp mười bụi lau làm rau ghém.

Con Chóc nghe vậy thì sửng sốt. Nó nhìn quanh thấy đúng bờ khe bên trái có hơn mười bụi lau lách, bờ bên phải có tiếng ếch nhái đang kêu ì ọp rinh ran. Nó lại hỏi:

– Mày lấy gì múc canh trong nồi đó?

Ông già cười, ngẩng mặt lên, chỉ tay lên khoảng trời lộ ra giữa hai bờ khe trên đầu, nói:

– Cái thìa tao gác trên tán cây kia. Đợi khi nào nấu xong tao sẽ lấy xuống múc cháo, múc canh đấy.

Nó thu mình lại hỏi thêm:

– Giờ mày đang nấu gì đấy?

Ông già bảo đứa cháu mang lên một ôm lá khô rồi vừa nhóm lửa, ông vừa chậm rãi trả lời:

– Các con vật tao bẫy suốt đêm giờ đang nằm gọn dưới đáy nồi cả. Tao nhen lửa để nấu chúng. Khi nào chín tao lấy thìa múc dần ra để hai ông cháu ăn.

Chóc Cà Tực sinh nghi, lo mình sa bẫy ông già bèn hỏi gặng:

– Mày múc lũ ếch nhái ăn à?

Ông già khoát tay, xỉ mũi:

– Đâu thèm ăn loại ấy. Khi nước sôi, tao sẽ khoắng thìa múc ra cái đầu voi. Lúc nước cạn, bốc khói, tao múc tiếp cái đầu tê giác. Sau cùng thì tao múc nốt cái đầu mày đấy Chóc Cà Tực à!

Chóc Cà Tực nhìn quanh một lần nữa, thấy vực khe phía dưới chân rộng thênh thang. Chỗ nó đang ngồi đúng một bên là thành nồi, cạnh các bụi lau. Trước mặt nó ếch nhái đang kêu. Nhìn xuống đáy vực, nó thấy bóng mình in nhòa nhòa dưới đó. Nó rùng mình, thất kinh: đúng là nó sa bẫy, nằm trong nồi ông già rồi. Nỗi hốt hoảng làm nó co rúm người lại. Không nói gì nữa, nó quay ngoắt lưng về phía ông già, đu mình tung vội lên sườn lèn đá bên cạnh, mong nhảy ra khỏi nồi. Vì hốt hoảng, Chóc Cà Tực trượt chân, đập đầu vào lèn đá rơi xuống vực chết tươi.

Thấy thế, hai ông cháu vui mừng reo vang núi và chạy về báo cho dân làng biết tin vui.

DÂN TỘC XRÊ

CẬU BÉ CỨU DÂN

Ngày ấy đã lâu lắm rồi, ông bà người Xrê hãy còn ở tận ven biển. Một hôm, có con cá voi to lớn lạ thường dạt vào bờ. Lưng cá rộng như một cánh đồng cỏ mênh mông, trên đó mọc lên một cây xoài lớn tươi tốt. Cả một đàn lợn rừng đông đảo ầm ầm kéo đến, tranh nhau ăn những quả rụng chín nẫu dưới gốc xoài.

Có một cậu bé từ đâu không biết cũng đến vừa đúng lúc ấy. Thấy những cây xoài trĩu những quả chín vàng mọng, thơm phức, thích chí quá cậu leo lên hái ăn. Cậu không hề hay biết rằng mình đang leo lên lưng cá voi. Bỗng cá voi vùng dậy, quật đuôi đánh ầm một cái, làm tung cả một cột nước cao, lao nhanh ra bể khơi. Cá voi mang theo cả cậu bé và đàn lợn rừng.

Cậu bé không hề sợ hãi, vẫn ngồi yên trên cây xoài. Cậu tiếp tục hái quả ăn và vứt xuống cho đàn lợn ăn nữa. Cá voi đã nuôi cậu bé và đàn lợn rừng bằng cây xoài mọc trên lưng mình. Coi bộ còn phải ở trên lưng cá lâu dài, cậu bé bèn lo liệu thu xếp cách ăn ở. Cậu lấy tấm chăn căng qua, móc lên cành xoài làm võng nằm. Cậu lênh đênh trên mặt biển ngày này qua ngày khác, chỉ sống độc bằng quả xoài của cá voi.

Một hôm, cậu ta để ý thấy có cả dây song mọc trên lưng cá voi nữa. Cậu nhổ song làm một cây gậy cầm tay. Sau một thời gian, để ý thấy cậu bé người nhỏ mà gan lì, thông minh, cá voi bèn truyền phép lạ cho cậu. Cá truyền hết cả trí tuệ, bùa phép của mình cho cậu bé. Cá nghĩ rằng rồi đây cậu sẽ cứu được con người thoát khỏi nỗi khốn khổ trên cõi đời. Trong giấc ngủ, cậu bé thấy cá voi hiện lên báo mộng:

– Nay con đã thành người thần rồi. Con có thể đi dưới nước được, nước sẽ đứng lại dưới chân con. Con sẽ đi khắp mọi nơi để

trừ khử cho hết loài tàn bạo. Rồi đây chỉ có con là người hùng mạnh nhất...

Nghe xong, cậu bé vui mừng choàng tỉnh dậy, tụt xuống khỏi cây xoài, rời lưng cá voi để đi xuống biển. Chân cậu bước đi dưới nước nhẹ nhàng, thoăn thoắt chẳng khác gì đi trên không vậy. Cả bầy lợn rừng rầm rầm kéo theo sau cậu bé, y như đàn chó đi theo chủ (cũng từ đấy lợn rừng biết về chuồng, khi nghe tiếng gọi của chủ).

Lúc bấy giờ, trên mặt đất có bọn chúa Rắn, chúa Quạ, chúa Diều hâu và chúa Hổ thống trị con người. Bọn chúng là những tên bạo chúa cực kỳ tàn ác. Chúng bắt dân phải nộp mạng làm vật hy sinh, bằng không thì làng mạc sẽ bị chúng tàn phá. Đến ngày đã định, tất cả dân làng phải tụ tập lại làm lễ nộp mạng cho bọn chúa khát máu người. Nhà nào cũng đành phải đau đớn mang nộp đứa con đầu lòng yêu thương của mình, bất kể tuổi tác lớn nhỏ. Mặc dầu hết sức đau khổ và lo sợ trước cái chết gần kề, người đi nộp phải ăn mặc thật đẹp để làm vừa lòng bọn bạo chúa. Các chàng trai trẻ ăn mặc xinh đẹp, sặc sỡ để lên đường đi nộp mạng.

*

Đúng giữa lúc dân làng tụ tập làm lễ cống thì cậu bé đi tới. Cậu đi ngay lại chỗ người ta đang chất củi quạt than để sắp thui các chàng trai. Thấy thế, cậu bé vội vàng lớn tiếng nói với dân nô lệ:

– Hỡi các người! Sao các người lại mang những chàng trai xinh đẹp ra mà giết như thế này? Ta không thể nào cam lòng chịu đựng được tai họa đau đớn này nữa rồi! Phải chấm dứt trò bạo ngược này đi thôi!

Tiếp theo đó, cậu bé vừa trỏ vào đàn lợn rừng vừa nói:

– Đây, từ nay các người hãy bắt lấy đàn lợn rừng này, làm chuồng nuôi để mai kia mang ra cúng.

Dân làng nghe nói hết sức lo lắng, kinh ngạc. Đứng ở giữa là đám chàng trai bị mang ra tế cống. Chen chúc xung quanh là dân nô lệ. Còn bọn bạo chúa thì ngồi dự lễ bao quanh ở vòng ngoài. Hướng về bọn chúa ác, cậu bé dõng dạc nói lớn:

– Các ông hãy bắt lấy tôi mà ăn thịt, để thay cho các chàng trai xinh đẹp này!

Bọn chúng lắc đầu, nhao nhao lên:

– Không! Chúng tao không thèm ăn thịt mày. Mày gầy lắm, còn bọn kia thì béo nên chúng tao thích hơn.

Dân làng hồi hộp... Họ lo sợ tai họa sẽ xảy đến nơi.

Cậu bé thét lớn:

– Lũ bay đừng có hòng gây tai vạ nữa!

Cậu bé mình trần trùng trục, mồm hét lớn, tay cầm mảnh chăn liệng mạnh về phía chúa Quạ. Lập tức cánh mọc ngay trên mình hắn và hắn vội vã vụt bay đi. Chúa Diều hâu thấy vậy cũng cút xéo theo chúa Quạ.

Liền theo đó, cậu bé lấy sức phù mạnh khói thuốc ngay vào mặt chúa Hổ, trong phút chốc, khắp mình hắn mọc đầy những lông lá có vằn có vện kỳ quái. Hổ vừa tức vừa xấu hổ vụt nhảy biến vào rừng sâu. Sau cùng cậu bé giẫm chân đạp mạnh lên mình chúa Rắn, tay chân hắn lập tức rơi rụng cả. Hắn phải nép mình dưới cỏ rậm, bò lủi trốn đi mất.

Thế là từ nay dân làng được giải thoát khỏi bàn tay bọn bạo chúa ăn thịt người. Họ hò reo vang lừng chào mừng cậu bé ân nhân và đồng thanh suy tôn cậu làm chúa cai quản trong vùng. Nhưng cậu một mực chối từ. Cậu bé chỉ muốn cùng chung sống, làm ăn với dân làng thôi.

Từ đấy, nếu có tên bạo chúa nào dám đến gây chuyện này chuyện nọ với dân làng, thì chỉ mình cậu bé đứng ra thu xếp cũng yên ổn mọi bề. Và cũng từ đấy, dân làng Xrê, ai nấy cũng được nhẹ nhõm sống trong cảnh thanh bình yên vui, khỏi phải hồi hộp lo sợ nạn nộp người cúng chúa và bao nhiêu tai họa khổ đau khác nữa.

Võ Quang Sơn
sưu tầm và biên soạn theo lời kể của anh
Huỳnh Bốn ở Lâm Đồng

DÂN TỘC XƠ ĐĂNG

CON ẾCH TINH RANH

Năm ấy mưa nắng thuận hòa, ông trời và các ma bản cho làng một mùa bội thu, lúa bắp đầy ắp các kho. Các nhà ăn cơm mới

tươm tất hơn mọi năm, rượu nhiều đốc, heo to hơn và nhiều ống nếp nướng cho họ hàng làng xóm. Có nhà nhiều lúc phải làm kho mới, họ ăn trâu huê tạ ơn thần linh khắp núi rừng, sông, suối... cầu mong mùa sau bông lúa lại trĩu hạt, trái bắp vàng ối, chim thú không ra rẫy.

Nhà Liêu và Lâu cũng sung túc, no đủ. Làng bên ăn trâu huê, cha mẹ Liêu, Lâu được mời sang dự. Hội đâm trâu vui không kể xiết, đã bao nhiêu lần ông trăng mọc rồi lặn mà cuộc vui chưa hết. Người mẹ nhớ hai đứa con trai ở nhà, cái bụng nóng ran, bồn chồn như có lửa. Bà than văn:

– Ồ! Không biết hai đứa Liêu, Lâu ở nhà ra sao rồi! Có bị lũ làng khác đâm trên rừng, có bị con thú dữ bắt trên rẫy không?

Mỗi lần im tiếng trống, tiếng chiêng, người mẹ lại phàn nàn như thế. Tình cờ ngọn gió đưa lời than văn đến tai con cọp. Cọp biết Liêu, Lâu ở nhà một mình bèn phóng đến làng bắt ăn. Nhưng được nửa đường, nó lại quên tên người, tên làng, phải quay trở lại rình nghe. Ba lần bảy lượt như thế cọp mới nhớ và tìm đến làng Liêu, Lâu. Nó hiện ra ở cửa há miệng, nhe nanh tỏa một mùi hôi thối không chịu được. Liêu – người anh thì bình tĩnh; còn Lâu, nhỏ tuổi, thấy cọp lần đầu run lên như sốt rét. Cọp đắc thắng dõng dạc nói với Lâu:

– Hừm, sao mày run lên như thế? Sợ ta hả? Ha, ha, ta sẽ ăn thịt hết lũ bay!

Liêu nhanh trí đáp ngay:

– Bụng nó vui, cái tay cái chân nó mừng khi gặp cọp đó. Lâu muốn hôn lên cái đuôi đẹp của cọp nhưng không biết làm sao.

– Ồ tưởng gì khó, ta sẵn sàng cho nó hôn trước khi ăn thịt. Nhanh lên, bụng ta đói lắm rồi!

Biết cọp đã mắc mưu, Liêu nói tiếp:

– Hãy khoan đã nào, rồi Cọp sẽ được ăn ngay, nhưng cái đuôi cọp lúc nào cũng ve vẩy làm sao hôn được. Cọp xuống gầm nhà để ta buộc vào gốc cột. Lâu mới hôn được.

– Mau lên, bụng ta muốn ăn lắm rồi!

Liêu lấy dây mây to buộc thật chặt con cọp vào cột nhà.

– Ta đau lắm, buộc nhè nhẹ thôi. Hãy hôn đi chứ!

Người anh cầm cái dùi đỏ như than hồng trong bếp ra huơ trước mặt Cọp, nói:

– Đây nè, cái này sẽ hôn vào đít mày!

Biết đã mắc mưu, cọp gầm lên giận dữ, rung cả nhà:

– Biết thế này ta đã xé xác chúng bay từ đầu. Ôi! Ôi! Nóng quá...

Xèo, xèo... hai anh em lấy dùi nung đỏ, đâm vào đít cọp xuyên lên đến tim. Cọp chết, Liêu, Lâu lột da may hai bộ áo quần.

Rừng gần đó có hồ nước lớn, màu sắc thay đổi luôn từ sáng đến chiều. Lũ thú rừng thường đến tắm và xem cảnh đẹp, đông như hội. Liêu, Lâu mang bẫy, mang thò vào đặt chung quanh. Mỗi người khoác bộ áo da cọp, đầu đội trái bầu khô có khoét hai lỗ cho mắt nhìn. Thấy hai con vật lạ, họ hàng các loài thú, gấu, voi, chim, chuột... bảo nhau kéo đến xem. Chúng trầm trồ, đẹp quá, lạ quá nhưng chịu không đoán ra là con vật gì. Cuối cùng chúng bảo với nhau:

– Hãy đi mời ông Kít kóp[1] đến. Chỉ có Bó gọi đhát[2] mới biết được thôi!

Ông ngọn nước tinh thông, lắm mưu hay. Khi nắng chiều, lúa bắp cháy héo, lá cây ủ rũ vàng vọt, ông bảo trời mưa, trời phải mưa. Cho nên các loài thú rất kiêng nể. Ếch đến, nhưng thấp lè tè, đầu ngọn cỏ không thấy rõ. Ông voi phải quỳ xuống cho nó nhảy lên lưng xem. Ếch la lớn cho lũ thú rừng biết:

– Ồ, tưởng con gì lạ, hai đứa Liêu, Lâu bắt con cọp hôm trước đấy!

Hai anh em nghe nói đến tên mình, biết đã lộ, liền vùng dậy la lớn. Lũ làng con voi, con gấu, con chim, con chuột, con nai... hoảng hốt gọi nhau chạy tán loạn như ong vỡ tổ, làm vang động vùng hồ. Nhiều con bị kẹp, bị thò. Con voi chui đường tắt chạy, con ếch bị gai mây móc vào lưng treo lủng lẳng giữa rừng, gần một dòng suối. Đã mấy lần, ông mặt trời thức dậy nhìn thấy mà chẳng cứu nó. Một hôm, hổ tình cờ ra suối uống nước, thấy ếch dưới nước nhưng

---

1. *Kít kóp*: con ếch.
2. *Bó gọi đhát*: ông ngọn nước.

bắt mãi vẫn không được. Cơ hội thoát thân đã đến, ếch nghĩ ra một kế nói:

– Hổ ơi! Ta đang ở trên cây, dưới nước là bóng ta đấy. Hổ hãy bắt ta xuống mà ăn.

Hổ nhìn lên, gỡ ếch xuống, nó định bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến lót dạ. Ếch liền nói:

– Nhanh muộn gì ta cũng nằm trong bụng hổ. Ăn sống tanh miệng. Nướng ta lên, ăn thơm ngon lắm.

– Ta biết tìm lửa ở đâu bây giờ?

– Lửa treo trên đầu ngọn cây, hổ hãy đến mà lấy.

Ếch chỉ ông mặt trời như lửa đỏ chói chang trên trời. Hổ tìm cái hang sâu bỏ ếch xuống, lấy đá to đậy miệng lại trước khi đi. Hổ đi rồi, ếch ra sức đào một hang nhỏ chui sâu dưới đất trốn. Hổ đi, lửa cũng đi, đi mãi mà chẳng đến cái bếp trên đầu. Nó sinh nghi, chạy về hất tảng đá lên, nhưng tìm mãi không thấy ếch đâu. Hổ tức cái bụng lắm. Vừa lúc ấy, một đoàn rái cá mua muối ở đồng bằng cõng về, thấy hổ đang loay hoay trên miệng hang, chúng hỏi:

– Hổ tìm gì như mất của thế?

– Tìm con Kít kóp!

Nó kể lại đầu đuôi cho rái cá nghe. Một con rái cá bằng lòng xuống tìm cho hổ. Rái cá gặp ếch dưới hang sâu.

– Rái cá đi đâu đó?

– Ta tìm mày cho hổ.

Mặt ếch vẫn bình tĩnh, nhưng bụng nó hoảng lên, phen này chắc không thoát được nanh vuốt hổ. Vốn tính khôn ngoan, đầu nó vừa lóe lên một tia sáng dẫn ra ngõ tối, ếch thân thiện bắt chuyện:

– Rái ơi, anh đi đâu về thế?

– Mua muối.

Ếch chép miệng:

– Rái cá có đem theo không, cho mình vài hột, mình khát muối lắm rồi.

– Ta để trên miệng hang cả, làm sao cho mày được.

– Rái cá lè lưỡi cho mình cạo một tí liếm cũng được. Mình biết muối nào ngon, muối nào không ngon. Anh tìm giúp tôi miếng nứa già nhé!

Rái cá tin lè lưỡi ra.

– Lè lưỡi dài ra nữa.

Ếch lấy miếng nứa bén ngọt cắt đứt đôi lưỡi rái cá. Rái cá đau đớn phóng ra ngoài. Lũ rái vây quanh hỏi:

– Có ếch không? Mày sao thế, mày làm sao thế?

Nhưng rái đau đớn, quằn quại trên đất không nói được. Lũ rái cá sợ hãi bỏ chạy hết. Hổ chưa biết chuyện gì, khiếp quá cũng trèo lên ngọn cây cao ngồi. Nghe bên ngoài vắng vẻ, ếch chui ra. Thấy hổ trên ngọn, nó lấy rựa chặt cây. Hổ sợ quá van xin:

– Ếch ơi, ta không ăn ếch nữa, đừng chặt cây!

Nhưng thân cây vẫn rung lên dưới mỗi phát rựa chắc nịch. Trong lúc cuống cuồng, hổ nhìn lên trời thấy mây vần vũ bay qua ngọn cây, tưởng cây sắp đổ. Hổ nhảy xuống trúng mỏm đá nhọn chết ngay. Ếch lột da hổ làm bộ áo như anh em Liêu, Lâu và được một bữa thịt rái, thịt cọp thỏa thích.

Ngày kia, ếch đang lang thang trong rừng thì gặp một bầy khỉ chí chóe trên cành. Thấy ếch, chúng trầm trồ, thắc mắc:

– Ồ, ếch có áo đẹp quá! Ếch bé tí làm sao lấy được da hổ làm áo thế?

Ếch vốn tinh ranh đáp ngay:

– Dễ lắm, dễ lắm. Lũ mày có muốn mặc áo da hổ không, ta sẽ bày cho.

– Muốn lắm, thích lắm, ếch hãy nói đi!

Thịt rái, thịt cọp trong nồi đã hết, trên giàn bếp cũng hết, nghĩ đến thịt khỉ xèo xèo trên lửa thơm lựng, ếch cồn cào trong bụng:

– Này nhé, hổ không biết ăn hạt nếp trong vỏ. Lũ mày về lấy nếp giã nướng thật nhiều ống đem đến chỗ này. Ta mời hổ đến ăn. Hổ sẽ bẻ ống nếp, họ hàng nhà khỉ ùa đến lấy ống nứa đánh cho chết, lột da may áo đẹp.

– Ồ, ếch quả là thông minh, bụng biết nghĩ cái hay.

Lũ khỉ về làng. Ếch đến nhà một bác hổ to khỏe:

– Hổ ơi, cái bụng có muốn ăn thịt khỉ, muốn ăn nếp nướng không?

– Ba ngày rồi ta đói lắm, nhưng có đâu mà ăn?

– Vậy có muốn ăn, hãy theo tôi!

Dẫn hổ đến nơi hẹn, ếch nói:

– Hổ ngồi đây chờ, tôi đi gọi lũ khỉ mang đến.

Họ hàng nhà khỉ đem nhiều ống nếp nướng thơm đến. Khi hổ bóc ăn, chúng xúm lại, lấy ống nứa đập lên đầu, lên mình hổ. Như lấy dao chẻ cau để chặt cây gỗ to, như giết trâu bò bằng cây củi nhỏ, cọp làm sao chết được. Nó giận dữ giết gần hết họ hàng nhà khỉ. Số khỉ còn lại gọi nhau chí chóe phóng lên cây chuyền biến vào rừng.

Lần ấy, ếch và cọp chia nhau thịt khỉ, nếp nướng ăn mười ngày không hết.

Đến con khỉ cuối cùng, ếch lấy bộ lông ra suối làm. Hôm ấy, một đoàn khỉ mua muối ở đồng bằng cõng về đi ngang qua, những con khỉ nhỏ đi đầu hỏi:

– Ông ngọn nước làm thịt con gì thế ạ?

Ếch vừa cúi xuống làm vừa nói:

– Botklat dếch, botklat dếch[1]!

Lũ khỉ con không biết nó nói gì, hỏi lại:

– Botklat dếch là con gì?

Nó vẫn im lặng. Đến lúc con khỉ già nhất đi sau cùng hỏi, ếch bực bội nói:

– Broklat dót.

– Bắt con ếch! Bắt con ếch! Nó ăn thịt khỉ, nó thịt bà con ta!

Khỉ già thét bọn con bắt ếch đánh cho một trận sưng cả mình mẩy rồi cột vào một gốc cây cho nó chết mòn, chết dần, làm mồi cho chim, cho thú. Ếch nói:

– Buộc dây lớn tôi giựt ra được. Chỉ có buộc dây xí xóc là tôi chịu thôi.

---

1. Là cách nói lái tiếng broklát dót tức là: ruột con khỉ.

Lũ khỉ dại khờ không tìm dây mây to mà lấy dây xí xóc nhỏ tí, dễ mục trói ếch lại, bụng tin chắc rằng ếch sẽ chết rục dưới gốc cây. Xí xóc nhỏ, dễ mục nhưng muốn thoát cũng phải chờ khá lâu.

Ông mặt trời bao lần thức dậy đốt cháy da ếch, bao lần ông đi ngủ làm nó lạnh thấu xương. Cái bụng ếch mọi ngày to như bụng heo chửa, bây giờ lép dần, trơ cả xương. Cái đói như bào, như đục trong ruột nó. Ếch nghĩ đến những nồi thịt, những xâu thịt rái cá, thịt khỉ, thịt hổ... mà chảy nước dãi. Nó há hốc miệng giả chết để con ruồi, con bọ chui vào là nuốt chửng ngay. Nhưng con ruồi, con bọ cũng biết nó chưa chết nên chúng không dại gì bay vào mồm ếch. Đói quá, ếch gặm vỏ cây để ăn. Vỏ cây cay cay, ngọt ngọt đã nuôi sống nó đến ngày dây xí xóc rã ra. Vỏ cây đó chính là cây quế.

Nhiều ngày bị trói, cái chân tù túng, giờ được tự do, ếch xuống đồng bằng chơi. Nó vào làng rắn, xông lên một mùi đặc biệt. Người hỏi nó:

– Ếch gùi theo thứ gì mà thơm lâu thế? Đưa mình xem, mình đổi muối cho.

– À, thứ này không có trong gùi. Tôi để nó trong bụng rồi. Tôi xì hơi trong bụng bay ra mùi thơm ấy đấy.

– Ếch xì thử xem nào.

Nó liền đi ngoài ra một miếng vỏ cây. Đấy là vỏ quế. Người đồng bằng thấy lạ, ăn vào chữa được nhiều bệnh khỏi hẳn, liền lấy đổi cho ếch.

– Ba đốc rượu, ba chiêng ché!

– Không.

– Con heo mười gang, nhiều rượu, nhiều nếp...

– Không, những thứ đó ta không gùi về làng được.

– Vậy mày muốn đổi cái gì?

– Cái trống.

Ếch mang cái trống lủng lẳng trước bụng, vừa đi về rừng, vừa đánh trống tùng tùng.

Ngày kia, nó đến một làng khỉ đang ăn trâu huê. Tiếng thanh la vang lên, lũ khỉ nhảy múa khắp sân. Ếch đứng ngoài làng đánh

trống. Tiếng trống hòa với tiếng thanh la và nhịp múa làm cho ngày hội thêm tưng bừng, mới lạ. Lũ khỉ mở to mắt nhìn vật lạ và hỏi:

– Cái gì thế?

– Trống.

Ếch vừa nói, tay vừa đánh tùng tùng.

– Cái này ở buôn làng ta không có, ếch tìm ở đâu vậy.

– Mình đổi ở đồng bằng đấy.

– Ồ, thế ếch đổi bằng gì?

– Bằng cứt.

– !?...

Lũ khỉ chưa tin cái miệng ếch. Chúng mời vào làng ăn thịt, uống rượu, vui chơi. Vừa uống rượu, con khỉ già nhất dò hỏi:

– Trống với chiêng như cơm với canh, như trầu với cau, làm cái tai nghe không biết buồn, cái chân nhảy không biết mệt. Làng muốn có cái trống. Ếch ăn gì mà cứt quý như ché, như chiêng?

Ếch kể lại chuyện ở đồng bằng và bảo:

– Ta chỉ ăn cua ốc, ăn con cá và rau thôi.

Họ hàng nhà khỉ làm như lời nó. Chúng ăn một bụng no rồi đi về hướng ông mặt trời mọc. Nhưng phân của chúng hôi thối bị dân đồng bằng xua đuổi, lấy dao ném theo trúng đít chảy máu đỏ như nước trầu (cho nên ngày nay đít khỉ đỏ là vậy). Nhiều con sưng lên bộng mủ ngồi không được. Khỉ hỏi ếch:

– Ếch ơi! Phân không đổi trống sao ếch đổi được, còn lũ tôi bị đuổi như con rắn độc, như con thú dữ.

– Thôi được, tôi sẽ đổi cho. Các người hãy lấy mủ nặn vào bầu, đưa ta đi đổi trống.

Nhờ nhanh miệng và khôn khéo, con ếch tinh ranh lần này không bị dân làng khỉ trừng phạt vì xúi bậy. Đi khỏi làng, ếch lấy mật ong đổ lên trên bầu rồi gùi xuống đồng bằng đổi trống về cho làng khỉ. Người miền xuôi mãi đến lúc dùng hết lớp mật ong mới hay đã bị ếch lừa nhưng không biết tìm ếch ở đâu để trừng phạt.

Sống ở đó ít lâu, ếch chán cái cảnh đã quen con mắt, liền tìm sang làng khác. Nó vào nhà một đôi vợ chồng khỉ nghèo, chỉ có hai con nhỏ. Ếch rủ khỉ cha sang bếp mình nói nhỏ:

– Bụng anh có ưng lúa nhiều kho, bắp nhiều gùi, có muốn có nhiều đốc, nhiều chiêng không?

– Muốn, muốn lắm. Mùa rồi được ít lúa, cái bếp ít lửa lạnh ngắt, cái nhà trống hoang. Ếch bày cách cho tôi với...

– Đi "rúc" mới có nhiều chiêng, đốc[1].

Ếch và khỉ mài mác cho bén, lấy ná, tên ra đi. Ếch dẫn khỉ cha chui trong bụi, trong lùm như con heo, con thú. Khi cái lưng đã mỏi, cái chân đã tê, quẩn quanh đêm ngày, khỉ cha quên đường, quên con nước của làng như người mù đi lạc.

Một đêm nọ, ếch dẫn khỉ đến một làng kia rình ngoài một nhà có ba con khỉ: một con khỉ mẹ và hai khỉ con. Nhà tối như hang sâu, mắt không nhìn rõ, ếch và khỉ xông vào định bắt. Khỉ mẹ nhận ra chồng và bạn ếch:

– Ơ, chúng ta như tay với chân, như cá với nước, sao lại muốn bắt, muốn đâm?

– Ôi, ta lại muốn chặt cái tay, chặt cái chân, đâm cái bụng mình hay sao!

Khỉ cha nhận ra mặt vợ và hai con khi bếp lửa được thổi hồng lên. Biết đã trúng kế mình, ếch nói:

– Trời tối quá, cái chân đi lạc, con mắt không thấy rõ nhưng đã lỡ rồi, phải cúng con ma ba mẹ con, cúng không ma sẽ bắt đau chết hết.

– Cúng trâu hay cúng heo?

– Cúng heo. Anh bắt con heo lớn nhà anh, tôi bắt con heo nhà tôi.

Ếch về nhà mình bắt chim bogơi làm thịt. Chim bogơi cũng kêu eng éc như heo. Ếch lại sang bếp khỉ làm giúp, con heo to lắm. Ếch vừa xẻo thịt, vừa nhanh tay nhét thịt xuống cái dát để dưới sàn nhà, nhà khỉ không ai biết cả. Nó lấy bót bốn dát như thế đem về.

---

1. *Rúc (rúp)*: tục bắt người đi đổi chiêng, đốc.

Ếch cúng trước, thịt để đầy sàn, khỉ hỏi:

– Heo của ếch kêu nhỏ như chim bogơi sao mà nhiều thịt vậy.

Ếch vờ say nói:

– Ta có phép hóa nhỏ thành lớn, hóa ít thành nhiều, hóa con bogơi thành con heo lớn!

Nhà ếch thịt nhiều nhưng ếch tham ăn nên hết sớm, còn nhà khỉ ăn ít, để dành nhiều bữa. Thấy nhà khỉ còn thịt, ếch rủ khỉ đi câu cá. Khỉ cha nói:

– Ếch ơi! Cá ăn mồi gì vậy?

– Cá thích ăn mồi thịt. Cứ lấy thịt heo làm mồi sẽ bắt được nhiều cá to. Bọn ta chỉ có một cái cần, một cái lưỡi câu. Bây giờ khỉ câu trước, tôi xuống suối bắt ốc. Sau đó đến lượt tôi câu, khỉ đi bắt ốc.

Khỉ lấy chỗ thịt còn lại đem làm mồi câu. Ếch lặn xuống gỡ mồi thịt ăn hết. Thấy lâu, khỉ kéo cần lên chỉ thấy còn lưỡi câu trơn. Đã bao lần buông câu, ông mặt trời lên đến đỉnh đầu mà chưa được một con cá nào, mồi trong dát đã cạn.

Một lần, thấy động, khỉ giật mạnh, ếch chưa kịp gỡ mồi bị xách theo cần treo lơ lửng trên suối:

– Câu cá sao lại đi câu người mò ốc? Hãy gỡ ta ra mau! Thôi để ta câu, khỉ xuống mò ốc đi!

Khỉ đi rồi, ếch ăn hết số thịt còn lại rồi bắt con cào cào, con sâu làm mồi câu được rất nhiều cá.

Thấy thế, khỉ hỏi:

– Sao tôi câu mồi thịt thơm, cá không ăn, anh câu con cào cào, con sâu, cá lại nhiều thế?

– Bữa nay bụng cá no thịt, miệng cá ớn thịt, chúng muốn ăn con cào cào, con sâu.

Vậy là nhà khỉ mất nốt số thịt vào bụng ếch.

Con chim trĩ đã đạp chân kêu "voò vâu, voò vâu"... trên ngọn cây cao. Nắng ấm đã dậy sưởi cho muông thú và cây rừng. Mùa phát rẫy đã đến.

Ếch và khỉ cùng phát rẫy giúp nhau. Ếch giúp khỉ phát một nương rẫy to. Khỉ giúp ếch phát miếng rẫy bằng của mình. Con ếch

tinh ranh lại tìm cách hại nhà khỉ. Ếch chọn rẫy có thân cây to, bộng lớn, có nước ăn sâu dưới đất, rẫy đã phơi nhiều con nắng, cây lá khô như củi, chờ ngày đốt để trồng tỉa.

Biết khỉ leo trèo giỏi, ếch thách đố:

– Khỉ ơi, rẫy của tôi to bằng rẫy của anh. Tôi vào rẫy tôi, anh đốt lửa lên. Anh vào rẫy anh, tôi đốt lửa lên. Ai leo trèo giỏi sẽ sống và lấy rẫy người bị lửa thiêu chết để trồng tỉa. Cái bụng anh có muốn thế không?

Khỉ nghĩ mình là loài leo trèo giỏi nhất rừng, có ngọn cây cao, cây thấp nào mà không chuyền được. Còn ếch nhảy chậm chạp dưới gốc cây, không sao tránh khỏi bị ngọn lửa nướng đi. Phen này, ếch có kêu trời cũng không có nước cứu được. Nghĩ thế khỉ gật đầu bằng lòng ngay.

Rẫy ếch đốt trước. Lửa ba bề bốn bên bắt cây lá khô cháy bùng lên ngợp trời, lửa reo như bắp nướng. Ếch chui vào bộng cây ăn sâu dưới nước kêu "oàm oạp, oàm oạp" để khỉ biết nó còn sống. Lửa ngùn ngụt phủ cả rẫy nhưng từ trong đám lửa vàng như lúa chín, ếch vẫn nằm kêu "oàm oạp, oàm oạp..." đều đều. Khỉ tưởng nó đã bị thiêu ra tro, nhưng lửa tàn, tro nguội, ếch nhảy ra trước hai con mắt mở to của khỉ.

Bây giờ đến lượt khỉ vào rẫy cho ếch đốt.

Ngọn lửa rẫy của khỉ bốc lên phủ kín. Khỉ thoăn thoắt vừa chuyền qua những cành cây vừa kêu "khẹc, khẹc..." cho ếch biết. Khi lửa liếm tới cành cây cao nhất, nóng quá, khỉ cháy trụi lông, rơi xuống chết thui. Trong rẫy khỉ vẫn còn tiếng lửa reo...

Ếch lôi xác khỉ đến máng nước, treo lên rồi về nhà báo cho mẹ con khỉ:

– Ôi, chồng của mày sốt run ngoài rẫy, mau ra đem nó về.

Mẹ con khỉ ra đến nơi, thấy khỉ cha chết cong queo như cây gỗ cháy. Mẹ con nhà khỉ biết ếch hại, liền kéo nó ra rẫy trả thù. Ếch kể lại chuyện thách đố nhau và kêu:

– Ôi, ôi! Tôi với nó thỏa thuận với nhau rồi, rẫy này là của tôi tất.

– Tai tao không muốn nghe miệng mày, bụng mày nhiều gai, chứa đầy thuốc độc. Tao sẽ giết mày lấy máu cúng ma cho chồng tao!

Khỉ bắt ếch bỏ vào bộng cây ở rẫy của nó rồi bịt kín lại. Khỉ mẹ dặn hai con:

– Các con ở lại giữ đừng cho nó ra, mẹ về lấy lửa đốt chết nó để cúng ma cho cha nhé!

Khỉ mẹ đi rồi, biết bọn trẻ thích ngọt, ếch thì thầm:

– Ơi các con, có muốn ăn mật ong bộng không nào?

– Có, có! – Khỉ con líu ríu trả lời.

Ếch lấy nước miếng dẻo quánh của mình cho chúng nhưng ít quá. Cái ngọt ở mãi trên môi, khỉ con chóp chép.

– Ơ các con! Hãy mở cửa hang, ta sẽ ra tìm nhiều mật, đựng nhiều bầu không hết, các con tha hồ ăn...

Nghe nói đến mật vàng ngọt, quên cả lời mẹ dặn, khỉ con mở nút cho ếch ra. Ếch liền túm lấy hai con khỉ con nhét vào bộng, nút kín lại rồi nhảy biến vào rừng.

Khỉ mẹ cầm đuốc lửa hừng hực chạy ra nhưng không thấy con đâu, nó kêu lớn: – Ới con ơi, về đây chất củi, về đây đốt lửa!

Nhưng mẹ khỉ chỉ nghe tiếng kêu trong bộng cây vọng ra:

– Mẹ, mẹ, cứu con! Cứu con!

Mẹ khỉ không tin cái miệng ếch ngọt như mật nhưng cái bụng đầy gai và thuốc độc, nó tưởng ếch giả tiếng con lừa mình. Mặc tiếng kêu cứu, khỉ chất củi quanh bộng đốt lên. Khỉ mẹ sung sướng khi lửa cháy to hơn, tiếng kêu cứu nhanh, to rồi yếu dần. Nhưng khi lôi trong bộng ra không phải ếch mà là hai đứa con yêu quý của mình, khỉ mẹ đau đớn khóc thương thảm thiết. Lúc ấy, con ếch tinh ranh độc ác lại hiện ra ở bìa rẫy. Khỉ giận dữ giơ dao rựa lên nói:

– Hỡi con ếch bụng đầy gai và thuốc độc kia! Tao thề sẽ lấy máu mi cúng ma cho chồng con tao!

Giọng ếch như châm chọc:

– Thôi đã lỡ chết rồi biết phải làm sao!

Nói xong, ếch nhảy biến vào rừng, tiếp tục sống cuộc đời lang thang không làng, không bếp, quấy phá họ hàng các loài thú.

CHẶT CÂY LUÔNG PLING

Thuở ấy, vùng núi Ngọc Linh còn âm u lắm. Người ít hơn vật, thú vật ít hơn cây rừng. Đi liền trong một tuần trăng không hề nghe tiếng hú gọi của người, cỏ rậm rạp, um tùm. Các suối khe, ghềnh thác cũng bị dây leo phủ kín. Mấy tầng cây chen chúc nhau che khuất mặt trời.

Người sống khổ sở, chui rúc, quờ quạng như những kẻ đui mù. Thú vật, côn trùng đụng chạm, cắn xé nhau, con nào cũng muốn vươn lên tìm một chút ánh sáng. Thế gian như sắp bước vào một đêm đen vĩnh viễn.

Ở một khe suối nọ, có một chàng kiến đen bé nhỏ, không chịu ở yên trong hốc cây mục tối tăm để nghe tiếng than khóc, rên rỉ của muôn loài. Chàng bèn leo lên ngọn cây Luông Pling cao ngất. Cây Luông Pling là cây cao nhất vùng người Xơ Đăng, người Kinh, người Chàm ở. Ngọn của nó cao chấm trời, thân nó to như trái núi lớn, lá, cành trùm kín núi Ngọc Linh. Kiến đen leo mãi mới tới được nửa chừng cây. Cuối cùng, lần mò mãi, kiến đen mới biết cây Luông Pling là đường dẫn đến trời. Từ trên cây Luông Pling cao chót vót kiến đen có thể nhìn thấy được tất cả thế gian. Kìa là đỉnh Ngọc Linh mây phủ. Ở dưới xa, con người và các loài vật đang chui rúc, quờ quạng, nhưng kiến đen không thấy rõ. Chàng nhìn qua kẽ lá thấy trời cao vời vợi, ngó xuống đất, thấy đất mịt mù. Chả lẽ cứ để loài chim đắm chìm trong cảnh tối tăm, kiến đen suy nghĩ mãi và cuối cùng chàng quyết định tập hợp muôn loài lại để hạ cây Luông Pling cho thế gian có ánh sáng. Thế là kiến đen bèn bò trở lại phía gốc cây. Nhờ một sợi dây tơ của chị nhện, kiến đen đu mình buông xuống.

Vừa tới đất, kiến đen gặp kiến chúa đang ngồi xổm dưới gốc cây Luông Pling ôm đầu suy nghĩ. Chòm râu lão bạc phơ, chân cẳng khẳng khiu, gầy guộc, chỉ có đôi mắt là đang nhấp nháy. Thấy kiến đen, kiến chúa vội vàng hỏi:

– Này anh chàng trẻ tuổi, đi đâu mà hớt hải thế? Anh chàng biết rằng họ hàng nhà ta và cả thế gian này sắp đến ngày tuyệt diệt rồi sao?

Kiến đen bèn đáp:

– Dạ thưa cụ, cháu nghĩ rằng trời ở xa lắm, ta kêu cũng không thấu đâu. Cây Luông Pling che khuất mặt trời rồi! Cháu nghĩ chỉ còn cách cùng nhau hợp sức chặt nó đi thôi! Cụ hãy nghĩ xem có cách gì giúp cháu.

Nghe kiến đen nói, kiến chúa cau mày nghĩ ngợi, rồi chống gối đứng dậy, bước đi bước lại dưới gốc cây Luông Pling. Cuối cùng kiến chúa bước về hang, đánh cồng lên vang động khắp cả núi rừng. Rừng núi đang buồn bã, tiêu điều bỗng náo nhiệt hẳn lên. Hổ báo gầm thét làm đá xô, núi lở. Khỉ rối rít gọi đàn. Con trăn dưới suối trở mình, con chim trên cành kêu hót. Họ hàng nhà kiến lũ lượt kéo về bọc kín dưới gốc cây Luông Pling dỏng tai nghe lời kiến chúa bàn việc chặt cây lớn Luông Pling.

Chàng kiến đen vô cùng sốt sắng. Chàng ta được kiến chúa phái đi tới chỗ ẩn náu của các loài vật ở những nơi hẻo lánh. Kiến đen đi vào các khe suối, ngọn nguồn, nơi trú ngụ của họ hàng nhà nòng nọc.

Rồi chàng tìm đến các buôn làng của họ hàng nhà ốc. Vốn tính lề mề, họ hàng nhà ốc dậy rất muộn. Đến giữa ngày rồi mà cả làng còn im ắng như thóc trong gùi. Kiến đen phải đi tới từng nhà, đánh thức từng chú ốc một. Cả làng ốc chưa hay biết chút gì về chuyện họ hàng kiến kêu gọi muôn loài đi chặt cây Luông Pling, bởi vậy kiến đen phải nói đến rát cổ, họ hàng nhà ốc mới hiểu việc.

Rời các làng ốc, kiến đen lại vạch rừng, rẽ lá tìm đến buôn làng của họ hàng nhà sóc. Sóc chúa cho kiến đen biết rằng cả làng sóc đã tập hợp nhau từ lâu đi cắn dây rừng cho ánh sáng lọt xuống mặt đất. Nhưng cắn được tầng này thì tầng khác lại phủ mất, ánh sáng của Giàng cũng chẳng lọt tới được. Cuối cùng sóc chúa hứa với kiến đen sẽ mang cả bầy đi góp sức chặt cây Luông Pling.

Trên đường về, kiến đen gặp chị chào mào. Họ hàng nhà chào mào vốn tính theo dòng mẹ. Chào mào cái đứng chủ làng, cứ kéo cả nay đây mai đó, hết ở núi nọ lại sang núi kia, gặp kiến đen, chào mào vồn vã hỏi:

– Chào anh bạn đẹp trai, đi đâu mà coi bộ vội vàng vậy? Trời đã sập xuống đầu đâu mà hớt hải thế! Nhởn nhơ ca hát như chúng mình đây cho thỏa chứ tội gì dầy đọa cái thân?

Kiến đen đáp sẵng giọng:

– Thôi đi, chẳng bao lâu nữa thế gian này sẽ vĩnh viễn chìm ngập trong bóng tối. Các chị hãy cùng chúng tôi đi chặt cây Luông Pling để cứu muôn loài. Trời đất sáng sủa rồi thì sẽ tha hồ mà ca hát!

Nghe kiến đen nói, chào mào thấy phải quá rồi nhưng vốn tính chỉ quen rong chơi mách lẻo, nghĩ đến cái cây Luông Pling to như trái núi, nghĩ đến vung rìu vác rựa nhễ nhại mồ hôi, chào mào thấy ngại ngùng. Chị chàng muốn chối từ nhưng chẳng tiện. Họ hàng nhà nòng nọc, nhà ốc kéo đi rồi, chả lẽ một họ lớn như họ chào mào mà lại thoái thác. Chào mào đang phân vân, bỗng nhìn cái đuôi đỏ chóe của mình và nghĩ ngay ra một kế. Nó ghé vào tai kiến đen nói nhỏ rằng, họ hàng nhà chào mào đang mắc bệnh, đành phải ở lại. Thế là, chỉ trừ họ hàng nhà chào mào đỏ đít bỏ cuộc, còn các loài lớn bé đều cùng họ hàng nhà kiến tụ họp nhau đi chặt cây Luông Pling. Họ hàng nhà kiến tự nhận phần việc khó khăn nhất là đốn gốc. Các chàng kiến trẻ đội ngũ chỉnh tề, khăn chít đầu rìu, khố đóng ngang thân, tay nắm chắc những cây rìu sáng loáng.

Họ hàng nhà nòng nọc tấp nập khiêng cơm, vác nước cho các nhóm thợ chặt cây. Lũ gà được giao việc báo hiệu giờ giấc...

Việc chặt cây đã kéo dài suốt mấy tháng trời. Cây Luông Pling đã đong đưa nghiêng ngả gần đứt. Mọi loài hồi hộp chờ đợi. Nhưng cây Luông Pling chỉ nghiêng mà không đổ. Nhiều loài vật chán nản bỏ về. Chỉ có họ hàng nhà kiến vẫn lầm lũi vung rìu, vung rựa, quên mọi nỗi nhọc nhằn.

Họ hàng nòng nọc đã trễ nải việc cơm nước. Nấu được ít cơm nào, chúng lại ăn cả, đi đun được ít nước nào chúng uống kiệt hết. Bụng họ nhà nòng nọc ngày một căng phồng ra, trong khi các chàng kiến cần cù thì bụng đói meo. Tuy vậy, họ hàng nhà kiến vẫn hăng hái làm việc. Đói, họ thắt khố cho chặt lại, thắt đến nỗi bụng họ tóp chỉ còn nhỏ xíu. Họ đốn, chặt suốt ngày đêm cho đến lúc cây Luông Pling đứt lìa khỏi gốc. Nhưng cây Luông Pling vẫn chưa chịu ngã. Nó lơ lửng như bị treo. Họ hàng nhà kiến bàn bạc mãi vẫn

chưa tìm ra cách nào làm cho cây đổ xuống. Mãi sau, họ hàng nhà sóc mới nảy ra một kế mới. Tất cả các chàng sóc trẻ, nhanh nhẹn trèo hết lên ngọn cây xem xét. Chúng thoăn thoắt leo lên các cành, các nhánh, ngó chỗ nọ, nhìn chỗ kia và đã thấy một điều rất lạ lùng là cây Luông Pling có một cái rễ mọc ngược nối với trời. Cái rễ khổng lồ này làm cái thang mà các loài ma quỷ thường lén lút đi lên trời. Và thần sét cũng thường cầm lưỡi búa thần hạ xuống trần gian bằng lối đó. Các chàng sóc được lệnh của sóc chúa là phải cắn đứt cái rễ khổng lồ đó. Chúng thay nhau cắn miệt mài, hết tháng này sang tháng khác, nhiều chú bị gãy mẻ cả hàm răng. Nhưng khi cái rễ cây Luông Pling sắp đứt thì trời biết. Trời bèn sai thần sét đưa bàn tay khổng lồ đầy móng sắc túm lấy lũ sóc. Nhưng các chàng sóc khôn ngoan giãy giụa luồn khỏi tay thần sét rồi cắn gặm tiếp cái rễ mọc ngược kia cho đến kỳ đứt mới thôi. Khi cái rễ kì lạ mọc ngược kia vừa bứt khỏi trời thì bỗng có một tiếng nổ dữ dội long trời lở núi. Cây Luông Pling ầm ầm đổ xuống. Gốc nó cắm sừng sững ở vùng người Tơ Đrạ thành một trái núi lớn. Những mảnh vụn của cây do rìu chặt bắn ra thành những mảnh đá rất cứng, người Tơ Đrạ chặt về đem rèn thành rìu, làm rựa[1]. Vùng người Mơ nâm là chỗ ngọn cây đổ xuống thì hái được bông cây. Họ đem bông này về kéo sợi, dệt váy, khố. Vùng người Xoteng thì thân cây ngã xuống, lâu ngày hóa ra từng dãy núi trùng trùng điệp điệp, gối chồng lên nhau. Những người lượm được vỏ cây thì đem về đập ra làm tấm khố dai bền.

Sau khi cây Luông Pling đổ, ánh sáng mặt trời chiếu rọi chan hòa khắp thế gian. Cỏ cây đâm hoa, kết trái, mùa màng tốt tươi, muôn loài vui sướng, nhảy múa ca hát. Họ nhà sóc họp nhau lại, lấy những bông Luông Pling đẹp gắn vào tai những chàng sóc trẻ dũng cảm, trên lưng mang những vết đỏ do móng tay thần sét cào phải. Bây giờ, con cháu của những chàng trai ấy là sóc hoa, loài sóc nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và gan dạ.

---

1. Đoạn này giải thích hiện tượng người Tơ Đrạ biết rèn, người Mơnăm biết dệt, người Xoteng chỉ giỏi chiến binh không biết làm gì. Ba nhóm người trên là gốc của dân tộc Xơđăng.

Muông thú họp nhau lại ca ngợi công lao của kiến và sóc. Những chàng kiến vừa nhảy múa vừa ca hát:

Mơ nâm xoong rang
Xê teng xoong rế
To drạ xoong lằng ling...

Nghĩa là: Người Mơ nâm được hoa Luông Pling mà dệt vải khố, người Xơ teng được vỏ cây và người Tơ drạ được mảnh cứng về rèn rựa, rèn rìu...

Những chị chào mào lười biếng chỉ dám ngó nghiêng bên nóc nhà rông rồi mắc cỡ bay đi. Riêng họ hàng nhà nòng nọc thì no quá, bụng cứ căng ra chẳng đi đâu được, suốt ngày cứ rúc đầu dưới các tảng đá phủ rêu, dỏng tai nghe tiếng chuông tiếng cồng của ngày hội.

MỤC LỤC

TINH TUYỂN VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Quyển 1)

Lời Nhà xuất bản 5
Lời giới thiệu 7
Cùng bạn đọc 9
Lời dẫn Văn học các dân tộc thiểu số 13
Khái quát về Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam 17

VĂN HỌC DÂN GIAN 32

I. Thành ngữ – Tục ngữ – Lời nói vần – Dân ca 32

1/ Thành ngữ, tục ngữ 32
Dân tộc Ba Na 32
Dân tộc Chăm 33
Dân tộc Dao 38
Dân tộc Ê Đê 42
Dân tộc Mạ 44
Dân tộc Mông 46
Dân tộc Tày 47
Dân tộc Thái 57
Dân tộc Vân Kiều 67
Dân tộc XRê 75

2/ Lời nói vần 76
Dân tộc Chăm 76
Dân tộc Dao 78
Dân tộc Giáy 81
Dân tộc Tày 82

3/ Các hình thức dân ca 87
a. Dân ca Nghi lễ Sinh hoạt 87
Dân tộc Mường 87
Ca Mo Via 88

Dân tộc Tày 94
Vĩnh Mồ côi 94
Vượt biển 100
Dân tộc Ê Đê 108
Bài ca lễ tết 108
Bài ca chọn chủ làng 109
Bài ca cầu mùa 109
Bài ca bắt ong 111
Bài ca kết nghĩa 112
Dân tộc Mạ 112
Bài ca phát rẫy 112
Dân tộc M'Nông 113
Hỏi lúa nên cây 113
Ta ước được no 114
Bài ca thần đất 115
Bài ca săn voi 116
Dân tộc Nùng 117
Sli mừng nhà mới 117
Sli sinh nhật 119
Sli thăm trẻ đầy tháng 121
Dân tộc Rơ Ngao 122
Gọi chim 122
Bài ca gieo hạt 122
Dân tộc Xê Đăng 123
Lễ ăn trâu 123
Dân tộc XRê 124
Bài ca gọi lúa 124
Chuyện đã xếp rồi 125
b. Dân ca giao duyên 125
Dân tộc Cao Lan (Sịnh Ca) 125
Bài hát gà gáy 126
Tẻnh sà ca (Hát ghẹo Cao Lan) 129
Dân tộc Dao 131
Hát tiễn đưa 135
Dân tộc Ê Đê 141
Dân tộc Dáy 143
Dân tộc Hơ Rê 150

Dân tộc Lô Lô 152
Đón khách *(trích)* *153*
Tỏ tình *(trích)* *155*
Dân tộc Mạ 159
Dân tộc Mông 161
Tiếng hát tình yêu 161
Dân tộc Mường 175
Thường đồn 181
Một số bài Bọ Mẹng xa lạ 182
Dân tộc Pu Péo 186
Dân tộc Tày 187
Lượn Cọi 188
Lượn Slương 203
Dân tộc Vân Kiều 222
Hát chào, hát tỏ tình, giao duyên 222
Dân tộc Xơ Rê 231
Dân tộc Xê Đăng 233

II. Truyện thơ 235
Dân tộc Chăm 235
Hoàng tử Um Rúp và cô gái chăn dê 235
Dân tộc Mường 252
Hủy Nga – Hai Mối 252
Út Lót – Hồ Liêu 262
Dân tộc Tày 270
Truyện Chim Sáo 270
Nam Kim – Thị Đan 278
Dân tộc Thái 282
Tiễn dặn người yêu 282

III. Trường ca – sử thi 319
Dân tộc Ba Na 319
H'Mon Đăm Noi 319
Dân tộc Ba Na KRiêm 363
Khan Hoamon Dyông Wiwin 363
Dân tộc Ê Đê 379
Đam San 379
Xing Nhã 402
Khinh Dú 430

Dân tộc Mường 445
Mo lên trời 445
Đẻ đất 477
IV. Thần thoại – truyền thuyết và truyện cổ tích 502
A. Sự tích muôn loài 502
Dân tộc Ba Na 502
Nguồn gốc các dân tộc 502
Gươm ông Tú 504
Dân tộc Bru – Vân Kiều 507
Vì sao người sống không còn thăm người chết được nữa 507
Dân tộc Cao Lan 510
Sự tích đèo Phật tử 510
Sự tích các núi Ba Vì và Tam Đảo 512
Sự tích con bọ hung 517
Sự tích bánh chưng cặp 519
Kiêng thịt chó 521
Vì sao phải gặt lúa 522
Dân tộc Chăm 524
Sự tích con bò thần Kapin 524
Dân tộc Cơ Tu 527
Sự tích hai đứa bé và cây xoài trên cung trăng 527
Dân tộc Dao 531
Người trong cung trăng và nguồn gốc loài người 531
Sự tích khỉ đỏ đít 533
Dân tộc Ê Đê 536
Sự tích Ia Nueng (Biển Hồ) 536
Sự tích hang Bang Adrên 539
Dân tộc Giáy 542
Nước ngập trời 542
Dân tộc Giẻ Triêng 544
Chim Bray–Moor 544
Dân tộc Hà Nhì 546
Sự tích mặt đất và muôn loài 546
Sự tích con người và chim Gò sóng 548
Dân tộc H'Rê 550
Đôi bạn H'Rê–Mơ–Nông 550
Sự tích Hồ nước làng Treng 552

Con cọp và quả bí 554
Dân tộc Kháng 556
Chàng Lú – Nàng Ủa 556
Dân tộc Khơ Mú 559
Truyện quả bầu 559
Tục cúng hồn lúa 561
Chàng Chương dũng cảm 562
Sự tích đàn Toóc Tơ Roong To 565
Truyện liên quan đến vật tổ 567
Dân tộc Tà Ôi 570
Họ Kê (con Sóc) 570
Họ Pa Tả (con mèo) 571
Họ Kra-ai (cối xay) 572
Dân tộc Mạ 574
Con Chung một mẹ 574
Sự tích bãi tiên 576
K'Đòng và Ka Ròng 579
Dân tộc Mảng 582
Sự tích nước lụt 582
Nguồn gốc các dân tộc 585
Tổ tiên người Mảng 587
Đất tổ người Mảng 588
Nguồn gốc tục xăm miệng 591
Dân tộc M'Nông 592
Chàng trăng 592
Vì sao thỏ, cọp ngày nay vừa đi vừa bới đất 594
Dân tộc Mường 595
Cây đa và cây lội 595
Sự tích con cóc 597
Sự tích cây Chu đồng 600
Sự tích mỏm núi Ả Còm 602
Dân tộc Mông 604
Kể chuyện trời đất 604
Truyện Xí Gi 611
Sự tích chiếc kèn môi 624
Cái trống và cây khèn 627
Bức tranh thêu 629

Dân tộc Phù Lá 632
Chuyện nước ngập trời 632
Sự tích người Phù Lá nói nhanh 635
Chuyện người Phù Lá mất chữ 636
Sự tích các loài thú bị câm, người biết chài lưới, săn bắn 637
Sự tích việc trồng lúa có vụ 639
Sự tích người ở nhà sàn, trâu đi cày và hay húc cây chuối 641
Sự tích cây đao không có quả 642
Sự tích vịt chân bẹt, mỏ bẹp 643
Sự tích người ngồi trên cung trăng 645
Dân tộc Tà Ôi 647
Nguồn gốc người Tà Ôi 647
Păn–Tor–Tu–Loi Păn–Cloong–Lờng (sao Hôm – sao Mai) 649
Dân tộc Tày 651
Pế Giả Mải 651
Báo Luông – Slao Cải 653
Dân tộc Xơ Đăng 665
Vũ trụ thuở khai sinh 665
Vì sao có nhật thực nguyệt thực 668
Dân tộc Vân Kiều 669
Nguồn gốc loài người 669
Sự tích con ve sầu 679

B. Truyện cổ tích thế sự 681
Dân tộc Ca Dong 681
Chàng Cóc 681
Dân tộc Chăm 690
Nha Rúi và Tầm Dang 690
Voi bảy ngà 696
Viên ngọc thần 706
Dân tộc Chăm H'Roi 709
Quả bầu kỳ lạ 709
Chàng Rít 713
Dân tộc Cor 722
Anh Bọt Thây 722
Dân tộc Chu Ru 728
H'Bia Phu xinh đẹp 728
Dân tộc Cơ Ho 731

Con thỏ đi chài cá 731
Con nai thần 735
Người con côi Nộp và vua Chăm 738
Dân tộc Dao 743
Người dì ghẻ độc ác 743
Rồng hút nước 747
Ba ba, hổ và Voi 751
Hổ ở rừng, tiếng vang ở vách đá 754
Gà và xoẹt xoành thưa kiện 758
Dân tộc Ê Đê 760
YTơLông giết Trăn tinh 760
Dân tộc Gia Rai 765
Di Ông lấy mặt trời 765
Chàng Lợn 767
Chàng Rắn 772
Bà Pôm và Y Rít 775
Dân tộc Dáy 777
Bảy chị em 777
Sợ ông Phàng Lầu 783
Chàng Rùa 786
Mưu E Chá 789
Dân tộc Hà Nhì 794
Chàng Cóc 794
Ba anh em khỏe 805
Dân tộc H'Rê 809
Chàng vượn và khỉ 809
Dân tộc KhơMe 814
Bốn người bạn kết nghĩa 814
Thỏ với ông bà già 816
Thỏ, hổ, Rái cá, ó và gà8 19
Thỏ với Hổ, Sói, Voi 825
Thỏ cứu cá 828
Dân tộc Khơ Mú 829
Chàng Chuối tìm vợ 829
Dân tộc Lô Lô 832
Vua ếch 832
Dân tộc Mạ 836

Lét và Le 836
Dân tộc Mường 842
Khóa-Nối-Pa-Mươi 842
Con rết vàng 849
Hang vàng, hang bạc 854
Nàng Ả Voi 858
Nàng Sao Ả Sáng 864
Chàng Khọ 869
Dân tộc Nùng 874
Kén rể 874
Tài Xì Phoòng 875
Dân tộc Pu péo 882
Inh và Ính 882
Dân tộc Phù Lá 889
Tìm con 889
Dân tộc RagLai8 92
Tiếng hát của người đá 892
Dân tộc Tày 896
Cẩu khây 896
Trên đỉnh Phia Mu 899
Tung Còn lấy được vợ tiên 904
Dân tộc Thái 907
Truyện chín con ếch và truyện cô chị cô em 907
Dân tộc Vân Kiều 936
Con nai vàng 936
Mưu ông cụ Si Ruộc 948
Dân tộc XRê 952
Cậu bé cứu dân 952
Dân tộc Xơ Đăng 954
Con ếch tinh ranh 954
Chặt cây Luông Plinh 966

TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

Tập 2

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc VI QUANG THỌ
Biên tập:
Phòng biên tập
NXB Khoa học Xã hội
Sửa bản in:
NHÓM TÁC GIẢ
Kỹ thuật vi tính
NGỌC HUỆ
Biên tập kỹ thuật - trình bày bìa:
VĂN ĐƯỢC - NGỌC ANH

In 1000 cuốn, khổ 16x24cm tại Xí nghiệp in FAHASA, đóng xén tại DN Ngôi Sao, Đt: 8640798. Giấy phép xuất bản số 1265/CXB ngày 28-10-2002. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2004.

TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

Bộ sách do các chủ biên dưới đây sưu tầm và biên soạn:

GS. TS. KIỀU THU HOẠCH (Tập 1)
Nhà thơ NÔNG QUỐC CHẤN (Tập 2)
PGS. TS. NGUYỄN ĐĂNG NA (Tập 3)
PGS. TS. TRẦN THỊ BĂNG THANH (Tập 4)
PGS. NGUYỄN THẠCH GIANG (Tập 5)
PGS. HOÀNG HỮU YÊN (Tập 6)
GS. NGUYỄN ĐĂNG MẠNH (Tập 7)
GS. TS. TRẦN ĐÌNH SỬ (Tập 8)

Giới thiệu

GS. Viện sĩ NGUYỄN DUY QUÝ
Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

Biên tập kỹ thuật - Tổ chức bản thảo

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC

Thực hiện

Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn - Fahasa